Digitized by Google

HECKMAN
BINDERY, INC
FT 016728 G 23 09
12/8/2005

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

06 2005
NT SERIALS

Digitized by Google

HUYỆN CẨM GIÀNG

Địa chỉ: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương * Điện thoại: 0320.786 452

Bí thư Huyện ủy: NGUYỄN MẠNH HIỂN

HUYỆN CẨM GIÀNG NẰM Ở TÂY BẮC TỈNH HẢI DƯƠNG, DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN 109,3Km² VỚI 17 XÃ, 2 THỊ TRẤN; DÂN SỐ 120.000 NGƯỜI. HUYỆN CẨM GIÀNG CÓ QUỐC LỘ 5A, VÀ ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI, HẢI PHÒNG CHẠY QUA. TRONG HUYỆN CÓ 17 DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG QUỐC GIA, NỔI BẬT LÀ VĂN MIẾU MAO ĐIỀN - TRƯỜNG HỌC, TRƯỜNG THI XỨ ĐÔNG XƯA VÀ CỤM DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠI DANH Y THIỀN SƯ TUỆ TĨNH, ĐỀN XƯA, ĐỀN BIA VÀ CHÙA GIÁM VỚI TÒA CỬU PHẨM LIÊN HOA. TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÓ 3 KHU CÔNG NGHIỆP (PHÚC ĐIỀN, TÂN TRƯỜNG, ĐẠI AN); 5 CỤM CÔNG NGHIỆP ĐÃ CÓ TRÊN 60 DOANH NGHIỆP ĐÃ VÀ ĐANG ĐI VÀO SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN. TIÊU BIỂU LÀ NHÀ MÁY Ô TÔ FORD, CÔNG TY NHÔM TUNGKUANG, CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN TAYA...

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2004

- Giá trị sản xuất trên địa bàn là 2.721,2 tỉ đồng, tăng 12,71% so với năm 2003. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp là 2.191,2 tỉ đồng; nông nghiệp thủy sản là 326,7 tỉ đồng, đạt 43 triệu đồng/ha/năm; dịch vụ là 203,3 tỉ đồng.
- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thủy sản - công nghiệp xây dựng - dịch vụ là 19,51%-67,86%- 12,63%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 11 triệu đồng/năm (trong đó huyện quản lý 4,3 triệu); số hộ giàu: 30%, hộ nghèo: 4,83%.
- Toàn huyện có 8 trường đạt chuẩn Quốc gia, 2 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, 31 thôn, khu dân cư đạt danh hiệu làng, khu dân cư văn hóa.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2005

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 12-13% (trong đó nông nghiệp, thủy sản 4,8-4,9%; công nghiệp xây dựng 16-17%; dịch vụ 15,5-16%).
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người/năm là 13 triệu đồng (trong đó huyện quản lý 5 triệu đồng).
- 32% hộ giàu, hộ nghèo còn dưới 4,5%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT đạt 70% trở lên.
- Xây dựng Đảng, chính quyền đoàn thể vững mạnh, phấn đấu có từ 70% trở lên tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể đạt trong sạch vững mạnh.

Văn miếu Mao Điền

Digitized by Google

THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16
SỐ 730
7
4-2005

• BỘ BIÊN TẬP :
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :
http://www.tapchicongsan.org.vn

• Tổng Biên tập :
LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Kỷ niệm 30 năm giải phóng Buôn Ma Thuột (1975 - 2005)
Ảnh: Trọng Đức

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản 3

HUỲNH VĂN BE - Phát huy tinh thần Đồng khởi, Bến Tre đổi mới công tác xây dựng Đảng để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển 7

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (30-4-1975 - 30-4-2005)

LÊ VĂN DŨNG - Phát huy sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 11

LÊ HỮU NGHĨA - Đại thắng mùa xuân năm 1975 - thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay 14

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC - Đại thắng mùa xuân 1975 - thành quả của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc 20

PHAN NGỌC LIÊN - Giáo dục tư tưởng, tình cảm cách mạng cho thế hệ trẻ qua học tập, nghiên cứu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 25

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN MINH HIỂN - Giáo dục trong đối thoại giữa các nền văn hóa, văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững 30

NHỊ LÊ - Nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn nhằm phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội 34

LÊ XUÂN ĐÌNH - Phát triển bền vững là một bảo đảm của định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở Việt Nam 40

HẢI NINH - Công tác lý luận - phê bình và sáng tác điện ảnh hôm nay 45

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN SINH CÚC - Xuất khẩu gạo, một thành tựu nổi bật của nước ta 50

PHẠM CHÁNH TRỰC - Phát triển Khu Công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề đặt ra 55

DOÃN ĐÌNH HUỀ - Thủy Nguyên chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 59

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

PHƯƠNG NHUNG - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào - chặng đường nửa thế kỷ đấu tranh và thắng lợi vẻ vang 64

NGUYỄN LỘC - Luật pháp quốc tế với bốn thập kỷ đấu tranh chống phân biệt chủng tộc 68

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Усиление надзорной роли Национального собрания и борьба с потерями в инвестировании в капитальное строительство • ХУИНЬ ВАН БЕ: Развивая дух Всеобщего восстания во время войны Сопротивления с американскими агрессорами, провинция Бенче обновляет работу по строительству Партии в целях форсирования социально-экономического развития. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Великая победа весной 1975 г. – победа выбранного пути – поднятия знамени во имя национальной независимости и социализма и её значение для дела обновления на данном этапе. • НГУЕН ВАН ДЫОК: Великая победа весной 1975 г. – успех силы широкого национального сплочения. • НГУЕН МИНЬ ХИЕН: Образование в условиях диалогов между культурами, цивилизациями ради мира и устойчивого развития. • ЛЕ СУАН ДИНЬ: Устойчивое развитие есть одна гарантия социалистической ориентации в рыночной экономике во Вьетнаме. • ФАМ ТЯНЬ ЧЫК: Развитие высокотехнологической промышленной зоны в городе Хошимин и поставленные вопросы. • ФЫОНГ НЬЮНГ: Народно-революционная партия Лаоса – её полувековой перегон борьбы и славной победы. • НГУЕН ЛОК: Международное право и четыре десятилетия борьбы против расизма.

CONTENTS

• TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Increasing supervision role of the National Assembly to struggle against losses in capital construction investments. • HUỲNH VĂN BE: Promoting the spirit of Đồng Khởi, Bến Tre province renovates the matter of Party building to push up socio-economic development. • LÊ HỮU NGHĨA: The Great Victory in Spring of 1975 – a victory of the line of enhancing the flag of national independence and socialism and its significance for the present - day renovation cause. • NGUYỄN VĂN ĐƯỢC: The Great Victory in Spring of 1975 – achievement of the forces of great national solidarity. • NGUYỄN MINH HIỂN: Education in dialogues between cultures, civilisations for peace and sustainable development. • LÊ XUÂN ĐÌNH: Sustainable development is a guaranty of socialist orientation of market economy in Vietnam. • PHẠM CHÁNH TRỰC: Developing the High-Tech Zone in Hồ Chí Minh City and the put – forward problem. • PHƯƠNG NHUNG :The Laos People's Revolution Party – a half-century stage of struggles and glorious victories. • NGUYỄN LỘC: International laws and 4 decades of struggle against racial discrimination.

SOMMAIRE

• TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC : Renforcer le rôle d'inspection de l'Assemblée nationale dans la lutte contre les pertes dans l'investissement des constructions de bases. • HUỲNH VĂN BE: Valoriser l'esprit de Đồng Khởi, Bến Tre dans le renouveau du travail d'édification du Parti, afin de renforcer la croissance socio-économique. • LÊ HỮU NGHĨA : La Grande Victoire d'Automne 1975 – victoire de la ligne de lever l'étendard de l'indépendance nationale et du socialisme et sa signification sur l'œuvre de renouveau à l'heure actuelle. • NGUYỄN VĂN ĐƯỢC : La Grand Victoire d'Automne 1975 – réalisation de la force de la grande union nationale. • NGUYỄN MINH HIỂN : L'éducation dans le dialogue des cultures et civilisations, pour la paix et le développement solide. • LÊ XUÂN ĐÌNH : Le développement solide constitue une garantie de l'orientation socialiste pour l'économie de marché au Vietnam. • PHẠM CHÁNH TRỰC : Le développement de la zone industrielle de haute technologie à Hồ Chí Minh-ville et ses questions posées. • PHƯƠNG NHUNG : Le Parti du Peuple révolutionnaire du Laos – processus de demi-siècle de la lutte et des victoires glorieuses. • NGUYỄN LỘC: La loi internationale et les quarante ans de lutte contre le racisme.

SUMARIO

• TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Aumentar el rol de supervisión de la Asamblea Nacional y combatir las pérdidas en la inversión de construcción básica. • HUỲNH VĂN BE: Poniendo en juego el espíritu de levantamiento simultáneo, la provincia de Bến Tre renova la construcción partidista a fin de impulsar el desarrollo socioeconómico. • LÊ HỮU NGHĨA: La gran victoria de la primavera de1975 – éxisto de linea de mantener en alto las dos banderas de independencia nacional y del socialismo, y su significación para la actual renovación. • NGUYỄN VĂN ĐƯỢC: La gran victoria de la primavera de 1975 – fruto de fuerza de gran unidad nacional. • NGUYỄN MINH HIỂN: La educación en el diálogo entre las culturas y civilizaciones por paz y desarrollo estable. • LÊ XUÂN ĐÌNH: El estable desarrollo constituye una seguridad de la orientación socialista de economia de mercado de Viêt Nam. • PHẠM CHÁNH TRỰC: El desarrollo de zonas de tecnología avanzada en Ciudad Hồ Chí Minh y los problemas surgidos. • PHƯƠNG NHUNG: El Partido Popular Revolucionario Lao – trayectoria de medio siglo de lucha y victoria gloriosa. • NGUYỄN LỘC: La ley internacional con cuatro siglos de lucha contra la discriminación racial.

目录

• 张光得：增强国会在基础建设投资领域中反资金流失的监察作用 • 黄文贝：发挥同起、顺知精神，革新建党工作，推动经济社会发展 • 黎友义：1975年春天大捷——高举民族独立和社会主义旗帜路线的胜利及其对目前革新事业的意义 • 阮文得：1975年春天大捷——民族大团结力量的成果 • 阮明显：为了和平和稳固发展各文化、文明之间的对话及教育在其中所起的作用 • 黎春亭：稳固发展是越南社会主义定向市场经济的保证 • 范正直：胡志明市发展高科技区及所面临的问题 • 方戎：老挝人民革命党——半个世纪的斗争历程及其辉煌的胜利 • 阮林：国际法律与四个世纪以来的反种族歧视斗争。

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, CHỐNG THẤT THOÁT TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *

CĂN cứ vào Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình giám sát năm 2004, ngày 18-6-2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 713/NQ-UBTVQH 11 về thành lập Đoàn giám sát "Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư theo ngành và vùng lãnh thổ trong cả nước, kết quả khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tình hình nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, hiệu quả thấp và chống thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản".

Phạm vi giám sát của Đoàn gồm: Công tác đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn nhà nước (vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước và vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) từ năm 2001 đến nay, trong đó tập trung giám sát những hạn chế, yếu kém đang là những vấn đề bức xúc trong đầu tư xây dựng cơ bản được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, cử tri cả nước và dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

Trên cơ sở các báo cáo của Chính phủ và của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các địa phương, nhất là qua kết quả khảo sát thực tế, Đoàn giám sát đã đánh giá và nhấn mạnh một số kết quả cơ bản sau đây:

Thứ nhất, đầu tư xây dựng cơ bản đã góp phần phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước trong thời gian qua đã tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kinh tế - xã hội ở các vùng, ngành trong cả nước; quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn và nông nghiệp, các vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kinh tế - xã hội ngày càng được phát triển, hoàn thiện làm thay đổi diện mạo của nhiều địa phương trong cả nước, một số đô thị mới ra đời; nhiều khu công nghiệp được hình thành; nhiều sân bay, bến cảng được hiện đại hóa; giao thông đường bộ (quốc lộ, tỉnh lộ) phát triển mạnh; giao thông nông thôn được cải thiện; vận tải đường sắt được nâng cấp; bệnh viện, trạm y tế đạt tiêu chuẩn cao hơn; các trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề, các trường trung học phổ thông được xây dựng khang trang hơn; các trường trung học cơ sở, tiểu học ở các vùng, kể cả các vùng khó khăn đang nhanh chóng được kiên cố hóa...

Tốc độ và quy mô tăng đầu tư xây dựng cơ bản đã góp phần quan trọng vào tốc độ tăng

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

GDP hằng năm, tăng cường tiềm lực nền kinh tế, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Thứ hai, đầu tư xây dựng cơ bản đã góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng đáng kể năng lực sản xuất mới.

Trong những năm qua, công tác xây dựng cơ bản đã tập trung vào những mục tiêu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính - viễn thông, nông nghiệp, nông thôn, khoa học và giáo dục - đào tạo, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng; tăng dần và cơ cấu lại ngành dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản. Trong từng ngành cũng tiếp tục có sự chuyển dịch về cơ cấu. Nhiều dự án, công trình hoàn thành đi vào sử dụng đã tăng thêm năng lực sản xuất cho nền kinh tế. Dầu khí, điện lực, bưu chính viễn thông... đã trở thành những ngành công nghiệp, dịch vụ mũi nhọn của đất nước.

Thứ ba, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Nhà nước thực sự có vai trò chủ đạo, dẫn dắt, thu hút và làm cho các nguồn vốn của xã hội được huy động cho đầu tư phát triển không ngừng tăng nhanh hằng năm và ngày càng đa dạng.

Tỷ trọng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước ngày càng tăng. Mặc dù ngân sách còn hạn hẹp, nhưng Đảng và Nhà nước vẫn dành một phần ngân sách đáng kể cho đầu tư phát triển, trong đó phần lớn cho đầu tư xây dựng cơ bản. Trong 3 năm (2001 - 2003), nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước nói chung, vốn đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng (bao gồm nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau như: vốn ngân sách, vốn tín dụng đầu tư Nhà nước, vốn doanh nghiệp nhà nước...) luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tăng lên qua các năm. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, tạo môi trường để thu hút mạnh các nguồn vốn khác. Trong khi vốn đầu tư của Nhà nước tiếp tục là nguồn chủ lực chiếm 54,9%, thì các nguồn vốn khác đã tăng nhanh, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 17,4%; vốn dân cư và tư nhân chiếm 25,7%; vốn huy động khác chiếm 2%. Tính chung nguồn lực trong xã hội dành cho đầu tư phát triển, đặc biệt từ năm 2001 đến nay tăng khá.

Thứ tư, quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản có một số mặt tiến bộ hơn những năm trước.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy chế về quản lý đầu tư, xây dựng, đấu thầu đã tạo khung pháp lý hoàn thiện hơn về đầu tư xây dựng cơ bản. Công tác chỉ đạo, điều hành, lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch được quan tâm. Cơ chế quản lý đầu tư được cải tiến một bước theo hướng tăng cường phân công, phân cấp cho các bộ, ngành và địa phương. Tính công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý trong việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo Luật Ngân sách nhà nước mới đã được quan tâm hơn.

Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng của Chính phủ, công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với đầu tư xây dựng cơ bản bước đầu phát huy hiệu quả trong việc phát hiện yếu kém, tiêu cực trong quản lý và thực hiện các dự án, công trình, góp phần hạn chế và khắc phục những vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

Với những kết quả đạt được, Đoàn giám sát đã đề nghị Quốc hội ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương và các doanh nghiệp trong cả nước trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng cơ bản còn nhiều hạn chế, yếu kém, làm ảnh hưởng tới sự phát triển nhanh, có chất lượng và bền vững của nền kinh tế, xã hội. Qua

Digitized by Google

ý kiến của cử tri trong cả nước, qua làm việc với các bộ, ngành, địa phương và qua giám sát thực tế cho thấy vẫn còn hạn chế, yếu kém chủ yếu trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Qua kết quả cụ thể mà Quốc hội đã thanh tra cho thấy: Quy hoạch phát triển nhiều ngành chất lượng chưa cao hoặc chậm được phê duyệt. Chưa gắn kết chặt chẽ quy hoạch phát triển ngành với vùng và địa phương. Quy hoạch chưa sát với thực tế, chồng chéo, thiếu tầm nhìn dài hạn, chưa chú trọng thỏa đáng đến yếu tố môi trường và xã hội.

Một số vấn đề khác cũng rất đáng quan tâm như:

Một là, số dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách nhà nước tăng lên qua các năm, không tương xứng với tốc độ tăng của vốn đầu tư. Nhiều dự án, công trình được phê duyệt không dựa vào khả năng cân đối nguồn vốn, hay chưa đủ thủ tục cũng được ghi vốn. Việc triển khai thực hiện dự án, công trình kéo dài, không theo kế hoạch, khối lượng đầu tư dở dang nhiều.

Hai là, tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư xây dựng cơ bản diễn ra trong các dự án đầu tư thuộc các nguồn vốn, ở các ngành, các địa phương và trong tất cả các giai đoạn của quá trình đầu tư, thậm chí một số dự án, công trình bị thất thoát lớn do tham nhũng, vụ việc phải khởi tố hình sự; cán bộ quản lý bị xử lý kỷ luật, truy tố trước pháp luật.

Ba là, số nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nhà nước ở mức cao, kéo dài, vẫn tiếp diễn và có xu hướng tăng, dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công ăn việc làm, đời sống của người lao động. Qua báo cáo của các bộ, ngành và địa phương cho thấy, các báo cáo chưa phản ánh đầy đủ số nợ tồn đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tình hình này sẽ rất khó khăn cho việc tổng hợp, phân loại và xử lý các khoản nợ, nhất là các khoản nợ giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

Bốn là, hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản thấp thể hiện cả ở tầm vĩ mô của nền kinh tế và ở tầm vi mô của từng dự án, công trình, hạng mục công trình thuộc các bộ, ngành, địa phương.

Những hạn chế, yếu kém trong đầu tư xây dựng cơ bản có nguyên nhân khách quan là đất nước ta sau 30 năm kết thúc chiến tranh vẫn còn là một nước đang phát triển ở trình độ thấp. Trong khi đó nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở tất cả các ngành, các lĩnh vực và các địa phương rất lớn. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đặt ra những yêu cầu và thách thức lớn, trong khi khả năng và các nguồn lực của đất nước còn rất hạn chế.

Tuy nhiên, không nên quá nhấn mạnh nguyên nhân khách quan, mà cần thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, yếu kém do chủ quan, của con người gây ra; cần nhấn mạnh một số nguyên nhân chủ yếu: nguyên nhân trực tiếp và trước tiên là ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương, phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực của cán bộ còn hạn chế; công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản còn non kém, thiếu khoa học. Về công tác quy hoạch, kế hoạch và quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản chưa tốt. Về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật sâu sắc, chưa thường xuyên, liên tục, số lượng dự án, công trình được kiểm tra, thanh tra, kiểm toán so với tổng số còn rất ít. Việc xử lý vi phạm thiếu kiên quyết và nghiêm minh. Cơ chế phân công, phân cấp, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản còn bất cập, chồng chéo, chưa rõ ràng. Các cơ chế, chính sách về tài chính, đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng chưa thống nhất, thiếu sự ổn định. Đáng chú ý là quan điểm đầu tư phát triển của Đảng và Nhà nước là chú trọng đầu tư cho các vùng kinh tế trọng điểm, tạo tăng trưởng nhanh, đồng thời đầu tư hợp lý phát triển kinh

Digitized by Google

tế - xã hội các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Nhưng việc coi trọng phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội môi trường và an ninh - quốc phòng chưa quán triệt thông suốt, đầy đủ. Việc xử lý cụ thể trong thực tiễn về đầu tư xây dựng cơ bản ở không ít địa phương còn mang tính cục bộ, chưa phù hợp với đòi hỏi tất yếu, hợp lý của cơ chế thị trường. Việc lồng ghép các trương trình mục tiêu chưa chặt chẽ, còn chồng chéo, hiệu quả không cao. Hệ thống văn bản pháp luật chưa đầy đủ, đồng bộ, tính pháp lý chưa cao, thiếu cụ thể, thiếu những chế tài cần thiết. Một số văn bản pháp luật không còn phù hợp thực tế, chậm được sửa đổi, hoặc thường xuyên phải thay đổi. Hiệu lực và hiệu quả thực thi pháp luật rất yếu; vẫn có nhiều cá nhân coi thường và vi phạm pháp luật không được xử lý nghiêm và kịp thời. Trong thời gian gần đây, các hạn chế nêu trên đã được các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương đều nhận thấy rõ và có quyết tâm rất cao, tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

Từ thực trạng, nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng cơ bản và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đã nêu ở trên, Đoàn giám sát xin kiến nghị với Quốc hội yêu cầu Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu dưới đây để lập lại trật tự, kỷ cương trong đầu tư xây dựng cơ bản:

1. Áp dụng cơ chế, giải pháp mạnh trong quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong từng khâu như chủ đầu tư, chủ dự án, tư vấn, thiết kế, nhà thầu, thẩm định, nghiệm thu thanh toán, quyết toán.

2. Nâng cao chất lượng, tầm nhìn dài hạn, tính đồng bộ, tính pháp lý trong công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản. Rà soát lại toàn bộ quy hoạch bao gồm quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu để điều chỉnh. Bổ sung quy hoạch, gắn với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trên cơ sở đó loại bỏ những quy hoạch có tính khả thi thấp.

3. Duy trì thường xuyên, đủ về diện, sâu về nghiệp vụ và nâng cao chất lượng các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát; tập trung làm rõ sai phạm, quy rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm minh, triệt để những khâu yếu kém và có nhiều dư luận xã hội trong quá trình đầu tư. Kiên quyết thay thế các cán bộ, công chức, nhân viên thiếu năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà trong các lĩnh vực công tác có liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng cơ bản.

4. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới cơ chế, chính sách, đầu tư xây dựng cơ bản, làm sao sử dụng có hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí.

5. Tập trung cải cách hành chính trong đầu tư xây dựng cơ bản, chọn khâu làm trước, khâu làm sau, phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm, phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nhà nước là vấn đề lớn và cũng rất phức tạp. Đánh giá đúng thực chất công tác này đòi hỏi phải kết hợp nhiều biện pháp, bằng nhiều hình thức, đi sâu vào từng dự án, công trình cụ thể. Mặt khác, do hạn chế về thời gian; do không ít bộ, ngành và địa phương chưa nhận thức đầy đủ tính cấp bách, nghiêm trọng về những yếu kém, tiêu cực trong quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản nhà nước. Vì vậy, việc triển khai và kết quả giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản cũng chỉ là bước đầu, cần tiếp tục triển khai giám sát sâu hơn theo chuyên đề gắn với kế hoạch chung thanh tra, kiểm tra để khắc phục mọi sai phạm, thiếu sót trong thời gian tới đưa đất nước tiến lên, thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY TINH THẦN ĐỒNG KHỞI, BẾN TRE ĐỔI MỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG ĐỂ THÚC ĐẨY KINH TẾ - XÃ HỘI PHÁT TRIỂN

HUỲNH VĂN BE *

BẾN Tre là một tỉnh cuối nguồn sông Cửu Long, được hình thành bởi: cù lao Bảo, cù lao Minh và cù lao An Hóa, do phù sa của các con sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên và sông Ba Lai bồi đắp. Nhân dân Bến Tre có truyền thống đoàn kết, yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo trong lao động và đấu tranh giữ nước. Truyền thống đó được phát huy mạnh mẽ khi có Đảng Cộng sản ra đời và lãnh đạo cách mạng. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã vận dụng sáng tạo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương làm nên cuộc Đồng khởi thần kỳ (17-1-1960) mở màn cho cuộc đấu tranh vũ trang, mở đầu cho cuộc tiến công và nổi dậy lần thứ nhất ở miền Nam, đưa tới cuộc khủng hoảng triền miên của chính quyền Mỹ - Diệm. Rõ ràng, phong trào Đồng khởi ở Bến Tre đã đi vào lịch sử như một trong những ngọn cờ đầu của cách mạng miền Nam. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã mở ra thời kỳ cách mạng mới cho toàn miền Nam, từ thế phòng ngự, giữ gìn lực lượng chuyển sang thế liên tiếp tiến công địch giành thắng lợi và đã sản sinh ra đội quân "tóc dài" nổi tiếng; đã hình thành và phát triển nghệ thuật tiến công một cách độc đáo của nhân dân miền Nam. Đó là nghệ thuật đấu tranh kết hợp hai chân (vũ trang và chính trị), ba mũi (vũ trang, chính trị, binh vận). Sau thắng lợi của Đồng khởi, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre tiếp tục xông lên, kiên cường bám đất, xây dựng thế trận lòng dân, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân cùng toàn miền Nam đánh bại các chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ", và "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, bằng chính sức mình, Bến Tre đã chớp thời cơ phát động nhân dân nổi dậy giải phóng quê hương, góp phần làm nên Đại thắng mùa xuân 1975 lịch sử, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng khởi đã để lại cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre nhiều bài học quý báu. Đó là: trong mọi điều kiện, tình huống đều phải quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để đủ sức lãnh đạo phong trào quần chúng. Làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng "thế trận lòng dân", bám dân, gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân. Trong thực hiện nghị quyết của Đảng phải hết sức linh hoạt, sáng tạo, xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương...

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần "Đồng khởi mới", ý chí tự lực,

* Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre

Digitized by Google

tự cường, vượt qua mọi khó khăn thách thức, hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước khôi phục kinh tế, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, ổn định tình hình chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

Là tỉnh cù lao, có địa hình cách trở, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, điểm xuất phát đi lên thấp, muốn sánh vai cùng bè bạn trên con đường phát triển Bến Tre phải khai thác được tối đa các nguồn lực, trong đó nội lực là chủ yếu, ngoại lực là quan trọng. Để huy động sức mạnh tổng hợp đó, từ những bài học và những giá trị kinh nghiệm lịch sử được đúc kết từ Đồng khởi, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phát động cuộc "Đồng khởi mới" trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhất là từ năm 2000 đến nay, cuộc "Đồng khởi mới" được đẩy mạnh với mục tiêu tăng cường công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhằm lãnh đạo, thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Với tinh thần đó, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác xây dựng Đảng, như Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 5, kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) và lãnh đạo việc học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ. Những nhiệm vụ đó bước đầu đạt kết quả quan trọng. Tỉnh ủy đã xây dựng đề án sắp xếp bộ máy tổ chức trong hệ thống chính trị, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ làm việc ở các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể. Sắp xếp lại tổ chức, bố trí lại nhân sự, nhằm tinh gọn biên chế, tổ chức, từng bước phát huy và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và điều hành nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Các cấp ủy đã thực hiện xong việc quy hoạch cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010. Các chức danh bí thư, phó bí thư, ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân từ tỉnh đến cơ sở và trưởng, phó ban, ngành cấp tỉnh, mỗi chức danh cớ từ 1 - 3 cán bộ kế cận và dự bị (một chức danh quy hoạch nhiều đồng chí và một đồng chí quy hoạch nhiều chức danh theo mỗi phương án khác nhau). Thực hiện xong quy hoạch cán bộ A2 chuẩn bị cho nhiệm kỳ 2006 - 2010. Trên cơ sở quy hoạch, trong 3 năm qua đã đào tạo, bồi dưỡng trên 30.000 lượt cán bộ, trong đó có gần 3.000 đồng chí từ trung cấp lý luận chính trị trở lên; chuyên môn nghiệp vụ là 4.500 đồng chí, có trên 100 đồng chí sau đại học. Bên cạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, tạo điều kiện cho cán bộ thâm nhập thực tế, rèn luyện, nâng cao năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn ở các lĩnh vực, địa bàn công tác khác nhau. Đã điều động, luân chuyển 180 đồng chí, trong đó luân chuyển 80 đồng chí. Có 3 đồng chí được điều lên trung ương; 13 đồng chí từ tỉnh về huyện, thị, còn lại là từ huyện, thị, về xã, phường, thị trấn. Tỉnh đã có chính sách thu hút nhân tài và đã có nhiều cán bộ đại học, trên đại học về tỉnh công tác tạo được lớp cán bộ trẻ kế thừa, có năng lực. Nhìn chung, số cán bộ được đào tạo và luân chuyển đều phát huy tác dụng tốt, góp phần tích cực làm chuyển biến tình hình địa phương về mọi mặt và được tập thể cán bộ, đảng viên, nhân dân tín nhiệm.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), trên cơ sở tiếp tục thực hiện Đề án 1310, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn, củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Qua đó năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi, đảng bộ và hệ thống chính trị ở cơ sở được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các tổ chức cơ sở đảng đều khẳng định được vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị, số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng tăng. Năm 2002, cơ sở

Digitized by Google

đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 67,18%, yếu kém giảm từ 5,46% còn 2,1%. Qua sơ bộ đánh giá của các đảng bộ đến cuối năm 2004 số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt trên 74% (vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra), trong đó có trên 50% cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nhiều năm liền. Chất lượng đảng viên ngày càng được nâng lên. Năm 2003, đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm trên 97%, trong đó trên 30% đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2004 tỷ lệ này là 98,1% và 35%. Trong 4 năm qua tỉnh đã kết nạp 5.795 đảng viên.

Kết quả của công tác xây dựng Đảng ở Bến Tre thời gian qua đã tạo tiền đề cơ bản để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, năng lực lãnh đạo toàn diện của từng tổ chức cơ sở đảng, mỗi đảng bộ có bước chuyển biến và thể hiện rõ. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội VII Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy kịp thời ra các nghị quyết chuyên đề mang tính đột phá và chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, đã tập trung lãnh đạo làm bật dậy hai thế mạnh kinh tế của tỉnh là thủy, hải sản và kinh tế vườn. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp các giai đoạn 1996 - 2000, 2000 - 2005 và 2005 - 2010 theo tinh thần Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy (khóa VII). Về thủy sản đã có sự đột phá phát triển nhanh cả 3 vùng: mặn, lợ, ngọt. Tỷ trọng thủy sản trong khu vực I tăng từ 36,2% năm 2000 lên 37,5% năm 2002, 38% năm 2003 và năm 2004 là 40%. Diện tích nuôi đạt 42.371 ha, tăng 12,5% so với năm 2003. Trong đó, nuôi tôm sú công nghiệp vùng mặn là 5.328 ha, tăng 3.600 ha so với năm 2003. Các mô hình nuôi tôm càng xanh, nuôi cá rô, cá phi dòng Gift, cá da trơn phát triển nhanh. Sản lượng nuôi đạt 72.464 tấn, tăng 9,6% so với năm 2003, trong đó tôm nuôi đạt 20.744 tấn, tăng 5,4%. Sản lượng đánh bắt tăng 8,4%. Đã hình thành các mô hình tổ hợp tác nuôi tôm công nghiệp, bước đầu đạt hiệu quả cao.

Trong kinh tế vườn, phong trào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa khá nhanh và đúng hướng, nâng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích sản xuất từ 3 đến 10 lần (từ 10 triệu lên 100 triệu/ha). Đến nay, diện tích cây ăn trái đạt 40.500 ha, sản lượng gần 380 ngàn tấn. Hình thành một số mô hình trồng xen, nuôi xen đạt hiệu quả kinh tế cao như: dừa - cam, dừa - ca cao, dừa - măng cụt và kết hợp nuôi tôm càng xanh. Diện tích vườn dừa ổn định khoảng 36.000 ha, sản lượng 210 triệu trái/năm. Diện tích trồng mía ổn định 11.000 ha, trong đó 50% diện tích mía giống mới, năng suất cao.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng tập trung lãnh đạo phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dựa vào thế mạnh về nguồn nguyên liệu là thủy sản và cây dừa. Đầu tư nâng cấp 2 công ty đông lạnh thủy sản xuất khẩu 22 và 84, nâng công suất từ 6.000 lên 12.000 tấn/năm; hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy chế biến thủy sản Ba Lai với công nghệ hiện đại, sản lượng 6.000 tấn/năm, nhà máy chế biến thủy sản An Hóa 3.000 tấn/năm (vốn tư nhân) và 2 nhà máy bột cá ở Ba Tri, Bình Đại. Nhờ đó đã nâng cao năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu từ 5.400 tấn (năm 2002) lên trên 10.000 tấn (năm 2004). Công nghệ chế biến dừa cũng được đầu tư phát triển mạnh. Tỉnh đã xây mới 2 nhà máy chế biến dừa 100% vốn nước ngoài và liên doanh. Ngoài ra còn có trên 500 cơ sở, làng nghề chế biến thủ công, giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động. Qua đó, đã thúc đẩy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá cao năm 2004 giá trị đạt gần 1.800 tỉ đồng, tăng 18% so với năm 2003; trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng hơn 10%. Các sản phẩm thủy sản chế biến tăng 76%, nước máy công nghiệp tăng 11%, bánh kẹo các loại tăng gần 29%.

Có thể nói, nhờ sự tập trung lãnh đạo của các cấp ủy đảng nên kinh tế của tỉnh những năm qua tăng trưởng khá. Năm 2004, nhiều chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt. Tăng trưởng GDP đạt 10,08%, (năm 2003 là 9,03%), bình quân 4 năm (2001 - 2004) đạt 8,7%. Đây là thành tựu nổi bật

Digitized by Google

trong những năm qua. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. GDP bình quân đạt 6,2 triệu đồng/người/năm.

Kinh tế phát triển là tiền đề thúc đẩy văn hóa - xã hội phát triển khá đồng bộ. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được đầu tư đúng mức, chương trình kiên cố hóa trường, lớp được đẩy mạnh. Riêng năm 2004, đầu tư xây dựng mới và đưa vào sử dụng 583 phòng học kiên cố, đúng chuẩn quy định; học sinh các cấp không còn phải học ca ba, 83,4% phòng học đạt cấp 4 trở lên, tăng 97% so năm học trước; toàn tỉnh có 135/160 xã, phường và 8 huyện, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học; 96/160 xã, phường đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, học sinh giỏi các cấp năm sau cao hơn năm trước; đặc biệt là có trên 4.000 con em Bến Tre đang theo học các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ... Nhiều năm liền các chương trình y tế quốc gia được triển khai và đạt hiệu quả tốt. Công tác phòng chống dịch và khám chữa bệnh cho nhân dân hiệu quả ngày càng cao. Bến Tre hiện nay 90,27% xã có bác sỹ, 100% xã, phường có y sỹ sản, nhi; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 35% (năm 2000) còn 25% (năm 2004).

Công tác chính sách xã hội được quan tâm đúng mức. Năm 2004 tỉnh đã xây dựng mới và bàn giao 179 nhà tình nghĩa, 786 nhà tình thương (từ năm 2000 đến nay xây trên 1.500 nhà tình nghĩa, 200 căn nhà tình thương). Các dự án xóa đói giảm nghèo triển khai ngày càng phát huy tốt. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 14% năm 2000, còn 5% năm 2004 (Nghị quyết Đại hội VII và dưới 10%), có 81.961 người nghèo được mua bảo hiểm y tế với kinh phí 4,1 tỉ đồng. Hằng năm bình quân giải quyết việc làm cho 30.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 22,16%, xuất khẩu gần 1.000 lao động làm việc ở nước ngoài. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng tiếp tục phát triển khá, thu hút ngày càng đông quần chúng tham gia, nhất là ở nông thôn. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển khắp các địa bàn, chất lượng ngày càng được nâng lên. Toàn tỉnh có 511/894 ấp, khu phố, 7/160 xã, phường và 652 cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa.

Quốc phòng - an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn bảo đảm. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được nhân dân hưởng ứng tích cực. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội đều giảm.

Phát triển kết cấu hạ tầng được Tỉnh ủy xác định là một trong những khâu đột phá quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn. Các công trình dự án trọng điểm được đầu tư xây dựng như: cống đập Ba Lai (đã đưa vào sử dụng), cầu Rạch Miễu, phà Cổ Chiên và chuẩn bị khởi công xây dựng cầu Hàm Luông... Sắp tới sẽ mở ra nhiều cơ hội cho Bến Tre phá thế biệt lập để hội nhập phát triển đồng bộ cùng các tỉnh trong khu vực và cả nước. Phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" được thực hiện trong phát triển giao thông nông thôn đem lại nhiều hiệu quả. Nhân dân đóng góp hàng trăm tỉ đồng cùng Nhà nước xây dựng trên 1.500 cầu bê-tông nông thôn (thay cầu khỉ) và trên 1.400 km đường nhựa, đường bê-tông liên xã, ấp. Hệ thống thủy lợi từng bước được hoàn chỉnh, phục vụ tưới tiêu cho trên 80% diện tích canh tác. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 80%.

Bước vào năm 2005, tỉnh đã long trọng kỷ niệm 45 năm ngày Bến Tre Đồng khởi (17-1-1960 - 17-1-2005). Đây là dịp để Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh tiếp tục khơi dậy và phát huy những bài học kinh nghiệm, truyền thống Đồng khởi vào giai đoạn mới. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Đảng bộ tỉnh xác định tư tưởng chỉ đạo là: "Tiếp tục phát huy

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH CHÍNH TRỊ - TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI TA TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

LÊ VĂN DŨNG *

CUỘC Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng trường kỳ, đầy gian khổ hy sinh và vô cùng oanh liệt của dân tộc ta, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam kết hợp chặt chẽ với sức mạnh của thời đại đã làm nên thắng lợi to lớn, toàn diện và triệt để của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, *trong đó sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta là yếu tố quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa quyết định.*

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhân dân và quân đội ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh vô cùng ác liệt, vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, đương đầu với thế lực xâm lược điển hình về tính chất hung bạo và sự hiếu chiến, mạnh hơn ta gấp nhiều lần về tiềm lực kinh tế, tiềm lực quân sự, về vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân tộc Việt Nam đã đoàn kết một lòng, phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần để tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, hội tụ được đầy đủ những yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", trong đó quan trọng nhất là "nhân hòa", tạo nên sự chuyển hóa cả về thế, thời và lực đủ sức áp đảo và đánh bại kẻ thù xâm lược, giành toàn thắng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục bồi đắp, tôi luyện và kiểm nghiệm rất nghiêm ngặt phẩm chất chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta, đồng thời tiếp tục chứng minh và khẳng định sức mạnh to lớn, có ý nghĩa quyết định của nhân tố chính trị - tinh thần của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ tác động mạnh mẽ, làm chuyển hóa và phát huy tối ưu giá trị và hiệu quả thực tế của tất cả các yếu tố hợp thành sức mạnh của dân tộc, mà còn trở thành sức mạnh trực tiếp trong các phong trào cách mạng, trong các hoạt động thực tiễn của quân và dân ta.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần, quân và dân ta ở miền Bắc vừa ra sức xây dựng các yếu tố của hình thái kinh tế - xã hội mới, tạo nên những thay đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vừa huy động sức mạnh của chế độ xã hội mới vào cuộc chiến đấu chống quân xâm lược, đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ mà tiêu biểu là trận "Điện Biên Phủ trên không", đập tan cuồng vọng "đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá" của kẻ thù, bảo vệ vững chắc miền

* Thượng tướng, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

Digitized by Google

Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời hết lòng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế đối với các bạn Lào và Cam-pu-chia, thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ba nước Đông Dương đi đến toàn thắng.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần, đồng bào và chiến sĩ ta ở miền Nam đã đẩy mạnh phong trào "Đồng khởi", phát triển sâu rộng chiến tranh nhân dân, sử dụng tổng hợp bạo lực cách mạng với hai lực lượng (lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân), đánh địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận); kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao; kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công và nổi dậy, liên tiếp giành được những chiến thắng oanh liệt và ngày càng to lớn, từng bước làm thay đổi cục diện chiến tranh, đẩy Mỹ - ngụy lâm vào thế bị động về chiến lược và kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng Đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần, chúng ta không những động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân, toàn quốc vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, hội tụ được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại để đánh bại kẻ thù, giành toàn thắng.

Giá trị hạt nhân giữ vai trò chủ đạo trong sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, được định hướng và thể hiện tập trung ở lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong hệ thống giá trị văn hóa Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước là yếu tố bao trùm và chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Trải qua muôn vàn thử thách nghiệt ngã, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có sức sống mãnh liệt và luôn tỏa sáng, định hướng và huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để dựng nước và giữ nước. Từ khi Bác Hồ kính yêu đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước, gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có được nguồn sinh lực mới, phát triển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống lên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được bồi đắp và phát huy cao độ, là động lực chính trị - tinh thần chủ yếu của nhân dân và quân đội ta, huy động toàn bộ sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để áp đảo và đánh bại kẻ thù xâm lược, giành toàn thắng.

Nền tảng tư tưởng đồng thời cũng là yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chính là chủ nghĩa Mác – Lê–nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã phân tích toàn diện và sâu sắc tình hình thế giới và khu vực, xu thế phát triển của thời đại và thực tiễn cách mạng Việt Nam để xác định đúng đắn, sáng tạo đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà vấn đề cốt lõi là *tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:* Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ đó thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau nhưng thống nhất hữu cơ, gắn bó chặt chẽ và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển của cách mạng. Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân ta *giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp thực hiện thành công hai chiến lược cách mạng với hai loại quy luật:* Quy luật của chiến tranh nhân dân trong cứu nước và giữ nước; quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh thắng chiến tranh

Digitized by Google

xâm lược của đế quốc Mỹ. Điều này thể hiện rất rõ nét sự nỗ lực chủ quan, sức sáng tạo cách mạng và tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng và nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có cội nguồn lịch sử bền vững là truyền thống yêu nước tốt đẹp của dân tộc Việt Nam anh hùng, được hun đúc và phát triển qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Trong suốt hành trình lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam luôn phải đương đầu với các thế lực xâm lược lớn, nhưng dân tộc ta không chịu khuất phục, không bị đồng hóa. Sự trường tồn và phát triển của dân tộc ta đã chứng minh và khẳng định: phát huy cao độ sức mạnh chính trị - tinh thần làm nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành chiến thắng là nét đặc sắc, độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt Nam và chiến tranh nhân dân là cốt lõi của học thuyết quân sự Việt Nam.

Sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có cơ sở xã hội vững chắc là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự gắn bó máu thịt giữa quân đội ta với nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đoàn kết là một truyền thống rất quý báu của dân tộc Việt Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam được định hướng và quy tụ dưới ngọn cờ tư tưởng thống nhất giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội và giải phóng con người, với khát vọng thiêng liêng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", với quyết tâm sắt đá "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để làm nên những chiến thắng vẻ vang.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sức mạnh chính trị – tinh thần của nhân dân và quân đội ta còn được bồi đắp, phát triển và phát huy cao độ trên cơ sở chế độ kinh tế – xã hội mới được xây dựng và bảo vệ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy mới bước đầu được xây dựng nhưng các yếu tố của hình thái kinh tế - xã hội mới đã thể hiện rõ sức sống và tính ưu việt, tiến bộ, tạo nên những thay đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và động lực chính trị - tinh thần to lớn của nhân dân và quân đội ta. Chính tính ưu việt và sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm cho miền Bắc không ngừng phát huy vai trò quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng nhận được sự cổ vũ, tiếp sức to lớn từ sự phối hợp đoàn kết chiến đấu của quân và dân Lào, Cam-pu-chia anh em, sự giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của chính phủ và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có Đảng Cộng sản và nhân dân Mỹ đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Chúng ta luôn ghi nhớ, biết ơn và trân trọng điều đó.

Thắng lợi vẻ vang của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là bản anh hùng ca mãi mãi âm vang theo dòng chảy lịch sử, nuôi dưỡng tâm hồn bản lĩnh của con người Việt Nam, bồi đắp và làm phong phú thêm sức mạnh chính trị - tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh chính trị - tinh thần vẫn là yếu tố quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định sức mạnh của nhân dân và quân đội ta để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh đó được định hướng và quy tụ dưới ngọn cờ tư tưởng thống nhất độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với khát vọng "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Chúng ta cần chủ động, tích cực xây dựng, bồi đắp thường xuyên, liên tục để sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta phát triển lên tầm cao mới, đủ sức làm nên Đại thắng mùa xuân mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 – *thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*

LÊ HỮU NGHĨA

1. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc ta độc lập và thống nhất, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi vĩ đại đó không chỉ mở ra một bước ngoặt mới cho dân tộc Việt Nam mà còn hàm chứa nhiều ý nghĩa mang tầm thời đại sâu sắc.

Với dân tộc ta, mặc dù 30 năm đã qua kể từ thời khắc thiêng liêng ấy song những sự kiện của những ngày "bão táp cách mạng" vẫn hiển hiện nóng hổi, vẫn có tác dụng lay gọi mọi người dân yêu nước quyết tâm vươn lên thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những kinh nghiệm, bài học được rút ra từ sự kiện vĩ đại đó vẫn là những chỉ dẫn quan trọng cho nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong điều kiện mới để bảo vệ và phát triển đất nước.

Với nhân loại tiến bộ, Đại thắng mùa xuân năm 1975 vẫn là biểu tượng cao đẹp của lương tri và phẩm giá con người, của khát vọng độc lập, tự do cho Tổ quốc. Với thế lực xâm lược, bài học cay đắng sau thất bại của cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn cắn rứt lương tâm những ai biết phản tỉnh, vẫn ám ảnh những kẻ cố tình theo đuổi chủ nghĩa "Vũ khí luận". "Hội chứng Việt Nam" vẫn trầm tích trong lòng xã hội Mỹ mặc cho có những người cố gắng để lãng quên.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân. Sức mạnh để chiến thắng là sự kết tinh của truyền thống và hiện đại, của dân tộc và quốc tế mà nhân tố đầu tiên có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo sáng suốt, tài giỏi của Đảng ta - một Đảng mác-xít - lê-nin-nít chân chính, được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Nhờ trí tuệ tuyệt vời và bản lĩnh cách mạng kiên định mà Đảng ta xây dựng được cương lĩnh chính trị đúng, tổ chức thực hiện thành công cương lĩnh, đưa cách mạng từng bước đến thắng lợi vẻ vang.

Digitized by Google

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng, kể cả những thời điểm khó khăn nhất, một nguyên tắc có tính nền tảng trong nhận thức, trong hành động của Đảng là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, Đảng đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều thử thách, nhất là trong những thời điểm có tính bước ngoặt của lịch sử, ngày càng thu được nhiều thành tựu to lớn hơn. Theo ý nghĩa đó, kết luận có tính lô-gíc được rút ra là, Đại thắng mùa xuân năm 1975, về thực chất cũng là thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại lịch sử cách mạng của 30 năm về trước, ta thấy, nhờ đường lối cách mạng sáng suốt đó mà Đảng ta hội tụ được nguồn nhân lực, tài lực, vật lực to lớn đủ sức chiến thắng một "sen đầm quốc tế" được xem là hùng mạnh nhất của thời đại. Quả thật, trên thực tế, trước khi thất bại ở Việt Nam, Mỹ chưa bao giờ là kẻ bại trận. Họ đã xâm lược và thôn tính nhiều nước trên thế giới, biến các nước này thành thuộc địa hoặc phụ thuộc, là nước được hưởng lợi nhiều nhất sau thất bại của chủ nghĩa phát xít sau chiến tranh thế giới thứ II.

Ở đây cần khẳng định lại là, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một thể thống nhất hữu cơ, nội tại, chúng không tách rời nhau mà ngược lại, hòa quyện vào nhau, xoắn xuýt với nhau. Thực tiễn lịch sử và căn cứ khoa học cho Đảng ta thấy, không thể có chủ nghĩa xã hội nếu không có độc lập dân tộc thật sự và không thể có độc lập dân tộc thật sự nếu không gắn với chủ nghĩa xã hội, không đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Về vấn đề này, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng đã nêu rõ, "nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh giành chính quyền cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhờ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà cách mạng tạo được thế, được lực, đón được thời, tiến từ yếu đến mạnh và cuối cùng là chiến thắng kẻ thù.

Với mục tiêu chiến lược đó, Đảng ta đã phát huy cao độ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam - một truyền thống xuyên suốt lịch sử dân tộc, là cội nguồn làm nên sức mạnh để dân tộc ta tồn tại và phát triển. Thông qua nhiều hình thức, cách mạng đã tập hợp đông đảo các giai tầng khác nhau trong xã hội trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến và kiến quốc.

Vừa xây dựng chế độ xã hội mới, vừa đánh trả thắng lợi cuộc chiến tranh phá hoại cực kỳ ác liệt của đế quốc Mỹ, đồng bào miền Bắc vừa chi viện đắc lực cho cách mạng miền Nam. Miền Bắc, vì vậy, trở thành hậu phương lớn có vai trò quyết định cho thắng lợi của cuộc kháng chiến. Nhà thơ Tố Hữu đã chính xác khi cho rằng: "Hỡi miền Bắc đó nặng đôi vai. Gánh cả non sông vượt dặm dài. Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai". Chia lửa, chung sức cùng miền Bắc, miền Nam anh dũng không chỉ là tiền tuyến lớn, có vai trò quyết định trực tiếp đến thắng lợi mà còn san sẻ gánh nặng hậu cần cho miền Bắc.

Tính chung, trong thời gian từ năm 1964 đến năm 1975, cả nước đã khai thác, thu mua tại chỗ 754.854 tấn lương thực, thực phẩm, xăng dầu và các nhu yếu phẩm khác. Trong đó có 613.182 tấn lương thực, 86.197 tấn thực phẩm (1).

(1) *Hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998

Digitized by Google

Vì độc lập dân tộc và các quyền cơ bản của con người mà cách mạng Việt Nam còn nhận được sự ủng hộ, sự giúp đỡ quý báu của những người có lương tri trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Chưa bao giờ trong lịch sử nhân loại, phong trào đấu tranh phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đối với Việt Nam lại lan rộng và diễn ra dồn dập đến như vậy. Tại nước Mỹ, ngay trong các ngày 15, 16 tháng 10-1965 đã có trên 10 vạn người ở 60 thành phố xuống đường đấu tranh. Hình thức đấu tranh cũng càng ngày càng quyết liệt, từ biểu tình phản đối đến đốt thẻ quân dịch, tự thiêu, đốt cờ Mỹ. Thậm chí còn dẫn đến những cuộc đụng độ đẫm máu, khiến mùa hè năm 1967, Chính phủ Mỹ phải huy động đến 10 vạn cảnh sát, 5.000 lính dù có máy bay, xe tăng, súng hạng nặng để đàn áp. Chúng ta còn nhớ mãi hình ảnh Nor-man Mo-ri-xơn đã tự thiêu ngay dưới cửa sổ phòng làm việc của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Mắc Na-ma-ra. Các cuộc đấu tranh phản đối Mỹ, đã chứng tỏ, Việt Nam thực sự trở thành nơi hội tụ của lương tri, của phẩm giá con người.

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ to lớn, có hiệu quả của bè bạn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc, ngay cả khi trong nội bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa có những bất đồng. Chỉ tính riêng từ năm 1972 đến năm 1975, Liên Xô và Trung Quốc đã viện trợ cho ta giá trị 1,083 tỉ rúp hàng hóa, thiết bị, còn tổng số viện trợ quốc tế từ năm 1955 đến năm 1975 là hơn 7 tỉ rúp giá trị quy đổi (2).

Như vậy, nhờ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà chúng ta phát huy cao độ sức mạnh mọi mặt của dân tộc và sự giúp đỡ quốc tế, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi vẻ vang. Sau 21 năm can thiệp, xâm lược, một nước Mỹ giàu có với thu nhập quốc dân cao gấp 325 lần Việt Nam, có tiềm lực quốc phòng hùng mạnh đã phải trả giá thất bại và để lại "một hội chứng Việt Nam", gây nhức nhối cho Mỹ đến tận ngày hôm nay. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng khẳng định, xứng đáng "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc" (3).

2. Ba mươi năm đã trôi qua kể từ Đại thắng mùa xuân lịch sử, bản chất và mục tiêu của sự nghiệp kháng chiến của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là sáng ngời chính nghĩa và nhân đạo. *Đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,* vì mục tiêu độc lập tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên giờ đây, sau 30 năm, có một số người muốn đặt lại vấn đề về bản chất của cuộc chiến tranh này. Có ý kiến cho rằng: "để xác định bản chất thật sự của nó trong lịch sử, cuộc chiến 1955 - 1975 phải được gọi là một cuộc nội chiến đồng thời là chiến tranh ủy nhiệm" (4), hoặc "cuộc chiến này nên được gọi đơn giản là "chiến tranh Việt Nam" với ý nghĩa khách quan phi chính trị là chiến tranh xảy ra trên đất Việt Nam" (5).

Ý kiến trên đây cố tỏ vẻ là "khách quan", "không thiên vị bên nào", song thực chất là sự

---

(2) Xem: *Chiến tranh Cách mạng Việt Nam 1945 – 1975 thắng lợi và bài học,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 601

(3) *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV,* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 5 - 6

(4) (5) Xem: Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt,* ngày 18-2-2005

Digitized by Google

biện hộ cho cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa của đế quốc Mỹ đối với nước ta, xuyên tạc bản chất chính nghĩa sáng ngời của cuộc kháng chiến của dân tộc ta nhằm chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, giành độc lập, tự do cho đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Không thể gọi cuộc chiến tranh này là "cuộc nội chiến vì lý tưởng khác biệt, cộng sản và không cộng sản" hoặc "cuộc nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam" như họ quan niệm mà về bản chất đây là cuộc chiến tranh giải phóng, cuộc kháng chiến của toàn thể nhân dân Việt Nam chống giặc Mỹ xâm lược và tay sai vì độc lập, tự do, thống nhất của Tổ quốc Việt Nam. Trong cuộc kháng chiến đó, miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc có nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho nhân dân miền Nam để đánh thắng quân thù.

Cũng không thể gọi đây là "chiến tranh ủy nhiệm". Quan điểm này cho rằng "gọi là ủy nhiệm vì từ cuộc xung đột về ý thức hệ, hai phe Việt Nam đã bị các cường quốc lãnh đạo hai khối tư bản và cộng sản sử dụng như những công cụ đua tranh thế lực trong thời chiến tranh lạnh". Mặc dù họ phải thừa nhận là "Mỹ đã dùng chiến trường miền Nam để thí nghiệm và tiêu thụ các loại vũ khí kể cả chất độc da cam" song cũng không thể nói là Mỹ đã ủy nhiệm cho chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến tranh được vì chính Mỹ đã tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam, sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ thực hiện mưu đồ xâm lược của mình, muốn biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, nô dịch, áp bức nhân dân miền Nam, biến miền Nam thành căn cứ quân sự để xâm lược miền Bắc và uy hiếp phe xã hội chủ nghĩa. Ở thời kỳ cao điểm, Mỹ đã đưa hơn nửa triệu quân cùng với vũ khí tối tân, hiện đại tiến hành "Mỹ hóa" chiến tranh, đồng thời sử dụng không quân và hải quân gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Và cũng càng không thể nói Liên Xô hoặc Trung Quốc đã ủy nhiệm cho nhân dân Việt Nam tiến hành chiến tranh. Dưới chế độ thống trị tàn bạo của Mỹ - ngụy, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác là phải vùng lên đấu tranh để giành độc lập, tự do, giành quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc cho mình. "Có áp bức, có đấu tranh" - đó là chân lý của lịch sử. Vì vậy "Không có gì quý hơn độc lập tự do", "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi", "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" - những lời kêu gọi đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành khẩu hiệu, lời hiệu triệu mạnh mẽ đối với dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp chính nghĩa cao cả của mình. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước hết vì lợi ích của dân tộc đồng thời có ý nghĩa thời đại, ý nghĩa quốc tế lớn lao đối với phe xã hội chủ nghĩa, phong trào cách mạng thế giới và nhân loại tiến bộ. Vì vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã được nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng như nhân dân tiến bộ toàn thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ đã nhiệt tình ủng hộ, giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

3. Ba mươi năm đã trôi qua, song tầm vóc và ý nghĩa của Đại thắng mùa xuân năm 1975 vẫn còn nguyên giá trị, và để lại những kinh nghiệm, bài học quý báu cho chúng ta trong quá trình đổi mới đất nước hôm nay. Trước những thời cơ, thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức, thậm chí là nguy cơ mà chúng ta đang phải đối mặt, có thể nói rằng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhất định chúng ta sẽ thắng lợi, bởi điều đó đã được lịch sử kiểm nghiệm.

Digitized by Google

Trong điều kiện mới, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc chúng ta nhất định tập hợp được sức mạnh của mọi người Việt Nam yêu nước, tạo được sự ủng hộ của mọi lực lượng độc lập dân tộc trên thế giới trong xu thế các nước ngày càng nâng cao ý thức dân tộc, đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia nhằm hạn chế tác động của những mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế, chống lại sự thao túng của các thế lực phản động quốc tế, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam. Ngược lại, để có độc lập dân tộc thật sự, để mọi người dân Việt Nam đều được tự do, hạnh phúc, thì không có con đường nào khác, phải gắn liền với mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Bởi suy cho cùng, chủ nghĩa xã hội mới có thể giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, chúng ta thắng Mỹ bởi chúng ta biết phát huy sức mạnh Việt Nam, biết cách làm cho cả dân tộc ta cùng xuống đường đánh Mỹ và thắng Mỹ, biết cách làm cho nhân loại tiến bộ ủng hộ khát vọng độc lập, tự do. Cả Việt Nam từ em bé đến cụ già, ai cũng biết đánh Mỹ, muốn đánh Mỹ và thắng Mỹ. Chúng ta đã hình thành được thế trận lòng dân, đã phát động được cuộc chiến tranh nhân dân. Kể cả những vật vô tri như ngọn chông, hòn đá, mũi tên cũng trở thành vũ khí diệt Mỹ. Cả nhân loại trở thành một mặt trận chống Mỹ. Tóm lại, đó là *bài học về ý chí và sự quyết tâm, về trí tuệ và óc sáng tạo, về bản lĩnh và lòng dũng cảm vô bờ bến.* Đây cũng là những phẩm chất đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, để những phẩm chất tốt đẹp trên được phát huy, phải có những chính sách và cơ chế phù hợp. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng là phải đổi mới chính sách và hoàn thiện cơ chế để mọi người Việt Nam đều có thể phát huy tài trí và phẩm chất của mình vì mục tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đồng thời, bài học về sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong điều kiện hiện nay còn giúp chúng ta kết hợp chặt chẽ hơn hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực ra, kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược là quy luật phát triển chung. Đó là "dựng nước phải đi liền với giữ nước"; "cách mạng phải biết tự bảo vệ". Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội để có thêm tiềm lực vật chất và tinh thần chi viện cho cách mạng miền Nam, vừa bảo đảm thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc trước những âm mưu phá hoại của kẻ thù. Miền Nam vừa là tiền tuyến lớn song cũng vừa vươn lên giải quyết nhu cầu hậu cần tại chỗ.

Tuy nhiên, chúng ta xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay trong hoàn cảnh mới, có những hình thức và nội dung mới, với những yêu cầu mới. Đó là, chủ nghĩa xã hội thế giới đang ở giai đoạn khủng hoảng, thoái trào; chủ nghĩa đế quốc tạm thời có ưu thế và đang thực hiện âm mưu xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại một cách quyết liệt. Mỹ đang tìm mọi cách để thực hiện mục tiêu bá quyền, trở thành kẻ thống trị thế giới bất chấp sự phản đối của quốc tế. Mặt khác, sự nghiệp đổi mới đất nước đang diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng nhanh chóng mà những bất lợi thường nhiều hơn đối với các nước chậm phát triển. Vì vậy, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược phải quán triệt đường lối của Đảng, bảo đảm kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa các hoạt động kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và đối

Digitized by Google

ngoại; phải nâng cao sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân một cách toàn diện và vững chắc. Đặc biệt phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trên mọi lĩnh vực; phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực...

Sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử* cả về nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn. Đến nay, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn. Chúng ta đã từng bước khắc phục được một số quan niệm đơn giản, ấu trĩ, sai lầm trước đây về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã *bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội. Kinh tế nước ta đã ra khỏi khủng hoảng và tăng trưởng tương đối nhanh; bước đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đất nước đang trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2010 thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển và đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường và củng cố. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt ngày càng vững mạnh. Chính trị, xã hội ổn định. Vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp có bước phát triển rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý.

Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ *đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam.* Những thành tựu đó cũng là thể hiện thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp đổi mới mà Đảng ta đã kiên định và vận dụng sáng tạo. Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, bài học lớn đầu tiên trong các bài học có thể rút ra là: *trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Trong sự nghiệp đổi mới vừa qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, nước ta phải đương đầu với những khó khăn, thách thức nghiêm trọng, có lúc đến mức hiểm nghèo tưởng chừng như khó vượt qua, nhất là sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Song, Đảng ta đã luôn kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào tình hình thực tế của đất nước để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa đã chọn.

Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng đó là con đường hợp quy luật để có một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phục. Sự nghiệp đó đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có một quyết tâm rất cao và phải rất sáng tạo trong nhận thức và hành động. ❑

Digitized by Google

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - Thành quả của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC *

MÙA xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đập tan toàn bộ quân đội và chính quyền tay sai Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, đưa đất nước ta sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Có được thành quả cách mạng vĩ đại ấy, dân tộc ta đã trải qua những chặng đường đấu tranh đầy gian khổ hy sinh, đã kế thừa, phát triển lên một tầm cao mới truyền thống yêu nước, ý chí bất khuất của con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Thành quả vĩ đại ấy còn là kết quả của việc phát huy cao độ sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhìn lại lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc, có thể thấy rất rõ: *dựng nước đi đôi với giữ nước* không chỉ là một đặc điểm bao trùm, một quy luật cơ bản, mà còn là hằng số xuyên suốt trong tiến trình lịch sử dân tộc. Trên cuộc hành trình mấy nghìn năm ấy, dân tộc Việt Nam đã bao phen phải tập trung sức mạnh của cộng đồng để tiến hành nhiều cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, chống lại các thế lực ngoại xâm hung hãn, khét tiếng, có tiềm lực và sức mạnh kinh tế, quân sự lớn hơn ta gấp nhiều lần.

Trong các cuộc chiến tranh đó, để đương đầu và đánh bại ý chí của kẻ thù xâm lược, cộng đồng người Việt Nam đã huy động sức mạnh tiềm tàng và to lớn của toàn dân tộc. Đặc biệt, trong thời đại Hồ Chí Minh - thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - sức mạnh của nhân dân, sức mạnh của lòng yêu nước, của ý chí bất khuất, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, xây dựng, phát triển lên một tầm cao mới, tạo thành sức mạnh vô địch đánh bại tên đế quốc hung bạo nhất thời đại.

Chúng ta hãy đọc lại và ngẫm suy những trang sử vàng kháng chiến thời chống Mỹ với biết bao sự kiện, biết bao chiến công và những cống hiến, hy sinh gắn chặt với cuộc chiến đấu "một mất, một còn" liên quan tới vận mệnh của quốc gia và dân tộc. Rõ ràng, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quyết tâm sắt đá trước sau như một của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược, chấm dứt sự thống trị của Mỹ ở miền Nam. Nhưng, đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, kỹ thuật, quân sự lớn hơn ta gấp nhiều lần, nên không thể đánh thắng chúng "một sớm, một chiều" mà phải có thời gian, thắng chúng

---

* Thượng tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

từng bước và làm suy yếu lực lượng của chúng, đánh lùi từng bước, đánh bại từng âm mưu, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Phải sử dụng sức mạnh tổng hợp to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; phải kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đánh thắng chúng. Sức mạnh tổng hợp to lớn đó là nhân tố bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nó bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn, niềm tin son sắt của toàn dân vào Đảng Cộng sản Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp chính nghĩa vì thống nhất Tổ quốc, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu từng nhận định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước... Từ xưa tới nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"(1). Làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn ấy, thực chất là sức mạnh của lòng yêu nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh ấy đã làm nên một mùa thu Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ, cộng hòa. Sau hơn 80 năm dưới ách đô hộ của đế quốc, thực dân, giờ đây "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"(2). Ý chí, quyết tâm ấy của toàn thể dân tộc Việt Nam đã được thể hiện rực rỡ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Với ý chí, quyết tâm vì thống nhất Tổ quốc, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, những năm sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm được Mỹ dựng lên và nuôi dưỡng, đã lê máy chém đi khắp miền Nam, gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Hướng Điền (Quảng Trị), Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Phú Lợi (Thủ Dầu Một)... Trong đau thương, đồng bào, cán bộ, đảng viên, chiến sỹ ta ở miền Nam vẫn vững tin vào Đảng và Bác Hồ kính yêu, vững tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Chính vì thế, trong những năm 1959 - 1960, mặc dù bị đế quốc Mỹ và tay sai khủng bố, đàn áp hết sức dã man, nhưng các tầng lớp nhân dân ở các địa phương miền Nam liên tục nổi dậy đấu tranh, đỉnh cao là phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 và trong năm 1960, đập tan từng mảng chính quyền ngụy Sài Gòn ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi được tạo nên bởi ý Đảng, lòng dân trong những năm tháng cực kỳ khó khăn này đã dẫn tới sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (20-12-1960) - một Mặt trận tập hợp đông đảo lực lượng yêu nước nhằm mục tiêu chung vì một miền Nam sạch bóng ngoại xâm, tiến tới hòa bình, hòa hợp dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Với *cương lĩnh* đúng đắn, chương trình hành động thiết thực, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo lực lượng yêu nước miền Nam, Mặt trận nhanh chóng quy tụ các tổ chức chính trị, xã hội, đảng phái tiến bộ, đồng bào các tôn giáo và các dân tộc dưới ngọn cờ của mình để đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm.

Phong trào Đồng khởi giành thắng lợi lớn đã tạo ra thế và lực mới của cách mạng miền Nam. Từ đây, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công địch, đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t6, tr 171

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 4

Digitized by Google

của đế quốc Mỹ. Những năm đầu thập niên sáu mươi của thế kỷ XX, khi đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", với đường lối chiến tranh nhân dân và bằng các phương pháp đấu tranh hết sức phong phú của Đảng và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân và dân ta đã giành nhiều chiến công to lớn. Các chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho), Gò Keo (Bến Tre), Đầm Giơi - Cái Nước (Cà Mau), Đức Hòa (Long An), Bến Cát (Thủ Dầu Một)... trong năm 1963 chứng tỏ sự trưởng thành của các lực lượng vũ trang cách mạng.

Phong trào "Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công" không chỉ lan tỏa khắp vùng nông thôn đồng bằng mà còn tới cả các đô thị ở miền Nam. Tại các trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, phong trào đấu tranh của Phật giáo bùng lên đòi quyền bình đẳng tôn giáo, gắn khẩu hiệu *đạo pháp với dân tộc*, tiến công mạnh mẽ vào nền tảng thống trị của chế độ Ngô Đình Diệm. Trước những thất bại nặng nề về quân sự và chính trị trên 3 vùng chiến lược, Mỹ buộc phải "thay ngựa giữa dòng", mong tạo thế ổn định về chính trị, đẩy mạnh nỗ lực chiến tranh, nhưng thực tế cho thấy toan tính ấy của Mỹ chỉ là vô vọng. Phong trào đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận của ta với những hình thức và phương pháp hết sức phong phú đang ngày càng phát triển trên cả ba vùng chiến lược; đặc biệt, khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc. Giữa năm 1964, các lực lượng vũ trang giải phóng đã kiểm soát (dưới các hình thức và mức độ khác nhau) gần 1/3 dân số toàn miền Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng thực sự trở thành Chính phủ Trung ương (tồn tại song song với chính quyền Sài Gòn), lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tăng cường đoàn kết, tiếp tục đấu tranh giành nhiều thắng lợi về quân sự và chính trị. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" đứng trước nguy cơ bị thất bại, buộc đế quốc Mỹ phải tính toán đưa quân Mỹ và đồng minh vào miền Nam Việt Nam trực tiếp tham chiến hòng giành thắng lợi quyết định, buộc nhân dân Việt Nam phải khuất phục trước sức mạnh quân sự của chúng. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt* (27-3-1964) với hơn 300 đại biểu gồm những nhà cách mạng lão thành, những người tiêu biểu cho các ngành, các giới, đại biểu anh hùng, chiến sỹ thi đua, trí thức tiến bộ và nhân sỹ yêu nước đại diện cho hơn 30 triệu đồng bào các dân tộc trong cả nước. Hội nghị biểu thị ý chí, quyết tâm của các tầng lớp nhân dân đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hội nghị chính trị đặc biệt được xem như một "Hội nghị Diên Hồng" của dân tộc trong thời đại mới.

Khi đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam (hè - thu 1965) thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ"; đồng thời, phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân chống phá miền Bắc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước (17-7-1966) nêu cao quyết tâm đoàn kết toàn dân tộc, vượt qua gian khổ ác liệt, chiến đấu hy sinh vì chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc - hậu phương chiến lược của miền Nam - dấy lên các phong trào thi đua "vì miền Nam ruột thịt" như: phong trào "thanh niên ba sẵn sàng", "phụ nữ ba đảm đang", nông dân "tay cày tay súng", công nhân "tay búa tay súng", học sinh "làm nghìn việc tốt"... để nhằm một mục tiêu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Các phong trào thi đua thu hút đông đảo mọi tầng lớp, mọi thành phần, mọi lứa tuổi từ miền xuôi đến miền ngược, từ thành thị đến nông thôn, từ biên giới đến hải đảo. Trong khói lửa đạn bom

Digitized by Google

của máy bay, tàu chiến Mỹ, miền Bắc không nao núng tinh thần, quyết tâm vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa dồn sức chi viện mạnh mẽ, liên tục, ngày càng tăng cho tiền tuyến miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế. Ở chiến trường miền Nam, quân và dân các địa phương, các chiến trường thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng đã xây dựng các thế trận xen cài giữa vùng ta và vùng địch tạm thời kiểm soát, bao gồm vùng căn cứ, vùng giải phóng liên hoàn, hệ thống làng xã chiến đấu, thường xuyên bao vây chia cắt các căn cứ quân sự của Mỹ cũng như các đường giao thông huyết mạch của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Trên thế trận đó, bằng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quân và dân ta đã thực hành chiến lược tiến công quân địch rộng khắp, liên tục, ngày càng mạnh mẽ cả về quân sự và chính trị; bằng nhiều hình thức và bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, kể cả việc tiến công các căn cứ xuất phát hành quân càn quét của địch. Mùa Xuân 1968, để đánh một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ, quân và dân ta đã mở cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân nhằm vào toàn bộ các mục tiêu chủ yếu trong các thành phố, thị xã trên toàn miền Nam. Cuộc tiến công táo bạo này nổ ra vào lúc những nỗ lực chiến tranh của Mỹ lên tới đỉnh cao nhất, lúc chiến trường mà đặc biệt là vùng ven các đô thị, hầu như ken dày hệ thống đồn bốt và bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, đã gây cú sốc mạnh làm choáng váng nước Mỹ, làm bàng hoàng, sửng sốt Nhà Trắng và Lầu Năm Góc. Trong khi bộ máy chiến tranh mà Mỹ - ngụy tập trung tới 1 triệu 20 vạn quân, trong đó có hơn nửa triệu quân Mỹ, sau bao năm mở nhiều cuộc hành quân càn quét "bình định" nhân dân miền Nam, "tìm diệt" chủ lực Quân giải phóng thì bất ngờ bị nhiều sư đoàn, trung đoàn Quân giải phóng được các tầng lớp nhân dân che chở, hỗ trợ, đã luồn sâu, ém sát, bất thần tiến công vào hầu hết các cơ quan đầu não địch, giáng đòn chí mạng vào ý chí xâm lược của Mỹ. Đến nỗi sau hơn 20 năm khi cuộc chiến tranh ở Việt Nam kết thúc, Mắc-na-ma-ra (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ thời kỳ Giôn-xơn làm Tổng thống) trong hồi ký *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam* nhận ra sai lầm rằng: Nước Mỹ đã đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy Việt Nam đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó. Đồng thời, bộ máy điều hành chiến tranh Mỹ cũng không nhận ra được những hạn chế của các thiết bị quân sự kỹ thuật cao và hiện đại, lực lượng quân sự và học thuyết quân sự trong sự đối đầu với những trào lưu nhân dân được thúc đẩy cao. Do đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không chỉ là cuộc biểu dương ý chí, lực lượng của toàn quân, toàn dân ta ở miền Nam, mà trên thực tế nó còn là đòn mạnh điểm trúng huyệt làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, trong những năm 1969 - 1972, mặc dù phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri để rút lui trong "danh dự", đế quốc Mỹ vẫn tìm mọi cách thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm giữ vững thể chế Việt Nam cộng hòa - "đồng minh đặc biệt" của Mỹ ở Đông Nam châu Á. Nhưng mọi mưu đồ toan tính xảo quyệt của đế quốc Mỹ đã bị thất bại. Với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; bằng sức mạnh đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được mở rộng và phát huy, toàn quân, toàn dân ta đã anh dũng vượt qua mọi thử thách, hy sinh, liên minh với cách mạng Lào và Cam-pu-chia đánh thắng địch ở Đường 9 - Nam Lào, đông bắc Cam-pu-chia, Ngã ba biên giới (năm 1971); tiến công mãnh liệt đập vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài kiên cố của địch ở Trị Thiên, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ trên vùng trời Hà Nội,

Digitized by Google

Hải Phòng (tháng 12-1972), buộc đối phương dù rất ngoan cố và hiếu chiến vẫn phải ký kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam.

Những năm sau Hiệp định Pa-ri (1973), sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta phát triển thuận lợi. Thế và lực của cách mạng trên ba vùng chiến lược được củng cố, mở rộng liên hoàn rất vững chắc; các binh đoàn chủ lực lần lượt ra đời có đầy đủ khả năng phát động những chiến dịch tiến công chiến lược lớn làm xoay chuyển cục diện chiến tranh. Còn quân xâm lược Mỹ trong cơn suy thoái trầm trọng cả về chính trị, tinh thần đã trút bỏ gánh nặng chiến tranh lên đầu chính quyền Sài Gòn, chỗ dựa của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đang bị lung lay đến tận gốc. Chớp thời cơ mới xuất hiện, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm động viên sức mạnh cao nhất của cả nước để giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hướng ra tiền tuyến lớn, miền Bắc dốc toàn bộ sức mạnh tiềm tàng và to lớn của mình cho miền Nam tổng tiến công và nổi dậy. Trên chiến trường, quân dân ta mưu trí, dũng mãnh tiến công và nổi dậy hỗ trợ cho nhau, nhanh chóng đập tan sức kháng cự của quân địch ở Buôn Ma Thuột, Plây ku, tiến tới giải phóng hoàn toàn cao nguyên miền Trung rộng lớn. Được chiến thắng Tây Nguyên cổ vũ, quân và dân Quân khu Trị Thiên và Quân khu 5 đã đồng loạt tiến công giải phóng Trị Thiên - Huế, giải phóng Quảng Ngãi, Quảng Tín, sau đó bằng một đòn tiến công hiệp đồng binh chủng táo bạo, nhanh chóng đập tan toàn bộ quân địch ở Quân đoàn I, Quân khu I. Kế đó, ta khẩn trương giải phóng các đảo ngoài khơi; đồng thời, hành quân thần tốc, tập trung lực lượng hình thành năm cánh quân trên năm hướng chiến dịch chiến lược nhằm vào đô thị Sài Gòn - sào huyệt cuối cùng của bè lũ cướp nước và bán nước. Nửa cuối tháng 4-1975, sau khi đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, mở toang "cánh cửa thép" Xuân Lộc ở phía Đông, năm cánh quân trên bốn hướng Đông, Bắc, Tây, Nam được các tầng lớp nhân dân hỗ trợ đồng loạt tiến công vào những mục tiêu then chốt trong nội đô Sài Gòn. 11 giờ 30 phút trưa ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng phấp phới tung bay trên nóc dinh Độc Lập, báo hiệu chiến dịch mang tên Bác Hồ kính yêu toàn thắng, sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam toàn thắng. Sài Gòn những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5-1975 ngập tràn sắc đỏ cờ, hoa mừng ngày hội lớn của non sông từ đây nối liền một dải.

*

* *

Đại thắng mùa xuân năm 1975 được tạo nên bởi ý chí, nghị lực, trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; của khối đại đoàn kết dân tộc; của sự giúp đỡ vô tư, chí tình của các nước anh em và bè bạn quốc tế giành cho dân tộc ta đang là nguồn cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp Đổi mới đất nước. Bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vẫn còn nguyên giá trị, giúp cho toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn cách mạng mới, ngoài những chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, điều có ý nghĩa quyết định hàng đầu là cán bộ, đảng viên phải gắn bó máu thịt với nhân dân, "phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình". Chỉ có như vậy, Đảng ta mới thực sự là hạt nhân lãnh đạo, hạt nhân của khối đại đoàn kết, thống nhất toàn dân tộc, mới biến sức mạnh của cả dân tộc thành động lực to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

Giáo dục tư tưởng, tình cảm cách mạng cho thế hệ trẻ qua học tập, nghiên cứu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

PHAN NGỌC LIÊN *

GIÁO dục thế hệ trẻ bao giờ cũng là mối quan tâm đặc biệt của mỗi dân tộc, của mọi thời đại, nhằm làm cho xã hội tồn tại và phát triển. Trong việc giáo dục này, bộ môn Lịch sử có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Bởi vì, trong nền văn hóa dân tộc, kiến thức lịch sử không chỉ giúp cho việc xây dựng một biểu tượng chính xác, đầy đủ về quá khứ mà còn làm cho người đang sống có ý thức về xã hội, suy nghĩ, cảm thụ những gì đã xảy ra trong ngày qua, rút ra bài học, kinh nghiệm lịch sử để làm tròn trách nhiệm với hiện tại và mai sau.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại, khẳng định sức mạnh của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại nhiều bài học quý báu. Việc nghiên cứu đúng đắn, sâu sắc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cơ sở khoa học quan trọng để tiến hành giáo dục cho thế hệ trẻ. Bởi vì, việc bồi dưỡng trí tuệ, tư tưởng - chính trị, tình cảm, đạo đức, phẩm chất trong giáo dục lịch sử bao gồm ba yếu tố, có quan hệ chặt chẽ với nhau:

- Trình bày đúng sự kiện lịch sử (chân lý khách quan).

- Rút ra kết luận khoa học về sự kiện khách quan.

- Sử dụng tri thức lịch sử để chứng minh, giải thích lý tưởng, tiến hành giáo dục tư tưởng, tình cảm, hành động thực tiễn.

Cũng như trong nghiên cứu lịch sử, việc giáo dục lịch sử về thực chất cũng là một cuộc đấu tranh trên lĩnh vực khoa học và tư tưởng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một chủ điểm của Chương trình Lịch sử ở nhiều nước trên thế giới. Tùy theo quan điểm nhận thức, yêu cầu, mục tiêu giáo dục mà sự kiện lịch sử này được trình bày khác nhau ở sách giáo khoa của mỗi nước. Nhìn chung, sách giáo khoa của các nước đều phác họa những nét lớn về diễn biến chiến tranh, về ảnh hưởng, tác động của "Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai" (1) đến chính sách đối nội, đối ngoại, tình hình kinh tế - xã hội của các nước tham chiến - chủ yếu là Mỹ - và ý nghĩa lịch sử của nó đối với lịch sử thế giới.

Trong các công trình nghiên cứu về lịch sử nước Mỹ, lịch sử cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, sách giáo khoa lịch sử ở Mỹ, *"Cuộc chiến tranh Việt Nam"* có một vị trí quan trọng. Trong cuốn "Niên giám lịch sử Hoa Kỳ" đã dành 47 sự kiện, mục về cuộc *"Chiến tranh Việt Nam"*, kể từ ngày

* GS, TS, Chủ tịch Hội giáo dục Lịch sử

(1) Theo các sử gia phương Tây, Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất là cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam, 1945 - 1954

Digitized by Google

2-8-1964 (ngày mở đầu chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam) đến ngày 27-1-1973 (ngày ký Hiệp định Pa-ri về kết thúc chiến tranh). Dĩ nhiên, những mốc phân kỳ này không phản ánh đúng độ dài của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (từ 1954 đến 1975), và nội dung cũng khó tránh những nhìn nhận sai lệch về bản chất cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta cũng ghi nhận rằng, công trình nghiên cứu sử học và sách giáo khoa lịch sử ở trường trung học Mỹ ngày một nhiều và cũng có những quan điểm tích cực hơn. Bởi vì, những dư âm về "cuộc chiến tranh vô đạo đức", cụm từ mà nhiều người Mỹ thường dùng, vẫn còn vang mãi trong tâm trí của các thế hệ người Mỹ "thời kỳ sau Việt Nam". Lớp người Mỹ đã sống trong những năm tháng "Chiến tranh Việt Nam" vẫn chưa tìm được đáp án câu hỏi: Vì sao Mỹ gây ra cuộc chiến tranh? Con em họ chết ở Việt Nam cho ai và để làm gì? Thế hệ thanh niên Mỹ ngày nay khi đi qua Đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, nằm giữa Đài tưởng niệm Oa-sinh-tơn và Đài tưởng niệm Lin-côn - những anh hùng của nước Mỹ - đọc danh sách hơn 58.000 người Mỹ tử trận khắc trên đá hoa cương, đặt cạnh đài tưởng niệm cũng tự hỏi: Những người này đã chết cho ai? Có nên tránh một cuộc chiến tranh Việt Nam như vậy trong hiện tại và tương lai?

Các công trình nghiên cứu, đặc biệt là sách giáo khoa lịch sử ở trường trung học Mỹ cũng cố gắng tìm sự thật lịch sử và cay đắng rút ra những bài học về một sai lầm - sai lầm khủng khiếp của Nhà trắng. R.S. Mắc-na-ma-ra đã nêu 11 nguyên nhân chính gây ra thảm họa của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, trong đó có một nguyên nhân là Mỹ "... đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc (trong trường hợp này là Bắc Việt Nam và Việt Cộng), đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó, và cho đến nay, chúng ta vẫn tiếp tục đánh giá thấp chủ nghĩa dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới" (2).

Ngay khi đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, đặc biệt là 30 năm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta thắng lợi, việc nghiên cứu và dạy học về sự kiện này đã được tiến hành. Giáo dục lịch sử đã góp phần không nhỏ vào đào tạo lớp lớp thanh niên của thế hệ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chiến đấu trên mặt trận, lao động sản xuất ở hậu phương. Thành tựu giáo dục này được phát huy trong đào tạo thế hệ thanh niên trong thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và hội nhập vào khu vực và thế giới. Việc hội nhập này đòi hỏi phải giữ vững truyền thống dân tộc, tự hào với những trang sử huy hoàng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường, việc tiếp nhận không lọc bỏ những mặt xấu trong giao lưu văn hóa nên một số người, nhất là thanh, thiếu niên không trải qua những ngày chiến đấu gian khổ và anh dũng, đã chịu ảnh hưởng của những luận điệu, quan điểm sai trái về lịch sử, trong đó có lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và do đó, có những suy nghĩ, hành động không đúng.

Chúng ta có thể dẫn một số điểm. Có người cho rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cũng như cuộc kháng chiến chống Pháp trước đó, không phải là một "đụng đầu lịch sử tất yếu" mà vì đường lối, chủ trương quá cứng rắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bởi vì, có nhiều nước giành được độc lập dân tộc, phát triển đất nước, trở thành "con rồng", "những nước công nghiệp mới" của thế giới mà không phải trải qua một cuộc kháng chiến gian khổ, tổn thất lớn về người, của cải. Những quan niệm nhận thức như vậy có tác động đến tư tưởng, tình cảm của thế hệ trẻ mà chúng ta cần phải uốn nắn, giáo dục thông qua việc giáo dục lịch sử.

Trên cơ sở tài liệu - sự kiện chính xác, cơ bản, toàn diện để tạo biểu tượng về cuộc kháng

---

(2) Rô-be Mắc-na-ma-ra: *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 316

Digitized by Google

chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta cần giáo dục cho thanh niên, học sinh những nhận thức đúng về sự kiện lịch sử này.

Thứ nhất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một cuộc chiến tranh chính nghĩa vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Các nhà chính trị, quân sự, nghiên cứu lịch sử phương Tây khi dùng cụm từ *"Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai"* muốn làm nhằm lẫn tính chất của cuộc chiến tranh. Các công trình nghiên cứu và sách giáo khoa lịch sử của Mỹ và nhiều nước tư bản khẳng định rằng, cuộc chiến tranh Mỹ - Việt Nam bắt đầu từ năm 1964 khi mà "tàu Việt Nam tấn công vào tàu Mỹ trên biển. (Chính phủ Mỹ) được Quốc hội cho phép đánh miền Bắc, đổ quân vào Nam Việt Nam". Cách giải thích như vậy là phủ nhận, biện hộ cho âm mưu, quá trình Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam, dần dần thay chân Pháp, biến Việt Nam thành đất thực dân mới của Mỹ, làm căn cứ tấn công vào Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới, thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Để hiểu rõ tính chất một cuộc chiến tranh, cần làm cho học sinh hiểu rõ quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp diễn ra cuộc chiến tranh, tính chất của chiến tranh đối với hai bên tham chiến - chiến tranh chính nghĩa hay phi nghĩa, chiến tranh xâm lược hay chống xâm lược. Về điều này, V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: "có nhiều loại chiến tranh, có chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa... có chiến tranh của những giai cấp tiên tiến và chiến tranh của những giai cấp lạc hậu, có chiến tranh nhằm củng cố ách áp bức giai cấp và chiến tranh nhằm lật đổ ách áp bức ấy" (3)

Trên cơ sở các sự kiện, cần làm cho học sinh hiểu rằng, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh ở Việt Nam là để thực hiện âm mưu xâm lược. Vì vậy, nhân dân ta phải tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, toàn dân và toàn diện, với trình độ phát triển cao, chống lại và đánh lại cuộc chiến tranh xâm lược dã man, tàn khốc nhất của đế quốc Mỹ trong thế kỷ XX. Đây là nhiệm vụ thiêng liêng nhất mà mọi người dân yêu nước phải thực hiện với quyết tâm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi" (4).

Với tính chất chính nghĩa, được Đảng lãnh đạo, nhân dân Việt Nam đã kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, được nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ ủng hộ nên đã chiến thắng.

Việc giáo dục cho thế hệ trẻ không mơ hồ về tính chất của cuộc chiến tranh - chính nghĩa về phía nhân dân Việt Nam và phi nghĩa về phía Mỹ - là cơ sở để tạo niềm tin vững chắc vào cách mạng, đấu tranh chống những luận điểm sai lầm về "cuộc chiến tranh giữa quốc gia và cộng sản", "một cuộc chiến tranh về ý thức hệ" mà những bọn hiếu chiến, "những tên lưu manh hiếu chiến" đã tiến hành việc "diễn biến hòa bình" trên mặt trận tư tưởng, hòng dựng lại cái thây ma bù nhìn "Việt Nam Cộng hòa", "lá cờ quả ly" đã rách nát tơi tả.

Thứ hai, những nội dung cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cần khai thác để giáo dục thế hệ trẻ khiến họ có ý thức về trách nhiệm trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay

Một là, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục và phát huy cao truyền thống đấu tranh giành độc lập, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta từ thời dựng nước đến nay. Vì vậy, việc học tập, tìm hiểu cuộc kháng chiến này có tác dụng rất lớn đối với giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ. Trong đời sống xã hội, sự hiểu biết lịch sử không chỉ là các kiến thức cần thiết của nền văn hóa nhân loại và dân tộc

(3) V.I Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t 38, tr 403

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 407

Digitized by Google

mà còn là một công cụ giáo dục trí tuệ, tình cảm và năng lực hoạt động của con người. Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ không phải vì hoài cổ, nuối tiếc những gì đã qua mà là "ôn cố tri tân" như ông cha ta đã dạy; lấy xưa phục vụ nay như một châm ngôn phương Tây: "Từ trong lò bếp tinh thần của cha ông, chúng ta cần lấy ra không phải nắm tro tàn nguội lạnh mà là ngọn lửa đang bốc cháy".

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, chúng ta cần đi sâu vào quá khứ của dân tộc nói chung, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói riêng, để giáo dục cho thế hệ trẻ một sức mạnh hiện thực làm bệ phóng bay nhanh vào tương lai. Cần giáo dục cho họ ý thức "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!" trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Khơi dậy ở họ tinh thần "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" để đạt những thành tựu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không kém phần gian khổ như trong sự nghiệp kháng chiến chống ngoại xâm.

Hai là, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Việt Nam phải đương đầu với một kẻ địch mạnh, nhưng chúng ta đã chiến thắng. Vì, khi một dân tộc đã đoàn kết chặt chẽ, đã vùng dậy chiến đấu để giành lại quyền độc lập của mình, thì không có lực lượng phản động nào ngăn được họ và họ nhất định thắng lợi.

Đoàn kết là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, nguồn gốc của sức mạnh trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đã tiếp thụ truyền thống quý báu này, xây dựng tư tưởng về đoàn kết (dân tộc và quốc tế) trở thành *chiến lược đại đoàn kết của Đảng.* Chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược là nhờ một trong những nhân tố quan trọng nhất - sức mạnh của đoàn kết dân tộc. Vì vậy, một nhà báo đã rút ra một kết luận đúng: "Ai cũng biết rằng trong thế kỷ XX, chính vật chất là sức mạnh thời đại chúng ta, thời đại có nhiều tên gọi: thời đại năng lượng nguyên tử, thời đại phản lực, thời đại điều khiển học, thời đại chinh phục vũ trụ, thời đại thông tin hóa... Dù đặt tên cho thiết bị nào thì Mỹ cũng đều có và người Việt Nam đều không có. Sức mạnh duy nhất của Việt Nam là sức mạnh của con người" (5).

Cần phải nói thêm rằng, sức mạnh của con người Việt Nam được nhân lên nhiều lần với sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ huy động được sức mạnh toàn dân mà còn tập hợp được sự ủng hộ, viện trợ, liên minh chiến đấu của nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia. Đoàn kết dân tộc là vòng trong, đoàn kết quốc tế là vòng ngoài để tạo nên sức mạnh chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Ba là, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ khi Đảng ra đời, cuộc đấu tranh yêu nước, chống Pháp đã ra khỏi cuộc khủng hoảng và với đường lối đúng, Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi to lớn. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chứng minh đường lối của Đảng về giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, được vận dụng sáng tạo trong từng giai đoạn cách mạng, là hoàn toàn đúng. Đảng đã hoàn thành sứ mệnh mà lịch sử đã giao trong cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Và ngày nay, Đảng tiếp tục sứ mệnh của mình trong việc lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hiểu rõ điều này, thế hệ trẻ Việt Nam càng vững lòng tin vào Đảng, chống lại âm mưu của bọn phản động trong nước và quốc tế đang tìm mọi cách để hủy diệt lòng tin của nhân dân ta vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bốn là, cần làm cho thế hệ trẻ nhận thức được ý nghĩa lịch sử to lớn về thắng lợi của

(5) Duy-lơ-ran-nut: *Làn gió mát từ thành phố Hồ Chí Minh,* Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1975, tr 73 - 74

Digitized by Google

cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà nhân dân Việt Nam đã thu được bằng bao nhiêu hy sinh, mất mát. Tầm vóc của thắng lợi này không chỉ giới hạn trong phạm vi đất nước mà tỏa sáng khắp thế giới. Về điều này, Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) đã nêu rõ: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc" (6) Nhận thức đúng ý nghĩa đó, thế hệ trẻ luôn biết ơn Đảng, Bác Hồ, các thế hệ cha anh đã hy sinh đem lại thắng lợi này, tự hào về những chiến công đã qua và xác định trách nhiệm của mình với ngày nay và mai sau.

Như vậy, qua giáo dục lịch sử nói chung, qua tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta giáo dục cho thế hệ trẻ những mặt chủ yếu sau:

- Xây dựng niềm tin vững chắc vào lý tưởng cách mạng trên cơ sở nhận thức đúng sự phát triển khách quan, hợp quy luật của xã hội loài người.

- Khơi dậy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước.

- Bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng và năng lực hành động thực tiễn.

Giáo dục thế hệ trẻ những mục tiêu trên qua giáo dục lịch sử nói chung, qua tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói riêng phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Đối tượng mà chúng ta giáo dục chịu ảnh hưởng những tác động lớn của bối cảnh lịch sử, môi trường sinh sống ngày nay, khác với những thập kỷ trước, khi mà cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra. Vì vậy, phải linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tâm lí, tình cảm của tuổi trẻ trong điều kiện hiện nay mà vẫn bảo đảm những yêu cầu chung của việc giáo dục.

- Phải tôn trọng đối tượng giáo dục, tránh áp đặt, cưỡng bức, mệnh lệnh. Giáo dục là một hoạt động nhận thức; chỉ có sự nhận thức một cách tự nguyện, tự giác thì kết quả giáo dục mới cao. Việc áp đặt trong công tác giáo dục tư tưởng là biểu hiện của việc thiếu dân chủ, không bình đẳng, không tôn trọng thế hệ trẻ - những người muốn tự "khám phá" kiến thức, tự tiếp nhận việc giáo dục dưới sự hướng dẫn của người lớn, thầy giáo, chứ không thích tiếp nhận một cách thụ động, máy móc.

- Kết hợp giáo dục lý trí với tình cảm; giáo dục tư tưởng, tình cảm phải gắn với hoạt động thực tiễn.

- Người giáo dục phải làm gương cho người được giáo dục. Giáo dục "nêu gương" là một yêu cầu quan trọng đối với thế hệ trẻ; họ thường học tập, làm theo những gì người lớn nói và làm.

- Chú ý xây dựng lý tưởng, niềm tin, hình thành ý thức về thực hiện nghĩa vụ công dân đối với thế hệ trẻ để họ xác định được trách nhiệm của mình đối với dân tộc, đất nước, cách mạng, Đảng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống dân tộc và đặt cơ sở cho việc phát triển tiếp tục.

Việc giáo dục cho thế hệ trẻ tư tưởng, tình cảm cách mạng, xác định thái độ đúng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là điều quan trọng, cấp thiết. Việc giáo dục cần phải có hiệu quả với các biện pháp sư phạm. ❑

---

(6) *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 5 - 6

Digitized by Google

GIÁO DỤC TRONG ĐỐI THOẠI GIỮA CÁC NỀN VĂN HÓA, VĂN MINH VÌ HÒA BÌNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUYỄN MINH HIỂN *

TRONG lúc thế giới đang sôi động bởi xu thế toàn cầu hóa, nhân loại đang phải đối mặt với hàng loạt vấn đề chung: sự gia tăng dân số, đói nghèo, sự thiếu bình đẳng trong xã hội... thì việc cùng hợp tác giải quyết những vấn đề chung của khu vực và toàn cầu thông qua đối thoại giữa các nền văn minh, văn hóa vì hòa bình và phát triển bền vững là việc làm cần thiết và cấp bách.

Chương trình nghị sự toàn cầu về Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã nhấn mạnh: *Tất cả các nền văn minh đều tôn vinh sự thống nhất và đa dạng của nhân loại. Mỗi nền văn minh được bổ sung, hoàn thiện thêm và phát triển thông qua việc đối thoại với các nền văn minh khác.* Điều đó đã chứng tỏ, đối thoại giữa các nền văn minh sẽ tạo ra sự tiến bộ trong nhận thức và hiểu biết các giá trị chung của toàn nhân loại, để đưa ra những cam kết chung đối với việc học hỏi lẫn nhau vì sự tiến bộ và phát triển. Bằng cách đối thoại, người ta tìm ra những điểm chung giữa các nền văn hóa - văn minh để xử lý tổng thể các thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt. Thông qua đối thoại, con người sẽ gắn kết tất cả các nền văn minh và các thành tựu văn minh tạo thành di sản chung của nhân loại.

Nghị quyết của Liên hợp quốc với tiêu đề "Năm đối thoại giữa các nền văn minh" cũng đã nhấn mạnh, toàn cầu hóa không đơn thuần là một tiến trình kinh tế, tài chính hay công nghệ, nó không chỉ đem đến những lợi ích to lớn là làm sâu sắc thêm sự giao thoa giữa các nền văn hóa và văn hóa - văn minh, mà còn đưa đến những thách thức trong việc bảo vệ và tôn vinh sự đa dạng về văn hóa - văn minh của thế giới.

Văn hóa Việt Nam là một bộ phận của văn hóa nhân loại. Đất nước Việt Nam từ xưa đã là nơi giao lưu qua lại của nhiều luồng văn hóa, không phải chỉ từ phía Bắc xuống mà còn từ phía Tây sang và từ biển Đông vào. Từ rất sớm trong lịch sử, người Việt Nam đã biết tiếp thu văn hóa nhân loại, đồng thời đã hình thành, xây dựng, gìn giữ và phát triển được bản sắc văn hóa riêng của mình. Văn hóa Việt Nam, ở một mức độ nào đó, đã phản ánh tinh hoa của loài người: Triết học cổ Trung Hoa, Phật giáo Ấn Độ, văn hóa bản địa Đông - Nam Á, văn minh Pháp và phương Tây, Nga và Đông Âu... Đồng thời, chính văn hóa Việt Nam cũng có những đóng góp của riêng mình vào văn hóa

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

chung của nhân loại. Có thể nói trong văn hóa Việt Nam đã sớm hình thành *Văn hóa học hỏi* - một văn hóa mở, đối thoại, cầu thị. Nói như vậy, cũng có nghĩa là văn hóa ở đây được hiểu với nghĩa động, theo cả hai chiều lịch đại và đồng đại, bao hàm cả chiều dài thời gian lịch sử và chiều rộng không gian mở.

Ngày nay, Nhà nước và nhân dân Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Trong văn hóa truyền thống Việt Nam, *Văn hóa làng* là một thành tố cấu thành quan trọng; làng được hợp thành từ nhiều gia đình, nhiều làng họp thành quốc gia, đất nước.

Giáo dục là cốt lõi của văn hóa. Nếu xem xét từ góc độ giá trị, có thể coi bản chất của hoạt động giáo dục chính là ở việc truyền giá trị - những tinh hoa mà loài người đã kết tụ được trong văn hóa. Giáo dục mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc ở chỗ nó cung cấp kiến thức, nâng cao trí tuệ, hình thành những kỹ năng, thái độ để con người hoàn thiện mình trong quá trình phát triển. Nội dung giáo dục trong nhà trường suy đến cùng chính là giáo dục giá trị, tức là giáo dục mang đến tất cả những hiểu biết có ích, cần thiết cho người học - một cá nhân, thành viên của xã hội, và cho cả một thế hệ người, một cộng đồng người..., giúp cho một đất nước, một dân tộc đạt được trình độ học vấn nhất định làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở những nhận thức đó, giáo dục trở thành một trụ cột quan trọng của xã hội để hình thành cho mỗi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ, những hiểu biết về những giá trị đích thực. Giáo dục cũng sẽ là phương thức hữu hiệu nhất để ngăn ngừa tình trạng thiếu khoan dung, đối đầu và từ đó thúc đẩy sự đối thoại giữa các nền văn minh, và để quá trình học tập ngoài việc mở mang kiến thức còn giúp cho ta biết cách học để "cùng chung sống." Ngoài ra, giáo dục còn làm cho các cá nhân hiểu biết về các quyền của chính mình để vừa làm cho các quyền đó được người khác tôn trọng, vừa thúc đẩy ý thức bảo vệ những quyền đó của người khác. Giáo dục giúp tăng cường các mối quan hệ thân thiện giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng các quyền tự do cơ bản của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Quá trình giáo dục cần được thực hiện trong nhà trường, ở tất cả các cấp học, bậc học, thông qua giáo dục chính quy và không chính quy và ở ngoài nhà trường, tại nơi ở và nơi làm việc để tạo điều kiện cho giáo dục tiếp cận tới tất cả mọi người. Ngày nay, các phương tiện thông tin cũng đóng vai trò tích cực trong việc khuyến khích và thực hiện đối thoại.

Trước những thách thức của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố tiên quyết, quyết định tính sống còn và tồn tại của mỗi quốc gia trong một môi trường kinh tế có tính cạnh tranh quyết liệt. Kỹ năng, kiến thức, văn hóa, các giá trị và thái độ của người dân là tài sản vô giá cho bất kỳ một quốc gia nào nhằm đạt được sự ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Bên cạnh nguồn nhân lực, vốn xã hội cũng ngày càng trở nên quan trọng. Nói đến nguồn vốn xã hội là muốn đề cập đến mối quan hệ giữa các cá nhân và quốc gia. Một xã hội đặc trưng bởi kỷ cương và sự tin tưởng lẫn nhau là một xã hội mạnh, ổn định và bền vững. Cũng như vậy, sự hòa hợp và hòa bình sẽ mang lại nền tảng vững bền cho sự tăng trưởng kinh tế.

Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển nguồn nhân lực và vốn xã hội của một đất nước, dân tộc và lãnh thổ. Mục tiêu giáo dục là chuẩn bị các thế hệ để lần lượt đứng vững và vươn lên trong thế giới, cũng như làm lớn dậy trong họ ý thức khẳng định những nét đặc trưng của dân tộc và xã hội. Giáo dục cần giúp thế hệ trẻ bộc lộ hết những năng lực tiềm ẩn, phát huy ưu điểm và nuôi dưỡng họ ý thức học tập suốt đời. Chúng ta cũng cần xây dựng ý thức trách nhiệm công dân, tính

Digitized by Google

năng động trong tầng lớp trẻ, những người vừa phải gắn bó chặt chẽ với đất nước mình, vừa có vai trò là những thành viên của nhân loại, có trách nhiệm về sự tồn vong và phát triển của thế giới.

Nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ ý thức về quyền làm chủ thế giới mà họ đang sống, chúng ta phải cung cấp cho họ những cơ hội được quan sát, nhận thức, coi trọng và quan tâm đến thế giới xung quanh mình. Chẳng hạn như thông qua các chương trình, dự án liên kết, trao đổi sinh viên các nước, trong các hoạt động học tập, sinh hoạt văn hóa... Phải tạo điều kiện để thế hệ trẻ có cơ hội chia sẻ với nhau những ý tưởng và hoài bão. Thông qua đó, họ có thể học hỏi lẫn nhau từ những người đồng trang lứa ở khắp mọi miền trên thế giới.

Chất lượng giáo dục, nguồn nhân lực và vốn xã hội, còn phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ giáo viên. Ngoài nhiệm vụ truyền đạt kiến thức, giáo viên phải nhận thức được trách nhiệm nặng nề là phải thấm nhuần các giá trị đích thực và thái độ tích cực hình thành nên nhân cách của thế hệ trẻ. Diễn đàn để các giáo viên được trao đổi quan điểm, chia sẻ thông tin và phương pháp giảng dạy, thực hành là một hình thức hoạt động hiệu quả và có lợi cho việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện những cam kết toàn cầu đối với sáu mục tiêu giáo dục cho mọi người (EFA) được thông qua tại Hội nghị Đa-ca vào tháng 4-2000, Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người, giai đoạn 2003 - 2015. Trong đó, cùng với việc củng cố những kết quả đạt được trong lĩnh vực xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đã đạt được vào năm 2000, Việt Nam tiếp tục quan tâm tới mục tiêu bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục, phấn đấu đạt được mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện "cả nước trở thành một xã hội học tập". Mở rộng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho học sinh, các nhà giáo dục, các nhà khoa học Việt Nam được đi tham quan, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện qua việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Trong việc đổi mới chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, học liệu từ nhiều năm nay, Việt Nam đã tích hợp các nội dung giáo dục văn hóa hòa bình và hiểu biết quốc tế vào các môn học vừa để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

Việc chia sẻ các kinh nghiệm và cải cách giáo dục giữa các quốc gia, về các lĩnh vực cần quan tâm nhằm thúc đẩy hòa bình, sự thịnh vượng và các giá trị đích thực của con người là một việc làm rất cần thiết. Bằng các hoạt động phong phú với những nỗ lực mang tính hợp tác và đồng thuận sẽ tạo nhiều cơ hội thuận lợi để giải quyết sự khác biệt và tăng cường ủng hộ lẫn nhau trong việc xóa đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các quốc gia và bảo vệ các giá trị vì sự thịnh vượng chung của nhân loại.

Một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Việt Nam đã được Chính phủ đề ra trong *"Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010"* là: tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; của từng vùng, từng địa phương; hướng tới một xã hội học tập. Phấn đấu đưa nền giáo dục nước ta thoát khỏi tình trạng tụt hậu trên một số lĩnh vực so với các nước phát triển trong khu vực.

Để thực hiện mục tiêu này, công tác hợp tác quốc tế về giáo dục cần được tăng cường hơn nữa. Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với

Digitized by Google

các trường, các cơ quan nghiên cứu có uy tín và chất lượng cao trên thế giới nhằm trao đổi những kinh nghiệm tốt, phù hợp với điều kiện Việt Nam và tăng thêm nguồn lực phát triển giáo dục. Huy động nguồn lực từ hợp tác quốc tế để tăng cường trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục phổ thông, nhất là ở các vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tăng dự án viện trợ, vốn vay để đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu và chuyển dịch cơ cấu lao động và xuất khẩu lao động.

Hợp tác đầu tư xây dựng một số trung tâm công nghệ cao trong các cơ quan đào tạo đại học; nhập thiết bị thí nghiệm khoa học tiên tiến để nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Phát triển dự án trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu giáo dục nói riêng của cơ sở đào tạo đại học, các viện, các trung tâm chuyên nghiên cứu về giáo dục; trao đổi thông tin, tổ chức các hội thảo, hội nghị quốc tế; tham gia hoạt động của các cơ quan thuộc Liên hợp quốc, Tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức khu vực Á - Âu và các tổ chức khác.

Khuyến khích các chủ đầu tư nước ngoài có kinh nghiệm, tiềm lực, truyền thống và trình độ tiên tiến, thành lập các cơ sở giáo dục 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh với các đối tác Việt Nam để đào tạo đại học, dạy nghề, giáo dục từ xa, mở các khóa bồi dưỡng ngắn hạn có trình độ khu vực và quốc tế tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và quản lý tốt việc du học tự túc.

Nâng cao chất lượng của giáo dục trong đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh sẽ góp phần thiết thực vào việc tăng cường các quan hệ đối tác một cách thực chất vì hòa bình và thịnh vượng cho các dân tộc. Đồng thời, đem lại một động lực mới cho tiến trình văn hóa hòa bình do UNESCO khởi xướng thông qua thập kỷ quốc tế về văn hóa hòa bình và phi bạo lực vì trẻ em đang được hưởng ứng trên phạm vi toàn cầu. ❑

PHÁT HUY TINH THẦN...

(Tiếp theo trang 10)

truyền thống Đồng khởi đẩy mạnh phong trào thi đua "Đồng khởi mới", tập trung lãnh đạo thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn đảng làm động lực, tiền đề thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, liên tục và bền vững, gắn liền với việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc trên địa bàn; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là vùng xa, vùng sâu". Với tư tưởng chỉ đạo trên, với tinh thần "Đồng khởi mới", Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu trong năm 2005: tăng trưởng GDP từ 10% trở lên; thu nhập bình quân đầu người đạt 450 USD; giảm hộ nghèo còn dưới 4%, tỷ lệ lao động thất nghiệp dưới 4%, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 26% trở lên. 60% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; 30% xã, phường, thị trấn, 50% ấp, khóm, 80% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, 100% trạm y tế có bác sỹ; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 23%. Kết nạp 1.400 đảng viên; giữ vững và nâng cao tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh toàn diện. Hoàn thành việc nhựa hóa, bê-tông hóa đường liên xã, ấp ở nông thôn.

Nhiệm vụ đặt ra cho năm 2005 là khá nặng nề và chặng đường phía trước còn nhiều thách thức. Song với truyền thống Đồng khởi và những gì đã đạt trong thời gian qua, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng sẽ giành thắng lợi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quyết tâm vượt qua đói nghèo, vươn tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xứng đáng với truyền thống của quê hương Đồng khởi. ❑

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN GẮN VỚI TỔNG KẾT THỰC TIỄN NHẰM PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NHỊ LÊ

QUA nửa thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là sau gần 20 năm đổi mới, trong hàng loạt vấn đề nóng bỏng, việc xác lập mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội và kiến tạo con đường xã hội chủ nghĩa dù đã *"ngày càng rõ hơn"* nhưng vẫn đang còn không ít luận đề đòi hỏi giải quyết một cách cấp bách, có tính chất cấp thiết hàng đầu. Đó không chỉ là thách thức về sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn quyết định sự thành bại của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ III. Đó cũng là trọng trách khó khăn nhưng rất vinh quang của Đảng ta trước vận mệnh của đất nước, đáp ứng nguyện vọng tha thiết và cháy bỏng của nhân dân ta; quyết định sứ mệnh lịch sử của Đảng trước dân tộc ta hiện nay và trong tương lai.

Nhận thức sâu sắc những thử thách và trọng trách đó, Đảng ta khẳng định: "Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận (trong nước và thế giới), tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"[1], tiến tới Đại hội X của Đảng, mở ra thời kỳ mới trong sự nghiệp đổi mới.

1 – Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận cơ bản gắn chặt với nghiên cứu lý luận ứng dụng và nghiên cứu triển khai về chủ nghĩa xã hội

Trong hàng loạt vấn đề lý luận, trước mắt nổi bật hai điểm then chốt và cơ bản: *một là,* nhận thức lại chủ nghĩa tư bản từ truyền thống tới hiện đại; và *hai là,* đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội từ lý luận tới thực tiễn.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ bước ngoặt đầy biến động lịch sử của những năm đầu thế kỷ XXI. Bối cảnh đó cho thấy, những suy ngẫm về thế giới đương đại nói chung, nhất là "thế giới tư bản chủ nghĩa" cần không ngừng đổi mới. Những sự đánh giá đơn giản về nó được đưa ra từ đầu thế kỷ XX đã gây thất vọng lớn, thậm chí hoảng loạn cho những ai nôn nóng, giáo điều. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ, rõ ràng vì sao chủ nghĩa tư bản lại vẫn tỏ ra có sức sống đến vậy? Có một lý do đáng nói là, chúng ta một thời dường như bằng sự nôn nóng và máy móc đã quên đi cách xem xét của C. Mác và lời nhắc nhủ của Người, khi nhìn nhận xã hội tư bản, phải "hiểu biết sự vĩ đại và tính tất yếu

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 26

Digitized by Google

nhất thời" của nó. Và V.I. Lê-nin cũng có lời cảnh báo tương tự, khi Người chưa một lần coi khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản là sự trì trệ: "Nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm... Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước"(2). Vấn đề cấp bách ở đây là, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu một cách căn bản các "dung mạo" của chủ nghĩa tư bản: ở Tây Âu, ở châu Mỹ, ở châu Á... để tiếp tục tìm ra và làm rõ hơn *những quy luật và những vấn đề có tính quy luật, nét tương đồng và dị biệt* trong sự phát triển của chúng. Điều này hết sức quan trọng về mặt phương pháp trong việc nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin đã nghiêm khắc phê phán những ai tự hạn chế ở chỗ đem chủ nghĩa xã hội đối lập một cách cứng nhắc và "điên rồ" với chủ nghĩa tư bản.

Đó cũng chính là *cái lô–gíc về tính toàn vẹn và phụ thuộc lẫn nhau về các hình thái kinh tế – xã hội khác nhau* trong bước phát triển tất yếu của thế giới. Đương nhiên, như thế không có nghĩa là sự phụ thuộc lẫn nhau ấy sẽ kết thúc mọi cuộc đấu tranh; trái lại, cuộc đấu tranh càng diễn ra phức tạp, đa dạng, nhiều cấp độ hơn và quyết liệt hơn. Cho nên, việc nghiên cứu những tác động qua lại của các hình thái kinh tế - xã hội, sự vận động đấu tranh và phát triển của chúng trong *khuôn khổ tính toàn vẹn, thống nhất* của thế giới phải trở thành một vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận cơ bản của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là, trong khi xây dựng quan niệm chủ nghĩa xã hội đầu thế kỷ XXI, phải nghiền ngẫm không chỉ sự đối lập mà cả mối liên hệ tất yếu và tính kế thừa biện chứng giữa các hình thái kinh tế - xã hội. Điều này ngày càng trở nên phù hợp với thực tế lịch sử rằng, những mặt đối lập của mâu thuẫn biện chứng nằm trong cả sự loại trừ lẫn nhau, cũng như trong sự xâm nhập lẫn nhau trong mỗi bước phủ định biện chứng một cách tất yếu.

Trong quá trình hình thành và phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa, do đó, không thể không coi trọng việc kết hợp một cách tự giác những mặt đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội một cách biện chứng. Bởi, những mặt đối lập đó lại hàm chứa những thành tố tác động một cách khách quan theo cùng một hướng, tạm thời trùng hợp với nhau ở mặt này hay mặt kia, ở mức độ này hay mức độ khác. Chúng ta đã nỗ lực hành động theo hướng đó, tuy chưa đủ tầm, nhưng đã từng bước kiến giải rõ dần những vấn đề căn bản. Chẳng hạn, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, nhiều người cho rằng đó là điều "kỳ lạ", "phi lý", nhưng đó chính lại là bước xuyên qua chủ nghĩa tư bản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây lại chính là vấn đề chưa bao giờ C. Mác và Ph. Ăng-ghen có điều kiện đề cập. Song, ở vấn đề này, C. Mác đã cho ta một kinh nghiệm lớn, khi Người phân tích một cách khoa học, một xã hội và một sự tiến bộ nhất định của nó, tức là: "xã hội tư bản chủ nghĩa và sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa"... Theo hướng đó, chúng ta quyết tâm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là *tất yếu*, là *nhu cầu* của sự phát triển của chúng ta.

Mặc dù tình thế lịch sử toàn thế giới hiện nay trước sự phát triển của kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa kinh tế có thể quy định sự biến đổi nào đó tính quy luật của mọi hình thái kinh tế - xã hội nhưng dưới hình thức này hoặc hình thức khác, chúng ta không thể không tái tạo những mặt khác nhau nhất của xã hội tư bản chủ nghĩa trong bước phủ định tất yếu theo quy luật đối với nó trên mỗi bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta sẽ không thật sự hiểu được những hình thái khác nhau trong thế giới ngày nay nếu chỉ nhìn chúng trong sự "thuần khiết" và nhất là sự tách rời mối liên hệ giữa chúng với nhau. Đó là thách

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 27, tr 536

Digitized by Google

thức không nhỏ của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay.

Nếu việc nghiên cứu những quy luật tác động qua lại của các hình thái, sự vận động và phát triển của chúng trong khuôn khổ của tính toàn vẹn thống nhất của thế giới phải trở thành vấn đề căn bản *thứ nhất* của việc phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thì tới đây, vấn đề *thứ hai* là, cần tập trung làm rõ *lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội* trên các bình diện khác nhau.

Do đó, sự phát triển không ngừng lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đang trở thành vấn đề hết sức cấp bách, cho dù con đường xã hội chủ nghĩa của chúng ta "ngày càng rõ hơn". Vì, các nhà kinh điển *chưa đưa ra một mô hình hoàn chỉnh* về xã hội xã hội chủ nghĩa, mà *chỉ mới phác thảo một số đặc trưng cơ bản* của nó. Cho nên, con đường sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội càng trở nên rộng rãi trong việc xác lập diện mạo và chất lượng mới của chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi vừa trung thành nhưng phải vừa sáng tạo để không ngừng phát triển lý luận mác-xít nhằm đẩy nhanh công cuộc đổi mới xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Từ toàn bộ những điều đó, tối thiểu sẽ dẫn tới mấy ***vấn đề cơ bản*** sau đây trong việc tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Một là: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử *lâu dài và đầy phức tạp*, thậm chí có những khúc quanh, những khúc thất bại tạm thời. Phải nhấn mạnh điều này để khắc phục các thái độ bi quan, yếm thế hoặc lạc quan tếu hoặc giáo điều trong nghiên cứu và trong hoạt động thực tiễn. Chủ nghĩa tư bản đã mất gần năm trăm năm để hình thành và phát triển như ngày nay. Chủ nghĩa xã hội - một hình thái cao hơn chủ nghĩa tư bản - có thể giải quyết được nhiệm vụ của mình trong mấy chục năm không? Chắc chắn là không. Hơn nữa, tính chất lâu dài và phức tạp của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội lại nằm ngay trong mục tiêu cơ bản của nó. Tính chất này còn bị quy định bởi loạt yếu tố khác như điểm xuất phát của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, rất thấp và thậm chí quá thấp. Do đó, việc kiến giải vấn đề phát triển tuần tự kết hợp với phát triển nhảy vọt biện chứng, quá độ rút ngắn lên chủ nghĩa xã hội... đối với chúng ta càng trở nên cấp bách. Nói như Hồ Chí Minh, "chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp "cách làm" chứ không chỉ là đường lối" và có "mục đích". Do đó, cần phải *dự báo và phác thảo* một cách khoa học những chặng đường, bước đi, những thời kỳ, giai đoạn một cách phù hợp và hiệu quả. Trọng trách đó trước hết thuộc về công tác lý luận.

Hai là: Việc tiếp tục nghiên cứu và làm rõ cái chung và cái riêng, cái phổ biến, cái đặc thù và cái đơn nhất, trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng trở nên bức bách. Đây chính là vấn đề *tính thống nhất và tính đa dạng* của chủ nghĩa xã hội. Nói như V.I. Lê-nin: Cần phải thúc đẩy sự phát triển độc lập của chủ nghĩa Mác ở từng nước. Các nước xã hội chủ nghĩa đều có mục tiêu chung, nhưng mỗi nước đi tới mục tiêu chung đó lại không hoàn toàn giống nhau, vì vậy phải tìm tòi con đường riêng và cần phù hợp với điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội ở mỗi nước. Chúng ta cũng vậy. Trước đây, chúng ta thường nhấn mạnh một chiều tính thống nhất, cái chung, cái phổ biến mà xem nhẹ tính đa dạng, cái riêng, cái đặc thù. Do vậy, cùng với việc *chuẩn hóa* lại các quy luật chung của chủ nghĩa xã hội, rất cần đề cập đến và *xác lập* các "con đường", các "bước đi" cụ thể và các tính quy luật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhằm "có thể rút ngắn và giảm bớt những cơn đau đẻ", như C. Mác nói. Bởi lẽ, ngày nay "chúng ta không biết và không thể biết được có bao nhiêu dân tộc bị áp bức sẽ thực tế cần đến phân lập để có thể góp phần của mình vào *những hình thức* muôn màu muôn vẻ của chế độ dân chủ và của bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội".

Digitized by Google

Hồ Chí Minh nói: "Cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống ở phương Tây...", "ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội".

Ba là: Một trong những tiền đề quan trọng nhất để biến chủ nghĩa xã hội từ lý tưởng thành hiện thực chính là phải xây dựng một *nền kinh tế năng động và hiện đại;* đồng thời, xác lập *một thể chế chính trị phù hợp.* Nói khái quát, phải xác lập cho được một *nền văn hóa của sự phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đây cũng chính là một mục tiêu trước mắt của chủ nghĩa xã hội. Trên phương diện này, cả lý luận và thực tiễn đang cấp bách đòi hỏi giải quyết hàng loạt vấn đề: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì và nó như thế nào?, vai trò quản lý của Nhà nước ta với nó ra sao?, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì?, sự lãnh đạo của Đảng ta trong điều kiện đó như thế nào?, độc lập dân tộc và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là gì và như thế nào?, về quan niệm những giá trị nhân loại chung và việc chúng ta sử dụng những giá trị chủ nghĩa tư bản vì chủ nghĩa xã hội ra sao?, v.v..

Trong việc nhận thức, nếu chỉ tự gò mình vào phương pháp đem đối lập máy móc hôm nay với hôm qua, đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, ngoảnh mặt với các hình thái kinh tế - xã hội khác... là tự làm khô cứng chủ nghĩa xã hội, tự cô lập mình, và rốt cuộc vô hình rơi vào siêu hình, máy móc.

Ngày nay, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ một ngày tiến bằng cả trăm năm, sự phát triển của kinh tế tri thức vô cùng mạnh mẽ cả về quy mô, tính chất và chiều sâu của nó, xu thế toàn cầu hóa kinh tế đã và đang làm đảo lộn thế giới. Nói cách khác, *đó là một kịch tính mang tầm vóc và ý nghĩa toàn cầu.* Các vấn đề trên đối với sự phát triển của việc nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội phải trở thành công việc cấp bách. Không phải ai khác mà chính C. Mác không ít lần nhấn mạnh, trong cuộc sống diễn ra những sự thay đổi thường xuyên có ý nghĩa thế giới quan, nảy sinh những ngành kiến thức mới, những quan niệm và tư tưởng mới, rằng sự phát triển của tư duy phụ thuộc vào những điều kiện và tình huống cụ thể. Trong thế giới phát triển và đang phát triển có rất nhiều ý tưởng độc lập. Do vậy, hiện nay cũng như trong tương lai, điều cần thiết là phải suy nghĩ và hành động một cách độc lập theo tiếng gọi của mệnh lệnh độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Bốn là: Con người thật sự phải là *trung tâm* của chủ nghĩa xã hội. Mọi sự phát triển phải xoay quanh con người, vì con người và cho con người chứ không phải con người xoay quanh các sự phát triển. Đó là sự phát triển nhân văn và bền vững. Đó cũng chính là mệnh đề cao nhất mà nhân loại cần hướng tới của thế kỷ XXI. Đối với chúng ta, đây chính là *mục tiêu tối thượng của chủ nghĩa xã hội:* tất cả từ con người, vì con người, cho con người và thuộc về con người. Do đó, mối quan hệ giữa *nhân học* và *chính trị – xã hội* phải trở thành một trong những vấn đề cơ bản của lý luận về chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Thực tế cho thấy, trong việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội, nếu chúng ta chỉ khư khư coi mọi luận đề là "nhất thành bất biến", đều phù hợp với mọi trường hợp của cuộc sống thì vô hình trung, đã biến lý luận thành một lược đồ cứng nhắc, làm cho nó mất khả năng tự phát triển, và do đó, mất sự tác động có hiệu quả đến thực tiễn và tiến trình lịch sử. Do đó, xây dựng một *cách nhìn toàn diện;* đồng thời *phân tích cụ thể những tình huống cụ thể* là phương pháp quan trọng bậc nhất trong việc nhận thức chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Không thể không xem trọng tương quan giữa cái lô-gích và cái lịch sử. Chỉ có như vậy, lý luận về chủ nghĩa xã hội ở nước ta mới thực sự có cơ hội và môi trường để tiếp tục tiến lên.

Digitized by Google

2 – Tổ chức thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn nhằm tiếp tục phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nói như vậy cũng có nghĩa là nói tới sự cần thiết phải phát triển lý luận một cách sáng tạo nhằm mục tiêu *góp phần xác lập một đường lối độc lập sáng tạo lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta.* Trong quá khứ, sự phát triển ấy được quy thành một sự kết hợp ít nhiều máy móc đã khiến cho lý luận về chủ nghĩa xã hội bị phá vỡ tính chỉnh thể, do tình trạng chắp vá, giáo điều, đã làm cho lý luận lạc hậu, mất tác dụng dẫn dắt thực tiễn trong khi thực tiễn lại vận động một cách tự phát vì thiếu lý luận đúng đắn dẫn đường.

Tất nhiên, không phải vì thế rồi coi lý luận là một điểm tựa có thể lập tức giải quyết được mọi vấn đề. Nhưng lịch sử chứng minh, không có một nền lý luận đúng đắn thì thực tiễn rất khó đạt được một sự tiến bộ nào. Cuộc sống luôn diễn ra hết sức phức tạp, muôn màu không chỉ về tính chất, mức độ và cả về quy mô. Và muốn giải quyết những vấn đề ấy một cách kịp thời và đúng đắn, cần phải nâng cao trí tuệ và hiệu quả hoạt động của Đảng với tư cách là mắt khâu sáng tạo và nối lý luận với thực tiễn cách mạng. Do đó, *tổ chức tốt thực tiễn, kịp thời và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn là con đường duy nhất đúng để phát triển lý luận cách mạng.*

Lịch sử cách mạng nước ta xác nhận: Từ thực tiễn tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm ra bản chất, quy luật vận động đặc thù của Việt Nam, đề ra đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo cho cách mạng Việt Nam; và đây là một trong những bài học lịch sử vô giá làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của lý luận về chủ nghĩa xã hội. Đó là *sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn* nhằm vừa nâng cao trình độ lý luận và nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Đây không chỉ là vấn đề *thuộc về nguyên tắc* cao nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là một *nhu cầu nội tại* của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cố nhiên, coi trọng thực tiễn không phải là sự đồng nghĩa với chủ nghĩa thực dụng, thiển cận, kinh nghiệm chủ nghĩa; đồng thời, đề cao lý luận càng không có nghĩa là lý luận tự thân, hoặc lý luận suông. Hàng loạt căn bệnh: nóng vội, chủ quan, giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa hay bảo thủ, trì trệ nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa hội mấy chục năm qua của chúng ta, một phần quan trọng là do sự ấu trĩ hoặc lệch lạc trong việc nhận thức vấn đề có ý nghĩa cốt tử này.

Bởi vậy, trong việc tổng kết kinh nghiệm, trước hết phải bám sát thực tiễn đất bước trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống nhân dân ta. Qua đó, phát hiện, tìm tòi những hình thức, bước đi, phương pháp phù hợp cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực đó. Cố nhiên, trong toàn bộ sự vận động đa dạng và phức tạp đó, phải nhận rõ nét *bản chất nhất*, xu hướng có *tính chủ đạo* của hiện thực chứ không phải là thực tế vụn vặt của một phương diện nào đó. Cần kế thừa nhưng biết phủ định biện chứng nhằm bảo đảm sự nhất quán và phát triển liên tục trong quá trình xây dựng các quan điểm lý luận và thực tiễn về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các kinh nghiệm đã thu được phải tiếp tục được khảo nghiệm trong thực tế, thông qua đó để kiểm nghiệm sự đúng sai, chú ý tiếp thu những sáng tạo của quần chúng, của cơ sở để không ngừng phát triển, bổ sung, điều chỉnh các kinh nghiệm đó theo sự phát triển của thực tiễn đất nước làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách và kế hoạch của Nhà nước, gắn lý luận với thực tiễn và lấy thực tiễn để kiểm chứng, bổ sung và phát triển lý luận.

Digitized by Google

Đồng thời, trong việc tổng kết kinh nghiệm, cần không ngừng thâu thái, phân tích và tiếp thụ có chọn lọc các *kinh nghiệm của các nước* trên thế giới và trong khu vực với thái độ *thực sự cầu thị* không kỳ thị, không xa lánh, với phương pháp *độc lập, sáng tạo*, nhất là không rập khuôn và không thực dụng. Đó chính là con đường hiệu quả nhất để khắc phục sự chủ quan, duy ý chí, sự mầy mò thiển cận, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta tiến lên đúng hướng vừa đáp ứng những yêu cầu phát triển của đất nước vừa phù hợp với xu thế vận động của thời đại, nhất là góp phần vào việc phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ các công việc trên đây, xét về thực chất, là *nhằm tới mục tiêu xác lập một đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo để Đảng ta lãnh đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc* trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là việc hệ trọng, to lớn và nặng nề. Nó đòi hỏi chúng ta:

- Nắm vững những luận điểm khoa học có giá trị bền vững trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đứng vững trên quan điểm duy vật và phương pháp biện chứng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Phân tích quy luật vận động của xã hội Việt Nam trong lịch sử và đương đại thông qua sự tổng kết lịch sử một cách toàn diện và sâu sắc qua từng thời kỳ phát triển khác nhau, thâu thái những kinh nghiệm tốt của các nước, những tinh hoa của thế giới.

- Có tinh thần phê phán và tự phê phán một cách khách quan, khoa học, không thỏa mãn với những kết quả đã đạt được; đấu tranh không khoan nhượng với những quan điểm sai trái, những lực lượng chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, cố ý làm vẩn đục sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Để thực hiện tốt việc đó, trước mắt:

- Xây dựng một *cơ chế* phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học - thực tiễn thật sự đồng bộ, dân chủ và hiệu quả giữa khoa học chuyên ngành (chủ nghĩa xã hội khoa học) với các khoa học liên ngành (kinh tế học chính trị, sử học, xã hội học, văn hóa học...) tạo nên sức mạnh tổng hợp của sự nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai, khắc phục tình trạng khép kín, chắp vá. Nói như Ph. Ăng-ghen: Khoa học càng được tiến hành một cách dũng cảm và vô tư thì nó càng phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của giai cấp công nhân.

- Tổ chức có hiệu quả việc kết hợp khoa học - thực tiễn trên cơ sở chú trọng xây dựng điển hình thực tiễn (trên từng lĩnh vực kinh tế, xã hội), tổng kết kinh nghiệm, xác lập mô hình và nhân rộng mô hình một cách thận trọng và phù hợp.

- Trân trọng và cổ vũ, phân tích và tổng kết những kinh nghiệm mới, sáng kiến mới của cơ sở, của các ngành, các địa phương, các lĩnh vực... trong quá trình tổ chức thực tiễn đường lối cách mạng.

- Phát huy sức mạnh và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân trong việc hoạch định đường lối, tổ chức thực tiễn và sửa đổi, bổ sung đường lối, làm cho nó ngày càng khoa học, đúng đắn và phù hợp với điều kiện nước ta và bối cảnh thời đại.

Hiện nay, điều quan trọng không chỉ ở chỗ hoan nghênh những chuyển biến đang diễn ra mà tiếp tục đẩy mạnh chúng hơn nữa, bằng *cách tạo được một bầu không khí tranh luận lành mạnh và mạnh dạn tìm tòi và cổ vũ cái mới*, nhằm tạo một sự chuyển biến căn bản trong sự phát triển lý luận cách mạng và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội sao cho lời nói của chúng ta không tách khỏi việc làm. Đó cũng chính là những thành tố tạo nên chỉnh thể và của sự phát triển lý luận - thực tiễn bảo đảm đưa nước ta tiếp tục vững bước tiến trên con đường xã hội chủ nghĩa một cách mạnh mẽ và bền vững.❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
là một bảo đảm của định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

LÊ XUÂN ĐÌNH

ĐẢNG ta vừa chủ trương tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, vừa không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Trong những nội dung của quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường Đảng đã có quan điểm rất rõ ràng về phát triển bền vững. Tư tưởng chiến lược trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng là *phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.* Như vậy, có thể khẳng định rằng, phát triển bền vững là một nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Để triển khai sâu thêm mệnh đề đó, bước đầu xin nêu mấy nội dung sau:

1. Nguồn gốc khái niệm và cơ sở lý luận của phát triển bền vững. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước phát triển, thi nhau khai thác tài nguyên thiên nhiên, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và tìm kiếm thị trường để làm giàu. Điều đó không chỉ nhìn thấy được ở các mô hình kinh tế của các nước công nghiệp phát triển ở phương Tây, mà có cả trong mô hình kinh tế các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là ở Liên Xô. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung đã làm nảy sinh một kiểu làm việc không có động lực tiết kiệm chi phí, triệt tiêu các động lực ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ để giảm giá thành, tăng năng suất và chất lượng, cho dù trên thực tế đã phát động nhiều phong trào thi đua với nhiều khẩu hiệu về tiết kiệm và hiệu quả.

Những nhà khoa học tiến bộ trên thế giới đã phát hiện ra rằng, với xu thế kinh tế thế giới như vậy, xã hội loài người sẽ đương đầu với nhiều nguy cơ và thảm họa trong tương lai gần, đó là ô nhiễm môi trường sống, đào sâu hố ngăn cách giữa nhóm người giàu và nhóm người nghèo, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên (chẳng hạn, chỉ với hơn 6 tỉ dân trên toàn thế giới như hiện nay, nếu tất cả các quốc gia đều phát triển, có mức sống và lối sống như người Mỹ, thì nguồn tài nguyên cần thiết cho quá trình phát triển ấy sẽ lớn bằng 15 lần trái đất của chúng ta đang có)[1].

Trước nguy cơ đó, phản ứng đầu tiên là phải giảm mức sử dụng tài nguyên và sản xuất. Ý tưởng đó mới đầu chưa làm cho các nước ủng hộ. Nước nghèo và chậm phát triển thì vin vào lý do mất cơ hội nâng cao mức sống vật chất, nước giàu thì chống lại vì không thể giải quyết việc làm và bị hấp dẫn bởi các món lợi nhuận khổng lồ đang hứa hẹn... Tuy vậy, những cảnh báo có cơ sở khoa học đã trở thành một tiếng chuông cảnh tỉnh nhận thức chung của mọi người.

Về mặt lý luận đã có sự phân biệt giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

(1) Xem: *Thông tin Công tác tư tưởng lý luận*, số 11-2004, tr 49

Digitized by Google

Tăng trưởng chỉ phản ánh mặt vật chất một chiều và phiến diện về sự tăng lên của doanh lợi. Phát triển kinh tế coi sự gia tăng - "thêm" ấy không đồng nhất với "tốt hơn". Trên cơ sở đó, nếu tăng trưởng mà làm cho phân cực giàu nghèo, làm hủy hoại đến môi trường sinh thái, thì sự tăng trưởng đó không thể là "tốt hơn" được. Và vì vậy phát triển kinh tế là một khái niệm rộng, bao hàm toàn bộ các khía cạnh về vật chất (thêm) và tinh thần, kinh tế và xã hội, chất lượng cuộc sống và văn hóa... làm cho xã hội tiến bộ không ngừng, con người được phát triển toàn diện (trong đó có thụ hưởng về vật chất, trí tuệ, môi sinh, văn hóa, xã hội...).

Trước những cảnh báo về nguy cơ đối với sự sống trên trái đất do chính bàn tay con người gây nên, năm 1972, Hội nghị Liên hợp quốc về môi trường tại Stốc-khôm, Thụy Điển đã được triệu tập. Khái niệm mới ra đời, đó là "phát triển tôn trọng môi sinh" với nội hàm là bảo vệ môi trường, tôn trọng môi sinh, quản lý hữu hiệu tài nguyên thiên nhiên, thực hiện công bằng và ổn định xã hội.

Những cảnh báo khoa học nghiêm túc đã làm cho các quốc gia dần từng bước ý thức được mối liên hệ nhân quả giữa lối sống của loài người với môi trường sinh thái, giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, khái niệm phát triển bền vững xuất hiện. Đến năm 1987, Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển mới tiếp thu và triển khai trong Bản phúc trình mang tựa đề *"Tương lai của chúng ta"*, trong đó đã đưa ra định nghĩa: *"Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại nhưng không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của chính họ"*.

2. Phương thức thực hiện phát triển bền vững và kết quả khác nhau của các quốc gia. Năm 1992, Liên hợp quốc tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh về môi trường và phát triển tại Ri-ô đờ Gia-nê-rô (Bra-xin). Tại đây các quốc gia đã thỏa thuận một chương trình nghị sự về phát triển bền vững cho thế kỷ XXI (gọi tắt là Agenda 21), và cũng đã thông qua được Công ước chung, theo đó viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho các nước nghèo thuộc thế giới thứ ba cần phải chiếm ít nhất 0,7% tổng sản phẩm quốc dân (GNP) của các quốc gia công nghiệp phát triển. Mười năm sau, năm 2002, Liên hợp quốc lại tổ chức Hội nghị khác tại Jô-han-ne-xbớc (Bồ Đào Nha) đã xác định phải xúc tiến và thực hiện Agenda 21 và đề ra các mục tiêu cho thiên niên kỷ.

Trong phát triển bền vững mà hiện nay các quốc gia đều theo đuổi, có ba nội dung cơ bản là: bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, và duy trì tốc độ ấy trong một thời gian dài; môi trường sinh thái được bảo vệ một cách tốt nhất; đời sống xã hội được bảo đảm hài hòa.

Những nội dung chung nhất ấy đang được hiểu và thực thi trong những mô hình kinh tế và thể chế chính trị rất khác nhau. Và vì vậy kết quả đem lại cũng không giống nhau. Trong lúc nhiều quốc gia cam kết cắt giảm lượng phát thải công nghiệp theo Nghị định thư Ky-ô-tô, thì Mỹ, nước đang phát thải trên dưới 30% toàn cầu, lại tìm mọi lý do để từ chối, thậm chí đòi mua lại "tiêu chuẩn" phát thải của các nước nghèo, "xuất khẩu" nhà máy có lượng phát thải lớn ra ngoài lãnh thổ... Tính đến đầu thế kỷ XXI các nước đều giảm dần tỷ lệ viện trợ phát triển chính thức. Mỹ cũng là nước chi ít nhất cho viện trợ phát triển chính thức. Trong khi đó một số nước như Hà Lan, Thụy Điển chi tới 0,8%.

Thực tiễn nhiều quốc gia trên thế giới đã làm rõ nguyên lý cơ bản là, muốn tăng trưởng kinh tế nhanh phải có phương thức huy động tối đa mọi tiềm năng, nguồn lực hiện có cho đầu tư phát triển. Nhiều nước đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao nhờ đầu tư lớn, khai thác mạnh các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thế nhưng, việc chạy theo những chỉ tiêu về tốc độ thường kéo theo đầu tư tràn lan, tạo ra tình trạng thiếu hiệu quả và tham nhũng... dẫn đến mất cân đối

Digitized by Google

trong phát triển, đến một mức nào đó khi khủng hoảng xảy ra sẽ làm tiêu tan rất nhanh chóng những gì đã đạt được. Bởi vậy, phát triển kinh tế thị trường ngày nay không thể không có bàn tay can thiệp của con người với ý thức, trách nhiệm cao trong việc bảo đảm lợi ích cho cả trước mắt và lâu dài. Vai trò điều tiết của nhà nước là không thể thiếu được, mô hình kinh tế hỗn hợp đang trở thành một xu thế chung, nhưng trong đó bản chất của các nhà nước khác nhau sẽ đem lại những kết quả phát triển khác nhau. Mô hình kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam sẽ là một câu trả lời cho việc thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững.

Về phương diện lý luận, nền kinh tế thị trường có những nét riêng, bao gồm những quy luật và các phạm trù kinh tế đặc thù, mà bất kỳ quốc gia nào muốn phát triển nó cũng đều phải tuân thủ và vận dụng. Chẳng hạn, quy luật giá trị và giá cả thị trường, quan hệ cung - cầu, cạnh tranh thị trường... Phát triển nền kinh tế thị trường là biện pháp, là phương tiện để đạt được mục đích kinh tế - phát triển nhanh, hiệu quả. Nhưng những hạn chế, những mặt trái của kinh tế thị trường, tự thân nó, không thể bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Trong kinh tế thị trường, con người có thể kiếm được nhiều tiền lãi bằng hành động hủy hoại ngay cả một nguồn của cải có ích nào đó do chính bàn tay con người tạo ra. Chẳng hạn, có nước tư bản đã đổ xuống biển hàng vạn tấn khoai tây để chống rớt giá. Những bế tắc của kinh tế thị trường đang đặt ra vấn đề cần có sự thay đổi một cách căn bản, có tính cách mạng trong phương thức sản xuất, tác động vào giới tự nhiên để tạo ra các giá trị sử dụng cần thiết cho con người và phải *đi đôi với việc định hướng tiêu dùng, xây dựng văn hóa tiêu dùng*. Nguyên lý "cứng nhắc" của thị trường về sự khan hiếm sẽ bị thu hẹp tầm ảnh hưởng trong tương lai bằng sự xuất hiện những thành tựu mới về công nghệ, năng lượng, vật liệu, kinh tế tri thức... Nói cách khác, các lợi thế về tài nguyên thiên nhiên sẽ lùi dần vào vị trí thứ yếu, thay vào đó là nguồn lực trí tuệ của con người đang tìm kiếm những nguồn nhiên liệu, vật liệu mới, những công nghệ tiêu tốn ít nhiên liệu nhất..., nghĩa là nới rộng dần giới hạn khan hiếm cố hữu của cách tiếp cận thị trường.

Từ những phân tích trên, bước đầu có thể khẳng định mấy vấn đề cơ bản như sau:

Một là, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa qua đã đạt được những kết quả bước đầu. Sau 30 năm ra khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc, nhân dân Việt Nam chẳng những đã nhanh chóng khắc phục những hậu quả do chiến tranh để lại, mà còn dành được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong phát triển kinh tế luôn thể hiện một cách toàn diện tư tưởng bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ngay trong từng bước phát triển [2].

Hiện nay Việt Nam cũng được thế giới công nhận đang thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ: thành tích xóa đói giảm nghèo; phổ cập giáo dục tiểu học; thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ; cải thiện sức khỏe bà mẹ; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; phòng chống HIV/AIDS, bệnh sốt rét và các bệnh khác; bảo đảm môi trường bền vững; tăng cường đối tác toàn cầu về phát triển [3].

Tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng đã khẳng định: "Nhìn lại 20 năm đổi mới... thành tựu đạt được là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử, trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận... Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và

(2) Đánh giá tại Diễn đàn "Gặp gỡ Việt Nam 30 năm sau chiến tranh trong khuôn khổ Diễn đàn xã hội thế giới lần thứ 5 (WSF-5), diễn ra tại Bra-xin, ngày 29-01-2005

(3) Đánh giá của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Hội thảo "Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và vai trò của báo chí" tổ chức tại Hà Nội, ngày 29-01-2005

Digitized by Google

sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đường lối đó được nhân dân ta tích cực ủng hộ và quyết tâm thực hiện. Thành tựu đó được thế giới hoan nghênh và thừa nhận" (4).

Tuy vậy, với tinh thần thực sự cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, không né tránh trách nhiệm, không tự mãn với những gì đã đạt được, chúng ta thấy rằng: nền kinh tế tăng trưởng nhanh, nhưng chất lượng tăng trưởng còn thấp. Thành tựu xóa đói giảm nghèo rất đáng phấn khởi, được thế giới công nhận, nhưng đầu tư còn dàn trải, tỷ lệ tái nghèo còn diễn ra ở nhiều nơi, ý thức tự vươn lên của người dân trong kinh tế thị trường chưa cao. An ninh và an sinh xã hội tuy đã được bảo đảm hơn, nhưng tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều. Vấn đề bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, chỉ số bền vững về môi trường còn thấp so với các nước ở khu vực.

Hai là, tăng cường các quan hệ hợp tác theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng hơn nữa sự hợp tác về kinh tế để làm phong phú thêm nội dung của phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quán triệt quan điểm tiếp thu những giá trị tiến bộ theo phương châm "cầu đồng, tồn dị" về mục tiêu và phương thức thực hiện phát triển bền vững. Nghiên cứu những điểm yếu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong việc bảo đảm cho sự phát triển bền vững để khắc phục. Trong phát triển bền vững, nhiều quốc gia trên thế giới thể hiện thái độ phê phán đối với chủ nghĩa tư bản, cho rằng phương thức sản xuất này là nguyên nhân chính gây ra các thảm họa về xã hội, môi trường... và làm tiêu tan những ước muốn của loài người về một xã hội lý tưởng, công bằng, hợp lý. Chủ nghĩa xã hội sẽ không trở thành hiện thực nếu chúng ta không bảo đảm được phát triển bền vững. Nhưng có phát triển bền vững chưa hẳn đã có chủ nghĩa xã hội. Vậy, sự khác nhau ở đây chính là ở bản chất của chủ nghĩa xã hội có nội hàm rộng lớn hơn, bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giải phóng và phát triển toàn diện con người.

Ba là, phát triển kinh tế nhanh là một yêu cầu cấp bách của đất nước bởi vì nền kinh tế nước ta có điểm xuất phát thấp. Đại hội VII Đảng ta đã chỉ ra một trong bốn nguy cơ đối với đất nước là tụt hậu xa hơn về kinh tế. Để tụt hậu xa hơn về kinh tế theo nghĩa nào đó cũng là chệch với định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta. Nhưng tạo được chính sách phát triển kinh tế nhanh lại phải tính đến sự bền vững của nó, làm sao để nền kinh tế không rơi vào tình trạng quá nóng (như Trung Quốc hiện nay). Nghĩa là, phải hài hòa và đồng bộ trên các mặt: tài nguyên, năng lượng, nguồn nhân lực, thị trường... Cũng như không vì thiếu vốn đầu tư trước mắt, mà khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước một cách thiếu cân nhắc, sử dụng một cách phung phí, xuất khẩu tài nguyên thô (5). Quy hoạch tổng thể phải chỉ rõ cái gì hôm nay cần sử dụng, cái gì để dành cho con cháu thì sẽ được sử dụng hiệu quả hơn.

Đi sâu phân tích càng thấy, vấn đề không chỉ dừng lại ở GDP tăng lên bao nhiêu phần trăm, mà là ở chất lượng của tăng trưởng GDP, là ở việc làm ra số GDP ấy như thế nào, bao gồm những sản phẩm gì? Ngay như câu hỏi cho 20 năm sau, Việt Nam hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, cơ bản trở thành nước công nghiệp, thì lúc đó sẽ xuất khẩu sản phẩm gì, nhập khẩu chủ yếu sản phẩm gì? đang rất cần có những câu trả lời từ bây giờ. Cần sớm khắc phục những trào lưu chạy theo những con số khuếch trương về lượng, trong khi lại xem nhẹ yếu tố về chất, trình độ công nghệ nhập của các dự án đầu tư.

---

(4) Báo *Nhân Dân*, ngày 26-12-2004

(5) Năm 2004, Liên bang Nga đạt mức tăng trưởng 6,8% là một thành công về tốc độ tăng GDP, thế nhưng 50% tăng trưởng GDP có được là nhờ xuất khẩu nguyên liệu, 33% mức tăng trưởng do yếu tố dầu lửa, trong khi công nghiệp chỉ bảo đảm 25%. Có nhận định cho rằng, khả năng tự điều tiết của thị trường tự nó không thể làm thay đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng bền vững

Digitized by Google

Nếu không, gánh nặng nợ nần không những sẽ trút lên vai các thế hệ mai sau, mà còn biến Việt Nam thành bãi thải công nghệ.

Bốn là, tăng cường mối quan hệ "nhân, quả", bổ trợ cho nhau giữa phát triển bền vững với định hướng xã hội chủ nghĩa. Khi nói kinh tế thị trường là thành tựu của nền văn minh nhân loại, thì cũng phải thấy rằng chủ nghĩa xã hội chính là thực hiện ước mơ ngàn đời của con người vươn tới cái đẹp, cái tốt, cái bền vững. Nguồn của cải dồi dào là cơ sở cho sự tồn tại của xã hội cộng sản khác hẳn với nguyên lý khan hiếm các nguồn lực trong kinh tế thị trường. Vậy những nhân tố mới có thể làm cho các nguồn lực sẽ trở nên không còn khan hiếm nữa là gì? Bằng thực tiễn chúng ta phải chứng minh được rằng, chỉ có bằng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm tốt nhất cho phát triển bền vững. Từ cách đặt vấn đề như vậy mới có thể có nhiều phương án xử lý một cách không giáo điều, xơ cứng các vấn đề còn vướng mắc cả về lý luận và thực tiễn hiện nay trên con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Năm là, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế bền vững với vấn đề bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Thực tiễn một số địa phương ở nước ta đã cho thấy, trong lúc cố gắng để đẩy nhanh tốc độ đầu tư và đô thị hóa theo hướng hiện đại, thì đồng thời sự phát triển lại bắt đầu chững lại. Nguyên do chính là làm mất đi các giá trị truyền thống về văn hóa, sinh thái và tính hoang sơ tự nhiên của môi trường, mà chính đây lại đang là động lực tăng trưởng. Phát triển du lịch ở Sa Pa là một ví dụ điển hình. Nét văn hóa, nét thiên nhiên, môi trường, khí hậu đặc trưng của Sa Pa là một lợi thế riêng có. Nhưng nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá rằng, quá trình đô thị hóa Sa Pa đang biến nơi đây thành phiên bản của nhiều điểm du lịch khác, giống hệt như người nông dân đua nhau trồng cà phê, hồ tiêu, nuôi tôm... khi đang được giá, rồi lại đua nhau chặt phá khi rớt giá. Hiệu ứng của cách làm thiếu cân nhắc hôm nay là hậu quả phải hứng chịu sau 5 - 10 năm. Số khách du lịch quay trở lại lần thứ hai của cả nước chỉ có khoảng 15% là một con số không mấy khích lệ cho ngành du lịch.

Văn hóa phải trở thành nội dung thứ tư trong phát triển bền vững. Sự gắn kết giữa kinh tế với văn hóa chỉ có thể bảo đảm được bền vững nếu phát triển luôn đi liền giữ gìn bản sắc văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong văn hóa cuộc sống, lối sống có cả nội dung định hướng giá trị trong tiêu dùng. Một lối tiêu dùng thân thiện môi trường và bền vững cần được tôn trọng, nhân rộng. Một hãng bút chì có thể phá sản khi bị người tiêu dùng nhất loạt tẩy chay sản phẩm vì sử dụng gỗ có nguồn gốc phá rừng tự nhiên. Ngược lại, ai cũng muốn có một bộ áo lông thú, thì không thể bảo tồn thiên nhiên... Bởi vậy, cần phát huy hơn nữa mối liên hệ "nhân, quả" giữa định hướng tiêu dùng, xây dựng văn hóa tiêu dùng thân thiện với môi sinh, môi trường trong phát triển bền vững và xây dựng xã hội ưu việt trong tương lai. Cũng cần nói thêm rằng, tiết kiệm trong tiêu dùng khác hẳn với *nghịch lý của sự tiết kiệm* trong kinh tế thị trường - càng tiêu dùng mạnh thì càng kích thích tăng cầu và tăng trưởng.

Sáu là, muốn có định hướng tiêu dùng bền vững vấn đề quyết định lại nằm ở yếu tố con người. V.I. Lê-nin đã từng khuyên thanh niên Xô-viết rằng: muốn trở thành người đảng viên cộng sản phải luôn luôn làm giàu trí tuệ của mình bằng toàn bộ kho tàng tri thức của nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa. Có thể hiểu là, xây dựng ý thức con người, trình độ con người phải luôn đi trước một bước. Chiến lược phát triển con người quyết định tính chất bền vững của phát triển và cả định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều nghiên cứu gần đây cũng đã chỉ ra rằng, chính trong kinh tế tri thức, con người đang nới rộng dần giới hạn của sự khan hiếm các nguồn lực để đi đến một xã hội có nguồn của cải dồi dào.❑

Digitized by Google

Công tác lý luận - phê bình và sáng tác điện ảnh hôm nay

HẢI NINH *

BẤT cứ một loại hình văn học, nghệ thuật nào đều không thể tách rời khỏi công tác lý luận, phê bình vì chức năng khách quan của nó là đánh giá, phân tích, thẩm định giá trị nghệ thuật, nội dung tư tưởng, trình độ nghề nghiệp cho các tác phẩm. Quan trọng hơn công tác lý luận, phê bình không phải chỉ làm nhiệm vụ của một người "dọn vườn", bình phẩm cái hay, cái dở hay minh họa một cách cụ thể trong một tác phẩm, mà sứ mệnh của nó lớn hơn nhiều, có thể cho ta nhìn tổng quát cả một giai đoạn, theo dõi, đúc kết các trào lưu sáng tác, các khuynh hướng sáng tác trong từng thời gian dài, kể cả những biến động trong quá trình, để có thể nhận định, phát hiện, dự báo, tìm ra những bước đi mới, định hướng cho từng giai đoạn lịch sử.

Nếu quan niệm về sứ mệnh của công tác lý luận - phê bình như trên thì thực trạng công tác lý luận phê bình điện ảnh hiện nay là đang ở mức báo động. Để thấy rõ điều này, chúng ta hãy so sánh sự hoạt động về công tác lý luận - phê bình điện ảnh trước đây và hiện nay. Trong những năm 70 và 80 của thế kỷ trước, công tác lý luận - phê bình điện ảnh luôn luôn đi sát đời sống sáng tạo của các nghệ sĩ, gắn bó với thực tế sáng tác ngay từ khâu kịch bản, sau đó là quá trình xây dựng bộ phim, đã góp phần không nhỏ trong sự hình thành các tác phẩm từ trong "trứng nước". Đến khi tác phẩm ra đời bao giờ công tác lý luận - phê bình cũng đi đầu trong việc đánh giá, phân tích cái hay, cái dở, trân trọng trước những sáng tạo của nghệ sĩ, khẳng định những giá trị nghệ thuật đích thực, nhưng lại không mấy nương tay, thậm chí gay gắt với các tác phẩm dở, yếu kém về nghề nghiệp, tùy tiện trong thể hiện, những khuynh hướng không lành mạnh, hay những cái nhìn lệch lạc về xã hội, cuộc sống và con người.

Tuy là một ngành nghệ thuật ra đời muộn hơn các ngành nghệ thuật khác, nhưng ngay trong công tác đào tạo chính quy đầu tiên nhà nước đã quan tâm đến bộ môn Điện ảnh học (lý luận - phê bình) bên cạnh các bộ môn kịch bản, đạo diễn, quay phim, thiết kế mỹ thuật.

Để nâng cao chất lượng cho các tác phẩm điện ảnh lúc bấy giờ, mỗi năm các đơn vị sản xuất phim đều tổng kết nghệ thuật. Không có cuộc tổng kết nào của các hãng phim lại không có các nhà báo, các nhà nghiên cứu, học thuật, lý luận - phê bình tham gia, để nghe các tác giả, các nghệ sĩ trình bày về quá trình xây dựng bộ phim, quá trình lao động sáng tạo của các nghệ sĩ - từ ý tưởng ban đầu của kịch bản, đạo diễn cho tới quá trình thể hiện nghệ thuật trong tác phẩm của những người làm

* Đạo diễn điện ảnh, Nghệ sĩ nhân dân

Digitized by Google

phim. Chính đấy là cơ sở để các nhà lý luận - phê bình, các nhà báo tiếp cận một cách tốt nhất "thực sự cầu thị" để lên tiếng khen chê đúng mức, phát hiện ra những cái yếu kém, sáo mòn, khẳng định những cái hay, cái dở của các phim được sản xuất trong năm, giúp cho các tác giả, các nghệ sĩ thấy rõ năng lực của mình góp phần nâng cao chất lượng nghệ thuật cho các tác phẩm và tác giả.

Việc nuôi dưỡng bồi đắp cho các tác phẩm còn có sự quan tâm thường xuyên của các nhà lãnh đạo các bộ, ngành. Vì vậy, trong giai đoạn đầu của lịch sử Điện ảnh nước ta, đặc biệt trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XX đã cho ra đời các bộ phim có giá trị nghệ thuật cao: *Chị Tư Hậu* (1962), *Hai người lính, Chim Vành khuyên, Người chiến sĩ trẻ, Kim Đồng, Vợ chồng A Phủ, Nổi gió, Vĩ tuyến 17 – ngày và đêm, Đến hẹn lại lên, Em bé Hà Nội, Ngày lễ Thánh, Mẹ vắng nhà, Mối tình đầu, Anh và em, Về nơi gió cát...*, phim truyện cuối cùng của những năm 70 là *Cánh đồng hoang* (1979). Về phim tài liệu là các tác phẩm: *Nước về Bắc Hưng Hải, Lũy thép Vĩnh Linh, Đầu sóng ngọn gió, Trận địa mặt đường, Đường ra phía trước, Thành phố lúc rạng đông...* Về phim hoạt hình có: *Mèo con, Con sáo biết nói, Thánh Gióng, Đam San...*

Cho đến bây giờ chưa có nhà lý luận - phê bình nào cắt nghĩa được tại sao trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XX, Điện ảnh Việt Nam lại có nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị cả về nội dung và nghệ thuật như vậy.

Có thể nói, nếu không có các tác phẩm văn học - nghệ thuật thì không có công tác lý luận - phê bình. Dù rằng văn học, nghệ thuật với lý luận - phê bình như anh em sinh đôi, nhưng phải có cái ra trước thì mới có cái ra sau. Công tác lý luận - phê bình phải căn cứ vào thực tiễn đời sống của các tác phẩm, mà không tự nhiên có, hoặc tự sinh ra. Nhưng khi đã có một nền văn học - nghệ thuật thì công tác lý luận - phê bình lại rất quan trọng, vì chức năng của nó là đánh giá, phân tích những vấn đề đặt ra trong tác phẩm, giải đáp và hướng dẫn dư luận, góp phần định hướng, thúc đẩy sáng tác. Cuối cùng sứ mệnh cao cả nhất trong công tác lý luận - phê bình là khẳng định giá trị tác phẩm văn học nghệ thuật - cái đã và đang diễn ra, hướng tới của cả ba bình diện là quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nhìn lại những hoạt động về công tác lý luận - phê bình Điện ảnh, chúng ta thấy nó luôn gắn bó chặt chẽ với sáng tác và đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển nền Điện ảnh nước ta trong các thập niên trước đây. So với những năm sau này và hiện tại thì thực trạng của công tác lý luận - phê bình điện ảnh hiện nay đang xuống cấp nghiêm trọng. Trong giai đoạn trước đây Điện ảnh nước ta có một đội ngũ những nhà lý luận - phê bình hùng hậu. Bên cạnh những người có danh nghĩa nhà kịch học còn có một số cây bút thường xuyên viết phê bình, tiểu luận, học thuật trên các tạp chí điện ảnh, trong mục chuyên đề điện ảnh của các báo. Họ là những nhà đạo diễn, biên kịch, các nhà báo điện ảnh lâu năm trong nghề, có trình độ, kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp và khả năng lý luận - phê bình. Còn bây giờ đội ngũ đó mỏng hơn rất nhiều.

Từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, công tác lý luận - phê bình điện ảnh nước ta đang đứng trước những thách thức mới.

Trong thời kỳ chiến tranh, hai chủ đề được phản ánh chủ yếu trong các tác phẩm điện ảnh là chiến tranh (chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc, giải phóng đất nước), và xây dựng chủ nghĩa xã hội (trong hoàn cảnh chiến tranh). Hiện nay, các đề tài, chủ đề được mở rộng, nhưng lại phức tạp hơn. Ngay cả hai loại đề tài mà ta tưởng là quen thuộc cũng có những thay

Digitized by Google

đổi về lịch sử, cách nhìn và thẩm mỹ... Trong khói lửa, bom đạn chiến tranh, để phục vụ cho tiền tuyến giành thắng lợi, phần lớn các tác phẩm phản ánh trực tiếp từ cuộc sống chiến đấu trên các mặt trận và hậu phương. Còn bây giờ đề tài, chủ đề chiến tranh lại được phản ánh trong thời hậu chiến, bên cạnh những sự hy sinh cao cả là sự mất mát đau thương và bao vấn đề phức tạp để lại, chẳng hạn như nỗi đau của nhiều thế hệ con người bị nhiễm chất độc màu da cam sau chiến tranh kết thúc.

Đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với công tác lý luận - phê bình còn chịu sự thử thách hơn rất nhiều về quan niệm, cách nhìn, lý giải... Nếu trước đây hình ảnh các chiến sĩ, thanh niên xung phong, các bà mẹ, các người vợ ở hậu phương là hình tượng gây xúc động mạnh mẽ đối với người sáng tác, đi vào các tác phẩm của họ, thì bây giờ hình ảnh con người đương đại nào làm xúc động con tim của văn nghệ sĩ - những người phải "mang nặng đẻ đau" mới sáng tạo ra được các hình tượng nghệ thuật? Có thể rất nhiều người tốt trong xã hội nhưng chưa đủ độ chín để trở thành những hình tượng nghệ thuật có giá trị trong các tác phẩm. Hình ảnh đang được nói nhiều trong cuộc sống hiện nay là các công ty kinh doanh tư nhân, những ông chủ đang được đề cao là đem lại giàu có cho đất nước, nhưng trong sự "hỗn mang" về gian lận, trốn thuế, tham nhũng, đút lót, trắng đen đang lẫn lộn thì chưa thể nào biến họ thành những nhân vật điển hình trong các tác phẩm. *"Lưới trời"* là bộ phim truyện đi tiên phong vào lĩnh vực này, cũng chỉ mới làm được chuyện phê phán, mà chưa thể ca ngợi. Cần phải có thời gian minh chứng, sàng lọc và chọn lựa.

Trong thực trạng sáng tác hiện nay, ở một góc nhìn nào đó, có thể nói đời sống văn học - nghệ thuật đang đứng trước một cuộc "khủng hoảng" về phương hướng sáng tác, về tư duy nghệ thuật, về phương pháp sáng tạo, về cả nhân sinh quan và thế giới quan.

Trước đây văn nghệ sĩ thường vận dụng phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, các phong cách nghệ thuật thiên về anh hùng ca, sử thi hoành tráng, chú trọng các sự kiện, thành tích chiến công nhằm nâng cao tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc với mục đích: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng" và đã tạo được những tác phẩm có giá trị, mang dấu ấn của một thời lịch sử hào hùng. Hiện nay, do sự diễn biến về thời cuộc, xã hội, bao nhiêu vấn đề mới nảy sinh, đòi hỏi sự tư duy mới, nhưng công tác lý luận - phê bình vốn đã yếu kém, lại còn bộc lộ sự cứng nhắc, bảo thủ, nên không chuyển biến kịp về nhận thức cuộc sống và con người hiện đại. Khi công tác lý luận - phê bình không thực hiện được chức năng phân tích, đánh giá, hướng dẫn dư luận trong các bước ngoặt lịch sử, thì dẫn tới các khuynh hướng nghệ thuật xa rời, thoát ly hiện thực cuộc sống, chạy theo các khẩu vị, thị hiếu của thời tiền tư bản ở các nước phương Tây, hay bắt chước, nhái theo các phim Hồng Công, Đài Loan...

Đời sống điện ảnh trong vòng 15 năm lại đây là một thực tế minh chứng đứng giữa những cơn lốc xoáy, trôi dạt từ cực này sang cực kia. Ngay từ khi chế độ bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, cơn bão đầu tiên kéo dài đến 7 năm về cái gọi là điện ảnh thị trường đã cho ra những bộ phim "mì ăn liền", rồi tự nó đào thải. Sau những lần "chấn hưng" nền điện ảnh cũng đã ló rạng một "thời kỳ phục hưng" của Điện ảnh nước ta với chùm phim tài liệu liên tiếp đoạt giải nhất trong Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương - *Trở về Ngư Thủy, Tiếng Vĩ cầm ở Mỹ Lai, Chị Năm Khùng, Chốn quê* - và một chùm 5 phim truyện có chất lượng cũng tham gia Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương ở Hà Nội -

Digitized by Google

Mùa ổi, Bến không chồng, Đời cát, Chiếc chìa khóa vàng, Vào Nam ra Bắc - thì lúc này đây lại đang chững lại.

Trong 34 năm liên tiếp tổ chức các Liên hoan phim Việt Nam thì Liên hoan phim XIV - 2004, tổ chức ở thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắc Lắc) được coi như một cái mốc phát triển của nền Điện ảnh nước ta. Vì chưa có Liên hoan phim Việt Nam nào chứa đựng nhiều điều phức tạp, những đặc điểm riêng biệt, những cái mới như vậy. Số lượng người xem phim và tham gia các sinh hoạt điện ảnh đông nhất, lên tới hàng vạn người. Liên hoan phim lần thứ XIV thực sự đã gây một "cơn sốt" đối với khán giả xem phim ở Tây Nguyên (thành phố Buôn Ma Thuột và các tỉnh lân cận), làm sống lại các rạp chiếu phim vốn im lìm trong một thời gian dài. Lần đầu tiên trong lịch sử Liên hoan phim Việt Nam có phim dự thi của Hãng phim tư nhân, đánh dấu một thời kỳ mở rộng các thành phần sản xuất phim trong hoạt động Điện ảnh nước ta chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang xã hội hóa điện ảnh.

Nhưng cũng từ đây những thách thức mới đang đặt ra cho các tác giả và nghệ sĩ, cho sáng tác và cho cả lý luận - phê bình. Những năm 90 của thế kỷ XX trở về trước, điện ảnh nước ta có nhiều tác phẩm hay như *Cánh đồng hoang, Vĩ tuyến 17 – ngày và đêm...*, còn bây giờ ít có tác phẩm gây xúc động lớn?. Hiện nay các vấn đề nổi cộm gây nhiều tranh cãi là phim nghệ thuật và phim thị trường; làm phim để bán vé thu tiền hay chỉ để phục vụ? Và nếu một bộ phim không kết hợp được giữa hiệu quả kinh tế và giá trị nghệ thuật thì mục đích nào là chính? Mọi người chờ đợi những giải đáp của các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chiến lược về điện ảnh. Người ta chờ mong một sự đổi mới về cơ chế, về cơ cấu tổ chức xây dựng một mô hình điện ảnh hiện đại mang tính đồng bộ để sánh vai cùng bạn bè quốc tế.

Nhìn qua các giải thưởng cho các thể loại phim, nhất là thể loại phim có sức nặng như phim truyện nhựa, mọi người thấy rõ có sự chọn lựa nghiêm túc và tỉnh táo, khuyến khích sự tìm tòi, tôn trọng các phương pháp thể hiện sáng tạo nghệ thuật khác nhau, coi trọng tính trí tuệ, hiện đại trên cơ sở tính truyền thống và dân tộc, loại bỏ xu hướng dung tục không có mục đích nghệ thuật, hạ thấp chức năng thẩm mỹ và giáo dục, tách rời nghệ thuật với đời sống xã hội.

Các tác phẩm được giải đã đi tận cùng với giá trị nghệ thuật, và đã góp phần xác định giá trị của một tác phẩm nghệ thuật là chân - thiện - mỹ. Dù bất cứ phim hài kịch hay bi kịch, chính kịch hay trữ tình, thị trường hay nghệ thuật đều phải hay và hấp dẫn, người xem đều phải dựa trên những giá trị cơ bản của một tác phẩm nghệ thuật.

Có thể nói những diễn biến quá phức tạp trong đời sống sáng tác nghệ thuật của điện ảnh trong thời gian gần đây đều nằm ngoài vòng kiểm soát của công tác lý luận - phê bình. Những cây bút chuyên nghiệp quá ít, không đủ sức đảm đương nổi với một khối lượng khổng lồ của loại hình nghệ thuật tổng hợp phức tạp nhất. Mặt khác nhiều cây bút lý luận - phê bình có trình độ chuyển sang làm việc khác hoặc né tránh không lấy nghiệp này làm chính. Những hoạt động của các Ban nghiên cứu lý luận học thuật của Hội Điện ảnh văn hóa, Cục Điện ảnh cũng chỉ mới đủ sức tổ chức các cuộc Hội thảo trong giới chuyên nghiệp, trong các tổ chức thi phim hằng năm của Hội Điện ảnh, hay trong các Liên hoan phim Việt Nam do Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức 2, 3 năm một lần với mục đích chấm giải là chủ yếu. Nhưng sau các hoạt động ấy tình hình lại rơi vào im lặng, lý luận - phê bình

Digitized by Google

chưa làm sáng tỏ hướng đi của nền điện ảnh dân tộc trong những biến động xã hội mang tính lịch sử này.

Thực trạng công tác lý luận - phê bình điện ảnh hiện nay đang bị thao túng bởi các cây bút nghiệp dư, các nhà báo trẻ, các sinh viên mới tốt nghiệp, hay đang trong thời gian thực tập, lấy phim trường làm thể nghiệm. Nói một cách công bằng, họ cũng đã góp phần không nhỏ trong việc phát hiện nhiều điều chưa hợp lý trong tổ chức cán bộ, sự điều hành sản xuất trì trệ, yếu kém, cán bộ lãnh đạo, chuyên môn chưa đủ trình độ và năng lực quán xuyến công việc; hay những mặt tiêu cực đằng sau hậu trường phim ảnh như lãng phí về thời gian, tiền đầu tư cho khâu nghệ thuật không hợp lý, không khí làm việc còn nặng "nước sông, công lính", thiếu trách nhiệm, thiếu đam mê nghề nghiệp, ảnh hưởng đến chất lượng bộ phim. Đấy là những mặt tích cực. Nhưng điều quan trọng nhất cho một tác phẩm nghệ thuật là nhận xét, phân tích sâu vào các lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp, thì họ chỉ mới dừng lại ở chức năng thông tin, bình phẩm, điểm phim.

Nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình trạng đó, là do chúng ta chưa thật sự coi trọng công tác lý luận - phê bình, chưa xác định rõ về vị trí và vai trò của lý luận - phê bình trong đời sống văn học - nghệ thuật, chưa thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa sáng tác và lý luận - phê bình; thiếu một chiến lược đào tạo những người làm công tác lý luận - phê bình, xây dựng một đội ngũ chuyên nghiệp toàn diện, chính quy và lâu dài, cả về chiều sâu và đỉnh cao. Vì coi nhẹ vị trí và vai trò của công tác lý luận - phê bình nên chưa có một chế độ rõ ràng hợp lý về các mặt nghiên cứu, học tập, tiếp cận với cuộc sống, giao lưu với nước ngoài, hòa nhập thực tế sáng tác của nghệ sĩ.

Quá trình đổi mới, mở cửa là hợp với xu thế thời đại, đất nước mở mang phát triển, nhưng riêng về mặt văn hóa thiếu chuẩn bị nên sự xâm nhập ồ ạt các loại hình văn học - nghệ thuật, nhất là điện ảnh, truyền hình, băng đĩa đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhân sinh quan và thế giới quan của giới lý luận - phê bình. Từ chế độ bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, chủ trương, chính sách có nhiều thay đổi. Các vấn đề về văn học - nghệ thuật, các tiêu chuẩn về mỹ học diễn biến phức tạp đã gây lúng túng cho người viết, một số im lặng chờ xem, một số né tránh. Điều đáng tiếc là tình huống đó lại nằm trong một số những cây bút chuyên nghiệp, có trình độ học vấn. Tiền nhuận bút các bài viết, các công trình lý luận học thuật, các tác phẩm dịch... thấp hơn nhiều so với lao động chân tay, dịch vụ. Ngoài ra, người viết còn bị mặc cảm công tác lý luận - phê bình không được đánh giá đúng với sứ mệnh của nó.

Để khắc phục tình trạng trên, trước hết phải tổ chức đại hội những người làm công tác lý luận - phê bình, nhằm tập hợp các nhà lý luận - phê bình văn học - nghệ thuật có tên tuổi, thâm niên; những người viết chuyên ngành lâu nay và lực lượng những cây viết trẻ, ít nhiều đã bộc lộ khả năng trên các tạp chí, hoặc đã có những bài tiểu luận, công trình nghiên cứu về lý luận - phê bình điện ảnh.

Cần có một "cương lĩnh" hoạt động mới phù hợp với giai đoạn lịch sử hiện nay, làm rõ về chiến lược văn hóa của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó xác định phương hướng sáng tác cho văn học - nghệ thuật, xác định vị trí vai trò của công tác lý luận - phê bình trong giai đoạn lịch sử văn học - nghệ thuật hiện nay.

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

XUẤT KHẨU GẠO, MỘT THÀNH TỰU NỔI ĐẬT CỦA NƯỚC TA

NGUYỄN SINH CÚC *

Từ một nước thiếu lương thực triền miên, luôn phải chạy ăn những tháng giáp hạt, đến nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới. Đó là do sản xuất lương thực trong những năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, làm cho bạn bè gần xa khâm phục. Trong 16 năm xuất khẩu gạo (1989 - 2004), Việt Nam đã cung cấp cho thị trường thế giới hơn 45,14 triệu tấn gạo, thu về cho đất nước trên 10,77 tỉ USD. Đó cũng là một trong những thành tựu nổi bật của kinh tế Việt Nam sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Nhìn lại chặng đường 16 năm tham gia thị trường xuất khẩu gạo thế giới, trong điều kiện luôn có sự cạnh tranh thị trường quyết liệt, nhưng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam liên tục có tốc độ tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước (xem bảng).

Biểu: Lượng gạo xuất khẩu bình quân năm qua các thời kỳ

Thời kỳ	Gạo xuất khẩu bình quân năm (triệu tấn)
1989.- 1990	1,520
1991 - 1995	1,734
1996 - 2000	3,663
2001 - 2004	3,706

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam qua các năm

Có 13 trong số 16 năm Việt Nam giữ vị trí thứ hai thế giới về lượng gạo xuất khẩu (chỉ có 3 năm đứng thứ ba sau Thái Lan và Ấn Độ) và vượt Mỹ liên tục từ năm 1990 đến nay. Đó là quãng đường đi lên đầy khó khăn, thách thức, nhưng cũng khá thành công trong hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam, được đánh dấu bằng những kỷ lục đáng ghi nhận.

Trong thời kỳ 4 năm đầu thế kỷ XXI (2001 - 2004) hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam không chỉ tăng về lượng mà còn có tiến bộ về chất và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Năm 2004, mặc dù thời tiết không thuận lợi, sản xuất lúa gặp nhiều khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn đạt sản lượng 39,3 triệu tấn lương thực và xuất khẩu 4,55 triệu tấn gạo. Nếu so với năm 1989, lượng gạo xuất khẩu năm 2004 tăng gấp 2,86 lần, giá gạo tăng 28 USD/tấn (232 - 204USD) và kim ngạch tăng gấp 3,25 lần (941/289 triệu USD).

Lượng gạo xuất khẩu tăng đều, nhưng kim ngạch thu được lại có sự lên xuống thất thường do yếu tố giá trên thị trường thế giới và chất lượng gạo của Việt Nam. Cụ thể, năm 1989 giá bình quân 204 USD/tấn và thu về cho đất nước 189 triệu USD kim ngạch xuất khẩu gạo. Năm 1990, giá bình quân 186 USD/tấn và kim ngạch 374 triệu USD. Năm 1996 nước ta xuất khẩu 3 triệu tấn với *giá cao kỷ lục*

*PGS, TS

Digitized by Google

285 USD/tấn. Năm 1998 là năm thứ 10 xuất khẩu gạo, Việt Nam đã cung cấp cho thị trường thế giới 3,8 triệu tấn gạo, thu về cho đất nước 1,024 tỉ USD với giá bình quân 275 USD/tấn.

So với năm 1989, lượng tăng gấp 2,6 lần, giá gấp 1,35 lần và kim ngạch gấp 3,54 lần. Năm 1999 là năm đạt *mức kỷ lục cả về lượng và kim ngạch,* lượng gạo xuất khẩu đạt mức 4,5 triệu tấn và kim ngạch 1,025 tỉ USD.

Tính chung 11 năm của thời kỳ đầu xuất khẩu gạo (1989 - 1999), Việt Nam đã cung cấp cho thị trường gạo thế giới trên 24,53 triệu tấn, bình quân 2,23 triệu tấn/năm, kim ngạch đạt 6,4 tỉ USD, bình quân 582 triệu USD/năm, giá bình quân đạt 260 USD/tấn.

Từ năm 2000 đến nay, thị trường gạo thế giới xuất hiện xu hướng cung vượt cầu, nên giá giảm mạnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam. Trước tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời điều chỉnh quy mô và tốc độ xuất khẩu gạo theo hướng ổn định về lượng và tăng dần về chất để tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Năm 2000 xuất khẩu 3,5 triệu tấn, chỉ bằng 77,6% về lượng và kim ngạch chỉ bằng 65,2% so với năm 1999. Xu hướng này tiếp tục trong các năm 2001 và 2002. Năm 2001 gạo xuất khẩu đạt 3,73 triệu tấn, tăng 2% về lượng, nhưng kim ngạch giảm 11,8% so với năm 2000 do giá giảm xuống mức 165 USD/tấn, thấp nhất trong 16 năm qua. Năm 2002, tuy giá có nhích lên 224 USD/tấn, nhưng có nhiều dấu hiệu cho thấy vẫn chưa ổn định nên lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt 3,24 triệu tấn, bằng 67% năm 2001 và kim ngạch tăng 16%.

Từ năm 2003, Việt Nam bước vào thời kỳ thực hiện lộ trình hội nhập vào CEPT/AFTA, thuế suất nhập khẩu các mặt hàng nông sản của các nước, trong đó có gạo, giảm đồng loạt, hoạt động xuất khẩu gạo gặp nhiều khó khăn và thách thức. Giá gạo xuất khẩu giảm xuống chỉ còn 188 USD/tấn nên dù lượng tăng 17,9%, nhưng kim ngạch chỉ bằng 99,1% so năm 2002. Năm 2004 với lượng gạo xuất khẩu trên 4 triệu tấn, Việt Nam đã vượt lên trên cả Ấn Độ và Mỹ, khôi phục vị trí thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Thái Lan về gạo xuất khẩu.

Đến nay, thế đứng của cường quốc gạo xuất khẩu Việt Nam đã vững vàng hơn thể hiện trên nhiều mặt. Đó là, cả lượng và giá đều tăng nên Nhà nước không phải trợ giá mua lúa tạm trữ xuất khẩu như các năm 2000 - 2002 với mức hàng trăm tỉ đồng/năm. Thị trường ổn định, các hợp đồng thường được ký từ đầu năm (3 triệu tấn) nên các doanh nghiệp chủ động hơn trong thu gom nguồn hàng, chuẩn bị kho bãi, bảo quản, chế biến, vận chuyển... Với cách làm đó, không chỉ Nhà nước và các doanh nghiệp có lợi mà người nông dân trồng lúa cũng có lợi về giá và thủ tục mua bán lúa gạo. Giá lúa trong nước đứng ở mức khá hợp lý cho cả hộ nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo nên hoạt động thu gom, chế biến và xuất khẩu gạo diễn ra thuận lợi. Số hợp đồng xuất thêm ngoài kế hoạch diễn ra tuy lớn (trên 1 triệu tấn), nhưng nguồn lúa hàng hóa phong phú, giá cả phù hợp, nên đạt kết quả tốt.

Thị trường, giá cả lương thực trong nước vẫn ổn định. Thị phần gạo Việt Nam trên thế giới tăng từ 9,3% (năm 1989) lên 12,8% (năm 1987) và 15,3% (năm 2004). Những năm gần đây, cùng với thị trường truyền thống được giữ vững, thị trường mới được mở thêm, như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a...

Chất lượng lúa gạo tăng lên theo yêu cầu thị trường. Nếu những năm đầu thập kỷ 90, gạo có tỷ lệ tấm cao trên 25% chiếm tỷ lệ từ 80 - 90%, thì hiện nay đã giảm xuống nhiều, chỉ còn chiếm 35 - 40%, gạo chất lượng cao (tỷ lệ tấm thấp 5%) đã tăng từ 10 - 20% trước đây lên 60 - 65% hiện nay. Do lượng tăng và giá cũng tăng nên thu nhập về xuất khẩu gạo Việt Nam cũng tăng nhanh. Triển vọng Việt Nam sẽ đạt 1 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu gạo đến năm 2005 là hoàn toàn có cơ sở thực tế.

Digitized by Google

Kết quả xuất khẩu gạo của nước ta trong 16 năm qua đạt được khả quan trong điều kiện an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm tính bền vững và liên tục, kể cả những năm có thiên tai lớn. Dẫu rằng thiên tai, sâu hại... năm nào cũng xảy ra, nhưng thị trường và giá cả lương thực trong nước vẫn ổn định. So với năm 1995, chỉ số giá lương thực (năm sau so năm trước) như sau: năm 2000 là 94,6%, năm 2001 là 88,7%, năm 2002 là 102,2%, năm 2003 là 107,8% và năm 2004 là 115%. Từ năm 1989 đến nay dù lượng gạo xuất khẩu tăng dần, nhưng tình trạng thiếu đói giáp vụ đã không xảy ra trên diện rộng ở các vùng nông thôn. Năm 2003 số hộ thiếu đói giáp vụ giảm 11,4% so với năm 2002, và năm 2004 giảm 35% so với năm 2003 là thành tựu đáng khích lệ, đã được cả thế giới công nhận.

Nguyên nhân của những thành tựu kể trên là do: *Về khách quan,* thị trường gạo thế giới tuy có biến động, nhưng kinh tế thế giới hồi phục, nhu cầu của các nước nhập khẩu gạo Việt Nam vẫn tăng. *Về chủ quan,* trong những năm qua, Nhà nước rất quan tâm đến hoạt động xuất khẩu gạo và đã có nhiều cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích sản xuất, chế biến lương thực và mở rộng thị trường. Sự nỗ lực chủ quan của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong các hoạt động đầu tư, cho nông dân ứng trước vật tư, giống mới đối với trồng lúa hàng hóa xuất khẩu; tổ chức thu gom, chế biến, tìm kiếm mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng xuất khẩu...

Hiện nay, khoảng hơn một chục triệu hộ nông dân trồng lúa đã có môi trường kinh doanh thông thoáng hơn để cần cù, sáng tạo, mạnh dạn đầu tư vốn, áp dụng khoa học - công nghệ mới vào thâm canh, tăng vụ, chuyển vụ, đổi mới cơ cấu giống lúa phù hợp với nhu cầu thị trường gạo xuất khẩu. Kết quả là sản lượng, chất lượng lúa gạo Việt Nam đều tăng dần, vừa bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, vừa tạo nguồn cung phong phú cho xuất khẩu gạo. Hệ thống cơ sở chế biến, bảo quản, đánh bóng gạo xuất khẩu cũng từng bước được đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa đã góp phần nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu.

Thêm vào đó, cục diện chung về thị trường xuất khẩu gạo đang có lợi cho Việt Nam. Theo đánh giá của Tổ chức lương nông của Liên hợp quốc (FAO) khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ở châu Á, ngoài cường quốc xuất khẩu gạo Thái Lan, còn 3 nước khác đang có khả năng cạnh tranh với Việt Nam là Ấn Độ, Pa-kít-xtan và Trung Quốc. Nhưng trong 16 năm qua, sản lượng gạo xuất khẩu của 3 nước này đều không ổn định. Ấn Độ vươn lên vị trí thứ hai sau Thái Lan về lượng gạo xuất khẩu trong các năm 1995, 2002, 2003, nhưng các năm khác lại đạt rất thấp, phổ biến dưới 3 triệu tấn, năm 1993 xuất 767 nghìn tấn; năm 1994 xuất 890 nghìn tấn, năm 1997 dưới 2 triệu tấn và năm 2004 dưới 3,5 triệu tấn... Nguyên nhân của tình hình trên là do sản xuất lúa gạo không ổn định. Sản lượng lúa của nước này năm 1995 là 115,4 triệu tấn, nhưng từ năm 1999 đến năm 2004 đều đạt dưới 90 triệu tấn, trong đó năm 2002 chỉ đạt 76,9 triệu tấn. Pa-kít-xtan có mức xuất khẩu cao nhất là 2,4 triệu tấn (năm 2001), các năm khác chỉ đạt trên, dưới một triệu tấn. Trung Quốc, năm cao nhất xuất khẩu 2,1 triệu tấn (năm 2003), các năm khác chỉ đạt 1 - 2 triệu tấn, mặc dầu sản lượng của nước này rất lớn, năm 1998 đạt 199 triệu tấn, nhưng năm 2001 đạt 187,9 triệu tấn và năm 2002 giảm xuống còn 177,5 triệu tấn. Cường quốc xuất khẩu gạo chất lượng cao là Mỹ những năm gần đây đã giảm dần lượng gạo xuất khẩu: năm 2001 xuất 2,4 triệu tấn, năm 2002 là 3,2 triệu tấn và năm 2003 là 3,4 triệu tấn, lùi xuống thứ 4 sau Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ.

Khác với các nước trong khu vực, 16 năm qua, thực hiện chính sách đổi mới toàn diện và sâu sắc trong nông nghiệp của Đảng và Nhà nước, sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam phát triển ổn định và tăng trưởng đều đặn với tốc độ tăng bình quân đạt 5%/năm. Từ năm 1999 đến

nay tuy diện tích lúa giảm, nhưng năng suất và sản lượng lúa vẫn tăng đều, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2004, diện tích trồng lúa cả nước đạt 7,4 triệu ha (tính cả hai vụ), giảm gần 300 nghìn ha so với năm 1999, nhưng năng suất đạt 48,5 tạ/ha, tăng 5,5 tạ/ha và sản lượng đạt 35,9 triệu tấn, tăng 1,8 triệu tấn.

Thêm vào đó, sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3,5%/năm, luôn cao hơn tốc độ tăng dân số (1,7%), nên lương thực có hạt bình quân đầu người tăng dần, năm sau cao hơn năm trước (năm 1990 = 324,4 kg; năm 1995 = 363,1 kg; năm 2000 = 444,8 kg; năm 2002 = 463,6 kg; năm 2003 = 462,9 kg và năm 2004 = 479,1 kg/năm). Đó là xu hướng ít thấy trong lịch sử sản xuất lúa gạo của các nước châu Á và lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Trong 10 năm (1995 - 2004) sản lượng lúa gạo thế giới tăng thêm 70 triệu tấn, thì Việt Nam "đóng góp" 10 triệu tấn.

Về chất lượng, cùng với sự tăng tiến về sản lượng là sự tiến bộ về chất lượng và chủng loại lúa gạo. Trong những năm đầu tham gia thị trường gạo thế giới, gạo xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là loại chất lượng trung bình và thấp, tỷ lệ tấm cao nên sức cạnh tranh kém, giá thấp, chỉ thích hợp với thị trường các nước nghèo, thiếu lương thực như châu Phi, Trung Đông. Phương châm xuất khẩu lúc đó là "có gì xuất nấy", do sản xuất chưa gắn với nhu cầu thị trường, chưa có quy hoạch vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu.

Những năm gần đây, sản xuất lúa chất cao phục vụ xuất khẩu Việt Nam đã có nhiều khởi sắc. Diện tích gieo cấy các giống lúa có chất lượng cao đã tăng dần và diện tích lúa các loại gạo chất lượng thấp giảm dần. Nhà nước đã quy hoạch và đầu tư xây dựng các vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long có 1 triệu ha, vùng đồng bằng sông Hồng có 300 nghìn ha. Các giống lúa chất lượng cao, đặc sản phù hợp với thị trường thế giới được chọn lọc, lai tạo và đưa vào sản xuất với quy mô lớn.

Đến nay, trên 95% lượng gạo xuất khẩu sản xuất tại đồng bằng sông Cửu Long. Gạo chất lượng cao được sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là lúa có hạt dài, thon, trong, dẻo, như: IR64; OMCS 2000; OMCS 21; VND 95-20; MTL 250; OM 1490; TNĐB... Nhu cầu thị trường quốc tế về loại gạo đặc sản, như: Bassmati, Khaodokmali, Jasmali... tuy còn chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 6 - 7% gạo hàng hóa thế giới, nhưng giá của chúng lại rất cao, cũng đã được đưa vào sản xuất tại đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đồng bằng sông Hồng, gạo chất lượng cao chủ yếu là các giống lúa đặc sản truyền thống như tám thơm, dự hương, nếp cái hoa vàng. Sức cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới tăng và đã đứng vững trên thị trường khó tính như EU, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Giá gạo Việt Nam cũng tăng cùng với xu hướng tăng dần của chất lượng và quan hệ cung cầu của thị trường gạo thế giới. Những năm 1999 - 2004, tuy giá gạo trên thị trường thế giới biến động lớn theo xu hướng giảm do cung lớn hơn cầu, nhưng nhờ chất lượng tăng nên giá gạo Việt Nam vẫn ổn định: năm 1999 = 227 USD/tấn; năm 2002 = 224 USD; năm 2004 = 232 USD.

Để tiếp tục đứng vững trên vị trí một cường quốc về gạo xuất khẩu, theo nghiên cứu của chúng tôi, trong thời gian tới Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất: Khẩn trương hoàn thiện quy hoạch vùng lúa xuất khẩu của cả nước và từng vùng. Các ngành, các cấp cần cụ thể hóa quy hoạch đã được duyệt bằng kế hoạch, đầu tư vốn, khoa học công nghệ để phát triển sản xuất lúa hàng hóa phù hợp với yêu cầu xuất khẩu gạo từng thời kỳ. Nội dung quy hoạch, kế hoạch và đầu tư cho vùng lúa gạo xuất khẩu phải bám sát nhu cầu thị trường gạo thế giới trong từng giai đoạn. Trong chỉ đạo, cần triển khai các giải pháp đồng bộ để biến các quy hoạch thành thực tế, trong đó cần quan tâm giải pháp khuyến khích tích tụ và tập trung đất lúa trong vùng quy hoạch lúa xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và

Digitized by Google

đồng bằng sông Hồng để từng bước hiện đại hóa quy trình sản xuất lúa nhằm nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu. Về đầu tư, cần ưu tiên cho các công trình thủy lợi ở các vùng lúa xuất khẩu để thực hiện tưới tiêu khoa học.

Thứ hai: Hình thành mạng lưới thu gom, vận chuyển lúa gạo xuất khẩu theo hợp đồng. Xây dựng mới các cơ sở chế biến lúa gạo xuất khẩu tại các vùng sản xuất lúa hàng hóa phục vụ xuất khẩu gạo theo quy hoạch. Tiến tới hình thành mạng lưới thu gom lúa hàng hóa theo mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác thu mua lúa thống nhất giữa các địa phương theo phương thức hợp đồng kinh tế và giá cả hợp lý. Giải quyết thỏa đáng quan hệ giữa Nhà nước, nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong phân phối lợi nhuận theo hướng quan tâm nhiều hơn đối với người trồng lúa. Nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hiện có đồng thời xây dựng các cơ sở mới cần thiết theo quy hoạch. Đầu tư vốn ngân sách để nâng cấp hệ thống kho tàng, cơ sở phơi sấy, đường sá, bến cảng, nhất là cảng Cần Thơ nhằm phục vụ đắc lực và hiệu quả xuất khẩu gạo.

Thứ ba: Nâng cao sức cạnh tranh của gạo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay còn phải có nhiều giải pháp đồng bộ về thị trường. Một mặt, ổn định các thị trường đã có, mặt khác, cần tích cực mở rộng thị trường mới, nhất là các thị trường lớn, yêu cầu chất lượng gạo cao. Giải pháp thị trường cần triển khai theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, bảo đảm chữ tín với khách hàng, tăng cường tiếp thị, đầu tư nghiên cứu và dự báo thị trường; củng cố và mở rộng hệ thống thông tin thị trường để kịp thời điều hành hoạt động xuất khẩu gạo hợp lý và hiệu quả...

Để bảo đảm tính khả thi của các giải pháp trên đây, cần tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, sự chỉ đạo, phối hợp của các ngành, các cấp, từ trụng ương đến địa phương, các doanh nghiệp và cơ sở trong mọi lĩnh vực: quy hoạch, sản xuất, thu gom, phơi sấy, vận chuyển, chế biến và xuất khẩu gạo. ❑

CÔNG TÁC LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 49)

Lâu nay công tác lý luận - phê bình thường ở thế bị động, chưa tận dụng hết chức năng của mình là lý luận - phê bình. Sau khi đánh giá, phân tích những vấn đề do sáng tác đặt ra, công tác lý luận - phê bình cần chủ động phát hiện, nêu vấn đề, gợi ý phương hướng sáng tác, tạo nguồn và mở rộng các đề tài trong xã hội, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Điện ảnh nước ta không phải lúc nào cũng hội tụ được nhiều nghệ sĩ tài năng trong một thời điểm. Hiện chúng ta đang có một đội ngũ nghệ sĩ ở độ chín về khả năng sáng tạo có thể sáng tạo những tác phẩm điện ảnh có giá trị. Cần mạnh dạn giao cho một số đạo diễn đã được thử thách mà tài năng của họ đã được bộc lộ qua một số tác phẩm, giúp cho họ phát huy hết năng lực sáng tạo của mình, có thể tự chọn kịch bản yêu thích nhất, tự do bộc lộ những cá tính trong nghệ thuật, thể hiện đến tận cùng những ý tưởng sáng tạo, tránh những rào cản không cần thiết trong quá trình sáng tạo. Đấy cũng là quá trình thực tập xã hội hóa cho các nghệ sĩ. Làm như vậy sẽ tránh được sự nhàm chán về khẩu vị, sơ đồ, công thức, chưa xem đã biết, làm vừa lòng người duyệt.

Hội đồng lý luận - phê bình trung ương cần phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin phát động một đợt sáng tác mới trong các hoạt động văn học - nghệ thuật; đồng thời cần mở ra một dòng phim lịch sử cho điện ảnh và truyền hình nước ta. Tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, đã có nhiều kịch bản lịch sử từ các nơi trong cả nước gửi về. Đây là một tài sản rất quý, có khả năng mở ra một dòng phim lịch sử cho điện ảnh và truyền hình (đặc biệt là truyền hình nhiều tập). ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN
Khu Công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề đặt ra

PHẠM CHÁNH TRỰC *

KHU Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là một dự án quốc gia, được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập ngày 24-10-2002. Sau hai năm khởi nghiệp, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đã biến nhiều ý tưởng và nội dung nghiên cứu khả thi thành thực tế sinh động, đồng thời cũng đặt ra hàng loạt vấn đề cần quan tâm.

1. Mục tiêu xây dựng Khu Công nghệ cao đã được báo cáo nghiên cứu khả thi xác định:

Một là, xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại dựa vào các ngành và lĩnh vực công nghệ cao. Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài về công nghiệp công nghệ cao là cách "đi tắt, đón đầu" tạo ra lực lượng sản xuất mới dựa vào xu thế toàn cầu hóa kinh tế thế giới đang diễn ra một cách phổ biến, kết hợp lực lượng sản xuất trong nước với công nghệ cao từ các công ty, tập đoàn kinh tế có công nghệ nguồn, thể hiện đặc điểm kết hợp tính dân tộc và tính thời đại trong tình hình mới.

Hai là, tập hợp lực lượng trí thức trong và ngoài nước để nghiên cứu sáng tạo khoa học - công nghệ, đặc biệt quan tâm đội ngũ trí thức khoa học - kỹ thuật là người Việt Nam ở nước ngoài đang nằm trong hệ thống tổ chức quản lý sản xuất công nghệ cao của các tập đoàn, các công ty Bắc Mỹ, châu Âu, Nhật Bản...

Ba là, tổ chức một không gian sống và làm việc thuận tiện, hài hòa, chất lượng cao để lao động và nghiên cứu sáng tạo, một không gian tri thức, tiến tới làm "hạt nhân" cho một đô thị khoa học trong tương lai.

Mục tiêu thứ nhất là mục tiêu tiên quyết để hình thành khu công nghệ cao. Mục tiêu thứ hai là mục tiêu chiến lược, là đích ngắm mà cuối cùng khu công nghệ cao phải đạt được với tư cách là một trung tâm khoa học - công nghệ quốc gia. Mục tiêu thứ ba là yêu cầu phát triển, vừa là hệ quả của hai mục tiêu, vừa là mở đầu cho thời kỳ mới của sự phát triển thành phố và khu vực.

Đối với một nước đang phát triển, GDP đầu người chưa vượt quá 500 USD, tình trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật yếu kém, kinh tế nông nghiệp còn là phổ biến, cả nước mới bắt đầu đi vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng thành phố đã chủ trương xây dựng khu công nghệ cao, mạnh dạn đi vào các lĩnh vực hiện đại bậc nhất của thế giới. Có thể nói, đó là một quyết sách táo bạo đầy thách thức. Vì vậy, tìm một cách làm, một phương thức thích hợp và khả thi là điều quan trọng đầu tiên. Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đã chọn phương thức kêu gọi đầu tư trực tiếp của nước ngoài về sản xuất công nghệ cao, trên cơ sở đó, chúng ta có thể tiếp cận đồng

* Trưởng Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

bộ, toàn diện quy trình, biện pháp tổ chức sản xuất những sản phẩm của các tập đoàn đa quốc gia có công nghệ nguồn. Đó chính là cách "đi tắt, đón đầu" để nắm lấy công nghệ cao. Chuyển giao công nghệ quyết định nhất là chuyển giao qua con người, từ những kỹ sư, chuyên viên, nhà khoa học cho tới người quản lý và kể cả đội ngũ công nhân kỹ thuật. Như vậy, tiếp cận công nghệ cao bằng cả một hệ thống tổ chức, tiếp thu công nghệ cao được thông qua đội ngũ chuyên gia làm việc trên một dây chuyền sản xuất và từ những sản phẩm mà ta chưa bao giờ làm ra.

Mục tiêu chiến lược của dự án xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là tạo ra năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ. Nhưng nghiên cứu khoa học - công nghệ bắt đầu từ đâu là vấn đề thật không đơn giản. Kinh nghiệm thực tiễn của các tập đoàn, công ty hàng đầu thế giới đã cho thấy: nghiên cứu khoa học - công nghệ phải bắt đầu từ thị trường, thị trường toàn cầu. Nghiên cứu khoa học - công nghệ phải lấy thị trường làm mục tiêu và đối tượng phục vụ. Thị trường càng lớn, nhu cầu xã hội càng cao thì nghiên cứu khoa học - công nghệ càng có nhiều "đơn đặt hàng" để thực hiện. Chúng ta đang có một lực lượng đông đảo người Việt Nam ở nước ngoài là những nhà khoa học, các chuyên gia kỹ thuật viên v.v.. đang làm việc trong các viện nghiên cứu, trường đại học và các phòng thí nghiệm của các tập đoàn, công ty sản xuất công nghệ cao. Họ là những người đã rất quen thuộc với cách làm này. Đó là vốn quý mà Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đang mời gọi họ trở về đất nước để tham gia xây dựng năng lực nội sinh về nghiên cứu sáng tạo khoa học - công nghệ, góp phần đưa nền khoa học - công nghệ nước nhà tiến lên cùng các nước tiên tiến.

2. Sự hình thành Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh mang đến triển vọng thúc đẩy mạnh mẽ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, làm nổi bật vai trò động lực của khoa học - công nghệ trong nền kinh tế nước ta.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta thực chất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa giá trị sản phẩm các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng sản phẩm xã hội, chuyển đại bộ phận lao động sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề khác. Yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế ở thành phố Hồ Chí Minh có đặc điểm khác so với tình trạng chung. Từ lâu, thành phố Hồ Chí Minh đã là một trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ. *Nghĩa là, trên phạm vi địa bàn thành phố, công nghiệp hóa, hiện đại hóa không phải là chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các khu vực I, II, III, mà chủ yếu là chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành công nghiệp, đồng thời phát triển mới các ngành công nghiệp hiện đại và phát triển mới các ngành dịch vụ cao, trong đó tiêu điểm từ nay đến năm 2020 là phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao.* Bốn lĩnh vực và ngành công nghệ mũi nhọn mà Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và các Nghị quyết Trung ương khóa IX đã chỉ ra, chính là định hướng cho việc phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao: công nghệ điện tử vi mạch - công nghệ thông tin - viễn thông, công nghệ tự động hóa và cơ khí chính xác, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu - năng lượng mới và công nghệ nano.

Khác với tình hình chung của cả nước, ở thành phố Hồ Chí Minh các ngành sản xuất công nghiệp truyền thống đang giảm dần cả về quy mô, hiệu quả đồng vốn, giá trị sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó: giá nhân công tăng nhanh so với các địa phương khác, các dịch vụ đầu vào, đầu ra, chi phí hạ tầng và đặc biệt là giá đất tăng cao không ngừng. Hơn nữa, các ngành công nghệ truyền thống càng thâm dụng lao động thì càng thu hút lao động nhập cư cơ học, kéo theo hàng loạt bất cập về kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng kỹ thuật

Digitized by Google

(giao thông ách tắc, cung cấp điện, nước thiếu, môi trường ô nhiễm...) và về hạ tầng xã hội (nhà ở tạm bợ, bệnh viện, trường học không đủ sức chứa, bảo hiểm xã hội không có...). Chủ trương xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là lời giải đáp cho các vấn đề trên. Hơn thế nữa, Khu Công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh chẳng những xác định một phương thức khả thi về chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà còn là một cách "đi tắt, đón đầu" vào thế giới hiện đại của thế kỷ XXI - đi vào kinh tế tri thức.

3. Trong khoảng 300 năm phát triển của chủ nghĩa tư bản, nền sản xuất công nghiệp cổ điển dựa trên nền tảng đại cơ khí. Chuyển từ thủ công sang cơ khí hóa một cách phổ biến, nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí đã đạt đến điểm cao nhất trong thế kỷ XX, tạo ra tiền đề vật chất khá đầy đủ và có quy mô đồ sộ để cho con người bước sang kỷ nguyên mới. Phát minh công nghệ thông tin, sử dụng In-tơ-nét một cách phổ biến đã mở ra thời đại mới - thời đại của kinh tế tri thức.

Trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI, trong khi các nước phát triển đang đi vào kinh tế tri thức - tâm điểm và cao điểm của quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới, thì nước ta đang đứng trước thách thức vô cùng to lớn: không chỉ có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, mà còn cả về trí tuệ, cái mà trong quá khứ dân tộc ta không hề thua kém, thậm chí đã từng đấu trí, đấu lực và chiến thắng trong đấu tranh chống thiên nhiên, chống kẻ thù xâm lược.

Với chủ trương xây dựng các Khu Công nghệ cao, Đảng và Nhà nước đã có định hướng chiến lược đúng cho tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Đó là định hướng cho nền kinh tế đi vào công nghiệp hiện đại và dịch vụ cao, tạo nền tảng vật chất cho kinh tế tri thức. Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh có thể tự hào được tham gia, gánh vác nhiệm vụ lớn và đầy khó khăn là góp phần xây dựng cơ sở ban đầu cho kinh tế tri thức. Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được xem là một mô hình tổ chức của kinh tế tri thức trong điều kiện một nước đang phát triển, chưa qua thời kỳ công nghiệp hóa.

Báo cáo luận chứng khả thi trước Chính phủ, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh đã xác định tầm nhìn của mình là: *"Chúng tôi hướng đến việc phát triển một đô thị khoa học – công nghệ thúc đẩy mạnh mẽ nền tảng kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế động lực phía Nam, thực hiện một mô hình sáng tạo công nghệ, phát triển vốn tri thức và nền kinh tế sáng tạo ở Việt Nam"* . Với tầm nhìn đó và với những mục tiêu rất thực tiễn, có định hướng tích cực như đã nêu ở điểm 1 trên đây, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là một thể hiện sinh động hình ảnh của một nền kinh tế tri thức trong tương lai ở nước ta. *Đó là một không gian tri thức thúc đẩy nghiên cứu sáng tạo, là một không gian sản xuất công nghệ cao, là không gian sống, lao động, sinh hoạt, văn hóa, giải trí và dịch vụ đô thị thuận tiện, hài hòa, đầy tình thân ái trong môi trường cảnh quan thiên nhiên trong lành tươi đẹp.*

4. Một vấn đề đang đặt ra cấp bách đối với các khu công nghệ cao là cần phải tăng cường tính pháp lý đúng tầm hơn. Việc xây dựng các khu công nghệ cao ở Hòa Lạc và thành phố Hồ Chí Minh đã được các nghị quyết của Đảng vừa qua khẳng định, đặt ra trách nhiệm cho mọi cấp, mọi ngành, tạo tin tưởng và phấn khởi trong nhân dân, đặc biệt là giới trí thức khoa học - kỹ thuật và giới công thương. Tuy nhiên, ngoài Luật Khoa học - công nghệ và các nội dung liên quan ở một số văn bản pháp lý khác, việc phát triển công nghệ cao và xây dựng khu công nghệ cao ở nước ta mới chỉ có Nghị định 99/NĐ-CP ban hành về Quy chế khu công nghệ cao và Quyết định 53/2004/QĐ-TTg về một số chính sách khuyến khích đầu tư là văn bản pháp lý cao nhất về khu công nghệ cao. Như vậy là quá ít

Digitized by Google

và không đủ tầm đối với một chiến lược mới, một chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trong thực tế, dù có Nghị định 99/NĐ-CP, các khu công nghệ cao vẫn phải tuân thủ các nghị định khác, làm cho bất kỳ một dự án nào đầu tư vào khu công nghệ cao, một dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thậm chí dự án san lấp một lô đất cụ thể trong quy hoạch chi tiết đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đều phải lập một dự án riêng biệt và thông qua các cơ quan chức năng quản lý nhà nước phê duyệt. Cơ chế, thủ tục hành chính này đã làm chậm trễ các hoạt động của khu công nghệ cao, làm lỡ nhiều cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài với các dự án quan trọng. Đó cũng là cơ chế chung đang áp dụng phổ biến ở nước ta mà nói chung phải mất từ 6 tháng đến một năm mới hoàn thành được các thủ tục để bắt đầu thi công thực hiện.

Sở dĩ có tình trạng như trên là vì khu công nghệ cao chưa có được những quy định pháp lý đặc thù. Nó vẫn phải tuân thủ các quy định chung như đối với các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị hóa v.v..

Chúng ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu không kịp thời sửa đổi cơ chế hiện nay thì phần thua thiệt cho đất nước là khó tránh khỏi.

Trong khi chưa nhanh chóng đổi mới được cơ chế chung, chúng tôi hy vọng các cơ quan chức năng của Trung ương quan tâm và tập trung xây dựng cơ chế đặc thù của các khu công nghệ cao (mà hiện nay chỉ có hai khu ở Hòa Lạc và thành phố Hồ Chí Minh). Một Pháp lệnh về công nghệ cao và xây dựng khu công nghệ cao là văn bản pháp quy thích hợp để có thời gian chuẩn bị cho việc xây dựng luật liên quan sớm ban hành trong vài năm sau.

5. Song song với yêu cầu tăng cường cơ sở pháp lý cho hoạt động khu công nghệ cao, đồng thời cần tăng cường và bổ sung các chính sách khuyến khích và ưu đãi như:

- Chính sách ổn định về các nghĩa vụ và quyền lợi lâu dài cho nhà đầu tư công nghệ cao. Đây là những chính sách nhằm tạo sự tin cậy cho nhà đầu tư vào khu công nghệ cao trong một thời gian dài - 50 năm, 70 năm - với số vốn lớn (từ hàng trăm triệu USD đến vài tỉ USD) mà có thể tính toán được hiệu quả và giảm thiểu rủi ro. Đương nhiên, trong quá trình phát triển, Chính phủ cần có sự điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhưng cần quán triệt quan điểm nhất quán, xuyên suốt và tôn trọng nguyên tắc "bất hồi tố" trong quan hệ quản lý.

- Chính sách thu hút nhân tài tập trung vào nghiên cứu khoa học - công nghệ tại khu công nghệ cao, cần nhanh chóng hình thành một vài trung tâm trọng yếu có năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ cho đất nước. Hiện nay, ta đang có một đội ngũ đông đảo nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu khoa học - công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Tuy nhiên, ta cũng cần có vài trung tâm tập trung cao để tạo ra một lực phát triển đột phá gắn trực tiếp với thị trường, thực hiện thương mại hóa công nghệ và thực hiện ươm tạo doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao.

- Chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài trở về tham gia nghiên cứu khoa học - công nghệ, đầu tư sản xuất công nghệ cao. Việt kiều là một bộ phận của dân tộc nên có quyền lợi và nghĩa vụ đối với quê hương, Chính phủ cần tạo điều kiện để Việt kiều có thể góp phần xây dựng đất nước nhất là đối với những nhà khoa học, chuyên gia trên các lĩnh vực sản xuất và nghiên cứu công nghệ cao, đang hoạt động tại nhiều công ty, tập đoàn có công nghệ nguồn ở các nước phát triển. Chính phủ có thể mời gọi họ trở về hoạt động trong hai khu công nghệ cao, tạo ra một bước đột phá quan trọng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian vài năm cần

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

Thủy Nguyên chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

DOÃN ĐÌNH HUỀ

LÀ một huyện lớn, nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng, tiếp giáp giữa đồng bằng sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc, có quốc lộ 10 chạy qua, xung quanh được bao bọc bởi sông và biển nên Thủy Nguyên là đầu mối giao thông quan trọng của Hải Phòng với các tỉnh. Địa hình của huyện phong phú và đa dạng: bán sơn địa, đồng bằng, cửa sông, ven biển. Thủy Nguyên có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng; có bề dày lịch sử trong đấu tranh dựng nước và giữ nước, giàu truyền thống cách mạng đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thủy Nguyên có nhiều yếu tố để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Với lợi thế đất đai màu mỡ, được phù sa bồi đắp nên huyện có nhiều thuận lợi cho phát triển trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Huyện có hệ thống sông ngòi bao quanh, lại có nhiều loại đất khác nhau, thích hợp cho việc đa dạng hóa các loại cây trồng và có nhiều hộ nông dân trình độ thâm canh giỏi, đạt năng suất cao trên diện tích gieo trồng, hình thành được nhiều vùng lúa cao sản.

Lợi thế thứ hai của Thủy Nguyên là phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp. Được thiên nhiên ưu đãi, Thủy Nguyên có trữ lượng lớn các loại đá vôi, đất sét, si líc - là nguồn nguyên liệu quan trọng để sản xuất xi măng, hóa chất, vật liệu xây dựng... lại có giao thông thuận tiện, cả đường bộ, đường thủy nên huyện có lợi thế nhiều mặt, hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có 4 nhà máy xi măng, 3 nhà máy đóng tàu và sửa chữa tàu, 16 doanh nghiệp, 400 công ty vận tải hoạt động sản xuất, kinh doanh và đang góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

Lợi thế thứ ba của Thủy Nguyên là phát triển du lịch. Ở Thủy Nguyên có 70 điểm di tích văn hóa, trong đó có 23 điểm di tích tầm quốc gia, những danh lam thắng cảnh, những đình chùa, miếu mạo được du khách xa gần mến mộ. Đó là sông Bạch Đằng, đền thờ Trần Quốc Bảo, trạng nguyên Lê Ích Mộc, khu di chỉ đồ đá, đồ đồng Tràng Kênh và Vẹt Khê... Nhiều cảnh quan đẹp như hồ sông Giá dài 17 km, nước trong mát là điểm du lịch sinh thái lý tưởng.

Mấy năm qua, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện đã được khẳng định là có những bước đi vững chắc góp phần đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng hướng. Đây là một trong những huyện đứng hàng đầu của Hải Phòng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả. Cụ thể, Thủy Nguyên đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa

Digitized by Google

những chân ruộng lúa ngập mặn thành vùng nuôi tôm, nuôi cá; đưa những chân ruộng trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, rau quả sạch và hoa cây cảnh. Điều đáng chú ý là diện tích lúa tuy có giảm, nhưng nhờ năng suất lúa tăng, nên sản lượng cũng tăng khá. Ở nông thôn, cơ cấu lao động đã có bước chuyển dịch rất rõ nét. Nhiều lao động làm nông nghiệp chuyển sang ngành nghề. Một số làng nghề truyền thống như nghề đúc (đồng, gang), vận tải, đi biển, mộc, xây dựng... đã được phục hồi và phát triển mạnh. Chẳng hạn như xã An Lư có những đội xe vận tải đông tới hàng trăm chiếc, ngày đêm làm dịch vụ chuyên chở hàng hóa đến nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh. Nghề đúc ở Mỹ Đồng phát triển rất mạnh, đã tạo được việc làm cho nhiều người lao động và tăng thu nhập của hộ gia đình. Chính vì vậy, mấy năm qua đã có nhiều công ty trách nhiệm hữu hạn nghề đúc, bỏ vốn hàng tỉ đồng để mở rộng cơ sở sản xuất, ký hợp đồng với khách hàng với khối lượng lớn xuất khẩu sang nhiều nước.

Đến Thủy Nguyên hôm nay, có thể cảm nhận được một không khí sản xuất kinh doanh sôi động. Những xã có ngành nghề phát triển đã thu hút lao động từ các xã khác đến làm thuê. Nhiều người sau một thời gian đi làm thuê đã đúc rút, học hỏi được kinh nghiệm về quê đầu tư hành nghề, lập nghiệp. Thực tiễn ở Thủy Nguyên đã minh chứng cho tính hiệu quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân ở thời kỳ 1996 - 2000 đạt 11%/năm, thời kỳ 2001 - 2004 đạt 17,5%/năm. Năm 2001 thu ngân sách nhà nước đạt 42,87 tỉ đồng, năm 2003 đạt 30,3 tỉ đồng; thu ngân sách huyện năm 2001 đạt 42,7 tỉ đồng, năm 2003 đạt 67 tỉ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 13,5% năm 2000 xuống còn 8,3% năm 2003. Chuyển dịch cơ cấu theo ngành diễn ra tương đối rõ nét. (xem biểu).

Biểu: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thủy Nguyên từ năm 2001 đến 2004.

Đơn vị %

Năm / Ngành	2001	2002	2003	2004
Nông nghiệp	53,1	47,9	43,1	41,2
Công nghiệp	22,6	26,4	30,8	33,4
Dịch vụ	24,4	25,7	18,4	25,4

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thủy Nguyên

Trong lĩnh vực nông nghiệp, vùng lúa của Thủy Nguyên có năng suất và sản lượng cao nhờ quá trình thâm canh đã đi vào chiều sâu. Nếu như năng suất lúa năm 1996 đạt 81 tạ/ha, sản lượng lương thực quy thóc cả huyện chỉ đạt 74.389 tấn thì đến năm 2003 đạt 94 tạ/ha, sản lượng đạt 78.918 tấn, năm 2004 ước đạt tương ứng là 95 tạ/ha và 80.000 tấn. Diện tích rau màu ổn định ở mức 1.350 ha - 1.400 ha. Rau bắp cải, su hào ở Thủy Nguyên không những được cung cấp cho địa bàn huyện, mà còn cho thành phố Hải Phòng, khu công nghiệp Quảng Ninh và xuất khẩu. Hiện nay, Thủy Nguyên đang mở rộng diện tích trồng rau sạch và thực hiện các dự án trồng rau quả theo công nghệ châu Âu để cung cấp cho người tiêu dùng. Mô hình kinh tế hộ, kinh tế trang trại trồng cây ăn quả trên diện tích đồi, núi phát triển trên cơ sở cải tạo vườn tạp để trồng cây có giá trị kinh tế cao đem lại nguồn thu nhập lớn đã góp phần làm cho nông thôn khởi sắc. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, Thủy Nguyên đã trồng được trên 1.000 ha rừng. Chăn nuôi phát triển mạnh trên địa bàn huyện cả về số lượng và chất lượng.

Kinh tế thủy sản phát triển ở cả bốn lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ; trong đó khai thác và nuôi trồng phát triển mạnh. Đáng chú ý là kinh tế trang trại nuôi trồng thủy sản rất phát triển. Các tiến bộ khoa

Digitized by Google

học - kỹ thuật được ứng dụng đem lại hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích.

Nói đến nghề biển ở Thủy Nguyên, không ai không biết tới Liên tập đoàn đánh cá Nam Triệu hoạt động có hiệu quả của xã Lập Lễ. Dưới Liên tập đoàn là các đội, mỗi đội có số lượng từ 12 - 50 phương tiện đánh bắt. Các đội hình thành dựa trên mối quan hệ dòng họ, bạn bè hoặc cùng một loại nghề đánh bắt. Mỗi nhóm đều có một người am hiểu nghề, biết tính toán làm ăn, định hướng cho cả đội. Trong đội có các tàu trinh sát chuyên thăm dò ngư trường. Khi phát hiện được ngư trường mới, tàu trinh sát thông tin tập hợp cả đội lại để tổ chức khai thác. Để đội tàu bám biển dài ngày không phải lo tiêu thụ sản phẩm, các tàu hậu cần dịch vụ chuyên thu gom hải sản, cung cấp lương thực, thực phẩm, dầu máy, ngư cụ... Trong Liên tập đoàn đánh cá Nam Triệu có các mối liên kết, hỗ trợ giữa các tàu và đội tàu khai thác; các tàu khai thác liên kết với dịch vụ, thu mua; dịch vụ, thu mua liên kết với vận chuyển chế biến. Những năm qua Liên tập đoàn luôn đi đầu trong việc tìm kiếm, phát hiện; ứng dụng công nghệ mới. Năm 2004, ở Lập Lễ có 800 phương tiện đánh bắt, thì 681 phương tiện được lắp máy đồng bộ hoạt động từ Móng Cái đến Thanh Hóa. Tính riêng trong vùng đảo Bạch Long Vĩ có tới 70% số người làm dịch vụ và nghề cá là người dân Lập Lễ.

Sự phát triển của nông nghiệp và thủy sản ở Thủy Nguyên đã thúc đẩy ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh. Các ngành khai thác vật liệu xây dựng, đúc kim loại, mộc dân dụng, đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải, chế biến nông sản, thực phẩm, các làng nghề truyền thống phát triển mạnh. Mỗi năm huyện đã giải quyết việc làm cho 8.500 - 9.000 lao động. Đáng chú ý là việc khôi phục và phát triển nhiều làng nghề truyền thống đạt hiệu quả kinh tế cao đã trở thành điểm sáng góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế của huyện. Khu công nghiệp phía Bắc đang trở thành trung tâm công nghiệp lớn của thành phố Hải Phòng với các doanh nghiệp lớn của trung ương và địa phương như đóng mới và sửa chữa tàu biển, sản xuất xi măng, bột nhẹ, nhựa đường, nhiệt điện. Tại khu đô thị Bắc sông Cấm đang hình thành khu công nghiệp và dịch vụ sẽ từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn. Vừa qua, Nhà nước đã đầu tư ở Thủy Nguyên dự án mở rộng cảng cá Mắt Rồng gồm hai giai đoạn với tổng số vốn gần 30 tỉ đồng. Đây là cảng cá khu vực đủ sức phục vụ cho hơn 1.000 tàu, thuyền khai thác. Cảng cá Mắt Rồng hoàn thành sẽ tạo điều kiện phát triển công nghiệp chế biến, mở ra vận hội mới cho nghề biển ở Thủy Nguyên. Sự phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã tạo điều kiện để các dịch vụ phát triển như dịch vụ thương mại - du lịch, vận tải, dịch vụ hậu cần nghề cá.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thủy Nguyên vẫn còn những mặt hạn chế:

Một là, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; còn có yếu tố chưa vững chắc, chưa đồng đều. Chưa khai thác hết các thế mạnh trên các lĩnh vực. Tài nguyên, khoáng sản khai thác còn thiếu quy hoạch, thiếu sự quản lý thống nhất gây lãng phí và ô nhiễm môi trường. Sự phát triển mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đang đặt ra nhiều vấn đề đáng lo ngại (tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, dịch bệnh). Hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở đã được cải tạo, nâng cấp, nhưng còn nhiều bất cập, chưa đồng đều, nhất là các xã miền núi, vùng kinh tế mới.

Hai là, vấn đề vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh cho các thành phần kinh tế còn thiếu và chưa đáp ứng được thường xuyên. Tiêu thụ sản phẩm hàng hóa ở thị trường nội địa chưa ổn định nên ảnh hưởng đến sản xuất. Việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn huyện còn chậm, hiệu quả còn thấp. Sản xuất công nghiệp và dịch vụ đã phát triển song quy mô còn nhỏ, phân tán.

Digitized by Google

Ba là, kết cấu hạ tầng du lịch và các dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện. Việc đầu tư, tôn tạo, trùng tu các di tích chưa đồng bộ, còn chắp vá, quy mô nhỏ. Chính vì vậy các điểm du lịch chưa tạo được dấu ấn đối với khách du lịch nên khách dừng chân ở Thủy Nguyên chưa nhiều.

Để tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm tới, Thủy Nguyên cần có bước đi thích hợp nhằm phát huy nội lực và kết hợp với nguồn lực bên ngoài nhằm thúc đẩy nền kinh tế huyện phát triển. Quan điểm phát triển và mục tiêu (giai đoạn 2005 - 2010) của Đảng bộ huyện là: Xây dựng và phát triển huyện Thủy Nguyên phải bảo đảm thống nhất và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là quy hoạch không gian, môi trường, đô thị của thành phố Hải Phòng thời kỳ 2001 - 2010 và tầm nhìn tới năm 2020 theo Nghị quyết số 32/NQ-TW, ngày 5-8-2003 của Bộ Chính trị. Phát huy mạnh mẽ tiềm năng lợi thế để Thủy Nguyên phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới, thực sự là một trọng điểm kinh tế của thành phố Hải Phòng, vừa tạo điều kiện để thành phố mở rộng khu công nghiệp phía Bắc, triển khai xây dựng khu đô thị Bắc sông Cấm, đồng thời huyện tiến hành xây các khu công nghiệp vừa và nhỏ, cụm công nghiệp làng nghề, một số thị trấn, thị tứ. Xây dựng Thủy Nguyên trở thành một vùng kinh tế động lực, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các chỉ tiêu chủ yếu đã được đề ra là: tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 16,6%/năm; trong đó nông nghiệp - thủy sản tăng 6,2%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 22,4%/năm, dịch vụ - du lịch tăng 20,4%/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất của các ngành do huyện quản lý: nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, với tỷ lệ tương ứng: 23,8% - 45,1% - 31,1%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện mỗi năm tăng bình quân 8%/năm, thu ngân sách huyện tăng bình quân 10%/năm. Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống dưới 0,7%.

Để thực hiện các mục tiêu trên, trong thời gian tới Thủy Nguyên xác định tập trung thực hiện các giải pháp sau:

1 – Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thủy sản theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích. Xúc tiến nhanh việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo hướng lựa chọn hợp lý các phương án nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Tăng nhanh tỷ trọng thực phẩm chăn nuôi, thủy sản đồng thời giảm tỷ trọng trồng trọt và cây lương thực. Chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, thực hiện quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh, hình thành các vùng sản xuất tập trung như vùng cây ăn quả, cây công nghiệp ở các xã miền núi, vùng trồng cây thực phẩm, vùng nuôi trồng thủy sản ở các xã ven biển. Coi trọng việc nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh và bán thâm canh để không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Trước mắt, chọn mô hình để xây dựng quy hoạch phát triển điểm về kinh tế thủy sản, từ đó nhân rộng ra các xã khác. Ngoài ra, cần tăng cường đầu tư khai thác kinh tế biển có hiệu quả, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tổ chức việc thu mua sản phẩm thủy hải sản để chế biến và tiêu thụ nội địa.

Để phát triển nông nghiệp hàng hóa nhằm phát huy thế mạnh của địa phương, cần đưa nông nghiệp phát triển theo hướng đa ngành. Coi trọng phát triển dịch vụ chế biến sản phẩm nông sản để có hàng hóa cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Coi trọng củng cố hợp tác xã kiểu mới ở nông thôn, với cơ chế quản lý điều hành sản xuất thực sự thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Mặt khác, coi trọng việc xây dựng các tổ chức dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2 – Tiếp tục phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện. Phát huy thế mạnh để phát triển công nghiệp - xây dựng tạo ra sự chuyển dịch kinh tế theo hướng đưa

Digitized by Google

tỷ trọng công nghiệp đến năm 2010 đạt 45,1% và tốc độ tăng trưởng bình quân là 22,4%. Muốn vậy, huyện cần tập trung đầu tư mở rộng các dịch vụ phục vụ công nghiệp với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Mặt khác, cần nâng cấp công suất và xây dựng mới một số trạm biến áp để nâng cao chất lượng điện phục vụ các khu công nghiệp, làng nghề và dân cư. Căn cứ vào tình hình thực tiễn xây dựng các khu công nghiệp tập trung: Khu công nghiệp Bắc cầu Kền, Kênh Giang - Đông Sơn; Nam cầu Đá Bạc, Minh Đức - Tam Hưng; phát triển các làng nghề như Mỹ Đồng, Chính Mỹ, An Lư, Lập Lễ...

Những năm qua việc phát triển các khu sản xuất vật liệu xây dựng tại Minh Đức, Minh Tân, Lại Xuân đã khẳng định uy tín sản phẩm và có chỗ đứng trên thị trường. Vấn đề đặt ra cần mở rộng đầu tư với quy mô thích hợp căn cứ vào nhu cầu của thị trường. Bên cạnh việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, cần đầu tư vốn, kỹ thuật để sản phẩm làng nghề có thương hiệu tiếp cận dần với thương mại hiện đại và từng bước hội nhập. Đẩy mạnh việc chế biến nông sản thực phẩm, nhất là thủy, hải sản đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Tiếp tục mở các lớp dạy nghề nhằm cung cấp nguồn lao động có tay nghề cao cho các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

3 – Phát triển dịch vụ thương mại – du lịch tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương. Thủy Nguyên nằm liền kề với thành phố, với Vịnh Hạ Long - di sản thiên nhiên thế giới; rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, điểm nghỉ cuối tuần. Phát triển dịch vụ thương mại cần đi đôi với dịch vụ du lịch, tạo mối quan hệ hỗ trợ để cùng phát triển, tăng được nguồn thu ngân sách. Phát triển thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu của tiêu dùng nội địa, nhất là khách du lịch đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tính toán cân đối cho hợp lý. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng, các trung tâm thương mại, các chợ vùng cần gắn với các khu đô thị vệ tinh như thị trấn Núi Đèo, Minh Đức, Lập Lễ...

Đến Thủy Nguyên du khách ngồi thuyền trên sông được ngắm cảnh thiên nhiên, sơn thủy hữu tình, nghe hát ca trù và các làn điệu dân ca vùng đồng bằng Bắc Bộ, được nghe huyền thoại về sự tích vùng đất có truyền thống chống giặc ngoại xâm. Do vậy, cần tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với các quy hoạch du lịch của huyện theo định hướng là: du lịch tham quan bằng các phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ tới các di tích lịch sử, văn hóa, các hang động tự nhiên; du lịch nghỉ dưỡng, nghỉ cuối tuần; du lịch giải trí thể thao, du lịch lễ hội, tín ngưỡng... Để các điểm du lịch hấp dẫn khách thập phương cần có sa bàn, mô hình tái tạo lại để giáo dục thế hệ trẻ và làm cho khách có được giây phút thư giãn thú vị. Mặt khác, cần đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên đáp ứng yêu cầu đa dạng của du khách, nhất là có trình độ văn hóa ứng xử.

4 – Coi trọng phát triển các loại hình hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn huyện. Muốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả cần chú trọng phát triển đa dạng các loại hình hợp tác và hợp tác xã cho các thành phần kinh tế. Sự phát triển loại hình này sẽ tạo cho các hộ gia đình đỡ gặp khó khăn trong sản xuất như về vốn, áp dụng công nghệ mới, giải quyết đầu ra, giống mới... Hợp tác xã nông nghiệp, ngành nghề phải thực sự là chỗ dựa cho kinh tế hộ phát triển, khắc phục tình trạng manh mún, khép kín, tự cấp tự túc. Các hình thức dịch vụ mà hợp tác xã thành lập để hoạt động phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn sản xuất kinh doanh. Các hợp tác xã cần mở rộng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác để tạo mối quan hệ vừa cạnh tranh, vừa hợp tác trong nền kinh tế thị trường, từ đó phải không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của mình. Coi trọng công tác lựa chọn cán bộ chủ chốt của hợp tác xã nông nghiệp, nhất là chủ nhiệm, bởi đây chính là nhân tố quyết định đối với sự phát triển bền vững của hợp tác xã. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO - chặng đường nửa thế kỷ đấu tranh và thắng lợi vẻ vang

PHƯƠNG NHUNG

NGÀY 22-3-1955 đánh dấu một sự kiện quan trọng trong lịch sử nước Lào bằng sự ra đời của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nhằm đáp ứng những yêu cầu khách quan của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào. Tại tỉnh Hủa-phăn, 20 đại biểu đại diện cho gần 400 đảng viên trên cả nước, đã tiến hành Đại hội lần thứ I, đề ra đường lối đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng đất nước, đưa nhân dân các bộ tộc Lào tới độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc trên con đường tiến bộ, phát triển. Đại hội đã bầu đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản làm Tổng Bí thư.

Nói đến sự ra đời của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, không thể không đề cập tới vai trò của Nguyễn Ái Quốc, người đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Đông Dương, và từ đó chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đến với những người yêu nước Lào. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã góp ý kiến vào việc thực hiện đường lối cách mạng và hình thức vận động tổ chức quần chúng ở Lào: "Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân; công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng; có Đảng vững mạnh lãnh đạo, cách mạng sẽ giành được thắng lợi". Kể từ ngày có Đảng, nhân dân các bộ tộc Lào bắt đầu một cuộc trường chinh mới đấu tranh giành chính quyền về tay mình và xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Hai mươi năm đấu tranh trường kỳ gian khổ

Suốt 20 năm, từ năm 1955 đến 1975, nhân dân các bộ tộc Lào đã anh dũng, ngoan cường chiến đấu chống lại chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, đứng đầu là đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản, nhân dân các bộ tộc Lào đã vượt qua khó khăn này tới khó khăn khác, sát cánh cùng nhân dân Việt Nam và Cam-pu-chia giành được thắng lợi vẻ vang với sự ra đời của Nhà nước cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào ngày 2-12-1975. Cách mạng Lào 20 năm từ năm 1955 - 1975 dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào phát triển qua các giai đoạn.

Từ năm 1955 đến 1958, là thời kỳ bảo toàn lực lượng và xây dựng căn cứ cách mạng tại hai tỉnh Sầm-nưa và Phong-xa-lỳ. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã kiên trì tiến hành cuộc đấu tranh chính trị tại các địa phương, dương cao ngọn cờ hòa bình, trung lập và hòa hợp dân tộc, đập tan âm mưu của Mỹ và tay sai hòng tiêu diệt lực lượng quân sự cách mạng. Thắng lợi của cách mạng Lào trong thời kỳ này

Digitized by Google

đã dẫn đến việc thành lập Chính phủ Liên hiệp quốc gia lần thứ nhất vào năm 1957 có sự tham gia của Mặt trận Lào yêu nước.

Từ năm 1959 đến 1964: Lúc này phe đối lập phá hoại Chính phủ Liên hiệp, bao vây tiểu đoàn 2 Pa-thét-lào và bắt giữ một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Bằng những chỉ đạo và bước đi đúng đắn, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã đưa được tiểu đoàn 2 vượt vòng vây một cách an toàn, và đã quyết định chuyển cuộc đấu tranh cách mạng từ đường lối chính trị hòa bình sang phát động khởi nghĩa vũ trang trên toàn quốc, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị. Đây là thời kỳ lực lượng cách mạng phát triển mạnh và sâu rộng trên toàn nước Lào. Khu giải phóng đã mở rộng tới hai phần ba lãnh thổ nối liền từ bắc chí nam, với một nửa số dân trong cả nước. Sự lớn mạnh của cách mạng Lào đã buộc đối phương phải nhân nhượng và Chính phủ Liên hiệp lần thứ hai ra đời vào ngày 22-6-1962 với sự tham gia của Mặt trận Lào yêu nước ở một vị thế cao hơn.

Từ năm 1964 đến 1973, Chính phủ Liên hiệp lại sụp đổ. Đế quốc Mỹ nhân cơ hội đó đã mở rộng chiến tranh ở Lào, dùng máy bay ném bom và đưa quân tấn công vào các vùng giải phóng như: Xảm-xỏn, Cù-kiệt, Thạ-nông-kiệt... Bộ đội giải phóng Lào phối hợp chặt chẽ với quân đội và nhân dân Việt Nam, đã từng bước bẽ gãy các cuộc tấn công của địch. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào, một mặt tiến hành chiến tranh bằng lực lượng bộ đội chính quy, mặt khác đẩy mạnh chiến tranh du kích ngay trong lòng hậu phương của địch, làm cho chúng bối rối, lo chống trả cùng một lúc trên hai mặt trận. Bằng sức mạnh của chính mình, cộng với sự giúp đỡ to lớn của bạn bè quốc tế, quân dân Lào đã đánh tan "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, đưa tới việc thành lập Chính phủ Liên hiệp quốc gia lâm thời lần thứ ba vào năm 1973. Đây là một mốc lịch sử quan trọng đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của cách mạng Lào và sự thất bại của học thuyết Ních-xơn ở Lào.

Từ năm 1973 đến 1975, trong giai đoạn này Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo nhân dân, chuẩn bị mọi lực lượng nhằm chớp thời cơ để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ. Mùa xuân năm 1975, thời cơ lịch sử đã đến. Với thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã chủ trương giáng đòn quyết định vào kẻ thù, giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đưa đất nước Lào tiến sang một giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ và xây dựng đất nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Ngày 2-12-1975 là ngày khai sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Nhân dân Lào hăng hái bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Tuy nhiên, nhà nước Lào non trẻ và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đứng trước những khó khăn chồng chất, trong đó khó khăn nhất là việc quản lý, điều hành đất nước, tiến hành xây dựng một xã hội mới nhưng thiếu cán bộ có kinh nghiệm quản lý và điều hành công việc. Bên cạnh đó lực lượng phản động trong nước vẫn chờ dịp ngóc đầu dậy lật đổ chính quyền. Hỗ trợ cho lực lượng này là các thế lực thù địch bên ngoài, chúng tiến hành bao vây kinh tế, tiếp tế vũ khí, đạn dược cho các toán phỉ còn lẩn quất trong đất nước Lào. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân kiên cường vượt qua khó khăn, thử thách. Đảng đã vận động toàn dân làm công tác quốc phòng, an ninh, đồng thời tích cực tham gia sản xuất. Trên mặt trận ngoại giao, Đảng, Chính phủ Lào thực hiện phương châm cương quyết nhưng mềm dẻo và khéo léo, ra sức củng cố mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với bạn bè gần xa.

Digitized by Google

Năm 1981 Lào bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1981 - 1985) tập trung đầu tư ngân sách cho các công trình trọng điểm vừa và nhỏ, phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội Lào. Trong thời kỳ này, một số mặt về công tác tài chính, giá cả, thương nghiệp được cải tiến. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) không ngừng tăng, trung bình là 5,3 % mỗi năm. Đặc biệt năm 1985 GDP tăng 9,2 %. Tuy một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra, song nền kinh tế đã có chiều hướng phát triển. Trong GDP, tỷ trọng kinh tế nông nghiệp giảm từ 83% năm 1980 xuống còn 53,5% vào năm 1985.

Năm 1986, Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ IV đã đề ra đường lối đổi mới trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế, chuyển đổi nền kinh tế sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa. Các chủ trương của Đảng đã dần dần đi vào cuộc sống của nhân dân các bộ tộc, và nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của toàn thể nhân dân. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, do ảnh hưởng của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế đang ở bước sơ khai, thời tiết lại rất không thuận lợi nên trong ba năm đầu Lào không đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế do kế hoạch đề ra. Từ năm 1989 các biện pháp của chính sách kinh tế mới bắt đầu phát huy tác dụng, tăng trưởng GDP đi vào ổn định, trung bình hằng năm tăng 6-7%. Trong quá trình đổi mới, đời sống của các tầng lớp dân cư đã từng bước được nâng cao. Nếu năm 1975, thu nhập quốc dân bình quân đầu người chỉ là 70 USD, thì năm 1997 đạt 400 USD.

Các Đại hội lần thứ V, VI, và VII của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã tiếp tục bổ sung và cụ thể hóa thêm các nhiệm vụ và chủ trương trong đường lối mà đại hội trước đó đã đề ra, đồng thời tiếp tục triển khai đường lối đổi mới một cách toàn diện, mà quan trọng là quy định từng bước đi cụ thể cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên lĩnh vực xây dựng Đảng, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chú trọng kiện toàn tổ chức đảng theo hướng toàn diện và vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã rút ra những kinh nghiệm:

1 - Phải tăng cường đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, không ngừng nâng cao tinh thần yêu nước, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường. Đây là yếu tố quyết định thành quả của sự nghiệp đổi mới.

2 - Dựa vào dân, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân và làm mọi điều vì lợi ích của nhân dân.

3 - Bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, coi đây là điều kiện quan trọng đối với công cuộc đổi mới.

4 - Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới được tiến hành theo đúng đường lối và mục tiêu của Đảng; phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

5 - Tranh thủ có nguyên tắc sự ủng hộ và giúp đỡ của quốc tế, coi đây là điều kiện cần thiết, không thể thiếu đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Nhìn lại chặng đường 50 năm đấu tranh giành chính quyền và xây dựng đất nước, nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã thu được nhiều thành tựu to lớn, đưa nước Lào vững bước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa. Nguyên nhân của những thành tựu đó là:

Thứ nhất, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã đề ra chiến lược sáng suốt để lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân.

Thứ hai, Đảng đã thành lập lực lượng vũ trang cách mạng vào thời điểm thích hợp, vừa củng cố, xây dựng cho lực lượng vũ tranh chính quy lớn mạnh đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến, vừa tiến hành chiến tranh du kích

Digitized by Google

trong lòng địch. Đảng coi quân đội là lực lượng nòng cốt trong công tác an ninh - quốc phòng.

Thứ ba, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo sự nghiệp đổi mới một cách toàn diện, có nguyên tắc, tạo được những tiền đề cơ bản cho quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã đề ra đường lối đối ngoại đúng đắn và lãnh đạo tổ chức, thực hiện có kết quả trong từng giai đoạn cách mạng, làm cho nước Lào thêm nhiều bạn bè và vị thế của Lào trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Thứ năm, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh và điều kiện đặc biệt của Lào, biết kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp sức mạnh của toàn dân với sức mạnh thời đại.

Thứ sáu, Đảng luôn hết lòng vì nhân dân, gắn bó chặt chẽ với dân, biết phát huy sức mạnh của nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Thứ bảy, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào luôn bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, và có đội ngũ cán bộ lãnh đạo nòng cốt dũng cảm, có đội ngũ cán bộ trung thành với sự nghiệp của Đảng, của nhân dân các bộ tộc Lào.

Nhân dân Việt Nam rất vui mừng trước những thành tựu to lớn mà nhân dân các bộ tộc Lào đã đạt được trong công cuộc đấu tranh, cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào suốt chặng đường nửa thế kỷ vừa qua và tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, đứng đầu là đồng chí Khăm-tày Xi-phăn-đon, nhân dân các bộ tộc Lào sẽ phát huy truyền thống vẻ vang của mình, thực hiện thành công mục tiêu của Đảng đã đề ra, đưa đất nước Lào tới ấm no, hạnh phúc. Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam nguyện tăng cường đoàn kết, vun đắp cho tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững.❑

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ...

(Tiếp theo trang 58)

huy động một đội ngũ vài ngàn tiến sĩ, thạc sĩ hoặc hàng trăm công ty công nghệ cao quy mô nhỏ và vừa, cùng với đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, hình thành một lực lượng sản xuất hiện đại từng bước đuổi kịp các nước trong khu vực.

- Chính sách thuế đối với công nghệ cao hiện nay đang hạn chế sự phát triển nhanh của đất nước. Trong khi chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm truyền thống một khả năng hiện có của nền kinh tế đang có nhu cầu lớn trên thị trường thế giới; chúng ta cần khuyến khích việc nhập khẩu sản phẩm công nghệ cao. Công nghệ cao là phương tiện góp phần nâng cao trình độ của nền kinh tế và trình độ văn hóa, khoa học cho nhân dân. Chính phủ cũng cần miễn thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm công nghệ cao để khuyến khích tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng sinh hoạt các loại sản phẩm công nghệ cao, tạo bước ngoặt chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng về các ngành công nghiệp hiện đại mà nòng cốt là các ngành công nghệ cao; đồng thời kéo theo sự phát triển nhảy vọt của các ngành dịch vụ cao liên quan mà môi trường sản xuất công nghiệp hiện đại và nghiên cứu công nghệ cao ở các nước tiên tiến đã và đang diễn ra.

Sau bước ngoặt vĩ đại của đường lối đổi mới, có thể thấy rằng giờ đây khoa học, công nghệ đang từng bước trở thành động lực mới, đưa đất nước tiến lên với tốc độ nhanh trong thế kỷ XXI. Có thể hình dung một sự thần kỳ diễn ra trong nền kinh tế nước ta vài thập niên tới, nếu ta tập trung được mọi nguồn lực cho một chiến lược đúng, nếu chúng ta đủ quyết tâm và kiên định ý chí.

Sự thần kỳ đó chắc chắn sẽ bắt đầu từ các khu công nghệ cao. ❑

Digitized by Google

LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VỚI BỐN THẬP KỶ ĐẤU TRANH CHỐNG PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

NGUYỄN LỘC *

1 – Khuôn khổ luật pháp quốc tế chống phân biệt chủng tộc

Phân biệt chủng tộc đã để lại nhiều hậu quả bất công và đau thương cho nhân loại nói chung và nhiều dân tộc nói riêng trên thế giới. Ở một khía cạnh nào đó, phân biệt chủng tộc là nguồn gốc của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phát xít, là một trong những nguyên nhân gây ra các cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc và đẫm máu. Nhân loại tiến bộ trên thế giới đã có nhiều nỗ lực không mệt mỏi đấu tranh chống tệ phân biệt chủng tộc. Luật pháp quốc tế, nhất là luật pháp quốc tế về quyền con người đã phần nào xác định được một khuôn khổ pháp lý làm công cụ tích cực cho cuộc đấu tranh này.

Một trong những văn kiện pháp lý quốc tế hàng đầu đề cập đến vấn đề chống phân biệt chủng tộc đó là Hiến chương Liên hợp quốc (năm 1945). Mặc dù Hiến chương không phải là văn bản cụ thể hóa vấn đề chống phân biệt chủng tộc, nhưng nó đã nêu lên một trong những nguyên tắc cơ bản - nguyên tắc không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc và các cơ sở khác trong việc tôn trọng và thực hiện quyền con người.

Tiếp theo Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người một lần nữa nhấn mạnh nguyên tắc trên với khẳng định: mọi người đều tự do và bình đẳng "về phẩm giá và các quyền", không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào dựa trên cơ sở "chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc quan điểm khác..."(1)

Cùng với thời gian, thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, Liên hợp quốc đã ban hành Công ước ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng. Đây là một văn bản pháp lý trực tiếp điều chỉnh khía cạnh cụ thể của vấn đề phân biệt chủng tộc. Công ước này được xem như là văn kiện pháp lý có tính chất ràng buộc đầu tiên trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Hành vi diệt chủng bị cộng đồng quốc tế xác định là biểu hiện cao độ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Công ước ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng coi hành vi diệt chủng là một biểu hiện của phân biệt chủng tộc, một tội ác bị trừng trị bởi luật pháp quốc tế.

Năm 1965, Đại hội đồng Liên hợp quốc nhất trí thông qua Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Với công ước này, lần đầu tiên tệ phân biệt chủng tộc đã được xác định là "bất kỳ sự phân biệt, xua đuổi, hạn chế, hoặc ưu đãi nào dựa trên

---

* ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Hà Nội, 1998, tr 63

Digitized by Google

chủng tộc, màu da, dòng dõi, dân tộc hoặc người gốc thiểu số với mục đích hoặc nỗ lực để vô hiệu hóa hay làm giảm giá trị sự thừa nhận, sự hưởng thụ hoặc thực hành, trên địa vị bình đẳng các quyền con người và tự do cơ bản..."(2). Trên cơ sở đó, Công ước đặt ra nghĩa vụ pháp lý cơ bản của các quốc gia thành viên trong việc ngăn ngừa và loại bỏ tệ phân biệt chủng tộc. Những nghĩa vụ này bao gồm: a) Các quốc gia thành viên phải lên án tệ phân biệt chủng tộc, hơn nữa phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết và kịp thời để loại trừ tệ phân biệt chủng tộc dưới bất kỳ hình thức nào; b) Mỗi quốc gia thành viên, tùy theo điều kiện cụ thể của mình sẽ có các biện pháp kinh tế, xã hội, văn hóa, và các biện pháp khác bảo đảm sự phát triển đồng đều và bảo vệ một số nhóm chủng tộc, dân tộc thiểu số..., nhằm tạo điều kiện cho họ được hưởng đầy đủ và bình đẳng các quyền con người và tự do cơ bản.

Thực chất Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc là một công ước về quyền con người, với mục tiêu tạo ra sự bình đẳng, không phân biệt đối xử trong việc hưởng thụ quyền con người. Công ước tạo ra những cơ sở pháp lý vững chắc và là một bước ngoặt mới của cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc trên phạm vi quốc tế.

Sau Công ước này, hàng loạt công ước quyền con người khác đã được cộng đồng quốc tế xây dựng và thông qua. Trong số đó phải kể đến Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966). Nguyên tắc không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc và các cơ sở khác đã được đánh giá là những nguyên tắc không thể thiếu trong các văn kiện này.

Nhìn chung, từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay, cộng đồng quốc tế đã thể hiện một nỗ lực chung không mệt mỏi và đầy kiên quyết trong việc xây dựng một hệ thống pháp lý cơ bản phục vụ cho cuộc đấu tranh nhằm loại bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Ngoài các công ước quốc tế nêu trên còn có các tuyên bố có liên quan của Đại hội đồng Liên hợp quốc, đặc biệt là Tuyên bố về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (năm 1963). Hệ thống các văn kiện quốc tế về chống phân biệt chủng tộc đã đạt được những kết quả sau: *Thứ nhất,* xác định tệ phân biệt chủng tộc là một tội ác trong pháp luật quốc gia và quốc tế. *Thứ hai,* xác lập nguyên tắc chống phân biệt đối xử, trong đó đặc biệt coi chống phân biệt chủng tộc như là một nguyên tắc nền tảng của luật pháp quốc tế nói chung và luật pháp quốc tế về quyền con người nói riêng; *Thứ ba,* xác định nghĩa vụ pháp lý của các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế trong nhiệm vụ đấu tranh loại bỏ phân biệt chủng tộc, bảo đảm sự bình đẳng của mọi người trong hưởng thụ các quyền con người và tự do cơ bản.

2 – Tình trạng phân biệt chủng tộc hiện nay trên thế giới

Bên cạnh việc xây dựng một khuôn khổ pháp lý làm cơ sở cho cuộc đấu tranh nhằm loại bỏ tệ phân biệt chủng tộc, cộng đồng quốc tế còn thực hiện những nỗ lực phối hợp vì cuộc đấu tranh này. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX cho đến nay, Liên hợp quốc đã thực hiện 3 thập kỷ hành động chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc và tổ chức hàng loạt hội nghị quốc tế về chống phân biệt chủng tộc. Sự kiện gần đây nhất là Hội nghị quốc tế về chống chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc, tư tưởng bài ngoại và các hình thức không khoan dung khác đã diễn ra tại Nam Phi vào năm 2001.

Tuy chủ nghĩa chủng tộc và phân biệt chủng tộc đã bị đẩy lùi một bước cơ bản, nhưng việc loại bỏ nó ra khỏi đời sống của

(2) *Sđd,* tr 156

Digitized by Google

cộng đồng quốc tế là vô cùng phức tạp và khó khăn. Trên thực tế, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đang tồn tại dưới nhiều hình thức đa dạng và phức tạp hơn, như hành vi bài ngoại, không khoan dung... Nhìn chung, tình hình phân biệt chủng tộc trên thế giới vẫn là một thực trạng đáng lo ngại. Theo đánh giá mới đây của báo chí nước ngoài, tệ phân biệt chủng tộc vẫn đang hoạt động mạnh ở hầu hết các nước phát triển.

Ở Hoa Kỳ, chiếc nôi của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong các thế kỷ trước và cả hiện nay, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vẫn là một thực tế nhức nhối đáng lo ngại. Một báo cáo mới đây của Liên hợp quốc cho rằng, so với thời điểm ra đời của Luật Gim Grao dựa trên cơ sở "phân biệt nhưng bình đẳng" và Bản sửa đổi Hiến pháp lần thứ 14 của Hoa Kỳ với quy định "người Mỹ gốc Phi và người Mỹ gốc bản xứ không có địa vị công dân" thì tình hình hưởng thụ một số quyền cơ bản của người Mỹ gốc Phi, người Mỹ gốc La-tinh, gốc châu Á đã được cải thiện. Tuy nhiên, bản báo cáo kết luận rằng "mặc dù đạt được tiến bộ đáng kể, sự phân biệt đối xử chống lại các nhóm thiểu số sắc tộc và chủng tộc vẫn tồn tại khá phổ biến. Được xóa bỏ trên giấy tờ, nhưng sự thù hằn chủng tộc dường như vẫn chưa được loại bỏ trong đầu mọi người... Tệ hơn, tình hình phân biệt đối xử, kỳ thị chủng tộc chống lại người gốc Phi và người Mỹ gốc bản địa ở Mỹ không những xuất phát từ những nhóm người da trắng có nguồn gốc từ châu Âu mà còn xuất phát từ những nhóm chủng tộc khác tạo nên một bức tranh hỗn loạn"(3).

Một thực trạng đáng lo nữa là sự trỗi dậy ở Hoa Hỳ những băng đảng phát xít bài Do thái, bài ngoại và phân biệt chủng tộc. Băng đảng mới mọc lên ở Hoa Kỳ với tên Hội các quyền và thống nhất Mỹ - Âu chống Do thái đang làm cho nhiều người lo ngại bóng ma của băng đảng 3K khét tiếng man rợ trước đây. Bên cạnh đó còn có rất nhiều các tổ chức phân biệt chủng tộc công khai hoạt động, trong đó có tổ chức Liên Minh dân tộc với những tư tưởng phát xít mới, đang truyền bá tư tưởng phát xít mới bằng những bản nhạc rốc, tờ rơi và tạp chí.

So với Hoa Kỳ, tệ phân biệt chủng tộc ở Tây Âu cũng không kém phần đáng lo ngại. Lợi dụng những khó khăn kinh tế ở các nước này và sự di dân từ các nước thuộc thế giới thứ ba, nhiều tổ chức và đảng chính trị cực hữu ở một số nước Tây Âu đã lợi dụng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và tư tưởng bài ngoại để kích động công chúng, nhằm đạt được những mục tiêu về chính trị. Tình hình đó càng làm cho tệ phân biệt đối xử có điều kiện trỗi dậy.

Ở Pháp, việc Lơ-pen, người đứng đầu đảng cực hữu với tư tưởng phân biệt chủng tộc và bài ngoại, đã giành được 17% phiếu bầu trong cuộc bầu Tổng thống Pháp năm 2002 đã gây một cú "sốc" mạnh đối với nhân dân tiến bộ Pháp và thế giới. Chính Lơ-pen đã tuyên bố trước bầu cử rằng, sẽ cấm tất cả những người nước ngoài có hôn nhân với người Pháp được đến Pháp, hạn chế tối đa các quy định về việc người nước ngoài được có quốc tịch Pháp. Tư tưởng của Lơ-pen và đảng của ông ta gồm ba trọng tâm: a) phủ nhận sự đa dạng về văn hóa; b) đề cao người Pháp; và c) cấm đoàn tụ gia đình (có chồng hoặc vợ là người nước ngoài).

Ở Đức, theo thống kê gần đây hiện có ba đảng chính trị dựa trên tư tưởng bài ngoại và chống Do thái đang hoạt động. Đó là Liên minh nhân dân Đức, Đảng Dân chủ dân tộc Đức và Đảng những người Cộng hòa. Theo báo cáo của Văn phòng bảo vệ Hiến pháp liên bang, vào cuối năm 2003, tại nước này có 169 nhóm và tổ chức cực hữu với số lượng thành viên là 41.500 tên trong đó đa số là những kẻ

(3) *Báo cáo của Liên hợp quốc*, số ký hiệu A/59/330, ngày 4-10-2004

Digitized by Google

đầu trọc. Số nhóm phát xít mới cũng đã tăng từ 72 trong năm 2002 lên 95 trong năm 2003. Thống kê của Phòng Hình sự liên bang đang gióng lên hồi chuông báo động về số lượng lớn các vụ án hình sự do các nhóm và tổ chức cực hữu gây ra. Năm 2002 có 10.902 và năm 2003 có 10.792 vụ án liên quan đến phân biệt chủng tộc và bài ngoại do các tổ chức trên tiến hành.

Tình hình chống phân biệt chủng tộc ở Vương quốc Anh cũng không mấy sáng sủa. Chủ nghĩa bài ngoại, chủ nghĩa thượng đẳng về chủng tộc vẫn đang được một số đảng chính trị cực hữu đề cao. Trong số các đảng này có Đảng Dân tộc Anh với những chiến thuật tuyên truyền bài ngoại tinh vi qua các cuộc lễ hội, tuần hành, sử dụng in-tơ-nét... đã đạt một kết quả bầu cử khá cao ở cấp địa phương trong năm 2003. Năm 2004, ở Anh xuất hiện một đảng cực hữu mới với tên gọi là Hội mồng 9 tháng 11. Đảng này công khai khẳng định là một đảng Quốc xã Anh và tuyên bố cương lĩnh của mình dựa trên lý luận của Hít-le rằng chủng tộc A-ri-an là chủng tộc thượng đẳng, những chủng tộc, dân tộc không phải A-ri-an đồng nghĩa với vị trí thấp hơn. Mục tiêu chính của Hội mồng 9 tháng 11 là trục xuất khỏi nước Anh những ai không phải là người thuộc về chủng tộc A-ri-an.

Tuy nhiên, tình hình bài ngoại và phân biệt chủng tộc nhức nhối đáng lo ngại nhất hiện nay lại ở nước Nga. Chưa bao giờ nước Nga lại phải chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa phát xít mới, các tổ chức, nhóm cực hữu, bài ngoại như thời gian gần đây. Các nhóm và tổ chức này đang nhắm vào những người nước ngoài ở Nga trong đó đặc biệt là những người thuộc vùng Cáp-ca-dơ, châu Á và châu Phi. Số liệu thống kê cho thấy, chỉ trong năm 2002, có đến 37 cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Nga yêu cầu các nhà chức trách Nga có biện pháp tích cực để bảo vệ kiều bào của họ đang sinh sống, học tập, lao động tại nước này. Một trong những tổ chức khét tiếng ở Nga hiện nay là Tổ chức cực hữu thống nhất dân tộc Nga. Với tư tưởng phân biệt chủng tộc, tổ chức này đã và đang tiến hành nhiều hoạt động từ phá hoại tài sản của người nước ngoài đến giết người và công khai tuyên truyền chủ nghĩa bài Do thái.

Ngoài các nước kể trên, tại một số quốc gia khác ở nhiều khu vực trên thế giới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vẫn tồn tại và hoạt động ở các mức độ khác nhau.

Mặc dù với nhiều phong trào rầm rộ, nhiều thập kỷ hành động và nhiều Hội nghị quốc tế chống phân biệt chủng tộc được tổ chức, nhưng kết quả thực tế chưa phải đã như mong muốn được vạch ra tại các bàn hội nghị. Để đẩy lùi tệ phân biệt chủng tộc, các quốc gia thành viên trước hết cần phải nghiêm túc và nỗ lực thực hiện trên thực tế nhiều biện pháp hữu hiệu trong việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý đấu tranh chống phân biệt chủng tộc đã được quy định tại các công ước quốc tế.

3 – Việt Nam và việc thực hiện pháp luật chống phân biệt chủng tộc

Dân tộc Việt Nam có truyền thống lâu đời về đoàn kết và bình đẳng dân tộc. Tinh thần đoàn kết, bình đẳng tương trợ đó được thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau trong lịch sử từ truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ cho đến những sự kiện lịch sử được ghi lại. Chính tinh thần đoàn kết đó là sức mạnh không gì sánh được giúp dân tộc ta chiến đấu và chiến thắng, đánh bại các hình thức phân biệt chủng tộc tàn bạo nhất trong lịch sử, đó là chủ nghĩa thực dân và đế quốc. Hơn ai hết dân tộc Việt Nam nâng niu và quý trọng sự bình đẳng và không phân biệt về dân tộc, chủng tộc.

Ngay từ khi Nhà nước Việt Nam non trẻ mới ra đời sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định nguyên tắc bình đẳng "tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa" (Điều 6). Vấn đề

Digitized by Google

hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số cũng đã được xác định tại Hiến pháp "Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung" (Điều 8)

Tư tưởng và những nguyên tắc cơ bản đã tiếp tục được ghi nhận và phát triển tại các Hiến pháp tiếp theo. Hiến pháp năm 1992 khẳng định quyền bình đẳng về chính trị của các dân tộc trên đất nước: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam" (Điều 5). Nhằm bảo đảm, củng cố sự bình đẳng giữa các dân tộc, Hiến pháp năm 1992 còn quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; các chính sách phát triển về mọi mặt, để từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Các dân tộc ở Việt Nam không những được bình đẳng về chính trị, kinh tế mà còn được bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trên lĩnh vực văn hóa. Nhằm duy trì một sự phát triển bền vững, có bản sắc dân tộc và bảo đảm tính bền vững của sự bình đẳng giữa các dân tộc, Điều 5 Hiến pháp năm 1992 còn khẳng định "Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình".

Các nguyên tắc và quy định về bình đẳng và không phân biệt chủng tộc liên quan đến thành phần dân tộc không những được ghi trong Hiến pháp mà còn được cụ thể hóa trong các luật và văn bản dưới luật khác có liên quan và được triển khai thực hiện trong thực tiễn thông qua nhiều chính sách, chương trình quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển bình đẳng trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Trên bình diện thế giới, Việt Nam đã thể hiện mạnh mẽ quyết tâm cùng với cộng đồng quốc tế trong cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bài ngoại và các hình thức phân biệt chủng tộc khác. Việt Nam đã trở thành thành viên của Công ước ngăn ngừa và loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc vào năm 1981. Cùng năm đó, Việt Nam gia nhập Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng và Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội phân biệt chủng tộc. Như vậy, tất cả các công ước trực tiếp điều chỉnh các vấn đề loại bỏ phân biệt chủng tộc và các tội ác khác liên quan đến phân biệt chủng tộc đều đã được Việt Nam tham gia đầy đủ. Ngoài ra, Việt Nam là thành viên của hầu hết các công ước quan trọng khác về quyền con người có chứa các nguyên tắc chống phân biệt trên cơ sở chủng tộc như Công ước về các quyền dân sự và chính trị, Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước Quyền trẻ em.

So sánh với các quy định được nêu tại các Công ước quốc tế trên đây, có thể thấy rằng hệ thống pháp luật và chính sách của Việt Nam đã đạt đến mức độ phù hợp với các quy định quốc tế về chống phân biệt chủng tộc.

Có thể kết luận rằng với chính sách và pháp luật thể hiện tinh thần tiến bộ, bình đẳng, công bằng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cả ở trên bình diện quốc tế và quốc gia. Việt Nam đã và đang giữ vững sự ổn định và an toàn cho tất cả mọi người trong phạm vi thẩm quyền pháp lý của mình có được một cuộc sống hòa bình, bình đẳng, không bị phân biệt đối xử vì lý do chủng tộc, dân tộc. Đó là những thành tựu đáng ghi nhận mà một số quốc gia phát triển cũng không dễ gì có được. ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: **NGUYỄN KIM SƠN** - Tổng Giám đốc: **ĐẬU VĂN HÙNG**

Tổng Công ty Thép Việt Nam (VSC) được thành lập theo Quyết định số 255/TTg, ngày 29 tháng 4 năm 1995, của Thủ tướng Chính phủ, là doanh nghiệp sản xuất thép lớn nhất ở Việt Nam. Tổng công ty có 12 đơn vị thành viên và 16 liên doanh với nước ngoài, hệ thống cơ sở sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được phân bố trên địa bàn trọng điểm của Việt Nam. Năng lực sản xuất của Tổng công ty đến năm 2005 sẽ đạt 1,7 triệu tấn sản phẩm dài và 1,1 triệu tấn phôi thép mỗi năm và nhiều sản phẩm khác.

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRONG CÁC LĨNH VỰC:

- Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung liên quan đến công nghiệp sản xuất thép.
- Sản xuất thép và các kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị, phụ tùng luyện kim và các sản phẩm thép sau cán.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép và các nhiên liệu luyện cán thép.
- Kinh doanh thực hiện các dịch vụ liên quan đến thép, kim loại khác, quặng sắt và các loại vật tư (bao gồm cả thứ liệu) phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, cơ khí sửa chữa, chế tạo máy, phụ tùng và thiết bị...
- Thiết kế, chế tạo và thi công xây lắp các công trình sản xuất thép và các ngành liên quan khác.
- Đào tạo và nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại.
- Xuất khẩu lao động.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ khách sạn và các dịch vụ khác.

Digitized by Google

Nối liền mọi khoảng cách

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Vietnam Posts and Telecommunications Corp.

Digitized by Google

Digitized by Google

SATRA

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN

SAIGON TRADING GROUP (SATRA GROUP)

Là hội viên của: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội XNK lương thực Việt Nam, Hiệp hội XNK Cà phê - Ca cao Việt Nam, Hiệp hội Công thương TP.HCM, Hội Lương thực - Thực phẩm TP.HCM, Hội chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam, Hội KHKT mã số mã vạch Việt Nam

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất chế biến, kinh doanh XNK tổng hợp, hoạt động thương mại dịch vụ bán buôn, bán lẻ...

Với nhiều nhà máy, xí nghiệp sản xuất và hàng vạn lao động, trong đó chiếm phần lớn là đội ngũ công nhân lành nghề, SATRA đã và đang đáp ứng nhiều yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong cũng như ngoài nước. Các mặt hàng sản xuất chính của SATRA là: thủy hải sản, lương thực, nông sản chế biến, thịt & các sản phẩm chế biến từ thịt, quần áo & hàng tiêu dùng, đồ gỗ và đồ mộc gia dụng, bao bì các loại...

Hiện nay, SATRA là đối tác chiếm 40% vốn trong nhiều liên doanh nước ngoài với tổng vốn đầu tư hàng trăm triệu USD... Đồng thời là cổ đông lớn nhất trong các Công ty thành viên đã được cổ phần hóa. Ngoài ra để hướng tới tương lai, SATRA đã và đang tiến hành những dự án đầu tư trị giá hàng ngàn tỉ đồng khác.

Với thị trường xuất khẩu ở khắp các Châu lục, SATRA đã và đang được xếp vào hàng ngũ những nhà kinh doanh xuất nhập khẩu với kim ngạch XNK hàng năm lên đến vài trăm triệu USD. Mỗi năm SATRA xuất khẩu hàng trăm ngàn tấn nông sản và hàng chục triệu USD các loại hàng công nghiệp khác. Bên cạnh đó kim ngạch nhập khẩu hàng năm là hàng trăm triệu USD chủ yếu là các loại nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Địa chỉ: 257B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại :(84-8) 8 368 779; 8 368 779 *Fax (84-8) 8 369 327 * E-mail : satra@hcm.vnn.vn * Website : www.satra.com.vn

Digitized by Google

CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO

Trụ sở chính: Số 197 đường Trần Hưng Đạo - phường Hồng Hà - TP Yên Bái
TEL: 029.862 300 FAX: 029.863 850

Giám đốc
CN. NGUYỄN CHÍ THỊNH

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Các cung cầu, cung đường, các xí nghiệp thành viên, đội kiến trúc, đội cơ khí, đội cơ giới đóng tại các ga trên tuyến đường sắt từ Văn Phú đến Lào Cai và từ Phố Lu đến Xuân Giao.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu, đường, nhà ga.

- Thiết kế, thi công xây dựng các công trình đường sắt hoặc liên quan đến cơ sở hạ tầng đường sắt, xây dựng công trình dân dụng.

- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép, bê tông chuyên nghành.

- Kinh doanh dịch vụ khác.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Huân chương Lao động hạng 3.
- Huân chương Chiến công hạng 2 và hạng 3.
- Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Tổng liên đoàn Lao động, Trung ương đoàn.
- Đảng bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh.

Digitized by Google

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Địa chỉ:170 An Dương Vương * Điện thoại:056.846 156 * Fax:84.56.846 089 * E-mail: dhs pqnts 2000@ dng.vnn.vn

Hiệu trưởng
Tiến sĩ TRẦN TÍN KIỆT

THÀNH LẬP NĂM 1977 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1842/QĐ, NGÀY 21/12/1997 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VỚI TÊN GỌI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM QUY NHƠN. NĂM 2003, ĐỔI TÊN THÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN, THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 221/2003/QĐ-TTG NGÀY 30/10/2003 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ. TRƯỜNG TỌA LẠC TRÊN MỘT KHUÔN VIÊN RỘNG 12 HA, BÊN CẠNH BỜ BIỂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN.

ĐẢNG BỘ HIỆN CÓ: 28 Chi bộ (trong đó có 2 Chi bộ sinh viên); 260 đảng viên. Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy Bình Định.

CÁC KHOA VÀ BỘ MÔN:

Toán, Lý-KTCN, Hóa, Sinh-KTNN, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Tiểu học, Tâm lý Giáo dục, Tin học, Kinh tế & QT kinh doanh, Kỹ thuật & Công nghệ.

CÁC ĐƠN VỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO:

+ Các Phòng chức năng:

Tổ chức cán bộ, Đào tạo Đại học & Sau Đại học, Khoa học & Công nghệ, Công tác Chính trị & Sinh viên, Kế hoạch Tài chính, Quản trị thiết bị, Hành chính Tổng hợp, Thanh tra, Hợp tác Quốc tế, Bảo vệ & Quản lý Nội trú, Y tế.

+ Các Trung tâm:

Trung tâm Thí nghiệm Thực hành, Trung tâm thông tin tư liệu, Trung tâm phục vụ sinh viên, Trung tâm Ngoại ngữ & Tin học, Trung tâm Công nghệ thông tin.

ĐÀO TẠO:

+ Qui mô đào tạo Đại học

- Năm học 2004-2005, có 10.000 sinh viên hệ chính quy, 5.000 học viên hệ không chính quy.

- Dự kiến đến năm 2010, sẽ có 20.000 sinh viên các hệ.

+ Các ngành đào tạo Đại học:

- Hệ cử nhân Sư phạm: Toán, Lý, KTCN, Hóa, Sinh-KTNN, Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý, Ngoại ngữ, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Tiểu học, Tâm lý-Giáo dục, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục Mầm non.

BCH ĐẢNG BỘ TRƯỜNG

- Hệ cử nhân Khoa học: Toán, Lý, Hóa, Sinh-KTNN, Ngữ văn, Lịch sử, Địa chính, Bản đồ-Viễn thám, Ngoại ngữ, Tin học.

- Hệ cử nhân Kinh tế và QTKD: Tài chính Ngân hàng, Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Quản trị Doanh nghiệp, Thương mại Quốc tế, Thống kê-Tin học.

- Hệ cử nhân, Kỹ sư Kỹ thuật & Công nghệ:

Điện tử Tin học, Kỹ thuật Điện, Công nghệ Môi trường, Hóa dầu mỏ, Điện tử, Điện tử Viễn thông, Xây dựng Công nghiệp và dân dụng.

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC:

Phương pháp Toán sơ cấp, Đại số tuyến tính, Giải tích, Sinh học thực nghiệm, Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam.

KHEN THƯỞNG:

- Huân chương Lao động hạng Nhất: 01

- Huân chương Lao động hạng Nhì: 01

- Huân chương Lao động hạng Ba: 01

- Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Digitized by Google

HUYỆN TỪ LIÊM

XÃ MINH KHAI

Bí thư: Vương Văn Tân

Năm 2004 Thành phố xác định là năm "Cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả kinh tế và cải thiện môi trường xã hội". Năm có nhiều kỷ niệm lớn đã được tổ chức trên cả nước. Cơ cấu kinh tế của xã bước đầu đã có bước chuyển biến rõ rệt. Trên các lĩnh vực: chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội có bước phát triển khá, nhiều chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2004 đã đạt được và vượt so với chỉ tiêu của huyện giao. Đại đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong xã phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ủy, cấp ủy các chi bộ đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, đoàn thể, các HTX hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra:

1. VỀ KINH TẾ:

Làm tốt khâu đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất, năng suất lúa bình quân đạt 7,8 tấn/1 héc-ta; Năng suất hoa đạt 126 triệu/1 héc-ta; Năng suất cây ăn quả đạt 126 triệu/1 héc-ta, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất đã thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế nông nghiệp của xã.

Các HTX hoạt động theo quy mô thôn, tăng cường và mở rộng các dịch vụ đi vào hoạt động có chất lượng, đạt mục đích phục vụ nhân dân.

Năm 2004 đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi tổng kinh phí là 6 tỉ 200 triệu đồng. Các công trình đảm bảo đúng thủ tục, chất lượng và tiến độ nâng lên.

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Công tác giáo dục: chất lượng giáo dục được nâng cao, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, cơ sở vật chất dạy và học được quan tâm, góp phần nâng cao công tác xã hội hóa giáo dục.
- Các hoạt động văn hóa - xã hội, TDTT được đẩy mạnh nhằm phục vụ tốt những sự kiện trọng đại của đất nước, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.
- Triển khai và thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.
- Thực hiện tốt các chương trình xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho nhân dân, nhằm hạn chế các tệ nạn xã hội.
- Xây dựng và bàn giao 1 nhà tình nghĩa trị giá 30 triệu đồng, thực hiện công tác vận động nhân dân và các đoàn thể chủ động trong việc xây dựng quỹ, quản lý, sử dụng đúng quy định.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

việc triển khai học tập các NQ của BCH TW kịp thời, đúng kế hoạch đề ra, tổ chức các buổi nghe thời sự để định hướng nhận thức về tình hình thời sự trong nước và quốc tế, giúp cán bộ, đảng viên có cách nhìn đúng và ổn định tư tưởng.

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH CỦA NĂM 2005

Phát huy mọi nguồn lực, kế thừa và phát triển các thành quả lao động sáng tạo của nhân dân, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo kinh tế có nhịp độ tăng trưởng nhanh và bền vững, phát triển không ngừng về văn hóa xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Giám đốc

TRỊNH CÔNG QUYỀN

SỞ THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH HẢI DƯƠNG

Số 10 đường Bạch Đằng - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320. 852 444 Fax: 0320. 854 130

Với mục tiêu mỗi người dân khỏe mạnh là góp phần cho cả nước phát triển bền vững. Trong những năm vừa qua, Sở TDTT Hải Dương dưới sự quan tâm và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tiếp tục phát huy và duy trì 3 nhiệm vụ chiến lược, đó là: Phát triển phong trào TDTT quần chúng; giữ vững và nâng cao thành tích các môn thể thao thành tích cao; tăng cường mối quan hệ quốc tế về TDTT. Bằng những nỗ lực của mình, thể thao Hải Dương đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa to lớn.

1. VỀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TDTT QUẦN CHÚNG VỚI MỤC TIÊU XÃ HỘI HÓA TDTT.

☆ Nhằm đáp ứng yêu cầu tập luyện thể thao của nhân dân, Sở TDTT Hải Dương đã mở rộng diện tích xây dựng các công trình TDTT đến năm 2002 lên tới 2.716m².

☆ Hơn một nửa trong tổng số 263 xã, phường của Hải Dương có sân chơi thể thao, gần 1/3 trong số 1.424 thôn có sân bóng đá mi-ni, sân bóng chuyền và các môn thể thao khác.

☆ Phối hợp với các Sở, ban, ngành trong tỉnh phát động và thực hiện tốt các hoạt động thể thao trong đó có phong trào " Thanh niên khỏe để lập nghiệp, giữ nước" và "Chiến sỹ khỏe" đã tạo nên những điểm sáng truyền thống của ngành thể thao Hải Dương.

☆ Phong trào thể thao quần chúng đã tạo nên nền tảng cho sự phát triển "những mùa vàng" của thể thao thành tích cao tỉnh Hải Dương.

2. GIỮ VỮNG VÀ NÂNG CAO THÀNH TÍCH CÁC MÔN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO:

☆ Tại SEA-Game 22, với 11 huy chương đạt được bao gồm 8 HCV, 1 HCB và 2 HCĐ cho các môn: Bóng bàn, bắn súng, pencatsilát, cử tạ, Hải Dương là 1 trong 6 tỉnh thành, ngành trong toàn quốc có đóng góp lớn nhất vào thành tích chung của thể thao nước nhà.

3. QUAN HỆ QUỐC TẾ:

☆ Là "cái nôi" của bóng bàn Việt Nam, cùng với việc tổ chức thành công môn thi đấu bóng bàn trong SEA -Game 22, Hải Dương đã để lại ấn tượng đẹp trong mắt các vận động viên quốc tế và du khách nước ngoài.

Ban lãnh đạo Sở TDTT Hải Dương đã quyết định trong thời gian tới ngành sẽ có nhiều đổi mới nhằm tận dụng cơ sở vật chất được đầu tư trong SEA-Game để nâng cao năng lực thể thao của Hải Dương, sẵn sàng đảm nhận các giải thể thao quốc gia, khu vực và thế giới, đặc biệt là môn bóng bàn vốn được coi là thế mạnh của Hải Dương.

Trong giai đoạn 2003-2006, thể thao Hải Dương đặc biệt chú trọng các môn thể thao: Bóng bàn, bắn súng, bóng chuyền, điền kinh, cử tạ, vật, cờ vua, bơi trong bể, bóng đá nhi đồng.

Digitized by Google

BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐC: 148 Cống Quỳnh - quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 8 365 682 - FAX: (84.8) 8 364 116

Hiệu trưởng - thạc sĩ Hà Quang Văn tiếp đoàn Trường ĐH Hoàng Gia Cam-pu-chia về việc ký kết giúp Trường ĐH Hoàng Gia Cam-pu-chia mở khoa Đại học Điện Ảnh.

Vở báo cáo tốt nghiệp của sinh viên trường.

Những thành tích nổi bật:

- Năm 2003, nhà trường đạt 5 giải thưởng Liên hoan Phim truyện ngắn do Hiệp hội Điện ảnh Việt Nam tổ chức.
- Năm 2003 có 3 sinh viên đạt Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang.
- Đầu năm 2004, Liên hoan Phim tại Nhật Bản, Việt Nam dự thi 78 phim và đoạt được 2 giải, cả 2 giải đều do sinh viên đã tốt nghiệp của trường thực hiện:
  * Đạo diễn Tô Hồng Hải về phim tài liệu, thời sự.
  * Đạo diễn Võ Ngọc Đảng với phần quay của Phạm Việt Phước - sinh viên khoa quay phim.
- Tháng 5-2004 tham dự Liên hoan sân khấu thế giới tại Ma-san - Hàn Quốc.
- Từ năm 2001 đến nay nhà trường có 4 công trình khoa học cấp bộ đã được đánh giá xuất sắc.
- Nhà trường được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng 3.
- Hiệu trưởng - thạc sĩ Hà Quang Văn được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng 3" về thành tích đào tạo.

Vở tham dự Liên hoan Sân khấu thế giới tại MA-SAN - Hàn Quốc tháng 5-2004.

Buổi diễn tập phim "Di chúc của Bác Hồ"

Digitized by Google

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành - Hà Nội * Điện thoại: 84 4 9 760 691

Viện trưởng: LƯU ĐỨC HẢI

Tiền thân của Viện là Phòng Đô thị (Cục Dân dụng, Bộ Kiến trúc - thủy lợi) thành lập năm 1956

- Năm 1958 là Cục đô thị - nông thôn (Bộ Kiến trúc)
- Năm 1961 là Viện thiết kế quy hoạch thành phố và nông thôn(Bộ Kiến trúc)
- Năm 1974 là Viện Xây dựng đô thị nông thôn(Bộ xây dựng)
- Năm 1978 là Viện quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn (Bộ xây dựng)
- Năm 1982 là Viện quy hoạch xây dựng tổng hợp (UBXDCBNN). Năm 1982 thuộc Bộ xây dựng (sáp nhập Bộ Xây dựng cũ và UBXDCBNN)
- Năm 1990 đổi tên thành Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn

CHỨC NĂNG:

- Nghiên cứu đô thị hóa, phân bố dân cư và chiến lược phát triển đô thị quốc gia
- Nghiên cứu phương pháp luận và ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật về quy hoạch vùng lãnh thổ, đô thị, nông thôn và bảo vệ môi trường
- Nghiên cứu chọn lựa địa điểm xây dựng theo chức năng quy hoạch
- Lập sơ đồ quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu kinh tế đặc biệt.
- Tham gia công tác quản lý nhà nước về quy hoạch.
- Hoạt động dịch vụ tư vấn có liên quan đến quy hoạch.
- Thiết kế cải tạo xây dựng công trình theo đề tài nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ
- Dịch vụ thông tin tư liệu và khoa học kĩ thuật chuyên ngành
- Tham gia đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực quy hoạch.
- Hợp tác trong và ngoài nước về công tác quy hoạch có liên quan
- Tham gia soạn thảo các văn bản pháp quy về quy hoạch xây dựng

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN:

Viện đã phối hợp với các Bộ,ngành và địa phương trong cả nước hoàn thành:

- Các chương trình và đề tài thuộc các chương trình KHCN cấp Nhà nước như: 70.01; 28A; 28.01; KC11; KC11.01; KX08...
- Hàng trăm dự án quy hoạch đã được phê duyệt:
  + Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng Bắc Trung bộ,Vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ, sơ đồ quy hoạch vùng Hà Nội.
  + Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội; Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Hải Phòng, Đà Lạt, Nam Định, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Vũng Tàu, Việt Trì...
  + Quy hoạch xây dựng dọc tuyến Đường Hồ Chí Minh
  + Quy hoạch chi tiết trung tâm đô thị lớn, các đô thị mới.
- Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp: Dung Quất; Hưng Yên, Hòa Bình, Kon-Tum, luận chứng lựa chọn địa điểm khu khí điện đạm Cà Mau - Tỉnh Cà Mau.
- Hàng trăm dự án quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn được thực hiện bao gồm các trung tâm xã và cụm xã, thị trấn, huyện lỵ, thị tứ, cùng nhiều dự án xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn.
- Hoàn thành nhiều dự án hợp tác quốc tế: VIE 86.020; VIE 88.P02; VIE 94.006; 4IDR 94-1303; Phố cổ Hà Nội; Hội An; Nhà ở giá thành hạ, giảm nghèo đô thị; chiến lược phát triển đô thị quốc gia; chiến lược cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn (DANIDA)
- Tham gia soạn thảo Luật Xây dựng, Nghị định về Quy hoạch xây dựng.
- Thành lập diễn đàn quy hoạch đô thị - nông thôn, xuất bản tạp chí Quy hoạch xây dựng.
- Tổ chức khảo sát đo đạc phục vụ công tác lập các đồ án quy hoạch.
- Tổ chức và hợp tác đào tạo với AIT - Băng-Cốc - Thái Lan; Trường Đại học Kiến trúc, Đại học Xây dựng ... về quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin trong quy hoạch và quản lý xây dựng.

Digitized by Google

8/12 ~~5/30~~ 5/30

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7 564 405; 7 564 697 * Fax: (84-4) 7 564 217* E-mail: vanthu@ioit.ac.vn

PHÂN VIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 1 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 222 947; 8 222 870 * Fax: (84-8) 8 222 871 * E-mail: pvcntt@hcmc.netnam.vn

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

Đ/c Đặng Vũ Minh - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện KH&CN Việt Nam dự Đại hội Đảng bộ Viện CNTT Nhiệm kỳ II (2004-2007)

Học viên và giảng viên khóa 10-2004 của Đề án 112 tại Viện CNTT

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

- *Nghiên cứu và triển khai*
- *Phát triển phần mềm*
- *Chuyển giao công nghệ*
- *Tư vấn kỹ thuật*
- *Huấn luyện và đào tạo*
- *Tổ chức hợp tác quốc tế*

TIỀM NĂNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ:

- *Viện có gần 200 cán bộ trong đó có 45 tiến sĩ khoa học và tiến sĩ, 18 giáo sư và phó giáo sư.*
- *Viện là trung tâm mạng của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Viện có Công ty NetNam cung cấp, triển khai các dịch vụ về mạng và Internet.*
- *Viện đã được Chính phủ lựa chọn xây dựng và điều hành Phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ mạng và đa phương tiện.*

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI GẦN ĐÂY:

- *Thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cơ bản và khoa học công nghệ cấp nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tự động hóa, phục vụ các lĩnh vực quản lý, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.*
- *Thiết kế, xây dựng, triển khai nhiều hệ thống quản lý, điều hành tác nghiệp, an toàn thông tin tại các cơ quan của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành ở trung ương và địa phương.*
- *Tham gia thực hiện điều hành, xây dựng chương trình, viết giáo trình và đào tạo cán bộ cho các đơn vị trong Đề án Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 (Đề án 112) của Chính phủ.*

Digitized by Google

TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6.000Đ

AX
9
H40SB

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

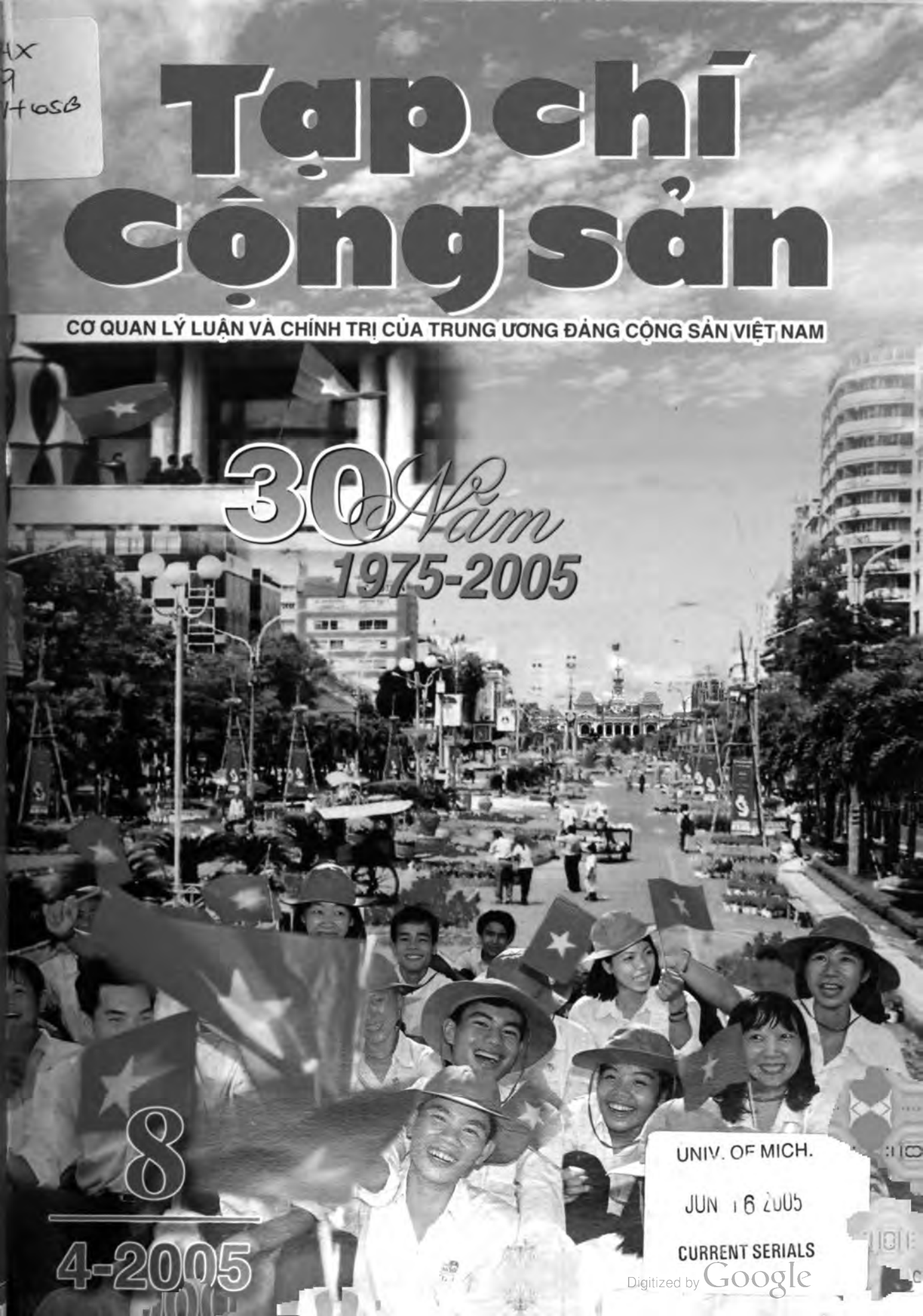

8
4-2005

UNIV. OF MICH.
JUN 16 2005
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

TỈNH THÁI NGUYÊN

HUYỆN ĐẠI TỪ

Địa chỉ: Thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ , tỉnh Thái Nguyên * Điện thoại: 0280. 824 236

Bí thư

ĐẶNG VĂN NGỰ

Năm 2004 là năm tăng tốc triển khai thực hiện NQ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện có nhiều đổi mới tích cực; đời sống của đại bộ phận nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng lên, cụ thể là:

1. VỀ KINH TẾ:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 9,6%, tăng 1% so với năm 2003.

* Sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt: 68.151 tấn, đạt 100,8% kế hoạch, tăng 3% so với năm 2003.

* Tổng thu ngân sách nhà nước: 15.444,3 triệu đồng, đạt 106% KH.

* Cơ cấu kinh tế trên địa bàn tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng CN-TTCN và dịch vụ.

* Về sản xuất CN-TTCN-XDCB:

- Giá trị sản xuất CN-TTCN ước thực hiện 61,3 tỉ đồng, đạt 100,2% kế hoạch, tăng 18,4% so với cùng kỳ

- Đối với các ngành CN-TTCN địa phương, bước đầu thực hiện đề án phát triển CN-TTCN trên địa bàn giai đoạn 2004-2010, đã có những thay đổi tích cực.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản, phát huy hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án hỗ trợ của TW, của tỉnh, vốn đóng góp của nhân dân.

- Hệ thống đường giao thông, hệ thống lưới điện được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp và làm mới, tạo điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

2. CÔNG TÁC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

* Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục có bước phát triển toàn diện cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS toàn huyện.

* Các chương trình y tế được duy trì và thực hiện hiệu quả theo kế hoạch, từng bước nâng cao chất lượng phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân ở cả hai tuyến huyện và cơ sở.

* Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh, tạo sự hưởng ứng mạnh mẽ trong nhân dân.

* Các chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, việc thực hiện các chính sách xã hội... được quan tâm thường xuyên.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

* Đảng bộ đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục thông qua các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao... các hoạt động khác như gặp mặt, mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn...

* Việc quán triệt và học tập các chỉ thị, nghị quyết đã được tổ chức kịp thời, bước đầu có sự đổi mới theo hướng tiết kiệm, hiệu quả gắn với việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động cụ thể của từng cấp, từng ngành và từng địa phương.

* Đảng bộ đã làm tốt các khâu của công tác cán bộ từ đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bổ nhiệm, đề bạt và luân chuyển.

* Công tác phát triển đảng tiếp tục được quan tâm, trong năm đã kết nạp được 331 người vào Đảng.

MỤC TIÊU NĂM 2005:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 10%

* Sản lượng lương thực có hạt là 69.500 tấn

* Trồng cây công nghiệp, trồng rừng.

* Trồng chè mới 100 ha.

* Thâm canh và cải tạo 13.000 ha

* Sản lượng chè búp tươi là 31.500 tấn; trồng rừng mới 490 ha.

* Giá trị sản xuất CN, TTCN tăng trên 18%

* Thu ngân sách tăng 15% so với năm 2004

* Mức giảm tỷ suất sinh thô là 0,03%

* Mức giảm tỷ lệ nghèo xuống dưới 6%

* Giải quyết việc làm mới trên 1.600 lao động

* Phát triển 5% trên tổng số đảng viên.

* 70% tổ chức cơ sở đảng trở lên đạt trong sạch, vững mạnh.

* 90% đảng viên trở lên đủ tiêu chuẩn hoàn thành nhiệm vụ, (trong đó từ 10% đến 15% đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ).

Khu di tích 27/7 nơi ra đời ngày thương binh liệt sĩ toàn quốc

Mô hình cánh đồng thu nhập trên 50 triệu/ha

Chè - cây kinh tế mũi nhọn của huyện

Ứng dụng khoa học - công nghệ vào chế biến chè

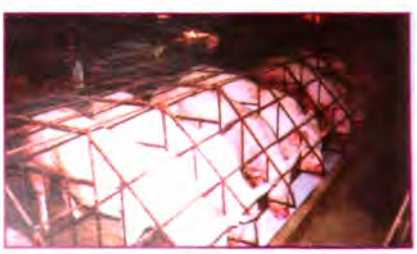

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong chăn nuôi lợn nái

Digitized by Google

THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16
SỐ 731
8
4-2005

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Rạng rỡ, tự hào
Trình bày: Mai Linh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (30-4-1975 - 30-4-2005)

VÕ NGUYÊN GIÁP - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - thắng lợi vĩ đại của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam 3

PHẠM VĂN TRÀ - Chỉ đạo chiến lược sắc bén sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước 14

NGUYỄN MINH TRIẾT - Thành phố Hồ Chí Minh - 30 năm vì cả nước, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội 20

TRẦN NGỌC TUỆ - Tính ưu việt và sức mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 26

PHAN DOÃN NAM - Mặt trận ngoại giao trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 30

NHÂN KỶ NIỆM NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG (10-3 ÂM LỊCH)

NGUYỄN HỮU ĐIỀN - Phú Thọ với Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005 35

DƯƠNG TRUNG QUỐC - Kế nghiệp tổ tiên cùng nhau dựng nước và giữ nước 40

NHÂN KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH V.I. LÊ-NIN (22-4-1870 - 22-4-2005)

TRẦN NGỌC LINH - Cống hiến vĩ đại của V.I. Lê-nin cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân toàn thế giới 44

ĐỖ THỊ THẠCH - V.I. Lê-nin bàn về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội 48

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐINH XUÂN LÂM - BÙI ĐÌNH PHONG - Cuộc hành trình của trí tuệ và bản lĩnh Đảng ta 52

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG - Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý 56

HỒ VĂN VĨNH - Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta 60

NGUYỄN ÁI ĐOÀN - Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại 65

NGUYỄN MẠNH HÀ - Sự thật về việc đầu hàng của chính phủ Dương Văn Minh ngày 30-4-1975 70

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN VĂN QUANG - Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua "Giải phẫu một cuộc chiến tranh" 76

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội nghị phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh, thành phố phía Nam 79

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ВО НГУЕН ЗЯП: Война Сопротивления против американских агрессоров во имя спасения страны – великая победа вьетнамских воли и ума. • ФАМ ВАН ЧА: Эффективное стратегическое руководство делом национального освобождения, воссоединения страны. • НГУЕН МИНЬ ЧИЕТ: Город Хошимин – 30 лет ради всей страны и вместе с ней строит социализм. • ЧАН НГОК ТУЕ: Превосходство и сила социалистического Северного Вьетнама в войне Сопротивления против американских агрессоров во имя спасения страны. • ФАН ЗОАН НАМ: Дипломатический фронт в борьбе за освобождение Южного Вьетнама, воссоединение Родины. • НГУЕН ХЫУ ДИЕН: Провинция Футхо и поминание королей Хунг – Праздник в Храме королей Хунг 2005 г. • ЧАН НГОК ЛИНЬ: Великие заслуги В. И. Ленина перед революционным делом рабочего класса во всем мире. • ДИНЬ СУАН ЛАМ – БУЙ ДИНЬ ФОНГ: Путешествие ума и воли нашей Партии. • НГУЕН АЙ ДОАН: Новые проявления современного капитализма. • НГУЕН МАНЬ ХА: Истина в капитуляции Правительства Зыонг Ван Миня 30 апреля 1975 г.

CONTENTS

• VÕ NGUYÊN GIÁP: The resistance against American imperialists for country salvation – a great victory of Vietnam's stuff and intelligence. • PHẠM VĂN TRÀ: Sharp strategically directions to the cause of national liberation and country unification. • NGUYỄN MINH TRIẾT: Hồ Chí Minh city: 30 years for the country and building socialism together with the whole country. • TRẦN NGỌC TUỆ: Superiority and strength of socialist North in the resistance against American imperialists for the country salvation. • PHAN DOÃN NAM: Diplomatic front in the struggle for South's liberation and Motherland unification. • NGUYỄN HỮU ĐIỂN: Phu Tho province and the memory day of Hùng Kings ancestors – Hùng Kings' Temple festival in 2005. • TRẦN NGỌC LINH: The great contribution of V. I. Lenin to revolution cause of the whole World working class. • ĐINH XUÂN LÂM – BÙI ĐÌNH PHONG: Our Party's itinerary of intelligence and stuff. • NGUYỄN ÁI ĐOÀN: New appearances of modern capitalism. • NGUYỄN MẠNH HÀ: The truth of surrender of Dương Văn Minh's government on 30 April 1975.

SOMMAIRE

• VÕ NGUYÊN GIÁP: La résistance anti-américaine pour le salut national – une grande victoire de la volonté et de l'intelligence vietnamiennes. • PHẠM VĂN TRÀ: Une direction stratégique perspicace de l'œuvre de libération nationale et de réunification du pays. • NGUYỄN MINH TRIẾT: Ho Chi Minh-ville – 30 années pour tout le pays, avec tout le pays dans l'édification du socialisme. • TRẦN NGỌC TUỆ: La prééminence et la force du Nord socialiste dans la lutte anti-américaine pour le salut national. • PHAN DOÃN NAM: Le front diplomatique dans la lutte pour la libération du Sud et la réunification du pays. • NGUYỄN HỮU ĐIỂN: La province de Phu Tho et l'Anniversaire de la mort des rois Hùng, ancêtres de la nation, et la fête du Temple des rois Hùng en 2005. • TRẦN NGỌC LINH: La grande contribution de V.I. Lénine à l'œuvre révolutionnaire de la classe ouvrière du monde entier. • ĐINH XUÂN LÂM – BÙI ĐÌNH PHONG: Le parcours de l'intelligence et de la personnalité de notre Parti. • NGUYỄN ÁI ĐOÀN: Nouvelles manifestations du capitalisme moderne. • NGUYỄN MẠNH HÀ: La vérité de la capitulation du gouvernement Duong Van Minh le 30 avril 1975.

SUMARIO

• VÕ NGUYÊN GIÁP: La resistencia antiyanqui por la salvación nacional – gran victoria de temperamento y sabiduría vietnamita. • PHẠM VĂN TRÀ: La sabia dirección de estrategia en la causa de liberación y reunificación nacional. • NGUYỄN MINH TRIẾT: Ciudad Hồ Chí Minh – 30 años por todo el país y junto con país en la construcción del socialismo. • TRẦN NGỌC TUỆ: La superioridad y la fuerza del Norte socialista en la resistencia antiyanqui por la salvación nacional. • PHAN DOÃN NAM: El frente diplomático en la lucha por liberación y reunificación nacional. • NGUYỄN HỮU ĐIỂN: La provincia de Phú Thọ con el aniversario de la muerte de los reyes Hùng –Fiesta del Templo Hùng en 2005. • TRẦN NGỌC LINH: La gran contribución de V.I Lenin a la revolución de la clase obrera internacional. • ĐINH XUÂN LÂM - BÙI ĐÌNH PHONG: El viaje de sabiduría y temperamento de nuestro Partido. • NGUYỄN ÁI ĐOÀN: Nuevas manifestaciones del capitalismo moderno. • NGUYỄN MẠNH HÀ: La verdad sobre la capitulación del gobierno de Dương Văn Minh el 30 de abril de 1975.

目录

• 武元甲：抗美救国斗争——越南本领及智慧的伟大胜利 • 范文茶：民族解放、统一祖国事业中的敏锐战略指导 • 阮明哲：三十年来胡志明市为全国、与全国共同建设社会主义 • 陈玉慧：北方社会主义在抗美救国事业中的优越性和力量 • 潘尹南：外交战线在解放南方、统一祖国斗争中所发挥的作用 • 阮友田：富寿省与雄王祭祖庙会——2005 年雄庙庙会 • 陈玉玲：列宁在全世界工人阶级革命事业中的伟大贡献 • 丁睿林、裴廷峰：我党智慧和本领的历程 • 阮爱团：现代资本主义的新表现 • 阮孟河：1975 年 4 月 30 日杨文明政府投降真相。

Digitized by Google

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC - THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA BẢN LĨNH VÀ TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

"NĂM tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những chiến công chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế và có tính thời đại sâu sắc".

Đoạn văn trên đây trích trong **Báo cáo Chính trị** của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV hào hùng như một **"Đại cáo"** của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX.

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đã từng có nhiều thách thức ghê gớm: một nghìn năm Bắc thuộc - một nghìn năm bảo vệ nền độc lập chống lại các cuộc xâm lăng của các triều đình phong kiến phương Bắc, đặc biệt là ba lần chống quân Nguyên Mông là đội quân xâm lược mạnh nhất thế giới hồi thế kỷ XIII; gần một trăm năm chống ách thống trị thực dân kiểu cũ và chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp; hai mươi mốt năm chống ách thống trị thực dân kiểu mới và chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Các cuộc thách thức đều lâu dài, ác liệt. Nhưng cuộc kháng chiến chống Mỹ là thách thức lớn nhất, ác liệt nhất đối với dân tộc ta.

Nhân dân ta đã phải đương đầu với đế quốc hùng mạnh nhất, giàu có nhất, tàn bạo, nham hiểm, hiếu chiến nhất. Cuộc chiến tranh kéo dài qua năm đời tổng thống Mỹ với một tương quan lực lượng chênh lệch nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta về phương thức sản xuất cũng như về tiềm lực kinh tế, quân sự.

Đế quốc Mỹ đã huy động vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một khối lượng bom đạn, vật chất - kỹ thuật chưa từng có trên một địa bàn tương đối hẹp; đã sử dụng mọi loại vũ khí hiện đại nhất trừ bom nguyên tử; đã đưa số quân Mỹ vào miền Nam lúc cao nhất lên tới hơn nửa triệu quân cùng với một lực lượng lớn hải quân, không quân chiến lược, chiến thuật, 7 vạn rưỡi quân các nước theo Mỹ và hơn một triệu quân ngụy. Đó là một quân số kỷ lục cho một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới. Mỹ đã thi thố mọi chiến lược, chiến thuật chính trị, quân sự, ngoại giao, đã dùng những thủ đoạn chiến tranh tàn bạo nhất: bao vây phong tỏa, khủng bố toàn diện, tàn phá kinh tế, tiêu diệt con người, phá hủy môi trường

Digitized by Google

bằng chất độc màu da cam, để lại hậu quả nặng nề cho nhiều thế hệ người Việt Nam và cả cựu binh Mỹ. Nhà Trắng và Lầu Năm góc đã cử ra các chiến lược gia, các tướng lĩnh bậc nhất để đấu trí với ta.

Việt Nam trở thành tiêu điểm của cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, là nơi đọ sức điển hình giữa tiến bộ và phản động, giữa chính nghĩa và phi nghĩa trong cuộc đấu tranh của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trước thách thức to lớn ấy, khác với những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ trong điều kiện mới. Quân và dân ta trong cả nước đã trải qua thử thách trong chiến đấu và đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chúng ta đã có miền Bắc được giải phóng, nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và được xây dựng ngày càng vững mạnh, trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Quân đội ta bước đầu được xây dựng chính quy, hiện đại; huấn luyện các đơn vị bộ đội tập kết để trở lại chiến trường, xây dựng nhiều binh đoàn chủ lực mạnh để chi viện cho miền Nam.

Bác Hồ đã sớm nhìn thấy âm mưu đen tối của Mỹ. Từ 1950, Bác đã chỉ ra sự dính líu và can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Đông Dương. Để tranh thủ hòa bình, Bác đã 11 lần gửi thư cho Tổng thống Mỹ Tru-man. Trên chiến trường Điện Biên Phủ còn chưa tan mùi thuốc súng, cán bộ, chiến sỹ ta nhận được thư khen của Bác, trong đó cuối thư Bác dặn: *"Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu"*. Bác đã nhìn xa, thấy trước. Khi tôi từ Điện Biên Phủ về căn cứ địa Việt Bắc, đến chào Bác, Bác nói: "Chúc chú thắng lợi trở về! Chúng ta còn phải đánh Mỹ!". Tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (7-1954) họp trước khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết mấy ngày, Đảng ta đã xác định: "Đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương".

Bác Hồ và Đảng ta đã **xác định đúng đắn đường lối cách mạng** trong giai đoạn mới: tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền nhằm mục tiêu chung là chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc; đã chỉ rõ mối quan hệ chiến lược giữa hai miền: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là để tạo sức mạnh giải phóng miền Nam, đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở miền Nam là để giải phóng miền Nam và bảo vệ miền Bắc; miền Bắc có tác dụng quyết định nhất, miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Đó cũng là mối quan hệ khăng khít, ruột thịt giữa hậu phương lớn và tiền tuyến lớn, huy động sức mạnh của toàn dân để chiến thắng kẻ thù hung bạo. Đó cũng là biểu thị ý chí: *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"*.

Đảng ta đã kết hợp đúng đắn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp nghĩa vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế, tăng cường đoàn kết liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, tăng cường đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với các trào lưu cách mạng thế giới, đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trên cơ sở đó hình thành và phát triển một mặt trận hết sức rộng lớn của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Bác Hồ và Đảng ta đã xây dựng thành công cho toàn quân, toàn dân ta từ Nam chí Bắc tinh thần **"quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"**. Tinh thần quật cường, bất khuất, quyết chiến, quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược vốn là truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Trong Cách mạng Tháng Tám 1945, tinh thần

Digitized by Google

ấy biểu hiện: *"Đem sức ta mà giải phóng cho ta"; "Thời cơ thuận lợi đã tới, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"*. Trong kháng chiến chống Pháp tinh thần ấy là: *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*. Trong kháng chiến chống Mỹ, Bác Hồ đã triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt, đây là **"Hội nghị Diên Hồng"** thời đại Hồ Chí Minh, biểu thị quyết tâm của toàn dân chống Mỹ, cứu nước.

Quyết tâm đã xác định thì khó khăn mấy cũng kiên định quyết tâm. Khi Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, Bác Hồ đã khẳng định: *"Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa; Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!* **Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"** *..."Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi"*. Đây là lời **"Hịch"** thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước. Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ của Bác Hồ và của Đảng ta đã trở thành quyết tâm chiến đấu của toàn dân ta từ Nam chí Bắc.

Tất nhiên không phải chỉ có quyết tâm cao là có thể thắng Mỹ, nhưng trước hết **phải dám đánh Mỹ thì mới tìm ra cách thắng Mỹ. Quyết đánh và biết đánh, anh dũng và thông minh, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và năng lực sáng tạo, đó là bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam vượt mọi thách thức.**

Biết đánh là cả một quá trình sáng tạo của lãnh đạo và của quần chúng trên cơ sở nắm vững quy luật cách mạng, quy luật chiến tranh cách mạng, quan điểm thực tiễn, biết địch, biết ta, đánh giá đúng chỗ mạnh của địch để khắc phục, phát hiện đúng chỗ yếu của địch để khoét sâu, biết tập trung giáng đòn quyết định làm chuyển biến cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi cuối cùng.

Cao trào *Đồng Khởi* là một sáng tạo lớn. Trên tinh thần "Đề cương cách mạng miền Nam" của đồng chí Lê Duẩn, đặc biệt là Nghị quyết 15 của Trung ương, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy, sau này là Trung ương Cục do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư và các Khu ủy, Tỉnh ủy, đồng bào miền Nam vượt qua đau thương của một thời kỳ đen tối, vùng lên khởi nghĩa từng phần làm tan rã bộ máy kìm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở, giành lại phần lớn nông thôn, đẩy mạnh hoạt động ở đô thị. *"Đội quân tóc dài"* là một biểu hiện sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ của phụ nữ miền Nam. Với Đồng Khởi, cách mạng miền Nam đã chuyển sang thế tiến công. **Mặt trận Dân tộc giải phóng** và **Quân giải phóng miền Nam** ra đời đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về thế và lực của cách mạng.

Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" là cả một quá trình sáng tạo đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng. Nắm vững quy luật của đấu tranh vũ trang, của chiến tranh cách mạng, với phương châm *"2 chân, 3 mũi, 3 vùng"* tổng kết từ thực tiễn, quân và dân miền Nam đã phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, bẻ gẫy các cuộc càn quét của quân ngụy, phá rã hệ thống "ấp chiến lược" mà ngụy quyền coi là "quốc sách", đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận ở cả nông thôn và thành thị. Đấu tranh vũ trang từng bước phát triển. Chiến thắng *Ấp Bắc* báo hiệu khả năng đánh thắng các chiến thuật mới của quân đội ngụy, mở ra phong trào "thi đua Ấp Bắc" của quân và dân miền Nam. Các chiến dịch tiến công đầu tiên: *Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài,* tiêu diệt từng tiểu đoàn đến chiến đoàn quân ngụy đánh dấu sự phá sản của chiến lược *"chiến tranh đặc biệt"*. Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược *"chiến tranh cục bộ"*.

Mỹ coi Việt Nam là trọng điểm của phong trào giải phóng dân tộc cần tiêu diệt để ngăn chặn các dân tộc trên thế giới vùng lên và

Digitized by Google

chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông-Nam Á. Mỹ đã tiến hành "chiến tranh cục bộ" đưa quân viễn chinh Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc hòng "bóp chết" cách mạng miền Nam và đưa "miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá", đặt ra cho nhân dân ta ở hai miền những thách thức chưa từng có.

Bác Hồ và Đảng ta đã đánh giá tình hình chiến lược mới một cách bình tĩnh, sáng suốt, tạo sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân **quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.**

Chính trong hoàn cảnh khó khăn, ác liệt, hiểm nghèo, bản lĩnh *quyết đánh và biết đánh* của dân tộc Việt Nam tỏa sáng. Chưa bao giờ khí thế đánh Mỹ dâng cao như lúc này. Cả nước sục sôi đánh Mỹ, toàn dân ra trận. Ở miền Nam nổi lên các phong trào *"Dũng sỹ diệt Mỹ", "tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt", "Bám thắt lưng Mỹ mà đánh", "Căng địch ra mà đánh, vây chúng lại mà diệt"*... Ở miền Bắc có các phong trào *"Mỗi người làm việc bằng hai", "Phụ nữ ba đảm đang", "Thanh niên ba sẵn sàng", "Tay cày tay súng, tay búa tay súng", "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Tiếng hát át tiếng bom", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "xe chưa qua, nhà không tiếc", "xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ"*... **Đường Trường Sơn**, đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển - con đường vận tải chiến lược - đã trở thành **"con đường huyền thoại"** phát huy sức mạnh của hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn.

Các trận: *Núi Thành, Vạn Tường, Ya-Drang, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng* là những cuộc đọ sức đầu tiên có ý nghĩa quan trọng: làm bộc lộ những điểm yếu cụ thể của quân Mỹ. Miền Bắc bắn rơi máy bay hiện đại Mỹ, bắt sống phi công Mỹ. Những **trận đầu đánh thắng** ở cả hai miền Nam Bắc không những cổ vũ khí thế đánh Mỹ mà còn chứng tỏ khả năng quân và dân ta có thể đánh thắng lục quân và không quân Mỹ. Những cuộc đấu tranh của phụ nữ Củ Chi, Trảng Bàng tràn ra cánh đồng cản xe bọc thép Mỹ không cho chúng phá lúa, ngăn chặn không cho lính Mỹ đốt nhà dân chứng tỏ khả năng đấu tranh chính trị mặt giáp mặt giữa nhân dân Việt Nam với quân viễn chinh Mỹ.

Mỹ tính toán chỉ cần mấy chục vạn quân, mở mấy cuộc phản công chiến lược trong 3 mùa khô, "tìm diệt", đánh gẫy xương sống quân chủ lực Việt cộng, bắt sống hoặc tiêu diệt Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam, giáng cho miền Bắc mấy chiến dịch ném bom quy mô lớn, cắt đứt đường Hồ Chí Minh, là Việt Nam phải chịu thua, Mỹ toàn thắng, rút quân về nước, áp đặt lại chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam.

Nhưng trải qua hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, với những cuộc hành quân lớn như Xê-đa-phôn, At-tơn-Bô-rô, Gian-sơn xi-ty, Mỹ không diệt được chủ lực Quân giải phóng, không "chụp" bắt được cơ quan đầu não kháng chiến miền Nam, trái lại Mỹ bị tổn thất nặng nề chưa từng có. Đến mùa khô thứ ba, Mỹ chưa kịp ra tay thì trận Khe Sanh và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là đòn sét đánh làm lung lay nghiêm trọng ý chí xâm lược của Mỹ. Tướng Mỹ Oét-mô-len bị cách chức, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra từ chức, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải tuyên bố đơn phương ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri và không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ 2 nữa.

Đòn bất ngờ và đồng loạt, mạnh và hiểm, đầy hiệu lực *Tết Mậu Thân* là một sáng tạo độc đáo chưa từng có, tạo ra bước ngoặt cơ bản làm thay đổi cục diện chiến tranh, mở ra quá trình xuống thang chiến tranh của đế quốc Mỹ. Ta đã quyết đánh, biết đánh và thắng Mỹ ngay khi quân Mỹ còn đông nhất, mạnh nhất, có những cố gắng chiến tranh cao nhất. Chiến lược *"chiến tranh cục bộ"* bị phá sản, Mỹ phải

Digitized by Google

chuyển sang *"phi Mỹ hóa"*, "Việt Nam hóa chiến tranh".

Quá trình *"xuống thang chiến tranh"* của Mỹ còn là một cuộc đọ sức dai dẳng, quyết liệt. Mỹ xuống thang nhưng ngoan cố kéo dài và mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Nhân dân ta sát cánh cùng với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em đánh bại âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ.

Ngày 1-1-1969, trong thơ chúc mừng năm mới, Bác Hồ có câu **"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"**. Không ai ngờ rằng đó là lời thơ chúc Tết cuối cùng của Người. Nhà chiến lược thiên tài, người thầy của cách mạng Việt Nam đã thiết kế một quá trình hai bước để tiến tới thắng lợi cuối cùng: *"Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn"*. Quân và dân ta đã thực hiện trọn vẹn lời dặn của Bác. Sau khi cùng với quân và dân Lào đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở *Đường 9 - Nam Lào*, tiếp đến cuộc *tiến công chiến lược 1972* trên toàn miền Nam và trận *"Điện Biên Phủ trên không"* ở miền Bắc, ta đã giành được thắng lợi quyết định. Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pa-ri cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước trong khi quân chủ lực của ta vẫn ở nguyên tại chỗ và được tăng cường, tạo nên một bước ngoặt về so sánh lực lượng có lợi cho ta kể từ 18 năm kháng chiến chống Mỹ. Trước tình hình ấy, tháng 7-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã họp Hội nghị lần thứ 21 và ra Nghị quyết về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới.

Trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975 đánh dấu bước phát triển mới hết sức rực rỡ của nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại, đặc biệt là nghệ thuật điều hành chiến tranh ở giai đoạn kết thúc, nghệ thuật tổ chức và chỉ đạo thực hành những trận then chốt quyết định, đưa kháng chiến đến toàn thắng.

Các trận *Thượng Đức, Phước Long* có giá trị như những đòn trinh sát chiến lược làm bộc lộ sự yếu kém của quân đội ngụy và sự hạn chế của khả năng Mỹ quay trở lại can thiệp.

Sau khi hoàn thành chuẩn bị về chiến lược cả về thế và lực ở cả hai miền Nam Bắc, cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975* mở đầu bằng trận điểm huyệt *Buôn Ma Thuột* giải phóng Tây Nguyên là một thành công xuất sắc của việc chọn đúng điểm đột phá, nghi binh, dùng mưu lừa địch, dùng kế điều địch, đánh giỏi, thắng lớn tạo ra sự đột biến trong cục diện chiến tranh.

Nhạy bén nắm bắt thời cơ, chủ động tạo thời cơ, thúc đẩy thời cơ, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã liên tục bổ sung quyết tâm chiến lược, bắt kịp sự thay đổi cực nhanh của chiến trường, tạo yếu tố bất ngờ, thay đổi quyết sách từ kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam trong vòng hai đến ba năm lúc đầu chuyển sang kế hoạch thời cơ rút xuống một năm.

Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng là sự phát triển tiến công và nổi dậy kịp thời, táo bạo, đầy sáng tạo, có hiệu quả lớn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân ngụy ở các tỉnh đồng bằng ven biển không cho địch co cụm về Sài Gòn, giải phóng miền Trung và quần đảo Trường Sa, tạo ra thế mới, lực mới. Bộ thống soái tối cao đã nắm bắt thời cơ, hạ quyết tâm cuối cùng giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975.

"Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng", *Chiến dịch Hồ Chí Minh* lịch sử đã được tiến hành với tinh thần **quyết chiến và toàn thắng,** giải phóng thành phố Sài Gòn hầu như nguyên vẹn.

Chỉ trong vòng 55 ngày đêm, (một sự trùng hợp lạ kỳ với 55 ngày đêm Điện Biên Phủ), với sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị, bằng 3 đòn chiến lược then chốt và

Digitized by Google

cuộc tấn công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, hơn một triệu quân ngụy bị diệt và tan rã, ngụy quyền sụp đổ, chế độ thực dân kiểu mới mà đế quốc Mỹ đã dày công xây dựng qua năm đời tổng thống bị đập tan.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ là kết quả của sự hy sinh, nỗ lực to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu trí, đấu lực quyết liệt, lâu dài giữa ta và địch, đặc biệt là của đồng bào miền Nam - "Thành đồng Tổ quốc", của sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chỉ huy ở tầm vĩ mô kết hợp với hoạt động chiến đấu và đấu tranh cụ thể của từng cán bộ, chiến sỹ ở từng chiến trường, từng đơn vị, không phải chỉ riêng một chiến trường nào, một bộ phận nào, trong đó Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh và tiền phương của Bộ, Trung ương Cục miền Nam và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng, các cơ quan chiến lược, các khu ủy và Bộ Tư lệnh các chiến trường, Bộ Tư lệnh các chiến dịch và Bộ Tư lệnh đường Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng. Mùa xuân 1975, Bộ thống soái tối cao đã tỏ rõ tài năng mưu lược, hiểu địch, hiểu mình, điều hành toàn diện cuộc chiến tranh trên phạm vi cả nước, khẩn trương, linh hoạt, thận trọng, chắc thắng, giành toàn thắng trong tình hình quốc tế vô cùng phức tạp giữa những năm 70. Các chiến dịch đều diễn ra theo một kế hoạch thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh, có sự phối hợp với nhau cả về kế hoạch và tình huống chiến dịch, tạo tiền đề cho nhau và cùng tạo ra điều kiện hình thành đòn quyết định chiến lược cuối cùng.

Ngày toàn thắng 30-4-1975 đi vào lịch sử như một sự kết thúc chiến lược vô song. Trải qua cuộc trường chinh 30 năm với ba mốc son chói lọi: **Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Điện Biên Phủ và Mùa xuân 1975 toàn thắng,** dân tộc ta đã hoàn thành vẻ vang sự nghiệp cứu nước. Ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới kéo dài hơn một thế kỷ trên đất nước ta đã vĩnh viễn chấm dứt. Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, thống nhất. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trên phạm vi thế giới, đây là lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc nhược tiểu, một dân tộc vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển đã vùng lên tự giải phóng và liên tiếp đánh thắng những cường quốc đế quốc chủ nghĩa, chủ yếu **bằng sức của chính mình,** nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Cụm từ **"Việt Nam - Hồ Chí Minh"** đi vào ngôn ngữ của các dân tộc, đồng nghĩa với lương tri và phẩm giá con người, với chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam có tầm quốc tế to lớn, đó cũng là thắng lợi của nhân loại tiến bộ yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam có tính thời đại sâu sắc. Thắng lợi ấy khẳng định một chân lý: **"Bất kỳ một quốc gia nào, dù có hùng mạnh đến đâu, nếu dùng bạo lực để áp đặt ý chí của mình lên dân tộc khác thì cuối cùng nhất định thất bại"**. Chiến thắng Điện Biên Phủ, Mùa xuân toàn thắng 1975, đó là những điểm hẹn mà lịch sử dành cho những cuộc chiến tranh xâm lược trong thời đại ngày nay.

Một câu hỏi lớn lâu nay không ít người đã đặt ra: **Vì đâu nhân dân Việt Nam, từ không một tấc sắt trong tay, vùng lên bẻ gẫy gông xiềng nô lệ, lại đánh thắng "hai đế quốc to" trong cuộc chiến tranh không cân sức, giành lại non sông đất nước, tiến lên giải phóng xã hội, giải phóng con người ?**

Sẽ không tìm được câu trả lời cho câu hỏi này nếu không nhìn sâu vào chiều dày lịch sử hàng nghìn năm, vào nền văn hóa dân tộc, vào truyền thống và di sản quân sự của tổ tiên, vào đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thật vậy, một sự kiện hiếm thấy trong lịch sử thế giới là các bộ tộc người Việt cổ sinh sống trên mảnh đất này đã sớm có một triết lý sống, hình thành và phát triển một **nền văn**

Digitized by Google

hóa dân tộc mà "hạt nhân" là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, cố kết với nhau, tương thân tương ái, vừa dũng cảm vừa thông minh. Chính nhờ sức mạnh khôn lường của nền văn hóa ấy mà dưới ách đô hộ hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, dân tộc ta không hề bị đồng hóa và cuối cùng đã vùng lên giành lại nền độc lập. Cho đến khi vị tổ Trung hưng đầu tiên là Anh hùng dân tộc Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, thì kỷ nguyên một nghìn năm độc lập tự chủ đã được mở ra, chỉ gián đoạn bằng 20 năm đô hộ của quân Minh. Suốt trong một nghìn năm ấy, dân tộc ta dưới triều đại của các vị vua yêu nước đã đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn nhiều lần, từ Tống, Nguyên đến Minh, Thanh. Đặc biệt trong thế kỷ XIII, dân tộc ta đã đánh thắng quân Nguyên Mông là đội quân xâm lược mạnh nhất thời bấy giờ, đã từng chinh phục nhiều dân tộc từ Á sang Âu, đã chiếm lĩnh cả nước Trung Hoa, vậy mà ba lần xâm lược Đại Việt là ba lần thất bại. *"Nam quốc sơn hà nam đế cư"*. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta thì *"vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức"*, giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc. Từ *Hịch tướng sỹ* và *Di chúc Canh Tý* đến *Bình Ngô đại cáo*, một **học thuyết quân sự Việt Nam** đã hình thành và phát triển: *"lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo"*, "trăm họ là binh", "lấy đoản binh chống trường trận" *"lấy ít địch nhiều"*, *"lấy nhỏ thắng lớn"*. Học thuyết ấy đã biết vận dụng phép biện chứng chuyển yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, cuối cùng đạt tới nguyện vọng sâu xa là giành lại và giữ vững chủ quyền dân tộc với những tư tưởng vượt thời đại: *"tập hợp bốn phương manh lệ" "dập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở"*.

Đến đây, một câu hỏi mới lại được đặt ra: *Vậy thì vì sao một dân tộc anh hùng như dân tộc Việt Nam lại phải sống kiếp ngựa trâu hơn 100 năm dưới ách thống trị của thực dân đế quốc phương Tây?*

Suy cho cùng, nguyên nhân chủ yếu là *sự khủng hoảng về đường lối* vào thời điểm mà tương quan lực lượng giữa ta và địch đã có những thay đổi cơ bản: nước ta đang ở phương thức sản xuất phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quân đội trang bị thô sơ, còn kẻ thù là một nước có nền công nghiệp hiện đại và quân đội được trang bị hiện đại. Trước thực tiễn mới của cuộc đấu tranh, những người yêu nước Việt Nam hồi bấy giờ chưa tìm được kế sách cứu nước. Các phong trào yêu nước từ Nguyễn Trung Trực đến Hoàng Hoa Thám, từ Cần Vương đến Đông Kinh Nghĩa Thục, từ Đông Du đến Duy Tân đều bế tắc, không tìm ra lối thoát. Chính vì thế mà tinh thần anh dũng có thừa, nhưng các phong trào khởi nghĩa và nổi dậy từ Nam chí Bắc đều bị đàn áp dã man. Các lãnh tụ yêu nước chỉ "thành nhân" mà sự nghiệp cứu nước chưa "thành công" được.

Cho đến năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi *tìm đường cứu nước*. Mang trong mình hành trang tư tưởng truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam cùng với tinh hoa văn hóa phương Đông, Người đi khắp bốn biển năm châu với chí lớn giải phóng những "người cùng khổ". Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc - nhà yêu nước vĩ đại - đã đến với chủ nghĩa Lê-nin và Quốc tế thứ Ba, tìm ra con đường cứu nước: *con đường cách mạng vô sản*, và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, tiếp thu và phát triển phương pháp luận Mác - Lê-nin, phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng. Người thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đề ra *"Chánh cương văn tắt"*, *"Sách lược văn tắt"* để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Với mục tiêu cách mạng mới, cuộc đấu tranh yêu nước không những mang lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc mà còn mang lại tự do và hạnh phúc cho giai cấp công nhân và nhân

Digitized by Google

dân lao động, cho toàn dân. Từ đây, dân tộc gắn liền với giai cấp, quốc gia gắn liền với quốc tế, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Do mục tiêu chính trị của cách mạng đã có sự thay đổi về chất so với trước, nên mục đích chính trị của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh cũng có sự phát triển mới về chất so với các thời kỳ lịch sử trước. Cứu nước gắn liền với cứu dân. Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân. Người dân chiến đấu vì lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc; đồng thời, cũng vì lợi ích của chính mình. Chính vì vậy, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng chính nghĩa thực sự vì nhân dân và do toàn dân tiến hành.

Tư tưởng cơ bản của *học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh* là trên cơ sở phát huy **tinh thần quyết chiến, quyết thắng,** không có gì quý hơn độc lập, tự do, tiến hành kháng chiến toàn dân, **toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc.** Trong Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Bác Hồ viết: *Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân.* Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: *"Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc".* Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người lại khẳng định: *"Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân. Ba mươi mốt triệu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc, bất kỳ già trẻ gái trai phải là 31 triệu chiến sỹ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước". Người nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc, "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".*

Đi đôi với tư tưởng "toàn dân đánh giặc" học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển lên một đỉnh cao mới nghệ thuật đánh giặc truyền thống của dân tộc **lấy nhỏ đánh lớn, lấy yếu đánh mạnh,** giải quyết thành công trong điều kiện của thời đại mới một vấn đề hầu như một nghịch lý là *"nước nhỏ đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ".*

Bác Hồ nói: *"Nay tuy châu chấu đấu voi*
Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra".

Bài toán "châu chấu đấu voi" chống kẻ xâm lược có nền công nghiệp khoa học - kỹ thuật phát triển, có trang bị rất hiện đại, có tiềm lực quân sự kinh tế rất mạnh như đế quốc Mỹ đặt ra cho dân tộc ta phải sáng tạo ra hàng loạt cách đánh hết sức thông minh, đem **ý chí quyết chiến, quyết thắng** và **trí tuệ sáng tạo** của ta mà chiến thắng mọi chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật hiện đại của quân xâm lược.

Học thuyết quân sự Việt Nam luôn nắm vững mục tiêu cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, **xuất phát từ thực tiễn, phân tích tình hình thực tiễn, tìm ra quy luật và hành động theo quy luật,** đánh thắng mọi kẻ địch hung bạo. Học thuyết ấy luôn theo dõi diễn biến mau lẹ và so sánh lực lượng giữa địch và ta trên chiến trường, tìm ra và tạo thời cơ có lợi nhất cho ta, tạo thế mạnh của ta, khoét sâu thế yếu của địch, tập trung lực lượng tiêu diệt địch. Khi tình hình thay đổi thì kịp thời thay đổi quyết sách về chiến lược, chiến thuật, tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, bí mật, bất ngờ, giành được thắng lợi lớn, thường là trong những điều kiện khó khăn nhất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, học thuyết quân sự Việt Nam đã phát triển lên một đỉnh cao mới đưa đến nhiều thắng lợi to lớn. Tuy nhiên, đã có lúc, do không nắm vững đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, không đi sát thực tiễn và không làm theo quy luật, chủ quan, duy ý chí,

Digitized by Google

nên đã hạn chế không ít thắng lợi và chịu nhiều tổn thất.

Đã có một thời gian, mối quan hệ giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy là đề tài tranh luận kéo dài trong cán bộ quân sự ở chiến trường. Một số đồng chí nhận thức không đúng, chỉ chú trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, chiến tranh du kích, chỉ chăm lo xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, coi nhẹ xây dựng bộ đội chủ lực. Một số nhà chiến lược nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam cũng thường cho rằng chiến tranh nhân dân đồng nghĩa với chiến tranh du kích. Đó là những nhận thức hoàn toàn sai. Đảng ta không bao giờ có một chiến lược quân sự thuần túy, và cũng chưa bao giờ hạn chế chiến tranh ở mức độ chiến tranh du kích. Chiến lược chiến tranh cách mạng của Đảng là một chiến lược tổng hợp; kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, đánh địch bằng mọi cách, bằng mọi thứ vũ khí có trong tay. Trong khi đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phát triển chiến tranh du kích, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng bộ đội chủ lực thành những binh đoàn mạnh từ tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn đến quân đoàn, trở thành những "quả đấm thép" đủ sức giáng cho địch những đòn tiêu diệt lớn, quyết định chiến trường.

Lại còn do không nắm vững quy luật của khởi nghĩa và chiến tranh nên đã có chủ trương kết hợp với tổng công kích, tiến hành tổng khởi nghĩa trong chiến tranh ngay khi trên chiến trường còn hơn nửa triệu quân Mỹ và hơn một triệu quân ngụy và quân các nước phụ thuộc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bất ngờ, đồng loạt đánh vào các đô thị và hầu hết các căn cứ hậu cần lớn của địch giành thắng lợi vang dội, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ", buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Lẽ ra phải chuyển hướng hoạt động về nông thôn, nhưng chúng ta lại chủ trương tiếp tục tiến công vào các đô thị nhằm dấy lên tổng khởi nghĩa, cuối cùng tổng khởi nghĩa vẫn không diễn ra, cách mạng phải chịu nhiều tổn thất.

Một ví dụ khác do làm sai quy luật nên phải trả giá bằng xương máu. Cách mạng là tiến công. Tư tưởng chiến lược của chiến tranh cách mạng bao giờ cũng là tư tưởng tiến công. Còn hình thức tác chiến thì có tác chiến tiến công, tác chiến phòng ngự kể cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu. Tuy nhiên, do nhận thức không đúng nên trong một thời gian dài, một số cán bộ cho rằng trong chiến tranh cách mạng chỉ có tiến công, phủ nhận phòng ngự, thậm chí coi phòng ngự là điều cấm kỵ. Vì vậy, trong một số trận đánh, bộ đội bị thương vong.

Trong những năm gần đây, Mỹ và một số cường quốc phát triển vũ khí và trang bị hiện đại. Cuộc chạy đua vũ trang vẫn đang tiếp tục. Đi đôi với sự xuất hiện của một chiến lược mới, đặt "nhân quyền" lên trên "chủ quyền", một số thế lực hiếu chiến tự cho phép xâm lược một quốc gia độc lập và có chủ quyền, bất chấp luật pháp quốc tế. Sau chiến tranh vùng Vịnh là cuộc chiến tranh xâm lược Cô-xô-vô rồi lại diễn ra cuộc chiến tranh xâm lược I-rắc và còn đe dọa gây ra những cuộc chiến tranh xâm lược mới. Một điều mới đặt ra: trong điều kiện chiến tranh xâm lược với vũ khí công nghệ cao, thì học thuyết quân sự Việt Nam có còn giá trị hay không ?

Chúng ta không bao giờ chủ quan khinh địch, luôn coi trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật quân sự, phát triển học thuyết quân sự Việt Nam lên trình độ mới, đặc biệt trong tình hình một số cường quốc đang thực hiện một "cuộc cách mạng trong lĩnh vực quân sự". Và chúng ta có thể khẳng định ngay rằng: Học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh hoàn toàn có khả năng giữ vững nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đánh bại mọi cuộc

Digitized by Google

chiến tranh xâm lược dù có hiện đại đến đâu và bất kể từ đâu tới.

Nền văn hóa Việt Nam, đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam độc đáo, sáng tạo, không ngừng phát triển là sức mạnh của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Từ khi nước nhà giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, toàn dân ta Nam Bắc luôn nắm vững **hai nhiệm vụ chiến lược:** xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Công cuộc **xây dựng kinh tế** nay đã trở thành nhiệm vụ trung tâm. Sau một thời gian mắc sai lầm chủ quan, rập khuôn và duy ý chí, Đảng ta đã sớm trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, tìm ra quy luật, đề ra đường lối đổi mới đúng đắn và sáng tạo. Đường lối ấy đã cổ vũ mạnh mẽ toàn dân ta giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn trên các mặt trận kinh tế, văn hóa và đối ngoại. Đảng ta đã đi đến một kết luận lịch sử: **Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động.** Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục đi lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, dù thắng lợi của đường lối đổi mới to lớn như thế nào, chúng ta cũng dũng cảm nhìn vào sự thật, không chút phạm sai lầm "kiêu ngạo cộng sản". Phải nói rằng hiện nay nước ta đang còn là *một trong những nước nghèo trên thế giới,* cơ cấu kinh tế phần lớn còn là nông nghiệp, *năng suất lao động thấp, trình độ công nghệ* lạc hậu so với các nước phát triển. Như vậy, để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn chủ yếu nhất trong xã hội nước ta chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu rất cao của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, giữa yêu cầu cải thiện không ngừng đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân với tình trạng nghèo nàn và lạc hậu hiện đang được khắc phục từng bước; đó là chưa nói đến nạn tham nhũng, sự suy thoái về đạo đức và sự nảy sinh những tệ nạn xã hội.

Trong lúc đó cục diện thế giới đang có những biến đổi to lớn. Một số nước phát triển đang đi vào một thời đại kinh tế mới - thời đại kinh tế tri thức của nền văn minh trí tuệ. Ở đó, dịch vụ và trí tuệ đã trở nên lực lượng sản xuất hàng đầu. Trên cơ sở ấy, một cục diện thế giới mới đã xuất hiện với xu thế toàn cầu hóa, lôi cuốn cả hành tinh vào một "cơn lốc" lớn do một số cường quốc và tập đoàn xuyên quốc gia chi phối. Đi đôi với nguyện vọng hòa bình của loài người tiến bộ, thì các thế lực hiếu chiến, bá quyền và các tổ chức tình báo của họ vẫn tiếp tục gây ra các cuộc chiến tranh cục bộ, khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo, "diễn biến hòa bình", hoạt động bạo loạn, lật đổ, ly khai, chạy đua vũ trang chưa từng có về vũ khí công nghệ cao. Môi trường an ninh thế giới biến đổi khôn lường.

Rõ ràng, bước vào thế kỷ XXI, Đảng ta và toàn dân ta đang đứng trước những thời cơ mới; đồng thời, phải đối mặt với những thách thức mới chưa từng có. Cũng như trước đây, trong những bước ngoặt lớn của đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng ta đã xuất phát từ thực tiễn và đề ra những quyết sách phù hợp với quy luật vận động của chiến tranh cách mạng, thì ngày nay Đảng ta cũng đã đề ra những quyết sách đột phá mới để đưa đất nước tiến lên.

Đó là quyết sách coi **xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm,** *ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất.* Bởi vì, như C.Mác và Ph.Ăng-ghen khẳng định: sự phát triển phổ biến của các lực lượng sản xuất hiện đại là tiền đề của mọi tiền đề của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản; quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Đó là quyết sách coi *giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ* là quốc sách số một. Bởi vì, khoa học và trí tuệ đã trở thành lực

Digitized by Google

lượng sản xuất hàng đầu, công nghệ tiên tiến là nội dung và động lực của công cuộc hiện đại hóa.

Đó là *phát huy đến đỉnh cao nội lực của đất nước,* chủ yếu là con người và nền văn hóa Việt Nam trên cơ sở đó mà chủ động hội nhập vào khu vực và thế giới, tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ và tri thức quản lý của nước ngoài để phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đó là chủ trương *tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng,* coi đó là **nhiệm vụ then chốt,** làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, thật sự dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, bè phái, diệt trừ nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội; luôn tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận tiên phong để xứng đáng là lương tâm, danh dự và trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc, trên cơ sở đó mà chỉnh đốn Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Đó là luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, bảo vệ môi trường sinh thái; coi trọng việc *xây dựng sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân;* chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ ở mức cao nhất của các phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Toàn dân ta đoàn kết một lòng, khắc phục mọi tư tưởng chủ quan, bảo thủ, giáo điều máy móc, thực hiện bằng được các quyết sách mà Đảng đề ra, tiến tới Đại hội X của Đảng với những chuyển biến mới, thắng lợi mới.

*

* *

Kỷ niệm **Ngày toàn thắng 30-4,** chúng ta càng nhớ Bác Hồ vô vàn kính yêu, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng ta, dân tộc ta, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, nhớ các đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, Lê Duẩn, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các tướng lĩnh, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các mặt trận, các chiến trường, những người có nhiều công lao trong chiến thắng vĩ đại của dân tộc mà ngày nay không còn nữa.

Chúng ta hết sức xúc động nhớ tới biết bao cán bộ, chiến sỹ và đồng bào ta đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang để Tổ quốc ta, nhân dân ta có được ngày nay.

Nhân dịp này, tôi thân ái gửi đến các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình liệt sĩ, gia đình có công với nước cùng toàn thể đồng bào trong cả nước lời thăm hỏi ân cần và lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Tôi thân ái gửi tới các cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, các đồng chí thương binh, bệnh binh, các nạn nhân chất độc da cam, các cựu chiến binh, thanh niên xung phong, dân công, giao liên, lời thăm hỏi ân cần và những tình cảm thân thiết nhất.

Tôi xin gửi tới nhân dân các nước anh em cùng nhiều bạn bè quốc tế lời cảm ơn chân thành về sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn đối với nhân dân ta trong quá trình xây dựng và chiến đấu thắng lợi.

Tôi tin tưởng vững chắc rằng dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng và của Bác Hồ vĩ đại, với *hoài bão* lớn, kiên định trong mọi tình huống, **phát huy bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong thời đại mới,** nhân dân ta đoàn kết, đại đoàn kết, sẽ biến những ước mơ trở thành hiện thực, tiến lên tiếp tục đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giành những thắng lợi mới, phát triển với nhịp độ nhanh và bền vững, làm cho nước ta, một nước anh hùng nhưng còn nghèo nàn lạc hậu sớm khắc phục tình trạng tụt hậu, trở thành một nước anh hùng, giàu mạnh và văn minh, đuổi kịp và sánh vai các nước trung bình, rồi từng bước với các nước tiên tiến trên thế giới, như trước đây đã từ một nước thuộc địa trở thành một trong những nước đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc. ❑

Digitized by Google

CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC SẮC BÉN SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

PHẠM VĂN TRÀ *

TỔNG tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đánh giá về sự kiện lịch sử trọng đại này, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976), Đảng ta khẳng định: *Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.*

Có được thắng lợi này, một trong những nguyên nhân, đồng thời, cũng là một bài học sâu sắc, là Đảng Cộng sản Việt Nam có sự chỉ đạo chiến lược sắc bén, huy động được sức mạnh của cả nước thực hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. Song, đế quốc Mỹ, với dã tâm xâm chiếm Đông Dương từ lâu, nhân cơ hội này liền nhảy vào miền Nam thế chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam. Giữa năm 1956, chúng công khai tuyên bố từ chối hiệp thương Tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trên thế giới lúc này xuất hiện xu thế hòa hoãn, các nước lớn không muốn ta phát động đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Chúng ta muốn đấu tranh để giải phóng miền Nam, trước hết, phải củng cố miền Bắc; đồng thời, tìm ra con đường tiến lên thích hợp của cách mạng Việt Nam ở miền Nam; mặt khác, phải tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa và các nước khác trên thế giới, nhất là Liên Xô và Trung Quốc.

Tính toán, cân nhắc những nhân tố chủ quan và khách quan, với những định hướng lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (con đường giải phóng miền Nam chỉ là con đường cách mạng, không có con đường nào khác), đầu năm 1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15, xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam là khởi nghĩa

---

* Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

giành chính quyền về tay nhân dân. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, Đồng khởi - những cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra và thắng lợi ở hầu khắp các vùng nông thôn rừng núi Khu 5 và đồng bằng Nam Bộ. Đây là sự mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước rất độc đáo và sáng tạo của Đảng ta.

Đồng khởi đã giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược Ai-xen-hao, làm thất bại một hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân kiểu mới Mỹ. Từ giữa 1961, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược *chiến tranh đặc biệt*, sử dụng lực lượng tay sai ngụy quân, ngụy quyền với vũ khí, trang bị, phương tiện chiến tranh của Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy và thực hiện quốc sách "ấp chiến lược" nhằm đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân. Đảng ta quyết định từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, cùng với đấu tranh vũ trang, thực hiện đánh địch bằng *hai chân* (chính trị, vũ trang), *ba mũi giáp công* (chính trị, quân sự, binh vận), trên cả *ba vùng* chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị). Chiến tranh nhân dân ở miền Nam từ đó phát triển đến đỉnh cao. Cuối năm 1963, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, Mắc Na-ma-ra, sau khi thị sát miền Nam Việt Nam, đã thừa nhận: từ tháng 7-1963, tình hình nông thôn xấu đi rất nhiều so với mức chúng ta nhận định. Việt cộng đã kiểm soát tỷ lệ dân số rất cao ở một số tỉnh then chốt, đặc biệt là ở phía Nam và Tây Nam Sài Gòn. Chương trình "ấp chiến lược" bị dàn quá mỏng. Sự thâm nhập của Bắc Việt Nam vẫn tiếp tục. Chiều hướng hiện nay, trừ khi có sự thay đổi trong 2 hay 3 tháng tới, nếu không may mắn lắm, sẽ dẫn tới việc trung lập hóa và có nhiều khả năng là Nam Việt Nam trở thành một quốc gia nằm dưới quyền kiểm soát của Việt cộng. Mắc Na-ma-ra đề xuất kế hoạch phá hoại miền Bắc Việt Nam và lợi dụng sự chia rẽ trong phe xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*. Người nêu rõ: Nếu chúng liều lĩnh động đến miền Bắc thì chúng nhất định sẽ bị thất bại thảm hại. Hội nghị đã biểu thị ý chí sắt đá, đoàn kết toàn dân chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện cho miền Nam đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Đầu năm 1965, chiến lược *chiến tranh đặc biệt* phá sản. Mỹ quyết định chuyển sang chiến lược *chiến tranh cục bộ*, ồ ạt đưa quân viễn chinh vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam; đồng thời, dùng không quân, hải quân leo thang đánh phá miền Bắc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đứng trước thử thách nghiêm trọng chưa từng thấy. Song, với tầm nhìn chiến lược, khoa học và biện chứng, Đảng ta đánh giá đúng sức mạnh của Mỹ; đồng thời, cũng nhận rõ những chỗ yếu, hạn chế của chúng: Mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Đây là một nhận định rất quan trọng và là cơ sở để Đảng ta đề ra nhiệm vụ: Động viên lực lượng cả nước kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc, nhưng chúng quyết không lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam anh hùng. Từ những trận đầu thắng Mỹ như Núi Thành, Vạn Tường, Bầu Bàng, Đất Cuốc, Plây Me... ta tiến lên đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, đẩy địch vào thế bị động. Miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Thắng lợi này đã đẩy Mỹ vào thế "tiến thoái lưỡng nan". Về phía ta, đây là lúc các lực lượng quân sự, chính trị ở miền Nam lớn mạnh nhất và ta đang nắm quyền chủ động trên chiến trường. Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (1-1968) khẳng định: Chúng ta đang đứng

Digitized by Google

trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn... có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới - *thời kỳ giành thắng lợi quyết định*. Từ đó, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công đồng loạt vào dịp Tết Mậu Thân 1968 nhằm đánh một đòn mạnh và hiểm làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. Mặc dù có những hạn chế, khuyết điểm, song, Tổng tiến công Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo. Lần đầu tiên sau hơn mười năm kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã đưa chiến tranh vào thành thị, đánh vào đầu não trung ương bộ máy chỉ đạo và điều hành chiến tranh của Mỹ - ngụy, làm đảo lộn thế chiến lược của quân Mỹ, làm rung chuyển nước Mỹ. Điều này, một lần nữa chứng minh sự sáng tạo trong chỉ đạo chiến lược của Đảng ta. Nó làm cho Mậu Thân 1968 *có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng, tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc chiến tranh, đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pa-ri, chấm dứt ném bom không điều kiện, chủ trương phi Mỹ hóa chiến tranh, mở đầu thời kỳ xuống thang chiến tranh, bắt đầu rút quân Mỹ từ năm 1969.*

Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra phương hướng đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới là: *Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*. Trong *Di chúc*, Người khẳng định: Chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại. Quân và dân ta trong cả nước thừa thắng xông lên, nhất định sẽ giành thắng lợi hoàn toàn. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nghị quyết của Đảng, quân và dân ta đã kiên trì phấn đấu, từng bước vượt qua thử thách, khó khăn. Lợi dụng sai lầm của Mỹ khi đưa quân sang Cam-pu-chia và Lào, ta phối hợp với bạn mở các chiến dịch phản công như chiến dịch Đông Bắc Cam-pu-chia, tiêu diệt phần lớn quân chủ lực địch trong cuộc hành quân này; đặc biệt, là đánh thắng cuộc hành quân Lam Sơn 719 của quân ngụy sang Đường 9 - Nam Lào, giáng một đòn quyết định vào chiến lược *Việt Nam hóa*. Năm 1972, Đảng ta chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô rộng lớn, cường độ mạnh, nhịp độ nhanh, đã gây bất ngờ lớn cho Mỹ - ngụy. Qua cuộc tiến công chiến lược này, ta mở ra tình thế cách mạng thuận lợi mới.

Cuối tháng 12-1972, Mỹ dùng máy bay B52 tập kích chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi trên miền Bắc. Điều này đúng như dự đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1967: Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua mới chịu thua. Nhờ dự kiến trước và chuẩn bị sớm về tư tưởng, tổ chức và lực lượng, quân và dân ta ở miền Bắc đã làm nên một trận "Điện Biên Phủ trên không", đập tan nỗ lực cuối cùng của Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pa-ri, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam và rút hết quân về nước.

Việc Mỹ rút quân sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết (27-1-1973) làm so sánh tương quan lực lượng trên chiến trường thay đổi lớn, rất có lợi cho ta. Song Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện âm mưu mới, tiến hành các chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ" chiếm lại nhiều vùng giải phóng của ta. Đảng ra Nghị quyết 21 (7-1973), chỉ đạo miền Nam tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ để tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bằng chiến thắng Phước Long (6-1-1975), ta khẳng định Mỹ khó mà can thiệp trở lại và dù có can thiệp cũng không cứu vãn được tình hình. Tình thế phát triển mau lẹ, kế hoạch giải phóng miền Nam cũng từng bước được điều chỉnh cho phù hợp. Từ kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm, sau rút xuống còn trong năm 1975 và cuối cùng là trước mùa mưa bằng một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, mở đầu bằng trận then chốt Buôn Ma Thuột và kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với thắng lợi hoàn toàn chỉ trong 55 ngày đêm. Đây là đỉnh cao của sự chỉ đạo chiến lược của Đảng trong suốt 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Digitized by Google

Từ thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có thể thấy sự chỉ đạo chiến lược sắc bén của Đảng ta thể hiện trên nhiều nội dung, trong đó, nổi bật những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, Đảng ta sớm nhận rõ kẻ thù, đánh giá đúng tương quan lực lượng địch - ta, có chủ trương, quyết sách phù hợp với từng thời điểm lịch sử cụ thể, đánh bại địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Đánh giá đúng so sánh lực lượng đôi bên để có quyết sách đúng đắn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của chiến tranh. Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1960), khi Đảng ta chậm chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh vũ trang ở miền Nam, không ít người cho rằng ta mơ hồ về kẻ thù, quá tin vào Hiệp định Giơ-ne-vơ. Thực tế là, ngay từ trước khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (họp từ ngày 15 đến 18-7-1954), Đảng ta đã nhận định: Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Khi Hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: Dù việc tạm thời chia cắt ở vĩ tuyến 17 hay 16, ta vẫn phải có thời gian để chuẩn bị đánh một trận lớn hơn nữa với một tên xâm lược lớn hơn. Sở dĩ Đảng ta chưa chuyển hướng là do tình hình quốc tế và trong nước lúc đó chưa cho phép. Đánh giá so sánh tương quan lực lượng địch ta trong bối cảnh quốc tế phức tạp khi ấy không phải dễ. Với quan điểm khoa học và cách mạng, Đảng ta khẳng định: Mỹ và tay sai có quân đông nhưng không có cơ sở chính trị sâu rộng và vững chắc, tuy quân sự chúng còn mạnh, nhưng chính trị của chúng lại rất yếu mà yếu nhất là ở nông thôn. Từ nhận định này, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1-1959) chỉ rõ: *Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.* Với chủ trương đúng đắn đó, cuộc Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam đã nổ ra và giành thắng lợi, đưa cách mạng miền Nam vượt qua thử thách sống còn, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đánh bại chiến lược *chiến tranh đặc biệt* của Mỹ.

Từ năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam thực hiện chiến lược *chiến tranh cục bộ*. Tư tưởng sợ Mỹ khiến không ít người thiếu lòng tin vào thắng lợi. Nhưng Đảng ta lại cho rằng: Mỹ là một đội quân mạnh nhưng vào miền Nam không phải trong thế mạnh, mà trong thế yếu, thế bị động. Chỗ yếu cơ bản nhất của chúng vẫn là về chính trị. Còn về phía ta lúc này không chỉ đã mạnh về chính trị mà cả về quân sự. Đây là cơ sở để Đảng ta hạ quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12, tháng 12-1965). Về so sánh lực lượng giữa ta và địch phải xem xét cả quân sự và chính trị, cả số lượng và chất lượng, cả lực lượng và thế trận, cả ở chiến trường nước ta và tình hình chính trị nước Mỹ cũng như tính năng động chủ quan trong điều hành chiến tranh của đôi bên. Thực tiễn đã chứng minh, quan điểm đánh giá lực lượng so sánh của Đảng ta là hoàn toàn chính xác.

Sau Hiệp định Pa-ri (27-1-1973), Mỹ và chư hầu phải rút khỏi miền Nam. Vấn đề đặt ra lúc này là liệu quân ngụy có thể thay thế Mỹ và liệu Mỹ có khả năng can thiệp trở lại không. Với chiến thắng Thượng Đức (7-1974), ta khẳng định chủ lực ta hơn hẳn chủ lực ngụy. Đến chiến thắng Phước Long (1-1975), Đảng ta kết luận Mỹ không có khả năng quay trở lại. Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột (3-1975), diễn biến trên chiến trường thay đổi mau lẹ trong từng tuần, từng ngày. Đảng ta đã nhạy bén nắm bắt tình hình, đánh giá đúng so sánh lực lượng địch, ta; kịp thời đề ra và điều chỉnh kế hoạch Tổng tiến công chiến lược, giành được thắng lợi hoàn toàn trong vòng chưa đầy hai tháng.

Digitized by Google

Thứ hai, trong chỉ đạo chiến lược, Đảng ta giải quyết tốt quan hệ giữa nhiệm vụ cách mạng miền Bắc và miền Nam, tạo sức mạnh to lớn để đánh bại kẻ thù.

Một trong những đặc điểm và là đặc điểm lớn nhất, bao trùm nhất sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là đất nước chia làm hai miền, mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược. Miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Song, giữa cách mạng miền Nam và cách mạng miền Bắc có mối quan hệ hữu cơ gắn bó chặt chẽ với nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng thực hiện một mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhân dân Việt Nam, kể cả miền Bắc và miền Nam đều chung một kẻ thù, một mục tiêu; sự nghiệp cách mạng vẫn do một đảng lãnh đạo, một nhân dân và một quân đội tiến hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi. Người còn khẳng định: Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam, vì thế, 31 triệu đồng bào hai miền Nam - Bắc là 31 triệu chiến sỹ diệt Mỹ. Trong bối cảnh đất nước chia đôi, mỗi miền thực hiện một chiến lược cách mạng trong những điều kiện khác nhau, việc xác định vị trí và mối quan hệ giữa nhiệm vụ cách mạng hai miền là điều không đơn giản. Nếu không giải quyết tốt quan hệ này, khó có thể tạo sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù xâm lược hùng mạnh. Cho nên, đây cũng là một trong những thành công trong chỉ đạo chiến lược của Đảng ta.

Từ tháng 7-1954, Đảng đã xác định phải xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (3-1955), nhiệm vụ của hai miền được xác định rõ: Miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà; miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), vị trí của cách mạng mỗi miền được Đảng ta khẳng định: Tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự nghiệp phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn, đồng bào ta ở miền Nam có nhiệm vụ trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng để giải phóng miền Nam. Thực tế đã chứng minh, sự gắn bó của cách mạng hai miền đã tạo sức mạnh vô địch trên toàn đất nước. Cùng với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam, Mỹ đã tăng cường đánh phá miền Bắc nhằm hủy diệt, bóp nghẹt miền Bắc, cô lập miền Nam. Mặc dù vậy, chúng không thể ngăn cản nổi sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng ta khẳng định: Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh giữ nước và cứu nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và hoàn thành một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước. Còn nhân dân miền Nam, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục, đã thể hiện vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng trong cuộc chiến đấu kiên cường, dẻo dai, vượt qua mọi thử thách ác liệt, tạo ra sức mạnh mới như Đồng khởi, Vành đai diệt Mỹ, đánh địch bằng "hai chân", "ba mũi", "ba vùng"..., xứng đáng là Thành đồng của Tổ quốc.

Thứ ba, giữ vững độc lập, tự chủ; đồng thời, thực hiện đường lối đối ngoại mềm dẻo nhằm tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước trên thế giới, phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Digitized by Google

Chúng ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong bối cảnh quốc tế phức tạp, vừa có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, nhất là sự bất hòa, thậm chí có cả khuynh hướng thỏa hiệp vô nguyên tắc. Kẻ thù của chúng ta là một đế quốc đứng hàng đầu thế giới. Chúng âm mưu xâm chiếm miền Nam Việt Nam, đồng thời chia rẽ Bắc - Nam, chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa. Cuộc đọ sức giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc Mỹ xâm lược trở thành cuộc đọ sức điển hình và vô cùng quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng. Đảng ta độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối kháng chiến của mình. Nhưng để đánh bại ý chí xâm lược của một đối thủ giàu tiềm lực và sức mạnh như Mỹ mà sức ta có hạn, phải kết hợp được cả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Muốn vậy, một mặt phải phát triển tiềm lực của chính mình, mặt khác phải thực hiện đường lối đối ngoại khôn khéo mới tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước trên thế giới nhất là Liên Xô, Trung Quốc. Về vấn đề này, từ 1956, Hồ Chí Minh đã viết trên báo Sự thật của Liên Xô: Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng Cộng sản... và những vấn đề được đề ra cho đảng này hoặc đảng khác tuyệt nhiên không phải là việc riêng của mỗi đảng mà có quan hệ thiết thân đến toàn bộ giai cấp vô sản quốc tế.

Đến năm 1965, khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược *chiến tranh cục bộ* ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Đảng ta lại chỉ rõ: Chúng ta cần nắm vững phương châm dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời, chúng ta hết sức tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc Á, Phi, Mỹ La-tinh và của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Đảng ta luôn coi trọng tăng cường đại đoàn kết dân tộc và xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ, đứng vững trước mọi thử thách của chiến tranh và các sóng gió chính trị.

Đặc biệt coi trọng độc lập, tự chủ trong xác định chủ trương, đường lối của mình, đồng thời Đảng ta cũng nhấn mạnh tăng cường đoàn kết quốc tế. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 (7-1973) khẳng định: Nhờ thực hiện đoàn kết quốc tế đến mức cao nhất và giữ vững độc lập tự chủ trong đường lối, chủ trương, chính sách của mình, khi tình hình thế giới thuận lợi cũng như lúc khó khăn, phức tạp, chúng ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc và nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ ủng hộ và giúp đỡ, trong đó sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa là cực kỳ quan trọng. Để tăng cường đoàn kết quốc tế, Đảng ta chủ trương tranh thủ mọi lực lượng, tận dụng mọi nhân tố tích cực, hoan nghênh mọi sáng kiến vì hòa bình, kiên quyết một cách có nguyên tắc; đồng thời, khôn khéo, mềm dẻo, kiên trì thuyết phục nhằm hạn chế những nhân tố tiêu cực trong quan hệ quốc tế.

Độc lập, tự chủ gắn liền với sự sáng tạo trong việc định ra và chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng ta, đó cũng là nguồn gốc sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc toàn thắng quá trình đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta có cơ sở để phát huy cao độ tiềm lực của cả nước, thực hiện đại đoàn kết 54 dân tộc anh em trong một nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, khắc phục mọi khó khăn, thoát ra khỏi khủng hoảng

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 30 NĂM VÌ CẢ NƯỚC, CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN MINH TRIẾT *

Ba mươi năm trước đây, với sự toàn thắng của chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại, ngày 30-4-1975, thành phố Sài Gòn - Gia Định đã được hoàn toàn giải phóng. Ngày ấy mãi mãi trở thành biểu tượng rực rỡ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thần thánh của nhân dân ta. Kể từ thời điểm đó, thành phố Hồ Chí Minh bước vào giai đoạn lịch sử mới - giai đoạn vì cả nước, cùng cả nước tiến hành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ba mươi năm qua là quãng thời gian ngắn ngủi so với lịch sử hàng ngàn năm của đất nước. Nhưng nhìn lại những thành quả cách mạng mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đã đồng tâm hiệp lực phấn đấu giành được, mỗi người chúng ta càng phấn khởi, tin tưởng và tự hào.

Chúng ta đều biết, Sài Gòn - Gia Định là điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng của 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau khi chiến trường ngưng tiếng súng, quá khứ đã để lại nơi đây những hậu quả nặng nề về nhiều mặt. Thành phố trước kia vốn là nơi ăn chơi xa xỉ, chủ yếu sống bằng nguồn ngoại viện, điển hình của sự phụ thuộc vào nước ngoài. Nền kinh tế ở trong trạng thái bị què quặt, mất cân đối, bởi nó nhằm phục vụ nhu cầu của cuộc chiến tranh xâm lược.

Trong khi vết thương trên cơ thể của nền kinh tế bị suy kiệt chưa kịp lành, thành phố đã phải trực diện đương đầu với những thử thách mới vô cùng nghiệt ngã: thiên tai nghiêm trọng xảy ra dồn dập, chiến tranh trên tuyến biên giới Tây Nam gây ra nhiều thảm họa, nguồn viện trợ từ các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày càng suy giảm, giá cả trên thị trường thế giới liên tục tăng đột biến... Những khó khăn khách quan ấy, cộng với sự non yếu của chúng ta trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý đô thị..., đã tạo thêm những ngăn cản và trở ngại không nhỏ đối với thành phố.

Xuất phát từ thực trạng trên đây từ sau ngày đất nước giải phóng, trải qua bảy nhiệm kỳ đại hội, Đảng bộ và các tầng lớp đồng bào thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cố gắng phấn đấu vượt qua những khó khăn trở ngại, với nhiều sáng tạo tìm những phương hướng, bước đi và cách làm đúng đắn, đưa thành phố không ngừng tiến bước trên con đường đổi mới. Sự cải biến diện mạo lớn nhất trong 30 năm là thành phố đã được ***"xây dựng đàng hoàng hơn to đẹp hơn"***, trở thành một trung tâm kinh tế, văn hóa,

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

khoa học của các tỉnh phía Nam và cả nước. Đúng như sự phân tích của đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn ***"từ một thành phố ăn chơi xa xỉ, phục vụ bọn thống trị, bọn bóc lột, đã được cải tạo, xây dựng thành thành phố của người lao động, phục vụ nhân dân lao động"*** (1).

Thực tế cho thấy, trong nhiều năm qua kinh tế của thành phố ngày càng đi vào thế ổn định, sự chuyển dịch cơ cấu phù hợp với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa. GDP bình quân hằng năm không ngừng tăng cao. Càng đi sâu vào giai đoạn tháo gỡ và thời kỳ đổi mới, nhịp độ của sự tăng trưởng càng vượt trội. Với diện tích 2.000 km^2 và dân cư chiếm 6,6% dân số cả nước, thành phố đã đóng góp 40% kim ngạch xuất khẩu, 31,6% tổng thu ngân sách quốc gia, 29,4% giá trị sản xuất công nghiệp, 28% giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, gần 20% tổng sản phẩm cả nước... So với mức bình quân trên toàn quốc, thành phố đứng đầu về mức tăng GDP trên đầu người, là nơi có lượng trang bị máy tính gấp 8 lần, tỷ lệ người sử dụng In-tơ-nét gấp 7 lần, điện thoại gấp 3,5 lần. Trong vòng 20 năm qua, thành phố cơ bản đã xóa được nạn đói. Sự nghiệp điện khí hóa nông thôn đã hoàn thành. Từ năm 1990 trở lại đây, thành phố đã chi ngân sách cho các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội tăng bình quân từ 16,9% đến 23,9% mỗi năm. Cuối năm 1995, thành phố đã đạt được tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Mạng lưới y tế được phân bố rộng khắp trên các địa bàn quận, huyện, phường, xã. Số giường bệnh mỗi năm tăng 12%.

So với trước giải phóng, diện mạo thành phố ngày càng được chỉnh trang và mở rộng quy mô phát triển. Nhiều tuyến đường, trục đường, nút giao thông quan trọng đã được cải tạo, các dự án lớn và công trình trọng điểm như: mạng lưới cầu đường, hệ thống cảng và kho bãi; mạng bưu chính - viễn thông; các trung tâm thương mại - dịch vụ hiện đại; các khu đô thị lớn; các khu chế xuất; các khu công nghiệp tập trung và khu công nghệ cao... đã được xây dựng. Trong những năm qua, thành phố đã xây dựng mới thêm 3 triệu m^2 nhà ở. Bình quân hằng năm giải quyết được 18 vạn chỗ làm mới cho người lao động. Những vấn đề bức xúc về thanh toán nhà ổ chuột trên các kênh rạch và khu lao động, về nước sạch, điện chiếu sáng, xử lý úng ngập, rác thải, chống kẹt xe nội thị... từng bước được giải quyết có hiệu quả.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn không ít việc phải làm để tiếp tục khắc phục có hiệu quả những hạn chế, yếu kém. Đó là chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp so với tiềm lực; hoạt động khoa học - công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố; tệ nạn xã hội, mại dâm, ma túy còn là vấn đề nhức nhối; hệ thống chính trị, nhất là tổ chức cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

Vui mừng trước thành tựu và nhìn thẳng vào những yếu kém, trong chặng đường đã đi qua, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đặc biệt là những bài học quý báu:

Một là, *luôn luôn nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng trong mọi thời kỳ và vận dụng một cách năng động, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và tính chất đặc thù của thành phố, biến mọi chủ trương của Đảng thành sức mạnh, ý chí của khối đại đoàn kết toàn dân, thành phong trào hành động cách mạng của quần chúng.*

Lịch sử đã xác minh, sự năng động và bản lĩnh sáng tạo là đặc điểm có tính chất truyền thống của Đảng bộ và nhân dân Sài Gòn - Gia Định - thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt được thể hiện mạnh mẽ ở những khúc quanh của lịch sử, khi thành phố phải trực diện

---

(1) Trích trong bài nói của đồng chí Lê Duẩn, tại Đại hội Đại biểu lần thứ III Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11-1983.

Digitized by Google

đương đầu với những khó khăn thử thách nghiệt ngã. Ba mươi năm qua, nhờ biết tận dụng thế mạnh này Đảng bộ Thành phố đã phát huy có hiệu quả các nguồn lực về con người và tiềm năng, cố gắng liên tục vượt qua những thử thách hết sức nghiêm trọng trong những năm 1979 - 1980 bằng việc khai thác tối đa sức mạnh tổng hợp của yếu tố nội sinh.

Với tinh thần dám nghĩ, biết làm, dám chịu trách nhiệm, trải qua nhiều năm tháng Đảng bộ thành phố đã kiên trì tiến hành những cuộc tìm tòi, thử nghiệm, phát kiến ra những mô hình mới, biện pháp mới, cách làm mới, tạo nên xung lực mạnh mẽ làm đà cho sản xuất kinh doanh "bung" ra nhằm "tháo gỡ" những trói buộc của cơ chế quản lý kinh tế bao cấp - hành chính - quan liêu - duy ý chí, mở đường khai thông cho lực lượng sản xuất phát triển; đóng góp có ý nghĩa cho các tỉnh, thành phố ở khu vực đồng bằng Nam Bộ và trong cả nước tìm ra giải pháp xác đáng để giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc.

Từ khi Nghị quyết 01-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành đến nay, 23 năm đã trôi qua. Bằng bản lĩnh năng động và sáng tạo của mình, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đã liên tục khơi dậy các phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Những điển hình tiên tiến xuất hiện trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và ở những đơn vị cơ sở phường, xã... giống như một mũi nhọn đột phá, một lực lượng tiên phong, dám tự khẳng định mình, sẵn sàng đương đầu trước những khó khăn và chấp nhận mọi thử thách để khai phá con đường mới, tháo gỡ những "trói buộc", đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống. Việc tìm tòi và phát hiện những mô hình mới như: cải tạo xã hội chủ nghĩa gắn với tổ chức lại sản xuất; thực hiện các đòn bẩy kinh tế bảo đảm "ba lợi ích" và các quan hệ hàng hóa - tiền tệ; kế hoạch hóa kết hợp với thị trường; liên kết giữa nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với lưu thông; việc làm thí điểm đổi mới cơ chế quản lý cấp phường, nghiên cứu cải tiến thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa một dấu" ở ủy ban nhân dân các quận, huyện; phân cấp thêm quyền hạn cho quận, huyện về xây dựng cơ bản, nhà đất, thu chi ngân sách; bước đầu phân định chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh,... là những việc làm mang lại hiệu quả đối với thành phố và đóng góp rất có ý nghĩa về mặt lý luận cũng như thực tiễn vào quá trình đổi mới đất nước, do Đảng ta lãnh đạo.

Hai là, *luôn luôn vận dụng quán triệt "đường lối quần chúng" của Đảng trong các lĩnh vực công tác và hoạt động, trên cơ sở thấu suốt quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", "dân là gốc", "xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân".*

Cùng với sự thay đổi về tư duy lý luận và kinh tế, kết quả của việc mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là những bài học kinh nghiệm quý giá của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh trong 30 năm qua. Ngay sau ngày thành phố Sài Gòn - Gia Định được giải phóng, quán triệt tư tưởng "đại đoàn kết" của Bác Hồ, chúng ta đã thi hành chính sách hòa hợp dân tộc, làm cho mọi công dân thành phố nâng cao lòng tự hào trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Việc tổ chức các đại hội quần chúng ở cơ sở tham gia đợt báo công với quy mô lớn hồi mùa thu 1975, cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất năm 1976, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (thành phố, quận, huyện, phường, xã) đầu năm 1977.., là những đợt vận động dân chủ sâu rộng chưa từng có.

Trong những năm 1979 - 1980, giữa lúc thành phố đang phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, các tầng lớp đồng bào ta đã nỗ lực cùng với Đảng bộ thành phố ra sức khắc phục khó khăn, tìm tòi hướng suy nghĩ mới, cách làm ăn mới, phát kiến ra những mô hình mới. Thực hiện phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm", "Trung ương, địa phương và cơ sở*

Digitized by Google

cùng làm", "thành phố và quận, huyện cùng lo", những mô hình sản xuất kinh doanh tiên tiến xuất hiện ngày càng nhiều, được phổ biến và nhân rộng nhanh chóng. Các quận, huyện, ngành, lĩnh vực công tác, tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội của thành phố đều dấy lên phong trào thi đua sôi nổi với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Công nhân, có phong trào: luyện tay nghề, thi thợ giỏi; nâng cao chất lượng sản phẩm; thực hành tiết kiệm; bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa... Nông dân có phong trào: làm thủy lợi; sử dụng các giống lúa mới; xây dựng cánh đồng mẫu, phát triển kinh tế gia đình... Thanh niên có phong trào: ba xung kích; thanh niên lập nghiệp; tuổi trẻ giữ nước; tiến quân vào mặt trận khoa học - kỹ thuật; xây dựng công trình của thanh niên, nhà máy của thanh niên, cánh đồng mẫu cao sản của thanh niên... Phụ nữ, có phong trào: tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông phân phối; chăm lo đời sống; giúp nhau phát triển kinh tế gia đình... Nội dung các phong trào này đều hướng vào thực hiện mục tiêu tăng năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng giá trị sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa, nâng cao tiền lương và quỹ khen thưởng nhằm cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và người lao động.

Nhiều công trình văn hóa, bệnh viện, trạm y tế, trường học, đường xá, cầu cống, nạo vét luồng lạch, phát triển giao thông nông thôn... đều có sự đóng góp của nhân dân cả về nhân lực, vật lực và tài lực. Các phong trào thi đua được khơi dậy nối tiếp nhau tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy đội ngũ công nhân và trí thức thành phố nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đã làm xuất hiện hàng vạn lao động tiên tiến, 7.000 chiến sỹ thi đua, 2.000 tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa và đóng góp 34.000 sáng kiến có giá trị. Những đóng góp to lớn kể trên đã cung cấp cơ sở thực tiễn cho Đảng bộ tìm ra những chính sách, biện pháp có kết quả tháo gỡ nhiều khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, vốn, giá cả và cơ chế quản lý.

Từ các đơn vị và cá nhân tiên tiến xuất hiện trong thời kỳ 1978 - 1980, đến nay đã phát triển thành những cuộc vận động chính trị - xã hội với quy mô sâu rộng, có sức lan tỏa lớn lôi cuốn sự tham gia đông đảo của mọi lứa tuổi, mọi giai tầng trong xã hội, các dân tộc và tôn giáo, giới trí thức và văn nghệ sĩ, đồng bào trong nước cũng như kiều bào ở nước ngoài... Tất cả đã tạo thành phong trào toàn xã hội chăm lo cho người nghèo, xóa đói giảm nghèo; phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương; phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; phong trào "đem lại nụ cười cho trẻ thơ", "ánh sáng cho người bị mù lòa", "đem lại mái ấm và lớp học tình thương cho trẻ em lang thang trên đường phố"; phong trào người dân sản xuất giỏi, làm giàu chính đáng; chương trình thực hiện mục tiêu "ba giảm", v.v..

Ngoài việc khuyến khích các tầng lớp đồng bào tích cực tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đô thị thông qua những cơ quan dân cử và các đoàn thể nhân dân, Đảng bộ thành phố còn chỉ đạo các cấp quận, huyện, phường, xã phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện: *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra",* nhằm tạo điều kiện để cho nhân dân thiết thực tham gia vào 4 cuộc vận động đã và đang được tích cực triển khai: đấu tranh chống tham nhũng; chống buôn lậu; chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; giảm phiền hà cho nhân dân.

Ba là, *giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng để làm cơ sở tạo ra sự đồng thuận trong xã hội và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.*

Phân tích nguyên nhân của những bài học thành công và chưa thành công xuyên suốt 30 năm qua, Đảng bộ thành phố đã rút ra kết luận: giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, chính là một trong những nhân tố

Digitized by Google

bảo đảm thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố.

Thực tế cho thấy, cách đây 30 năm, từ 162 chi bộ ở nội, ngoại thành với 4.175 đảng viên trước ngày giải phóng, đến nay số lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng đã được tăng lên gấp nhiều lần: hơn 12 vạn đảng viên và 2.593 tổ chức cơ sở đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên thành phố Hồ Chí Minh chẳng những đông về số lượng, mà còn đa dạng về kết cấu thành phần. Kế thừa và phát huy truyền thống quý báu trong các thời kỳ cách mạng trước đây, bước vào giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ vững được sự đoàn kết nhất trí cao. Đoàn kết trong Đảng là "hạt nhân" của khối đại đoàn kết toàn dân, là động lực quan trọng giúp thành phố thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới thành công; giải quyết có hiệu quả vấn đề "ai thắng ai" trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố; giữ vững được sự kiên định nhất quán đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị sụp đổ.

Kiểm điểm việc bảo vệ và giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

1 - Tiêu chí của sự đoàn kết nhất trí được xác lập trên cơ sở đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải thống nhất ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết của Đảng, kiên quyết xử lý những người có nhận thức lệch lạc hoặc cố tình vi phạm nguyên tắc Đảng làm sai Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, truyền bá những ý kiến trái với những quan điểm của Đảng.

2 - Sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ được củng cố và phát huy trên cơ sở của sự tự chỉnh đốn, tự đổi mới, thông qua các cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết gắn bó với quần chúng.

3 - Nếu không triển khai tích cực 6 biện pháp chống tiêu cực, 4 cuộc vận động và 5 nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng do các Đại hội đại biểu của Đảng bộ thành phố đề ra thì không thể nào thực hiện tốt sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng. Đoàn kết nhất trí chỉ có thể được vun đắp trên cơ sở tiến hành thường xuyên công tác giáo dục tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên.

4 - Để củng cố sự đoàn kết nhất trí, cần phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng, chống mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức, hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng cục bộ, bản vị, làm suy yếu sức mạnh của tổ chức đảng. Phải bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt nội bộ - từ sinh hoạt chi bộ đến sinh hoạt cấp ủy và những cơ quan lãnh đạo ở các cấp, các ngành.

5 - Từng tổ chức cơ sở đảng phải thường xuyên và nghiêm túc thực hiện tự phê bình, phê bình để khắc phục tình trạng yếu kém, thiếu thống nhất và chủ động ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của cán bộ đảng viên.

6 - Nhằm bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong nội bộ, phải tạo điều kiện để cho nhân dân góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và hoạt động của các cơ quan chính quyền, nhận xét cán bộ đảng viên và công chức nhà nước một cách thẳng thắn. trung thực, chân tình.

Bốn là, *biết triệt để khai thác nguồn lực nội sinh của thành phố gắn kết chặt chẽ với huy động sức mạnh tổng hợp nguồn liên doanh hợp tác với các địa phương khu vực và cả nước, với sự hội nhập và hợp tác quốc tế.*

Digitized by Google

Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và các địa phương trong khu vực phía Nam từ lâu có mối quan hệ hợp tác gắn bó mật thiết. Trải qua 30 năm sau ngày giải phóng, mối quan hệ hợp tác và liên kết ấy được mở rộng phạm vi và phát triển thêm nhiều nội dung mới có hiệu quả... nhằm tập trung lực lượng khai thác thế mạnh của mỗi địa phương. Ngay trong thời kỳ đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, thành phố Hồ Chí Minh cùng một số tỉnh đã có kế hoạch từng bước đầu tư phát triển sản xuất, tạo thêm nguồn hàng cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, thành phố đã đáp ứng được một phần yêu cầu của các tỉnh về thiết bị, máy móc phục vụ nông nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản, phụ tùng thay thế, xây dựng trường học, trạm trại, kho tàng, đường sá, đóng sà lan, tàu kéo, xây dựng vùng lúa cao sản... Sau khi làm nghĩa vụ với trung ương, các địa phương trong khu vực cũng đã cung ứng cho thành phố nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản xuất khẩu, lương thực, thực phẩm. Nhìn chung, kết quả trong mối quan hệ hợp tác giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong nhiều năm qua đã giúp nhau khắc phục các mặt mất cân đối trong sản xuất và đời sống, phát huy thế mạnh của từng địa phương và tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

Ngoài khu vực đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết của thành phố Hồ Chí Minh còn được triển khai và mở rộng thêm ở các vùng Đông Nam Bộ, Tây nguyên và một số khu vực của vùng ven biển miền Trung. Điều này được thể hiện qua việc thành phố Hồ Chí Minh đóng góp có hiệu quả vào việc xây dựng công trình thủy điện Trị An, hợp tác với các tỉnh Tây Nguyên trồng và chế biến cây công nghiệp, hợp tác với tỉnh Long An để khai thác Đồng Tháp Mười, trồng cây cao su ở miền Đông Nam Bộ, v.v...

Sự hợp tác và liên kết giữa thành phố Hồ Chí Minh với những tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các địa phương trong khu vực về hoạt động kinh tế đối ngoại đã được mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Tính đến cuối năm 1999, trên địa bàn thành phố đã có hơn 1.400 văn phòng đại diện nước ngoài thuộc 46 quốc gia, chiếm 70% của cả nước. Ngoài lượng hàng xuất nhập khẩu chính cho mình, thành phố còn đảm nhiệm vai trò xuất nhập khẩu cho các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả vùng Nam Bộ.

Những năm qua, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh còn quan tâm đến việc phát huy sức đóng góp của lực lượng kiều bào ta ở nước ngoài, tạo mối tin cậy để gắn bó giữa kiều bào với thân nhân và nhân dân trong nước. Đồng thời, ra sức phát huy, khai thác thế mạnh của đồng bào người Hoa ở thành phố trong việc thu hút đầu tư từ người Hoa ở ngoài nước.

*
* *

Sau 30 năm kể từ ngày giải phóng, thành phố Hồ Chí Minh đã cùng cả nước, không ngừng nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn để ổn định và phát triển. Và vì cả nước, thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực tìm tòi, thử nghiệm vận dụng mô hình cơ chế quản lý mới nhằm góp phần có ý nghĩa vào việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng ta; đồng thời đóng vai trò tích cực đối với cả nước bằng việc tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu cho ngân sách và giải quyết các vấn đề xã hội.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn mới, Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sẽ đem hết sức lực, trí tuệ và tài năng của mình để hoàn thành và hoàn thành xuất sắc trọng trách nặng nề, vẻ vang của Đảng giao phó:

"Vì cả nước, cùng cả nước, thành phố Sài Gòn hôm qua đã được giải phóng.

Vì cả nước, cùng cả nước, thành phố Hồ Chí Minh hôm nay nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội" (2). ❑

---

(2) Trích trong bài nói của đồng chí Lê Duẩn, tại Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11-1983

Digitized by Google

TÍNH ƯU VIỆT VÀ SỨC MẠNH CỦA MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

TRẦN NGỌC TUỆ *

NGÀY nay, nhìn lại tính chất và quy mô của cuộc chiến tranh, thấy hết những lực lượng và phương tiện kẻ thù đã sử dụng, những ý đồ mà đối phương đã thú nhận; những tình huống cực kỳ phức tạp mà nhân dân ta đã vượt qua trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kết thúc thắng lợi bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, chúng ta càng kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân đã lựa chọn. Bởi vì, "không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa... Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước"(1).

Trong suốt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ luôn coi miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là hiểm họa trong chiến lược và chính sách ngăn chặn sự phát triển chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam Á của Mỹ. Năm đời tổng thống Mỹ kế tiếp nhau đều tìm mọi âm mưu, hành động nhằm phá hoại miền Bắc, trong đó có hai cuộc chiến tranh phá hoại với quy mô và mức độ hết sức ác liệt bằng không quân, kể cả B52 và hải quân nhằm triệt phá sức mạnh vật chất, tinh thần của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Dựa vào ưu thế về kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật, Mỹ cuồng vọng nghiền nát lực lượng cách mạng miền Nam, đẩy miền Bắc "trở về thời kỳ đồ đá", buộc miền Bắc xã hội chủ nghĩa "quỳ gối" trước sức mạnh quân sự của họ. Trong cuộc chiến tranh này, "miền Bắc vừa phải đương đầu với hàng triệu tấn bom của đế quốc Mỹ, vừa không ngừng cung cấp sức người, sức của cùng đồng bào miền Nam đánh giặc, cứu nước, đồng thời gánh vác nghĩa vụ quốc tế, thì những thành tựu đã đạt được là những kỳ tích mà người ta không thể nào tưởng tượng bên ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Thử thách cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh đã làm ngời sáng tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội"(2).

---

* TS, Viện KHXH&NV quân sự, Bộ Quốc phòng

(1) *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 28-29

(2) *Báo cáo đã dẫn*, tr 33

Digitized by Google

1 - Chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là động lực trực tiếp của ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Cuối 1959 đầu năm 1960 miền Bắc đã hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Lúc này các cơ sở kinh tế hợp tác xã, kinh tế quốc doanh được thiết lập và phát huy tính ưu việt. Nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn miền Bắc thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, trở thành người làm chủ đất nước. Những thành tựu cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1965) đã tạo nên những biến đổi sâu sắc trong ý thức chính trị của nhân dân, một thế hệ con người mới đã hình thành trên cơ sở giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nếu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam chiến đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, thì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là động lực trực tiếp thôi thúc quân, dân miền Bắc kháng chiến, cứu nước.

Nguồn gốc của sức mạnh, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa là do bản chất của nó quyết định. Chính hiện thực trực tiếp của chế độ kinh tế, chính trị - xã hội, xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nền tảng của ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa được quân và dân ta nhận thức sâu sắc trên cơ sở những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nhân dân miền Bắc hiểu rằng, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc chính là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội tiến bộ nhất trong lịch sử. Vì chế độ đó xóa bỏ ách áp bức, bóc lột, mang lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân lao động. Do nhận thức sâu sắc ý nghĩa, mục đích của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thấy rõ sự cần thiết phải đem hết sức lực của mình để tham gia kháng chiến cho độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân miền Bắc đoàn kết chặt chẽ xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham gia một cách tích cực, chủ động, tự giác vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện cho miền Nam và tiến hành chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ. Dưới bom đạn ác liệt của kẻ thù, miền Bắc vừa chiến đấu, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khói lửa chiến tranh, duy trì, phát triển tiềm lực về mọi mặt, tăng cường lực lượng cho tiền tuyến lớn. Các phong trào cách mạng như "Ba sẵn sàng" của thanh niên, "Ba đảm đang" của phụ nữ, "Tay búa, tay súng" của công nhân, "Xe chưa qua, nhà không tiếc", "Mỗi người làm việc bằng hai, vì miền Nam ruột thịt" v.v.. đã động viên đến mức cao nhất lực lượng và trí tuệ của nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã trở thành niềm tin, khát vọng cổ vũ nhân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ.

Điều này tiếp tục khẳng định chân lý: khi nhân dân nhận thức được mục đích, nguyên nhân của chiến tranh, thì cho dù kẻ thù tàn bạo và hung hãn đến đâu cũng không đè bẹp nổi lực lượng, ý chí của nhân dân đứng lên bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Không có một thế lực thù địch nào có thể tiêu diệt, khuất phục được một dân tộc, khi dân tộc ấy trung thành với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đối với việc xây dựng, động viên chính trị, tinh thần của nhân dân và quân đội là ở đó. Chế độ ấy đã tạo ra những điều kiện xã hội vững chắc cho giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Điều này cũng cắt nghĩa vì sao trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đối phương chiếm ưu thế hơn ta về kinh tế, quân sự nhưng lại thua chúng ta về sức mạnh chính trị, tinh thần - ưu thế tuyệt đối của nhân dân và quân đội ta.

Digitized by Google

2 - Chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã tạo ra khả năng cao nhất động viên toàn diện, có hiệu quả sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi

Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tung vào nước ta một đội quân viễn chinh gần 60 vạn tên gồm quân Mỹ và chư hầu làm nòng cốt cho hơn một triệu quân ngụy. Riêng quân đội Mỹ, chúng huy động lúc cao nhất tới 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 33% lực lượng không quân chiến thuật, 50% lực lượng không quân chiến lược. Chúng còn sử dụng những phát minh khoa học - kỹ thuật để gây vô vàn tội ác đối với nhân dân ta, ném xuống nước ta 7 triệu 850 ngàn tấn bom và tiêu tốn 352 tỉ đô la [3]. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc, họ tính toán rằng với ưu thế hơn hẳn về vũ khí, trang bị kỹ thuật (máy bay, tên lửa, tàu chiến) sẽ nhanh chóng phá sập hoàn toàn những cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bóp nghẹt, chặn đứng sự chi viện sức người, sức của, của miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho miền Nam. Nhưng nhà cầm quyền Mỹ đã sai lầm. Lịch sử chiến tranh đã chỉ ra rằng, những ưu thế về kinh tế, kỹ thuật, quân sự chỉ là khả năng để đưa đến thắng lợi mà thôi. Việc biến khả năng ấy thành hiện thực còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Suy cho cùng nó được quyết định bởi chế độ chính trị - xã hội, bởi năng lực tổ chức của giai cấp lãnh đạo và nhà nước, bởi hành động tự giác, sáng tạo của nhân dân lao động. Khi đánh giá tiềm lực, sức mạnh quân sự của ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một số người chỉ bó hẹp trong việc so sánh một cách máy móc các chỉ tiêu kinh tế, vũ khí, kỹ thuật mà không thấy khả năng, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong việc huy động và sử dụng mọi tiềm lực vật chất cho kháng chiến.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc đã hai lần chuyển hướng kinh tế, tiến hành động viên quy mô lớn và liên tục sức người, sức của cung cấp cho tiền tuyến, đồng thời chiến đấu kiên cường đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, thực hiện càng đánh càng mạnh, giữ vững và ổn định đời sống nhân dân. Sở dĩ có được như vậy là nhờ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập, nhờ những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và những năm sau đó; nhờ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới... đã tạo nên sức sống mới của nền kinh tế quốc dân. Việc xác lập hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể đã làm cho kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong toàn bộ nền kinh tế, với một cơ cấu xã hội, giai cấp thuần nhất gồm hai giai cấp cơ bản là công nhân và nông dân cùng tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xác lập quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, tạo nên bầu không khí xã hội lành mạnh, bình đẳng, kỷ cương. Chính điều đó đã tạo ra khả năng huy động tuyệt đối, kịp thời mọi nguồn nhân tài, vật lực vào cuộc kháng chiến.

Chỉ tính từ năm 1965 đến 1975, miền Bắc đã động viên 2 triệu thanh niên tham gia lực lượng vũ trang. Mức động viên từng năm tăng từ ba đến năm lần so với năm 1964. Ngoài nhân lực cung cấp cho lực lượng vũ trang, nhu cầu về nhân lực của nhiều ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh cũng tăng lên rất lớn. Riêng ngành giao thông - vận tải, vào năm địch đánh phá ác liệt nhất (1968) đã có trong biên chế chính thức 120.000 người, chưa kể hàng chục vạn thanh niên xung phong được huy động. Chúng ta còn động viên tới 267 triệu ngày công theo chế độ

(3) Tạp chí *Tư tưởng Văn hóa* (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương) và Cục Tư tưởng - Văn hóa (Tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam), Kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng miền Nam và 105 Ngày sinh Bác Hồ, Hà Nội, 1995, tr 36

Digitized by Google

dân công thời chiến để bảo đảm giao thông hoặc phục vụ các yêu cầu khác của quân đội (làm trận địa, sửa chữa sân bay, vận chuyển bằng các phương tiện thô sơ v.v..). Tính đến năm 1972, tổng số lao động do Nhà nước động viên đã lên tới 2,5 triệu người, chiếm 11% dân số miền Bắc. Trong các năm 1968, 1972 , 1975 là những năm diễn ra tiến công chiến lược lớn làm chuyển biến cục diện kháng chiến hoặc kết thúc chiến tranh, số nhân lực động viên thường vượt quá số lao động xã hội tăng lên trong năm... 70% số hộ gia đình ở miền Bắc có người thân chiến đấu trên các chiến trường. Trên đồng ruộng, phụ nữ chiếm 63% số lao động trực tiếp... Chỉ trong 4 tháng (từ tháng 1 đến tháng 4-1975) miền Bắc đã bổ sung cho chiến trường trên 110.000 cán bộ, chiến sỹ và 230.000 tấn vật chất các loại phục vụ chiến trường. Đảng và Chính phủ cử hàng vạn cán bộ dân, chính, đảng đến các vùng giải phóng để tăng cường cho đảng bộ và chính quyền cách mạng"[4]. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, "quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay Mỹ, bắt sống 472 giặc lái"[5], giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ đối với nước ta. Những số liệu trên đã khẳng định sức mạnh, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trong việc động viên sức mạnh vật chất và tinh thần, phát huy truyền thống dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã minh chứng khoa học cho con đường phát triển tất yếu của dân tộc ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.❑

(4) Học viện Quốc phòng - Viện lịch sử quân đội: *Đại thắng mùa xuân 1975, nguyên nhân và bài học*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr 305-306

(5) Học viện Chính trị quốc gia: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 272

CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC...

(Tiếp theo trang 19)

kinh tế, xã hội bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế thực hiện đường lối đổi mới đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh những cơ hội lớn, chúng ta phải đối mặt với những thách thức không nhỏ. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, việc không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định của mọi thắng lợi. Những bài học về chỉ đạo chiến lược đúng đắn và sắc bén của Đảng ta trong 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, ngày nay vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau 30 năm chiến thắng, ngày nay đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là những thành tựu sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.v.v.., làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống của nhân dân, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế thời kỳ đổi mới. Sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng cường, tạo điều kiện củng cố vững chắc độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, nhất định sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ IX xác định và chuẩn bị chu đáo cho Đại hội X thành công rực rỡ. ❑

Digitized by Google

Mặt trận ngoại giao trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

PHAN DOÃN NAM

NĂM 1966, sau hơn 10 năm đấu tranh quân sự và chính trị là chính, so sánh lực lượng bắt đầu thay đổi có lợi cho ta. Trên thế giới, phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam lên cao, mâu thuẫn nội bộ Mỹ phát triển gay gắt.

Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, ta đánh thắng liên tiếp các cuộc phản công của địch trong mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967. Ở miền Bắc, ta đánh bại một bước chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch. Đảng ta quyết định tấn công địch cả trên mặt trận ngoại giao nhằm mở ra cục diện "vừa đánh, vừa đàm".

Từ ngày 13 đến 26-1-1967 Hội nghị Trung ương lần thứ 13 đã họp và ra nghị quyết nhấn mạnh: "Trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động". Chủ trì hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ ý nghĩa quan trọng của cuộc đấu tranh ngoại giao, đồng thời nhấn mạnh: "Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng nhưng cái vốn chính là mình vừa phải đánh thắng và mình vừa phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng".

Những bước đi khéo léo trên mặt trận ngoại giao

Thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và với phương châm "đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận", Hội nghị vạch rõ nhiệm vụ của ngoại giao lúc này là tố cáo mạnh mẽ hơn nữa tội ác của đế quốc Mỹ, vạch trần những thủ đoạn hòa bình giả dối của họ, tranh thủ các nước anh em, bè bạn và nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Bước thứ nhất mà ngoại giao cần làm để phối hợp với cuộc đấu tranh chung là đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng để miền Bắc có thể hoàn thành sứ mệnh là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 28-1-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hoạt động chiến tranh khác chống Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng hòa mới ***có thể*** nói chuyện với Mỹ. Tuyên bố này đã làm xôn xao dư luận Mỹ và thế giới, tăng thêm sức ép đòi Mỹ chấm dứt ném bom để đi vào đàm phán. Nội bộ giới cầm quyền Mỹ đòi Giôn-xơn phải có một hành động đáp lại. Giôn-xơn đã nhân nhượng. Ngày 29-9-1967 ông ta đưa ra cái gọi là công thức Xan An-tô-ni-ô, rằng: "Hoa Kỳ sẵn sàng

Digitized by Google

ngừng mọi cuộc bắn phá bằng không quân và hải quân chống Bắc Việt Nam khi điều này sẽ dẫn ngay đến các cuộc thảo luận có kết quả. Tất nhiên chúng tôi cho rằng trong khi các cuộc thảo luận diễn ra, Bắc Việt Nam sẽ không lợi dụng việc ngừng hoặc hạn chế ném bom". Tuy công thức này còn mơ hồ vì nó không nói rõ thế nào là "các cuộc thảo luận có kết quả" và thế nào là "việc lợi dụng việc ngừng ném bom" nhưng rõ ràng đây là một bước xuống thang của Mỹ.

Để thúc đẩy thêm Mỹ xuống thang, ngày 29-12-1967 Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh khẳng định: "Sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng hòa ***sẽ*** nói chuyện với Mỹ về những vấn đề liên quan". Dư luận thế giới hoan nghênh phản ứng tích cực của ta từ chỗ nói ***có thể*** đến nói là ***sẽ*** nói chuyện. Tuy nhiên, thái độ của Mỹ vẫn còn nặng về thăm dò chứ chưa chịu đi vào đàm phán. Như vậy, có thể thấy rằng, những chuyển biến trên chiến trường tuy có lợi cho ta nhưng chưa đủ để buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và đi vào đàm phán.

Ngày 28-12-1967 Bộ Chính trị họp, chủ trương mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Cuộc tổng tiến công khiến địch bị bất ngờ và đã làm thay đổi hẳn tình hình. Ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị giáng một đòn nghiêm trọng. Ngày 31-3-1968, Tổng thống Giôn-xơn lên vô tuyến truyền hình tuyên bố đơn phương chấm dứt ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, đề nghị ta đàm phán và quyết định sẽ không ra tranh cử nhiệm kỳ II.

Đối với ta, nếu nhận đàm phán ngay là quá sớm vì phía Mỹ vẫn chưa đáp ứng điều kiện của ta là phải chấm dứt hoàn toàn và vô điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác, nhưng nếu bác bỏ đề nghị của Giôn-xơn thì không tranh thủ được dư luận Mỹ và thế giới. Do đó, ngày 3-4-1968, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Hoa Kỳ để ***xác định việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện.*** Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam là một đòn tấn công ngoại giao chủ động, đúng lúc, tỏ rõ thiện chí của ta nhưng vẫn giữ vững lập trường nguyên tắc là Mỹ phải chấm dứt ném bom hoàn toàn và vô điều kiện. Tuyên bố đã mở ra cục diện "vừa đánh, vừa đàm" như tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 13.

Ngày 13-5-1968, phiên họp đầu tiên giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Hoa Kỳ khai mạc tại Pa-ri. Cuộc đàm phán này diễn ra vừa công khai, vừa bí mật. Công khai để đấu lý nhằm tranh thủ dư luận; bí mật nhằm mặc cả để đi đến thỏa thuận. Do Mỹ không thể bác bỏ lập trường hợp tình, hợp lý của ta, lại bị dư luận thúc ép, nhất là khi bầu cử Tổng thống Mỹ sắp đến, cuối cùng Mỹ chỉ nêu ra một yêu cầu là sau khi chấm dứt ném bom phải "nói chuyện nghiêm chỉnh", tức là có thêm đại diện của chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia đàm phán.

Ngày 27-10-1968, hai bên đã thỏa thuận được tất cả các vấn đề và ngày 31-10-1968, Giôn-xơn ra lệnh chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc. Sự kiện ta buộc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác là một thắng lợi ngoại giao lớn góp phần vào việc tăng cường sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước đi tiếp theo của cách mạng miền Nam.

Kiên quyết nhưng uyển chuyển bên bàn Hội nghị

Hội nghị Pa-ri bốn bên bắt đầu họp trong bối cảnh khá phức tạp. Ở Mỹ, chính quyền

Digitized by Google

Ních-xơn của Đảng Cộng hòa đã thay thế Đảng Dân chủ, chủ trương tiến hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm rút dần quân Mỹ mà vẫn giữ được ngụy quyền. Do đó, Mỹ chưa vội đi đến thỏa hiệp. Về phía ta, trên chiến trường, đặc biệt là sau Tết Mậu Thân (1968) lực lượng của ta bị tổn thất nặng, bộ đội chủ lực mất chỗ đứng chân, phải chuyển ra ngoài biên giới, thế tiến công yếu đi, phong trào cách mạng ở đồng bằng bị thất thế (1). Do đó, nhiệm vụ của ngoại giao lúc này là vừa phải đấu tranh vạch trần luận điệu hòa bình giả dối của địch, vừa phải liên tục đưa ra những đề nghị mới nhằm duy trì cục diện "vừa đánh, vừa đàm" để hỗ trợ cho chiến trường.

Bắt đầu từ tháng 2-1970, ta và Mỹ mở diễn đàn mới là các cuộc họp bí mật giữa đồng chí Lê Đức Thọ (và Bộ trưởng Xuân Thủy) với Hen-ri Kít-xinh-giơ - cố vấn an ninh của Tổng thống Mỹ. Đây là một đặc điểm của Hội nghị Pa-ri về Việt Nam. Vừa họp 4 bên, vừa họp 2 bên. Họp 4 bên là công khai để tố cáo, thăm dò lẫn nhau. Họp 2 bên chỉ giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa với Hoa Kỳ là bí mật nhằm thương thảo các vấn đề thực chất làm nội dung cơ bản cho việc đi đến một hiệp định chung. Trong các cuộc hội đàm bí mật này, ta đã đấu tranh rất gay gắt nhưng có lý, có tình, cuối cùng Mỹ phải chấp nhận:

- *Một là,* các lĩnh vực Hiệp định cần giải quyết. Lúc đầu, phía Mỹ chủ trương chỉ giải quyết vấn đề quân sự. Ta đã bác bỏ kế hoạch này. Kế hoạch của ta là giải quyết cả vấn đề quân sự và vấn đề chính trị tức là chấm dứt chiến tranh, Mỹ rút quân, đồng thời thiết lập ở miền Nam một chính phủ hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập và Thiệu phải từ chức. Tháng 10-1972, theo chủ trương mới của Bộ Chính trị, ta đưa ra dự thảo Hiệp định để chấm dứt chiến tranh với một kế hoạch hoàn chỉnh bao gồm cả phần quân sự và phần chính trị nhưng tạm thời ta không đòi Thiệu từ chức.

- *Hai là,* vấn đề rút quân Mỹ. Kế hoạch của ta là dù đánh hay đàm đều phải đạt cho được việc Mỹ rút quân. Lúc đầu Kít-xinh-giơ nêu nguyên tắc có đi có lại, tức là Mỹ rút thì quân đội Bắc Việt Nam cũng phải rút. Lập trường của ta là "bất cứ người Việt Nam nào cũng có quyền chiến đấu chống quân xâm lược trên lãnh thổ Việt Nam". Sau ta nêu công thức để ghi vào Hiệp định là "vấn đề các lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên ở miền Nam Việt Nam bàn bạc giải quyết". Hoa Kỳ một mặt yêu cầu rút quân Mỹ theo chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, mặt khác trên thực tế không thể đòi quân miền Bắc rút được và phải chống đỡ với sức ép của dư luận. Mỹ quay sang chiến thuật rút quân nhỏ giọt và không đề ra thời hạn để rút hết quân Mỹ. Ta tấn công thêm bằng việc gắn vấn đề thả tù binh Mỹ (việc thả tù binh Mỹ sẽ kết thúc cùng ngày với việc rút hết quân Mỹ). Sức ép của dư luận Mỹ đối với Ních-xơn tiếp tục tăng lên cho đến khi có giải pháp toàn bộ về vấn đề Việt Nam.

- *Ba là,* vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Kế hoạch của Mỹ là làm sao rút được quân Mỹ nhưng đồng thời vẫn giữ được chính quyền Thiệu trong một "thời gian vừa phải". Nắm được ý đồ đó của Mỹ, trong dự thảo Hiệp định ngày 8-10-1972, để thúc đẩy nhanh Mỹ rút quân và đi đến ký kết Hiệp định, ta đồng ý duy trì ở miền Nam Việt Nam chính quyền Sài Gòn trong một thời gian để cùng Chính phủ cách mạng lâm thời thành lập một "cơ cấu chính quyền" có tên là "Hội đồng tối cao hòa hợp dân tộc" có nhiệm vụ "đôn đốc" và giám sát việc thi hành Hiệp định. Phía Mỹ không đồng ý từ "cơ cấu chính quyền" và từ "đôn đốc". Cuối cùng ta đồng ý bỏ từ "cơ cấu chính quyền" và thay vào đó thành lập ngay

(1) Xem: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 92

Digitized by Google

Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ta vẫn giữ từ "đôn đốc", còn Mỹ dùng từ "thúc đẩy".

- *Bốn là,* vấn đề tù dân sự. Trong đàm phán, đồng chí Lê Đức Thọ nói rõ là phía Việt Nam sẽ trao trả hết tù binh Mỹ và tù binh Sài Gòn. Kít-xinh-giơ lại tách vấn đề tù binh và vấn đề tù dân sự. Âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là không muốn trao trả hết cán bộ của ta còn bị giam giữ. Ta kiên quyết chống lại âm mưu này. Sau nhiều phiên đấu tranh căng thẳng, cuối cùng Mỹ phải cam kết dùng ảnh hưởng tối đa của mình để thúc đẩy việc trao trả tất cả những người bị giam giữ trong vòng 60 ngày sau khi Hiệp định được ký kết.

- *Năm là,* vấn đề khu phi quân sự. Ta và Mỹ đều muốn duy trì khu phi quân sự. Ta chỉ muốn khu phi quân sự là giới tuyến tạm thời. Còn Mỹ muốn duy trì khu phi quân sự làm giới tuyến không cho quân đội miền Bắc thâm nhập vào Nam. Đồng chí Lê Đức Thọ đề nghị hai bên quy định việc qua lại giới tuyến tạm thời. Kít-xinh-giơ cho rằng cần quy định "việc đi lại dân sự". Đến phút chót, hai bên thỏa thuận ghi: "Trong các vấn đề thương lượng (giữa hai miền) có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời".

- *Sáu là,* việc Mỹ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh. Phía Mỹ không đồng ý có một nghị định thư về vấn đề này và nói sẽ nêu vấn đề này trong một công hàm riêng của Tổng thống Ních-xơn gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Trong dự thảo công hàm, lúc đầu Ních-xơn ghi số tiền đóng góp là 3 tỉ USD, ta đấu tranh là 4,5 tỉ USD. Cuối cùng trong công hàm chính thức, Ních-xơn ghi 3,25 tỉ USD.

Hiệp định Pa-ri được ký kết

Tiếp theo những thắng lợi trong các mùa khô (1969 - 1970 và 1970 - 1971), trên chiến trường, ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972 trên ba hướng: Trị Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ với hướng chủ yếu là Đường 9 - Trị Thiên khiến Mỹ - ngụy hoàn toàn bất ngờ, bị sụp đổ từng mảng, suy yếu nghiêm trọng. Đặc biệt, lần đầu tiên ta giải phóng một tỉnh là Quảng Trị, một thị trấn là Lộc Ninh, đã đập tan ảo tưởng của Mỹ vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Trong tình hình mới, ngày 1-6-1972 Bộ Chính trị đã quyết định chuyển hướng từ ***chiến lược chiến tranh*** sang ***chiến lược hòa bình.***

Thực hiện chủ trương chiến lược trên, ta đã chủ động đưa ra dự thảo Hiệp định nhằm buộc Mỹ đi đến ký kết Hiệp định chính thức, có ngừng bắn tại chỗ, rút quân Mỹ và thả tù binh. Theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, ta tạm thời gác một số yêu cầu khác thuộc vấn đề nội bộ miền Nam như không buộc Thiệu từ chức, v.v...

Sau 12 ngày thảo luận, ngày 20-10-1972, phía Mỹ đã cùng ta thỏa thuận được một Hiệp định trên cơ sở dự thảo Hiệp định của ta đưa cho Mỹ.

Nhưng trước thái độ lật lọng quá rõ ràng của Ních-xơn, ngày 26-10-1972, Chính phủ ta công bố công khai các cuộc họp riêng Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ và Hiệp định hai bên đã đạt được ngày 20-10-1972, đồng thời tố cáo Mỹ trì hoãn việc ký kết và kéo dài chiến tranh. Đợt đấu tranh này có tiếng vang lớn trong dư luận thế giới. Phe đối lập và nhiều nhân vật tên tuổi ở Mỹ đòi Ních-xơn phải ký Hiệp định, không để Thiệu phá. Kít-xinh-giơ phải trấn an dư luận bằng việc tuyên bố: "Hòa bình đã trong tầm tay".

Ngày 20-11-1972, cuộc họp giữa đồng chí Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ được nối lại. Đi vào giai đoạn đàm phán này, hai bên đã có một cơ sở chung là văn bản Hiệp định ngày 20-10-1972. Ta có thế mạnh và thuận lợi hơn từ sau Tuyên bố 26-10. Dư luận đồng tình và ủng hộ ta, đòi Mỹ sớm ký Hiệp định.

Digitized by Google

Chủ trương của ta trong đàm phán là giữ vững những vấn đề nguyên tắc và nội dung đã đạt được trong thỏa thuận 20-10, đòi Mỹ không được sửa đổi. Từ lâu Mỹ đã dùng chiêu bài "thể thức" hoặc "trao đổi" với Sài Gòn để kéo dài đàm phán. Phía Mỹ cho rằng sau bầu cử Tổng thống, Ních-xơn ở thế mạnh nên tìm cách sửa đổi nội dung Hiệp định, lật ngược lại toàn bộ những vấn đề về thực chất, đặc biệt Mỹ nêu lại những yêu sách đòi rút quân miền Bắc, đòi hủy điều khoản về "hai chính quyền, hai quân đội... ở miền Nam Việt Nam". Đồng thời, Mỹ dùng thủ đoạn đe dọa với ý đồ phá đàm phán. Do quan điểm hai bên còn xa nhau nên đã thỏa thuận ngừng các cuộc họp chính thức. Và ngày 18-12-1972, Mỹ bắt đầu cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 trong suốt 12 ngày đêm xuống Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác.

Sau khi bị thất bại trong cuộc tập kích này, ngày 27-12-1972 Mỹ gửi công hàm đề nghị gặp chuyên viên hai bên vào ngày 2-1-1973 và gặp chính thức vào ngày 8-1-1973 trên cơ sở các thỏa thuận đã đạt được ngày 20-10-1972 và những bổ sung sau đó. Đợt đàm phán chính thức này cũng là đợt đàm phán cuối cùng kéo dài 15 ngày. Ngày 23-1-1973, hai bên đạt được thỏa thuận và ký tắt Hiệp định. Ngày 27-1-1973 Hiệp định Pa-ri về Việt Nam đã được Bộ trưởng Ngoại giao 4 bên ký chính thức.

Như vậy, với việc ký kết Hiệp định Pa-ri, nền độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta đã được quốc tế công nhận, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam khi quân Mỹ phải rút và quân đội miền Bắc Việt Nam vẫn tiếp tục ở lại. Hiệp định công nhận các vấn đề của miền Nam Việt Nam sẽ do nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết. Các điều khoản pháp lý ấy đã tạo cho ta điều kiện để thực hiện sớm chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Từ Hiệp định Pa-ri đến chiến thắng năm 1975

Đạt được một Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình là điều rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là phải tiếp tục đấu tranh để bảo đảm Hiệp định được thực hiện. Rút kinh nghiệm của việc thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, ta đã chủ động và tích cực đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định. Cuộc đấu tranh không kém phần quyết liệt, không chỉ trên diễn đàn báo chí mà cả trong lòng địch, khi các nhà ngoại giao của cả Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam phải đối đầu với sự bao vây, phong tỏa của địch và cả những đe dọa đối với tính mạng bản thân.

Đi đôi với việc đấu tranh đòi Mỹ thực hiện Hiệp định, ta đã nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ và cảm tình của nhân dân thế giới, tranh thủ sự chi viện của bạn bè và mở rộng quan hệ ngoại giao với tất cả các nước để tạo nên một sự hậu thuẫn vững chắc. Chỉ trong thời gian hai năm, kể từ khi ký Hiệp định đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 30 nước. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng được nhiều nước công nhận và điều đặc biệt quan trọng là đã trở thành thành viên chính thức của Phong trào không liên kết.

Đi đôi với các hoạt động trên, ta tiếp tục từng ngày từng giờ theo dõi tình hình nội bộ Mỹ và khả năng Mỹ can thiệp trở lại. Chiến tranh Việt Nam đã khoét sâu mâu thuẫn giữa Quốc hội Mỹ và chính quyền Ních-xơn. Quốc hội Mỹ đã bác bỏ đề nghị của Ních-xơn cung cấp thêm ngân sách cho cuộc chiến tranh Việt Nam, thông qua đạo luật hạn chế quyền tiến hành chiến tranh của Tổng thống và cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn từ 2 tỉ USD năm 1972 còn 700 triệu USD năm 1974.

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

PHÚ THỌ VỚI GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG - LỄ HỘI ĐỀN HÙNG NĂM 2005

NGUYỄN HỮU ĐIỂN *

PHÚ Thọ là một vùng đất có bề dày truyền thống văn hiến. Cách đây mấy ngàn năm, Vua Hùng đã chọn vùng đất này làm kinh đô của nước Văn Lang, Nhà nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Khu di tích lịch sử Đền Hùng - nơi thờ các Vua Hùng, Tổ tiên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, hằng năm, vào dịp Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng (ngày 10-3 âm lịch), thu hút hàng triệu con cháu Lạc Hồng về thăm viếng. Thờ cúng các Vua Hùng mang một ý nghĩa thiêng liêng cao cả, hướng về cội nguồn dân tộc để tưởng nhớ những người có công trong việc tạo dựng non sông đất nước.

Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng từ lâu đã trở thành ý niệm hết sức thiêng liêng của dân tộc, bởi lẽ nó là một thực thể văn hóa mang ý nghĩa điểm tựa tâm linh, điểm hội tụ tinh thần đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nét độc đáo ở đây chính là ngày *giỗ* đã được tổ chức thành *hội,* và không chỉ là ngày hội của một vùng mà là ngày hội của cả nước. Trước đây, các triều đại phong kiến Việt Nam nối tiếp nhau tôn vinh các Vua Hùng và khu di tích lịch sử Đền Hùng, đặc biệt triều đại nhà Nguyễn đã định ra năm lẻ, năm chẵn để tổ chức giỗ thường, giỗ chính với các quy định cụ thể và nghi thức hành lễ. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trong kỳ tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cụ Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước đã về dự lễ Giỗ Tổ, có dâng lên tấm bản đồ Việt Nam và thanh kiếm cáo yết với Tổ tiên ý chí quyết tâm giữ nền độc lập, tự do, thống nhất đất nước của toàn thể dân tộc ta, nhân dân ta. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 19-9-1954, Bác Hồ kính yêu đã về thăm Đền Hùng, gặp gỡ và giao nhiệm vụ cho Đại đoàn quân tiên phong trước khi Đại đoàn về tiếp quản Thủ đô, Người căn dặn: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Hơn nửa thế kỷ qua, lời dạy bất hủ của Bác luôn vang vọng non sông, thấm sâu vào lòng người Việt Nam và mỗi người dân đất Tổ, trở thành hành trang, động lực và sức mạnh to lớn của toàn dân tộc.

Từ ngàn đời nay, Đền Hùng là đền thờ Tổ của dân tộc ta; là nơi tưởng nhớ tôn vinh công lao các Vua Hùng, là biểu tượng của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Giỗ Tổ Hùng Vương hằng năm là ngày lễ lớn của dân tộc, nhằm giáo dục truyền thống yêu nước "Uống nước nhớ nguồn", biết ơn sâu sắc các Vua Hùng đã có công dựng nước, cũng như sự hy sinh anh dũng và đấu tranh kiên cường bảo vệ

* Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ

Digitized by Google

Tổ quốc của các thế hệ ông cha qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời khích lệ lòng tự hào của dân tộc Việt Nam, tình yêu quê hương đất nước để mỗi người dân đều ra sức phấn đấu xây dựng Tổ quốc ngày càng phát triển phồn thịnh.

Những năm gần đây, tỉnh Phú Thọ tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng đúng với tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị về tổ chức các ngày lễ lớn của dân tộc với quy mô ngày càng lớn, không gian địa điểm ngày càng mở rộng, đáp ứng một phần nguyện vọng của đồng bào cả nước. Năm 2005 là năm tròn, theo quy định tại Nghị định số 82/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 6-11-2001, quy mô tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương ở cấp quốc gia. Nhận thức rõ ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của ngày quốc lễ, tỉnh Phú Thọ đã khẩn trương, tích cực và có nhiều biện pháp tập trung nhân tài vật lực, chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết, bảo đảm tổ chức ngày Giỗ Tổ thành công.

Với trách nhiệm của một tỉnh được vinh dự trông coi đền miếu Tổ tiên, lại được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, sự ủng hộ, động viên, khích lệ của đồng bào cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài, Phú Thọ đã làm hết sức mình để Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005 đạt mục tiêu trọng thể, hoành tráng, mang đậm bản sắc dân tộc, để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng mỗi người dân đất Việt. Có thể nói, Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005 đã có nhiều điểm mới và nổi bật hơn so với những năm trước.

Thứ nhất, quy mô tổ chức lớn nhất từ trước tới nay. Không gian tổ chức được kéo dài từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đến thành phố Việt Trì và các xã vùng ven khu di tích. Thời gian tổ chức theo Quyết định số 959/QĐ-TTg, ngày 3-9-2004 của Thủ tướng Chính phủ là 5 ngày, từ ngày 14 đến ngày 18-4-2005 (ngày 6 đến ngày10-3 âm lịch).

Thứ hai, nội dung tổ chức hết sức phong phú và đa dạng. Phần lễ được tổ chức trang nghiêm, có sử dụng nhạc lễ mới do Hội đồng thẩm định nhạc lễ quốc gia trình Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định. *Phần hội* phong phú, hoành tráng, lần đầu tiên Lễ hội Đền Hùng được đón nhiều đoàn nghệ thuật trong nước và quốc tế đến biểu diễn, giao lưu văn hóa. Trong lễ hội có 3 đoàn nghệ thuật nước ngoài là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc tham gia, 10 đoàn nghệ thuật quần chúng tiêu biểu của các tỉnh đồng bằng, trung du, miền núi phía Bắc, 7 phường múa rối nước của các tỉnh có truyền thống về biểu diễn phục vụ đồng bào. Sự kết hợp giữa nghệ thuật quần chúng đa dạng với các đội nghệ thuật chuyên nghiệp trong và ngoài nước có ý nghĩa sâu sắc, nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp và từng bước xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố lễ hội trong những năm tới. Trại sáng tác điêu khắc quốc tế với chủ đề "Ấn tượng Đất Tổ Hùng Vương" khai mạc từ ngày 12-3-2005 đã có 31 nhà điêu khắc trong nước và quốc tế tham gia. Đặc biệt Giỗ Tổ năm nay, Lễ khai mạc được tổ chức vào tối ngày 6-3 âm lịch tại sân vận động thành phố Việt Trì có quy mô hoành tráng, ấn tượng và linh thiêng, chương trình khai mạc được sân khấu hóa mang tính sử thi với sự tham gia của 2.500 nghệ sĩ, diễn viên của các đoàn ở trung ương và tỉnh Phú Thọ, có chủ đề "Linh diệu muôn đời đất Tổ Hùng Vương". Lễ bế mạc vào tối ngày 10-3 âm lịch với nhiều hoạt động văn hóa dân tộc hiện đại đặc sắc tại khu vực sân khấu nổi Đầm Cả. Đây là lễ hội quy mô tổ chức lớn nhất từ trước đến nay với nhiều chương trình hoạt động phong phú, hấp dẫn đáp ứng được lòng mong đợi của đồng bào cả nước.

Điều quan trọng là, *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005 đã tôn vinh nền văn hóa dân tộc, khẳng định vị trí và ý nghĩa to lớn*

Digitized by Google

của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày quốc lễ của dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước, biết ơn sâu sắc các vua Hùng và các bậc tiền nhân đã có công dựng nước và giữ nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thông qua Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng để từng bước xây dựng khu di tích lịch sử Đền Hùng, thành phố Việt Trì trở thành trung tâm văn hóa, trung tâm lễ hội trở về cội nguồn của dân tộc Việt Nam; thúc đẩy các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại phát triển; thực hiện Chương trình quốc gia về du lịch, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên đất Tổ theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, nâng cao năng lực quản lý của các ngành, các cấp trong việc tổ chức Lễ hội Đền Hùng và tổ chức các hoạt động lễ hội khác. Từ Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005, chúng ta đã rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc huy động, quy tụ và phát huy tài năng, trí tuệ của đông đảo văn nghệ sỹ, diễn viên, kỹ thuật viên có tính chuyên nghiệp và trình độ cao trong tỉnh, cả nước và nước ngoài tham gia. Đặc biệt là việc huy động sự tham gia đông đảo của cộng đồng dân cư vào các hoạt động văn nghệ dân gian và xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh.

Đến với Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng trang trọng, hoành tráng, nhân dân nô nức, phấn khởi như hôm nay, bên cạnh sự chuẩn bị tích cực, khẩn trương, chu đáo, thời gian qua Phú Thọ còn ra sức phấn đấu về mọi mặt để không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tỉnh đã hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh. Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, kinh tế - xã hội của tỉnh có bước tiến mới, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, khả năng quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội tiếp tục được đổi mới. Chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra đã đạt và vượt: GDP tăng bình quân 9,7%/năm. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng 7,7%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 14,7%/năm, giá trị các ngành dịch vụ tăng 13,7%/năm. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Các chỉ tiêu thu ngân sách, huy động vốn đầu tư đạt cao. Văn hóa, xã hội có những chuyển biến tích cực, sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa; sự nghiệp y tế và chăm sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, các hoạt động văn hóa - thể thao diễn ra sôi nổi. Tỉnh đã hoàn thành 5 mục tiêu cơ bản là: đường giao thông đã đến 100% trung tâm xã, 100% xã có máy điện thoại, 100% số xã có Đài truyền thanh, 100% xã có điện lưới quốc gia và là tỉnh sớm đạt phổ cập trung học cơ sở. Các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 7,1%. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng đi vào chiều sâu. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và các khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện ngày càng vững chắc. Chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh không ngừng được nâng cao, đủ sức làm nòng cốt trong đấu tranh phòng, chống và làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên vùng đất Tổ linh thiêng. Những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Phú Thọ, góp phần làm cho ngày Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội

Digitized by Google

Đền Hùng hôm nay thêm phong phú, hoành tráng, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thành công và âm vang của Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005 sẽ có sức mạnh to lớn động viên, thôi thúc những người con đất Tổ tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi thử thách, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Đất Tổ tiếp tục thực hiện lời dạy của Bác Hồ: *Dựng nước phải đi đôi với giữ nước;* tập trung đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình việc làm, đào tạo nghề và chương trình xóa đói giảm nghèo, hoàn thành chỉ tiêu xóa nhà tạm. Phát triển các loại hình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, truyền nghề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xuất khẩu lao động. Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi người có công, đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Chăm sóc tốt người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là trẻ em, người già và nạn nhân nhiễm chất độc da cam. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục quốc phòng, nâng cao ý thức cảnh giác cho các tầng lớp nhân dân về âm mưu"diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự nhất trí cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình và định hướng tư tưởng trong nhân dân, duy trì việc phát hành tài liệu, cung cấp thông tin về cơ sở, tăng cường thông tin thời sự, quan tâm nhiều hơn đến khu vực miền núi, vùng sâu, dân tộc ít người.

Tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX). Đẩy mạnh các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, mừng thọ". Phát triển sự nghiệp văn hóa, văn học, văn nghệ, báo chí, phát thanh - truyền hình, góp phần bồi dưỡng con người đất Tổ cả về trí tuệ, tâm hồn, tình cảm, lối sống, nhân cách cao đẹp. Quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, di tích văn hóa, di tích cách mạng kháng chiến, danh lam thắng cảnh... Đẩy mạnh xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống, nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng con người của quê hương đất Tổ trong thời kỳ đổi mới; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là cộng đồng dân cư, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tìm ra những giải pháp mới để tạo bước đột phá trong phát triển đồng bộ giữa văn hóa, kinh tế và xã hội, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần cho cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

Phú Thọ có 21 dân tộc anh em cùng sinh sống. Những điều kiện lịch sử, tự nhiên, xã hội đã tạo cho tỉnh có đời sống văn hóa phong phú, đặc sắc và mang đặc trưng của văn hóa vùng đất Tổ. Hiện toàn tỉnh có trên 200 di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng kháng chiến, danh lam thắng cảnh được Bộ Văn hóa - Thông tin và tỉnh xếp hạng bảo vệ, trong đó có nhiều di tích quý giá: Khu di tích lịch sử Đền Hùng, đền Mẫu Âu Cơ, đình Lâu Thượng, Hùng Lô, Đào Xá, chùa Phúc Khánh, Xuân Lũng; các di tích cách mạng kháng chiến: Chiến khu Hiền Lương (Hạ Hòa), Vạn Thắng (Cẩm Khê), tượng đài Chiến thắng Sông Lô (Đoan Hùng), Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở xã Cổ Tiết (Tam Nông), Chu Hóa (Lâm Thao). Phú Thọ cũng là miền đất có

Digitized by Google

nhiều lễ hội mang tính giáo dục truyền thống đạo lý dân tộc "Uống nước nhớ nguồn", tôn vinh những người có công dựng nước, giữ nước như: Lễ hội Đền Hùng, Hội phết - Hiền Quan, hội làng Đào Xá...; đồng thời, là nôi của nhiều trò dân gian và làn điệu dân ca, đặc biệt là hát Xoan, hát Ghẹo giàu tính nhân văn, mang nét đặc sắc của vùng đất Tổ. Để giữ gìn và phát huy những bản sắc đó, trong những năm tới, tỉnh sẽ chọn lọc, dàn dựng, giới thiệu với đồng bào về dự Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng các năm tiếp theo nhằm xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố Lễ hội trong tuyến du lịch về cội nguồn của cả nước.

Những ngày Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng hôm nay, con cháu Lạc Hồng về thăm viếng, thắp hương mộ Tổ chẳng những là để biết ơn đối với Tổ tiên, thể hiện tình cảm cộng đồng dân tộc, mà còn khẳng định tinh thần làm chủ đất nước, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành công của Lễ hội Đền Hùng sẽ tạo âm vang lớn, sâu rộng, lan tỏa trong lòng mỗi người con đất Tổ, đồng bào cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài.

Sau Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Thọ sẽ tiếp tục dồn tâm huyết, trí tuệ, công sức, của cải cho việc bảo vệ, tu bổ, tôn tạo các công trình, giữ gìn và phát triển cảnh quan, môi trường khu Đền Hùng ngày càng khang trang, bề thế. Tích cực triển khai có hiệu quả dự án xây dựng khu di tích lịch sử Đền Hùng đến năm 2015, tiến hành nghiên cứu, xây dựng khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng, để Đền Hùng trở thành *di tích kép*, tưởng niệm các bậc tiền nhân của hai thời đại tiêu biểu nhất của lịch sử dân tộc. Đó là: *Thời đại Hùng Vương dựng nước - Thời đại Hồ Chí Minh giữ nước.* ❑

MẶT TRẬN NGOẠI GIAO...

(Tiếp theo trang 34)

Do vụ Oa-tơ-ghết, Ních-xơn buộc phải từ chức và G. Pho lên thay.

Những diễn biến rất thuận lợi trong tình hình quốc tế lúc đó cho thấy, Mỹ khó có khả năng can thiệp trở lại. Thực tế là khi cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 nổ ra, G. Pho đã cử tướng Ph. Uây-en, Tham mưu trưởng lục quân sang Việt Nam đánh giá tình hình. Uây-en đề nghị ném bom B52 trở lại và cung cấp 722 triệu USD viện trợ cho chính quyền Sài Gòn. G. Pho đã bác bỏ đề nghị này và tuyên bố "đối với Mỹ, chiến tranh đã kết thúc".

Sau khi miền Nam Việt Nam được giải phóng, tại một cuộc họp báo, một nhà báo hỏi Kít-xinh-giơ là liệu ông ta có tiếp tục gặp Lê Đức Thọ nữa hay không, Kit-xinh-giơ nói thề cạch đến già không bao giờ gặp Lê Đức Thọ nữa. Tuy vậy, trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, Mỹ vẫn còn tìm cách vớt vát tình hình bằng cách vận động Liên Xô và Trung Quốc họp lại Hội nghị quốc tế Pa-ri để bàn về ngừng bắn. Ta đã làm thất bại ngay ý đồ này của Mỹ.

*

* *

Sau 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, ngoại giao Việt Nam có thể tự hào về vai trò là một mặt trận quan trọng trong ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao, đã thực hiện tốt chiến lược, sách lược của Đảng trong cuộc cách mạng của toàn dân ta nhằm đưa giang sơn về một mối, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Còn nhớ sáng 30-4-1975, đưa tin về việc ta giải phóng Sài Gòn, phóng viên của Hãng thông tấn AFP (Pháp) đã bình luận: "Hôm nay nhân dân Việt Nam là người hạnh phúc nhất thế giới".❑

Digitized by Google

Kế nghiệp tổ tiên cùng nhau dựng nước và giữ nước

DƯƠNG TRUNG QUỐC *

1 - "Các Vua Hùng có công dựng nước"

Từ xa xưa trong tâm thức của người dân Việt luôn âm vang một câu ca : *"Dù ai đi ngược về xuôi" - " Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba"* để nhắc nhở về cội nguồn và đạo lý thủy chung phù hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên lâu đời và bền vững của dân tộc Việt Nam.

Đức vua Lê Thái Tổ sau khi đã giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ 20 năm của phương Bắc, khẳng định nền tự chủ và văn hiến Đại Việt đã tuyên ngôn về lòng tự tôn dân tộc bằng nguyên lý : *Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tổ, ví như nước và cây phải có gốc nguồn... Vì rằng gốc có vượng thì lá mới tốt, nguồn có sâu thì dòng mới dài, nếu không có nhân ân của đời trước bồi đắp dày dặn, phúc trạch đời trước chung đúc lớn lao, thì làm sao lại có thể được như (ngày nay) vậy"* (Lời tựa sách "Lam Sơn thực lục").

Câu ca dân gian và tư tưởng của người anh hùng dân tộc, người đã được nhà yêu nước Phan Bội Châu tôn làm "vị tổ trung hưng thứ hai của dân tộc Việt Nam ta"(sau đức Ngô Vương Quyền) đã biến những nhân vật huyền thoại và một hệ thống truyền thuyết về một vị thủy tổ của dân tộc, những thế hệ đặt nền móng cho một quốc gia trở thành một hiện thực gần gũi đối với mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng qua những nghi thức của tập quán thờ cúng tổ tiên.

Bộ sử đầu tiên của nhà Lê đã ghi rõ một quan điểm nhìn nhận về nguồn gốc dân tộc: *"Sử để ghi chép việc, mà việc hay hay dở dùng làm gương răn cho đời sau... Nước Đại Việt ta ở phía Nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã chia vạch Nam Bắc. Thủy tổ ta ra tự con cháu Thần Nông thị. Thế là Trời đã sinh ra chân chúa. Vì thế mới cùng Bắc triều đều làm chủ một phương."* (Ngô Sĩ Liên - Đại Việt sử ký toàn thư).

Trong "Bình Ngô đại cáo" Ức Trai Nguyễn Trãi lại khẳng định hùng hồn hơn nữa bằng áng hùng văn rung động lòng người: *"Như nước Đại Việt ta thuở trước - Vốn xưng nền văn hiến đã lâu - Núi sông, bờ cõi đã chia - Phong tục Bắc Nam cũng khác...".*

Các nhà khoa học đã và đang góp sức tìm tòi, nghiên cứu về tính hiện thực của Hùng Vương và thời đại các vua Hùng để lý giải được một cách xác đáng và thuyết phục lịch sử hình thành dân tộc Việt Nam. Đó cũng chính là nền tảng cho lòng tự hào về một dân tộc có cội nguồn, có bản sắc riêng về văn hóa và có chủ quyền trong mối quan hệ với các cộng đồng - quốc gia gần cận. Thành tựu của các giới khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là với các cuộc khai quật khảo cổ học, các phát hiện sưu tầm văn học dân gian... càng ngày tri thức về lịch sử quá trình hình thành dân tộc Việt Nam càng hoàn chỉnh và thuyết phục.

* Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam

Digitized by Google

Từ những phát hiện dấu tích người vượn ở Thẩm Khuyên (Lạng Sơn), đến di chỉ Núi Đọ (Thanh Hóa), Hang Gòn (Đồng Nai), Dàu Giây (Bình Phước), Tấn Mài (Quảng Ninh)... đã khẳng định sự có mặt của buổi bình minh xuất hiện loài người trên lãnh thổ nước ta hiện tại. Với những phát hiện khảo cổ học, lần lượt các nền văn hóa tiêu biểu cho tiến trình phát triển của xã hội loài người đã khẳng định tính liên tục của sự hình thành cộng đồng cư dân sinh tồn ngay trên lãnh thổ Việt Nam hiện tại qua các thời. Văn hóa Sơn Vi (hậu kỳ đồ đá cũ); Văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn (sơ kỳ đồ đá mới); Văn hóa Phùng Nguyên với dấu ấn đậm nét của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước xuất hiện ở khắp địa bàn đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Cho đến các Văn hóa Đồng Đậu, Gò Mun (trung và hậu kỳ thời đại đồng thau)... đã phản ánh những bước phát triển của trình độ tổ chức xã hội đủ cơ sở để vào thời điểm phát triển rực rỡ của Văn hóa Đông Sơn (sơ kỳ đồ sắt), nhà nước Văn Lang gắn liền với thời đại các Vua Hùng đã hình thành, khởi đầu cho sự ra đời của một dân tộc - quốc gia.

Cứ như bộ sách sử xưa nhất còn lại, Việt Sử Lược chép thì vào thời đại tương đương với Trang Vương nhà Chu (Trung Quốc, 696 - 681 trước công nguyên), xuất hiện người xưng *"là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, lấy hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu... truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương"*. Khảo cổ học còn tiếp tục phát hiện ra những Văn hóa Sa Huỳnh, Óc Eo... ở phương Nam để hoàn chỉnh từng bước tri thức về tính bản địa và tính liên tục của tiến trình hình thành dân tộc trên toàn bộ lãnh thổ của nước Việt Nam hiện đại.

Trải suốt thời Lê, qua thời Tây Sơn ngắn ngủi, rồi thời Nguyễn đầy thách thức bởi họa xâm lược của thực dân phương Tây, tâm thức về các vua Hùng cùng niềm tự hào về một quốc gia văn hiến tự cường vẫn được các triều đại và nhân dân gìn giữ như một nguồn lực tinh thần to lớn. Triều đình ban sắc phong và nhân dân, đặc biệt ở các làng xã tôn làm thành hoàng các nhân vật trong hệ thống các truyền thuyết liên quan đến thời các Vua Hùng dựng nước; những truyền thuyết dân gian nhằm củng cố nhận thức về nguồn gốc dân tộc (Cha rồng, Mẹ tiên) truyền thống chống ngoại xâm (Thánh Gióng) truyền thống lao động, đấu tranh với thiên nhiên (Mai An Tiêm, Sơn tinh - Thủy tinh, Bánh chưng - Bánh dày...) đã mãi tạo dựng trong tiềm thức mọi người dân Việt Nam về một thời đại các Vua Hùng dựng nước.

2 - "Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"

Vào thời điểm khẩn trương cho công cuộc vận động giải phóng dân tộc nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã nhắc nhở một nguyên lý quan trọng để tìm thấy sức mạnh của toàn dân cho một cuộc nổi dậy sắp đến: *"Dân ta phải biết sử ta - Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"* (Lịch sử nước ta).

Vào đêm hôm trước của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, các tổ chức yêu nước và cách mạng trong giới thanh niên và sinh viên Hà Nội đã tập hợp lực lượng bằng một cái lễ Giỗ Tổ Hùng Vương ở Khu Việt Nam học xá. Cách mạng Tháng Tám mới thành công, vị Chủ tịch nước Việt Nam độc lập đã yêu cầu Bộ Tuyên truyền ra thông tri cho cả nước tổ chức Giỗ đức Thánh Trần (Hưng Đạo đại vương). Và nhân Ngày Giỗ Tổ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập các nghi thức truyền thống vẫn được duy trì và tổ chức trọng thể ngay tại Thủ đô. Sau đó, Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước thay mặt

Digitized by Google

Chính phủ đã lên Đền Hùng (Phú Thọ) và dâng lên Tổ Tiên tấm bản đồ non sông gấm vóc Việt Nam giờ đây đã trở thành một quốc gia tự chủ và một thanh kiếm để thể hiện ý chí của toàn dân quyết giữ vững nền độc lập non trẻ của Tổ quốc.

Chính vào thời điểm lịch sử đầy thử thách này, lòng tự hào về truyền thống lịch sử đã trở thành một nguồn lực tinh thần mạnh mẽ cho cả dân tộc bước vào sự nghiệp giữ nước. Giáo sư sử học Trần Văn Giàu viết:

"... Vào bất kỳ lúc nào, hễ giặc mạnh xâm phạm biên cương của Tổ quốc thì người chiến đấu bảo vệ non sông đều nhất luật huy động lịch sử nhiều nghìn năm của dân tộc để diệt xâm lăng, trong mục đích thiêng liêng đó, các cụ nhiều lần đề cao "gươm núi Sóc", "cọc Bạch Đằng". Và mỗi lần như vậy, sự huy động lực lượng lịch sử truyền thống đều mang lại hiệu quả tích cực. Ngay tại Sài Gòn, vào năm 1945, khi chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, sau ngày 9-3, đứng trước một tương quan lực lượng đối phương 9 - 10, bên ta 1 - 2, mà thời cơ khởi nghĩa có thể thấy trước mắt gần thôi, vấn đề lớn được đặt ra là, trong một thời gian ngắn, rất ngắn, ta phải làm sao cho cán cân tương quan lực lượng thay đổi hẳn ở Sài Gòn, ở Nam Bộ, phải làm sao cho Việt Minh lớn mạnh hơn tất cả các lực lượng đối phương cộng lại, thì mới có thể nắm kịp thời cơ giành chính quyền, làm cách mạng, giải phóng dân tộc thành công. Khi ấy, các đồng chí phát ra nhiều kế hoạch cụ thể mà toàn bộ tư tưởng được gọi một cách "linh ứng" là "Rước ông Gióng vào Nam" (1).

Thực tiễn của công cuộc vận động cách mạng nói chung, của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nói riêng đã đúc kết thành một tư tưởng lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện trong lời căn dặn cán bộ, chiến sỹ Đại đoàn Quân Tiên phong ngay bên thềm Đền Thượng, trước khi vào tiếp quản Hà Nội: *"Các Vua Hùng có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*. Tư tưởng đó cũng là sự tiếp nối một phương thức huy động nguồn lực phấn đấu cho một mục tiêu chính nghĩa, đặc biệt là trong sự nghiệp giữ nước. Trong lời thề của Hai Bà Trưng trước khi "phất cờ nương tử thay quyền tướng công" có nêu rõ sứ mạng "kế nghiệp Vua Hùng".

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thực hiện mục tiêu thiêng liêng là thống nhất nước nhà, chúng ta có cả sức mạnh của: *hàng ngàn năm lịch sử đang cùng ta đánh Mỹ* (lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng). Cũng chính trong những năm tháng kháng chiến gian khổ và thiếu thốn này, công cuộc nghiên cứu khoa học về thời đại Hùng Vương được tiến hành một cách sôi nổi và đạt được những thành tích to lớn. Dưới tầm bom đạn của giặc Mỹ, nhiều cuộc khai quật khảo cổ học được tiến hành, nhiều cuộc hội nghị khoa học toàn quốc đã họp và khái niệm về một *"Thời đại các Vua Hùng dựng nước"* cũng được hình thành vào chính giai đoạn lịch sử này.

Với sức mạnh của truyền thống ấy, sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, dân tộc Việt Nam tiếp tục sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc. Giữ nước là một nghĩa vụ thiêng liêng của muôn đời để gìn giữ trọn vẹn cơ nghiệp của Tổ tiên để lại.

3 - Kế nghiệp người xưa

Kể từ năm Canh Thìn (năm 2000), năm đầu tiên của một thiên niên kỷ mới, vào thời điểm công cuộc Đổi mới đã trải qua hơn một thập

(1) *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội - thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002, t 1, tr 7

Digitized by Google

kỷ thử thách và đạt được những thành tựu đáng khích lệ, vào trước thềm của Đại hội Đảng lần thứ IX, lần đầu tiên Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức trọng thể theo nghi thức của Nhà nước (với Nghị định số 82, ngày 6-11-2001, Chính phủ quy định Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là một trong những ngày lễ lớn của dân tộc).

Trước bàn thờ của Tổ tiên trên Đền Hùng, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh thay mặt Đảng và Nhà nước đã nêu rõ quan điểm của thời đại chúng ta đối với Ngày Giỗ Tổ truyền thống:

"Càng tự hào về lịch sử dân tộc, chúng ta càng phải đồng tâm hiệp lực thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Lời dạy của Người đã thấm sâu trong trái tim, khối óc của triệu triệu người Việt Nam chúng ta. Thực hiện căn dặn của Người, Đảng ta đã không ngừng phát huy truyền thống của Tổ tiên, kế thừa những giá trị tinh thần tốt đẹp của thời đại Hùng Vương và các thời đại oanh liệt trong lịch sử, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành các cuộc đấu tranh cách mạng trường kỳ và oanh liệt, đánh thắng nhiều kẻ thù xâm lược, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, góp phần làm rạng rỡ thêm lịch sử và truyền thống Việt Nam anh hùng. Trong thời kỳ Đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đang lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi trở ngại, thử thách, tranh thủ thời cơ và vận hội để lý tưởng và mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực trên Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta...

Chúng ta tưởng nhớ các Vua Hùng và tưởng nhớ công lao to lớn của các thế hệ nối tiếp đã có công dựng nước, giữ nước và mong ước cho trí tuệ, công sức của chúng ta được phụng sự vì mục đích hòa bình và hạnh phúc của nhân dân...". (2)

Năm năm đã trôi qua, những thành tựu của công cuộc Đổi mới đang làm thay đổi hằng ngày bộ mặt của đất nước và đã chứng giám cho những điều mà thế hệ chúng ta đã nguyện hứa trước anh linh của Tổ tiên, cũng là thực hiện đúng những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm nay, Giỗ Tổ Hùng Vương càng trở nên có ý nghĩa vì lại đúng vào dịp kỷ niệm 30 năm ngày kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại, hoàn thành sự nghiệp thống nhất quốc gia, lần đầu tiên trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, non sông đã thu về một mối. Hiện thực tốt đẹp của nước Việt Nam, cơ đồ của các Vua Hùng gây dựng ngày càng có vị thế xứng đáng trên con đường hội nhập quốc tế. Đồng bào Việt Nam bao gồm 54 dân tộc sống trên mọi miền đất nước cũng như đang sinh sống ở nước ngoài đều có chung một cơ đồ để tận tâm phụng sự cho mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh".

Hiện thực ấy càng tô đậm thêm ý nghĩa của ngày Giỗ Tổ như cái nghĩa lý mà ông cha ta đã gửi gắm qua đôi câu đối khắc ghi tại Đền Hùng:

"Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Đà non nước vẫn quy về Đất Tổ

Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mồ Ông". ❑

---

(2) Báo *Nhân Dân*, ngày 26-3-2000

Digitized by Google

CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA V.I. LÊ-NIN CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TOÀN THẾ GIỚI

TRẦN NGỌC LINH *

Trong lịch sử nhân loại có những bậc vĩ nhân, giống như ngọn núi Thái sơn hùng vĩ, thời gian càng trôi đi, càng lùi lại về sau, thì càng sừng sững hiển hiện, bởi những cống hiến vĩ đại cho tiến bộ của nhân loại. V.I. Lê-nin là một trong những bậc vĩ nhân như vậy. Người đã kế thừa và phát triển một cách xuất sắc sự nghiệp của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, trong khi tổ chức lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga, đã có những cống hiến cả trong lý luận lẫn thực tiễn cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân toàn thế giới.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, V.I. Lê-nin đã không ngừng tuyên truyền, giáo dục, truyền bá, vận dụng những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác vào thực tiễn phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân Nga; chứng minh tính đúng đắn, tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác bằng những bước tiến không ngừng của phong trào cách mạng dưới sự chỉ đạo, định hướng của học thuyết có sức mạnh vô địch này. Không những thế, V.I. Lê-nin còn có những đóng góp quý báu, có ý nghĩa quan trọng cho việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác bằng những hoạt động lý luận cũng như những hoạt động thực tiễn cách mạng của Người.

Từ năm 1893, V.I. Lê-nin đã tổ chức truyền bá chủ nghĩa Mác trong các tổ chức mác-xít của phong trào công nhân ở Pê-téc-bua. Thời gian này, những người theo phái "dân túy" luôn tìm mọi cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác, bôi nhọ những người mác-xít Nga, ngăn cản công việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Nhằm mục đích đấu tranh đập tan chủ nghĩa "dân túy" về mặt tư tưởng; bảo đảm cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác; chuẩn bị mọi mặt để thành lập đảng cách mạng của giai cấp công nhân Nga, năm 1894 V.I. Lê-nin đã viết tác phẩm *Những"người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?*. Trong tác phẩm này, V.I. Lê-nin vạch trần bộ mặt giả dối của những người "dân túy", những kẻ tự xưng là "bạn dân" nhưng thực chất là phản bội nhân dân; đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ cơ bản của những người mác-xít. Những nhiệm vụ đó là, tổ chức một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất, xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, tiến tới lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, xây dựng một chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Năm 1895, V.I. Lê-nin đã hợp nhất tất cả các tổ chức mác-xít ở Pê-téc-bua và thành lập

* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Hội liên hiệp đấu tranh giải phóng công nhân để tổ chức và lãnh đạo phong trào công nhân Nga về mặt chính trị. Lần đầu tiên ở Nga, *Hội liên hiệp đấu tranh giải phóng công nhân* dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin đã thực hiện việc kết hợp lý luận mác-xít với phong trào công nhân, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân toàn Nga, đóng vai trò là mầm mống quan trọng đầu tiên của một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

Trong quá trình tiến tới thành lập chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, V.I. Lê-nin đã phải kiên trì đấu tranh không khoan nhượng chống lại mọi khuynh hướng của bọn cơ hội chủ nghĩa, thỏa hiệp, cải lương v.v.. Điểm chung của tất cả những khuynh hướng này là muốn ngăn cản sự ra đời của chính đảng mác-xít, không thừa nhận đảng là đội tiên phong, có tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Sự ra đời của báo *Tia lửa* với lời đề "Từ tia lửa sẽ bùng lên ngọn lửa" (năm 1900) và sau đó sự ra đời của tờ báo bôn-sê-vích *Tiến lên* (năm 1905), cùng với một loạt tác phẩm lý luận - thực tiễn của V.I. Lê-nin, trong đó nổi bật lên những tác phẩm: *Làm gì?* (năm 1901 - 1902), *Một bước tiến, hai bước lùi* (năm 1904), *Hai sách lược của đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ* (năm 1905) v.v., đã góp phần to lớn trong việc vạch trần bản chất cơ hội chủ nghĩa của phái "kinh tế" trong hàng ngũ các tổ chức mác-xít ở Nga, giáng một đòn mạnh vào chủ nghĩa cơ hội Nga cũng như trên thế giới. Đồng thời, trong những tác phẩm này, V.I. Lê-nin đã đề ra những nguyên tắc mác-xít cho việc xây dựng đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân; khẳng định đảng là đội tiên phong có tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Trong phong trào này, giai cấp công nhân liên minh với nông dân tiến hành cuộc cách mạng dân chủ - tư sản kiểu mới đến cùng, sau đó tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng giữa những người bôn-sê-vích dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin với những người men-sê-vích cơ hội chủ nghĩa tiếp tục diễn ra gay gắt.

Sự không thống nhất trong Đảng Dân chủ - xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Mặc dù thất bại, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã thu nhận được bài học chính trị phong phú, khẳng định một lần nữa tính đúng đắn của những quan điểm của V.I. Lê-nin, nhận rõ hơn nữa chân tướng phản bội của phái men-sê-vích, đồng thời làm nổi bật vai trò của những người bôn-sê-vích là lực lượng cách mạng kiên định, có chiến lược đúng đắn và sách lược mềm dẻo trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng.

Trong khi đó, thất bại của cách mạng 1905 cũng dẫn đến tình trạng phân hóa, mất tinh thần trong hàng ngũ những người đã từng tham gia phong trào cách mạng. Một số ra mặt phản bội công khai chống lại cách mạng, một số tìm cách thỏa hiệp, thích nghi với hoàn cảnh mới, ra sức lôi kéo giai cấp công nhân ra khỏi con đường cách mạng, bôi nhọ, làm mất uy tín của đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Đặc biệt, trên mặt trận tư tưởng, khuynh hướng núp dưới chiêu bài "cải tiến" chủ nghĩa Mác để xuyên tạc chủ nghĩa Mác, xét lại chủ nghĩa Mác đã xuất hiện, gây tác hại xói mòn nền tảng, cơ sở lý luận, tư tưởng của đảng, lừa gạt quần chúng cách mạng. Đấu tranh vạch trần thực chất những luận điệu giả dối của bọn giả danh chủ nghĩa Mác để phản bội chủ nghĩa Mác là một nhiệm vụ cấp bách mà thực tiễn cách mạng lúc đó đặt ra cho những người mác-xít chân chính. V.I. Lê-nin đã viết tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* (năm 1909) đáp ứng đòi hỏi cấp thiết này của thực tiễn, bảo vệ xuất sắc chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, đồng thời phát triển chủ nghĩa duy vật

Digitized by Google

biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử lên một tầm cao mới, xứng đáng với vai trò là những nguyên tắc lý luận nền tảng của chính đảng mác-xít, là cơ sở lý luận của chủ nghĩa cộng sản.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác đã được bảo vệ và phát triển, những người bôn-sê-vích dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin đã tiến hành thành lập một đảng mác-xít chân chính, đảng bôn-sê-vích vào tháng Giêng năm 1912.

Từ thời điểm lịch sử này, dưới sự lãnh đạo của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga (bôn-sê-vích), phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã bước vào thời kỳ phát triển một cao trào cách mạng mới.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra vào năm 1914 là một tất yếu lịch sử, phản ánh sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản, bản chất của chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, sẵn sàng gây ra chiến tranh để phân chia lại thị trường thế giới và các khu vực ảnh hưởng. Chiến tranh cũng đã làm bộc lộ rõ rệt bộ mặt lừa bịp, phản nhân dân của các chính phủ tư sản, cũng như làm rõ chân tướng của những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế II - những kẻ trợ thủ đắc lực cho giai cấp tư sản trong việc lừa bịp nhân dân, đưa công nhân và nhân dân lao động các nước vào cuộc chiến tranh phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Đồng thời qua thái độ đối với chiến tranh của Đảng bôn-sê-vích Nga dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động càng thêm tin tưởng vào đảng cách mạng của mình - một đảng trong bất kỳ tình huống khó khăn nào vẫn luôn luôn trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kiên quyết chống chiến tranh đế quốc, không ngừng tiến hành cuộc đấu tranh lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và bọn quân phiệt chuyên chế.

Những tác phẩm lý luận của V.I. Lê-nin viết trong thời kỳ chiến tranh có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân Nga cũng như của giai cấp công nhân toàn thế giới. Đó là những tác phẩm: *Bàn về khẩu hiệu liên bang châu Âu* (năm 1915), *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (năm 1916), *Cương lĩnh quân sự của cách mạng vô sản* (năm 1916).

Qua những tác phẩm này, V.I. Lê-nin đã đưa ra những quan điểm về sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản và về khả năng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể thắng lợi ở vài nước hay thậm chí ở riêng trong một nước. Đây là những kết luận lý luận rút ra từ thực tiễn đấu tranh cách mạng thời kỳ chiến tranh đế quốc. Ý nghĩa của những quan điểm này rất quan trọng đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân thế giới, đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, không chỉ vì đã đóng góp, phát triển làm giàu cho chủ nghĩa Mác về mặt lý luận, mà về mặt thực tiễn, đã có tác dụng củng cố lòng tin của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, giúp cho giai cấp vô sản biết tận dụng những khâu yếu của chủ nghĩa tư bản, tiến hành cách mạng, giành lấy thắng lợi trong từng nước riêng biệt, tạo điều kiện cho sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Trong thời kỳ này, có thể nói, chỉ có Đảng bôn-sê-vích Nga, dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin, là đảng vô sản duy nhất trung thành với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, với chủ nghĩa quốc tế vô sản, biết vận dụng những quan điểm lý luận của V.I. Lê-nin vào thực tiễn cách mạng nước Nga, thực sự biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Hai 1917, lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng và lập ra những Xô-viết đại biểu công nhân và binh sỹ.

Tuy nhiên, do những điều kiện lịch sử cụ thể nhất định, sau Cách mạng Tháng Hai, ở nước Nga đã xảy ra tình trạng hai chính quyền, hai nền chuyên chính song song tồn tại: chuyên chính của giai cấp tư sản mà đại biểu là chính phủ lâm thời và chuyên chính của giai cấp

Digitized by Google

vô sản và nông dân mà đại biểu là các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sỹ. Chính phủ lâm thời ngày càng thể hiện tính phản nhân dân của nó. Không đáp ứng nguyện vọng thiết tha của nhân dân như chấm dứt chiến tranh, bánh mì, ruộng đất, chính phủ lâm thời lại còn tiến hành đàn áp những cuộc biểu tình hòa bình của nhân dân bày tỏ nguyện vọng của mình.

Thực tiễn phong trào cách mạng lúc này lại đặt ra những vấn đề cần có sự chỉ đạo sáng suốt của V.I. Lê-nin. Bản *Những luận cương Tháng Tư* (năm 1917) đã đáp ứng được yêu cầu này, đem lại cho đảng và cho giai cấp công nhân một đường lối cách mạng rõ ràng: chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tư tưởng cách mạng không ngừng trong tác phẩm *Hai sách lược của đảng dân chủ xã hội trong cách mạng dân chủ, Những luận cương Tháng Tư* đã đưa ra một kế hoạch cụ thể, có căn cứ khoa học, phù hợp với tình hình cụ thể của nước Nga lúc đó, để thực hiện bước chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong Luận cương này, V.I. Lê-nin cũng đưa ra hai đề nghị quan trọng: đề nghị đổi tên Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga (bôn-sê-vích) thành Đảng Cộng sản Nga (bôn-sê-vích) cho phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với mục tiêu cách mạng của giai cấp công nhân Nga; đề nghị thành lập Quốc tế Cộng sản - Quốc tế III, thay thế cho Quốc tế II đã bị những phần tử lãnh đạo theo chủ nghĩa cơ hội thao túng làm cho suy sụp và tan rã.

Ngày 2-3-1919 Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản - đã được thành lập theo đề nghị của V.I. Lê-nin. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, đánh dấu sự ra đời một bộ tham mưu chính trị - tư tưởng của phong trào cách mạng của giai cấp vô sản.

Qua thực tiễn hoạt động của Quốc tế III, V.I. Lê-nin đã chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Về chiến lược, xuất phát từ tiến trình khách quan của sự phát triển xã hội, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không bao giờ được xa rời mục tiêu đấu tranh chống giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Về sách lược, cần xác định được đúng đắn toàn bộ thái độ chính trị đối với nhiệm vụ chính trị mới hay một tình hình chính trị mới. Dưới sự lãnh đạo của V.I. Lê-nin, Quốc tế Cộng sản đã đề ra được sách lược đúng đắn, thực hiện có hiệu quả từng bước mục tiêu chiến lược quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Diễn biến nhanh chóng của tình hình nước Nga sau tháng 7-1917 đã đưa đến những thay đổi trong sách lược của Đảng bôn-sê-vích. Thời kỳ hòa bình của cách mạng đã chấm dứt. Đảng rút vào bí mật, chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của giai cấp vô sản. Chính trong thời kỳ này, V.I. Lê-nin đã viết tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* (năm 1917) nhằm bảo vệ và phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác về nhà nước, về cách mạng. Trong tác phẩm này, V.I. Lê-nin khẳng định tính tất yếu của việc sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền về tay giai cấp vô sản, sử dụng chính quyền đó để trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản và các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội, và quan trọng hơn là để tổ chức xây dựng một chế độ xã hội mới - chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, có trình độ phát triển cao hơn chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng của những quan điểm lý luận này, Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nông dân, binh lính và toàn thể nhân dân lao động Nga tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản.

Cách mạng Tháng Mười đã mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Mười, những bước đi đầu tiên tiến lên chủ nghĩa xã hội đã được

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

V.I. Lê-nin bàn về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

ĐỖ THỊ THẠCH *

MỘT trong những đóng góp quan trọng của V.I. Lê-nin những năm sau Cách mạng Tháng Mười là quan điểm của Người về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhờ sự đóng góp này, nền kinh tế nói riêng và chủ nghĩa xã hội nói chung ở nước Nga đã giành được những thành tựu đáng kể sau những năm nội chiến.

1 - Sự cần thiết phải phát triển khoa học, kỹ thuật ở nước Nga

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã làm cho nước Nga có sự thay đổi đặc biệt về chất trên lĩnh vực chính trị - chuyển từ nhà nước của giai cấp bóc lột sang nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tuy nhiên, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, nước Nga vẫn đang trong tình trạng lạc hậu, kém phát triển, trong đó trình độ khoa học, kỹ thuật hết sức lạc hậu, kém xa một số nước tư bản chủ nghĩa ở phương Tây lúc đó. Trước tình hình ấy, V.I. Lê-nin thấy rõ tầm quan trọng đặc biệt của khoa học, kỹ thuật đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

Thứ nhất, phát triển khoa học, kỹ thuật là cơ sở quan trọng nhất để xây dựng và củng cố chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và nội chiến kéo dài 3 năm (1918 - 1921) đã làm cho nền kinh tế quốc dân của nước Nga bị phá hoại nghiêm trọng; công nghiệp thiếu nguyên liệu, sản xuất đình đốn; trình độ canh tác của nông dân lạc hậu, phân tán. Trước thực trạng này, V.I. Lê-nin cho rằng, chỉ có phát triển nhanh khoa học, kỹ thuật mới có thể khôi phục nền kinh tế nước Nga một cách nhanh chóng và có hiệu quả nhất. Người nhấn mạnh: "Phải khôi phục công, nông nghiệp trên cơ sở những thành tựu khoa học hiện đại mới nhất"; "chấn hưng kinh tế cả nước, phải đứng vững trên cơ sở khoa học, kỹ thuật hiện đại, tiến hành cải tạo và khôi phục công nghiệp và nông nghiệp" (1).

Sau Cách mạng Tháng Mười, giai cấp công nhân Nga đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử giành chính quyền, nhưng nhiệm vụ thiết lập chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn còn muôn vàn khó khăn. Hơn nữa, nhiệm vụ này không thể giải quyết trong một thời gian ngắn, bởi vì, cơ sở để thiết lập chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa phải là nền sản xuất lớn được trang bị bằng khoa học, kỹ thuật mới. V.I. Lê-nin chỉ rõ: Kẻ thù trong nước dựa vào sự ủng hộ của sản xuất nhỏ, do đó, muốn khắc phục triệt để các yếu tố, cơ sở tiềm tàng của chủ nghĩa tư bản, chỉ có một biện pháp là đặt kinh tế nhà nước (bao gồm cả nông nghiệp) trên nền tảng khoa học, kỹ thuật mới. Đồng thời, ông cho rằng, việc ứng dụng công nghiệp đại cơ khí vào nông nghiệp là cơ sở kinh tế duy nhất của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, phát triển khoa học, kỹ thuật là biện pháp quan trọng số một để nước Nga đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa; chỉ khi nào chủ nghĩa xã hội có năng suất lao động cao hơn năng

---

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 36, tr 233

Digitized by Google

suất lao động của chủ nghĩa tư bản thì mới có thể chiến thắng được chủ nghĩa tư bản.

Sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga đứng trước tình trạng thù trong giặc ngoài. Nhà nước Xô-viết non trẻ bị các thế lực tư bản chủ nghĩa tấn công ráo riết. Để bảo vệ chính quyền Xô-viết - nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - và phát triển lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa nhằm chiến thắng chủ nghĩa tư bản, đòi hỏi nước Nga phải có thực lực, nhất là thực lực kinh tế. V.I. Lê-nin cho rằng, muốn làm được điều đó, trước hết phải ra sức phát triển khoa học, kỹ thuật, phải thực hiện điện khí hóa và sau đó, phải nâng cao năng suất lao động. Tại Đại hội đại biểu Xô-viết toàn Nga lần thứ XI, Người chỉ rõ: Chúng ta chẳng những yếu hơn so với chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới, mà phạm vi trong nước cũng yếu so với chủ nghĩa tư bản... Chúng ta đã nhận thức được điều này và phải nỗ lực biến cơ sở kinh tế tiểu nông thành kinh tế đại công nghiệp. Chỉ khi nào chúng ta thực hiện được điện khí hóa, đặt nền móng cho công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, chúng ta mới có thể giành được thắng lợi cuối cùng. Trong tác phẩm *Thà ít mà tốt*, V.I. Lê-nin còn chỉ rõ thêm: Tương lai của nước Nga Xô-viết là ở chỗ, có phát triển được công nghiệp đại cơ khí hay không. Rõ ràng là ở đây, Người đã nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của khoa học, kỹ thuật trên cơ sở điện khí hóa đối với việc tăng nội lực tổng hợp của nước Nga, mà trước hết là tăng năng suất lao động.

Với tầm nhìn chiến lược, V.I. Lê-nin cho rằng, năng suất lao động, suy cho cùng, là điều quan trọng nhất, chủ yếu nhất để chế độ xã hội mới giành thắng lợi. Chủ nghĩa tư bản cuối cùng có thể bị đánh bại và nhất định bị đánh bại, nếu chủ nghĩa xã hội có thể sáng tạo ra năng suất lao động mới cao hơn năng suất lao động trong chủ nghĩa tư bản.

2 - Những biện pháp chủ yếu để phát triển khoa học, kỹ thuật trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội

Sau Cách mạng Tháng Mười, một trong những vấn đề mà V.I. Lê-nin dành nhiều thời gian, tâm sức nhất là việc tìm biện pháp để phát triển khoa học, kỹ thuật cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn ý nghĩa quan trọng của khoa học, kỹ thuật đối với nước Nga lúc đó, đồng thời nghiên cứu xu thế phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới, V.I. Lê-nin đã đề xuất một loạt biện pháp phát triển khoa học, kỹ thuật trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội như sau:

Thứ nhất, thực hiện điện khí hóa toàn quốc.

Điện khí hóa có thể đem lại sự thay đổi căn bản cho nước Nga. Năng lượng điện có thể làm cho nước Nga phát triển lên trình độ sản xuất lớn, hiện đại; có thể xóa bỏ cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản và kinh tế tiểu nông; có thể khiến cho việc xây dựng nền kinh tế Xô-viết trở thành tấm gương đối với một số nước ở châu Á trong tương lai. Từ nhận thức này, V.I. Lê-nin đã đề xuất công thức nổi tiếng: **Chủ nghĩa cộng sản bằng chính quyền Xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc.** Công thức này nói lên tầm quan trọng đặc biệt của điện khí hóa đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thứ hai, sử dụng đội ngũ chuyên gia tư sản và đào tạo đội ngũ chuyên gia công nông.

V.I. Lê-nin cho rằng, muốn có khoa học, kỹ thuật hiện đại, phải có nhân tài và đội ngũ chuyên gia, bởi vì "Không có sự chỉ đạo của chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội" (2). Do đó, theo Người, cần phát hiện, bồi dưỡng chuyên gia khoa học, kỹ thuật và phát huy vai trò của họ thông qua hai con đường:

Một là, sử dụng đội ngũ chuyên gia từ xã hội cũ để lại. Theo V.I. Lê-nin, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải lợi dụng tất cả những gì mà nền khoa học, kỹ thuật của nước Nga tư bản chủ nghĩa để lại cho chúng ta; phải biết khai thác và lợi dụng đội ngũ chuyên gia hiện có trên các lĩnh vực do xã hội cũ đào tạo để phục vụ cho

(2) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 217

Digitized by Google

việc phát triển khoa học, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Hai là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia công nông. V.I. Lê-nin cho rằng, đây là yêu cầu cấp bách và lâu dài, nếu muốn phát triển khoa học, kỹ thuật, nhất là muốn vận dụng kỹ thuật hiện đại vào quá trình điện khí hóa toàn quốc. Bởi vì, văn hóa thấp thì không thể thực hiện được điện khí hóa. Cho nên, phải tập trung phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; tranh thủ thời gian ngắn nhất đào tạo đội ngũ chuyên gia khoa học, kỹ thuật trên các lĩnh vực xuất thân từ công nông.

Thứ ba, học tập, tiếp thu, kế thừa những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến của các nước tư bản chủ nghĩa.

Đây là tư tưởng rất táo bạo và đúng đắn, thể hiện tầm nhìn chiến lược thiên tài của V.I. Lê-nin. Tư tưởng này lúc đầu bị phản đối gay gắt. Những người phản đối cho rằng, không học tập, tiếp thu, kế thừa những thành tựu khoa học, kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản, vẫn có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình đó, V.I. Lê-nin khẳng định, sẽ là không tưởng nếu chủ nghĩa xã hội không có bưu điện và cơ khí hóa. Sau khi giành chính quyền, nhiệm vụ của giai cấp công nhân là biến tất cả những gì phong phú nhất mà chủ nghĩa tư bản tích lũy được, trong đó có văn hóa, tri thức, khoa học, kỹ thuật, thành công cụ của chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, chủ nghĩa xã hội được thực hiện như thế nào, điều đó phụ thuộc vào mức độ gắn kết giữa chính quyền, cách thức tổ chức, quản lý Xô-viết với những tiến bộ mới nhất của chủ nghĩa tư bản.

V.I. Lê-nin chủ trương thông qua chế độ tô nhượng để học tập, tiếp thu những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến của chủ nghĩa tư bản. Cụ thể, cho các nhà tư bản nước ngoài thuê mướn một số xí nghiệp, đất đai, hầm mỏ để họ đưa vốn và khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào nước Nga. Tại Đại hội X của Đảng (b) Nga, Người nhấn mạnh: Không thực hành chế độ tô nhượng và xây dựng các xí nghiệp liên doanh, chúng ta không thể có được khoa học, kỹ thuật hiện đại và thiết bị tiên tiến; không lợi dụng kỹ thuật kể trên chúng ta không thể đặt nền móng cho sản xuất lớn của ngành khai thác dầu khí, một ngành được coi là có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ nền kinh tế thế giới.

Để phát triển khoa học, kỹ thuật, V.I. Lê-nin còn chủ trương mời và thuê các chuyên gia khoa học, kỹ thuật của các nước tư bản đến làm việc tại Nga, và trả lương cao cho họ. Việc trả lương cao này như là "một bước lùi" so với phương thức phân phối của chủ nghĩa xã hội, nhưng là bước lùi cần thiết, và "làm được như thế để giáo dục quần chúng và quần chúng học tập qua kinh nghiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội" (3).

Học tập các chuyên gia tư sản là vấn đề được V.I. Lê-nin hết sức coi trọng và đề cập trong nhiều tác phẩm. Người cho rằng, phải "thu hút cho bằng hết mọi chuyên gia tư sản... và nắm được những thành quả của văn hóa tư sản, phải làm thế nào để quần chúng lao động của chúng ta thật sự *học tập các chuyên gia đó*" (4). Chỉ người nào hiểu rằng, không học tập những người tổ chức ra các tờ-rớt sẽ không thể tạo ra được, thực hiện được chủ nghĩa xã hội, thì người đó mới đáng gọi là người cộng sản... Đồng thời, Người chỉ rõ, "người cộng sản không sợ "học" các chuyên gia tư sản, kể cả những thương gia, những nhà tư bản nhỏ tham gia hợp tác xã và các nhà tư bản khác" (5).

Với quan điểm học tập, tiếp thu, kế thừa những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến của chủ nghĩa tư bản, V.I. Lê-nin đã nêu công thức thứ hai về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: "Chủ nghĩa cộng sản bằng chính quyền Xô-viết cộng với trật tự đường sắt Phổ cộng với kỹ thuật và cách thức tổ chức của các tờ-rớt ở Mỹ cộng với ngành giáo dục quốc dân Hoa Kỳ" (6).

*

* *

Tư tưởng của V.I. Lê-nin về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với công cuộc xây dựng chủ

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 129

(4) (5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 40, tr 164, 188

(6) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 684

Digitized by Google

nghĩa xã hội có ý nghĩa to lớn trong xây dựng nền kinh tế nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười và sự nghiệp phát triển khoa học, kỹ thuật của Liên Xô sau này. Tư tưởng đó của Người còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn đối với các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay trong việc nắm bắt thời cơ để thúc đẩy khoa học, kỹ thuật phát triển.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhận thức của Đảng ta về vai trò của khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sâu sắc hơn. Bàn về vai trò của khoa học, công nghệ, Đảng ta khẳng định:

Một là, phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [7].

Hai là, khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh [8].

Ba là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải bằng khoa học và công nghệ, lấy khoa học và công nghệ làm nền tảng và động lực.

Với nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra một số chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho khoa học, công nghệ phát triển. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ Việt Nam đến năm 2010,* trong đó đề ra một số giải pháp lớn như sau:

- Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ bằng cách coi doanh nghiệp là yếu tố quyết định sự phát triển khoa học và công nghệ, trên cơ sở đó, có các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng những tiến bộ của khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ bằng cách đổi mới cơ chế đầu tư và quản lý đối với khoa học, công nghệ; đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng, đãi ngộ trí thức, nhân tài, chú trọng sử dụng và phát huy trí thức Việt kiều; tạo điều kiện mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ.

- Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ; đồng thời tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với các hoạt động khoa học, công nghệ.

Với nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta, những năm qua khoa học, công nghệ đã góp phần rất lớn vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là đối với các lĩnh vực kinh tế như nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng, giao thông - vận tải, bưu chính - viễn thông... Nhờ đó, nền kinh tế nước ta có bước phát triển tương đối nhanh; ngành bưu chính - viễn thông nước ta xếp thứ hạng cao trong khu vực về mức độ hiện đại và tốc độ phát triển.

Hiện nay chúng ta đã có quan hệ hợp tác về khoa học, công nghệ với trên 70 nước trên thế giới, nhằm góp phần nâng cao trình độ khoa học, công nghệ, hiện đại hóa dần trang thiết bị, trao đổi, học tập kinh nghiệm, giới thiệu thành quả khoa học, công nghệ. Nhà nước cho phép sử dụng một phần vốn vay ODA và viện trợ để đầu tư cho mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ

Tư tưởng coi khoa học - công nghệ cùng với giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ta chính là sự kế thừa tư tưởng của V.I. Lê-nin về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; là biện pháp chiến lược trong thời đại kinh tế tri thức, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

---

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 156

(8) *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai, khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 60

Digitized by Google

CUỘC HÀNH TRÌNH CỦA TRÍ TUỆ VÀ BẢN LĨNH ĐẢNG TA

ĐINH XUÂN LÂM * - BÙI ĐÌNH PHONG **

BẢY mươi lăm mùa xuân đã trôi qua kể từ xuân Canh Ngọ năm 1930. Từ đó đến nay, cứ mỗi độ xuân về, chúng ta lại tưng bừng kỷ niệm ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930). Và vào dịp đó, chúng ta vô cùng tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Người đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ **giác ngộ dân tộc** phát triển đến **giác ngộ giai cấp** và kết hợp giác ngộ dân tộc với giác ngộ giai cấp dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta ra đời đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn, biện chứng của ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đây là một trong những cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận Mác - Lê-nin về Đảng Cộng sản, phản ánh trí tuệ và bản lĩnh của Người, không chỉ ở quy luật ra đời của Đảng, mà quan trọng hơn là thấu suốt trong việc vạch đường lối, lựa chọn, giáo dục, rèn luyện và nâng cao trình độ chính trị cho đảng viên, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân. Trang mở đầu *"pho lịch sử bằng vàng"* của Đảng ta bắt đầu từ đó, cho thấy cuộc hành trình của Đảng ngay từ khi ra đời đã bắt rễ sâu xa trong lòng dân tộc.

Việt Nam là một đất nước có hàng ngàn năm lịch sử - văn hóa với dòng chủ lưu là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, thể hiện khát vọng độc lập, tự do. Từ giữa thế kỷ XIX, nước ta trở thành thuộc địa của Pháp. Nhân dân Việt Nam đặt cuộc đấu tranh chống xâm lược lên hàng đầu để giải quyết mâu thuẫn bao trùm là **mâu thuẫn dân tộc**, giành cho kỳ được độc lập dân tộc. Mười lăm năm từ khi Đảng ta ra đời là cuộc hành trình *"bí mật"* của Đảng trong bóng tối của chủ nghĩa thực dân. Nhưng ngay từ những ngày đầu, Đảng đã vạch được một lộ trình để đưa dân tộc ra khỏi đường hầm đen tối, đó là làm **tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng** để đi tới xã hội cộng sản. Từ năm 1941, ánh sáng mới từ Pắc Bó tỏa ra. Trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học và phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kiên định lập trường giai cấp gắn với thực tiễn Việt Nam, Đảng ta đã có một quyết định sáng suốt điều chỉnh lớn về chiến lược *"cách mạng tư sản dân quyền"*. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) do Hồ Chí Minh chủ trì đã ra nghị quyết khẳng định: **Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề *"phản đế và điền địa"* nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cấp kíp *"dân tộc giải phóng"*** (1). Trí tuệ và

---

* GS, Trường đại học KHXH & NV, Đại học quốc gia Hà Nội

** PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem: *Văn kiện Đảng: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 7, tr 11

Digitized by Google

bản lĩnh của Đảng cho thấy vì quyền lợi sinh tồn của cả dân tộc, Đảng đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đặt quyền lợi của bộ phận, của giai cấp dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Tư tưởng *"ai là người Việt Nam có lòng yêu nước thương nòi, bất phân thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, các tôn giáo, các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực, vì quyền lợi dân tộc, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"* là một sáng tạo lớn của Đảng mà giá trị và tinh thần tỏa sáng mãi về sau.

Kỷ nguyên mới của dân tộc - độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được mở ra từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Nhưng các thế lực hiếu chiến và nhiều tham vọng đen tối không bao giờ chấp nhận một nước Việt Nam tự do, độc lập và hùng cường, có thể sánh vai với các cường quốc năm châu. Thực dân Pháp có Mỹ viện trợ, âm mưu cướp nước ta lần nữa, bắt dân ta làm nô lệ. Với khát vọng hòa bình, chúng ta *"thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*. Nhưng đây là một cuộc chiến không cân sức. Vì vậy, sức mạnh của chúng ta không chỉ ở lòng kiên quyết hy sinh mà còn cần trí tuệ và bản lĩnh của một đảng mới 15 tuổi đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám lẫy lừng, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một lần nữa, trên cơ sở nắm vững hoàn cảnh nước mình, với tinh thần độc lập, tự chủ, Đảng lại nêu cao khẩu hiệu *"Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết", "Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc"*. Những lời kêu gọi đó đã có một sức mạnh thực sự thổi một luồng sinh khí mới vào dân tộc. Bởi vì, như Đảng ta xác định: "quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam" (2). Đảng tuyên bố và làm đúng như vậy với một tinh thần *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"* nên đã quy tụ được sức mạnh của toàn dân tộc trong Mặt trận Liên - Việt, triển khai đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đảng mạnh dạn *"Sửa đổi lối làm việc"* theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chống chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm. Trí tuệ và bản lĩnh của Đảng thể hiện trong khi xác định *"Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc"*, Đảng đã giáo dục cán bộ phải học hỏi quần chúng, một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa Đảng với dân chúng. Dân chúng là nền tảng lực lượng của Đảng. Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh. Như vậy mới thật là một phong trào quần chúng và nhờ đó Đảng thắng lợi. Trái lại *"cách xa dân chúng không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại"*

Từ sau thắng lợi Điện Biên Phủ và Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết (7-1954), nước ta tạm thời chia làm hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, bên cạnh những thuận lợi lớn, cách mạng nước ta lại gặp những khó khăn mới. Nhưng, một lần nữa, Đảng đã giữ vững đường lối độc lập, tự chủ và nguyên tắc đoàn kết quốc tế, tiếp tục quán triệt quan điểm "nội lực giữ vai trò quyết định, ngoại lực giữ vai trò quan trọng và chỉ phát huy tác dụng thông qua nội lực". Trên cơ sở một đường lối chính trị đúng, Hồ Chí Minh và Đảng ta cho rằng: quân sự là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng to thì tiếng lớn.

Nội lực ở đây trước hết là xây dựng Đảng, đoàn kết dân tộc, ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa. Một tư tưởng lớn Hồ Chí Minh được triển khai trong thực tế: *"Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị"* (3). Luận điểm này cho thấy trí tuệ và bản lĩnh của một đảng chân chính vì lợi ích của cả dân tộc, bám

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 175

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 467

Digitized by Google

sâu vào lòng dân tộc, gắn bó với dân tộc. Đây là tiền đề để tạo ra sức mạnh nội lực và từng bước hình thành thế trận nhân dân, giành thắng lợi huy hoàng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1960, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: Thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ. Thắng nghèo nàn, lạc hậu còn khó hơn nhiều. Nhưng tư tưởng đó chưa được quán triệt, ít nhất trong 10 năm đầu khi cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một đảng thực sự cách mạng thì không sợ khuyết điểm. Với dũng khí của những người cộng sản chân chính, Đảng ta đã dám nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Lần đầu tiên trên diễn đàn Đại hội Đảng (1986), chúng ta đã thừa nhận *"những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy... là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan... Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa "tả" khuynh vừa "hữu" khuynh... chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản bước tiến của cách mạng... Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm"* (4).

Thừa nhận sai lầm để khắc phục, sửa chữa vì tiền đồ của dân tộc là thể hiện trí tuệ và bản lĩnh của một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính. Đó là một động lực làm cho Đảng ta phát triển không ngừng.

Hai mươi năm đổi mới là tiếp tục cuộc hành trình của trí tuệ và bản lĩnh Đảng ta, với sự khởi đầu tốt đẹp là nhận thức và đối xử một cách chân thực và công bằng với lịch sử. Trong đổi mới, Đảng ta và mỗi cán bộ, đảng viên đã nhận thức được sai lầm, khuyết điểm và từng bước sửa chữa. Đây chính là điều mà Hồ Chí Minh đã đúc kết thành chân lý: *"Một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"* (5).

Nhờ rút ra được những bài học lịch sử nên sau 10 năm trì trệ (1975 - 1985), Đảng ta mạnh dạn đi vào con đường đổi mới, mặc dầu biết rõ phải mò mẫm và có nhiều vấp váp. Tuy chưa có nhiều kinh nghiệm, nhưng ta không dập khuôn theo các nước. Khẳng định phải đổi mới nhiều mặt, nhưng trước hết là đổi mới tư duy, rồi đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Cách làm này không xáo trộn tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn đầu. Muốn đổi mới tư duy, ngay từ đầu (12-1986) Đảng ta đã xác định: "phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh" (6). Đến Đại hội VII (6-1991), khi kẻ thù công kích chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từng bước làm mục ruỗng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, Đảng ta vẫn khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động" (7). Từ đó trở đi, nội dung này luôn được xác định là một trong những quan điểm có tính nguyên tắc và nằm trong bài học hàng đầu đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi.

Cũng trong thời điểm nhạy cảm của thời đại (1991), Đảng ta thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đến hôm nay, thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua gần 20 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng và

(4) Xem: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1987, tr 26 - 28

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 261

(6) *Văn kiện đã dẫn*, tr 125

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1992, tr 127

Digitized by Google

đến Đại hội IX của Đảng (4-2001) khẳng định rõ: "Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới" (8).

Đứng ở Đại hội IX nhìn lại, mặc dầu "trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng cũng có lúc phạm phải sai lầm khuyết điểm", nhưng nhìn thẳng suốt, không chỉ so với quá khứ mà đặt mình trong khu vực và thế giới trong bối cảnh hiện nay, chúng ta vẫn hoàn toàn có quyền tự hào rằng: ***75 mùa xuân - đó là cuộc hành trình trí tuệ và bản lĩnh Đảng ta.*** Cuộc hành trình đang tiếp tục và những thập niên đầu của thế kỷ XXI mới là giai đoạn cam go, quyết liệt. Chúng ta ở trong bối cảnh thế giới của một nền khoa học - công nghệ đang phát triển như vũ bão, của kinh tế tri thức, của một diễn biến lịch sử với trình độ ngày càng cao của con người và của nền dân chủ, với sự phát triển của xã hội loài người. Các thế lực thù địch đang tìm trăm phương, nghìn kế gây sức ép với ta. Nhiều thách thức lớn đang là cản trở không nhỏ đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhận thức đúng cơ hội và thách thức đan xen cũng là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Vấn đề đặt ra là Đảng phải tiếp tục cuộc đồng hành cùng dân tộc, bám rễ sâu trong truyền thống và bản sắc dân tộc với tinh thần độc lập, tự chủ, theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Trí tuệ của Đảng là biết phát huy tối đa trí tuệ của dân, của mỗi người Việt Nam yêu nước, vì có dân là có tất cả. Đảng ta đã tổng kết: *"Từ trước đến nay, bất cứ việc gì đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, của toàn Đảng, được nhân dân và toàn Đảng đồng lòng góp sức thì nhất định thắng lợi"*. Bản lĩnh của Đảng là dám "nhận rõ và sửa chữa bằng được những vấn đề tồn tại, những sai lầm, khuyết điểm và tự vươn lên chính bản thân mình". ❑

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83

CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI...

(Tiếp theo trang 47)

V.I. Lê-nin và các đồng chí trung kiên của Người đề ra và cụ thể hóa trên đất nước Nga, được thể hiện sâu sắc trong những bài nói và bài viết của Người thời kỳ này.

Những bước đi đầu tiên, có tính quyết định đến vận mệnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trẻ tuổi, đó là những bước đi nhằm xây dựng một chính quyền vững mạnh, xứng đáng là công cụ của giai cấp vô sản trong việc quản lý tổ chức công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước và xây dựng hợp tác xã, thực hiện những bước đi quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cho đến cuối đời, trong những bài viết có tính chất di chúc chính trị như *Bàn về chế độ hợp tác, Thà ít mà tốt* v.v., V.I. Lê-nin vẫn còn trăn trở về việc làm sao có thể thực hiện tốt nhất những bước đi đó.

Có thể nói toàn bộ cuộc đời của V.I. Lê-nin đã cống hiến trọn vẹn cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, nhằm mục đích giải phóng giai cấp vô sản và toàn thể nhân loại thoát khỏi mọi ách áp bức bóc lột, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, chúng ta đã và đang cố gắng thực hiện những điều chỉ dẫn của V.I. Lê-nin, "thực hiện những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta"(1). Bởi vì, đúng như lời Bác Hồ kính yêu đã nói, "Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta"(2), đó là cách tốt nhất để tỏ lòng tôn kính và biết ơn V.I. Lê-nin về những cống hiến của Người cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân toàn thế giới, cho công cuộc cách mạng của chúng ta hiện nay. ❑

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 1, tr 237

Digitized by Google

Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG *

QUY hoạch cán bộ là một chủ trương lớn của Đảng ta. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu trong công tác cán bộ của Đảng. Trong chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) thông qua, giải pháp đầu tiên trong xây dựng đội ngũ cán bộ là xây dựng quy hoạch cán bộ. Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ và đề ra nhiệm vụ: trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn.

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cán bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố đã tiến hành công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. Từ đó, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động và luân chuyển cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho các kỳ đại hội và bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Tuy đạt được một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận, nhưng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý còn nhiều thiếu sót, nhược điểm: tình trạng nhận thức chưa đầy đủ, chưa đồng đều về tầm quan trọng, nội dung, phương pháp quy hoạch; chưa có sự gắn kết các quy hoạch của các địa phương với quy hoạch của các bộ, ngành ở trung ương, giữa cán bộ trong và ngoài lực lượng vũ trang, giữa các cơ quan đảng và bộ máy nhà nước; thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ chưa được quy định rõ. Quy hoạch cán bộ còn mang tính hình thức, chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đội ngũ cán bộ hiện có, còn khép kín trong từng địa phương, đơn vị; chưa gắn quy hoạch với các khâu đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

1 - Mục tiêu của quy hoạch cán bộ là bố trí sắp xếp toàn bộ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong toàn hệ thống chính trị theo một trình tự có kế hoạch, để trên cơ sở đó công tác luân chuyển, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ một cách hợp lý nhất, có hiệu quả nhất.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý là quy hoạch cả một đội ngũ cốt cán. Từ khi chuẩn bị đội ngũ cho đến khi bố trí cán bộ cụ thể vào các vị trí cụ thể phải trải qua một thời gian dài. Trong quá trình đó, sự phát triển của mỗi cá nhân không đồng nhất, có người vươn lên, nổi trội lên, có người chững lại, thậm chí có người thoái hóa, biến chất. Nói đến quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý là nói đến việc chuẩn bị một đội ngũ. Trên cơ sở đó mà sắp xếp, bố trí những con người cụ thể vào những cương vị thích hợp.

* TS. Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức, Ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

Muốn có nguồn cán bộ để quy hoạch phải đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hệ thống giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay mới tạo ra nguồn nhân lực chung cho xã hội. Muốn có một đội ngũ cán bộ có tài năng và phẩm chất tốt đủ sức giữ cương vị lãnh đạo, quản lý phải có một *hệ thống đào tạo chuyên biệt;* phải tạo điều kiện và cơ hội để đội ngũ cán bộ trong quy hoạch thể hiện năng lực, phẩm chất, phong cách, uy tín của mình trước quần chúng. Cơ hội và điều kiện đó bao gồm cả việc thay đổi vị trí công tác, đề bạt, sự tiếp cận với nhân dân cũng như các điều kiện vật chất cần thiết để tránh những khó khăn dẫn đến sự hà lạm công quỹ.

2 - Đối tượng quy hoạch là các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trung ương đến cơ sở. Trách nhiệm làm công tác quy hoạch cán bộ là tổ chức đảng mà cụ thể là của cấp ủy. Xuất phát từ vai trò và nhiệm vụ của mình, Đảng không thể buông lỏng, hoặc nhường quyền quan trọng đó cho bất kỳ một lực lượng nào khác. Nếu Đảng không làm quy hoạch cán bộ tức là không nắm được lực lượng chủ chốt của Đảng nói riêng và hệ thống chính trị nói chung. Kinh nghiệm chỉ rõ, một khi không nắm được lực lượng này thì sớm, muộn, Đảng cũng sẽ mất vai trò cầm quyền trong xã hội. Ban Thường vụ các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các ban đảng và cơ quan các cấp là cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ với các nội dung cụ thể sau đây: xây dựng và báo cáo cấp trên quyết định quy hoạch các chức danh cán bộ công tác tại cơ quan, tổ chức mình nhưng thuộc cấp trên quản lý. Quyết định quy hoạch các chức danh cán bộ cấp mình trực tiếp quản lý, kể cả cán bộ công tác tại cơ quan, đơn vị cấp dưới. Hướng dẫn cấp dưới quy hoạch cán bộ các chức danh phân cấp cho cấp dưới quản lý.

3 - Quan điểm cơ bản về công tác cán bộ của Đảng ta là xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ của tổ chức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc:

- Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tôn trọng pháp luật Nhà nước và Điều lệ của các tổ chức, phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Quy hoạch phải xuất phát từ thực tiễn trên cơ sở nắm chắc đội ngũ cán bộ hiện có, nguồn cán bộ hiện có và dự báo trước yêu cầu phát triển, nhu cầu bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý sắp đến;

- Quy hoạch cán bộ phải gắn với các khâu trong công tác cán bộ như: đánh giá, luân chuyển, sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ... Nếu như đánh giá cán bộ giữ vị trí là tiền đề, thì quy hoạch cán bộ giữ vị trí là nền tảng trong công tác cán bộ. Đánh giá nhằm lựa chọn cán bộ nguồn đưa vào quy hoạch, và trên cơ sở quy hoạch để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí và sử dụng cán bộ;

- Quy hoạch cán bộ phải được tiến hành đồng bộ trong cả 4 cấp từ trung ương đến cơ sở. Quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên, quy hoạch cấp trên thúc đẩy và tạo điều kiện cho quy hoạch cấp dưới. Quy hoạch cán bộ phải đảm bảo nguyên tắc "động" và "mở". Hằng năm, phải rà soát lại đội ngũ cán bộ trong quy hoạch để có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Những cán bộ ở trong diện quy hoạch nhưng sau thời gian phấn đấu bộc lộ những hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu cần được đưa ra khỏi diện quy hoạch. Đồng thời xem xét, bổ sung những cán bộ trẻ có triển vọng phát triển đưa vào quy hoạch.

- Quy hoạch cán bộ phải được tiến hành công khai và dân chủ, từ khâu đánh giá, tuyển

Digitized by Google

chọn đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực tiễn và bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời phải công khai kết quả đánh giá quá trình phấn đấu của từng cán bộ trong quy hoạch để cho toàn thể cán bộ, quần chúng được biết. Cấp ủy các cấp phải thường xuyên chú ý lắng nghe ý kiến đánh giá, nhận xét của quần chúng đối với những cán bộ trong quy hoạch.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc lĩnh vực tổ chức, liên quan đến nhiều khâu, nhiều quá trình gắn kết hữu cơ với nhau của công tác cán bộ, công tác tổ chức. Quy hoạch cán bộ tạo ra định hướng cơ bản để thực hiện luân chuyển cán bộ. Quy hoạch đúng thì luân chuyển có hiệu quả. Nếu quy hoạch không đúng cán bộ được luân chuyển sẽ không phát huy tốt khả năng, nhiều khi còn làm ảnh hưởng tới chủ trương luân chuyển cán bộ của Đảng.

4 - Xây dựng quy hoạch cán bộ phải căn cứ vào mục tiêu phát triển, yêu cầu công tác, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, vào tiêu chuẩn chung của cán bộ lãnh đạo, quản lý để lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch. Trong điều kiện hiện nay, tiêu chuẩn về năng lực và phẩm chất của người cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện đưa vào quy hoạch phải được đánh giá thông qua các mặt sau: *Một là,* có năng lực thực tiễn thể hiện ở hiệu quả công việc, mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; có khả năng đoàn kết, quy tụ cán bộ và cấp dưới; năng lực tổ chức, điều hành để thúc đẩy sự phát triển lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. *Hai là,* có đạo đức, lối sống trong sạch, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; bản thân cán bộ và gia đình phải gương mẫu chấp hành đúng pháp luật, không lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng. Đồng thời cán bộ đưa vào quy hoạch phải là những nhân tố mới, năng động, sáng tạo, có nhiều triển vọng phát triển, trong tương lai góp phần tăng cường năng lực của toàn đội ngũ cán bộ ở tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Các địa phương, các ngành, các cấp có trách nhiệm căn cứ các tiêu chuẩn chung của cán bộ nói trên và nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình để xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho các chức danh cán bộ thuộc cấp mình quản lý, đồng thời theo các tiêu chuẩn đó tiến hành đánh giá cán bộ đưa vào quy hoạch.

5 - Để làm tốt công tác quy hạch cán bộ, yêu cầu quan trọng là phải xây dựng được quy trình quy hoạch, trên cơ sở dự báo nhu cầu cán bộ, nhằm bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để quy hoạch cán bộ có tính thực tiễn, cần có nhiều phương án bố trí cho một cán bộ với dự kiến cho nhiều chức danh theo hướng gắn với chuyên môn được đào tạo, phù hợp với năng lực, trình độ của cán bộ. Khi xây dựng quy hoạch cán bộ, phải bám sát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị mình. Đổi mới tổ chức để chủ động làm tốt công tác về cán bộ, nhất là việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ các cấp, cho các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp những khóa tiếp theo. Đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, làm công tác quy hoạch cần chủ động làm tốt trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch quy hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý tổng hợp các thông tin về cán bộ, đề xuất và tổ chức thẩm định nhân sự; nghiên cứu các phương án quy hoạch, phân tích kỹ về chất lượng, cơ cấu... để xây dựng phương án tối ưu cho quy trình quy hoạch cán bộ. Nếu trong các phương án quy hoạch không bảo đảm tỷ lệ cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân từ công nhân, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, thì phải tích cực phát hiện, tìm nguồn bổ sung từ cấp

Digitized by Google

dưới và từ nơi khác. Bố trí, sử dụng cán bộ là việc sắp xếp phân công nhiệm vụ cho cán bộ trên cơ sở phẩm chất, năng lực, trình độ của họ để bố trí sử dụng đúng người, đúng việc nhằm đạt được mục tiêu hoàn thành công việc chung và nhiệm vụ của mỗi cán bộ nhằm tạo ra sự đồng bộ trong bộ máy của một cơ quan, đơn vị, trong thế bố trí, sắp xếp chung.

Căn cứ vào tiêu chuẩn, yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý đã được quy định, căn cứ vào quy hoạch A1, A2, A3, A4 được điều chỉnh bổ sung hằng năm, ban thường vụ cấp ủy các cấp cần quy định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch

Để thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Các tỉnh, thành ủy mà trước hết là ban thường vụ cấp ủy và đồng chí bí thư, cần tập trung chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ thuộc diện quản lý của cấp mình. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác quy hoạch cán bộ của cấp dưới. Chủ động phối, kết hợp với các ngành, với các cơ quan trung ương có liên quan. Các ban tổ chức tỉnh, thành ủy chủ động đề xuất, xây dựng quy hoạch cán bộ cấp tỉnh theo những nội dung, quy định của Trung ương.

Cần đặc biệt coi trọng và làm tốt việc định kỳ đánh giá, rà soát, bổ sung quy hoạch; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ theo quy hoạch.

Trong công tác quy hoạch cán bộ, phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo xây dựng, thực hiện, thường xuyên kiểm tra, kịp thời bổ sung, điều chỉnh quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ thay thế theo quy hoạch đã được tập thể thông qua. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được công khai trong ban thường vụ, do ban thường vụ xét duyệt, điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Trong công tác quy hoạch cán bộ, cần thực sự phát huy dân chủ, thu hút sự tham gia của cấp dưới, cơ sở, của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân, coi trọng lắng nghe ý kiến các đồng chí lãnh đạo các thời kỳ am hiểu về cán bộ, nhất là trong việc đánh giá cán bộ và phát hiện nguồn; thông qua các hình thức như lấy phiếu giới thiệu tín nhiệm, tiến cử cán bộ, nhận xét cán bộ định kỳ, sinh hoạt tự phê bình và phê bình.

Định kỳ hằng năm, ban thường vụ tỉnh, thành ủy kiểm điểm công tác quy hoạch cán bộ và báo cáo với Ban Tổ chức Trung ương và cấp ủy cấp trên. Ban Tổ chức Trung ương và cấp ủy cấp trên phải kiểm tra và phê duyệt quy hoạch cán bộ của cấp ủy cấp dưới theo sự phân cấp quản lý.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trung ương tới cơ sở có đủ phẩm chất và năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, các cấp ủy cần tích cực triển khai chiến lược cán bộ, coi trọng quy hoạch, lựa chọn, bố trí, sử dụng đúng người đứng đầu và người kế cận. Từng ngành, từng cấp, từng cơ quan, đơn vị cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thực trạng đội ngũ cán bộ hiện có, nhiệm vụ và yêu cầu của đội ngũ cán bộ sắp tới để xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý, nhất là quy hoạch người đứng đầu. Từ đó, có kế hoạch rèn luyện cán bộ trong thực tiễn, qua đó phát hiện, lựa chọn những nhân tố mới, chủ động đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ưu tú của Đảng và Nhà nước ở tất cả các cấp. ❑

Digitized by Google

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

HỒ VĂN VĨNH *

ĐỔI mới tư duy lý luận làm cơ sở cho đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn được đánh dấu bằng những mốc lịch sử quan trọng, đó là Chỉ thị 100 CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị ngày 5-4-1988; sự ra đời của Luật Hợp tác xã được thông qua ngày 20-3-1996 tại Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa IX.

Thực hiện đường lối đổi mới hợp tác xã nông nghiệp của Đảng và thi hành Luật Hợp tác xã, tất cả các địa phương đều đã tập trung chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ sang hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới cho phù hợp với quy luật kinh tế thị trường và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp dựa trên quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của hộ nông dân. Xuất phát từ đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, sự vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới hợp tác xã nông nghiệp của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp đã diễn ra hết sức đa dạng và phong phú. Đáng chú ý là đã xuất hiện nhiều mô hình hợp tác xã nông nghiệp làm ăn có hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của hộ nông dân trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Có thể khái quát thành hai cách làm chủ yếu: chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ sang hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp.

- *Trong cách thứ nhất, chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ thành hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới* về cơ bản đã giữ nguyên hợp tác xã nông nghiệp cũ, nhưng đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã bao gồm các nội dung: kiểm kê, xử lý tài sản, công nợ của hợp tác xã cũ, đăng ký lại danh sách xã viên, xây dựng Điều lệ Hợp tác xã, tổ chức lại hệ thống dịch vụ và bộ máy quản lý của hợp tác xã nông nghiệp. Cách làm này khá phổ biến ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Chẳng hạn, ở tỉnh Thái Bình sau chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã đã có 313 hợp tác xã nông nghiệp được chuyển đổi trong số 320 hợp tác xã nông nghiệp cũ với số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đạt 98,9% tổng số hộ của cả tỉnh; ở tỉnh Hải Dương từ năm 1997 đến năm 2000 đã có 379/382 hợp tác xã thực hiện chuyển đổi, đạt 99,2% số hợp tác xã nông nghiệp và hầu hết số hộ nông dân đều tham gia hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; ở tỉnh Nam Định có 445 ngàn hộ nông dân tham gia vào

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

313 hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, chiếm gần 100% số hộ nông dân của cả tỉnh. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001 của Tổng cục Thống kê, cả nước có 7.171 hợp tác xã trong nông nghiệp, trong đó riêng vùng đồng bằng sông Hồng có 3.311 hợp tác xã, chiếm tới 46% số hợp tác xã nông nghiệp cả nước, còn ở 5 tỉnh Bắc Trung Bộ bao gồm từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế có 1.114 hợp tác xã, chiếm 15,5% số hợp tác xã nông nghiệp của cả nước.

Cách chuyển đổi này có nhiều hạn chế, vẫn mang nặng tính hình thức; tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế lợi ích chưa có sự đổi mới căn bản, chưa tạo được động lực phát triển mới và gắn bó lợi ích của các hộ xã viên. Cụ thể số hộ nông dân tham gia hợp tác xã đông vì chủ yếu vẫn theo cách "đánh trống ghi tên", nên họ không góp vốn hoặc góp chiếu lệ, nơi thấp chỉ 30 - 50 ngàn đồng, nơi cao cũng chỉ trên dưới 100 ngàn đồng/mỗi hộ, bản thân xã viên không có động lực kinh tế, hợp tác xã nông nghiệp thì không có nhiều vốn để hoạt động kinh doanh.

- *Cách làm thứ hai, thành lập hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới bao gồm thành lập hợp tác xã nông nghiệp mới hoàn toàn và thành lập hợp tác xã nông nghiệp mới trên cơ sở giải thể hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ.* Đây là cách làm chủ yếu ở các tỉnh phía Nam bao gồm vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Cách làm này có ưu điểm chính là xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế hộ, bảo đảm tính tự chủ cao, nên nông dân tự nguyện góp vốn lớn để đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động kinh doanh của hợp tác xã. Phương thức hoạt động cũng gắn được quyền lợi và trách nhiệm của từng hộ xã viên đối với hợp tác xã nông nghiệp. Những người sáng lập thường có trình độ chuyên môn kỹ thuật và trình độ kinh doanh và trở thành cán bộ quản lý hợp tác xã năng động, sáng tạo, thích ứng được với cơ chế thị trường, phát triển vững chắc và có hiệu quả.

Ở các tỉnh phía Bắc, cũng xuất hiện một số hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới theo đúng nguyên tắc của Luật Hợp tác xã thì kinh doanh phát triển và có hiệu quả.

Hạn chế cơ bản của cách làm này, trước hết, có lẽ ở số lượng hợp tác xã và số hộ nông dân tham gia, số hộ nghèo tham gia hợp tác xã nông nghiệp còn quá ít. Chẳng hạn, tại xã Xuân Tây, Xuân Lộc, Đồng Nai có trên 3.000 hộ nông dân, nhưng chỉ có 1 hợp tác xã nông nghiệp với 21 xã viên. Điều này không phù hợp với bản chất và mục đích của hợp tác xã nông nghiệp là nơi để người nghèo, người ít có những lợi thế có điều kiện để giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau cùng góp sức, góp của thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, thoát khỏi đói nghèo và từng bước vươn lên khá và giàu.

Điều đó hạn chế mở rộng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nhất là đối với các tỉnh Nam Bộ, nơi có điều kiện và truyền thống phát triển nông nghiệp hàng hóa, nhưng số hợp tác xã nông nghiệp và số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp còn quá ít. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001 của Tổng cục Thống kê, vùng Đông Nam Bộ tổng số có 191 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó thành lập mới là 45 hợp tác xã; vùng đồng bằng sông Cửu Long có 424 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 383 hợp tác xã mới thành lập; số lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ở hai vùng này lại quá ít: Đông Nam Bộ có 6.978 người, bình quân 36 người/hợp tác xã, đồng bằng sông Cửu Long có 6.355 người, bình quân 15 người/hợp tác xã.

Theo chúng tôi, hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế do những người nông dân tự nguyện thành lập nhằm mục đích trợ giúp các

Digitized by Google

hoạt động nông nghiệp của họ thông qua việc cung cấp các dịch vụ giá rẻ do lợi thế về quy mô và phân công chuyên môn hóa lao động, dựa trên nền tảng kinh tế của hộ nông dân, mà đa số họ là những người yếu thế về trình độ học vấn, trình độ kỹ thuật - công nghệ và khả năng hạn hẹp về vốn, theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi và cần có sự hỗ trợ của Nhà nước. Đây là nét khác cơ bản với kiểu góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần.

Mở rộng các hình thức hợp tác trong nông nghiệp nói chung và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp nói riêng là một bộ phận của xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả quan hệ sở hữu và hình thức tổ sản xuất và quản lý. Trong đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay, chúng ta thực hiện chính sách đa dạng hóa hình thức sở hữu và tổ chức sản xuất - quản lý với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Do đó, trong nông nghiệp, nông thôn tồn tại nhiều thành phần kinh tế có quyền bình đẳng trước pháp luật, cùng hợp tác và cạnh tranh với nhau. Phát triển các loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp đa dạng, từ hộ nông dân tự chủ đến hợp tác xã, kinh tế trang trại, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... trong tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội: sản xuất, dịch vụ, chế biến nông sản, thương mại... các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế muốn tồn tại và phát triển đều phải có sự hợp tác với nhau theo quan hệ thị trường.

Khác với trước đây, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ngày nay được quan niệm rộng hơn, toàn diện hơn, chuyển đổi về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn với thị trường, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần ở nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, bao gồm thủy lợi hóa, cơ khí hóa, điện khí hóa, sinh học hóa, thị trường hóa, hợp tác hóa, nhân văn hóa... Nghĩa là, chuyển đổi nền kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở nông nghiệp sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở công nghiệp và dịch vụ, xét cả về tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động với phương thức và trình độ cao về phân công và hợp tác lao động xã hội.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và ưu tiên công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển hợp tác xã nông nghiệp vừa là nội dung quan trọng, vừa là tiền đề của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mối quan hệ tác động qua lại giữa hợp tác xã nông nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện trên những nét sau đây:

Thứ nhất: Phát triển hợp tác xã nông nghiệp sẽ tạo nên sự phân công lao động và tổ chức lao động mới, vừa tạo ra năng suất lao động và năng suất nông nghiệp cao, vừa tạo điều kiện để chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ, thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn. Đó cũng là một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay.

Thứ hai: Nhờ phát triển hợp tác xã nông nghiệp với sự góp vốn của hộ xã viên thỏa đáng mà hợp tác xã nông nghiệp đủ sức hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng và có điều kiện ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đây cũng là một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thứ ba: Nhờ phát triển hợp tác xã nông nghiệp mới tạo ra quy mô sản xuất hàng hóa lớn thích ứng với nhu cầu của thị trường, hạn chế và khắc phục dần tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún, mang nặng tính tự cung, tự cấp của kinh tế hộ còn đang phổ biến ở nước ta hiện nay.

Digitized by Google

Thứ tư: Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức kinh tế của nông dân đồng thời là một trường học thực tế để nâng cao trình độ của người lao động và đào tạo, rèn luyện những cán bộ quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa đặt ra yêu cầu của hợp tác hóa nói chung và phát triển hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, vừa tạo điều kiện để thúc đẩy và hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, nhất là cung cấp phương tiện kỹ thuật và công nghệ cho hợp tác xã nông nghiệp để tiến hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Sự phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đang gặp nhiều mâu thuẫn và khó khăn, trước hết là đang đứng trước một nghịch lý giữa lý luận và thực tiễn. Về lý luận, ai cũng thấy hợp tác nói chung và hợp tác xã nông nghiệp là cần thiết và có lợi cho chính người nông dân, được Đảng và Nhà nước quan tâm (có Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội Nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Quốc hội đã có Luật Hợp tác xã năm 1996 và Luật Hợp tác xã sửa đổi bổ sung năm 2003), nhưng trên thực tế việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp vẫn mang nặng tính hình thức, phát triển chậm chạp và số hộ nông dân thực sự tham gia còn quá ít. Theo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001, số lao động thực sự làm việc trong các hợp tác xã nông nghiệp chỉ bằng 0,68% tổng số lao động hiện có trong nông thôn. Tuyệt đại đa số lao động nông nghiệp và nông thôn làm việc trong các hộ nông dân tự chủ, tuy vẫn được hợp tác xã cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng không là xã viên và do đó thiếu mối quan hệ gắn bó giữa hộ tự chủ với hợp tác xã. Họ có thể sử dụng hoặc không sử dụng dịch vụ của hợp tác xã là tùy thuộc vào giá cả và tinh thần phục vụ. Như vậy, hợp tác xã nông nghiệp chưa tạo được một sức hút mạnh mẽ các hộ nông dân tham gia hợp tác. Trước thực trạng đó, bước đầu, xin được nêu một số nguyên nhân chủ yếu:

1 - Các hộ nông dân chưa có nhu cầu và động lực tham gia hợp tác. Do đất chật người đông, lao động nông nghiệp dư thừa nhiều, thời gian nông nhàn lớn, nhiều hộ nông dân chưa có nhu cầu hợp tác, cộng với tâm lý sợ mất tự chủ trong sản xuất kinh doanh và tâm lý mặc cảm, định kiến và hoài nghi đối với mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ, trong khi nguyên tắc tham gia hợp tác xã là tự nguyện, dân chủ, hộ nông dân chưa thấy rõ lợi ích kinh tế nên chưa có động lực vào hợp tác xã nông nghiệp.

2 - Bản thân hợp tác xã nông nghiệp hoạt động kinh doanh còn nhiều hạn chế, chưa thích ứng với sản xuất hàng hóa và chưa nêu gương về mô hình tổ chức sản xuất tiên tiến và hiệu quả. Ngoại trừ một số mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, năng động và kinh doanh có hiệu quả, đại bộ phận hợp tác xã nông nghiệp còn lại vẫn hoạt động theo nếp cũ, chuyển sang làm dịch vụ được chăng hay chớ, chưa quan tâm nhiều đến mục tiêu hiệu quả kinh tế, mà nặng về mặt chính trị - xã hội.

3 - Còn thiếu những cán bộ cốt cán quản lý hợp tác xã nông nghiệp có trình độ, kinh nghiệm và có tâm huyết vì lợi ích của hợp tác xã và xã viên. Chủ nhiệm hợp tác xã, ban quản trị chưa được tuyển chọn, rèn luyện, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện quản lý kinh doanh nông nghiệp trong kinh tế thị trường.

4 - Sự chỉ đạo chuyển đổi và phát triển hợp tác xã nông nghiệp còn nhiều mặt hạn chế cả về tuyên truyền giáo dục, tổ chức, cơ chế chính sách, điều hành cụ thể đối với phong trào hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp. Chính quyền địa phương nhiều nơi vẫn duy trì hợp

Digitized by Google

tác xã nông nghiệp một cách hình thức với nhiều lý do khác nhau và do đó tạo nên sự trì trệ đối với phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

Bởi vậy, để hợp tác xã nông nghiệp phát triển có hiệu quả, phát huy vai trò hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ và trang trại, gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là: Tiếp tục đổi mới nhận thức về hợp tác xã nông nghiệp, nhất là nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò và tác dụng của hợp tác xã nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và đưa nông nghiệp nước ta phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc tổ chức và quản lý: tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và có sự hỗ trợ của Nhà nước, phù hợp nguyên tắc của Liên minh các hợp tác xã quốc tế nhằm thích ứng với quá trình hội nhập quốc tế. Từ thay đổi nhận thức về hợp tác xã nông nghiệp cần sớm khắc phục những mặc cảm, định kiến với mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ và đổi mới cơ chế chính sách, chỉ đạo thực tiễn phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong mối liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức sản xuất khác nhằm mục tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội.

Hai là: Phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa, khắc phục tình trạng manh mún, khép kín, tự cấp tự túc của kinh tế hộ nhằm tạo nhu cầu và động lực tham gia hợp tác xã nông nghiệp của kinh tế hộ. Trên cơ sở tích tụ, tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa mà phân công lao động xã hội, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ theo phương châm "Ai giỏi nghề gì làm nghề đó". Nhà nước có chính sách tài chính - tín dụng, chính sách khoa học - công nghệ và khuyến nông, chính sách đầu tư, chính sách thị trường, chính sách lao động... để hỗ trợ cho kinh tế hộ nông dân dần chuyển sang sản xuất hàng hóa bền vững và có hiệu quả.

Ba là: Coi trọng công tác cán bộ cho hợp tác xã nông nghiệp. Thực tế cho thấy rằng, cán bộ chủ chốt của hợp tác xã nông nghiệp, trước hết là chủ nhiệm hợp tác xã có vai trò quyết định đối với sự thành bại của hợp tác xã nông nghiệp. Do đó, việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cũng như cơ chế chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã và ban quản trị phải được coi trọng và đổi mới cơ bản theo nguyên tắc lấy mục tiêu hiệu quả kinh doanh của hợp tác xã làm tiêu chí xem xét hàng đầu.

Bốn là: Mở rộng liên kết hợp tác giữa hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Đặc điểm của kinh tế thị trường là cạnh tranh và hợp tác, do đó từng hợp tác xã nông nghiệp không thể khép kín mà phải mở rộng hợp tác với các hợp tác xã nông nghiệp khác, chủ động tìm kiếm sự hợp tác và hỗ trợ của các doanh nghiệp lớn để nâng cao trình độ kinh doanh và sức cạnh tranh của mình.

Năm là: Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp, trước hết là triển khai tổ chức Luật Hợp tác xã, đưa Luật Hợp tác xã đi vào cuộc sống. Nhà nước có chức năng quản lý và hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu bằng cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức quản lý. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập Cục hợp tác xã là một bước tiến quan trọng. Vấn đề đặt ra là thực hiện đúng chức năng và xây dựng hệ thống tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp từ trung ương đến cơ sở, nhất là củng cố Liên minh hợp tác xã sao cho thiết thực và có hiệu quả, tránh hành chính hóa để chuyển mạnh sang các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ các hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. ❑

Digitized by Google

Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại

NGUYỄN ÁI ĐOÀN *

NGƯỜI ta đang bàn nhiều về chủ nghĩa tư bản hiện đại trong thế giới hiện nay, nhất là những ảnh hưởng, chi phối của nó tới quá trình toàn cầu hóa về kinh tế. Để hiểu rõ thực chất của vấn đề, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần tham khảo các cách tiếp cận khác nhau về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

1 - Từ chủ nghĩa tư bản công nghiệp đến chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật

"Chủ nghĩa tư bản tri thức", "chủ nghĩa tư bản tin học", "chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật" được nêu trong cuốn sách *Lịch sử chủ nghĩa tư bản 500 năm từ 1500 đến 2000* của Mai-cơn Bâu (Michel Beau). Một trong những dấu hiệu quan trọng nói lên sự biến đổi từ chủ nghĩa tư bản công nghiệp sang chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự gia tăng của "khu vực thứ ba", tức dịch vụ, bắt nguồn từ trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội, mà trong đó nhân tố quan trọng có tính quyết định là trình độ khoa học - kỹ thuật ngày càng cao. Chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật xuất hiện khi chủ nghĩa tư bản công nghiệp không còn đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển (ở các nước phương Tây sau thập niên 70 của thế kỷ XX). Trong khi ở một số nước thế giới thứ ba, nền kinh tế công nghiệp vẫn đang là mục tiêu phấn đấu, thì ở các nước phát triển người ta đã bắt đầu bàn tới những khái niệm mới như "phi công nghệ hóa" "xã hội hậu công nghiệp", "siêu công nghiệp", hay "kinh tế dịch vụ, vô hình, phi vật thể, thông tin...".

Thực chất chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật vẫn là chủ nghĩa tư bản công nghiệp, nhưng các công ty đã sử dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật ngày càng nhiều để đổi mới công nghệ sản xuất, tạo ra các sản phẩm mới, cũng như những phương pháp mới nhằm tái tạo vị thế lũng đoạn trong cuộc cạnh tranh diễn ra liên tục và khốc liệt.

Sự vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại, theo Bâu, mang tính hai mặt. Một mặt, chủ nghĩa tư bản công nghiệp lùi bước, và mặt khác, sự chuyển sang chủ nghĩa tư bản "hậu công nghiệp". Như thế, chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật chỉ là một bước tiến cao hơn của chủ nghĩa tư bản công nghiệp nhằm tăng sức mạnh và bảo đảm cho chủ nghĩa tư bản tồn tại trong những điều kiện mới.

2 - Từ chủ nghĩa tư bản tiền công sang chủ nghĩa tư bản tài sản

Có thể nói rằng đây là sự biến đổi quan trọng nhất trong lòng các nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Sự biến đổi này mang tính hai mặt: Một mặt, chủ nghĩa tư bản vẫn cho phép xuất hiện những nhà doanh nghiệp tư nhân nắm trong tay những tài sản riêng khổng lồ (lên tới hàng chục tỉ đô-la Mỹ) như Bin Gết (Bill Gate), Giếp-phơ-rây Bê-dô (Jeffrey Bezos), Sti-vơ Cây (Steve Case)... Mặt khác, những người lao động lại được đầu tư tài sản của mình vào các doanh nghiệp thông qua việc mua, bán cổ phiếu tại các sở giao dịch chứng khoán.

* TS, Trường đại học Bách khoa Hà Nội

Digitized by Google

Sách báo phương Tây gọi sự biến đổi trong phương thức cung cấp tài chính cho các doanh nghiệp trong chủ nghĩa tư bản hiện đại (từ chủ yếu qua các ngân hàng và nhà nước trước đây sang phương thức đóng góp bằng cổ phần) là sự biến đổi từ chủ nghĩa tư bản kiểu Pho (Ford) sang chủ nghĩa tư bản tài sản. Trong chủ nghĩa tư bản kiểu Pho, tiền công là động lực tạo ra lợi nhuận tư bản chủ nghĩa, nhưng những người làm công vẫn luôn bị lệ thuộc vào doanh nghiệp và vào quy trình sản xuất. Nhờ những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đem lại năng suất lao động cao hơn đã tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội tích lũy. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã tạo ra khả năng để người lao động có thể làm cho tài sản của họ sinh lợi thông qua việc nắm giữ các cổ phiếu. Bằng cách đó chủ nghĩa tư bản còn tạo thêm cơ hội cho họ tham dự trực tiếp hay gián tiếp vào cái gọi là "điều hành" doanh nghiệp thông qua đại hội cổ đông và tỷ lệ thuận với số cổ phiếu của mỗi cổ đông nắm giữ.

Ngoài ra, bằng các khoản tiền tiết kiệm, các quỹ hưu trí, quỹ bảo hiểm, quỹ trợ cấp..., người lao động cũng dần dần giành được quyền kiểm soát đối với doanh nghiệp thông qua sở giao dịch chứng khoán. Đây là thay đổi rất lớn xuất hiện trong lòng chủ nghĩa tư bản.

3 - Từ những người vô sản đến những người lao động có sở hữu

Do ít nhiều được nắm giữ một số cổ phiếu nào đó để trở thành cổ đông trong các công ty cổ phần mà ngày nay, trong chủ nghĩa tư bản hiện đại cái gọi là những người "vô sản" tuy vẫn còn, nhưng dường như không còn đông đảo, ít nhất là ở các nước tư bản phát triển Bắc Mỹ và Tây Âu. Nhiều tác giả đã chứng minh rằng: "Từ nửa sau thế kỷ XX, trên thế giới thấy nổi bật lên xu hướng dân chủ hóa sở hữu, thể hiện ở việc biến một bộ phận khá lớn những người lao động làm công thành người sở hữu, có quyền định đoạt phần tư bản thuộc về họ bằng sự tham gia quản lý các doanh nghiệp"(1).

Quá trình này đã trở nên phổ biến ở Mỹ từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX, với cái gọi là "Chương trình sở hữu cổ phần của người lao động" (ESOP - Employee Stock Ownership Plan), do chủ ngân hàng và đồng thời là nhà bác học Lu-i-sơ Ken-sơ (Louis Kelso) khởi xướng. Nếu vào giữa những năm 70, người lao động chỉ chiếm 8% toàn bộ sở hữu của các doanh nghiệp, thì đến thời điểm năm 1983, họ đã có 19% cổ phần, năm 1995 có 40,3%, và hiện nay có tới 76 triệu người, chiếm 43% số hộ của nước Mỹ, có sở hữu cổ phần hoặc phần đóng góp trong các quỹ việc làm.

Nhờ những biến đổi về sở hữu mà người lao động đã cảm thấy rõ có sự thay đổi mạnh trong tâm lý của họ. Khi đã trở thành người sở hữu một phần các cổ phiếu của doanh nghiệp, họ quan tâm trực tiếp tới hoạt động quản lý. Đồng thời cũng xuất hiện mối quan tâm vì lợi ích chung giữa nhà quản lý, người làm công và các cổ đông. Có tác giả thậm chí đã đưa ra khái niệm "người làm công - nhà tư bản" (salaries - capitalistes), nhưng điều đó đã được C. Mác dự báo từ thế kỷ thứ XIX, rằng chính bản thân những nhà máy hợp tác của công nhân với hình thức công ty cổ phần là một *lỗ thủng* đầu tiên trong hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sự đối kháng giữa lao động và tư bản đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành những *nhà tư bản với chính bản thân mình*, nghĩa là cho họ "có thể dùng tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ"(2). Rõ ràng là khi người lao động có quyền sở hữu theo sự đóng góp của mình thì cái lợi đem lại là các doanh nghiệp đều đạt được sự ổn định về nhân công hơn, điều mà trong chủ nghĩa tư bản trước đây chưa thể làm được.

---

(1) *Một chủ nghĩa tư bản mới hay những diện mạo mới của chủ nghĩa tư bản*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 142

(2) Xem: C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 25 Phần I, tr 673

Digitized by Google

4 - Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn tài chính

Trong khi một số người đang bàn nhiều về các quá trình "dân chủ hóa tư bản", mà họ coi là xu hướng chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại, thì nhiều nhà nghiên cứu khác, lại tập trung vào việc phân tích sâu tính chất lũng đoạn của nó ngày một tinh vi nhưng khốc liệt, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Tiêu biểu cho những nghiên cứu này là Giên-Clót Đê-lo-nây (Jean-Claud Delaunay), theo ông: Xã hội đang hình thành mang bản chất tư bản chủ nghĩa. Nó không phải là hậu công nghiệp, hậu Pho, hay hậu nào khác. Nó là chủ nghĩa tư bản, thậm chí còn mang tính chất tư bản chủ nghĩa "ác liệt" hơn bao giờ hết. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản tài chính, giống như những biểu hiện của nó ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhưng không đơn giản là "tư bản tài chính" (capital financier), mà là "chủ nghĩa tư bản tài chính" (capitalisme financier). Không những thế nó còn là một thứ chủ nghĩa tư bản ăn bám, lũng đoạn tinh xảo hơn trước đây rất nhiều lần. Ngày nay, chủ nghĩa tư bản không chỉ chi phối duy nhất bằng con đường tài chính, mà bằng các dịch vụ, trong đó việc chi phối thông tin và tri thức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Theo ông, chủ nghĩa tư bản tiền tệ trước kia nay đã trở thành chủ nghĩa tư bản tài chính. Mục đích cuối cùng của các doanh nghiệp vẫn luôn là lợi nhuận, nhưng nếu trước đây tư bản chỉ thể hiện bằng tiền, thì nay, ngoài tiền còn có các chứng chỉ tài chính. Các sản phẩm tài chính được mua bán trên thị trường, nhưng giá cả của nó không gắn liền với giá trị như trong thời chủ nghĩa tư bản công nghiệp, bởi người ta không sản xuất trái phiếu như một thứ hàng hóa thông thường.

Khái niệm giá trị, theo nghĩa kinh tế học cổ điển và nhất là theo C. Mác, không áp dụng được đối với thứ hàng hóa đặc biệt này, vì nó không gắn liền với năng suất lao động sống và quá khứ của ngành tài chính và các ngành khác như sản phẩm công nghiệp. Mua và bán các sản phẩm tài chính (các chứng khoán chẳng hạn) không phải là mua và bán những hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp. Việc mua chứng khoán gắn liền với hy vọng kiếm lãi, còn việc bán chứng khoán lại gắn liền với dự đoán có thể thua lỗ, giảm giá. Các hoạt động đầu cơ cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trở thành phổ biến, có cả các hoạt động đầu cơ giá lên và cả đầu cơ giá xuống. Việc mua bán ấy, trong thời đại hiện nay được thực hiện không phải bằng tiền mặt, mà bằng những chứng chỉ tài chính.

Điều này làm cho phương thức tăng thêm giá trị của tư bản cũng khác đi. Theo Đê-lo-nây đây lại không phải là "chủ nghĩa tư bản thực lợi", nghĩa là cho vay lấy lãi. Nếu chủ nghĩa tư bản thực lợi chỉ tham dự vào quá trình phân phối theo lối ăn bám, thì chủ nghĩa tư bản tài chính hiện đại lại có thể là một động lực tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển, nhất là trong công nghệ và dịch vụ. Đê-lo-nây nhấn mạnh: "Tư bản tài chính không nằm bên ngoài những biến đổi sản xuất ở các nước phát triển. Nó không chỉ là hậu quả khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. Nó còn là sản phẩm của những hàng hóa, đặc biệt là dịch vụ và thông tin. Nó vừa là cái vỏ cơ cấu, vừa là hệ thống chuyển tải... Cắm chặt vào các công nghệ mũi nhọn, được những sức mạnh tư nhân của nền kinh tế thúc đẩy, nó không phải là "thực lợi" theo cách hiểu của thế kỷ XIX (thu lợi tức qua trung gian nhà nước (thuế) và hoàn toàn tách rời khỏi sản xuất)"[3].

Tác dụng của chủ nghĩa tư bản tài chính đến đâu thì còn phải làm rõ, nhưng tính chất ăn bám và bịp bợm thì không những vẫn còn mà thậm chí lại tinh vi và tàn bạo hơn trước. Trong khi đó, chính C. Mác cũng đã dự báo về một xu thế phát triển mới của chủ nghĩa tư bản ngay từ cuối thế kỷ thứ XIX, khi trong lòng nó đã xuất hiện

(3) *Một chủ nghĩa tư bản mới hay những diện mạo mới của chủ nghĩa tư bản*. Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 234-235

Digitized by Google

các công ty cổ phần và thị trường chứng khoán, và cho rằng: "Chính trong quá trình này sẽ phát sinh ra một loại ăn bám mới - quý tộc tài chính mới và cả một hệ thống lừa đảo và bịp bợm về việc sáng lập, phát hành và buôn bán cổ phiếu"(4). Không khéo, cái "động lực tích cực" cũng nằm trong "hệ thống" này, cũng giống như người lao động có được một ít tích lũy để mua cổ phiếu và trở thành sở hữu, nhưng họ có hiểu được rằng, trên thực tế với trình độ lực lượng sản xuất và năng suất lao động như hiện nay ở các nước tư bản phát triển họ, thậm chí, có thể có khoản tích lũy cao gấp trăm, ngàn lần so với cái hiện có?.

5 - Chủ nghĩa tư bản thế giới

Bằng những cách tiếp cận theo kiểu thực chứng, không ít tác giả phương Tây cho rằng: chưa bao giờ chủ nghĩa tư bản mang tính thế giới đầy đủ và toàn vẹn như hiện nay. Nó thật sự chi phối và bao trùm lên toàn thế giới, không trừ một lục địa nào. Nó đang tìm cách "can dự" vào tất cả. Nó thúc đẩy quá trình hàng hóa hóa, tiền tệ hóa tất cả các nền kinh tế hiện có. Trong mười năm vừa qua, quá trình toàn cầu hóa về kinh tế và thương mại đã góp phần vào sự "bùng nổ" của nền kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế đã tạo ra hàng triệu việc làm, đem lại điện thoại cho 300 triệu hộ, chuyển gần 2.000 tỉ USD từ các nước giàu sang các nước nghèo dưới hình thức đầu tư bằng cổ phiếu hay trái phiếu, bằng các khoản cho vay ngân hàng thông qua các tổ chức tài chính quốc tế (Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF, Ngân hàng thế giới - WB).

Nhưng, xét về bản chất sâu xa của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, nó lại không phải hoàn toàn là con đẻ của chủ nghĩa tư bản. Nó là sản phẩm của những bước tiến ngày càng dài, và diễn ra nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Trong một nền kinh tế thế giới bị chủ nghĩa tư bản chi phối, toàn cầu hóa trở thành đối tượng để chủ nghĩa tư bản lợi dụng thực hiện các ý tưởng bành trướng ra thị trường thế giới. Vì thế, chủ nghĩa tư bản mang tính thế giới như các cách tiếp cận trên là có cơ sở của chúng. Và phải chăng, đó cũng chính là một nguyên nhân đưa tới những cuộc biểu tình rộng lớn chống lại toàn cầu hóa.

Nhưng dường như cũng đang có sự lẫn lộn, coi toàn cầu hóa và chủ nghĩa tư bản thế giới là một. Sự lẫn lộn này xuất phát từ bản thân hiện thực của nền kinh tế thế giới đang bị chủ nghĩa tư bản chi phối dưới nhiều hình thức và mức độ. Sự thật là bản thân thị trường tự do không cho phép khắc phục tất cả những khó khăn và, trong một số trường hợp, thậm chí còn đưa lại những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo, và cả những tầng lớp nghèo mới ở các nước giàu. Nhiều nước giàu, hô hào tự do hóa thị trường, nhưng lại đang thực thi các kiểu bảo hộ trá hình một cách sâu rộng. Hoạt động của các công ty đa quốc gia nhằm tìm kiếm lợi nhuận đã làm tăng thêm nạn thất nghiệp, nạn ô nhiễm và hủy hoại môi trường, cũng như thái độ coi rẻ phẩm giá con người.

Không phải ở đâu toàn cầu hóa cũng đem lại những "phép mầu nhiệm" cho tăng trưởng kinh tế. Trong khi các nền kinh tế ở Đông Á tăng trưởng nhanh chóng, thì ở đại bộ phận các nước đang phát triển, toàn cầu hóa lại làm chậm nhịp độ tăng trưởng (như ở các nước Mỹ La-tinh và ở châu Phi), khiến cho mức sống ở đó còn thấp hơn trước đây. Số liệu của Ngân hàng thế giới cho thấy, số người sống dưới mức 1 USD/ ngày (giới hạn của sự nghèo khổ) đã tăng lên trong mười năm qua, đạt tới con số trên 1,3 tỉ người.

Một nét tiêu cực nữa của quá trình toàn cầu hóa kinh tế là các cuộc khủng hoảng tài chính và những hoạt động không thể kiểm soát được của các công ty đa quốc gia do quá trình này đem lại (kể cả những hoạt động đầu cơ tài chính). Đã có những thời kỳ chúng đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng hỗn loạn như tình hình đã xảy ra ở nhiều nước trong cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á gần 10 năm

(4) Xem: C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, tr 670

Digitized by Google

trước, và đang xảy ra hiện nay ở một số nước châu Mỹ La-tinh.

Loài người đang đứng trước thách thức cần kiểm soát quá trình toàn cầu hóa như thế nào để nó mang lại những lợi ích ngày càng tăng cho các nước nghèo và các tầng lớp dân cư nghèo. Người ta bắt đầu nói tới việc xây dựng một thứ chủ nghĩa tư bản có đủ các quy tắc điều tiết ngay trong bản thân nó, nhất là ở trình độ thế giới. Người ta cũng đã nói đến việc xây dựng "xã hội công dân", không chỉ trong từng nước, mà cả trên phạm vi thế giới, coi đó như một sức mạnh kiểm soát hoạt động của các tổ chức quốc tế và các công ty đa quốc gia, nhằm hạn chế sự lũng đoạn của chúng. Vấn đề này không chỉ trong lĩnh vực tài chính và thương mại, mà còn liên quan cả tới việc phải giải quyết tình trạng nghèo đói ở các nước đang phát triển, đương đầu với những thách thức có tính toàn cầu rất nan giải như ô nhiễm môi trường sống, bệnh tật, các cuộc xung đột sắc tộc, thậm chí đứng trước cả sự áp đặt ngày càng tăng của đế quốc Mỹ cả về chính trị lẫn kinh tế. Thấy được nguy cơ là cả một quá trình, nhưng để tránh được nguy cơ lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Và liệu có giải quyết được mọi vấn đề toàn cầu như đã nêu ở trên trong cái khuôn khổ đang ngày một quá chật hẹp của chủ nghĩa tư bản?

6 - Chủ nghĩa tư bản hiện đại tồn tại đến bao giờ?

Ai cũng thấy rằng, trong năm thế kỷ phát triển, chủ nghĩa tư bản luôn luôn phải đương đầu với khủng hoảng, xung đột đe dọa chính bản thân sự tồn tại của nó. Ở giai đoạn phát triển nào chủ nghĩa tư bản cũng mang theo những mâu thuẫn nội tại hết sức sâu sắc.

Chủ nghĩa tư bản công nghiệp chẳng hạn, mang trong mình nó những mâu thuẫn có tính đối kháng giữa hai giai cấp cơ bản trong xã hội: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong sự biến đổi, thích nghi của nó để chuyển sang chủ nghĩa tư bản hiện đại, liệu có phải mâu thuẫn này tuy vẫn còn tồn tại, nhưng chủ nghĩa tư bản đã áp dụng nhiều đối sách để làm dịu phần nào tính chất gay gắt của nó?. Người ta đã nói nhiều tới những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhưng thực sự chưa có một lý thuyết nào nêu rõ những mâu thuẫn nội tại của nó trong thời kỳ hiện đại như đã từng làm đối với chủ nghĩa tư bản cổ điển.

Trong khi những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản hiện đại chưa được giải quyết, thì những mâu thuẫn mới đang thực sự làm loài người lo lắng. Trước hết, đó là khoảng cách giữa các nước giàu và các nước nghèo và số người nghèo tăng lên đến mức làm nhức nhối những người có lương tri, thậm chí có thể là nguyên nhân sâu xa của các cuộc xung đột, của sự xuất hiện cái gọi là chủ nghĩa khủng bố. Rõ ràng bế tắc ngày càng chồng chất và mâu thuẫn ngày một trở nên gay gắt hơn.

Mâu thuẫn giàu - nghèo trên thế giới hiện nay còn đi kèm với những mâu thuẫn khác cũng không kém phần gay gắt - vấn đề giữa phát triển bền vững của loài người và tình trạng cạn kiệt tài nguyên, hủy hoại môi trường sống đang đe dọa đến toàn bộ sự sống trên hành tinh, như: thủng tầng ô-zôn, lũ lụt, lở đất, ô nhiễm không khí... Chưa bao giờ con người đã lấy đi, đã làm biến đổi, vứt bỏ và làm hủy hoại môi trường sống trên trái đất với tốc độ chóng mặt như ngày nay. Và nhiều vấn đề toàn cầu khác đang đòi hỏi phải có một sự hiệp lực toàn nhân loại.

Chính chủ nghĩa tư bản hiện đại cùng với sự "sốt sắng" vơ vét lợi nhuận là "thủ phạm" chính gây ra những mâu thuẫn này. Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, tất cả (hoặc hầu hết) những mâu thuẫn nói trên đều gắn liền với sự phát triển và lũng đoạn của nó. Ngày nay, ai có thực quyền về tổ chức và điều hành những hoạt động kinh tế trên toàn thế giới? Những hoạt động ấy trước hết có lợi cho ai? Dù né tránh như thế nào, cũng không thể nhắm mắt trước một sự thật là chính chủ nghĩa tư bản hiện đại, mà đại diện là các nước tư bản phát triển, nhất là các công ty đa quốc gia, đang nhào nặn thế giới theo cái mà Mai-cơn Bâu gọi là lô-gic của chủ nghĩa tư bản.

Digitized by Google

Trong giới nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, hầu như không có ai bảo vệ nó một cách tuyệt đối. Ngay cả những học giả muốn bảo vệ nó cũng không nhân danh chính nó, mà nhân danh một cái gì khác, trừu tượng hơn, để dễ được chấp nhận hơn. Những kết luận của họ gần giống nhau và có phần biện bạch cho chủ nghĩa tư bản hiện đại, rằng nó có nhiều cái hỏng, nhưng nó vẫn còn tồn tại lâu dài. Chỗ dựa cho những nhận định này là "khả năng đổi mới" đem lại sức mạnh của chủ nghĩa tư bản, mặc dầu nó kèm theo sự gia tăng những sự bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột, khủng bố và cái ác đủ loại...

Cách đây hơn sáu mươi năm, tức khoảng một thế kỷ sau Mác, nhà kinh tế học nổi tiếng của phương Tây, J. Xờ-căm-pết-tơ (Schumpeter), đã nói tới quá trình "hủy hoại mang tính sáng tạo" của chủ nghĩa tư bản. Dựa vào cách nhìn này, Mai-cơn Bâu cũng coi những "cái mới" hiện nay của chủ nghĩa tư bản như một biểu hiện của quá trình "hủy hoại sáng tạo" đang diễn ra với chủ nghĩa tư bản hiện đại. Theo ông, chủ nghĩa tư bản hiện đại đang vận động giữa hai cực: hủy hoại và sáng tạo. Có thể hình dung đó là hai đại lượng, vừa gắn với nhau, vừa loại bỏ nhau. Chừng nào chủ nghĩa tư bản còn có sức mạnh sáng tạo lớn hơn sức mạnh hủy hoại của nó, chừng đó chủ nghĩa tư bản còn tồn tại. Và ngược lại, chừng nào sức mạnh hủy hoại của chủ nghĩa tư bản lấn át sức mạnh sáng tạo của nó, chủ nghĩa tư bản ắt sẽ tiêu vong. Phải chăng đây thuần túy mang tính hùng biện. Bởi vì, nó chưa có gì mới so với những gì C. Mác đã nói tới cách nay trên 100 năm, rằng tính chất hai mặt đó: vừa là những kẻ lừa đảo, lại vừa là những vị tiên tri. Hơn nữa, quy luật tất yếu đã được V.I. Lê-nin vạch ra ngay từ đầu thế kỷ XX đối với chủ nghĩa đế quốc, một thứ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, phản động và hiếu chiến, nhưng dù sao nó vẫn còn ở trình độ thấp hơn so với chủ nghĩa tư bản hiện đại sau một thế kỷ đã qua, rằng đó là chủ nghĩa tư bản đang chết dần (*Умирающий Капитализм*).❑

Sự thật về việc đầu hàng của chính phủ Dương Văn Minh NGÀY 30-4-1975

NGUYỄN MẠNH HÀ *

CUỘC kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc thắng lợi vẻ vang cách đây tròn 30 năm. Miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đất nước được thống nhất. Dư âm và hậu quả của cuộc chiến vẫn còn đó; nguyên nhân thắng - thua, vai trò của các cá nhân, tập thể, các lực lượng đoàn thể... dường như đã rõ, không có gì phải bàn cãi. Thời gian đã lùi xa 30 năm tưởng đủ để những người trong cuộc, các chính khách, nhà nghiên cứu lịch sử và những người quan tâm tìm hiểu có những đánh giá, nhận thức đúng đắn về sự kiện vĩ đại này. Ấy thế mà vẫn còn đây đó những nhận thức, kết luận không đúng với diễn biến thực tế lịch sử, hạ thấp sự hy sinh xương máu của hàng triệu cán bộ, chiến sỹ và người dân Việt Nam vì nền độc lập, thống nhất đất nước. Đó là điều không bình thường, xa lạ với tâm tư, tình cảm và suy nghĩ của đại bộ phận những người Việt Nam yêu nước, kể cả

* TS, Đại tá, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

Digitized by Google

của những người một thời từng đứng ở phía bên kia trận tuyến.

Gần đây, có người viết hồi ký, trong đó dành hẳn một chương nói về sự kiện ngày 30-4-1975; đề cập khá kỹ về sự đầu hàng của chính phủ Sài Gòn cuối cùng, đứng đầu là Tổng thống Dương Văn Minh, và coi đó là một "sứ mệnh lịch sử".

Trong hồi ký, tác giả viết: 8 giờ sáng ngày 30-4-1975, nội các của ông Dương Văn Minh đã tập trung tại Phủ Thủ tướng nằm ở cuối đại lộ Thống Nhất. "Ông Minh mở đầu cuộc họp bằng việc trình bày tình hình quân sự nói chung và Sài Gòn nói riêng là không còn cứu gỡ. Trong khi đó tình hình an ninh của thành phố Sài Gòn rất nguy ngập, hỗn loạn và cướp bóc có thể xảy ra bất cứ lúc nào nhưng chính phủ hoàn toàn không có khả năng kiểm soát". Sau đó, ông Minh đọc bản tuyên bố trao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam và yêu cầu đài phát thanh và truyền hình thu lại. Còn ông Nguyễn Hữu Hạnh, chuẩn tướng, Tổng tham mưu trưởng, soạn thảo nhật lệnh ra lệnh trực tiếp cho quân đội Sài Gòn không được nổ súng nữa và đã được ông Minh xem lại, đồng ý cho phát trên đài phát thanh.

Tác giả viết tiếp: "Mãi cho đến tận bây giờ, tôi vẫn cho rằng bản tuyên bố tự rút lui và trao quyền của chính phủ Minh cho chính phủ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam có một ý nghĩa lịch sử rất lớn... Chắc chắn rồi đây, việc nhìn nhận lịch sử sẽ đặt đúng tầm ý nghĩa lịch sử bản tuyên bố này khi đề cập đến sự kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ giành độc lập và thống nhất đất nước".

Điều đáng tiếc là đoạn hồi ký trích đăng trên tờ *Nhà báo và Công Luận*, số 01, tháng 11-2004, lại không có văn bản tuyên bố tự rút lui và trao quyền của ông Dương Văn Minh cũng như nhật lệnh ra lệnh cho quân đội Sài Gòn ngừng bắn của Tổng tham mưu trưởng Nguyễn Hữu Hạnh, để ta có thể biết cụ thể nội dung hai văn bản trên. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, mặc dù là người trong cuộc, có lúc ở bên cạnh ông Dương Văn Minh trong những giờ phút cuối cùng của chế độ Sài Gòn, nhưng ông Lý Quý Chung - tác giả cuốn hồi ký, cảm nhận, rồi đi đến nhận định hành động của ông Dương Văn Minh, dù tự nguyện trao quyền hay đầu hàng, cũng là một "sứ mệnh lịch sử" và có ý nghĩa rất lớn, là không đúng với thực tế diễn ra.

Thứ nhất, là người dân Việt Nam, hầu hết ai cũng có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Việc ông Dương Văn Minh và nội các của ông, trong giờ phút quyết định cuối cùng của chế độ Sài Gòn, họp và thông qua tuyên bố tự rút lui, trao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, là một điều hợp lô gíc và đáng ghi nhận. Ở đây, xin không đi sâu phân tích động cơ của sự trao quyền, mà chỉ *bàn thêm cho rõ* vấn đề tự rút lui và trao quyền có phải là một "sứ mệnh lịch sử" hay không. Theo chúng tôi, vào thời điểm ngày 30-4-1975, chính phủ của ông Dương Văn Minh không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng. Đây là một thực tế lịch sử, được minh chứng bởi các yếu tố sau:

Một là, chính quyền Sài Gòn đã lâm vào tình thế khủng hoảng không lối thoát. Ngày 21-4-1975, dưới sức ép của Mỹ, lực lượng đối lập và đặc biệt là của lực lượng cách mạng, Nguyễn Văn Thiệu đã phải từ chức tổng thống. Trần Văn Hương già yếu lên thay Thiệu chưa đầy một tuần lễ cũng phải rời chính trường, nhường ghế cho ông Dương Văn Minh. Vào thời điểm ông Dương Văn Minh đảm nhiệm chức vụ tổng thống, tất cả mọi người, kể cả chính phủ Mỹ, đều biết rằng ông ta không thể có "phép mầu" nào cứu vãn được sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn. Điều chắc chắn là chính phủ Mỹ và chính phủ Dương Văn Minh lúc đó chỉ hy vọng và trông chờ vào việc vận động, điều

Digitized by Google

đình nhằm giành được một kết cục có lợi nhất có thể được.

Hai là, việc Đại sứ Pháp ở Sài Gòn, một số luật sư, nhà sư, tướng lĩnh, kể cả người thân tín của ông Dương Văn Minh, hoạt động tích cực, tìm cách gặp gỡ với Phái đoàn Quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Ban liên hợp Quân sự bốn bên ở Tân Sơn Nhất, thậm chí cả với các điệp báo của ta (thông qua trung gian), để đưa ra các vấn đề xin thương lượng, trong cả đêm ngày 29-4 và sáng sớm ngày 30-4, đã chứng tỏ rằng, cho đến những giờ phút cuối cùng, tuy đã ngả hẳn sang chủ trương chủ hòa, nhưng ông Dương Văn Minh và nội các của ông vẫn tìm mọi khả năng để thương lượng nhằm giành lấy những điều có lợi nhất. Đây không phải là điều lạ. Tuy nhiên, sáng ngày 30-4, tình hình đã trở nên hoàn toàn tuyệt vọng đối với ông Dương Văn Minh và nội các của ông khi 5 cánh quân của ta từ các hướng đã áp sát Sài Gòn và đang tiến vào nội đô. Tướng Vĩnh Lộc, Tổng tham mưu trưởng, sau khi nghe báo cáo tình hình chiến sự, đã nhanh chân đào tẩu; chức vụ Tổng tham mưu trưởng được giao cho Nguyễn Hữu Hạnh. Trong hồi ký, tác giả viết: Lúc này "tình hình an ninh của thành phố Sài Gòn rất nguy ngập, hỗn loạn và cướp bóc có thể xảy ra bất cứ lúc nào, chính phủ hoàn toàn không có khả năng kiểm soát". Quả đúng như vậy. Khi đã bất lực, không còn khả năng kiểm soát tình hình, thì thử hỏi nội các của ông Dương Văn Minh có còn gì để bàn giao cho Mặt trận Dân tộc giải phóng. Chính vì thế, việc 9 giờ sáng ngày 30-4, ông Dương Văn Minh nói trên Đài phát thanh Sài Gòn xin "đơn phương tuyên bố bàn giao chính quyền lại cho cách mạng", là sự chứng tỏ rõ ràng về "giải pháp cuối cùng" của ông ta. "Đơn phương tuyên bố bàn giao", thoạt nghe thấy hàm chứa ý định thiện chí, nhưng đặt nó trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, cụ thể vào sáng 30-4, khi mà quân ta đã và đang tiến vào nội thành, chính là sự đầu hàng, một sự lựa chọn duy nhất khôn ngoan và thức thời.

Thứ hai, sự đầu hàng đó có phải và có được coi là "sứ mệnh lịch sử" hay không, cần làm rõ các vấn đề sau đây:

1 - Sự đầu hàng đó có thực sự cứu Sài Gòn khỏi cảnh đổ nát, "tắm máu" hay không do sớm chấm dứt được tiếng súng?

2 - Sự đầu hàng đó đã được ông Dương Văn Minh và nội các của ông trù liệu từ trước hay khi tình thế biến chuyển nhanh chóng ngoài tầm kiểm soát, ông ta mới tuyên bố đơn phương bàn giao chính quyền?

3 - Thời điểm ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, thực lực và sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn gần như đã suy sụp hoàn toàn. Vậy tác dụng, ảnh hưởng của lời tuyên bố đó đối với sự kháng cự của binh lính dưới quyền như thế nào?

Đối với vấn đề thứ nhất, câu trả lời không phải như vậy. Chúng ta biết rằng, bộ máy tuyên truyền của Mỹ-ngụy vẽ ra viễn cảnh khủng khiếp là, khi cộng sản tiến vào thành phố Sài Gòn, người dân sẽ chịu cảnh "tắm máu" và thành phố sẽ bị tàn phá. Nhưng trên thực tế, Sài Gòn - hòn ngọc Viễn Đông - vẫn vẹn nguyên; không hề diễn ra cảnh "tắm máu", trả thù những người từng cộng tác, làm việc cho chế độ Sài Gòn. Tại Sài Gòn, chỉ có hai nơi trọng điểm là sân bay Tân Sơn Nhất và dinh Độc lập là bị pháo binh và không quân của ta pháo kích, ném bom với mục đích làm tê liệt sự chống cự của quân đội Sài Gòn, làm gián đoạn vận chuyển, tiếp tế đường không và cảnh báo trung tâm đầu não chính quyền ngụy. Chúng ta đều biết, chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, sau được đổi tên thành Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã được chuẩn bị khá kỹ từ trước. Thượng tướng Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, trong cuộc

Digitized by Google

Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, là cán bộ cấp trung đoàn, đã cho biết: Chủ trương từ cấp chỉ huy chiến dịch được phổ biến đến cán bộ, chiến sỹ các cấp bên dưới rất rõ ràng là, không được sử dụng súng lớn ở nội đô, cho dù kẻ địch có ngoan cố chống cự (như trường hợp ở ngã tư Bảy Hiền), để tránh gây ra sự tàn phá. Việc tổ chức Ủy ban Quân quản các cấp, do có kinh nghiệm của Buôn Ma Thuột, Huế, Đà Nẵng, rồi một loạt thị xã, tỉnh ly dọc ven biển miền Trung vào tới sát Sài Gòn, đã được chuẩn bị rất chu đáo, cụ thể. Ví dụ, bộ đội ta đã chuẩn bị giấy trình diện đóng dấu sẵn, khi tiến vào các đường phố, đồng chí nào bắt gặp binh lính, sĩ quan, công chức ngụy quyền đều có thể ghi họ, tên của những người này vào giấy, sau đó giao cho họ mang đến Ủy ban Quân quản khi ra trình diện. Hoặc đã bàn sẵn chủ trương: đồng chí chính ủy trung đoàn tham gia tiến công giải phóng quận nào thì sau đó tham gia vào Thường vụ Quận ủy quận đó để tiện nắm tình hình công tác. Sáng ngày 29-4, Bộ Chính trị đã điện, chỉ thị cho các đơn vị "phải giữ nghiêm kỷ luật, triệt để chấp hành mọi chỉ thị, mệnh lệnh, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân... Vào thành phố, cán bộ các cấp phải chú ý ngay đến đời sống nhân dân lao động... Cần lấy ngay gạo trong các kho của địch để phát cho những gia đình thiếu ăn, nếu cần, bộ đội phải san sẻ phần gạo của mình cho dân" (1).

Cho đến giờ phút này, các phương tiện truyền thông của cả Mỹ và phương Tây cũng đều phải thừa nhận không hề xảy ra cảnh trả thù, bắn giết, "tắm máu" sau khi Quân giải phóng tiến vào làm chủ thành phố Sài Gòn; Sài Gòn không bị tàn phá bởi bom đạn. Thực tế này cho thấy, chính là do sức mạnh áp đảo và sự tiến công thần tốc của Quân giải phóng, do chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với vùng mới giải phóng, nên ta đã sớm ổn định được tình hình, chứ không phải do bản tuyên bố đơn phương bàn giao chính quyền của ông Dương Văn Minh có ý nghĩa như là một "sứ mệnh lịch sử". Bởi bản tuyên bố này đưa ra đã quá muộn (lúc 9 giờ sáng ngày 30-4) nên không thể có tác động, ảnh hưởng gì nhiều đến diễn biến tình hình chiến sự lúc đó.

Lên nắm quyền từ ngày 28-4, nếu ông Dương Văn Minh thực sự có ý định "đơn phương bàn giao chính quyền" cho Chính phủ Cách mạng lâm thời, thì lẽ ra ông phải làm việc này ngay sau khi nắm trọn quyền hành trong tay, chứ không phải để đến tận sáng ngày 30-4, với lý do đưa ra là, sợ lúc đó bộ đội cách mạng chưa vào, Sài Gòn sẽ không có chính quyền, khoảng trống đó rất nguy hiểm, tạo ra sự hỗn loạn, cướp phá đẫm máu *hoặc* sợ nhiều đơn vị quân đội Sài Gòn phản ứng điên cuồng. Cần nhắc lại và khẳng định rằng, vào những ngày cuối cùng đó, binh lính quân đội Sài Gòn đã hoàn toàn mất tinh thần chiến đấu; cái gọi là "tử thủ đến cùng" có thể chỉ có ở một số ít sĩ quan, binh lính - những kẻ chống đối một cách mù quáng trước thế trận vũ bão của Quân giải phóng. Đó không phải là lý do chủ yếu cho hành động đầu hàng được đánh giá là "sứ mệnh lịch sử" của ông Dương Văn Minh. Chính ông Dương Văn Minh chứ không phải ai khác, sau khi nhận chức tổng thống thay Trần Văn Hương, đã kêu gọi quân đội Sài Gòn "bảo vệ lãnh thổ", "không buông vũ khí" (2).

Hồi ký còn viết: "Vào lúc đó tuyên bố mà tổng thống Minh có thể đưa ra được chỉ là một cuộc trao quyền tự nguyện và tự ngừng bắn, chứ không thể là cuộc đầu hàng chính thức đơn phương" vì lý do sợ quân đội dưới quyền chống đối điên cuồng (như đã nêu ở trên). Nếu luận giải của tác giả có cơ sở thì ta lại càng có

(1) Dẫn theo Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa xuân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr 282, 283

(2) Văn Tiến Dũng: *Sđd*, tr 278

Digitized by Google

lý do để tin rằng, ông Dương Văn Minh chỉ là một tổng thống không có thực quyền, nói đúng hơn là không có cái uy của một viên tổng tư lệnh khiến quân sỹ dưới quyền phải tuân phục. Vậy thì cái gọi là "sứ mệnh lịch sử" ở đây có giá trị thực sự hay không, bạn đọc hẳn đã có câu trả lời.

Đối với vấn đề thứ hai, theo chúng tôi, sự đầu hàng của ông Dương Văn Minh không phải đã được trù liệu từ trước mà là do tình thế bắt buộc. Bằng chứng là, ông Dương Văn Minh đã phái liên tiếp các "sứ giả" đến gặp đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng, gặp phái đoàn ta tại Trại Đa-vít (Tân Sơn Nhất), cả vào lúc đêm khuya, 2-3 giờ sáng, thậm chí còn có ý định bay ra Hà Nội để thương lượng. Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn là Gra-ham Ma-tin cũng phối hợp tích cực với nội các của ông Dương Văn Minh để tìm cách liên lạc với Chính phủ Cách mạng lâm thời, tiến hành đàm phán nhằm tìm kiếm những điều kiện có lợi nhất. Chỉ đến khi không đạt được ý đồ, G.Mác-tin mới lên máy bay trực thăng rời khỏi tòa Đại sứ Mỹ lúc 4 giờ sáng ngày 30-4-1975.

Trong cuốn hồi ức *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "10 giờ sáng. Đồng chí Nguyễn Thanh, Trưởng phòng 70 vào báo cáo tin vừa nhận được: Theo Đài phát thanh Nhật Bản, Quân giải phóng miền Nam, có xe tăng dẫn đầu đang tiến vào Sài Gòn. Mấy phút sau có tin thêm: Dương Văn Minh đề nghị ngừng bắn để thương lượng. Mọi người cùng nói: "Chỉ có đầu hàng vô điều kiện. Còn gì đâu mà thương lượng?!" Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết tiếp: "Vào lúc 10 giờ 50 phút, Cục 2 báo cáo quân ta đã vào dinh Tổng thống ngụy"... "11 giờ 30 phút, đồng chí Nguyễn Duy Phê, Cục phó Cục Cơ yếu mang vào phòng họp một bức điện của anh Lê Trọng Tấn báo cáo: một đơn vị thuộc cánh quân phía Đông đã cắm cờ lên dinh Độc lập... Tôi điện ngay vào chiến trường thông báo ý kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí... Bức điện gửi đi lúc 12 giờ 25 phút"(3).

Trong thực tế, cũng chính vào thời gian này, cán bộ, chiến sỹ mũi đột kích thọc sâu thuộc Quân đoàn 2 đã buộc ông Dương Văn Minh đến Đài phát thanh Sài Gòn đọc lời tuyên bố đầu hàng: "Tôi Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn và giao toàn bộ chính quyền từ trung ương đến địa phương lại cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam".

Đối với vấn đề thứ ba, vào thời điểm ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, quân đội Sài Gòn gần như đã suy sụp hoàn toàn. Vậy tác dụng, ảnh hưởng của tuyên bố đó đối với binh lính dưới quyền ông như thế nào? Câu trả lời là, tinh thần chiến đấu của các đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa ở những vùng Chính phủ Cách mạng lâm thời chưa kiểm soát nói chung, ở Sài Gòn nói riêng, đã sụp đổ. Ở đây, cần phân biệt hai bản tuyên bố: Bản tuyên bố thứ nhất "đơn phương bàn giao chính quyền" do ông Dương Văn Minh soạn thảo và đọc cho nội các nghe để góp ý, sau đó được phát trên Đài phát thanh Sài Gòn vào lúc 9 giờ sáng. Bản tuyên bố thứ hai do đại diện Quân giải phóng đọc cho ông Dương Văn Minh chép lại nội dung, sau đó ông ta đọc trên Đài (như đã dẫn ở trên) vào lúc sau 12 giờ trưa ngày 30-4-1975. Đối với bản tuyên bố thứ nhất (mà cho đến lúc này chúng tôi chưa biết

(3) Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 200, tr 338 - 339

Digitized by Google

rõ hết nội dung), có thể thấy, có nhiều đơn vị quân đội Sài Gòn không chấp hành, vẫn nổ súng kháng cự điên cuồng. Điều này có thể có hai sự giải thích. Một là, các đơn vị này quyết tử thủ đến cùng. Hai là, bản tuyên bố đó chỉ đề cập đến việc trao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời "để tránh cho người dân Sài Gòn những tai họa xảy ra". Còn nhật lệnh của Tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy (lúc này do chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh đảm nhiệm) ra lệnh trực tiếp cho quân đội không được nổ súng nữa, cũng được phát đồng thời trên Đài phát thanh, không được các đơn vị dưới quyền chấp hành.

Có hai chi tiết trong hồi ký nói trên của ông Lý Quý Chung có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn sự tình. Chi tiết thứ nhất: "Trong lúc chờ Quân giải phóng đến, tôi chợt nhớ binh lính bảo vệ dinh Độc lập chưa nhận được lệnh không nổ súng. Tôi đề nghị ông Minh ra lệnh tất cả các lính bảo vệ dinh phải nộp vũ khí, bởi chỉ cần một người lính nào đó điên cuồng bóp cò thì hậu quả không thể nào lường được". Chi tiết thứ hai: "Sau này các tài liệu viết rằng chiếc tăng đi đầu đã ủi sập cửa sắt ở cánh cổng còn đóng của dinh Độc Lập. Có cả hình ảnh ghi lại như thế tôi hơi ngạc nhiên về chi tiết này vì tôi nhớ rất rõ ông Minh đã ra lệnh cho lính gác ở dinh mở sẵn cổng chính trước rồi. Vậy là họ không chấp hành lệnh chăng?". Hai chi tiết vừa dẫn ra cho thấy, ngay cả số binh lính bảo vệ dinh Độc Lập, trung thành với ông Dương Văn Minh nhất, cũng đã không chấp hành lệnh của ông.

Lý giải về tính chất, ý nghĩa của sự đầu hàng, tác giả cuốn hồi ký viết: "Trách nhiệm của người bị bắt buộc đầu hàng khác hẳn với trách nhiệm của người tự nguyện trao quyền với ý thức việc trao quyền đó có lợi cho đất nước và dân tộc của mình. Chắc chắn rồi đây việc nhìn nhận lịch sử sẽ đặt đúng tầm ý nghĩa lịch sử của bản tuyên bố này...". Như trên đã phân tích, nếu ông Dương Văn Minh quả có ý định tự nguyện trao quyền, thì theo chúng tôi, từ ngữ duy nhất phù hợp với thực tế lúc đó, với thái độ thực của ông ta, để mô tả hành động này, là *một sự tự nguyện bắt buộc*, bởi lúc đó, ông không có sự lựa chọn nào khác. Vì thế, cái gọi là "sứ mệnh lịch sử" của "người cầm cờ đầu hàng", như tác giả đánh giá về hành động của ông Dương Văn Minh, là một sự đánh giá thiên lệch, thiếu cơ sở thực tế, nhìn từ cả hai phía, và hạ thấp vai trò quyết định trong việc kết thúc cuộc chiến tranh đầy gian khổ, hy sinh vì độc lập, thống nhất của quân và dân hai miền Nam, Bắc, dưới sự lãnh đạo tài giỏi của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Tuy nhiên, quyết định đầu hàng bắt buộc của ông Dương Văn Minh ở vào thời khắc "nước sôi, lửa bỏng" có tính chất quyết định như vậy và ông ở vào địa vị Tổng thống của chế độ Việt Nam Cộng hòa, tổng tư lệnh quân đội, tuy chỉ trong thời gian ngắn, là đúng, phù hợp với thực tế. Bởi lúc đó, dù ông Minh có hạ lệnh cho quân lính dưới quyền chống cự đến cùng thì kết cục, hậu quả càng thảm khốc hơn, bởi sức mạnh và thế thắng của cách mạng đã hiển nhiên. Trong lịch sử đã có không ít trường hợp người chỉ huy tối cao mặc dù biết rõ là không thể đảo ngược tình thế, nhưng vẫn lệnh cho cấp dưới chống lại đến cùng, gây ra bao hậu quả thê thảm lẽ ra có thể tránh được. Ông Minh đã không chọn cách ấy, mặc dù lúc đó có thể ông biết rằng quyết định của ông sẽ có không ít cấp dưới không tuân theo. Dầu sao, việc tuyên bố đầu hàng muộn màn ấy cũng góp phần giảm thiểu được phần nào sự đổ máu và giảm bớt không khí căng thẳng bao trùm thành phố Sài Gòn lúc đó, nhưng hoàn toàn không phải là "sứ mệnh lịch sử" như đoạn hồi ký mà tác giả trích đăng trên tờ *Nhà báo và Công luận*, số 01, tháng 11-2004. ❑

Digitized by Google

Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua "GIẢI PHẪU MỘT CUỘC CHIẾN TRANH"(1)

NGUYỄN VĂN QUANG *

Đã có nhiều người nước ngoài đi tìm nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, cũng như sự thất bại của Mỹ trong chiến tranh này. Một vấn đề rất quan trọng được nhiều người quan tâm đến là vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến tranh đó. ***"Giải phẫu một cuộc chiến tranh"*** - tác phẩm của Ga-bri-en Côn-cô tuy chưa thật đầy đủ, toàn diện nhưng đã có một cách nhìn lịch sử, khách quan, phần nào làm sáng tỏ điều này.

Từ Lời mở đầu, giáo sư đã viết: "Tôi sẽ nghiên cứu khá sâu về Đảng Cộng sản" và "đối với Đảng Cộng sản tôi sẽ dùng từ "cách mạng". "Thế giới bên trong của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam" được ông "mổ xẻ" khá kỹ lưỡng, từ đường lối của Đảng, sự phát triển của Đảng, đến đạo đức cách mạng, tổ chức của Đảng và cả cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Việc nghiên cứu đã giúp cho ông nhận ra "Khả năng đối phó với tất cả các thách thức phi thường của cuộc chiến tranh với Mỹ của Đảng Cộng sản", và rút ra những nhận định của ông về Đảng trong cuộc chiến tranh này.

Về đường lối quân sự của Đảng, G. Côn-cô đã nhận ra, để đối đầu với một "cuộc chiến tranh giữa một trong những nước nghèo nhất của thế giới với một nước giàu nhất trong toàn bộ lịch sử", Đảng đã xây dựng một học thuyết quân sự mới "với một ý nghĩa cơ bản nhất, vấn đề huy động quần chúng và huy động quân sự là một". Nguyên tắc quân sự này đã được Hồ Chí Minh xác định ngay từ ngày thành lập quân đội đến cuộc kháng chiến chống Mỹ. "Nói một cách đơn giản là học thuyết quân sự của Đảng là dựa vào quần chúng để có nhân lực và sự ủng hộ và chỉ đánh khi có khả năng đạt được mục tiêu". Ông giải thích, quân sự được một tiền đề chính trị hóa cao như vậy thì chính là "Cái khung chính trị từ thuở ban đầu đã quyết định các hoạt động, các mục tiêu và thực chất của quân sự"; trong bối cảnh có liên quan đến con người như vậy, không có quân đội nào không gắn liền với chính trị, không trước tiên là chính trị rồi mới đến quân sự mà có thể hy vọng đạt được mục tiêu của mình. Giáo sư nhận định, một cuộc chiến tranh nhân dân có tính chất chính trị là loại chiến tranh duy nhất đưa lại hy vọng chiến thắng. Ngược lại, suốt cuộc chiến, đường lối chiến tranh của Mỹ là không thống

* ThS, Thượng tá, Viện KHXH & NV quân sự, Bộ Quốc phòng

(1) Tên cuốn sách: ***Giải phẫu một cuộc chiến tranh*** *Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*, của giáo sư sử học người Mỹ Ga-bri-en Côn-cô, Nxb QĐND, Hà Nội 1989. (Những câu trích trong ngoặc và đoạn in nghiêng là của tác giả cuốn sách)

Digitized by Google

nhất, vấp phải những mâu thuẫn không thể giải quyết và là cuộc chiến tranh dài nhất và chia rẽ nước Mỹ nhất.

Để thấy *sự phát triển của Đảng*, giáo sư đã xem xét từ mối quan hệ giữa cá nhân với tổ chức. Trong đó, vấn đề nhận thức chính trị cách mạng của cá nhân được ông cho là "hình thức thuần túy nhất", quan trọng nhất đối với sự nghiệp cách mạng. Ông nhìn thấy: "Chỉ những người từ bỏ sung sướng cá nhân, luôn luôn chịu nguy hiểm của tù đày, thậm chí chết chóc, sẵn sàng chịu khổ cực triền miên và thiếu thốn mọi điều mới có thể xây dựng được một nhiệt tình và một lòng tin vào động cơ của nhau". Trong Cách mạng Tháng Tám đảng viên là những người "hiếm có" và "đặc biệt", ít về số lượng. Nhưng trong thời kỳ chống Mỹ ở Việt Nam, số lượng đảng viên đã không ngừng tăng lên. Trong chiến tranh gian khổ, "trong tù đã cho họ cơ hội để rèn luyện ý chí và cũng để học tập, nghiên cứu... Tất cả đều hiểu tầm quan trọng của khung cảnh quốc tế mà trong đó tương lai của dân tộc Việt Nam sẽ được hình thành". Đảng đã "giải thích cho nhiều đảng viên, một cách kiên trì và liên tục, với hy vọng rằng họ có thể nắm được và áp dụng những công cụ phân tích mác-xít đặc biệt vào những điều kiện của Việt Nam và lãnh đạo cuộc sống để có thể sản sinh ra một nền văn hóa cách mạng và những con người xã hội chủ nghĩa". Những năm 60 của thế kỷ XX, "khi mọi đường nét đã được vạch ra một cách đầy đủ thì những giá trị và lý tưởng đó đã trở thành thiết yếu cho chiến lược và chiến thuật trong chiến tranh vĩ đại chống Mỹ" của Đảng.

Nghiên cứu về *đạo đức cách mạng*, giáo sư đã đưa ra triết lý: "Tư cách đạo đức cá nhân nghiêm túc và kỷ luật xuất phát từ một đức tin là một thành phần tiêu chuẩn của nhiều nền văn hóa trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử". Riêng với đạo đức của cách mạng, giáo sư nhận ra, Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng cho đạo đức này. Người đã mở nhiều cuộc vận động giáo dục, rèn luyện đảng viên. Việc định ra yêu cầu "Đạo đức cá nhân đối với một cán bộ đảng không phải là điều ngẫu nhiên cho việc thực hiện chức năng của anh ta mà là một tiền đề cho thắng lợi, và anh ta khó thành công trong việc kêu gọi kẻ khác mạo hiểm và hy sinh, trừ phi anh ta đi trước bằng chính gương của mình". Nội dung đạo đức cách mạng "trước hết, là dựa vào những hy sinh, nhường nhịn cá nhân, không phải chỉ nhất thời mà là lâu dài, và vào sự sẵn sàng đặt "lợi ích của Đảng lên trên tất cả". "Những đạo đức như vậy là rất thiết yếu để động viên quần chúng;... đối với những người phụ trách chính quyền của một nước nghèo..., một ý thức tiết kiệm và khiêm tốn là tiền đề tuyệt đối cho sự sống còn của tổ chức". Trong khi cách mạng đang xây dựng một hệ thống đạo đức như vậy, thì ở miền Nam, "đạo đức" của đội ngũ công chức Việt Nam Cộng hòa, tập trung nhất là ở đội ngũ sỹ quan là "động cơ lợi ích cá nhân", là "quyền lực dưới hình thức chức vụ và tiền bạc", "lòng trung thành với cá nhân được quyết định hơn nhiều"... Việc so sánh của giáo sư về đạo đức của đôi bên đã đưa ông đến nhận định: "ở đâu không có lợi ích giai cấp hoặc lợi ích về hệ tư tưởng thì ở đó không có cơ sở cho hành động và trách nhiệm tập thể". Cách mạng đã có thứ vũ khí này và họ chiến thắng là điều đương nhiên.

Về tổ chức của Đảng. Nghiên cứu về vấn đề này giáo sư đã nhận thấy, bước sang giai đoạn chống Mỹ, sự nhận thức của Đảng đã "linh động", "rất thành thạo" và "đã đủ sức thích nghi với những thách thức còn lớn hơn nhiều" so với cuộc kháng chiến chống Pháp. Những nguyên tắc về xây dựng Đảng là: "Đảng có học thuyết về tổ chức của chủ nghĩa Bôn-sê-vích thuần nhất từ trên xuống dưới... nhưng những mục tiêu, chính sách chung thường đáp ứng và thích nghi với những điều mà quần chúng mong muốn"; Đảng "ủng hộ vai trò sáng tạo của quần chúng nhân dân", "tìm con đường để vượt qua chế độ quan liêu", "đề ra phê bình và tự phê bình"; Đảng xác định "thực tế chính trị đòi hỏi hành động tập thể, coi đó là một điều kiện tiên quyết cho tự do và tiến bộ xã hội và cá nhân"...

Digitized by Google

Giáo sư nhận xét, "một Đảng có ý thức về sức mạnh và hạn chế của bản thân mình" như vậy "mới có thể có khả năng đối phó với tình hình một cách tốt hơn".

G. Côn-cô còn nhận thấy vai trò của đảng viên "là sợi dây liên lạc của Đảng với quần chúng, với binh sỹ và chính quyền", "là những người xuất sắc bởi vì họ là lớp tinh túy của Đảng và có trách nhiệm chính thức với Đảng", "là tượng trưng cho những đức tính của đạo đức cách mạng tức là chủ nghĩa lạc quan và chủ nghĩa anh hùng"... Chìa khóa để khắc phục các hạn chế về mặt tổ chức của Đảng là "liên tục trau dồi đảng viên, nhất là cán bộ"; Đảng luôn mở các cuộc vận động tự phê bình, coi đó là "phong cách giao tiếp và quan hệ giữa con người và con người ở các cấp trong Đảng", là vấn đề "rất thiết yếu cho thành công của Đảng"... Thành tựu của Đảng là "đã duy trì tinh thần cá nhân vượt qua một số giai đoạn khó khăn và có tính chất thử thách, từ chi bộ trở lên, đã trở thành gia đình và cái nôi của mỗi đảng viên".

Về Bộ Chính trị. Nghiên cứu về cơ quan lãnh đạo tối cao của một đảng là một việc hết sức khó khăn, lại càng khó khăn hơn khi cơ quan đó đang lãnh đạo một cuộc chiến tranh không chỉ mang ý nghĩa quốc gia mà còn mang tầm thời đại - Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam. Dù sao giáo sư đã phản ánh được những điều cốt yếu về cơ quan đó. Ông đã nhận ra nguyên tắc hay "Tác phong công tác quen thuộc của giới lãnh đạo đảng là dựa vào lẽ phải"; "Không kể bản chất tập thể... mặt có ý nghĩa nhất... là mối quan hệ tế nhị của các nhà lãnh đạo Đảng với những nguyện vọng và nhu cầu của quần chúng"; và "các nhà lãnh đạo thường nhận thức rõ những giới hạn về quyền lực của mình"; "họ là những người hết sức khiêm tốn, nhiều người rất tự hào với tình trạng không tên tuổi của mình; và không có ai hưởng đặc lợi"... Nhưng "Quan trọng hơn, đó là một ban lãnh đạo tương đối đoàn kết và có hiệu quả, đối phó êm thấm với vô số những thách thức bên ngoài mà Đảng gặp phải"; "luôn nghiên cứu, thảo luận và phân tích các vấn đề, vừa học vừa làm, và nói chung tránh những biện pháp quá quyết định. Họ có thể dành ra một số lớn thời gian và cố gắng để đánh giá các vấn đề cơ bản đối với tình hình miền Nam; họ thường đưa ra những lựa chọn dễ tin để làm thử sau khi thảo luận kỹ và họ tìm cách không bao giờ đóng sập cửa lại sau lưng mình; những tranh luận riêng của họ thì cũng rất quyết liệt như những người nghiêm chỉnh với nhau; việc thảo luận như vậy thường được đưa ra trên báo của Đảng". Giáo sư nhận định, "Cơ cấu lãnh đạo chủ yếu của Đảng là thận trọng đó phản ánh không phải chỉ tư cách của những nhân vật liên quan mà còn nhận thức tư tưởng cơ bản của Đảng và của việc Đảng hạ thấp đến mức tối thiểu những mặt cá nhân của con người. Mục tiêu của Bộ Chính trị cũng là duy trì bản chất của mình và sự đoàn kết". Trong khi đó, "Tất cả những đối thủ tiềm năng thách thức Đảng đều quá chia rẽ, quá bè phái và quá tham lam nên không thể lấp được những lỗ trống trong chế độ chính trị, đặc biệt là ở miền Nam". Riêng với Đảng Cần lao, một đảng có "tiếng tăm" do Nhu và Diệm điều khiển "là một sự kết hợp của bộ máy chính trị cá nhân với một kiểu hội kín mang tính chất trả thù và hăm dọa kiểu ma-phi-a".

Nhà sử học còn mạnh dạn "giải phẫu" cả những nhân vật chính trị lịch sử cả đôi bên trong cuộc chiến tranh. *Về vai trò của Hồ Chí Minh,* ông viết: So với những nhà lãnh đạo mác-xít đương thời sau Lê-nin, "Hồ Chí Minh là người hiếm có về tất cả các mặt, không phải vì Người không mắc chủ nghĩa vị kỷ mà còn do khả năng thực tiễn phi thường của Người trong việc xác định các vấn đề và cách giải quyết các vấn đề đó". Tôn trọng vai trò của quần chúng trong lịch sử, thực hành sự lãnh đạo tập thể và tự phê bình là những nguyên tắc mác-xít cho sự phát triển của Đảng... Những nguyên tắc này được giáo sư quy tụ lại trong con người Hồ Chí Minh "như một đầy tớ của nhân dân", và làm gì khác đi sẽ phá hủy lòng tin của quần chúng.

(Xem tiếp trang 80)

Digitized by Google

HỘI NGHỊ PHÁT HÀNH - BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ PHÍA NAM

TIẾP theo hội nghị phát hành - bạn đọc Tạp chí cộng sản khu vực duyên hải miền Trung, Tây Nguyên (Bình Định, tháng 4-2004) và các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc (Lào Cai, tháng 6-2004); ngày 25-3-2005, tại thành phố Cần Thơ, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Thành ủy thành phố Cần Thơ và Tổng công ty Bưu chính - Viễn Thông tổ chức *Hội nghị phát hành - bạn đọc* của Tạp chí ở các tỉnh, thành phố phía Nam. Dự Hội nghị có GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương; đồng chí Lê Nam Giới, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư lâm thời Thành ủy thành phố Cần Thơ; TS Hoàng Thọ Thái, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông; PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; đại diện lãnh đạo các tỉnh, thành ủy, Ban Tuyên giáo và lãnh đạo Bưu điện 22 tỉnh từ Ninh Thuận tới Cà Mau; đại diện Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng các cán bộ, phóng viên của Tạp chí Cộng sản.

Sau *Lời chào mừng* của đồng chí Lê Nam Giới, GS, TS Lê Hữu Nghĩa đã trình bày *Báo cáo đề dẫn,* trong đó nêu lên những vấn đề của công tác phát hành, bạn đọc Tạp chí Cộng sản trên cả nước và ở các tỉnh, thành phố phía Nam.

Tiếp theo, TS Hoàng Thọ Thái nêu lên những đóng góp của ngành bưu chính - viễn thông đối với công tác phát hành báo, tạp chí Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng trong cả phạm vi cả nước cũng như tại các tỉnh, thành phố phía Nam.

Các đại biểu đã sôi nổi đóng ý kiến cho công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản với các nội dung sau:

1 - Khẳng định vị trí, vai trò của Tạp chí Cộng sản trong việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên góp phần nâng cao trình độ nhận thức, tư tưởng chính trị; cung cấp phương pháp khoa học, hướng dẫn cán bộ lãnh đạo, quản lý địa phương trong chỉ đạo thực tiễn.

2 - Tạp chí được trình bày và sắp xếp chuyên mục hợp lý, phản ánh tương đối toàn diện các mặt kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Bên cạnh những bài chuyên luận có tính lý luận, những bài có tính tổng kết thực tiễn rất cần thiết, bổ ích, Tạp chí còn có mục Sinh hoạt tư tưởng, nhẹ nhàng mà sâu sắc, đáp ứng được tâm tư, vướng mắc trong cán bộ, đảng viên. Các đại biểu cũng mong muốn Tạp chí tăng thêm bài đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; các bài tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm các mô hình điển hình về kinh tế, văn hóa, xây dựng Đảng của các đơn vị, địa phương, nhất là khu vực phía Nam.

3 - Một số nguyên nhân cụ thể làm cho số lượng phát hành Tạp chí chưa cao là: nhiều nơi chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc đọc, phát hành báo, tạp chí của Đảng; trình độ lý luận của cán bộ cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; một số cấp ủy chưa thật chú trọng tới việc kiểm tra, tổ chức thực hiện mua và đọc báo Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên còn tâm lý ngại đọc, ngại nghiên cứu. Hội nghị cũng đã nêu những

Digitized by Google

kiến nghị nhằm nâng cao sản lượng phát hành Tạp chí Cộng sản trong thời gian tới như: tăng chi phí cho cơ sở, có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời, thường xuyên những tập thể, cá nhân làm tốt, đưa Tạp chí đến với đối tượng có nhu cầu; nội dung Tạp chí cần có những bài gắn với địa phương hơn nữa. Đồng thời tăng cường phát triển đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên ở các tỉnh, thành phố phía Nam và đặc biệt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long...

Thay mặt Bộ Biên tập và đoàn chủ tịch Hội nghị, GS, TS Lê Hữu Nghĩa cám ơn những ý kiến chân thành, cụ thể, thẳng thắn của các đại biểu và tin tưởng sau hội nghị, công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh, thành phố phía Nam sẽ được đẩy mạnh hơn, góp phần thiết thực vào phục vụ nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn. Đồng chí đề nghị: các đồng chí lãnh đạo cấp ủy, các đồng chí làm công tác tuyên giáo thường xuyên viết bài cho Tạp chí Cộng sản, nhất là dịp tổng kết 20 năm đổi mới, tiến tới Đại hội Đảng các cấp và Đại hội X của Đảng. Về phía Bộ Biên tập sẽ có những cải tiến về nội dung, hình thức để vừa thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của trên giao, vừa đáp ứng yêu cầu của đông đảo bạn đọc cả nước, trong đó có cán bộ, đảng viên, bạn đọc các tỉnh, thành phố phía Nam.

Cũng tại Hội nghị, đồng chí Lê Hữu Nghĩa đã trao bằng khen cho các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phát hành Tạp chí Cộng sản năm 2004, đó là Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Lâm Đồng, Đồng Nai, Long An, Vĩnh Long, Kiên Giang; Bưu điện các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Đồng Nai, Long An và đồng chí Đỗ Ngọc Bình, Trưởng ban Bưu chính phát hành báo chí, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. ❑

ĐẢNG CỘNG SẢN...

(Tiếp theo trang 78)

Việc nhìn nhận về Đảng của nhà sử học còn dưới nhiều góc cạnh khác nhau để thấy tầm vóc lớn lao của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân tộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Dù bằng phương pháp "giải phẫu", cuối cùng ông đã đưa ra những kết luận quan trọng về Đảng ta trong sự nghiệp vĩ đại này. Theo ông, thắng lợi trong chiến tranh không phải giản đơn là kết quả của những trận chiến đấu, và không ở đâu trong thế kỷ hai mươi, điều này đúng hơn là ở Việt Nam. "Thắng lợi của Đảng là một bằng chứng không phải chỉ là của sự linh hoạt của lịch sử trong quá trình tiến triển chung mà còn là tính hiệu quả của thời chiến của những thể chế và tư tưởng phía thắng cũng như của phía nước bị thua"; "Nguồn sức mạnh quan trọng nhất của Đảng Cộng sản trên ba mươi lăm năm qua là quan niệm của họ về đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa; khả năng của Đảng phát triển một tổ chức đã làm cho họ đạt được mục tiêu; vai trò trọng yếu của cá nhân là một bổ sung cơ bản và đặc biệt nhất của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam vào học thuyết mác-xít lê-nin-nít; mỗi người đều vì nhân dân và vì một sự nghiệp mà trong đó số phận của từng người gắn với số phận của cách mạng... Chính tác động của những quan niệm đó đã làm cho thắng lợi cơ hồ như thể không đạt được trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, đã thực sự đạt được một cách trọn vẹn, *và bằng chứng mạnh mẽ nhất*".

Sự phản ánh của giáo sư sử học người Mỹ về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là khách quan và trung thực. Lịch sử không thể xuyên tạc. Những mưu toan làm sai lệch lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như vai trò lịch sử của Đảng ta là sai trái không ai có thể chấp nhận được. Điều quan trọng nhất lúc này là tự đúc rút những bài học còn nóng hổi trong cuộc chiến 30 năm trước để có cách ứng xử hợp thời cho tương lai. ❑

Digitized by Google

Bí thư
TRẦN ANH TÀI

Huyện BÌNH LỤC

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN BÌNH MỸ - HUYỆN BÌNH LỤC - TỈNH HÀ NAM* ĐT: 0351.862 995; 860 012 * FAX 0351. 860 169

Huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam có diện tích đất tự nhiên là 154 km², có 18.500 ha đất canh tác, dân số toàn huyện là 157.000 người. Đảng bộ huyện có 64 tổ chức cơ sở Đảng với 6.500 đảng viên. Là huyện có truyền thống cách mạng và văn hiến, quê hương của trống đồng Ngọc Lũ, của nhà thơ Tam Nguyên Yên Đổ- Nguyễn Khuyến, nơi có đình Triều Hội với tiếng trống Bồ Đề năm 1930 đã đi vào lịch sử, nơi có vinh dự được Bác Hồ về thăm và tặng cờ đơn vị chống hạn khá nhất năm 1958. Năm 2001 huyện Bình Lục đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã nêu cao tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, tranh thủ những điều kiện thuận lợi, khắc phục khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu KT - XH mà nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 24 đã đề ra.

VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ.

❖ Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

❖ Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, chính quyền, đoàn thể vững mạnh toàn diện đáp ứng tốt nhu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao tinh thần đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân. Năm 2004, kết nạp được 230 người vào Đảng, đảng bộ huyện nhiều năm liền được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh.

VỀ KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI

❖ Tăng trưởng kinh tế hằng năm từ 8% đến 8,5%; cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn được chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng nông nghiệp chiếm: 45%, công nghiệp - xây dựng: 25%, dịch vụ - thương mại: 30%; năng suất lúa cả năm đạt 100 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực đạt trên 100 ngàn tấn; sản lượng thịt lợn hơi năm 2004 đạt 8.000 tấn, đàn gia cầm trên 100 ngàn con.

❖ Toàn huyện hiện có 97 trang trại, 47 cánh đồng đạt 50 triệu/ ha, có 700 hộ đạt thu nhập 50 triệu đồng / năm, các ngành nghề truyền thống như dũa cưu An Đổ, sừng mỹ nghệ An Lão và ngành nghề mới tiếp tục được phát triển như thêu ren, dệt lụa, mây, giang đan, lứa ghép sơn mài...Giá trị CN-TTCN năm 2004 đạt gần 100 tỉ đồng, tăng 15% so với năm 2003.

❖ Các công trình trọng điểm như trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc đã được kiên cố hóa, 100% đường giao thông từ huyện đến xã và thôn xóm được rải nền cứng, trong đó 85% đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, bê-tông hóa. Năm 2000, huyện được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về giao thông nông thôn.

❖ Toàn huyện có 55 thôn, làng và 56 cơ quan được công nhận là làng văn hóa, đơn vị văn hóa, có 203/253 (80%) số thôn xóm có nhà văn hóa và điện sinh hoạt văn hóa. Năm 2004, huyện đã tập trung xóa 100% số nhà tranh cho hộ nghèo.

❖ Toàn huyện có 21/21 xã, thị trấn có trường học cao tầng, nhiều xã có 3 trường cao tầng. Duy trì tốt chất lượng phổ cập tiểu học và trung học cơ sở., toàn huyện có 22 trường chuẩn quốc gia, là huyện đầu tiên trong tỉnh có trường chuẩn quốc gia ở 3 cấp học, 100 % các xã, thị trấn có trung tâm giáo dục cộng đồng, sự nghiệp giáo dục của huyện được tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

❖ Công tác y tế, dân số gia đình và trẻ em có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy duy dinh dưỡng giảm còn 23%, có 9/21 trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Công tác y tế được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.

❖ Thực hiện tốt chính sách xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo và chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo trong huyện giảm còn 7,9%.

VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH:

❖ Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giao quân hằng năm, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhiều năm liền đạt danh hiệu Đơn vị quyết thắng.

❖ Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, văn minh xứng đáng với truyền thống cách mạng, với danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, xứng đáng với quê hương trống đồng Ngọc Lũ, quê hương nhà thơ Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến.

Digitized by Google

TRUNG TÂM QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Địa chỉ: 243A - Đê La Thành - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: 04.8 333 649 8.347 057; Fax: 7.661 253 8.343 020

Giám đốc
TSKH.KTS ĐÀM QUANG TUẤN

Thành lập ngày 04-6-1990, theo quyết định số 322/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ theo Quyết định số 1126/QĐ-BXD, ngày 06-11-1998, của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ban giám đốc

1. Phòng Quy hoạch Dự án 1
2. Phòng Quy hoạch Dự án 2
3. Phòng Thiết kế kỹ thuật và CGCN
4. Phòng Thông tin dữ liệu và hoàn thiện
5. Phòng Hành chính tổng hợp
6. Thư viện lưu trữ

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu mô hình phân bố các điểm dân cư, đô thị, nông thôn.
- Lập đồ án xây dựng vùng liên huyện và huyện.
- Lập quy hoạch chung và chi tiết các khu dân cư.
- Nghiên cứu thiết kế xây dựng thí điểm cơ sở hạ tầng.

Digitized by Google

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI

CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

GIÁM ĐỐC: KS VŨ KHẮC KHÔI

Địa chỉ: Xã Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội * ĐT: 04. 8 341 517 - 8 341 516

Là một đơn vị có nhiều ngành sản xuất như xây dựng, sản xuất bao bì cát tông, bao bì nhựa, mộc, cơ khí, chế biến thực phẩm.

Cán bộ, công nhân lao động của Công ty với tinh thần khiêm tốn, học tập vươn lên, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu năm 2003:

1.Tổng giá trị hợp đồng kinh tế: 75 138 triệu đồng.

2.Tổng doanh thu: 55 000 triệu đồng.

3.Nộp ngân sách nhà nước: 3 421 triệu đồng.

4.Thu nhập bình quân người/tháng: 1 450 triệu đồng.

Ngày 25-9-2002, được UBND TP. Hà Nội cho phép, Công ty thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng Cụm Công nghiệp Phú Minh tại huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội, với quy mô 40 héc-ta theo nội dung chủ yếu sau:

☆ Khảo sát, nghiên cứu việc xây dựng và quản lý các khu, cụm công nghiệp trong nước.

☆ Khảo sát, đo đạc hiện trạng, cắm mốc giới.

☆ Xác định chỉ giới đường đỏ.

☆ Khoan khảo sát địa chất công trình.

☆ Lập, thỏa thuận quy hoạch, các thỏa thuận liên quan khác theo quy định.

☆ Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trình duyệt dự án.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2004

1- Xây dựng Cụm công nghiệp Phú Minh để thu hút đầu tư.

2 - Dự án nhà ở tại 154 Cầu Diễn.

3 - Tiếp tục san lấp mặt bằng trên diện tích 30 000m^2, Với trữ lượng hơn 250 000m^3 đất.

Digitized by Google

DNTN DỆT MAY THƯƠNG MẠI VẠN PHÁT

Trụ sở chính: Lô A 3MR+A 4MR - Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: 056.741494 - Fax: 056.741575

Chủ Doanh nghiệp: BÙI THỊ QUY
Mobiphone: 0903.843781

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- May công nghiệp; Dệt may bao PP; In bao bì
- Gia công chế tạo thiết bị chưng cất cồn; Sản xuất nước ngọt có ga và cồn, ga Co2; Sản xuất đường kết tinh.
- Mua bán nông sản thực phẩm, thực phẩm công nghệ, rượu bia, sợi, mật rỉ đường, cồn thô.
- Sửa chữa xe ô tô; Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ.
- Cho thuê nhà xưởng; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.

Văn phòng đại diện:
101/1E Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Tel: 08.8607870 - Fax: 08. 8607871

Các Công ty liên doanh:
* Cty TNHH RƯỢU BÌNH ĐỊNH - Địa chỉ: Km48, QL 19, H. Tây Sơn, Bình Định - Tel: 056.884221 - Fax: 056.884519
* Cty TNHH LIÊN DOANH CỒN HIỆP PHÁT
Địa chỉ: Ấp Châu Thành C, TT. Phụng Hiệp, H. Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang - Tel: 071.960729 - Fax: 071.960728

Nhà máy dệt bao PP-PE công suất 2 triệu cái/năm
Khu CN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Bình Định

Hệ thống lên men dây chuyền sản xuất cồn công suất 10 triệu lít/năm - Nhà máy sản xuất Cồn Rượu Bình Định - Km48, QL 19, Xã Bình Tường, H. Tây Sơn, Bình Định

Hệ thống Tháp Chưng cất cồn công suất 10 triệu lít/năm
Nhà máy cồn Rượu Bình Định
Địa chỉ: Km48 - QL 19 - Xã Bình Tường
Huyện Tây Sơn - Tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

ĐC: 2/12 Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP.HCM - ĐT: 8662086 - FAX: 8662085

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Quét dọn, thu gom và vận chuyển rác, xà bần đường phố, cơ quan, công sở...
- Duy tu đường hẻm, vỉa hè
- Nạo vét cống rãnh, lắp đặt hệ thống thoát nước.
- Chăm sóc, duy tu bảo dưỡng công viên.
- Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước
- Cung cấp nước sạch, tưới nước đường.
- Xây dựng, sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông, dân dụng.
- Tư vấn các dự án đầu tư, tư vấn thiết kế các loại công trình...

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG YÊN BÁI

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 779 đường Lê Hồng Phong - phường Nguyễn Thái Học - thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 029 867 395; Fax: 029 865 800

CHI NHÁNH TẠI LAI CHÂU

Địa chỉ: Phố Quyết Thắng II - thị xã Lai Châu - tỉnh Lai Châu * Điện thoại: 023 877 548: Fax: 023 877 548

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- **04 Huân chương Lao động từ hạng Ba đến hạng Nhất.**
- **Được Thủ tướng Chính phủ Bộ Giao thông - Vận tải tặng nhiều Bằng khen.**
- **UBND tỉnh Yên Bái tặng cờ thi đua xuất sắc trong nhiều năm liền.**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng.
- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- San tạo mặt bằng.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xăng dầu.

NĂNG LỰC:

- Công ty có đầy đủ thiết bị đồng bộ thi công nền, mặt đường gồm: Trạm bê tông nhựa nóng. Trạm nghiền sàng đá. Máy lu. Máy xúc. Máy ủi và ô tô vận tải các loại.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề.
- Với năng lực, thiết bị, và con người, Công ty có đủ điều kiện để thi công các công trình giao thông theo quy trình khép kín từ sản xuất vật liệu đến xây dựng nền, mặt đường, rải thảm bê tông nhựa nóng, đáp ứng được yêu cầu của các chủ đầu tư đề ra.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SÔNG MIỀN BẮC

CÔNG TY VẬN TẢI THỦY SỐ 3

Trụ sở: Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, TP Hải phòng
ĐT: 031. 746 071 Fax: 031. 842 022
Giám đốc: Kỹ sư NGUYỄN XUÂN BẮC

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang
- Huân chương Lao động hạng Nhì
- Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ
- Bằng khen và cờ thi đua xuất sắc của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải
- Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng.
- Bằng khen và cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Nhiều năm liền Đảng bộ Công ty đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh
- Trung đoàn tự vệ Công ty nhiều năm liền đạt danh hiệu "Đơn vị quyết thắng"

Bến xe khách Lạc Long thuộc Công ty

Trụ sở Công ty

* CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

- Khai thác vận chuyển đa dạng hàng hóa và thiết bị siêu trường, siêu trọng bằng đường thủy nội địa.
- Sửa chữa, hoán cải, đóng mới phương tiện vận tải thủy nội địa.
- Dịch vụ môi giới và đại lý vận tải thủy.
- Khai thác kinh doanh bến xe khách
- Dịch vụ môi giới và đại lý bán xăng dầu, phụ tùng máy tàu thủy.

* NĂNG LỰC VÀ THIẾT BỊ

- Công ty có 34 tàu đẩy, kéo với công suất 5000 Cv, 124 sà lan = 26.500 TPT
- Các đơn vị trực thuộc: 3 xí nghiệp công nghiệp, bến xe khách Lạc Long và trung tâm dịch vụ vận tải

Digitized by Google

HÃNG PHIM TRUYỀN HÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH CITY TELEVISION FILM STUDIOS

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

* Hãng Phim Truyền Hình Tp. HCM thành lập ngày 18 - 10 - 1991, theo Quyết định số: 526/QĐUB của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh và giấy phép sản xuất tác phẩm điện ảnh (phim nhựa, băng hình) số : 32/91 VHTTTTDL/ĐA cấp ngày 17 - 12 - 1991 của Bộ Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch.

* *Sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim ca nhạc và chương trình Tạp Chí Văn Nghệ phat sóng trên kênh HTV7 vào sáng CHỦ NHẬT và phát lại trên kênh HTV9 vào sáng THỨ NĂM hàng tuần gồm nhiều tiết mục phong phú, hấp dẫn, bổ ích.*

* *Hằng năm, TFS sản xuất 200 giờ phim truyện và phát sóng 200 giờ phim truyện mới. Hình ảnh, âm thanh kỹ thuật số, đạt tiêu chuẩn phim video chất lượng cao.*

* Nhận cung cấp bản quyền, hợp tác sản xuất, trao đổi, mua bán các sản phẩm trên với các đối tác trong và ngoài nước.

9 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.8) 9 102 022 - 9 102 437 - 9 102 753 - 8 229 600. FAX: (84.8) 8 292 738
tfs@htv.com.vn ; info@tfs.com.vn. Website: www.tfs.com.vn

CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC TINH KHIẾT
THUẬN PHÁT
Địa chỉ: FB26-27-28 Bàu Cát (Đường Bế Văn Đàn)- P. 14 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8 427 079; 8 494 834; 8 494 835; 0651 667 330

Digitized by Google

Digitized by Google

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trường Nghiệp vụ Quản lý Khoa học và Công nghệ

Trường Nghiệp vụ Quản lý KH&CN là đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được thành lập ngày 23/4/1996 theo Quyết định số 248/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường được giao thực hiện các nhiệm vụ: Đào tạo, nghiên cứu, tư vấn, và tổ chức các hội nghị, hội thảo ở trong và ngoài nước về các lĩnh vực quản lý khoa học và công nghệ.

HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Sĩ Lộc

Hằng năm, trường tổ chức trên 30 khóa đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ với trên 1.500 lượt học viên. Nội dung của các chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn và yêu cầu trong xu hướng phát triển của các loại hình hoạt động theo từng đối tượng đào tạo:

❖ *Với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức* thuộc hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN (Bộ KH&CN, sở KH&CN, cơ quan quản lý KH&CN của các bộ, ngành). Nội dung đào tạo được tập trung với các hướng tiếp cận:

1) Theo *các chức năng quản lý nhà nước*: Kế hoạch hóa, chiến lược, thanh tra KH&CN ... ;

2) Theo *các lĩnh vực quản lý nhà nước* về KH&CN: Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng và sở hữu trí tuệ ... ;

3) Theo các *nguồn lực phát triển* KH&CN: Tài chính, nhân lực, thông tin và hợp tác quốc tế về KH&CN;

4) *Theo phạm vi quản lý*: Quản lý KH&CN trên địa bàn tỉnh, thành phố, quản lý KH&CN trên địa bàn quận, huyện và quản lý KH&CN từ góc độ doanh nghiệp...

❖ *Với đối tượng là nghiên cứu viên và kỹ sư* thuộc các lĩnh vực hoạt động. Nội dung đào tạo chủ yếu được tập trung để đáp ứng yêu cầu của các lớp kinh tế - kỹ thuật ngành KH&CN (phục vụ thi nâng ngạch); cũng như đáp ứng các nhu cầu hoạt động của các đối tượng này như: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp luận tư duy sáng tạo, tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ...

❖ *Với đối tượng là các doanh nghiệp.* Nội dung đào tạo chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển công nghệ. Đó là: tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn, đàm phán, chuyển giao công nghệ và hợp đồng chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ ...

❖ *Với đối tượng là giảng viên, báo cáo viên, thuyết trình viên.* Nội dung đào tạo chủ yếu là các phương pháp giảng dạy, thuyết trình; Phương pháp đào tạo 3T (tham gia-tích cực-trực quan); và các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo.

Để đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và góp phần vào việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN trong quá trình phát triển, *phương châm của trường đang được đề ra và thực hiện hiện nay là*: THỰC TẾ, CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ.

Digitized by Google

5/30

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Địa chỉ có trách nhiệm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến đào tạo về quản lý khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động:

1) Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý KH&CN; cấp chứng chỉ cho công chức, viên chức theo chức năng và theo phân cấp; phối hợp đào tạo cao học theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ KH&CN Hoàng Văn Phong thăm và chúc mừng Trường nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2004

Lớp tập huấn về quản lý KH&CN theo phương pháp: Tham gia - Tích cực - Trực quan

2) Nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo và tư vấn về Quản lý KH&CN; Tổ chức các hội nghị và hội thảo về quản lý KH&CN.

3) Biên soạn giáo trình, tài liệu nghiệp vụ và tài liệu tham khảo về hoạt động đào tạo và quản lý KH&CN.

Một số ấn phẩm của Trường

4) Ký kết và thực hiện hợp đồng tư vấn, dịch vụ, giảng dạy về nghiệp vụ quản lý KH&CN.

Đối tượng được nhận các sản phẩm và dịch vụ nói trên bao gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực quản lý KH&CN và các lĩnh vực khác;

- Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và kỹ sư thuộc các lĩnh vực hoạt động;

- Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Địa chỉ liên hệ: 38, Ngô Quyền, Hà Nội
Điện thoại: 04. 8 258 285 Fax: 04. 8 262 563
E-mai: mti@vista.gov.vn - Website: http://www.mti.gov.vn

Digitized by Google

CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 6.000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NIV. OF MICH.
MAY 25 2005
URRENT SERIALS

9
5-2005

Digitized by Google

Vietnam Airlines

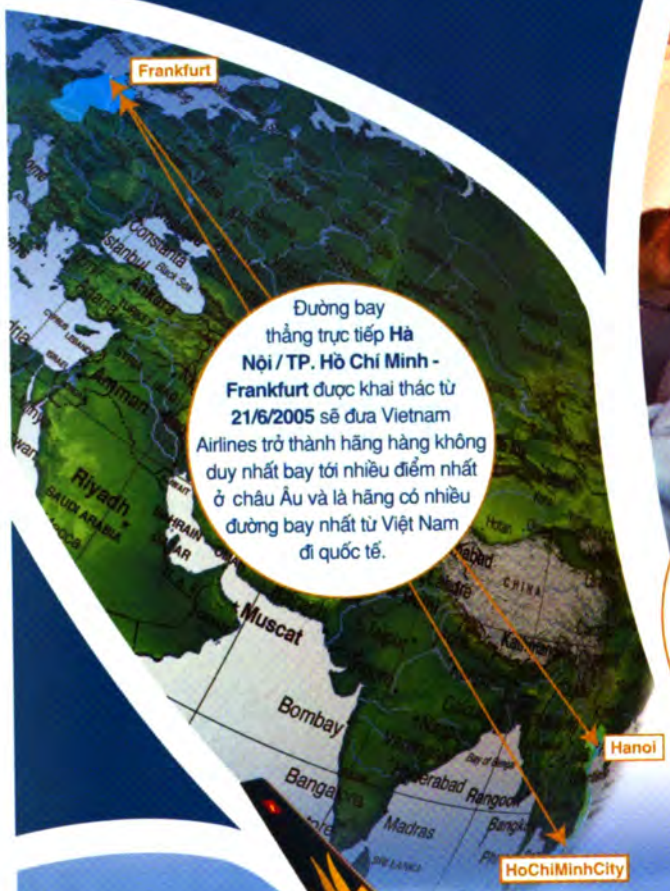

Đường bay thẳng trực tiếp **Hà Nội / TP. Hồ Chí Minh - Frankfurt** được khai thác từ **21/6/2005** sẽ đưa Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không duy nhất bay tới nhiều điểm nhất ở châu Âu và là hãng có nhiều đường bay nhất từ Việt Nam đi quốc tế.

Khách hàng sử dụng ngân sách nhà nước mua vé tại Phòng vé của Vietnam Airlines có ngày khởi hành từ **1/1** đến **31/12/2005** sẽ được hưởng ưu đãi **nâng hạng Phổ thông đặc biệt miễn phí** trên các chuyến bay của Vietnam Airlines giữa Việt Nam - Pháp và Việt Nam - CHLB Đức.

Giảm 3% giá vé và giá hành lý cho khách ngân sách nhà nước trên các đường bay quốc tế.

Văn phòng khu vực miền Bắc • **Địa chỉ** 25 Tràng Thi, Hà Nội • **Điện thoại** 844-8320.320 • **Website** http://nro.vietnamair.com.vn
Văn phòng khu vực miền Nam • **Địa chỉ** 116 Nguyễn Huệ, TP. Hồ Chí Minh • **Điện thoại** 848-8320.320

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG 2 KỲ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 732

9

5-2005

- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Hải quân nhân dân Việt Nam
Ảnh: Trọng Thiết

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 115 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 - 19-5-2005)

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Những tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam 3

HOÀNG TRANG - Vai trò của Hồ Chí Minh trong tổ chức, xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam 6

LÊ DOÃN HỢP - Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, Nghệ An quyết tâm phấn đấu để trở thành một trong những tỉnh khá nhất 10

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (30-4-1975 - 30-4-2005)

LÊ XUÂN LỰU - Nghệ thuật đánh thắng từng chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ 15

TRẦN PHƯỚC - Chuẩn bị hậu cần bảo đảm cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 19

TRẦN BẠCH ĐẰNG - 30-4-1975: cánh cửa mở vào kỷ nguyên mới của Việt Nam 23

NHÂN KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY CHIẾN THẮNG CHỦ NGHĨA PHÁT-XÍT (9-5-1945 - 9-5-2005)

NGUYỄN HUY QUÝ - Bài học lịch sử không được phép quên 26

VÕ KIM CƯƠNG - Chiến thắng chủ nghĩa phát-xít với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Á - Phi 32

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ HỮU NGHĨA - Đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch - một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay 37

BÙI NGỌC CHƯƠNG - Ý nghĩa ngày nay của Học thuyết về giá trị thặng dư của C. Mác 42

NGUYỄN HOÀNG - NGUYỄN THỊ QUẾ - Giai cấp công nhân ở các nước tư bản trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa 47

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN VĂN TÌNH - Xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới 52

NGUYỄN VĂN LONG - Ngành than qua 10 năm hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 91 56

NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH - Khu di tích Đền Hùng sau hơn 50 năm Bác Hồ về thăm 62

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGỌC HỒ - Quà biếu... 66

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Quan hệ hợp tác Việt Nam - châu Phi 68

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị Dân vận toàn quốc 72

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• НГУЕН ДЫК БИНЬ: Творческие идеи Хо Ши Мина в национальной освободительной революции Вьетнама. • ХОАНГ ЧАНГ: Роль Хо Ши Мина в организации, строительстве и закалке Коммунистической Партии Вьетнама. • ЛЕ ЗОАН ХОП: Выпольняя учения Хо Ши Мина, Нге Ан провинция решима стараться быть одной из лучших провинций. • ЛЕ СУАН ЛЫУ: Исскуство победить каждую военную стратегию Американского империализма. • ЧАН ФЫОК: Подготовка службы тыла для гарантии Генеральной Аттаки и Востания вестной 1975ого года. • ЧАН БАТЬ ДАНГ: 30 Апреля 1975ого года: дверь открыта в новую эру Вьетнама. • НГУЕН ТХУ КУЙ: Исторический урок, который не может быть забыта. • ВО КИМ КЫОНГ: Победа над фашизмом и борьба за национальную независимость стран Азии и Африка. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Критическая борьба против неправильных, враждебных точек зрения: важная и неотложная задача в настоящее время. • БУЙ НГОК ЧЫОНГ: Современное значение теории о прибавочной стоимости Карла Маркса. • НГУЕН ХОАНГ – НГУЕН ТХИ КУЭ: Рабочий класс в капиталистических странах в условиях научно-технологической революции и глобализации. • НГУЕН ВАН ТИНЬ: Строить и сделать вьетнамский Морской-флот быть прочным в политическом аспекте, удовлетворяя требования, задачи в новой ситуации. • ДО ДЫК ДИНЬ: Сотруднические отношения между Вьетнамом и Африкой.

CONTENTS

• NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Ho Chi Minh's creative thoughts in the national liberation revolution of Vietnam • HOÀNG TRANG: Ho Chi Minh's role in the organisation, building and training of the Communist Party of Vietnam. • LÊ DOÃN HỢP: Fufilling Uncle Ho's instructions, Nghe An is determined to strive to be one of the best provinces. • LÊ XUÂN LỰU: The art of gaining victory over each war strategy of the American imperialism. • TRẦN PHƯỚC: Preparing logistics to guarantee the General attack and insurrection in Spring of 1975. • TRẦN BẠCH ĐẰNG: 30 April 1975: a door open to the new era of Vietnam. • NGUYỄN HUY QUÝ: A historical lesson that must not be forgotten. • VÕ KIM CƯƠNG: Victory over fascism and the struggle for national independence of Asian, African countries. • LÊ HỮU NGHĨA: Critical struggle against erroneous, hostile viewpoints: an important and urgent task at the present. • BÙI NGỌC CHƯỞNG: Modern significance of K. Marx's Theory of surplus value. • NGUYỄN HOÀNG – NGUYỄN THỊ QUẾ: The working class in capitalist countries in conditions of the scientific – technological revolution and globalisation. • NGUYỄN VĂN TÌNH: Building and making Vietnam Naval forces be strong in political aspect, satisfying demands and tasks in the new situation. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH: Cooperation relationship between Vietnam and Africa.

SOMMAIRE

• NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Les idées créatives de Ho Chi Minh dans la révolution de libération nationale du Vietnam. • HOÀNG TRANG: Le rôle de Ho Chi Minh dans l'organisation, l'édification et l'entraînement du Parti communiste du Vietnam. • LÊ DOÃN HỢP: En appliquant les enseignements de l'Oncle Ho, le Nghe An s'efforce avec détermination de devenir une des provinces du premier rang. • LÊ XUÂN LỰU: L'art de faire échouer toute stratégie de guerre américaine. • TRẦN PHƯỚC: Les préparatifs logistiques pour l'Offensive générale du printemps 1975. • TRẦN BẠCH ĐẰNG: Le 30 avril 1975 – la porte d'entrée à une nouvelle ère du Vietnam. • NGUYỄN HUY QUÝ: La leçon historique qu'il ne faut pas oublier. • VÕ KIM CƯƠNG: La victoire sur le fascisme et la lutte pour l'indépendance nationale des pays d'Asie et d'Afrique. • LÊ HỮU NGHĨA: Lutter contre les points de vue erronés et hostiles – une tâche importante et urgente de l'heure. • BÙI NGỌC CHƯỞNG: La signification actuelle de la théorie sur la plus-value de K. Marx. • NGUYỄN HOÀNG – NGUYỄN THỊ QUẾ: La classe ouvrière des pays capitalistes dans le contexte de la révolution scientifico-technique et de la mondialisation. • NGUYỄN VĂN TÌNH: Edifier une Marine populaire du Vietnam forte sur le plan politique pour pouvoir répondre aux demandes et tâches de la nouvelle conjoncture. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH: La coopération Vietnam-Afrique.

SUMARIO

• NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Ideas creativas de Hồ Chí Minh en la revolución de liberación nacional de Viet Nam. • HOÀNG TRANG: El papel de Hồ Chí Minh en organización, construcción e instrucción del Partido Comunista de Viet Nam. • LÊ DOÃN HỢP: Cumpliendo las enseñanzas del Tío Hồ, la provincia de Nghệ An está decidida a convertirse en una provincia más buena. • LÊ XUÂN LỰU: El arte de vencer a cada estrategia de guerra del imperialismo norteamericano. • TRẦN PHƯỚC: Los preparativos logisticos para la gran ofensiva y sublevación de la primavera de 1975. • TRẦN BẠCH ĐẰNG: El 30 de abril de 1975, puerta para entrar en la nueva era de Viet Nam. • NGUYỄN HUY QUÝ: La lección histórica inolvidable. • VÕ KIM CƯƠNG: La victoria sobre el facismo y la lucha por la independencia nacional de los paises de Asia-Africa. • LÊ HỮU NGHĨA: La lucha de critica a los puntos de vista incorrectos y hostiles – una tarea importante y urgente en la actualidad. • BÙI NGỌC CHƯỞNG: La significación de la teoría sobre la plusvalía de Carlos Marx. • NGUYỄN HOÀNG-NGUYỄN THỊ QUẾ: La clase obrera de los paises capitalistas en condiciones de la revolución de ciencia-tecnología y la globalización. • NGUYỄN VĂN TÌNH:Construir una marina popular vietnamita firme en la política a fin de responder a las demandas y tareas en la nueva situación. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH: Relaciones de cooperación Viet Nam-Africa.

目 录

• 阮德平：胡志明在越南民族解放革命中之创造性思想 • 黄庄：胡志明在组织建设与磨练越南共产党中的作用 • 黎尹合：实现胡伯伯的教导，义安省决心奋斗成为全国最佳之一的省份 • 黎春溜：击败美国帝国主义每一战略计划之战争艺术 • 陈福：抓好后勤准备工作来保证75年春季总进攻和崛起斗争 • 陈白藤：1975年4月30日是越南跨入新纪元的里程碑 • 阮辉季：不允许遗忘的历史教训 • 武金刚：战胜法西斯主义与亚非国家争取民族独立运动 • 黎友义：对各种错误、敌视之观点进行斗争是目前重要及迫切之任务 • 裴玉掌：马克思剩余价值的当今实现意义 • 阮黄、阮氏桂：在科技工艺革命和全球化过程中的资本主义国家之工人阶级 • 阮文情：建设一支在政治上过硬的越南人民海军以应对新形势下的要求和任务 • 朴德定：越南与非洲之间的合作关系。

Digitized by Google

NHỮNG TƯ TƯỞNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

Tư tưởng Hồ Chí Minh, như các văn kiện của Đảng đã nêu lên, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Đó là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa; là tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, mà hạt nhân trung tâm là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, tôi chỉ đề cập những tư tưởng cốt lõi, có tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc. Về phương diện này có thể nêu lên 5 điểm quan trọng:

Một là, Hồ Chí Minh đã phân tích, phê phán, *lên án một cách sâu sắc, toàn diện và cụ thể chủ nghĩa đế quốc, thực dân,* chế độ áp bức, bóc lột tàn bạo của nó đối với các nước thuộc địa. C.Mác và Ph.Ăng-ghen (thời đó, thuộc địa chưa là hiện tượng phổ biến, điển hình) đã có những công trình phê phán sâu sắc chính sách thực dân của giai cấp tư sản Anh ở Ái Nhĩ Lan, Ấn Độ v.v.. V.I. Lê-nin đã có một loạt các tác phẩm lớn về chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, về quyền dân tộc tự quyết, về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản với phong trào giải phóng dân tộc, và theo đánh giá của Hồ Chí Minh - *"Lê-nin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa"* (1).

Tuy nhiên, ba nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản, trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, chủ yếu mới đứng ở giác độ người cộng sản ở các chính quốc để luận giải vấn đề thuộc địa. Còn *Hồ Chí Minh đã bổ sung cho lý luận của ba ông bằng cái nhìn từ phía dân tộc bị áp bức mà mình là một đại diện trực tiếp.* Hình ảnh "con đỉa hai vòi" mà Hồ Chí Minh nêu lên, đơn giản, dễ hiểu, nhưng thể hiện cực kỳ sâu sắc và chính xác nhận thức Hồ Chí Minh về bản chất chủ nghĩa thực dân đế quốc. Những hệ luận từ đó có thể rút ra có ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc và cả đối với cách mạng vô sản ở chính quốc, điều này sẽ được nói tới bên dưới.

Hai là, vấn đề hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề giải phóng dân tộc, là độc lập cho dân tộc. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh và cả lịch sử cách mạng hiện đại Việt Nam chứng minh rõ điều ấy.

---

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 219

Digitized by Google

Từ tuổi thanh niên, Nguyễn Sinh Cung đã là một trong những người con yêu nước ưu tú nhất, tiêu biểu cho dân tộc. Tất cả ý nghĩa cuộc sống đối với Nguyễn Sinh Cung lúc đó là cứu nước, giải phóng dân tộc, cứu đồng bào khỏi kiếp đọa đày đau khổ. Người coi đấy là lẽ sống thiêng liêng nhất. "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu". Đối với Người, tất cả mọi kế sách đều vô nghĩa nếu không nhằm độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào. Cả cuộc đời, Người "chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" (2).

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi mục đích cũng chỉ để tìm đường cứu nước.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Lê-nin trước tiên cũng vì tìm thấy ở *"Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa"* là "cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" (3).

Năm 1941, trong tình hình "nước sôi, lửa bỏng", dân ta "một cổ, ba tròng", Người vạch rõ lúc này quyền lợi giải phóng dân tộc cao hơn tất thảy. Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi bộ phận của giai cấp vạn năm cũng không đòi lại được.

Năm 1945, *Tuyên ngôn độc lập* trịnh trọng tuyên bố: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"(4).

Năm 1946, thực dân Pháp định cướp nước ta lần nữa, Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đanh thép tuyên bố: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"(5).

"Không có gì quý hơn độc lập, tự do!". Đó là tuyên bố hùng hồn trước sự tàn bạo của đế quốc Mỹ trong cuộc đụng đầu lịch sử, cũng là một đại tổng kết nổi tiếng của Hồ Chí Minh, một đại tổng kết từ toàn bộ lịch sử dân tộc. Đó là nguyên lý đầu tiên, trước hết và trên hết trong hệ thống phân tích khoa học những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa và nửa phong kiến, trong đó mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu nhất là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai.

Tư tưởng "không có gì quý hơn độc lập, tự do" đòi hỏi tất yếu ý chí tự lực tự cường, tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo trong đường lối cũng như trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, không ỷ lại trông chờ bên ngoài, không rập khuôn sao chép.

Ba là, không có gì quý hơn độc lập, tự do, nhưng *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"* (6), rằng *"chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"* (7). Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc tất yếu gắn với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc được đặt trong quỹ đạo thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Điều cần đặc biệt nhấn mạnh là Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách đúng đắn những vấn đề then chốt đó trên cơ sở không chỉ là vận dụng sáng tạo mà có sự phát triển lý luận mác-xít về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng ở chính quốc, giữa giai cấp và dân tộc, giữa quốc gia và quốc tế, giữa Việt Nam với thế giới.

Bốn là, theo Hồ Chí Minh, *cách mạng thuộc địa có vai trò cực kỳ quan trọng đối với quá trình cách mạng thế giới.* Nếu chủ nghĩa đế

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t4, tr 161
(3) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t10, tr 127
(4), (5) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 4, tr 4, tr 480
(6) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 9, tr 314
(7) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t10, tr 128

Digitized by Google

quốc là "con đỉa hai vòi", một vòi hút máu giai cấp vô sản ở chính quốc, một vòi hút máu dân tộc thuộc địa; do đó nếu chỉ chặt một vòi, con đỉa đế quốc vẫn sống, thì giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng thuộc địa phải cùng sánh vai nhau như thể "con chim hai cánh", một cánh không thể bay lên, cách mạng khó mà thắng lợi, cả ở chính quốc, cả ở thuộc địa.

Hơn nữa, theo Hồ Chí Minh, cách mạng thuộc địa, khi có thời cơ, có thể chủ động giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện sống còn của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Năm là, có sự nhuần nhuyễn cao độ mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa dân tộc và quốc tế. Đó là đặc trưng bản chất trong triết lý chính trị Hồ Chí Minh, trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khoảng cuối những năm 20 đầu 30 thế kỷ trước, có người cho rằng Nguyễn Ái Quốc là người nặng về dân tộc, nhẹ về giai cấp, là người dân tộc chủ nghĩa chứ không phải quốc tế chủ nghĩa. Lịch sử chứng minh hoàn toàn không phải như vậy. Lịch sử chứng minh đường lối tả khuynh "giai cấp chống giai cấp" đơn thuần và trừu tượng của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 6 là sai và đã được Đại hội lần thứ 7 điều chỉnh. Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh được đánh giá là một lãnh tụ hiếm hoi đã giải quyết thành công những vấn đề rất phức tạp về quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế trong những bối cảnh đất nước và thế giới cực kỳ phức tạp. Người đã giải quyết các vấn đề ấy một cách đúng đắn, khôn khéo và thủy chung, xa lạ với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ, với mọi màu sắc của chủ nghĩa sô-vanh.

Năm 1941, sau khi Nhật vào Đông Dương và khi thời cơ giành độc lập đang đến gần. Hồ Chí Minh nói "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*" (8). Phải có lập trường giai cấp vững chắc, thành thục, điêu luyện mới có được tư tưởng đó - tư tưởng dân tộc nhất mà cũng là lập trường giai cấp cao nhất trong tình thế "nước sôi, lửa bỏng" lúc bấy giờ, và vì có lập trường giai cấp vững chắc nên mới thể hiện được tư tưởng dân tộc cao nhất . Cũng có thể hiểu trong tinh thần đó về sự nhuần nhuyễn quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, nhưng ở một tình thế khác, tình thế năm 1946, khi Hồ Chí Minh tuyên bố "Đảng tự giải tán" (thực ra là vào hoạt động bí mật).

Có ý kiến cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin chú trọng giai cấp. Hồ Chí Minh chú trọng dân tộc. Ý kiến này không đúng. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đâu chỉ biết giai cấp mà nó là học thuyết cách mạng giải phóng toàn thể những người lao động bị bóc lột, giải phóng cả dân tộc, cả xã hội, cả loài người và nếu không có chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì đã không có tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng *của* Hồ Chí Minh sở dĩ trở thành *tư tưởng* Hồ Chí Minh là bởi ở Hồ Chí Minh chủ nghĩa yêu nước cao độ đã bắt gặp học thuyết cách mạng và khoa học nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhờ được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh đã vượt qua được những hạn chế của các chí sĩ yêu nước đương thời như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, mở ra trang sử mới đầy thắng lợi vẻ vang cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Phải thấy đầy đủ Hồ Chí Minh vừa là nhà mác-xít lê-nin-nít chân chính, vừa là người cộng sản vĩ đại, vừa là nhà yêu nước vĩ đại, không những tuyệt đối trung thành với lý tưởng yêu nước và cách mạng mà còn rất sáng tạo, đặc biệt trong việc giải quyết một vấn đề cơ bản và phức tạp nhất của lý luận cách mạng là mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế. Cho nên nếu đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh bằng cách tách rời, hạ thấp, thậm chí đối lập với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là - về khách quan - hạ thấp chính Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh. ❑

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 198

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG TỔ CHỨC, XÂY DỰNG VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HOÀNG TRANG *

1 - Hồ Chí Minh - người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mùa xuân năm 1930, Hồ·Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là đóng góp to lớn có tính bước ngoặt tìm ra con đường cách mạng Việt Nam của Người. Sau bao năm bôn ba, học hỏi và hoạt động trong phong trào công nhân khắp thế giới, Hồ Chí Minh đã nhận ra rằng, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản; chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới thoát khỏi ách nô lệ. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mở ra một thời đại mới trong lịch sử phát triển của loài người. Hồ Chí Minh cho rằng, sau Cách mạng Tháng Mười, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trên toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam nằm trong phạm trù cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc là bước thứ nhất, bước tiếp theo là tiến lên chủ nghĩa xã hội nhằm giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó là con đường giải phóng triệt để nhất phù hợp với đòi hỏi của dân tộc, nguyện vọng của nhân dân và xu thế của thời đại.

Trong khi Hồ Chí Minh tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, thì nhiều người Việt Nam yêu nước vẫn đang lúng túng không biết đi theo lối nào để có độc lập dân tộc. Từ Pa-ri, Hồ Chí Minh không những nhìn rõ vai trò lịch sử của giai cấp vô sản Việt Nam mà qua cuộc đình công có tổ chức của 600 công nhân nhuộm ở Chợ Lớn, Người đã thấy nó báo hiệu một thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh tự giác của giai cấp vô sản Việt Nam. Mặc dù vậy, khi từ châu Âu về hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc (11-1924), Hồ Chí Minh không thành lập đảng chính trị của giai cấp vô sản Việt Nam ngay, mà Người triệu tập và mở nhiều lớp bồi dưỡng lý luận cách mạng cho những thanh niên Việt Nam yêu nước, trong đó có nhiều người là công nhân. Sau đó, Hồ Chí Minh phái họ về nước, đi vào phong trào cách mạng, đặc biệt phong trào "vô sản hóa" ở các cơ sở công nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, để không những rèn luyện họ trưởng thành mà theo đó giai cấp vô sản cũng có bước phát triển vượt bậc, ý thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Phong trào cách mạng Việt Nam kể từ năm 1925

* TS, Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

chuyển mạnh theo xu hướng vô sản. Cách làm này của Hồ Chí Minh không những thể hiện sự thận trọng, giàu kinh nghiệm, mà còn thể hiện rõ tính khoa học, sáng tạo của Người là đã tạo ra sự đòi hỏi tự thân cần có đảng cách mạng của giai cấp vô sản.

Đến năm 1929, đòi hỏi này càng trở nên cấp bách. Yêu cầu khách quan cần có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đã được đặt ra tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (5-1929). Nhưng Đại hội đã không đáp ứng được đòi hỏi đó của lịch sử. Vì vậy, chỉ trong khoảng 6 tháng kể từ tháng 6-1929, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời. Song, ba tổ chức này lại tranh giành quần chúng và ảnh hưởng của nhau, không có lợi cho phong trào cách mạng. Trước tình hình đó, tháng 12-1929, Quốc tế Cộng sản đã ra Nghị quyết về Đông Dương, trong đó chỉ đạo việc thành lập Đảng. Có ý kiến cho rằng, trước khi đứng ra tổ chức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh không nhận được Nghị quyết này. Và qua *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* của Hồ Chí Minh sau khi thành lập Đảng (18-2-1930) cũng như *Thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ* (9-12-1930) của Đảng ta, thì nhiều khả năng Hồ Chí Minh không nhận được Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản. Điều đó càng cho thấy tài năng, bản lĩnh và tính sáng tạo của Hồ Chí Minh - người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đây chấm dứt thời kỳ "đen tối như không có đường ra", chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối của cách mạng nước ta. Sự ra đời của Đảng đã mở ra thời đại mới của lịch sử nước ta - thực hiện độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Một sáng tạo rất lớn của Hồ Chí Minh là Người đã vận dụng sáng tạo công thức của V.I. Lê-nin về sự ra đời của một đảng vô sản vào một nước nông nghiệp như nước ta. Người không chỉ *truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân mà đồng thời truyền bá vào phong trào yêu nước Việt Nam* - một yếu tố phổ quát, trường tồn và có sức mạnh to lớn trong lịch sử phát triển của dân tộc. Như vậy, Người đã kết hợp một cách sinh động yếu tố dân tộc và giai cấp, tạo ra cơ sở xã hội - chính trị rộng lớn chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sáng tạo này của Hồ Chí Minh thực sự là bước phát triển có tính nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về sự ra đời và phát triển không ngừng một đảng cách mạng của giai cấp vô sản.

2 - Hồ Chí Minh - người xây dựng, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

Vai trò của Hồ Chí Minh trong tổ chức, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vô cùng to lớn. Song, vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là Người đã xây dựng và rèn luyện Đảng ta thành một đảng mác-xít - lê-nin-nít kiên cường, giàu bản lĩnh và kinh nghiệm trong lãnh đạo cách mạng cũng như xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trước hết, trên cơ sở giải quyết sáng tạo, khôn khéo yếu tố dân tộc và giai cấp, vững vàng về nguyên tắc và phương châm xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh xác định: Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong cách mạng của dân tộc. Qua thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Quan điểm này cũng là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh. Về vấn đề này, năm 1848, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* rằng, trong cuộc đấu tranh giành lấy chính quyền thì giai cấp vô sản *"phải tự vươn lên thành giai cấp, phải tự mình trở thành dân tộc"*. Với Hồ Chí Minh, quan điểm này đã được cụ thể hóa vào thực tiễn sinh động của phong trào công nhân và cách mạng Việt Nam. Vì vậy, trong xây dựng Đảng, không phải chỉ có giai cấp công nhân mà cả nhân dân lao động và toàn dân tộc đều tham

Digitized by Google

gia. Cả dân tộc thừa nhận Đảng là của mình, cả dân tộc tin tưởng ở Đảng, quyết tâm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, tích cực bảo vệ và tham gia xây dựng Đảng. Điều này thực sự là niềm tự hào của Đảng ta, không phải đảng nào cũng có được.

Hai là, trong xây dựng, rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý tính hệ thống, cơ bản, toàn diện và thiết thực: từ tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức đến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác.

Về tư tưởng: Ngay trong quá trình tiến tới thành lập Đảng, Người khẳng định: Đảng muốn lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi thì Đảng phải vững; Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu và làm theo chủ nghĩa ấy; chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin; Đảng Cộng sản Việt Nam muốn vững mạnh, trong sạch thì Đảng phải được xây dựng trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, thì Đảng phải thường xuyên nâng cao trình độ nhận thức chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho cán bộ, đảng viên; phải làm cho cán bộ, đảng viên biết dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải quyết những vấn đề của cách mạng đặt ra; đồng thời phải thường xuyên tổng kết thực tiễn để góp phần bồi bổ lý luận Mác - Lê-nin; đoàn kết, thống nhất đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, xét lại để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Xây dựng Đảng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là yếu tố cơ bản nhất, quyết định sự bảo đảm bản chất giai cấp công nhân của Đảng, bảo đảm tính cách mạng, trình độ trí tuệ, đạo đức và tính quần chúng của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn giữ vững và nêu cao tính cách mạng của giai cấp công nhân, tính kiên cường bất khuất của phong trào yêu nước Việt Nam; luôn bảo đảm tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về lý luận và trong giải quyết thực tiễn, đặc biệt là khả năng độc lập, sáng tạo để đi tới mục tiêu của cách mạng. Đảng luôn coi việc trau dồi những phẩm chất đạo đức theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở truyền thống của dân tộc cho cán bộ, đảng viên làm "gốc" để có lối sống lành mạnh, vững vàng trong mọi thử thách, mọi hoàn cảnh. Như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng phải là đạo đức, là văn minh". Suốt chặng đường cách mạng 75 năm qua, Đảng luôn thực hiện và giữ được sự gắn bó máu thịt với nhân dân, gần gũi, sâu sát thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tôn trọng, học hỏi nhân dân trong công cuộc lãnh đạo nhân dân thực hiện xây dựng chế độ mới.

Về chính trị: Theo Hồ Chí Minh, xây dựng, rèn luyện Đảng về chính trị có mối quan hệ mật thiết với xây dựng, rèn luyện Đảng về tư tưởng. Muốn xây dựng Đảng về chính trị đúng đắn, trước hết phải đứng vững trên một nền tảng tư tưởng vững chắc. Dưới ánh sáng của nền tảng tư tưởng mà hoạch định đường lối của Đảng, tổ chức đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống, biến đường lối của Đảng thành kế hoạch, thành luật pháp của Nhà nước, thành hành động cách mạng của quần chúng đông đảo. Đảng phải tổ chức tổng kết thực tiễn, rút ra những kết luận mới để bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, đồng thời bổ sung và hoàn thiện lý luận của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Người thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin để dùng lập trường, quan điểm và phương pháp của nó mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta.

Về tổ chức: Hồ Chí Minh đòi hỏi phải thường xuyên kiện toàn bộ máy của Đảng trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Khi kiện toàn, phải chú ý mặt tổ chức bộ máy, đồng thời

Digitized by Google

xác định cơ chế hoạt động của bộ máy Đảng từ trung ương đến cơ sở nhằm phát huy cao nhất vai trò nền tảng của tổ chức cơ sở đảng và vai trò quyết định của tổ chức lãnh đạo cao nhất trong xây dựng, rèn luyện Đảng về tổ chức. Mặt khác, Hồ Chí Minh rất chú ý tới mối quan hệ giữa bộ máy và con người trong kiện toàn tổ chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt và người đứng đầu bộ máy.

Về đạo đức: Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức cách mạng là cái "gốc", cái nền của người cán bộ, đảng viên. Trong xây dựng, rèn luyện Đảng, không thể thiếu việc xây dựng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở chỉ ra những chuẩn mực đạo đức chung, bao giờ Hồ Chí Minh cũng cụ thể những yêu cầu đạo đức trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Người chỉ rõ mối quan hệ giữa đạo đức của Đảng, đạo đức cộng sản với đạo đức xã hội, đạo đức công dân; đạo đức của đảng viên với đạo đức của người lãnh đạo. Với Hồ Chí Minh, khái niệm và trách nhiệm đạo đức của mỗi đối tượng là cụ thể, không chung chung, trừu tượng. Người đòi hỏi đảng viên phải "đi trước, làng nước theo sau", nói và làm phải đi liền, phải thống nhất với nhau. Bởi vậy, trong xây dựng, rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên, phải kiên quyết đấu tranh chống thói đạo đức giả, phi đạo đức. Hồ Chí Minh nhắc nhở nhiều lần rằng, cán bộ tốt thì việc gì cũng xong, cán bộ kém thì việc gì cũng không xong.

Về phương thức lãnh đạo và phong cách công tác: Đây là lĩnh vực phương pháp cách mạng và phong cách hoạt động của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Nó có quan hệ trực tiếp đến việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, đến sự thành công hay không thành công của cách mạng, đến sức mạnh và sự tồn vong của Đảng.

Về nguyên tắc, đường lối quyết định phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Nhưng trên thực tế, khi đã có đường lối đúng, cũng phải trải qua nhiều thử nghiệm trong thực tiễn lãnh đạo và công tác, mới có thể dần dần xây dựng được phương thức lãnh đạo và phong cách công tác đúng đắn, phù hợp. Bởi vậy, trong thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh lưu ý cán bộ, đảng viên: đối với bất kỳ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi "vì sao", đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Có như vậy, mới xây dựng, hình thành được phương thức lãnh đạo và phong cách công tác phù hợp với quy luật của cách mạng, với mỗi đối tượng, mỗi cấp lãnh đạo và phong cách công tác của cán bộ, đảng viên.

Ba là, Hồ Chí Minh lãnh đạo Đảng ta thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Trong xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng phải xuất phát từ thực tiễn xây dựng Đảng ta mà thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và sáng tạo những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Khi đề cập nội dung các nguyên tắc, Người sử dụng nhiều khái niệm: nguyên tắc, chế độ, quy luật... Nhưng tất cả những nội dung đó phải được Đảng thực hiện một cách hệ thống và đầy đủ trong xây dựng, rèn luyện thì Đảng mới trở nên trong sạch và vững mạnh. Người đòi hỏi Đảng ta phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc có tính nền tảng *là Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.* Trong tổ chức, Đảng phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc *tập trung dân chủ* - một nguyên tắc quyết định sức mạnh của Đảng. Trong lãnh đạo, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng phải thực hiện đúng đắn nguyên tắc *tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.* Thực hiện đúng đắn nguyên tắc này mới tránh cho Đảng không rơi vào chủ quan, độc đoán, chuyên quyền và mới biến đường lối của Đảng trở thành thực tiễn sinh động. Trong sinh hoạt Đảng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề phải thực hiện tốt nguyên tắc *tự phê bình và phê bình* - một vũ khí và là quy luật làm cho Đảng trở nên trong sạch, vững mạnh. Đồng thời, Đảng phải thực hiện tốt nguyên tắc *kỷ luật nghiêm minh và tự giác,* cũng như nguyên tắc *đoàn kết thống nhất trong Đảng,* cán bộ đảng viên phải tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng,

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, Nghệ An quyết tâm phấn đấu ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG TỈNH KHÁ NHẤT

LÊ DOÃN HỢP *

NĂM nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang có nhiều hoạt động rất thiết thực để long trọng kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Bác Hồ. Cùng với không khí phấn khởi chung của cả nước, Nghệ An có niềm vinh dự riêng. Trong Thư gửi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An ngày 21-7-1969, trước lúc "đi xa", Bác căn dặn: "Nghệ An là một tỉnh rộng lớn, có tài nguyên phong phú, có nhân dân cần cù lao động và rất cách mạng. Rất mong đồng bào và đồng chí tỉnh nhà ra sức phấn đấu làm cho Nghệ An mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất ở miền Bắc" (1). Đảng bộ và nhân dân Nghệ An coi đây là bản Di chúc Bác dành riêng cho quê hương.

Toàn Đảng, toàn dân ta cũng có một nguyện vọng thiết tha vun đắp cho quê hương của Bác phát triển nhanh. Một sự kiện chính trị quan trọng đối với Đảng bộ và nhân dân Nghệ An là ngày 2-6-2003, Bộ Chính trị đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An và có Kết luận số 20/KL-TW *Về định hướng phát triển kinh tế - xã hội Nghệ An đến năm 2010.*

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách đạt được những thành tựu rất quan trọng, được Trung ương và các địa phương ghi nhận, thể hiện ở ba việc lớn: kinh tế phát triển nhanh và bền vững hơn, cán bộ đoàn kết, lòng quân và dân đồng thuận, yên vui hơn.

Có nhiều chỉ tiêu quan trọng về kinh tế - xã hội đã "về đích" trước 1-2 năm so với kế hoạch do Đại hội tỉnh Đảng bộ khóa XV đề ra. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2001 - 2004 đạt 10,4%, ước tính cho cả 5 năm là 10,6% (mục tiêu đề ra là 9,5% - 10,5%). Thu ngân sách năm 2004 đạt 1.662 tỉ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm đầu nhiệm kỳ Đại hội. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp đạt 27,5% GDP (mục tiêu Đại hội đề ra đến 2005 là 25% - 26%). Đã tạo được những mặt hàng có vị thế trên thị trường trong và ngoài nước như: xi măng, mía đường, bia, sản xuất vật liệu xây dựng, đá trắng, thiếc thỏi, dứa hộp, bột sắn và chế biến nông - lâm - thủy, hải sản... Sản lượng lương thực năm 2004 đạt gần 1,1 triệu tấn (mục tiêu Đại hội đề ra là 90 vạn tấn). Tỷ lệ hộ đói

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 482 - 483

Digitized by Google

nghèo đến cuối năm 2004 là 9,6% (mục tiêu đề ra dưới 11%).

Kết quả trên đây là của một quá trình trăn trở tìm hướng đi trong phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện sự cố gắng, đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều thế hệ lãnh đạo ở tỉnh, nhất là tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của hơn ba triệu đồng bào trong tỉnh. Từ những thành tựu trên, bước đầu chúng tôi đã rút ra mấy bài học kinh nghiệm cơ bản, như sau:

***Thứ nhất,** cán bộ các cấp đoàn kết, thống nhất, có quyết tâm cao đưa Nghệ An ra khỏi tỉnh nghèo.*

Nghèo về kinh tế cũng dễ đồng nghĩa với nghèo về trí tuệ và tiềm năng. Có trí tuệ và tiềm năng mà để nghèo là điều không thể chấp nhận được. Trách nhiệm của cán bộ các cấp là phải quyết tâm vượt khó, quyết chí làm giàu, đồng lòng đưa quê hương phát triển theo phương châm: "khơi trong, hút ngoài, đoàn kết, tiến công, tăng tốc, vì mục tiêu kinh tế phát triển, cán bộ đoàn kết, dân yên".

Bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn đã được rút ra ở Nghệ An trong mấy năm qua là: ra nghị quyết đúng, tổ chức hành động nhanh; đốc thúc, kiểm tra, giám sát là khâu quan trọng. Tấm gương soi chung của mọi cấp, mọi ngành là mức tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống văn hóa, xã hội. Ra nghị quyết phải đồng bộ với chương trình hành động. Ở Nghệ An có nghị quyết chỉ sau 17 ngày đã có tác dụng thiết thực, như giao thông, thủy lợi, chuyển đổi ruộng đất. Đối với ủy ban nhân dân các cấp, chú trọng ba chữ "C": chính sách, công trình, cải cách hành chính. Đối với cấp ủy cũng là ba chữ "C": chủ trương, cơ chế, cán bộ. Thực tế cho thấy ở đâu và lúc nào buông lỏng việc đốc thúc, kiểm tra là khó tránh khỏi tình trạng cấp dưới ỷ lại, đủng đỉnh, lừng khừng, chậm trễ.

***Thứ hai,** đánh giá đúng những thuận lợi và khó khăn để đề ra chính sách phù hợp trong quá trình phát triển.*

Đất của Nghệ An rộng và nói chung là tốt. Vấn đề là ở chỗ con người khai thác, sử dụng như thế nào. Nếu không biết canh tác bền vững thì đất sớm bạc màu. Nhưng nếu làm tốt chuyển dịch cơ cấu cây trồng sẽ có tác dụng to lớn trong việc nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích. Với diện tích tự nhiên lớn gấp gần 25 lần nước Xin-ga-po, có xã diện tích tương đương một tỉnh bạn, thì rõ ràng đây là một tiềm năng lớn của Nghệ An.

Lực lượng lao động của tỉnh dồi dào, có chất lượng. Dân Nghệ An hiếu học, có nhiều người đỗ đạt và làm ăn có hiệu quả (cả trong và ngoài nước). Nghệ An còn là quê hương giàu truyền thống cách mạng. Một khoảng không gian địa lý chưa đầy 20 km từ thành phố Vinh lên huyện Nam Đàn đã có hàng chục danh nhân. Nghệ An chính là nơi "địa linh nhân kiệt". Thời nào cũng có danh nhân, nơi đâu cũng có anh hùng. Nếu biết khơi dậy thì truyền thống sẽ biến thành lực lượng vật chất to lớn.

Nghệ An có "thiên thời", giao thông đường bộ, đường sông, đường biển, đường sắt, đường không đều có. Đây là lợi thế để phát triển. Ngoài ra, còn phải nói đến một thị trường tiêu thụ của trên 10 triệu người dân các địa phương phụ cận, chưa nói đến các tỉnh Đông Bắc của Thái Lan và các tỉnh của nước bạn Lào.

Một lợi thế nữa là Nghệ An có nhiều người công tác, học tập, sinh sống ở các tỉnh trong đó rất nhiều người thành đạt. Họ luôn hướng về quê hương, góp công, góp sức, chất xám - trí tuệ, kinh nghiệm để xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp. Điều quan trọng là tỉnh phải làm thế nào để tạo được môi trường thu hút đầu tư, thông thoáng, mở thêm nhiều ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, thương mại, dịch vụ để con

Digitized by Google

em "có đất" về "dụng võ". Ở các công trình, dự án lớn nhỏ trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cả nước, hầu như ở đâu cũng có người Nghệ An tham gia, có người giữ vị trí quan trọng. Người xứ Nghệ ngay thẳng, trọng tình nghĩa, sống chung thủy, sòng phẳng và rành mạch. Nếu biết huy động thì yếu tố con người chắc chắn sẽ là một lợi thế lớn cho tỉnh trong phát triển, kể cả hiện nay và mai sau.

Bên cạnh những thuận lợi, Nghệ An hiện nay cũng gặp một số khó khăn, cản trở. Thứ nhất là điểm xuất phát thấp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội bất cập... Khó khăn này đang được thu hẹp dần cùng với đà phát triển chung của tỉnh. Những gì đã làm được trong quá trình xây dựng kinh tế - xã hội vừa qua là sự vươn lên quyết liệt, của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh từ việc làm đường giao thông nông thôn đến thủy lợi, trường học, trạm y tế và hệ thống phân phối điện, hệ thống cầu cống lớn nhỏ. Riêng thành phố Vinh, trong gần 40 năm đã trải qua hai cuộc chiến tranh hủy diệt của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhưng gần 20 năm đổi mới, đã vươn lên thành đô thị loại 2 và đang chuyển mình để trở thành đô thị trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của vùng đất, con người xứ Nghệ. Với quyết tâm cao, lãnh đạo và nhân dân tỉnh nhà hy vọng trong vòng 5 năm nữa, Nghệ An sẽ vượt qua khó khăn ra khỏi danh sách những tỉnh nghèo. Để thực hiện được mục tiêu đó chúng tôi rất quan tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật, coi giao thông - thủy lợi - điện - thông tin là bốn bánh xe của "cỗ xe" công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Ngành nào và ở đâu có thời cơ là tìm cách "bứt phá" tiến lên, xứng đáng với truyền thống và tiềm năng lợi thế của mình. Bởi vậy, điểm xuất phát của Nghệ An tuy thấp nhưng chúng tôi xác định là khó khăn tạm thời.

Khó khăn thứ hai là sự níu kéo về tư tưởng, biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau, nhưng đáng quan tâm hơn là tư tưởng hẹp hòi, bảo thủ, giáo điều, nóng vội và cả bệnh công thần. Có tình trạng say sưa với thành tích mà quên việc tìm tòi, sáng tạo để vận dụng đúng quy luật phát triển trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước hiện nay. Cần sớm khắc phục tư tưởng trên và cả việc ngồi chờ, hưởng thụ, không chịu "động não, ra tay" để làm việc có ích cho cuộc sống, vì sự phát triển của quê hương, đất nước. Xét đến cùng, dù là cá nhân hay địa phương, tập thể nào có tư tưởng ỷ lại, trông chờ cũng đồng nghĩa với "bóc lột lại" quê hương, trên thực tế là ngoảnh lưng với quá khứ và đồng chí, đồng bào.

Ngoài ra, còn phải kể đến các căn bệnh: hẹp hòi, nóng vội, cơ hội. Một số cán bộ có biểu hiện rụt rè, phòng ngự, né tránh, cốt để cho bản thân an toàn, không dám hành động. Khi số này đông lên làm cho cả đội hình phòng ngự. Ở đâu có biểu hiện như thế thì ở đó không thể có động lực để tăng tốc, phát triển. Thực tiễn đã chứng minh rằng: đổi mới trước hết phải bắt đầu từ việc đổi mới tư duy nhận thức và đổi mới cán bộ. Nếu như trong công tác cán bộ chỉ chọn những người phòng ngự là chính, không dám tiến công thì không thể có sự phát triển nhanh. Chẳng hạn, lấy phiếu tín nhiệm của quần chúng ở mọi cấp không thận trọng sẽ dẫn đến tình trạng là, nếu đa số phòng ngự thì chọn ra "thủ lĩnh" cũng phòng ngự. Thực tế cho thấy, không ít nơi cải cách hành chính đã làm phát sinh thêm nhiều đầu mối, biên chế tăng, phân cấp chậm, trách nhiệm cá nhân không rõ, giải quyết công việc cho cấp dưới kéo dài... Hậu quả sẽ dẫn đến ba cái mất: mất cơ hội phát triển, mất thêm chi phí và thời gian chờ đợi, mất lòng tin của nhân dân.

Một số nơi vẫn chưa khắc phục được tình trạng đánh giá cán bộ thiên lệch theo "chủ

Digitized by Google

nghĩa tuyệt đối". Cách làm đó dễ tạo ra hệ quả, thà không làm gì để không có khuyết điểm, vẫn an toàn. Bởi vậy, trong công tác cán bộ, muốn biết được những cán bộ có tâm, ngang tầm, khách quan, trăn trở với phong trào, ngày đêm tìm cách thúc đẩy phong trào tiến lên, phải có cơ chế, phương pháp đánh giá đúng con người, làm rõ và bảo vệ những người trung thực, tận tâm với công việc, có trình độ năng lực hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Cán bộ các cấp, các ngành ở Nghệ An phải phấn đấu liên tục để hội đủ ba "có": *Có trí tuệ* để tập hợp được nhân tài và định hướng hành động đúng; *Có bản lĩnh* để dám quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trong tương lai; *Có đạo đức*, không có những biểu hiện tiêu cực, nhất là quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Một khó khăn khác là Nghệ An nằm khá xa các khu vực tăng trưởng của đất nước. Điều đó có thể chỉ là khó khăn trước mắt. Hy vọng trong tương lai gần, Nghệ An sẽ học được những bài học quý của các địa phương khác, kể cả những bài học tốt và chưa tốt để tìm cho mình bước đi hợp lý hơn, tạo sự phát triển bền vững hơn.

Nghệ An do có đông đồng bào dân tộc thiểu số, có đường biên giới dài, sự chênh lệch về dân trí và mức sống của đồng bào dân tộc so với các vùng khác đang rất lớn. Để giải quyết khó khăn này tỉnh chủ trương *chú trọng phát triển miền Tây Nghệ An*, nhằm sớm khắc phục sự ngăn cách về mức sống và trình độ dân trí, từ đó biến các lợi thế của miền Tây thành động lực tăng trưởng kinh tế. Vừa qua, nhiều huyện đã thực hiện rất thành công chủ trương này bằng cách phát huy sức mạnh của tuổi trẻ thông qua việc tổ chức các tổng đội thanh niên xung phong. Đến nay có thể khẳng định rằng, với tinh thần hành động, tuổi trẻ Nghệ An sẽ tiếp tục tiến lên miền Tây và sẽ thành công trong việc lập thân, lập nghiệp, làm giàu cho mình và cho quê hương, đất nước.

Thứ ba, *trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy xác định công tác cán bộ là trọng tâm* và mấy năm vừa qua, công tác này đã làm được ba việc quan trọng:

- Đào tạo cán bộ xã và đưa cán bộ có trình độ đại học về xã. Lãnh đạo tỉnh và các cấp của Nghệ An xác định rằng, xã là cấp cơ sở rất quan trọng. Xã yếu là huyện yếu, huyện yếu làm cho tỉnh cũng không thể mạnh. Tuy vậy, thực tế đang có nhiều khó khăn và bất cập về mặt chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp cơ sở. Có người nói hiện nay, cán bộ cấp xã có 3 "nhất": nhiều việc nhất, ít được học nhất, lương phụ cấp thấp nhất. Điều đó đang tạo ra những mâu thuẫn và khó khăn ở cơ sở. Trước thực tế đó, Nghệ An đang từng bước tháo gỡ, và phấn đấu đến năm 2010 phổ cập hóa trình độ cao đẳng và đại học cho cán bộ xã. Đưa kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, kinh tế về làm việc ở địa phương là một hướng đi đúng đã và sẽ mang lại nhiều lợi ích lớn. Vấn đề của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể là phải động viên, tạo môi trường làm việc để cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn tốt được phát huy hết tài năng của mình.

- Đã thực hiện khá tốt công tác luân chuyển cán bộ ở cả 3 cấp. Ở đâu phong trào có biểu hiện trì trệ, chậm phát triển, thì khâu đầu tiên cần xem xét là cán bộ chủ chốt. Bí thư, chủ tịch một huyện yếu là làm cho cả một vùng kinh tế yếu. Phương châm hành động là: đốc thúc, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quyết liệt. Nhiệm vụ của năm sau chúng tôi lấy kết quả đạt được năm trước cộng thêm 10% để xác định mức phấn đấu và bản lĩnh của cán bộ phải thể hiện đưa được kinh tế phát triển. Tinh thần chung: "cán bộ phải tận tụy để dân thương; gương mẫu để dân trọng; kỷ cương để người tích cực có chỗ dựa mà cống hiến; người xấu và cái xấu không có chỗ mà luồn lách, lộng hành".

- Phát triển đảng viên trẻ và tạo nguồn cán bộ trẻ là công việc thường xuyên, liên tục. Cán bộ trẻ là sức sống của Đảng của chính quyền đoàn thể các cấp. Mấy năm gần đây, mỗi năm Nghệ An kết nạp được khoảng

Digitized by Google

7.000 đảng viên trẻ. Mấu chốt để thế hệ trẻ hăng hái phấn đấu vào Đảng là Đảng phải tin ở cán bộ trẻ, tạo điều kiện và môi trường cho cán bộ trẻ đã qua đào tạo cơ bản có cơ hội rèn luyện và trưởng thành.

Phải nói rằng, đánh giá cán bộ là khâu rất quan trọng. Ai cũng phải được đánh giá từ cơ sở, cán bộ thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó phải đánh giá và kết luận. Mọi khuyết điểm trong lần đánh giá trước năm sau phải khắc phục, sửa chữa. Cán bộ vi phạm khuyết điểm các cấp quản lý cán bộ phải chịu một phần trách nhiệm. Không để xảy ra tình trạng cán bộ khi nhận xét thì tốt nhưng "đùng một cái" lại vi phạm pháp luật, bị xử lý, kỷ luật hay bị truy tố nhưng các cấp quản lý cán bộ lại "bất ngờ". Nghệ An coi việc nghiêm túc trong công tác cán bộ ở các cấp cũng là sự biểu hiện của đạo đức; dễ dãi, hữu khuynh là mất cán bộ, là có tội với Đảng, với dân, với đồng chí, đồng nghiệp.

Những thành tựu đã đạt được của Nghệ An là rất cơ bản, thể hiện tính đúng đắn của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, đã được thực tiễn kiểm nghiệm trong gần 20 năm qua. Đây đồng thời cũng là những nền móng để quyết tâm đạt được những thành tựu vững chắc hơn nữa trong bước đường phát triển tiếp theo. Nhìn ra các tỉnh bạn và đứng trước xu thế hội nhập ngày một sâu hơn của đất nước vào kinh tế khu vực và thế giới, lãnh đạo các cấp ở Nghệ An tự nhận thấy chưa thể thỏa mãn với những gì đã làm được. Vì thế, với những bài học kinh nghiệm đã được đúc rút trong thời gian qua, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh quyết tâm vượt khó, quyết chí làm giàu, tạo thế và lực cao hơn, tiếp tục đổi mới, đoàn kết, tiến công, tăng tốc để thực hiện được mục tiêu: sớm đưa Nghệ An thành một trong những tỉnh giàu mạnh và gương mẫu, như mong muốn của Bác Hồ. ❑

VAI TRÒ...

(Tiếp theo trang 9)

phải giữ gìn sự thống nhất của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, Đảng không có lợi ích riêng mà chỉ có một lợi ích vì độc lập tự do của dân tộc, ấm no hạnh phúc của nhân dân mà phấn đấu hy sinh. Bởi vậy, trong xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh còn đòi hỏi Đảng phải thực hiện thường xuyên và làm tốt nguyên tắc *quan hệ mật thiết với nhân dân*. Chỉ có nhân dân bảo vệ, giúp đỡ thì Đảng mới tồn tại và phát triển, mới trong sạch, vững mạnh.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. *Thực hiện đoàn kết quốc tế* là một nguyên tắc được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, cũng là một nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam mà hiện nay Đảng ta đang tiếp tục vận dụng và thực hiện.

Bốn là, để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, trong quá trình xây dựng, rèn luyện Đảng, Hồ Chí Minh đề ra phải thực hiện thật tốt *công tác kiểm tra của Đảng*.

Theo Người, lãnh đạo mà không kiểm tra tức là không lãnh đạo. Kiểm tra tốt thì bao nhiêu ưu điểm, khuyết điểm, đều thấy rõ. Bởi vậy, kiểm tra phải toàn diện và mọi sai lầm, khuyết điểm phải xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng Điều lệ của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Công tác kiểm tra đòi hỏi người đi kiểm tra phải gương mẫu, có hiểu biết sâu rộng, vững vàng.

Với truyền thống, kinh nghiệm và bản lĩnh suốt 75 năm qua, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, ngày nay nhất định Đảng ta sẽ tiếp tục được xây dựng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành trọng trách lãnh đạo dân tộc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.❑

Digitized by Google

NGHỆ THUẬT ĐÁNH THẮNG TÙNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

LÊ XUÂN LƯU *

LỢI dụng thời cơ Pháp bị thất bại, Mỹ nhảy vào trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam tìm cách tiêu diệt phong trào yêu nước, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc, xóa bỏ tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa và lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội tràn xuống Đông - Nam Á.

Để thực hiện âm mưu đó, Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh kéo dài 21 năm (1954-1975) và đã có 5 đời tổng thống kế tiếp nhau thực hiện các chiến lược để thôn tính miền Nam Việt Nam. Đó là các chiến lược: "vành đai" và "tăng cường liên minh" (1954-1960); "chiến tranh đặc biệt" (1961-1965); "chiến tranh cục bộ" (1965-1968); "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1975).

Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn ác liệt, hy sinh, lần lượt đánh bại từng chiến lược chiến tranh của địch và đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

1 - Trước hết với chiến tranh "vành đai" và "chính sách tăng cường liên minh", Mỹ lập ra tổ chức Hiệp ước Ma-ni-la (Phi-líp-pin) thành lập "Tổ chức Hiệp ước Đông - Nam Á" gọi tắt là SEATO đặt Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia dưới sự bảo hộ của tổ chức này.

Thực hiện chiến lược này, chúng dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm làm công cụ, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, thành pháo đài chống cộng ở Đông - Nam Á; dùng tay sai, cảnh sát, tề điệp với trang bị vũ khí của Mỹ và dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ liên tiếp mở các chiến dịch "tố cộng" tàn sát những người kháng chiến và yêu nước Việt Nam.

Ngay khi Hội nghị Giơ-ne-vơ chưa kết thúc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa II) đã xác định: Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương.

Tháng 1-1959 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (khóa II) trên cơ sở tổng kết thực tiễn đã khẳng định: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam. Nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm. Phương pháp cách mạng là dùng bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị đến kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và dự kiến khả năng cách mạng miền Nam phát triển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Nghị quyết 15 đã đến với đồng bào miền Nam như nắng hạn gặp mưa rào. Nghị quyết đã động viên mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn dân, tăng cường sự nhất trí trong toàn Đảng về đường lối cách mạng miền Nam, tạo ra một sự chuyển biến căn bản và nhảy vọt của phong trào cách mạng miền Nam.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết đó, các cuộc tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân miền Nam đã diễn ra ở nhiều nơi. Đầu tiên là các trận đánh của các lực lượng vũ trang và tự vệ vào

* Trung tướng, Giáo sư

Digitized by Google

một số quận ly của địch ở Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Đồng Tháp; các cuộc nổi dậy phá các khu dồn dân ở Bác Ái (Ninh Thuận), cướp chính quyền ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) rồi đến các cuộc khởi nghĩa ở miền núi Khu 5, cực Nam Trung Bộ, miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt là các cuộc đồng khởi ở miền Trung Nam Bộ, ở Bến Tre và miền Đông Nam Bộ, đã làm tan rã hàng loạt bộ máy kìm kẹp của ngụy quyền, phá bỏ từng mảng hệ thống chính trị của địch, làm chủ một vùng nông thôn rộng lớn từ rừng núi đến đồng bằng và làm phá sản âm mưu thực dân kiểu mới, buộc chúng phải chuyển qua chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

2 - Thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ và tay sai mưu đồ đánh bại cách mạng miền Nam Việt Nam trong 18 tháng. Biện pháp chủ yếu để thực hiện mưu đồ đó là phát triển quân ngụy, tăng cường cố vấn và phương tiện chiến tranh của Mỹ, ra sức bình định nông thôn, củng cố đô thị, tìm mọi cách ngăn chặn chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Chúng lấy "bình định" làm biện pháp hàng đầu, lập "ấp chiến lược" là quốc sách nhằm "tát nước bắt cá", "tiêu diệt cộng sản".

Trong tình hình mới, Đảng ta đề ra 3 chủ trương lớn: *một là,* phải đánh thắng đế quốc Mỹ và tay sai trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt"; *hai là,* phải cố gắng kiềm chế địch để thắng địch trên chiến trường miền Nam là chính; *ba là,* chuẩn bị đối phó và đánh thắng địch trong trường hợp đế quốc Mỹ đưa quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào tham chiến.

Hội nghị Bộ Chính trị họp tháng 1-1961 và tháng 2-1962 đã quyết định chuyển cuộc khởi nghĩa từng phần thành cuộc khởi nghĩa của quần chúng, giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị; đồng thời, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên một bước mới, ngang tầm với đấu tranh chính trị, tiến hành đấu tranh quân sự song song với đấu tranh chính trị, đánh địch bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng, thành thị phù hợp với đặc điểm và tương quan lực lượng của từng nơi.

Bộ Chính trị còn chỉ đạo triển khai các biện pháp chiến lược quan trọng như: đẩy mạnh công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang cả lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, xây dựng và mở rộng căn cứ địa, hậu phương tại chỗ của các địa phương, phát triển chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược; đồng thời, tăng cường hoạt động chiến đấu của các đơn vị chủ lực, nâng cao trình độ tác chiến tập trung nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, đánh bại các cuộc hành quân càn quét của quân ngụy, chú trọng đánh vào các nơi xung yếu như sân bay, kho tàng, đường giao thông và đặc biệt là phải tập trung mũi nhọn vào phá "ấp chiến lược" đánh bại "quốc sách" của địch. Dưới ánh sáng của tư tưởng chỉ đạo trên đây, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phát triển mạnh mẽ. Mũi tiến công phá "ấp chiến lược" bằng chính trị và quân sự đã làm phá sản mục tiêu chủ yếu của chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Cao trào cách mạng của nhân dân miền Nam đã đẩy Mỹ - ngụy vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng và buộc Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng", phế truất anh em Diệm, Nhu.

Sự phát triển của chiến tranh nhân dân, những đòn tiêu diệt quân chủ lực ngụy, vừa đánh bại các thủ đoạn chiến thuật của địch, kết hợp với mũi tiến công phá "ấp chiến lược", đưa chiến lược "chiến tranh đặc biệt" đến nguy cơ phá sản hoàn toàn, buộc đế quốc Mỹ phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ".

3 - Chiến lược "chiến tranh cục bộ" có mục tiêu: triển khai lực lượng Mỹ để cứu nguy cho ngụy quân, ngụy quyền, chặn đứng chiều hướng thua của chúng; tiêu diệt chủ lực "Việt cộng", giành thế chủ động chiến lược trên chiến trường; phá vỡ cơ cấu mọi mặt của "Việt cộng", tăng cường sức mạnh cho ngụy quân, ngụy quyền để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Biện pháp chủ yếu của Mỹ là ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, mở các cuộc phản công chiến lược "tìm và diệt" chủ lực của ta để bẻ gãy xương sống của "Việt cộng" và "chộp bắt" cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam; đồng thời, sử dụng không quân và hải

Digitized by Google

quân đánh phá miền Bắc. Mỹ đặt kế hoạch 3 giai đoạn: giai đoạn 1, phá kế hoạch mùa mưa của ta, chặn đứng chiều hướng thua, bảo đảm triển khai nhanh lực lượng quân viễn chinh Mỹ; giai đoạn 2, mở các cuộc tiến công chiến lược tiêu diệt chủ lực của ta và kiểm soát vùng nông thôn; giai đoạn 3, hoàn thành việc tiêu diệt chủ lực của ta, tiếp tục "bình định" miền Nam, rút quân Mỹ về nước vào cuối năm 1967. Mỹ đặt kế hoạch giành thắng lợi trong khoảng thời gian từ 25 đến 30 tháng.

Khi địch chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", trong các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1965 và tháng 12-1965, Đảng ta đã phân tích tình hình và khẳng định: mặc dù hàng chục vạn quân Mỹ đã vào miền Nam nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch không thay đổi lớn. Sức mạnh của Mỹ có thể sử dụng được trong cuộc chiến tranh Việt Nam là sức mạnh hạn chế và chỗ yếu của Mỹ không thể nào khắc phục được. Đảng ta chủ trương: *Một là,* phải giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động tiến công trên chiến trường, vừa đánh Mỹ vừa diệt ngụy. *Hai là,* phải tiếp tục quán triệt và vận dụng phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính. *Ba là,* phải cố gắng tập trung lực lượng của hai miền, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam. *Bốn là,* phải ra sức chuẩn bị để đánh địch trong trường hợp chiến tranh kéo dài và mở rộng ra cả nước.

Triển khai thực hiện phương hướng trên, cả nước bước vào một cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù trên cả hai miền. Ở miền Nam, do sự phát triển lực lượng kịp thời và bố trí chiến lược chủ lực trên chiến trường đúng nên khi Mỹ đổ quân vào, mở cuộc phản công chiến lược "tìm và diệt" lần thứ nhất, ta đã đánh thắng quân Mỹ ngay những trận đầu ở Núi Thành, Vạn Tường (Khu 5), Đất Cuốc, Bàu Bằng (Đông Nam Bộ), Plây-me (Tây Nguyên)... Ở miền Bắc, trong cuộc chống chiến tranh phá hoại của địch, ta đã hạ hàng trăm máy bay hiện đại, bắt nhiều giặc lái Mỹ và đã tổ chức phòng, tránh, sơ tán thành công, bảo đảm giao thông - vận tải thông suốt, tiếp tục tăng cường chi viện cho chiến trường.

Khi Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai (Gian-xơn-xi-ti) với bốn vạn rưỡi quân đánh vào huyện Dương Minh Châu, căn cứ của cơ quan lãnh đạo cách mạng miền Nam trên chiến trường, Đảng ta đã chủ trương chẳng những tiến công địch trên các chiến trường cũ mà còn mở ra mặt trận Trị Thiên và Đường 9 để kéo địch ra phía Bắc. Đó là, một chiến trường bất lợi cho địch, phân tán địch và căng địch ra mà đánh; đặc biệt là để phá tan ý định của địch mở rộng chiến tranh bằng bộ binh ra phía Bắc giới tuyến và đưa quân Mỹ vào đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời, để tạo điều kiện cho miền Đông Nam Bộ đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn-xi-ti, cùng với các cuộc tiến công trên các chiến trường Tây Nguyên, miền tây Khu 5 và Đường 9 làm thiệt hại nặng nề quân địch. Thắng lợi này, cùng với việc đánh trả không quân và hải quân của Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc ngày càng hiệu quả đã làm phá sản một bước chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, đẩy đế quốc Mỹ vào tình thế "tiến thoái lưỡng nan".

Trước tình hình đó Đảng ta nhận định, đã đến lúc cần tạo ra một bước chuyển biến lớn để chuyển chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (1-1968) quyết định tiến hành cuộc tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu Thân. Cuộc tổng công kích và nổi dậy đã diễn ra khắp miền Nam, mục tiêu tiến công chủ yếu là các cơ quan đầu não của địch và thời gian cụ thể là vào giao thừa Tết Mậu Thân, lúc mà kẻ địch sơ hở nhất. Đó là cách đánh chưa hề diễn ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và cũng hiếm có trong lịch sử chiến tranh cách mạng nên kẻ thù không hề nghĩ và cũng không thể nghĩ tới.

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, vì chỉ trong một thời gian ngắn ta đã làm thay đổi thế trận, đưa chiến tranh vào "sào huyệt" cuối cùng của địch và đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc Mỹ dẫu có ngoan cố cũng phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh và chuyển qua

Digitized by Google

chiến lược "phi Mỹ hóa" rồi đổi lại "Việt Nam hóa chiến tranh".

4 - Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ có mục tiêu là rút được quân Mỹ về nước nhưng vẫn duy trì được chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam. Biện pháp của Mỹ là kết hợp 3 loại chiến tranh: chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt và chiến tranh hủy diệt hòng làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc. Kế hoạch của Mỹ là: xuống thang chiến tranh dần dần, rút quân nhỏ giọt, ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia và Lào nhằm "chộp bắt đầu não" của ta và "bóp nghẹt" sự chi viện của miền Bắc từ "cuống họng", tăng cường "bình định" miền Nam với nhiều kiểu: "bình định đặc biệt", "bình định bổ sung", "bình định phát triển"; đồng thời, mở mặt trận ngoại giao để cô lập ta. Thực hiện các biện pháp và kế hoạch này, Mỹ hy vọng làm cho cách mạng miền Nam suy yếu và tàn lụi, còn ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn thì mạnh lên đủ sức để duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Thực hiện mục tiêu trên, các năm 1970, 1971, Mỹ - ngụy liên tiếp mở những cuộc hành quân lớn ở miền Nam và mở rộng ra các chiến trường Cam-phu-chia và Lào. Nhưng tất cả các cuộc hành quân ấy đều bị thảm bại. Ý đồ làm suy yếu và tàn lụi "Việt cộng", tăng cường sức mạnh cho ngụy quân không thực hiện được, Mỹ càng lúng túng và không còn đủ sức để mở những cuộc hành quân lớn. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 20, khóa III họp đầu năm 1972 quyết định mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt quân địch, mở rộng vùng giải phóng và làm thay đổi cục diện chiến tranh. Và, cuộc Tổng tiến công, nổi dậy chiến lược trên toàn chiến trường của quân, dân ta đã thu được thắng lợi.

Những thắng lợi to lớn của các cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam cùng với việc đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B52 của Mỹ ở miền Bắc đã làm chuyển biến cục diện chiến tranh, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn ngoan cố chưa từ bỏ mục tiêu duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam. Âm mưu của Mỹ sau ký Hiệp định là tìm cách xóa bỏ thế 2 vùng, 2 chính quyền và 2 quân đội để biến miền Nam thành một quốc gia của ngụy. Để thực hiện mục tiêu trên, Mỹ ồ ạt đưa vũ khí, phương tiện chiến tranh, tiền của vào miền Nam Việt Nam. Ngụy quyền ráo riết bắt lính, dồn quân, tăng cường lực lượng vũ trang ở cơ sở để khống chế nhân dân và mở các cuộc hành quân càn quét "tràn ngập lãnh thổ".

Để đánh bại âm mưu của địch sau Hiệp định Pa-ri, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 (7-1973) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và khẳng định trong bất cứ tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và làm suy yếu lực lượng của địch, phát triển lực lượng ta về mọi mặt cả về quân sự và chính trị, trên cả ba vùng chiến lược, cả chủ lực và địa phương. Đặc biệt, ta phải đánh bại các kế hoạch lấn chiếm của địch, phải giành dân, giành đất và giành quyền làm chủ, chuẩn bị vật chất, tinh thần để tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết 21, ta đã chặn đứng các cuộc hành quân của địch, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch. Công tác chuẩn bị các mặt được đẩy mạnh. Các lực lượng bộ binh và các quân binh chủng được tích cực xây dựng. Công tác xây dựng và củng cố hậu phương lớn, xây dựng các trục đường chiến lược, đường chiến dịch, phát triển đường ống dẫn dầu, tổ chức vận chuyển vũ khí đạn dược, bảo đảm cho tác chiến lớn được đẩy mạnh.

Đầu năm 1974, ta đã tạo ra được những chuyển biến có lợi về so sánh lực lượng và thế chiến lược giữa ta và địch. Nhiều dấu hiệu suy yếu của ngụy quân xuất hiện như sa sút tinh thần, lúng túng trong hoạt động. Nước Mỹ rơi vào khủng hoảng chính trị. Vụ Oa-tơ-ghết buộc Tổng thống Nic-xơn phải từ chức và hàng loạt quan chức phải ra hầu tòa. Tổng thống G.Pho lên

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

Chuẩn bị hậu cần bảo đảm cho Tổng tiến công và nổi dậy MÙA XUÂN 1975

TRẦN PHƯỚC *

Để có được thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy với quy mô chưa từng có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, về mặt hậu cần, quân và dân ta đã trải qua một quá trình chuẩn bị lâu dài từ trước trên cả miền Bắc, cả trên từng chiến trường, trong từng chiến dịch, có sự kết hợp chặt chẽ giữa hậu cần chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, với hậu cần nhân dân; kết hợp giữa chuẩn bị trước và trực tiếp, trong đó chuẩn bị hậu cần từ đầu năm 1973 đến đầu năm 1975 có ý nghĩa quyết định.

Ngay sau khi Hiệp định Pa-ri được ký, Tổng cục Hậu cần đã bắt tay xây dựng kế hoạch hậu cần 3 năm (1973 - 1975) và triển khai thực hiện, trong đó có nội dung quan trọng là chi viện lực lượng, phương tiện vật chất cho các chiến trường. Đầu những năm 1973 - 1974, chỉ huy Tổng cục đã cùng đoàn cán bộ vào từng chiến trường, xuống tận đơn vị nắm tình hình, chỉ đạo, đôn đốc và giải quyết tại chỗ các khó khăn, chuẩn bị hậu cần cho thời cơ lớn.

Chuẩn bị đường vận tải là trọng tâm của chuẩn bị hậu cần trên các chiến trường, vì đường sá thông thì mọi việc đều dễ dàng. Với quyết tâm: "Mở đường mà tiến, đánh địch mà đi", trong 2 năm 1973 - 1974, Đoàn 559 đã mở thêm được 5.560 km, đưa tổng chiều dài tuyến đường Trường Sơn lên 16.790 km, trong đó có 6.810 km đường trục dọc, 4.980 km đường trục ngang, 5.000 km đường vòng tránh, cùng tuyến đường ống xăng dầu 5.000 km, đã nối liền miền Bắc với các chiến trường, vươn tới tận Nam Bộ.

Trên chiến trường Trị Thiên, ta mở thêm 5 tuyến đường chiến dịch với tổng chiều dài 300 km nối hậu cần chiến trường với tuyến 559 và các hướng. Quân khu 5 xây dựng hơn 600 km đường cơ giới; cải tạo đưa vào sử dụng 259 km đường sông và 300 km đường gùi thồ. Mặt trận Tây Nguyên hoàn thành tuyến đường dọc biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia dài 390 km và hơn 900 km đường trục ngang nối liền các binh trạm hậu cần tới các hướng tác chiến... Tổng cộng trong 2 năm 1973 - 1974, ta đã mở thêm hơn 6.000 km đường chiến dịch, cùng với tuyến đường chiến lược 559 tạo cơ sở để vận chuyển lớn cho thời cơ lớn mùa xuân 1975.

Đi đôi với chuẩn bị đường giao thông, hậu cần chiến lược đã chấn chỉnh lại công tác vận tải ở hậu phương và đặc biệt là tuyến 559. Tuyến Đông Trường Sơn ta đã tổ chức 10 trạm giao liên với 10 cung vận chuyển dài 1.030 km. Tuyến Tây Trường Sơn được tổ chức thành 5 trạm giao liên với 5 cung vận

* TS, Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

chuyển dài 840 km. Lực lượng vận tải cơ giới được tập trung để thành lập các sư đoàn, trung đoàn ôtô, thực hiện vận tải tập trung. Do vậy, năng lực và hiệu quả vận chuyển được nâng cao. Từ đầu năm 1973 đến 4-1975, hậu cần chiến lược đã vận chuyển, giao cho các chiến trường 823.146 tấn hàng hóa - phương tiện (bằng 1,6 lần kết quả vận chuyển của 13 năm trước đây), trong đó giao cho chiến trường Trị Thiên là 29.139 tấn, chiến trường Khu 5 là 77.036 tấn, mặt trận Tây Nguyên là 53.690 tấn. Đoàn 559 đã tổ chức cho 411.161 người, 296 pháo đất, 974 pháo cao xạ, 457 xe tăng thiết giáp... hành quân vào các chiến trường. Riêng từ tháng 11-1974 đến tháng 4-1975 ta đưa vào chiến trường 232.779 người.

Để bảo vệ các tuyến vận tải chi viện chiến trường, một số đơn vị cao xạ được tập trung lại xây dựng thành sư đoàn phòng không 377 bảo vệ vùng căn cứ 559 ở khu vực đường 9 và các tuyến vận tải Đông Trường Sơn. Sư đoàn 968 được kiện toàn sát nhập thêm một số trung đoàn bộ binh độc lập, tăng cường trang bị hỏa lực mạnh bảo vệ tuyến hành lang Tây Trường Sơn.

Nhằm tăng cường khả năng bảo đảm tại chỗ, 2 năm 1973 - 1974, Tổng cục Hậu cần đã điều vào chiến trường 1 đại đội đại tu ôtô, 36 trạm tiểu tu, 2.148 tấn phụ tùng xe máy, 3.680 cán bộ, lái xe; tăng cường cho chiến trường Đông Nam Bộ 1 trung đoàn ôtô vận tải; cho Quân khu 5 và mặt trận Tây Nguyên mỗi nơi 1 tiểu đoàn ôtô vận tải, Ngành Quân y đưa 76 đội phẫu, đội điều trị vào chiến trường... Ngoài ra, Tổng cục còn tổ chức 15 trung đoàn chủ yếu bổ sung cho mặt trận Tây Nguyên làm lực lượng nòng cốt sản xuất lương thực, thực phẩm tại chỗ, sẵn sàng bổ sung cho các chiến trường khác khi cần. Tính chung, giai đoạn này, hậu cần các chiến trường được bổ sung 30.916 người, chiếm 65,3% lực lượng chi viện cho chiến trường từ năm 1965 đến 1975.

Cùng với chuẩn bị đường giao thông, phương tiện vật chất, bổ sung lực lượng, Tổng cục Hậu cần đã chỉ đạo chấn chỉnh tổ chức, điều chỉnh thế trận hậu cần trên từng chiến trường phù hợp với yêu cầu tác chiến.

Ngoài việc cơ động các binh đoàn, lực lượng quân binh chủng dự bị chiến lược vào Nam Bộ, ta còn phải chuẩn bị bảo đảm 60.000 tấn vật chất, cứu chữa 10.000 thương binh... trong thời gian rất ngắn, địa bàn chiến dịch cách hậu phương lớn gần 2.000 km. Với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", cả nước đã dốc sức cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Để cơ động 3 quân đoàn, các đơn vị quân, binh chủng vào mặt trận Nam Bộ, ta đã sử dụng 7.064 xe ôtô, trong đó có 3.364 xe của Tổng cục Hậu cần và Đoàn 559; 2.648 xe của các quân đoàn, quân binh chủng; 711 xe chiến lợi phẩm; 311 xe huy động của nhân dân... Đến ngày 24-4-1975 việc cơ động lực lượng hoàn thành.

Như vậy, có thể nói nhờ luôn quán triệt, nắm vững chủ trương, đường lối quân sự, quyết tâm chiến lược của Đảng, ngành hậu cần - kỹ thuật đã chủ động, tích cực đi trước một bước chuẩn bị toàn diện cả thế trận và lực lượng hậu cần; kết hợp và phát huy được sức mạnh của hậu cần chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, hậu cần nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp của hậu cần toàn dân, bảo đảm cho cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975 đại thắng. Các lực lượng hậu cần, kỹ thuật đã ra sức vươn lên khắc phục mọi khó khăn, phát huy sáng tạo, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Thành công rất đáng tự hào của việc bảo đảm hậu cần, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm cơ động... đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của các binh đoàn chi viện chiến lược của ta.

*

* *

Ba mươi mùa xuân đã trôi qua, song những kinh nghiệm chuẩn bị hậu cần cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 vẫn

Digitized by Google

nguyên giá trị, cần được nghiên cứu, kế thừa, phát triển cho phù hợp với điều kiện mới trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đặc trưng cơ bản chiến tranh kiểu mới của địch là: không gian rộng, thời gian tác chiến ngắn, ranh giới tiền tuyến và hậu phương rất khó phân biệt; việc bảo vệ hậu phương hậu cần để duy trì bảo đảm liên tục rất khó khăn.

Địa hình nước ta dài và hẹp, 3/4 diện tích là đồi núi, có nhiều sông, suối, đường sá chưa phát triển, bờ biển dài, có nhiều đảo..., khi chiến tranh xảy ra dễ bị chia cắt chiến lược và chiến dịch, cơ động lực lượng, vận chuyển chi viện hậu cần rất khó khăn. Vì vậy, cần đầu tư, nghiên cứu tốt để có giải pháp hiệu quả chuẩn bị hậu cần cho tác chiến tương lai. Đây là công việc to lớn, cơ bản cấp thiết và lâu dài, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng, giữa các cấp, các ngành trong và ngoài quân đội theo kế hoạch thống nhất, thực hiện đồng bộ nhiều nội dung, giải pháp, trong đó tập trung vào các vấn đề cơ bản chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân của Đảng để xây dựng thế trận và tiềm lực hậu cần ngày càng vững mạnh.

Với phương châm dựng nước đi đôi với giữ nước, trong lúc đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và nhân dân ta không một chút lơ là, tăng cường quốc phòng - an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh đi vào chiều sâu; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với 3 thứ quân; xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Đây là quan điểm cơ bản của Đảng ta về giữ nước thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được nghiên cứu thực hiện sáng tạo trong lĩnh vực hậu cần.

Hậu cần toàn dân là quan điểm cơ bản của hậu cần quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Khác với sự nghiệp giải phóng trước đây, ngày nay công cuộc đổi mới đất nước đã và đang tạo ra thế và lực mới, làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" nên hậu cần quốc phòng toàn dân, hậu cần quân đội có điều kiện tăng cường thế và lực do khai thác và sử dụng tốt hơn tiềm năng của đất nước. Để động viên, tổ chức toàn dân, toàn quân tham gia công tác hậu cần có hiệu quả, đòi hỏi các cấp, các ngành, trước hết là hậu cần cấp chiến lược phải quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng; đồng thời, nghiên cứu, tham mưu đề xuất với Đảng, Nhà nước những vấn đề chiến lược như xây dựng thế trận hậu cần, huy động tiềm lực đất nước, tiềm lực hậu cần nhân dân cho quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng trong tạo thế, tạo lực và bảo vệ hậu cần... Thế trận hậu cần là bộ phận hợp thành thế trận quốc phòng, được xây dựng trên từng địa phương, hướng chiến lược và trong cả nước theo quy hoạch kinh tế - quốc phòng, chiến lược phát triển kinh tế. Vì vậy, phải gắn xây dựng thế trận, tiềm lực hậu cần với phân vùng chiến lược; chú trọng xây dựng hậu cần khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh toàn diện làm cơ sở. Kết hợp hậu cần chiến dịch với chiến lược, hình thành các khu vực hậu cần hoàn chỉnh để thực hiện bảo đảm theo khu vực hoàn chỉnh trên từng hướng, địa bàn, trước hết là hướng và địa bàn trọng yếu.

Trên cơ sở quy hoạch quốc phòng, quốc phòng - kinh tế cần quy hoạch và từng bước triển khai xây dựng các căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần chiến lược, hệ thống đường giao thông - vận tải chiến lược và chiến dịch, các công trình phòng hộ hậu cần ở các căn cứ. Đây là những vấn đề lớn cần có sự quan tâm đầu tư và quản lý của Nhà nước.

Hai là, đầu tư xây dựng ngành hậu cần quân đội vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Digitized by Google

Tổ chức hậu cần quân đội là nòng cốt của hậu cần quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, xây dựng hậu cần quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là cần thiết, khách quan, là nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên.

Trong thời kỳ mới, xây dựng về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với ngành hậu cần được đặt lên hàng đầu, làm cơ sở để tiến hành các hoạt động khác. Tổ chức hậu cần các cấp phải được tinh gọn, có cơ chế hoạt động khoa học, đạt hiệu quả cao; đồng thời, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng cao. Mặt khác, phải đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, giải quyết kịp thời các vấn đề thực tiễn đòi hỏi, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động hậu cần. Từng bước đầu tư để hiện đại hóa các trang, thiết bị hậu cần đồng bộ với trang bị tác chiến, phù hợp với điều kiện chiến tranh hiện đại. Trong đó, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị chỉ huy hậu cần, xăng dầu, vận tải, quân y là trọng tâm, nhằm nâng cao khả năng bảo đảm trong mọi tình huống.

Ba là, xây dựng hậu cần tại chỗ vững mạnh để bảo đảm hậu cần theo khu vực hoàn chỉnh trên từng hướng địa bàn chiến lược; tăng cường huấn luyện sát thực tiễn chiến tranh.

Tương lai nếu xảy ra chiến tranh sẽ là cuộc chiến tranh nhân dân phát triển cao chống lại chiến tranh công nghệ cao của địch với nhiều tình huống diễn biến phức tạp, mau lẹ, tính chất ác liệt, việc cơ động lực lượng, vận chuyển bảo đảm hậu cần từ nơi khác đến sẽ rất khó khăn, dễ thiệt hại lớn do bị địch chia cắt chiến dịch, chiến lược và chúng lại có ưu thế tác chiến điện tử, hỏa lực tầm xa mạnh, chính xác. Do vậy, xây dựng hậu cần tại chỗ vững mạnh trên các hướng, địa bàn chiến lược để bảo đảm theo khu vực hoàn chỉnh có ý nghĩa quyết định trong ứng phó kịp thời mọi tình huống. Muốn vậy, trên từng hướng, địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược trọng yếu phải tạo ra thế bố trí hợp lý có chiều sâu, đồng bộ về lực lượng giữa hậu cần chiến lược quân khu, quân đoàn, các sư đoàn, khu vực phòng thủ... gắn kết với hậu cần nhân dân rộng khắp; đồng thời, phải có hệ thống đường liên hoàn, vững chắc, có cơ chế chỉ huy chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất.

Cần nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện, diễn tập hậu cần các cấp, trước hết là cấp chiến lược, chiến dịch cho sát thực tiễn. Trên cơ sở đó, hoàn thiện các phương án bảo đảm, nâng cao trình độ chỉ huy, chỉ đạo, bảo đảm hậu cần và phát triển lý luận hậu cần.

Bốn là, coi trọng chuẩn bị bảo vệ hậu cần trong điều kiện chiến tranh địch sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao.

Đánh phá hệ thống chỉ huy, thông tin, đánh phá hậu phương, hậu cần nhằm triệt phá tiềm lực quân sự, hậu cần làm đối phương rối loạn, sụp đổ được địch coi là đòn tiến công quyết định. Thực tiễn chiến tranh vùng Vịnh cho thấy 90% năng lực bảo đảm hậu cần của I-rắc bị phá hủy trong 38 ngày đêm Mỹ tiến công hỏa lực, đẩy quân I-rắc vào thất bại.

Bảo vệ hậu cần trong tác chiến tương lai có ý nghĩa sống còn và có nhiều khó khăn. Vì vậy, cần nghiên cứu, kế thừa phát triển các kinh nghiệm đã có cho phù hợp. Phải đặt bảo vệ hậu phương, hậu cần trong kế hoạch tác chiến của người chỉ huy các cấp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trên địa bàn. Hậu cần từng cấp phải có các kế hoạch, phương án bảo vệ hậu cần của mình.

Cần tận dụng triệt để các lợi thế của địa hình và cải tạo địa hình, sử dụng các hang, hầm, khe núi... để bố trí các căn cứ, kho tàng hậu cần. Mặt khác, cần bố trí phân tán hợp lý các lực lượng hậu cần, có công trình phòng hộ cho người, phương tiện. Đồng thời, nghiên cứu vận dụng sáng tạo các giải pháp nghệ thuật và kỹ thuật trong ngụy trang, nghi trang, nghi binh, dịch chuyển để bảo vệ. Chuẩn bị hậu cần là nội dung quan trọng của chuẩn bị tác chiến gắn liền với chuẩn bị đất nước cho chiến tranh. Chuẩn bị chu đáo, đầy đủ, toàn diện sẽ góp phần quyết định vào thắng lợi. ❑

Digitized by Google

30-4-1975: cánh cửa mở vào kỷ nguyên mới của Việt Nam

TRẦN BẠCH ĐẰNG *

So với tất cả những lần kháng chiến chống xâm lược thắng lợi trong lịch sử nước ta, thắng lợi 30-4-1975 có một địa vị mà chúng ta có thể không ngại ngùng dùng từ *"độc tôn"* để nói về sự kiện ấy.

"Độc tôn" vì nhiều lẽ, đều lẽ lớn: chiến thắng một đế quốc xâm lược mạnh nhất về tiềm lực kinh tế và quân sự, không chỉ trong hàng ngũ đế quốc mà cả trong hàng ngũ các cường quốc thế giới. Cuộc chiến kéo dài, từ những ngày đầu cho đến kết thúc, những 21 năm - là cuộc chiến chống ngoại xâm dài nhất của dân tộc ta. Thời gian 21 năm chính là thời gian tồn tại ách đô hộ của Mỹ ở phần nửa nước ta. Một cuộc chiến chênh lệch về lực lượng quân sự, về khí tài, về tiền của, mà ta là nước yếu, nước nghèo, thậm chí rất yếu, rất nghèo so với đại cường Mỹ. Một cuộc chiến mà Mỹ sử dụng được lực lượng tay sai tại chỗ chẳng những đông về quân số mà còn được đào luyện hẳn hoi về kỹ năng quân sự và cai trị, lại thu hút được một lực lượng chư hầu tham chiến, có những chư hầu sử dụng quân đội nhà nghề khá mạnh, có khí tài chiến tranh dồi dào, xuất phát từ những quốc gia gần với nước ta, ngắn đường đi lại. Một cuộc chiến mà Mỹ đã sử dụng gần như đủ các loại vũ khí hiện đại, có sức tàn phá lớn, trừ bom nguyên tử, và tung ra khối lượng chất độc đi-ô-xin cao nhất, số lượng bom đạn nhiều nhất, thậm chí chỉ có thể so sánh được với cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Cuộc chiến mà Mỹ áp dụng đủ loại kinh nghiệm khủng bố, tàn sát của các chế độ phản động trên thế giới đánh vào dân thường, không loại trừ trẻ em, phụ nữ, người già, người tu hành, đó là cuộc chiến tranh diệt chủng. Đó cũng là cuộc chiến mà Việt Nam phải huy động toàn lực của cả nước để đối phó, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đồng thời lực lượng nòng cốt ấy tồn tại và phát huy sức mạnh trong một hình thái chiến tranh đặc biệt với sức mạnh chính trị, sức mạnh văn hóa, sức mạnh đoàn kết dân tộc ở độ thật cao và tranh thủ sự giúp đỡ cả vật chất lẫn tinh thần của nhiều quốc gia và nhân dân nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế, nhiều lực lượng hòa bình, kể cả những thế lực hoàn toàn chỉ có mục đích từ thiện hay tôn giáo.

Cuối cùng, dân tộc Việt Nam chiến thắng. Mặc dù Mỹ phải chấp nhận thua và rút quân vào đầu năm 1973, qua Hiệp nghị Pa-ri, nhưng *"cuộc chiến tranh của Mỹ"* chỉ thực sự chấm hết với ngày 30-4-1975. Từ sau Hiệp nghị Pa-ri, thực binh Mỹ và chư hầu không tham chiến trực tiếp, nhưng còn cố vấn, còn mưu lược và nhất là viện trợ kinh tế, cùng khí tài chiến tranh. *"Đổi màu*

* Nhà nghiên cứu

Digitized by Google

da trên xác chết" là cách Mỹ chấp nhận thua theo kiểu Mỹ, đương nhiên với hy vọng thế lực tay sai sẽ làm được cái gì đó "ngoạn mục" hơn thực binh Mỹ. Bởi vậy, chiến thắng đế quốc Mỹ là chiến thắng toàn bộ một cuộc chiến tranh xâm lược từ đầu đến cuối, bằng một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện của dân tộc ta suốt 21 năm ròng rã. Đương nhiên, sự phân hóa trong các thế lực tay sai của Mỹ là có thật và chúng ta hiểu rằng ý thức dân tộc vẫn ẩn hiện mức này, mức khác trong những người Việt Nam vì những lý do khác nhau đi theo Mỹ và đến một lúc nào đó, sức mạnh của dân tộc hỗ trợ cho cái ẩn hiện kia từ mong manh trở thành nhân tố đóng góp vào một kết thúc ngoài ý muốn của Mỹ.

Không chỉ miền Nam là chiến trường chính của cuộc đụng độ giữa người Việt Nam và quân xâm lược, miền Bắc cũng bị chiến tranh Mỹ tàn phá khốc liệt. Những dấu vết của chiến tranh ở cả hai miền, tận 30 năm sau, vẫn không thể xóa sạch hoàn toàn. Nạn nhân của những cuộc chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra vẫn tiếp tục tăng số lượng ngay khi hòa bình đã có 30 năm: những quả mìn, những trái đạn, những quả bom tiếp tục sát thương, và đặc biệt nghiêm trọng, chất độc màu da cam gây tàn phế cho hàng vạn, hàng chục vạn người với tính di truyền kinh khủng. Ngôn ngữ ngoại giao tùy vào độ "nóng lạnh" của mối quan hệ song phương, còn với tội ác của đế quốc Mỹ thì luôn cần tiếng nói nghiêm khắc.

Sự ghi nhận đó chính là những sự thật cần phải được ghi nhận. Không ít nhà khoa học, học giả, nhà văn hóa, nhà văn, nhà báo Mỹ mà tôi gặp cau mày, chùn mặt trước những sự việc của chiến tranh do Mỹ tiến hành ở nước ta mà họ tự phát hiện. Họ hiểu rằng về chính trị, có thể khép lại quá khứ. Còn về những vết thương chiến tranh do Mỹ gây ra thì quá khứ đau, hiện tại đau và tương lai cũng đau, trừ khi vết thương được lành. Nói cách khác, nghĩa vụ của Chính phủ Mỹ là góp phần làm dịu nỗi đau, thậm chí góp phần làm lành những vết thương ấy. Đó là tôi nói với một Chính phủ Mỹ có lương tri, trong khi người Mỹ có lương tri vẫn chiếm số đông trên nước Mỹ.

Với ngày 30-4-1975, một mốc son lịch sử - Việt Nam đã chiến thắng đế quốc Mỹ. Ở một nghĩa nào, chiến thắng của Việt Nam không chỉ là thực hiện hòa bình trên quê hương của chúng ta. Ngay cái hòa bình cũng triển khai từng bước một, hoàn chỉnh dần dần. Tuy nhiên, kết thúc một cuộc chiến tranh loại lớn, về căn bản, là hé mở một triển vọng mới cho đất nước chúng ta. Chúng ta không coi thường những âm mưu nối tiếp của đế quốc Mỹ và những nước không thích Việt Nam giành được độc lập bằng sức mạnh bản thân và sống trong hòa bình một cách khỏe khoắn - cấm vận, cô lập Việt Nam với bên ngoài, gây rối đủ dạng... Những âm mưu và hành động ấy đương nhiên gây khó khăn cho công cuộc khôi phục sau chiến tranh của nước ta. Có lúc, chúng ta nói rất đúng về tình trạng khó khăn của Việt Nam do hậu quả của chiến tranh, do thái độ thù địch của một số lực lượng bên ngoài, do tàn dư phản động quấy rối, do thiên tai, cộng với cái nghèo lâu đời, nền kinh tế chậm phát triển của nước ta. Đó là những nguyên nhân chính đáng. Đúng như vậy, có thật. Nhưng nay, sau 30 năm giành đại thắng, nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta thấy cái gì đáng suy ngẫm hơn hết. Chiến tranh để lại những di sản tiêu cực nặng nề về kinh tế và đời sống xã hội. Song mặt khác, để phục vụ cho chiến tranh, ở

Digitized by Google

miền Nam, không ít kết cấu hạ tầng vào loại có giá trị được xây dựng, mà chắc chắn kẻ xây dựng không nghĩ rằng những hạ tầng ấy lại lọt vào tay chúng ta trong tình thế nhân dân ta đã làm chủ trọn vẹn đất nước. Nhưng, những hạ tầng ấy được khai thác như thế nào, chúng ta đều rõ, những sân bay, những đường giao thông, những bến cảng, những thị trấn, một số nhà máy tuy không có ý nghĩa chiến lược nhưng lại quan trọng. Bây giờ, chúng ta đang triển khai kế hoạch mới và hiểu rằng những sân bay, những cảng biển, những con đường, những nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng kia chính là cơ sở ban đầu để chúng ta nâng cao năng lực kinh tế của đất nước. Song nếu công việc đó được thực hiện sớm hơn, bài bản hơn, chắc chắn vị thế công nghiệp hóa của chúng ta đã khác bây giờ. Đó là nói cơ sở kỹ thuật, kết cấu hạ tầng - tuy không đủ, cần làm thêm nhiều, nhưng không xem nhẹ cái vốn ban đầu có được.

Niềm hạnh phúc lớn nhất của dân tộc là Đảng đã thấy đường ra bằng chính sách đổi mới từ năm 1986 - đổi mới từng mặt trong quản lý kinh tế, rồi đổi mới rộng hơn và vào những năm cuối thế kỷ XX, mạnh dạn đổi mới như nay chúng ta đang tiếp tục. Tại thành phố Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1978, "tháo gỡ" và "bung ra" đã xuất hiện cục bộ trên một số hoạt động kinh tế. Chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, sau bài học Tân Hội ở Tiền Giang đã ra đáp số trao quyền sản xuất cho nông dân và đã thành công bước đầu. Các hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã... các ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1979 - năm khó khăn đặc biệt ở biên giới phía Bắc và phía Nam - được chỉnh đốn và kinh tế nhỏ đã lập tức khởi sắc. Nghĩa là, tuy chưa thể đổi mới đại trà nhưng mầm mống đổi mới đã xuất hiện, đã cho những dự báo lạc quan. Thực tế sự trì trệ, bảo thủ trước đây khiến tiến trình ấy bị chậm lại.

Cánh cửa 30-4 mở, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có được một dòng chảy rộng. Đương nhiên, bao giờ cũng vậy, sự phát triển của một đất nước luôn kèm mặt thuận lợi và mặt trở ngại, thậm chí trở ngại nguy hiểm. Khi đã tập trung đẩy mạnh sức sản xuất và tạo điều kiện cho sức sản xuất ấy vươn cao, với những động lực của một xã hội chấp nhận kinh tế thị trường và đi vào công nghiệp hóa, chấp nhận hội nhập với thế giới bên ngoài thì những tác hại vốn có của nền sản xuất ấy mà không bị ngăn chặn, không hạn chế thì rốt cuộc của cải làm ra nhiều sẽ đồng nghĩa với xã hội băng hoại hơn do các bất công.

Chúng ta có Đảng Cộng sản cầm quyền. Vấn đề then chốt là Đảng Cộng sản cầm quyền tuân thủ những nguyên tắc của đảng vô sản khi nắm quyền lực trong tay và Đảng ta có nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta là một nước nghèo, nhưng có một quyền lực chính trị lo cho dân, bắt nguồn từ trong lịch sử, từ thử thách gian khó và đã hình thành những tiêu chí mang tính lý luận.

Vượt cái nghèo, thực hiện công bằng và xã hội đạo lý trong sạch, tất cả đang trong tầm tay chúng ta. Cánh cửa đi vào kỷ nguyên mới của Việt Nam mở rộng với chiến thắng ngày 30-4-1975 - một ngày đong bằng nhiều thế kỷ hy sinh. Chiến thắng sẽ không dừng lại trong phạm vi giải quyết một cuộc chiến tranh mà từ chiến thắng, số phận khác của Việt Nam nổi lên như một tiếp nối lịch sử. Không làm cho Việt Nam vẻ vang hơn từ chiến thắng là có lỗi với dân tộc, với quá khứ và với tương lai... ❑

Digitized by Google

BÀI HỌC LỊCH SỬ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP QUÊN

NGUYỄN HUY QUÝ *

THẾ kỷ XX đã để lại trong lịch sử loài người hai cuộc chiến tranh thế giới: chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), cướp đi sinh mạng của hàng chục triệu người, gây tổn thất của cải hàng ngàn tỉ đô la và biết bao thảm họa đau thương.

Chiến tranh thế giới thứ hai quả là một cơn ác mộng, đặt loài người bên bờ vực thẳm chủ nghĩa phát xít. Có giả thiết cho rằng nếu trục phát-xít thắng phe Đồng Minh, thì tiếp sau đó tất sẽ xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba giữa một bên là nước Đức quốc xã và một bên là nước Nhật quân phiệt, còn nền văn minh nhân loại sẽ bị hủy diệt...

Nhưng lịch sử đã không diễn ra theo ý tưởng ngông cuồng của bọn gây chiến. Các lực lượng hòa bình, dân chủ và tiến bộ đoàn kết trong Mặt trận Đồng Minh đã chiến đấu ngoan cường tiêu diệt bọn phát-xít ngay tận sào huyệt của chúng. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng phát-xít đã mở ra một thời đại mà nhân dân các nước có thể đoàn kết phấn đấu để loại trừ chiến tranh thế giới ra khỏi đời sống của loài người.

Thời đại mới của lịch sử nhân loại cũng trùng hợp với kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Chính trong bối cảnh chiến tranh chống phát-xít, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám, dẫn tới sự ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

Ngày 2-9-1945, trên chiến hạm Mít-xu-rin đậu trong vịnh Tô-ky-ô, đại diện của Nhật Bản đã cúi đầu ký vào văn bản đầu hàng không điều kiện các nước Đồng Minh, khai tử cho chủ nghĩa quân phiệt Nhật, đánh dấu kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng ngày hôm đó, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

Trước đó, vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1945, lá cờ chiến thắng vĩ đại của Hồng quân Liên Xô đã phấp phới bay trên nóc tòa Quốc hội Đức, đánh dấu sự kết liễu chủ nghĩa phát-xít, kết thúc chiến tranh thế giới trên chiến trường châu Âu. Ngày 9-5, pháo hoa chiến thắng tỏa sáng trên bầu trời Mát-xcơ-va và nhiều thành phố khác, trở thành Ngày kỷ niệm chiến thắng phát-xít. Ba mươi năm sau, cũng vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng của quân giải phóng Việt Nam đã tung bay trên nóc dinh "Độc lập" của ngụy quyền Sài Gòn, kết thúc thắng lợi

* PGS Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Digitized by Google

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc hai cuộc kháng chiến trường kỳ kéo dài gần 30 năm, giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc.

Những sự trùng hợp ngẫu nhiên đã phản ánh quy luật tất yếu của lịch sử: hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội là mục tiêu phấn đấu của nhân loại tiến bộ, là xu thế của thời đại mà không một thế lực đen tối, tàn bạo nào có thể ngăn cản, và sự nghiệp cách mạng cũng như công cuộc xây dựng đất nước của chúng ta gắn liền với cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ, phù hợp với trào lưu chung của thế giới. Chính vì vậy, năm nay nhân dân Việt Nam kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc, đồng thời cùng nhân dân toàn thế giới kỷ niệm 60 năm Ngày chiến thắng phát-xít (9-5-1945 - 9-5-2005).

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã lùi xa hơn nửa thế kỷ, khoảng một thế hệ con người đã đi qua, thế giới sau chiến tranh đã trải qua bao đổi thay, nhưng những bài học lịch sử từ cuộc chiến tranh đó vẫn còn nguyên giá trị mà chúng ta không được phép quên. Đó là bài học *nhận thức về nguồn gốc chiến tranh*, bài học về *đoàn kết bảo vệ hòa bình*, bài học về *tinh thần sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc*.

1 - Nhìn lại lịch sử, hiểu rõ nguồn gốc chiến tranh

Chủ nghĩa phát-xít là tội phạm chiến tranh, nhưng chúng cũng chỉ là một hình thức biểu hiện, cực đoan tàn bạo nhất của chủ nghĩa đế quốc. Thực chất của chế độ phát-xít là "nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất, sô-vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính" (1). Chiến tranh thế giới thứ hai, với những tội ác tày trời đã gây ra cho nhân loại, không phải chỉ là sản phẩm của tâm sinh lý cá nhân Hít-le như một số người đã ngộ nhận. Chiến tranh là nhằm thực hiện mục đích chính trị, mà chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế. Nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là chính sách gây chiến xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa đế quốc đã cơ bản "phân chia" xong đất đai trên thế giới, trong đó các đế quốc Anh, Pháp chiếm được nhiều thuộc địa nhất. Nhưng đến đầu thế kỷ XX, sự thay đổi cán cân so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc đòi hỏi phải dùng chiến tranh để phân chia lại thị trường thế giới. Kết quả là chiến tranh thế giới thứ nhất đã bùng nổ giữa một bên là Đức - Áo với một bên là các nước ký Hiệp ước. Nhưng kết quả là Đức không những không cướp được thuộc địa từ tay Anh - Pháp, mà ngược lại những thuộc địa trong tay Đức đã mất hết, và bản thân nước Đức cũng bị trói chặt bằng Hiệp ước Véc-xây. Từ đó, chủ nghĩa phục thù ở Đức đã trỗi dậy, biến nước Đức thành lò lửa chiến tranh. Trong khi đó, quân phiệt Nhật mới trỗi dậy ở Đông Á mâu thuẫn sâu sắc với đế quốc Âu - Mỹ, muốn gây chiến tranh để "bá chủ toàn cầu". Nước I-ta-li-a thì muốn khôi phục nền thống trị của đế quốc La Mã tại khu vực Địa Trung Hải. Thế là Đức - I-ta-li-a - Nhật đã tạm thời câu kết thành "trục phát-xít" để gây chiến tranh. Anh - Pháp - Mỹ trước chiến tranh đã thực hiện "chính sách Muy-ních" nhằm đẩy phát xít Đức và quân phiệt Nhật vào cuộc tấn công Liên Xô.

Tóm lại, nguyên nhân sâu xa dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai bắt nguồn từ bản chất gây chiến xâm lược của chủ nghĩa đế quốc quốc tế nhằm giải quyết nhu cầu thị trường tiêu thụ và nguồn cung cấp nguyên liệu, áp bức bóc lột nhân dân các dân tộc.

Những động cơ kinh tế đó tất nhiên cũng được phản ánh trên lĩnh vực ý thức hệ, chủ yếu là tư tưởng chính trị. Chủ nghĩa phát-xít Đức

(1) Đi-mi-tơ-rốp: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr 71

Digitized by Google

được hình thành trên cơ sở các học thuyết cạnh tranh sinh tồn, phân biệt chủng tộc và chính sách mị dân.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi nhà khoa học vĩ đại Sác-lơ Đác-uyn phát hiện quy luật tiến hóa của giới động thực vật thì trong triết học phương Tây đã xuất hiện trường phái "Đác-uyn Xã hội", chủ trương dùng thuyết "cạnh tranh sinh tồn" trong giới sinh vật để giải thích quy luật tiến hóa trong lịch sử loài người. Từ những thế kỷ trước, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã trở thành chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân. Hít-le đã chọn trong kho tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc những gì tham lam, tàn bạo nhất để dựng lên chủ nghĩa quốc xã Đức. Chúng tự nhận sứ mệnh giải phóng nước Đức ra khỏi những gì gọi là "hòa bình", "dân chủ", "nhân đạo"; chủ trương dân tộc Đức thượng đẳng có sứ mệnh lãnh đạo các dân tộc da trắng ưu đẳng, tiêu diệt hoặc nô dịch các dân tộc da màu. Chúng biến nước Đức thành lò đúc súng, biến thanh niên Đức thành những cỗ máy giết người man rợ, sẵn sàng phạm bất cứ tội ác nào để đặt cho được ách thống trị của nòi giống Giéc-manh trên toàn thế giới.

Có thể nói, xét về cơ sở kinh tế cũng như về tư tưởng chính trị, chủ nghĩa phát-xít là một hình thức biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa đế quốc.

Tội ác của chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã bị lịch sử lên án và nhân loại không bao giờ quên. Nhưng truy cứu được căn nguyên của chủ nghĩa phát-xít và nguồn gốc sâu xa của chiến tranh thế giới không phải là vấn đề đơn giản. Hơn nửa thế kỷ sau chiến tranh, đặc biệt là thời kỳ sau "chiến tranh lạnh", đã có những quan điểm mơ hồ, hoặc cố tình xuyên tạc lịch sử, phủ nhận bản chất giai cấp của chủ nghĩa phát-xít, phủ nhận trách nhiệm của các chính phủ phương Tây đã dọn đường cho chủ nghĩa phát-xít gây chiến. Chủ nghĩa phát-xít đã bị tiêu diệt trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng căn nguyên của chủ nghĩa phát-xít chưa bị tận diệt. Ngày nay sự xuất hiện lực lượng "phát-xít mới" và những biến tướng của chủ nghĩa phát-xít đang đe dọa ổn định, hòa bình của các nước. Từ bài học của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, loài người cần cảnh giác và hành động để chặn đứng nguy cơ đó.

2 - Đoàn kết giữa các dân tộc là bảo đảm chắc chắn cho hòa bình thế giới

Nguy cơ chiến tranh là một hiện tượng khách quan, nhưng bùng nổ chiến tranh không phải là một hệ quả tất yếu. Chiến tranh bùng nổ hay không còn phụ thuộc vào tương quan lực lượng giữa thế lực gây chiến và lực lượng bảo vệ hòa bình. Nếu các lực lượng hòa bình trên toàn thế giới luôn cảnh giác và đoàn kết thì chiến tranh thế giới hoàn toàn có thể ngăn chặn, hòa bình thế giới chắc chắn sẽ được duy trì. Bài học từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là tất cả các quốc gia, dân tộc cần tập hợp lại dưới ngọn cờ hòa bình. Các nước có chế độ chính trị khác nhau có thể chung sống trong hòa bình, và nhân dân các nước cần nâng cao cảnh giác đối với chính sách lừa mị của các thế lực gây chiến.

Bọn phát-xít gây ra chiến tranh thế giới thứ hai chính là chúng đã chia rẽ được lực lượng hòa bình, mị dân trong nước để lên cầm quyền và chuẩn bị chiến tranh, lừa bịp được các nước phương Tây dọn đường cho chúng gây chiến.

Đảng Quốc xã Đức do A.Hít-le thành lập năm 1919, tên đầy đủ của nó là "Đảng quốc gia - Xã hội Đức của những người lao động" (National- Sozialistische Deutsche Arbeiter Partei- NSDAP) thường được gọi tắt là Đảng Quốc xã (Nazi). Tôn chỉ của nó được phản ánh trong "Cương lĩnh" và cuốn "Cuộc tranh đấu của tôi" mà Hít-le viết trong những năm 20 của thế kỷ XX. Nền tảng tư tưởng của nó là thuyết cạnh tranh sinh tồn và phân biệt chủng tộc. Chiêu bài chính trị đối nội của nó là "giải

Digitized by Google

phóng nước Đức ra khỏi sự nô dịch của Hiệp ước Véc-xây". Khẩu hiệu mị dân của nó là "giải phóng giai cấp công nhân Đức khỏi chủ nghĩa tư bản"; "đưa nông dân Đức tới những vùng đất mênh mông phì nhiêu ở phía Đông (châu Âu)", "giải phóng phụ nữ Đức ra khỏi tình trạng bất bình đẳng","đưa thanh niên Đức tới tương lai tươi sáng trong đó tuổi trẻ có thể phát huy mọi tài năng, trí tuệ" v.v..

Hít-le đã nghiên cứu tường tận để đưa ra những khẩu hiệu mị dân phù hợp với tâm lý của dân tộc và giai cấp, tầng lớp trong xã hội Đức. Chính nhờ thủ đoạn xảo quyệt đó mà Hít-le đã lên nắm chính quyền năm1933, mặc dầu lúc bấy giờ Đảng Cộng sản Đức đã cảnh báo cử tri Đức rằng "bầu cho Hít-le có nghĩa là bầu cho chiến tranh". Người Đức, nhất là tầng lớp thanh niên học sinh, đã từng cuồng nhiệt hưởng ứng những buổi diễn thuyết sặc mùi hiếu chiến của Hít-le. Hậu quả là hàng chục vạn người Đức đã chết trong các trại tập trung của Hít-le, hàng triệu người Đức, gốc do Thái đã bị tàn sát, hàng triệu binh lính Đức đã phơi thây trên các chiến trường, nước Đức đã bị tàn phá thành một đống gạch vụn. Khi phát-xít I-ta-li-a, quốc xã Đức, quân phiệt Nhật bị tiêu diệt tận sào huyệt của chúng, thì mọi tai họa lại trút lên nhân dân Đức, I-ta-li-a, Nhật, tiêu biểu nhất là thảm họa Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki. Ngày nay, nhân dân các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật đã tỉnh ngộ, nhưng bài học lịch sử xương máu ấy vẫn để lại cho nhân dân tất cả các nước mà ở đó những kẻ cầm quyền đang có âm mưu hoặc đang hành động gây chiến.

Bọn phát-xít gây được chiến tranh không những vì chúng lừa my được nhân dân trong nước mà còn vì chúng gây chia rẽ để tránh được sự liên minh giữa Liên Xô và các cường quốc Anh - Pháp - Mỹ. Rõ ràng, nếu bấy giờ các cường quốc Anh - Pháp - Mỹ với thế lực toàn cầu của họ liên minh với Liên Xô có sức mạnh hùng hậu thì chắc chắn có thể chặn đứng được bàn tay gây chiến của phát-xít, dập tắt ngọn lửa chiến tranh từ khi chúng mới nhen nhóm ở châu Âu cũng như ở châu Á.

Từ sau khi Liên Xô ra đời, cũng là từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các chính phủ Anh - Pháp - Mỹ muốn dùng nước Đức quốc xã để làm "con đê ngăn làn sóng đỏ". Hít-le đã lừa được Anh - Pháp ký hiệp ước Muy-ních (về vấn đề Tiệp Khắc) với lời hứa hão "khi vấn đề Xu-đét được giải quyết, chúng tôi sẽ không đưa ra một yêu sách lãnh thổ nào ở châu Âu (được hiểu ngầm là Tây Âu - tác giả) nữa". Anh - Pháp - Mỹ yên tâm là đã "đá được quả bóng" chiến tranh sang sân phía đông, tức là phía Liên Xô. Trong bối cảnh đó, Liên Xô đã buộc phải ký Hiệp định Xô - Đức. Hậu quả của chính sách Muy-ních là "gậy ông đập lưng ông". Trên chiến trường châu Âu, Anh - Pháp trở thành nạn nhân của cuộc chiến tranh phát-xít trước Liên Xô, còn chiến trường châu Á - Thái Bình Dương thì được mở đầu bằng trận tập kích dữ dội của quân Nhật vào cảng Trân Châu của Mỹ. Sau bài học đau đớn đó, các chính phủ Anh - Pháp - Mỹ mới cùng với Liên Xô và các lực lượng dân chủ hòa bình trên thế giới thành lập Mặt trận Đồng Minh chống phát-xít, nhờ đó cuộc chiến tranh chống phát-xít mới đi tới thắng lợi, và dàn xếp được một trật tự thế giới tương đối ổn định sau chiến tranh. Bài học Mặt trận Đồng Minh chống phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai để lại cho thế hệ ngày nay trong các nước tuy có ý thức hệ và chế độ chính trị khác nhau, có lợi ích riêng khác nhau, vẫn cần và có thể hợp tác hữu nghị với nhau vì những lợi ích chung: hòa bình và phát triển.

3 - Tăng cường sức mạnh quốc phòng, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc

Lịch sử cho thấy, lực lượng hòa bình không phải bao giờ và ở đâu cũng đủ mạnh để ngăn chặn được chiến tranh, và kẻ gây chiến thường

Digitized by Google

có những tính toán sai lầm khi lao vào con đường mạo hiểm. Do vậy, chỉ có tăng cường sức mạnh phòng thủ của đất nước, mới đập tan được âm mưu và hành động của bọn gây chiến, bảo vệ được hòa bình và độc lập dân tộc. Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô đã để lại cho chúng ta bài học đó. Hơn nửa thế kỷ qua, đã nổ ra nhiều cuộc tranh luận về nguyên nhân thắng lợi của chiến tranh chống phát-xít, vai trò của Liên Xô và của liên quân Anh - Mỹ trong chiến tranh chống phát-xít, v.v..

Có thể nói, chiến thắng phát-xít là chiến công chung của toàn thể nhân loại, của Mặt trận Đồng Minh chống phát-xít, trong đó nổi lên vai trò của Hồng quân Liên Xô và liên quân Anh - Mỹ. Trên mặt trận châu Âu, Hồng quân Liên Xô đóng vai trò chủ lực, chiến trường Xô - Đức có vai trò quyết định, nhưng Mặt trận thứ hai do liên quân Anh - Mỹ mở ở phía Tây cũng có vai trò quan trọng trong giai đoạn tổng phản công của các lực lượng Đồng Minh, khép chặt gọng kìm từ hai phía để tiêu diệt chủ nghĩa quốc xã Đức. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, chiến công của liên quân Mỹ - Anh là đánh bại lực lượng hải quân của Nhật và tái chiếm các quần đảo. Chiến công của quân đội Liên Xô là tiêu diệt đội quân Quan Đông, xương sống của lục quân Nhật Bản, niềm hy vọng kéo dài chiến tranh của Bộ chỉ huy Nhật Hoàng. Còn vụ ném hai quả bom nguyên tử Mỹ xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki thì chỉ là một vụ thảm sát có mục đích chính trị, đúng như một giáo sư sử học phương Tây đã viết: tiếng nổ của bom nguyên tử Mỹ ở Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki không phải là hành động quân sự cuối cùng của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, mà là hành động đầu tiên của một cuộc "chiến tranh lạnh" về ngoại giao chống nước Nga (2). Cuộc kháng chiến của nhân dân các nước thuộc địa chống phát-xít và cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ và hòa bình ở Đức, I-ta-li-a, Nhật cũng đã góp phần quan trọng vào chiến công chung của toàn nhân loại trong cuộc chiến tranh diệt trừ thảm họa phát-xít.

Nhưng khi bàn về nguyên nhân chiến thắng phát-xít, vấn đề chủ yếu hiện nay không phải là tranh luận về vai trò của từng nước, mà quan trọng hơn là rút ra bài học về tăng cường sức mạnh phòng thủ đất nước. Vấn đề đặt ra là Liên Xô có lực lượng quân đội và vũ khí kém hơn nhiều so với Đức, (nhất là lúc chúng đã tập hợp được sức người sức của của toàn bộ châu Âu) mà lại vượt qua được thử thách ghê gớm, cuối cùng đã giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại. Công cuộc xây dựng trong thời bình đã được thử thách trong thời chiến. Trong thời bình, Liên Xô đã xây dựng được khối đoàn kết toàn dân và tình hữu nghị giữa các dân tộc, giáo dục được một thế hệ tuổi trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa dân tộc, vì lý tưởng cách mạng. Trong thời bình, Liên Xô đã xây dựng được một nền kinh tế và một trình độ khoa học - kỹ thuật có thể phát huy sức mạnh vật chất trong chiến tranh. Đảng Cộng sản Liên Xô đã nỗ lực xây dựng một quân đội với những chiến sỹ dũng cảm và một đội ngũ tướng lĩnh tài ba. Nền ngoại giao Xô-viết đã rất tài tình trong phân hóa địch thủ và tranh thủ đồng minh. Sức mạnh của Liên Xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại là sức mạnh tổng hợp giữa các yếu tố con người và vũ khí, tiền tuyến và hậu phương, lực lượng và chỉ huy v.v.. Sức mạnh tổng hợp đó đã khai thác được tiềm năng phòng thủ của đất nước Xô-viết, từng bước thay đổi cán cân lực lượng trên chiến trường, từ yếu đến mạnh, cuối cùng giành toàn thắng.

Bài học đối với chúng ta ngày nay là trong thời bình vẫn không coi nhẹ công việc củng cố

(2) P.M.S. Blackett: *Hậu quả quân sự và chính trị của năng lượng nguyên tử* (bản tiếng Anh), Luân Đôn, 1948

Digitized by Google

quốc phòng, tăng cường sức mạnh phòng thủ của đất nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao. Chiến tranh thử thách sự bền vững của xã hội được xây dựng trong thời bình. Sức mạnh trong chiến tranh phải được chuẩn bị trong thời bình.

*

* *

Thế giới ngày nay đã có nhiều đổi thay. Nhưng những bài học lịch sử của cuộc chiến tranh chống phát-xít vẫn rất thiết thực đối với sự nghiệp bảo vệ hòa bình của nhân loại trong thế kỷ mới có nhiều cơ hội nhưng cũng lắm thách thức.

"Chiến tranh lạnh" đã kết thúc, nhưng chiến tranh nóng vẫn xảy ra ở các khu vực trên thế giới và nhiều "điểm nóng" đang tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh. Do xu thế toàn cầu hóa kinh tế và sự xuất hiện các loại vũ khí hủy diệt, quan hệ giữa các nước lớn chuyển sang chiều hướng thỏa hiệp để phát triển, chiến tranh thế giới khó có khả năng bùng nổ trong tương lai nhưng chiến tranh cục bộ vẫn là nguy cơ thực sự mà nhân dân các nước cần nâng cao cảnh giác, tỉnh táo đề phòng và kịp thời ngăn chặn. Lịch sử chiến tranh cho thấy khi chính phủ một nước chuẩn bị tấn công một nước khác trước hết phải tạo dư luận để được sự ủng hộ trong nước. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Hít-le, Mút-xô-li-ni cũng như chính phủ quân phiệt Nhật đã làm như vậy. Ngày nay, những thủ đoạn lừa mỵ của những thế lực hiếu chiến tinh xảo hơn, đòi hỏi nhân dân yêu chuộng hòa bình càng phải nâng cao cảnh giác. Chủ nghĩa quốc xã Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật có những luận điệu và những kế hoạch tiến hành chiến tranh khác nhau, nhưng đều ôm mộng tưởng "bá chủ toàn cầu". Bài học cho thấy khi đế quốc muốn áp đặt nền thống trị lên toàn cầu và có khả năng thực hiện chiến tranh trên phạm vi toàn cầu thì ắt sẽ dẫn đến nguy cơ chiến tranh. Hòa bình bền vững giữa các dân tộc chỉ có thể xây dựng trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau, hợp tác hữu nghị giữa các quốc gia dân tộc.

Đối với nhân dân Việt Nam, những năm tháng hào hùng trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với quá trình diễn biến và chiến thắng oanh liệt của cuộc chiến tranh chống phát-xít của nhân dân thế giới. Đó là một lô-gíc của lịch sử. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng Minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập".

Điều trớ trêu là sau khi giành được độc lập, Việt Nam đã bị chính phủ hai nước đã từng tham gia Mặt trận Đồng Minh chống phát- xít là Pháp và Mỹ đem quân sang gây chiến xâm lược. Nhưng nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình và công lý vẫn giành cho Việt Nam sự đồng tình và ủng hộ quý báu trong hai cuộc kháng chiến. Trải qua hai cuộc kháng chiến kéo dài gần 30 năm, nhân dân ta đã bảo vệ được độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc.

Trong thế giới "đầy lo âu và biến động" hiện nay, củng cố quốc phòng, an ninh, sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và nền văn hóa... là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Trong hòa bình xây dựng, chúng ta vừa quan tâm phát triển kinh tế, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, vừa phải chăm lo ổn định chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, và giáo dục lý tưởng cách mạng cao đẹp, tinh thần yêu nước nồng nàn, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa của dân tộc cho mọi người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Thành công trong xây dựng hòa bình là bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi trong thử thách chiến tranh. ❑

Digitized by Google

Chiến thắng chủ nghĩa phát-xít với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Á - Phi

VÕ KIM CƯƠNG *

TRƯỚC khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, hầu hết các nước châu Á và châu Phi đều bị chủ nghĩa đế quốc xâm chiếm, cai trị và bóc lột, dưới những hình thức khác nhau. Phần lớn các thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc tập trung vào những đế quốc già cỗi, có tiềm lực như Anh và Pháp.

Anh là một nước đế quốc hàng đầu trong việc xâm chiếm thuộc địa. Sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, diện tích thuộc địa của Anh gần 35 triệu km² và với trên 403,5 triệu dân bản xứ (1). Chỉ tính riêng ở châu Phi, lãnh thổ thuộc địa của nước Anh rộng khoảng 8 triệu km² với số dân là 80 triệu người. Còn nước Pháp, là đế quốc thực dân chiếm vị trí thứ hai về lãnh thổ thuộc địa, đến trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, Pháp đã chiếm tới 12 triệu km² đất thuộc địa (rộng hơn 22 lần lãnh thổ nước Pháp) với 70 triệu cư dân (khoảng gấp đôi dân số nước Pháp lúc này)(2).

Có thể nói, nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX đều xuất phát từ việc tranh giành quyền lực và ảnh hưởng giữa các thế lực đế quốc với nhau. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã mang lại cho Anh, Pháp - những đế quốc chiếm ưu thế trong việc xâm chiếm thuộc địa, những vùng đất mới dưới nhiều dạng thức cai trị khác nhau, như: *"bảo hộ"*, *"ủy trị"*... Song, dầu thế nào thì việc mất thuộc địa hay là việc không còn đất đai để mở rộng công cuộc xâm chiếm nữa, chính là tiền đề tạo ra sự câu kết giữa các đế quốc Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản, gây chiến tranh hòng phân chia lại quyền lực và ảnh hưởng mà trong đó vấn đề thuộc địa là một trong những vấn đề chủ chốt.

Thực hiện mục tiêu đó, chủ nghĩa phát-xít bắt đầu gây cuộc chiến tranh mới mở màn là việc tiến hành xâm lược Trung Quốc (1931) của quân phiệt Nhật, cuộc chiến tranh xâm lược Ê-ti-ô-pi-a (1935) của đế quốc I-ta-li-a. Ngày 1-9-1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ: Đức tấn công Ba Lan. Đến tháng 5-1940, quân đội phát-xít Đức ào ạt tấn công vào Bỉ, Lúc-xăm-bua và Pháp. Châu Âu thực sự trở thành lò lửa chiến tranh. Ngày 27-9-1940, tại Béc-lin, ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã cùng nhau ký kết Hiệp ước đồng minh quân sự và chính trị, *"phe trục"* chính thức hình thành.

Để thực hiện âm mưu phân chia lại thế giới, chủ nghĩa phát-xít đã ồ ạt triển khai cuộc chiến trên tất cả mọi vùng. Châu Âu là chiến trường chính, là lò lửa lớn nhất được chủ nghĩa phát-xít tập trung mọi ưu tiên hàng đầu. Đồng thời, trên tinh thần của Hiệp ước tay ba này, Nhật Bản sẽ gấp rút tiến hành xâm lược các nước Đông - Nam Á, giành lại các thuộc địa của Pháp và Hà Lan. Còn I-ta-li-a và Đức cũng nhanh chóng

---

* PGS,TS, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 1, tr 276

(2) E. Fajon: *L'Avenir de l'Union Francaise*, Paris, 1947, p 4

Digitized by Google

điều binh lính sang châu Phi và Trung Cận Đông, những lãnh thổ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Nhiều nước trên thế giới đã lần lượt rơi vào vòng cương tỏa của chủ nghĩa phát-xít, chịu sự khống chế của chúng. Tất nhiên, các nước thuộc địa cũng bị chuyển qua tay các "ông chủ" mới. Có thể thấy, ở Trung Cận Đông, từ năm 1940, sau khi Pháp đầu hàng Đức, các lãnh thổ Xi-ri và Li-Băng nhanh chóng bị Đức và I-ta-li-a khống chế và trở thành các căn cứ quân sự của chủ nghĩa phát xít. Ở Bắc Phi, I-ta-li-a sau khi có sự trợ giúp của quân Đức, cũng nhanh chóng đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại Ai cập, Li-bi, Tuy-ni-di... Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, năm 1940, Nhật đưa quân vào Đông Dương và từ tháng 12-1941, mở cuộc tấn công với quy mô lớn vào căn cứ cảng Trân Châu của Mỹ, và căn cứ của Anh ở Xin-ga-po; đồng thời, chiếm Hương Cảng, Ma-lai-xi-a, Miến Điện (Mi-an-ma), Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a và 1 phần I-ri-an (Tân Ghi-nê) và bắt đầu chuyển hướng sang Ấn Độ.

Ngày 22-6-1941, quân đội phát-xít Đức tấn công Liên Xô. Từ thời điểm này, tính chất cuộc chiến tranh đã thay đổi, từ chiến tranh đế quốc sang chiến tranh có sự tham gia đông đảo của các lực lượng hòa bình, tiến bộ chống chủ nghĩa phát-xít. Ngày 1-1-1942, tại Oa-sinh-tơn, 26 nước trên thế giới đã ký kết bản Tuyên bố chung cam kết cùng nhau dốc toàn bộ sức mạnh quân sự và kinh tế vào cuộc chiến chống chủ nghĩa phát-xít. Sự kiện này đánh dấu việc hình thành *Mặt trận Đồng Minh chống phát-xít trên phạm vi toàn thế giới.*

Việc Liên Xô và các nước trong phe Đồng Minh cùng hợp lực chiến đấu chống lại "phe trục", mặc dầu phải chịu nhiều tổn thất, nhưng những sự hy sinh đó đã giải phóng cho hàng triệu triệu người, hàng loạt quốc gia thoát khỏi hiểm họa của chủ nghĩa phát-xít, là nền tảng của sự xuất hiện hàng loạt quốc gia, dân tộc ở châu Á và châu Phi. Thắng lợi của Liên Xô và phe Đồng Minh chống phát-xít đã mở ra nguồn lực mới cho các dân tộc thuộc địa. Đó là "cú hích" căn bản, là nguồn động lực trực tiếp thúc đẩy nhân dân các nước thuộc địa đứng lên, nắm bắt thời cơ, giành độc lập dân tộc.

Cùng với các lực lượng dân chủ trên thế giới, các dân tộc bị áp bức và nô dịch bởi chủ nghĩa thực dân cũng ý thức được tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít; đồng thời, giác ngộ được rằng, đây còn là thời cơ nghìn năm có một để đứng lên tự giải phóng, giành lại quyền độc lập cho dân tộc mình, đất nước mình. Do vậy, ngay từ đầu cuộc chiến, các dân tộc thuộc địa đã nhanh chóng đẩy mạnh phong trào chống chủ nghĩa phát-xít. Đi đầu trong cuộc đấu tranh đó của các nước thuộc địa và phụ thuộc là nhân dân Trung Quốc. Là một nước sớm bị quân phiệt Nhật xâm chiếm, nhân dân Trung Quốc đã anh dũng đứng lên chống lại ách xâm lược của Nhật Bản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cuộc đấu tranh chống Nhật của nhân dân Trung Quốc ngày càng phát triển và lan rộng trên mọi miền đất nước; nhiều khu giải phóng đã hình thành. Cuộc chiến tranh du kích trường kỳ của nhân dân Trung Quốc đã gây cho Nhật nhiều tổn thất nặng nề và góp phần kìm chân không cho quân Nhật có điều kiện để nhanh chóng tiến hành xâm lược các nước Đông - Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, ngay từ sớm một phong trào kháng chiến đã được phát động sâu rộng khắp mọi miền đất nước. Từ sau khi Nhật hất cẳng Pháp (tháng 3-1945), cuộc kháng chiến chống phát-xít Nhật của nhân dân ta bước vào giai đoạn mới. Đặc biệt, sau khi Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật và chính phủ Nhật Bản buộc phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, Đảng ta đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam mới, chính thức tuyên bố với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"(3).

(3) Hồ chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 4

Digitized by Google

Tại Triều Tiên, thuộc địa của Nhật, cũng đã sớm dấy lên một phong trào chống Nhật của những người yêu nước. Phong trào kháng Nhật bùng lên mạnh mẽ ở các nước Đông - Nam Á; nhiều tổ chức dân tộc được thành lập để lãnh đạo phong trào kháng chiến: Mặt trận nhân dân chống phát-xít ở Phi-lip-pin (1942); Hội đồng minh nhân dân tự do chống phát-xít của Miến Điện (1944); Quân đội nhân dân kháng Nhật của Ma-lai-xi-a; Phong trào nhân dân chống phát-xít của In-xi-a (In-đô-nê-xi-a)...

Cuộc kháng chiến của nhân dân Miến Điện đã được phát động từ sớm và đặc biệt phát triển rộng khắp vào những năm 1943 - 1944 và nhất là sau khi Hội đồng minh nhân dân tự do chống phát-xít của Miến Điện ra đời. Đến tháng 3-1945, một phần lớn đất nước đã được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của quân đội Nhật Bản. Chính vì vậy, sau khi tiếp quản lại thuộc địa cũ của mình, nước Anh đã không thể xoay chuyển được tình hình thực tế và buộc phải công nhận nền độc lập của Miến Điện vào ngày 4-1-1948. Hòa nhịp với cuộc đấu tranh của toàn thể loài người tiến bộ, nhân dân Phi-líp-pin, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận nhân dân chống phát-xít đã anh dũng chiến đấu chống Nhật, tiêu diệt một số lớn sinh lực địch và nhanh chóng kiểm soát đến 2/3 lãnh thổ đất nước. Mặc dầu vào tháng 1-1945, quân Mỹ đã đổ bộ vào Phi-líp-pin, song cuối cùng vào ngày 1-7-1946, Mỹ cũng phải thừa nhận nền độc lập của đất nước này.

Sự thất bại của quân Anh trước sức mạnh của quân phiệt Nhật ở Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po từ ngày đầu cuộc chiến đã không hề làm nhụt ý chí chống ngoại xâm của các tầng lớp quần chúng nhân dân. Nhiều đội du kích đã nhanh chóng được thành lập và tiến hành cuộc kháng chiến chống Nhật. Chính vì vậy, cho đến thời điểm trước khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân đội nhân dân kháng Nhật của Mã-lai đã kiểm soát được phần lớn lãnh thổ đất nước. Sau khi quay trở lại đất nước thuộc địa cũ này, người Anh vừa sử dụng biện pháp trấn áp vừa gây chia rẽ các lực lượng kháng chiến, chia rẽ các dân tộc để áp đặt ách cai trị như trước đây. Song, thời thế đã đổi khác, vì thế, ngày 31-8-1957, Anh phải thừa nhận nền độc lập của Ma-lai-xi-a.

Đặc biệt, một trong những điểm sáng nữa của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông - Nam Á là In-đô-nê-xi-a. Ách chiếm đóng của quân đội Nhật đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân sở tại. Dưới sự lãnh đạo của Phong trào nhân dân chống phát-xít, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở Sin-ga-pec-na, Se-ma-ran và nhiều nơi khác. Phong trào đấu tranh đã mang lại kết quả vào ngày 17-8-1945, ông Xu-các-nô tuyên bố thành lập Nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a. Ngày 4-9-1945, chính phủ dân tộc đầu tiên của In-đô-nê-xi-a được thành lập do Tổng thống Xu-các-nô đứng đầu. Song, Mỹ và Anh lại là chỗ dựa cho Hà Lan quay trở lại In-đô-nê-xi-a. Cuộc đấu tranh của nhân dân In-đô-nê-xi-a chống chủ nghĩa thực dân một lần nữa lại được phát động và cuối cùng vào tháng 8-1949, chủ nghĩa thực dân đã buộc phải thừa nhận nền độc lập mà nhân dân nước này đã giành lại được.

Tại các nước Trung Cận Đông và châu Phi, tình hình cuộc chiến cũng không kém phần phức tạp. Tại châu Phi, từ năm 1941, Anh bắt đầu tiến hành các hoạt động quân sự ở Bắc Phi và làm cho quân đội I-ta-li-a bị nhiều tổn thất nặng nề. Đến năm 1942, Đức đổ quân vào Ai Cập để cứu đồng minh I-ta-li-a, song phe phát-xít đã phải chịu thất bại trước liên quân Anh - Mỹ. Cuối năm 1942, Anh - Mỹ giải phóng Ai Cập và các nước Bắc Phi, đẩy lùi quân phát-xít về phía Tây (Tuy-ni-di).

Sau khi quân đội của Hít-le chiếm các hải cảng và sân bay tại Trung Đông, xây dựng các căn cứ chiến lược ở đây, nước Anh, và tiếp đó là nước Pháp của Đờ-gôn quyết định mở các chiến dịch quân sự để giành lại vùng đất chiến lược này và củng cố vai trò, vị trí của thực dân ở Trung Đông. Song, trước những diễn biến của cuộc chiến chống phát-xít và hơn nữa, chính trong nội bộ Anh - Pháp cũng đang tồn tại những mâu thuẫn tiềm ẩn, cho nên ngày 22-12-1943, Pháp buộc phải ký với Xy-ri và Li-băng thỏa thuận từng bước chuyển giao chức năng lãnh đạo đất nước cho các chính phủ dân

Digitized by Google

tộc (ngoại trừ lĩnh vực quốc phòng). Tuy vậy, chủ nghĩa thực dân vẫn viện ra nhiều lý do để trì hoãn việc công nhận hoàn toàn và đầy đủ chủ quyền của hai nước này; Anh và Pháp vẫn nắm trong tay quyền điều hành quân sự tại đây. Tuy nhiên, với xu thế của thời đại và do áp lực của Liên hợp quốc, đến tháng 12-1946, Anh và Pháp mới chịu rút hết lực lượng và căn cứ quân sự ra khỏi Xy-ri và Li-băng.

Như vậy, rõ ràng, cùng với tiến trình đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít, sự toàn vẹn của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị rạn nứt. Làn sóng đấu tranh chống phát-xít ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đã được khơi nguồn, và kèm theo đó là cuộc đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc. Các thế lực thực dân, mặc dầu đã tìm đủ mọi cách, song không thể ngăn cản nổi sự vùng lên của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân chiếm đóng và cai trị.

Trong cuốn sách *"Đông - Nam Á - khu vực thách đố, biến đổi và tiến bộ"* các học giả Mỹ cho rằng *"Mỹ đã giúp cho sự ra đời các quốc gia độc lập ở Đông - Nam Á..."*. Chúng ta không phủ nhận vai trò quan trọng của Mỹ trong một thời gian dài là lực lượng chính của phe Đồng Minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương. Nhưng cần khách quan mà thấy rằng, nhân dân các nước châu Á ngay từ đầu đã kiên cường đứng lên chống trả quân đội Nhật Bản xâm lược. Và, đến khi quân Đồng Minh quay trở lại, thì phong trào kháng chiến tại phần lớn các quốc gia này đã nắm quyền kiểm soát những vùng lãnh thổ rộng lớn.

Về mặt hình thức, lúc này Mỹ đưa ra quan điểm là cần lập nên chế độ công quản quốc tế tại các thuộc địa cũ và từ đó dần dần tiến tới trao trả độc lập vào thời điểm thích hợp. Tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), Mỹ và Liên Xô cùng nhất trí với lập trường này, song Pháp và Anh đã quyết liệt phản đối. Nhưng, cũng cần nói rõ là mưu đồ sâu xa trong kế hoạch quản trị quốc tế tại các thuộc địa cũ của Mỹ là nhằm tạo điều kiện cho Mỹ mở rộng ảnh hưởng tại những nơi đó. Với ưu thế vượt trội về kinh tế cũng như quân sự, các thuộc địa chắc chắn sẽ rơi vào vòng cương tỏa trực tiếp của Mỹ.

Với chiến thắng chủ nghĩa phát-xít, nền móng của chủ nghĩa thực dân bị rạn nứt và lung lay, hệ thống thuộc địa hoàn chỉnh của chủ nghĩa đế quốc đã bị phá vỡ, điểm khởi đầu của quá trình tan rã của hệ thống đó đã được bắt đầu. Trong hệ thống thuộc địa Pháp, ngay sau khi kết thúc chiến tranh, Việt Nam là người mở đường cho phong trào đấu tranh giải phóng. Sau đó, cuộc đấu tranh của các nước Xy-ri và Li-băng là những đòn tấn công tiếp tục, trực diện vào đế quốc Pháp, góp phần đẩy nhanh quá trình tan rã hệ thống thuộc địa của nó. Biểu hiện cụ thể là giới cầm quyền Pháp ngay lúc bấy giờ đã nhận rõ điều đó và vội vã thay đổi chính sách thuộc địa bằng việc lập ra *"Khối liên hiệp Pháp"* vào năm 1946.

Ở thuộc địa Anh, dầu không hề mong muốn, nhưng yếu tố thời đại đã buộc tên thực dân hàng đầu này phải trao trả quyền tự quyết cho các dân tộc thuộc địa vào những thời điểm khác nhau và bằng những biện pháp khác nhau. Ngay sau khi chiến tranh kết thúc, Anh đã phải thực hiện quyền công quản quốc tế theo Nghị quyết của Liên hợp quốc tại các thuộc địa Ta-ga-ni-ca, Ca-mơ-run (thuộc Anh), Tô-gô... Năm 1947, Anh buộc phải trao trả độc lập cho Ấn Độ, Pa-ki-xtan.

Tại Đông - Nam Á, sau khi Việt Nam và In-đô-nê-xi-a đi đầu trong việc thành lập nhà nước dân tộc, thì đến giữa năm 1946, Phi-lip-pin là nước nối tiếp giành lại độc lập của mình. Đầu năm 1948, Miến Điện tuyên bố thành lập nước cộng hòa độc lập. Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trong các nước Á - Phi khác, do xu thế thời đại mang lại, nhiều chính đảng dân tộc đã được hình thành, nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc đã hướng cuộc đấu tranh của mình vào mục tiêu đòi quyền tự quyết dân tộc và thủ tiêu chế độ thực dân.

Bước vào những năm 50 của thế kỷ XX, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc tiếp tục dâng cao, phản ứng dây chuyền đã thực sự bùng nổ và

Digitized by Google

"cơn hấp hối" của chủ nghĩa thực dân đã bắt đầu. Điều này có thể thấy qua cơn bão táp cách mạng tại "Lục địa đen". Năm 1951, Li-bi giành lại độc lập dân tộc. Năm 1953, Ai-Cập tuyên bố thành lập nước cộng hòa. Năm 1954, cuộc chiến đấu của nhân dân An-giê-ri chống lại ách đô hộ thực dân được phát động. Năm 1956, Pháp buộc phải trao trả độc lập cho Tuy-ni-di và Ma-rốc. Đến năm 1958, tại miền Tây châu Phi, nhân dân đất nước Ghi-nê nhỏ bé đã quật cường đứng lên thành lập nước cộng hòa. Và, năm 1960 đi vào lịch sử với tên gọi là *"Năm châu Phi"* với việc hàng loạt nước giành độc lập; đó là tất cả các thuộc địa Pháp ở Tây Phi, châu Phi Xích đạo, Ma-đa-ga-ca, và các lãnh thổ do Pháp bảo hộ ở Tô-gô và Ca-mơ-run; đó là Ni-giê-ri-a thuộc Anh. Tiếp theo, những năm 60 và 70 (thế kỷ XX) lần lượt nối tiếp nhau, các nước thuộc địa và phụ thuộc còn lại đều đứng lên giành lại độc lập dân tộc; những mảnh đất thuộc địa cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á và châu Phi đã trở về với các dân tộc bản địa.

Như vậy, với chiến thắng chủ nghĩa phát-xít, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trên thế giới đã bước vào giai đoạn quyết định. Chiến thắng của phe Đồng Minh và của toàn thể nhân loại tiến bộ trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát-xít đã góp phần phá vỡ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; từ chỗ nguyên vẹn, hoàn chỉnh trong một thể thống nhất đã sụp đổ, tan rã từng mảng và cuối cùng hoàn toàn bị thủ tiêu. Ngày nay, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ không còn tồn tại trên trái đất và thay vào đó là sự xuất hiện hàng loạt quốc gia dân tộc với sự đóng góp ngày càng to lớn vào công cuộc bảo vệ hòa bình, vào việc ngăn chặn những hiểm họa phát-xít mới có thể nảy sinh, góp phần vào việc bảo đảm cho sự ổn định bền vững của các dân tộc trên trái đất trong thế kỷ XXI. Đó chính là ý nghĩa to lớn của chiến thắng chủ nghĩa phát-xít đối với thời đại độc lập dân tộc, hòa bình hữu nghị và hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia hiện nay. ❑

NGHỆ THUẬT ĐÁNH THẮNG...

(Tiếp theo trang 18)

thay và gặp muôn vàn khó khăn cả trong nước, trên thế giới và trên chiến trường miền Nam.

Trước tình hình mới, Đảng ta khẳng định, Mỹ đã rút quân thì khó có khả năng quay trở lại, thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để tiến hành trận quyết chiến chiến lược cuối cùng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến toàn thắng. Đảng ta đã hạ quyết tâm lịch sử giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976 và nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Bộ Chính trị đã họp chọn hướng tiến công chiến lược năm 1975 là Tây Nguyên. Và ngày 10-3-1975, ta đã đánh chiếm và giải phóng Buôn Ma Thuột mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Trước tình hình ta thắng lớn ở Tây Nguyên, trong cuộc họp ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị đã bổ sung quyết tâm chiến lược là giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Trước sự phát triển nhanh chóng của cách mạng "một ngày bằng hai mươi năm", Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm về thời cơ chiến lược với tư tưởng "thần tốc, táo bạo, bất ngờ", mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam vào tháng 4-1975. Thực hiện quyết tâm đó của Bộ Chính trị, 17 giờ ngày 26-4-1975 chiến dịch tiến công Sài Gòn - Gia Định bắt đầu nổ súng. Sau 3 ngày chiến đấu, đúng 11h30 ngày 30-4-1975, cờ cách mạng tung bay trên nóc nhà tổng thống ngụy quyền và toàn bộ nội các ngụy quyền bị bắt sống.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện rực rỡ bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta trong lãnh đạo chiến tranh. Đảng ta chẳng những đánh giá đúng mà còn nắm vững âm mưu của địch trong từng chiến lược chiến tranh, có những quyết định đúng đắn, sáng tạo, tạo thế, tạo lực và nắm vững thời cơ, đánh bại từng chiến lược chiến tranh của địch, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. ❑

Digitized by Google

ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH - MỘT NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG VÀ CẤP BÁCH HIỆN NAY

LÊ HỮU NGHĨA

1 - Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác và sau này là chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trở thành đối tượng phê phán, xuyên tạc, bác bỏ của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu hoạt động chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục tăng cường. Các nhà tư tưởng tư sản tập trung phê phán cả 3 "cột trụ" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư trong kinh tế chính trị học; học thuyết sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa xã hội khoa học, nhằm xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, làm tan rã các Đảng Cộng sản, chống lại chủ nghĩa xã hội và các phong trào cách mạng trên thế giới. Vì vậy, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với hệ tư tưởng tư sản là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Chính giai cấp tư sản đã ý thức sâu sắc về cuộc đấu tranh này.

Như chúng ta biết, từ những năm 60 của thế kỷ XX, bọn đế quốc nhận thấy không thể chiến thắng Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa bằng bạo lực và chiến tranh nên chúng có sự chuyển hướng chiến lược khá quan trọng. Thực hiện sự chuyển hướng chiến lược toàn cầu, bọn đế quốc giành cho cuộc đấu tranh tư tưởng một vị trí ngày càng quan trọng. Ý thức về giới hạn bạo lực trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản ngày càng lan rộng trong các giới chính trị và tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ. Mắc Na-ma-ra, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ phải thừa nhận rằng "mục đích của chúng ta là loại bỏ chủ nghĩa cộng sản. Nhưng tôi không tin rằng chúng ta sẽ đạt được mục đích đó bằng một cuộc chiến tranh hạt nhân". Nhiều nhà tư tưởng tư sản đã nói đến cuộc đấu tranh "vì những khối óc và trái tim của mọi người", đó là cuộc đấu tranh giữa lý luận, tư tưởng và học thuyết.

Chính phủ Mỹ chi hàng tỉ đô-la cho các hoạt động khác nhau, phục vụ cho cuộc đấu tranh ý thức hệ. Các chuyên gia chống cộng được lựa chọn và đào tạo kỹ lưỡng có hệ thống trong các trường đại học. Ở Mỹ trước đây có khoảng hai trăm viện và cơ quan "nghiên cứu khoa học" về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nhiều

Digitized by Google

chuyên gia chống cộng đã đi đến kết luận "sự thay đổi về chế độ trong các nước cộng sản, nếu như có xảy ra thì chỉ có thể bắt đầu từ bên trong". Đáng chú ý là "Thuyết tiến hóa" của Brê-din-xki, một người chống cộng nổi tiếng, nguyên là cố vấn của cựu Tổng thống Mỹ G.Ca-tơ. Thuyết này cho rằng sự giải phóng ý thức hệ là điều có ý nghĩa quyết định để dẫn tới sự thay đổi về chính trị, từ sự thay đổi về chính trị sẽ dẫn đến sự thay đổi chế độ xã hội. Phải bằng những thủ đoạn tinh vi tạo ra một "lực lượng ly tâm" trong lòng chế độ xã hội chủ nghĩa, dần dần làm cho chủ nghĩa xã hội biến chất về chính trị, gây nên một cuộc đấu tranh bên trong chế độ, làm cho chế độ rệu rã, mất sức tự vệ và đi đến diệt vong. Đây chính là cơ sở lý luận của chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc. Tuy nhiên, chừng nào bọn đế quốc, trước hết là Mỹ chưa chịu từ bỏ "chính sách sức mạnh" và Mỹ vẫn còn tham vọng thống trị thế giới, thì sự sùng bái bạo lực vẫn là một bộ phận hợp thành hệ tư tưởng tư sản.

Trước đây, khi Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới còn tồn tại, việc chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa cộng sản của các nhà tư tưởng, lý luận tư bản không đạt được kết quả như họ mong muốn. Nhưng sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu làm cho chủ nghĩa đế quốc và các nhà tư tưởng tư sản ăn mừng chiến thắng. Họ tung ra đủ thứ lý luận nhằm bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và rêu rao về "sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản, sự diệt vong của chủ nghĩa cộng sản", về "chiến thắng không cần chiến tranh" (Ních-xơn), về "sự tận cùng của lịch sử" (Phu-cu-ya-ma). Không những kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà cả một số người trước đây một thời tự xưng là mác-xít, giờ đây quay ngoắt 180°, phụ họa theo kẻ thù cũng ra sức xuyên tạc, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Họ cho rằng học thuyết đó đã lỗi thời!

Để phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, họ thường viện dẫn những sai lầm, thiếu sót ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, nhất là ở Liên Xô và cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin không còn phù hợp với những đặc điểm mới của thời đại. Họ nói: "kinh tế tri thức, nền văn minh tin học không dung nạp chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa Mác là sản phẩm của nền văn minh cơ khí, nó chỉ thích hợp với thế kỷ XIX chứ không dung hợp với thời đại ngày nay", "sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một mảng lớn trên thế giới chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một sai lầm", là ảo tưởng của những người cộng sản v.v. và v.v.

Sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu, làm cho phong trào cách mạng thế giới lâm vào thoái trào, gặp khó khăn to lớn đồng thời tác động tiêu cực đến các Đảng Cộng sản. Một số Đảng Cộng sản từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đi theo con đường xã hội dân chủ, đã có sự nhận định không đúng, thiếu khách quan nguyên nhân của sự kiện lịch sử đó. Thực chất, đây không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội mà chỉ là sự sụp đổ một mô hình chủ nghĩa xã hội cụ thể mang tính tập trung, quan liêu bao cấp, do nguyên nhân cơ bản là đường lối "cải tổ" sai lầm và đội ngũ cán bộ thoái hóa biến chất, trước hết là đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng Cộng sản cầm quyền và thông qua đó chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc đã phát huy tác dụng.

2 - Đứng trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam với bản lĩnh chính trị vững vàng, đã tỉnh táo phân tích một cách khoa học những thành tựu to lớn cũng như những nhược, khuyết điểm của mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã có một thời kỳ áp dụng rập khuôn, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Digitized by Google

Từ đó, Đảng chủ trương đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của cách mạng nước ta và thời đại; đổi mới một cách có nguyên tắc, đổi mới chứ không đổi màu. Đảng đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện từ Đại hội VI và được các Đại hội của Đảng tiếp theo bổ sung, phát triển.

Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn được đại đa số cán bộ, đảng viên nhất trí và được nhân dân đồng tình ủng hộ, chúng ta đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua gần 20 năm đổi mới, chúng ta đã thu được những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử cả về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, về an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Tuy nhiên, sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã ảnh hưởng tiêu cực đối với nước ta và Đảng ta, làm cho một số cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động, mất lòng tin vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội. Những người cơ hội chính trị quay sang phụ họa với các thế lực thù địch chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng ta. Giống như các thế lực thù địch bên ngoài, họ cho rằng sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã chứng minh chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sai lầm, chủ nghĩa xã hội không có tiền đồ. Thậm chí họ còn nói Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, một hệ tư tưởng ngoại lai vào Việt Nam là không hợp với truyền thống dân tộc ta. Theo họ, chỉ có nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa chứ không có "cái gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; rằng, trong thời đại văn minh tin học và kinh tế tri thức mà còn nói đến sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là vô nghĩa. Họ phê phán nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng xây dựng là không dân chủ, đòi Đảng ta phải thực hiện chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập theo quan điểm dân chủ tư sản. Họ cho rằng xây dựng chủ nghĩa xã hội là đi vào "ngõ cụt", là "con đường vòng" để đến chủ nghĩa tư bản. Họ xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo và đường lối của Đảng, phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc lịch sử, nói xấu các đồng chí lãnh đạo. Họ đồng tình với các thế lực thù địch xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta đàn áp các dân tộc thiểu số, đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền. Hiện nay khi Đảng ta đang chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội X, họ càng ráo riết hoạt động, viết và phát tán các tài liệu (kể cả trên In-tơ-nét) có nội dung xấu, kích động, bịa đặt trắng trợn nhằm mục đích bôi đen chế độ, nói xấu Đảng, chia rẽ nội bộ.

Ngoài các hoạt động của những người cơ hội chính trị, trong cán bộ, đảng viên, có một bộ phận phai nhạt lý tưởng, ý thức chính trị, niềm tin đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội, đối với Đảng, đối với sự nghiệp đổi mới giảm sút.

Trước những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch và bọn cơ hội chính trị phụ họa theo chúng, các nhà tư tưởng, lý luận của Đảng, các nhà khoa học, các viện nghiên cứu khoa học xã hội, các trường đại học đã có những công trình nghiên cứu khoa học phê phán những quan điểm chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội và chống Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo vệ những quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng ta. Những công trình đó được xuất bản thành sách hoặc đăng trên các báo và tạp chí, phát trên các đài phát thanh và truyền hình. Trước đây, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, chúng ta đã biên soạn và xuất bản 5 bộ giáo trình quốc gia về Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Gần đây, Hội đồng

Digitized by Google

Lý luận Trung ương đã biên soạn và xuất bản hai tác phẩm "**Vững bước trên con đường đã chọn**" và "**Lẽ phải của chúng ta**", trong đó nêu lên những quan điểm đúng đắn của Đảng ta về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội, về đường lối chính sách của Đảng và phê phán những quan điểm phản động, sai trái của các thế lực thù địch cùng những kẻ cơ hội chính trị.

Nhiều nhà xuất bản cũng đã dịch và phát hành các tác phẩm nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về chủ nghĩa xã hội và phê phán chủ nghĩa tư bản để giới thiệu với công chúng. Tuy vậy, cũng có vài nhà xuất bản đã xuất bản một số sách có nội dung sai trái, gây tác động xấu, cần phê phán nghiêm khắc.

Trong khi phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái chúng ta cần có những luận chứng sắc bén, đồng thời có những công trình nghiên cứu sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội để phản bác một cách khoa học, có sức thuyết phục cao đối với các quan điểm sai trái, thù địch.

Mặt khác, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học, các nhà lý luận trong cả nước, các cơ quan thông tin đại chúng để có kế hoạch thống nhất và phân công hợp lý, có sự chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nhằm đấu tranh đạt được kết quả cao. Vừa qua, sự đấu tranh, phê phán của chúng ta với các quan điểm thù địch còn tản mạn, hiệu quả chưa cao. Vì vậy, cần tích cực, *chủ động* hơn trong đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch.

Cùng với việc đấu tranh chống những quan điểm phản động của các thế lực thù địch, chúng ta cũng cần phê phán những tư tưởng sai trái, những nhận thức lệch lạc trong nội bộ ta, nhằm làm rõ đúng sai, đi đến thống nhất nhận thức trên những vấn đề căn bản, có quan hệ trực tiếp đến đường lối, quan điểm của Đảng ta.

Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận sẽ đạt được hiệu quả cao, nếu trong thực tiễn chúng ta khắc phục được những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, kéo dài trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước; những hiện tượng mê tín dị đoan ngày càng phổ biến trong cán bộ, đảng viên. Trong vấn đề này, Đảng đã có quy định về những điều cấm đảng viên không được làm, nhưng việc thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, theo tôi chúng ta cần tập trung thực hiện kết quả những nội dung:

- Trước hết các cấp ủy đảng cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận coi đây là vấn đề *có ý nghĩa chiến lược* trong việc bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và chế độ, góp phần to lớn đưa sự nghiệp đổi mới của Đảng đi đến thắng lợi, thực hiện hai mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Các cấp ủy đảng cần trực tiếp chỉ đạo công tác đấu tranh tư tưởng, lý luận.

- Trên mặt trận đấu tranh tư tưởng, lý luận, Đảng cần xây dựng một chiến lược và có kế hoạch, chủ động, có sự theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, thường xuyên rút kinh nghiệm. Có thể giao cho các cơ quan nghiên cứu lý luận và cơ quan chỉ đạo công tác tư tưởng, văn hóa, thông tin, an ninh, quốc phòng, đối ngoại phối hợp xây dựng chiến lược đấu tranh lâu dài, trước mắt là tập trung phục vụ cho Đại hội Đảng lần thứ X, góp phần củng cố sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng.

- Các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa

Digitized by Google

học xã hội, phân công các nhà khoa học đi sâu nghiên cứu có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo từng chuyên đề, đồng thời nghiên cứu làm rõ sự sai trái của các quan điểm chống đối; kết hợp lý luận với thực tiễn, để có những công trình mang tính khoa học, chiến đấu và thuyết phục cao. Đảng, Nhà nước cần có chế độ khen thưởng kịp thời những công trình có giá trị.

- Tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, trao đổi, thảo luận, tranh luận, phân rõ đúng sai, phát huy tự do tư tưởng với tinh thần phê phán có lý lẽ, với những luận cứ khoa học để thống nhất nhận thức, loại trừ những quan điểm sai trái. Cần sớm xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận, cho xuất bản tạp chí trao đổi những vấn đề nội bộ giành cho giới lý luận.

- Những tác phẩm, những bài viết hay về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần được thường xuyên giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Các nhà xuất bản cần chọn những tác phẩm viết về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phê phán chủ nghĩa tư bản của tác giả nước ngoài cho in, phát hành, giới thiệu trên các báo, tạp chí (nếu tác phẩm dài thì giới thiệu tóm tắt hoặc lần lượt giới thiệu từng phần).

- Các báo, tạp chí cần chủ động biên soạn những bài phê phán sắc bén và kịp thời những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu cáo ta về những vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, giúp quần chúng hiểu rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương định kỳ tổ chức thông báo nội dung, cung cấp thông tin và hướng dẫn để các cơ quan báo chí, các cơ quan lý luận tiến hành đấu tranh phê phán thường xuyên, kịp thời các tư tưởng, quan điểm sai trái. Củng cố và xây dựng hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể trong đó có lực lượng chuyên trách làm nhiệm vụ này; có chính sách động viên đối với họ.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên tuyền, kể cả tuyên truyền miệng; đẩy mạnh tuyên truyền đối ngoại dưới nhiều hình thức; sử dụng phương tiện truyền thông hiện đại như In-tơ-nét để đấu tranh có hiệu quả trên lĩnh vực tư tưởng, đồng thời có biện pháp quản lý chặt chẽ In-tơ-nét, không để địch lợi dụng tuyên truyền chống chúng ta.

- Quản lý chặt chẽ tài liệu mật của Đảng, Nhà nước. Xử lý nghiêm những người phát tán tài liệu làm lộ bí mật nội bộ, nhất là đưa trên mạng In-tơ-nét. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 14-2-2005 của Bộ Chính trị về bảo vệ bí mật của Đảng trong phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin, tài liệu mật trong tình hình mới.

- Kết hợp chặt chẽ giữa "chống" và "xây", trong đó cần chú ý :

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trẻ chuyên sâu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lựa chọn những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, khả năng làm công tác lý luận và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng, đồng thời quan tâm đào tạo, bồi dưỡng để dần dần hình thành những nhà khoa học đầu đàn, có phẩm chất, đạo đức, có tư duy lý luận sáng tạo, năng động trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận.

+ Đổi mới việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống các cơ quan đào tạo cho cán bộ cao, trung cấp, nhất là đối với đội ngũ cán bộ kế cận, cả về nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy,

(Xem tiếp trang 46)

Digitized by Google

Ý nghĩa ngày nay của Học thuyết về giá trị thặng dư của C. Mác

BÙI NGỌC CHƯỚNG *

Giai cấp tư sản bước lên vũ đài lịch sử cũng là giai cấp độc chiếm tư nhân những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Khác với cơ chế bóc lột trong hai hình thái kinh tế - xã hội trước chủ yếu dựa trên quan hệ hiện vật, cơ chế bóc lột tư bản chủ nghĩa dựa trên quan hệ giá trị; nói cách khác là quan hệ trao đổi những vật ngang giá (tức là tuân theo quy luật giá trị). Quan hệ này che dấu sự bóc lột trong một cơ chế trao đổi với vẻ bề ngoài như là tự do và bình đẳng, chính vì vậy mà các nhà kinh tế học trước C. Mác đã không thành công trong việc lý giải bản chất bóc lột tư bản chủ nghĩa.

1 - Cơ chế bóc lột tư bản chủ nghĩa

C. Mác đã vạch ra rằng, tư bản không hề phát minh ra lao động thặng dư, rằng: "Nơi nào mà một bộ phận xã hội chiếm độc quyền về những tư liệu sản xuất thì nơi đó người lao động, tự do hay không tự do, đều buộc phải thêm vào thời gian lao động cần thiết để nuôi sống bản thân mình một số thời gian lao động dôi ra dùng để sản xuất những tư liệu sinh hoạt cho người chiếm hữu tư liệu sản xuất" (1). Quy luật kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất bóc lột người lao động không có tư liệu sản xuất, được thực hiện dưới những hình thức và cơ chế khác nhau trong những hình thái xã hội khác nhau.

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, giai cấp nô lệ bị lệ thuộc hoàn toàn về thân thể vào giai cấp chủ nô, thì ngoài việc bị bóc lột lao động thặng dư, nô lệ còn bị chiếm một phần lớn sản phẩm cần thiết của giai cấp nô lệ. Trong chế độ phong kiến, giai cấp nông nô đã có một phần tự do về thân thể đối với giai cấp địa chủ và chế độ bóc lột lao động thặng dư biểu hiện dưới hình thức bóc lột địa tô, lao động thặng dư và lao động cần thiết được phân chia rõ ràng. Bởi vậy, theo C. Mác cơ chế bóc lột thời phong kiến có nhiều tiến bộ hơn chiếm hữu nô lệ.

A. Smith và D. Ri-các-đô đã quan niệm một cách hời hợt, bề ngoài rằng, mua bán giữa tư bản và công nhân hình như là *mua bán lao động* nên cả hai ông đều gặp bế tắc trong việc lý giải một cách khoa học bản chất và nguồn gốc của *lợi nhuận*. Chẳng hạn, nếu *lao động* là hàng hóa thì nó phải được kết tinh vào vật, như vậy là công nhân bán hàng hóa chứ không bán lao động; *lao động* được xác định là thước đo của mọi giá trị thì không thể tự lấy nó để đo lường giá trị của bản thân nó. Mặt khác, nếu mua bán lao động mà trao đổi ngang giá thì không còn cơ sở tồn tại của lợi nhuận, nhưng thực tế lợi nhuận tồn tại một cách khách quan. Vậy, theo các cách giải thích đó, quy luật

---

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 347

Digitized by Google

giá trị mâu thuẫn với quy luật sản xuất ra lợi nhuận và ngược lại.

C. Mác đã phát hiện rằng, quan hệ mua bán giữa công nhân và tư bản không phải là mua bán *hàng hóa lao động* mà là mua bán một loại hàng hóa đặc biệt - *hàng hóa sức lao động*. Hàng hóa này có giá trị và giá trị sử dụng khác với các hàng hóa thông thường. *Giá trị* của hàng hóa sức lao động là giá trị những tư liệu sinh hoạt tối thiểu cần thiết để tái sản xuất sức lao động của công nhân và bao hàm những yếu tố tinh thần, lịch sử và dân tộc... - *Giá trị sử dụng* của hàng hóa này (tức là tiêu dùng nó trong quá trình sản xuất) có khả năng tạo ra một lượng giá trị lớn hơn giá trị của chính nó là sức lao động. Do đó dù nhà tư bản trả đủ giá trị sức lao động cho công nhân trên cơ sở trao đổi ngang giá thì vẫn thu được phần giá trị dôi ra, biến thành lợi nhuận. Như vậy, quy luật giá trị và quy luật sản xuất ra lợi nhuận không phủ định lẫn nhau mà song song tồn tại: trao đổi giữa tư bản và công nhân tuân theo quy luật ngang giá (quy luật giá trị sức lao động) nhưng nhà tư bản vẫn thu được phần dôi ra ngoài giá trị sức lao động; phần dôi ra đó được C. Mác gọi là giá trị thặng dư. Như vậy, bóc lột lao động thặng dư biểu hiện thành bóc lột giá trị thặng dư là quy luật *bóc lột đặc thù của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất đó.*

Tỷ số giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến hay tỷ số giữa lao động thặng dư và lao động cần thiết là tỷ suất giá trị thặng dư, tỷ suất đó nói lên mức độ bóc lột giai cấp công nhân. Giá trị thặng dư có biểu hiện bề ngoài là một số tiền dôi ra ngoài tư bản ứng trước; số tiền đó có tên gọi là lợi nhuận. Phạm trù lợi nhuận che dấu quan hệ bóc lột vì nó làm cho người ta dễ lầm tưởng là con đẻ của tư bản ứng trước (c + v) chứ không phải là con đẻ của tư bản khả biến (v).

Tổng số giá trị thặng dư bóc lột được phân chia thành các loại thu nhập ăn bám trong xã hội tư bản: lợi nhuận công nghiệp, lợi nhuận thương nghiệp, lợi nhuận ngân hàng; nó còn được phân chia nhỏ hơn nữa thành lợi nhuận doanh nghiệp, lợi tức cho vay v.v.. Quá trình phân chia đó tuân thủ theo quy luật cạnh tranh bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. Giá trị thặng dư còn phải phân chia cho chủ sở hữu ruộng đất dưới hình thức địa tô. Như vậy, tổng số giá trị thặng dư do toàn bộ giai cấp vô sản, công nhân tạo ra trong các ngành sản xuất bị toàn bộ giai cấp tư bản và địa chủ phân chia nhau trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng.

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, đỉnh cao của nó là độc quyền nhà nước là chủ nghĩa đế quốc, đã có nhiều biến đổi trong hình thức và cơ chế bóc lột tư bản chủ nghĩa. Quy luật sản xuất giá trị thặng dư biểu hiện thành *quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân* trong thời kỳ tự do cạnh tranh thì nay, trong chủ nghĩa tư bản độc quyền, nó biểu hiện thành quy luật *tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao;* quy luật giá trị biểu hiện thành *quy luật giá cả sản xuất* trong thời kỳ tự do cạnh tranh nay biểu hiện thành *quy luật giá cả độc quyền* với hệ thống giá bán độc quyền cao, giá mua độc quyền thấp do tư bản độc quyền can thiệp và áp đặt v.v.. Những bộ phận cấu thành lợi nhuận độc quyền cao là: lao động thặng dư, thậm chí một phần lao động cần thiết của công nhân trong xí nghiệp độc quyền; một phần lao động thặng dư của các xí nghiệp nhỏ và vừa do xí nghiệp độc quyền xén bớt thông qua hệ thống giá cả độc quyền; lao động thặng dư, thậm chí một phần lao động cần thiết của nông dân và thợ thủ công cũng bị bóc lột thông qua hệ thống giá cả độc quyền; phần quan trọng là

Digitized by Google

siêu lợi nhuận thuộc địa dựa trên sự bóc lột nặng nề lao động thặng dư và một phần lao động cần thiết của nhân dân lao động ở những nước thuộc địa hay phụ thuộc.

Cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật và của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ chế bóc lột đã trở nên phức tạp và tinh vi hơn (chủ nghĩa Taylo, chủ nghĩa Fayol, chủ nghĩa Ford, chủ nghĩa Ford mới v.v., lần lượt xuất hiện để biện minh cho tính công bằng, sòng phẳng trong quan hệ giữa tư bản với lao động). Trên thực tế trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, ngày càng có nhiều thủ đoạn và hình thức bòn rút lợi nhuận tinh vi để không ít người còn lầm tưởng đến một thứ chủ nghĩa tư bản mới "nhân văn" hơn trước đây, như "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "xã hội tham dự"... Điều không thể che dấu được đó là sự hình thành một tầng lớp tư sản ăn bám, quý tộc, thực lợi, tài phiệt; sự thao túng có tính chất toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia, tình trạng bất bình đẳng trong các quan hệ thương mại quốc tế; sự xuất hiện của cái gọi là chủ nghĩa thực dân kinh tế; sự áp đặt chính sách giữa Đông và Tây, giữa các nước giàu với các nước nghèo...

2 - Đào sâu sự phân cực xã hội - hệ quả tất yếu của quy luật bóc lột tư bản chủ nghĩa

Sự phân hóa xã hội thành giai cấp không lao động nhưng giàu có, đầy quyền lực, thống trị, áp bức đa số người trong xã hội và giai cấp lao động sản xuất ra của cải xã hội nhưng nghèo khổ, bị tước mọi quyền và bị áp bức là sản phẩm tất yếu của mọi xã hội có chế độ người bóc lột người dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Nhưng sự phân cực xã hội với hình thức biểu hiện kinh tế của nó là sự phân hóa giàu - nghèo trong các xã hội nô lệ và phong kiến, mặc dù các chế độ bóc lột siêu kinh tế này biểu hiện ra là dã man, tàn bạo, nhưng là có hạn độ.

Trong chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, sự phân cực xã hội là vô cùng sâu sắc, sự phân hóa giàu nghèo được đẩy tới cực độ. Ở đây của cải ngày càng tập trung vào một số nhỏ các cá nhân là những triệu phú và tỉ phú; ở cực đối lập là những người sống dưới mức nghèo khổ ở các nước tư bản phát triển và đông đảo những người cùng khổ, đói rét ở các nước tư bản đang phát triển. Chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa đã sớm chớp lấy những thành tựu mới của khoa học, kỹ thuật và công nghệ để không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội, do đó năng suất lao động thặng dư cũng ngày càng tăng theo; cơ chế bóc lột tư bản chủ nghĩa đã chuyển hướng sang dựa chủ yếu trên sự tăng năng suất lao động. Cũng trên cơ sở kỹ thuật đã phát triển mà cơ chế bóc lột dựa trên tăng cường độ lao động thái quá và kéo dài ngày lao động một cách che dấu cũng phát triển. Của cải xã hội ngày càng được tạo ra nhiều, nhưng lại chỉ tập trung vào một cực. Mặt khác, nội dung vật chất của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa là giá trị thặng dư mang hình thức giá trị trao đổi (tức là vàng bạc hay tiền tệ); trong quan hệ bóc lột dựa trên hình thức giá trị trao đổi, lòng thèm khát tăng lao động thặng dư và khát vọng làm giàu trên cơ sở đó được đẩy tới cực độ. Sở dĩ như vậy là vì giá trị trao đổi với hình thức biểu hiện vật chất của nó là vàng, tức tiền tệ, về mặt chất lượng có sức mạnh vô hạn (có tiền là có tất cả), về mặt số lượng bao giờ cũng có hạn. Mâu thuẫn giữa chất lượng có sức mạnh vô hạn và số lượng có hạn đó làm tăng lòng thèm khát vơ vét được nhiều tiền. Do tất cả những điều kiện lịch sử và tình hình trên, quy luật bóc lột tư bản chủ nghĩa đã đẩy sâu quá trình phân cực xã hội mà các xã hội bóc lột trước kia không thể sánh kịp.

Đặc điểm của sản xuất tư bản chủ nghĩa còn là tái sản xuất mở rộng nhằm mở rộng bóc lột

Digitized by Google

và *ngày càng tích tụ tập trung tư bản* để cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội với mục đích thu lợi nhuận cao hơn lợi nhuận trung bình và thắng trong cạnh tranh. Do đó, tư bản tích lũy ngày càng giành đầu tư nhiều hơn vào việc hiện đại hóa guồng máy sản xuất, làm cho kết cấu hữu cơ (c/v) của tư bản thay đổi theo hướng: tư bản bất biến (c) tăng lên cả về giá trị tuyệt đối và tương đối trong khi tư bản khả biến (v) tăng lên tuyệt đối, nhưng giảm tương đối do kỹ thuật hiện đại vừa đẩy tiền vừa làm giảm số lượng công nhân vận hành máy móc. Quy luật kết cấu của tư bản thay đổi theo hướng tăng lên như vậy dẫn đến giảm mức cầu về sức lao động trong khi số lượng của giai cấp công nhân tăng lên cùng với sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó dẫn đến nạn nhân khẩu thừa tương đối hay nạn thất nghiệp và hình thành đội quân công nghiệp trù bị.

Tích tụ, tập trung tư bản trong quá trình tích lũy cũng đưa đến kết quả một số ít nhà tư bản tước đoạt của số đông nhà tư bản nhỏ và vừa qua con đường cạnh tranh "cá lớn nuốt cá bé". Nạn nghèo khổ, áp bức, nô dịch, bóc lột càng tăng lên. Vậy là, sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa...

3 - Ý nghĩa ngày nay của Học thuyết về giá trị thặng dư đối với nước ta

Trong Học thuyết về giá trị thặng dư, C. Mác đã có một nhận định có tính chất dự báo khoa học trong xã hội hiện nay, đó là: "Mục đích thường xuyên của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là làm thế nào để với một tư bản ứng trước tối thiểu, sản xuất ra một giá trị thặng dư hay sản phẩm thặng dư tối đa; và trong chừng mực mà kết quả ấy không phải đạt được bằng lao động quá sức của những người công nhân, thì đó là một khuynh hướng của tư bản, thể hiện ra trong cái nguyện vọng muốn sản xuất ra một sản phẩm nhất định với những chi phí ít nhất về sức lực và tư liệu, tức là một khuynh hướng kinh tế của tư bản dạy cho loài người biết chi phí sức lực của mình một cách tiết kiệm và đạt tới mục đích sản xuất với một chi phí ít nhất về tư liệu" (2).

Từ việc nghiên cứu Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác, chúng ta thấy rõ ít nhất ba vấn đề lớn trong giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước.

Một là, trong thời kỳ quá độ nền kinh tế ở nước ta, trong một chừng mực nào đó, quan hệ bóc lột chưa thể bị xóa bỏ ngay, sạch trơn theo cách tiếp cận giáo điều và xơ cứng cũ. Càng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần chúng ta càng thấy rõ, chừng nào quan hệ bóc lột còn có tác dụng giải phóng sức sản xuất và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, thì chừng đó chúng ta còn phải chấp nhận sự hiện diện của nó.

Hai là, trong thực tế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, mọi phương án tìm cách định lượng rành mạch, máy móc và xơ cứng về mức độ bóc lột trong việc hoạch định các chủ trương chính sách, cũng như có thái độ phân biệt đối xử với tầng lớp doanh nhân mới đều xa rời thực tế và không thể thực hiện được. Điều có sức thuyết phục hơn cả hiện nay là quan hệ phân phối phải được thể chế hóa bằng luật. Đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước mỗi khi được thể chế hóa thành luật và các bộ luật thì chẳng những góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lấy luật làm

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t26, phần II, tr 804

Digitized by Google

công cụ và cơ sở để điều chỉnh các hành vi xã hội nói chung, mà còn cả hành vi bóc lột nói riêng. Ai chấp hành đúng pháp luật thì được xã hội thừa nhận và tôn vinh theo phương châm: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong nhận thức, quan điểm chung nên coi đó cũng chính là mức độ bóc lột được xã hội chấp nhận, tức là làm giàu hợp pháp. Trong quản lý xã hội thì phải kiểm soát chặt chẽ thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp để, một mặt, chống thất thu thuế, mặt khác, bảo đảm sự công bằng trong phân phối thông qua Nhà nước và bằng các "kênh" phân phối lại và điều tiết thu nhập xã hội. Thiết nghĩ, đây là một hướng tiếp cận vấn đề bóc lột giúp chúng ta tránh được những nhận thức giáo điều, phi biện chứng về quan hệ bóc lột, cũng như việc vận dụng nó trong một giai đoạn lịch sử cụ thể của việc giải phóng sức sản xuất, tạo động lực phát triển kinh tế và chủ động hội nhập thành công với nền kinh tế quốc tế.

Ba là, mặt khác, cũng phải bảo vệ những quyền chính đáng của cả người lao động lẫn giới chủ sử dụng lao động bằng luật và bằng các chế tài thật cụ thể mới bảo đảm công khai, minh bạch và bền vững. Những mâu thuẫn về lợi ích trong quá trình sử dụng lao động là một thực tế, việc phân xử các mâu thuẫn ấy như thế nào để tránh những xung đột không cần thiết cũng lại là một yêu cầu cấp thiết hiện nay, thể hiện trong bản chất của chế độ mới. Bảo vệ được những quyền lợi chính đáng, những quyền lợi được luật pháp bảo vệ, của tất cả các bên trong quan hệ lao động là một bảo đảm cho việc vận dụng một cách hợp lý quan hệ bóc lột trong điều kiện hiện nay, đồng thời cũng là những đóng góp cơ bản nhất cho cả quá trình hoàn thiện và xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.❑

ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN...

(Tiếp theo trang 41)

biến quá trình đào tạo thành *tự đào tạo* nhằm phát triển tư duy sáng tạo, khắc phục tình trạng thụ động trong dạy và học.

+ Đổi mới sinh hoạt của chi bộ. Cần kịp thời đưa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các chi bộ, mỗi đảng viên và làm rõ những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội để chi bộ, đảng viên biết, thảo luận, phân tích, phê phán, từ đó nâng cao trình độ nhận thức chính trị của đảng viên, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

+ Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, an ninh - quốc phòng, thực hiện tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung vào việc giáo dục đạo đức cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ, đảng viên, đồng thời với việc cải cách hành chính nhà nước, khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu dân, làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước *thật sự* trong sạch, vững mạnh. Có thể nói, thực hiện thắng lợi trên thực tiễn sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chính là vũ khí phê phán mạnh mẽ nhất đối với các quan điểm sai trái, thù địch.

Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận hiện nay tuy có nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng những tư tưởng sai trái chống phá Đảng ta, sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta của các thế lực thù địch và những kẻ cơ hội đã bị phê phán và nhất định thất bại. Không có thế lực nào có thể ngăn cản được sự nghiệp và mục tiêu cách mạng mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân ta lựa chọn. ❑

Digitized by Google

Giai cấp công nhân ở các nước tư bản trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa

NGUYỄN HOÀNG * - NGUYỄN THỊ QUẾ **

Đề cập đến khái niệm giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau như những cụm từ đồng nghĩa, có nội hàm giống nhau để chỉ giai cấp này, như: "giai cấp vô sản", "vô sản đại cơ khí", "vô sản đại công nghiệp", "giai cấp những người lao động", "giai cấp vô sản hiện đại", "giai cấp công nhân hiện đại",... Đương nhiên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học không dừng lại ở việc chỉ ra giai cấp công nhân là gì, mà quan trọng hơn là, giai cấp công nhân phải làm thế nào để tự giải phóng mình và sau khi thủ tiêu chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản sẽ đi tới thủ tiêu sự tồn tại của bản thân mình với tư cách là một giai cấp.

Những đặc trưng khái quát về giai cấp vô sản lần đầu tiên được C. Mác và Ph.Ăng-ghen chỉ ra tương đối đầy đủ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản:*

Thứ nhất, về nguồn gốc kinh tế, giai cấp vô sản ra đời gắn với nền đại công nghiệp, là sản phẩm của chính bản thân nền đại công nghiệp, nền sản xuất xã hội hóa ngày càng cao.

Thứ hai, về nguồn gốc xã hội, giai cấp vô sản được tuyển mộ từ tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Thứ ba, giai cấp vô sản không có tư liệu sản xuất; về lợi ích cơ bản, đối lập trực tiếp với giai cấp tư sản; giai cấp vô sản là hiện thân của phương thức sản xuất tiên tiến, có tinh thần quốc tế vô sản, tính tiên phong, tinh thần cách mạng triệt để, đoàn kết giai cấp, tính tổ chức kỷ luật cao.

Thứ tư, giai cấp vô sản có bản sắc dân tộc, do xuất thân từ mỗi dân tộc, trở thành "giai cấp dân tộc" và chịu trách nhiệm trước hết với dân tộc mình.

Những đặc trưng cơ bản của giai cấp vô sản mà C. Mác và Ph. Ăng-ghen nêu ra đã được V.I Lê-nin tiếp tục khẳng định, làm rõ và phát triển một cách sáng tạo. Đồng thời, V.I. Lê-nin nhấn mạnh thêm mặt bên trong, đến "tâm lý vô sản" của người công nhân. Đây là cơ sở để phân biệt giữa giai cấp vô sản hiện đại với tầng lớp "vô sản lưu manh" vốn là sản phẩm của sự đổ vỡ và thối nát của xã hội cũ. Dưới chủ nghĩa xã hội, khi đã trở thành giai cấp lãnh đạo thông qua chính đảng của mình, giai cấp công nhân có thêm một số đặc trưng cụ thể là: cùng toàn dân làm chủ các tư liệu sản xuất chính của xã hội;

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
** ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội bằng đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước của giai cấp công nhân.

Phân tích địa vị kinh tế - xã hội khách quan và đặc trưng của giai cấp công nhân, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã vạch rõ sứ mệnh lịch sử của nó. Đó là giai cấp duy nhất có khả năng đoàn kết, tổ chức, lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động làm cách mạng xã hội lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới trên nền tảng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, không có người bóc lột người. Ph. Ăng-ghen khẳng định: việc hoàn thành được kỳ công ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại. Còn theo Lê-nin, điều chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ học thuyết đó làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản hiện đại là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm kinh điển cơ bản về giai cấp công nhân cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị phương pháp luận khoa học để nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại trong điều kiện lịch sử mới. Tuy vậy, chung quanh khái niệm "giai cấp công nhân hiện đại", từ nhiều năm nay đã xuất hiện một số quan niệm khác nhau. *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học* xác định: Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân hay là giai cấp vô sản - đó là tổng hòa những người lao động làm thuê bị nhà tư sản bóc lột, là những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất (những vật thể và dịch vụ có tính chất vật chất) nhờ đủ loại công cụ lao động và thiết bị kỹ thuật. Đó là giai cấp đối địch với giai cấp tư sản, tiến hành đấu tranh chống tư sản một cách hoàn toàn hợp quy luật [1]. Một số nhà nghiên cứu khác lại đưa ra quan niệm: "giai cấp công nhân bao gồm cả một tầng lớp ngày càng đông đảo những công nhân lao động dịch vụ"...

Sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội loài người, nhất là ở các nước tư bản phát triển làm cho giai cấp công nhân trải qua những biến động cả về cơ cấu, số lượng và chất lượng. Những biến đổi về cơ cấu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp của giai cấp công nhân diễn ra theo chiều hướng tăng tỷ lệ công nhân trong các ngành dịch vụ và các ngành sản xuất công nghiệp có sử dụng công nghệ cao -"công nhân cổ trắng", giảm tỷ lệ lao động ở các ngành sản xuất công nghiệp truyền thống - "công nhân cổ xanh". Sự phân hóa về mức thu nhập giữa những người làm việc ở các ngành khác nhau cũng có xu hướng gia tăng nhanh chóng...

Trước những biến động ấy, các lý luận gia tư sản cho rằng, giai cấp công nhân hiện nay đang dần dần bị biến mất, "bị hòa tan" vào các giai cấp khác trong xã hội; rằng giai cấp công nhân hiện đại biến thành "giai cấp trung sản". Bên cạnh đó lại có quan điểm nhấn mạnh: trong điều kiện khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, sự kết tinh của trí tuệ trong một sản phẩm hàng hóa nhiều lên đòi hỏi người lao động phải có trình độ học vấn và chuyên môn cao, đã dẫn đến quá trình trí thức hóa công nhân. Quan điểm này muốn phủ nhận sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, việc trí thức hóa công nhân không có nghĩa là biến giai cấp công nhân thành trí thức và do đó không có nghĩa sứ mệnh lịch sử không còn thuộc về giai cấp công nhân.

Thực tế cho thấy, giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là lực lượng sản xuất vật chất chủ yếu, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ giai cấp

(1) *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1987, tr 83-84

Digitized by Google

công nhân hiện đại bao gồm đa số là công nhân kỹ thuật các loại trực tiếp tham gia sản xuất vật chất và những kỹ thuật viên, kỹ sư trực tiếp vận hành quy trình sản xuất. Mặt khác, do đòi hỏi của nền sản xuất hiện đại, nên cơ cấu giai cấp công nhân thế giới đang được bổ sung ngày càng nhiều những người lao động có trình độ học vấn cao mà một số công trình nghiên cứu gọi họ là "công nhân - trí thức" và "trí thức - công nhân". Bộ phận này vừa sản xuất, vừa phát minh lý thuyết. Ngoài ra, bộ phận công nhân dịch vụ ngày càng tăng trong các lĩnh vực liên quan đến các quy trình sản xuất có tính chất công nghiệp hiện đại. Bên cạnh các bộ phận công nhân như đã nêu, vẫn còn một bộ phận công nhân lao động giản đơn mà chủ yếu là ở các nước đang phát triển. Số liệu thống kê của Tổ chức Lao động thế giới (ILO) và Ngân hàng thế giới (WB) cho thấy, nếu năm 1900 trên thế giới mới có 80 triệu công nhân, đến năm 1990 có 615 triệu, thì năm 2003 con số đó đã lên đến trên 800 triệu người. Như vậy, giai cấp công nhân hiện đại vẫn tiếp tục phát triển chứ không hề bị thu hẹp hoặc bị "mất đi" như sự tuyên truyền của các học giả tư sản nhằm phủ nhận cơ sở xã hội giai cấp của các Đảng Cộng sản. Sự phát triển về số lượng và chất lượng lên một trình độ mới của giai cấp công nhân là hoàn toàn phù hợp với xu hướng chủ đạo trong lịch sử phát triển của giai cấp công nhân thế giới. Chất lượng của giai cấp công nhân ngày càng được nâng cao và được biểu hiện thông qua sự cải thiện rõ rệt về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, mức sống, điều kiện làm việc, v.v..

Cùng với sự biến đổi về cơ cấu và thành phần, trong nội bộ giai cấp công nhân cũng nảy sinh sự phân hóa không chỉ về thu nhập, mức sống, mà còn cả về lập trường quan điểm chính trị do thay đổi về nhu cầu lợi ích, quan niệm, hệ giá trị... Điều này đặt ra những vấn đề không đơn giản cho các Đảng Cộng sản, cho cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản hiện đại đồng thời làm xuất hiện một xu hướng nổi bật- sự đa dạng của các hình thức đấu tranh mới. Tuy cơ cấu giai cấp công nhân biến động mạnh mẽ, nhưng nó không xóa bỏ sự phân chia cơ bản về giai cấp - xã hội trong chủ nghĩa tư bản. Bán sức lao động vẫn là phương thức tồn tại và đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân hiện đại; chiếm đoạt giá trị thặng dư vẫn là nguồn thu nhập, nguồn sống cơ bản của giai cấp tư sản. Song, do mức độ xã hội hóa, toàn cầu hóa nền sản xuất ngày càng cao, nên không phải lúc nào người lao động làm thuê cũng nhận ra một cách trực tiếp và đầy đủ sự bóc lột ngày càng tinh vi của giới chủ tư bản.

Trên cơ sở quan điểm tiếp cận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về giai cấp công nhân và những biểu hiện mới của nó trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay, có thể thấy: *Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân bao gồm những người lao động sản xuất vật chất là chủ yếu trong các quy trình sản xuất và các hoạt động dịch vụ trực tiếp trong công nghiệp hay có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại. Họ là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất chủ yếu, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Họ là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến trong xã hội tư bản, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội, là động lực chính của tiến trình lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.* Quan niệm này vừa phản ánh được những tiêu chí đặc trưng của giai cấp công nhân, vừa phản ánh quá trình phát triển, biến động của giai cấp công nhân hiện đại; đồng thời cũng phù hợp với nguyên tắc cơ bản của phương pháp luận duy vật lịch sử.

Digitized by Google

Sự thâm nhập của khoa học và công nghệ vào quá trình sản xuất, quản lý và phân phối đã làm thay đổi mạnh cơ cấu việc làm. Nếu giai cấp vô sản thế kỷ XIX được hợp thành bởi 3 bộ phận: vô sản công nghiệp, vô sản hầm mỏ và vô sản nông nghiệp, thì dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại, giai cấp công nhân có cả ở 3 khu vực: khu vực I (ngành nông, lâm, ngư); khu vực II (khai thác, chế tạo, xây dựng); khu vực III (ngành kinh tế phục vụ, dịch vụ). Giai cấp công nhân đang biến động mạnh theo hướng giảm trong từng ngành, từng bộ phận ở khu vực I, II, tăng ở khu vực III tại những nước tư bản phát triển nhất.

Sự bùng nổ các tiến bộ khoa học và công nghệ, đặc biệt trên lĩnh vực tin học và điều khiển học đã làm cho việc sử dụng nhân lực trong sản xuất kinh doanh khác trước rất nhiều. Trung tâm của quá trình sản xuất dần dần sẽ không phải là người công nhân thực hiện những mệnh lệnh từ trên xuống, mà là người lao động hoàn toàn độc lập với tính sáng tạo và tính chủ động cao. Nhiều chức năng sản xuất trước đây do lao động sống thực hiện giờ đây đã được chuyển giao cho máy móc và các thiết bị kỹ thuật. Điều này hoàn toàn phù hợp với những dự kiến của C. Mác và Ph. Ăng-ghen khi dự kiến về nền sản xuất tương lai, trong đó "khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp". Một nền sản xuất tự động hóa cao cho phép người lao động tách khỏi quá trình sản xuất trực tiếp, trở thành những người điều khiển sản xuất.

Với những thay đổi như trên, lao động trí óc tăng và dần thay thế lao động giản đơn, cơ bắp, số lượng công nhân truyền thống giảm dần và thay thế vào đó là công nhân các ngành mới. Trong các ngành mới, sự thể hiện rõ nét đầu tiên là tính đa dạng của các ngành nghề, đặc biệt là ở các quốc gia hàng đầu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Khoa học và công nghệ tác động trực tiếp vào quá trình sản xuất làm giảm bớt đáng kể chi phí năng lượng, nguyên liệu và sức lao động bằng cách thay thế lao động sống bằng lao động vật hóa, nhiều chức năng trí tuệ của con người được chuyển giao cho phương tiện kỹ thuật. Trên cơ sở đó, xuất hiện một lớp công nhân lao động mới có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu, rộng. Đây là đòi hỏi tất yếu trong quá trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền sản xuất hiện đại.

Như vậy, trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa, cùng với những điều chỉnh của nhà nước tư sản, thì cơ cấu số lượng của giai cấp công nhân biến động tăng, giảm ở từng ngành, nghề, khu vực khác nhau. Song thực tiễn đã chứng minh *vai trò của giai cấp công nhân trong mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội là rất to lớn và không suy giảm.* Sẽ không đúng nếu nghiên cứu giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển mà không tính cả lực lượng rất lớn lao động từ các bộ phận khác như nhân viên hành chính, dịch vụ tri thức... bị vô sản hóa thông qua chế độ tiền công, ngày làm việc, điều kiện và nội dung công việc cũng như quan hệ của họ với giới chủ. Cũng sẽ là sai lầm nếu tách ra khỏi giai cấp công nhân những công nhân bị thất nghiệp, nửa thất nghiệp hoặc có việc làm bấp bênh (làm theo mùa vụ, làm việc không trọn ngày...). Số này vốn là hiện tượng phổ biến trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa, giai cấp công nhân không chỉ biến động về số lượng theo hướng tăng lên mà chất lượng cũng được nâng cao. Do làm việc trong điều kiện máy móc hiện đại với cường độ trí tuệ và năng lực cao; do phải "chạy đua" với đội quân thất nghiệp ngày càng hùng hậu; do phải bươn chải để khỏi bị chìm xuống đáy xã hội, người công nhân buộc phải nâng cao

Digitized by Google

trình độ học vấn, chuyên môn. Ngày nay, đối với người lao động nói chung, giai cấp công nhân nói riêng, phẩm chất quan trọng nhất là tính linh hoạt, sáng tạo và cơ động về nghề nghiệp. Tức là năng lực được đào tạo lại nhanh chóng, thậm chí thay đổi nghề khi cần thiết. Những yếu tố bắt buộc phải có là trình độ giáo dục chung vững chắc, sự đào tạo nghề nghiệp rộng rãi và trình độ văn hóa - kỹ thuật cao, kỹ năng đổi mới và bổ sung tri thức nhanh chóng trong mọi lĩnh vực hoạt động. Người công nhân phải có khả năng tư duy kinh tế, làm việc trong tập thể sáng tạo, hiểu biết về marketing, có tính kỷ luật, có đầu óc nhạy bén, có năng lực phân tích và phán đoán độc lập, trách nhiệm cao, và, ngoài ra còn cần có sự hiểu biết về mặt xã hội. Chỉ như vậy, người công nhân mới có chỗ đứng ổn định trong nền sản xuất hiện đại.

Quá trình vận động của giai cấp công nhân, như phân tích ở trên, chứng tỏ giai cấp công nhân vẫn luôn là lực lượng tiên tiến của xã hội, không chỉ trong thời kỳ đại công nghiệp mà cả ở thời đại khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa. Mặt khác, cũng không thể phủ nhận sự biến động trong thành phần của giai cấp công nhân hiện đại đã làm thay đổi nhất định điều kiện kinh tế, xã hội của từng bộ phận công nhân. Tỷ trọng "công nhân cổ trắng" tăng lên nhanh chóng có nghĩa là giai cấp công nhân trở nên có học thức hơn, có ý thức hơn và điều đó cũng xác nhận xu hướng ra đời "công nhân trí óc" theo quan điểm của Ph. Ăng-ghen và "giai cấp vô sản kỹ thuật" như V.I. Lê-nin đã từng nêu. Giai cấp công nhân rõ ràng đã mở rộng vượt khỏi phạm trù nghề nghiệp của vô sản công nghiệp, cái đặc tả những người vô sản không phải là tính chất nghề nghiệp mà là vị trí xã hội của họ như là lao động ăn lương. Sự thu nhỏ của giai cấp công nhân công nghiệp có nghĩa là sự lớn lên của giai cấp này ở những ngành nghề mới. Điểm cơ bản của giai cấp công nhân là bán sức lao động có tính sản xuất vật chất hay phi sản xuất vật chất để lấy lương. Đó là một trong những đặc điểm bất biến của giai cấp công nhân. Bởi vậy, xác định giai cấp công nhân không phải dựa vào thu nhập mà dựa vào nguồn gốc thu nhập, dù nó là lương hay tài sản và được gắn với quan hệ sản xuất. Thu nhập cao hơn cho các công nhân không làm thay đổi quan hệ bị bóc lột của họ.

Như vậy, sự thay đổi cơ cấu kinh tế trong chủ nghĩa tư bản đã dẫn đến sự biến động về kết cấu nội bộ giai cấp công nhân chứ không làm thay đổi tính chất làm thuê của công nhân hiện đại, không có nghĩa là "giai cấp công nhân sụp đổ". Khoa học - công nghệ phát triển và được ứng dụng làm cho lực lượng lao động không ngừng đổi mới, lao động trí óc và lao động chân tay xâm nhập vào nhau nhiều hơn. Tỷ lệ giữa người lao động trí óc và người lao động chân tay thay đổi chỉ là biểu hiện của sự thay đổi phương thức lao động trong nội bộ giai cấp công nhân. Trình độ xã hội hóa sản xuất ngày càng cao dẫn đến việc mở rộng "hạt nhân" của giai cấp công nhân là hoàn toàn khách quan, đội ngũ công nhân được mở rộng tới những người sử dụng máy tính, xử lý thông tin, tư vấn kỹ thuật, các ngành dịch vụ sản xuất công nghiệp... Những biến đổi này không hề làm thay đổi bản chất, địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân. Đây là cái cốt lõi quy định sứ mệnh lịch sử thế giới của họ. Tuy nhiên, sự biến đổi trong cơ cấu giai cấp công nhân hiện đại góp phần hình thành những mâu thuẫn mới phức tạp trong xã hội tư bản đương đại, quy định tính chất cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp hơn đối với các Đảng Cộng sản và phong trào cộng sản - công nhân quốc tế hiện nay.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN VĂN TÍNH *

HẢI quân Nhân dân Việt Nam ra đời ngày 7-5-1955, đến nay đã tròn 50 năm. Trải qua nửa thế kỷ xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, với sự đoàn kết, hiệp đồng công tác của các đơn vị bạn, sự thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân cả nước, sự nỗ lực của các thế hệ cán bộ, chiến sỹ, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, mưu trí, sáng tạo, lập nên những chiến công oanh liệt: đánh thắng trận đầu ngày 2 và 5 tháng 8-1964 tại Vịnh Bắc Bộ, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ; làm nòng cốt đánh bại cuộc phong tỏa chiến lược bằng thủy lôi của Mỹ đối với miền Bắc; sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh, gian khổ mở đường Hồ Chí Minh trên biển, chi viện đắc lực cho chiến trường miền Nam; sáng tạo ra cách đánh dưới nước độc đáo của Đặc công Hải quân, đạt hiệu suất chiến đấu cao trên chiến trường sông biển miền Nam; phối hợp với một bộ phận lực lượng vũ trang Quân khu 5 *thần tốc, táo bạo, bất ngờ* giải phóng quần đảo Trường Sa, các đảo ven biển miền Trung và quần đảo Tây Nam; hoàn thành nghĩa vụ quốc tế với Lào và Cam-pu-chia; thực sự là lực lượng nòng cốt bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trải qua 50 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"; được tặng thưởng 1 Huân chương Sao vàng, 1 Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Độc lập; có 57 lượt đơn vị và 31 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động. Quân chủng Hải quân đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang: *Chiến đấu anh dũng, mưu trí sáng tạo, làm chủ vùng biển, quyết chiến quyết thắng.*

Một trong những bài học kinh nghiệm sâu sắc và quan trọng nhất quyết định sự trưởng thành và chiến thắng của Hải quân Nhân dân Việt Nam trong suốt 50 năm qua là: *Xây dựng*

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Đô đốc, Phó Tư lệnh Chính trị Quân chủng Hải quân

Digitized by Google

Quân chủng vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu.

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc gắn với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế biển, bảo vệ lợi ích quốc gia, tài nguyên và môi trường sinh thái biển đang đặt ra những yêu cầu mới hết sức cấp bách, nhất là trong tình hình hiện nay, tranh chấp chủ quyền trên các vùng biển, đảo của ta ở biển Đông vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, khó lường. Vì vậy, nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh trên các vùng biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc càng trở nên quan trọng.

Hải quân Nhân dân Việt Nam là một quân chủng chiến đấu, quân chủng kỹ thuật; nhiệm vụ chủ yếu là sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, làm nòng cốt bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc trên các vùng biển, đảo, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên biển. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đó, đòi hỏi phải xây dựng Quân chủng vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trước hết là về mặt chính trị. Đây là một vấn đề mang tính nguyên tắc, là yêu cầu quan trọng hàng đầu, vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi mà cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng đang diễn ra quyết liệt và phức tạp với những nội dung và hình thức mới; khi mà các thế lực thù địch với âm mưu nhằm "phi chính trị hóa quân đội", vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng, chia rẽ Đảng, Quân đội, nhân dân, làm cho cán bộ, chiến sỹ "tự diễn biến", phai nhạt mục tiêu, lý tưởng chiến đấu. Vì vậy, hơn bao giờ hết, phải xây dựng Quân chủng vững mạnh về chính trị để cán bộ, chiến sỹ Hải quân không những giỏi tác chiến trên mặt trận quân sự, mà còn giỏi tác chiến trên cả mặt trận chính trị, tư tưởng, góp phần đánh thắng mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt và thâm độc của kẻ địch. Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX đã xác định: "Phải đặc biệt coi trọng xây dựng tiềm lực chính trị, nâng cao sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân ta".

Xây dựng Hải quân Nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung chính sau:

Trước hết, *thường xuyên tăng cường công tác chính trị, tư tưởng; giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước, lập trường giai cấp công nhân, mục tiêu, lý tưởng cách mạng và truyền thống dân tộc, truyền thống Quân đội, Quân chủng cho cán bộ, chiến sỹ.*

Vấn đề cốt lõi là tập trung nâng cao chất lượng chính trị của Quân chủng lên một bước mới, toàn diện, cơ bản và vững chắc hơn, nhất là về lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng của người quân nhân.

Trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải coi trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng và hướng dẫn hành động cho bộ đội; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thường xuyên, cơ bản với tổ chức nghiêm túc, có chất lượng các đợt học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc và thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới,* gắn với thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Đảng ủy Quân chủng.

Digitized by Google

Do các lực lượng trong Quân chủng thực hiện những nhiệm vụ khác nhau, lại đóng quân trên nhiều địa bàn, trải dài theo chiều dài đất nước, ở gần các trung tâm kinh tế - xã hội, ở các đảo xa, núi cao, nhà giàn, làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu dài ngày trên biển, tính chất độc lập cao, trong điều kiện có nhiều khó khăn, gian khổ và thiếu thốn, nên công tác chính trị, tư tưởng phải phù hợp, sát đúng với từng đối tượng. Chú trọng cả nâng cao nhận thức chính trị và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Bằng những thông tin nhiều chiều, có định hướng, phân tích làm rõ tính chất phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc; tính chất đan xen phức tạp giữa thời cơ và thách thức, giữa thuận lợi và khó khăn của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tính chất phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Xây dựng cho bộ đội có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; ý chí quyết tâm chiến đấu và ý thức cảnh giác chính trị cao; nhạy bén, sắc sảo trong nắm bắt và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, kiên quyết trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, tỉnh táo trong xử lý chuẩn xác những tình huống phức tạp trên biển, đảo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chủ động phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với mọi tình huống, không để bị bất ngờ về mặt tư tưởng.

Coi trọng giáo dục truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và những kinh nghiệm chiến đấu của cha ông trên chiến trường sông biển, đặc biệt là kinh nghiệm và truyền thống anh hùng của Quân chủng trong suốt 50 năm qua. Từ đó, củng cố niềm tin vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng, củng cố niềm tin, ý chí quyết tâm dám đánh, quyết đánh và biết đánh thắng cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của địch; đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện giảm sút ý chí chiến đấu, trung bình chủ nghĩa, thiếu trách nhiệm chính trị, vi phạm nguyên tắc và những tác động, ảnh hưởng lây lan của các biểu hiện tiêu cực, văn hóa xấu, độc hại đến đơn vị; góp phần làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ và "phi chính trị hóa quân đội" của các thế lực thù địch.

Hai là, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, nhất là tổ chức đảng ở cơ sở.

Đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng hàng đầu và cấp bách hiện nay trong xây dựng Đảng bộ Quân chủng.

Tập trung lãnh đạo xây dựng các tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, trước hết coi trọng xây dựng về chính trị, nhất là các chi bộ tàu chiến đấu, đại đội chiến đấu, đảo, nhà giàn, đơn vị quản lý nhiều trang bị kỹ thuật, vật tư, tài chính, kho, đơn vị làm kinh tế... Duy trì chặt chẽ nền nếp, chế độ sinh hoạt, học tập của cấp ủy và các tổ chức đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa lãnh đạo với chỉ huy. Gắn xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, các tổ chức quần chúng mạnh, hoạt động đúng chức năng. Nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, trước hết là năng lực tổ chức thực hiện sau khi đã có nghị quyết cho cấp ủy và cán bộ chủ trì các cấp, năng lực lãnh đạo khắc phục khâu yếu, mặt yếu; tạo sự chuyển biến thực sự về chất lượng chính trị của từng đơn vị, cũng như của toàn Quân chủng.

Chăm lo xây dựng mối đoàn kết, thống nhất trong các cấp ủy trên cơ sở nguyên tắc, quy định của Đảng. Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung đầy đủ, cụ thể quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo của cấp ủy các cấp theo Quy định số 81 của Đảng ủy Quân sự Trung ương, bảo

Digitized by Google

đảm sự lãnh đạo toàn diện, vững chắc của cấp ủy, chi bộ trên các lĩnh vực, các hoạt động của đơn vị.

Ba là, *nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ trong Quân chủng.*

Đây là vấn đề có tính quyết định trực tiếp đến chất lượng của các tổ chức đảng và toàn Đảng bộ, chất lượng của Quân chủng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp về số lượng, có cơ cấu hợp lý, cân đối, đồng bộ và chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Thực hiện tốt việc cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ ở các cấp, các ngành, các loại hình đơn vị và bồi dưỡng cán bộ theo phân cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng Quân chủng. Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự tiền phong gương mẫu về nhận thức tư tưởng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết tâm cao; giỏi về chỉ huy, huấn luyện, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý bộ đội; có khả năng vận động, thuyết phục quần chúng; có ý thức cảnh giác cách mạng cao, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, có tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và phát huy sức mạnh của tập thể, chăm lo xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh, xứng đáng vừa là người cán bộ, vừa là người chiến sỹ tiên phong trên mặt trận chính trị, tư tưởng.

Quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên về chính trị, tư tưởng và các mối quan hệ gia đình, xã hội. Làm tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên, nhất là đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Nâng cao tỷ lệ lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, trước hết là các tổ chức đảng ở các đơn vị tàu chiến đấu, đại đội chiến đấu đủ quân, đảo, nhà giàn, đài trạm ra đa, đơn vị thường xuyên làm nhiệm vụ phân tán, độc lập, bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của các chi bộ trong mọi tình huống.

Bốn là, *tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, tác phong công tác; chỉ đạo tốt việc đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân chủng, tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng.*

Chủ động, nhanh nhạy trong nắm bắt, phát hiện tình hình; sâu sát cơ sở, sát thực tiễn đơn vị, sát cán bộ, đảng viên, quần chúng; phân công nhiệm vụ cụ thể gắn với chức trách, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nghị quyết để có biện pháp lãnh đạo kịp thời. Khắc phục tình trạng giản đơn, ỷ lại, nói nhưng không làm, không lắng nghe ý kiến đóng góp của cấp dưới. Phát huy vai trò của các cơ quan chức năng trong hướng dẫn, kiểm tra đơn vị; làm chuyển biến khâu yếu trong quy trình lãnh đạo; nâng cao chất lượng ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của chi bộ, tránh dàn trải, rập khuôn, máy móc, hình thức, kém hiệu quả; chống quan liêu, độc đoán, quân phiệt.

Gắn thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa IX trong Đảng bộ với chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân chủng.

*

* *

Xây dựng Quân chủng Hải quân vững mạnh về chính trị phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, kiên trì, nhanh, nhạy, kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ, chính sách, thi đua - khen thưởng. Đồng thời, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tiếp tục củng cố niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng; củng cố, xây dựng mối đoàn kết, thống nhất với cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương nơi đóng quân, góp phần xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, địa bàn đóng quân an toàn. ❑

Digitized by Google

NGÀNH THAN qua 10 năm hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 91

NGUYỄN VĂN LONG *

NGÀNH công nghiệp khai khoáng nước ta có bề dày lịch sử đáng tự hào, trong đó, ngành than với lịch sử phát triển trên 100 năm đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học - kỹ thuật, đã xuất hiện nhiều nguồn năng lượng mới nhưng vẫn không đủ để thay thế năng lượng được cung cấp từ than đá. Nhận thức rõ tầm quan trọng của ngành công nghiệp này, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm thích đáng đến sự phát triển của ngành than. Nhất là trong thời kỳ đổi mới, sự quan tâm ấy càng thể hiện rất rõ nét. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng ghi rõ: "Phát triển ngành *than* hướng vào tăng công suất hiện có bằng phục hồi, cải tạo, mở rộng một số mỏ. Duy trì công suất các mỏ đang khai thác. Năm 2000 đạt khoảng 10 triệu tấn than sạch" (1). Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) định hướng: *"Ngành than*, mở rộng thị trường tiêu thụ than trong và ngoài nước để tăng nhu cầu sử dụng than, bố trí sản xuất than hợp lý giữa cung và cầu. Thực hiện chủ trương đầu tư có trọng điểm, đổi mới công nghệ, nâng cao tính an toàn trong sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc của công nhân ngành than. Dự kiến sản lượng than năm 2005 khoảng 15 - 16 triệu tấn" (2). Dựa trên sự định hướng đúng đắn đó, Tổng Công ty Than Việt Nam đã khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, chủ động vươn lên vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thành công chiến lược phát triển chung của toàn ngành. Mười năm gần đây, (1994 - 2004), tập thể cán bộ, công nhân viên chức ngành than với truyền thống "kỷ luật và đồng tâm" đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh và đời sống, tạo được tiền đề quan trọng cho bước phát triển tiếp theo, chứng minh sinh động sự định hướng đúng đắn của Đảng đối với sự phát triển của ngành.

Qua thực tiễn 10 năm hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 91, Tổng Công ty Than Việt Nam rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

1 - Xây dựng và kiên trì thực hiện chiến lược phát triển theo đúng định hướng của Đảng

Vào thời điểm những năm 1990 - 1994, ngành than rơi vào tình trạng khó khăn do thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm, nạn khai thác kinh doanh than trái phép, sự lũng đoạn thị trường tiêu thụ than của các "đầu nậu"...

---

* Bí thư Ban Cán sự Đảng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 182

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 284

Digitized by Google

Khó khăn khách quan cộng với những khuyết điểm, thiếu sót trong quá trình quản lý đã đẩy ngành than tới tình trạng sản xuất kinh doanh giảm sút, kém hiệu quả.

Ngay sau khi Tổng Công ty Than Việt Nam được thành lập (ngày 10-10-1994) theo mô hình Tổng Công ty 91, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã đề ra chiến lược phát triển là: Kinh doanh đa ngành trên nền công nghiệp than. Đây được coi là một yêu cầu khách quan, phù hợp với xu thế phát triển chung trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và là điều kiện bảo đảm sự phát triển bền vững đội ngũ công nhân mỏ. Trong đó, khâu đột phá là xây dựng và thực hiện chiến lược thị trường đồng bộ cả trước mắt và lâu dài, tìm "đầu ra" cho sản phẩm, với phương châm hành động: *cùng phát triển với bạn hàng*. Theo đó, một mặt tập trung xuất khẩu than dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Công ty, chủ động mở rộng tiếp xúc với các bạn hàng, ký kết các hợp đồng 3 năm, 5 năm, 10 năm, 14 năm..., cam kết cung ứng ổn định cả về khối lượng và chất lượng, cải thiện điều kiện giao hàng và thực hiện cơ chế giá cả mềm dẻo, cạnh tranh. Mặt khác, tăng cường kiểm soát thị trường trong nước, đàm phán ký các hợp đồng cung ứng dài hạn với các hộ sử dụng nhiều than; phối hợp với các ngành vận tải đưa than đến tận nơi sử dụng; mở rộng mạng lưới cung ứng than đến các tỉnh, thành phố trong cả nước, coi trọng đúng mức thị trường nông thôn, miền núi...

Nhờ có chiến lược thị trường đúng nên khối lượng than được tiêu thụ năm sau đạt cao hơn năm trước. Năm 1995 - năm đầu tiên hoạt động, khối lượng than tiêu thụ đạt 7.591.000 tấn, tăng gần 1,6 triệu tấn so với năm 1994; năm 1996 đạt 9.741.000 tấn, tăng 2.150.000 tấn so với năm 1995.

Năm 1997, toàn ngành đã thực hiện được ước mơ suốt mấy chục năm của nhiều thế hệ thợ mỏ: Tiêu thụ đạt 10.779.000 tấn, tăng 11% so với năm 1996 và bằng 1,7 lần năm 1994. Đối chiếu với chỉ tiêu sản lượng than mà Đại hội VIII của Đảng đề ra cho năm 2000, Tổng Công ty đã hoàn thành sớm hơn 3 năm.

Năm 1998, mặc dù cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á đã ảnh hưởng nặng nề đến các nước nhập khẩu than của Việt Nam, nhưng thị phần than an-tra-xit buôn bán trên thế giới của than Việt Nam vẫn giữ được từ 25% đến 30%. Năm 1999, nhu cầu sử dụng than trong nước giảm so với năm 1998 trên 1.000.000 tấn, Tổng Công ty phải tạm thời giãn sản xuất để giải quyết tồn kho, giảm ứ đọng vốn. Năm 2000 đạt 11.404.000 tấn; năm 2001 đạt 13.046.000 tấn; năm 2002 đạt 14.843.000 tấn. Đặc biệt, năm 2003, vào ngày 21-11, Tổng Công ty đã giao tấn than thứ 16 triệu cho khách hàng, hoàn thành chỉ tiêu sản lượng than mà Đại hội IX của Đảng đề ra cho năm 2005 sớm hơn 2 năm, ghi một mốc son mới, có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử phát triển của ngành. Trong năm 2003, đã tiêu thụ được 18.094.000 tấn, trong đó xuất khẩu đạt 6.500.000 tấn. Năm 2004, sản lượng than sản xuất tăng 4 lần so với năm 1994; doanh thu dự kiến đạt 15.000 tỉ đồng.

Như vậy, qua hai kỳ Đại hội của Đảng, Tổng Công ty Than Việt Nam đều thực hiện thắng lợi chỉ tiêu sản lượng than và về trước kế hoạch được giao.

2 - Thực hiện đồng bộ các biện pháp, ngăn chặn và đẩy lùi nạn khai thác than trái phép, lập lại trật tự trong khai thác, kinh doanh than

Tới thời điểm cuối năm 1994, tình hình khai thác than trái phép ở Quảng Ninh tái phát rầm rộ, làm rối loạn vùng mỏ, gây mất cân bằng cung - cầu than trên thị trường, vừa không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng than, gây nhiều tai nạn nghiêm trọng do khai thác bừa bãi. Thực hiện Quyết định số 381/TTg và

Digitized by Google

các Chỉ thị số 382/TTg, 417/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc lập lại trật tự trong khai thác, kinh doanh than, Tổng Công ty và các doanh nghiệp thành viên đã tăng cường quản lý nội bộ, đồng thời chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành liên quan áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý tổng hợp về hành chính - kinh tế - kỹ thuật và tổ chức, trong đó coi trọng công tác "Chiếm lĩnh khai trường của cai than, từng bước tổ chức lại sản xuất tại khai trường đó", đánh sập hàng nghìn lò than bất hợp pháp trong ranh giới mỏ, đưa lực lượng các mỏ vào chiếm giữ và tổ chức khai thác, không để khai thác, kinh doanh than trái phép tồn tại. Mặt khác, tổ chức lại khâu tiêu thụ, quản lý chặt các kho bãi, bến cảng, ngăn không cho các "cai than" xen vào thị trường tiêu thụ. Cuối tháng 4-1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định đình chỉ kinh doanh than đối với các doanh nghiệp không thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam; đồng thời, tổng kiểm kê toàn bộ sản lượng than khai thác trái phép và giao cho Tổng Công ty Than tiêu thụ. Tất cả các biện pháp đó đã giúp cho ngành than từng bước đẩy lùi nạn khai thác và kinh doanh than trái phép. Đây là thành công to lớn của sự phối hợp chặt chẽ, kiên quyết, khôn khéo giữa ngành và địa phương.

Cùng với thành công về lập lại trật tự trong khai thác và kinh doanh than, việc quản trị tài nguyên trong quá trình thăm dò và khai thác than cũng được đổi mới. Công tác thu thập, phân tích, đánh giá các tài liệu, báo cáo địa chất đã có, tính toán lại trữ lượng theo quan điểm kinh doanh; công tác điều tra, khảo sát, thăm dò bổ sung, thăm dò mới và công tác cập nhật địa chất... đã tiến một bước quan trọng so với trước đây nhờ sự đổi mới tư duy và ứng dụng công nghệ theo kinh nghiệm của các nước tiên tiến, đáp ứng tích cực hơn, chủ động hơn cho việc lập kế hoạch khai thác hằng năm ở các mỏ.

3 - Đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ vì sự phát triển của toàn ngành trong giai đoạn trước mắt và lâu dài

Mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển ngành đã và đang được Tổng Công ty quan tâm giải quyết từng bước là chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất; đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ, xây dựng hệ thống mỏ mới; đầu tư phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác; đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện; đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ mới; đầu tư hợp tác kinh doanh, liên doanh trong nước và nước ngoài v.v..

Trên cơ sở dự báo, từ sau năm 2020, công nghệ khai thác than chủ yếu là công nghệ hầm lò, Tổng Công ty đã và đang tập trung đầu tư, nghiên cứu đổi mới công nghệ khai thác ở các mỏ than hầm lò, xây dựng các mỏ mới theo hướng hiện đại hóa quá trình đào lò xây dựng cơ bản và lò khai thác. Theo đó, Tổng Công ty mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp Trung Quốc đưa cột chống thủy lực và giá thủy lực di động vào sử dụng rộng rãi tại các lò chợ của các Công ty than Vàng Danh, Khe Chàm, Mạo Khê, Hà Lầm, Thống Nhất, Uông Bí để thay cho gỗ chống lò, cải thiện điều kiện làm việc của thợ mỏ. Đồng thời tích cực thực hiện các đề tài: sử dụng máy khai thác liên hợp, máy đào lò liên hợp; phát hiện, phân loại và kiểm soát khí nổ trong hầm lò... Hướng phát triển công nghệ đối với khai thác than lộ thiên là tăng chiều sâu khai thác để kéo dài tuổi thọ của các mỏ; sử dụng máy xúc gầu ngược, ô-tô tự đổ trọng tải lớn đến 55 tấn, xe ủi có công suất lớn; hợp lý hóa công việc khoan nổ mìn... Nhờ thực hiện các giải pháp đồng bộ, sản lượng than hằng năm của các công ty đã tăng từ 1,5 triệu tấn đến 2 triệu tấn/năm. Các công ty được coi là có nhiều khó khăn như Uông Bí, Mông Dương... cũng đã vươn lên đạt tới

Digitized by Google

ngưỡng trên 1 triệu tấn than/năm. Các nhà máy tuyển than đã nghiên cứu, chế tạo và đưa vào sử dụng các lưới sàng hợp lý để cho ra các sản phẩm than phù hợp với yêu cầu của khách hàng, góp phần bảo vệ môi trường.

Cùng với đổi mới công nghệ sản xuất, Tổng Công ty đã thực hiện việc sử dụng công nghệ tin học trong quản trị tài nguyên, quản trị doanh nghiệp từ khâu thăm dò, lập báo cáo địa chất đến quản lý kỹ thuật, cung ứng vật tư, quản trị tài chính và nhân lực. Đồng thời Tổng công ty đã tự sản xuất và sử dụng có hiệu quả vật liệu nổ chịu nước ở các mỏ lộ thiên, vật liệu nổ an toàn đối với khí nổ, bụi nổ trong các mỏ hầm lò; thiết lập các trạm quan trắc để kiểm soát môi trường một cách thường xuyên, chặt chẽ ở tất cả những vùng có khai thác than.

Công tác đầu tư xây dựng trong những năm qua thực sự có hiệu quả, đã bám sát tổng sơ đồ phát triển ngành than và chiến lược phát triển của Tổng Công ty. Nhờ đó sau 10 năm hoạt động (1994 - 2003) kết quả sản xuất kinh doanh đã có bước nhảy vọt đáng khích lệ. Sản lượng than sản xuất năm 2003 tăng hơn 3 lần so với năm 1994, trong khi đó lực lượng lao động tăng không đáng kể

4 - Đổi mới tổ chức và quản lý để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), Tổng Công ty đã xây dựng chương trình hành động nhằm mục tiêu đổi mới tổ chức và đổi mới quản trị kinh doanh, chuyển dần Tổng Công ty sang hoạt động theo mô hình "Công ty mẹ - Công ty con"; thực hiện cơ chế khoán chi phí sản xuất, lưu thông và lãi định mức cho các đơn vị thành viên. Vấn đề mang tính chiến lược này đã được Tổng Công ty quan tâm chỉ đạo để nhằm mục tiêu đạt giá thành hợp lý của các sản phẩm và dịch vụ, qua đó tạo ra và nâng cao sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và toàn ngành. Kết quả là, hằng năm đã cắt giảm chi phí, hạ giá thành trong biên độ từ 1% đến 3% so với năm trước. Nhờ thực hiện tốt cơ chế khoán chi phí, tất cả các công ty thành viên trong Tổng Công ty đều tự cân đối được tài chính và có lãi ở mức độ khác nhau. Mức lãi của toàn Tổng Công ty đạt 437,89 tỉ đồng, tăng 25% so với năm 2002. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 13,7%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh là 14,9%. Tổng số tiền tiết kiệm năm 2003 đạt trên 87,443 tỉ đồng. Năm 2004, cơ chế khoán chi phí tiếp tục được duy trì và hoàn thiện thêm một bước.

Cùng với việc ký hợp đồng sản xuất kinh doanh giữa Tổng Công ty với các công ty thành viên; hợp đồng trách nhiệm giữa Tổng giám đốc với giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng ban trong Tổng Công ty để bảo đảm sự công bằng và tạo động lực sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, qua đó lựa chọn đúng cán bộ cho chiến lược phát triển. Tổng Công ty nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều quy chế, quy định phù hợp với từng lĩnh vực quản lý trong từng thời kỳ, từng năm, đảm bảo cho mọi hoạt động từ Tổng Công ty tới các đơn vị thành viên đi đúng quỹ đạo và đạt hiệu quả.

5 - Tổ chức lao động hợp lý, giải quyết khá thành công vấn đề lao động dôi dư, góp phần tích cực vào sự ổn định của vùng mỏ

Tổng Công ty Than Việt Nam là doanh nghiệp quản lý và sử dụng một nguồn nhân lực khá lớn. Trong những năm qua, Tổng Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp sắp xếp hợp lý lao động ở các khâu sản xuất chính, mở rộng thị trường để tăng tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất than. Mặt khác, chủ động chuyển dịch cơ cấu lao động, đầu tư phát triển các ngành nghề khác theo hướng phát triển kinh doanh đa ngành để tạo thêm thị trường tiêu thụ than như xây dựng các nhà máy nhiệt điện; đẩy mạnh

Digitized by Google

sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ khoan nổ mìn; sản xuất xi măng, sản xuất cơ khí, tự lắp ráp xe ô-tô chuyên dụng; đẩy mạnh các hoạt động thương mại và dịch vụ... Nhờ đó đã tạo việc làm ổn định cho gần 9 vạn lao động, góp phần giảm bớt sức ép về lao động và việc làm trên địa bàn vùng than, nhất là vùng than Quảng Ninh, nâng tỷ trọng doanh thu của các ngành nghề khác so với doanh thu từ than từ 22%/78% và 31%/69% những năm trước đây lên 40%/60% trong năm 2003. Thu nhập của người lao động không ngừng được cải thiện, tiền lương thực tế của năm 2003 tăng gấp 3,8 lần so với năm 1994. Ngoài tiền lương, chế độ thưởng tiết kiệm vật tư, thưởng năng suất, thưởng chất lượng v.v.. của các tập thể, cá nhân đã góp phần ổn định và nâng cao đời sống của thợ mỏ. Bữa ăn giữa ca, sau ca sản xuất ngày càng được cải thiện cả về số lượng và chất lượng, v.v.. Điều kiện làm việc, học tập, đi lại, khám chữa bệnh, vui chơi giải trí được chăm lo chu đáo, công nhân, viên chức ngày càng gắn bó hơn với sản xuất, xí nghiệp, tạo sự ổn định ngay trong mỗi doanh nghiệp nói riêng và toàn vùng mỏ nói chung.

6 - Bảo vệ tốt môi trường vì sự phát triển bền vững của công nghiệp than

Một trong những mục tiêu phát triển bền vững của ngành có tính chất sống còn là bảo vệ môi trường Thời kỳ trước năm 1995 do sự thiếu quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường cộng với nạn khai thác than trái phép đã làm cho môi trường vùng mỏ bị suy thoái nghiêm trọng. Để khắc phục tình trạng trên, Tổng Công ty đã chủ động phối hợp với địa phương làm tốt công tác giáo dục môi trường trong cộng đồng. Sau nhiều năm kiên trì thực hiện, nhận thức của công nhân, viên chức về môi trường, về bảo vệ và cải tạo môi trường đã được nâng lên rõ rệt. Tổng Công ty đã thực hiện đề tài tổng thể đánh giá tác động môi trường vùng than Quảng Ninh và đề ra các phương án, giải pháp xử lý trước mắt cũng như lâu dài. Năm 1997, Tổng Công ty được Nhà nước cho phép thành lập Quỹ Môi trường than Việt Nam trên cơ sở tính thêm 1% vào giá thành sản xuất và trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước có quỹ này. Hằng năm, Tổng Công ty đã chủ động đưa vấn đề môi trường vào kế hoạch kinh doanh, ưu tiên kinh phí để từng bước xử lý hậu quả cũ, ngăn ngừa ảnh hưởng tiêu cực của quá trình khai thác than đối với môi trường. Đồng thời, Tổng công ty đã chú trọng cải thiện điều kiện làm việc và vệ sinh công nghiệp (chống bụi, chống tiếng ồn, thông gió trong hầm lò, xử lý nước thải, nạo vét sông, suối đầu nguồn, thu hồi than bùn không cho chảy xuống biển, vận chuyển than bằng đường sắt thay vì vận chuyển bằng ô-tô trên đường phố chính. Trồng mới và chăm sóc hàng nghìn héc-ta rừng trong ranh giới mỏ, trên các khu vực đã khai thác lộ thiên. Việc quy hoạch lại các kho than, cảng than, bến bãi không chỉ góp phần chống ô nhiễm môi trường mà còn quản lý tài sản được tốt hơn...

Hiện nay, các đơn vị thành viên ngoài việc sử dụng quỹ môi trường, còn huy động công nhân, viên chức lao động ngoài giờ tạo thêm các nguồn thu khác để tự làm đẹp thêm cảnh quan nơi làm việc, nơi ăn ở, sinh hoạt, góp phần làm lành mạnh hóa môi trường vùng than. Tổng Công ty Than Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh đã có kế hoạch sử dụng một phần Quỹ Môi trường Than Việt Nam để khắc phục hậu quả do khai thác than tác động xấu đến đô thị, vùng dân cư. Từ năm 1997 đến nay, Tổng Công ty đã ứng vốn cho 8 lâm trường ở Quảng Ninh mỗi năm khoảng 3 tỉ đồng để trồng rừng, khôi phục lại rừng, tạo thêm việc làm và chủ động chuẩn bị gỗ chống lò đáp ứng yêu cầu của các mỏ than.

Digitized by Google

7 - Xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức vững mạnh, đoàn kết nhất trí cao để phát triển Tổng Công ty thành tập đoàn kinh doanh đa ngành trên nền công nghiệp than

Để đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức ngang tầm nhiệm vụ, Tổng Công ty xác định: muốn giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, muốn thực hiện tốt yêu cầu đặt ra của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải thường xuyên chăm lo xây dựng toàn diện giai cấp công nhân. Để phù hợp với cơ chế mới, Tổng Công ty đề ra chiến lược phát triển toàn diện nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng cách đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ kết hợp cử đi tu nghiệp tại nước ngoài phù hợp với từng đối tượng lao động. Tổ chức lại hệ thống Trung tâm đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, Trường dạy nghề, tích cực đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nâng cao tay nghề và kỹ năng quản lý kinh doanh; đưa tin học vào phục vụ quản lý; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và triển khai các hoạt động giáo dục truyền thống, văn hóa doanh nghiệp, giáo dục ý thức cộng đồng, tạo ra môi trường tốt khuyến khích tài năng phát triển.

Trong những năm qua, các cơ sở trên đã đào tạo mới hàng chục nghìn người cung cấp chủ yếu cho các doanh nghiệp của Tổng Công ty. Công tác đào tạo đã được chuyển dần sang cơ chế tự trang trải, đẩy mạnh xu hướng xã hội hóa. Kinh phí dành cho đào tạo (từ năm 1998 Nhà nước cắt giảm 50% so với năm 1997, năm 1999 cắt tiếp 50% so với năm 1998) được Tổng Công ty chủ động giải quyết. Riêng năm 2003 Tổng Công ty đã bù cho các trường trên 13 tỉ đồng. Việc đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ công tác đào tạo được coi trọng đúng mức. Hai năm 2002 - 2003 đã thực hiện trên 18 tỉ đồng.

8 - Đổi mới toàn diện và sâu sắc công tác thi đua - khen thưởng nhằm thúc đẩy mạnh mẽ, thường xuyên mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh và đời sống xã hội trong toàn Tổng Công ty; làm tốt công tác xã hội trong nội bộ công nhân, viên chức và đóng góp có hiệu quả vào hoạt động xã hội của các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở

Phát huy truyền thống vẻ vang của ngành, trong 10 năm qua, phong trào thi đua yêu nước được Tổng Công ty đẩy mạnh không ngừng và có nhiều khởi sắc, từng bước thoát ra khỏi sự lúng túng của buổi đầu thực hiện cơ chế quản lý mới. Mục tiêu và nội dung thi đua được gắn chặt với yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong từng thời điểm, đi thẳng vào các vấn đề cốt lõi, các vấn đề thợ mỏ thường xuyên quan tâm, các việc khó, việc cụ thể và bức xúc của sản xuất - kinh doanh và đời sống xã hội. Tổng Công ty và Công đoàn Than Việt Nam liên tục phát động các phong trào thi đua mang tính đặc thù của ngành, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh từng năm, từng thời kỳ. Thông qua các phong trào thi đua nhiều tấm gương điển hình tiên tiến xuất hiện trong mọi lĩnh vực từ sản xuất kinh doanh đến an ninh quốc phòng rất đáng được trân trọng. Đặc biệt trong dịp kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống ngành than, Đảng, Nhà nước đã trao tặng Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta - cho cán bộ, công nhân, viên chức ngành than.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, thu nhập của công nhân viên chức chưa cao, quỹ phúc lợi còn hạn chế, nhưng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn quan tâm đúng mức đến hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao từ đầu tư cơ sở vật chất tới tổ chức, quản lý phong trào nhằm gìn giữ và phát huy truyền thống của thợ mỏ trong nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Nếp sống văn minh, nhân ái, có trách nhiệm với gia đình, bạn bè và xã hội đã và đang được mỗi người thợ mỏ thực hiện như quyền lợi, nghĩa vụ và lương tâm của mình. ❑

Digitized by Google

Khu di tích Đền Hùng sau hơn 50 năm Bác Hồ về thăm

NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH *

1 - Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Đền Hùng

Ngày 19-9-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của cách mạng và nhân dân Việt Nam, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, trên đường về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, đã chọn Đền Hùng làm nơi gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sỹ Đại đoàn 308 Quân tiên phong, căn dặn về nhiệm vụ tiếp quản đất nước sau hòa bình.

Đất nước sau kháng chiến còn bề bộn khó khăn và đầy rẫy những thử thách. Cuộc gặp mặt của lãnh tụ Hồ Chí Minh với chiến sỹ Đại đoàn Quân tiên phong không phải là sự tình cờ, mà là chủ đích của Người. Lần đầu tiên trong suốt cả chặng đường dài mấy nghìn năm lịch sử dân tộc, Người đã tổng kết trong câu nói nổi tiếng:

"Các Vua Hùng đã có công dựng nước,

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"

Đây là một sự kiện lịch sử giàu ý nghĩa về mọi mặt. Người khẳng định, thời đại Hùng Vương là thời kỳ bình minh của lịch sử dân tộc, thời kỳ đấu tranh oanh liệt của dân tộc ta để dựng nước và giữ nước. Từ sự khẳng định của Người mà suốt các thập niên sau đó cho đến hôm nay, đã có biết bao công trình nghiên cứu về thời đại Hùng Vương, chứng minh những khẳng định có tính phát hiện lịch sử của Người. Đặc biệt, phải kể đến 4 hội nghị khoa học được tổ chức, với hàng trăm bài nghiên cứu trên mọi lĩnh vực khoa học xã hội, được thảo luận và công bố trên 4 tập kỷ yếu "Hùng Vương dựng nước" (từ năm 1968 đến 1971). Bằng những chứng cứ xác thực của lịch sử - những giá trị vật thể hai nghìn năm trước Công nguyên, người Việt cổ đã để lại dấu tích ở khắp mọi nơi trong lòng đất nước, mà các bộ môn chuyên ngành lịch sử Việt Nam đã chứng minh thời đại Hùng Vương là thời kỳ lịch sử có thật, tồn tại và kéo dài suốt hai nghìn năm trước Công nguyên. Niềm tin thiêng liêng vào Tổ tiên - các Vua Hùng có công dựng nước - đã có hằng ngàn đời nay hoàn toàn không phải là điều duy lý.

Dân tộc Việt Nam từ bao đời nay đều tôn kính các thế hệ tiền nhân, tôn kính các Vua Hùng. Trong tâm thức và tâm linh của người Việt Nam, các Vua Hùng là những người khai sinh ra đất nước và dân tộc, là niềm tự hào thiêng liêng không bao giờ tắt. Sự khẳng định quy luật dựng nước và giữ nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng không chỉ có ý nghĩa giáo dục to lớn, mà còn là sự quan tâm và ý thức tôn vinh Tổ tiên - các Vua Hùng. Sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta rất đỗi vẻ vang, nhưng còn nhiều khó khăn, gian khổ, đòi hỏi sự hy sinh vô cùng to lớn. Niềm tự hào về Tổ tiên dựng nước là nguồn cổ vũ hết sức lớn lao với nhân dân cả nước. Chọn Đền Hùng để khẳng định nhiệm vụ của cách mạng hiện tại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tôn vinh Đền Hùng lên một tầm cao mới của lịch sử.

* TS, Ban quản lý Khu di tích Đền Hùng

Digitized by Google

Phải chăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết cả mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc và đồng thời cũng tiên đoán cả con đường phía trước của cách mạng Việt Nam. Trong lời nói *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước"*, Người đã viện dẫn tới những con người có thật, bằng xương, bằng thịt trong buổi đầu của lịch sử dân tộc, đồng thời cũng là một biểu tượng cao quý mà các thế hệ con cháu người Việt Nam đời này qua đời khác tôn thờ. Nói về các Vua Hùng ngay tại nơi thiêng liêng mà bao đời người Việt trở về trong tâm thức cũng như đời sống thường nhật - Đền Hùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi gợi trong lòng chúng ta ý thức dân tộc, ý thức cội nguồn. Dân tộc Việt Nam đã trải qua bề dày mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, hôm nay: *"Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*. Lời Người nói thật giản dị mà thân thương gần gũi, biểu lộ ý chí đoàn kết thống nhất và nguyện vọng bảo vệ Tổ quốc để xây dựng đất nước của cả dân tộc. Lịch sử đã để lại không chỉ trong tâm trí của mọi người, hay bằng những dòng chữ ghi trên giấy mà bằng hình ảnh sống động còn lưu giữ một cách trang trọng tại nhà Bảo tàng Hùng Vương. Hình ảnh đó là sự thật của lịch sử, hào hùng và cảm động, những người con ưu tú của miền Bắc trong "Đoàn quân Nam Tiến", đã chọn Đền Hùng làm lễ trường đọc lời thề son sắt đi giải phóng miền Nam. Đây là tài liệu vô giá của Khu di tích Đền Hùng ở thời kỳ kháng chiến giữa thế kỷ XX.

Ngày 19- 8-1962, một lần nữa Đền Hùng lại đón nhận sự kiện lịch sử: Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Trong hồ sơ "Di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích Đền Hùng" có ghi lại lời Người dặn (khi lên tới đỉnh cao của núi Hùng): ***"Đã đi là phải tới đích, cũng như người làm cách mạng không được bỏ dở chừng"***. Người còn dặn: *phải trồng thêm hoa, cây cối để xây dựng Đền Hùng trở thành một công viên lịch sử cho con cháu sau này đến thăm viếng*. Cả hai lần về Đền Hùng, Người đều đi tới đỉnh cao mà ngày xưa Tổ Tiên của người Việt từng làm lễ cầu trời, đất cho mưa thuận, gió hòa, an dân, hạnh phúc. Người về Đền Hùng trong lúc lịch sử dân tộc đang ở vào những thời điểm quan trọng bậc nhất. Năm 1954, chúng ta tiếp quản đất nước sau kháng chiến chống Pháp bề bộn khó khăn; năm 1962, chúng ta lại chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, cả nước thành chiến trường đánh Mỹ.

Nhân dân ta vốn coi trọng nguồn gốc, tha thiết ở tình cảm *"uống nước nhớ nguồn"*. Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đền Hùng viện dẫn đến công lao dựng nước của các Vua Hùng là để ca ngợi quyết tâm dựng nước và giữ nước, khơi dậy những tình cảm thiêng liêng của dân tộc đối với các Vua Hùng, để từ truyền thống lịch sử đó mà tạo nên sức mạnh và nguồn sinh lực mới, để dân tộc hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng, đi đến đích của mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2 - Đền Hùng sau hơn 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm

Sau sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Đền Hùng, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cùng hàng chục triệu đồng bào Việt Nam từ khắp mọi miền của Tổ quốc đã về Đền Hùng không chỉ vào trong những dịp Giỗ Tổ, mà là sự thường nhật trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc.

Đền Hùng trong những thập niên giữa thế kỷ XX được dân tộc tôn vinh và quan tâm ở một tầm cao mới của thời đại. Sự quan tâm và tôn vinh Đền Hùng được thể hiện ở tình cảm, trách nhiệm của nhân dân và của lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta. Năm 1962, Đền Hùng được Nhà nước Việt Nam công nhận là di tích lịch sử loại A1 và phân cấp quản lý. Cùng với thời gian và sự phát triển của đất nước, Đền Hùng ngày càng được quan tâm ở cấp quốc gia một cách toàn diện, đánh dấu sự thay đổi vượt bậc mối quan tâm, tôn vinh Đền Hùng của cả dân tộc. Qua hơn 50 năm thực hiện lời dạy của Bác Hồ, chúng ta đã tổ chức bộ máy quản lý

Digitized by Google

Đền Hùng theo các thiết chế nhà nước, tổ chức tôn tạo, tu bổ, quy hoạch, tổ chức lễ hội Giỗ Tổ... đã làm cho Đền Hùng, Khu di tích Đền Hùng ngày một xứng tầm là khu di tích đặc biệt, quan trọng đứng đầu đất nước. Điều đó được thể hiện cụ thể ở các lĩnh vực sau:

Thứ nhất, *tổ chức quản lý Khu di tích Đền Hùng theo các thiết chế Nhà nước.*

Nhà nước ta đã có các quyết định về phân cấp và tổ chức bộ máy quản lý theo quy định của Nhà nước đối với Khu di tích Đền Hùng. Ngay từ năm 1962, tỉnh Phú Thọ đã thành lập bộ phận quản lý và bảo vệ Khu di tích này. Năm 1976, thành lập Ban quản lý Đền Hùng thuộc Ty Văn hóa - Thông tin tỉnh Vĩnh Phú. Năm 1988, thành lập Ban quản lý liên ngành khu vực Đền Hùng. Ngày 21-11-1989, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú ra quyết định 801/QĐ-UB thành lập Ban quản lý Khu di tích Đền Hùng. Khu di tích Đền Hùng được công nhận theo văn bản nhà nước với tổng diện tích bao gồm: 32 ha của núi Hùng (kể cả đường viền chân núi), khu rừng cấm Đền Hùng (có diện tích là 253 ha), và vùng đệm với diện tích 1.340 ha. Tổng số biên chế là trên 60 cán bộ nhân viên làm nhiệm vụ quản lý, gìn giữ, bảo vệ, tôn tạo và khai thác phát huy tác dụng của Khu di tích Đền Hùng.

Khu di tích Đền Hùng ngày nay được Đảng và Nhà nước quan tâm xây dựng, tôn tạo đáp ứng yêu cầu tôn kính của nhân dân. Và, cũng phải tới thời đại của chúng ta nhiệm vụ quản lý đất nước, sự tôn vinh Đền Hùng ở tầm cao mới đã cho ra đời tổ chức chính thức - tổ chức đó là cơ quan tham mưu có hiệu quả về việc quản lý, bảo vệ, tu sửa, tôn tạo, đồng thời cũng chính là cơ quan tham mưu giúp cho tỉnh, Nhà nước tổ chức lễ hội Giỗ Tổ hằng năm.

Thứ hai, *tôn tạo, xây dựng Khu di tích Đền Hùng.*

Từ năm 1985, ngoài các kiến trúc đền, chùa, lăng mộ mà thời hiện tại đã tôn tạo, trùng tu, tại Khu di tích Đền Hùng đã xây thêm một công trình văn hóa mới - nhà Bảo tàng Hùng Vương. Cũng trong thập niên 80 của thế kỷ XX, công tác tiến hành khảo sát, điền dã điều tra quy hoạch Khu di tích Đền Hùng đã được các cấp, các ngành có liên quan triển khai. Quyết định số 63/TTg ngày 8-2-1994, Thủ tướng Chính phủ đã "Phê duyệt dự án tổng thể Khu di tích lịch sử Đền Hùng" gồm Khu di tích lịch sử (thuộc xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú cũ), và vùng đệm (thuộc 6 xã: Hy Cương, Kim Đức, Phù Ninh, Chu Hóa, Tiên Kiên, Vân Phú), với tổng diện tích là 1.625 ha (trong đó quy định rõ các khu vực quản lý tôn tạo và xây dựng).

Sau Quyết định "Phê duyệt dự án tổng thể Khu di tích lịch sử Đền Hùng" của Thủ tướng Chính phủ, Đền Hùng đã trở thành một trọng điểm đầu tư xây dựng các hạng mục công trình văn hóa của cả nước, đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ quản lý, phát huy tác dụng của Khu di tích này. Cụ thể: năm 1995, 1996 đền Thượng và Lăng Hùng Vương được đại trùng tu; năm 1998 tiếp tục trùng tu lớn các đền Hạ, đền Trung, đền Giếng; năm 1999 trùng tu toàn diện chùa Thiên Quang. Công tác tôn tạo, tu sửa các kiến trúc đền, chùa trên núi Hùng tuân thủ theo nguyên tắc bảo tồn một cách nghiêm túc. Việc đại trùng tu các cơ sở kiến trúc thượng tầng là các đền, chùa trên núi Hùng không làm phá vỡ cảnh quan, diện mạo của khu di tích, nhìn về tổng quan vẫn tồn tại các hình dáng kiến trúc đền, chùa của các thế kỷ trước. Tiếp tục mở mang xây dựng các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng liên quan đến việc thờ các Vua Hùng.

Quyết định số 48/2004/QĐ-TTg ngày 30-4-2004 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Quy hoạch phát triển Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2015", đã quy hoạch Khu di tích Đền Hùng bao gồm: Khu di tích Đền Hùng và vùng đệm 7 xã vùng ven là: Hy Cương, Chu Hóa, Tiên Kiên, Thanh Đình thuộc huyện Lâm Thao; các xã Kim Đức, Phù Ninh thuộc huyện Phù Ninh và xã Vân Phú thuộc thành phố Việt Trì với diện tích 1.000 ha.

Digitized by Google

Một thành tựu đáng kể trong việc tôn tạo, xây dựng Khu di tích Đền Hùng là chúng ta làm cho môi trường Đền Hùng ngày càng xanh và sạch đẹp hơn. Khu vực 42 ha rừng quanh Đền Hùng đang tiếp tục được trồng và phủ kín cây xanh. Tại trung tâm của Khu di tích trồng 6 ha rừng bản địa, 5,1 ha trồng nhiều cây bụi, dây leo, cây làm thuốc, làm phong phú thêm về thành phần loài của khu rừng cấm. Năm 2000, xây dựng vườn cây lưu niệm hướng về cội nguồn với diện tích là 13.575,3 m^2 có sự tham gia của tất cả các tỉnh, thành trong toàn quốc. Hiện nay, tỉnh Phú Thọ đang chỉ đạo xây dựng khu rừng cấm quốc gia Đền Hùng theo kiểu rừng lịch sử - văn hóa với diện tích 538 ha, nhằm phát triển và phục hồi hệ sinh thái rừng tự nhiên, xây dựng các công trình hỗ trợ góp phần bảo tồn, tôn tạo và nâng cao giá trị của quần thể Khu di tích lịch sử - văn hóa Đền Hùng.

Thứ ba, *quản lý và tổ chức lễ hội Giỗ Tổ.*

Hằng năm lễ hội Giỗ Tổ vẫn được tổ chức theo truyền thống văn hóa của dân tộc, nhưng có sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước. Vào năm tròn Nhà nước tổ chức, những năm chẵn năm Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức, những năm lẻ tỉnh Phú Thọ tổ chức. Việc tổ chức lễ hội Giỗ Tổ rất quy củ, chặt chẽ, thiết thực, có ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu rộng trong nhân dân.

Nội dung của lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương thời hiện đại vẫn được tổ chức theo truyền thống, chủ yếu gồm hai phần: phần *lễ* và phần *hội*. Phần *lễ* được duy trì trang nghiêm trong các đền, chùa trên núi Hùng; phần *hội* diễn ra xung quanh các đền, chùa và dưới chân núi Hùng. Trong phần *lễ*, nghi thức dâng hương hoa của các đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ, các tỉnh... được tổ chức long trọng tại Đền Thượng. Toàn bộ nghi thức hành lễ được các hệ thống phát thanh, truyền hình phản ánh đầy đủ để đồng bào cả nước có thể theo dõi. Phần *hội* diễn ra tưng bừng náo nhiệt xung quanh khu vực núi Hùng. Lễ hội ngày nay có nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa và được tổ chức chu đáo. Trong khu vực của *hội*, nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm, văn hóa phẩm, dịch vụ ăn uống, các khu trình diễn văn nghệ, thể thao được tổ chức và duy trì một cách trật tự, quy củ. Các trò chơi văn hóa dân gian được bảo lưu có chọn lọc như: đu quay, đấu vật, chọi gà, bắn nỏ, rước kiệu, kéo lửa nấu cơm thi, đánh cờ tướng (cờ người)... Có năm còn diễn trò Bách nghệ khôi hài và "Rước Chúa Gái" của các xã Hy Cương, Chu Hóa, "Rước lúa thần" và "trò Trám" của Tứ Xã, cùng sân khấu của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp như: chèo, kịch nói, hát quan họ... *Hội* ngày nay chính là nơi để giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền. Các hình thức văn hóa truyền thống và hiện đại được đan xen. Vào tất cả các năm đều tổ chức đánh trống đồng, do các nghệ nhân Mường biểu diễn. Tiếng trống đồng âm vang xa xưa của các Vua Hùng dóng lên trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh, gọi mặt trời làm mưa, làm nắng thuận hòa, cho mùa màng tốt tươi, muôn dân hạnh phúc, nay vẫn được cháu con duy trì trong các nghi thức cúng lễ và trong lễ hội tại Đền Hùng. Các làn điệu dân ca Xoan - Ghẹo truyền thống của quê hương Đất Tổ, được biểu diễn trong *hội* để đông đảo đồng bào biết đến những nét truyền thống văn hóa từ xa xưa của vùng Đất Tổ. Một điểm quan trọng, nằm ở trung tâm lễ hội là nhà Bảo tàng Hùng Vương- nơi lưu giữ vô số những cổ vật đích thực của thời đại các Vua Hùng. Đồng bào về dự lễ hội đến đây chiêm ngưỡng những hiện vật vô giá này, để hiểu thêm về quá khứ, oai hùng của Tổ Tiên.

Thứ tư, *phát huy di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng.*

Trong tâm thức của mỗi người Việt Nam, Đền Hùng là nơi thờ Tổ đồng nghĩa với việc thờ người có công với nước. Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Đền Hùng đã tạo ra một tác dụng kép cho việc phát huy sức sống của Khu di tích đặc biệt thiêng liêng và quý giá

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

Quà biếu...

NGỌC HỒ

QUÀ biếu, biếu quà và nhận quà là một nét văn hóa trong đời sống cộng đồng. Lẽ thường cả người cho, người nhận đều *được nhận* một giá trị vật chất, tinh thần như nhau, khó có cách gì đo đếm được. Mỗi quốc gia, dân tộc đều có quan niệm và cách thức riêng trong việc biếu - nhận quà. Đó là dấu ấn văn hóa độc đáo, là nét đẹp dung dị trong đời sống tinh thần của cộng đồng, được bồi đắp, gìn giữ qua biết bao thế hệ. Quanh chuyện quà biếu, lễ lạt, tiền nhân đã để đời cho hậu thế bao bài học quý. Một món quà không câu nệ giá trị vật chất nhiều hay ít, cốt ở thịnh tình của người cho và người nhận, *cho mà được là như vậy, "lễ bạc tâm thành"*. Cũng có những món quà có giá trị vật chất quá lớn vượt ra ngoài phạm trù của một món quà thông thường, lại được chủ nhân của nó sử dụng như một phương tiện để trao đổi, mua bán với đối tác, lợi dụng biếu quà để làm thân, cầu cạnh toan tính không minh bạch, theo kiểu *"ông mất cái giò , bà thò chai rượu"* thì cái **được** và cái **mất** khó mà đo đếm. Cũng có những món quà làm cho người nhận thêm hệ lụy, đắn đo *"của biếu là của lo, của cho là của nợ"*... Thật muôn hình vạn trạng.

Chuyện về một ông quan *tuổi Tý*, được cộng sự mến yêu *thửa* một con *chuột vàng* làm quà mừng sinh nhật; tiếc rẻ sao mình "thanh liêm" quá, lẽ ra phải dặn vợ nói với người ta là mình *tuổi Sửu*, không còn là một câu chuyện vui mà chính là một liều thuốc quý cho những ai muốn giữ sự thanh liêm... Vậy mà, ngày nay vẫn còn không ít người dẫm mòn bước chân trên vết xe xưa - thật không "hổ danh"?. Lợi dụng những dịp lễ tết, hiếu hỷ..., dùng chiêu thức biếu quà, tặng quà họ công khai đút lót quan chức cấp trên, mưu cầu công danh lợi lộc. Hành vi xảo trá đó của một số người trong xã hội hiện đại lại được dấu dưới một nét văn hóa hay, một phong tục đẹp, không chỉ tạo ra lối sống thực dụng vật chất tầm thường, bán - mua..., mất - được... làm hoen ố thuần phong mỹ tục của dân tộc, xa lạ với cách nghĩ, nếp sống giản dị của cộng đồng mà còn làm mất lòng tin của quần chúng với cán bộ, với Đảng, gây nên những hậu quả khôn lường... Nhiều người chỉ vì tối mắt trước những món quà lớn bất chấp lẽ phải, bất chấp luân thường đạo lý, đổi trắng thay đen, trở thành nô lệ của đồng tiền, *"những việc không thể mua bằng tiền thì có thể mua bằng nhiều tiền hơn"* làm phương hại đến lợi ích của quốc gia dân tộc. Họ chính là những người "có công vun đắp" cho nạn tham nhũng, hối lộ ngày càng đâm chồi nảy lộc... xã hội và cộng đồng chẳng thể nào diệt trừ nổi, nếu không có sự tự giác của chính những người trong cuộc...

Một chút quà nho nhỏ (nhiều khi chỉ là những lời tốt đẹp), bày tỏ tri ân với cha mẹ, thầy dạy, người thân, bạn bè, đồng nghiệp..., lúc Tết đến, xuân về, dịp mừng thọ, sinh nhật, lúc tân gia, hiếu, hỉ... chính là nét đẹp văn hóa truyền thống cần phải tôn vinh gìn giữ... Trong cuộc đời, mấy ai có thể tính đếm chi ly mình đã cho và được nhận bao món quà..., món quà nào bất đắc dĩ phải nhận cùng với những hệ lụy, món quà nào ân tình vô giá không quên...

Cụ giáo cạnh nhà tôi, có người học trò lập nghiệp ở tỉnh xa, cuộc sống còn khó khăn nhưng rất trọng lễ nghĩa... Mỗi dịp xuân về, tết đến, đều trân trọng biếu thầy chút quà xuân quê hương. Khi cân gạo nếp, ít măng khô, nải chuối xanh, cành đào nhỏ và mấy trái bưởi còn nguyên cành lá. Khi mớ lá dong, vài ống dang, mấy nhành hoa Hải đường và quả Phật thủ "xòe hoa" ***Sinh*** - *Lão* - *Bệnh* - *Tử* - ***Sinh***... Là những người hàng xóm của cụ, bao năm qua, chúng tôi cũng được thơm lây...

Digitized by Google

Đầu xuân, tôi qua thăm cụ, bên bàn trà, ấm nước, nhắc lại chuyện trò cũ, trường xưa, cụ bộc bạch:

- Mấy chục năm gắn bó với nghề dạy học cũng như nhiều đồng nghiệp khác, tôi đã phải bao phen bối rối khi gặp không ít những bậc phụ huynh đáng kính, lợi dụng dịp lễ tết, hội hè dùng những món quà lớn công khai mặc cả, ngã giá với giáo viên để mua thành tích học tập cho con em, theo thói quen từng mua, bán địa vị, chức tước, danh giá cho chính bản thân họ. Rồi khi chính bản thân trong cương vị học trò họ lại "mua điểm" của thầy ở cấp cao hơn bằng "cây", bằng " vé", bằng "dự án", "đề tài", bằng những chuyến "xuất ngoại" và nhiều thứ khác....

Ngừng giây lát, cụ lại nói với tôi, vẻ mặt nghiêm khắc:

- Họ không chỉ là thủ phạm, làm hỏng mấy thế hệ học trò, làm méo mó hình tượng người thầy, vấy bẩn môi trường giáo dục, làm hoen ố truyền thống *"Tôn sư trọng đạo"* của dân tộc... mà còn là chiếc cầu nối vô hình cho mặt trái của cơ chế thị trường nhanh chóng len lỏi vào học đường - trở thành nỗi bức xúc của toàn xã hội.

Nghe cụ nói, trong lòng tôi không khỏi băn khoăn, suy nghĩ về: sự "suy vi" của đạo học ngày nay, đã làm nhức nhối bao người lương thiện, bao nhà giáo có tâm huyết với "sự nghiệp trồng người", đã và đang gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh đối với xã hội. Làm thế nào để giáo giới được thanh thản đứng trên bục giảng, hoàn thành sứ mệnh đào tạo thế hệ tương lai cho đất nước mà không hổ thẹn?... Nhà nước, ngành giáo dục đã và đang nỗ lực để trả lời câu hỏi đó. Tuy nhiên, mọi sự cố gắng sẽ trở nên vô nghĩa nếu không có sự hậu thuẫn của toàn xã hội và đặc biệt là các vị phụ huynh.

Ngồi trò chuyện lâu, ngại cụ giáo mệt, tôi chào cụ ra về và sẻ chia với tâm nguyện giản dị của cụ: Nêu gương tốt cho con em, không học thay học hộ, không "mua điểm", "xin điểm", góp sức cùng nhà trường dạy dỗ thế hệ trẻ, chính là sự đầu tư đúng hướng của phụ huynh học sinh. Đó chính là *món quà vô giá* nhà trường mong được nhận. ❑

KHU DI TÍCH...

(Tiếp theo trang 65)

này. Do đó, việc tôn tạo, tôn vinh di tích lưu niệm của Bác Hồ với Đền Hùng được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm trong suốt hơn 50 năm qua. Ngay từ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 1955, 1956, lời Người dạy: *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"* đã thành biểu ngữ treo tại cổng chính Đền Hùng. Những năm 70 của thế kỷ XX, nhà bia đền Hạ cùng một hoành phi lớn tại nhà công quán được ghi khắc câu nói bất hủ của Người. Năm 1992, chúng ta đã cho gắn những bia nhỏ tại cửa ngách Đông Nam của Đền Thượng ghi lại sự kiện Người về thăm Đền Hùng năm 1954, 1962.

Năm 1993, trong phần trưng bày của nhà Bảo tàng Hùng Vương, chúng ta đã trân trọng giới thiệu những hình ảnh hoạt động của Người tại Khu di tích Đền Hùng trong hai lần Người về thăm. Tại đây còn có một nhóm tượng lớn được đúc bằng đồng thể hiện hình ảnh của Bác Hồ với chiến sỹ Đại đoàn 308 Quân tiên phong. Năm 2002, bức phù điêu lớn bằng đá, ghi lại sự kiện Bác Hồ nói chuyện với chiến sỹ Đại đoàn Quân tiên phong (Bộ Quốc phòng cung đức nguồn kinh phí xây dựng), được dựng trước cổng đền Giếng. Gần đây nhất, nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại đoàn 308 Quân tiên phong, các cựu chiến binh của Đại đoàn đã long trọng dựng bia đá ghi lại sự kiện và lời nói của Người ngày 19-9-1954 tại đền Giếng.

Khu di tích lịch sử Đền Hùng đã gắn bó mật thiết với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng và hình ảnh của Người là sức sống mãnh liệt, trường tồn của Khu di tích. Lời dạy bất hủ của Người luôn trong tâm khảm của mỗi người dân Việt Nam khi nghĩ và về thăm Đền Hùng. Chúng ta nguyện sống, chiến đấu và học tập xứng đáng với công lao dựng nước và giữ nước của các Vua Hùng và của Bác. ❑

Digitized by Google

QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM - CHÂU PHI

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH *

Với bề dày lịch sử, quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và châu Phi đã có từ những năm đầu thế kỷ XX, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri và có dịp ghé thăm một số nước châu Phi. Tuy nhiên, đến năm 1964, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và châu Phi mới chính thức được thiết lập với 7 nước ban đầu, đến nay đã tăng lên 48, trong tổng số 54 nước. Quan hệ hợp tác này ngày càng đa dạng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực như chính trị, ngoại giao, kinh tế, giáo dục, đào tạo và y tế...

1 - Quan hệ chính trị - ngoại giao

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với châu Phi, điển hình là việc nước ta đã gửi chuyên gia sang giúp châu Phi trong đào tạo, xây dựng đội ngũ quản lý đất nước khi châu lục này mới giành độc lập. Từ đó đến nay, Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác với châu Phi sang nhiều lĩnh vực khác thông qua việc ký kết các hiệp định khung về hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học - kỹ thuật... Việt Nam và châu Phi cũng đã tích cực phối hợp trên các diễn đàn quốc tế như *Phong trào không liên kết, Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, Liên hợp quốc* và các diễn đàn quốc tế khác trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển. Trước những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Việt Nam, các nước châu Phi đã tỏ thái độ khâm phục, muốn trao đổi và học tập về đường lối xây dựng, phát triển đất nước của nước ta. Việt Nam đã quan tâm, hỗ trợ, đáp ứng những nhu cầu hợp tác vì sự nghiệp xây dựng và phát triển của phía bạn. Những năm qua, châu Phi đã đón nhận hàng nghìn lượt chuyên gia Việt Nam trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, ngân hàng, nông nghiệp sang hỗ trợ, giúp đỡ và trao đổi kinh nghiệm. Hiện nay, nước ta có các chuyên gia nông nghiệp, thủy sản làm việc tại Xê-nê-gan, Công-gô, Ma-đa-gát-xca, Bê-nanh... trong khuôn khổ hợp tác ba bên với sự trợ giúp tài chính của *Tổ chức Nông Lương thế giới* (FAO)... Trong các quan hệ này, kinh tế được coi là lĩnh vực quan trọng nhất, ngày càng được mở rộng và mang lại kết quả thiết thực.

2 - Quan hệ kinh tế

Do điều kiện địa lý xa xôi, cùng trình độ phát triển kinh tế của nước ta cũng như châu Phi chưa cao, trong những năm đầu thế kỷ XX, quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - châu Phi còn ở mức rất thấp, tổng kim ngạch buôn bán cũng như đầu tư chiếm tỷ trọng không đáng kể. Đến cuối thế kỷ XX, mối quan hệ này đã có những bước khởi sắc. Trong ba năm trở lại đây, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Việt Nam và châu Phi đã tăng lên gần gấp đôi nhờ các hiệp định kinh tế - thương mại được ký kết ngày càng tăng. Đặc biệt, chuyến thăm Ăng-gô-la, Na-mi-bi-a, Công-gô của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tháng 10-2002 và chuyến thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải tới các nước Ma-rốc, An-giê-ri, Cộng hòa Nam Phi tháng 11-2004 đã và đang mở ra triển vọng mới cho sự phát triển quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế - thương mại, giữa Việt Nam và châu Phi trong thời gian qua cũng như trong tương lai [1].

Trong lĩnh vực hợp tác thương mại - đầu tư, Việt Nam và châu Phi đã có những bước phát triển vượt bậc. Hiện nay, Việt Nam đã ký Hiệp

---

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông

(1) Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 12-11-2004, tr 1

Digitized by Google

định Thương mại với 15 nước châu Phi (Ghi-nê (1961), Ai-Cập (1994), An-giê-ri (1994), Ghi-nê Xích đạo (1977), Mô-dăm-bích (1978), Ăng-gô-la (1978), Li-bi (1983), Tuy-ni-di (1994), Cộng hòa Nam Phi (2000), Ni-giê-ri-a (2000), Ma-rốc (2001), Dim-ba-bu-ê (2001), Công-gô (2002), Na-mi-bi-a (2003)). Trong đó, hầu hết các hiệp định đều có quy chế Tối huệ quốc về thuế quan. Đây là hành lang pháp lý cơ bản để doanh nghiệp hai phía xúc tiến hoạt động thương mại. Trong giai đoạn 1991 - 2001, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và châu Phi đã tăng lên hơn 12 lần, chưa kể kim ngạch buôn bán thông qua đối tác thứ ba. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, buôn bán hai chiều năm 2001 giữa Việt Nam và châu Phi đạt 198 triệu USD (năm 1991 - 16 triệu USD), trong đó Việt Nam xuất khẩu hàng hóa trị giá 158 triệu USD sang châu Phi và nhập khẩu 40 triệu USD hàng hóa từ châu Phi. Khối lượng trao đổi thương mại giữa hai phía tiếp tục tăng trong những năm gần đây: năm 2002 đạt 165 triệu USD (trong đó xuất khẩu của Việt Nam đạt 104 triệu USD, nhập khẩu 61 triệu USD), năm 2003 tăng lên đạt khoảng 326 triệu USD (xuất khẩu 200 triệu USD, nhập khẩu 125 triệu USD) và 6 tháng đầu năm 2004 đạt khoảng 266 triệu USD (xuất khẩu 185 triệu USD, nhập khẩu 80 triệu USD) (2).

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang châu Phi chủ yếu là gạo, hàng điện tử và linh kiện, hàng dệt may, sản phẩm cao su, hạt tiêu, giày dép, cà phê. Các loại hàng hóa này chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang châu Phi. Hàng hóa nhập khẩu chính của Việt Nam từ châu Phi là bông thiên nhiên, hạt điều thô, hóa chất, gỗ, phân bón, các khoáng sản và kim loại. Số này chiếm 70% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ châu Phi.

Mặc dù quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - châu Phi tăng nhanh trong những năm qua, nhưng theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang châu Phi hiện chỉ chiếm 1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Việt Nam và 0,1% trong tổng giá trị nhập khẩu của châu lục này.

Trong lĩnh vực hợp tác đầu tư, do hai bên còn nghèo, khả năng tài chính hạn chế nên các hoạt động đầu tư chưa được phát triển. Mặc dù vậy, trong lĩnh vực tài chính nói chung, Việt Nam và châu Phi cũng đang có những phương thức và quy mô hợp tác khá đa dạng, linh hoạt đối với từng nước, tiểu khu vực và khu vực. Việt Nam cũng có những chương trình, chính sách hỗ trợ xuất khẩu, tín dụng xuất khẩu, trong đó có sự hỗ trợ dành cho hàng hóa xuất khẩu sang châu Phi.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam đã giúp một số nước châu Phi trong việc cử chuyên gia sang phía bạn công tác, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm phát triển sản xuất nông nghiệp... Mặc dù điều kiện sinh hoạt và làm việc khó khăn, thiếu thốn, khí hậu rất khắc nghiệt, nhất là trên đồng ruộng, nhưng các chuyên gia Việt Nam vẫn nỗ lực, nhiệt tình hợp tác và đã được chính phủ, nhân dân phía bạn đánh giá cao.

Từ năm 1996, với sáng kiến của FAO, hợp tác nông nghiệp theo *mô hình 2+1*, hay còn gọi là *mô hình ba bên* giữa Việt Nam, châu Phi với sự tài trợ của FAO được đẩy mạnh, đang phát huy hiệu quả tốt, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh lương thực. Hiện có hàng trăm chuyên gia nông nghiệp Việt Nam đang làm việc tại một số nước châu Phi như Xê-nê-gan, Bê-nanh, Ma-đa-gát-xca, Công-gô... trong việc trợ giúp chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất, thủy lợi, giống và cải tạo đất... góp phần đưa năng xuất trồng lúa ở các nước này từ 1 tấn/ha lên 5 - 6 tấn/ha, có nơi 6 - 7 tấn/ha. Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, thay đổi cách chăn nuôi tự nhiên sang thâm canh, sử dụng nguyên liệu địa phương, chăn nuôi tiểu gia súc.. cũng đã đem lại hiệu quả tốt; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, vì công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở châu Phi. Ngoài những nước trên, hiện có khoảng 20 nước châu Phi khác cũng đang quan tâm đến mô hình hợp tác nông nghiệp kiểu này. Trong tương lai, chương trình hợp tác ba bên với châu Phi triển vọng sẽ còn phát triển hơn nữa (3).

Từ khi công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta đạt được một số thành công, được cộng đồng quốc tế thừa nhận, lĩnh vực *hợp tác, trao đổi kinh nghiệm cải cách, công nghiệp hóa và phát triển kinh tế, xã hội* được các nước châu Phi rất quan tâm. Những năm gần đây, sự hợp tác này giữa Việt Nam và châu Phi

(2) Xem: *Thời báo kinh tế Việt Nam*, ngày 30-10-2004

(3) Hội thảo *"Việt Nam - châu Phi: Những cơ hội hợp tác và phát triển trong thế kỷ XXI"*, Hà Nội, tháng 5 - 2003

Digitized by Google

ngày càng được tăng cường thông qua các hội nghị, các cuộc đi thăm giữa hai bên. Thành công trong lĩnh vực kinh tế của Việt Nam trong hơn thập niên vừa qua là những kinh nghiệm quý báu được nhiều nước châu Phi tham khảo và học hỏi. Về phần mình, Việt Nam đã có sự giúp đỡ nhất định đối với một số nước châu Phi trong các lĩnh vực như phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất vật liệu xây dựng, chuyển giao công nghệ, phát triển du lịch, phát triển công nghiệp, chăn nuôi, nâng cao chất lượng đàn gia súc, đẩy mạnh các quan hệ thương mại, đầu tư, văn hóa, khoa học - kỹ thuật...

3 - Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Trong lĩnh vực trao đổi chuyên gia, lao động và phát triển nguồn nhân lực, Việt Nam và châu Phi đã có sự hợp tác từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, dưới nhiều hình thức khác nhau. Hiện nay, Việt Nam có khoảng trên 300 ngàn lao động và chuyên gia đang làm việc tại nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước châu Phi như Li-bi, Ăng-gô-la, Xê-nê-gan, Bê-nanh, Ma-đa-gát-xca, Công-gô.. Việc hợp tác giữa châu Phi và Việt Nam trong lĩnh vực sử dụng lao động và chuyên gia của Việt Nam chủ yếu thông qua *5 mô hình chính* (4):

Thứ nhất là hình thức hợp tác thông qua các hiệp định song phương cấp chính phủ. Đối với mô hình này, Việt Nam đã ký với châu Phi các hiệp định về việc cung cấp chuyên gia y tế và giáo dục tới làm việc tại các cơ sở từ trung ương đến địa phương. Đây là hình thức hợp tác lao động chủ yếu giữa Việt Nam và một số nước châu Phi trong những thập niên 1980 - 1990. Theo phương thức này, đã có gần 8.000 lượt chuyên gia y tế và giáo dục Việt Nam sang làm việc tại các nước châu Phi trong thời gian qua.

Thứ hai là hình thức nhận thầu công trình được thực hiện thông qua việc các doanh nghiệp Việt Nam đưa công nhân xây dựng Việt Nam sang nhận thầu xây dựng công trình hoặc cung cấp lao động ngành thủ công mỹ nghệ, lắp ráp điện tử, nấu ăn.. cho các doanh nghiệp tại châu Phi.

Thứ ba là các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp lao động ngành xây dựng cho các doanh nghiệp của nước thứ ba nhận thầu tại các nước châu Phi.

Thứ tư là mô hình "2+1" hay ba bên, tức là hình thức cử các chuyên gia về nông nghiệp của Việt Nam sang làm việc tại một số nước châu Phi theo thỏa thuận 3 bên được ký giữa Việt Nam với *Tổ chức Nông Lương thế giới* (FAO) và một số nước châu Phi.

Thứ năm là hình thức đưa công dân Việt Nam trực tiếp sang kinh doanh tại một số nước châu Phi như ở Ăng-gô-la, Công-gô và Ca-mơ-run.

Đến nay, Việt Nam đã có 2.700 lượt người làm việc tại châu Phi trong *lĩnh vực hợp tác chuyên gia giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.* Các nước châu Phi tiếp nhận đều đánh giá chuyên gia giáo dục Việt Nam có trình độ chuyên môn vững vàng, phương pháp sư phạm thích hợp, tinh thần phục vụ tận tụy..

Hợp tác trong lĩnh vực y tế giữa Việt Nam và châu Phi cũng ngày càng phát triển. Tính đến năm 1990, Bộ Y tế Việt Nam đã cử hơn 4.000 lượt chuyên gia y tế sang châu Phi công tác trên các lĩnh vực phòng, chữa bệnh, giảng dạy trong các trường đại học, nghiên cứu và sản xuất thuốc.

Thực tế những năm qua cho thấy tuy số lượng lao động và chuyên gia Việt Nam sang làm việc tại châu Phi chưa nhiều như ở một số nước và khu vực khác trên thế giới, nhưng sự hợp tác này đã được các bên hữu quan đánh giá có hiệu quả và ngày càng được tăng cường. Hơn nữa, nếu xét về lao động chất xám thì đây là khu vực có tỷ lệ số chuyên gia Việt Nam làm việc ở nước ngoài lớn nhất. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng rõ ràng hợp tác chuyên gia đã và đang là một lĩnh vực mang lại lợi ích lớn và có tiềm năng lâu dài trong quan hệ giữa Việt Nam và châu Phi.

4 - Những thuận lợi, khó khăn trong quan hệ hợp tác Việt Nam - châu Phi

Trong bối cảnh thế giới đang có những thay đổi nhanh chóng theo hướng tăng cường hợp tác và hội nhập như hiện nay, sự hợp tác giữa Việt Nam và châu Phi đang có những ***thuận lợi*** nhất định: *Trước hết,* châu Phi có nhiều tiềm năng phát triển (diện tích 31 triệu km^2, với 54 quốc gia, dân số trên 1 tỉ người, vị trí địa lý quan trọng, giàu tài nguyên khoáng sản...) rất thuận lợi cho việc trao đổi và bổ sung cơ cấu kinh tế. *Thứ hai,* tình hình chính trị khu vực châu Phi dần ổn định, kinh tế từng bước phục hồi, một số nước tăng trưởng khá,

(4) Hội thảo "*Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - châu Phi*", Hà Nội, tháng 10-2004

Digitized by Google

tạo môi trường kinh doanh và hợp tác thuận lợi. *Thứ ba,* châu Phi đang đẩy mạnh cải cách, liên kết khu vực, thu hút đầu tư, viện trợ phát triển từ bên ngoài. *Thứ tư,* nhiều nước châu Phi đang được hưởng chế độ ưu đãi trong quan hệ thương mại với Mỹ, EU và các nước phát triển khác, qua đó, Việt Nam có thể tăng thêm cơ hội phát triển quan hệ kinh tế quốc tế và mở rộng thị trường. *Thứ năm,* quan hệ chính trị tốt đẹp với châu Phi đang trở thành điều kiện tốt để Việt nam và châu Phi tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hữu nghị truyền thống. *Thứ sáu,* Việt Nam có đội ngũ chuyên gia, lao động lâu năm tại nhiều nước châu Phi trên nhiều lĩnh vực, có kinh nghiệm về đất nước, con người, khả năng đáp ứng cao thị hiếu của thị trường châu Phi về hàng hóa, hợp tác lao động, chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm trong việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo... những vấn đề vừa mang tính cấp thiết, vừa lâu dài đối với nhiều nước châu Phi. *Thứ bảy,* châu Phi hiện là thị trường không khắt khe và có nhu cầu lớn về những mặt hàng Việt Nam có thế mạnh như gạo, cà phê, cao su, chè, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may... *Thứ tám,* Việt Nam và châu Phi có nhiều điểm tương đồng về lịch sử. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ hợp tác trên cơ sở giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mở cửa ra thế giới bên ngoài.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi trên, quan hệ hợp tác Việt Nam - châu Phi cũng có những ***khó khăn*** rất lớn: Khoảng cách địa lý xa xôi, gây khó khăn cho các hoạt động trao đổi kinh tế - thương mại - đầu tư; tình hình chính trị - xã hội châu Phi vẫn còn thiếu ổn định, gây bất lợi cho quan hệ kinh tế trong khu vực, cũng như ngoài khu vực. Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, hệ thống pháp luật, tập quán kinh doanh, tạo thành những rào cản hạn chế sự phát triển quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với châu Phi. Tình trạng phát triển yếu kém của phần lớn các nước châu Phi, trừ một số nước có nền kinh tế tương đối phát triển như Nam Phi, Ai Cập, An-giê-ri, nhất là những yếu kém về kết cấu hạ tầng, công nghệ, pháp lý, khả năng thanh toán...

5 - Triển vọng hợp tác Việt Nam - châu Phi trong thời gian tới

Việt Nam và châu Phi đã hợp tác trên nhiều lĩnh vực, thông qua hình thức và cấp độ khác nhau như: hợp tác ở cấp chính phủ, tạo khung pháp lý, là cơ sở cho loại hình hợp tác khác; hợp tác ba bên gồm Việt Nam, châu Phi kết hợp với đối tác thứ ba là một nước tài trợ hay một tổ chức tài trợ quốc tế; ở cấp doanh nghiệp, địa phương nhằm thúc đẩy quan hệ kinh doanh, trao đổi thông tin, tìm hiểu thị trường, đào tạo, tư vấn... Đây là những hình thức hợp tác mang lại hiệu quả cao cho các bên tham gia và cần được tiếp tục phát triển hơn nữa. Nổi bật là hoạt động trao đổi chuyên gia, xuất khẩu lao động, phát triển thương mại, đầu tư trực tiếp và xây dựng. Đây là những lĩnh vực đã được thực hiện trong nhiều năm, đã minh chứng được tính hiệu quả và thiết thực. Ngoài ra, trong thời gian gần đây, một số lĩnh vực hợp tác khác đang ngày càng phát triển như: tổ chức các diễn đàn doanh nghiệp trong những năm 2003 - 2004; mở thêm các cơ quan đại diện ngoại giao (hiện Đại sứ quán Việt Nam có mặt tại 5 nước châu Phi là An-giê-ri, Li-bi, Ăng-gô-la, Nam Phi, Tan-da-ni-a và sắp tới tại Ma-rốc), đại diện thương mại, lập các trung tâm xúc tiến thương mại của Việt Nam tại một số nước châu Phi và ngược lại, tạo cầu nối quan trọng giữa các doanh nghiệp, đầu mối trao đổi thông tin; sự hợp tác thông qua các tổ chức liên kết khu vực của các nước châu Phi; tổ chức các cuộc tiếp xúc, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về công nghiệp hóa, xây dựng đất nước, cải cách kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên... nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, cũng như toàn châu Phi. Trên cơ sở đó hướng tới phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa Việt Nam và châu Phi.

Mặc dù đến nay mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và châu Phi phát triển chưa cao, nhưng bước đầu đã đạt được một số kết quả thiết thực và khả quan. Trong tương lai, sự hợp tác này chắc chắn sẽ có nhiều triển vọng với nền tảng bền vững của tình đoàn kết, hữu nghị và quan hệ hợp tác truyền thống lâu đời. Việt Nam và châu Phi hiện nay đều mong muốn phát triển quan hệ kinh tế, thương mại ngang tầm với quan hệ chính trị tốt đẹp. Với tiềm năng và thuận lợi như trên, Việt Nam và châu Phi có đủ khả năng đẩy lùi những khó khăn, hạn chế, tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực.❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ DÂN VẬN TOÀN QUỐC

VỪA qua tại Hà Nội, Ban Dân vận Trung ương đã tổ chức Hội nghị công tác dân vận toàn quốc, tổng kết công tác dân vận năm 2004, triển khai nhiệm vụ công tác dân vận năm 2005 và quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (khóa IX).

Tới dự Hội nghị có các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương cùng đông đảo các đồng chí đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành ở trung ương, Ban Dân vận của các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Bản Báo cáo tổng kết công tác dân vận năm 2004 trình bày trước Hội nghị đã nêu rõ những thành tựu:

Một là, tham mưu cho các cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra sơ kết, tổng kết các chủ trương, công tác quần chúng; đổi mới hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân ngày càng có hiệu quả.

Hai là, tập trung vào một số việc trọng tâm, đúng, trúng với yêu cầu, nhiệm vụ, sát với tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

Ba là, việc xây dựng cơ sở chính trị của công tác quần chúng ở vùng khó khăn, trọng điểm được quan tâm và tập trung cao hơn, đã đạt được những yêu cầu đề ra của công tác vận động quần chúng.

Bốn là, hoạt động của Ban Dân vận cấp ủy các địa phương đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo có hiệu quả công tác vận động quần chúng. Tích cực, chủ động hơn trong việc phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể, các hội quần chúng, hướng dẫn, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhân các ngày lễ lớn của đất nước; góp phần tuyên truyền trong các tầng lớp nhân dân lòng tự hào và niềm tin vào truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng, quân đội và nhân dân ta; động viên phong trào thi đua yêu nước của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội. Ban Dân vận cấp ủy các địa phương đã cử nhiều cán bộ bám sát cơ sở, nắm bắt tình hình, phát hiện những vấn đề mà nhân dân quan tâm, phản ánh kịp thời với cấp ủy chỉ đạo giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở.

Năm là, các cấp ủy đã tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX): *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Về công tác dân tộc; Về công tác tôn giáo.* Tiến hành việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ; rà soát và thực hiện kế hoạch tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị *Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở;* tổng kết Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VII) *Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới;* tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TƯ của Ban Bí thư *Về một số công tác vùng dân tộc Mông;* hướng dẫn tổng kết 10 năm cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"...* ở nhiều loại hình cơ sở và địa phương.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Phan Diễn đã biểu dương thành tích, kết quả công tác dân vận của Đảng đạt được trong năm qua, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác vận động quần chúng. Đồng chí đánh giá cao Ban Dân vận các cấp đã chủ động, tích cực, bám sát phương hướng, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị công tác dân vận của Đảng. Đặc biệt, đã chú trọng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, tích cực, chủ động thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ của công tác dân vận.

Đồng chí nhấn mạnh: "Công tác dân vận trong thời gian tới cần tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX) *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Về công tác dân tộc; Về công tác tôn giáo;* tham gia củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, thiết thực đóng góp vào kết quả Đại hội Đảng bộ các cấp; phát huy dân chủ, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp, chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận; tiếp tục củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ngày càng bền chặt, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

P.V

Digitized by Google

THỊ XÃ NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 7 Lê Đại Hành - phường Thanh Bình - thị xã Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình * Điện thoại: 030 874 014; 828 006 ; 871 004

Bí thư
ĐINH NGỌC LÂM

Cách Hà Nội 92km về phía Nam, thị xã Ninh Bình nằm ở trung tâm của tỉnh Ninh Bình. Là trung tâm của quần thể di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, thị xã Ninh Bình hội tụ đủ những thế mạnh về địa linh: có sông lớn, núi cao, cảng thủy, quốc lộ 10, quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua, có sông Vân cùng những địa danh: núi Dục Thúy (còn gọi là núi Thúy hay hòn Non Nước), núi cánh diều gắn liền với những sự kiện lịch sử hào hùng của dân tộc.

Trước tháng 8/1945, số dân thị xã Ninh Bình là 5.000 người. Sau ngày 26/12/1991, khi Quốc hội thông qua Nghị quyết tái lập tỉnh Ninh Bình và Thị xã Ninh Bình là đơn vị tính lỵ từ 01/4/1992 với 4 phường và 1 xã. Với Nghị định 16/2004/ NĐ-CP của Chính phủ ra ngày 09/01/2004 về việc điều chỉnh, mở rộng hành chính thị xã, 6 xã của huyện Hoa Lư được chuyển về Thị xã Ninh Bình nâng diện tích tự nhiên của thị xã lên 46,3 km^2 và dân số lên 10,3 vạn người, thị xã có 14 đơn vị hành chính (8 phường và 6 xã). Đây là điều kiện tiền để thị xã phấn đấu trở thành Thành Phố vào trước năm 2010.

Hiện tại Thị xã Ninh Bình đang phát triển với tốc độ đô thị hóa cao, người nông dân cơ bản đã và đang chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang làm dịch vụ thương mại. Nghề mộc truyền thống ở xã Ninh Phong với những sản phẩm phong phú, đa dạng, từ mộc dân dụng đến cao cấp và hướng tới đồ mỹ nghệ; nghề thêu ren, đan thảm mang lại giá trị xuất khẩu cao... là những tiềm năng kinh tế của Thị xã Ninh Bình.

Năm 2004 là năm đánh dấu bước phát triển vượt bậc đáng ghi nhận của Đảng bộ và nhân dân thị xã Ninh Bình trên lộ trình xây dựng và phát triển thị xã trở thành thành phố. 10/10 chỉ tiêu kế hoạch năm 2004 đề ra đều hoàn thành và vượt mức; Kinh tế có bước phát triển khá (tốc độ tăng trưởng 10%); Hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống của nhân dân ổn định, nhiều mặt được cải thiện; an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng địa phương được củng cố, tăng cường; Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể được nâng lên về chất lượng. Cụ thể là:

1. VỀ KINH TẾ:

❖ Năm 2004, kinh tế Thị xã Ninh Bình có sự chuyển biến tích cực: Giá trị sản xuất CN- TTCN trên địa bàn thị xã đạt 728,9 tỉ đồng, trong đó CN- TTCN ngoài quốc doanh đạt 166,6 tỉ đồng (vượt kế hoạch 34%). Hoạt động thương mại - dịch vụ được khuyến khích đầu tư và có sự phát triển mạnh. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất canh tác nông nghiệp đạt 25,1 triệu đồng, toàn thị xã có 12 cánh đồng đạt giá trị 50 triệu đồng/ha/năm và 164 hộ nông dân có thu nhập 50 triệu đồng/năm.

❖ Bằng nhiều biện pháp tập trung chỉ đạo, Thị xã Ninh Bình có số thu ngân sách cao nhất từ trước đến nay: 173,474 tỉ đồng bằng 120% kế hoạch. Công tác quy hoạch, quản lý và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị được đặc biệt coi trọng.

2. VỀ VĂN HÓA -XÃ HỘI:

❖ Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được triển khai rộng khắp và tiếp tục phát huy tác dụng, nếp sống văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng lên. Năm 2004 toàn thị có 79,8% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 96% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

❖ Công tác giáo dục và đào tạo phát triển cả về quy mô và chất lượng. Thị xã có 13/14 trường tiểu học, 2/12 trường THCS, 2/14 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; thị xã đã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng, hiện nay toàn thị có 2 đơn vị đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở.

3. VỀ AN NINH- QUỐC PHÒNG

❖ An ninh- quốc phòng trên địa bàn luôn ổn định, không có phức tạp lớn xảy ra. Công tác phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tăng cường. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng như công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, thực hiện đạt kết quả cao, góp phần giữ vững an ninh chính trị- trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

4. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

❖ Xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, thị xã Ninh Bình đã coi trọng và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, do vậy sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng không ngừng được nâng lên. Hiện nay, toàn Đảng bộ có 100 tổ chức cơ sở đảng với 7.534 đảng viên.

❖ Từ sự nỗ lực và những thành tích đã đạt được trong những năm qua, năm 2004 Đảng bộ thị xã Ninh Bình được Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc nhất tỉnh nhiệm kỳ 2000-2005.

❖ Với vị trí là trung tâm chính trị- kinh tế- văn hóa xã hội của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân thị xã Ninh Bình đã và đang nỗ lực phấn đấu để được công nhận là đô thị loại III trong năm 2005 và trở thành thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2010.

Digitized by Google

Bí thư
DƯƠNG THỊ THU HIỀN

Huyện TÂN CHÂU

Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 48/HĐBT ngày 13/05/1989 của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở tách từ hai huyện Dương Minh Châu và Tân Biên. Tân Châu có diện tích đất tự nhiên là : 111,112 ha, gồm 12 xã , thị trấn . Dân số trên 107.643 người bao gồm nhiều dân tộc anh em.

Trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc , Tân Châu là căn cứ kháng chiến của Xứ ủy Nam Kỳ , của các cơ quan lãnh đạo tỉnh và là nơi đứng chân của bộ đội chủ lực Miền. Với những thành tích đóng góp trong kháng chiến chống Mỹ, huyện Tân Châu có 02 xã Tân Đông và Tân Hưng đã được Đảng và nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang, 21 bà mẹ được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng thưởng 859 huân, huy chương các loại cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân .

VỀ KINH TẾ

Tân Châu có mức tăng trưởng kinh tế khá cao , bình quân hàng năm là: 25,14%. Trong đó:

- Nông nghiệp tăng trưởng bình quân hàng năm là 18,35%.
- Tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong nông nghiệp đạt 7,19%.
- Về lâm nghiệp, tổng diện tích rừng hiện có là 23.307 ha trong đó diện tích rừng trồng là 2.073 ha .
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 48,12%.

VĂN HOÁ XÃ HỘI

- Về giáo dục, huyện có 69 trường với 512 phòng học, đa số các cơ sở trường lớp trên địa bàn đã và đang được kiên cố hóa.
- Đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 5,59% dân số của huyện, được sự quan tâm của địa phương đến nay đã có cuộc sống định canh, định cư điều kiện kinh tế ngày càng được cải thiện .
- Hoạt động tín ngưỡng trong các tôn giáo được tôn trọng từ đó xây dựng khối đại đoàn kết trong huyện ngày càng gắn bó.
- Về y tế, đa số các trạm y tế đều có bác sỹ và đã có 01 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở (Tân Thanh). Hầu hết các xã đều có nhà văn hoá, nhà mẫu giáo, trường học, y tế...

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng Đảng được triển khai toàn diện trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Khi mới thành lập Đảng bộ huyện Tân Châu có 24 chi đảng bộ trực thuộc với 609 đảng viên, đến nay có 1.352 đảng viên với 44 chi đảng bộ cơ sở, có 38 chi đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, tỷ lệ 86,36%. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng viên cũng từng bước được nâng lên cả về số lẫn chất lượng.

Digitized by Google

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 567- Lê Duẩn- TP. Buôn Ma Thuật- T. DakLak * Tel.050.852290.Fax.050.855572 * Email: daihoctn@dng.vnn.vn

Hiệu trưởng: PGS.TS NGUYỄN XUÂN THAO

Trường đại học Tây Nguyên được thành lập ngày 11-11-1977

CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: Khoa Sư phạm, Khoa Y - Dược, Khoa Nông- Lâm nghiệp, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Khoa Mác-Lê-nin, Khoa Đào tạo tại chức, Khoa Dự bị tạo nguồn và Trung tâm giáo dục quốc phòng.

VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ: Trường hiện có 424 CBCC, trong đó có 190 nữ; 30 CBCC là người dân tộc thiểu số; 305 cán bộ giảng dạy, 2 phó giáo sư, 35 tiến sĩ, 115 thạc sỹ, 106 giảng viên chính, 16 bác sĩ CKI.

VỀ ĐÀO TẠO: Qua gần 27 năm xây dựng và trưởng thành ĐH Tây Nguyên đã đào tạo được 8.073 sinh viên, trong đó 1.200 là người dân tộc thiểu số. Số sinh viên tốt nghiệp theo các ngành như sau: 2.447 bác sĩ, 3.001 kỹ sư nông nghiệp, 1.916 cử nhân sư phạm, 609 cử nhân kinh tế nông nghiệp. Liên kết đào tạo được 70 thạc sỹ ngành nông - lâm nghiệp, 3 thạc sỹ ngành ký sinh trùng và vi sinh y học, 7 thạc sỹ tiếng Anh, 10 thạc sỹ tin học, 161 cử nhân quản trị kinh doanh và quản lý đất đai, đào tạo và cấp chứng chỉ ngoại ngữ cho hơn 3.000 người, chứng chỉ tin học cho hơn 2.500 người.

Hiện tại, Nhà trường đào tạo 21 chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa, SP toán tin, SP ngữ văn, SP vật lý, SP sinh - kỹ thuật nông - lâm nghiệp, SP tiểu học, SP tiếng Anh, lâm sinh, trồng trọt, chăn nuôi thú y, bác sỹ thú y, bảo vệ thực vật, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, bảo quản và chế biến nông sản, kinh tế nông lâm, quản trị kinh doanh và kế toán, cử nhân điều dưỡng, cử nhân tin học và cử nhân sư phạm chính trị. Dự kiến năm học 2005 - 2006, Nhà trường mở thêm 2 ngành mới là sư phạm hóa học và sư phạm tiếng Pháp, liên kết với ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh đào tạo BS răng-hàm-mặt, dược sỹ trung, cao cấp; đề nghị Chính phủ cho phép đào tạo cao học 5 ngành: Trồng trọt, thú y, lâm học, sinh học thực nghiệm và ký sinh trùng - côn trùng Y học.

Tổng số sinh viên toàn trường tính đến ngày 30 - 11 - 2004 là trên 7.000; trong đó 5.052 SV hệ chính quy, 889 SV người dân tộc thiểu số (chiếm 17,6%). Liên kết đào tạo 63 thạc sỹ các chuyên ngành lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, kinh tế nông - lâm nghiệp.

Về nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế: Đang triển khai 01 đề tài cấp Nhà nước, 26 đề tài cấp Bộ, 09 đề tài cấp Tỉnh, 125 đề tài cấp cơ sở, 43 đề tài của sinh viên và 08 dự án với nước ngoài.

VỀ CÔNG TÁC TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT: Trường ĐH Tây Nguyên đã được Chính phủ thông qua Dự án Đầu tư cải tạo phát triển giai đoạn 2001 - 2010 với ngân sách 307 tỉ đồng.

THÀNH TÍCH: 1 Huân chương Lao động hạng 3 và 1 Huân chương Lao động hạng Nhì.

Mục tiêu tổng quát phát triển Trường ĐH Tây Nguyên giai đoạn 2002 - 2006: Tăng cường đoàn kết, ổn định Nhà trường, đổi mới đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất, đa cấp và đa dạng hóa mô hình đào tạo dựa trên cơ sở hiện có của Nhà trường, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị Nhà trường, phát huy có hiệu quả vai trò của Trường ĐH Tây Nguyên là Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, Trung tâm Khoa học- Công nghệ, Trung tâm Văn hóa của Tây Nguyên; từng bước xây dựng Nhà trường thành trường tiên tiến xuất sắc.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Tên giao dịch quốc tế: Power engineering consulting company 4 - Viết tắt là: PECC4

Trụ sở: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 058. 822 196 058. 822 197; Fax: 058. 824 208
Giám đốc: Kỹ sư **PHẠM MINH SƠN**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Tư vấn, dịch vụ về xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và các công trình công nghiệp, dân dụng khác, bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng.
- Khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình.
- Dịch vụ tư vấn đấu thầu thiết kế.
- Mua sắm vật tư, thiết bị, thí nghiệm vật liệu xây dựng, thẩm định, kiểm định chất lượng, giám sát xây dựng và quản lý dự án.

Digitized by Google

CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

KHÁNH HÒA

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG I

Trụ sở: Số 58 Yersin - TP. Nha Trang - T. Khánh Hòa
Điện thoại: 058.822 313 - 822 315 - 811 586
Fax: 058.810740 * Email: Ctnnt@dng.vnn.vn
Giám đốc: KS TRẦN VĂN HUY

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

☆ Sản xuất và cung cấp nước sạch.

☆ Khảo sát thiết kế công trình đầu mối và hệ thống mạng lưới cấp thoát nước.

☆ Thi công xây lắp công trình đầu mối và hệ thống mạng lưới cấp thoát nước.

BẰNG NGUỒN VỐN VAY NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á, CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN:

☆ Nâng công suất nhà máy nước Võ Cạnh từ 30.000m^3/ngày đêm lên 60.000m^3/ngày đêm, đưa công suất cấp nước cho Nha Trang lên 75.000m^3/ngày đêm.

☆ Thi công mới và cải tạo thay thế 63.900m ống cấp nước các loại.

☆ Cải tạo hệ thống thoát nước, xây dựng mới và cải tạo các nhà vệ sinh công cộng.

☆ Chương trình giáo dục sức khỏe cộng đồng, môi trường đô thị.

☆ Hỗ trợ thực thi và tăng cường năng lực quản lý.

BẰNG NGUỒN VỐN TỰ CÓ CÔNG TY ĐÃ:

☆ Nâng công suất nhà máy nước Xuân Phong từ 8.000m^3/ngày đêm lên 15.000m^3/ngày đêm.

☆ Đầu tư hàng tỉ đồng để gia cố, tu bổ và nâng cấp đập tạm ngăn nước mặn sông Cái tại Xuân Phong, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho các nhu cầu của Nha Trang và Diên Khánh.

☆ Hằng năm, công ty đầu tư hàng tỉ đồng để thay thế và lắp đặt đồng hồ cho khách hàng thuê bao.

☆ Từ năm 1992 đến nay, Công ty cấp thoát nước Khánh Hòa liên tục hoàn thành xuất sắc kế hoạch của Nhà nước.

☆ Với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nhiều kinh nghiệm, công nhân tay nghề bậc cao, đủ các ngành nghề: điện, cấp thoát nước, xây dựng, hóa, cơ khí, tài chính, tin học, ngoại ngữ... Công ty cấp thoát nước Khánh Hòa đủ khả năng quản lý điều hành hệ thống và thực hiện các dự án đầu tư cấp thoát nước.

Digitized by Google

QUẬN LONG BIÊN

PHƯỜNG NGỌC LÂM

Phường Ngọc Lâm được thành lập trên cơ sở chia tách của thị trấn Gia Lâm, chính thức đi vào hoạt động được gần một năm. Là phường có tốc độ đô thị hóa nhanh, tình hình phức tạp, toàn phường có 27 tổ dân phố với 21.962 nhân khẩu, 33 chi bộ đảng với 612 đảng viên.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

Năm 2004, kinh tế theo hướng dịch vụ thương mại vẫn được xác định là mũi nhọn của địa phương, Đảng, chính quyền đã khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện để các hộ kinh doanh làm thủ tục đăng ký kinh doanh. Trên địa bàn phường có 1.468 hộ kinh doanh, tăng 223 hộ so với đầu năm 2004. Phường cũng đã tạo điều kiện cho 17 hộ vay quỹ hỗ trợ việc làm, với tổng số tiền là 100 triệu đồng; 92 hộ được vay vốn 300 triệu đồng để phát triển kinh tế từ các nguồn của các hội, đoàn thể mà không phải trả lãi...

Dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng ủy, UBND, hội đồng tư vấn thuế, lãnh đạo các tổ dân phố, việc chấp hành chính sách pháp luật trong kinh doanh tuy còn có một số hạn chế nhưng nhìn chung đã có nhiều chuyển biến.

CÔNG TÁC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm công tác giáo dục trên địa bàn. Phong trào hai tốt trong các nhà trường được phát huy và duy trì. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các nhà trường, xây mới trường tiểu học Ái Mộ và đã đưa vào sử dụng.

Công tác VHTT-TDTT phát triển mạnh, sâu rộng. Tổ chức nhiều hoạt động VHVN- TDTT chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Hoạt động thông tin tuyên truyền được triển khai theo đúng kế hoạch. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở" tiếp tục được duy trì và phát triển ở các tổ dân phố.

Chăm lo tốt hoạt động chính sách, xã hội. Các chế độ chính sách được chi trả đầy đủ. Thường xuyên quan tâm thăm hỏi, tặng quà tới các gia đình chính sách, gia đình khó khăn trong các ngày lễ, tết.

Thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn. Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, KHHGĐ.

AN NINH QUỐC PHÒNG:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định, góp phần bảo vệ an toàn tuyệt đối trong những ngày lễ, hoạt động chính trị lớn. Triển khai thực hiện tốt các Nghị định 36, 39, 40,87/CP của Chính phủ; Chỉ thị 408/TTg; kế hoạch 05 của Quận ủy, kế hoạch số 32 của UBND quận đến tất cả các chi bộ Đảng và các tổ dân phố.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc và đấu tranh chống các loại tội phạm được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo nhân dân, tạo sự đồng bộ từ phường tới các tổ dân phố, đến từng hộ gia đình.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ Đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Đảng bộ duy trì việc học nghị quyết, nghe thời sự, hằng tháng cung cấp tin nội bộ, báo, tạp chí Xây dựng Đảng cho các chi bộ.

Xây dựng Đảng bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị.

Lãnh đạo chia tách tổ dân phố và thành lập 33 chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2005:

Tốc độ tăng giá trị SXCN- XDCB: 18%.

Tốc độ tăng giá trị SX thương mại DV: 18%.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đường, điện chiếu sáng, hệ thống tiêu thoát nước, trụ sở các tổ dân số,...

Duy trì tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở".

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa và dịch vụ văn hóa.

Tăng cường thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng bộ, chi bộ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên có chuyên môn, bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Địa chỉ: 41 Nguyễn Sơn, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội * Điện thoại: 04.8732 823

Digitized by Google

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM HẢI PHÒNG (HSP)

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Hợp tác - liên kết đào tạo chuyên viên CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế nói riêng, đào tạo nguồn nhân lực CNTT nói chung.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, xúc tiến phát triển CNTT trên địa bàn thành phố Hải Phòng và trong khu vực: dịch vụ gia tăng trên Internet, quảng cáo trưng bày, hội thảo, triển lãm công nghệ sản phẩm mới, cho thuê văn phòng, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, gia công phần mềm...
- Tạo môi trường, tổ chức và hợp tác triển khai các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT nói chung, công nghệ phần mềm nói riêng. Thực hiện các dịch vụ về CNTT như cung cấp giải pháp, cung ứng thiết kế lắp đặt các hệ thống mạng và thiết bị truyền dẫn, tư vấn chuyển giao công nghệ.
- Hợp tác và liên kết trong nước, quốc tế trong lĩnh vực CNTT và công nghệ phần mềm.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2004:

- Khai trương Trung tâm đào tạo quốc tế về CNTT (hợp tác với Tập đoàn NIIT Ấn Độ). Triển khai 06 khoá đào tạo chuyên viên CNTT theo t/c quốc tế (hệ 2 năm) với trên 100 học viên theo học. Các loại hình đào tạo tin học khác với 120 lượt học viên.
- Triển khai 21 hợp đồng dịch vụ tư vấn xây dựng dự án tin học hoá, cung cấp giải pháp mạng, giải pháp phần mềm, thiết kế website, dịch vụ Webhosting... cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và khu vực.
- Tham gia nhiều hoạt động trong phạm vi Đề án 112 và Chương trình ứng dụng và phát triển CNTT thành phố Hải Phòng.

Giám đốc Trung tâm
BÙI THANH TÙNG

Khai giảng lớp tập huấn sử dụng chương trình Cơ sở dữ liệu điện tử kho bạc - tài chính

Khai trương Học viện Quốc tế đào tạo Công Nghệ Thông Tin NIIT tại Hải Phòng

Hội nghị tổng kết năm 2003 và định hướng kế hoạch công tác năm 2004

Digitized by Google

CTY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

(TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING JOINT STOCK COMPANY)

VĂN PHÒNG CÔNG TY: 1D Phạm Ngũ Lão, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
TEL : (071) 825 848, 825 850 - FAX : (84.71) 825 844 - E-mail : tsc@hcm.vnn.vn
CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH : 785 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q. 7, TP.HCM
Tel : (08) 7 750 432, 7 750 433 - Fax : (08) 7 750 435

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản
- Nhập khẩu kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp

Digitized by Google

VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN

Giám đốc: TRẦN ĐĂNG LẦU

Địa chỉ: xã Xuân Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 0210 875 069 - 0210 875 070

Vườn Quốc gia Xuân Sơn - Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ nằm ở điểm cuối của dãy Hoàng Liên Sơn, cách thành phố Việt Trì 90km, cách Hà Nội 120km.VQG có hệ sinh thái phong phú, cảnh quan đa dạng tạo nên nét khác biệt của VQG. Cùng với các giá trị văn hóa phong phú: văn hóa ẩm thực, phong tục tập quán, VQG Xuân Sơn được coi như viên ngọc bích ở phía Tây tỉnh Phú Thọ.

Vườn có 2.432ha rừng nguyên sinh cùng hàng trăm hang động tuyệt mỹ, 99% hang động còn nguyên vẹn. Trong các hang lưng chừng núi có loài dơi ăn quả sinh sống, số lượng nhiều nhất miền Bắc. Hệ thống sông suối, bãi sỏi dài hàng chục km với hệ động vật phong phú như cá chiên, cá quát, cá măng xanh, cá chép, cá rô mo, chạch trâu xanh, trai núi...(riêng cá chiên, cá măng, cá chép có con nặng hàng chục kilôgam). Hệ thực vật là kho giống cây bản địa, kho cây thuốc khổng lồ, đặc biệt có cây rau sắng mọc tự nhiên với mật độ cao nhất miền Bắc, cho sản lượng hạt giống nhiều tấn/năm. Còn có cây chè Shan tuyết, trà mi, đỗ quyên, nghiến, đồi, chò chỉ, chò vảy... xen lẫn những thung lũng ruộng bậc thang chưa từng biết mất mùa. Về thú có hổ, báo, sơn dương, cầy, sóc, vượn, voọc xám, gấu, nai, hoẵng....Về chim có gà lôi, gà tiền, đại bàng đất... ngoài ra còn có rùa vàng, rùa đỏ, trăn, rắn các loại.

Kho tàng văn hóa bản địa cần nghiên cứu để bảo tồn và phát triển bền vững. Đồng bào phúc hậu, thân thiện, yêu thiên nhiên, hiếu khách. Thật hạnh phúc cho những ai được đến vùng này.

CÁC HOẠT ĐỘNG:

Chương trình bảo vệ vốn rừng, cảnh quan thiên nhiên: Vận dụng chiến lược tổng hợp bố trí các trạm kiểm lâm xen kẽ các trạm gác rừng ở các thôn bản do thanh niên bản tự quản, cán bộ VQG giúp đỡ, các già làng tư vấn. Mỗi thôn bản có một đội bảo vệ rừng. Hợp đồng bảo vệ rừng được ký với công an huyện, đội phong trào, đội cảnh sát kinh tế, cảnh sát giao thông, các ban công an xã ở vùng chính và vùng đệm. Thi công đường băng cản lửa kết hợp giao thông, đường nhựa vào VQG. Tổ chức các diễn đàn của các tổ chức chính trị trong vùng phối hợp tuyên truyền bảo vệ rừng.

Chương trình phát triển: Nghiên cứu bảo tồn phát triển vùng rau sắng, chè Shan tuyết. Kế hoạch trồng rừng phòng hộ bằng các loài cây này từ năm 2001 đến 2010 trồng 1000 ha (tính đến năm 2005 đã trồng được 600ha). Đang tiến hành nghiên cứu phát triển cây trúc sào, mô hình chè chất lượng cao, các công trình phòng cháy, các công trình nâng cao đời sống cán bộ nhân viên VQG và đồng bào dân tộc trong vùng, xây dựng dự án du lịch sinh thái. Nghiên cứu công trình chống sạt lở đường vào VQG bằng hệ thống cây bản địa quí hiếm (con đường kinh tế xanh)

Vầu đắng

Tuần tra rừng

Hang Cỏ

Hồ trên núi

Thành tích: nhiều năm được tặng bằng khen của bộ chủ quản, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng Liên đoàn, Thủ tướng Chính phủ.

Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001) và Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2004)

Digitized by Google

S/30

Nhiệt Liệt Chào Mừng
30 năm Ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước
và Ngày Quốc Tế Lao Động 1/5

30/4/1975
30/4/2005

Kymdan - Chăm sóc sức khỏe của bạn từ giấc ngủ

kD
KYMDAN
SINCE 1954

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 28 PHÒ TỰU LÝ - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 60000

AX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

UNIV. OF MICH.
JUN 07 2005
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Huyện Bình Liêu

Bí thư
NGUYỄN TUẤN BÌNH

Bình Liêu là một huyện miền núi cao, biên giới và dân tộc, nằm ở vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh. Toàn huyện có 7 xã và 1 thị trấn (trong đó có 6 xã biên giới); đường biên giáp với tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc có chiều dài 48,6km, có cửa khẩu Quốc gia Hoành Mô tạo điều kiện để phát triển kinh tế cửa khẩu. Tổng diện tích toàn huyện 471,6km², trong đó đất nông nghiệp chiếm 15,6%; đất lâm nghiệp 70%, còn lại là đất khác. Dân số Bình Liêu gần 27 vạn, dân tộc thiểu số chiếm 96% (Tày, Dao, Sán chỉ, Hoa, Nùng...).

Năm 2004, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Bình Liêu đoàn kết một lòng, chung sức xây dựng quê hương, đưa huyện nhà vững bước tiến lên. Cụ thể như sau:

1. KINH TẾ:

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp đạt 60,7 tỉ đồng. Trong đó, giá trị trồng trọt đạt 29,4 tỉ đồng tăng 2,4%; giá trị chăn nuôi đạt 10,2 tỉ đồng, tăng 6,2%; giá trị sản xuất lâm nghiệp 21,1 tỉ đồng, tăng 4,46% (so năm 2003).
- Thu ngân sách tăng 82%.
- CN - TTCN tăng 7,53% (trong đó: khu vực quốc doanh tăng 5,4%, ngoài quốc doanh 7,6%).
- Đầu tư xã hội trên địa bàn được tăng cường: trong 4 năm (2001-2004) đạt 258,6 tỉ đồng, tăng bình quân 26,5%/năm.
- Hình thành khu vực trồng cây đặc sản xuất khẩu: hồi, quế, với tổng diện tích 6.700 héc-ta.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển.

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Giáo dục: 100% thôn, khe bản có trường lớp, 100% xã có trường THCS.
- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân: Trung tâm y tế và các trạm xá xã được đầu tư nâng cấp, thiết bị y tế từng bước được trang bị đầy đủ, từng bước hiện đại. Các chương trình mục tiêu về y tế được thực hiện có hiệu quả: 90-98% trẻ em trong độ tuổi được tiêm đủ 6 loại vắc-xin.
- Tỷ lệ đói nghèo giảm trung bình hàng năm từ 2,5-3,6%.

Phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" được quan tâm chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả.

- Đời sống tinh thần được từng bước cải thiện và nâng lên.

3. XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh cho đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc. Tăng cường chăm lo, xây dựng và củng cố sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc, đoàn kết quân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp góp phần giữ vững, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Làm tốt công tác phát triển Đảng, đảm bảo đạt 5-7% so tổng số đảng viên. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sắp xếp cán bộ, thực hiện luân chuyển cán bộ theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, thường xuyên quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các dân tộc thiểu số: Tày, Dao, Sán chỉ, cán bộ nữ.

Địa chỉ: khu Bình Quyền - thị trấn Bình Liêu - huyện Bình Liêu - tỉnh Quảng Ninh * ĐT: 033 878 247; 878 249

THÁNG 2 KỲ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 733

10

5-2005

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Quảng trường Hồ Chí Minh (TP Vinh - Nghệ An)
Ảnh: Sỹ Minh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 115 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 - 19-5-2005)

NGUYỄN THẾ TRỊ - Chuẩn mực giá trị đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng mới 3

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh 7

ĐẶNG ĐÌNH PHÚ - Hồ Chí Minh nói về tự phê bình và phê bình trong Đảng 11

NGUYỄN THỊ NGA - Phát huy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước ta hiện nay 15

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TÔ HUY RỨA - Xây dựng văn hóa Đảng trong tình hình mới 21

TÀO HỮU PHÙNG - Ngân sách nhà nước với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta 26

PHẠM KHÔI NGUYÊN - Bảo vệ môi trường - cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững 31

MAI TRUNG HẬU - Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức - vấn đề bức xúc trong cải cách hành chính 36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRỊNH LONG BIÊN - Xây dựng Điện Biên thành tỉnh giàu đẹp của miền Tây Bắc Tổ quốc 41

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN - Luồng phim sử thi - anh hùng ca: thành tựu, ước mong 46

ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO - TRẦN THỊ THU PHƯƠNG - Vấn đề xuất khẩu lao động của nước ta 49

PHẠM HIỆP - VÕ DUY CHẤT - Kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo ở huyện miền núi Nam Đông 54

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Chuyện quy hoạch 60

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỖ CÔNG ĐỊNH - Nguồn nhân lực Việt Nam: thực trạng và kiến nghị 61

NGUYỄN HỒNG NGỌC - Gia tăng dân số trở lại - nguyên nhân và giải pháp 65

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

PHẠM HỮU TIẾN - Đấu tranh chống mặt tiêu cực của toàn cầu hóa 70

TRẦN BÁ KHOA - Nhu cầu tăng cường hợp tác, liên kết khu vực Đông - Nam Á và Đông Á 75

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội thảo "Văn hóa Đảng và xây dựng văn hóa trong Đảng" 80

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• НГУЕН ТХЕ ЧИ: Моральная норма «Быть преданным своему отчеству и народу» президента Хо Ши Мина в новый революционный период. • ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Правящая Партия и Государство народа, созданное народом и ради народа по идеям Хо Ши Мина. • ДАНГ ДИНЬ ФУ: Хо Ши Мин о критике и самокритике в Партии. • НГУЕН ТХИ НГА: Углубление идеи Хо Ши Мина о всенародной сплоченности в сегодняшних условиях Вьетнама. • ТО ХУ РЫА: Строительство партийной культуры в новой обстановке. • ТАО ХЫУ ФУНГ: Госбюджет и переориентация экономической структуры во Вьетнаме. • ФАМ КХОЙ НГУЕН: Охрана окружающей среды – важная основа для обеспечения устойчивого развития. • МАЙ ЧУНГ ХАУ: Повышение ответственности кадров и служащих – неотложная проблема в административной реформе. • ЧИНЬ ЛОНГ БИЕН: Строительство Диенбиена красивой и богатой провинцией в Северо-западном Вьетнаме. • ДАНГ ДИНЬ ДАО – ЧАН ТХИ ТХУ ФЫОНГ: Проблема экспорта рабочей силы во Вьетнаме. • ФАМ ХЫУ ТИЕН: Борьба с негативными сторонами глобализации. • ЧАН БА КХОА: Необходимость развития сотрудничества, интеграции между Юго-Восточной Азией и Восточной Азией.

CONTENTS

• NGUYỄN THẾ TRỊ: Moral value standard "Be loyal to the country, be filial to the people" of President Hồ Chí Minh in the new revolution period. • TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Party in power and the State of the people, by the people and for the people in accordance with President Hồ Chí Minh's thoughts. • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: President Hồ Chí Minh's saying about critic and self-critic in the Party. • NGUYỄN THỊ NGA: Promoting the thoughts of great national solidarity of Hồ Chí Minh in contemporary conditions of Vietnam. • TÔ HUY RỨA: Building the Party culture in the new situation. • TÀO HỮU PHÙNG: State budget and the shifting economic structure in Vietnam. • PHẠM KHÔI NGUYÊN: Environment protection – an important ground to ensure sustainable development. • MAI TRUNG HẬU: Enhancing responsibility of cadres, state employees – an urgent problem in administrative reforms. • TRỊNH LONG BIÊN: Building and making Điện Biên province be a rich and beautiful province of the North-West of the Motherland. • ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO – TRẦN THỊ THU PHƯƠNG: The problem of exporting labour of Vietnam. • PHẠM HỮU TIẾN: Struggling against the negative side of globalisation. • TRẦN BÁ KHOA:The demand of increasing cooperation and integration in the regions of Southeast Asia and East Asia.

SOMMAIRE

• NGUYỄN THẾ TRỊ: La norme morale "Dévoué à la Patrie, pieux envers le peuple", déterminée par le Président Ho Chi Minh, dans la nouvelle phase de la révolution. • TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Le parti au pouvoir et l'Etat du peuple, par le peuple et pour le peuple d'après la pensée de Ho Chi Minh. • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: Ho Chi Minh parle de l'autocritique et de la critique au sein du Parti. • NGUYỄN THỊ NGA: La valorisation de la pensée de Ho Chi Minh sur la grande union nationale dans les conditions actuelles de notre pays. • TÔ HUY RỨA: Edifier une culture de Parti dans la nouvelle conjoncture. • TÀO HỮU PHÙNG: Le budget étatique et la restructuration économique dans notre pays. • PHẠM KHÔI NGUYÊN: La protection de l'environnement – facteur important assurant un développement durable. • MAI TRUNG HẬU: Elever l'esprit de responsabilité chez les cadres et fonctionnaires – un problème urgent de la réforme administrative. • TRỊNH LONG BIÊN: Faire du Dien Bien une belle et riche province du Nord-Ouest du pays. • ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO – TRẦN THỊ THU PHƯƠNG: A propos de l'exportation de la main-d'œuvre de notre pays. • PHẠM HỮU TIẾN: La lutte contre le côté négatif de la mondialisation. • TRẦN BÁ KHOA: Sur le besoin d'intensifier la coopération et l'alliance entre l'Asie du Sud-Est et l'Asie de l'Est.

SUMARIO

• NGUYỄN THẾ TRỊ : La norma del valor de virtud "leal al Partido y al pueblo" del presidente Ho Chi Minh en la nueva etapa de la revolución. • TRẦN XUÂN TRƯỜNG: El partido en el poder y el Estado del pueblo, por el pueblo, para el pueblo según el pensamiento de Ho Chi Minh. • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: Palabras de Ho Chi Minh sobre la crítica y autocrítica en el Partido. • NGUYỄN THỊ NGA: Desplegar el pensamiento de gran unidad nacional de Hồ Chí Minh en las actuales condiciones de nuestro país. • TÔ HUY RỨA: Construir la cultura del Partido en la nueva coyuntura. • TÀO HỮU PHÙNG: El presupuesto estatal y la transmutación de estructura económica en nuestro país. • PHẠM KHÔI NGUYÊN: La protección del medio ambiente – base importante para asegurar un desarrollo estable. • MAI TRUNG HẬU: La elevación de responsabilidad de los cuadros y funcionarios – problema candente en la reforma administrativa. • TRỊNH LONG BIÊN. Construir Điên Biên en una provincia rica y bonita en la región noroeste de la patria. • ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO-TRẦN THỊ THU PHƯƠNG: El problema de exportación de fuerza laboral de nuestro país. • PHẠM HỮU TIẾN: La lucha contra los aspectos negativos de la globalización. • TRẦN BÁ KHOA: Las demandas de fortalecer la cooperación y la integración entre las regiones de Sudeste de Asia y Este de Asia.

目 录

• 阮世治：在新革命阶段中胡志明主席“忠于国、孝于民”的道德价值准绳 • 陈春长：按胡志明思想的执政党和民有民享民治国家 • 邓廷富：胡志明论述党中批评和自我批评 • 阮氏娥：在我国目前条件下发挥胡志明有关民族大团结思想 • 苏辉若：在新形势下建设党文化 • 曹友冯：越南国家财政预算及经济结构转移 • 范魁元：环境保护——保障稳固发展的重要基础 • 梅忠厚：提高干部、公务员的责任精神是行政改革的迫切问题 • 郑龙编：把奠边省建设成为西北地区最富饶美丽的省份 • 邓廷陶、陈氏秋芳：越南劳务出口问题 • 范友进：反全球化消极面的斗争 • 陈伯科：增强东南亚及东亚地区之间的合作、联结需求。

Digitized by Google

CHUẨN MỰC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC "TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

NGUYỄN THẾ TRỊ *

LỊCH sử của dân tộc ta là lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, xây đắp Tổ quốc Việt Nam thống nhất, hùng cường. Trong quá trình lịch sử đó, nhiều luồng văn hóa, đạo đức trên thế giới, nhất là học thuyết Nho giáo của Khổng Tử, mà xương sống của nó là *thuyết trung quân* đã du nhập vào nước ta, nhưng chẳng những chúng không thể đồng hóa được nền văn hóa, cốt cách con người Việt Nam, mà trái lại nhân dân ta, trước hết là các nhà nho yêu nước tiếp thu, chọn lọc, cải biến chúng cho thích hợp với cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, không ngừng làm phong phú hơn nền văn hóa truyền thống của mình.

Theo quan niệm cũ, chữ *trung* là đạo thờ vua, chữ *hiếu* là đạo thờ cha mẹ. Tuy đường đạo này có ưu điểm là răn dạy con người luôn biết "tu dưỡng đạo đức cá nhân", nhưng lại có nhiều yếu tố chật hẹp, không phù hợp với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì thế, qua các thời kỳ lịch sử, ông cha ta đã tiếp biến những khái niệm của Nho giáo, trước hết là chữ *trung*, chữ *hiếu* để chọn lọc, tiếp thu những mặt tích cực, gạt bỏ những mặt hạn chế, từng bước bổ sung, phát triển ngày càng hoàn thiện khái niệm này cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, cốt cách con người Việt Nam. Những mẫu hình về phẩm chất *trung, hiếu* của người Việt Nam luôn mang tính nhân bản và đậm đà bản sắc dân tộc. Trên nền tảng truyền thống yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng ý nghĩa, phẩm chất của khái niệm *trung* ở đây là *trung với nước, hiếu* là *hiếu với dân;* cải biến, đổi mới thang bậc giá trị cũ thành chuẩn mực giá trị đạo đức mới - đạo đức cách mạng ở phạm vi rộng lớn hơn. Tư tưởng *trung, hiếu* trên đây của Hồ Chí Minh được ví như C.Mác, Ph. Ăng-ghen đã sử dụng phép biện chứng duy tâm của Ph. Hê-ghen và đảo lại thế đứng của phép biện chứng ấy.

Chuẩn mực đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" theo Hồ Chí Minh cũng chính là giá trị tư tưởng "ái quốc, ái dân". Khi nước mất, nhà tan thì mọi người có tinh thần yêu nước, có tinh thần dân tộc phải tìm đường cứu nước, cứu dân. Khi có nền độc lập dân tộc, nếu lúc đất nước bị lâm nguy, phải quyết tâm bảo vệ giang sơn gấm vóc của tổ tiên để lại với tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", "Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không

* PGS, TS, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thượng tướng, Giám đốc Học viện Quốc phòng

Digitized by Google

chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương mẫu mực trong thực hành chuẩn mực đạo đức "trung với nước, hiếu với dân". Người ra đi tìm đường cứu nước không phải để vinh thân, phì gia mà là để cứu nước, cứu dân. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là cả quá trình đấu tranh, cống hiến cho Đảng, cho cách mạng, vì hạnh phúc của nhân dân, nên "hy sinh" không lập gia đình riêng. Người nói: "tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột"(1). Khi vận mệnh đất nước "ngàn cân treo sợi tóc", Người nói: "Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!"(2). Trong chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa, làm Chủ tịch nước cho đến lúc "đi xa", Người tuyệt đối không nhận quyền lực về mình theo lối trung quân. Cái vĩ đại của Hồ Chí Minh là xác định mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân còn mình chỉ là người "đầy tớ thật trung thành", hết lòng phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chuẩn mực đạo đức "trung với nước, hiếu với dân" đã phát triển lên một chất lượng mới, một tầm cao mới; lòng yêu nước quên mình đã được thể hiện ở những tấm gương sáng chói của hàng ngàn anh hùng liệt sỹ, của hàng triệu quần chúng nhân dân thuộc mọi tầng lớp, các lứa tuổi, ở cả tiền tuyến và hậu phương, tạo thành sức mạnh tổng hợp làm nên những chiến công hiển hách, đưa Việt Nam lên hàng các dân tộc đi tiên phong chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới trong thế kỷ XX.

Từ khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những mặt tốt cần tiếp tục phát huy, có không ít những phẩm giá đạo đức bị xói mòn, suy giảm nghiêm trọng. Chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, nạn tham nhũng, buôn gian, bán lận... đang có chiều hướng phát triển. Trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước xu thế mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta phải làm những việc lớn rất mới mẻ, trong đó có những việc còn phải tiếp tục nghiên cứu. Vấn đề bảo đảm độc lập chủ quyền và lợi ích quốc gia, dân tộc luôn là vấn đề thời sự nóng hổi. Các nước tư bản phát triển có nhiều lợi thế trong cạnh tranh thương mại, các nước chậm phát triển dễ bị thua thiệt nhiều mặt; mục tiêu các nước tư bản theo đuổi không dừng lại ở việc cướp đoạt lợi nhuận mà họ còn tìm cách chi phối, khống chế thị trường thế giới, mưu toan cột chặt nền kinh tế các nước đi theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

Những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, thành phần kinh tế nhà nước đang có nhiều cố gắng vượt qua thách thức, vươn lên đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân đã và đang chiếm một tỷ trọng đáng kể, hàng ngàn công ty liên doanh với tư bản nước ngoài và công ty tư bản, tư nhân trong nước đang phát triển với nhiều quy mô khác nhau. Để khuyến khích làm giàu chính đáng, Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện cho nhiều người, trong đó có một bộ phận cán bộ, đảng viên làm giàu một cách chính đáng. Tất cả những cố gắng đó đã góp phần

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 40

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 246

Digitized by Google

khắc phục những mặt yếu kém của thời kỳ quan liêu, bao cấp, làm cho bộ mặt của nền kinh tế nước nhà không ngừng khởi sắc. Tuy nhiên, trong xã hội đang có sự phân hóa giàu nghèo, một bộ phận nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động, đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa vẫn còn đói nghèo, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, bức xúc. Tiêu cực xã hội phát triển, lối sống tư sản trỗi dậy. Vì lợi nhuận người ta buôn gian, bán lận, lừa đảo, rút ruột công trình, ăn cắp tài sản quốc gia. Không ít người đã giảm sút ý chí chiến đấu, thiếu tinh thần trách nhiệm, kém gương mẫu, thoái hóa, biến chất, dùng tiền để chạy chức, chạy quyền, hám danh, trục lợi, sống xa dân và bằng cách đó họ đang tiến sâu và leo cao trong bộ máy công quyền là những việc đáng lo ngại. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đánh giá: "nạn tham nhũng, dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu cửa quyền, sách nhiễu nhân dân khá phổ biến". Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII tiếp tục nhấn mạnh: "Tình trạng tham nhũng và tệ nạn xã hội chưa ngăn chặn được. Tình trạng "móc ngoặc", "chạy chọt" đang phát triển; kiểu sống xa hoa, hưởng lạc không phải là trường hợp cá biệt".

Vậy trong điều kiện mới hiện nay, chuẩn mực giá trị đạo đức "trung với nước, hiếu với dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thực hiện được không và thực hiện như thế nào. Với tư cách là những người đảng viên cộng sản, chúng ta khẳng định, chuẩn mực giá trị đạo đức ấy sẽ được thực hiện thắng lợi, vì nó tiếp tục là nền tảng của đạo đức cách mạng trong thời kỳ mới của xã hội nước ta.

Về lý luận, trong tác phẩm *Chống Đuy-rinh,* Ph. Ăng-ghen chỉ rõ: Trong xã hội có nhiều loại đạo đức, nhưng được chia thành ba loại chính, đó là đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản và đạo đức vô sản, tương ứng với ba hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Con đường chúng ta đi đã được Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta lựa chọn là xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì nền tảng đạo đức tương ứng, không có gì khác hơn là đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về thực tiễn, khi đất nước ta chuyển từ kháng chiến sang hòa bình xây dựng đất nước, những phẩm chất mới đang hình thành, đan xen với những thói hư tật xấu cần phải đấu tranh khắc phục là điều dễ hiểu. Chúng ta cần nhận thấy, chuẩn mực giá trị đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định trong thế kỷ XX đến nay, nội dung của nó đã không ngừng phát triển. Nếu như trước đây "trung với nước, hiếu với dân" nhấn mạnh sự hy sinh, chiến đấu để giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, giải phóng nhân dân, thì ngày nay nội dung tư tưởng ấy được nhấn mạnh ở quyết tâm sắt đá bảo vệ vững chắc nền độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ những thành quả của sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta luôn nắm vững mục tiêu: xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, kết hợp giữa nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước, trên cơ sở nắm vững nguyên tắc: định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, thường xuyên đề cao cảnh giác, không mơ hồ trước mọi âm mưu đen tối của các thế lực thù địch lợi dụng các quan hệ

Digitized by Google

thương mại để xâm nhập, thực hiện "diễn biến hòa bình", phá hoại sự nghiệp đổi mới của nước ta.

Đạo đức cách mạng, mà nền tảng của nó là chuẩn mực "Trung với nước, hiếu với dân" luôn có quan hệ đến sức sống của chế độ chính trị mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang xây dựng. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn nắm vững những tiêu chí mới của đạo đức cách mạng hiện nay; vận dụng sát hợp vào từng lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, gắn chặt với đường lối đổi mới của Đảng, động viên mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên phải là lực lượng nòng cốt đi tiên phong trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng và gương mẫu hành động. Việc gì có lợi cho nước, cho dân thì phải gắng làm và làm tốt, việc gì có hại cho nước, cho dân thì kiên quyết tránh. Cảnh giác đánh bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trong nước và quốc tế lợi dụng xu thế mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, những mặt trái của nền kinh tế thị trường, lợi dụng sự quản lý của Nhà nước ta còn nhiều sơ hở và yếu kém, để chống phá cách mạng nước ta.

Trong giai đoạn cách mạng mới, trước sự tấn công của mặt trái cơ chế thị trường, với sự tác động của nhiều nhân tố phức tạp đan xen, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên bị phân hóa nghiêm trọng. Chuẩn mực giá trị đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" đang đứng trước những thách thức mới, nhất là trong khi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, thoái hóa, biến chất, phai nhạt lý tưởng cách mạng đã và đang gây ra hậu quả nghiêm trọng. Không ít cán bộ, đảng viên, công chức thực hiện công vụ lại tự coi mình là người gia ơn cho dân, tự cho mình cái quyền đòi hỏi sự trả ơn của nhân dân; thậm chí, coi công vụ của công chức là dịch vụ thị trường. Những hành vi đó khiến cho nhân dân bất bình, giảm sút lòng tin vào sự nghiệp của Đảng, vào chế độ. Để khắc phục tình trạng đó, cùng với việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách, phương thức phù hợp nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, công tác giáo dục tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần không ngừng đổi mới cả về nội dung và phương pháp. Cần có giải pháp lâu dài và biện pháp trước mắt nhằm nâng cao tính tự giác của cán bộ, đảng viên; tích cực đấu tranh khắc phục mọi sự suy thoái đạo đức, đẩy lùi các tệ nạn xã hội để chúng ta tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong nền kinh tế thị trường, quyết không để nước ta đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, kiên định mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hơn lúc nào hết, chuẩn mực giá trị đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là gạch nối biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, luôn sống mãi trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trước xu thế mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần làm cho các cấp, các ngành, mỗi người dân nắm vững đường lối của Đảng, thực hiện các bước đi thích hợp, hội nhập mạnh mẽ và sâu rộng kinh tế quốc tế nhưng vẫn giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn phấn đấu, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện mình thực sự "Trung với nước, hiếu với dân", biết đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, tiếp tục phát huy những phẩm chất anh hùng cách mạng trước đây trong điều kiện mới, gương mẫu trước nhân dân, được nhân dân tin yêu, đồng tình và ủng hộ. Làm tốt điều đó, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

NHÀ nước cách mạng Việt Nam ra đời từ cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã có vai trò cực kỳ to lớn trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước. Lịch sử 60 năm xây dựng Nhà nước đó đã để lại những bài học vô cùng phong phú.

Không nên hiểu rằng, cuộc cách mạng về chính trị chỉ diễn ra trong những ngày khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền mà cần hiểu đó mới chỉ là bước khởi đầu của cuộc cách mạng về chính trị. Nhà nước kiểu mới Việt Nam không phải đã có sẵn, mà phải được tìm tòi, xây dựng, sáng tạo nên. Cho nên, cuộc cách mạng về chính trị còn phải được tiếp tục, không phải bằng bạo lực như trong những ngày khởi nghĩa, mà bằng các cuộc cải cách không ngừng về thể chế và hành chính để cho một nhà nước kiểu mới thực sự ra đời, ngày càng hoàn bị hơn, phục vụ đắc lực công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và văn hóa.

Xây dựng nhà nước kiểu mới Việt Nam là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp. Ở đây, không những phải đấu tranh chống các thế lực thù địch bên ngoài và bên trong mà còn chống cả bọn "giặc nội xâm" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói; không những phải xây dựng bộ máy bạo lực trấn áp mà còn phải xây dựng bộ máy quản lý kinh tế và xã hội đủ mạnh để thực hiện tốt mặt tổ chức quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường như hiện nay. Công cuộc xây dựng này, về một số phương diện, còn khó khăn hơn cả việc xây dựng công cụ trấn áp cũng như bản thân sự trấn áp.

Từ chưa cầm quyền sang cầm quyền, đó là một sự thay đổi cơ bản trong điều kiện tồn tại và phát triển của một Đảng Cộng sản. Hàng loạt thử thách gay go mới được đặt ra trước Đảng Cộng sản. Một đảng anh hùng trong đấu tranh giành chính quyền vẫn có thể bị tiêu vong khi cầm quyền. Quan liêu, tham nhũng, hủ hóa luôn là những nguy cơ đe dọa làm mất phẩm chất của những người cộng sản cầm quyền. Nhà nước là một công cụ để cách mạng có thể chuyển từ nhiệm vụ phá hoại trật tự cũ sang xây dựng trật tự xã hội mới thì cũng đồng thời như một "cái bẫy" đối với những đảng viên cộng sản thiếu bản lĩnh. Đã có những người cộng sản chưa thấy hết chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng.

Những người cộng sản Việt Nam khẳng định rằng, muốn đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân thì Đảng phải cầm quyền. Lịch sử 60 năm qua, kể từ ngày 2-9-1945, chính là lịch sử Đảng ta cầm quyền và biết cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, Đảng phải cầm quyền, và Người đã chỉ ra con đường cầm quyền đúng đắn.

---

* GS, Trung tướng

Digitized by Google

Người để lại trong *Di chúc* tư tưởng bất hủ về Đảng: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" (1).

Đóng góp lý luận quan trọng hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam là đã gắn bó khăng khít hai yếu tố giai cấp và dân tộc trên mọi vấn đề của cách mạng Việt Nam. Phát triển tư tưởng đó của Người, tại Đại hội VII, Đảng ta chỉ rõ: "Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc. Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động, ở cả dân tộc. Cũng từ đó nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình" (2).

Là người theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng trung thành với lý luận về bản chất giai cấp của nhà nước, nhưng đối với Người, bản chất giai cấp của Nhà nước ta luôn thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Trong *Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi* (năm 1959), Người viết: "Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp"(3). "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo"(4). Nhà nước đó "phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến" (5). Và nó được tổ chức theo nguyên tắc tổ chức cơ bản của giai cấp công nhân: "Điều 4 Dự thảo Hiến pháp sửa đổi định rõ nguyên tắc tổ chức của Nhà nước ta là dân chủ tập trung... Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội"(6).

Nhà nước kiểu mới Việt Nam là sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc cho nên Nhà nước đó là Nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam chống lại bọn cướp nước và bán nước. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, không có sự đối lập giữa chuyên chính của giai cấp và chuyên chính của nhân dân. Trong điều kiện lịch sử của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Người đã phát triển một cách sáng tạo tư tưởng về liên minh công nông trong học thuyết chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã đưa ra ý tưởng về một khối liên minh nhân dân rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người viết: "Chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai? Dưới chế độ phong kiến, tư bản, chuyên chính là số ít người chuyên chính với đại đa số nhân dân. Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ của nhân dân. Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khóa. Nhà thì phải có cửa... *Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 510

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 128

(3), (4), (5), (6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 586, 588, 592

Digitized by Google

hoại,... Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ" (7).

Đảng ta trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền và lãnh đạo chính quyền một mình, không chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ một đảng phái chính trị nào khác. Thế nhưng, lãnh đạo một mình không có nghĩa là cầm quyền một mình. Đảng ta bao giờ cũng lãnh đạo nhân dân để nhân dân thực sự cầm quyền. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý niệm về nhân dân là chủ thể cầm quyền đã dẫn đến ý niệm về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong bài *Dân vận* (năm 1949), Người viết: "NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm *của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*" (8).

Lịch sử 60 năm Nhà nước Việt Nam chính là lịch sử Nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Mặc dù Nhà nước ta còn nhiều yếu kém và khuyết tật nhưng những ưu điểm, thành công của nó vẫn là mặt cơ bản. Không có những ưu điểm, thành công đó thì không thể có thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 60 năm qua. Chính vì xây dựng được một nhà nước vững mạnh, thể hiện bước đầu tính ưu việt của chế độ xã hội mới nên chúng ta mới đủ sức tự mình tìm ra các khuyết tật, từng bước khắc phục các khuyết tật, vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị gay gắt trong hệ thống xã hội chủ nghĩa - cuộc khủng hoảng từng nhấn chìm nhiều nhà nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Bằng sức mình, chúng ta tổng kết, đổi mới, cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Tuy chúng ta có tiếp thu những kinh nghiệm của phương Tây trong tổ chức, xây dựng bộ máy nhà nước nhưng không bao giờ rơi vào sùng bái một cách mù quáng, tiếp thu một cách giáo điều những kinh nghiệm đó.

Ở nước ta hiện nay, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có sự dao động nhất định về vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đã xuất hiện tư tưởng sùng bái nền dân chủ tư sản đa nguyên kiểu phương Tây; cho rằng, nếu chúng ta thực thi chế độ dân chủ kiểu phương Tây, sẽ được phương Tây giúp đỡ mạnh hơn, sẽ tiến bộ nhanh hơn. Cần khẳng định rằng, đó là một ảo tưởng sai lầm và nguy hiểm, bởi chủ nghĩa đế quốc không bao giờ thật lòng giúp đỡ các dân tộc.

Điều quyết định để có một nhà nước thực sự dân chủ là phải có một đảng thực sự dân chủ, một đảng theo chế độ tập trung dân chủ, vừa có dân chủ sâu rộng trong nội bộ, vừa có kỷ luật tập trung; và trong nội bộ đảng, phải tổ chức được sự phản biện và sự giám sát của toàn bộ các tổ chức đảng đối với việc thực hiện đường lối, chủ trương của đảng.

Vấn đề đặt ra đối với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phải tìm ra các hình thức để nhân dân thực sự nói lên tiếng nói của mình trên những vấn đề quan trọng của đời sống; triển khai một cách sâu rộng sự phản biện và giám sát xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Cần biết phát huy những cộng đồng có tiềm năng trí tuệ lớn: đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ; những cán bộ từng là lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp giàu trí tuệ và tâm huyết...

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không chỉ là xây dựng và hoàn thiện các hình thức dân chủ đại diện, mà còn là và nhất là xây dựng các hình thức dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Chính những hình thức dân chủ trực tiếp ở cơ sở nói lên tính ưu việt của dân chủ xã hội chủ nghĩa, góp phần tạo ra một nền dân chủ thực chất chứ không hình thức. Ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 30/CT - TW "Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở". Chỉ thị đó đã được Thường vụ Quốc hội, Chính phủ thể chế hóa thành các nghị quyết và hướng dẫn. Qua tổng kết thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở của cả nước, có thể thấy rằng, dân chủ ở cơ sở thực

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 279 - 280

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 698

Digitized by Google

sự đang là khâu đột phá của quá trình dân chủ hóa đất nước. Mặc dù việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở vừa qua không đều, một số cơ sở còn chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề và rơi vào hình thức chủ nghĩa, đặc biệt là chưa nêu gương về tự phê bình và phê bình..., nhưng đã đạt được những thành tựu rất đáng mừng, bước đầu tạo ra động lực mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở các cơ sở.

Trong việc xây dựng Nhà nước và nền dân chủ mới ở nước ta hiện nay, chúng ta không chỉ chống lại sự tấn công của tư tưởng dân chủ tư sản, mà còn phải chống lại những tàn dư, lề thói tiểu nông thuộc hệ tư tưởng phong kiến. Những tàn dư này vẫn tồn tại một cách dai dẳng trong các "tế bào" của hệ thống chính trị, dẫn đến sự trì trệ, quan liêu, kém hiệu lực của hệ thống chính trị, thậm chí có nơi bất lực, khiến cho nhân dân giảm phấn khởi và lòng tin.

Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta bỏ qua dân chủ tư sản để đi thẳng lên dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là một sự đi tắt trên con đường dân chủ nhưng không có nghĩa là chúng ta có thể bỏ qua được một số tiến bộ mà nền dân chủ tư sản đã đạt được. Xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, chúng ta nhất thiết phải xây dựng cho được một xã hội công dân mới tiến bộ hơn xã hội công dân tư sản.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đến nay đã 60 năm. Nền kinh tế nước ta hiện nay không còn là nền kinh tế tiểu nông nguyên vẹn nữa. Tuy nhiên, các tàn dư tư tưởng và lề thói phong kiến tiểu nông vẫn tồn tại. Ngày nay, có hai căn bệnh cơ bản của tư tưởng và lề thói phong kiến tiểu nông đang là trở lực lớn đối với sự phát triển của hệ thống chính trị nước ta là bệnh gia trưởng và thói tự do vô kỷ luật. Ở các cấp, nhiều người cầm quyền chưa phải là những người có đầu óc và thói quen dân chủ, chưa có văn hóa đối thoại và tranh luận, thích xu nịnh và bè phái... Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, đồng thời cũng là quy luật phát triển của bộ máy nhà nước. Hơn nữa, đối với bộ máy nhà nước, sự giám sát và quản lý nhà nước của cơ quan này đối với cơ quan kia, của người này đối với người kia là điều bình thường của tổ chức và kỷ luật nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thế nhưng, những người gia trưởng không chịu được điều đó! Những ai có nhận xét thẳng thắn bị họ coi là chống đối và có thể sẽ bị họ trừng trị. Bệnh gia trưởng làm cho sự bảo thủ, trì trệ của tổ chức sẽ lan tỏa, các sáng kiến sẽ bị bóp nghẹt, các nhân tài sẽ không có điều kiện phát triển. Trong kinh tế thị trường, khi đồng tiền lên ngôi, quyền lực, danh vị lại gắn liền với tiền bạc, cộng với lối sống hưởng lạc tư sản, thì căn bệnh gia trưởng, độc đoán chuyên quyền lại mang những sắc thái mới, lạc hậu hơn, thậm chí phản động hơn.

Để có chủ nghĩa xã hội, có Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta rất cần phải có một trật tự và kỷ luật mới của xã hội. Không có trật tự và kỷ luật mới, chúng ta sẽ chẳng tiến nổi một bước nào. Trật tự và kỷ luật hiện nay đang là mặt yếu kém của hệ thống chính trị nước ta. Trong chủ nghĩa xã hội, phải có kiểm kê, kiểm soát, phối hợp và hợp tác lao động. Nhưng những kẻ gia trưởng, chuyên quyền lại không muốn kiểm kê, kiểm soát, từ chối hợp tác, tự do, vô kỷ luật, gian lận, bịa thành tích, giấu khuyết điểm, "làm láo báo cáo hay", tạo ra sự hỗn loạn trong quản lý nhà nước.

Để ngăn chặn tình trạng đó, chúng ta không chỉ đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước mà còn phải tích cực cải tạo và xây dựng xã hội công dân; làm cho xã hội công dân còn ít nhiều mang tính tự phát và tính phá hoại trở thành một xã hội công dân xã hội chủ nghĩa, một xã hội công dân tự giác, mang bản chất của giai cấp công nhân đại công nghiệp hiện đại.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Đảng cần phát động *một cuộc vận động dân chủ và kỷ luật trong toàn Đảng, toàn dân, toàn hệ thống chính trị*. Thực hiện tốt cuộc vận động đó sẽ tạo ra một đà mới của cách mạng Việt Nam, của chính hệ tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa của chúng ta. ❑

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG

ĐẶNG ĐÌNH PHÚ *

SUỐT cuộc đời hoạt động lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến vấn đề tự phê bình và phê bình trong Đảng. Từ nhận thức hết sức giản dị nhưng bao hàm tính triết lý và biện chứng sâu sắc: người đời không phải là thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm, Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm niệm: "Đảng là người, nên có sai lầm", - tức cũng có lúc khỏe mạnh, lúc ốm đau; song không vì thấy ốm đau mà phát sinh tư tưởng lo sợ, bi quan, tuyệt vọng, giấu giếm bệnh tật trong mình, mà phải chủ động, kiên trì chạy chữa. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Hồ Chí Minh chỉ ra "thang thuốc hay nhất" để chữa các chứng bệnh trong cơ thể của tổ chức đảng và mỗi đảng viên là tự phê bình và phê bình. Người nói "Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày càng nặng, không chết "cũng la lết quả dưa"(1).

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *Tự phê bình* là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, cũng là để người khác biết mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm. *Phê bình* là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết, để họ sửa chữa, để họ tiến bộ. Đảng cách mạng tự phê bình và phê bình như ta cần không khí. "Một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"(2). Đảng cần biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình "để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng". Sợ phê bình tức là "quan liêu hóa", tức là tự mãn, tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên "mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa, như mỗi ngày phải rửa mặt". Tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất, nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ đó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, tiến bộ không ngừng. Trong Đảng muốn đoàn kết chặt chẽ, "ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"(3). Do đó phải "luôn luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình... Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ khỏe vô cùng", "ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi"

V.I. Lê-nin trước đây cũng nhiều lần nhấn mạnh tính tất yếu của tự phê bình và phê bình.

---

* TS, Phó Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 260, 261

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 492

Digitized by Google

Theo Người: "Không nghi ngờ gì cả, tự phê bình là một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy mọi chính đảng sống và đầy sức sống"; đối với người cách mạng thì không nên che giấu sai lầm, "không sợ công khai phơi bày các sai lầm", thậm chí trước cả kẻ thù. "Ai sợ điều đó, người ấy không phải là người cách mạng". Chúng ta chỉ có thể "học được cách chiến thắng" khi nào không sợ thừa nhận thất bại và thiếu sót, chỉ khi nào dám nhìn thẳng vào sự thật, dù là sự thật đáng buồn nhất. Bởi, "sai lầm được sửa chữa thì sẽ hết đi. Sai lầm không sửa chữa thì sẽ thành một vết loét thối. Trong những trường hợp như vậy, phải dũng cảm đến ngay phòng mổ". V.I. Lê-nin khẳng định: "Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết cách nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình, mà vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình".

Qua những dẫn luận so sánh trên cho thấy, Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của Lê-nin một cách trung thành, nhưng hết sức nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo. *Thứ nhất,* Người luận giải tính tất yếu khách quan của tự phê bình và phê bình một cách mộc mạc, dễ hiểu, súc tích; dùng nhiều hình ảnh ví von, so sánh, cùng những câu châm ngôn, thành ngữ gần gũi với đời sống thường ngày của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính điều đó đã làm tăng hiệu quả của công tác tư tưởng. *Thứ hai,* Người đã xác định rõ: tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", "là thang thuốc hay nhất", để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm và để xây dựng Đảng. Đã nhận thức rõ đây là vũ khí sắc bén nhất, thang thuốc hay nhất, thì tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nào cũng phải tự giác, chủ động chuẩn bị đầy đủ để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

Tự phê bình và phê bình là tất yếu đối với tổ chức đảng và đảng viên. Song, sử dụng nó phải đúng mục đích mới có tác dụng, hiệu quả cao. Nếu sử dụng không đúng mục đích, dù có là "vũ khí sắc bén", là "thần dược" cũng không trị được bệnh tật, khuyết điểm.

V.I. Lê-nin xác định: mục đích của tự phê bình và phê bình là để sửa chữa khuyết điểm, sai lầm. Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm của V.I Lê-nin, và chỉ rõ: "Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa chữa cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ". Tự phê bình và phê bình, theo Hồ Chí Minh, là để cán bộ, đảng viên và nhân dân học cái hay, tránh cái dở, chứ không phải để nói xấu nhau. Tự phê bình và phê bình là để "trị bệnh cứu người"; là để phát huy không ngừng dân chủ trong Đảng, giữ kỷ luật chặt chẽ hơn; làm cho cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn, làm cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đối tượng trực tiếp và nội dung của tự phê bình và phê bình là "phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người", tức là gột rửa những thói hư, tật xấu lây bám, xâm nhập vào con người chứ không phải cắt bỏ thân thể con người. Tư tưởng nhân văn, đề cao phẩm giá con người của Hồ Chí Minh thật sự bao la, sâu sắc và chan chứa tình người. Điều đó càng tôn thêm tính giáo dục, tích cực của tự phê bình và phê bình, giúp cho quan hệ giữa cán bộ, đảng viên không rơi vào sự thù hận, đố kỵ.

V.I. Lê-nin không đồng ý với "một sự phê phán không có nội dung, một sự phê phán để mà phê phán". Hồ Chí Minh đã xác định rõ đối tượng, nội dung, bản chất của tự phê bình và phê bình thật nhuần nhuyễn; bổ sung, làm phong phú hơn nội dung, xác định rõ bản chất của tự phê bình và phê bình là cách mạng và khoa học, hướng tới sự hoàn mỹ, thấm đượm tính dân chủ và chất nhân văn cao cả:

Một là, phê bình phải đi đôi với tự phê bình; tự phê bình và phê bình phải gắn liền với sửa chữa, với biểu dương, khen thưởng. Nếu chỉ biết phê bình người khác mà không tự phê bình mình thì chẳng khác nào "người thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa"(4). Theo

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 231

Digitized by Google

Hồ Chí Minh, tự phê bình rồi lại phải phê bình người khác nữa. Thấy cái xấu của người mà không phê bình là một khuyết điểm rất to, không nói cho người ta sửa tức là hại người. Không phê bình tức là để cho cái xấu của người ta trầm trọng mãi. "Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy cớ "nể Cụ" không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa tức là hại người... Thấy cái xấu của người mà không phê bình là một khuyết điểm rất to"(5).

Tự phê bình và phê bình gắn với sửa chữa, tức là phải chỉ rõ ưu, khuyết điểm và phương hướng để phát huy hoặc khắc phục, đồng thời phải gắn với động viên, khen thưởng, xử phạt rõ ràng vừa bảo đảm "cái lý phân minh, cái tình trọn vẹn", vừa nâng cao tính giáo dục và giữ vững kỷ cương.

Hai là, tự phê bình và phê bình phải đạt tới cái đích là làm rõ đúng, sai, bảo đảm tính khách quan, trung thực, thẳng thắn và chân tình không nể nang, không thêm bớt. Tự phê bình mình cũng như phê bình người khác phải chỉ rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Phê bình phải nghiêm chỉnh với tinh thần thành khẩn, xây dựng "trị bệnh cứu người" và phải chịu trách nhiệm về lời nói của chính mình. Để chữa khỏi bệnh, "ta phải tự phê bình ráo riết, và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết phê bình đồng chí mình. Hai việc đó phải đi đôi với nhau. Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau". Để thực hiện tốt lời dạy bảo sâu sắc này của Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải thật thà tự nhận xét và cùng nhận xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng, tự sửa chữa và giúp nhau sửa chữa để cùng tiến bộ.

Ba là, khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải bảo đảm tốt tính dân chủ và công khai. Sự công khai có ý nghĩa rất to lớn - nói như V.I. Lê-nin: nó như những thanh kiếm tự nó chữa lành những vết thương do chính nó gây ra. Do đó, cần công khai phân tích, nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, đồng chí mình và tổ chức đảng trước hội nghị; hết sức tránh và phê phán nghiêm khắc tình trạng "ngồi lê đôi mách","việc gì cũng không phê bình trước mặt mà để nói sau lưng", phê bình ở ngoài tổ chức. Kiểu phê bình như vậy là biểu hiện của bệnh cá nhân.

Tự phê bình và phê bình muốn đạt kết quả cao thì phải được tiến hành trong bầu không khí thật sự dân chủ, bình đẳng. Chỉ có dân chủ rộng rãi, thì mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân mới tích cực, chủ động, nói thẳng, nói thật. Song, mở rộng dân chủ trong tự phê bình và phê bình không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, muốn phê gì thì phê. Một cuộc tự phê bình và phê bình nghiêm túc là: "Trong thảo luận, phê bình, mọi người được tự do hoàn toàn phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh". Ở đây, Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò của người cán bộ đứng đầu, chủ chốt đóng vai trò rất quan trọng: Cán bộ cao cấp phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước.

Bốn là, tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, phê bình từ trên xuống và từ dưới lên, nhất là từ dưới lên. Bởi, "Phê bình cũng ví như người đi bằng hai chân, nếu chỉ phê bình trên thôi thì đi một chân, không thể đi được"(6). Khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải giữ vững về nguyên tắc, mềm dẻo, khéo léo về cách thức. Khéo léo tức là phê bình đồng chí mình vào khi nào, nói những gì, bằng cách nào, nói đến mức độ nào? Nếu chỉ dùng phương pháp, mệnh lệnh, ép buộc thì làm cho người bị phê bình rất khó tiếp thu, chẳng khác gì hiện tượng "bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt bắt người ta ăn, nhét vào miệng người ta thì ai

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 5, tr 224

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 8, tr38

Digitized by Google

cũng chán", huống chi đây là "thuốc chữa bệnh" đắng ngắt.

Năm là, người, tổ chức được phê bình phải có thái độ thành khẩn, "vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét". Hết sức tránh thái độ "bưng mắt bắt chim", "giấu bệnh sợ thuốc", bị phê bình thì im lìm, không tìm cách sửa chữa. Hồ Chí Minh gọi đó là "thái độ không thật thà, không đứng đắn", và thái độ đó sẽ dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng.

Hiện nay, đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, các thế lực thù địch tăng cường các âm mưu và hành động chống phá ta; mặt trái của cơ chế thị trường hằng ngày, hằng giờ tác động xấu đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức và lối sống; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới. Tình hình trên, nếu không được khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến vị thế của đảng cầm quyền, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng ta xác định, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt và nhấn mạnh sự cần thiết phải đẩy mạnh cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là đợt sinh hoạt có tầm quan trọng đặc biệt.

Tuy nhiên, sau mấy năm thực hiện cuộc vận động, cho đến nay vẫn chưa đạt yêu cầu mong muốn. Không ít cấp ủy và tổ chức đảng chưa chú trọng hoặc tiến hành tự phê bình và phê bình không thường xuyên. Trong tự phê bình và phê bình, cốn thiếu nội dung, địa chỉ cụ thể, nặng về phê bình người khác, cấp khác; ngại đấu tranh, né tránh, lựa chiều,"dĩ hòa vi quý" chỉ nêu ưu điểm mà bỏ qua những vấn đề lớn, bức xúc như hành vi độc đoán, lộng quyền, làm sai nguyên tắc, tham nhũng. Những khuyết điểm thuộc về phong cách làm việc, những vụ việc mà tổ chức và mọi người biết rõ, có bằng chứng cụ thể thì hăng hái công khai tự phê bình và phê bình, còn những khuyết điểm nhiều người chưa rõ thì tìm mọi cách che đậy, ngăn ngừa sự kiểm tra, tìm hiểu của mọi người và các cơ quan chức năng. Đáng chú ý là tính tự giác tự phê bình và phê bình trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt rất thấp, thậm chí thủ tiêu đấu tranh. Họ thường "trốn vào tập thể" để che đậy các hành vi sai lầm, khuyết điểm, hoặc dùng quyền lực của mình để đổ lỗi cho tập thể, để lái tập thể theo hướng có lợi cho họ. Thậm chí, có một số người đã lợi dụng tự phê bình và phê bình để xúc phạm nhân phẩm của người khác hoặc trả thù cá nhân.

Nguyên nhân của cuộc vận động tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả thấp là do: sự chỉ đạo của các cấp ủy chưa tập trung, kiên quyết và thiếu những biện pháp mạnh mẽ, chưa thật sự dựa vào dân và chưa coi trọng việc tiếp thu ý kiến phê bình, đóng góp của nhân dân đối với công tác xây dựng Đảng. Nhiều cán bộ chủ chốt ở các cơ quan, đơn vị chưa gương mẫu trong tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cấp dưới và quần chúng noi theo. Các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng... chưa làm hết trách nhiệm, xử lý chưa nghiêm, thiếu dứt điểm, nhất là đối tượng vi phạm là cán bộ chủ chốt.

Để cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian tới đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

1 - Tổ chức học tập, quán triệt thật nghiêm túc, đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, nhất là vấn đề tự phê bình và phê bình, nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng, mục đích, nội dung, phương pháp, thái độ và các bước đi cụ thể của nội dung tự phê bình và

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

PHÁT HUY TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG ĐIỀU KIỆN NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ NGA *

1 - Đúc kết kinh nghiệm lịch sử và thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công"

Theo Người, "đoàn kết, đại đoàn kết" là một trong những nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, bởi nhờ đó mà huy động, tập hợp được mọi lực lượng, hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Không những thế, tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh còn trở thành đạo lý sống và lối ứng xử Việt Nam (1).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết có nội dung vô cùng phong phú, đề cập đến nhiều lĩnh vực, song có thể khái quát ở các khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất: Đoàn kết là sức mạnh. Khái quát lịch sử nhân loại, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa quần chúng nhân dân và vĩ nhân, lãnh tụ. Sự phát triển của xã hội cũng như các phong trào cách mạng không thể thành công nếu thiếu vai trò của các cá nhân lãnh tụ kiệt xuất; ngược lại, không thể có lịch sử nếu không có sự tham gia của đông đảo quần chúng. Lịch sử dựng và giữ nước ở Việt Nam cũng khẳng định chân lý ấy. Từ thực tế lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh nói: "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"(2). Trong lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, Bác nói: Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ. Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập... Đoàn kết là sức mạnh. Tinh thần này được Người đề cập một cách nhất quán, xuyên suốt. Một dân tộc biết đoàn kết là một dân tộc biết phát huy nội lực, phát huy sức mạnh của chính mình.

Thứ hai: Chủ động đoàn kết rộng rãi và toàn diện. Xác định sức mạnh của dân tộc trước hết nằm trong sự cố kết đồng tâm, hiệp lực của toàn dân. Chính vì vậy, bên cạnh việc xác định đoàn kết là nhiệm vụ thường trực,

---

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem: Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 162

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 217

Digitized by Google

thường xuyên của cách mạng, Người còn nhất quán tinh thần chủ động mở rộng lực lượng cách mạng một cách rộng rãi, không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo.

Đối với các dân tộc sinh sống trên đất nước ta, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đã thường xuyên nhắc nhở đồng bào phải đoàn kết chặt chẽ. Người nói: đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ, bè lũ đế quốc phong kiến và bọn phản động tìm mọi thủ đoạn để chia rẽ nhân dân ta, các dân tộc ở nước ta, nhằm phục vụ âm mưu thống trị của chúng. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plây-cu, Người căn dặn: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta...

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt"(3). Tinh thần này còn được thể hiện trong nhiều bức thư, bài nói chuyện của Người với đồng bào các dân tộc.

Là người Việt Nam, không ai không biết hai tiếng "đồng bào" của Bác - đó không gì khác ngoài sự nhắc nhở các dân tộc anh em dù miền ngược hay miền xuôi, dù người Kinh hay người Thượng đều là anh em một nhà, cùng một nguồn gốc, cùng là con dân của nước Việt Nam. Truyền thống ấy là nội lực, là sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Trong tư tưởng của Người, cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân không thể chỉ dùng lực lượng, sức mạnh của giai cấp này để đánh đuổi giai cấp khác mà phải tập hợp sức mạnh của cả dân tộc, của nhiều giai cấp, giai tầng. Một sự thật là, khi đất nước còn dưới ách áp bức của đế quốc, thực dân thì dẫu là tư bản, địa chủ, thợ thuyền hay dân cày, đều cảm thấy cái ách nặng nề đế quốc là không thể nào sống được. Vì lẽ đó, lực lượng cách mạng không thể bó hẹp trong "công - nông liên hiệp" mà là toàn thể nhân dân liên hiệp.

Thành lập Hội Việt Minh, bên cạnh việc chú trọng công nhân, nông dân, Người còn chú trọng đến các lực lượng tri thức, nhân sĩ, tư sản yêu nước. Tinh thần này nhất quán trong suốt tiến trình cách mạng. Vì vậy, khi về Hà Nội, một số nhân vật trong giới thượng lưu, nhân sĩ, đã được mời tham gia chính phủ như cụ Nguyễn Văn Tố, cụ Phan Kế Toại, cụ Huỳnh Thúc Kháng....

Thứ ba: Cầu đồng - tồn dị, nỗ lực phấn đấu vì mục đích chung là nguyên tắc cơ bản để thực hành chiến lược đoàn kết. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần đoàn kết và trên thực tế Người đã thành công trong việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc ngay cả trong những giai đoạn khó khăn, hiểm nghèo nhất.

Lịch sử cho thấy, năm 1945-1946 nước Việt Nam non trẻ ra đời trong bối cảnh có nhiều đảng phái, lực lượng chống đối, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động nhân nhượng, hòa giải, mời đại biểu của các đảng phái giữ các chức vụ trong Chính phủ.

Khi đất nước tạm thời chia làm hai miền, nhiệm vụ chính trị số một và cũng là niềm mong muốn chung của người Việt Nam yêu nước là đất nước được hòa bình, thống nhất, độc lập. Bác đã viết lời kêu gọi: "Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hòa bình, thống

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 217

Digitized by Google

nhất, độc lập, dân chủ, thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, thật sự đoàn kết với họ, dù từ trước đến nay họ đã theo phe phái nào"(4).

Đối với các tôn giáo, Người hiểu rõ dù giáo hay lương, đại bộ phận người Việt Nam là người lao động yêu nước. Rất nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định điều này. Tháng 5-1948, trong "Lời kêu gọi đồng bào Cao đài, Hòa hảo", Người viết: Trừ một bọn rất ít đại Việt gian, đồng bào ta ai cũng có lòng yêu nước. Trong báo cáo chính trị tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, Người cũng khẳng định: Phần lớn, đồng bào tôn giáo, nhất là các tầng lớp lao động đều yêu nước kháng chiến, như Công giáo ở nhiều nơi, như Cao đài kháng chiến. Vì vậy, là người Việt Nam yêu nước ắt hẳn, ai cũng vậy, đều muốn nước nhà được độc lập, đồng bào tự do, hạnh phúc.

Trong những hoàn cảnh khác nhau, ở những đối tượng khác nhau nhưng chỗ nào Hồ Chí Minh cũng tìm được lợi ích chung, những nét tương đồng giữa các chủ thể tham gia khối đoàn kết - đó chính là lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, trong đó có lợi ích của tất cả mọi người. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, đó là độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân thoát khỏi ách nô dịch, áp bức ngoại bang.

Hơn nữa, với đồng bào có tôn giáo, ngoài những nhu cầu bình thường như mọi người, ở họ còn có nhu cầu tinh thần đặc biệt - đó là nhu cầu được sinh hoạt tôn giáo. Điểm khác biệt này luôn được các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng nhằm chia rẽ đồng bào, xuyên tạc chế độ. Hiểu rõ điều đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ cần quan tâm đến những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng đó của đồng bào. Người luôn tin tưởng sâu sắc rằng: Đảng, Nhà nước chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân thì không lo gì dân không chấp nhận. Khi nói tới các tôn giáo, Người luôn thể hiện sự trân trọng những người sáng lập ra các tôn giáo và tôn xưng họ là các bậc "đại từ bi", "thánh nhân" là "bậc hiền triết" đã phấn đấu, hy sinh cho hạnh phúc con người, cho một xã hội tốt đẹp. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải vạch trần âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo để lừa bịp đồng bào của các thế lực phản động. Người luôn nhắc nhở các cán bộ phải tuỳ từng đối tượng, tuỳ từng hoàn cảnh, cần có sự giải thích, tuyên truyền, thuyết phục để đồng bào hiểu, thực hiện các quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Suy cho cùng, điều cốt lõi của cách mạng dân tộc dân chủ là giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng xã hội mới làm cho đời sống của người dân không ngừng được nâng cao về vật chất cũng như tinh thần. Đối với đồng bào tôn giáo, không để cho họ có những lo lắng, mặc cảm từ nguyên nhân tôn giáo.

Xuyên suốt các bài viết, bài nói chuyện và cách ứng xử của Người cho thấy, Người luôn có một nguyên tắc nhất quán, tìm ra cái chung, cái đồng nhất giữa các cá nhân, các cộng đồng để cố kết họ lại vì mục tiêu chung. Người từng nói "Năm ngón tay cũng có ngón vắn, ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta... đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc"(5).

Tìm một mẫu số chung, một mục tiêu chung trên cơ sở những nét tương đồng, lấy đó làm nền tảng cơ sở để xóa mờ cái dị biệt đó là nét đặc sắc trong phương pháp tập hợp lực lượng, đi tìm sự đồng thuận rộng rãi của nhân dân ở Hồ Chí Minh.

---

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 49

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 246

Digitized by Google

2 - Đoàn kết - sức mạnh của dân tộc. Đó là bài học đúc rút ra từ thực tế lịch sử Việt Nam. Hồ Chí Minh đã kế thừa phát triển nó lên một tầm cao mới. Tinh thần này được Đảng và Nhà nước tiếp tục phát huy. Văn kiện Đại hội IX chỉ rõ: Đó là đường lối..., là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tinh thần này tiếp tục được cụ thể hóa trong Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX. Ở đây một lần nữa, mục tiêu xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc đã được chỉ rõ: Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, tinh thần này cần được hiểu ở 2 điểm căn bản: *Thứ nhất,* về thực chất, đoàn kết là một phương thức tập hợp lực lượng, tạo ra một kết cấu mới vững mạnh không chỉ về lượng mà cả về chất nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp của dân tộc. *Thứ hai,* mục tiêu nhất quán của đoàn kết không phải cái gì khác, đó chính là "độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Từ bài học đoàn kết ở Hồ Chí Minh, từ điều kiện cụ thể nước ta giai đoạn hiện nay, vấn đề đoàn kết dân tộc có thể nhìn nhận ở nhiều phương diện:

Một là: Mở rộng lực lượng đoàn kết trong xã hội. Xác định lực lượng để đoàn kết, cần căn cứ trên những quan hệ xã hội hiện thực và cụ thể với nhiều chiều cạnh khác nhau trong một thể thống nhất. Bởi lẽ, suy cho cùng đoàn kết chính là xóa bỏ các hàng rào ngăn cách, những mặc cảm, định kiến để con người chia sẻ đồng cảm, cộng tác, liên kết cùng nhau. Con người chỉ là con người trong quan hệ xã hội và bản chất của con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Vì vậy, từ quan hệ nào đó còn chưa được giải tỏa, người ta khó có thể có được tiếng nói đồng thuận. Do đó, lực lượng đoàn kết cần được nhìn nhận từ mỗi góc độ, mối quan hệ.

Từ góc độ dân tộc, đó là khối đoàn kết mọi dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam dù là dân tộc Kinh hay dân tộc thiểu số, dù dân tộc miền ngược hay dân tộc miền xuôi, tất cả đều được tôn trọng và cùng đoàn kết, hợp tác, phát triển trong khối cộng đồng các dân tộc Việt Nam thống nhất. Từ góc độ giai cấp, đó là khối đoàn kết mọi giai cấp, giai tầng trong xã hội từ giai cấp công nhân, nông dân, đến các tầng lớp như trí thức, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, các bậc lão thành cách mạng, những người có công với nước, cán bộ nghỉ hưu, người cao tuổi, nhà doanh nghiệp... Trên cơ sở xóa bỏ định kiến, mặc cảm, phân biệt đối xử về quá khứ, mọi giai cấp, tầng lớp đều được tôn trọng và tạo điều kiện để phát huy năng lực, sở trường của giai cấp mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai sẽ tạo môi trường trong lành và sức hút mạnh mẽ để tăng cường khối đoàn kết giữa các giai tầng. Từ góc độ kinh tế, đó là khối đoàn kết mọi thành phần kinh tế từ kinh tế nhà nước đến kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, những người làm ăn trong nước cũng như làm ăn ở nước ngoài... Mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng, tạo cơ hội phát triển trên khả năng hiện thực của mình. Từ góc độ tín ngưỡng, tôn giáo, đó là khối đoàn kết giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo... Hiện nay, đoàn kết dân tộc còn cần được nhấn mạnh việc đoàn kết đồng bào trong nước và kiều bào ở

Digitized by Google

nước ngoài. Với gần 3 triệu kiều bào ở rải khắp các châu lục vẫn mang dòng máu con Lạc, cháu Hồng, họ là một bộ phận trong khối đoàn kết dân tộc Việt Nam.

Như vậy, thực hiện khối đoàn kết toàn dân tộc chính là thực hiện đoàn kết trên tất cả các mặt đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội của con người. Nếu một mặt nào đó bị vi phạm tất yếu sẽ ảnh hưởng đến khối đoàn kết toàn dân tộc; ngược lại, thực hiện tốt đoàn kết trên các lĩnh vực của đời sống con người là hình thức duy nhất bảo đảm cho sự ổn định vững chắc của khối đoàn kết toàn dân.

Hai là: Về phương pháp để tập hợp lực lượng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ; trong bối cảnh đất nước hòa bình, các quan hệ xã hội đã trở nên cởi mở và dân chủ, phương pháp để tập hợp lực lượng cũng cần sự thay đổi. Một nét đặc trưng của con người Việt Nam là khi nước nhà có giặc ngoại xâm thì mục tiêu bảo vệ Tổ quốc được đặt lên hàng đầu. Vì lẽ đó, trong cách mạng dân tộc dân chủ, Bác Hồ luôn lấy đó làm mục tiêu, làm điểm tương đồng để kêu gọi các lực lượng đoàn kết. Khi đã có hòa bình, độc lập thì sự quan tâm của con người cũng được chuyển hướng. Sự đồng thuận phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc "công bằng và bình đẳng, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp trong nhân dân".

Từ xưa đến nay, sự áp bức, bất công tất yếu sẽ dẫn đến mâu thuẫn và đấu tranh để giải quyết các mâu thuẫn; một khi những nhu cầu, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các nhóm, các cá nhân không được đáp ứng, sự bất hòa sớm muộn sẽ xuất hiện. Bối cảnh hiện nay, để tạo sự thống nhất, đồng thuận không có cách gì khác là bảo đảm sự công bằng và bình đẳng cho các cá nhân, các giai tầng trong xã hội. Hơn nữa, để qui tụ lòng người, thực chất phải giải quyết các mối quan hệ của con người một cách có tình, có lý, trên cơ sở đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần phù hợp với tình hình thực tế và đạo lý của dân tộc. Với từng đối tượng, từng quan hệ và trong từng điều kiện cụ thể cần có những cách thức ứng xử phù hợp. Một mặt, nhằm tập hợp được đông đủ lực lượng; mặt khác, nhằm hạn chế các tình huống để các thế lực thù địch không thể lợi dụng, tranh thủ khoét sâu những thiếu sót của ta và kích động, ly tán lòng người, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Vì vậy, trên lĩnh vực tôn giáo cần tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, quyền sinh hoạt tôn giáo theo đúng pháp luật; chống và có những giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ đồng bào. Với công tác dân tộc, phải thực hành chính sách tương trợ, giúp đỡ, bình đẳng các cộng đồng dân tộc, tập trung hỗ trợ để phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc dân tộc; phát huy tinh thần tự lực, tự cường cũng như vai trò của các tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội. Đối với bà con kiều bào nước ngoài, cần tạo điều kiện để bà con có cơ hội thuận lợi đầu tư ngay tại quê hương mình, tránh những mặc cảm...

Ba là: Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là hạt nhân trong khối đoàn kết dân tộc. Mọi sự qui tụ đều cần hạt nhân nòng cốt. Hạt nhân của khối đoàn kết dân tộc hiện nay chính là Đảng. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, giữ được niềm tin trong nhân dân là điều cốt yếu trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay. Trong *Di chúc,* Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: *"Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"(6).

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 12, tr 510

Digitized by Google

Tăng cường củng cố hạt nhân đoàn kết dân tộc cùng với chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sự thoái hóa, hư hỏng ở một số cán bộ có chức, có quyền thực chất là nhằm chỉnh đốn, xây dựng, phát triển Đảng đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

Bốn là: Khơi dậy lòng yêu nước, ý chí độc lập, tự cường của mọi tầng lớp nhân dân. Yêu nước - là một giá trị tinh thần truyền thống tiềm ẩn trong mỗi con người Việt Nam, mang dòng máu Việt Nam. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng, Bác Hồ đã thành công trong việc khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần ấy, biến nó thành sức mạnh quật khởi của dân tộc, tạo ra chiến thắng "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Trong cách mạng dân tộc dân chủ, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước là mục tiêu, là lý tưởng của người đân Việt Nam. Ngày nay đất nước đã độc lập, non sông thu về một dải thì vươn lên làm giàu chính đáng là nhiệm vụ của mọi tầng lớp nhân dân nhằm góp phần đưa nước ta thoát khỏi tình trạng tụt hậu về kinh tế so với các nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Đảng, Nhà nước cần có những chính sách, định hướng để giúp các tầng lớp nhân dân hiện thực hóa mục tiêu của mình.

Năm là: Chăm lo lợi ích vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân lao động - cơ sở để xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Trong điều kiện hiện nay, đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo điều kiện để mỗi người, từng thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng sản xuất, mọi năng lực cũng chính là nội dung, cơ sở để thực hiện thành công khối đoàn kết dân tộc trong điều kiện mới ở nước ta. ❑

HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 14)

phê bình, để từ đó có suy nghĩ và hành động đúng. Đồng thời với việc quán triệt, học tập, phải có kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, thiết thực làm theo tư tưởng của Người. Quá trình tổ chức thực hiện cuộc vận động phải tuân thủ đúng các nguyên tắc, biện pháp, quy trình; phải có thái độ đúng mực, không quy chụp, suy diễn chủ quan.

2 - Đối với cấp ủy, nhất là cấp ủy cấp trên, phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước. Mọi khuyết điểm, sai lầm của tập thể cấp ủy phải được "chia hết" cho các cấp ủy viên. Tránh tình trạng tập thể thì phạm nhiều khuyết điểm, sai lầm, nhưng các cá nhân cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt lại không liên quan hoặc không chịu trách nhiệm gì cả.

3 - Thực hiện tốt sự phối kết hợp hoạt động của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm thu thập đủ chứng cứ xác thực, buộc các đối tượng có vi phạm phải "tâm phục, khẩu phục" và thành khẩn nhận lỗi. Mọi khuyết điểm, sai lầm sau khi được kiểm tra, kết luận, cần phải được xử lý nghiêm túc, trên cơ sở có lý có tình và phải được công khai hóa để toàn Đảng, toàn dân biết.

4 - Mở rộng dân chủ, công khai, nâng cao kiến thức, trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên và quần chúng làm cơ sở cho mọi người tham gia tốt, có hiệu quả vào cuộc đấu tranh tự phê bình và phê bình. Kết hợp chặt chẽ tự phê bình và phê bình trong Đảng với phê bình của quần chúng; động viên tính tích cực của quần chúng, phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng.

5 - Xây dựng hệ thống pháp quy đủ mạnh nhằm pháp lý hóa, chuẩn hóa các hoạt động tự phê bình và phê bình, bảo đảm phát huy tự do phê bình, bảo vệ người phê bình và nghiêm trị những hành vi trù dập phê bình và cả những hành vi thiếu nghiêm túc, không tự giác trong việc tự phê bình, phê bình. ❑

Digitized by Google

XÂY ĐỰNG VĂN HÓA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TÔ HUY RỨA *

LỊCH sử dân tộc và thế giới đều chứng minh rất rõ văn hóa là một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh nội sinh, tham gia quyết định sự thịnh hay suy của mỗi cộng đồng và toàn xã hội. Trong kỷ nguyên hiện đại, khi cả cơ sở kinh tế - xã hội và nền chính trị đều mang đậm dấu ấn trực tiếp của tri thức, trí tuệ, văn hóa, vấn đề phát huy, phát triển nhân tố văn hóa trong đời sống và hoạt động của mọi chủ thể quyền lực trong xã hội trở thành công việc vừa cấp bách, vừa chiến lược lâu dài.

Sự nghiệp đổi mới để xây dựng và phát triển đất nước theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đang đặt ra trước dân tộc ta những nhiệm vụ nặng nề, những thời cơ và thách thức lớn. Để giải quyết tốt những vấn đề đó, Đảng phải tự nâng mình lên ngang tầm thời đại, đáp ứng những nhu cầu của thực tiễn, những đòi hỏi của quần chúng. Nắm bắt được yêu cầu đó, trong những năm gần đây, Đảng ta đã đặc biệt quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đó là nhiệm vụ then chốt. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng cũng bao hàm quá trình nâng cao tầm văn hóa, khẳng định những giá trị văn hóa nền tảng của một đảng tiền phong và bổ sung, phát triển những giá trị văn hóa mới trong toàn Đảng, trong mỗi cán bộ đảng viên, trong từng tổ chức và sinh hoạt Đảng, để Đảng thực sự trở thành *trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại* như Lê-nin thường dạy.

Nói Đảng là trí tuệ, danh dự và lương tâm (Lê-nin), hoặc Đảng là đạo đức và văn minh (Hồ Chí Minh) là nói đến một phẩm chất, một dấu hiệu đặc trưng của Đảng. Đội ngũ đảng viên ta phấn đấu hy sinh cho mục tiêu, lý tưởng rất đỗi nhân văn, cao cả, đó là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Không những chỉ nêu ra mục tiêu, lý tưởng đẹp đẽ, mà Đảng ta còn hơn hẳn mọi lực lượng chính trị - xã hội khác vì đã vạch ra và tổ chức thực hiện thành công những điều thiêng liêng ấy - những giấc mơ, hoài bão của con người. Chính vì vậy, Đảng ta là hiện thân của chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn thực tế và cao đẹp nhất. Từ mục tiêu, lý tưởng này hình thành nên tầm văn hóa, cốt cách văn hóa và bản chất văn hóa cách mạng và cộng sản của Đảng ta. Phẩm chất đó được toát ra từ trong học thuyết, trong tư tưởng, trong tổ chức và trong cương lĩnh hoạt động của Đảng. Bỏ qua phẩm chất đó, không thể hiểu được tính ưu việt của Đảng Cộng sản trong sự so sánh với các đảng chính trị đã có

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trong lịch sử, không thể cắt nghĩa được vì sao trong mấy thập kỷ qua, cách mạng Việt Nam liên tục đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bỏ qua phẩm chất đó cũng khó hiểu được "pho sử bằng vàng" của Đảng ta.

Lịch sử đã chứng minh rằng cách mạng Việt Nam liên tục thắng lợi vì chúng ta có một Đảng tiên phong được vũ trang bằng lý luận cách mạng khoa học, có nghệ thuật lãnh đạo tuyệt vời, biết nắm bắt thời cơ và vượt qua nguy cơ, biết dựa vào quần chúng, biết phát huy trí tuệ của quần chúng, vận dụng sáng tạo các bài học của lịch sử. Điểm lại lịch sử Đảng và cách mạng nước ta từ năm 1930 đến nay thấy rất rõ một thực tế rằng Đảng của những người cộng sản Việt Nam đã được toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt chính kiến, dân tộc, tôn giáo..., và thậm chí cả giai cấp nữa, tôn vinh và nhận là Đảng của mình - Đảng ta. Sự thừa nhận này không chỉ có ý nghĩa chính trị, tư tưởng và pháp lý quan trọng, mà còn thể hiện sự đồng điệu tinh thần và văn hóa sâu sắc giữa Đảng và dân, giữa đảng viên và quần chúng. Mọi người Việt Nam nhìn nhận Đảng như hiện thân của những giá trị cao đẹp nhất của con người Việt Nam, đồng thời đã nâng những giá trị đó lên tầm cao mới, tầm cao văn hóa của những người *công bộc, đầy tớ* của nhân dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, biết lo trước, vui sau, sẵn sàng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để nước nhà được độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, trẻ em ta được học hành, nước ta trở thành giàu mạnh, văn minh... Nhờ có các giá trị văn hóa đó làm nền tảng, nên Đảng quang vinh của chúng ta luôn luôn trụ vững và củng cố, phát triển trong mọi hoàn cảnh, càng vào những thời điểm thử thách, bước ngoặt càng chói sáng sức mạnh, sức sống của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách mạng Việt Nam thắng lợi còn vì chúng ta có một đội ngũ cán bộ, đảng viên tuy không đông, nhưng giác ngộ cao về cách mạng, gắn bó với quần chúng, biết học tập quần chúng và phát huy sức mạnh của quần chúng. Hơn ai hết, họ là những người luôn đi tiên phong trong đấu tranh cách mạng, sẵn sàng đón nhận bất cứ hy sinh nào, kể cả tính mạng của mình cho sự nghiệp cách mạng. Câu Bác Hồ nói: *"đảng viên đi trước, làng nước theo sau"*, không chỉ là yêu cầu của Đảng đối với đảng viên, mà còn là sự tôn vinh của quần chúng đối với Đảng. Câu nói đó là sự khái quát những phẩm chất cần thiết về trí tuệ, về tinh thần trách nhiệm và về sự hy sinh quên mình của những người cộng sản Việt Nam. Với ý nghĩa đó, chúng ta hoàn toàn có thể nói về văn hóa Đảng, và khẳng định sự tồn tại của văn hóa Đảng trong các thời kỳ lịch sử đã qua.

Bước sang thời kỳ lịch sử mới, với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với việc xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tư duy của Đảng phải được đổi mới, phải phát triển. Đúng như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói từ năm 1987, nghĩa là khi chúng ta vừa mới bước vào công cuộc đổi mới: "Đổi mới là văn hóa, và văn hóa là đổi mới". Khái niệm văn hóa mà đồng chí nói ở đây cũng chính là khái niệm văn hóa mà ta đang dùng hiện nay. Văn hóa là tổng hòa của mọi năng lực về trí tuệ, về tâm hồn, về nhân cách, hướng tới cái chân, cái thiện và cái mỹ. Văn hóa Đảng là cách nói ngắn gọn của văn hóa của Đảng, bao gồm văn hóa của tổ chức đảng và đảng viên; của cương lĩnh, đường lối, chủ trương và hoạt động của đảng; của phương thức lãnh đạo và sinh hoạt đảng; của các mối quan hệ giữa tổ chức Đảng với đảng viên, giữa Đảng với quần chúng; giữa Đảng với Nhà nước và các thành tố khác trong hệ thống chính trị; giữa đảng viên với quần chúng; đồng thời bao hàm cả văn hóa trong các mối quan hệ đối ngoại của Đảng, v.v.. Cũng như văn hóa nói chung, văn hóa Đảng là hệ thống các giá trị tương đối ổn định tạo nên

Digitized by Google

căn cước, phẩm chất, bản chất, phong cách của Đảng. Các giá trị ấy thẩm thấu tận tầng sâu và luôn luôn được biểu hiện ra dưới nhiều hình thức trong tất cả các mặt hoạt động của Đảng, từ tư tưởng, chính trị, tổ chức đến sinh hoạt nội bộ đảng.

Chúng ta cần ghi nhớ tư tưởng quan trọng của Lê-nin, từ năm 1919, khi Cách mạng Tháng Mười đã thành công, và Đảng Cộng sản Nga đã trở thành Đảng cầm quyền. Trong "Báo cáo về Cương lĩnh của Đảng tại Đại hội lần thứ 8 Đảng Cộng sản (b) Nga, tháng 3-1919", Lê-nin viết : "Chúng ta biết rất rõ ý nghĩa của tình trạng lạc hậu về văn hóa của nước Nga, nó ảnh hưởng như thế nào đến Chính quyền Xô-viết... chúng ta biết rằng tình trạng lạc hậu về văn hóa ấy làm ô nhục Chính quyền Xô-viết như thế nào, và khôi phục chế độ quan liêu như thế nào. Trên lời nói, thì bộ máy Chính quyền Xô-viết là bộ máy chính quyền của tất cả quần chúng lao động, nhưng thực tế thì mọi người chúng ta không ai còn lạ rằng còn xa mới được như thế" (1). Rõ ràng tình trạng tha hóa của bộ máy nhà nước có liên quan đến tình trạng lạc hậu, về văn hóa của xã hội, đặc biệt của Đảng cầm quyền, của bộ máy nhà nước. Khắc phục nguy cơ tha hóa đó đang là tâm điểm chú ý của tất cả chúng ta.

Kể từ Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", Đảng đã khẳng định phải xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước... Nghị quyết Trung ương 6, (lần 2) khóa VIII tập trung vào xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết luận của Hội nghị Trung ương 10, khóa IX đòi hỏi phải gắn nhiệm vụ trung tâm phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt xây dựng chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ xây dựng nền tảng tinh thần văn hóa. Như vậy, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm đẩy lùi sự suy yếu về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, lấy lại niềm tin yêu vốn có của nhân dân đối với Đảng, đòi hỏi *phải tập trung xây dựng văn hóa Đảng.*

Văn hóa Đảng trong thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế, tất nhiên có những nội dung cụ thể khác với văn hóa Đảng, khi Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Điều mấu chốt phải đặt ra hiện nay là nguy cơ tha hóa, tham nhũng, mất dân chủ và quan liêu, xa rời quần chúng. Trước đây nguy cơ này chưa xuất hiện, và không thể xuất hiện vì Đảng phải sống trong lòng dân, được nhân dân bao bọc che chở. Ngày nay Đảng ta là Đảng cầm quyền. Nguy cơ tha hóa bởi quyền lực là nguy cơ có thật. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, khi chính quyền nhân dân vừa được thành lập, Bác Hồ đã cảnh báo nguy cơ xuất hiện những "quan cách mạng". Quyền lực thường đi đôi với đồng tiền, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường. Sự câu kết giữa quyền và tiền sẽ dẫn đến tham nhũng, suy thoái đạo đức và nhân phẩm con người. Hàng loạt các vụ án gần đây là những tiếng chuông cảnh báo. Xây dựng văn hóa Đảng phải tập trung khắc phục những nguy cơ đó.

Thời đại mới đặt ra những thời cơ mới, thách thức mới. Trước đây, khi vận mệnh của các quốc gia còn tách rời nhau, khi khoa học, công nghệ chưa trở thành một động lực thúc đẩy xã hội biến đổi và phát triển, thì yêu cầu phát triển trí tuệ chưa đặt ra một cách bức xúc. Ngày nay tình hình đã khác. Thiếu những thông tin cần thiết về kinh tế - xã hội của đất nước và của thế giới, thiếu những tri thức cần thiết về khoa học, công nghệ, thiếu khả năng xử lý các nguồn thông tin một cách chính xác,

(1) Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, t 38, tr 199

Digitized by Google

thì người cán bộ, đảng viên rất dễ hoang mang dao động và rất lúng túng khi lãnh đạo quần chúng. Đảng ta đã chứng minh có năng lực nhìn xa, trông rộng, ngay trong tình thế khó khăn vẫn có cái nhìn lạc quan, sáng sủa, càng khó khăn thì trí tuệ, văn hóa Đảng càng chói sáng. Điều cần rèn luyện hôm nay của toàn Đảng là phải biết nhạy cảm với tình hình thực tế, không tự mãn, chủ quan để luôn luôn tự đổi mới đúng đắn và kịp thời. Sứ mệnh ấy rất cần tầm văn hóa cao của Đảng. Có lẽ hơn bao giờ hết, lời dạy của Lê-nin và của Bác Hồ :"Học, học nữa, học mãi", phải trở thành chương trình hành động của mỗi cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Cũng phải nhận thức rõ hơn những khó khăn trong tình hình quốc tế hiện nay khi tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Cùng với việc sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các thế lực phản động quốc tế đang tấn công xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin dưới mọi hình thức. Thông qua công nghệ thông tin, những nọc độc đó đang tác động xấu tới một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự hoài nghi và dao động đang làm suy yếu nền tảng tinh thần của xã hội, cũng có nghĩa đang xói mòn văn hóa Đảng. Tình hình đó, nếu không sớm khắc phục, sẽ làm suy giảm lý tưởng, ý chí cách mạng, và là miếng đất nuôi dưỡng những thói hư tật xấu, làm trầm trọng thêm mặt trái của kinh tế thị trường và của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, do đó, cần được tiến hành *một cách sâu rộng và có hiệu quả*, trước hết từ trong Đảng, và sau đó ra ngoài xã hội. Cần khắc phục bệnh hình thức, chiếu lệ, trong việc tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần thấm sâu lời dạy của Bác: "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ". Phải chăng, hiện nay chúng ta chưa thật coi trọng việc học để làm việc, làm người, mà vẫn quan tâm nhiều đến việc trao cho học viên một tấm bằng, một chứng chỉ để giúp họ tiêu chuẩn hóa người cán bộ theo yêu cầu của các chức danh? Nếu coi trọng việc học để làm việc, làm người thì chắc chắn rằng nội dung học tập, phương pháp dạy và học, cùng với việc quản lý học viên trong quá trình học tập, phải được *đổi mới một cách căn bản*, sao cho việc học phải trở thành *quá trình bồi dưỡng và tu dưỡng* để nâng cao năng lực, phẩm chất cần thiết của người cán bộ đảng viên, để đẩy lùi những thói hư tật xấu. Hãy nhớ lại câu nói của Bác Hồ cách đây gần nửa thế kỷ: "Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa... Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa đó càng cao đẹp hơn... Hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin" (2). Một câu nói giản dị mà sâu sắc, chứa bao ý nghĩa : phải chăng giá trị đích thực của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là ở trong cuộc sống, trong những giá trị đích thực của đời sống. Đó không chỉ là giá trị lý luận, khoa học mà còn là đạo đức; là đạo lý làm người và những chuẩn mực ứng xử ở đời. Sâu xa mà nói, những giá trị đích thực của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất hữu cơ giữa khoa học, đạo lý và văn hóa. Học chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải nhận ra chân giá trị đích thực đó và tu dưỡng, hành động theo các giá trị đó. Đối với mỗi người Việt Nam, cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là chân giá trị của dân tộc và của thời đại. Biến cái chân giá trị đó thành niềm tin, thành lẽ sống và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên cũng là điều kiện tiên quyết để xây dựng văn hóa Đảng.

---

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 554

Digitized by Google

Văn hóa Đảng là những giá trị tạo nên nền tảng tinh thần của Đảng. Những giá trị đó được hình thành bắt đầu từ những biến đổi trong thế giới quan, nhân sinh quan. Qua việc tiếp xúc với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những đảng viên cộng sản Việt Nam xác định được lý tưởng, khát vọng cao đẹp của mình là tự nguyện cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giai cấp, xây dựng một xã hội thực sự công bằng, dân chủ, văn minh. Chính cái tiêu đề "Việt Nam dân chủ, cộng hòa - Độc lập, tự do, hạnh phúc" trước đây, và "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Độc lập, tự do, hạnh phúc" ngày nay, là sự thể hiện cái khát vọng cao đẹp đó của Đảng và của dân tộc. Sự tự nguyện gắn bó trong một mục tiêu chung là điều kiện đầu tiên để tạo ra sự thống nhất trong ý chí của Đảng. Nhận thức lý luận là rất quan trọng đối với việc hình thành nhân cách một con người nói chung và của người đảng viên nói riêng. Nhưng đó mới là một nửa công việc. Điều quan trọng là thông qua hoạt động thực tiễn cách mạng, bản thân Đảng và các đảng viên được tôi luyện. *Qua hoạt động thực tiễn, những tình cảm cách mạng được hình thành:* đó là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng, giữa đảng viên với đảng viên, và giữa đảng viên với quần chúng. Tính tiên phong, sự nêu gương và tinh thần xả thân vì cách mạng, vì Đảng và vì quần chúng của người đảng viên, được xuất hiện từ đó.

Cùng với khát vọng và lý tưởng cách mạng, tình cảm cách mạng là nhân tố cốt lõi trong văn hóa Đảng. Các nhân tố đó sẽ chi phối tư tưởng, đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên và là thước đo tư cách của người cộng sản.

Nói văn hóa Đảng còn là nói trí tuệ của Đảng. Sự nghiệp cách mạng luôn đặt ra những bài toán đầy ẩn số. Trước đây đã vậy, nay càng vậy. Trong sự nghiệp đổi mới hôm nay, biết bao thời cơ và thách thức đang đặt ra với dân tộc ta, với Đảng ta. Để nắm bắt thời cơ và vượt qua thách thức cần sự sáng suốt và tỉnh táo. Chúng ta có những thuận lợi lớn: đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - vũ khí tinh thần sắc bén trong phương pháp tư duy, trong cách phân tích, xử lý các tình huống, các quan hệ xã hội, và cao hơn tất cả là niềm tin vững chắc vào con đường đã chọn. Chúng ta lại có một bề dày kinh nghiệm, một pho sử bằng vàng của 75 năm hoạt động của Đảng. Đó là kho báu về trí tuệ. Những bài học lịch sử của mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc là lớp phù sa bồi đắp về trí tuệ và về tâm hồn cho chúng ta. Nói trí tuệ của Đảng trước hết là nói đến những giá trị đó. Cố nhiên lịch sử luôn hướng về phía trước. Cùng với cuộc cách mạng về khoa học - công nghệ, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế toàn cầu đang đặt ra nhiều vấn đề mới lạ. Những vấn đề đó lại liên quan trực tiếp tới sự phát triển của đất nước. Trước những biến động đó của lịch sử, tư duy của Đảng phải đổi mới, phải thường xuyên tiếp cận với những thông tin mới, những thành tựu mới về kinh tế - xã hội, về khoa học, công nghệ của thời đại. Khả năng nắm bắt kịp thời các thông tin và xử lý tốt các thông tin, do đó, cũng là nhân tố không thể thiếu trong trí tuệ của Đảng, trong văn hóa Đảng.

Sự nghiệp đổi mới đang đặt ra trước Đảng một yêu cầu bức xúc : Đảng phải tự hoàn thiện và phải vững mạnh. Sự phai nhạt về lý tưởng, sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang là nỗi lo chung của toàn xã hội. Xây dựng văn hóa Đảng vững mạnh chính là bảo đảm tính tiên phong cách mạng của Đảng, khẳng định uy tín vốn có của Đảng trong quần chúng, trên cơ sở đó xác lập quyền lãnh đạo và khả năng lãnh đạo của Đảng. Xây dựng văn hóa Đảng cũng là một khâu đột phá nhằm xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong tình hình mới. ❑

Digitized by Google

Ngân sách nhà nước với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta

TÀO HỮU PHÙNG *

1 - Tác động của ngân sách nhà nước với chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Sau gần 20 năm đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, mở ra khả năng mới trong phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong tiến trình đổi mới, Đảng ta xác định chuyển dịch cơ cấu kinh tế với những bước đi thích hợp, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, được coi là nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngân sách nhà nước với vai trò là công cụ tài chính để thực hiện điều chỉnh vĩ mô kinh tế - xã hội sẽ tác động vào các yếu tố cấu thành của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các ngành và vùng lãnh thổ trên các nội dung lớn sau:

- Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp: Ngân sách nhà nước tác động vào việc khai thác tiềm năng thúc đẩy phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả. Thông qua các chính sách thu và chi ngân sách, Nhà nước sẽ tạo điều kiện để sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hóa và được tiêu thụ mạnh. Từ đó, kích thích khai thác các tiềm năng trong nông nghiệp, tăng năng suất lao động qua việc áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp, từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Nó góp phần thúc đẩy mối quan hệ giữa các sản phẩm nông nghiệp với ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, thương mại, dịch vụ nhằm hỗ trợ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp nhanh chóng và hiệu quả.

- Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp: Ngân sách nhà nước thúc đẩy quá trình sắp xếp lại và hiện đại hóa lực lượng sản xuất công nghiệp hiện có, phát triển những ngành công nghiệp mới theo những quy mô hợp lý, công nghệ hiện đại, đủ sức đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với chức năng phân bổ vốn, ngân sách nhà nước sẽ không đầu tư vào những doanh nghiệp yếu kém về khả năng sản xuất kinh doanh và không nhất thiết phải thuộc sở hữu Nhà nước. Từ đó, ngân sách nhà nước góp phần thực hiện chủ trương giải thể hoặc cho phá sản những doanh nghiệp làm ăn không có hiệu quả, thua lỗ kéo dài,... Ngược lại, những doanh nghiệp đã chuyển hướng sản xuất kinh doanh, với phương án kinh doanh có tính khả thi và hiệu quả cao, thuộc những lĩnh vực và địa bàn trọng yếu cần có sự đầu tư của Nhà nước thì được ngân sách nhà nước tài trợ vốn cần thiết để đổi mới trang thiết bị và bổ sung vốn lưu động cho phát triển sản xuất kinh doanh. Như vậy, ngân sách nhà nước góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nhiều

* GS, TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

Digitized by Google

mặt hàng, nhiều chủng loại có chất lượng và sức cạnh tranh cao; đồng thời, cũng góp phần sắp xếp lại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp công nghiệp.

- Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ: Thông qua chi hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách nhà nước tác động để thúc đẩy ngành dịch vụ phát triển nhanh (nhất là những ngành dịch vụ có liên quan tới thu hút vốn đầu tư nước ngoài), góp phần khắc phục tình trạng cơ cấu bất hợp lý, thiếu đồng bộ trong ngành dịch vụ, bảo đảm tốc độ tăng các ngành dịch vụ cao hơn ngành công nghiệp và nông nghiệp, từng bước giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP và tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế dịch vụ. Kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực như Xin-ga-po, Thái Lan... đã rất thành công trong việc chú trọng phát triển ngành dịch vụ. Trong các ngành dịch vụ thì ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển dịch vụ du lịch, hàng không, thương mại và các dịch vụ khác phục vụ yêu cầu phát triển các ngành kinh tế quốc dân. Các dịch vụ không khuyến khích như Ca-si-nô... sẽ không được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư rất hạn chế.

- Đối với chuyển dịch cơ cấu giữa các vùng lãnh thổ: Ngân sách nhà nước tác động qua việc bố trí vốn đầu tư để hạn chế sự phát triển không đồng đều, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo giữa các địa phương. Thông qua biện pháp quản lý thu, chi ngân sách các địa phương, sử dụng cơ chế hỗ trợ, bổ sung, điều hòa và điều tiết ngân sách, Nhà nước có thể kiểm soát và định hướng phân phối ngân sách các địa phương, tránh tình trạng phân phối dàn trải, cào bằng, dựa trên cơ sở những yếu tố đầu vào, chi phí bỏ ra của các chủ thể kinh tế, tiềm năng tại địa phương như nguồn tài nguyên thiên nhiên, sức lao động, tiền vốn, chất xám... Thông qua ngân sách, Chính phủ phải quan tâm đến quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm hạn chế bớt sự phân hóa xã hội, sự bất bình đẳng về thu nhập, bảo đảm sự công bằng hợp lý, đồng đều giữa các vùng trong cả nước, trong khi vẫn bảo đảm ưu tiên phát triển các vùng động lực, địa phương có đóng góp lớn cho ngân sách trung ương.

2 - Thực trạng sử dụng ngân sách nhà nước với chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước giai đoạn vừa qua, tuy có nhiều yếu tố thuận lợi, song ngân sách nhà nước vẫn còn mất cân đối. Tiềm lực tài chính nhà nước mỏng so với yêu cầu điều chỉnh và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước có xu hướng chậm hơn so với tốc độ tăng chi; hiệu quả sản xuất kinh doanh, quy mô tích luỹ của nền kinh tế còn thấp, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kém nên nộp ngân sách khó khăn hơn.

Hiện nay, cơ cấu nguồn thu ngân sách nhà nước chưa vững chắc. Quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đòi hỏi phải cắt giảm thuế xuất nhập khẩu (hiện chiếm gần 20% tổng thu ngân sách nhà nước), cơ cấu nguồn thu nội địa có nhiều biến động, nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, khu vực ngoài quốc doanh thất thu lớn, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang thực hiện ưu đãi miễn giảm thuế cho nhiều dự án... là những khó khăn rất lớn trong quản lý và điều hành ngân sách nhà nước nhằm tạo tiềm lực tài chính dồi dào phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chi đầu tư phát triển còn dàn trải, không đồng bộ và chủ trương đầu tư chưa sát với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thiếu sự tập trung ưu tiên cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển dịch cơ cấu lao động. Trong nông nghiệp chưa được đầu tư đúng mức, đầu tư vào thủy lợi chiếm hơn 70% vốn đầu tư của ngành, đầu tư nâng cao chất lượng

Digitized by Google

phát triển nông nghiệp như khoa học - công nghệ, giống cây, con và công nghệ chế biến nông sản chưa được quan tâm đúng mức, nên quá trình chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn còn chậm và kém hiệu quả.

Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu. Nhà nước chưa chi phối được cơ cấu đầu tư để tạo ra cơ cấu kinh tế hợp lý, nhất là chưa phát triển được một số ngành mũi nhọn. Trong lĩnh vực giao thông và kết cấu hạ tầng nói chung, tình trạng phổ biến là đầu tư không đồng bộ. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các vùng kinh tế cũng chưa có sự điều chỉnh kịp thời. Hiện tại, những vùng được ưu tiên là vùng có điều kiện tăng trưởng, đầu tàu của nền kinh tế, trong khi các vùng kinh tế khác thiếu vốn và ngày càng bị tụt hậu hơn. Điều đó làm tăng thêm sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, miền trong cả nước. Chủ trương đầu tư của Nhà nước chưa gắn với chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế trung và dài hạn, thiếu sự liên kết và lập thứ tự ưu tiên giữa các khoản chi ngân sách nhà nước để phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong thực tế, việc đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình mục tiêu phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn rất mờ nhạt, có những công trình được đầu tư nhưng không bố trí nguồn vốn để vận hành, bảo dưỡng, duy tu, dẫn đến hiệu quả sử dụng không cao.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân, theo tôi cần lưu ý mấy nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc; hiệu quả, sức cạnh tranh thấp; nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mức tăng trưởng như mong muốn., GDP bình quân đầu người còn ở mức thấp, các nguồn lực tài chính và ngân sách có hạn, trong khi nhu cầu về vốn đầu tư cho các ngành kinh tế và vùng kinh tế lại rất lớn. Việc quản lý và điều hành ngân sách nhà nước bị động, lúng túng, dẫn đến việc bố trí vốn thiếu tập trung, thiếu đồng bộ, đầu tư còn dàn trải. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội còn hạn hẹp, chưa đủ sức cơ cấu lại nền kinh tế, làm cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm hoặc chưa đúng mục tiêu.

Thứ hai: Trong những năm qua, công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã được triển khai, song việc định hình cơ cấu kinh tế mới, cơ cấu ngành sản xuất, cơ cấu vùng còn lúng túng. Việc dự báo, đánh giá về tiềm năng phát triển của các ngành và vùng chưa chính xác, thiếu tầm nhìn chiến lược. Một số quan điểm, chủ trương chưa có sự thống nhất và chưa thông suốt ở các cấp, các ngành làm cho việc xác định chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa hợp lý. Từ đó, không khai thác được khả năng, thế mạnh của từng vùng. Mặt khác, trình độ công nghệ và khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nền kinh tế còn hạn chế. Nguồn lực về lao động xã hội dồi dào, nhưng trình độ và số lượng lao động đã qua đào tạo còn thấp. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng cán bộ chưa có quy hoạch mang tính dài hạn. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ có chuyên môn cao vẫn chưa được phát huy hết khả năng để đáp ứng yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thứ ba: Trong nhiều năm, chúng ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm phát triển kinh tế, nhưng một số chính sách còn thiếu đồng bộ hoặc còn hạn chế, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi; chưa tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa sửa đổi kịp thời những quy định quản lý nhà nước không còn phù hợp, chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác dụng mạnh mẽ nhằm khai thác nhiều hơn các nguồn lực của các thành phần kinh tế, còn có sự phân biệt đối xử không công bằng giữa các thành phần kinh tế. Chưa có chính sách thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, các ngành có khả năng cạnh tranh cao trên cơ sở khai thác thế mạnh của các vùng.

Digitized by Google

3 - Giải pháp đổi mới ngân sách nhà nước để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay còn lạc hậu so với của nhiều nước trong khu vực. Để đến năm 2020 có một cơ cấu hợp lý bảo đảm Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, chính sách ngân sách nhà nước cần được đổi mới trên các hướng cơ bản sau:

Một là, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hằng năm chiếm khoảng trên 30% tổng chi ngân sách nhà nước và 25% - 26% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước có ý nghĩa quan trọng và tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vì vậy, cần chọn những giải pháp sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch đầu tư. Gắn quy hoạch với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính liên ngành, liên vùng. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ đối với từng ngành và trách nhiệm của chủ đầu tư. Khắc phục tình trạng khép kín trong đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước gây tình trạng lãng phí, thất thoát.

- Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; định mức lập dự toán đầu tư và tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho từng dự án và từng ngành. Thực hiện công khai, minh bạch các quy định.

- Cần đổi mới cơ chế cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách nhà nước, xóa bỏ tình trạng xin - cho, xóa tình trạng cơ quan duyệt dự án, cấp phát vốn không gắn với cơ quan chủ đầu tư, chủ công trình dự án; công khai và minh bạch hóa các dự án công trình từ khâu thẩm định, duyệt dự án đầu tư đến nghiệm thu, thanh quyết toán...

- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn: chi phí cho công tác tư vấn nên tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị dự án, công trình sau khi quyết toán (hoặc theo giá trúng thầu) và thưởng, phạt theo hiệu quả công trình sử dụng sau đầu tư để gắn trách nhiệm và quyền lợi với dự án đầu tư. Tổ chức lại các nhà thầu đủ năng lực cạnh tranh với nhà thầu nước ngoài (cả vốn và năng lực thi công), giảm tối đa các nhà thầu phụ, tránh tình trạng bán lại thầu cho nhau. Có chế tài nghiêm khắc xử lý tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu, khắc phục tình trạng bỏ giá thầu thấp.

- Siết chặt kỷ cương trong bộ máy nhà nước, nâng cao trách nhiệm và thẩm quyền của chủ đầu tư. Tăng cường giám sát, thanh tra đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản thuộc vốn ngân sách nhà nước phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trước hết, tập trung giám sát, thanh tra, kiểm tra những khâu yếu kém trong quá trình đầu tư: từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán vốn đầu tư, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Công tác thanh tra, kiểm tra, phải thực hiện toàn diện, triệt để; xử lý nghiêm minh các hiện tượng tiêu cực trong đầu tư xây dựng cơ bản. Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, giám sát cộng đồng trong việc quyết định các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Hai là, bên cạnh hình thức đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước, cần tính đến hình thức đầu tư gián tiếp. Đó là việc Nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước cho vay các dự án, công trình trực tiếp phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (như đánh bắt xa bờ, xóa đói giảm nghèo...) với các ưu đãi về lãi suất, về thời gian ân hạn, bảo lãnh đầu tư và những điều kiện thuận lợi khác. Các chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư của ngân sách nhà nước dưới hình thức này phải có trách nhiệm hoàn trả vốn và lãi theo quy định của Nhà nước. Đối tượng xin vay vốn là các dự án thuộc ngành phù hợp với sự phát triển của vùng trong quá trình

Digitized by Google

chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở xác định chính sách đầu tư từ ngân sách nhà nước theo hướng trên, cần điều chỉnh cơ cấu, tỷ trọng và mức độ đầu tư vào các ngành mũi nhọn và vùng kinh tế trọng điểm, bảo đảm kinh phí thỏa đáng để tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành và vùng, cũng như trong nội bộ mỗi ngành và mỗi vùng.

Ba là, cần cơ cấu lại nguồn thu ngân sách nhà nước để bảo đảm vững chắc, giảm sự lệ thuộc vào các nhân tố bên ngoài; tăng cường khả năng thu ngân sách nhà nước từ sản xuất kinh doanh, từ nội lực của nền kinh tế. Trong những năm tới, khi nhu cầu chi tiêu của ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực và cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế lớn đòi hỏi phải nhanh chóng cải thiện nguồn thu ngân sách nhà nước, bao quát nguồn thu, mở rộng đối tượng nộp thuế, chống thất thu, chống gian lận thương mại, trốn thuế, nợ đọng thuế. Nguồn thu ngân sách nhà nước chủ yếu theo hướng tăng dần tỷ trọng thuế trực thu, giảm dần thuế gián thu. Do vậy, cần tăng cường kiểm soát thu nhập, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Để phát huy vai trò điều tiết vĩ mô của ngân sách nhà nước đối với các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia sâu và rộng hơn vào quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cần đổi mới cơ chế sử dụng vốn ngân sách hỗ trợ các doanh nghiệp, theo quan điểm không bao cấp và không hỗ trợ bằng mọi giá. Nếu để thả nổi các doanh nghiệp thì sẽ rơi vào bất lợi không đạt được mục tiêu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vì vậy, cần thiết lập cơ chế bảo hộ một cách có chọn lọc và nới lỏng từng bước, vừa tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia tích cực trong tiêu thụ sản phẩm, gia tăng xuất khẩu hàng hóa do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang lại, vừa tạo áp lực cần thiết để cộng đồng doanh nghiệp hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, từng vùng và từng sản phẩm.

Bốn là, cần quy định về chi ngân sách nhà nước phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo những định hướng cơ bản sau:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các dự án trọng điểm, Nhà nước chỉ đầu tư vào các lĩnh vực then chốt nhằm tạo đà và khuyến khích các khu vực khác đầu tư theo định hướng chiến lược của cả nước.

- Ưu tiên chi ngân sách nhà nước cho quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn; thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, phát triển các làng nghề truyền thống, công nghệ chế biến sau thu hoạch nhằm thị trường hóa và tăng giá trị sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp.

- Ưu tiên chi ngân sách nhà nước vào vùng trọng điểm có thế mạnh xuất khẩu, có tốc độ tăng trưởng nhanh, cao hơn mức bình quân chung, làm động lực hỗ trợ cả nước cùng phát triển. Đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm tạo bước đột phá về tăng trưởng kinh tế trong vùng.

- Ưu tiên chi ngân sách nhà nước để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ. Trước hết, tập trung vào việc nghiên cứu triển khai công nghệ phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng và hạ giá thành, tăng nhanh các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Tập trung đầu tư cho một số lĩnh vực công nghệ trọng điểm như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, đặc biệt là công nghệ phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến; đẩy nhanh tốc độ phát triển và khai thác các khu công nghệ cao, xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tiến tới tự chủ về khoa học và công nghệ trong một số ngành và lĩnh vực có lợi thế nhất định. ❑

Digitized by Google

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững

PHẠM KHÔI NGUYÊN *

TÀI nguyên và môi trường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với con người và sự phát triển. Tạo hóa đã sinh ra chúng ta và hành tinh bé nhỏ để nuôi dưỡng chúng ta từ bao đời nay. Hằng ngày chúng ta sử dụng không khí, nước, thực phẩm để tồn tại và sử dụng các nguồn tài nguyên và môi trường để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của mình. Mỗi sự biến đổi của tự nhiên, của môi trường đều tác động trực tiếp đến chúng ta. Sự đe dọa nào đối với thiên nhiên, môi trường cũng chính là sự đe dọa đối với chúng ta.

1 - Nhìn từ góc độ phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người, tài nguyên và môi trường là đầu vào của mọi nền kinh tế, mọi quá trình phát triển. Sự bất ổn về môi trường, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên tất yếu sẽ dẫn đến sự suy thoái của một nền văn minh, của một quá trình phát triển. Mối quan hệ hữu cơ này đã được chứng minh trong quá khứ và càng được thể hiện rõ hơn trong thời đại ngày nay, khi sự phát triển đang tiệm cận các giới hạn của tự nhiên.

Việc mở rộng quy mô hoạt động của con người trong những năm gần đây đã gây ra ô nhiễm môi trường, buộc con người phải thừa nhận rằng phát triển kinh tế nhằm làm cho cuộc sống trở nên thịnh vượng hơn, nếu không được quản lý tốt có thể hủy hoại sự sống của con người. Đã đến lúc chúng ta phải xem xét lại khái niệm phát triển từ quan điểm môi trường. Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy, sự tồn tại của con người không thể tránh khỏi những tác động lên môi trường. Bản thân tự nhiên không phải luôn luôn ở trạng thái tĩnh mà trái lại nó luôn vận động. Chúng ta coi trọng công tác bảo tồn không có nghĩa là xác định tình trạng lý tưởng mà tại đó con người không tác động gì đến môi trường. Điều tốt nhất có thể làm là giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực do các hoạt động của chúng ta lên môi trường hiện nay cũng như trong tương lai.

Phương pháp phát triển như hiện nay của chúng ta đã và đang làm suy thoái tài nguyên và môi trường nghiêm trọng. Những con số thống kê gần đây cho ta một bức tranh rất đáng lo ngại về tình trạng suy thoái tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn cầu và ở nước ta.

Đất là nguồn tài nguyên vô giá đang bị xâm hại nặng nề. Số liệu của Liên hợp quốc cho thấy cứ mỗi phút trên phạm vi toàn cầu có khoảng 10 ha đất trở thành sa mạc. Diện tích đất canh tác trên đầu người giảm nhanh từ 0,5 ha/người xuống còn 0,2 ha/người và dự báo trong vòng 50 năm tới chỉ còn khoảng 0,14 ha/đầu người. Ở nước ta, số liệu thống kê cho thấy sự suy giảm đất canh tác, suy thoái chất lượng đất và sa mạc hóa cũng đang diễn ra với tốc độ nhanh. Xói mòn, rửa trôi, khô hạn, sạt lở, mặn hóa, phèn hóa... đang xảy ra phổ biến

* TS, Thứ trưởng thường trực Bộ Tài nguyên và Môi trường

Digitized by Google

ở nhiều nơi đã làm cho khoảng 50% trong số 33 triệu ha đất tự nhiên được coi là "có vấn đề suy thoái".

Nước là nguồn tài nguyên không thể thay thế cũng đang đứng trước nguy cơ suy thoái mạnh trên phạm vi toàn cầu, trong đó nước thải là nguyên nhân chính. Theo số liệu thống kê, hằng năm có khoảng hơn 500 tỉ m^3 nước thải (trong đó phần lớn là nước thải công nghiệp) thải vào các nguồn nước tự nhiên và cứ sau 10 năm thì chỉ số này tăng gấp đôi. Khối lượng nước thải này đã làm ô nhiễm hơn 40% lưu lượng nước ổn định của các dòng sông trên trái đất. Ở nước ta, mỗi năm có hơn một tỉ m^3 nước thải hầu hết chưa được xử lý thải ra môi trường. Dự báo nước thải sẽ tăng hàng chục lần trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khối lượng lớn nước thải này đang và sẽ làm nhiều nguồn nước trên phạm vi cả nước ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt là các sông, hồ trong các đô thị lớn.

Rừng là chiếc nôi sinh ra loài người có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với con người cũng đang phải đối mặt với sự suy giảm nhanh về số lượng và chất lượng. Vào thời kỳ tiền sử diện tích rừng đạt tới 8 tỉ ha (2/3 diện tích lục địa), đến thế kỷ XIX còn khoảng 5,5 tỉ ha và hiện nay chỉ còn khoảng 2,6 tỉ ha. Số liệu thống kê cho thấy diện tích rừng đang suy giảm với tốc độ chóng mặt (mỗi phút mất đi khoảng 30 ha rừng) và theo dự báo với tốc độ này chỉ khoảng 160 năm nữa toàn bộ rừng trên trái đất sẽ biến mất. Ở nước ta rừng cũng đã từng suy giảm nhanh. Đầu thế kỷ XX độ che phủ đạt khoảng 50%, đến cuối những năm 80 chỉ còn gần 30%. Do nỗ lực trồng rừng và bảo vệ rừng, độ che phủ đã được cải thiện. Số liệu thống kê năm 2004 cho thấy độ che phủ của rừng đã đạt được 36% và với đà này mục tiêu 40% độ che phủ của rừng vào năm 2010 là có tính khả thi.

Cùng với rừng, **đa dạng sinh học** cũng đóng vai trò quan trọng đối với con người và thiên nhiên. Từ nhiều thập kỷ nay, hoạt động của con người đã tác động mạnh tới thế giới sinh vật, được xem là tương đương hoặc thậm chí lớn hơn nhiều so với các đợt tuyệt chủng lớn nhất trong thời tiền sử. Việt Nam là nước có mức độ đa dạng sinh học đứng thứ 10 thế giới nhưng tốc độ suy giảm được xếp vào loại nhanh nhất. Nhiều hệ sinh thái tự nhiên bị xâm phạm, suy giảm diện tích. Trong không đầy 50 năm, diện tích rừng ngập mặn suy giảm gần 3/4.

Những con số thống kê cho thấy bức tranh ảm đạm về tình trạng suy thoái tài nguyên và môi trường ở quy mô toàn cầu và ở nước ta: khai thác khoáng sản quá mức, xói mòn đất, ô nhiễm các nguồn nước, ô nhiễm môi trường công nghiệp, đô thị và nông thôn, cũng như thiên tai thường xuyên xảy ra với tần suất cao và diễn biến phức tạp, sự suy giảm các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học và vấn đề ô nhiễm xuyên biên giới. Xu hướng này sẽ tiếp tục diễn ra trong những năm tới. Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với phát triển bền vững trong thời gian tới.

Điều đáng quan tâm là, ở nước ta trong những năm qua, phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu vẫn còn dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên; năng suất lao động còn thấp; công nghệ sản xuất, quy mô tiêu dùng còn sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu và thải ra nhiều chất thải độc hại. Dân số tăng nhanh, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; các dịch vụ cơ bản về giáo dục và y tế hiện còn bất cập, các loại tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn triệt để,... đang là những vấn đề bức xúc. Nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt, sử dụng lãng phí và kém hiệu quả. Môi trường thiên nhiên ở nhiều nơi bị tàn phá nghiêm trọng, ô nhiễm và suy thoái đến mức báo động. Hệ thống chính sách và công cụ pháp luật chưa đồng bộ để có thể

Digitized by Google

kết hợp một cách có hiệu quả giữa ba mặt của sự phát triển: kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Trong các chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành và địa phương, ba mặt quan trọng trên đây cũng chưa thực sự được kết hợp và lồng ghép chặt chẽ để bảo đảm cho sự phát triển đất nước bền vững.

2 - Học thuyết Mác đã có quan điểm rất biện chứng về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, con người là một bộ phận không thể tách rời của giới tự nhiên. Chính Ph. Ăng ghen đã cảnh báo về "sự trả thù của giới tự nhiên" khi bị tổn thương.

Trên thế giới, từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XX con người đã nhận thức được sự nguy hại của việc can thiệp thô bạo vào tài nguyên môi trường. Những người theo trường phái Man-tuýt mới đã dự báo trước về một hành tinh không thể sinh sống do mở rộng quy mô công nghiệp và sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển. Các cuốn sách *Mùa xuân im lặng* (1962), *Bùng nổ dân số* (1970), và *Giới hạn tăng trưởng* (1972) đã nhấn mạnh các viễn cảnh ngày tận thế do sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên, sự gia tăng dân số và ô nhiễm môi trường, gây ra sự lo âu của công chúng ở các nước công nghiệp nói chung. Đến Hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường con người (năm 1972 tại Xtốc-khôm), tầm quan trọng của môi trường đã được thừa nhận.

Thuật ngữ phát triển bền vững lần đầu tiên được sử dụng trong cuốn "Chiến lược bảo tồn thế giới" do Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới xuất bản năm 1980 với mục tiêu tổng quát là đạt được sự phát triển bền vững thông qua bảo tồn các nguồn tài nguyên sống. Tuy nhiên, khái niệm về phát triển bền vững phổ biến nhất là khái niệm được trình bày trong báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" của Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển năm 1997, theo đó thừa nhận mối liên kết chặt chẽ giữa môi trường và phát triển: *Phát triển bền vững là sự phát triển vừa đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng các yêu cầu của họ.*

Điều đáng lưu ý là trong khi Chiến lược bảo tồn thế giới nhấn mạnh đến sự thống nhất các giá trị, các vấn đề môi trường và bảo tồn trong quá trình phát triển thì Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển lại tập trung vào tính bền vững về kinh tế và xã hội. Việc thừa nhận khái niệm về phát triển bền vững đã góp phần làm giàu thêm tư liệu về phát triển bền vững và có lẽ đây thực sự là một khái niệm rõ ràng nhất và được sử dụng rộng rãi nhất. Khái niệm này đã đưa ra khuôn khổ để lồng ghép giữa các chính sách môi trường và các chiến lược phát triển; và các chiến lược này cần phải có tầm nhìn dài hạn.

Trong cuốn *Cứu lấy trái đất: chiến lược vì sự sống bền vững*, khái niệm phát triển bền vững tiếp tục được hoàn thiện, theo đó việc bảo tồn môi trường, các khía cạnh kinh tế và xã hội được lồng ghép với nhau, và các nguyên tắc lồng ghép cũng được cụ thể hóa.

Chương trình nghị sự 21, bao gồm các thoả ước và quy ước đạt được tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất (năm 1992) là một chương trình hành động toàn cầu nhằm giải quyết các vấn đề môi trường và phát triển. Khái niệm về phát triển bền vững - một chủ đề chính của Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển đã được chấp thuận một cách rộng rãi. Cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa môi trường và phát triển được hội tụ tại Nguyên tắc 4 của Tuyên bố Ri-ô: "để đạt được sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường phải là một phần không thể tách rời của quá trình phát triển và không thể tách biệt khỏi quá trình đó". Ủy ban của Liên hợp quốc về phát triển

Digitized by Google

bền vững đã bổ sung một khía cạnh thứ tư của phát triển bền vững, đó là thể chế. Bốn khía cạnh này hiện nay là khuôn khổ báo cáo về thực hiện Chương trình nghị sự 21.

Mười năm sau Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất 1992, năm 2002, Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững với sự tham gia của 109 vị nguyên thủ quốc gia và hơn 45.000 đại biểu của hơn 190 nước và các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội... đã diễn ra tại Giô-han-ne-xbớt, Nam Phi. Trong xu thế đã khẳng định, tại Hội nghị này, quan điểm về phát triển bền vững được chú trọng với nội dung cụ thể là thu hẹp khoảng cách giữa các nước giàu và các nước nghèo trên thế giới, xóa bỏ nghèo đói, nhưng không làm ảnh hưởng đến môi sinh. Hội nghị đã thông qua hai văn kiện quan trọng: Tuyên bố chính trị Giô-han-ne-xbớt và Kế hoạch thực hiện. Hai văn kiện này khẳng định sự cấp thiết phải thực hiện phát triển kinh tế trong tương quan chặt chẽ với bảo vệ môi trường và bảo đảm công bằng xã hội ở tất cả các quốc gia, khu vực và toàn cầu. Bảo vệ và quản lý cơ sở tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế- xã hội là một nội dung quan trọng trong kế hoạch thực hiện. Đây là tiền đề và nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững.

3 - Ở Việt Nam, do nhận thức được tầm quan trọng và tính bức thiết của vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, ngay sau Tuyên bố Ri-ô, Nhà nước ta đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 1993; sau đó đã hình thành một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Ngày 26-8-1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW *Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*; ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 41-NQ/TW *Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đây là Nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị chỉ đạo riêng về công tác bảo vệ môi trường. Nghị quyết nhấn mạnh: Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm (2001 - 2005) đã khẳng định: phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học.

Phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, nhiều chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đã được ban hành; nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu về lĩnh vực này đã được tiến hành và thu được những kết quả bước đầu; nhiều nội dung cơ bản về phát triển bền vững đã đi vào cuộc sống và dần dần trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển của đất nước.

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước như các văn kiện của Đảng

Digitized by Google

đã đề ra và thực hiện cam kết quốc tế, ngày 17-8-2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Trước đó, ngày 2-12-2003, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; tháng 5-2002 đã ban hành Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong các văn bản này thực sự là kim chỉ nam để thực hiện phát triển bền vững ở nước ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Chương trình nghị sự 21 của nước ta đã đặt ra mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế là "đạt được sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu kinh tế hợp lý", về môi trường là "khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường sống; bảo vệ được các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và bảo tồn đa dạng sinh học; khắc phục suy thoái và cải thiện môi trường". Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững.

Trong những năm tới, chúng ta cần tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được nêu trong các văn kiện của Đảng; đặc biệt phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường và triển khai đưa các quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản và Luật Bảo vệ môi trường vào cuộc sống để quản lý tốt, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, hạn chế tiến tới ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, cần coi trọng công tác giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm đối với thiên nhiên và môi trường trong xã hội, áp dụng tiến bộ khoa học, thúc đẩy hội nhập kinh tế... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phải dựa trên quan điểm chung vì sự phát triển và phồn vinh, sự bền vững của đất nước. Chúng tôi cho rằng, cần phải thống nhất quan điểm từ các phía "bảo vệ môi trường phải vì phát triển, thúc đẩy phát triển" và ngược lại phải khắc phục tư tưởng "chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà ít quan tâm hoặc coi nhẹ vấn đề tài nguyên và môi trường". Quan điểm, mục tiêu phát triển bền vững phải được đi vào cuộc sống, phải là phương châm hành động của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; phải từ khâu hoạch định chính sách, chiến lược đến tổ chức thực hiện, trong cả đầu tư cơ sở hạ tầng đến kinh doanh, phát triển. Điều đó sẽ giúp chúng ta cùng nhau thực hiện thành công mục tiêu của Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam.

Người Việt Nam có truyền thống sống vì con, vì cháu. Suốt cuộc đời dù sung sướng hay cực khổ những bậc làm cha, làm mẹ mang trong mình dòng máu Việt Nam đều mong muốn cho con cháu của họ được hạnh phúc hơn chính họ. Người xưa có câu "Đời cha ăn mặn đời con khát nước", "Con hơn cha là nhà có phúc". Phải chăng đây là một cách diễn đạt khác của nguyên lý phát triển bền vững. Thế hệ hôm nay không muốn mắc nợ thế hệ tương lai, thế hệ hôm nay mong cho thế hệ tương lai được hạnh phúc hơn. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO TINH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC - vấn đề bức xúc trong cải cách hành chính

MAI TRUNG HẬU *

1 - Ở nước ta hiện nay, cải cách hành chính là vấn đề rất quan trọng của việc củng cố, hoàn thiện bộ máy công quyền "công bộc của dân", có quan hệ trực tiếp đến lợi ích của nhân dân trong các lĩnh vực hoạt động. Vì vậy, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đang triển khai thực hiện "Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 một cách toàn diện và sâu sắc". Tuy nhiên, đến nay kết quả thực hiện còn rất hạn chế, chưa có sự chuyển biến đáng kể. Điều đó có nhiều nguyên nhân, trong đó tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức đang là một vấn đề bức xúc.

Trong quản lý hành chính, người dân cũng như các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn phàn nàn quá nhiều về lối làm việc quan liêu, cửa quyền; về thủ tục hành chính rườm rà, phiền toái. Hiện tượng sách nhiễu, vòi vĩnh còn diễn ra phổ biến ở các cơ quan hành chính các cấp, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản, tài chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà; cấp chứng chỉ quy hoạch, giới thiệu địa điểm cho các dự án đầu tư. Ở không ít cơ quan hành chính, kỷ cương bị buông lỏng, không nghiêm, còn có tình trạng cấp dưới né tránh, không chịu thực hiện chỉ thị của cấp trên. Xin nêu một số sự việc cụ thể:

Trong việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Khiếu nại, tố cáo của nhân dân là sinh hoạt bình thường của một xã hội dân chủ. Xã hội dân chủ luôn bảo đảm cho nhân dân có được quyền ấy. Thế nhưng, ở nước ta hiện nay, không ít cán bộ chính quyền các cấp có thẩm quyền lại đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, không chịu đứng ra giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Cấp dưới chuyển lên cấp trên, cấp trên lại đưa về cấp dưới, sinh ra tình trạng dây dưa kéo dài năm này sang năm khác. Người dân phải nhiều lần đến "cửa công", chịu cảnh phiền hà, tốn kém mà vẫn không được giải quyết, hoặc có được giải quyết nhưng không "thấu tình đạt lý", không công bằng, buộc họ phải khiếu kiện vượt cấp. Khi thảo luận Luật Khiếu nại, tố cáo (sửa đổi) ở Quốc hội, một số đại biểu gọi hiện tượng không giải quyết và cũng không trả lời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân là căn bệnh "thờ ơ vô cảm".

Trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà là nguyện vọng thiết thực, chính đáng, hợp pháp của nhân dân; nó liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, mua bán, vay mượn, thừa kế... Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (còn gọi là "cấp sổ đỏ") cũng diễn ra chậm chạp và gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân. Có nhiều hộ gia đình làm đơn với đầy đủ thủ tục, giấy tờ xin chính quyền "cấp sổ đỏ" đã 4, 5 năm mà vẫn chưa được giải quyết.

---

* PGS

Digitized by Google

Họ phải đi lại nhiều lần, đến "gõ cửa" chính quyền từ xã, phường, đến quận, huyện, nhưng vẫn không kết quả và vẫn phải chờ đợi. Trong khi đó có những người đưa nhiều tiền cho bọn "cò môi giới" thì lại được giải quyết ngay.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản. Công tác quản lý và giám sát tài chính trong đầu tư xây dựng còn lỏng lẻo, dẫn đến nhiều công trình kém chất lượng, tình trạng lãng phí, thất thoát khá nghiêm trọng. Nhiều công trình chưa bàn giao hoặc bàn giao không bao lâu đã xuống cấp. Theo Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, riêng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, hầu như không có công trình nào thất thoát dưới 20%. Nếu theo tỷ lệ đó nhân lên, mỗi năm nước ta bị thất thoát khoảng 30 ngàn tỉ đồng. Số tiền này đủ trả lương cho khu vực hành chính, sự nghiệp của cả nước. Nếu giảm được 10% số thất thoát trong xây dựng cơ bản có thể đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương.

Để đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg về thực hiện cơ chế "một cửa". Ngay tại Điều 1, Quyết định đã nêu rõ mục tiêu của cơ chế "một cửa" là nhằm giảm phiền hà cho tổ chức, công dân, chống tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền của cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Theo Quyết định này, các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương bắt đầu thực hiện cơ chế "một cửa" từ tháng 9-2003. Tuy nhiên, hiệu quả của việc thực hiện đó còn rất hạn chế, chưa đạt được mục tiêu đề ra. Người dân thường nói với nhau: đi theo mười "cửa đỏ" không bằng một "cửa đen". "Cửa đỏ" là cửa trực tiếp với người đại diện cơ quan hành chính, còn "cửa đen" là cửa thông qua "cò môi giới" - mọi việc giao cho "cò" làm tất, chỉ tốn một số tiền là đâu vào đấy, có kết quả ngay. Người có tiền họ làm như vậy. Còn người nghèo thì sao?

Theo Thủ tướng Phan Văn Khải, hiện nay, điều mà Quốc hội lo lắng và Chính phủ không an tâm, đó là việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách, thể chế đang là khâu yếu nhất trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Nhiều bộ và chính quyền địa phương chưa dứt bỏ được tệ quan liêu, thiếu nhạy cảm và nghiêm túc trước những vấn đề bức xúc do yêu cầu của cuộc sống, của nhân dân đặt ra. Phương thức hoạt động và lề lối làm việc vẫn chưa hết dấu ấn của cơ chế cũ. Trong khi đó, do cơ chế, chính sách mới có chỗ đụng chạm đến lợi ích cục bộ của ngành, của địa phương, cơ sở nên xuất hiện tình trạng làm cầm chừng hoặc né tránh không làm. Trong nhiều trường hợp, các quy định về thể chế hành chính đề ra còn thiên về dành thuận lợi cho cơ quan và công chức [1].

2 - Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời rất quan tâm đến tinh thần trách nhiệm của cán bộ. Nói về tinh thần trách nhiệm của cán bộ, Người viết: "Tinh thần trách nhiệm... là khi Đảng, Chính phủ, hoặc cấp trên giao cho ta việc gì, bất kỳ to hay nhỏ, khó hay dễ, ta cũng đưa cả tinh thần, lực lượng ra làm cho đến nơi, đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công" [2]. Người còn nhấn mạnh: *"Tinh thần trách nhiệm là: Nắm vững chính sách, đi đúng đường lối quần chúng, làm tròn nhiệm vụ"* [3]. Còn thiếu tinh thần trách nhiệm, theo Người, là làm việc một cách cẩu thả, làm cho có chuyện; dễ làm, khó bỏ; đánh trống, bỏ dùi; gặp sao hay vậy.

Hiện nay, sự thiếu tinh thần trách nhiệm của không ít cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính không chỉ gây trở ngại cho việc cải cách hành chính mà còn gây trở ngại cho việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước. Đây là vấn đề bức xúc cần được chấn chỉnh ngay. Sự thiếu tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Nguyên nhân khách quan là sự tác động của những nhân tố tiêu cực của tình hình thế giới đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, công chức. Nhưng ở đây,

---

(1) Phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XI, Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 13-6-2004

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 6, tr 345, 346

Digitized by Google

chủ yếu vẫn là do những nguyên nhân chủ quan, bao gồm:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước chưa quan tâm đầy đủ đến việc giáo dục tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công chức cũng như chưa kiên quyết xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm; còn thiếu những quy định cụ thể về chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức.

Thứ hai, nhiều cán bộ, công chức thiếu sự tu dưỡng, dùi mài tinh thần trách nhiệm; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chủ quan, tự tư, tự lợi, tư tưởng cục bộ, địa phương.

Thứ ba, lãnh đạo của nhiều cơ quan hành chính thiếu tinh thần trách nhiệm trong quản lý cán bộ, công chức, "thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí" (4).

Thứ tư, trong tổ chức chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan chủ trì và trách nhiệm của các cơ quan phối hợp. Do đó, khi mắc khuyết điểm thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ thì không cơ quan nào, không người nào chịu trách nhiệm và phải bị xử lý kỷ luật, mà "hòa cả làng".

3 - Để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính ở nước ta hiện nay, cần thực hiện đồng thời các giải pháp sau:

Một là, tăng cường giáo dục tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công chức. Trước hết, cần làm cho cán bộ, công chức nhận thức một cách sâu sắc rằng, Đảng ta là Đảng cầm quyền; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng là để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Cần làm cho cán bộ, công chức quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thái độ, trách nhiệm của Đảng, Chính phủ nói chung và của người cán bộ cách mạng nói riêng đối với nhân dân. Đặc biệt, cần chú ý đến tư tưởng sau đây của Người: Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Đảng và Chính phủ phải có trách nhiệm đối với nhân dân. Nếu để nhân dân đói, rét, không được học hành là Đảng và Chính phủ có lỗi. Đảng và Chính phủ là "công bộc" của nhân dân; cán bộ của Đảng, của Nhà nước cũng là "công bộc" của nhân dân. Vì vậy, trách nhiệm của cán bộ, công chức trước hết là trách nhiệm đối với nhân dân. Trách nhiệm đối với nhân dân cũng là trách nhiệm của Đảng và Chính phủ. Mỗi cán bộ, công chức trong bộ máy công quyền phải thật thấu hiểu mình là "công bộc" của nhân dân chứ không phải là những "ông quan cách mệnh" ăn trên, ngồi trốc, đè đầu cỡi cổ nhân dân như bọn quan lại phong kiến, thực dân.

Nhân đây, chúng tôi xin bàn thêm, chúng ta không nên dùng cụm từ "giới quan chức" để chỉ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở nước ta. Cụm từ này chỉ nên dùng trong quan hệ đối ngoại mà không nên dùng một cách phổ biến, bởi nó không có lợi cho việc củng cố mối quan hệ giữa cán bộ và nhân dân, nhất là hiện nay, khi bệnh quan liêu, hách dịch, sách nhiễu, tự coi mình là "quan" của cán bộ đối với nhân dân còn xảy ra khá nhiều, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Hai là, đẩy mạnh việc tự phê bình và phê bình trong tất cả các cơ quan hành chính các cấp. Cần làm rõ mỗi cán bộ, công chức có hoàn thành nhiệm vụ được giao hay không. Trên cơ sở đó, xem xét, đánh giá tinh thần trách nhiệm của họ và có thái độ xử lý thỏa đáng đối với những người thiếu tinh thần trách nhiệm. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này. Người viết: "Hiện nay, phong trào *tự phê bình và phê bình* đang mở rộng ở

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 6, tr 490

Digitized by Google

nhiều nơi. Đó là một bước tiến đáng mừng. Nhưng trong những cuộc kiểm thảo, có một thiếu sót chung và quan trọng là chưa nêu thật rõ *tinh thần trách nhiệm*" (5).

Ba là, xây dựng chế độ trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Mỗi cán bộ, công chức cần được giao chức trách, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể với những quyền hạn nhất định. Trên cơ sở đó, thường xuyên tiến hành kiểm tra việc làm của họ. Nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ thì nghĩa là họ đã thiếu tinh thần trách nhiệm, chứ không phải là thiếu trách nhiệm vì trách nhiệm đã được giao rõ ràng, cụ thể.

Trong các cơ quan hành chính, cần thực hiện *chế độ thủ trưởng*, nghĩa là cần xây dựng chế độ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Thủ trưởng hay người đứng đầu cơ quan, đơn vị chẳng những chịu trách nhiệm về những sai lầm, khuyết điểm của bản thân mà còn phải chịu trách nhiệm về những sai lầm, khuyết điểm của những cán bộ dưới quyền trong khi thi hành nhiệm vụ. V.I. Lê-nin nói rất đúng rằng: "Một người lãnh đạo chính trị không những phải chịu trách nhiệm về cách mình lãnh đạo, mà còn phải chịu trách nhiệm về hành động của những người dưới quyền mình nữa. Đôi khi người lãnh đạo không biết những hành động đó, thường là không muốn cho những hành động đó xảy ra, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về những hành động đó" (6). Điều đó làm cho người thủ trưởng phải đi sâu, đi sát, kiểm tra thường xuyên công việc của cán bộ, công chức dưới quyền; kịp thời phát hiện và xử lý những sai lầm, thiếu sót của họ, không để cho tình trạng bê bối, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình mà thủ trưởng không hay biết.

Đảng ta là Đảng cầm quyền. Trong tất cả các cơ quan, đơn vị hành chính đều có tổ chức đảng. Do đó, chẳng những người đứng đầu tổ chức đảng phải chịu trách nhiệm như thủ trưởng mà cả tổ chức đảng cũng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Chúng ta thường chỉ mới đề cập đến trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị mà chưa đề cập đúng mức đến trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức đảng và tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị đó. Bởi vậy, có tình trạng người đứng đầu tổ chức đảng và tổ chức đảng trong các cơ quan hành chính chưa tích cực tham gia đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, lãng phí, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở cơ quan mình.

Bốn là, xây dựng chế độ trách nhiệm đối với các cơ quan quản lý cán bộ các cấp. Theo đó, nếu cán bộ, công chức thuộc cơ quan mình quản lý phạm phải những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng mà không được kịp thời phát hiện và xử lý thì cơ quan đó cũng phải chịu trách nhiệm, chịu kiểm điểm nghiêm túc về thiếu tinh thần trách nhiệm, không làm tròn nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện chế độ trách nhiệm của các cơ quan chức năng như thanh tra, kiểm tra, tổ chức. Các cơ quan này phải có sự phối hợp chặt chẽ và *cộng đồng trách nhiệm* trong việc giúp Đảng, chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý cán bộ, công chức. Nếu cán bộ, công chức phạm sai lầm trong công tác, gây tổn thất cho Đảng, Chính phủ và nhân dân mà không được kịp thời phát hiện, báo cáo với cơ quan lãnh đạo thì cũng bị xử lý về thiếu tinh thần trách nhiệm.

Năm là, có quy định về chế độ trách nhiệm trong công tác làm báo cáo của cấp dưới đối với cấp trên. Đây là một kênh thông tin quan trọng, giúp cấp trên nghiên cứu, xử lý đúng các vấn đề trong lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, báo cáo phải theo đúng thời gian quy định. Nội dung báo cáo phải *nêu đúng sự thật* về kết quả, ưu, khuyết điểm và nguyên nhân; những khó khăn, thuận lợi của cơ quan đơn vị, địa phương và các biện pháp giải quyết; những đề nghị với cấp trên. Người chịu trách nhiệm đối với báo cáo là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nếu vì

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 345 - 347

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 42, tr 269

Digitized by Google

bệnh thành tích mà báo cáo sai sự thật thì người thủ trưởng phải bị xử lý nghiêm về thiếu tinh thần trách nhiệm. Chúng ta còn thái độ dễ dãi đối với việc làm báo cáo, không xử lý nghiêm những người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về những khuyết điểm trong việc làm báo cáo. Chẳng hạn, thời gian qua, trong thực hiện quy chế "một cửa" theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có tỉnh chưa thực hiện mà đã báo cáo nhưng người đứng đầu ở nơi đó vẫn không bị xử lý kỷ luật về thiếu tinh thần trách nhiệm. Tóm lại, phải có quy định về chế độ trách nhiệm trong công tác làm báo cáo của cấp dưới đối với cấp trên thì mới khắc phục được tình trạng "làm láo báo cáo hay", làm báo cáo qua loa đại khái hoặc không làm báo cáo.

Sáu là, có quy định rõ về chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức được giao thực hiện cơ chế "một cửa". Để thực hiện cơ chế "một cửa" trong cải cách hành chính, những cán bộ, công chức được giao thực hiện cơ chế này chẳng những phải được bồi dưỡng, nâng cao *kiến thức tổng hợp,* trình độ nghiệp vụ và công tác dân vận, mà còn phải có quy định rõ về chức trách, nhiệm vụ của những người đó. Chỉ có như vậy mới *nâng cao tinh thần trách nhiệm* của họ và họ mới thực sự trở thành "công bộc" của dân, phục vụ nhân dân, không gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân; giải quyết công việc của nhân dân chính xác, mau chóng, đúng luật, đúng thời gian quy định, tránh lối làm việc lề mề, qua loa, tắc trách.

Bảy là, xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức. Đây là biện pháp rất quan trọng để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Về điều này, lâu nay chúng ta đã nói nhiều mà chưa làm, chưa thể chế hóa nó thành luật pháp với những quy định cụ thể và có tính khả thi. Theo chúng tôi, cần quy định rõ:

- Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ trực tiếp với nhân dân đều phải có phù hiệu ghi rõ họ tên, chức vụ để nhân dân biết và kiểm tra.

- Giải thích công khai, rõ ràng những đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về những nghĩa vụ mà nhân dân phải thực hiện, cũng như những quyền lợi mà họ được hưởng.

- Có văn hóa ứng xử đối với nhân dân: thái độ tôn trọng, niềm nở, lịch sự đối với nhân dân; việc gì nhân dân chưa hiểu thì phải vui vẻ, kiên trì giải thích cặn kẽ để họ hiểu, tuyệt đối không được có thái độ cửa quyền, hống hách, sách nhiễu nhân dân.

- Nếu nhân dân làm chưa đúng những thủ tục cần thiết thì phải hướng dẫn cụ thể để họ làm. Khi đã có đầy đủ thủ tục thì phải giải quyết dứt điểm cho nhân dân theo đúng thời gian quy định, không để đây dưa, gây khó dễ cho họ.

- Khi nhân dân thấy cán bộ, công chức có những thiếu sót, khuyết điểm không thể chấp nhận thì họ có quyền kiến nghị với cơ quan lãnh đạo trực tiếp của cán bộ, công chức đó.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc tiếp thu, xử lý những kiến nghị của nhân dân: phải tiếp thu, xử lý kịp thời và thông báo công khai cho nhân dân biết. Nếu cơ quan, đơn vị không giải quyết, nhân dân có quyền đưa những kiến nghị của mình lên các phương tiện thông tin đại chúng, buộc thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trả lời công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và phải bị xử lý về thiếu tinh thần trách nhiệm đối với nhân dân nếu cơ quan cấp trên kiểm tra thấy những kiến nghị của họ là đúng. Nếu những kiến nghị của nhân dân không đúng thì phải thông báo công khai cho họ rõ. Có như vậy mới nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức và của nhân dân, làm cho nhân dân ngày càng ý thức rõ trách nhiệm và quyền lợi của công dân với tư cách là người làm chủ đất nước.

Nếu Đảng, Nhà nước làm tốt việc giáo dục tinh thần trách nhiệm và xây dựng chế độ trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức để mỗi cán bộ, công chức không ngừng rèn luyện và nâng cao tinh thần trách nhiệm của mình trong thực thi công vụ, sẽ tạo nên một động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc thực hiện chương trình cải cách hành chính nhà nước đi đến thắng lợi. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐIỆN BIÊN THÀNH TỈNH GIÀU ĐẸP CỦA MIỀN TÂY BẮC TỔ QUỐC

TRỊNH LONG BIÊN *

ĐIỆN Biên là tỉnh miền núi cao biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, giàu tiềm năng về đất đai, nguồn nước, khoáng sản... Đồng bào các dân tộc Điện Biên tự hào được sống, tôi luyện, hun đúc và trưởng thành trên mảnh đất lẫy lừng truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc; được thừa hưởng những thành tựu to lớn của cách mạng, luôn luôn nêu cao tinh thần đại đoàn kết dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo trong sản xuất, chiến đấu, quyết tâm xây dựng Điện Biên ngày càng giàu đẹp xứng danh với truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng và sự tin cậy của đồng bào cả nước. Điện Biên còn có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, có cửa khẩu biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có sân bay quốc tế Điện Biên Phủ, có đường bay quốc tế với Lào - Cam-pu-chia - Mi-an-ma, mở ra cho Điện Biên một cơ hội mới trong phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch và giao lưu với các nước láng giềng. Điện Biên đã và đang triển khai tái định cư cho gần 4.000 hộ dân trong dự án xây dựng thủy điện Sơn La; Quốc lộ số 6 đã được nâng cấp mở rộng đến Sơn La, đang tiếp tục khai thông đến Điện Biên và cửa khẩu Tây Trang mở ra trục kinh tế Hà Nội - Điện Biên Phủ nối với Lào - Thái Lan và phía Tây Vân Nam (Trung Quốc). Đó là những thuận lợi to lớn của tỉnh trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc Điện Biên đã nêu cao tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc và truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thử thách dành được nhiều thành tựu mới trong các lĩnh vực: *kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng hệ thống chính trị.*

Trong gần 20 năm đổi mới vừa qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt từ 6,5% đến 9%/năm, riêng năm 2004 đạt 10,14%. An ninh lương thực trong tỉnh được bảo đảm và có sản phẩm lương thực hàng hóa. Công tác bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái, tài nguyên được tăng cường. Chú trọng trồng và phục hồi rừng, thực hiện có kết quả việc giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình, nâng độ che phủ của rừng từ 7,9% (năm 1990) lên 14% (năm 1995) và 39% (năm 2004). Đàn gia súc của tỉnh có mức tăng trưởng từ 5% đến 6%/năm; ngành thủy sản phát triển khá; tạo được một số vùng cây công nghiệp, cây ăn quả.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên

Digitized by Google

Công nghiệp của Điện Biên trước đây hầu như không có gì đến nay đã có các cơ sở sản xuất xi măng, gạch, bê tông, khai thác và luyện than cốc, chế biến giấy, bột giấy, nông, lâm sản, điện, nước và đang từng bước phát triển. Kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) được tăng cường đáng kể, hệ thống thông tin liên lạc... được quan tâm xây dựng; nhiều công trình mới đang được đầu tư xây dựng phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho Điện Biên rút ngắn khoảng cách với cả nước và có cơ hội giao lưu, hội nhập với các nước láng giềng, với khu vực và thế giới.

Văn hóa - xã hội của tỉnh có bước chuyển biến nhanh. Công tác giáo dục, y tế, hoạt động báo chí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao... đều đạt kết quả đáng ghi nhận. Tỷ lệ đói nghèo giảm 5%/năm; đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện cả về vật chất và tinh thần, nhất là về ăn ở, đi lại, học hành, chữa bệnh. Diện mạo đô thị và nhiều vùng nông thôn đổi thay từng ngày, đồng bào các dân tộc được thụ hưởng nhiều thành quả văn hóa - xã hội. Năm 2005, đã có 99% số xã trong tỉnh có đường ô tô, 80% xã có điện lưới quốc gia, 92% xã có điện thoại, 100% xã có trường học, trạm y tế, 93% dân số được phủ sóng phát thanh, 82% dân số được phủ sóng truyền hình...

Điện Biên có vị trí đặc biệt trong chiến lược về quốc phòng - an ninh quốc gia. Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc luôn phát huy truyền thống cách mạng, thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biên giới quốc gia; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần quan trọng bảo đảm môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

Điện Biên đặc biệt quan tâm xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Từ vùng thấp đến vùng cao, biên giới các cơ sở đảng, chính quyền đoàn thể đều được củng cố vững mạnh.

Từ sau khi chia tách và chính thức đi vào hoạt động (1-1-2004), đảng bộ tỉnh Điện Biên có 12 đảng bộ trực thuộc, 439 tổ chức cơ sở đảng, 1,6 vạn đảng viên; chất lượng tổ chức đảng ngày càng tăng; tỷ lệ đảng viên có trình độ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật từ trung cấp trở lên chiếm 50%; có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên chiếm 16,54%, riêng khu vực cơ quan nhà nước 90,7% cán bộ công tác chính quyền, 71% cán bộ đảng, đoàn thể được đào tạo từ trung học đến sau đại học về chuyên môn. Hằng năm có 4.000 học sinh thi vào các trường đại học, cao đẳng; 1.000 học sinh, sinh viên học tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề tại tỉnh; đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 50%; đảng viên sinh hoạt ở vùng nông thôn chiếm 61,97%. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Các tổ chức cơ sở đảng luôn được củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng về mọi mặt. Tích cực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, sử dụng và chính sách, chế độ đối với cán bộ. Đến nay có 18% cán bộ công chức, viên chức của tỉnh là người dân tộc thiểu số; 58% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh là cán bộ nữ. Đội ngũ cán bộ cơ sở (xã, phường, thị trấn) được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhiệm kỳ 2001 - 2005, có 30,65% cán bộ cơ sở có trình độ trung cấp, cao cấp lý luận chính trị và 9% có trình độ trung cấp, đại học về chuyên môn. Tổ chức đảng cơ sở thực hiện tốt vai trò

Digitized by Google

là hạt nhân lãnh đạo chính trị trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ở địa phương; đồng thời thường xuyên chăm lo lãnh đạo và phát huy vai trò của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, sự đầu tư lớn và có hiệu quả của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực; sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, các tỉnh, thành phố, các thành phần kinh tế và đồng bào, chiến sỹ cả nước; sự hợp tác có hiệu quả của các tổ chức và bạn bè quốc tế, trước hết là các tỉnh láng giềng chung biên giới như Phong Sa Lỳ, Luông Pra Băng (Lào) và Vân Nam (Trung Quốc); cùng với sự phấn đấu bền bỉ, liên tục của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong thời gian qua.

Mặc dù đạt được những kết quả to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, song Điện Biên vẫn còn là tỉnh nghèo và nhiều khó khăn so với vùng Tây Bắc và cả nước. Là vùng biên giới nên vấn đề dân tộc, lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái pháp luật, tội phạm ma túy, tệ nạn còn diễn biến phức tạp. Trước mắt còn nhiều thách thức, cụ thể là: sự mất cân đối giữa nhu cầu đầu tư phát triển và nguồn vốn; việc tổ chức triển khai thực hiện một số chương trình, dự án (phát triển lâm nghiệp, xuất khẩu, du lịch) chưa rõ, kết quả còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được tăng cường song chưa đồng bộ; nhiều lĩnh vực chưa giải quyết tốt như công tác quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch, điều tra cơ bản...

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được khá cao, song bộc lộ sự phát triển chưa vững chắc. Nhiều chỉ tiêu rất thấp so với bình quân cả nước: tỷ lệ đói nghèo cao; thu ngân sách trên địa bàn còn thấp nhiều so với yêu cầu chi. Nhiều mặt mất cân đối giữa nhu cầu với khả năng, nhất là đầu tư, phát triển. Một số vấn đề xã hội phức tạp tuy có giảm nhưng còn chứa đựng nguy cơ gia tăng như di cư tự do, truyền đạo trái phép, tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội. Đội ngũ cán bộ còn bất cập. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước chưa được đào tạo về lý luận, cán bộ cơ sở chưa được đào tạo về quản lý, kỹ thuật còn nhiều...

Từ những thành công và chưa thành công trong công tác chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở Điện Biên, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, luôn luôn nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu của công cuộc đổi mới vào thực tiễn địa phương. Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng vào các nghị quyết của tỉnh Đảng bộ, xác định rõ nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trọng điểm của địa phương trong từng giai đoạn, quyết tâm thực hiện những việc khó, việc mới, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện.

Thứ hai, thường xuyên chăm lo, xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết công nông, đoàn kết quân dân; chủ động nắm bắt thời cơ, khai thác tiềm năng, thế mạnh, khắc phục khó khăn yếu kém nỗ lực phấn đấu vươn lên.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, khơi dậy lòng tự hào, ý chí tự cường, cần cù, vượt khó để phát triển. Kết hợp chặt chẽ phát huy nội lực với sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, đầu tư hợp tác với bên ngoài để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, không ngừng củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là xây dựng

Digitized by Google

Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh bảo đảm thực sự là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị, phát huy tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân. Chủ động nắm chắc tình hình cơ sở.

Thứ năm, thường xuyên quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ an toàn biên giới, không để bị động trong bất cứ tình huống nào. Coi trọng và nêu cao tinh thần đoàn kết hữu nghị, hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển, nhất là quan hệ với các tỉnh có chung biên giới.

Để thực hiện các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Điện Biên quyết tâm đoàn kết, phát huy truyền thống vẻ vang và những thành tựu đã đạt được, vượt mọi khó khăn, thử thách để xây dựng Điện Biên thành tỉnh giàu đẹp, vững mạnh toàn diện.

Từ nay đến năm 2010, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế: giảm tỷ trọng GDP ngành nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng GDP ngành công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp 30%, công nghiệp - xây dựng 34% và thương mại - dịch vụ 36%. Đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân từ 12% - 13%/năm. Tổng sản lượng lương thực 220.000 tấn, bình quân lương thực 430 - 450kg/người/năm. Đàn gia súc tăng 5% - 5,5%/năm. Đưa độ che phủ rừng lên 50%. Giải quyết việc làm cho 5.000 lao động/năm. Giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn dưới 5%. Phấn đấu 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm và đi được 2 mùa, phát triển đường ô tô đến những bản có điều kiện; 100% số xã có điện, trong đó có 80% dân số được dùng điện; giảm tỷ lệ sinh hằng năm 1‰ - 1,2‰. Phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn tỉnh và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông ở thị xã Mường Lay và thành phố Điện Biên vào năm 2008. Phấn đấu để có 95% dân số được phủ sóng truyền hình và 100% dân số được phủ sóng phát thanh vào năm 2010.

Để hoàn thành vượt mức các mục tiêu trên, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm cho mọi người nắm vững và thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương; tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trên tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đầu tư thông qua dự án, tập trung thống nhất quản lý điều hành, chủ động xây dựng các dự án thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển. Khắc phục cả hai khuynh hướng thỏa mãn với kết quả đạt được hoặc ỷ lại, trông chờ cấp trên, thiếu năng động sáng tạo trong khai thác tiềm năng, lợi thế, tư tưởng thụ động, quan liêu, xa dân.

Hai là, tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh xây dựng quy hoạch và quản lý quy hoạch một cách chặt chẽ. Xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh dựa trên cơ sở quy hoạch và định hướng phát triển. Cần tập trung quy hoạch các vùng điểm kinh tế, triển khai thực hiện các chương trình dự án của Chính phủ, xây dựng thị trấn, thị tứ, cụm dân cư, quy hoạch phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng về phúc lợi xã hội...

Ba là, quản lý, sử dụng hiệu quả các chương trình, dự án của Chính phủ, của tỉnh đúng mục đích, không để thất thoát lãng phí.

Digitized by Google

Trước mắt phải tổ chức thực hiện thắng lợi các chương trình dự án đầu tư, nhất là tái định cư thủy điện Sơn La, nâng cấp cửa khẩu Tây Trang, sân bay Điện Biên Phủ, đẩy nhanh tiến độ mở cửa khẩu, đường ra Mường Báng, đường vành đai biên giới, phát triển ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp với tốc độ cao, bền vững, thúc đẩy sự nghiệp kinh tế - xã hội của tỉnh chuyển biến theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Năm 2005, phải cơ bản cổ phần hóa các doanh nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt; kiên quyết giải thể các doanh nghiệp yếu kém, làm ăn thua lỗ kéo dài. Phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, du lịch. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp kinh tế tập thể, khuyến khích kinh tế tư nhân, kinh tế trang trại tổng hợp. Triển khai xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, cửa khẩu, thủy điện, khai thác khoáng sản.

Bốn là, đẩy mạnh đổi mới cải cách hành chính nhà nước, nâng cao hiệu quả, hiệu lực việc điều hành tập trung vào nhiệm vụ đã được xác định bằng giải pháp tích cực, đồng bộ, thiết thực. Coi trọng bố trí danh mục đầu tư cơ bản tập trung và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án; tập trung vào 4 khâu cơ bản là: *thủ tục, thể lệ hành chính; tổ chức bộ máy; đội ngũ công quyền; phân cấp, phân quyền cho cấp dưới,* công khai tài chính công và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò tham mưu của các cấp, các ngành, đặc biệt là năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng và tập trung củng cố, xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Chủ động phòng ngừa đấu tranh, xử lý các hành vi tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, lãng phí,... Phát huy quyền làm chủ của nhân dân để bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tổ chức thực hiện có hiệu quả *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới,* nêu cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, xử lý và đấu tranh kịp thời với những luận điệu tuyên truyền sai trái và hành vi tiêu cực của kẻ xấu. Kiên quyết đấu tranh đẩy lùi các nhân tố phức tạp và tội phạm, nhất là: vi phạm chủ quyền biên giới quốc gia, truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do, tranh chấp nội bộ trong nhân dân, các tội phạm hình sự, kinh tế, tội phạm ma túy, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực các hoạt động tư pháp. Xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh.

Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh ở Bắc Lào; coi trọng hợp tác hữu nghị với Vân Nam (Trung Quốc), để bảo đảm sự ổn định chính trị, an ninh - trật tự vùng biên giới, thúc đẩy quan hệ hợp tác thương mại, phát triển kinh tế - xã hội.

Sáu là, tập trung đẩy nhanh tốc độ và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ bằng nhiều hình thức. Năm 2005, tỉnh tập trung đào tạo cán bộ cơ sở (xã, phường, thị trấn) bằng nhiều hình thức: đào tạo tập trung tại các trường tỉnh hoặc đào tạo ở huyện theo hình thức liên huyện. Coi trọng vấn đề chất lượng thông qua tuyển sinh, chất lượng trong qúa trình đào tạo và việc sử dụng đội ngũ cán bộ này sau khi đào tạo. Nâng cao hiệu quả, chất lượng và trách nhiệm giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh cho 49 sở, ban, ngành, mặt trận và các đoàn thể của tỉnh. ❑

Digitized by Google

Luồng phim sử thi - anh hùng ca THÀNH TỰU, ƯỚC MONG

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN *

Ở Việt Nam, trong 50 năm qua đã sản xuất được khoảng 450 phim truyện nhựa. Số phim này có thể xếp vào 3 luồng chính: Luồng phim truyện nhựa nghệ thuật; luồng phim *thị trường - giải trí* và luồng phim *sử thi - anh hùng ca.*

Luồng phim *sử thi - anh hùng ca* của Việt Nam chiếm một tỷ lệ không lớn, nhưng với lịch sử điện ảnh, với nhiệm vụ phản ánh hiện thực mang tính bản chất của lịch sử, xã hội Việt Nam, nó phải đứng vào vị trí hàng đầu. Bởi vì, phim *sử thi - anh hùng ca* là phim có đề tài lớn, mang chủ đề lớn, gắn với các sự kiện lớn, các tình huống lớn của đất nước, của dân tộc, của thời đại. Cụ thể, trong 3 năm gần đây, các phim ***Hà Nội 12 ngày đêm, Ký ức Điện Biên, Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công, Đêm Bến Tre,...*** được xếp vào luồng phim ấy.

Một bộ phim được phép sản xuất theo luồng phim này mặc nhiên nó được liệt ngay vào loại phim sản xuất *theo đúng định hướng.* Vấn đề đặt ra trước tiên đối với người viết kịch bản, đối với đạo diễn, đối với các nghệ sĩ tham gia biểu diễn bộ phim ấy là phải làm thế nào để tác phẩm của mình tiếp cận gần kề nhất với *định hướng* - tiếp cận bằng cả sáu chức năng: *nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, giao tiếp* và *ký hiệu.* Với đất nước ta, cho đến bây giờ, luồng phim này phải được hưởng mọi sự ưu tiên đầu tư cả về *sức người* cả về *sức của. Về sức người,* nhiều năm nay, nhớ lại các tác giả, các đạo diễn, các nghệ sĩ diễn viên đã tham gia thực hiện các bộ phim thuộc luồng *sử thi - anh hùng ca* như: ***Đất nước đứng lên, Ngã ba Đồng Lộc, Hoa ban đỏ, Tổ quốc tiếng gà trưa, Hẹn gặp lại Sài Gòn...*** và gần đây: ***Hà Nội 12 ngày đêm, Ký ức Điện Biên, Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công, Đêm Bến Tre...*** chúng ta có thể yên tâm về những gì mà chúng ta đã làm. Đương nhiên, kết quả mà *sức người - sức sáng tạo nghệ thuật* ở mỗi phim đem lại cho việc tiếp xúc gần kề với định hướng mỗi khác. Thậm chí, đó đây vẫn xảy ra những trường hợp *không vui,* ví như phim đi *lệch định hướng* (!). Nhưng, tất cả những trường hợp *không vui* đó xảy ra là do *"lực bất tòng tâm". "Lực"* ở đây có khi mang sự yếu kém từ phía người viết kịch bản, có khi do người đạo diễn, do người quay phim, lại có khi do người diễn hoặc do các nghệ sĩ phụ trách các phần hỗ trợ khác. Còn *"tâm"* thì, nói chung, chúng ta có thể vững tin vào đội ngũ nghệ sĩ điện ảnh của chúng ta. Một vấn đề cần nói thêm là nghệ sĩ làm phim truyện nhựa của chúng ta phải phấn đấu để tiếp cận gần kề với định hướng ở cả sáu chức năng. Những trường hợp *không vui* xảy ra đối với một số phim là xuất phát từ sự hiểu sai, hiểu lệch về *mức độ cần và đủ* của *từng chức năng* mà tác phẩm cụ thể của mình

* GS, TS. Nhà nghiên cứu

Digitized by Google

phải đạt tới. Chẳng hạn, với phim A cần đạt thật đậm *chất nhận thức* thì lại dồn sức quá nhiều để vun vén, tỉa tót cho *chức năng thẩm mỹ*. Hoặc, đối với phim B, rất cần đạt thật đậm *chức năng giáo dục* thì lại dồn sức tạo cho nó nghiêng lệch hẳn về phía *giải trí*, v.v...

Tất cả những chuyện vui, chuyện không vui ấy đã đây đó xảy ra trong các phim truyện nhựa thuộc luồng *sử thi - anh hùng ca* của chúng ta chỉ làm cho *tính định hướng* của phim được *đậm thêm hay nhạt bớt đi* mà thôi, chứ *đã là phim thuộc luồng này thì ắt đó là phim được sản xuất theo định hướng*. Ở thời kỳ mà cơ chế kinh tế thị trường chưa sát phạt văn hóa, nghệ thuật của chúng ta một cách nghiệt ngã như ngày nay thì luồng phim này chỉ lấy việc đánh giá hay - dở trên chuẩn mực cái thước đo của các chức năng mà nó phải đạt tới. Ngày nay, làm nghệ thuật nói chung, điện ảnh nói riêng là *sản xuất*, là *kinh doanh*, là hoạt động *thị trường*, là hoạt động *thương trường*... Cho nên, phải đặt ra vấn đề *"vốn"*, *"lãi"*(!). Và, vì thế đời sống văn hóa - điện ảnh của chúng ta phải trải qua một giai đoạn khó khăn. Đảo lộn vị trí, đảo lộn ngôi thứ các chức năng mà một tác phẩm nghệ thuật điện ảnh lâu nay phải làm tròn. Đặc biệt, chức năng *"giải trí"* được tôn lên tới mức *vượt trần*. Vì khán giả xem phim thời gian này sẵn sàng *"mua"* sự giải trí với một giá rất cao. Khán giả chịu *"mua"* đắt thì nhà phát hành thu được nhiều tiền. Nhà phát hành là *doanh nhân*, đương nhiên họ rất hồ hởi chào đón, hào hứng giao tiếp; mỉm cười tươi và "chơi đẹp" với những ai sản xuất ra thứ *hàng hóa bán chạy*, bán *có lời*, thậm chí *lời to*. Thế là, ngay đối với luồng phim truyện nhựa *sử thi - anh hùng ca* người ta cũng đòi hỏi phải *tăng tốc để đạt cho được chất "giải trí" cao, thật cao;* còn các chức năng khác thì giảm bớt lại để cho phim khỏi bị *nặng nề*, xem phim khỏi bị *mệt trí*, và do đó phim khỏi bị ế khách. Và khi mà người làm phim chưa thực hiện hoặc không thực hiện được yêu cầu đó thì việc phát hành lâm vào uể oải, *mất phương hướng kinh doanh có định hướng*, người phát hành chê trách người làm phim, kể cả phim truyện nhựa *sử thi - anh hùng ca - chê bằng những con số doanh thu thua lỗ*, chê bằng những con số đầu tư kinh phí, đầu tư tài trợ "khổng lồ". Phim ***Đất nước đứng lên*** và phim ***Ngã ba Đồng Lộc*** được tài trợ mỗi phim đến những 1,9 tỉ đồng; phim ***Hoa ban đỏ*** được tài trợ đến những 2 tỉ đồng; ***Tổ quốc tiếng gà trưa*** và ***Hà Nội mùa đông năm 1946*** mỗi phim được tài trợ đến những 3 tỉ đồng... Tiếp theo: ***Hà Nội 12 ngày đêm*** hơn 7 tỉ; ***Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công*** hơn 10 tỉ và còn cho ***Ký ức Điện Biên;*** cho ***Đêm Bến Tre***... bao nhiêu và bao nhiêu tỉ đồng nữa? Thế mà doanh thu phát hành thì hầu như tất cả các phim này đều không một phim nào đạt được theo công thức 3 - 7. Nghĩa là không một phim nào thu được tới 30% số tiền đã tài trợ (!). Những con số có vẻ như là *"biết nói"* đó thật ra lại *chẳng nói lên được gì đúng bản chất của vấn đề*. Vì ở đây, ở loại phim *sử thi - anh hùng ca* này mới chính là nơi để *ngôn ngữ của thương nghiệp, ngôn ngữ của kinh doanh* cất lên tiếng nói về khoản *"lời vô giá"*. Đó là khoản lời về nhận thức, về giáo dục, về thẩm mỹ mà tác phẩm nghệ thuật điện ảnh loại này đã đem lại cho người xem ở giai đoạn mà *chiến lược nâng cao thị hiếu công chúng chưa được thực hiện*, dù là tới một mức độ vừa phải; ở giai đoạn mà đất nước *thực hiện cơ chế kinh tế thị trường phải luôn luôn bám chặt định hướng xã hội chủ nghĩa*. Nhân chuyện phim truyện nhựa đạt doanh thu bằng tiền bạc quá thấp, giới nghệ sĩ làm phim nhựa bị đẩy vào giữa cả một rừng những sự ngộ

Digitized by Google

nhận oan uổng (!). Chẳng hạn, khi bàn về chi tiêu tiền bạc cho một phim truyện nhựa *sử thi - anh hùng ca* thì bị chê là quá nhiều so với mặt bằng chi tiêu cho một bộ phim nhựa bình thường, cho một bộ phim video... *của Việt Nam;* nhưng khi bàn về mức độ hoành tráng, về kỹ thuật, kỹ xảo... thì lại bị chê là thua quá xa so với các bộ phim *của Mỹ, của nhiều nước giàu có khác.* Thật nực cười! Chê như vậy thật không công bằng chút nào.

Với luồng phim truyện nhựa có tính chất *sử thi - anh hùng ca* thực ra, câu chuyện phấn đấu để có doanh thu cao, để đạt định hướng đúng phải được đặt ra, về căn bản, *khác* với cách đặt vấn đề khi bàn tới hai luồng phim nhựa kia. Vấn đề ở đây là phấn đấu để *nội dung định hướng nâng cao không ngừng* và *nâng cao không ngừng số lượt người xem.* Nội dung định hướng được phấn đấu để nâng cao từ cả sáu phía: *Nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, giao tiếp* và *ký hiệu.* Đó là phần của *nghệ sĩ điện ảnh.* Còn *nâng cao không ngừng số lượt người xem* là phần việc của *giới phát hành phim.* Đây là vấn đề then chốt cần thay đổi trong nhận thức của chúng ta mà trước hết là của giới phát hành phim: cân đo cho đúng, nhận thức cho được thành tích phát hành phim thuộc luồng *sử thi - anh hùng ca* không phải bằng số triệu, số tỉ đồng như là đối với các luồng phim khác mà bằng số triệu, số tỉ... ***lượt người xem,*** là không dễ. Câu chuyện ở đây gắn liền với cả một loạt quan niệm khác, cả một loạt quan hệ khác, cả một loạt thể chế khác... Chẳng hạn, đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền cao đối với thành tích của ngành phát hành phim không phải chỉ qua doanh thu, không phải chỉ qua thực lãi về tiền bạc mà phải qua thành tích *đem phim đến với đông đảo công chúng,* đem phim đến với *các lớp công chúng đúng đối tượng của từng bộ phim.*

Giới phát hành phim của chúng ta bên cạnh những thành tích lớn còn có những việc làm chưa thật tốt. Chẳng hạn như chuẩn bị về nhận thức, về quan niệm trong phát hành loại phim đặc biệt này chưa được chu đáo. Cho nên, thời gian qua, đã xảy ra lắm điều đáng tiếc. Một vài ví dụ nhỏ có thể nảy sinh thắc mắc: Vì sao chọn thời điểm khởi chiếu phim ***Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công*** đúng vào ngày khai mạc SEA Games? Vì sao chuẩn bị cho việc phát hành phim ***Hà Nội 12 ngày đêm*** sơ sài đến nỗi công chúng đúng đối tượng xem chẳng ai biết tới, hậu quả là ngay trong thời gian phát hành đợt đầu có ngày phải bỏ đi mấy suất chiếu, vì mỗi suất số lượng khán giả đã mua vé không tới 10 người (!). Đã thế, xếp lịch chiếu cho nó, sau khi cắt bớt, chỉ còn lại một số thời gian rất ngắn để nhường rạp cho một phim đã được giới thiệu khá rầm rộ từ trước và là phim *cứ tưởng* sẽ có đông khách, sẽ có doanh thu cao: Phim ***Người Mỹ trầm lặng*** (!?). Phim ***Đêm Bến Tre*** thì việc chuẩn bị phát hành phải nói là thật buồn. Tại buổi chiếu ra mắt vắng hoe đại biểu. Một tỷ lệ *khá lớn* trong số *rất nhỏ* khán giả có mặt là các cháu bé mà quả thực nội dung phim ***Đêm Bến Tre*** hoàn toàn nằm ngoài sự hiểu biết, nằm ngoài sự quan tâm của các cháu (!)... Nỗi buồn về cung cách chuẩn bị, cung cách quảng cáo cho việc phát hành các phim thuộc luồng *sử thi - anh hùng ca* mà một vài chi tiết rất nhỏ vừa nêu trên sẽ bị nhân lên gấp nhiều lần nếu đem liên hệ, so sánh với cung cách chuẩn bị chu đáo, cách thức quảng cáo rầm rộ cho việc phát hành các phim truyện nhựa thuộc luồng phim thương mại,

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG CỦA NƯỚC TA

ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO * - TRẦN THỊ THU PHƯƠNG **

HIỆN nay Việt Nam có khoảng 400.000 lao động và chuyên gia đang làm việc ở trên 40 nước và vùng lãnh thổ với hơn 30 nhóm ngành nghề các loại. Số lao động này hằng năm đã gửi về nước một lượng ngoại tệ đáng kể, đưa xuất khẩu lao động trở thành một trong các ngành gia nhập "câu lạc bộ" 1 tỉ USD ở Việt Nam (bình quân từ năm 1999 đến năm 2003 số ngoại tệ do các lao động gửi về đạt trên 1,3 tỉ USD/năm). Nguồn thu nhập của người lao động từ nước ngoài đã góp phần cải thiện đời sống gia đình và thân nhân họ, giúp nhiều gia đình trở nên khá giả, nhiều lao động sau khi về nước đã trở thành các nhà đầu tư và chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho một bộ phận lao động khác, đóng góp vào sự phát triển và ổn định kinh tế - xã hội. Xuất khẩu lao động còn là phương thức giúp đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng, nâng cao tay nghề và rèn luyện tác phong công nghiệp cho người lao động, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới. Vì vậy, xuất khẩu lao động hiện đang được coi là một trong những ngành kinh tế đối ngoại mang lại nhiều lợi ích cả về kinh tế và xã hội, là giải pháp tạo việc làm quan trọng và mang tính chiến lược của nước ta.

I - Vài nét về xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là một hình thức đặc thù của xuất khẩu nói chung và là một bộ phận của kinh tế đối ngoại, mà hàng hóa đem xuất là sức lao động của con người, còn chủ sử dụng sức lao động là người nước ngoài. Nói cách khác, xuất khẩu lao động là một hoạt động kinh tế dưới dạng dịch vụ cung ứng lao động cho nước ngoài, có đối tượng xuất khẩu là con người.

Hoạt động xuất khẩu lao động được hiểu là toàn bộ các hoạt động hỗ trợ liên quan đến quá trình đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Những hoạt động đó thường bao gồm: nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng; tổ chức tuyển chọn lao động, đào tạo giáo dục định hướng; tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; quản lý và bảo vệ quyền lợi của người lao động ở nước ngoài và đưa họ về nước khi hết hạn hợp đồng.

Hoạt động xuất khẩu lao động nhìn chung có một số đặc điểm đáng chú ý như sau:

- *Thể hiện rõ tính chất xã hội và nhân văn:* Xuất khẩu lao động thực chất là xuất khẩu sức lao động của con người. Do vậy, hoạt động xuất khẩu lao động không phải chỉ nhằm mục tiêu lợi nhuận mà còn phải xuất phát từ con người, quan tâm đến lợi ích của người đi lao động xuất khẩu...

- *Là một hoạt động kinh tế đối ngoại:* Ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động xuất khẩu lao động là một trong những giải pháp quan trọng thu hút lực lượng lao động gia tăng trong nước ra nước ngoài làm việc và thu ngoại tệ bằng hình thức chuyển tiền về nước của người lao động và các lợi ích khác. Những lợi ích này

* GS, TS, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
** Ths, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Digitized by Google

buộc các nước xuất khẩu phải cố gắng chiếm lĩnh thị phần cao nhất, song việc đó lại phụ thuộc vào quan hệ cung - cầu sức lao động và chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường.

- Hoạt động xuất khẩu lao động là sự kết hợp hài hòa giữa quản lý vĩ mô và sự chủ động, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế thực hiện dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Trong cơ chế thị trường, toàn bộ hoạt động xuất khẩu đều do các tổ chức kinh tế thực hiện trên cơ sở ký kết hợp đồng. Một mặt, họ chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoạt động cung ứng dịch vụ của mình từ khâu tổ chức đưa đi đến khâu quản lý người lao động và, mặt khác, phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các hiệp định, thỏa thuận song phương giữa các quốc gia có tính chất nguyên tắc, thể hiện phương hướng và sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động này.

- Dịch vụ xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp diễn ra trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt: Sự cạnh tranh ở đây diễn ra không chỉ giữa các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ xuất khẩu lao động trong nước, mà là cả sự cạnh tranh giữa các quốc gia cùng cung ứng lao động xuất khẩu trên một thị trường. Ngày nay, những quốc gia có kinh nghiệm trong xuất khẩu lao động thường có đội ngũ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ xuất khẩu lao động mạnh, có hệ thống dịch vụ công rất ưu việt.

- Hoạt động của các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động phải bảo đảm lợi ích trong quan hệ ba bên: Lợi ích kinh tế của Nhà nước từ hoạt động xuất khẩu lao động là khoản ngoại tệ mà người lao động gửi về và các khoản thuế do các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động phải nộp. Lợi ích của các doanh nghiệp chủ yếu là các khoản phí thu được từ các hoạt động của dịch vụ này. Còn lợi ích của người lao động là khoản thu nhập từ lương mà họ nhận được ở chủ sử dụng lao động (khoản này thường cao hơn nhiều lần so với thu nhập trong nước của họ).

- Hoạt động của các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động chịu sự tác động mạnh mẽ của những biến động trên thị trường sử dụng lao động: Hiện nay, trên thị trường lao động quốc tế, các nước xuất khẩu lao động thường phải chấp nhận những điều kiện do nước nhập khẩu lao động đưa ra như: số lượng lao động, mức tiền công, ngành nghề tuyển dụng, điều kiện làm việc... Việt Nam là một nước mới gia nhập thị trường lao động quốc tế, do vậy cũng không tránh khỏi tình trạng bị ép giá và các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động của Việt Nam phải tính đến yếu tố này để có giải pháp khắc phục.

II - Tình hình xuất khẩu lao động của Việt Nam

Hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam có thể được chia thành 2 thời kỳ:

- Thời kỳ từ 1980 đến 1990: Thời kỳ này, lao động Việt Nam chủ yếu được đưa sang các nước thông qua việc Nhà nước ký kết các Hiệp định lao động và trực tiếp thực hiện, chủ yếu đó là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây. Một lượng lao động cũng đã được đưa đi làm việc ở I-rắc, Li-bi. Chuyên gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp được đưa sang làm việc ở một vài nước châu Phi. Trong 10 năm (1980 - 1990), Việt Nam đã đưa được 244.186 lao động, 7.200 lượt chuyên gia đi làm việc và 23.713 thực tập sinh vừa học, vừa làm ở nước ngoài. Ngân sách nhà nước thu được từ hoạt động này là khoảng 800 tỉ đồng (theo tỷ giá rúp/đồng Việt Nam năm 1990) và hơn 300 triệu USD. Đồng thời, người lao động và chuyên gia đã đưa về nước một lượng hàng hóa thiết yếu với trị giá hàng nghìn tỉ đồng.

- Thời kỳ từ 1991 đến nay: Vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90, tại các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu nơi có lao động Việt Nam làm việc đều xảy ra những biến động

Digitized by Google

chính trị lớn, dẫn đến sự thay đổi về thể chế chính trị và cơ chế kinh tế; ở nhiều nước châu Phi, nơi có chuyên gia Việt Nam làm việc cũng có khủng hoảng kinh tế, chính trị; ở I-rắc thì xảy ra chiến tranh. Vì vậy, phần lớn các nước này không còn nhu cầu nhận tiếp lao động và chuyên gia Việt Nam. Trước tình hình đó đặt ra yêu cầu bức xúc là phải đổi mới cơ chế xuất khẩu lao động và chuyên gia cho phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Ngày 9-11-1991, Nghị định số 370/HĐBT (nay là Chính phủ) đã được ban hành về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Theo Nghị định này, các tổ chức kinh tế được thành lập và được Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội cấp giấy phép hoạt động cung ứng lao động, chuyên gia cho nước ngoài. Việc xuất khẩu lao động và chuyên gia được thực hiện thông qua các hợp đồng do các tổ chức kinh tế đó ký với bên nước ngoài. Tính đến tháng 8-1998, Việt Nam đã có 55 tổ chức kinh tế là doanh nghiệp nhà nước có giấy phép đang hoạt động xuất khẩu lao động và chuyên gia.

Trong giai đoạn từ 1996 đến 1999, nhằm đổi mới để phù hợp với tình hình thực tiễn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/CP, ngày 20-1-1995. Từ đó, số lượng các doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động đã tăng lên 77 doanh nghiệp, trong đó có 53 doanh nghiệp thuộc bộ, ngành và 24 doanh nghiệp địa phương. Tính đến tháng 9-2004, số lượng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động đã là 144 doanh nghiệp, trong đó có 118 doanh nghiệp nhà nước, 11 doanh nghiệp thuộc các tổ chức đoàn thể, 12 công ty cổ phần và 3 công ty trách nhiệm hữu hạn.

Nhờ đổi mới cơ chế hoạt động xuất khẩu lao động và sự gia tăng số lượng các doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ xuất khẩu lao động, số lượng lao động và chuyên gia của Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã gia tăng nhanh chóng (xem biểu đồ)

Biểu: *Số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài từ năm 1991 đến 2004*

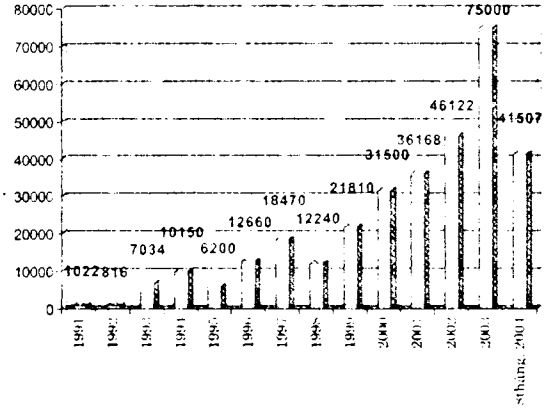

Nguồn: *Cục Quản lý lao động với nước ngoài*

Từ năm 1991 đến nay, Việt Nam đã đưa được 320.699 lao động làm việc ở nước ngoài. Mức lương bình quân (kể cả làm thêm giờ) của người lao động ở nước ngoài đạt khoảng 400 USD/tháng. Ước tính từ năm 1996 đến nay, số lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế mới đã chuyển về nước khoảng 500 triệu USD/năm. Ngoài ra, còn có khoảng 20 vạn lao động đang làm việc ở nước ngoài gồm những người đi lao động theo Hiệp định cũ (1980 - 1990), những người sang Liên Xô và Đông Âu làm việc theo nhiều hình thức khác nhau đã chuyển về nước khoảng trên 1 tỉ USD/năm.

Từ thực tế hoạt động xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua có thể đánh giá khái quát như sau:

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động đã và đang từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đầu tư có trọng điểm và nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy yếu tố chất lượng, hiệu quả là điều kiện cơ bản trong hoạt động kinh doanh. Lao động và chuyên gia đang làm việc ở nước ngoài trong nhiều ngành, nghề khác nhau như: xây dựng, cơ khí, điện tử, dệt, may, chế biến thủy sản, dịch vụ, vận tải biển, đánh bắt, chế biến hải sản, chuyên gia y tế, giáo dục, nông nghiệp, tin học v.v..

- Dịch vụ xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp đã góp phần làm cho hàng vạn người có

Digitized by Google

việc làm với thu nhập cao; giảm được khoản đầu tư khá lớn cho việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm trong nước; người lao động được nâng cao tay nghề, tiếp thu được công nghệ sản xuất mới và phương pháp quản lý tiên tiến, được rèn luyện tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp.

- Thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam từng bước ổn định và mở rộng, số thị trường nhận lao động Việt Nam ngày càng tăng. Việc chỉ đạo khai thác, củng cố và mở rộng thị trường đã được định hướng: tập trung khai thác, củng cố các thị trường trọng điểm, từng bước tiếp cận, thí điểm để mở rộng sang các khu vực theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

- Các hợp đồng ký kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài đều phù hợp với luật pháp Việt Nam và luật pháp nước sử dụng lao động, bảo đảm được quyền lợi của Nhà nước, của doanh nghiệp và của người lao động.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, lĩnh vực xuất khẩu lao động vẫn còn một số hạn chế:

- Số lượng lao động đưa đi của các doanh nghiệp còn ít so với yêu cầu. Một số doanh nghiệp đã không tích cực đầu tư, thiếu chủ động trong tìm kiếm, khai thác thị trường để ký kết hợp đồng cung ứng lao động.

- Chất lượng đội ngũ lao động xuất khẩu của các doanh nghiệp nhìn chung cũng còn thấp so với đòi hỏi của thị trường, nhất là ngoại ngữ, tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại, chủ yếu mới là xuất khẩu lao động phổ thông, còn những lao động kỹ thuật mà nước ngoài cần thì lại không có đủ để đáp ứng.

- Trong nhiều trường hợp người lao động tự bỏ hợp đồng trốn ra ngoài sống bất hợp pháp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín chung của Việt Nam. Tình trạng lao động phải về nước trước hạn cũng xảy ra phổ biến, dẫn đến việc doanh nghiệp mất nguồn thu phí dịch vụ, tăng chi phí để giải quyết các vấn đề phát sinh và làm giảm đáng kể hiệu quả của dịch vụ xuất khẩu lao động của doanh nghiệp.

III - Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra mục tiêu cho hoạt động xuất khẩu lao động từ nay đến năm 2005 là phấn đấu đạt được quy mô xuất khẩu 70.000 lao động/năm và giai đoạn 2006 - 2010 nâng lên đến mức bình quân 100.000 lao động/năm, luôn có khoảng 400.000 - 500.000 lao động và chuyên gia làm việc thường xuyên ở nước ngoài. Để góp phần thực hiện các mục tiêu trên, các doanh nghiệp cần tập trung vào các giải pháp sau:

1 - Các doanh nghiệp cần có biện pháp tích cực để gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu nhằm đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động nước ngoài. Một mặt, tiếp tục tập trung xuất khẩu lao động phổ thông cho các thị trường Đài Loan, Ma-lai-xi-a... để giải quyết vấn đề công ăn việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nước. Mặt khác, phải tìm mọi cách nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu cho phù hợp với nhu cầu của các thị trường, tiến tới phấn đấu để có đủ khả năng và điều kiện xuất khẩu lao động có kỹ thuật. Biện pháp cụ thể cho vấn đề trên là:

- Hoàn thiện quy trình tuyển chọn, đào tạo lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Đổi mới công tác tuyển chọn lao động bằng phương thức gắn kết trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã, phường và các cơ sở sản xuất, đào tạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động của chính quyền địa phương các cấp, nhân dân và người lao động trực tiếp được cung cấp các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định pháp luật của Nhà nước về xuất khẩu lao động, về thị trường nơi người lao động sẽ đến làm việc; chính quyền địa phương giám sát việc tuyển lao động, giới thiệu cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động những người lao động có nhân thân rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành tốt chủ trương của Đảng và pháp luật của

Digitized by Google

Nhà nước; chính quyền địa phương cũng cần có chính sách, cơ chế hỗ trợ người lao động trong việc vay vốn và tạo điều kiện thuận lợi cho họ khi làm các thủ tục đi làm việc ở nước ngoài.

- Các doanh nghiệp phải nâng cao chất lượng công tác đào tạo giáo dục định hướng cho người lao động. Bổ sung thêm các nội dung giáo dục định hướng bằng các dẫn chứng thực tế. Giáo dục cho người lao động thấy tác hại của việc bỏ trốn, kiên quyết dừng và không tuyển chọn lao động ở những địa phương có tỷ lệ lao động bỏ trốn cao. Cần ưu tiên tuyển nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao tham gia xuất khẩu lao động, trước hết từ các trường đào tạo nghề có chất lượng cao phục vụ cho xuất khẩu lao động.

2 - Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động. Đội ngũ này cần phải được chuyên môn hóa, được đào tạo một cách cơ bản về nghiệp vụ xuất khẩu lao động, phải có những kiến thức và hiểu biết tốt về bộ Luật Lao động, Luật Hình sự, Luật Dân sự..., đường lối của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước về xuất khẩu lao động và chuyên gia như: Chỉ thị 41/CT-TW, ngày 22-9-1998, của Bộ Chính trị về xuất khẩu lao động và chuyên gia; Nghị định số 152/1999/NĐ-CP, ngày 20-9-1999; Nghị định số 81/2003/NĐ-CP, ngày 17-7-2003, của Chính phủ, các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành...

3 - Doanh nghiệp cần đầu tư vốn, cơ sở vật chất phục vụ cho xuất khẩu lao động, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp làm dịch vụ xuất khẩu lao động. Cần đầu tư cơ sở vật chất, nguồn vốn xây dựng cơ sở đào tạo, bổ sung đội ngũ giáo viên có trình độ cao, giáo dục định hướng cho người lao động để, một mặt, chủ động được nguồn cung, mặt khác, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở hoàn thiện chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo nguồn lao động xuất khẩu.

4 - Triển khai có hiệu quả mô hình liên kết về xuất khẩu lao động nhằm giảm phiền hà và tốn kém cho người lao động. Thông qua mô hình liên kết, doanh nghiệp đến với người lao động có sự giám sát hỗ trợ của chính quyền địa phương. Doanh nghiệp công khai minh bạch với chính quyền địa phương và người lao động về các điều kiện của hợp đồng, đặc biệt là các khoản đóng góp của người lao động, qua đó giúp cho họ giảm được các chi phí không cần thiết, tạo điều kiện làm các thủ tục hành chính và vay vốn để trang trải cho những chi phí ban đầu tại các ngân hàng địa phương.

5 - Nâng cao hơn nữa hiệu quả dịch vụ xuất khẩu lao động, trước hết, phải rút ngắn thời gian làm thủ tục và thời gian chờ đợi xuất cảnh của người lao động. Đây là một trong các giải pháp góp phần giảm chi phí phát sinh ban đầu của người lao động nhằm thu hút đông đảo người lao động đi xuất khẩu lao động.

6 - Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Với mỗi thị trường, cần có các giải pháp thích hợp nhằm giảm các rủi ro có thể xảy ra.

7 - Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về xuất khẩu lao động và chuyên gia, bổ sung và sửa đổi những cơ chế, chính sách còn thiếu hoặc không phù hợp, như chính sách đầu tư mở rộng thị trường; các chính sách hỗ trợ đào tạo và tín dụng cho người lao động đi xuất khẩu: chính sách tín dụng cho người đi làm việc ở nước ngoài; chính sách bảo hiểm xã hội; chính sách khuyến khích chuyển tiền và hàng hóa về nước; chính sách tiếp nhận trở lại sau khi hoàn thành nhiệm vụ;... Triển khai có hiệu quả việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu lao động theo Quyết định số 163/2004/QĐ-TTg, ngày 8-9-2004, của Thủ tướng Chính phủ.

8 - Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong quản lý hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và chuyên gia: trong trường hợp cần thiết có thể có sự hỗ trợ về vốn, cơ sở vật chất cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động; tăng cường công tác thông tin, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và chuyên gia; ngăn chặn và xử lý các hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong xuất khẩu lao động. ❑

Digitized by Google

KINH NGHIỆM xóa đói giảm nghèo ở huyện miền núi Nam Đông

PHẠM HIỆP - VÕ DUY CHẤT *

QUÁN triệt Chỉ thị 23-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo của Chính phủ, Đảng bộ huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên - Huế xác định xóa đói, giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc không chỉ trước mắt mà cả lâu dài. Bởi vì, nếu không đạt được sự tăng trưởng, ổn định và phát triển bền vững thì cái đói nghèo vẫn nhanh chóng quay trở lại. Bằng sự nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, giúp đỡ của trung ương, của tỉnh, Đảng bộ và chính quyền, đoàn thể các cấp ở huyện Nam Đông đã đạt được kết quả rất quan trọng trên mặt trận xóa đói, giảm nghèo.

Những năm qua, kinh tế - xã hội huyện Nam Đông phát triển tương đối khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2001 đến 2003 đạt 9,3%, thu nhập bình quân đầu người tính đúng, đạt 2,82 triệu đồng/năm, đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện từng bước được cải thiện, bộ mặt nông thôn miền núi khởi sắc, số hộ nghèo từ năm 2001 đến 2003 giảm bình quân trên 9%. Năm 2001, có 1.376 hộ nghèo trong tổng số 3.891 hộ toàn huyện, chiếm tỷ lệ 35,4%, trong đó có 896 hộ là người dân tộc thiểu số. Cuối năm 2003, hộ nghèo giảm xuống còn 664/133 hộ, bằng 15,07%, tỷ lệ hộ nghèo năm 2004 tiếp tục giảm còn 7,5%, mức thấp nhất các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Trong 3 năm, từ 2001 giảm được 712 hộ nghèo, trong đó có 407 hộ là người dân tộc thiểu số. Kết quả này rất đáng khích lệ và là chỉ số đặc biệt ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công cuộc xóa đói giảm nghèo toàn quốc. Có 100% số xã và 92% số hộ được dùng điện, trong đó 86% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số. Các trung tâm cụm xã và các cụm dân cư tập trung đều có đường nhựa, đường liên thôn được bê tông hóa và nhựa hóa. Trên 80% số hộ gia đình dùng nước hợp vệ sinh, 100% số xã, thị trấn có trường tiểu học. Toàn huyện có hai trường trung học cơ sở, một trường trung học phổ thông, 100% số xã có trường mẫu giáo bán công, số học sinh huy động đến lớp đúng độ tuổi ở tất cả các cấp là 98,5%, riêng mẫu giáo mức huy động đạt 93%. Huyện cũng duy trì vững chắc phổ cập tiểu học và đã có 8/11 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, 100% số xã thị trấn có trạm y tế và 9/11 trạm có bác sỹ, 70% đập thủy lợi và 50% hệ thống kênh mương được kiên cố hóa bảo đảm tưới 80% diện tích lúa nước ổn định 2 vụ/năm. Trên địa bàn huyện có hai trạm thu phát lại truyền hình, 5 xã có hệ thống truyền thanh; 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa và 80% thôn có máy điện thoại, đạt bình quân 2,4 máy/100 dân.

* TS, Ban Kinh tế Trung ương

Digitized by Google

Từ kết quả thực hiện chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo với việc lồng ghép các chương trình, dự án khác có hiệu quả tạo thế phát triển bền vững trên địa bàn toàn huyện, ở Nam Đông, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Trước hết là công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng đến cán bộ và các tầng lớp nhân dân các dân tộc, các cấp, các ngành và các đoàn thể thường xuyên làm chuyển biến nhận thức và tạo ra ý thức để xóa đói - giảm nghèo vươn lên làm giàu là nhiệm vụ chính trị lâu dài, gian khổ xác định quyết tâm không cam chịu đói nghèo, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ đầu tư của Nhà nước trong mỗi người dân và từng hộ gia đình. Những mô hình tiêu biểu về làm kinh tế hộ gia đình và của cộng đồng dân cư thôn, bản hoặc xã miền núi huyện Nam Đông về xóa đói, vượt nghèo vươn lên khá, giàu là kết quả tổng hợp của sự đầu tư, hỗ trợ, giúp đỡ của trung ương, sự nỗ lực phấn đấu của từng hộ gia đình được tuyên truyền nhân rộng thành phong trào thi đua xóa đói, giảm nghèo của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân từ huyện đến cơ sở. Để làm tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng, ngoài lực lượng của mặt trận, các đoàn thể còn có sự tham gia của già làng, trưởng bản. Huyện đã hợp đồng với 6 lão nông là những cán bộ lãnh đạo có uy tín, có kinh nghiệm đã nghỉ hưu (kể cả nguyên Bí thư Huyện ủy) tham gia vận động, giúp dân xây dựng mô hình xóa đói, giảm nghèo.

Thứ hai, trong tổ chức thực hiện, các cấp chính quyền đã xây dựng kế hoạch huy động, phối hợp, lồng ghép các nguồn lực đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và huy động nguồn lực tại cộng đồng dân cư một cách hợp lý, đề ra những giải pháp, bước đi cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của từng xã, thôn, bản, thậm chí đến mỗi hộ gia đình, trong từng thời gian nhất định thì công tác xóa đói, giảm nghèo mới có thể đem lại hiệu quả cao. Trong 5 năm (1999 - 2003), tổng vốn huy động đầu tư trên địa bàn huyện đạt trên 33 tỉ đồng, trong đó vốn Chương trình 135 và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước là 25,97 tỉ đồng, ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp là 7,2 tỉ đồng. Ngoài ra, ngân hàng chính sách xã hội còn cho 977 hộ vay 3,7 tỉ đồng vốn hỗ trợ sản xuất, với lãi suất ưu đãi nhờ vốn vay, các hộ nông dân được tư vấn sử dụng vào sản xuất, làm ăn có hiệu quả nên tỷ lệ hộ đói nghèo của 7 xã đặc biệt khó khăn giảm từ 42% (năm 2001) xuống còn 24% (năm 2003).

Thứ ba, gắn việc xây dựng kết cấu hạ tầng như đường giao thông, các hồ chứa nước với các công trình phúc lợi ở trung tâm cụm xã với việc chủ động lập kế hoạch phân bổ lại dân cư giữa đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ với đồng bào nơi khác đến cư trú đan xen. Bằng mọi cách làm cho dân được hưởng lợi trực tiếp từ các công trình xây dựng và tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống, phát triển ngành nghề, dịch vụ. Đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm hướng dẫn, ứng dụng chuyển giao tiến bộ công nghệ sinh học lai tạo hoặc đưa các giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp để tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác hoặc trong một chu trình chăn nuôi. Đây là giải pháp hữu hiệu vừa nâng cao dân trí, thay đổi tập quán lạc hậu về canh tác, sinh hoạt và chi tiêu gia đình, cùng nhau xây dựng nếp sống mới trong cộng đồng các dân tộc giúp biết cách xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, vươn lên làm giàu nhanh. Với cách làm trên, 5 năm qua huyện đã bố trí lại dân cư, di, giãn dân theo vùng dự án 420 hộ, khai hoang mở rộng thêm 25 ha lúa nước, 15 ha đất màu; giảm diện tích lúa rẫy từ 150 ha xuống còn 30 ha năm 2003, xây dựng mới 50 nhà ở, sửa chữa nhà xiêu vẹo, dột nát, đến cuối năm 2003 các hộ gia đình chính sách không còn nhà tranh tre, tạm bợ.

Digitized by Google

Thứ tư, việc giao đất, giao rừng ở Nam Đông đã gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đồng thời có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế vườn nhà, vườn đồi, nhằm tạo điều kiện cho nhân dân có nguồn thu, cuộc sống ổn định, yên tâm quản lý, bảo vệ rừng có hiệu quả. Nam Đông thực hiện giao đất, giao rừng, đồng thời với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, phân bổ đất trồng rừng mới và hỗ trợ cho 1.100 hộ trồng trên 3.034 ha rừng tập trung, đầu tư phát triển 1.995 ha trồng các loại cây cao su, tiêu, điều. Ngoài ra, huyện còn hỗ trợ cho 285 hộ cải tạo vườn tạp nuôi thêm 142 con trâu, bò... Hiện nay, ở Nam Đông nhân dân còn chưa thực sự được hưởng lợi từ chăm sóc, bảo vệ rừng để họ sống được bằng nghề rừng. Tuy vậy, đời sống nhân dân được cải thiện nhờ 60% thu nhập hộ gia đình từ kinh tế vườn, nên rừng vẫn được chăm sóc, bảo vệ, duy trì tốt.

Thứ năm, thực tiễn công tác xóa đói, giảm nghèo ở Nam Đông những năm qua đã khẳng định, nơi nào, cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến các xã, thôn, bản đoàn kết nhất trí thực hiện đồng bộ kế hoạch và chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc thì tính chất xã hội hóa, dân chủ hóa, trách nhiệm đối với phong trào xóa đói, giảm nghèo càng sâu rộng và sẽ có kết quả cao.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, chương trình xóa đói, giảm nghèo đã phê duyệt, Thường vụ Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra, thông tin rộng rãi tiến độ thực hiện và động viên phong trào các cơ quan, đơn vị nhận kết nghĩa giúp đỡ trực tiếp các hộ nghèo, xã nghèo. Chỉ trong 3 năm (2002-2004) có 16 cơ quan cấp tỉnh giúp đỡ 69 hộ nghèo, trong đó có 13 hộ đã thoát nghèo, 38 hộ có chuyển biến tích cực; 36 cơ quan, đơn vị trong huyện được phân công giúp đỡ 52 hộ nghèo, có 15 hộ vượt nghèo, năm 2003 và 17 hộ đã vượt nghèo vào năm 2004. Tỉnh và huyện cũng coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa về chuyên môn, chính trị, đội ngũ cán bộ cơ sở xã. Toàn huyện có 82% cán bộ xã có trình độ trung cấp. Huyện đã đưa 18 cán bộ khuyến nông về trực tiếp chỉ đạo sản xuất ở 7 xã đặc biệt khó khăn và hợp đồng bố trí 37 khuyến nông viên tại các thôn, bản để kịp thời nắm bắt biến động tình hình đói nghèo trong địa bàn. Quy chế Dân chủ ở cơ sở được thực hiện tương đối tốt từ khâu tự chủ, lựa chọn công trình đầu tư hoặc bình chọn việc hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân. Trong xây dựng các công trình ở địa phương, nhân dân đã tham gia, giám sát, thi công, quản lý, sử dụng công trình theo phương châm *"Xã có công trình, dân có việc làm".*

Để tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa chương trình xóa đói, giảm nghèo làm cho các địa phương không còn hộ nghèo, xã nghèo và vươn lên khá, giàu, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, từ thực tiễn ở huyện miền núi Nam Đông trong những năm tới cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

1 - Xóa đói, giảm nghèo là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước có ý nghĩa cả về kinh tế, chính trị và mang tính chất nhân bản của xã hội do đó nó phải trở thành phong trào thi đua yêu nước của mỗi cấp, mỗi ngành, của cộng đồng trong từng địa bàn dân cư.

Các dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa như huyện Nam Đông là nơi có truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước, một lòng, một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu trong suốt hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Vì vậy, việc giúp đỡ hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo để giúp họ thoát nghèo vươn lên làm giàu vừa là đạo lý, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và cần được xây dựng thành tiêu chí để

Digitized by Google

xét các danh hiệu bình chọn hằng năm của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, tổ chức và cá nhân, vừa phải khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường, không cam chịu đói nghèo trong từng cộng đồng dân cư, dòng họ và trong từng hộ gia đình.

2 - Gắn xóa đói, giảm nghèo từng hộ gia đình với xóa đói, giảm nghèo của từng vùng, từng xã và liên xã của huyện.

Sau ba năm điều chỉnh, bổ sung, tổng số các xã thuộc diện đầu tư theo *Chương trình 135* (Quyết định 135/1998/QĐ-TTg), đến năm 2004 trên toàn quốc có 2.374 xã, bao gồm 1.919 xã đặc biệt khó khăn ở miền, vùng sâu, vùng xa; 388 xã biên giới và 67 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng và căn cứ kháng chiến cũ. Từ số liệu trên cho thấy đặc điểm ở miền núi, vùng sâu, vùng xa đói nghèo không chỉ ở quy mô cấp xã, liên xã mà cả cấp huyện (nhiều huyện miền núi tỷ lệ xã nghèo còn chiếm từ 70 - 90% số xã trong huyện, thậm chí có huyện tỷ lệ hộ nghèo còn đến trên 90%). Đối tượng đói nghèo chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng, căn cứ kháng chiến, địa hình hiểm trở, khó khăn, tài nguyên cạn kiệt... Vì thế, muốn xóa đói, giảm nghèo có kết quả ở các huyện miền núi nói chung và ở huyện Nam Đông nói riêng, phải có giải pháp đồng bộ gắn xóa đói, giảm nghèo từng hộ với xóa đói, giảm nghèo của từng vùng, từng xã và liên xã mới có hiệu quả. Nghĩa là vừa hỗ trợ đầu tư trực tiếp cho hộ đói nghèo, vừa đầu tư gián tiếp như xây dựng kết cấu hạ tầng (các dự án của Chương trình 135), tạo dựng môi trường, điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, cuộc sống và sinh hoạt của nhân dân trong vùng.

3 - Rà soát, bổ sung quy hoạch và kế hoạch chi tiết, cụ thể, sát hợp về phát triển kinh tế - xã hội đến từng xã, từng huyện miền núi.

Thành quả của quá trình đổi mới đất nước, tác động của cơ chế thị trường, đặc biệt là sự đầu tư mới mở rộng và nâng cấp hệ thống giao thông liên tỉnh, liên huyện, quốc lộ nối liền Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 1, đường sắt) liên thông các vùng, miền... đã làm thay đổi bộ mặt vùng dân tộc thiểu số, miền núi ở miền Trung, thúc đẩy kinh tế phát triển; đồng thời cũng bộc lộ những khuyết điểm, yếu kém trong công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các huyện miền núi. Do đó yêu cầu khách quan của quá trình phát triển là giúp các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng xã, từng huyện sao cho khai thác, phát huy những tiềm năng lợi thế của địa phương, xác định đúng cơ cấu kinh tế; cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Các trung tâm thị trấn, thị tứ, cụm xã, các cơ sở công nghiệp (chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng...) hình thành sản phẩm, nhóm sản phẩm hàng hóa tập trung theo quy mô phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

4 - Tiếp tục thực hiện và phát huy hiệu quả Chương trình 135, nhất là hoàn thành các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đang dở dang, những xã chưa được đầu tư và sớm điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

Xuất phát từ đặc điểm, đối tượng xóa đói, giảm nghèo chủ yếu trong những năm tới là đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, trình độ dân trí còn thấp, nhiều nơi còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại Nhà nước, vì vậy phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi vùng, của mỗi dân tộc để có chủ trương thích hợp, tránh bị kẻ xấu lợi dụng, kích động. Khi đầu tư một số dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phải đầu tư đồng bộ đến sản phẩm cuối cùng để người dân được trực tiếp hưởng lợi. Ví dụ, đầu tư hệ thống điện như thế nào để người dân có điều kiện sử dụng điện

Digitized by Google

cho sinh hoạt và sản xuất; đầu tư xây dựng hồ nước phải gắn liền đầu tư khai hoang, mở rộng hệ thống thủy lợi, tăng diện tích lúa nước, trồng cây công nghiệp... cùng với việc tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cần có chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo về công cụ và đất sản xuất, về nhà ở, y tế, giáo dục và các dự án trực tiếp xóa đói giảm nghèo khác.

5 - Từng bước đổi mới phương thức sản xuất, canh tác, nếp sống sinh hoạt và chi tiêu trong gia đình đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đây là một công việc lâu dài và gian khổ, làm sao để giữ gìn, phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc, vừa phải đấu tranh loại bỏ tập quán, tập tục lạc hậu ăn sâu, bám rễ lâu đời trong sản xuất canh tác, sinh hoạt và chi tiêu của từng cộng đồng. Để thay đổi một tập quán, tập tục lạc hậu, cần có bước đi thích hợp tác động từ nhiều phía, nhiều chiều. Trong đó, phải thực hiện đồng thời cả phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng đời sống văn hóa mới; bố trí sắp xếp hợp lý việc cư trú giữa đồng bào tại chỗ và đồng bào nơi khác đến, tạo thành một cộng đồng các dân tộc hòa thuận sinh sống trên cùng một địa bàn dân cư (thôn, bản, buôn, làng). Đây là môi trường tốt để các dân tộc hợp tác, giúp đỡ học hỏi lẫn nhau trong sản xuất, canh tác và cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, từng bước nâng cao mặt bằng dân trí, chuyển giao tại chỗ tiến bộ kỹ thuật, bồi dưỡng phát huy nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn miền núi.

6 - Tiếp tục đẩy mạnh giao đất, giao rừng và cụ thể hóa cơ chế, chính sách hưởng lợi từ việc chăm sóc bảo vệ rừng, trồng rừng để người nhận rừng sống bằng nghề rừng.

Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng (Dự án 661) cùng với việc khoanh nuôi, bảo vệ rừng không những góp phần bảo đảm môi trường, giảm nhẹ thiên tai mà còn là một giải pháp tạo việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho đồng bào. Cần sớm tổng kết, rút kinh nghiệm *Dự án 661* về cơ chế chính sách và phương thức giao đất, giao rừng trong những năm qua.

7 - Xã hội hóa các nguồn lực từ bên ngoài (đầu tư của Nhà nước, các chương trình, dự án tài trợ của các tổ chức quốc tế, các cơ quan, doanh nghiệp trung ương, địa phương...) và phát huy cao độ các nguồn nội lực, kể cả ý chí, tinh thần, vật chất của từng người, từng hộ gia đình, dòng họ của cả cộng đồng trong mỗi địa bàn dân cư để phối hợp, lồng ghép đầu tư công trình có trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng, sớm phát huy hiệu quả. Trong quá trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn, đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ gia đình phải thực sự công khai, minh bạch, đúng phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* từ khâu đầu đến khâu cuối, bảo đảm mục tiêu: dân có việc làm, xã có công trình, đời sống được cải thiện. Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo từ cấp huyện đến xã, thôn bản, buôn làng phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức thực hiện, xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh, xây dựng và nhân rộng điển hình xóa đói, giảm nghèo của hộ gia đình, của thôn, xã trong toàn huyện.

8 - Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở là nhân tố hàng đầu quyết định thành công việc thực hiện mục tiêu, chương trình xóa đói, giảm nghèo, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Để có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, được nhân dân tín nhiệm, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới nói chung và xóa đói, giảm nghèo nói riêng, Đảng và Nhà nước phải có chiến lược đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở. Muốn làm được điều đó phải xác định rõ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của từng cấp (tỉnh, huyện, xã) nhằm đánh giá, phân loại cán bộ đương nhiệm, cán bộ dự nguồn rồi mới quyết định cán bộ nào

Digitized by Google

phải đào tạo, phải bồi dưỡng, luân chuyển hoặc giải quyết chế độ chính sách, chuyển công tác khác. Trước mắt, cần tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở, kể cả cán bộ thôn, buôn. Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo các cấp, đồng thời tăng cường cán bộ về trực tiếp, chỉ đạo, khuyến nông, khuyến lâm cho cấp xã, thôn, bản, buôn làng thuộc diện nghèo, nhất là các xã đặc biệt khó khăn.

9 - Để khai thác, phát huy tiềm năng đất, rừng, khoáng sản, vật liệu xây dựng... vùng miền núi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ và góp phần thực hiện tốt mục tiêu xóa đói, giảm nghèo như huyện Nam Đông nói riêng và miền núi nói chung các tỉnh cần giúp Chính phủ sớm có quy hoạch cụ thể phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi quyết định các huyện, xã nào được hưởng chính sách ưu đãi của Chính phủ để có cơ sở quy định trách nhiệm đối với các ngành, các cấp tham gia và giới hạn thời gian hoàn thành chương trình xóa đói giảm nghèo ở từng địa chỉ cụ thể.

Nam Đông là một huyện có nhiều xã đặc biệt khó khăn, hầu hết là đồng bào Cơ-tu. Nhưng Nam Đông cũng là một huyện tuyên chiến quyết liệt với đói nghèo và có nhiều cách làm hiệu qủa nên là huyện đầu tiên trong toàn quốc có nhiều xã nhanh chóng xóa được đói, giảm được nghèo, đang vươn lên làm giàu và đã tự nguyện xin rút ra khỏi Chương trình 135 của Chính phủ. Năm 2005, huyện phấn đấu để đưa các xã còn lại vượt lên thoát nghèo. Với truyền thống đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tin rằng Nam Đông sẽ là huyện miền núi đầu tiên trong toàn quốc trở thành một điển hình trong cuộc chiến xóa đói giảm nghèo, trở thành một vùng quê khá về kinh tế, ổn định về chính trị và mạnh về quốc phòng - an ninh trong công cuộc đổi mới hiện nay. ❑

LUỒNG PHIM...

(Tiếp theo trang 48)

phim giải trí như: ***Gái nhảy, Lọ lem hè phố, Những cô gái chân dài...*** Quảng cáo cho loại phim này được như vậy là rất tốt, rất đáng mừng, nhưng tại sao đối với phim *sử thi - anh hùng ca* thì các cơ quan phát hành của nhà nước hầu như hoàn toàn buông xuôi như vậy? Rồi sự vắng khách đã bị đổ tội cho chất lượng phim, cho nội dung phim. Hơn nữa, lúc tổng kết phát hành thì tỏ ra rất buồn phiền vì *doanh thu* của loại phim *sử thi - anh hùng ca* quá ít ỏi so với kinh phí đầu tư, lỗ quá lớn! ***Vì sao*** đối với loại phim này không lấy việc tổng kết thành tích, không lấy việc đánh giá năng lực phát hành bằng *số lượt người xem đúng đối tượng;* bằng *những phương pháp, những sáng kiến nghề nghiệp phát hành đối với một tác phẩm nghệ thuật đúng định hướng* mà lại đánh giá thành tích, đánh giá năng lực phát hành chỉ bằng doanh thu, chỉ bằng thực lãi?... Chuyện vừa nêu có vẻ nhỏ, nhưng từ đó có thể ngẫm nghĩ và nhận ra nhiều điều không nhỏ chút nào. Không nhỏ xét về mặt quản lý, điều hành thực tiễn đời sống văn hóa - điện ảnh và không nhỏ xét cả về mặt vận dụng lý luận định hướng xã hội chủ nghĩa cho sáng tạo văn hóa, nghệ thuật trong cơ chế kinh tế thị trường.

Hãy cùng nhau ngẫm nghĩ, cùng nhau bàn bạc nhiều hơn; bàn bạc một cách *thẳng thắn, chân tình, trí tuệ* để giải tỏa những dồn nén, những định kiến không tốt với luồng phim *sử thi - anh hùng ca*, một luồng phim đã, đang và nhất định sẽ phải là trụ cột, là con chim đầu đàn của điện ảnh Việt Nam trong tương lai như ***ước mong*** của công chúng và của các nhà sáng tạo nghệ thuật điện ảnh chúng ta. ❑

Digitized by Google

Chuyện quy hoạch

NAM DŨNG

NĂM ngoái, tôi được phân công về thành phố Z để triển khai công tác quy hoạch cán bộ, vô tình lại được nghe về một câu chuyện quy hoạch khác. Hôm đó, thành phố Z kết hợp với viện Y tổ chức hội thảo với chủ đề: " Quy hoạch phát triển nông thôn vùng ven thị ở đồng bằng Bắc Bộ". Các ý kiến phát biểu khá sôi nổi, tựu trung rằng, chủ đề hội thảo là rất cần thiết, nhiều ý kiến cho là rất muộn và đề nghị cấp trên cần có giải pháp khẩn thiết, hữu hiệu cho việc này. Đáng chú ý là ý kiến của Phó chủ tịch thị xã Q, ông nói: Ở thị xã của tôi, câu chuyện về quy hoạch đô thị coi như đã được an bài rồi, vì hiện nay không còn khoảng trống và điều kiện để quy hoạch nữa. Mới tháng trước, một nhà kiến trúc nổi tiếng nước ngoài đi khảo sát quy hoạch, kiến trúc thành phố Z và thị xã Q của chúng tôi. Ông ta bình luận: có lẽ trên thế giới hiếm thấy kiểu quy hoạch và kiến trúc như ở ta, quy hoạch đã được tiến hành theo phương thức tự quản "đèn nhà ai, nhà nấy rạng". Đường phố, nhà cửa, ngõ ngách bị "băm vụn" lố nhố, lô nhô. Các khu công cộng bị lấn chiếm từng tấc đất. Cuộc "chiến tranh" nhà đất bùng nổ dữ dội, giá nhà, giá đất "sốt" như núi lửa. Rồi ông ta buông một câu: "Thành phố Z, nhất là thị xã Q bây giờ đang là những ổ *chuột bằng vàng*". Rõ ràng, chúng ta đã có những sai lầm "vĩ đại" mà đến nay không thể khắc phục được. Thị xã của chúng tôi vừa được trên duyệt dự án để làm cầu vượt ở ngã tư cửa ngõ thị xã, nhưng chi phí để giải phóng mặt bằng gấp 20 lần để chi phí làm cầu. Niềm vui và thành tích để giải phóng mặt bằng ngày nay lại được bắt nguồn từ sai lầm, ấu trĩ của việc quy hoạch ngày trước...

Ông Phó chủ tịch thị xã Q vừa dứt lời, cả hội trường bỗng im lặng bởi câu thơ "bút tre" của ông Chủ tịch huyện B: *Ai qua làng H mà xem. Giếng đình đã biến thành "kem" mất rồi.* Rồi ông Chủ tịch huyện B đã giãi bày những nỗi niềm ngổn ngang của vùng nông thôn ven thị. Ông kể, làng H thuộc xã B của huyện tôi cách đây 3 năm có quy hoạch con đường quốc lộ chạy qua, rồi đùng một cái lại được quyết định trở thành thị trấn mới. Thế là việc đô thị hóa với tốc độ chóng mặt bao trùm lên người dân làng H. Đã mấy năm trôi qua, đến nay họ còn tưởng như giấc mơ trong chuyện cổ tích; qua một đêm ngủ, sáng hôm sau cái ao trước nhà vốn chỉ để thả bèo nuôi lợn, nay đã có bạc tỉ trong tay; cái ruộng muống, cái chuồng trâu, cái ao, lò gạch, cái thùng lầy... tất cả bỗng chốc hóa thành "thiên đường" trong chớp mắt. Người dân ở đây bị choáng ngợp. Họ chưa hình dung có biết bao chuyện phiền toái, phức tạp, xáo đập lên cuộc sống đang lặng lẽ, bình yên của họ. Những chuyện anh kiện em, vợ kiện chồng, con bỏ cha, cờ bạc, tệ nạn xã hội cũng đã xuất hiện rối tung... Duy có điều xưa nay không ai dám nghĩ đến là các ao công cộng, tư nhân đều bị lấp, hệ thống thoát nước không có, đành đổ túa ra ngoài đường; lũy tre quanh làng rồi đến cây đa đầu đình cũng bị đốn gọn. Thậm tệ hơn là cái giếng đình, vốn đã gắn bó sâu sắc với người dân làng H như một điểm "linh" trong tâm trí của họ cũng được đưa ra đấu thầu để lấp. Giờ đây giếng đình làng trở thành nơi sản xuất kem với công nghệ "hiện đại" - dùng nước ao, hồ để làm ra kem. Thật khó mà diễn tả được tâm trạng của người dân làng H...

Ông Chủ tịch huyện B nói tiếp, sở dĩ tôi đề cập đến cái giếng đình làng tại hội thảo này vì mấy năm gần đây, về một số vùng ven thị thấy tốc độ đô thị hóa nhanh quá, cái được, cái mất chúng ta chưa đánh giá hết ở hội thảo này. Song điều thấy rõ nhất là nó khỏa lấp một số tư duy trong sáng về thuần phong mỹ tục. Những văn hóa vật thể, phi vật thể bị xâm hại không thương tiếc. Các ao, hồ, nhà văn hóa, khu vui chơi và cố nhiên cả giếng đình,

(Xem tiếp trang 74)

Digitized by Google

NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

ĐỖ CÔNG ĐỊNH *

CHIẾN lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010 đã chỉ rõ cơ cấu dân số của nước ta đang chuyển dần từ cơ cấu dân số trẻ sang cơ cấu dân số già: tuổi trung vị sẽ tăng từ 23,2 (năm 2000) lên 27,1 (năm 2010); số trẻ em dưới 15 tuổi mặc dù giảm từ 26 triệu (năm 2000) xuống 21,8 triệu (năm 2010) nhưng vẫn ở mức cao; số người trong độ tuổi từ 15 đến 59 cũng sẽ tăng từ 45,5 triệu (năm 2000) lên 58,7 triệu (năm 2010)(1).

Rõ ràng, dân số đông sẽ tạo ra một thị trường tiêu thụ lớn. Nguồn nhân lực dồi dào sẽ kích thích nền kinh tế phát triển. Nhưng sự gia tăng dân số quá nhanh sẽ tạo nên một áp lực không nhỏ đối với xã hội như vấn đề việc làm, sự dịch chuyển của nền kinh tế, quá trình di dân và nhiều vấn đề liên quan khác như phúc lợi công cộng, môi trường... Thực tế này đã được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII nhận định: *"Gia tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn lớn cho việc cải thiện đời sống, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hóa và thể lực của giống nòi. Nếu xu hướng này cứ tiếp tục diễn ra thì trong tương lai không xa đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí những nguy cơ về nhiều mặt".*

1 - Vai trò của nguồn nhân lực đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường duy nhất để phát triển nền kinh tế - xã hội đối với bất cứ quốc gia nào, nhất là các nước chậm và đang phát triển. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới có thể rút ngắn được thời gian phát triển kinh tế - xã hội so với các nước "đi trước". Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người - nguồn nhân lực - với tư cách là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội, chính là yếu tố quyết định quan trọng nhất, là động lực cơ bản nhất. Thực tế đã chứng minh, nguyên nhân dẫn đến sự thành công của các quốc gia và vùng lãnh thổ có nền công nghiệp phát triển ở châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Hồng Công, Đài Loan... không chỉ bắt nguồn từ phát triển khoa học - công nghệ mà chủ yếu là dựa vào nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao. Vì thế, có thể khẳng định, nguồn nhân lực đã trở thành yếu tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng mang tính quyết định nhất đối với sự phồn thịnh của quốc gia, dân tộc.

---

* Báo Nhà báo và Công luận

(1) Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình: *Chiến lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010*, Hà Nội, 2000, tr 25 - 26

Digitized by Google

Đảng ta đã xác định nhân tố con người - chính xác hơn là vốn con người, vốn nhân lực, bao gồm cả sức lao động, trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống của dân tộc - là vốn quý nhất, quyết định sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhân tố này, nếu được giải phóng sẽ trở thành nguồn nội lực vô tận để phát triển đất nước. Vì thế, giải phóng tiềm năng con người để phát huy tối đa nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những quan điểm đổi mới có tính đột phá trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ta trong thời kỳ mới. Con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII xác định xây dựng với những đức tính *"... lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực..."* (2).

2 - Thực trạng nguồn nhân lực

Như trên đã phân tích, nguồn nhân lực có vai trò rất lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay. Nhưng, sự tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với nguồn nhân lực cũng không phải nhỏ. Nếu như trước kia, khi chưa có máy móc hiện đại, rất nhiều lao động phổ thông có thể được sử dụng để tạo ra của cải vật chất cho xã hội thì ngày nay, đôi khi chỉ một thiết bị hiện đại cũng đã có thể thay thế cho công việc của vài người, vài chục người, và thậm chí hàng trăm người. Vì thế, áp lực gia tăng dân số đã đẩy không ít người đến bên bờ của sự thất nghiệp nếu như họ không đáp ứng được những yêu cầu mới của sự phát triển.

Những năm gần đây, chỉ số giáo dục của nước ta đã bằng và vượt một số nước trong khu vực. Cơ cấu và trình độ đào tạo nghề đối với người lao động cũng biến đổi theo chiều hướng tích cực. Theo đó, tỷ lệ lao động kỹ thuật đã tăng mạnh, số lượng lao động qua đào tạo nghề tham gia lao động ngày càng tăng, góp phần làm ra nhiều của cải cho đất nước và đưa nền kinh tế tăng trưởng trên 7%, đồng thời tăng thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện nay của Việt Nam vẫn đang có những tồn tại đáng quan tâm như: tỷ lệ lao động được đào tạo còn ít, trình độ chuyên môn của người lao động chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và không cân đối. Tức là, thách thức lớn nhất gắn liền với chất lượng nguồn nhân lực không chỉ trong tương lai mà ngay cả hiện tại chính là chất lượng lao động.

Tuy nhiên, trong năm 2002, chỉ có khoảng 15% dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật - một con số quá thấp so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tình trạng này còn trầm trọng hơn ở khu vực nông thôn, với trên 90% dân số không có bất kỳ trình độ chuyên môn, kỹ thuật nào (3). Tính đến hết năm 2004, tỷ lệ lao động qua đào tạo của nước ta mới đạt trên 22,5% (tăng 1,5 % so với năm 2003), trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 13,3%. Tính theo thang điểm quốc tế, trình độ chuyên môn của người lao động Việt Nam chỉ đạt 17,86/60 điểm (điểm tối đa)... Vì thế, dù đó đây đã xuất hiện tình trạng "thừa thầy", nhưng phần lớn người sử dụng lao động vẫn phải đào tạo lại khi sử dụng. Chủ trương của Nhà nước là phấn đấu mỗi năm đào tạo trên 1 triệu lao động, trong đó có 200.000 lao động đào tạo có chất lượng cao và đến năm 2010 sẽ có 40% lao động đã qua đào tạo nghề.

---

(2) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu phục vụ nghiên cứu Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 59

(3) Bùi Phương Đình: "Ảnh hưởng của dư lợi dân số đến nguồn lao động ở Việt Nam", Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 12-2003, tr 68 - 69

Digitized by Google

Ước tính, trong vòng 10 năm tới, chúng ta cần tạo công ăn việc làm cho gần 18 triệu người bước vào tuổi lao động, đa số xuất phát từ các vùng nông thôn, nơi vẫn duy trì mức sinh cao hơn so với vùng thành thị. Nhưng, sẽ chỉ có một phần nhỏ trong số này là có thể tìm được việc làm bằng hình thức thế chỗ những người đã đến tuổi nghỉ hưu và thôi lao động. Riêng năm 2005, nước ta có 43 triệu người trong độ tuổi lao động, trong đó có 32 triệu lao động nông thôn, 2,5 triệu người có nhu cầu giải quyết việc làm. Trong khi đó, số người thất nghiệp ở nước ta dù đã giảm, nhưng vẫn còn rất đáng lo ngại. Ở vùng đô thị, năm 2001 là 6,28%, năm 2002 là 6,01%, năm 2003 là 5,78%, năm 2004 là 5,53%, ước tính năm 2005 là 5,28 %.

Điều đáng quan tâm là, hiện nay, do sự chênh lệch lớn về giá trị lao động giữa các khu vực, nên đã dẫn đến tình trạng lao động dôi dư từ khu vực nông thôn dồn ra các vùng đô thị, công nghiệp, khiến cho vấn đề việc làm vốn đã khó khăn ở đây càng trở nên khó khăn hơn. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn năm 2001 là 74,37%, năm 2002 là 75,41%, năm 2003 là 77,66%, năm 2004 là 78,75%, ước tính năm 2005 là 80%, tương đương với 20% - 25% thời gian bị lãng phí. Nghĩa là, so với kế hoạch trung bình của 5 năm là 80%, chúng ta còn phải phấn đấu nhiều.

Đó là chưa kể đến công tác đào tạo nghề của chúng ta hiện nay vẫn còn tồn tại không ít bất cập. Chẳng hạn như việc quy hoạch hệ thống các trường, các cơ sở dạy nghề còn chưa phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; quy mô, năng lực đào tạo còn quá nhỏ bé so với nhu cầu của thị trường và nhiệm vụ được giao; cơ cấu và chất lượng đào tạo chưa phù hợp, chưa đáp ứng được so với cơ cấu và nhu cầu lao động kỹ thuật của thị trường lao động, của các ngành, các lĩnh vực và vùng kinh tế... Hơn nữa, tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ, ý thức tổ chức chưa cao của một bộ phận người lao động cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nguồn nhân lực. Và tất nhiên, những điều này đã tác động tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nước ta.

3 - Một số kiến nghị

Gia tăng dân số tác động không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Nếu không kiểm soát được tình trạng này, chắc chắn sẽ dẫn đến hàng loạt vấn đề thách thức như an ninh lương thực, môi trường, sự tích lũy của nền kinh tế và đặc biệt là sự phát triển bền vững. Vì thế, song song với việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số nhằm đạt mức sinh thay thế tại các vùng nông thôn, miền núi hiện đang có mức sinh cao, phải tích cực lồng ghép chương trình dân số vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, từng vùng, miền và địa phương. Không chỉ có vậy, việc thực hiện chính sách dân số phải đồng bộ, từng bước và có trọng điểm để điều hòa quan hệ giữa số lượng với chất lượng dân số, giữa phát triển dân số với phát triển nguồn nhân lực, giữa phân bố và di chuyển dân cư với phát triển kinh tế - xã hội... để có thể tận dụng được một cách tốt nhất những cơ hội, đồng thời hạn chế những bất cập do việc gia tăng dân số đem lại, để nguồn nhân lực thực sự trở thành thế mạnh và tài sản vô giá của đất nước, cả hiện tại và mai sau.

Khác với xã hội nông nghiệp trước đây, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội ngày nay phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ. Trong khi đó, chất lượng nguồn nhân lực lại phụ thuộc nhiều vào công tác giáo dục đào tạo. Vì vậy, không có gì quan trọng hơn việc tăng cường công tác giáo dục đào tạo để qua đó nâng dần chất lượng nguồn nhân lực, đúng như Đảng đã xác định "Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ" (4). Sinh thời,

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 219

Digitized by Google

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhắc nhở: "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi" (5). V.I. Lê-nin, trong tác phẩm *Thà ít mà tốt* cũng đã đề cao vai trò của việc học tập khi nhấn mạnh rằng: *"Không có cách nào khác ngoài việc "học tập, ...học tập, ... học tập mãi" và phải làm sao cho việc học tập thực sự ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc sống"* (6).

Kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc cho thấy, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển, điều quan tâm đầu tiên là *vấn đề đào tạo*. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là nước bại trận, thiếu thốn, tụt hậu về kỹ thuật nhưng quốc gia này vẫn khẳng định sự lựa chọn truyền thống trong giáo dục. Hệ thống giáo dục của Nhật Bản được ưu tiên đầu tư trên nhiều khía cạnh, được sự quan tâm tạo điều kiện của mỗi gia đình và toàn xã hội (7). Hàn Quốc bị ảnh hưởng nhiều của nền văn hóa Nho học nên rất chú trọng phát triển giáo dục và coi trọng người thầy. Nhờ đó, đầu tư cho giáo dục của Hàn Quốc đã không ngừng tăng lên trong suốt gần 50 năm qua (8). Trung Quốc có chính sách mạnh dạn tìm người tài. Trước mắt, Trung Quốc đang thực hiện việc phát hành "thẻ xanh", một loại thẻ dành cho những kỹ thuật viên, các nhà đầu tư, các nhà doanh nghiệp với một "đặc quyền" là vào Trung Quốc sẽ không cần vi-sa...

Để việc giáo dục - đào tạo phát huy được vai trò trong sự nghiệp đổi mới cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là những người tài là vấn đề nữa có ý nghĩa rất quan trọng bởi: *"máy móc không chỉ thay thế lao động cơ bắp mà còn nhân lên sức mạnh trí tuệ con người; lực lượng sản xuất xã hội chuyển từ dựa nhiều vào vật chất sang dựa nhiều hơn vào trí lực và sức sáng tạo của con người. Sức sáng tạo của con người là vô hạn, tài nguyên là có hạn. Cho nên, kinh tế dựa vào tri thức mở ra những triển vọng to lớn, những khả năng vô hạn cho con người giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách mà mình đang phải đối mặt"* (9). Vì thế, cần đổi mới cơ chế quản lý đối với những nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ. Bởi vì, có người tài, lại có một cơ chế quản lý phù hợp sẽ phát huy tối đa được những kiến thức của họ, sẽ góp phần làm cho đất nước không bị tụt hậu.

Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm xây dựng chương trình quốc gia về việc làm. Bởi lẽ, sức ép lớn nhất, trực tiếp nhất của gia tăng dân số chính là vấn đề việc làm. Thế nên, xây dựng chương trình quốc gia về việc làm một cách bài bản và khoa học, hướng đến việc đa dạng hóa ngành nghề; chuyển đổi cơ cấu lao động, đặc biệt là tại nông thôn để phát triển thị trường lao động ở khu vực này hoặc giúp họ có thể chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là tại những vùng đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ sản xuất nông nghiệp sang khu công nghiệp hoặc kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác; đẩy mạnh xuất khẩu lao động; đồng thời khai thác triệt để tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế trong việc giải quyết việc làm cho người lao động là điều kiện quan trọng để giảm thiểu những mặt tiêu cực của bài toán gia tăng dân số. ❑

---

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t 8, tr 215

(6) Đỗ Tư: "Thà ít mà tốt - Di chúc chính trị cuối cùng của V.I. Lê-nin", Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 4-2001, tr 3 - 4

(7) Nguyễn Minh Tú (chủ biên): *Các chính sách huy động và phân bổ nguồn lực cho phát triển kinh tế Nhật Bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 15

(8) Ngụy Kiệt - Hà Điệu: *Bí quyết cất cánh của 4 con rồng nhỏ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 46

(9) Đặng Hữu: "Phát triển bền vững dựa trên tri thức", Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 11-2004, tr 9 - 10

Digitized by Google

Gia tăng dân số trở lại - nguyên nhân và giải pháp

NGUYỄN HỒNG NGỌC *

MƯỜI năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình (1993 - 2003), công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã đạt được một số kết quả quan trọng. Tỷ lệ sinh giảm từ 30,04‰ năm 1993 xuống còn 17,5‰ năm 2003, tương ứng số sinh giảm từ khoảng 1,6 triệu mỗi năm xuống còn 1,1 triệu mỗi năm. Tổng tỷ suất sinh (số con bình quân của mỗi cặp vợ chồng trong tuổi sinh đẻ) giảm từ 3,8 con năm 1989 xuống còn 2,3 con năm 1999 và 2,12 con năm 2003.

Tuy nhiên, từ năm 2000 đến nay, mức giảm sinh đã chững lại và không đạt chỉ tiêu Quốc hội giao là giảm tỷ lệ sinh 0,5‰ bình quân hằng năm. Mức sinh trong 5 năm qua (2000 - 2004) đã giảm rất chậm và chững lại, từ 19,2‰ năm 2000 xuống còn 18,7‰ năm 2004, bình quân hằng năm mức giảm sinh chỉ đạt 0,1‰, tương ứng là tổng tỷ suất sinh (TFR- số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ 15 - 49) chỉ giảm từ 2,28 con năm 2000 xuống 2,23 con năm 2004, bình quân mỗi năm giảm được 0,05 con. Đây là mức giảm sinh thấp nhất kể từ khi thực hiện Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình (giai đoạn 1960 - 1989, tổng tỷ suất sinh chỉ giảm được 2,59 con, nhưng bình quân mỗi năm còn giảm được 0,09 con). Tỷ lệ phát triển dân số tiếp tục tăng ở nhiều địa phương trong năm 2004 và không có khả năng đạt mục tiêu đạt mức sinh thay thế vào năm 2005 mà Chiến lược dân số giai đoạn 2001 - 2010 đã đề ra. Vậy những nguyên nhân nào làm cho dân số tăng nhanh trở lại và chúng ta sẽ phải làm gì để khắc phục tình trạng trên để làm cho dân số thực sự trở thành một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

Tỷ lệ dân số tăng nhanh trở lại do một số nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân khách quan và chủ quan. *Nguyên nhân khách quan:*

- Số trẻ sinh ra trong giai đoạn 1975 - 1985 tăng đột biến (quy luật của dân số tăng bù sau chiến tranh) nay đã và sẽ bước vào chu kỳ sinh đẻ ở nhóm tuổi 20 - 29, nhóm tuổi có tỷ lệ mắn đẻ cao nhất (bình quân cứ 1000 người thì có 115 người đẻ mỗi năm, trong khi ở nhóm phụ nữ 35 - 39 tuổi chỉ có 31 người đẻ). Như vậy, trong giai đoạn 2001 - 2010, bình quân mỗi năm sẽ có 8,5 triệu phụ nữ ở nhóm tuổi 20 - 29, so với 7,1 triệu của giai đoạn 1991 - 2000, nên bình quân mỗi năm số trẻ do phụ nữ ở nhóm tuổi 20 - 29 tuổi sinh ra sẽ tăng thêm 20% so với thời kỳ trước (phụ nữ trong nhóm này chủ yếu là sinh lần thứ nhất và lần thứ hai).

- Khi mức sinh đang tiệm cận hoặc mới đạt mức sinh thay thế, nhìn chung mức sinh

* Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

Digitized by Google

vẫn giảm nhưng có xu hướng chững lại và lên - xuống khi đã tiệm cận mức sinh thay thế. Trong giai đoạn 2000 - 2004, những vùng, tỉnh có mức sinh cao thì tổng tỷ suất sinh tiếp tục giảm khá đều theo thời gian, nhưng đối với các vùng, tỉnh, khu vực thành thị mà trước đây mức sinh đã đạt hoặc thấp dưới mức thay thế thì tổng tỷ suất sinh có xu hướng dao động lên - xuống trong 5 năm qua. Điều đó làm cho mức sinh chung của cả nước tuy vẫn giảm nhưng với tốc độ giảm chậm dần, từ 19,2‰ (theo Điều tra biến động dân số 1-7-2000) xuống còn 18,7‰ (theo Điều tra biến động dân số 1-4-2004). Đây là hiện tượng mang tính phổ biến đối với các nước có mức sinh cao đang tiệm cận hoặc mới đạt mức sinh thay thế. Đây cũng là nguy cơ làm tăng mức sinh trở lại nếu không phấn đấu một cách quyết liệt trong thời gian tới, đặc biệt là ba vùng Tây Nguyên, Bắc Trung bộ, Tây Bắc. Vì vậy, cần tiếp tục phấn đấu giảm sinh trong một thời gian nữa mới có thể bảo đảm cho mức sinh ổn định.

- Tỷ lệ sinh con thứ 3 mặc dù đã có sự giảm dần nhưng giảm chậm trong 3 năm gần đây và vẫn còn khá cao. Khu vực nông thôn có tỷ lệ sinh con thứ ba gấp hơn hai lần so với khu vực thành thị (23,2% và 11,5%). Trong các vùng của cả nước thì chỉ có vùng đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ sinh con thứ ba thấp 15%, nhưng vẫn chưa tương ứng với kết quả của tổng tỷ suất sinh (tỷ suất sinh đạt ở mức thay thế thì tỷ lệ sinh con thứ ba phải dưới 10%). Các vùng khác thì tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên còn tương đối cao, như Tây Nguyên 36%, Bắc Trung Bộ 29%, Nam Trung Bộ 26%, Tây Bắc 21%. Qua kết quả điều tra biến động dân số các năm cho thấy mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên có sự tương quan rất chặt chẽ, ở đâu có mức sinh cao thì ở đó tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên cũng cao và ngược lại.

- Cơ cấu dân số trẻ, tỷ trọng dân số hiện có vợ có chồng giữ ở mức cao, tiềm năng sinh đẻ lớn. Dân số trong tuổi lao động chiếm 62%. Hằng năm vẫn có khoảng 2 triệu người bước vào tuổi lao động. Hiện phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn chiếm tới 55% trong tổng số nữ. Dân số nam từ 15 tuổi trở lên hiện có vợ chiếm 63,5%, dân số nữ từ 15 tuổi trở lên có chồng chiếm 60,5%.

- Tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại chưa tương ứng với kết quả đạt được về mức sinh (để đạt được mức sinh thay thế thì tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại phải đạt tỷ lệ 75%). Trong hai năm 2002 và 2003, tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai đã giảm từ 76,9% năm 2002 xuống 75,3% năm 2003, trong đó tỷ lệ áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại lại giảm 64,7% (2002) xuống 63,5% (2003). Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai tăng qua các năm, nhưng mức độ tăng rất chậm, trong giai đoạn 2001 - 2004 chỉ tăng được 1,8%. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tăng từ 61,1% năm 2001 lên 64,6% năm 2004, tăng được 3,5% trong giai đoạn 2001 - 2004. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai chưa đạt chỉ tiêu phấn đấu là tăng 2% mỗi năm. Nhận thức của các tầng lớp nhân dân chưa thay đổi căn bản, vẫn tồn tại tâm lý muốn có đông con, phải có con trai. Thực tế thời gian qua, những cặp vợ chồng có hai con gái đã sinh con thứ ba trở lên chiếm tỷ lệ chủ yếu.

Nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, *do chưa nhận thức đầy đủ tính chất khó khăn, phức tạp, lâu dài của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, dẫn đến chủ quan, thỏa mãn với những kết quả ban*

Digitized by Google

đầu, dẫn đến sự trì trệ, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo ở nhiều ngành, nhiều cấp. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình muốn kết quả, trước hết cần có sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền. Thiếu sự quan tâm lãnh đạo thì cuộc vận động dân số - kế hoạch hóa gia đình không thể thành công. Từ năm 2000 đến nay, các cấp, các ngành ít quan tâm đến việc ban hành chính sách, biện pháp để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thể hiện cụ thể qua việc giảm chỉ tiêu kế hoạch hằng năm.

Thứ hai, *tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình từ trung ương đến cơ sở thiếu ổn định công việc quá tải.* Năm 2001, Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em cấp tỉnh được sáp nhập thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em theo Nghị định 12/2001/NĐ-CP. Việc hướng dẫn thực hiện Nghị định này chưa thật hợp lý, nên công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở cấp huyện có nhiều biến động. Có 8 tỉnh, thành phố không còn Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện, nên nơi thì ghép với phòng y tế, nơi thì ghép với phòng văn hóa - xã hội, nơi thì ghép với văn phòng ủy ban nhân dân cấp huyện và chỉ có một cán bộ chuyên trách. Năm 2002, thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trên cơ sở hợp nhất Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam. Năm 2004, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh và cấp huyện mới được quy định là cơ quan chuyên môn độc lập thuộc Ủy ban nhân dân. Đối với cấp xã, cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình và cộng tác viên, những người trực tiếp ở cơ sở phải đảm nhiệm khối lượng công việc tăng lên bao gồm cả ba lĩnh vực: dân số, gia đình và trẻ em (hệ thống bảo vệ và chăm sóc trẻ em trước khi sáp nhập chưa có cán bộ ở cấp xã trở xuống), trong khi thù lao không được tăng. Công việc quá tải, chế độ bồi dưỡng thấp đã làm giảm hiệu quả công tác của cán bộ dân số, gia đình, trẻ em ở cơ sở.

Thứ ba, *cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chưa phù hợp với đặc thù của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.* Chương trình nào cũng có mục tiêu, nhưng quản lý theo chương trình, mục tiêu đòi hỏi tất cả các hoạt động phải được xây dựng xuất phát từ gốc là mục tiêu của chương trình; các cấp, ngành chủ trì phải điều phối được toàn bộ nguồn lực cho chương trình và chỉ được sử dụng cho các hoạt động của chương trình.

Có hai vấn đề đã làm cho việc quản lý theo chương trình mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. *Một là,* vấn đề phân cấp giữa cấp chủ trì và cấp thực hiện chương trình. Phải phân cấp như thế nào để địa phương nhất thiết phải tiến hành những hoạt động theo nội dung và yêu cầu được đề ra từ trung ương (cấp chủ trì chương trình); còn thực hiện trên địa bàn nào, với con người như thế nào thì địa phương hoàn toàn quyết định. *Hai là,* vấn đề phối hợp giữa ngành và ngành. Hoạt động của bất cứ ngành chủ trì nào cũng cần sự phối hợp của các ngành khác, thậm chí về mặt chuyên môn các ngành khác này còn có thể đảm nhiệm những phần việc rất quan trọng mà thiếu sự phối hợp này thì ngành chủ trì không hoàn thành mục tiêu. Từ năm 1993 đến năm 1999 toàn bộ nguồn lực cho chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được giao cho ngành chủ trì, có phân bổ ngay từ đầu nguồn lực dành cho các ngành phối hợp, nhưng được sử dụng thông qua *hợp đồng trách nhiệm.* Ngành chủ trì chấp nhận định

Digitized by Google

mức nguồn lực cho từng hoạt động được ngành phối hợp xây dựng, ngành phối hợp không từ chối tiến hành các hoạt động này vì chức năng đã quy định. Ngành chủ trì cùng ngành phối hợp chịu trách nhiệm quyết toán việc sử dụng nguồn lực. Cơ chế phân bổ và sử dụng nguồn lực thông qua *hợp đồng trách nhiệm* trên cơ sở chức năng đã chứng minh tính hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Hiện nay, cách phân bổ nguồn lực cho các hoạt động phối hợp theo phương thức này không còn được thực hiện. Từ năm 2000 đến nay, cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi theo hướng giao kinh phí hỗ trợ chương trình mục tiêu cho các bộ, ngành, địa phương quản lý, điều hành và thanh quyết toán trực tiếp với tài chính cùng cấp. Theo cơ chế này, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ở Trung ương chịu trách nhiệm về mục tiêu của chương trình, nhưng không điều hành được các hoạt động và kinh phí gắn với kết quả thực hiện mục tiêu, nên đã xảy ra tình trạng một số bộ, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, hội thảo, tập huấn ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện mà không đưa xuống cơ sở và cho người dân. Một số địa phương đã tổ chức những hoạt động tuy có liên quan, nhưng mức độ tác động thấp đối với mục tiêu thực hiện gia đình ít con.

Như vậy, cơ chế *"phân bổ công khai, tập trung nguồn lực cho cơ sở và thanh toán kinh phí theo hợp đồng trách nhiệm"* được đánh giá là có hiệu quả trong những năm trước đây thì đến nay gần như đã bị xóa bỏ, nên tình trạng cắt giảm, sử dụng không hiệu quả kinh phí đối với mục tiêu giảm sinh là điều khó tránh khỏi. Theo cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay thì việc quản lý kinh phí của chương trình mục tiêu ***dân số - kế hoạch hóa gia đình*** bị phân tán.

Thứ tư, *kinh phí thực hiện chương trình trong những năm qua eo hẹp, bị cắt giảm.* Trong giai đoạn 1993 - 1998, kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình bình quân mỗi năm là khoảng 550 tỉ đồng, trong đó ngân sách trong nước khoảng 250 tỉ đồng (mới đạt mức 0,4 USD/đầu người so với yêu cầu ở mức tối thiểu là 0,6 USD/đầu người). Năm 1999, sau khi giảm sinh đạt kết quả tốt, ngân sách trong nước đã giảm xuống còn 220 tỉ đồng (tính bình quân năm trong giai đoạn 1999 - 2002). Từ năm 2003, nguồn vốn vay (bình quân 200 tỉ đồng/năm) đã kết thúc, nhưng ngân sách trong nước cũng chỉ tăng ít, 237 tỉ đồng (năm 2003) và 285 tỉ đồng (năm 2004). Trong khi ngân sách trong nước đầu tư cho chương trình quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình giảm, nhưng các địa phương lại tiếp tục cắt giảm một lần nữa. Năm 2003, có 26 tỉnh cắt giảm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình sang làm việc khác, cá biệt có tỉnh cắt giảm hơn 50% so với dự kiến.

Thứ năm, *việc nới lỏng nhanh chóng các biện pháp hành chính, biện pháp khuyến khích và không khuyến khích đã làm hạn chế việc thực hiện mục tiêu giảm sinh.* Những năm qua ở 49 tỉnh, thành phố có cán bộ, đảng viên, công chức sinh con thứ ba trở lên không được xử lý nghiêm. Đến nay, một số bộ, ngành chưa ban hành nội quy, quy chế hoặc bằng các hình thức khác để thực hiện mục tiêu chính sách dân số trong cơ quan, tổ chức của mình. Một số địa phương chưa cụ thể hóa một số chính sách, chế độ cho phù hợp với đặc điểm của địa phương để thực hiện mục tiêu chính sách dân số. Các cơ

Digitized by Google

quan, tổ chức nói chung chưa tổ chức tốt việc thực hiện Pháp lệnh Dân số, như xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế, đưa chỉ tiêu thực hiện công tác dân số vào kế hoạch hoạt động thường xuyên, có kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

Do chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền Pháp lệnh Dân số, nên đã tác động đến nhận thức của nhân dân và cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu giảm sinh. Việc bình luận thiên lệch chỉ nói đến quyền mà không gắn liền với nghĩa vụ công dân, việc suy diễn quyền đồng nghĩa với thoải mái, tự do, không hạn chế đã tạo dư luận xã hội hiểu không đúng về Pháp lệnh Dân số.

Để đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục đạt kết quả giảm sinh tích cực và đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2005 và năm 2010, cần triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ; các cấp ủy và chính quyền coi công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là một nội dung quan trọng trong chương trình công tác của mình. Quan tâm bố trí nguồn lực, cán bộ có năng lực bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện, giáo dục cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Hai là, củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp và nâng cao năng lực cán bộ trong toàn hệ thống từ trung ương đến cơ sở; đặc biệt là củng cố và nâng cao năng lực, nhiệt tình công tác của đội ngũ cán bộ dân số, gia đình, trẻ em cấp xã và cộng tác viên dân số, gia đình, trẻ em ở thôn, ấp, bản, làng, tổ dân phố; cải tiến chế độ thù lao và khuyến khích về tinh thần đối với đội ngũ này. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em cấp xã.

Ba là, bố trí đủ kinh phí, nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với đặc thù của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, gắn kết quả thực hiện mục tiêu, giải pháp và hoạt động với kinh phí, bảo đảm cho việc quản lý điều hành thống nhất và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của chương trình.

Bốn là, đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động thay đổi hành vi nhằm làm chuyển biến mạnh hơn nữa nhận thức, thái độ, hành vi về kế hoạch hóa gia đình của nhân dân. Xây dựng và mở rộng các mô hình truyền thông phù hợp với từng vùng miền và các nhóm đối tượng; mở rộng công tác giáo dục dân số trong nhà trường nhằm tác động đến lớp trẻ, nhất là nhóm vị thành niên.

Năm là, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ nhằm cung cấp cho mọi đối tượng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn, thuận tiện, chất lượng. Triển khai các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, nhất là vùng đông dân, có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Nghiên cứu và ban hành các chính sách, chế độ phù hợp, có tác dụng khuyến khích, thúc đẩy chấp nhận kế hoạch hóa gia đình trong toàn xã hội, đối với các dân tộc thiểu số, người di cư, các nhóm đối tượng yếu thế, đối với vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đưa chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình vào hương ước, quy ước của làng, bản và tổ chức tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa. ❑

Digitized by Google

ĐẤU TRANH CHỐNG MẶT TIÊU CỰC CỦA TOÀN CẦU HÓA

PHẠM HỮU TIẾN *

TOÀN cầu hóa là một xu thế khách quan, cơ bản trong sự vận động của thế giới đương đại. Cùng với sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa, cuộc đấu tranh chống những mặt trái, những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa (thường được gọi tắt là đấu tranh chống toàn cầu hóa) cũng xuất hiện với quy mô và mức độ khác nhau.

Khởi điểm của cuộc đấu tranh phản đối toàn cầu hóa là Hội nghị cấp cao G8 nhóm họp tại Cô-lô-nhơ (Đức) tháng 8-1999. Trong thời gian diễn ra Hội nghị, hàng nghìn người đã biểu tình không chỉ trên các đường phố ở Cô-lô-nhơ, mà còn ở Luân-đôn và một số thành phố khác của châu Âu và Bắc Mỹ. Xung đột giữa người biểu tình và cảnh sát ở Luân-đôn đã làm hơn 40 người bị thương. Cao điểm của cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa chính là vào tháng 11-1999, khi diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) họp tại Xi-a-tơn (Mỹ). Tại đây, hơn 500.000 người từ nhiều tổ chức và phong trào khác nhau trên thế giới đã tụ họp biểu tình, tuần hành rầm rộ phản đối chính sách tự do hóa thương mại. Những khẩu hiệu, những bài diễn thuyết của những người tham gia chống toàn cầu hóa tại Xi-a-tơn đã cảnh báo những vấn đề cấp bách đang được đặt ra trước nhân loại hiện nay về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường... Mặc dù hơn 500 người biểu tình đã bị bắt và dẫu chưa hội đủ các yếu tố của một phong trào theo ý nghĩa đầy đủ của nó, nhưng cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa vẫn tiếp tục phát triển như một phong trào có quy mô khu vực và quốc tế.

Sau Xi-a-tơn, những hoạt động chống toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra tại nhiều nơi khác trên thế giới, như ở Oa-sinh-tơn, Đa-vốt, Băng-cốc, Pooc-tô A-lê-gre, Luân-đôn, Kê-bếch, Nit, Bác-xê-lô-na...

Trong khoảng thời gian diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh Liên minh châu Âu (EU) nhóm họp ở Nit (Pháp) vào ngày 7-12-2000, đã có nhiều cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa với sự tham gia của hàng vạn người. Những người biểu tình đã đốt Ngân hàng quốc gia Pháp. Trên khắp đất nước Pháp đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình do Liên đoàn các tổ chức công đoàn châu Âu (CES) phát động. Các tổ chức công đoàn và các tổ chức chống toàn cầu hóa ở nhiều nước thuộc EU đã kêu gọi biểu tình chống toàn cầu hóa. Khẩu hiệu trong các cuộc biểu tình là chống chính sách xã hội của EU; đòi cải thiện tiêu chuẩn xã hội và việc làm; phản đối Hiến chương về các quyền cơ bản của EU...

Tháng 1-2001 tại Đa-vốt (Thụy Sĩ) đã diễn ra Hội nghị lần thứ 31 của Tổ chức diễn đàn kinh tế thế giới (WEF). Trong thời gian Hội

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghị, tại nước chủ nhà, các cuộc biểu tình phản đối toàn cầu hóa đã diễn ra với quy mô lớn. Ngay một số tổ chức phi chính phủ được mời dự Hội nghị này đã lên tiếng phản đối việc trấn áp những người biểu tình chống toàn cầu hóa. Cũng trong thời gian này, tại Pooc-tô A-lê-gre (Bra-xin), 8 tổ chức phi chính phủ và các nghiệp đoàn đã phối hợp để thành lập *Diễn đàn xã hội thế giới* đầu tiên chống lại những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển. Tham dự Diễn đàn đã có hơn 10.000 đại biểu của các tổ chức phi chính phủ đến từ 120 nước trên thế giới và hơn 1.000 nhà báo. Diễn đàn được coi là nơi các tổ chức phi chính phủ, các phong trào xã hội cũng như các nghiệp đoàn trao đổi kinh nghiệm, thiết lập những dự án kinh tế-xã hội nhằm thực hiện mục tiêu là xây dựng một thế giới mới với sự công bằng xã hội. Diễn đàn này cũng là nơi tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các nước đang phát triển (hợp tác Nam - Nam) và xúc tiến quan hệ Bắc - Nam. Tuy Diễn đàn chưa đưa ra một tuyên ngôn quan trọng nào, nhưng nó được đánh dấu là bước khởi đầu của một giai đoạn mới khẳng định vai trò của các tổ chức xã hội thế giới trong cuộc đấu tranh với mặt trái của toàn cầu hóa. Diễn đàn đã thành công ở việc nâng cao nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về toàn cầu hóa, cũng như phát triển mạng lưới hoạt động chống lại những tiêu cực của quá trình này. Diễn đàn đã nhận được sự hậu thuẫn tích cực của gần 500 nghị sĩ đại diện cho hơn 100 quốc gia từ khắp các châu lục và quyết định thành lập một mạng lưới chi viện quốc tế ủng hộ các phong trào xã hội và quần chúng phản đối toàn cầu hóa.

Ngày 1-7-2001, Hội nghị cấp cao kinh tế châu Âu hằng năm lần thứ 6 trong khuôn khổ Diễn đàn kinh tế thế giới họp tại thành phố Đan-xbuốc (Áo). Tại đây, xung đột đã xảy ra giữa cảnh sát và những người biểu tình phản đối mặt trái của toàn cầu hóa khi các nhà lãnh đạo đến dự Hội nghị. Khoảng 2.000 người biểu tình đã ném đá vào cảnh sát. Xung đột kéo dài 5 giờ. Những người biểu tình mang theo các khẩu hiệu: "Chấm dứt sử dụng lao động trẻ em", "Chủ nghĩa tư bản gây hủy diệt"...

Bên ngoài Hội nghị cấp cao G8 nhóm họp tại Giê-noa (I-ta-li-a) vào ngày 20-7-2001, hàng vạn người dân của I-ta-li-a và nhiều nước khác đã biểu tình trên các đường phố. Xung đột giữa người biểu tình và cảnh sát đã nổ ra làm hàng chục người biểu tình và cảnh sát bị thương. Đây là lần đầu tiên có người biểu tình bị chết khi xung đột với cảnh sát.

Tháng 10-2001, tại Béc-lin đã diễn ra Hội nghị toàn quốc của phong trào phản đối toàn cầu hóa của Đức (ATTAC) với sự tham gia của 2.500 đại biểu thành viên ATTAC và của một số nước khác. Hội nghị đã tập trung bàn về chiến lược của ATTAC chống xu hướng "tự do mới" trong quá trình toàn cầu hóa vì một trật tự kinh tế thế giới công bằng hơn, không để cho tập đoàn tư bản tài chính quốc tế dùng lợi nhuận chi phối thế giới. ATTAC đã liên kết với những người hoạt động trong các phong trào hòa bình.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị cấp bộ trưởng của WTO tại Đô-ha (Ca-ta) tháng 11-2001, nhiều cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa đã diễn ra không chỉ ở thành phố này mà còn ở các nước khác. Trong số 500 đại biểu dự Hội nghị, có khoảng 150 đại biểu phản đối WTO. Tổ chức Hòa bình Xanh đưa con tàu mang tên Rainbow Warior tới Đô-ha, trên đó có đại biểu người da đỏ, những nông dân bị chiếm đất ở Mỹ La-tinh, những người nghèo ở châu Phi không có thuốc điều trị AIDS... Những người biểu tình đã giương cao khẩu hiệu đòi quyền lợi cho người da đỏ, quyền lợi của nông dân, của người nghèo và cả những khẩu hiệu chống WTO.

Tháng 3-2002 tại La Ha-ba-na (Cu-ba), Hội nghị lần thứ tư về toàn cầu hóa và những vấn đề của sự phát triển do Hiệp hội các nhà kinh tế khu vực Mỹ La-tinh và vùng Ca-ri-bê phối hợp với Hiệp hội các nhà kinh tế Cu-ba tổ chức đã khẳng định tính 2 mặt của toàn cầu hóa; nhấn

Digitized by Google

mạnh rằng chính những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa tác động đến các nước là mục tiêu của các cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa.

Tháng 11-2002, tại Phlo-ren-xơ (I-ta-li-a) đã diễn ra Diễn đàn xã hội châu Âu phản đối toàn cầu hóa do Diễn đàn xã hội thế giới tổ chức với sự tham gia của hơn 2 vạn người thuộc các tổ chức nghiệp đoàn, các tổ chức phi chính phủ ở nhiều nước châu Âu. Diễn đàn thông qua 18 cuộc hội nghị chung, 140 hội nghị chuyên đề, 250 hội thảo về các chủ đề môi trường, nghèo đói, chống chiến tranh do Mỹ phát động v.v..

Tháng 10-2004, tại cuộc thảo luận chung của Ủy ban xã hội, nhân đạo và văn hóa ở Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 59, đại diện nhiều nước đã lên tiếng cảnh báo về những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đến mọi mặt của đời sống thế giới.

Từ các diễn đàn và các sự kiện nói trên, có thể khái quát một số đặc điểm của cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa như sau:

1 - Cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa đã không ngừng mở rộng từ mục tiêu mang tính chất thuần túy kinh tế sang mục tiêu có tính chất xã hội và, ở một mức độ nhất định, có tính chất chính trị. Mục tiêu này được hình thành trên cơ sở thực tế phát triển của thế giới trong những thập kỷ vừa qua chứ không phải từ "bản năng nổi loạn" của phong trào như một số học giả phương Tây nhận xét. Trong báo cáo "Thiên niên kỷ" tại Liên hợp quốc tháng 4-2000, Tổng thư ký Liên hợp quốc K.An-nan cho rằng: *"rất ít người (tổ chức hoặc chính phủ) phản đối bản thân toàn cầu hóa. Cái mà họ phản đối là sự chênh lệch quá lớn của toàn cầu hóa"*. Cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa không chống lại xu thế vận động khách quan của lịch sử mà chống lại những tác động tiêu cực của nó, chống lại việc lợi dụng nó để áp đặt một mô hình của quốc gia này cho quốc gia khác và hướng tới một tương lai tích cực công bằng và bình đẳng hơn. Mục tiêu nói trên được thể hiện ở cuộc đấu tranh chống đói nghèo trong quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế; chống bất công xã hội trong lộ trình phát triển; chống chủ nghĩa tự do mới; chống sự áp đặt v.v.. thông qua những yêu sách như xóa nợ nước ngoài cho các nước chậm phát triển; bảo vệ môi trường sống; bảo vệ nhân phẩm; dân chủ hóa cơ cấu và cơ chế của các tổ chức quốc tế, như WTO, IMF,... Rõ ràng cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa là một lực lượng mới trong nền chính trị thế giới ngày nay, nó đang hướng cuộc đấu tranh tới những mục tiêu tích cực, tiến bộ.

2 - Các lực lượng tham gia phong trào chống toàn cầu hóa rất đa dạng, bao gồm các tổ chức phi chính phủ, các hội liên hiệp, các tổ chức công đoàn, tổ chức bảo vệ môi trường v.v...; các lực lượng cánh tả, một số tổ chức tôn giáo, các nhóm bảo vệ nhân quyền, hàng ngàn thành viên độc lập mà đông đảo nhất trong số họ là lực lượng sinh viên. Trong thời gian diễn ra Hội nghị Á - Âu (ASEM 3) tại Xơ-un (Hàn Quốc), ngày 20-10-2000, hơn 20.000 người, trong đó có những nhân sĩ Hàn Quốc; đại biểu của các tổ chức phi chính phủ như Viện nghiên cứu xuyên quốc gia tại Am-xtéc-đam, tổ chức Hòa bình Xanh quốc tế; Ủy ban xóa nợ cho thế giới thứ ba có trụ sở ở Pháp; Mạng lưới an toàn cho thực phẩm và môi trường có trụ sở ở Nhật Bản; Liên minh phản đối buôn bán phụ nữ có trụ sở ở Phi-lip-pin... đã hội tụ về Xơ-un chống quá trình hội nhập, liên kết của chủ nghĩa tư bản trên hai lục địa Á - Âu. Những người tham gia biểu tình đã thành lập *Diễn đàn nhân dân Á - Âu đoàn kết chống đói nghèo và chiến tranh*. Nước Mỹ và châu Âu được coi là trung tâm của toàn cầu hóa, đồng thời cũng là trung tâm của phong trào chống toàn cầu hóa. Ông Na-đơ, nhà lãnh đạo Đảng Xanh và ông Bu-cha-nan, nhà lãnh đạo Đảng Cải cách ở Mỹ, đồng thời cũng là những đại biểu của phong trào này, đã lấy việc chống toàn cầu hóa làm cương lĩnh chính để tranh cử Tổng thống Mỹ năm 2000. Là nhà lãnh đạo "cánh trung tả" ở châu Âu, Thủ tướng Pháp A. Giô-xpanh cũng là nhân vật

Digitized by Google

quan trọng phản đối toàn cầu hóa. Ông phản đối toàn cầu hóa kiểu Mỹ, phản đối "áp đặt toàn cầu hóa" với các nước khác. Tiếng nói chống toàn cầu hóa ở một số nước thế giới thứ ba cũng tương đối lớn. Mấy năm gần đây Cu-ba đã là nơi đăng cai tổ chức một loạt hội nghị quốc tế phản đối toàn cầu hóa, trong đó có *Hội nghị phương Nam của nhóm G77* tại La Ha-ba-na (tháng 4-2000). Nguyên Thủ tướng Ma-lai-xi-a, Ma-ha-thia tán thành toàn cầu hóa nhưng phản đối sự áp đặt của nước lớn, tán thành việc mọi người cùng hưởng của cải vật chất giàu có do toàn cầu hóa đem lại, nhưng phản đối sự thống trị toàn thế giới của tư bản. Yếu tố liên kết các lực lượng trong phong trào chống toàn cầu hóa chính là thái độ không chấp nhận sự áp đặt chủ nghĩa tự do mới về kinh tế đối với các nước khác trên thế giới hiện nay.

3 - Cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa mang tính tự nguyện và tính độc lập cao. Đây là một lực lượng được tập hợp và tổ chức không thông qua hệ thống cấu trúc từ trên xuống như các đảng phái, đoàn thể truyền thống. Cơ chế tập hợp lực lượng, xác lập và duy trì sự thống nhất các mục tiêu đấu tranh của phong trào chống toàn cầu hóa được thông qua việc trao đổi tập thể, dân chủ và công khai trên từng vấn đề xác định. Thực tế cho thấy, cơ chế hoạt động này đến nay là phù hợp và là cơ chế phổ biến đối với phong trào.

4 - Phương pháp đấu tranh của phong trào chống toàn cầu hóa chủ yếu bằng con đường không bạo lực, dùng hình thức xuống đường biểu tình, tận dụng cơ chế dân chủ tư sản để tiến hành đối thoại, phê phán quá trình toàn cầu hóa của chủ nghĩa tư bản. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi và khá thành công tại các diễn đàn xã hội, trên các đường phố, trên hệ thống thông tin đa phương tiện, tại các nghị viện tư sản và hàng loạt diễn đàn đa phương. Ngoài những cuộc biểu tình, tuần hành quy mô lớn trên đường phố, các cuộc đấu tranh chống toàn cầu hóa còn diễn ra ngày càng nhiều trên hệ thống mạng in-tơ-net. Những người chống toàn cầu hóa thông qua mạng in-tơ-net để tiến hành nghiên cứu, trao đổi, tranh luận về những vấn đề toàn cầu. Ngoài ra, các tổ chức bảo vệ môi trường như Hòa bình Xanh quốc tế, Quỹ thế giới thiên nhiên v.v.. đều xây dựng và duy trì riêng những mạng có ảnh hưởng rộng rãi. Tính chất hòa bình của phương pháp đấu tranh này phản ánh quan điểm của số đông các lực lượng chống toàn cầu hóa cho rằng trong tình hình hiện nay, việc sử dụng bạo lực sẽ không tranh thủ được sự đồng thuận trong xã hội, ít có khả năng tranh thủ được đông đảo quần chúng, nhất là trong bối cảnh đấu tranh chống khủng bố. Tuy nhiên, trong phong trào chống toàn cầu hóa cũng tồn tại một bộ phận cực đoan chủ trương đối mặt với hệ thống quyền lực hiện hành bằng bạo lực. Những hành động đập phá, những cuộc ẩu đả với cảnh sát, thậm chí sử dụng cả vũ khí cá nhân... là những biểu hiện đặc trưng cho bộ phận này. Phương pháp đấu tranh của phong trào chống toàn cầu hóa có thể được coi là sự biểu hiện dưới các hình thức khác nhau của mâu thuẫn giữa tác động tiêu cực của toàn cầu hóa với lợi ích của các quốc gia, các giai tầng trong xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Phong trào chống toàn cầu hóa đã trở thành một lực lượng chính trị - xã hội quy mô toàn cầu. Cống hiến to lớn của nó đối với lợi ích nhân loại là đã vạch trần những nguy cơ tiềm ẩn đằng sau sự "phồn vinh" của thế giới trong xu thế toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Trong Hội nghị về thương mại và phát triển lần thứ 10 (UNTACD 10) tại Băng-cốc, lần đầu tiên Liên hợp quốc đã đưa ra những cảnh tỉnh đối với mặt trái của toàn cầu hóa. Đại hội đặc biệt của Liên hợp quốc cuối tháng 6-2001 đã chỉ ra rằng vấn đề nghèo đói, mất an ninh đang tăng trên phạm vi toàn thế giới. Số nhân khẩu nghèo đói tuyệt đối trên thế giới từ 1 tỉ người (mười năm trước) tăng lên 1,2 tỉ hiện nay; tỷ lệ nghèo khó và thu nhập bất bình đẳng ở các nước thuộc thế giới thứ ba đều đang gia tăng. Chênh lệch về thu nhập đầu người giữa các nước phát triển và các

Digitized by Google

nước chậm phát triển lên tới hàng trăm lần. Tài sản của 3 người giàu nhất thế giới nhiều hơn tổng giá trị sản phẩm quốc dân của 60 nước nghèo. Khi có những bản kháng nghị của phong trào chống toàn cầu hóa gửi tới Hội nghị thường niên của WB và IMF họp ở Pra-ha, đa số các quan chức của 2 tổ chức này đã thể hiện sự đồng tình và thông cảm đối với các vấn đề của thế giới thứ ba. Các quan chức này đã bàn thảo và đi đến nhất trí về sự cần thiết cải cách hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế, trước hết là cơ chế quản lý, giám sát và điều tiết. Sự phát triển của phong trào chống toàn cầu hóa thời gian gần đây là những lời cảnh báo về việc sử dụng toàn cầu hóa như một công cụ để chi phối quan hệ giữa các quốc gia.

Có thể thấy rằng, phong trào chống toàn cầu hóa đã thu được những thắng lợi bước đầu, đã có một số ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và chính trị thế giới. Song, không ít vấn đề được đặt ra trước phong trào chống toàn cầu hóa, nhất là những vấn đề sau đây:

Một là, đấu tranh chống mặt trái của toàn cầu hóa sao cho không gây trở ngại quá trình vận động và phát triển của xu thế toàn cầu hóa - một xu thế khách quan và tất yếu trong sự phát triển của xã hội.

Hai là, mục tiêu của phong trào phải phản ánh được nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp trong xã hội đang chịu tác động tiêu cực của toàn cầu hóa.

Ba là, các phương pháp đấu tranh bảo đảm vừa thực hiện được mục tiêu của phong trào đề ra vừa không vượt quá khuôn khổ thể chế hiện hành của mỗi quốc gia.

Bốn là, các lực lượng tham gia cuộc đấu tranh vừa phải phối hợp chặt chẽ với nhau vừa phải giữ được những bản sắc riêng của mỗi tổ chức, mỗi lực lượng.

Như vậy, cùng với sự phát triển của xu thế toàn cầu hóa, mặt tiêu cực của toàn cầu hóa sẽ gia tăng và do đó phong trào chống toàn cầu hóa sẽ có những bước phát triển mới, sẽ tập hợp được nhiều lực lượng chính trị - xã hội; sẽ trở thành một phong trào có tác động tích cực đến mọi lĩnh vực của đời sống thế giới; sẽ là một lực lượng mà các đảng cộng sản cần có sự liên minh chiến lược.❑

CHUYỆN...

(Tiếp theo trang 60)

ao đình cũng bị lấp đi; một biểu hiện xấu khá phổ biến mang tính hệ quả của quy hoạch ở thành thị trước đây và rất đậm ở nông thôn ngày nay là: đường thì hẹp, nhà thì rộng (lấn được đường là lấn); đường thì bẩn, nhà thì sạch (đổ được cái gì ra đường cứ đổ); đường thì hỏng, nhà thì đẹp (chăm tu sửa nhà, không chăm tu sửa đường). Những vấn đề như thế thì ai sẽ là người giải quyết? Bao giờ sẽ giải quyết? Môi trường, hệ sinh thái nông thôn tuy đã có người đề cập đến sự an nguy của nó, và có vẻ như chưa khẩn thiết, nhưng thưa các quý vị, không xa đâu, năm mười năm nữa thôi chúng ta sẽ phải trả giá đắt cho sự bàng quan chậm trễ này.

Hội thảo diễn ra trọn một ngày, nhiều đại biểu còn muốn tham góp về vấn đề vừa chiến lược vừa bức xúc này... Đồng chí chủ tọa nhìn tôi rồi nói, hội thảo của chúng ta vinh dự và may mắn có sự hiện diện của cán bộ trung ương, rất mong ý kiến xác đáng của chúng ta sẽ thấu nhanh đến "cung đình". Vấn đề quy hoạch nông thôn ven thị tưởng như "sóng" vẫn ở đáy sông, nhưng cổ nhân có câu: "Người ta không chết mà tự giết mình", câu chuyện về quá khứ quy hoạch ở thị xã Q và câu chuyện về hiện tại quy hoạch ở làng H của huyện B là những ví dụ điển hình về những lỗi lầm mà chúng ta phải cùng nhau khắc phục, sửa sai. Hội nhập, hay quy hoạch để đô thị hóa đòi hỏi chúng ta phải chắt lọc để lấy cái tinh hoa và giữ cái tinh túy...

Trên đường từ tỉnh Z về, tôi cứ ngẫm nghĩ, giá như mình đừng dự cuộc hội thảo này thì tốt hơn, vì liệu mình có giúp gì được họ không? Nhưng một ý nghĩ khác lại ập đến, phải chăng câu chuyện về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mà tôi được nghe cũng đều bắt nguồn từ việc quy hoạch cán bộ - tức là quy hoạch của quy hoạch. Nếu việc đó trước đây làm tốt thì mối quan hệ nhân - quả ở thành phố Z bây giờ chắc chắn sẽ khác! ❑

Digitized by Google

NHU CẦU TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, LIÊN KẾT KHU VỰC ĐÔNG - NAM Á VÀ ĐÔNG Á

TRẦN BÁ KHOA

1 - Xu hướng thông tin hóa và toàn cầu hóa tiếp tục phát triển rộng lớn và sâu sắc hơn

Trong những năm tới, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và việc phổ cập In-tơ-nét sẽ thúc đẩy sự phát triển một cách sâu rộng tiến trình thông tin hóa và toàn cầu hóa. Công nghệ thông tin và xu thế thông tin hóa toàn xã hội, kinh tế, quân sự... là một trong những nội dung chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới. Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ na-nô sắp tới sẽ có bước phát triển kỳ diệu. Sự phổ cập các nội dung của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới mang tính toàn diện song có trọng điểm, đang từ các nước phát triển lan tỏa sang các nước đang phát triển. Đây là thời cơ vàng để các nước chậm chân "đi tắt, đón đầu", đẩy nhanh sự phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế, văn hóa, xã hội, đuổi kịp và san bằng khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới và xu thế toàn cầu hóa, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trở nên quyết liệt hơn, theo hướng: ai có khả năng nắm bắt được thông tin nhanh chóng, kịp thời, tạo ra, xử lý và áp dụng tốt nguồn thông tin, người đó sẽ chiến thắng cả trong kinh doanh lẫn quân sự. Sự giao lưu các nguồn vốn, tài nguyên, nhân lực, thông tin và công nghệ sẽ diễn ra náo nhiệt trên toàn cầu. Ngày càng có thêm nhiều công ty xuyên quốc gia trở thành trụ cột của nền kinh tế thế giới. Hầu hết các nước đều bị lôi cuốn và ràng buộc vào hệ thống kinh tế thế giới.

2 - Quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra song song, đồng thời và phát triển với nhịp độ nhanh hơn trước

Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, thế giới đang chuyển biến mạnh mẽ theo hướng toàn cầu hóa. Quá trình toàn cầu hóa đang tạo ra thời cơ cho phát triển cũng như thách thức cho nhiều nước, làm nảy sinh nhiều vấn đề; khoảng cách giàu nghèo trên lĩnh vực của cải và khoa học - công nghệ đang tăng rất mạnh. Hiện nay, 85% thu nhập toàn cầu nằm trong tay 18% dân số thế giới (1). Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới (8-2002): "Viễn cảnh sự phát triển của thế giới năm 2003", khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các nước giàu và các nước nghèo đã tăng gấp đôi trong 40 năm qua. Thu nhập bình quân của 20 nước giàu nhất thế giới gấp 37 lần so với 20 nước nghèo nhất thế giới.

Sự tăng tốc của xu thế toàn cầu hóa cũng sẽ thúc đẩy xu hướng khu vực hóa trên thế giới. Để ứng phó với mặt trái của toàn cầu hóa và đủ sức cạnh tranh với các cường quốc kinh tế, các liên minh kinh tế với không gian kinh tế rộng

(1) *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, Thông tấn xã Việt Nam, 11-1-2002

Digitized by Google

lớn, các quốc gia, dân tộc đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm sự liên kết, hợp tác khu vực về kinh tế, chính trị và an ninh. Ngày nay đã có 184 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó trên một nửa diễn ra từ nửa sau những năm 90 (thế kỷ XX), đang được thực thi khắp thế giới (theo Tạp chí *Japan Echo*, 3-2004). Theo ý kiến của nhiều nhà kinh tế, triển vọng sẽ có 4 khu vực kinh tế tự do lớn là EU mở rộng, NAFTA mở rộng, Đông Á, Trung Đông - châu Phi, đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế toàn cầu.

Như vậy, từ những năm 80 (thế kỷ XX) đến nay, quá trình khu vực hóa - nổi bật là FTA, được bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX - đã phát triển nhanh chóng. Sự phát triển của khu vực hóa đã phản ánh nhu cầu đa dạng hóa mô hình phát triển của thế giới hiện nay.

Tuy nhiên, xu hướng phát triển của kinh tế thế giới đã có nhiều biến đổi, cả về chất lượng và công nghệ, và sẽ không còn có được sự tăng trưởng một cách bùng nổ liên tục như các thập niên trước.

Một mặt, các nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản và châu Âu đã chuyển sang giai đoạn chủ yếu dựa vào tri thức, trong đó mức tăng trưởng chủ yếu phụ thuộc vào tiến bộ của khoa học - công nghệ. Kết quả là tốc độ phát triển và quy mô của nền kinh tế thế giới sẽ bị hãm bớt lại. *Mặt khác*, nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục mở rộng và khối lượng mậu dịch trên thế giới vẫn gia tăng mạnh mẽ. Nền kinh tế của các nước đang phát triển trong giai đoạn phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Kinh tế của một số nước như Trung Quốc, Ấn Độ... tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, trở thành đầu tàu, động lực của nền kinh tế thế giới.

Tại Đông Á, đội hình phát triển tuần tự "Đàn nhạn bay" do Nhật Bản dẫn đầu đang bị Trung Quốc và tiếp sau là Ấn Độ phá vỡ. Hai nước này đang chạy đua và cạnh tranh với Nhật Bản, nước có nền kinh tế bị trì trệ, suy thoái nặng nề và cải cách cơ cấu chậm chạp trong thập niên qua.

Tình hình tại nhiều khu vực sẽ không ổn định và khó tiên lượng, các biến động chính trị kinh tế, tài chính tiền tệ sẽ xảy ra đột ngột và những điểm nóng sẽ thay đổi mau lẹ ở các khu vực khác nhau.

Mỹ tuy là siêu cường độc tôn, chưa có đối thủ chiến lược ngang tầm, nhưng tiếp tục bị sa lầy ở I-rắc và bị kẹt vào nhiều cuộc khủng hoảng khác, chưa thấy ngày kết thúc. Pháp, Đức và các nước phương Tây không muốn chiến tranh I-rắc bị thất bại, nhưng họ cũng không nhảy vào đỡ đòn cho Mỹ. Uy thế bị suy giảm buộc Mỹ phải điều chỉnh có mức độ chính sách đối ngoại, tỏ ra linh hoạt hơn. Nhiều nước có thời cơ độc lập hành động hơn.

3 - Khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu địa - chính trị toàn cầu

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và nhất là Đông Á nói riêng đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới trong 4 thập niên qua. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình thời gian 1986 - 1995 của Trung Quốc là 9,9%, Ấn Độ là 5,7%, Mỹ là 2,9%, châu Á đang phát triển là 7,7%, thế giới là 3,7%, châu Phi là 1,9% và Mỹ La-tinh là 2,8%. Thời gian từ 1995 - 2005, các số liệu tương ứng trên là 8,2%, 5,9%, 6,6%, 3,8%, 3,9%, và 2,6% (theo W.E.O - IMF, 9-2004). Trong tương lai gần, sức mạnh kết hợp lại của các nền kinh tế Đông Á sẽ vượt qua bất cứ một khu vực nào của thế giới. Theo số liệu của Liên hợp quốc, hiện nay Đông Á chiếm 23% GDP thế giới (cao hơn 19,9% của EU 15), chỉ đứng sau Mỹ (32%), nhưng tính theo sức mua tương đương thì hơn Mỹ (Mỹ 21,1% còn Đông Á - Thái Bình Dương 28,8%), và hơn khối NAFTA (24,6%).

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tập trung các lực lượng chiến lược của thế giới, bao

Digitized by Google

gồm 5 trong số 7 quốc gia có vũ khí hạt nhân, nơi có 2 cường quốc đang nổi lên là Trung Quốc và Ấn Độ, cùng với Nhật Bản, Mỹ, Nga, ASEAN là 6 cực của khu vực và thế giới, và là nơi có các nước xã hội chủ nghĩa chủ chốt. Châu Á - Thái Bình Dương (không tính Mỹ) có GDP là 8.264 tỉ USD, chiếm 27,4% GDP thế giới, so với Mỹ 10.416 tỉ USD chiếm 32% GDP thế giới (2002). Nếu tính theo sức mua tương đương, GDP châu Á - Thái Bình Dương (2003) chiếm 38% GDP thế giới, còn Mỹ chỉ chiếm 21,1% (riêng Trung Quốc 12,6% và EU15 = 19,9%, Ấn Độ 5,7%). Đáng chú ý là GDP Trung Quốc, tính theo giá hối đoái chính thức, đứng thứ bảy thế giới (2003), nhưng nếu tính theo sức mua tương đương thì đứng thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ (2003). Theo nhiều dự báo, GDP theo giá hối đoái chính thức của Trung Quốc trong vòng vài năm nữa sẽ vượt Anh, Pháp và sau đó là Đức. Đồng nhân dân tệ sẽ dần dần nổi lên, sánh ngang với đồng yên của Nhật Bản ở Đông Á. Vào năm 2020, GDP Trung Quốc sẽ vượt Mỹ theo giá sức mua tương đương và vào giữa thế kỷ XXI, sẽ vượt Mỹ tính theo giá hối đoái. GDP của Ấn Độ, theo giá hối đoái đứng thứ 12 và theo giá sức mua tương đương đứng thứ tư thế giới (2003) (2).

Sự nổi lên nhanh chóng của Ấn Độ và Trung Quốc không chỉ làm thay đổi đáng kể cơ cấu địa - chính trị của khu vực mà còn tác động mạnh đến cơ cấu địa - chính trị trên phạm vi thế giới.

Liên bang Nga đã xem châu Á - Thái Bình Dương là một bộ phận trong chiến lược địa - chính trị của mình, do đó đã tăng cường quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ và cải thiện quan hệ với Nhật Bản. Bằng cách này, Nga sẽ giảm bớt được sức ép từ phía Mỹ, châu Âu và tăng cường lợi thế đối thoại với Mỹ, Âu. Trung Quốc cũng ra sức xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Nga, Ấn Độ, ASEAN, Pháp, Đức và cải thiện quan hệ với Nhật Bản, Anh, nhằm tạo ra trục đối trọng với siêu cường duy nhất còn lại, giành giật thị trường và tài nguyên quý hiếm, nhất là dầu khí từ Nga, Ca-dắc-xtan, Trung Đông với Mỹ và Nhật Bản.

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nam Tư bị giải thể, NATO và EU mở rộng sang phía Đông, châu Âu đi vào thời kỳ hòa bình, phát triển. Trong khi đó tại châu Á, tình hình hiện tại tương đối hòa bình, ổn định, nhưng về lâu dài, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột, đe dọa nghiêm trọng lợi ích chiến lược toàn cầu của Mỹ. Trước tình thế đó, Mỹ đã dần chuyển hướng trọng điểm chiến lược sang châu Á, trước mắt điều chỉnh cơ cấu lực lượng chiến lược trên toàn cầu, ưu tiên tập trung lực lượng tiến công chủ nghĩa khủng bố, và về lâu dài, chuẩn bị thực lực hùng hậu để đối phó với các cường quốc mới trỗi dậy, muốn giành giật địa vị siêu cường độc tôn của Mỹ.

4 - Tại châu Á - Thái Bình Dương, kinh tế Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN bổ sung và cạnh tranh lẫn nhau. Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho sự hội nhập và hợp tác khu vực

Mỹ, không những đóng vai trò quan trọng trên thế giới mà cả ở châu Á - Thái Bình Dương, trong thời gian tới tiếp tục là thị trường rộng lớn, nguồn cung cấp vốn, đầu tư... đối với các nước trong khu vực. Mặt khác, Mỹ thường viện cớ chống "bán phá giá" để áp dụng nhiều biện pháp trừng phạt, gây nhiều rủi ro, tổn thất lớn cho các nước đang phát triển.

Nhật Bản là nền kinh tế phát triển thứ hai thế giới, là nước cung cấp viện trợ và đầu tư nhiều nhất cho ASEAN, tuy gần đây vai trò này đã giảm bớt. Nhật Bản cũng là nước sản xuất và xuất khẩu các tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng cao cấp (công nghệ cao), rất cần thiết

(2) *Viễn cảnh kinh tế thế giới - World Economic Outlook* (WB, 7-2004; IMF, 9-2004)

Digitized by Google

cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước ASEAN. Nhật Bản tiếp tục là thị trường xuất khẩu và là nguồn viện trợ phát triển, đầu tư lớn cho các nước Đông - Nam Á.

Trung Quốc là công xưởng sản xuất khổng lồ của thế giới và là thị trường to lớn với 1,3 tỉ dân, giao lưu các hàng hóa vừa công nghệ cao, vừa công nghệ thấp, sức cạnh tranh dồi dào. Do kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh, nên nhu cầu nhập khẩu lớn. Trong năm 2003, xuất khẩu từ các nước Đông - Nam Á sang Trung Quốc tăng 59,1% và chiếm 6,4% xuất khẩu của tiểu khu vực.

ASEAN tuy kinh tế phát triển không đồng đều, nhưng là lực lượng đang lên, đứng ở "trung tâm" cầu nối, cân bằng với các nước lớn, ngày càng được các nước lớn và các nước ngoài khu vực xem như tổ chức trung gian, là cơ chế dẫn dắt và là động lực thúc đẩy hợp tác an ninh và hợp tác kinh tế của cả châu Á - Thái Bình Dương. Sau cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997 - 1998) kinh tế các nước ASEAN tuy đã căn bản hồi phục, nhưng vẫn chưa bằng mức trước khủng hoảng (1996). Khu vực ASEAN có số dân 500 triệu người, diện tích 4,5 triệu km^2 và GDP 868,276 tỉ USD; tổng doanh số ngoại thương là 789,71 tỉ USD và tổng số đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN là 326,4 tỉ USD (2003) [3]. Theo nhiều dự báo, đến năm 2020, Ma-lai-xi-a và Thái Lan sẽ trở thành nước phát triển. Do sự phát triển của Quảng Châu và Thượng Hải (Trung Quốc), vai trò của Hồng Công ngày càng mờ nhạt. Do kinh tế Đài Loan hội nhập rộng lớn vào lục địa Trung Quốc, nên vai trò của Đài Loan sẽ giảm bớt. Nếu kênh đào Kra ở miền nam Thái Lan được xây dựng thì vai trò thành phố cảng trung chuyển của Xin-ga-po sẽ bị giảm dần, buộc nước này phải hòa nhập sâu sắc vào Ma-lai-xi-a và các nước Đông - Nam Á khác. Thái Lan sẽ có vai trò lớn hơn trong khu vực.

5 - Thời cơ, thách thức và triển vọng hợp tác, liên kết Đông - Nam Á và Đông Á

Đông Á vừa qua đã chậm chân trong việc chấp nhận chủ nghĩa khu vực. Ngoài một số thỏa thuận đã được ký kết giữa các nước ASEAN dưới dạng FTA, trên thực tế chưa hề có FTA ở Đông - Bắc Á và toàn Đông Á. Sự chậm trễ có nguyên nhân từ những mối nghi kỵ mang tính chính trị, thâm căn cố đế, do lịch sử để lại, giữa một số nước; chủ nghĩa dân tộc truyền thống của nhà nước quốc gia - dân tộc, vật cản trên con đường liên kết khu vực; Hàn Quốc và Nhật Bản do những vấn đề nhạy cảm về chính trị trong nước, không muốn mở cửa khu vực nông nghiệp (đến tháng 12-1999, Nhật Bản mới đồng ý thương lượng về một FTA với Xin-ga-po và Hiệp định quan hệ đối tác kinh tế Nhật Bản - Xin-ga-po (JSEPA), được ký tháng 12-2002, đã trở thành FTA đầu tiên của Nhật Bản); và những khác biệt về trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế giữa các nước trong khu vực. Ngoài ra, giữa nhiều nước còn có tranh chấp về lãnh thổ biên giới, hải đảo vùng biển... và Trung Quốc, Nhật Bản - hai cường quốc đóng vai trò to lớn trong việc xúc tiến hợp tác khu vực - vẫn chưa khắc phục được tình trạng quan hệ "nóng về kinh tế, lạnh về chính trị". Tuy nhiên, trong 3 - 4 năm qua, nhiều diễn biến đã buộc các nước Đông Á phải xem lại các chính sách của họ và những giá trị của việc mở rộng thương mại. Những diễn biến đó là: 1 - Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 - 1998 đầy rủi ro, lây lan nhanh chóng, mang tính khu vực và toàn cầu; 2 - Sự phát triển nhanh chóng của các FTA tại các khu vực khác của thế giới; 3 - Sự bấp bênh và chậm chạp của vòng thương lượng (WTO) Đô-ha, trong bối cảnh ngoại thương của khu vực Đông Á phát triển vào loại nhanh nhất thế giới.

(3) *Thông cáo báo chí của Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 36* (Overview ASEAN, Press statement, 36th ASEAN Economic Ministers Meeting, 5-9-2004)

Digitized by Google

Từ năm 1990 đến năm 2000, xuất khẩu của Trung Quốc tăng trung bình 11% một năm và nhập khẩu tăng trung bình 15% một năm. Năm 2003, số liệu trên là 19% và 20%. Khoảng thời gian trên (1990 - 2000), xuất khẩu của 6 nền kinh tế Đông Á: Đài Loan, Hồng Công, Xin-ga-po, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a và Thái Lan tăng 9% một năm (mức tăng trung bình của thế giới là 6%) và nhập khẩu của 6 nước trên tăng 8% một năm (thế giới là 6%). Sự chuyển biến rõ rệt của các nước Đông Á về ý thức hợp tác kinh tế, chính trị, an ninh, trong phạm vi Đông - Nam Á và toàn Đông Á, được thể hiện rõ nét trong mấy năm qua. Đặc biệt, sau khi gia nhập WTO (11- 2001), Trung Quốc tỏ ra hăng hái nhất; còn rụt rè là Nhật Bản. Để xua tan luận điệu "mối đe dọa Trung Quốc" - cả về quân sự và kinh tế - với chính sách đối ngoại "hòa hợp với láng giềng, ổn định cùng láng giềng, làm giàu cùng láng giềng", "trỗi dậy" bằng hòa bình, Trung Quốc đang phát triển quan hệ láng giềng hợp tác hữu nghị với các nước xung quanh và đẩy mạnh chính sách ngoại giao kinh tế, chủ động đề xuất các sáng kiến thiết lập FTA với ASEAN (ký kết tháng 11-2002) và sẵn sàng nghiên cứu ký kết FTA với Nhật Bản và Hàn Quốc. Để cạnh tranh, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, và mới đây EU ở mức thấp hơn, cũng đã lần lượt đưa ra sáng kiến tương tự với ASEAN và nhiều nước khác. Trung Quốc và Nhật Bản đã ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với ASEAN. Ấn Độ và Liên bang Nga cũng đã tuyên bố sẽ tham gia Hiệp ước này. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN ở Ba-li (10-2003) đã quyết định thiết lập Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội vào năm 2020. Hội nghị Cấp cao ASEAN + 3 (10-2003, ở Ba-li) và Hội nghị Cấp cao Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vào dịp này đã quyết định tăng cường hợp tác với ASEAN và triển khai hợp tác giữa Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, thương mại, đầu tư, tiền tệ, an ninh... Tại cuộc họp ở Ba-li, các nhà lãnh đạo trong khu vực đã thảo luận sôi nổi nhiều vấn đề rộng lớn, tìm kiếm biện pháp và khuôn khổ hợp tác vì sự phát triển và phồn vinh chung trong khu vực. Họ cũng đã bày tỏ ý định triển khai nghiên cứu thiết lập Cộng đồng kinh tế Đông Á vào năm 2020. Đây là một thị trường khổng lồ với 1,9 tỉ người, khối lượng mậu dịch lên đến 2.500 tỉ USD. Tại Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 36 tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a), từ ngày 3 đến 5-9-2004, các nước ASEAN, một lần nữa đã đạt được thỏa thuận về thời gian tự do hóa sớm hơn dự kiến: 10 trong số 11 khu vực ưu tiên vào năm 2007 đối với 6 thành viên cũ (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin và Bru-nây), và vào năm 2012 đối với 4 thành viên mới (Lào, Cam-pu-chia, My-an-ma và Việt Nam). Các thỏa thuận đạt được ở Hội nghị này đã được trình lên Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tại Viên Chăn (Lào) vào tháng 11-2004, và đã được Hội nghị thông qua.

Trước bối cảnh tình hình thế giới đang chuyển mạnh sang kỷ nguyên toàn cầu hóa kinh tế, thông tin hóa và xã hội hóa tri thức, các nước trong khu vực đã tìm ra khuôn khổ hợp tác, lộ trình và mục tiêu thiết lập Cộng đồng Đông - Nam Á, như Tầm nhìn ASEAN 2020 và Cộng đồng Kinh tế Đông Á. Đây là cột mốc đánh dấu một bước phát triển quan trọng của ASEAN và triển vọng hợp tác Đông Á. Trước mắt, bên cạnh thuận lợi còn có nhiều khó khăn, thách thức trong việc biến ý tưởng, tầm nhìn, lộ trình và mục tiêu thành hiện thực. Nhưng trong thời gian tới, với ý chí và quyết tâm cao của lãnh đạo và nhân dân; với đà tăng trưởng kinh tế liên tục và sự gia tăng giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội; cùng với sự tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong khu vực được gia tăng, hợp tác Đông Á sẽ rộng lớn hơn và sâu sắc hơn, tiến trình liên kết, trước hết ở Đông - Nam Á rồi toàn Đông Á, sẽ được đẩy mạnh. ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO "VĂN HÓA ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG ĐẢNG"

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng và triển khai Kết luận của Hội nghị Trung ương 10, khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII "Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm sắp tới, ngày 27-4-2005, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc Hội thảo "Văn hóa Đảng và xây dựng văn hóa trong Đảng" do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tới dự và chủ trì Hội thảo.

Hội thảo có hơn một trăm đại biểu là các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà khoa học, các đồng chí lãnh đạo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban khoa giáo Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Báo Nhân Dân, các Đài phát thanh, Truyền hình Trung ương và Hà Nội...

PGS, TS Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã đọc báo cáo Đề dẫn Hội thảo. Nội dung 35 bản báo cáo gửi đến Hội thảo tập trung nhằm làm rõ khái niệm Văn hóa Đảng và những vấn đề cấp bách về xây dựng Văn hóa Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Về khái niệm Văn hóa Đảng, nhiều báo cáo thống nhất khẳng định Văn hóa Đảng là văn hóa của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn hóa Đảng được hình thành, phát triển cùng với sự trưởng thành, phát triển của Đảng ta, tạo nên một phẩm chất mới, một chất lượng mới trong đời sống văn hóa dân tộc. Văn hóa Đảng từ khi ra đời đã đảm nhiệm vai trò dẫn đường, dẫn dắt văn hóa dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Văn hóa Đảng tiếp tục giữ vững phẩm chất tốt đẹp của mình, vươn lên không ngừng để dẫn dắt dân tộc thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế, giao lưu quốc tế, bảo vệ và phát triển, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong những năm đổi mới vừa qua, bên cạnh những thành tựu to lớn về kinh tế và văn hóa, trong vấn đề xây dựng Văn hóa Đảng cũng bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập, đặc biệt là sự sa sút về lý tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Vì vậy, công tác xây dựng Văn hóa Đảng đã trở thành vấn đề cấp thiết. Nhiều tham luận tại Hội thảo tập trung làm rõ yêu cầu và giải pháp để xây dựng Văn hóa Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Các mối quan hệ giữa Văn hóa Đảng và Văn hóa dân tộc, Văn hóa Đảng với Văn hóa chính trị; tính cách mạng, gương mẫu, sự kết tinh, hội tụ và toả sáng của Văn hóa Đảng được Hội thảo đề cập ở nhiều phương diện khác nhau.

Hội thảo mở ra vấn đề là cần tiếp tục làm sâu sắc hơn khái niệm Văn hóa Đảng và các giải pháp để xây dựng Văn hóa Đảng trong các tổ chức đảng hiện nay. Mặc dù, có một số ý kiến khác nhau, nhưng các đại biểu đều khẳng định cần chú trọng tới xây dựng Văn hóa Đảng, tạo bước phát triển mới để củng cố xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh để Đảng ta thực sự "là đạo đức, là văn minh", đồng thời phát huy vai trò của Văn hóa Đảng trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay.

Tổng kết Hội thảo, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh, vai trò của việc xây dựng văn hóa trong Đảng theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), nêu rõ những yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng Văn hóa Đảng hiện nay. Đây là những ý kiến chỉ đạo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với việc xây dựng Văn hóa Đảng, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa việc thực hiện nhiệm vụ văn hóa với nhiệm vụ xây dựng Đảng theo tinh thần Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX) vừa qua. ❑

Digitized by Google

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA

THE NATIONAL CONVENTION CENETR

CHỦ ĐẦU TƯ: BỘ XÂY DỰNG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ QUỐC HỘI VÀ HỘI TRƯỜNG BA ĐÌNH (MỚI)

Khu đất dự án có diện tích khoảng 64 ha. Công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia nằm trên trục Bắc Nam là công trình chính trên toàn bộ khu đất. khách sạn và Bảo tàng Hà Nội nằm ở phía Bắc khu đất và nằm đối xứng nhau trên một trục vuông góc với trục của công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia. Về phía Nam, mặt trước của công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia là một quảng trường có đài phun nước, phục vụ lễ hội và các sự kiện chung khác, nằm dưới quảng trường là bãi đỗ xe ngầm. Ngoài ra còn có bãi đỗ xe nổi trên mặt đất ở phía Tây và phía Đông của khu đất. Phía Nam là khu vườn cây, trồng các hàng cây với các chỗ ngồi nghỉ ngơi cho khách đến thăm. Phía Tây công trình Trung tâm Hội nghị Quốc gia là vườn cây, hồ nước lớn với các hồ nhân tạo. Phía Đông công trình là khu công viên với một số hồ nhỏ. Hệ thống đường giao thông nằm song song với nhau tạo nên một lưới vuông góc với công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia.

PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

- Tòa nhà Trung tâm Hội nghị:

+ Giải pháp kiến trúc: Tòa nhà 5 tầng, mái hình sóng; kích thước mặt bằng 215,25m x 113,5m tổng diện tích sàn khoảng 60.000 m^2 (chưa bao gồm diện tích tầng hầm); chiều cao của tòa nhà tính từ cốt mặt nền là hơn 50m.

+ Giải pháp kết cấu: kết cấu chịu lực của tòa nhà là hệ khung dầm thép tiền chế, kết hợp với hệ sàn, dầm, cột bê tông cốt thép; móng sử dụng các cọc khoan nhồi bê tông cốt thép tiết diện 800mm, 1000mm và 1.200mm

+ Giải pháp hạ tầng kỹ thuật chung: Hệ thống giao thông nội bộ: đường giao thông nội bộ được thiết kế theo 1 làn xe và đường có 2 làn xe. Đường 2 làn xe được thiết kế đảo giao thông để phân chia các con đường dẫn đi các ngả khác nhau và có dải phân cách giữa để trồng cây. Chiều rộng mỗi làn xe là 3,5m, toàn bộ hệ thống giao thông được mở rộng nối tiếp từ ngoài qua hệ thống đường chính đến đường cao tốc Láng - Hòa Lạc và đường vành đai 3, đường giao thông đô thị phía Tây và phía Bắc khu đất.

Hệ thống cấp, thoát nước: nước cấp cho dự án dự kiến được lấy từ 2 nguồn:

-Trạm tăng áp nhà máy nước Sông Đà theo tuyến ống truyền dẫn trên đường cao tốc Láng hòa lạc.

- Các nhà máy nước Mai Dịch, Cáo Đỉnh, Hạ Đình qua tuyến ống truyền dẫn trên đường vành đai 3.

Nước thải của công trình: Toàn bộ lượng nước mưa được dồn về hệ thống hồ điều hòa sẽ được đào mới trong khu quy hoạch. Việc thoát nước thải thông qua hệ thống ống thoát nước, qua trạm xử lý trước khi dẫn ra nút thoát chính tại đường Láng - Hòa Lạc.

Hệ thống kỹ thuật khác: Như hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời, hệ thống ICE PLANT,...

Bãi đỗ xe ngầm: kích thước mặt bằng 167,5m x 84,5m; chiều cao thông thủy 2,5m; diện tích sàn 15.421m^2; sức chứa 529 xe; sử dụng kết cấu bê tông cốt thép đổ toàn khối; móng sử dụng các cọc đóng tiết diện 400 x 400mm bằng bê tông cốt thép.

Hệ thống vườn cây, hồ nước lớn với các đối nhân tạo được bố trí phía tây công trình, ngoài ra còn có khu công viên với một số hồ nhỏ phía Đông.

TIẾN ĐỘ:

- Ngày khởi công: 15/11/2004
- Hoàn thành phần thi công cọc nhồi: 15/1/2005
- Hoàn thành thi công phần tầng hầm và móng: 12/4/2005
- Hoàn thành phần kết cấu BTCT thân nhà trung tâm Hội nghị Quốc gia: 30/7/2005.
- Hoàn thành toàn bộ kết cấu mái thép: 31/12/2005.
- Ngày bàn giao công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia: 30/9/2006

Các hạng mục phụ trợ, sân vườn, cây xanh, đường nội bộ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên phạm vi 64 hec-ta và đường đô thị phía Tây, phía Bắc khu đất bàn giao vào cuối năm 2006.

Digitized by Google

Xã Châu Khê

Địa chỉ: Châu Khê- Từ Sơn- Bắc Ninh * Điện thoại: (0241) 831 435

Châu Khê là xã nằm ở phía Đông Bắc huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Xã gồm 6 thôn: Đa Hội, Đa Vạn, Trịnh Xá, Song Tháp, Đồng Phúc, Trịnh Nguyễn. Dân số 13.390 người, diện tích đất canh tác bình quân 209m²/người.

Bí Thư
TRẦN VĂN THẢO

Chủ tịch HĐND
NGUYỄN TUẤN KHANG

Chủ tịch UBND
TRẦN VĂN THINH

Năm 2004, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự quan tâm của huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, đơn vị thôn và nhân dân trong xã Châu Khê đã hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch đặt ra, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Nông nghiệp: 1,3%; CN - TTCN: 93,5%; TM - DV: 5,2%. Cụ thể là:

I/ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:

- Tổng diện tích đất canh tác năm 2004: 281 héc-ta
- Năng suất bình quân đầu người: 200kg/sào/vụ
- Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 3.036.000 kg, đạt 100% KH
- Công tác khuyến nông: Xã có 39 máy cày, 13 máy tuốt lúa...Nhìn chung phương tiện sản xuất đáp ứng kịp thời cho phục vụ nông nghiệp. HTX các thôn chủ động các khâu dịch vụ: giống, cày bừa, cung cấp thuốc cho xã viên góp phần giảm giá thành đầu tư cho sản xuất NN, đáp ứng kịp thời nhu cầu gieo cấy, chăm bón, bảo vệ cây trồng; Ban thú y xã duy trì hoạt động thường xuyên và theo chỉ đạo của ngành triển khai tiêm phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm không để dịch bệnh xảy ra.

II/ SẢN XUẤT TTCN- DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI:

- Phát huy truyền thống làng nghề sản xuất thép. Năm 2002, cụm CN sản xuất thép giai đoạn I của Xã đã đi vào hoạt động. Hiện nay Châu Khê có 856 hộ sản xuất kinh doanh thép, giải quyết việc làm cho hơn 7.000 lao động.
- Toàn Xã có trên 320 hộ tham gia dịch vụ, thương mại, thu nhập bình quân 12,5 triệu đồng/tháng.

III/ GIAO THÔNG - XÂY DỰNG - THỦY LỢI:

Đường làng ngõ xóm trong các thôn được bê tông hóa, gạch hóa 100%, tuyến đường giao thông liên thôn Chùa Dận- Cầu Tháp được đưa vào sử dụng với trọng tải H30 tấn; sửa chữa Cầu Tháp trị giá 158 triệu đồng; các tuyến đường liên thôn, liên xã được tu sửa thường xuyên.

IV/ VĂN HÓA XÃ HỘI:

- UBND xã tăng cường đầu tư tu sửa trường học, trang bị cơ sở vật chất cho các trường, đặc biệt trong năm 2004 đã đầu tư 01 phòng máy vi tính cho trường THCS Châu Khê (tổng số 24 máy tính), phấn đấu đến năm học 2005 - 2006 đạt chuẩn quốc gia cho cả trường MN, TH, THCS.
- Công tác y tế: Trong năm, tổng số khám bệnh toàn xã là 10.102 lượt người, chương trình tiêm phòng cho trẻ em đúng độ tuổi được đảm bảo 100%; 98,7% phụ nữ có thai được tiêm phòng. Để nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh của trạm y tế xã, Ban lãnh đạo xã rất chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chấn chỉnh về giáo dục y đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế, mua sắm trang thiết bị, tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất Trạm y tế, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.
- Thường xuyên quan tâm, thăm hỏi các gia đình chính sách, tặng quà cho các nạn nhân chất độc da cam, tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách được hưởng đúng chế độ trợ cấp do nhà nước quy định.

Digitized by Google

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ QUẢNG NINH

Địa chỉ: Km 05 đường Nguyễn Văn Cừ - phường Hồng Hà - TP. Hạ Long - Quảng Ninh * ĐT: 033 832 168; 832 568 * Fax: 033 832 169

Được thành lập năm 1998, Công ty Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng Ninh, nay là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Kinh doanh nhà Quảng Ninh được tín nhiệm và có định hướng phát triển hiệu quả. Với bề dày kinh nghiệm thực tế, sự hiểu biết và kỹ năng tích lũy trong gần 10 năm, Công ty đang là đơn vị dẫn đầu trong công cuộc tôn tạo cảnh quan tự nhiên của môi trường, tạo lập cơ sở cho tương lai để ngành xây dựng phát triển không ngừng.

Để duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh và xây dựng, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thời kỳ mới, Công ty đã không ngừng nâng cao trình độ, đồng thời áp dụng những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực hoạt động của mình.

Gạch lát lục giác (Gl)

Gạch lá dừa lục giác (Gdl)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU

* Nhận thầu thi công, xây lắp và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, đường dây và trạm biến áp dưới 35W.

* Quản lý kinh doanh đầu tư và phát triển nhà, trang trí và nội ngoại thất.

* Kinh doanh khai thác: các dự án, san lấp mặt bằng hạ tầng, kỹ thuật đô thị, công trình nơi công cộng, khu công nghiệp và tiểu thủ công thủ công nghiệp, tư vấn lập dự án quy hoạch đô thị, công trình dân dụng, công nghiệp giao thông thủy lợi, môi giới nhà ở, bất động sản, sản xuất, vật tư thiết bị vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu và dịch vụ xuất nhập khẩu.

Đầu tư kinh doanh du lịch vui chơi giải trí, kinh doanh nhà hàng khách sạn, lữ hành quốc tế và nội địa, kinh doanh thương mại hàng dệt, may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản; tư liệu sản xuất, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, hàng điện tử điện lạnh, đồ gia dụng, hàng trang trí nội thất; khai thác và kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, dịch vụ vận tải kinh doanh, vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ, đường thủy, trồng rừng và khai thác rừng, đại lý xăng dầu, kinh doanh than, đầu tư trong lĩnh vực dạy học.

Tổng giám đốc

PHẠM HOÀNG DƯƠNG

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- XÍ NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 1: 268 Nguyễn Văn Cừ, Hạ Long, Quảng Ninh
- XÍ NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 2: TầngIII trụ sở Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Quảng Ninh.
- XÍ NNGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 3: Km 08 Phường Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh.
- XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI HOÀNH BỒ- BAN QL DỰ ÁN GẠCH: Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh.
- BAN TƯ VẤN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: Tầng III Trụ sở Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nhà Quảng Ninh
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI BÃI CHÁY: Khu 2B phố Vườn Đào, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.
- CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI HÀ NỘI: 44A Tây Sơn, Ba Đình, Hà Nội
- CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN QUẢNG NINH: Tầng IV - Trụ sở Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nhà Quảng Ninh.
- NHÀ MÁY GẠCH NGÓI HẢI NINH: Thị xã Móng cái, huyện Hải Ninh, Quảng Ninh.

Digitized by Google

Arirang®

DVD-VCD-KARAOKE VI TÍNH 5 SỐ

Thật lời chuyên nghiệp

Công nghệ Hàn Quốc - Kỹ thuật Chorus + Vocal độc đáo

DVD Karaoke Vi tính 5 số AR-18K

Với 175 bài hát mới, gồm nhiều bài hát Cách mạng truyền thống ca ngợi lịch sử hào hùng của dân tộc và các bài hát nhạc trẻ đang được yêu thích

DVD Karaoke Vi tính AR-27C

VCD Karaoke Vi tính DH-3600

Khuyến mãi Đặc biệt từ 01/3 đến 30/4

Giá mới và
- Tặng 01 DVD Player (trị giá 1.150.000đ) - Khi mua 1 máy DH 3600
- Tặng 02 Micro BG 5.1 (trị giá 560.000đ) - Khi mua 01 máy AR 18K hoặc AR 27C
- Tặng 01 Micro BG 5.1 (trị giá 280.000đ) - Khi mua 01 Amplifier JARGUAR SUHYOUNG

Có bán & bảo hành tại các cửa hàng, Siêu thị Điện máy trên toàn quốc

V.FONE MOBILE

SÓNG MẠNH - SIÊU BỀN - SỐNG ĐỘNG
SÁNG TẠO - SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC

V4U

NEW

CM450 • CAMERA • VIDEO CLIP • MP3 • SWS • WAP • GPRS • WAP

Quay VIDEO CLIP 60'

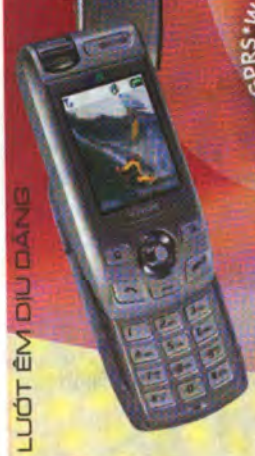

LƯỚT ÊM DỊU DÁNG

Tận hưởng cảm giác tuyệt vời

MP100

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG + CHỤP HÌNH KTS
+ THẺ NHỚ USB + MÁY NGHE NHẠC MP3

KHUYẾN MÃI NHÂN DỊP 30/04

Giá đặc biệt hấp dẫn (đã có VAT)
Từ 15/04 đến 15/07/2005

V88	: 2.950.000đ	C180	: 3.450.000đ
V89	: 2.000.000đ	C270	: 3.880.000đ
V90	: 2.860.000đ	C900	: 3.880.000đ
V91	: 2.900.000đ	V4U	: 3.980.000đ
MP100	: 3.850.000đ	CM450	: 4.950.000đ

MSC MASECO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
Nhà Cung Cấp Độc Quyền Tại Việt Nam

CÓ BÁN & BẢO HÀNH TẠI CÁC SIÊU THỊ, CỬA HÀNG & ĐẠI LÝ V.FONE TRÊN TOÀN QUỐC

SX tại Hàn Quốc

Digitized by Google

Chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày

GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
30/4/1975- 30/4/2005

Khu Công Nghiệp Mỹ Phước

Vị trí: Thị trấn Mỹ Phước - Huyện Bến Cát - Tỉnh Bình Dương
(Cách TP.HCM 42Km, trên tuyến giao thông huyết mạch rộng 06 làn xe nối Bình Dương - TP.HCM)
Diện tích: 2.000 ha
Số dự án đầu tư: 70 dự án
Các quốc gia đầu tư: Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc...
Lĩnh vực: SX dây điện, chế biến gỗ, dệt may,...
Nguồn lao động phong phú, dồi dào.

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ GIÚP NGƯỜI LAO ĐỘNG TÌM VIỆC LÀM TẠI KCN MỸ PHƯỚC

Thông tin việc làm miễn phí cho người lao động.
Cập nhật thường xuyên nhu cầu tuyển dụng của các nhà đầu tư.
Tư vấn & giới thiệu miễn phí việc làm tại KCN cho người lao động trong toàn quốc.
Hỗ trợ & hướng dẫn tận tình quá trình đăng ký, nộp hồ sơ và dự phỏng vấn tuyển dụng.
Phối hợp & bảo vệ quyền lợi cho người lao động trong thời gian làm việc tại KCN.
Tổ chức các khóa đào tạo cơ bản miễn phí để nâng cao trình độ.
Hiện có hơn 1.000 chỗ trọ miễn phí cho người lao động trong thời gian chờ giới thiệu việc làm .

VĂN PHÒNG HỖ TRỢ & XÚC TIẾN LAO ĐỘNG
KCN Mỹ Phước, TT Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650 5567230; Fax: 0650 567227; Email: becamex.sxkd@hcm.vnn.vn
ĐT di động: 0918 639320 (Anh Vũ Anh), 0918 672 333 (Chị Giang), 0913 660 738 (Chị Thủy)

Digitized by Google

Bí thư
HOÀNG DƯƠNG

Huyện Phù Yên

THỊ TRẤN PHÙ YÊN-TỈNH SƠN LA * ĐIỆN THOẠI:022.863620-FAX: 022.863453

Phù Yên là huyện miền núi nằm ở phía tả ngạn sông Đà, thuộc tỉnh Sơn La có diện tích tự nhiên 1.227,13 km^2, dân số của huyện 93.949 người, bao gồm các dân tộc Thái, Mường, Kinh, Mông, Dao..., có 27 xã và thị trấn. Đảng bộ Phù Yên có trên 3.000 đảng viên, với 55 chi, đảng bộ.

MỘT SỐ THÀNH TÍCH:

- 2 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1997, 2000)
- 1 Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2002)
- Nhiều bằng khen, cờ thi đua của UBND tỉnh tặng.

Năm 2004, kinh tế tăng trưởng khá, giá trị GDP của huyện đạt 450 tỉ đồng, tốc độ tăng trưởng 15,6%, thu nhập bình quân 313 USD/người. Văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội, hệ thống chính trị được củng cố.

1. Về kinh tế:

❑ Sản xuất nông, lâm nghiệp: sản lượng lương thực đạt 43.247 tấn, tăng 2,6% so với năm 2003. Diện tích gieo trồng các loại cây công nghiệp, cây lương thực (khoai, sắn, đỗ tương...), cây ăn quả đều tăng, trong đó, cây ăn quả đạt 3.761 ha, tăng 14% so với năm 2003.

❑ Chăn nuôi được duy trì, phát triển, chương trình nuôi bò thịt chất lượng cao được triển khai.

❑ Mô hình nuôi cá lồng được duy trì, góp phần cho sự phát triển ngành thủy sản sau này.

❑ Về sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản: đã sản xuất, tiêu thụ 6 triệu viên gạch đất nung; 2.500m^3 cát xây dựng, 4860m^3 đá xây dựng; 307.000m^3 nước thương phẩm, đạt 102,3%; 6,814 triệu kwh điện thương phẩm. Khởi công 68 công trình với tổng dự toán được duyệt 55.435,8 triệu đồng, tổng khối lượng hoàn thành là 29.356 triệu đồng, giá trị giải ngân 22.018 triệu đồng.

❑ Công tác bưu chính viễn thông: 23/36 xã có nhà bưu điện văn hóa xã; lắp đặt thêm 390 máy cố định, đưa tổng số máy lên 1651, đạt 1 máy/62 người.

❑ Về thương mại dịch vụ: các mặt hàng phong phú, các thành phần kinh tế tư nhân phát triển như dịch vụ nhà hàng khách sạn.

❑ Tài chính tín dụng: tổng thu ngân sách 71.775 triệu đồng, đạt 121,85 %, tăng 19,33%.

2. Văn hóa - xã hội:

Toàn huyện có 65 trường học, 1191 lớp với 29.374 học sinh; xóa mù chữ cho 27/27 xã, thị trấn; 6 xã đạt chuẩn phổ cập THCS, đạt 100%. Trong năm đã có 16 bản, khối phố, 5 đơn vị và 392 hộ được công nhận đơn vị văn hóa; tổng số đơn vị văn hóa là 140, 8.049 hộ đạt chuẩn văn hóa. Công tác y tế, xóa đói giảm nghèo được quan tâm: 170 hộ được xóa đói, 389 hộ thoát nghèo.

3. Về công tác xây dựng Đảng:

Được quan tâm trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác tổ chức cơ sở đảng được quan tâm, đẩy mạnh phát triển đảng viên mới. Năm 2004 kết nạp được 267 người vào Đảng. Thường xuyên thực hiện xây dựng chính đốn Đảng gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Digitized by Google

NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2004

Vững vàng trước những khó khăn thử thách, trong năm 2004 với sự nỗ lực và quyết tâm cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận Hoàn Kiếm đã đạt được những thành tích nổi bật trên nhiều lĩnh vực:

1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN: tiếp tục tăng trưởng khá.

★ Chương trình "Phát triển kinh tế trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch - công nghiệp, TTCN (2001-2005) tiếp tục thực hiện có hiệu quả, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh theo hướng phát triển TM - DV - DL.

★ Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 536 tỉ đồng, đạt 106% KH, tăng 10% so với năm 2003.

★ Hoạt động kinh doanh diễn ra sôi động và có hiệu quả hơn. Công tác quản lý nhà nước về TM - DV - DL được tăng cường, góp phần chống buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, hỗ trợ tích cực cho sản xuất kinh doanh phát triển. Năm 2004, tốc độ tăng trưởng TM - DV - DL đạt 18,9%, nộp ngân sách tăng 10,4%.

★ Thu thuế năm 2004 đạt 111% KH, tăng 24% so năm 2003, đây là kết quả của sự cố gắng lớn của các cấp ủy đảng, chính quyền và ngành chức năng.

★ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được Quận chú trọng chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm. Giá trị sản lượng ước đạt 19,4 tỉ đồng, thanh toán vốn đạt 95% dự toán năm, tăng 50% so với năm 2003 với nhiều công trình có chất lượng tốt.

2. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ:

★ Các đề án của quận trên các lĩnh vực trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và trật tự xây dựng thực hiện có hiệu quả, tạo một bước chuyển biến rõ nét trên nhiều mặt, như: Duy trì tốt các tuyến phố VMĐT, tuyến phố đi bộ và khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm...

3. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

★ Công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục truyền thống được thực hiện tốt, gắn với các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, nổi bật là hoạt động kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm Giải phóng Thủ đô... tạo được dấu ấn sâu đậm, góp phần động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

★ Các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể đã quan tâm và huy động các lực lượng XH tham gia thực hiện chính sách XH, chăm lo đời sống nhân dân: thăm hỏi, tặng quà Bà mẹ VNAH, các đối tượng gia đình chính sách, xây dựng 5 nhà tình nghĩa, tặng 511 sổ tiết kiệm, vận động đóng góp ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa đạt 139% KH, giảm được 100 hộ nghèo, đạt 100% KH năm.

★ Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế được đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ y, bác sỹ được bố trí đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

★ Sự nghiệp giáo dục đào tạo đã duy trì được chất lượng toàn diện ở cả 3 ngành học, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt cao hơn năm trước, có 25 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và quốc gia, 127 học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố; Trung tâm dạy nghề đã đào tạo nghề cho 2.010 học viên, đạt 100,4% KH.

★ Quận ủy quan tâm chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể thực hiện tốt công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, đặc biệt là di tích quốc gia khu phố cổ Hà Nội và khu vực hồ Hoàn Kiếm, vận động nhân dân tham gia tích cực xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

4. CÔNG TÁC AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XH: được giữ vững và đảm bảo, đó cũng chính là điều kiện thuận lợi để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong quận tập trung phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

5. CÁC CẤP ỦY ĐẢNG LUÔN QUAN TÂM CHĂM LO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, KHÔNG NGỪNG PHÁT HUY VAI TRÒ TIÊN PHONG GƯƠNG MẪU CỦA CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN.

★ Công tác giáo dục chính trị tư tưởng luôn được coi trọng, công tác bồi dưỡng lý luận thông tin thời sự về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được kịp thời; tổ chức học tập quán triệt NQ Đảng các cấp đến cán bộ, đảng viên.

★ Ghi nhận những thành tích đã đạt được, năm 2004 Chính phủ đã tặng cờ thi đua xuất sắc cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận Hoàn Kiếm. Phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, với tinh thần cách mạng tiến công, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận luôn nâng cao tinh thần đoàn kết thống nhất, xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng quận Hoàn Kiếm giàu đẹp, văn minh, xứng đáng là Trung tâm: Thương mại-Dịch vụ - Du lịch của Thủ đô.

Digitized by Google

Dakai
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

Sức sống từ thiên nhiên

Hãy để thiên nhiên
chăm sóc sức khỏe của bạn!

TỔNG CÔNG TY BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY NƯỚC KHOÁNG DAKAI
187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 8294083 - 8237921 - FAX: 8296856

Digitized by Google

Internet Internet Internet Internet Internet Nông thôn Internet Internet Internet Internet Internet

S930

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
QUẬN LONG BIÊN
PHƯỜNG ĐỨC GIANG

Địa chỉ: 1/170 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang * Điện thoại: 04. 8 771 713

Ban Chấp hành Đảng bộ và cán bộ chủ chốt

BÍ THƯ: VƯƠNG ANH THOA - CHỦ TỊCH UBND: NGUYỄN VĂN CHÍNH

Phường Đức Giang quận Long Biên (từ ngày thành lập 13/10/1982 đến hết năm 2003 là thị trấn Đức Giang thuộc huyện Gia Lâm), ở cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, có diện tích 240 ha, dân số 24.000 người, 5.126 hộ sinh hoạt ở 33 tổ dân phố; khu trung tâm là phố Ngô Gia Tự.

❖ Cơ cấu kinh tế chủ yếu là tiểu, thủ công nghiệp Thương mại - Dịch vụ; trên địa bàn có 54 cơ quan doanh nghiệp Nhà nước và địa phương (Công ty xăng dầu khu vực I, May Đức Giang, Diêm Thống Nhất, Gỗ Cầu Đuống, Khí công nghiệp, Vận tải Prô-li-mếc, Trang thiết bị công nghiệp Hà Nội, Trung tâm bưu điện số 5, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, các Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương Chương Dương, Sài Gòn Thương Tín...) và gần 200 Công ty TNHH sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các lĩnh vực kinh tế-văn hóa-xã hội.

❖ Đức Giang là một trong những phường có tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển vững mạnh về kinh tế-xã hội, an ninh - quốc phòng của thủ đô. Được UBND thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2001, 2002, 2004 và Bằng khen năm 2003; được Chính phủ tặng Bằng khen năm 2000, Cờ thi đua xuất sắc năm 2001; được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

❖ Đảng bộ phường có hơn 800 đảng viên, trong đó có 28% đảng viên từ 40 đến 60 năm tuổi Đảng, được; 41 chi bộ. Liên tục từ năm 1996 đến năm 2004 được công nhận là Đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh.

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 826744 * CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 * GIÁ : 6000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

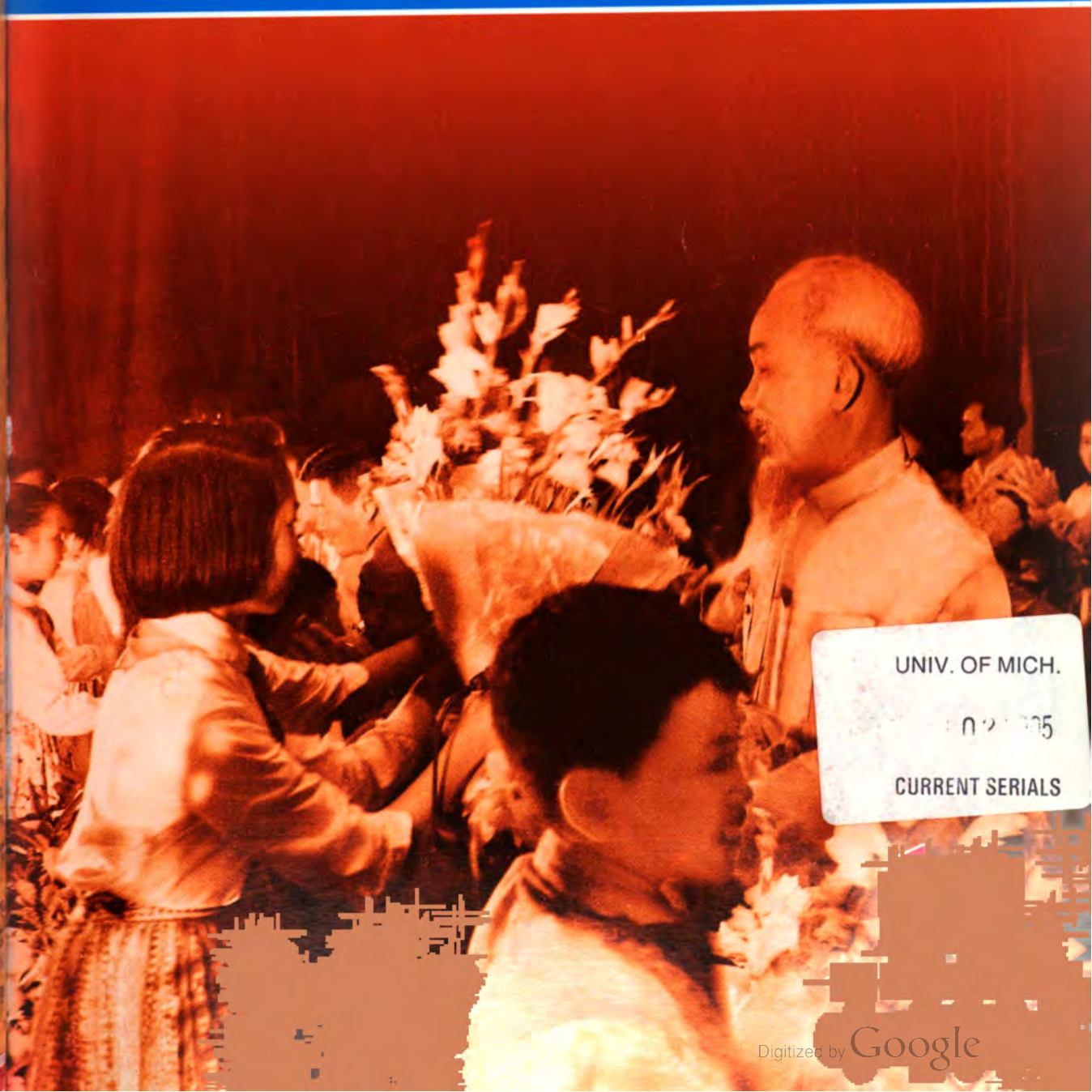

UNIV. OF MICH.
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Thị xã TUYÊN QUANG

Đảng bộ và nhân dân thị xã tích cực thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, nông-lâm nghiệp; đẩy mạnh tốc độ xây dựng đô thị, nâng cao đời sống nhân dân.

VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

- Hiện tại, thị xã có 185 doanh nghiệp, 9 hợp tác xã thủ công nghiệp, gần 4.000 hộ sản xuất thủ công nghiệp và 3.900 hộ kinh doanh, dịch vụ. Giá trị sản xuất thủ công nghiệp đạt 108,7 tỉ đồng; thu ngân sách đạt 76,8 tỉ đồng. Trong sản xuất nông nghiệp, tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng /hec-ta/ năm; cơ bản hoàn thành việc kiên cố hóa kênh mương nội đồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp; hoàn thành việc "Dồn điền, đổi thửa" đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Năm 2004 và đầu năm 2005 một số công trình trọng điểm của tỉnh được khởi công trên địa bàn thị xã, nhiều công sở, trường học, đường giao thông và khu dân cư mới được xây dựng đã tạo cảnh quan đô thị khang trang, sạch đẹp.

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Thị xã có 31 trường học, trong đó có 12 trường đạt chuẩn quốc gia, mở 123 lớp bổ túc văn hóa cho 3.936 học viên. Thị xã Tuyên Quang là đơn vị đầu tiên của tỉnh đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học (1991)và phổ cập THCS (1995) và duy trì phổ cập THCS liên tục 10 năm (1995- 2004); năm 2004 hoàn thành phổ cập bậc Trung học.

- Đến nay thị xã Tuyên Quang không còn hộ đói, cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Thị xã đã xây dựng được 80 nhà văn hóa xóm, tổ nhân dân.

- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình luôn đạt kết quả tốt: 7/7 trạm y tế xã, phường được xây dựng kiên cố, có đủ dụng cụ, thuốc phụ tùng khám, điều trị bệnh nhân và vừa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Thị xã đã nhanh chóng thanh toán được bệnh phong, bệnh sốt rét, giữ vững tỷ lệ dân số tự nhiên dưới 1%; làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, đến nay tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi là 13,8%

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Đảng bộ thị xã luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn.

- Công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy thường xuyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Gần 50 năm qua, Đảng bộ thị xã đã lớn mạnh không ngừng cả về tổ chức và chất lượng hoạt động. Đến nay, Đảng bộ thị xã có 68 chi, đảng bộ trực thuộc (23 đảng bộ và 45 chi bộ) với 4.384 đảng viên; Đảng bộ thị xã liên tục nhiều năm liền giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, các tổ chức cơ sở đảng thường xuyên thực hiện tốt việc lãnh đạo đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

+ Năm 2000, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 01 đơn vị trường học được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới. Nhiều tập thể, cá nhân được Đảng, Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương và các phần thưởng cao quý khác.

+ Năm 1997 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

+ Năm 2000 được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tặng bằng khen về đấu tranh phòng chống ma túy; UBND tỉnh Tuyên Quang công nhận và tặng cờ thi đua là đơn vị xếp thứ nhất giao ước thi đua khối huyện, thị xã.

+ Năm 2001 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích trong công tác chăm sóc thương binh, liệt sĩ và người có công.

+ Năm 2002 được ủy ban An toàn giao thông quốc gia tặng Bằng khen về công tác bảo đảm an toàn giao thông; UBND tỉnh Tuyên Quang tặng bằng khen về thành tích trong diễn tập khu vực phòng thủ.

+ Năm 2003 được UBND tỉnh Tuyên Quang tặng bằng khen cho cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang về thành tích huấn luyện quân sự 5 năm liền (1998-2003); tặng bằng khen về công tác thi đua, khen thưởng; tặng Bằng khen về thành tích mua trái phiếu Chính phủ năm 2003; được Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội năm 2003.

+ Năm 2004, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích phổ cập giáo dục bậc tiểu học và THCS; được UBND tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Tuyên Quang 15 năm (1989-2004); cờ thi đua xuất sắc đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về thành tích phổ cập bậc Trung học.

+ Tháng 2 năm 2005, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước.

ĐỊA CHỈ: P.TÂN QUANG - TX. TUYÊN QUANG - T. TUYÊN QUANG - ĐT: 027 822385

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16
SỐ 734
11
6-2005

- **BỘ BIÊN TẬP :**
  52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
  Điện thoại : (04) 7 753 605
  Fax : (04) 7 753 633
  Email: bbttccs@hn.vnn.vn
- **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
  26 Trần Phú,
  Thành phố Đà Nẵng
  Điện thoại : (080) 51301
  Fax : (080) 51303
- **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
  19 Phạm Ngọc Thạch,
  Thành phố Hồ Chí Minh
  Điện thoại : (08) 8 274 638
  Fax : (08) 8 231 664
- **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
  http://www.tapchicongsan.org.vn
- **Tổng Biên tập :**
  LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Bác Hồ với thiếu nhi
Ảnh: Mai Nam

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHAN VĂN KHẢI - Tạo chuyển biến tích cực và hiệu quả rõ rệt trong công tác bảo vệ môi trường 3

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trước những yêu cầu mới 6

HỒ NGỌC LUẬT - Gắn khoa học, công nghệ với sản xuất kinh doanh thành động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 11

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức cán bộ, đảng viên hiện nay" 16

LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo để dẫn

*** Báo cáo Tổng thuật 20

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

SONG THÀNH - "Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức" - một nguyên tắc cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh 26

HOÀNG CHÍ BẢO - Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh - giá trị và ý nghĩa 31

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN VĂN LỊCH - Hai hành lang và một vành đai kinh tế - từ ý tưởng đến hiện thực 35

MAI HẢI OANH - Văn nghệ sĩ trước những yêu cầu mới của đất nước 40

ĐỖ QUANG HƯNG - Về vấn đề "Tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam" 45

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN TẤN PHÁT - Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới và hội nhập 50

NGUYỄN HUY TÍNH - Kết quả bước đầu trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Bắc Ninh 55

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG - Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp 60

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHÂN ĐĂNG - Đạo vị 64

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGÔ MẠNH LÂN - Mấy nét về chủ nghĩa tư bản các cổ đông hiện đại 65

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM - Nhân loại và vấn đề môi trường sống 69

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ФАН ВАН КХАЙ: Создание интенсивных сдвигов и повышение заметной эффективности в охране окружающей среде. • ДО НГУЕН ФЫОНГ: Охрана, уход и улучшение здоровья населения в новых условиях. • ХО НГОК ЛУАТ: Сочетание науки, технологий с производством и бизнесом становится движущей силой для форсирования индустриализации, модернизации страны. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад: «Идеи Хо Ши Мина и вопрос улучшения моральных качеств кадров, членов Партии в настоящее врем». *** Обзорный доклад. • ШОНГ ТХАНЬ: «Как сказано, так и должно быть сделано, быть примером высокой морали» – один из главных принципов идей Хо Ши Мина о морали. • НГУЕН ВАН ЛИТЬ: Два коридора и один экономический пояс – с идеи до воплощения её в жизнь. • МАЙ КХАЙ ОАНЬ: Обязанности артистов перед новыми требованиями страны. • ДО КУАНГ ХЫНГ: О проблеме «свободы совести – прав человека во Вьетнаме». • НГУЕН ТАН ФАТ: Государственный университет г. Хошимин в процессе обновления и интеграции. • НГУЕН ХУ ТИНЬ: Первые достижения в работе с населением, рассмотрении заявлений и жалоб в провинции Бакнинь. • ФАМ ТХИ НГОК ЧАМ: Человечество и охрана окружающей среды.

CONTENTS

• PHAN VĂN KHẢI: Bring about zealous shift and significant efficiency in the matter of environment protection. • ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Protecting, caring of and enhancing the people's health in accordance with new demands. • HỒ NGỌC LUẬT: Connecting science, technology with production, business as a motive force to push up the country's industrialisation, modernisation. • LÊ HỮU NGHĨA: Introduction report: "Hồ Chí Minh's thoughts on morality and enhancement of cadres', party members' morality at the present". *** Overview report. • SONG THÀNH: "Speech must be accompanied by real deeds, one must set an example of morality" – a main principle of Hồ Chí Minh thought's on morality. • NGUYỄN VĂN LỊCH: Two corridors and one "economic belt" – from idea to reality. • MAI HẢI OANH: Responsibility of writers and artists in the face of the country's new demands. • ĐỖ QUANG HƯNG: Regarding the problem "Religious and human rights' freedom in Vietnam". • NGUYỄN TẤN PHÁT: Hồ Chí Minh: City's National University in the process of renovation and integration. • NGUYỄN HUY TÍNH: The first results in the work of accepting and solving accusement, potition in Bắc Ninh province. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: Mankind and the problem of living environment.

SOMMAIRE

• PHAN VĂN KHẢI: Créer des changements positifs et nettement efficaces dans la protection de l'environnement. • ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Les soins sanitaires pour améliorer la santé de la population face à de nouvelles exigences. • HỒ NGỌC LUẬT: Lier les sciences et la technologie à la production et au commerce, et en faire la force motrice de l'industrialisation et de la modernisation du pays. • LÊ HỮU NGHĨA: Rapport d'introduction : « La pensée de Hồ Chí Minh sur la morale et l'amélioration de la qualité morale des membres du Parti à l'heure actuelle ». *** Aperçu général. • SONG THÀNH: « La parole doit accompagner l'action, chacun doit faire exemple de la morale » — un principe fondamental de la pensée de Hồ Chí Minh sur la morale. • NGUYỄN VĂN LỊCH: Deux couloirs et une ceinture économiques — de l'idée à la réalité. • MAI HẢI OANH: Responsabilité des artistes devant les nouvelles exigences du pays. • ĐỖ QUANG HƯNG: Sur la question « liberté religieuse et droits de l'homme au Vietnam ». • NGUYỄN TẤN PHÁT : L'Université nationale de Hồ Chí Minh-ville dans le processus de rénovation et d'intégration. • NGUYỄN HUY TÍNH : Les premiers résultats de la réception de la population et du règlement des plaintes et dénonciations dans la province de Bắc Ninh. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM : L'humanité et le problème de l'environnement.

SUMARIO

• PHAN VĂN KHẢI: Crear los cambios activos y los resultados notables en la protección del medio ambiente. • ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: El trabajo de protección, atención y elevación de salud del pueblo ante las nuevas demandas. • HỒ NGỌC LUẬT: Convertir el ligazón de ciencia y tecnología con la producción y el comercio en la fuerza motriz para impulsar la industrialización y modernización nacional. • LÊ HỮU NGHĨA: Informe de introducción "El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la moral y la actual elevación de la moral de cuadros y militantes del Partido". *** Informe panorámico. • SONG THÀNH: "Después del dicho, el trabajo, debe elevar el ejemplo de moral" – un principio principal del pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la moral. • NGUYỄN VĂN LỊCH: Dos corredores y un cinturón económico – de idea a realidad. • MAI HẢI OANH: Responsabilidad de escritores y artistas ante las nuevas exigencias del país. • ĐỖ QUANG HƯNG: Sobre el problema de "la libertad religiosa y el derecho humano en Viet Nam". • NGUYỄN TẤN PHÁT: La Universidad Nacional de Ciudad Hồ Chí Minh en el proceso de renovación e integración. • NGUYỄN HUY TÍNH: Primeros éxitos en la recepción a los pobladores y la resolución de sus reclamaciones y denuncias en Bắc Ninh. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: La humanidad y el problema de ambiente de la vida.

目录

• 潘文凯：为环保工作作出积极的转变及明显效果 • 杜元方：在新的要求下做好人民的保健工作，提高人民的健康素质 • 胡玉律：把科学、工艺与生产经营紧密结合，使之成为推动国家工业化现代化的动力 • 黎友义：主旨报告——“胡志明道德思想与提高当前干部、党员的道德品质” *** 总揽报告 • 双成：胡志明道德思想的基本原则是“言行一致，树立道德榜样” • 阮文历：经济“两廊一圈”——从构思到现实 • 梅海莺：面临国家新的要求文艺工作者所担负的责任 • 杜光兴：关于“在越南的宗教信仰自由——人权”问题 • 阮晋发：胡志明市国家大学在革新、融入过程中 • 阮辉性：北宁省信访、申诉解决问题的初步结果 • 范氏玉沉：人类与生活环境问题。

Digitized by Google

TẠO CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC VÀ HIỆU QUẢ RÕ RỆT TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHAN VĂN KHẢI
Thủ tướng Chính phủ

Kỷ niệm Ngày Môi trường thế giới 5-6 năm nay, diễn ra vào thời điểm đất nước ta có nhiều sự kiện trọng đại, đồng thời cũng là thời điểm mà công tác bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề thời sự của toàn cầu cũng như của mỗi quốc gia. Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004, của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết này thể hiện quyết tâm của chúng ta trong công tác bảo vệ môi trường thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; mặt khác là sự biểu hiện cụ thể những hành động của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đã trở thành một xu thế tất yếu của thời đại, nhận được sự đồng thuận rộng rãi trên toàn thế giới. Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững, tổ chức tại Giô-ha-ne-xbớc (Nam Phi) năm 2002, là một minh chứng cho điều đó. Vì sự trường tồn của Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta, vì lợi ích của mỗi quốc gia và lợi ích của mỗi người dân, chúng ta phải không ngừng nâng cao tính bền vững của mọi quá trình phát triển.

Kinh nghiệm cho thấy, những quốc gia đi theo con đường hy sinh môi trường để tăng trưởng kinh tế đều phải trả giá đắt cho sai lầm này. Nhận thức đúng đắn vấn đề môi trường trong quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta sớm quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định quan điểm phát triển đất nước là: "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường". Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam *Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* là sự cụ thể hóa và đưa nhanh quan điểm đó vào cuộc sống.

Trong thời gian qua, với nhiều nỗ lực, công tác bảo vệ môi trường ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, thể chế từng bước được xây dựng và

Digitized by Google

hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả cho công tác bảo vệ môi trường cũng như cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức về bảo vệ môi trường trong các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên đáng kể; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Những thành tựu đó đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, môi trường nước ta vẫn tiếp tục bị ô nhiễm, suy thoái với tốc độ khá nhanh, sự cố môi trường vẫn xảy ra đáng lo ngại; ở nhiều nơi và nhiều lĩnh vực, ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn đề hết sức bức xúc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của mọi người, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đe dọa nghiêm trọng sự phát triển bền vững. Công tác bảo vệ môi trường ở nước ta đang đứng trước nhiều thách thức đáng quan tâm như: thách thức giữa yêu cầu bảo vệ môi trường với lợi ích kinh tế trước mắt trong đầu tư phát triển; thách thức giữa tổ chức và năng lực quản lý môi trường còn nhiều bất cập trước những đòi hỏi phải nhanh chóng đưa công tác quản lý môi trường vào nền nếp; thách thức giữa kết cấu hạ tầng, kỹ thuật bảo vệ môi trường lạc hậu với khối lượng chất thải đang ngày càng tăng lên; thách thức giữa nhu cầu ngày càng cao về nguồn vốn cho bảo vệ môi trường với khả năng có hạn của ngân sách nhà nước và sự đầu tư của doanh nghiệp, người dân cho công tác bảo vệ môi trường còn ở mức rất thấp; đặc biệt nổi lên là thách thức giữa yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững của đất nước với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm.

Để vượt qua những thách thức đó, đòi hỏi phải có sự nỗ lực to lớn hơn nữa, không chỉ từ phía Chính phủ mà phải được các cấp, các ngành, các đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và từng người dân quán triệt và thực hiện một cách đồng bộ, mạnh mẽ. Nhân Ngày Môi trường thế giới năm nay, chúng ta cần tạo lập diễn đàn rộng rãi để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức trong nước và quốc tế trao đổi và thống nhất hành động thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước mới được ban hành. Đây còn là dịp trao đổi cụ thể về cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý môi trường, các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về môi trường và đặc biệt là khơi dậy nhiều sáng kiến về bảo vệ môi trường.

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi những mục tiêu bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục môi trường cho mọi đối tượng, biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác thường trực và hành động cụ thể của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp và mỗi người dân. Chỉ khi nào đạt đến mức độ đó thì công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường mới đạt hiệu quả tốt và sự nghiệp bảo vệ môi trường mới vững chắc.

Hai là, việc bảo vệ môi trường phải lấy phòng ngừa làm chính. Tư tưởng phòng ngừa phải được thể hiện từ trong các chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và trong từng dự án đầu tư. Cần đấu tranh, khắc phục tư tưởng chỉ chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường, không coi

Digitized by Google

bảo vệ môi trường là nhân tố quan trọng của phát triển bền vững.

Ba là, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường để huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội cho công tác này. Bên cạnh việc đầu tư từ ngân sách nhà nước, cần huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp và người dân theo nguyên tắc "người gây ra ô nhiễm phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm", "người hưởng dịch vụ môi trường phải thanh toán cho người cung cấp dịch vụ môi trường". Ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang được bao cấp rất lớn về vệ sinh rác thải, nếu số tiền đó chúng ta xã hội hóa để tư nhân làm, hỗ trợ cho tư nhân thì chắc chắn sẽ tốt hơn. Vì sao thành phố Lạng Sơn làm rất tốt công việc xử lý rác, còn các thành phố khác, các tỉnh khác không làm được. Điển hình tốt, mô hình hay nhưng chậm được nhân rộng. Chúng ta cần phải làm cho những mô hình tốt, điển hình tiên tiến có sức lan tỏa mạnh mẽ. Chúng ta phải suy nghĩ, nghiên cứu tại sao tiền bạc đưa ra rất lớn nhưng môi trường vẫn tiếp tục bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng.

Bốn là, phải hết sức quan tâm, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, đoàn thể, cộng đồng dân cư và từng người dân trong việc tham gia và giám sát công tác bảo vệ môi trường. Môi trường là lĩnh vực mang tính xã hội rất cao. Kinh nghiệm cho thấy, ở đâu có sự tham gia và giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, cộng đồng dân cư thì ở nơi đó, các công việc được tiến hành thuận lợi và đạt kết quả vững chắc.

Năm là, tiếp tục củng cố, kiện toàn và tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các ngành, các cấp. Xây dựng và phát triển các cơ chế giải quyết vấn đề môi trường liên ngành, liên vùng. Chú trọng xây dựng năng lực ứng phó nhanh chóng, có hiệu quả khi xảy ra sự cố môi trường. Ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn khác, vấn đề môi trường, vấn đề ô nhiễm môi trường liên quan đến một vùng nhưng xử lý không phải chỉ nằm trong phạm vi hành chính của địa phương. Xử lý rác cũng vậy, chúng ta phải bố trí liên vùng và tất cả vấn đề ô nhiễm có thể tính đến yếu tố vùng thì mới bảo đảm được cho những thành phố 3 triệu dân, 5 triệu đân, 7 triệu dân. Ngay từ bây giờ nếu chúng ta không thấy trước thì càng ngày vấn đề ô nhiễm môi trường càng nặng nề hơn. Hiện nay, ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội còn tình trạng rác thải gây ô nhiễm hết sức nặng nề; các hồ chứa nước cách đây 30 năm xanh, sạch hơn nhiều so với bây giờ. Các nhà máy hóa chất gây ô nhiễm, tiếng ồn, chúng ta đã có chủ trương đưa ra khỏi nội thành nhưng thực hiện còn chậm chạp. Vấn đề môi trường rất quan trọng liên quan đến cuộc sống của con người, đến phát triển bền vững của đất nước. Vấn đề đặt ra là làm sao để các thành phố lớn của chúng ta giảm bớt ô nhiễm môi trường kể cả không khí, nước, bụi, tiếng ồn. Phải giải quyết đồng bộ, hiện tại không giải quyết được, sau này càng tốn kém và hậu quả môi trường càng trầm trọng hơn. Công tác môi trường phải đi vào các vấn đề rất cụ thể, thiết thực. Vấn đề nào có lợi phải kiên quyết thực hiện cho bằng được.

Sáu là, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. Đã có rất nhiều đơn vị có ý thức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường. Sắp tới

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU MỚI

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG *

NGÀY 23-2-2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 46-NQ/BCT *"Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"*. Nghị quyết ra đời trong bối cảnh sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cần có những định hướng mới trong giai đoạn 10 - 15 năm tới, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; kế thừa và phát triển những quan điểm nhất quán của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về sức khỏe, về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nghị quyết 46 của Bộ Chính trị khẳng định: công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Đó là hệ thống chăm sóc sức khỏe ngày càng mở rộng cả về khám, chữa bệnh lẫn dự phòng, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở được khôi phục, củng cố và phát triển mạnh mẽ cả về nhân lực, trang thiết bị, thuốc men và công trình y tế. Đã cơ bản xóa được xã trắng về y tế. Mạng lưới y tế thôn, bản cũng được khôi phục, củng cố và phát triển, không chỉ làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân mà còn góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị - xã hội tại địa phương. Hình thành mạng lưới dịch vụ y tế ngày một đa dạng với hệ thống khám, chữa bệnh đầy đủ các chuyên ngành và loại hình với trên 900 bệnh viện công, hàng chục bệnh viện tư hoặc liên doanh với nước ngoài. Trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế đã được nâng cấp và cải thiện đáng kể, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân. Ngành dược đã có nhiều cố gắng trong việc cung ứng thường xuyên và đủ thuốc có chất lượng. Các cơ sở cung ứng thuốc thiết yếu đã có mặt tại các xã, phường, các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.

Hệ thống y tế dự phòng từ trung ương đến địa phương được củng cố về tổ chức cũng như nâng cấp trang thiết bị, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nhiều trang thiết bị hiện đại đã được đưa vào sử dụng góp phần trong việc xác định nguyên nhân bệnh dịch và đề xuất các biện pháp phòng, chống. Công tác phòng, chống sốt rét cũng thu được nhiều kết quả khích lệ. Hoạt động kiểm dịch y tế biên giới nhằm ngăn chặn dịch bệnh

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

nguy hiểm xâm nhập vào nước ta được các tổ chức nước ngoài đánh giá là hệ thống hoạt động có hiệu quả. Công tác phòng chống HIV/AIDS có bước chuyển biến căn bản, đã có sự cam kết mạnh mẽ về chính trị trong công cuộc phòng chống HIV/AIDS từ trung ương đến địa phương.

Nhân dân ở hầu hết các vùng, miền trên đất nước ta đã được chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Theo Báo cáo năm 2000 của Tổ chức Y tế thế giới, khả năng đáp ứng của hệ thống y tế Việt Nam xếp thứ 51/191 nước, là chỉ số cao nhất từ trước đến nay mà Việt Nam đã đạt được trong lĩnh vực y tế. Nhiều chỉ số sức khỏe cơ bản của Việt Nam tương đương mức các nước có thu nhập cao hơn gấp 10 lần nước ta. Tuổi thọ bình quân của người dân nước ta cao hơn 10 tuổi so với các nước có thu nhập bình quân tương đương.

Hệ thống y dược học cổ truyền được củng cố và từng bước phát triển, có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu, kế thừa và phát huy các bài thuốc, các phương pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền, tận dụng nguồn dược liệu phong phú tại các địa phương để chữa trị các bệnh thông thường và nhiều bệnh mãn tính. Hằng năm có khoảng 30% số bệnh nhân được khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, góp phần giảm chi phí khám, chữa bệnh và thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tuy nhiên, trong hơn 10 năm qua công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng bộc lộ không ít *yếu kém, hạn chế*. Mạng lưới y tế tuy được mở rộng nhưng còn thiếu chiều sâu. Nhiều nơi trang thiết bị còn thiếu thốn, lạc hậu. Tình trạng tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực chưa được khắc phục. Các cơ sở y tế còn bố trí theo địa giới hành chính, chưa hợp lý, chưa thuận tiện cho nhân dân. Chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân, đặc biệt tại các tuyến xã, huyện. Hoạt động của hệ thống y tế tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng chưa thích ứng với sự phát triển của xã hội, không đáp ứng về y tế phổ cập cho đa số nhân dân, cũng như nhu cầu của một bộ phận nhân dân có thu nhập cao.

Hệ thống y tế chậm đổi mới, chưa thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nguồn tài chính công (bao gồm ngân sách nhà nước cấp, bảo hiểm y tế, vốn vay và viện trợ của nước ngoài) trong tổng chi tiêu cho y tế chỉ chiếm 28%, còn nguồn tài chính tư là 72% (do người dân tự bỏ tiền ra mua thuốc để chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh). Hệ thống y tế chưa thích ứng kịp với sự thay đổi của cơ cấu bệnh tật. Các cơ sở y tế chỉ được đầu tư đáp ứng cơ cấu bệnh tật nhiễm trùng như 10 năm trước đây, thiếu các cơ sở chuyên khoa.

Năng lực sản xuất, cung ứng thuốc còn yếu. Các doanh nghiệp dược quy mô còn nhỏ, kinh nghiệm kinh doanh còn hạn chế. Máy móc, trang thiết bị mấy năm gần đây tuy có được chú ý đầu tư, nhưng nhìn chung vẫn chưa theo kịp trình độ các nước trong khu vực, chủ yếu vẫn là nhập khẩu nguyên liệu, đóng thành phẩm nên lệ thuộc vào giá cả nguyên liệu, không làm chủ được thị trường thuốc. Khả năng cạnh tranh của thuốc sản xuất trong nước còn yếu. Tổ chức quản lý nhà nước về dược còn nhiều bất cập; tình trạng độc quyền về kinh doanh thuốc biệt dược là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng tăng giá, chưa kiểm soát được giá thuốc trên thị trường.

Công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Những việc làm vi phạm đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ y tế chậm được khắc phục, còn tình trạng phân biệt đối xử giữa người có thẻ bảo hiểm y tế với người trả viện phí; tinh thần, thái độ ứng xử của cán bộ y tế còn bị nhân dân phàn nàn. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ ngành y tế còn chưa có nhận thức đúng về vai trò của y học cổ truyền, còn lúng túng về phương hướng và nội dung kết

Digitized by Google

hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cao cho y học cổ truyền còn nghèo nàn và tụt hậu so với các ngành khác. Đội ngũ thầy thuốc được đào tạo cơ bản về y học cổ truyền còn thiếu, nhất là các cán bộ đầu ngành.

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đang đặt ra hết sức gay gắt.

Một là, sự chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đứng trước những thách thức lớn về bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn (ví dụ: chi cho một lần chụp cắt lớp CT scanner trung bình khoảng 1 triệu đồng, tương đương với giá trị của 500 kg thóc), trong khi ngân sách nhà nước đầu tư cho chăm sóc sức khỏe nhân dân còn hạn chế, nhất là việc bảo đảm khám, chữa bệnh cho người nghèo, người có công, người ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Với chính sách viện phí như hiện nay khó tránh được hiện tượng "bao cấp ngược" - người có điều kiện đến các cơ sở y tế sẽ được hưởng bao cấp của Nhà nước nhiều hơn người nghèo, người sống tại các vùng khó khăn ít có điều kiện đến cơ sở y tế.

Hai là, quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng, cơ cấu dân số thay đổi và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao và đa dạng thì công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng phải chuyển biến cho thích hợp. Theo Tổ chức Y tế thế giới, khi mức sống tăng lên 1 lần thì nhu cầu chăm sóc y tế sẽ tăng 2 - 3 lần. Do xu hướng "già hóa" dân số, tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng, trong khi chi phí dịch vụ y tế cho người cao tuổi cao hơn nhiều lần so với các lứa tuổi khác. Mặt khác, mức sống tăng đi đôi với việc thay đổi cơ cấu bệnh tật, đòi hỏi phải cung ứng các dịch vụ y tế với chất lượng cao và cũng tốn kém.

Ba là, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế vừa đem lại những cơ hội thuận lợi, đồng thời cũng đặt nước ta phải đối mặt với những nguy cơ lây truyền các bệnh dịch nguy hiểm và những thách thức mới về khả năng cạnh tranh, nhất là trong lĩnh vực dược và công nghệ cao về y tế. Trước đây một loại dịch bệnh lây từ nước này sang nước khác rất khó khăn và có thời gian để triển khai các biện pháp phòng chống thì ngày nay chỉ sau một vài ngày dịch bệnh nguy hiểm có thể lan từ nước này sang nước khác mà không kịp tổ chức biện pháp phòng chống, như bệnh SARS, dịch cúm gia cầm các năm gần đây. Xu thế xuất hiện các dịch bệnh nguy hiểm chưa từng xảy ra trước đây, chưa có thuốc phòng chống đang là thách thức rất lớn cho mọi quốc gia trên thế giới trong đó có nước ta.

Để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết 46-NQ/BCT *về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới,* trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, *phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch phát triển hệ thống y tế đến năm 2010 và những năm tiếp theo.* Mở rộng và triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và nâng cao sức khỏe. Phát triển các phong trào vệ sinh, phòng bệnh và thể dục - thể thao. Triển khai mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm. Kịp thời dự báo và có biện pháp ngăn ngừa để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đối với sức khỏe do thay đổi lối sống, môi trường và điều kiện lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Đẩy mạnh phòng chống các bệnh nghề nghiệp. Củng cố và phát triển y tế học đường. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng.

Digitized by Google

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ. Xây dựng và nâng cấp các bệnh viện, nhất là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và huyện để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân ngay tại địa phương. Từng bước phát triển mạng lưới các khoa và bệnh viện điều dưỡng, phục hồi chức năng. Quy hoạch mạng lưới khám, chữa bệnh theo địa bàn dân cư. Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các trung tâm y tế chuyên sâu hiện có, xây dựng thêm một số trung tâm y tế chuyên sâu mới. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y dược học cổ truyền thành một chuyên ngành khoa học. Kết hợp quân y và dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn. Quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu, các cơ sở sản xuất nguyên liệu hóa dược. Củng cố mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc để ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Tiếp cận và ứng dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin; từng bước đưa nền y học nước ta đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Thứ hai, *đổi mới chính sách tài chính y tế.* Đây là chủ trương có ý nghĩa quyết định để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền y tế nước ta và phù hợp với xu thế tiến bộ trên thế giới. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, tất cả các nền y tế lấy viện phí trực tiếp làm nguồn tài chính chủ yếu đều là những nền y tế mất công bằng, vì gánh nặng chi phí chỉ rơi vào người bệnh, mà người nghèo thường mắc bệnh nhiều hơn. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta vẫn phải thu viện phí để bù đắp cho một phần chi phí dịch vụ y tế, nhưng chỉ nên coi đó là giải pháp tạm thời. Về lâu dài, các chi phí dịch vụ y tế sẽ dần dần được bù đắp chủ yếu bằng nguồn tài chính từ bảo hiểm y tế (người bệnh được xã hội và cộng đồng chia sẻ gánh nặng chi phí khi khám, chữa bệnh). *Đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính y tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các nguồn tài chính công (bao gồm ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế), giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh.* Xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010. Tuyên truyền, giáo dục, để mọi người dân đều tự nguyện tham gia bảo hiểm y tế. Đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm y tế, chú ý các loại hình dựa vào cộng đồng; tạo nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, viện trợ, các quỹ từ thiện, quỹ cộng đồng, quỹ xóa đói giảm nghèo... để trợ giúp cho người nghèo, người sống ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa tham gia các loại hình bảo hiểm y tế phù hợp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, củng cố tổ chức và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của hệ thống bảo hiểm y tế. Có phương thức thanh toán phù hợp để người tham gia bảo hiểm y tế được chăm sóc với chất lượng tốt, không bị phân biệt đối xử trong khám, chữa bệnh. Xây dựng và thực hiện chính sách viện phí phù hợp trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí trực tiếp phục vụ bệnh nhân. Nhà nước có chính sách trợ giúp đối với những người có thu nhập thấp và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Thứ ba, *phát triển nguồn nhân lực ngành y tế.* Kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Sắp xếp lại mạng lưới, mở rộng và nâng cấp các cơ sở đào tạo, đáp ứng nhu cầu về cán bộ y tế phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; xây dựng một số trung tâm đào tạo cán bộ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Tăng cường đào tạo cán bộ y tế theo hình thức cử tuyển cho miền núi và đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện. Coi trọng việc đào tạo, sử dụng và đãi ngộ nhân tài về y tế. Mở rộng việc đưa cán bộ có trình độ cao đi đào tạo ở nước ngoài bằng

Digitized by Google

nguồn kinh phí nhà nước, khuyến khích du học tự túc theo các chuyên ngành đang có nhu cầu.

Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, nhân viên y tế; thực hiện chế độ đãi ngộ đối với thầy thuốc tương đương như với người thầy giáo. Có chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với những người công tác tại trạm y tế xã. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ; khuyến khích thầy thuốc về công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

Thứ tư, *tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.* Các cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là ở cơ sở, phải xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng; quy định rõ trách nhiệm và kiểm tra hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở địa phương. Triển khai rộng rãi phong trào xây dựng làng văn hóa - sức khỏe ở mọi thôn, bản.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ y tế ở địa phương và cơ sở. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, nhân viên y tế, chấn chỉnh và khắc phục những biểu hiện tiêu cực tại các cơ sở y tế. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, làm tốt công tác phát triển Đảng, nhất là đối với cán bộ y tế trẻ. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn ngành y tế.

Thứ năm, *nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.* Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Nghiên cứu và bổ sung luật pháp để bảo vệ sinh mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bệnh và của cán bộ y tế trong lúc làm nhiệm vụ; thực hiện bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp đối với cán bộ y tế. Kiện toàn hệ thống thanh tra y tế, nâng cao hiệu lực hoạt động thanh tra để thực hiện tốt quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành, tài chính, nhân lực tại các bệnh viện, nhà trường, viện nghiên cứu... trong ngành y tế để phát huy tính năng động, sáng tạo của cơ sở trong việc huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Đổi mới quản lý bệnh viện công là vấn đề hết sức bức xúc trong nhiệm vụ đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế ở nước ta hiện nay. Song, nếu coi *viện phí trực tiếp* là nguồn tài chính chủ yếu để bù đắp cho các chi phí dịch vụ y tế, thì sẽ dẫn đến mất công bằng, vì viện phí là nguồn tài chính tư, chỉ do người bệnh chi trả. Trong thời điểm hiện nay, *nếu kết hợp việc lấy viện phí làm nguồn thu chính và thực hiện chế độ tự chủ về tài chính* của bệnh viện, thì có thể các bệnh viện sẽ chỉ chú ý đến các đối tượng có khả năng chi trả và tạo ra sự chênh lệch thu nhập lớn giữa bệnh viện các tuyến và các chuyên khoa khác nhau (các bệnh viện tuyến dưới, các bệnh viện phong, tâm thần, nhi... sẽ thu nhập thấp hơn nhiều). Vì vậy, *việc thực hiện tự chủ về tài chính của các cơ sở khám chữa bệnh công lập cần được tiến hành từng bước, cùng với tiến trình mở rộng bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.*

Thứ sáu, *nâng cao hiệu quả thông tin - giáo dục - truyền thông y tế.* Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng có thể chủ động phòng bệnh, xây dựng nếp sống vệ sinh, rèn luyện thân thể, hạn chế những lối sống và thói quen có hại đối với sức khỏe, tham gia các hoạt động vì sức khỏe cho cộng đồng. ❑

Digitized by Google

GẮN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VỚI SẢN XUẤT KINH DOANH THÀNH ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

HỒ NGỌC LUẬT *

Vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước luôn được Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao trong nhiều chủ trương, nghị quyết, cụ thể như: *Phải gắn liền khoa học, công nghệ với sản xuất và đời sống xã hội, làm cho khoa học, công nghệ nhanh chóng trở thành một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân* (Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị - năm 1981); *Khoa học, công nghệ không chỉ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước* (Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị - năm 1991); *Khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội* (Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII); *Khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* (Nghị quyết Đại hội IX).

Đến nay, khoa học, công nghệ nước ta có những bước phát triển mới, thu được những thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ đang được đổi mới từng bước theo tinh thần Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa IX. Đường lối, chủ trương của Đảng ta suốt hơn 24 năm qua về phát triển khoa học, công nghệ là rất đúng đắn, có tinh thần đổi mới. Tuy vậy, so với những yêu cầu do Đảng và Nhà nước ta đặt ra, khoa học, công nghệ vẫn chưa vươn lên ngang tầm nhiệm vụ là quốc sách hàng đầu. So với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước thì khoa học, công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự trở thành yếu tố động lực cho tăng trưởng kinh tế; chưa có những cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể, linh hoạt và sáng tạo để giải phóng mọi tiềm lực khoa học, công nghệ. Nguyên nhân của những hạn chế trên có thể có nhiều, nhưng qua khảo sát thực tế chúng tôi nêu một số suy nghĩ bước đầu sau đây:

1 - Hoạt động khoa học, công nghệ ở cơ sở

Việc xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ của các tỉnh, thành phố thuộc chức năng của các cơ quan tham mưu cấp tỉnh, thành phố dựa trên yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thực sự của địa phương. Đến cấp xã, phường thì nội dung hoạt động khoa

* TS, Vụ trưởng, Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

học, công nghệ chủ yếu là dịch vụ khoa học, công nghệ, thậm chí khó bóc tách các nội dung hoạt động về khoa học, công nghệ, nó được hoà quyện và gắn bó chặt chẽ với các nội dung sản xuất kinh doanh cụ thể. Tuy nhiên, nhiều tỉnh, thành phố gần như rập khuôn toàn bộ khung kế hoạch về khoa học, công nghệ của trung ương; thậm chí cũng phân định ra các chương trình, đề tài nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp nhu cầu của các sở, ban, ngành, các huyện, quận, trong đó kể cả có nhu cầu từ các doanh nghiệp. Trong khi nội dung của hoạt động khoa học, công nghệ của từng vùng, miền, tuỳ theo nhu cầu đời sống, kinh tế - xã hội ở đó đặt ra, sẽ có đặc thù riêng mà không dễ gì có thể giống nhau, kể cả so với nội dung hoạt động khoa học, công nghệ của trung ương.

Chỉ thị số 63-CT/TW ngày 28-2-2001 của Bộ Chính trị, khóa VIII đã nêu: "khuyến khích thành lập các trung tâm dịch vụ tổng hợp (từ tổ chức sản xuất đến bao tiêu sản phẩm, tư vấn, chuyển giao công nghệ,...) đổi mới công nghệ hoặc chủ động thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới vào nông thôn để nâng cao chất lượng sản phẩm. Các trung tâm được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, về sử dụng đất theo quy định của pháp luật, được hưởng chế độ tín dụng ưu đãi... Bảo đảm phương thức hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp tiến hành theo hướng gắn kết bằng các hợp đồng trách nhiệm giữa các tổ chức và các chủ thể trong nông nghiệp". Nhưng, trong tư duy và cách quản lý, chính quyền cấp tỉnh, thành, quận, huyện ít để ý đến vấn đề xây dựng các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ để "nối dài cánh tay quản lý của mình" chăm lo, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh.

Trong báo cáo, đánh giá ở nhiều sở khoa học, công nghệ vẫn còn tư tưởng muốn phân định, tính toán sự đóng góp của khoa học, công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội rạch ròi, cụ thể. Điều mong muốn này là chính đáng. Song, trong thực tế không dễ gì làm được. Hoạt động khoa học, công nghệ là nhu cầu của thực tế cuộc sống, và hòa quyện vào tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cũng cần có được phương pháp luận, các tiêu chí đánh giá hiệu quả cụ thể đối với các hoạt động khoa học, công nghệ theo hướng đánh giá thành tích tổng hợp. Chẳng hạn, trong tăng trưởng của kinh tế - xã hội cần xác định khoa học, công nghệ đóng góp khoảng bao nhiêu phần trăm. Cán bộ làm công tác quản lý về khoa học, công nghệ phải có tư duy đúng đắn; đặt đúng vị trí, xác định rõ vai trò của mình trong công việc. Có như vậy mới xác định rõ được chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và qua đó "đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ" như yêu cầu của Kết luận tại Hội nghị Trung ương 6 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa IX đã đặt ra.

2 - Cơ chế trách nhiệm về khoa học, công nghệ

Đến nay, vẫn tồn tại lối tư duy là phải xây dựng, thiết kế những mô hình hoàn chỉnh xuống tận cơ sở, rồi quy định các quy chế cần thiết để "kích hoạt" mô hình đó. Cách làm này chỉ thích hợp đối với từng giai đoạn phát triển, phụ thuộc vào trình độ quản lý xã hội, vào hệ thống hành chính từng thời kỳ. Khâu quan trọng nhất là lựa chọn và đặt con người cụ thể vào vị trí lãnh đạo (tức là điều khiển) các phần, các bộ phận (từ nhỏ đến lớn) trong cỗ máy đó. Bình thường, mục tiêu tổng quát của việc điều khiển cỗ máy này rất rõ ràng. Bộ phận càng thấp, mục tiêu điều khiển càng rõ ràng, cụ thể. Nếu có con người thông minh, tố chất trong sáng (cái tâm trong sáng vì nước, vì dân), thì việc xác định mục tiêu điều khiển và biến chúng thành hiện thực có tính khả thi cao hơn. Thực tế đã chứng minh điều đó khi đất nước ta vận dụng mô hình này trong hai cuộc kháng chiến.

Khi xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xác định mô hình kinh tế tổng quát là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ song phương, đa phương vừa là điều kiện, vừa là đòi hỏi của sự phát triển; khi phải củng cố quyền lực của dân một cách mạnh mẽ, công khai, dân chủ; khi các "véc-tơ" lợi ích trở nên đa dạng, phức tạp... chúng ta không thể tiếp tục áp dụng cách làm cũ.

Đến nay, cơ chế trách nhiệm cá nhân đã trở nên rất cần thiết. Chẳng hạn, nếu lấy đơn vị hành chính huyện làm mô hình, thì quyền điều khiển sự phát triển thuộc về chủ tịch huyện, và trao toàn quyền cho chủ tịch huyện quyết định. Pháp chế sẽ là trọng tài giúp dân lựa chọn chủ tịch huyện đặt vào vị trí điều khiển sự phát triển ấy. Như vậy, một loạt tiêu chí so sánh được đặt ra trước khi lựa chọn một chủ tịch huyện mới (như mức tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện kết cấu hạ tầng, an ninh, trật tự kể từ khi chủ tịch mới được bầu, có tăng không, có được cải thiện không?,...). Đó là thước đo công khai, dân chủ cho mọi người, cho cả chủ tịch huyện (cho cả cấp trên của chủ tịch huyện) trong suốt nhiệm kỳ hoạt động.

Khi điều kiện này được bảo đảm, việc điều khiển, lãnh đạo có hiệu lực, thì lúc đó, chủ tịch huyện sẽ phải lựa chọn, quyết định cách phát triển của huyện như thế nào, mục tiêu - phương tiện phải rõ ràng; các ý kiến đóng góp của chuyên gia, của bộ máy, của từng cán bộ dưới quyền mới được tham khảo đúng thực chất... Chính lúc đó, câu trả lời về sự cần thiết của khoa học, công nghệ cụ thể đến từng ngành, từng lĩnh vực ở mức độ nào chủ tịch huyện sẽ rõ ràng hơn. Bởi vì, không làm được việc đó đồng nghĩa với việc không huy động được mọi nguồn lực, mọi sức mạnh để hoàn thành nhiệm vụ đã được dân trao trách nhiệm.

Hiện nay, ở nước ta đã có không ít các điển hình tốt, như: Giám đốc MEKOFISH của Cần Thơ (đã được chuyển đổi từ công ty nhà nước chế biến rau quả đông lạnh sang công ty cổ phần từ tháng 1-2002, nhà nước còn 10% cổ phần; có 650 lao động; sản phẩm là cá tra phi-lê, mực và bạch tuộc đông lạnh; doanh thu năm 2003 đạt 13 triệu USD; tăng trưởng đạt 18%) trả lời: "rất quan tâm đổi mới công nghệ, không phải để cho đẹp, cho oai, để khoe, mà phải cân đối từng xu, có đầu tư hay không, lúc nào đầu tư để mang lại hiệu quả cho sản xuất cao nhất". Một số điển hình tương tự, đó là các công ty như: Cơ khí Hữu Toàn, Dây cáp điện Đa Phát, Thương mại Đông Quang, Cổ phần Giấy Sài Gòn, Công ty Nông sản Bắc Ninh... đã rất cẩn thận tìm hiểu công nghệ của nhiều nước trước khi quyết định đầu tư đổi mới công nghệ. Sự lựa chọn cuối cùng tùy thuộc vào việc đạt được mục đích sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất, chứ không phải là "sính công nghệ nhập" để có được các chuyến đi nước ngoài, hay những món "lại quả" hậu hĩnh từ phía đối tác. Kết quả cho thấy, có tới 60% các dây chuyền, công nghệ được đặt hàng các cơ quan trong nước chế tạo phát huy hiệu quả tốt. Phần lớn các giám đốc ý thức rất rõ rằng, công nghệ mới, tri thức mới kể cả tri thức quản lý là yếu tố quyết định cạnh tranh và sự tồn tại, phát triển lâu dài của công ty. Nhà máy có chiến lược tuyển dụng và trọng dụng nhằm tới đối tượng nhân lực chất lượng cao. Cụ thể là các chuyên gia, các kỹ sư giỏi, các nhà quản lý, nhà sản xuất giàu kinh nghiệm. Chiến lược nhằm khai thác triệt để chất xám của người được trọng dụng không chỉ về công nghệ mà còn về quản lý và quan hệ, được áp dụng rất linh hoạt, chú trọng hiệu quả, tuyệt đối không có tính hình thức, phô trương.(1)

3 - Lựa chọn phương thức tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ ở cơ sở

Để phối hợp các ngành vì sự phát triển chung, nhiều tỉnh, thành đã tổ chức giao ban

(1) Theo triết lý của lãnh đạo công ty: đối với các giám đốc, đốc công giỏi hiện nay, nhất là ở các doanh nghiệp nhà nước, chúng ta mới chỉ phát huy, sử dụng được 30% năng lực của họ. Nếu biết động viên để họ tham mưu về các hoạt động của doanh nghiệp, có thể khai thác thêm được 40% năng lực của họ. Ngoài ra, tùy theo tài năng của người lãnh đạo, nếu biết khuyến khích, động viên có thể khai thác thêm được 30% năng lực còn lại. Đây là bí quyết, để lãnh đạo công ty thu hút người tài.

Digitized by Google

các sở, ban, ngành luân phiên mỗi quý một lần, mời các phòng, ban của các huyện cùng trao đổi, trong đó có vấn đề gắn kết, lồng ghép các nội dung của chuyển giao kỹ thuật toàn bộ, đổi mới sản phẩm, dây chuyền công nghệ... Đây là một cách làm hay, giải quyết tốt ba mối quan hệ: gắn kết khoa học, công nghệ với sản xuất kinh doanh; phát huy vị trí động lực của khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất kinh doanh; và xác định nhu cầu về khoa học, công nghệ xuất phát từ sản xuất kinh doanh.

Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ ở các xã, phường chủ yếu tập trung ba mảng vấn đề:

Về lãnh đạo, cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt các chủ trương, nghị quyết về khoa học, công nghệ cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phân tích, đánh giá hiện trạng tình hình sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội địa phương mình, phát hiện các nhân tố mới, khảo sát, tổ chức tham quan, học tập; đề ra nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong đó có nội dung khoa học, công nghệ như: chuyển giao kỹ thuật toàn bộ, chuyển dịch cơ cấu, chuyển giao giống cây trồng vật nuôi; tiến hành thăm dò ý kiến của dân, tổ chức đăng ký tham gia, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; quy hoạch, tổ chức các hình thức sản xuất mới, quy mô mới (khu tiểu thủ công nghiệp) thông qua các chính sách khuyến khích (giá thuê đất, giảm thuế, hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng, xử lý ô nhiễm...); tổ chức vận động đảng viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu; quy hoạch các trung tâm dịch vụ, thương mại, hỗ trợ...; nắm bắt các nhu cầu của dân về phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về nâng cao nhận thức, tổ chức thông tin tuyên truyền; tập huấn tại các trung tâm học tập cộng đồng, câu lạc bộ khoa học, công nghệ,... với sự giúp đỡ của các chuyên gia được mời, hoặc giới thiệu qua băng hình...; tổ chức cho dân tham quan, học tập các mô hình mới, nhân tố mới.

Về tạo điều kiện hỗ trợ, chính quyền, nhất là cấp xã, phường, tập trung, tham gia tháo gỡ các rào cản về cơ chế nhằm hỗ trợ các thủ tục vay vốn cho các doanh nhân và cá nhân có nhu cầu nhận chuyển giao kỹ thuật toàn bộ để tổ chức sản xuất kinh doanh hay đổi mới sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm; tổ chức xử lý môi trường; khen thưởng, tôn vinh; động viên thường xuyên sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương thức sản xuất.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương cho thấy, khi triển khai nội dung các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ở cấp cơ sở, chúng ta không thể mang toàn bộ nội dung văn bản nghị quyết ra phổ biến cho đảng viên, cán bộ, nhân dân được. Đòi hỏi lãnh đạo đảng và chính quyền cơ sở có bước cụ thể hóa nội dung một cách thiết thực. Phải tìm cách giải thích cụ thể dễ hiểu phổ biến đến từng đối tượng. Đó mới là cách quán triệt nghị quyết thực sự có ý nghĩa thiết thực. Lâu nay, chính quyền các cấp vẫn xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết. Nhưng ở đâu các nội dung đó còn chung chung, thậm chí có nơi còn chưa được nghiên cứu kỹ thì ở đó hiệu quả rất thấp, chưa nói đến việc phải cụ thể hóa một bước chỉ thị, nghị quyết tương tự như lập một dự án tiền khả thi!

Nếu chúng ta hành động theo hướng để cho hoạt động khoa học, công nghệ được khuyến khích và xuất phát từ nhu cầu thực tế, thì làm sao có sự tách rời giữa khoa học, công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội.

Khi liên kết được các ngành quản lý nhà nước, thì một địa bàn như một xã, nội dung hoạt động khoa học, công nghệ là hiện thân trong các hoạt động của từng lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, giáo dục... Vậy, vấn đề tổ chức ở đây là, trên cơ sở hệ thống chức năng hiện có, như khuyến nông, trạm y tế ở cấp xã, dân số, gia đình và trẻ em... có biện pháp tăng cường chức năng, nâng cao nhận thức, đặt thêm nhiệm vụ rõ ràng cho các vị trí này. Cơ chế hoạt động có thể như những dịch vụ công, những hoạt động xã hội; là những hoạt động thường trực, thiết thực đáp ứng nhu cầu hàng ngày của từng người dân. Thực tế,

Digitized by Google

vướng ở đâu thì tháo gỡ ở đó để vừa kế thừa, vừa phát triển, tránh lãng phí và tăng thêm biên chế là biện pháp thích hợp nhất hiện nay khi xử lý về cơ cấu tổ chức.

Chúng ta cũng đã thể chế hóa tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ (kể từ Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị (1-1981)) bằng Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 88-CT, ngày 13-4-1982 "Về việc tăng cường công tác quản lý khoa học và kỹ thuật ở các tỉnh, thành phố, đặc khu thuộc Trung ương" đã đặt ra chức năng nhiệm vụ cụ thể đến từng xí nghiệp, từng hợp tác xã: "Ở mỗi cấp từ tỉnh đến cơ sở sản xuất, phải cử một đồng chí có năng lực trong ban lãnh đạo để phụ trách công tác khoa học, kỹ thuật. Đồng chí này phải chịu trách nhiệm trước tập thể lãnh đạo và Nhà nước về hoạt động khoa học, kỹ thuật trong phạm vi của từng cấp, từng đơn vị..."

Thực tế một số địa phương làm khá tốt như 284 xã, thị trấn của tỉnh Thái Bình đều có trung tâm học tập cộng đồng. Các hoạt động về giáo dục, về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tập huấn cách canh tác, sản xuất mới,... được lên kế hoạch hằng tháng, hằng quý. Ban lãnh đạo trung tâm bao gồm đại diện lãnh đạo đảng, chính quyền, các đoàn thể. Mô hình này đang được nhiều địa phương học tập và ứng dụng, nó đang gợi mở cho việc hình thành thiết chế khoa học, công nghệ ở xã, phường.

Từ tổng kết thực tiễn, Nghị định 172/2004/NĐ/TTg, ngày 29-9-2004 của Chính phủ đã quy định các cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc cho ủy ban nhân dân cấp huyện, quy định chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ thuộc phòng kinh tế đã bao hàm tư duy gắn kết thực sự hoạt động khoa học, công nghệ với các lĩnh vực kinh tế, tập trung chức năng quản lý nhà nước. Các chức năng dịch vụ khoa học, công nghệ sẽ do xã hội tổ chức dưới sự định hướng, chỉ đạo của chính quyền thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động dịch vụ này phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các tổ chức, các doanh nghiệp, cá nhân, hộ nông dân...

Khi phát huy được quyền chủ động, tính tự chịu trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo các cấp hành chính, trước mắt ở cấp huyện, sẽ hình thành những hình thức (mô hình, tổ chức, cơ chế,...) dịch vụ khoa học, công nghệ phù hợp để thực sự hỗ trợ, "nối dài cánh tay", của các cơ quan công quyền, tạo điều kiện xã hội hóa hoạt động khoa học, công nghệ xuất phát từ nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

Thực tiễn cuộc sống cũng đang đòi hỏi đặt khoa học, công nghệ vào đúng vị trí của nó, không coi nó như là "thứ đồ trang sức". Như vậy mới thực sự có điều kiện nâng cao trình độ công nghệ quốc gia, và hy vọng khoa học, công nghệ sớm trở thành nền tảng và động lực thực sự của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh đó, cơ chế và chính sách kinh tế phải bảo đảm sự phát triển, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, và qua đó mới tạo được môi trường cho việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

Thực tế cho thấy, dù ở đâu hay cấp nào, mỗi khi người đứng đầu cấp ủy và chính quyền thực sự nhận thức được vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội, thì ở đó có điều kiện, có môi trường để phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống xã hội. Lúc đó, khoa học, công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn, bền vững hơn.

Từ phân tích trên, thiết nghĩ, đặt khoa học, công nghệ đúng chỗ và có người lãnh đạo "có tâm, ngang tầm" là nội dung cần được giải quyết trước hết trong giai đoạn hiện nay ở nước ta. Khi gỡ được vấn đề này, mọi vấn đề khác, như thị trường khoa học, công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức nghiên cứu, triển khai... chỉ còn là vấn đề tự thân của hệ thống, và nó sẽ bị cuốn hút theo nhịp độ phát triển; mọi vấn đề phát sinh dần sẽ được xử lý, giải quyết. ❑

Digitized by Google

"TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY"

Lời Bộ Biên tập: *Nhân dịp kỷ niệm 115 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2005), ngày 17-5-2005, tại Hà Nội, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Phân viện Hà Nội thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề "Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức cán bộ, đảng viên hiện nay".*

Tám mươi bản tham luận của các đồng chí lãnh đạo và các nhà khoa học ở các cơ quan trung ương và Hà Nội đã gửi tới tham dự Hội thảo.

Sau đây, xin giới thiệu với bạn đọc Báo cáo đề dẫn và Báo cáo Tổng thuật.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

XÂY dựng đạo đức cách mạng là một trong những vấn đề căn bản mang *tính quy luật của một chính đảng cách mạng*, và là một nội dung quan trọng không thể thiếu ở mỗi người đảng viên, cán bộ của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: "Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân" (1). "Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang" (2).

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp hiện nay, sứ mệnh lịch sử của Đảng ta hết sức to lớn, đòi hỏi Đảng phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, có đạo đức cách mạng và trí tuệ, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Điều này càng trở nên hết sức cấp bách và nặng nề,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 252 - 253

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 283

Digitized by Google

khi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... Đảng ta đã cảnh báo rằng: "Trong công tác xây dựng Đảng... đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống"(3).

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh *là một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh,* nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người (19-5-1890 - 19-5-2005), trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, để góp phần thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng ngang tầm trọng trách lịch sử, chúng ta càng phải gìn giữ và phát triển cái "gốc", cái "nền tảng" của người cách mạng - điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời dày công vun đắp và không ngừng bảo vệ. Trong Di chúc, Người căn dặn: "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"(4).

Chúng ta biết rằng những vấn đề đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh xem xét một cách toàn diện, cụ thể và sâu sắc với mọi đối tượng, trên mọi lĩnh vực hoạt động, mọi phạm vi, trong các mối quan hệ của con người... từ đó Người khái quát thành những chuẩn mực giá trị chung nhất, cơ bản nhất mang tính phổ quát của nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng Việt Nam. Đạo đức của cán bộ, đảng viên không nằm ngoài nền đạo đức chung của dân tộc. Nhưng với tư cách vừa là người lãnh đạo, vừa là "công bộc" của nhân dân, người cán bộ, đảng viên có những chuẩn mực đạo đức mang ý nghĩa rất to lớn đối với yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng, của cách mạng. Những vấn đề đạo đức cách mạng mà Người đặt ra đối với cán bộ, đảng viên chính là nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời để ngăn chặn, khắc phục những hiện tượng tha hóa, tiêu cực như quan liêu, tham nhũng, cậy quyền, cậy thế, lợi dụng quyền lực, tham quyền cố vị, ở trong cả 3 mối quan hệ: đối với mình, đối với người và đối với công việc.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng chúng ta thấy có những luận điểm cơ bản sau:

Một là, *đạo đức là cái "gốc" của người cách mạng.* Điều đó có nghĩa là để làm người cách mạng, trước hết phải có đạo đức cách mạng. Và đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là của người lãnh đạo, có vai trò cực kỳ quan trọng. Không có đạo đức cách mạng thì dù có tài giỏi mấy cũng không thể lãnh đạo được quần chúng nhân dân. Nói như đồng chí Phạm Văn Đồng: theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là tiền đề tiên quyết. Nó còn là giá trị thuộc về nhân cách của mỗi con người, là sức mạnh để người cách mạng thực hiện lý tưởng, mục tiêu của mình.

Hai là, *đạo đức là sức mạnh tinh thần to lớn. Người có đạo đức cách mạng mới gánh được nặng và đi được xa.* Vì vậy vấn đề rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của từng tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên. Có như vậy mới hoàn thành được công việc cách mạng khó khăn, mới đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Ba là, *đạo đức cách mạng là nhân tố làm nên sức lôi cuốn của cán bộ, đảng viên, sức mạnh của Đảng, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội.*

---

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 52

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 510

Digitized by Google

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu rõ: quần chúng nhân dân chỉ thực sự yêu mến, kính trọng những người có đạo đức cách mạng, vì lợi ích của Đảng, của giai cấp, của dân tộc. Người còn chỉ ra rằng: Một đảng, mỗi con người, hôm qua là vĩ đại, không phải hôm nay cũng được mọi người yêu mến, kính trọng, nếu như lòng dạ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Chính sức mạnh của Đảng ta, những thắng lợi của cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng suốt mấy chục năm qua, luôn gắn liền với đạo đức cách mạng của người đảng viên. Bởi thực sự họ đã nêu gương và phát huy được vai trò tiên phong, lãnh đạo đối với quần chúng. Và chính Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt vời, mẫu mực của đạo đức cách mạng, để mỗi người chúng ta học tập.

Bốn là, đạo đức cách mạng không phải tự nhiên mà có. Nó do rèn luyện, giáo dục hằng ngày của mỗi người, từng tổ chức mà hình thành, phát triển. Cũng như "ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong".

Bởi vậy, để có đạo đức cách mạng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi người, trên cương vị công tác của mình phải thể hiện trong thực tiễn phong trào cách mạng bằng nhận thức và những việc làm cụ thể. Xa rời thực tiễn, tách mình khỏi phong trào đấu tranh cách mạng của đất nước, dân tộc thì không thể có đạo đức cách mạng.

Về những **giá trị chuẩn mực** của đạo đức cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải có và không ngừng rèn luyện là:

Thứ nhất, *trung với nước, hiếu với dân.*

Đây là mối quan hệ trước nhất, lớn nhất của người cách mạng. Xưa, trong hệ giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, "trung, hiếu" là thang bậc đầu tiên của đạo đức con người. Ngày nay, nước là của dân, do dân làm chủ, trung với nước không thể không hiếu với dân; và hiếu với dân là thước đo căn bản nhất, trước nhất để thẩm xét, đánh giá lòng trung với nước.

Thứ hai, *cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.*

Đó là những giá trị chuẩn mực đạo đức truyền thống được Hồ Chí Minh kế thừa, tiếp biến và phát triển với nội dung mới mang ý nghĩa mới, trong điều kiện Đảng cầm quyền. Cán bộ, đảng viên, nhất là những người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị hơn ai hết càng phải ra sức tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất đó.

Thứ ba, *yêu thương con người, luôn tin tưởng ở quần chúng và sống có tình, có nghĩa.*

Người cách mạng vốn là người giàu tình cảm. Phải có tình cảm cách mạng mới làm được sự nghiệp cách mạng. Vì yêu thương gia đình, yêu thương đồng bào mình, người cách mạng chấp nhận mọi hy sinh cho đồng bào, cho dân tộc. Ở Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không chỉ có lòng nhân ái mà còn phải tin dân, kính trọng dân và luôn vì dân. Người nói:

"Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Nhân dân là lực lượng vô địch, không ai có thể chiến thắng được sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Cán bộ, đảng viên học và hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin là để "sống với nhau có tình có nghĩa", "nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được".

Thứ tư, *có tinh thần quốc tế trong sáng.*

Tinh thần quốc tế trong sáng là sự đối lập với chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô-vanh, hẹp hòi. Nó hướng vào mục tiêu hòa bình, hữu nghị, dân chủ và tiến bộ xã hội; làm cho con người sống cao thượng, sống đẹp đẽ. Đây là phẩm chất đạo đức không thể thiếu của con người trong thời đại ngày nay.

Digitized by Google

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực thực hành đạo đức cách mạng. Về **con đường, phương pháp** xây dựng nền đạo đức mới và thực hành đạo đức trong thực tế, Người đòi hỏi từng tổ chức, mỗi cơ quan, đoàn thể, và mọi người, nhất là từng cán bộ, đảng viên phải không ngừng: *1 - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn, giữa giáo dục đạo đức với thực hành đạo đức, giữa nói và làm; 2 - Coi trọng việc bồi dưỡng ý thức đạo đức gắn với tổ chức rèn luyện đạo đức trong thực tế, thông qua hành động thực tế; 3 - Xây dựng nền đạo đức mới phải đi đôi với chống những biểu hiện, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức và những gì làm tổn hại đến nền đạo đức mới; 4 - Kịp thời biểu dương những tấm gương tốt, tự mình nêu gương tốt; 5 - Hết sức coi trọng quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên.*

Có thể nói, ***tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một bước phát triển mới, một cống hiến đặc sắc vào sự phát triển của đạo đức học Mác - Lê-nin và nền đạo đức xã hội ta.*** Những giá trị tư tưởng đó của Người vẫn giữ nguyên tính thời sự, tiếp tục soi sáng con đường cho chúng ta giải quyết những vấn đề đạo đức xã hội nói chung, đạo đức đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng, trong tình hình hiện nay.

Dưới ánh sáng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, từ những vấn đề căn bản nêu trên, tại Hội thảo này đề nghị các đồng chí đi sâu, làm rõ hơn những vấn đề sau đây:

Một là, bối cảnh thời đại, nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong giai đoạn mới, những yêu cầu phát triển về đạo đức cách mạng và nâng cao đạo đức cách mạng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên phù hợp với tình hình mới.

Hai là, thực trạng đạo đức đội ngũ cán bộ, đảng viên và những vấn đề đặt ra; thực tiễn việc nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay - từ sự thành công và chưa thành công, nhận diện nguyên nhân khách quan và chủ quan chi phối thực trạng đó.

Ba là, nội dung đạo đức cách mạng trong giai đoạn mới; ý nghĩa của sự phát triển mới về đạo đức cách mạng bảo đảm tương xứng với đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Cụ thể: hệ giá trị đạo đức cách mạng mang tính chuẩn mực là gì, nó phát triển như thế nào trong bối cảnh mới? Những khía cạnh theo chúng tôi cần giải quyết: *thứ nhất* về định hướng trên từng lĩnh vực và đối tượng, *thứ hai* về định lượng, và *thứ ba* về định tính không chỉ đối với hệ giá trị chuẩn mực đạo đức chung mà còn ở những lĩnh vực cụ thể, với từng đối tượng cán bộ, đảng viên cụ thể.

Bốn là, những vấn đề có tính nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo, phương châm và hệ giải pháp khả thi nhằm nâng cao đạo đức của cán bộ, đảng viên ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Điều chúng tôi mong muốn và hy vọng ở các nhà khoa học, các đồng chí là, chúng ta góp phần xây dựng một cơ chế phù hợp để có thể thẩm định, đánh giá, tự đánh giá cụ thể, đúng đắn những giá trị đạo đức; chống lại sự suy thoái đạo đức, những biểu hiện phi đạo đức, phản đạo đức... nhằm nâng cao đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung, mỗi người nói riêng. Sở dĩ đề cập như vậy, để nhấn mạnh rằng, đạo đức cách mạng là *đạo đức hành động của mỗi cán bộ, đảng viên vì sự nghiệp cách mạng chung của đất nước, của dân tộc, tất cả cho hạnh phúc của nhân dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực, sáng ngời và sinh động.*

Hy vọng rằng với 80 bản tham luận gửi tới Ban tổ chức, Hội thảo của chúng ta hôm nay sẽ làm rõ hơn, toàn diện hơn và sâu sắc hơn tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thiết thực góp phần vào việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, và nhiệm vụ xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, xứng đáng "là đạo đức, là văn minh" như Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu hằng mong mỏi. ❑

Digitized by Google

BÁO CÁO TỔNG THUẬT

HƠN 75 năm qua, trong mỗi bước trưởng thành của Đảng, của đất nước đều in đậm những giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nói cách khác, dưới ánh sáng tư tưởng của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa không ngừng tiến lên trong một thế giới nhiều biến động. Bước vào thế kỷ XXI, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng chứng tỏ giá trị triết học - thực tiễn và nhân văn sâu sắc, thiết thực đối với Đảng ta, nhất là trong việc xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng ta ngày càng xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành hết lòng phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Tám mươi bản tham luận gửi tới Hội thảo, dù tiếp cận từ nhiều góc độ và mức độ khác nhau nhưng đều thống nhất khẳng định: *Chủ tịch Hồ Chí Minh là người kết hợp một cách tài tình những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc với quan niệm đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xác lập cơ sở thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn cho việc xây dựng một nền đạo đức mới Việt Nam. Đó* "là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người"(1).

I - ĐẠO ĐỨC LÀ "CÁI GỐC" CỦA NGƯỜI CÁN BỘ CÁCH MẠNG

Trong đời sống của con người và xã hội, theo Hồ Chí Minh, đạo đức có vị trí rất quan trọng. Người coi **đạo đức là "cái gốc"**, là "nền tảng" của người cách mạng, của mỗi người Việt Nam. Chăm lo "cái gốc", cái "nền tảng" ấy là công việc của mỗi người, của toàn Đảng.

Các báo cáo tham luận đều nhấn mạnh, người cán bộ, đảng viên phải vừa *có đức*, vừa *có tài* và *có tài phải có đức*, trong đó **đức là "gốc"**. Đức và tài phải gắn bó chặt chẽ, thống nhất với nhau. Có tài mà không có đức, chẳng những không làm được gì có ích cho xã hội, mà thậm chí còn làm hại cho xã hội. Đối với người cán bộ, đảng viên, đạo đức cách mạng chính là "gốc", là điều kiện để họ hoàn thành sứ mệnh vẻ vang của mình trước dân tộc, trước thời đại. Đó là lẽ hiển nhiên: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc rất to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?"(2).

Các bản tham luận tập trung nghiên cứu quan điểm **đạo đức** trong tư tưởng đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khảo cứu *vấn đề đạo đức một cách toàn diện*. Trong điều kiện hiện nay, đối với người cán bộ cách mạng, đạo đức càng phải là "cái gốc", bởi đây là một trong những thành tố cơ bản quy định giá trị nhân cách của con người nói chung và người cán bộ cách mạng nói riêng. Gốc có vững chắc, cây mới có sức sống và tươi tốt.

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000, t 5, tr 252

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 252 - 253

Digitized by Google

II - HỆ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

Do cách tiếp cận vấn đề rất đa dạng và phong phú, nên cách sắp xếp các yếu tố cấu thành hệ giá trị đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh dù có khác nhau, nhưng tựu trung, các bản tham luận đều cho rằng, hệ giá trị đạo đức cách mạng gồm các chuẩn mực cơ bản sau đây:

***Một là,** trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.*

Đề cập đến chuẩn mực đạo đức này, đồng tình với ý kiến của nhiều đại biểu, *Thượng tướng, PGS, TS Nguyễn Thế Trị* (Giám đốc Học viện Quốc phòng) nhấn mạnh, trên nền tảng truyền thống yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng ý nghĩa, phẩm chất của khái niệm trung, hiếu truyền thống thành chuẩn mực giá trị đạo đức mới - đạo đức cách mạng ở phạm vi rộng hơn. Chuẩn mực giá trị đạo đức "trung với nước, hiếu với dân" của Người chính là gạch nối biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, luôn sống mãi trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các bản tham luận phân tích sâu sắc nội hàm của các nhân tố nhân, nghĩa, trí, dũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. *Nhân* là thật thà yêu thương, giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những việc có hại cho Đảng, cho nhân dân, sẵn sàng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ, không ham giàu sang, không ngại cực khổ, không sợ uy quyền. *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tà tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. *Trí* là đầu óc trong sạch, sáng suốt, dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng, biết xem người, xét việc,.. *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm, thấy khuyết điểm có gan sửa chữa; cực khổ khó khăn có gan chịu đựng; có gan chống lại vinh hoa phú quý không chính đáng; nếu cần, có gan hy sinh cả tính mạng mình...

Đồng chí Hà Đăng (Trợ lý Tổng Bí thư) khái quát: Trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng đều là những khái niệm vốn có từ Nho học và đạo đức truyền thống của ông cha ta, song đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đổi mới và phát triển, thậm chí có những khái niệm đổi mới hẳn về nội dung, như xưa kia là trung với vua, hiếu với cha mẹ, nay là trung với nước, hiếu với dân. Do đó, những phẩm chất đạo đức được Người nêu lên chính là những phẩm chất của đạo đức mới, của con người mới và nền văn hóa mới, những phẩm chất đạo đức kết hợp tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và những tinh hoa đạo đức của nhân loại.

***Hai là,** cần, kiệm, liêm, chính.*

PGS, TS Trần Quang Nhiếp nhấn mạnh: Rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là thực hiện tốt *cần, kiệm, liêm, chính,* vì cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức của con người, thiếu một đức thì không thành người, cũng như trời có bốn mùa, đất có bốn phương, thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một phương thì không thành đất.

Các bản tham luận lý giải, theo tư tưởng Hồ Chí Minh người có đạo đức phải cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm; phải tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của nhân dân, của đất nước, của bản thân mình, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi; không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù... Phải luôn luôn tôn trọng, gìn giữ của công và của dân; phải trong sạch, không tham lam, không tham địa vị, không tham tiền tài, không ham người tâng bốc mình... Phải thẳng thắn, đứng đắn. Đối với mình thì không tự cao, tự đại, luôn luôn chịu khó học tập, cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa

Digitized by Google

chữa điều dở... Không nịnh hót cấp trên, không xem khinh người dưới; luôn luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, thật thà, không dối trá, lừa lọc. Phải để việc công lên trên, lên trước việc tư.

Ba là, *yêu thương, quý trọng con người, sống có tình, có nghĩa.*

Hồ Chí Minh xác định, tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất cao đẹp nhất. Tình yêu thương đó đã được thể hiện ở Hồ Chí Minh bằng *ham muốn tột bậc* của Người là làm cho nước được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, ai cũng có phần hạnh phúc. Nếu không có tình yêu thương con người thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. *TS Phạm Ngọc Anh* (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) lý giải: "Người có lòng nhân đạo là người lạc quan, có một lòng yêu thương cao cả đối với nhân loại, đối với nhân dân, đồng chí, bạn bè của mình. Người ta không thể nói gì đến lạc quan hay tự trọng nếu người ta không có chút thương yêu đối với Tổ quốc, đối với nhân dân của mình. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tình yêu thương, quý trọng con người thật trong sáng và sâu rộng".

Các bản tham luận phân tích một cách toàn diện, sâu sắc tình yêu thương con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các mối quan hệ bạn bè, đồng chí, với mọi người trong đời sống hằng ngày; và nhấn mạnh, hiện nay, lời Người căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" có giá trị thời sự hơn bao giờ hết.

Bốn là, *tinh thần quốc tế trong sáng.*

Về chuẩn mực đạo đức này, các tham luận nhấn mạnh, đó chính là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản; là đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước; những người yêu hòa bình, công lý và tiến bộ trên thế giới. *Đồng chí Nguyễn Văn Son* (Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương) khẳng định: "Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân". Tinh thần quốc tế trong sáng là cùng chung vai, sát cánh với giai cấp vô sản toàn thế giới cùng toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hợp tác và hữu nghị.

III - VỀ CON ĐƯỜNG THỰC HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

Để xây dựng nền đạo đức mới, cùng với việc đúc kết thành lý luận đạo đức nhằm chỉ đạo thực tiễn, Hồ Chí Minh đồng thời xác định những nguyên tắc và phương châm để định hướng cho việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của chúng ta. Đây chính là con đường hình thành và phát triển của nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng và là một đặc trưng rất riêng, độc đáo trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

1 - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn, giữa giáo dục đạo đức với thực hành đạo đức, nói đi đôi với làm

Hồ Chí Minh quan tâm tới đạo đức trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn, tri và hành. Các phương diện này luôn thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau. *GS Song Thành* (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) phát biểu: "Đạo đức Hồ Chí Minh không phải là *đạo đức tu thân* mà là *đạo đức dấn thân*, tức là đạo đức gắn liền với hành động, nói để làm, nhất là nói về đạo đức phải đi đôi với thực hành đạo đức, mà phải làm có hiệu quả". Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về thực hành đạo đức cách mạng.

Các bản tham luận phê phán tình trạng nói nhiều làm ít, nói nhưng không làm, thậm chí nói một đường làm một nẻo và nhấn mạnh lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn chúng ta: "Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh

Digitized by Google

nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất"(3). Ở Hồ Chí Minh, mỗi hành vi, việc làm của Người đều thể hiện những tư tưởng đạo đức cách mạng sáng ngời. Từ truyền thống văn hóa phương Đông, Người khẳng định: một tấm gương sống có giá trị hơn hàng trăm bài diễn văn tuyên truyền. Hồ Chí Minh rất ghét những kẻ đạo đức giả, nói mà không làm, nói một đàng làm một nẻo và Người cho rằng, những kẻ đó làm giảm đi lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Kết hợp giữa nói và làm, hoặc nói đi đôi với làm, là hai mặt của nguyên tắc xây dựng đạo đức mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo đó, người cán bộ, đảng viên phải hiểu vai trò của mỗi thành tố nói và làm, nhất là sự tác động qua lại giữa chúng với nhau.

Nói và làm phải kết hợp với nhau, hỗ trợ thúc đẩy nhau, dần trở thành thói quen, nếp sống, phương pháp, tác phong không thể thiếu của người cán bộ, đảng viên. Hiện nay, thực tiễn cho thấy, ở đâu, lúc nào chúng ta không thực hiện tốt nguyên tắc này thì sẽ làm tổn hại ngay đến uy tín không những của mỗi chúng ta mà còn làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

2 - Xây dựng nền đạo đức mới phải đi đôi với chống những biểu hiện, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức và những gì làm tổn hại đến nền đạo đức mới

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng đạo đức mới cho mọi người, nhất là cho cán bộ, đảng viên, có thể bằng nhiều con đường khác nhau nhưng phải phù hợp và thiết thực. Vấn đề quan trọng nhất trong việc giáo dục và thực hành đạo đức là phải biết cách khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người, để ai cũng có thể tự giác nhận thức được trách nhiệm của mình. *PGS, TS Nguyễn Cúc* (Giám đốc Phân viện Hà Nội) lý giải: "Việc xây dựng đạo đức mới phải được tiến hành từ trong gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội, nhất là trong tập thể, nơi mà phần lớn thời gian cuộc đời mỗi người gắn bó bằng hoạt động thực tiễn của mình". Trong khi xây dựng, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức mới, phải đồng thời chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức.... Điều quan trọng là, phải phát hiện sớm, hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, hơn nữa còn phải thấy trước những gì có thể xảy ra để phòng tránh, hạn chế, ngăn chặn.

Hồ Chí Minh cho rằng, tham nhũng, lãng phí là hậu quả của việc thiếu rèn luyện, thiếu trau dồi đạo đức cách mạng, là sự suy thoái đạo đức cách mạng. Việc nâng cao đạo đức cách mạng sẽ đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân và do đó đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tệ bè phái, cục bộ bản vị, địa phương chủ nghĩa. Để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục nguyên nhân sinh ra bệnh quan liêu, tệ tham ô, lãng phí, chúng ta cần làm bằng được những việc sau: "1. Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng, thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc); 2. Các việc đáng làm thì khó mấy cũng quyết làm cho kỳ được; 3. Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý; 4. Đem lòng chí công, vô tư mà đối với người, đối với việc; 5. Quyết tâm làm gương về mọi mặt, siêng năng, tiết kiệm, trong sạch; 6. Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc, nên nói ít làm nhiều, thân ái, đoàn kết".

Đặc biệt trong tiến trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, việc đó càng phải được quan tâm đúng mức. Chỉ có như thế, chúng ta mới góp phần đẩy lùi một cách hiệu quả tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 312

Digitized by Google

và trong xã hội ta. Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, phấn đấu để làm cho kỳ được những việc đó. Phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng là cuộc đấu tranh sống còn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc đẩy lùi bốn nguy cơ và cũng là biện pháp thiết thực để xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân đối với chế độ.

Để xây dựng nền đạo đức mới tốt đẹp thì từng con người và toàn xã hội phải luôn đấu tranh với cái xấu, cái phi đạo đức, nhất là đấu tranh với chính mình để chiến thắng cái xấu. Bởi vì, "đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong". *PGS, TS Nguyễn Khánh Bật* (Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) viết: "Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi những người cách mạng phải kiên trì, bền bỉ hằng ngày và suốt đời tu dưỡng đạo đức, trong mọi hoàn cảnh". Không chỉ yêu cầu mỗi người phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra cách thức để tu dưỡng đạo đức. *Thứ nhất*, phải không ngừng học tập để sửa chữa tư tưởng, để tu dưỡng đạo đức, để tin tưởng, học để hành, học ở trường, học ở sách vở, học ở nhân dân. *Thứ hai*, phải thường xuyên đấu tranh tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình phải thật thà vạch khuyết điểm. Có lỗi mà không vạch ra không khác gì người có bệnh không khám thầy thuốc. Muốn tự phê bình và phê bình có kết quả, cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cao cấp phải làm gương trước. *Thứ ba*, có sự giám sát của nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng, tu dưỡng đạo đức cũng cần mở rộng dân chủ, gần dân, lắng nghe dân, nhờ dân chỉ ra cho mình thiếu sót, khuyết điểm để sửa chữa, để hoàn thiện đạo đức cách mạng.

3 - Kịp thời biểu dương những gương tốt và tự mình phải nêu gương

Trong các phương pháp giáo dục và thực hành đạo đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và đề cao sức mạnh cảm hóa của các tấm gương đạo đức. Người nhấn mạnh: "Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin thiết thực nhất". *TS Hồng Vinh* (Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương) luận giải: Đó là lý do giải thích vì sao Người thường xuyên chỉ thị cho giới báo chí và các phương tiện truyền thông chú trọng phát hiện và biểu dương gương người tốt, việc tốt, động viên khen thưởng rất kịp thời các tấm gương ở mọi giới, mọi cấp và mọi ngành.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò, tác dụng của đạo đức, nêu ra những nguyên tắc chuẩn mực đạo đức cho các loại cán bộ và nhân dân: từ đời công đến đời tư. Ở Hồ Chí Minh, việc thực hành đạo đức được Người coi trọng đặc biệt khi yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên làm nhiều hơn nói. *GS Song Thành* chứng minh: "Người đã vận dụng phương thức của người xưa: "dĩ *nhân* nhi giáo, dĩ *ngôn* nhi giáo", tức là trước hết phải giáo dục bằng tấm gương sống của chính mình đã, sau đó mới giáo dục bằng lời nói".

Theo Hồ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, cái xấu, cái tốt, ai cũng có thiện, có ác ở trong bản thân mình, trong lòng mình. Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là phải phát triển cái thiện, đẩy lùi cái ác trong mỗi người và đặc biệt là từng người phải tự rèn luyện, tu dưỡng, dám đấu tranh với chính mình để làm cho "phần tốt ở trong mỗi người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng". Vì thế, cần tạo môi trường tốt và động lực mạnh mẽ để

Digitized by Google

mỗi cá nhân tự phấn đấu, rèn luyện trở thành người tốt, đồng thời phải tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người và mọi người liên tục tự rèn luyện, tu dưỡng mình. Cần phải coi việc giáo dục đạo đức là việc làm thường xuyên, liên tục; xác lập một cơ chế tuyển chọn và sử dụng phù hợp để mỗi cán bộ, đảng viên phát huy tối đa năng lực của mình, thực sự là những tấm gương sáng trong lòng quần chúng; phải kịp thời biểu dương và có chính sách khen thưởng thỏa đáng đối với người tốt, việc tốt, đồng thời xử phạt thích đáng đối với những việc làm xấu.

4 - Gắn bó chặt chẽ với dân, tin ở dân, "lấy dân làm gốc"

Các bản tham luận dành sự chú ý cho vấn đề quan trọng này và nhấn mạnh, đối với Hồ Chí Minh, Người luôn mong mỏi cán bộ, đảng viên phải thật sự sống vì dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân để thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của dân, làm tất cả những gì có thể đem lại lợi ích cho nhân dân. "Phải liên lạc mật thiết với dân chúng. Không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định *thất bại*" hoặc: "*Đạo đức cách mạng* là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng". Phải *học* dân chúng; *hỏi* dân chúng; *hiểu* dân chúng.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò quyết định của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng. Hơn lúc nào hết, mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể phải tin nhân dân, học nhân dân, tôn trọng nhân dân, vì chỉ có dựa vào quần chúng mới có được sức mạnh vô địch. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải trở thành hạt nhân, là tấm gương đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân. "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Đảng phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng gần dân, hiểu dân, tôn trọng và hành động vì lợi ích của nhân dân. Đoàn kết toàn dân vừa là mục đích của Đảng, vừa là động lực để củng cố và tăng cường khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5 - Phối hợp đồng bộ, thống nhất, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị, nhất là nâng cao vai trò giám sát của nhân dân

Nhiều bản tham luận đề cập tới vấn đề này. Bởi đây là công việc to lớn, hệ trọng và rất nặng nề. Nó đòi hỏi sự cố gắng liên tục và rất cao của toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là các cấp bộ đảng, chính quyền các cấp, các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội và của toàn dân. Không có sức mạnh tổng hợp này nhất định sẽ thất bại.

Kết hợp chặt chẽ hơn giữa giáo dục và kỷ luật, giữa dân chủ và tập trung, giữa cấp trên và cấp dưới... trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Làm thật tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ đảng, bảo vệ cán bộ, công chức nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra.

Dựa vào quần chúng, vào toàn xã hội để giáo dục, rèn luyện, giám sát, kiểm tra cán bộ, đảng viên, theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn: "Hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra", "lập ban kiểm tra là đúng, nhưng ban kiểm tra phải dựa vào quần chúng mà tiến hành công tác".

Dựa vào lực lượng của toàn dân để đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết hợp chặt chẽ việc làm trong sạch bộ máy của Đảng, của Nhà nước với việc làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. ❑

NGUYỄN VŨ CẦN
(Tổng thuật)

Digitized by Google

"NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM, PHẢI NÊU GƯƠNG VỀ ĐẠO ĐỨC" - MỘT NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

SONG THÀNH *

ĐẠO đức là một bộ phận của thế giới quan chi phối toàn bộ nhận thức và hành động của con người. Đạo đức cách mạng đòi hỏi sự thống nhất giữa *động cơ* và *hiệu quả*, giữa *lời nói* và *việc làm*, từ *đời sống chung* đến *đời sống riêng*. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đòi hỏi sự thống nhất cao độ của đạo đức trong toàn bộ đời sống và hoạt động của con người: đạo đức với chính trị, đạo đức với pháp luật, đạo đức với tài năng, đạo đức cách mạng với đạo đức đời thường...

I - "Nói phải đi đôi với làm", một nguyên tắc cơ bản của đạo đức

1 - Dân tộc ta có truyền thống trọng đạo đức. Trong khi đề cao các chuẩn mực đạo đức cần có, nhân dân ta cũng đòi hỏi nó phải được thể hiện trong hành vi hằng ngày, tức là trong thực hành đạo đức. Ca dao, tục ngữ khi đưa ra hình ảnh "nói như rồng leo, làm như mèo mửa" chính là để tỏ thái độ phê phán đối với thói đạo đức giả: nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, nói hay làm dở, nói một đàng, làm một nẻo,...

Các học thuyết đạo đức và tôn giáo xưa nay đều coi trọng nguyên tắc "nói đi đôi với làm", song trong thực tế nó không thực hiện được bao nhiêu. Các học thuyết đạo đức này thường chỉ chú trọng trau dồi động cơ đạo đức, đi tới tách rời *động cơ* với *hiệu quả*, nên cũng không thực hiện được sự nhất quán giữa *nói* và *làm*. Ví như đạo đức Nho giáo cũng đưa ra những mệnh đề như: "kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã" (thấy việc nghĩa mà không làm, không phải là dũng vậy). Nhưng đạo đức Nho giáo cơ bản cũng chỉ là đạo đức "tu thân", nên kết quả cũng như mọi đạo đức duy tâm khác, đều thể hiện "sự bất lực đưa ra hành động" như Mác đã từng phê phán.

Giai cấp tư sản phương Tây trong cuộc đấu tranh chống lại thứ đạo đức giả dối, hà khắc của phong kiến và nhà thờ trung cổ đã biết giương cao ngọn cờ nhân văn, nhân quyền, đề cao giá trị nhân đạo, dân chủ, tự do, các khát vọng trần thế của con người,... Nhưng thực trạng đầy rẫy áp bức bất công của xã hội tư bản tự nó đã vạch trần thứ đạo đức giả dối, chỉ nói mà không làm mà giai cấp tư sản vẫn rêu rao.

2 - Đạo đức Hồ Chí Minh không phải là đạo đức *tu thân* mà là đạo đức *dấn thân*, tức là đạo đức gắn liền với hành động, nói để làm, nhất là nói về đạo đức phải đi đôi với thực

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hành đạo đức, mà phải làm có *hiệu quả*, nếu một người làm việc gì cũng không có hiệu quả thì theo Hồ Chí Minh không thể coi là một người có đạo đức. Người nói: "Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất"(1).

Hồ Chí Minh nói nhiều đến vai trò, tác dụng của đạo đức, nêu ra những nguyên tắc chuẩn mực đạo đức cho cán bộ và nhân dân: từ đời công đến đời tư. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh thực hành đạo đức còn nhiều hơn những điều Người nói, hoặc chỉ lặng lẽ, kiên trì nêu gương mà không nói. Người đã vận dụng phương thức của người xưa: "dĩ *nhân* nhi giáo, dĩ *ngôn* nhi giáo", tức là trước hết phải giáo dục bằng tấm gương sống của chính mình đã, sau đó mới giáo dục bằng lời nói.

Ở Hồ Chí Minh luôn luôn có sự nhất quán giữa nói và làm, giữa giáo dục đạo đức với thực hành đạo đức. Người nói: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó"(2). Cho đến trước khi qua đời, Người còn viết trong *Di chúc*: "Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Cả cuộc đời Người là bằng chứng cảm động cho *sự nhất quán tuyệt vời giữa nói và làm đạo đức*. Nhờ kiên trì thực hành đạo đức mà Người đã để lại cho dân tộc ta tấm gương "có một không hai" về đạo đức của một vị lãnh tụ thực sự của nhân dân.

3 - Ở Hồ Chí Minh, hoàn toàn không có sự khác biệt giữa đạo đức cách mạng với đạo đức đời thường. Đó cũng là một điểm đối lập giữa đạo đức cũ và đạo đức mới.

Hồ Chí Minh không phải là một ông thánh. Hồ Chí Minh cũng chỉ là một con người bình thường. Sở dĩ Hồ Chí Minh trở thành một nhà đạo đức chân chính đã để lại cho chúng ta một tấm gương đạo đức sáng ngời là vì suốt đời Người đã không ngừng tự hoàn thiện mình theo lý tưởng chân, thiện, mỹ; gương mẫu từ việc lớn đến việc nhỏ, nên đã thực hiện được sự nhất quán giữa *đời công* và *đời tư*, giữa *vĩ nhân* và *người bình thường*, giữa *đạo đức cách mạng* với *đạo đức hằng ngày*.

Vào thăm nhà sàn của Bác Hồ, nhiều chính khách nước ngoài đã rút ra được một nhận xét sâu sắc: "Bài học mà chúng ta có thể rút ra từ cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là người ta không thể là nhà cách mạng trong những việc lớn mà lại thiếu sót trong những việc nhỏ".

4 - "Hành nan, ngôn dị" là một tổng kết sâu sắc của người xưa về cái khó trong việc đạt tới sự nhất quán giữa nói và làm, nhất là giữa nói đạo đức với thực hành đạo đức. Phải thừa nhận rằng đối với đa số người đời, không phải ai cũng có thể thực hiện trọn vẹn mọi nơi, mọi lúc cái điều mình đã nói. Xuất phát từ đạo lý, hảo tâm, thiện chí, có lúc ta muốn làm hoặc hứa làm một điều tốt đẹp gì đó, nhưng rồi do khó khăn khách quan hoặc do yếu đuối không vượt qua được, ta đã bỏ lỡ rồi cứ day dứt mãi, ân hận dài. Theo tôi, nếu còn biết ân hận, biết xấu hổ, nuối tiếc tức là vẫn còn cái tâm thiện, bởi nó hoàn toàn khác về chất so với cái bệnh chỉ nói mà không làm, nói hay làm dở, nói một đàng làm một nẻo,... Đáng tiếc là hiện nay có một số người đã bị "đứt dây thần kinh xấu hổ", không còn cái "tu ố chi tâm"(3) như người xưa nói, nên cứ trượt dài trong sự tha hóa về đạo đức mà không biết hổ thẹn.

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 312

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 240

(3) Tức là biết xấu hổ, căm ghét cái xấu, cái ác mà mình đã gây ra

Digitized by Google

Hiện nay, khi mà hiện tượng thương mại hóa tình người và các quan hệ xã hội có chiều hướng gia tăng, ta cần phải hết sức cảnh giác với căn bệnh "nói không đi đôi với làm" này. Trên thương trường, đó là lối quảng cáo "một tấc đến trời", lạm phát ngôn từ đến mức chỉ nghe đã chóng mặt. Nơi công sở cũng có một số người luôn chơi trò "vũ hội hóa trang", sống với hai nhân cách, trong cuộc họp họ thường nói rất hay về nhân ái, đạo đức, liêm chính, lương tâm,... nhưng trong thực tế hành động lại làm ngược lại. Cũng còn một số vị "thủ trưởng", như Bác Hồ thường phê phán "Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được"(4); nghĩa là chỉ quen chỉ thị, quen đề xuất, nói rồi quên, nói cao giọng mà không tính đến các điều kiện thực tế, đến khả năng hành động, thực thi của chính mình. Hình như họ nói cốt để cho người khác làm, còn chính mình lại không quyết tâm theo đuổi, chỉ đạo thực hiện đến cùng một công việc nào đó. Thành ra, có nhiều chủ trương không đi vào cuộc sống, không đem lại chuyển biến đáng kể trong thực tế.

Cùng với hiện tượng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ có chức, có quyền, căn bệnh "nói nhiều làm ít, nói hay làm dở" đã góp phần làm giảm lòng tin của dân, làm tích tụ trong họ những bất mãn, hoài nghi không đáng có. Để khắc phục và hạn chế căn bệnh này, cần có một cuộc vận động, giáo dục rộng rãi, trong đó có việc học tập và làm theo tấm gương Hồ Chí Minh: để nói đi đôi được với làm thì khi nói phải nghĩ đến làm, có làm được thì mới nói, thậm chí chỉ lặng lẽ làm mà không nói. Đó là phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt trong lĩnh vực đạo đức và lối sống.

II - Đạo đức cách mạng và vai trò nêu gương của người lãnh đạo

1 - Từ xưa, ở phương Đông và Việt Nam, cả Nho, Phật, Lão đều coi trọng đạo đức, đều nêu cao lý tưởng "vua sáng, tôi hiền", nghĩa là nêu cao tấm gương đạo đức của người lãnh đạo, do đó sự nêu gương đạo đức ở người cán bộ, đảng viên, đặc biệt ở người lãnh đạo, giữ một vai trò cực kỳ quan trọng. Một khi quần chúng đã mất niềm tin vào đạo đức của người cầm quyền thì niềm tin chính trị đối với họ cũng không còn.

Trong lịch sử nước ta, những lãnh tụ dân tộc muốn tập hợp được nhân dân chống ngoại xâm hay chống lại chế độ phong kiến hà khắc đều phải là những người có uy tín đạo đức rất cao. Ngược lại, bọn vua chúa vô đạo sớm muộn cũng đều bị nhân dân lật đổ. Ta hiểu vì sao Hồ Chí Minh nói: đối với các dân tộc phương Đông, "một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"(5).

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, sau khi lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt lên hàng đầu việc giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Người đã kiên trì đấu tranh chống lại nguy cơ xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng, rơi vào thoái hóa biến chất của một đảng cầm quyền. Người nói: "Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước" (6). "Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?".(7)

Với trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn xa rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm tiên tri, tiên lượng về những căn bệnh của những người có chức, có quyền và đã sớm chỉ ra những biện pháp cần đề phòng, khắc phục, trong đó Người đặt lên hàng đầu việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Không lâu trước khi qua đời, Người đã từng cảnh báo: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn,

---

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 287

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 263

(6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 552, tr 253

Digitized by Google

không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân" (8).

Nhận thức được vai trò và sức mạnh của sự nêu gương, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc đến tấm gương đạo đức của V.I. Lê-nin: "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người không gì ngăn cản nổi"(9).

Theo Người, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội không phải ở lý tưởng cao xa nào mà trước hết, cụ thể và trực tiếp, là ở những người cộng sản ưu tú bằng tấm gương sống và hành động của mình, chiến đấu cho lý tưởng đó thành hiện thực. Củng cố hay làm suy giảm niềm tin của quần chúng vào tương lai của chủ nghĩa xã hội không phải ở những sai lầm và thất bại tạm thời khó tránh khỏi trên con đường mới khai phá mà chủ yếu lại là ở sự sa sút, thoái hóa của những người được mệnh danh là "những chiến sỹ tiên phong" trước thắng lợi hay khó khăn của cách mạng.

Không chỉ nhắc nhở mà bản thân Người đã suốt đời không ngừng tự tu dưỡng, tự rèn luyện mình về đạo đức để trở thành "tấm gương tuyệt vời về con người mới", thành hình ảnh mẫu mực về "người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân", chẳng những có sức lôi cuốn, cảm hóa mãnh liệt đối với toàn thể dân tộc mà còn có ảnh hưởng sâu rộng trên toàn thế giới. Nhiều lãnh tụ chính trị, học giả, nhà văn, nhà báo có tiếng đã viết về sức cổ vũ kỳ diệu của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với nhân dân nước mình và chứng minh rằng: do ngưỡng mộ một nhân cách vĩ đại như vậy, có biết bao lớp người trẻ tuổi đã đứng vào hàng ngũ cộng sản, tình nguyện hiến dâng đời mình cho cuộc đấu tranh vì tự do độc lập, vì tiến bộ xã hội và hạnh phúc của nhân dân.

2 - Hiện nay, trong việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là cho thế hệ trẻ, chúng ta đang thiếu cái gì? Sự lành mạnh của đời sống đạo đức xã hội phụ thuộc một phần rất quan trọng vào sự nêu gương của người lãnh đạo, nhất là những người đứng đầu các ngành, các địa phương, các đơn vị. Bác Hồ đã nhiều lần nhắc nhở: muốn thực sự làm người lãnh đạo, người chỉ huy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải hết sức giữ gìn và nêu gương về mặt đạo đức, nếu không thì rồi sẽ hỏng cả.

Ngày nay, Đảng ta, qua nhiều nghị quyết, đã yêu cầu các đồng chí lãnh đạo các cấp phải nêu gương về đạo đức, lối sống, phải là người chiến sỹ xung kích đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, xa hoa, lãng phí; không những thế còn phải xem xét lại gia đình mình, con cái mình có lợi dụng chức vụ của bố mẹ làm điều sai trái không? Chỉ có thông qua những tấm gương cụ thể, trước hết là của những người có chức vụ cao, có cương vị lớn mới củng cố và nâng cao được niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, vào tính ưu việt của chế độ xã hội ta.

Thế hệ cán bộ, đảng viên, thanh niên lớp Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ có hạnh phúc là hằng ngày, hằng giờ được sống với những tấm gương lớn của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo bên cạnh Người. Những tấm gương ấy đã là niềm tự hào, là nguồn cổ vũ, động viên lớn lao đối với toàn Đảng, toàn dân ta, góp phần tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn đánh thắng "thù trong, giặc ngoài" giành lại độc lập thống nhất, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, nhân dân ta cũng chân thành mong mỏi các đồng chí lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước ta, theo gương Bác Hồ, đều sẽ là những tấm gương lớn về đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư cho toàn

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 557 - 558

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 295

Digitized by Google

Đảng, toàn dân ta học tập và noi theo. Đó là nguyện vọng của nhân dân mà cũng là đòi hỏi bức thiết của đời sống đạo đức, của sự nêu gương. Bởi như Bác Hồ đã nói: "Tự mình phải *chính* trước, mới giúp được người khác *chính*. Mình không *chính* mà muốn người khác *chính* là vô lý"(10). Đó cũng là yêu cầu của thực tiễn đấu tranh dân tộc và giai cấp ở bối cảnh hiện nay. Mỗi một con người khi đã được cất cử vào ngôi cao, chức lớn thì nhất cử, nhất động của họ đã vượt ra khỏi phạm vi cá nhân, mang ý nghĩa tiêu biểu, trở thành "phương diện quốc gia", mỗi hành vi tiêu cực của họ đều quan hệ đến niềm tin của nhân dân, đều được kẻ thù khai thác, lợi dụng để xuyên tạc, chống phá chế độ ta. Cũng đừng quên rằng các chiến dịch chống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu trước đây thường bắt đầu từ việc phê phán đời riêng của một số nhà cầm quyền ở đó.

Chính vì vậy, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đẩy lùi sự tha hóa, biến chất về đạo đức - lối sống, giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, nêu cao tính tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên - nhất là những người có chức, có quyền, phải gương mẫu từ việc nhỏ đến việc lớn, từ lời nói đến việc làm, từ phong cách đến lối sống, như Đảng ta đã nói, có liên quan đến sự sống còn của chế độ, độc lập và an ninh của Tổ quốc.

Để thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, cần phải có nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó có việc cần kíp là xây dựng cho được những tấm gương sáng, từ trên xuống dưới, cho toàn Đảng, toàn dân noi theo. Đó cũng là một di huấn quan trọng của Bác Hồ: "Lấy gương người tốt việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"(11), trong đó có đạo đức mới. ❑

(10) Hồ chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 644

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*. t 12, tr 558

TẠO CHUYỂN BIẾN...

(Tiếp theo trang 5)

chúng ta phải xây dựng ngành công nghiệp môi trường đủ sức để giải quyết các vấn đề kỹ thuật về môi trường phù hợp với điều kiện của một nước đang phát triển và có nhiều hạn chế về nguồn lực tài chính như nước ta. Nếu chúng ta ngồi tính toán các dự án xin vốn của Chính phủ thì khó giải quyết được. Cần đưa ra những đề tài nghiên cứu thực thi cho nhiều vùng, nhiều khu vực với sự hỗ trợ của bên ngoài, và các lĩnh vực kinh tế thì mới có khả năng đạt được hiệu quả.

Bảy là, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. *Một mặt*, chúng ta cố gắng tranh thủ nguồn lực khoa học - công nghệ, kinh nghiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức quốc tế và các nước. *Mặt khác*, phải thực hiện tốt các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường toàn cầu.

Đất nước ta đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để đạt được mục tiêu đó, trong quá trình thực hiện phải tuân thủ các nguyên lý cơ bản và quy luật khách quan của phát triển bền vững. Phát triển phải có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Phải quan tâm đúng mức hơn nữa các yêu cầu bảo vệ môi trường trong phát triển cho đúng với vai trò và tầm quan trọng của nó. Các ngành, các địa phương phải nhanh chóng đề ra chương trình và kế hoạch hành động cụ thể, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực và đem lại những kết quả rõ rệt trong công tác bảo vệ môi trường ở nước ta. ❑

Digitized by Google

Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh - GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA

HOÀNG CHÍ BẢO *

1 - Cả dân tộc và nhân loại tôn vinh Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới.

Kết tinh trong mình những tinh hoa của truyền thống dân tộc, thâu thái và chắt lọc những giá trị đặc sắc của hai nền văn hóa Đông - Tây qua các thời đại lịch sử, lại được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi đường với sức cổ vũ của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã được lịch sử chuẩn bị và đào luyện để trở thành vĩ nhân. Song những nhân tố khách quan đó mới chỉ là những điều kiện cần chứ chưa đủ. Nhờ những nỗ lực đặc biệt và nghị lực phi thường trong trường đời lao động, học tập và tranh đấu, với năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã sớm hình thành tư chất của một triết gia, nhà tư tưởng lớn sau này của Việt Nam và thế giới.

Tư chất ấy biểu hiện ở sự nhạy cảm, mẫn cảm sâu sắc của trái tim yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau, dù khác màu da, tiếng nói nhưng cùng chung tình cảnh nô lệ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân tàn bạo, phi nhân. Tư chất ấy còn biểu hiện ở động cơ cao thượng thấm nhuần tính *nhân bản* - quan tâm tới số phận con người thì phải tìm đường tranh đấu, giải phóng dân tộc mình và các dân tộc khác ra khỏi xiềng xích nô lệ, làm cho họ có cuộc sống xứng đáng với con người trong độc lập - tự do - hạnh phúc. Đây là hoài bão, khát vọng của cả cuộc đời Người. Chúng ta bắt gặp ở đây, trong những khái niệm trên mà Người từng nói, một sự quy tụ tất cả những gì Người mong muốn và hiểu biết: *sự gặp gỡ giữa mục tiêu chính trị và hệ giá trị văn hóa*. Đó là chính trị đầy tính *nhân đạo* của chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là văn hóa của người cộng sản giác ngộ khoa học để nắm vững quy luật, sẵn sàng hành động, hiến dâng, hy sinh, hóa thân trọn vẹn và toàn vẹn bản thân mình vào dân tộc và nhân loại. Cái triệt để và nhất quán ấy lại là biểu hiện chân chính, đích thực nhất của bản chất giai cấp công nhân cách mạng mà *lúc nào* và *ở đâu* Người cũng bền bỉ thực hành lời nói đi đôi với việc làm, trau dồi bốn đức cần kiệm liêm chính, nghiêm khắc với mình, rộng lòng khoan thứ với người, kiên trì "giữ chủ nghĩa cho vững" và "ít lòng ham muốn về vật chất", bởi cách mạng chân chính thì suốt một đời phải *thân dân* và *chính tâm, đoàn kết* và *thanh khiết*. Với Hồ Chí Minh, đó không chỉ là tư tưởng, chính kiến và chủ thuyết mà còn là hành động, lối sống, hành vi ứng xử hằng ngày. Tất cả đều thống nhất trong sự hài hòa thấu lý, đạt tình, giản dị và sâu sắc, chân thực và tự nhiên, trở thành cốt cách và bản lĩnh của Người. Ấy là một *bản lĩnh văn hóa*.

2 - Ở Hồ Chí Minh, cuộc đời và sự nghiệp, tư tưởng và phương pháp, trí tuệ và đạo đức,

* GS,TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lối sống và phong cách, tất cả đều hòa quyện và chung đúc lại thành nhân cách của Người. Ấy là một *nhân cách văn hóa*, và *văn hóa Hồ Chí Minh thực sự là một kiểu mẫu hiếm thấy của văn hóa làm người, văn hóa nhân cách trong thời đại ngày nay*. Chiều sâu nhân bản và tầm cao nhân đạo của triết lý và tư tưởng Hồ Chí Minh từ cội nguồn dân tộc đã đến cùng thời đại, nâng văn hóa của Người lên, *sinh thành các giá trị nhân văn*. Bao nhiêu học giả uyên bác và thông thái trên thế giới từ bấy lâu nay vẫn miệt mài trong cuộc tìm kiếm không bao giờ dứt định nghĩa về văn hóa. Song suy đến cùng, văn hóa là nhân văn, là sự không ngừng phát triển, bồi đắp để hoàn thiện *nhân tính*. Đặt niềm tin nơi con người, tôn trọng nhân cách và nâng niu giá trị con người, rằng con người phải trở nên tốt đẹp trong một thế giới có tính người nhiều hơn như C. Mác nói, đó là sức mạnh của nhân văn, là lực đẩy của phát triển và tính hướng đích của mọi tiến bộ xã hội.

Nhân văn trong *triết lý nhân sinh* và *triết học hành động* của Hồ Chí Minh làm cho tư tưởng thâm thúy, sâu sắc kiểu hiền triết Á Đông của Người luôn hướng tới và gắn liền với hoạt động thực tiễn vì con người và cuộc sống của nó. Coi dân là chủ thể làm nên mọi giá trị ở đời nên Người trọng dân và tin dân. Lấy dân làm đối tượng phục vụ, nên Người yêu dân, thương dân, gần dân, thấu hiểu dân tình, chăm lo *dân sinh*, nâng cao *dân trí* để thực hành *dân chủ*. Người đã cùng với Đảng và bộ máy công quyền do Người lãnh đạo làm tất cả những gì có thể làm để bồi dưỡng sức dân, chăm lo, phát triển sức dân, đồng thời hết sức tiết kiệm sức dân. Người căn dặn: mỗi đồng tiền, bát gạo mà chúng ta tiêu dùng đều là mồ hôi, nước mắt của dân. Thương dân thì phải tiết kiệm. Lãng phí là không thương dân. Tham ô là có tội với dân. Phải diệt trừ tội ác đó. Trong điều giản dị ấy, sự cảm động từ một tấm lòng đã có sức cảm hóa mọi tấm lòng khác. Ấy là *lòng nhân ái*. Đây là một trong những điểm tựa vững chắc, trở thành nguyên tắc ứng xử của Người.

Người tin rằng, đã là người thì ai cũng có tình người. Thức tỉnh điều tốt đẹp ấy, làm cho nó nảy nở, phát triển, đó là phương pháp, nghệ thuật giáo dục con người của Hồ Chí Minh. Yêu thương vì không bao giờ mất đi niềm tin cậy và vị tha nên phải bao dung, phải có lòng độ lượng, độ lượng vĩ đại. Người đưa ra một tổng kết từ sự trải nghiệm trực tiếp của mình: sông sâu, bể rộng bao nhiêu nước cũng vừa, cái đĩa cạn, cái chén nhỏ thì chỉ một giọt nước cũng tràn đầy. Chỉ sợ mình không có lòng bao dung nhân ái chứ không sợ người ta không theo mình. Sự chân thành và hết mình ấy trong ứng xử để giáo dục, cảm hóa con người, thuyết phục và thu phục nhân tâm ở Hồ Chí Minh thực sự là một kiểu mẫu, một tấm gương soi cho đương thời và hậu thế. Người tiêu biểu cho văn hóa ứng xử, trong đó kết hợp làm một sức mạnh của khoa học - đạo đức với nét đẹp tinh tế của văn hóa. Người là một nhà văn hóa lớn, trong đó nhà tư tưởng và nhà giáo dục hiện ra không phải với tính hàn lâm, sách vở, với sự cao đạo xa cách mà trái lại, dung dị như đời thường, rất mực gần gũi với con người đời thường, ai ai cũng cảm nhận trực tiếp được. Người truyền bá tư tưởng như một sự thực hành, chỉ dẫn trực tiếp cho mọi người cách nghĩ, cách viết, cách nói mà cao sâu hơn tất cả là cách sống *làm người* và *ở đời*. Người nói ít, làm nhiều, chủ yếu là hành động, chỉ nói và viết khi cần thiết, đã nói thì phải làm, phải thật thà nhúng tay vào việc. Người giáo dục đạo lý, tình thương bằng sự nêu gương, bằng chăm sóc việc "trồng người" tỷ mỷ, chu đáo như người làm vườn vậy. Triết lý, triết học Hồ Chí Minh là triết lý, triết học về văn hóa; ở đó, trực quan, biểu cảm sinh động nhất được thể hiện trong văn hóa ứng xử của Người. Sinh thời, dù trong nhiều năm ở cương vị người đứng đầu Đảng và Nhà nước, dù đã trở thành lãnh tụ của dân tộc,

Digitized by Google

nhà hoạt động lỗi lạc trong phong trào cách mạng thế giới, được mọi người tôn kính và ngưỡng mộ, nhưng Hồ Chí Minh luôn luôn tự ý thức mình chỉ là một con người bình thường giữa muôn người. Người từ chối mọi danh hiệu, huân chương, phần thưởng dành cho riêng mình. Người chỉ nhận mình là nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp và ham muốn tột bậc của Người chỉ là làm cho nước nhà được độc lập, dân ta có tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, được sống no đủ, hạnh phúc.

Theo Hồ Chí Minh, phục vụ nhân dân, suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân, làm công bộc tận tụy hết lòng vì nhân dân, đó là *phục tùng chân lý cao nhất* và là *thực hành một lẽ sống cao thượng nhất*. Cuộc đời của Người và tất cả những gì Người đã làm, từ lúc ra đi tìm đường cứu nước cho đến giây phút cuối cùng, khi trái tim ngừng đập, khối óc ngừng suy nghĩ, đã minh chứng một cách thuyết phục và cảm động nhất cho *văn hóa làm người* của Người. Bởi Người cũng quan niệm như C. Mác: Hạnh phúc là đấu tranh. Ai đấu tranh đem lại hạnh phúc nhiều nhất cho người khác thì người ấy có hạnh phúc nhất.

Không chỉ mọi người Việt Nam mà cả bạn bè quốc tế đã gọi Người một cách trìu mến nhất: Bác Hồ! Cả một buôn làng của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Trị Thiên - Huế đều lấy họ Hồ làm họ của mình để ghi nhớ công ơn của Người và tâm niệm: hãy sống như Người đã sống.

Không có khái quát nào đầy đủ, chân thực hơn về Hồ Chí Minh - một con người, một cuộc đời, một sự nghiệp đã hiến dâng trọn vẹn cho dân tộc mình, cho thời đại và cho nhân loại, như chính câu thơ của Tố Hữu: "Nâng niu tất cả chỉ quên mình". Cũng như vậy, Phạm Văn Đồng, một trong những học trò xuất sắc của Người, từng là nhà lãnh đạo nổi tiếng của Đảng và Nhà nước ta trước đây đã viết về Người: "Đời Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng". Ánh sáng tư tưởng, trí tuệ, đạo đức Hồ Chí Minh có nguồn sáng từ những chân lý lớn của lịch sử và thời đại, từ quy luật của muôn đời, kết tinh lại thành những giá trị văn hóa. Nó phản chiếu vào Hồ Chí Minh - Con người ở tầm vóc Đại Trí, Đại Nhân, Đại Dũng, Con người mang giá trị Chân - Thiện - Mỹ, gắn bó máu thịt với nhân dân, hóa thân vào nhân dân nên đã *sống trong lòng nhân dân* bền chặt, vĩnh hằng.

Lý tưởng đã trở thành hiện thực và hiện thực đã vươn tới lý tưởng. Dân tộc và non sông đất nước đã sinh ra Người và chính Người đã làm rạng rỡ non sông đất nước và dân tộc như một sự thăng hoa.

Hồ Chí Minh là hiện tượng văn hóa độc đáo ấy, bởi Người là một trong số hiếm hoi các lãnh tụ đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống.

3 - Theo giáo sư Trần Văn Giàu, tầm cỡ của một hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới là thực tại hay là ảo ảnh, khả tri hay bất khả tri, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy lại là *ở mức quan tâm đến Con người*, con người thật đang sống trên quả đất này và chắc chắn còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó, vì thế mà Cụ lớn. (1)

Đọc lại nhận xét tinh tế và sâu sắc trên đây, rất tự nhiên, ta nhớ tới một câu trong *Di chúc* của Người: *"Đầu tiên là công việc đối với con người"*.(2)

---

(1) Xem: *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr 287

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 503

Digitized by Google

Bản thân Người cũng từng khẳng định: lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi (3).

Một học giả nước ngoài đã viết về Người: Cụ Hồ là một người xây dựng lương tri, xây dựng khi nó thiếu, tái tạo khi nó mất. Cụ thức tỉnh kẻ u mê, ân cần đỡ dậy người trượt ngã, biến vạn ức người bình thường thành anh hùng vô danh và hữu danh trong lao động, trên chiến trường, trong ngục tối, trước máy chém (4).

Lật lại các trang sử liệu, chúng ta không thể bỏ qua chi tiết này: Ét-mông Mi-sơ-lê, Bộ trưởng Các quân chủng Pháp, người được ủy nhiệm tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946 ở Pa-ri đã nhận xét về Người: Đó là một người cộng sản theo lý tưởng. Ông đã chọn chủ nghĩa cộng sản, đúng thế, nhưng *có một chủ nghĩa nhân văn sâu sắc*. Đó là một chủ nghĩa cộng sản có tình người, một chủ nghĩa cộng sản tôn trọng cá nhân, biết khóc, biết cười, biết ngâm vịnh (5).

Là một chính khách tư sản, Ét-mông Mi-sơ-lê, dĩ nhiên không thể hiểu được bản chất của chủ nghĩa cộng sản. Ở bên trong cái rào chắn của thế giới quan tư sản, ông chỉ có thể nhìn nhận chủ nghĩa cộng sản với những thiên kiến, lệch lạc. Nhưng điều đáng nói là ở chỗ, ông ta đã hiểu đúng Hồ Chí Minh, nói lên được chủ nghĩa nhân văn sâu sắc của Người. Có thể nói, văn hóa Hồ Chí Minh, đặc biệt là văn hóa ứng xử của Người thể hiện sâu đậm chất nhân văn ấy. Nếu lao động - đấu tranh và tình thương là bản chất con người, nơi biểu hiện và khẳng định nhân tính, thì Hồ Chí Minh mang bản chất ấy hơn ai hết. Người nêu lên một luận đề tư tưởng và phương pháp có giá trị và ý nghĩa như một tuyên ngôn, một cương lĩnh về giáo dục: Con người chứ không phải thánh thần nên ai cũng có cái hay và cái dở, cái tốt và cái xấu, ở trong lòng. Phải làm cho cái hay, cái tốt nảy nở như hoa mùa xuân, còn cái xấu, cái dở thì *mất dần đi* rồi tới chỗ *mất hẳn*.

4 - Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh là văn hóa giáo dục, kết hợp *giáo dục bằng lời* (giảng giải, tuyên truyền, thuyết phục) với *thực hành bằng công việc thực tế hằng ngày và bằng sự nêu gương*. Tất cả những điều đó phải *xuất phát từ lòng chân thành, khiêm tốn, giản dị, nhân ái, vị tha*. Đó là sức mạnh bền bỉ để con người vượt qua mọi khó khăn, giữ vững được niềm tin, làm chủ chính mình và hoàn cảnh nhằm để đi tới mục đích của cuộc đời và sự nghiệp.

Điều gợi ý sâu sắc từ tư tưởng và thực tiễn sống động Hồ Chí Minh là ở chỗ, *văn hóa ứng xử trước hết là văn hóa tự ứng xử*. Trau dồi học vấn để từng bước đạt tới sự trưởng thành văn hóa; rèn luyện đạo đức, đặc biệt là các đức tính để rèn luyện nhân cách - những nội dung giáo dục ấy phải thấm sâu vào tình cảm con người, tăng cường được năng lực trí tuệ, tự giác trở thành nhu cầu và lối sống. Và như vậy, giáo dục trở thành tự giáo dục. Bởi thế, biết hướng thiện và phục thiện là một khởi nguồn quan trọng để mỗi con người tự hoàn thiện nhân cách của chính mình. Phải tự mình trở nên tốt đẹp - đó là một nhu cầu cao quý của đời sống tinh thần và thế giới nội tâm của con người; đó là động lực để con người tự mình học tập, noi gương những điều tốt đẹp ở người khác, biết tôn trọng những giá trị ở đời, biết yêu thương và tin cậy con người.

Đủ hiểu vì sao, suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ mà Người rất mực thương yêu, về

(Xem tiếp trang 54)

(3) Xem: Võ Nguyên Giáp - *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997,tr 231

(4) Xem: Hồ Chí Minh - *Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, *sđd*, tr 290

(5) Xem: Hữu Ngọc - *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp*, Nxb Ngoại văn, Hà Nội, 1991, tr 521

Digitized by Google

HAI HÀNH LANG VÀ MỘT VÀNH ĐAI KINH TẾ - từ ý tưởng đến hiện thực

NGUYỄN VĂN LỊCH *

VIỆT Nam và Trung Quốc có đường biên giới trên đất liền dài 1.643 km và cùng chung vịnh Bắc Bộ. Hai nước đều có nguồn tài nguyên phong phú, tiềm năng phát triển rất lớn. Thời gian qua hai nước đã có nhiều hiệp định được ký kết như Hiệp định Thương mại, Hiệp định Hợp tác kinh tế - kỹ thuật, Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ,... đã tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế phát triển và đạt được một số thành tựu đáng kể. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2004 đạt 7.192 triệu USD, tăng 10,4 lần so với năm 1995 và tăng 47,68% so với năm 2003 là một mức tăng kỷ lục từ trước tới nay. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 2.735,5 triệu USD và nhập khẩu đạt 4.456,5 triệu USD. Đầu tư và hợp tác kinh tế - kỹ thuật của Trung Quốc với Việt Nam cũng tăng nhanh.

Quan hệ hợp tác kinh tế Việt - Trung không ngừng phát triển, tuy nhiên vẫn còn cách xa so với tiềm năng kinh tế của mỗi nước. Nhiều học giả của hai nước cho rằng, nguyên nhân chính là do hai bên chưa phát huy được hết thế mạnh và lợi thế so sánh trong hợp tác. Để phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc, các nhà khoa học đưa ra ý tưởng xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" và đã nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhiều nhà quản lý và hoạch định chính sách. Đặc biệt, việc hợp tác xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế": Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ đã được khẳng định sau cuộc gặp gỡ và tọa đàm giữa Thủ tướng của hai nước năm 2004 và trở thành quy hoạch chung trong hợp tác kinh tế trung và dài hạn Việt Nam - Trung Quốc. Để góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế", bài viết xin được làm rõ khái niệm, phạm vi, sự cần thiết, nội dung cơ bản và phương hướng thực hiện "Hai hành lang và một vành đai kinh tế".

1 - Khái niệm hành lang và vành đai kinh tế

Theo chúng tôi, hành lang kinh tế là một tuyến nối liền các vùng lãnh thổ của một hoặc

* TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu thương mại

Digitized by Google

nhiều quốc gia nhằm mục đích liên kết, hỗ trợ lẫn nhau để khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của các khu vực địa - kinh tế nằm trên cùng một dải theo trục giao thông thuận lợi nhất cho việc lưu thông hàng hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng bên trong, cũng như các vùng cận kề với hành lang.

Tuyến liên kết này được hình thành trên cơ sở kết cấu hạ tầng đa dạng có khả năng tạo ra sự phát triển của nhiều ngành kinh tế, làm thay đổi căn bản diện mạo của một vùng nhất định thuộc một hoặc nhiều quốc gia mà hành lang kinh tế đi qua và góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia đó.

Còn vành đai kinh tế là một tuyến nối liền các vùng lãnh thổ của một hoặc nhiều quốc gia nhằm mục đích liên kết, hỗ trợ lẫn nhau để khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của các khu vực địa - kinh tế nằm trên cùng một dải bao quanh một khu vực (thành phố, vịnh,v.v..). Xây dựng vành đai kinh tế không những phát triển được kinh tế của những vùng nằm trên vành đai mà còn góp phần phát triển cả những vùng xung quanh qua việc thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Vành đai kinh tế có điểm giống và khác với hành lang kinh tế. *Điểm giống nhau* cùng là sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các vùng lãnh thổ của một hoặc nhiều quốc gia nhằm mục đích khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh. *Điểm khác nhau* là ở chỗ hành lang kinh tế là tuyến liên kết theo trục giao thông, thường nối giữa các điểm - đầu cuối và giữa của sự liên kết kinh tế. Động lực của hợp tác hành lang là các điểm nhấn (tỉnh, thành phố) nằm theo trục giao thông; còn vành đai kinh tế là tuyến liên kết theo hình vòng cung hoặc vòng tròn bao quanh một khu vực. Động lực của hợp tác vành đai là tâm điểm nằm ở giữa. Liên kết vành đai kinh tế có thể theo các đường tự nhiên như đường biên giới, đường bờ biển, đường bờ vịnh,v.v..., cũng có thể liên kết theo các đường nhân tạo và trên thực tế thường có hình vòng cung.

2 - Phạm vi và tiến trình thực hiện của hai hành lang và một vành đai kinh tế

a - Phạm vi của hai hành lang và một vành đai kinh tế

- Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

Đây là tuyến liên kết kinh tế giữa các tỉnh của Trung Quốc và các tỉnh của Việt Nam nằm dọc theo các trục đường bộ chính, đường sắt Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phạm vi hợp tác của hành lang là sự hợp tác giữa tỉnh Vân Nam của Trung Quốc với các tỉnh, thành phố ở miền Bắc Việt Nam. Tham gia vào hành lang này, phía Vân Nam có 4 thành phố và châu là Côn Minh, Ngọc Khuê, Hồng Hà và Văn Sơn; phía Việt Nam có 8 tỉnh và thành phố là Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh

- Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

Đây là tuyến liên kết kinh tế giữa các tỉnh của Trung Quốc và các tỉnh của Việt Nam nằm dọc theo các trục đường bộ chính, đường sắt Nam Ninh - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phạm vi hợp tác của hành lang là sự hợp tác giữa tỉnh Quảng Tây và các tỉnh, thành phố ở miền Bắc Việt Nam. Tham gia vào hành lang này, phía Quảng Tây có 3 thành phố là Nam Ninh, Sùng Tả và Bằng Tường; phía Việt Nam có 8 tỉnh và thành phố là Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ

Đây cũng là tuyến liên kết kinh tế giữa các tỉnh của Trung Quốc và các tỉnh của Việt Nam nằm xung quanh vịnh Bắc Bộ. Phạm vi

Digitized by Google

hợp tác của vành đai là lấy cấp tỉnh của hai nước làm đơn vị hợp tác, đó là hợp tác giữa các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và đảo Hải Nam của Trung Quốc với các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị của Việt Nam. Phía Trung Quốc chỉ có 3 tỉnh và trên thực tế không phải toàn bộ các châu của tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông nằm trên vành đai, mà Quảng Tây có 3 châu (cảng Phòng Thành, Khâm Châu và Bắc Hải), Quảng Đông có 1 châu (Trạm Giang); phía Việt Nam có 10 tỉnh.

b - Tiến trình thực hiện hai hành lang và một vành đai kinh tế

Tuy ý tưởng xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" đã có từ cuộc hội đàm giữa Thủ tướng hai nước, nhưng cho đến nay mới chỉ thực hiện những bước chuẩn bị ban đầu để triển khai xây dựng "Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng". Ngoài ra, trong thực tế, khi triển khai, Chính phủ hai nước còn quyết định bổ sung thêm tỉnh Quảng Ninh của Việt Nam thêm vào hành lang. Vì thế tên chính thức khi triển khai là hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Còn hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ cho đến thời điểm này vẫn chưa được triển khai thực hiện.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (tại Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 9-7-2004 của Văn phòng Chính phủ), Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã tổ chức hội nghị bao gồm các nhà lãnh đạo, quản lý của 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai và của một số bộ, ngành trung ương để thống nhất nội dung hợp tác giữa 4 địa phương, đồng thời chuẩn bị nội dung hợp tác cho cuộc họp 5 tỉnh, thành phố nhằm hình thành tuyến hành lang kinh tế. Cho tới nay, hai phía Việt Nam và Trung Quốc vẫn đang tiến hành đàm phán để tiến tới xây dựng cơ chế hợp tác và điều phối trên hành lang kinh tế.

3 - Sự cần thiết của việc xây dựng hai hành lang và một vành đai kinh tế

Thứ nhất, xây dựng "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa miền Nam Trung Quốc với miền Bắc của Việt Nam nói riêng, giữa Việt Nam và Trung Quốc nói chung. Tổng lượng kinh tế của hai hành lang và một vành đai sẽ rất lớn, ý nghĩa hợp tác của nó còn lớn hơn.

Thứ hai, sự hình thành "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" sẽ góp phần mở rộng các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước. Khi hành lang và vành đai kinh tế đã được xây dựng thì sự hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ không chỉ giới hạn ở hợp tác thương mại, đầu tư, du lịch mà còn mở rộng ra các lĩnh vực khác, như: hợp tác về giao thông vận tải, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên vịnh Bắc Bộ...Vận tải hàng hóa, thương mại và du lịch của Việt Nam sẽ có điều kiện phát triển mạnh vì những hành lang này là trung gian giữa Trung Quốc và ASEAN, đặc biệt khi Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) được hình thành và đi vào thực hiện.

Thứ ba, "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" còn tạo cơ hội đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của những vùng thuộc hành lang và vành đai nói riêng và các vùng khác của hai nước nói chung. Miền Nam - khu vực miền núi biên giới chậm phát triển của Trung Quốc sẽ dần từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế so với miền Đông nhờ

Digitized by Google

tăng cường trao đổi mậu dịch với các nước ASEAN qua tuyến đường hành lang. Miền Bắc của Việt Nam cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Thứ tư, Vân Nam và Quảng Tây không chỉ là cửa ngõ thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam, mà còn là cửa ngõ thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN thông qua Việt Nam. Bởi vậy, "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" sẽ là nơi diễn ra sự trao đổi kinh tế thông qua đường bộ, đường sắt và đường biển giữa miền Tây và Nam Trung Quốc rộng lớn với các quốc gia ASEAN. Hàng hóa của hai bên có thể được vận chuyển và trao đổi thông qua các cảng của vịnh Bắc Bộ (Hải Phòng, Phòng Thành, Cái Lân,v.v...). Qua hai hành lang, Trung Quốc có thể đẩy mạnh trao đổi thương mại và đầu tư với Lào, Cam-pu-chia và Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc sẽ sớm được hình thành và phát triển. Không chỉ có lợi đối với Trung Quốc, sự vận hành của hai hành lang và một vành đai sẽ đem lợi ích cho phía Việt Nam thông qua quan hệ hợp tác kinh tế thương mại Việt - Trung phát triển nhanh, mạnh.

4 - Nội dung và phương hướng thực hiện hợp tác hai hành lang và một vành đai kinh tế

Mục tiêu đã được xác định là: 1) Tập trung xây dựng và phát triển "Hai hành lang và một vành đai" trở thành 3 tuyến kinh tế mạnh, chủ lực trong việc phát triển quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc; 2) Khai thác triệt để nguồn lực tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương trên hành lang và vành đai. Tạo lập và phát triển quan hệ hợp tác đa phương, đồng thời quan tâm phát triển quan hệ hợp tác song phương để bảo đảm sự phát triển nhanh, toàn diện, bền vững. Hợp tác có trọng tâm, trọng điểm với cơ chế và hình thức phù hợp để bảo đảm hiệu quả thiết thực 3) Thông qua triển khai hợp tác khu vực, thúc đẩy hòa bình, tình hữu nghị của khu vực biên giới hai nước và khu vực vịnh Bắc Bộ; tăng nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực này; làm cầu nối thúc đẩy hợp tác Trung Quốc và ASEAN, bởi vậy, trong thời gian tới nội dung cơ bản của sự hợp tác hai hành lang và một vành đai kinh tế sẽ là hợp tác phát triển thương mại, đầu tư, kinh tế kỹ thuật, du lịch, khai thác - bảo vệ tài nguyên vịnh Bắc Bộ, hợp tác kinh tế biên giới, bảo vệ môi trường, giao thông vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy... Trước tiên, hai bên sẽ triển khai hợp tác trong năm lĩnh vực: giao thông, hợp tác kinh tế biên giới, khai thác - bảo vệ tài nguyên vịnh Bắc Bộ, thương mại và du lịch.

Phương hướng cụ thể thực hiện hợp tác "Hai hành lang và một vành đai kinh tế" là kết hợp hài hòa giữa hợp tác đa phương và song phương, tập trung vào những sự hợp tác song phương theo nhu cầu, khả năng của các bên:

- Hợp tác giao thông cần được tiến hành trước với nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết là: (1) Cải tạo, nâng cấp đường sắt và đường bộ tuyến Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh nhằm nâng cao năng lực vận tải trong hành lang kinh tế. Sớm xây dựng tuyến đường cao tốc Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách. Cải tạo kỹ thuật đường sắt Việt Nam - Côn Minh, Việt Nam - Nam Ninh kết hợp với việc xây dựng đường sắt xuyên Á; (2) Xây dựng trục đường cao tốc vịnh Bắc Bộ và trục đường sắt vịnh Bắc Bộ từ thành phố Trạm Giang qua Bắc Hải, Khâm Châu, cảng Phòng Thành, Hạ Long, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa đến Hà Tĩnh.

Digitized by Google

- Xây dựng khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc). Móng Cái và Đông Hưng là vùng đất liên kết quan trọng ở duyên hải vịnh Bắc Bộ, vừa có đường biên giới và đường biển nên trao đổi hết sức thuận tiện. Việc hình thành khu hợp tác kinh tế biên giới không những thúc đẩy phát triển thương mại trên hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, mà còn đẩy mạnh hợp tác kinh tế thương mại Trung Quốc - ASEAN.

- Hợp tác cùng khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên vịnh Bắc Bộ (bao gồm cả nguồn lợi thủy sản và môi trường trong sạch của vịnh) bởi môi trường vịnh có trong sạch mới bảo tồn được các loài thủy sản và phát triển du lịch. Để bảo vệ môi trường và khai thác có hiệu quả nguồn lợi thủy sản (mặc dù đã có Hiệp định hợp tác nghề cá), hai bên cần thành lập cơ quan điều tiết và xây dựng cơ chế hợp tác trong nuôi trồng, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường vịnh.

- Hợp tác phát triển thương mại trên "Hai hành lang và vành đai kinh tế": Cần có sự phối hợp giữa hai bên để điều chỉnh cơ cấu sản xuất và thương mại phù hợp với nhu cầu ngày càng thay đổi. Đa dạng hóa các hình thức mậu dịch biên giới, mở rộng hình thức mậu dịch đổi hàng, tích cực phát triển hình thức mậu dịch quá cảnh, chuyển khẩu, gia công và dịch vụ. Tích cực khai thác các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực của hai bên. Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông nên thúc đẩy việc xuất khẩu các sản phẩm điện cơ, thiết bị toàn bộ, hóa chất, thiết bị thông tin và viễn thông (những sản phẩm kỹ thuật cao) sang Việt Nam. Qua phương thức xuất khẩu trực tiếp, gia công xuất khẩu, hàng đổi hàng... phía Việt Nam cần khai thác triệt để lợi thế tự nhiên và Chương trình thu hoạch sớm (ASEAN - Trung Quốc) để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản, khoáng sản và lâm sản. Phối hợp chống buôn lậu, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng giả và gian lận thương mại.

- Hợp tác phát triển du lịch: nguồn tài nguyên du lịch của miền Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam, vùng duyên hải vịnh Bắc Bộ rất phong phú với nhiều loại hình du lịch (leo núi, xuống biển, có nhiều danh lam thắng cảnh và khu du lịch đẹp, nổi tiếng) có sức hút rất lớn đối với du khách từ Việt Nam, lục địa Trung Quốc, châu Á và châu Âu. Vì thế, có thể hình thành các tuyến du lịch dọc theo hành lang và vành đai như tuyến Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; tuyến Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; tuyến du lịch vòng quanh vịnh Bắc Bộ. Phối hợp xây dựng, khai thác các chương trình du lịch đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Củng cố, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch đã có (du lịch văn hóa, lễ hội, sinh thái...) và tiếp tục hình thành các sản phẩm mới. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật, thể dục - thể thao, các loại hình văn hóa dân gian truyền thống (ca múa nhạc, xiếc...), kết hợp quảng bá du lịch với xúc tiến đầu tư và thương mại.

Muốn thực hiện hợp tác theo những phương hướng nói trên, trong thời gian tới cơ chế hợp tác của hai bên cần hướng tới việc:

● Cùng thống nhất tạo điều kiện thông thoáng, đơn giản về thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa, thủ tục xuất nhập cảnh, thuế quan, kiểm dịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho các tổ chức, doanh nghiệp, du khách và cá nhân;

● Xây dựng cơ chế điều hành linh hoạt, hiệu quả giữa các cơ quan hải quan, kiểm dịch, thương vụ, thông tin hàng hóa, thị trường giá cả, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình hoạt động.❑

Digitized by Google

VĂN NGHỆ SĨ *trước những yêu cầu mới của đất nước*

MAI HẢI OANH

1 - Bối cảnh lịch sử mới và vận hội mới của dân tộc đặt ra trước văn học nước nhà những cơ hội mới và những thách thức mới. Khi mà mức sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, trình độ dân trí được nâng cao, các "xa lộ thông tin" được mở rộng, nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân tất yếu sẽ lớn hơn và phong phú hơn trước đây rất nhiều. Điều đó đòi hỏi nhà văn một mặt phải thâm nhập sâu hơn nữa vào thực tiễn để tìm cảm hứng sáng tạo; mặt khác, biết nắm bắt một cách đúng đắn và nhạy bén những vấn đề mới xuất hiện trong đời sống xã hội. Một khi nhà văn thiếu đi sự nhạy bén và khả năng tiên cảm thì tác phẩm của họ sẽ khó lòng thể hiện được một cách sâu sắc trạng thái tinh thần của thời đại mới. Hơn nữa, khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, văn học sẽ đứng trước một bài toán không đơn giản. *Thứ nhất,* văn học nói riêng và văn hóa nói chung buộc phải trở thành một sản phẩm mang tính "hàng hóa". Nghĩa là nó phải tham gia vào quá trình chu chuyển của nền kinh tế - xã hội. *Thứ hai,* vốn là một sản phẩm tinh thần đặc biệt nên các tác phẩm văn học không chỉ đáp ứng hiệu quả kinh tế (cụ thể nhất là việc định giá và lượng sản phẩm được tiêu thụ) mà còn phải đáp ứng được nhu cầu tinh thần phong phú của con người trong một thời đại có quá nhiều áp lực. Điều này buộc các nhà văn phải tìm cách xây dựng nên những tác phẩm có chất lượng tư tưởng và nghệ thuật cao nếu họ muốn có một chỗ đứng thật sự vững chắc trong tâm trí của người đọc. Những sản phẩm thuần túy chạy theo giá trị thương mại trước sau sẽ bị lãng quên một cách nhanh chóng.

Thời đại ngày nay là thời đại của nhiều biến động, nhiều thay đổi nhanh chóng đến mức khó lường. Văn học không thể mãi đứng yên trong khu vườn tĩnh lặng mà phải thích ứng với những thay đổi có quy mô lớn và sâu sắc. Khi mà Việt Nam sắp sửa trở thành thành viên của WTO thì cánh cửa giao lưu văn hóa sẽ rộng mở hơn trước rất nhiều. Đó cũng là thời điểm chúng ta phải đối mặt với hàng loạt vấn đề mới mẻ. Những vấn đề ấy sẽ tác động không nhỏ đến đời sống văn học. Chỉ đơn cử trong lĩnh vực dịch thuật. Rất nhiều nhà văn cho rằng trong khi chúng ta dịch rất nhiều tác phẩm của nước ngoài thì quá trình giới thiệu văn học nước nhà ra ngoài bờ cõi lại rất khó khăn. Quá trình giao lưu văn hóa bao giờ cũng mang tính hai chiều, không thể cứ hấp thụ mãi tinh hoa văn hóa của nước khác trong khi chúng ta không chứng minh được cho các nước ấy thấy rằng chúng ta thực sự đã có một nền văn học phát triển. Đây là một vấn đề đòi hỏi phải có một cái nhìn sâu rộng và gắn liền với nó là một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ. Quá trình toàn cầu hóa và những thay đổi sâu sắc trong lĩnh vực công nghệ thông tin cũng mở ra những viễn cảnh mới cho hoạt động văn học nghệ thuật. Hệ thống in-tơ-nét phủ sóng khắp toàn cầu hiện nay đã

Digitized by Google

đem đến cho những người hoạt động văn học một không gian sáng tạo mới, một công chúng nghệ thuật mới, một phương tiện truyền bá (và quảng cáo sản phẩm) mới. Hiện tượng văn học liên mạng đã trở thành một hiện tượng phổ biến. Đúng là hiện nay, bên cạnh những tác phẩm văn học có giá trị là sự xuất hiện của nhiều tác phẩm thấp kém, đồi trụy... trên mạng in-tơ-nét. Song điều đó không có nghĩa là để ngăn chặn cái xấu chúng ta lại quay lưng, đóng cửa đối với những tiến bộ của khoa học công nghệ. Vấn đề là chúng ta phải có một đối sách hợp lý, phải biết dựa vào kỹ thuật cao để mở ra một không gian mới cho hoạt động văn học, đồng thời chống một cách có hiệu quả ảnh hưởng xấu của loại văn hóa thứ cấp. Tất cả những điều đã nói trên đây đều gắn liền với sự hiện diện của xã hội hậu công nghiệp, gắn liền với thời đại bùng nổ các phương tiện thông tin, dưới nhiều hình thức khác nhau tác động và thẩm thấu trực tiếp hoặc gián tiếp đến những người làm công tác văn học - nghệ thuật và buộc nhà văn phải không ngừng mở rộng tầm nhìn, trong đó đáng chú ý nhất là *tầm nhìn dân tộc và những suy nghĩ sâu sắc mang tính toàn cầu.*

Ngày nay, chỉ có xây dựng thành công một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chúng ta mới có thể thỏa mãn nhu cầu về cuộc sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Nền văn hóa tiên tiến lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm tư tưởng chủ đạo, đứng vững trên thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, lấy sự phát triển toàn diện con người và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội làm mục tiêu. Các nhà văn đương đại phải tắm mình trong cuộc sống thực tiễn,có ý thức sáng tạo nền văn học tiên tiến trước tiên phải kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng tăng cường quan sát xã hội, nắm vững quan điểm lịch sử và thực tiễn, đồng thời phải thực sự tìm tòi những quy luật nghệ thuật để có những tác phẩm khiến cho độc giả vừa có được khoái cảm thẩm mỹ vừa được nâng cao tư tưởng. Những tác phẩm xưa nay được truyền đời bởi lẽ nhà văn không ngừng tiến lên theo thời đại, mạnh dạn sáng tạo ra tinh thần mới. Bất cứ một loại hình nghệ thuật nào nếu như không đồng hành được với sự phát triển mới mẻ của thời đại thì trước sau sẽ mất đi sức sống. Lịch sử văn học trong và ngoài nước chứng tỏ rằng khả năng vượt lên thời đại và thay đổi xã hội xưa nay vẫn là căn cứ nội tại và động lực mạnh mẽ của sự sáng tạo và phát triển văn học

2 - Sự mở rộng tầm nhìn và tầm tư duy trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật sẽ giúp cho các nhà văn có khả năng vươn xa hơn về phía nhân loại đồng thời biết gắn bó sâu sắc hơn đối với truyền thống văn hóa - nghệ thuật dân tộc mình. Tuy nhiên, với tư cách là người chiến sỹ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, là "kỹ sư tâm hồn" nhà văn phải gắn bó sâu sắc với sự nghiệp cách mạng của đất nước và nhân dân. Thực tiễn văn học của dân tộc và nhân loại cho thấy chỉ khi nào biết gắn bó sâu sắc với Tổ quốc, biết rung động trước vẻ đẹp cao cả, biết trân trọng các giá trị nhân bản và biết truyền vào người đọc khát vọng giải phóng con người thì lúc đó nhà văn sẽ có được những tác phẩm văn học xuất sắc.

Văn học, dù ở thời đại nào cũng gắn bó sâu sắc với chính trị. Nhưng văn học không đơn giản là công cụ tuyên truyền chính trị đơn thuần mà nó tác động đến tâm hồn người đọc thông qua cái đẹp, và "cái thẩm mỹ thấm vào bản chất văn học - nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là lao động sáng tạo tinh thần tự do của trí tuệ, tài năng" (1). Văn học chân chính bao

(1) *Một số vấn đề trong công tác quản lý văn học nghệ thuật hiện nay*, Nxb Tư tưởng - Văn hóa, Hà Nội, 1990. Trích theo "Về lãnh đạo, quản lý văn học - nghệ thuật trong công cuộc đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 75

Digitized by Google

giờ cũng đứng về lẽ phải, góp phần bảo vệ công lý, quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của nhân dân. Những nhà văn nổi tiếng của nhân loại chính là những nhà văn đã nói lên được những khát vọng cao cả của thời đại mình qua những rung cảm sâu sắc của cá nhân họ. Chính Nguyễn Trãi, khi đất nước có giặc đã trở thành người "viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời", khi đất nước thanh bình lại viết những tác phẩm giàu tinh thần nhân bản và thấm đầy tính nhân văn vì ông hiểu một cách sâu sắc rằng gốc của nhạc (rộng ra là nghệ thuật) là "làm sao cho khắp nơi thôn cùng xóm vắng không vang lên một tiếng hờn giận oán sầu". Những nhà văn nhà thơ lớn của nước ta như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... là những tấm gương khẳng định mối liên hệ gắn bó sâu sắc giữa văn nghệ và nhân dân, giữa lợi ích của nghệ thuật và lợi ích của đất nước. Tất cả những tác phẩm ưu tú trong lịch sử đều phản ánh tiếng gọi tâm hồn sâu sắc nhất của nhân dân và yêu cầu bức thiết nhất của thời đại, đều là sự kết tinh của sức quyến rũ nghệ thuật và sự tiến bộ xã hội hiện thực. Nhìn lại lịch sử phát triển văn học của thế giới và nước ta, chúng ta thấy rằng trong quá trình phát triển và đêm trước của những cuộc cải cách to lớn trong lịch sử với yêu cầu tiên tiến mà thời đại đã nêu ra một cách mạnh mẽ thì tầm mắt sâu sắc của những tác giả có tư tưởng sắc bén thường là bằng những cảm xúc về sứ mạng lịch sử, đi trước thời đại kêu gọi sự chiến đấu. Những tác phẩm ra đời từ những cuộc cải cách xã hội, những tác phẩm ưu tú có khả năng thúc đẩy sự tiến bộ thường là tiêu chí quan trọng của sự phát triển xã hội. Từ tầm cao thời đại mới, tiếp nối truyền thống quý báu của cha ông, trong nhiều thư gửi cho giới văn nghệ sĩ, Đảng ta khẳng định: Là tiếng nói của tâm tư tình cảm, là hoạt động tinh thần cao đẹp thể hiện những khát vọng lớn của con người, văn học vừa là vũ khí sắc bén, vừa có khả năng đánh thức những tình cảm cao đẹp và nhân văn giúp người đọc hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam và những tác phẩm văn học ưu tú của Nguyễn Ái Quốc và nhiều nhà văn cách mạng là ngọn lửa tinh thần thắp sáng lên lòng yêu nước của dân tộc. Một đội ngũ các nhà văn yêu nước xuất hiện và đã tạo thành một dòng văn học cách mạng gắn bó với lịch sử dân tộc. Đội ngũ văn nghệ sĩ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã ý thức sâu sắc vai trò của họ trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt nam giàu mạnh công bằng, dân chủ, văn minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, có biết bao nhà văn nhà thơ ngã xuống chiến trường khi mà tài năng sáng tạo của họ đang vào độ chín. Đó là Nam Cao, Thâm Tâm, Hoàng Lộc... trong thời kháng Pháp, là Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Dương Thị Xuân Quý... trong thời chống Mỹ. Trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ cao nhất của văn nghệ là góp phần "phấn đấu để Tổ quốc ta mãi mãi là một quốc gia văn hiến , dân tộc ta là một dân tộc văn hóa, nền văn hóa nước ta không ngừng phát triển, xứng đáng với tầm vóc dân tộc ta trong lịch sử và trong thế giới hiện đại" (2). Tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối văn nghệ của Đảng đã khích lệ nhiều văn nghệ sĩ cống hiến tài năng và tâm huyết của họ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Ngay trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng năm 1943, Đảng

(2) *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr 75

Digitized by Google

ta đã đề ra ba phương châm xây dựng nền văn nghệ mới: *dân tộc, khoa học và đại chúng*. Nền văn nghệ mới là một nền văn nghệ mang tính khoa học vì đó là nền văn nghệ được xây dựng trên nền tảng tư tưởng tiên tiến của thời đại, mang tính dân tộc, vì Đảng ta luôn luôn coi trọng truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình. Nền văn nghệ mới xã hội chủ nghĩa hướng tới đại chúng vì đó thực sự là nền văn nghệ "do dân và vì dân". Tuy nhiên, việc hướng tới đại chúng không hề mâu thuẫn với việc nâng cao tính nghệ thuật và tính tư tưởng trong các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ. Văn nghệ sĩ, thông qua tác phẩm của mình, vừa tạo nên khoái cảm thẩm mỹ cho quần chúng, vừa góp phần nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, giúp họ hiểu được, thưởng thức được những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc và nhân loại. Một vấn đề quan trọng khác là cần phải hiểu đúng về tính dân tộc. Trong thực tế, tính dân tộc vừa được thể hiện qua hệ thống các giá trị bền vững, ổn định, thể hiện rõ nét bản sắc độc đáo của dân tộc ấy vừa biến đổi, mở rộng các giá trị để phù hợp với thời đại mới. Vì thế, phạm trù dân tộc - thời đại vừa có nội hàm riêng vừa gắn bó chặt chẽ và biện chứng với nhau trong quá trình phát triển. Khẩu hiệu "xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" mà Đảng ta nêu lên trong các kỳ Đại hội gần đây chính là khẩu hiệu thể hiện quan điểm mang tính chiến lược của Đảng về vai trò, vị thế và tính chất của nền văn hóa mới.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, bên cạnh nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao vẫn còn không ít tác phẩm chạy theo khuynh hướng thương mại hóa, chiều theo những thị hiếu nghệ thuật thấp kém, bên cạnh nhiều nghệ sĩ trung thành với lý tưởng cách mạng vẫn còn số ít nhà văn còn mơ hồ về quan điểm hoặc dao động về lập trường tư tưởng. Bởi thế, lĩnh vực văn học nghệ thuật đòi hỏi các nhà văn phải xác định rõ trách nhiệm của mình trước đất nước, biết xử lý một cách hài hòa giữa tự do sáng tạo của cá nhân và lợi ích của cộng đồng. Nhìn một cách tổng quát, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng văn học thời kỳ đổi mới đã thiết tạo được một mặt bằng nghệ thuật cao hơn so với giai đoạn trước, tư duy nghệ thuật cũng trở nên phong phú, uyển chuyển hơn, giọng điệu nghệ thuật đa dạng hơn, nhưng có một sự thật là đội ngũ nghệ sĩ của chúng ta vẫn chưa tạo nên được những đỉnh cao nghệ thuật như nhân dân hằng trông đợi. Một số nhà văn còn quá chú ý đến cái tôi nhỏ bé, quanh quẩn với những cảm xúc riêng tư, vụn vặt, những nếp nghĩ mòn cũ mà chưa tạo nên những đột phá nghệ thuật thực thụ.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên đây có nhiều, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng nhất là nghệ sĩ chưa lột tả được tinh thần của thời đại bằng những tác phẩm giàu tính nghệ thuật. Văn nghệ cần đến tiếng nói phê phán, cần đến thái độ nhìn thẳng vào sự thật, nhưng vấn đề là trong cảm hứng về sự thật, nhà văn đứng về sự thật nào, cổ vũ cho lý tưởng nào. Trong thời gian qua, nhiều nhà văn dường như quá say sưa với việc miêu tả những mặt trái của đời sống xã hội mà chưa chú ý khắc họa những nhân vật trung tâm của thời đại. Đó là loại nhân vật tiêu biểu cho các thời đoạn lịch sử khác nhau, gắn liền với lý tưởng thẩm mỹ của thời đại ấy. Nhân vật trung tâm của văn học Việt Nam hiện nay phải là những con người tiêu biểu cho trí tuệ, tâm hồn của dân tộc ta trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cho dù lượng sách văn học xuất bản tăng mạnh, đội ngũ nhà văn ngày càng hùng hậu nhưng người đọc hãy còn hiếm khi

Digitized by Google

bắt gặp loại nhân vật trung tâm của thời đại trong văn học, hoặc nếu bắt gặp thì những nhân vật này hiện lên khá mờ nhạt, chưa thực sự tạo nên sức hấp dẫn lớn lao. Đó là một thực tế đòi hỏi chúng ta phải suy ngẫm một cách sâu sắc, bởi lẽ, văn học cần có những nhân vật gieo vào lòng người những hoài bão, những khát vọng cao cả. Bản chất con người là luôn mơ ước về những giá trị cao cả, luôn kỳ vọng về một thế giới tươi sáng và hạnh phúc. Phải chăng, trong khi hướng về mặt đất chúng ta vẫn không thôi hướng về phía bầu trời. Chính sự có mặt của nhiều loại hình nhân vật khác nhau sẽ góp phần tạo nên tính đa dạng của một nền văn học. Các thế hệ mai sau, khi nhìn lại giai đoạn lịch sử này, họ sẽ hiểu hơn chiều sâu tâm hồn dân tộc khi tiếp xúc với thế giới nhân vật đa dạng ấy mà các nhà văn dày công xây dựng nên trong tác phẩm của mình.

3 - Trong sự nghiệp đổi mới hôm nay, Đảng ta, nhân dân ta đang trông đợi những tác phẩm nghệ thuật ưu tú ngang tầm thời đại. Để có được những tác phẩm nghệ thuật cao về tư tưởng, sâu về nghệ thuật chính là trách nhiệm và cũng là vinh dự của đội ngũ cầm bút. Không còn lựa chọn nào khác, các nhà văn phải sống sâu hơn nữa, phải gắn bó nhiều hơn nữa với số phận của đất nước và nhân dân vì văn nghệ phải là" tiếng nói đầy trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của sự thật, của lương tri, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, phản ánh được nguyện vọng sâu xa của nhân dân và quyết tâm của Đảng đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi" (3) (Chỉ thị 61- CT/TW của Ban Bí thư).

Đảng ta luôn luôn khẳng định sự ủng hộ đối với những tìm tòi sáng tạo của đội ngũ nhà văn. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VIII nhấn mạnh: "Khuyến khích tìm tòi, thể hiện mọi phương pháp, mọi phong cách sáng tác vì mục đích đáp ứng đời sống tinh thần lành mạnh, bổ ích của công chúng. Bài trừ các khuynh hướng suy đồi phi nhân tính" (4). Đảng không gò ép các nhà văn phải đi theo một khuôn mẫu cụ thể nào mà luôn luôn khuyến khích sự đa dạng trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật. Điều này hoàn toàn phù hợp với công việc của nghệ sĩ vì bản chất của nghệ thuật là đa dạng, bản chất của văn chương là sáng tạo. Thời kỳ phát triển mới đòi hỏi các văn nghệ sĩ sáng tạo để có thật nhiều tác phẩm hay, phải kiên quyết chống lại những khuynh hướng nhân danh nghệ thuật để chế tác những tác phẩm yếu kém làm tổn hại đến đời sống văn hóa lành mạnh của nhân dân. Không chỉ gắn bó sâu sắc với đời sống của đất nước, nhà văn cũng phải biết tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại. Đây là một yêu cầu rất cao đối với văn nghệ sĩ. Những tác phẩm nghệ thuật của Hồ Chí Minh sở dĩ được nhân dân yêu thích vì đó là những tác phẩm nghệ thuật vừa thể hiện được tinh thần của thời đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện rõ cốt cách văn hóa Hồ Chí Minh.

Sự nghiệp văn học của nước nhà bao giờ cũng được Đảng và nhân dân ta quan tâm vì văn học là một bộ phận quan trọng tạo nên tầm vóc và vị thế của văn hóa Việt Nam. Làm sao để có một nền văn học phát triển, để nhân dân ngày càng được hưởng thụ những sản phẩm văn học tinh thần phong phú là trách nhiệm của chính các nhà văn. Đó cũng là sứ mệnh cao cả mà nhân dân đã tin tưởng và đặt niềm hy vọng vào đội ngũ nhà văn yêu quý của chúng ta. ❑

---

(3) Trích theo *"Về lãnh đạo, quản lý văn học - nghệ thuật trong công cuộc đổi mới"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 141

(4) *Sđd*, tr 63

Digitized by Google

VỀ VẤN ĐỀ "Tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam"

ĐỖ QUANG HƯNG *

Vấn đề "tự do tôn giáo" trong lô-gíc và chính sách của Mỹ

Nhìn một cách đại thể, từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, trong chính giới Mỹ bắt đầu đưa vấn đề nhân quyền vào các phạm trù, chính sách đối ngoại. Chẳng hạn, năm 1994, Hạ viện Mỹ thông qua nghị quyết lấy ngày 11-5 hằng năm là "ngày nhân quyền Việt Nam".

Tuy vậy, cho đến trước năm 1998, trong "vấn đề nhân quyền" chưa thấy có "câu chuyện tôn giáo".

Ngày 14-5-1998, Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật *Luật Tự do tôn giáo quốc tế* (HR 2431)(1). Đây là lần đầu tiên, trong *một bộ luật*, Mỹ đã công khai, hợp pháp hóa những căn cứ của họ trong chính sách tôn giáo quốc tế.

Bộ luật này cũng đưa ra *một số định nghĩa*, trong đó có định nghĩa về "những vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tự do tôn giáo". Theo đó, những vi phạm như "tra tấn hoặc đối xử vô nhân đạo; giam giữ lâu dài mà không buộc tội; làm nhiều người bị mất tích hoặc giam giữ bí mật; tước bỏ quyền sinh sống, tự do, an ninh cá nhân" được coi là nội dung cụ thể.

Với bộ Luật này, trong cơ quan hành pháp Mỹ bắt đầu xuất hiện nhân vật *đại sứ lưu động về Tự do tôn giáo quốc tế* thuộc Bộ Ngoại giao (đầu tiên là Rô-bớt Sếp-trô-phai, 1999); một Ủy ban về Tự do tôn giáo quốc tế (gồm 9 thành viên, trong đó có 3 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm, số còn lại do Thượng viện, Hạ viện bầu ra); một Cố vấn đặc biệt về Tự do tôn giáo quốc tế trong cơ cấu tổ chức Hội đồng An ninh quốc gia.

Ngày 19-11-1999, Luật HR 2194 đánh dấu *"bước tiến mới"* của chính sách gây sức ép, trừng phạt về kinh tế, ngoại giao của Mỹ đối với tất cả các nước vì "lý do tự do tôn giáo". Cũng năm 1999, báo cáo đầu tiên của *Ủy ban Nhân quyền quốc tế* của Mỹ về tình hình 197 nước đã "điều chỉnh" lối phân chia 2 loại nước của Luật HR 2431, thành 4 loại nước, theo tiêu chí của *Luật Tự do tôn giáo* nói trên.

Như vậy, có thể thấy rõ một số yếu tố quan trọng, sâu xa, nếu không muốn nói là quan trọng nhất: Mỹ đã chính thức sử dụng vũ khí "Tôn giáo - nhân quyền" trong các quan hệ quốc tế hiện nay, cả trên phương diện pháp lý, đạo lý và chính sách đối ngoại.

Lẽ dĩ nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, *vấn đề tôn giáo* trong đời sống xã hội loài

---

* GS, TS, Viện trưởng Viện nghiên cứu tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) Nguyên bản: International religious freedom, Act of 1998. Bộ Luật này gồm 7 chương, 701 điều, trong đó đáng lưu ý là những quy định về hoạt động của Bộ Ngoại giao (Chương I); Ủy ban Tự do Tôn giáo quốc tế (Chương II); Các hành động của Tổng thống (Chương IV); Thúc đẩy tự do Tôn giáo (Chương V) v.v..

Digitized by Google

người những thập niên gần đây còn chịu nhiều sức ép. Theo chúng tôi, là những yếu tố sau:

1 - Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, không chỉ tạo ra sự khủng hoảng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà còn có tác động lớn đến đời sống tôn giáo thế giới: sự trỗi dậy của *chính thống giáo* và tư tưởng tôn giáo nói chung ở các vùng lãnh thổ thuộc Liên Xô trước đây, sự bùng nổ của chủ nghĩa ly khai trên cơ sở thúc đẩy sự xung đột sắc tộc, tôn giáo cùng các mục tiêu chính trị khác nhau...

Cuối thế kỷ XX, *xu hướng vô thần* có nhiều dấu hiệu suy giảm, thay vào đó là sự "quay trở lại của tâm thức tôn giáo".

2 - Cục diện "chiến tranh lạnh" mất đi, nói cách khác là cục diện thế giới đã chuyển từ thế hai cực Xô - Mỹ sang cục diện một cực của Mỹ trên toàn cầu. Nhưng nói như thế cũng chưa phản ánh hết tính đa dạng, phức tạp của cục diện thế giới hiện nay: dưới hình thái của *chủ nghĩa khủng bố*, một bộ phận của thế giới Hồi giáo đã và đang trở thành lực lượng đối đầu với Mỹ và phương Tây. Về mặt tôn giáo xã hội, lực lượng ấy là sự biểu hiện của *chủ nghĩa toàn thống* (Fondamentalisme) và *chủ nghĩa toàn thủ* (Intégrisme), đối đầu với *chủ nghĩa hiện đại* làm cơ sở tư tưởng và chất kết dính.

3 - *Toàn cầu hóa*, trước hết là toàn cầu hóa về kinh tế của thế giới hiện nay tác động theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực đến lịch sử thế giới đương đại. Về mặt tôn giáo, đã và đang diễn ra một xu hướng mới rất đáng lưu ý, đó là xu thế *toàn cầu hóa tôn giáo.*

Hiện tượng toàn cầu hóa tôn giáo hiện ra ngày càng rõ nét và đã đặt ra nhiều vấn đề xã hội và tôn giáo có tính thách thức.

Đại thể, theo giới nghiên cứu tôn giáo, *toàn cầu hóa tôn giáo* là quá trình chuyển từ tính quốc tế liên nhà nước sang *tính xuyên quốc gia:* các chiến lược bành trướng tôn giáo càng ít đi sự liên quan đến quyền bá chủ chính trị, nó không còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các nhà nước. Việc "xuất khẩu" tôn giáo ở các thế kỷ trước thường gắn với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân thì nay các luồng tôn giáo không thể đáp ứng lô-gíc này nữa. Toàn cầu hóa tôn giáo hiện nay có xu thế thoát khỏi tầm kiểm soát của các nhà nước và vượt lên trên các đường biên giới. Ngoài ra, các luồng tôn giáo không còn giới hạn ở sự lan truyền Bắc - Nam (hoặc Tây - Đông) mà trở nên phức tạp hơn [2].

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, toàn cầu hóa tôn giáo phá vỡ các biên giới, đồng thời lại tạo ra các biên giới mới. Trước đây, các tôn giáo độc thần, đa thần và tô tem giáo với các cơ chế hành lễ, giáo luật tự xem là những yếu tố phân chia ranh giới. Bởi vì các nghi lễ hay các cộng đồng tôn giáo không thể tồn tại nếu không vạch ra các biên giới. Hiện nay "tính hiện đại" cung cấp những công cụ mới cho sự truyền bá. Vì thế xuất hiện hai hình thức toàn cầu hóa về tôn giáo: *thứ nhất*, lối toàn cầu hóa "toàn thế giới"; *thứ hai*, lối toàn cầu hóa hỗn độn hơn, lối này sinh ra các tôn giáo của đám đông, không phải do những người "ưu tú" tạo ra.

Xu thế toàn cầu hóa tôn giáo đã dẫn đến một hiện tượng có tính hệ luận: *sự đa nguyên hóa* (Pluralisme) đời sống tôn giáo. Ở các nước Âu - Mỹ hiện nay, tùy mức độ, đã phải "công nhận" về mặt pháp lý sự hiện diện của các tôn giáo "xa lạ" như Hồi giáo, Phật giáo (nhất là Phật giáo Lạt ma) và cả những giáo phái đến từ phương Đông như Soka Gakkai, đạo Moon...

4 - *Thế tục hóa và phi thế tục hóa.* Thế tục hóa là khái niệm nảy sinh trong các cuộc cách mạng tư sản châu Âu. Thuật ngữ này được định nghĩa một cách đơn giản là quá trình

(2) Xem: J. P. Bastian, F. Champion: *La Globalisation du religieux* (Toàn cầu hóa tôn giáo), Nxb L' armattan, Paris, 2001, tr 10 - 11

Digitized by Google

trong đó tôn giáo bị giảm tầm quan trọng trong xã hội cũng như trong ý thức cá nhân. Hầu hết các nhà xã hội học đều chia sẻ quan niệm rằng thế tục hóa là kết quả trực tiếp của quá trình hiện đại hóa.

Mối quan hệ giữa *thế tục hóa* và *tính hiện đại* đôi khi rất phức tạp, không ít nghịch lý. Mỹ là nước sùng đạo, nhưng khó có thể nói nó không hiện đại bằng châu Âu. Quá trình thế tục hóa thực sự bắt đầu ở châu Âu từ đầu thế kỷ XIX, nhưng đến nay các nước châu Âu cũng chưa thể kết thúc việc lựa chọn mô hình nhà nước thế tục.

Trong vài thập niên trở lại đây, cùng với *sự hồi sinh của tôn giáo trong sinh hoạt chính trị thế giới*, người ta lại phải theo dõi hiện tượng *phi thế tục hóa* (3) như một dấu chứng chính trị thuyết toàn cầu hóa và sự thế tục hóa.

Nêu ra một số xu hướng lớn trên đây trong đời sống tôn giáo thế giới để có thể đi đến nhận định là các thế lực thù địch còn lợi dụng bối cảnh phức tạp của vấn đề tôn giáo đương đại, biến vấn đề tôn giáo - nhân quyền thành một vũ khí lợi hại chống lại những nước không chịu chấp nhận "hệ giá trị Mỹ". Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, với thế "thượng phong", âm mưu này của Mỹ ngày càng công nhiên và áp đặt.

Trong âm mưu lợi dụng vấn đề tôn giáo - nhân quyền của Mỹ chống Việt Nam, chắc chắn có thủ đoạn *xuyên tạc*. Nhưng cơ bản là Mỹ dựa vào một *luận lý* khác, một *luận lý* chắc chắn là *phi lý* và *áp đặt* để chống chúng ta. Vì thế, đã đến lúc chúng ta phải đi sâu tìm hiểu cái *"lô-gíc" của Mỹ trong vấn đề "tự do tôn giáo ở Việt Nam"* là gì? Bởi vì, khi hiểu rõ cái "lô-gíc" ấy, tức là "cơ sở luận lý" của họ, chúng ta mới có thể đấu tranh có hiệu quả, hoặc ít nhất cũng *"lật tẩy"* được cái *"lô-gíc"* mà phi lô-gíc của họ, để bảo vệ sự đúng đắn của chúng ta trước dư luận trong nước và quốc tế.

Trước hết, phải nói *tự do tôn giáo* - một giá trị tư tưởng của loài người đã được "phát hiện" ở châu Âu với các cuộc cách mạng tư sản (thế kỷ XVII, XVIII). Tuy vậy, cũng phải có quá trình người ta mới quan niệm đầy đủ hơn về nó.

Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 chưa nói đến tự do tôn giáo. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789* của Pháp có nói đến tự do cá nhân, tự do tư tưởng, nhưng cũng chưa nói trực tiếp đến tôn giáo. *Luật Phân ly* (1905) nổi tiếng của Pháp đã nói đến *tự do lương tâm* và *tự do thờ cúng*. Phải đến *Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền* của Liên hợp quốc ngày 10-12-1948 mới có sự thể hiện hoàn chỉnh về công pháp quốc tế của khái niệm "tự do tôn giáo".

Ở Mỹ, nội dung quan trọng, lâu dài của cái "lô-gíc" về "tự do tôn giáo" là mở rộng khái niệm tôn giáo - tôn giáo nhóm nhỏ và cá thể nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của các hệ phái Tin Lành Mỹ ra khắp thế giới.

Ngoài ra, việc lợi dụng xu thế *đa nguyên về tôn giáo, toàn cầu hóa tôn giáo* nói trên của Mỹ còn nhằm vào việc làm thay đổi ***bản đồ địa tôn giáo*** của thế giới, tạo thêm cơ sở xã hội có lợi cho việc thực thi chính sách toàn cầu của họ.

Nội dung các quan điểm sai trái, thù địch của Mỹ về vấn đề "tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam"

1 - Về nội dung quyền "tự do tôn giáo" ở Việt Nam, Mỹ và các thế lực thù địch thường có luận điệu cho rằng Việt Nam có những hạn chế pháp lý ngay từ quan niệm và định nghĩa về tôn giáo. Họ đưa ra những luận điệu hết sức sai trái để xuyên tạc và vu cáo Việt Nam như:

+ Trong khi Điều 18 của *Công ước quốc tế* về các quyền dân sự và chính trị (Điều 1 của

(3) Xem: *Religion in the mordern world* (Tôn giáo trong thế giới hiện đại), Nxb Routledge, London and New York, 2001, tr 57

Digitized by Google

Tuyên ngôn Nhân quyền) về loại trừ các hình thức bất khoan dung, phân biệt với tôn giáo hay tín ngưỡng... thì Hiến pháp Việt Nam ở *Điều 4* đề ra nguyên tắc "Đảng lãnh đạo" duy nhất, *Điều 70* quy định dựa vào "Chính sách nhà nước" để định các giá trị trên.

+ Theo họ, các nước như Việt Nam, thường xem *tôn giáo như một vật thể chính trị* chứ không phải một tác nhân của xã hội, có quyền tự do quyết định vận mệnh của nó. Thậm chí, còn xem *tôn giáo như một công cụ tuyên truyền* cho Đảng, Nhà nước, phục vụ các chính sách Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng.

+ Theo họ, ở Việt Nam còn có những "hạn chế về chính sách tôn giáo", còn "nhiều vi phạm nghiêm trọng" so với luật pháp quốc tế, *hệ thống kiểm soát* tôn giáo của Việt Nam quá chặt chẽ,v.v..

Sự phê phán chính sách tôn giáo ở Việt Nam của Mỹ và các thế lực thù địch xem ra ngày càng bộc lộ rõ sự *quyết liệt* và *tức tối* của họ. Mỹ thường *khuyến khích, khuyến cáo* và *ép buộc* một số quốc gia phải thực hiện các "điều khoản theo tinh thần Công ước quốc tế" về vấn đề tự do tôn giáo.

Cho đến *Dự luật Nhân quyền Việt Nam 2004* (HR 1587) gần đây nhất, các nội dung trên vẫn được lặp lại. Bất chấp một thực tế là chính sách tôn giáo ở Việt Nam đã và đang có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng họ vẫn có cái nhìn rất sai lệch cố hữu, rằng: "Chính phủ Việt Nam tước đoạt một cách hệ thống quyền cơ bản về tự do tôn giáo của công dân mình..." (Dự luật HR 2368).

2 - Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch đặc biệt quan tâm đến vấn đề tự do tôn giáo, nhất là *vấn đề Tin Lành* ở Tây Nguyên. Họ tập trung nghiên cứu các phương diện nhân chủng học, dân tộc học, tôn giáo học... ở vùng này. Họ đưa ra những luận điểm sai trái như: những sự kiện vừa qua ở Tây Nguyên, chính là "sự phẫn nộ trước sự mất mát đất đai của tổ tiên và thiếu tự do tôn giáo. Trong nhiều dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đã hình thành một thứ *chủ nghĩa dân tộc*, cơ sở cho những "đòi hỏi chính trị" hôm nay.

Những quan điểm sai trái, nguy hại này dĩ nhiên cần phải bác bỏ.

3 - Lên án Việt Nam trong "vấn đề tôn giáo - nhân quyền", các thế lực thù địch cho rằng, ở Việt Nam có "hai chính sách tôn giáo". *Một là*, trên ngôn ngữ văn bản, mà họ thừa nhận ngày một cải thiện. *Hai là*, chính sách áp dụng trong thực tiễn, nhất là ở các địa phương thì ngược lại, đó là sự hạn chế, trói buộc các tôn giáo.

Đây là luận điệu hoàn toàn phi thực tế và phi lý.

4 - Ngoài vấn đề tạo ra "luận lý" về những "vi phạm tự do tôn giáo ở Việt Nam", hoạt động của các thế lực thù địch còn thể hiện trên nhiều mặt khác. Nguy hiểm nhất là lợi dụng vấn đề "tôn giáo - dân tộc" để kích động tư tưởng ly khai, tự trị ở các vùng dân tộc thiểu số, kích động gây bạo loạn, gây rối nhằm tạo sự mất ổn định chính trị - xã hội trong khu vực. Cụ thể là các thế lực thù địch công khai ủng hộ các phần tử phản động trong số người dân tộc thiểu số lưu vong, phục hồi tổ chức FULRO, lập ra "Tin Lành Đề Ga", "Nhà nước Đề Ga", "Tổ quốc Mông"... Họ thường xuyên kích động các phần tử cực đoan trong các tôn giáo đòi "tự do tôn giáo", âm mưu tái lập "Liên tôn chống cộng sản"; khôi phục các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp; công kích Ủy ban Đoàn kết Công giáo; hỗ trợ cho một số người nhằm âm mưu phát triển đạo Tin Lành ngoài khuôn khổ luật pháp ở vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên, thậm chí còn vận động tặng giải thưởng Nô-ben về hòa bình và các giải thưởng nhân quyền cho một số nhân vật tôn giáo chống đối, cực đoan, đối lập với Nhà nước lâu nay.

Về những giải pháp

Việc phản bác những quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch trong vấn

Digitized by Google

đề tôn giáo và nhân quyền, theo chúng tôi có một số giải pháp, phương thức sau:

1 - Vấn đề "tự do tôn giáo"

Riêng đối với người Mỹ, tính phức tạp của vấn đề là ở chỗ họ lạm dụng và đồng nhất quyền *tự do tôn giáo* và *tự do truyền giáo* để có thể thúc đẩy sự truyền bá Ki-tô giáo, nhất là Tin Lành sang châu Âu và các nước khác trên thế giới. Những năm gần đây, do bối cảnh toàn cầu hóa tôn giáo, người Mỹ đã lợi dụng những ưu thế của đạo Tin Lành để có thể bành trướng văn hóa, văn minh Mỹ ra toàn cầu. Học thuyết về tự do tôn giáo của Mỹ còn đặc biệt chú trọng đến vấn đề *cải đạo, đổi đạo*. Cụ thể là Mỹ rất quan tâm lợi dụng các dân tộc thiểu số trên khắp các lục địa, những cộng đồng yếu đuối, nhạy cảm, nặng mặc cảm "bị gạt bên lề" khỏi xu thế toàn cầu hóa, hiện đại hóa và các cộng đồng vốn bị "thua thiệt lịch sử". Điều này rất dễ kích động tâm lý dân tộc hẹp hòi, thực hiện *chủ nghĩa giải lãnh thổ* (Déterritorilosation) hết sức nguy hiểm.

Chúng ta cần nghiên cứu, vạch rõ sự áp đặt các giá trị Mỹ cũng như sự phi lý của Mỹ với quan điểm tự do tôn giáo theo lối *lưỡng chuẩn* (Double Standard). Ngoài ra, bên cạnh việc nghiên cứu cái "lô-gíc" về "tự do tôn giáo" của Mỹ, chúng ta cần nghiên cứu sự khác biệt trong quan niệm của Mỹ và Tây Âu về tôn giáo.

2 - Vấn đề "luật pháp tôn giáo"

Chúng ta một mặt phải hoàn thiện hơn nữa về phương diện luật pháp tôn giáo theo hướng hội nhập hơn với các *Công ước quốc tế*. Mặt khác, trong công tác lý luận, chúng ta cũng cần khẳng định những mặt mạnh, sự tiến bộ của hệ thống luật pháp tôn giáo ở Việt Nam và trình bày một cách thuyết phục bước biến chuyển này trước công luận. Trong khi thể hiện lô-gíc về tự do tôn giáo ở nước ta, về nguyên tắc phải bảo đảm những tư tưởng chỉ đạo mà Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra như: bảo đảm nguyên tắc độc lập dân tộc, xã hội chủ nghĩa, tôn giáo phải đồng hành với dân tộc, sự lựa chọn các tôn giáo, tín ngưỡng của công dân phải thực sự trên cơ sở tự nguyện, gắn bó với Tổ quốc và bản sắc văn hóa dân tộc...

3 - Vấn đề "tù nhân tôn giáo"

Chúng ta cần khẳng định rõ là Việt Nam luôn tôn trọng một nguyên tắc cơ bản là người dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Ở Việt Nam không có cái gọi là "tù nhân tôn giáo", không có ai bị giam giữ vì lý do tôn giáo và bất đồng chính kiến.

4 - Vấn đề "hai chính sách tôn giáo ở Việt Nam"

Trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta kiên quyết bác bỏ luận điểm này. Giới nghiên cứu cần bảo vệ và làm rõ quan điểm nhất quán, lời nói đi đôi với việc làm, chính sách, luật pháp về tôn giáo luôn được thực hiện ngày càng tốt hơn trong thực tiễn với những dẫn chứng thuyết phục để bác bỏ tận gốc quan điểm nguy hiểm này.

5 - Về âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo trong các dân tộc thiểu số ở các địa bàn chiến lược ở nước ta nhằm thực hiện chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa giải lãnh thổ.

Để làm thất bại âm mưu này của địch, chúng ta cần nghiên cứu sâu và toàn diện hơn những đặc tính, cội nguồn lịch sử, những vấn đề đương đại, trong đó có việc phát triển "bất bình thường" của Ki-tô giáo hiện nay ở các vùng dân tộc thiểu số, nhất là vùng của đồng bào Mông, một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, cộng đồng Khơ-me Nam Bộ. Cần nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về các tổ chức phản động ở nước ngoài từ lực lượng cầm đầu, âm mưu cụ thể của các thế lực thù địch ở Mỹ và phương Tây gắn với Tin Lành Đề Ga, phong trào Khơ-me Krom; phong trào Tổ quốc Mông... nhằm mưu đồ thực hiện *chủ nghĩa ly khai* phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội ở nước ta. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

NGUYỄN TẤN PHÁT *

Sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX đến nay đang có những bước tiến mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

Càng đi vào chiều sâu của sự nghiệp đổi mới, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, có khả năng đáp ứng đòi hỏi của kinh tế tri thức và hội nhập càng trở thành vấn đề cấp bách, thôi thúc ngành giáo dục và đào tạo phải sớm có những bước đi đột phá.

Các trường đại học trọng điểm của Việt Nam được giao trọng trách đi tiên phong trong quá trình này đã đề ra kế hoạch, lộ trình, giải pháp cụ thể. Trong bước đầu thực hiện, các trường cũng đã có rất nhiều chuyển biến tích cực.

Nằm trong tốp đầu của những đại học được vinh dự gánh vác nhiệm vụ nặng nề của Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực sự đã có những bước đi tạo đà vững chắc để có sự phát triển nhanh hơn nữa ở các năm sau.

Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 1995, chính thức ra mắt hoạt động năm 1996. Đến nay, nhà trường gồm có 4 trường thành viên: Đại học Bách khoa; Đại học Khoa học Tự nhiên; Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Đại học quốc tế; một viện nghiên cứu: Viện Môi trường và Tài nguyên; một khoa trực thuộc: Khoa Kinh tế; nhiều trung tâm như: Trung tâm Đào tạo quốc tế, Trung tâm Kiểm định và Đánh giá chất lượng đào tạo, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng, Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin; Trường phổ thông Năng khiếu...

Cuối năm 2001, tại Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hội nghị thông qua chiến lược trung hạn phát triển giai đoạn 2001 - 2005 với sự tham dự của hơn 400 cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy từ giảng viên chính trở lên. Với sự thống nhất ý chí rất cao, hội nghị đã tập trung thảo luận về các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch, giải pháp cũng như tiến hành phân công cụ thể việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Ba mũi đột phá ở giai đoạn đầu của sự phát triển đã được xác định là:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Về xây dựng cơ bản, đặc biệt là ở khu quy hoạch 643,7 ha đất do Chính phủ giao ở Thủ Đức - Dĩ An.

- Các giải pháp tạo bước chuyển biến mạnh về chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Ngày nay, hội nhập là xu thế mang tính toàn cầu, là quy luật không thể đảo ngược. Đảng ta chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Trong cuộc hội nhập này, vấn đề nguồn nhân lực trình độ cao mang tính cạnh tranh toàn cầu có ý nghĩa đặc biệt. Đây là trách nhiệm trước hết của ngành giáo dục - đào tạo. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh nhận thức rằng, đổi mới và hội nhập có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, không thể đổi mới mà không hội nhập và ngược lại. Trong mối quan hệ này, đổi mới để tiến bộ, để tăng cường sức mạnh nội sinh, giải phóng năng lực sáng tạo, khơi dậy lòng tự hào và tự tôn dân tộc phải giữ vai trò quyết định.

Từ nhận thức như vậy, trong chiến lược phát triển của mình Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nhiệm vụ đổi mới gắn bó hữu cơ với yêu cầu hội nhập.

1 - Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức

Xác định cán bộ giảng dạy là lực lượng nòng cốt, nghiên cứu và quản lý là nhân tố quyết định sự thành bại của chiến lược phát triển, nhà trường luôn coi trọng việc xây dựng đội ngũ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về mặt cơ cấu. Đây là ưu tiên hàng đầu, là mũi đột phá số một của trường.

Từ năm 1995 đến năm 2001, nhà trường chỉ có 1.072 cán bộ giảng dạy, nhưng phải đảm nhận đào tạo gần 30.000 sinh viên các hệ. Tỷ lệ số lượng sinh viên trên một cán bộ giảng dạy là rất cao.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 của nhà trường là có 2.500 cán bộ công chức, trong đó 2.000 cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu, số cán bộ công chức có trình độ sau đại học chiếm 80%. Nhà trường đã tổ chức hội nghị chuyên đề thảo luận vấn đề này và đã lập đề án khá chi tiết, vạch ra kế hoạch phấn đấu cụ thể cho từng năm, từng đơn vị, bắt đầu từ các tổ bộ môn. Mặc dù kinh phí để gửi đi đào tạo, nhất là đào tạo ở nước ngoài, chưa đáp ứng nhu cầu, nhưng nhờ sự nỗ lực cao của toàn đội ngũ, đến nay sau 3 năm thực hiện chiến lược trung hạn - nhà trường đã có trên 2.300 cán bộ, công chức, trong đó có 1.820 cán bộ giảng dạy, tăng gần 800 cán bộ giảng dạy. Số cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ tăng từ 320 lên 450 người, chủ yếu là tự đào tạo kết hợp với thu hút cán bộ các nơi, nhất là cán bộ tốt nghiệp ở nước ngoài. Số cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư tăng gấp đôi.

Những thành quả đạt được của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, đã mở ra nhiều lĩnh vực đào tạo mới, nhất là các lĩnh vực đào tạo sau đại học, có sự góp sức rất lớn của đội ngũ cán bộ mới được tăng cường.

2 - Về xây dựng cơ bản

Sau nhiều năm không được đầu tư vốn để xây dựng do tổ chức chưa ổn định, từ cuối năm 2001 đến nay, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được ưu tiên kinh phí xây dựng cơ bản. Tận dụng cơ hội thuận lợi này, trường nhanh chóng lập ra Ban quản lý xây dựng cơ bản để điều hành công việc, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ đạo Đại học quốc gia do Giám đốc đứng đầu. Hội nghị chuyên đề được tổ chức để bàn biện pháp thực hiện mũi đột phá này. Nhờ đó nhà trường đã phối hợp tốt với thành phố Hồ Chí Minh và địa phương giải phóng mặt bằng, tái định cư các hộ dân, thiết kế các công trình theo quy hoạch, xây mới các hạng mục đúng tầm cỡ, từng bước hình thành diện mạo của đô thị đại học tại cơ sở mới.

Trong năm học 2003 - 2004, nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng hàng loạt các công trình mới như thư viện điện tử trung tâm (diện tích gần 10.000 m^2), khu công nghệ thông tin (trên 16.000 m^2), đặc biệt là tòa nhà điều hành đa năng. Các công trình được thiết kế nhiều tầng, sử dụng thang máy, hệ thống điện lạnh và hạ tầng thông tin hiện đại.

Digitized by Google

Nhà trường đã xây xong khu ký túc xá A, 11 nhà 5 tầng, phục vụ ăn, ở cho hơn 5.000 sinh viên, trong đó có 9 nhà do 8 tỉnh, thành hỗ trợ kinh phí xây dựng.(1) Trường cũng vừa ký thỏa thuận với 3 tỉnh là Bình Dương, Đồng Nai và Tiền Giang để xây thêm 3 ký túc xá khác. Đây là khu tiểu đô thị có đầy đủ các loại dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, các hoạt động văn thể, các câu lạc bộ... để sinh viên học tập, vui chơi, giải trí và tự đào tạo.

Các trường đại học thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đều có những cố gắng rất lớn trong việc xây mới giảng đường, lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm. Trường đại học Khoa học Tự nhiên đã đưa vào sử dụng tòa nhà cao 11 tầng dành cho khoa Hóa, khoa Công nghệ Thông tin và thư viện điện tử cho học viên cao học. Nhà học cho Trường phổ thông Năng khiếu cũng vừa được khởi công. Trường đại học Bách khoa cũng đã xây xong và đưa vào sử dụng ba nhà cao tầng và đang khởi công xây dựng một ký túc xá hiện đại cao 11 tầng... Toàn bộ kinh phí xây dựng ở nội thành không phải là kinh phí xây dựng cơ bản do Nhà nước cấp mà do trường đã tự tích lũy nhiều năm từ học phí, từ nguồn tài trợ.

So với quy mô một đô thị đại học mà Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm xây dựng ở khu vực mới thì những công trình vừa hoàn thành có lẽ chỉ đạt chưa tới 20% khối lượng. Song, những gì làm được thật sự đã gây ấn tượng tốt cho khách trong và ngoài nước, nhất là việc các hạng mục mới xây dựng được đưa vào sử dụng có hiệu quả đã tạo được niềm tin, sự phấn khởi trong đội ngũ cán bộ và sinh viên nhà trường.

3 - Về những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Đây là mục tiêu có ý nghĩa chiến lược, được lãnh đạo nhà trường tập trung chỉ đạo và là một trong ba mũi đột phá quyết định uy tín đào tạo của nhà trường.

Xuất phát từ nhận thức vấn đề chất lượng đào tạo có mối quan hệ biện chứng với các vấn đề khác (như xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất...), trong năm học vừa qua, cả 3 mũi đột phá này được tiến hành đồng bộ mà vẫn bảo đảm những nét đặc thù trong chỉ đạo của từng loại vấn đề.

Chất lượng đào tạo trước hết là trách nhiệm của từng cán bộ giảng dạy, từng cán bộ nghiên cứu, từng tổ bộ môn, từng khoa. Có thể nói, đây là nhiệm vụ phải được hoàn thành từ trên xuống, từ dưới lên, từ người dạy đến người học và người quản lý.

Chưa lúc nào vai trò của mỗi cán bộ, mỗi sinh viên được phát huy như lúc này. Trong chiến lược phát triển nhà trường luôn nhấn mạnh tới sự nỗ lực của cá nhân và của các tập thể khoa, tổ bộ môn. Định lượng về kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu, in ấn tài liệu giáo trình, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập và dành hệ số ưu đãi trong kinh phí để tập trung cho các nhiệm vụ mới, nhằm đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo đã được xác lập.

Hiện nay, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị đi đầu trong cả nước thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ. Cách đào tạo này tạo rất nhiều thuận lợi cho sinh viên bố trí thời khóa biểu, lựa chọn chương trình phù hợp với năng lực cá nhân, cũng như cho việc liên thông đào tạo giữa các cấp học, các cơ sở đào tạo, kể cả các cơ sở của nước ngoài.

Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là nơi đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo ngoại ngữ, khuyến khích các đơn vị mở rộng đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ, phối hợp với các tổ chức quốc tế đào tạo và cấp chứng chỉ ngoại ngữ có giá trị quốc tế cho sinh viên. Nhà trường cũng là đơn vị đầu tiên thành lập

(1) 8 tỉnh, thành đã xây dựng xong ký túc xá là An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Phước, riêng thành phố Hồ Chí Minh có 2 đơn nguyên

Digitized by Google

Trường đại học quốc tế (thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ. Khai giảng khóa đầu tiên, có trên 200 sinh viên theo học và 50% giảng viên nước ngoài phối hợp giảng dạy.

Chủ trương của nhà trường là tăng quy mô đào tạo đại học hằng năm ở mức vừa phải (dưới 5%); nhưng lại tăng tỷ lệ đào tạo sau đại học không dưới 10%/năm. Nếu năm học 2001 - 2002, nhà trường chỉ có 1.400 học viên sau đại học, đến năm học 2003 - 2004 con số này đã là 3.500. Các chương trình phối hợp với nước ngoài đào tạo các bậc tiến sĩ, thạc sĩ và đại học ngày càng phát triển mạnh.

Chỉ trong một vài năm qua, cán bộ giảng dạy của trường đã biên soạn và in 823 đầu sách làm giáo trình, tài liệu học tập. Sức mạnh nội sinh được khai thác rất mạnh ở lĩnh vực này. Từ đây Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đang có bước đi phù hợp nhằm biên dịch và sử dụng trực tiếp các giáo trình tiên tiến có chọn lọc ở nước ngoài ở một số lĩnh vực công nghệ - kỹ thuật.

Việc sử dụng công nghệ tiên tiến trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học là một tiêu điểm phấn đấu được kết hợp giữa bước đi nhảy vọt, đột phá với bước tiến tuần tự. Những việc đã làm được là phát triển mạnh công nghệ thông tin, đào tạo từ xa qua mạng, đầu tư khai thác các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia mang tính cách tân trong giáo dục như phòng thí nghiệm công nghệ nano, phòng thí nghiệm điều khiển số, phòng thí nghiệm vật liệu polyme và composite... Mục tiêu phấn đấu sắp tới là sẽ có thêm nhiều phòng thí nghiệm lớn khác như phòng thí nghiệm vi điện tử, phòng thí nghiệm sinh học phân tử ứng dụng v.v... Đặc biệt việc khai thác, sử dụng chung các phòng thí nghiệm sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao tính hiệu quả, không chỉ trong phạm vi trường mà còn mở rộng ra bên ngoài.

Sự liên kết phối hợp hoạt động giữa các đơn vị, cơ sở trong trường để tận dụng đội ngũ và cơ sở vật chất là nét đặc thù và là thế mạnh của một đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Nhờ phát huy thế mạnh đặc thù này mà thời gian qua nhà trường đã có dư nguồn nhân lực và cơ sở vật chất để mở thêm một trường đại học mới (Đại học quốc tế), mở thêm 6 khoa, 18 chuyên ngành đào tạo sau đại học, trong đó có 6 ngành đào tạo tiến sĩ và 12 ngành đào tạo thạc sĩ, nâng tổng số số chuyên ngành đào tạo đại học của trường lên 120, đào tạo cao học là 86, đào tạo tiến sĩ là 79.

Gắn kết chặt chẽ với sản xuất công nghiệp của các tỉnh, thành khu vực phía Nam là chiến lược và phương châm phát triển của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Một hội đồng gồm 40 trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh, do Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh làm nòng cốt, đã tự nguyện thành lập theo sáng kiến của Ủy ban Nhân dân thành phố. Hội đồng trường có mục đích liên kết sức mạnh của nhiều trường, nhất là các hoạt động liên kết mở các triển lãm, hội chợ, phối hợp với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các cơ sở sản xuất; tăng cơ hội gắn kết giữa các khâu đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao công nghệ - sản xuất. Thành phố Hồ Chí Minh dành một tỷ lệ kinh phí khá lớn để hằng năm ký các hợp đồng nghiên cứu khoa học với cán bộ của nhà trường. Nhiều thành quả đã được ứng dụng như: thành quả phối hợp nghiên cứu chế tạo ra các sản phẩm đầu tiên của công nghệ nano, kết quả chế tạo 6 loại robot công nghiệp với giá thành chỉ bằng 50% robot cùng tính năng ở nước ngoài v.v... Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tự hào là một trong những trung tâm chuyển giao công nghệ hoạt động hiệu quả nhất trong số các trường đại học toàn quốc, với lá cờ đầu là Đại học Bách khoa. Doanh thu hợp đồng chuyển giao công nghệ năm 2003 tại trường này là 46,5 tỉ đồng, gấp 3,5 lần kinh phí nghiên cứu khoa học được Nhà nước cấp. Trong số 10 nhà khoa học vừa được trao giải thưởng khoa học công nghệ của thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

năm 2004, có 3 người thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các kỳ thi sinh viên giỏi cấp quốc gia và quốc tế, sinh viên của trường luôn được xếp thứ hạng cao. Năm học 2003 - 2004, sinh viên nhà trường đạt huy chương vàng cuộc thi quốc tế về tin học AGAME tại Ấn Độ; huy chương vàng, bạc, đồng tại kỳ thi Olympic tin học toàn quốc; giải nhất toàn thành phố cuộc thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh; chiếm khoảng 50% các giải học sinh giỏi quốc gia mà thành phố đạt được. Đặc biệt, hai lần các đội robocon của sinh viên nhà trường được đại diện cho sinh viên toàn quốc đi dự thi ở Nhật Bản, Hàn Quốc, cả hai lần đều đoạt chức vô địch, kể cả vô địch về ý tưởng sáng tạo.

Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh mới được tổ chức lại, sau 30 năm thực hiện chiến lược trung hạn. Thời gian chưa đủ dài để có thể đánh giá toàn diện. Song, những gì đã làm được trong năm năm qua, đặc biệt là từ sau 3 năm cải cách thực sự là một bước chuyển biến rất quan trọng trên chặng đường đổi mới và hội nhập. Sự chuyển biến này hoàn toàn xứng đáng, bởi lẽ các trường đại học nòng cốt của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh vốn là các trường đại học mạnh, có bề dày truyền thống trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Con đường phía trước của nhà trường chắc chắn còn nhiều khó khăn. Để chủ động cứ sau mỗi năm học, cán bộ của nhà trường cùng ngồi lại ở một hội nghị có quy mô lớn, nhìn thẳng vào sự thật, thấy được những mặt mạnh, mặt yếu, những việc làm tốt và chưa tốt của mình, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm học kế tiếp. Sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương, sự đồng tâm nhất trí cao của cán bộ công chức trong việc thực hiện đổi mới và hội nhập, là cơ sở bảo đảm cho Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thắng lợi mục tiêu, hoàn thành trọng trách của mình. ❑

VĂN HÓA ỨNG XỬ...

(Tiếp theo trang 34)

phương pháp và *dùng phương pháp để thực hành chân lý, dùng những tấm gương trong thực tế* và *tự mình nêu gương* để giáo dục con người trở nên tốt đẹp. Phương châm mà Người nêu lên và căn dặn chúng ta là, bất cứ việc gì, dù to hay nhỏ, muốn thực hiện được, muốn mọi người cùng làm thì phải có phương pháp cho *đúng* và dùng phương pháp cho *khéo*. Người là bậc thầy của phương pháp, và ở tầm triết học, Người là *nhà biện chứng thực hành xuất sắc nhất của cách mạng Việt Nam, của dân tộc ta trong thế kỷ XX*. "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là sự cô đúc tất cả tư tưởng, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh, là bản chất văn hóa Hồ Chí Minh. Đó cũng là nguyên tắc và chuẩn mực của Người trong văn hóa ứng xử mà chúng ta cần học tập, vận dụng hiện nay.

5. Từ sự nghiệp lớn của Đảng và của dân tộc ta, đến cuộc sống riêng tư của mỗi người, bằng những trải nghiệm hằng ngày của chính mình, mỗi chúng ta đều cảm nhận rằng: Bác Hồ vẫn còn sống mãi với chúng ta, vẫn ở bên cạnh chúng ta, dẫn dắt chúng ta đi tới thắng lợi của Đổi mới, tới mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tới sự tốt đẹp của cuộc sống, sự hoàn thiện của nhân cách, văn hóa làm người. "Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn". Có trí tuệ, tình thương, tấm lòng bao dung, nhân ái của Bác cổ vũ, thúc đẩy, những thế hệ người Việt Nam hôm nay và mãi mãi sau này sẽ làm nên nhiều điều tốt đẹp xứng đáng với lòng mong đợi của Người.

Đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết về Người, về nhân cách Hồ Chí Minh, văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh: "Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, chói sáng mà không làm ai choáng ngợp, mới gặp lần đầu mà đã dường như thân thiết từ lâu". ❑

Digitized by Google

Kết quả bước đầu trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo Ở BẮC NINH

NGUYỄN HUY TÍNH *

TRONG những năm qua, Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, bình quân đạt trên 14%/năm. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế, còn có nhiều vấn đề nổi cộm, phức tạp. Một trong những vấn đề đó là công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thời gian qua, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở Bắc Ninh đặc biệt quan tâm. Song nhìn chung, tình hình không được cải thiện, thậm chí trong một số lĩnh vực, ở một số địa bàn trong tỉnh việc khiếu kiện còn trở nên bức xúc hơn. Các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp gia tăng vào các năm 2000, 2001, 2002. Trước tình hình đó, đầu năm 2002, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đề án *"Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo"* được ban hành, yêu cầu các cơ quan nhà nước có nhiệm vụ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đánh giá công tác này trong thời gian qua, nêu những kết quả, ưu điểm cùng với các khó khăn, thiếu sót; phân tích nguyên nhân, đề ra phương hướng, giải pháp cụ thể. Tỉnh ban hành quy chế tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phù hợp với tình hình địa phương; hình thành bộ phận tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ổn định, chuyên trách, hướng về cơ sở, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Sau hơn 2 năm thực hiện, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Bắc Ninh có chuyển biến tích cực. Ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành nói chung và các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng được nâng lên rõ rệt. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều cải tiến, từng bước đi vào nền nếp. Tình trạng đơn thư chuyển vòng vo, khiếu kiện vượt cấp giảm đáng kể, chất lượng và hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo tốt hơn, các ngành chức năng phối hợp nhịp nhàng hơn trong xử lý, giải quyết các vụ việc. Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra khá chặt chẽ, khách quan, xử lý nghiêm minh những công dân tham gia khiếu kiện trái pháp luật. Vì vậy, số lượng người đến trụ sở tiếp dân cùng với đơn thư giảm đi rõ rệt. Từ năm 2000 đến 2002, tính trung bình mỗi

* TS, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Digitized by Google

năm tỉnh tiếp 4.427 lượt người, nhận 4.196 đơn, thì năm 2003 giảm xuống chỉ còn 2.946 lượt người, 1.349 đơn, tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền cả tỉnh đạt 89%. Cũng từ năm 2000 - 2002, Bắc Ninh có 35 đoàn khiếu kiện đông người vượt cấp ra trung ương thì năm 2003 chỉ còn 7 đoàn, 30/45 vụ việc tồn đọng được giải quyết triệt để. Tổng hợp kết quả qua giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo từ tháng 1-2000 đến tháng 7-2003 đã phát hiện nhiều sai phạm về quản lý kinh tế, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản... Đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách địa phương và trả cho nhân dân 1,2 tỉ đồng, 215 tấn thóc, 66.435 m^2 đất, kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính đối với 277 cán bộ có sai phạm.

Những kết quả trên đã thể hiện sự cố gắng và chỉ đạo tích cực của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc với các đoàn thể nhân dân, sự phấn đấu không mệt mỏi của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Điều đó có ý nghĩa và tác dụng thiết thực, vừa bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân, tháo gỡ được những mâu thuẫn nội bộ nhân dân ở cơ sở, vừa góp phần giữ vững kỷ cương, trật tự xã hội, tăng cường pháp chế, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, củng cố lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, kết quả của công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt được thời gian qua mới chỉ là bước đầu, chưa vững chắc. Trong thực tế còn nhiều khó khăn, từ khâu tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo đến thực hiện các quyết định. Các sự việc phức tạp có tính chất gay gắt, các yếu tố bất ổn không phải đã hết, tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp vẫn còn không ít. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do lãnh đạo, thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị trách nhiệm chưa cao, chưa chỉ đạo sát sao việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chưa chủ động giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp, tồn đọng, còn tâm lý né tránh, giao khoán cho cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Từ thực tế chỉ đạo thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Bắc Ninh trong thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ lớn, phức tạp, nhạy cảm, liên quan đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Do vậy, cấp ủy, chính quyền các địa phương cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác này, phải thực sự chú ý và coi đây là nhiệm vụ chính trị, vừa cấp bách, vừa thường xuyên lâu dài của từng địa phương, đơn vị và là một trong những chỉ tiêu thi đua, tiêu chí xếp loại hằng năm.

Hai là, căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ủy ban nhân dân các cấp cần vận dụng, cụ thể hóa các quy định của pháp luật về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vào thực tế địa phương, *tạo ra cơ chế, quy chế phù hợp* nhằm giải quyết tốt nhất, hiệu quả nhất khiếu nại, tố cáo trên địa bàn. Quy chế cần nhấn mạnh trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu các cơ quan và sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quy chế do chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt và chỉ đạo thống nhất trong từng địa phương.

Ba là, lập *"Ban chỉ đạo công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo"* ở cấp huyện

Digitized by Google

và cấp tỉnh nhằm tạo ra bộ máy tương đối chuyên trách và ổn định, *là đầu mối để thống nhất chỉ đạo công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của một địa phương.* Ban chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ, rõ ràng, cụ thể. Tổ chức tiếp dân tại trụ sở tiếp dân của tỉnh, huyện theo quy định của pháp luật, hoặc đột xuất theo yêu cầu của công việc. Trưởng ban chỉ đạo chủ trì các buổi tiếp dân. Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, các phản ánh, kiến nghị của công dân tại các buổi tiếp dân và từ các nguồn khác gửi đến. Phân loại, xử lý đơn, thư, chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thông báo bằng văn bản để người khiếu nại, tố cáo, các cơ quan, tổ chức biết tình hình và kết quả giải quyết đơn, thư. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra cấp dưới, các cơ quan, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý cán bộ, công chức tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo thiếu trách nhiệm hoặc gây chậm trễ, cản trở công việc, có hiện tượng tiêu cực. Quyết định hoặc đề xuất với các cấp ủy, chính quyền cùng cấp những chủ trương, biện pháp hợp lý để nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là để giải quyết triệt để các vụ khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp; xử lý kịp thời các vụ việc tiêu cực, tham nhũng do nhân dân phát hiện và công luận đòi hỏi. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa các *"điểm nóng"* khi vừa xuất hiện; tạo điều kiện cho cơ sở giải quyết các xích mích, tranh chấp trong nội bộ nhân dân bằng con đường hòa giải. Chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực thi hành.

Bốn là, đa dạng hóa các hình thức tiếp dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp dân là bước quan trọng, liên quan trực tiếp đến thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đây là công việc phức tạp, đa số công dân đến khiếu kiện đều có tâm lý bức xúc nhất định, nhiều khi cực chẳng đã mới đi khiếu kiện, trong đó có người do ít hiểu biết chính sách, pháp luật nên khiếu kiện thiếu căn cứ. Vì vậy, người tiếp dân cần phải có trách nhiệm cao, không định kiến với người đi khiếu nại, tố cáo, có thái độ bình tĩnh, chú ý lắng nghe họ trình bày sự việc cùng các kiến nghị, hướng dẫn họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật. Nhiều trường hợp, người tiếp dân bình tĩnh, ôn hòa cùng trao đổi, giải thích các chính sách, pháp luật với người đi khiếu kiện đã mang lại kết quả ngay tại buổi tiếp dân.

Tiếp dân với các hình thức như định kỳ, thường xuyên tại trụ sở tiếp dân của địa phương hoặc phòng tiếp dân của các cơ quan, đơn vị. Hoặc các cấp, các ngành chủ động tổ chức các buổi tiếp dân tại xã, phường, thị trấn, vùng sâu, vùng xa hoặc trên những địa bàn triển khai dự án, công trình, những nơi phát sinh mâu thuẫn, các vụ việc phức tạp nhằm nắm bắt tình hình, trực tiếp giải quyết các kiến nghị của nhân dân để hạn chế đến mức thấp nhất các khiếu kiện có thể xảy ra. Đối với vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, cấp có thẩm quyền giải quyết cần tổ chức các buổi tiếp dân ngay tại nơi phát sinh vụ việc hoặc tại địa điểm thích hợp để nghe các bên liên quan trình bày, đối thoại công khai, dân chủ... Người chủ trì các buổi đối thoại này phải là người có thẩm quyền, nắm chắc vụ việc, am hiểu chuyên môn, chính sách, pháp luật để có kết luận, quyết định xử lý chính xác, khách quan từng vấn đề, vụ việc. Chủ động phối hợp với trụ sở tiếp dân của trung ương tại Hà Nội để tiếp và

Digitized by Google

giải quyết các kiến nghị của công dân địa phương mình ra khiếu kiện. Để làm tốt việc này cần có dự báo tình hình, chuẩn bị phương án phù hợp, hiệu quả.

Năm là, nắm vững nguyên tắc trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Về nguyên tắc chung phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nhưng đồng thời cần lưu ý một số nguyên tắc có tính đặc thù trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp dân là khâu đầu tiên trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo. Do vậy, không được tách rời giữa tiếp dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Ở địa phương người chủ trì các buổi tiếp dân chủ yếu phải là người trực tiếp chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đánh giá đúng tình hình, nguyên nhân dẫn đến khiếu kiện của từng vụ việc, xác định phương hướng, biện pháp xử lý thích hợp và tập trung giải quyết dứt điểm tại cơ sở. Đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của cấp, hoặc cơ quan nào thì cấp, hoặc cơ quan đó cố gắng giải quyết sớm và giải quyết triệt để. Cấp trên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc cấp dưới giải quyết vụ việc đúng pháp luật. Các vụ khiếu kiện đã được giải quyết đúng pháp luật thì ra văn bản trả lời người khiếu nại, thông báo cho các cơ quan liên quan biết. Giải quyết khiếu nại, tố cáo phải chặt chẽ, công minh, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương; giữ tính nghiêm minh của pháp luật cùng với các biện pháp giáo dục, hành chính, tư tưởng. Đặc biệt quan tâm tới công tác hòa giải ở cơ sở. Ở những nơi xảy ra khiếu kiện đông người, ngoài việc khẩn trương xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, cần có các biện pháp thích hợp củng cố hệ thống chính trị, đánh giá cán bộ chủ chốt về trách nhiệm, năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức. Thực hiện phối hợp giữa cơ quan thanh tra nhà nước với kiểm tra đảng, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến cán bộ, đảng viên.

Sáu là, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về khiếu nại, tố cáo nói riêng, với các hình thức phong phú, thiết thực, hiệu quả phù hợp với đặc điểm và trình độ dân trí. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể quần chúng, trung tâm trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, văn phòng luật sư, mở các chuyên trang, chuyên mục trên báo, đài, bản tin nội bộ, thông qua đội ngũ báo cáo viên... Tạo điều kiện cho người tham gia khiếu nại, tố cáo có sự hiểu biết nhất định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tránh trường hợp đi khiếu kiện vì thiếu hiểu biết.

Tiếp tục xây dựng, phát huy tác dụng của *tủ sách pháp luật* ở xã, phường, thị trấn; định kỳ luân chuyển sách, báo pháp luật đến các điểm bưu điện văn hóa xã, bưu điện nhà văn hóa thôn. Hiện nay 100% xã, phường, thị trấn của Bắc Ninh đều có *tủ sách pháp luật,* mỗi tủ có gần 200 đầu sách, trị giá gần 6 triệu đồng; 125/125 xã, phường, thị trấn có điểm bưu điện văn hóa xã, đang xây dựng điểm gần 30 bưu điện nhà văn hóa thôn. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ trên địa bàn cơ sở, làm tốt chức năng hòa giải, giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân từ gốc. Bắc Ninh có 937 tổ hòa giải với gần 5.000 hòa giải viên ở hơn 700 thôn, làng, khu phố, hằng năm có tổ chức "Hội thi hòa giải viên giỏi".

Bảy là, xây dựng trụ sở tiếp dân, tăng cường kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Từ cấp huyện trở lên nên có trụ sở tiếp dân riêng; cấp xã, phường, thị trấn, cơ quan phải bố trí phòng tiếp dân tại trụ sở cơ quan. Trụ sở tiếp dân cần được thiết kế phù hợp với tính chất, yêu cầu của công việc, ở vị trí

Digitized by Google

thuận tiện, có trang thiết bị, phương tiện làm việc đồng bộ, phục vụ tốt nhất cho yêu cầu của công việc. Về mô hình tiếp dân cần được tiếp tục nghiên cứu thống nhất. Trước hết nên thành lập *"phòng tiếp dân"* cấp tỉnh để giúp việc trực tiếp cho ban chỉ đạo tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tỉnh, hình thành trung tâm, đầu mối theo dõi, báo cáo, xử lý thông tin về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phòng tiếp dân có thể trực thuộc thanh tra nhà nước tỉnh, có tư cách pháp nhân với tổ chức gọn nhẹ, cán bộ chuyên trách, có chuyên môn vững.

Qua thực tế công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Bắc Ninh thời gian qua, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét một số lĩnh vực kinh tế, xã hội, địa bàn lâu nay phát sinh nhiều khiếu kiện để chỉ ra nguyên nhân phát sinh khiếu kiện. Trên cơ sở đó chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, xây dựng và hoàn thiện pháp luật, Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chấn chỉnh kỷ luật hành chính, trật tự kỷ cương cho phù hợp với đặc điểm và thực tiễn của địa phương trong tình hình mới nhằm giảm thiểu khiếu kiện.

Thứ hai, Chính phủ cần ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn cụ thể và đồng bộ hóa cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo thích hợp, đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả. Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn, chế tài và các điều kiện cần thiết khác để chính quyền cấp huyện, xã giải quyết dứt điểm các khiếu kiện ngay tại cơ sở, nhằm hạn chế khiếu kiện vượt cấp. Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, nhất là trách nhiệm của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Chính phủ trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phát huy vai trò của Tòa án hành chính để giải quyết các khiếu kiện hành chính, nhất là các quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng còn tái khiếu. Quy định rõ, cụ thể hơn thẩm quyền và trách nhiệm của thanh tra nhà nước các cấp ở địa phương, các bộ, ngành trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thống nhất mô hình tổ chức tiếp dân ở các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở, từ chức năng, nhiệm vụ đến tổ chức, biên chế, kinh phí, đáp ứng ngày càng cao của công tác này. Ban hành quy chế xử lý nghiêm và kịp thời những người lợi dụng quyền dân chủ để kích động, xúi giục, gây rối trật tự an toàn xã hội, chống người thi hành công vụ.

Thứ ba, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc cần tăng cường công tác giám sát, thường xuyên đôn đốc chính quyền, các cơ quan nhà nước triển khai thực hiện Luật Khiếu nại, tố cáo. Hằng quý, hằng năm có kế hoạch đi cơ sở, tiếp cận các khiếu kiện đông người, phức tạp, tồn đọng để nắm tình hình, đưa ra các kiến nghị cụ thể đối với từng vụ việc.

Thứ tư, tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 09-CT/TW ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư *"Về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay"*; Nghị quyết số 03/2003/NQ-CP ngày 29-1-2003 và văn bản số 1435/CP ngày 23-10-2003 của Chính phủ về việc chỉ đạo một số vấn đề về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Các cấp, các ngành cần tiến hành tổng kết, đánh giá toàn diện công tác tiếp dân, thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo trong hơn 5 năm qua để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết trong chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong tình hình mới.❑

Digitized by Google

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG *

Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, bảo đảm cho mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và nhiệm vụ của Quân đội được thực hiện triệt để, nghiêm túc và có hiệu quả. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Đảng mạnh là do các chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Vì vậy, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, cấp bách trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay của các cấp ủy đảng trong Quân đội.

Trong nhiều nghị quyết, chỉ thị, Đảng ta đã chỉ ra những yêu cầu, mục đích và giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng yêu cầu chính trị của từng giai đoạn cách mạng, từng thời kỳ lịch sử và ở những lĩnh vực, địa bàn khác nhau. Những năm gần đây, vấn đề củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng càng được Đảng ta quan tâm, coi đó là một vấn đề quan trọng, cấp bách. Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII *Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, Đảng ta đã nhấn mạnh: phải đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng nhất là ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế, chính trị... Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) đã nhấn mạnh vấn đề "Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng" trong đó "Tiếp tục chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, chấn chỉnh các cơ sở đảng yếu kém". Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và kết luận của Hội nghị Trung ương 4, khóa IX về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng" vẫn là một nội dung cơ bản và quan trọng nhằm xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.

Trong Quân đội, việc nâng cao chất lượng xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh phải gắn với xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện. Coi trọng củng cố tổ chức và cán bộ ở những đảng bộ cơ sở trọng yếu, ở cơ quan cấp chiến lược, chiến dịch. Kiên quyết khắc phục những mặt còn yếu kém đã được chỉ ra qua sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Đưa sinh hoạt tự phê bình và phê bình thành nền nếp thường xuyên. Cần đổi mới phương thức lãnh đạo của từng cấp ủy đảng. Thực hiện làm việc có kế hoạch theo quy chế và sát với cơ sở; tập trung giải quyết và làm chuyển biến thực sự những mặt còn yếu kém của đảng bộ, đơn vị; cải tiến việc chuẩn bị ra nghị quyết của cấp ủy, chi bộ. Nâng cao chất lượng của các cuộc họp, giảm bớt hội nghị,

* Đại tá, Bí thư Đảng ủy, Phó hiệu trưởng chính trị, Trường sỹ quan Tăng thiết giáp

Digitized by Google

hội thảo giành thời gian chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Khắc phục tình trạng nói nhưng không làm, làm không triệt để, không đồng bộ, tác phong đơn giản, thiếu khoa học; tập trung lãnh đạo thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đã và đang được các đảng bộ trong quân đội tích cực thực hiện.

Quán triệt và nhất trí cao với nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng không chỉ là một đòi hỏi khách quan, mà còn là yêu cầu cơ bản để xây dựng Quân đội nhân dân cánh mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó trong tình hình mới.

Với chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng nhà trường vững mạnh về mọi mặt, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đào tạo cán bộ Tăng thiết giáp cấp phân đội bậc đại học cũng như các nhiệm vụ khác mà Binh chủng và Quân đội giao cho, bốn mươi năm qua, dù trong hoàn cảnh nào, qua từng giai đoạn và nhiệm vụ được giao, nhà trường luôn vượt qua mọi khó khăn thử thách không ngừng trưởng thành lớn mạnh, xây dựng nên truyền thống *"Đoàn kết, tự lực, sáng tạo, chủ động - vượt khó, dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt, chính quy, mẫu mực - Đã ra quân là đánh thắng"*. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, đào tạo sỹ quan trong thời chiến cũng như trong thời bình, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính vì những thành tích xuất sắc của mình, Trường Sỹ quan Tăng thiết giáp đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 2 huân chương quân công hạng nhì, hạng ba; 3 huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba; đã được Quân đội, Binh chủng tặng nhiều cờ luân lưu và các phần thưởng cao quý khác; đồng thời, cũng được nhận huân chương của Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trao tặng.

Trước những đòi hỏi khách quan của nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, thực hiện nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của Đảng ủy Binh chủng và cơ quan chức năng cấp trên về nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp luôn coi trọng công tác xây dựng đảng bộ vững mạnh mà trọng tâm là xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo sức chiến đấu cao. Hằng năm, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách mức hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80 đến 92%. Đặc biệt, từ năm 1998 đến nay, toàn Đảng bộ không có đảng viên vi phạm tư cách phải đưa ra khỏi Đảng.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ở Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, *phải tập trung xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh.* Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc giáo dục, rèn luyện nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên làm nòng cốt xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là cơ bản lâu dài và cũng là khâu then chốt trong xây dựng Đảng bộ quân đội; đồng thời, đây cũng là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng, và cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược con người của Đảng. Những năm qua, Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp, các cấp ủy đã thường xuyên quan tâm xây dựng, rèn luyện đội ngũ đảng viên trưởng thành toàn diện cả về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực công tác. Trong công tác xây dựng đội ngũ đảng viên đã chú trọng cả số lượng và chất lượng, nhưng chất lượng luôn là yếu tố quyết định. Những nội dung trọng tâm để xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hoạt động theo đặc thù của lực lượng vũ trang trong

Digitized by Google

Trường là: xây dựng bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức, lối sống cách mạng và phong cách công tác.

Đảng ủy Trường sỹ quan Tăng thiết giáp thường xuyên nắm chắc tình hình số lượng, chất lượng đảng viên, tăng cường các biện pháp giáo dục, gắn công tác xây dựng đội ngũ đảng viên với xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp; kết hợp đào tạo, bồi dưỡng tại trường với học tập rèn luyện tại chức để từng bước nâng cao nhận thức chính trị, trình độ mọi mặt, nhất là bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, trình độ học vấn cho đội ngũ đảng viên, cán bộ, giáo viên.

Các cấp ủy, chi bộ trong Đảng bộ nhà trường làm tốt công tác quản lý đảng viên; quản lý toàn diện cả phẩm chất và năng lực, nắm chắc tâm tư tình cảm, hoàn cảnh và các mối quan hệ của đảng viên. Mọi đảng viên đều được quản lý chặt chẽ. Duy trì nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình ở chi bộ và cấp ủy, đảng viên lắng nghe, tiếp thu ý kiến phê bình của quần chúng. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, kết hợp kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch với kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc về nhận thức tư tưởng, trách nhiệm và những việc làm sai trái của đảng viên.

Tổ chức đảng, cấp ủy các cấp lãnh đạo toàn diện, đồng bộ các hoạt động trong đơn vị để giáo dục, quản lý rèn luyện đội ngũ đảng viên như: gắn hoạt động thi đua, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và xây dựng đơn vị với phân tích chất lượng đảng viên hằng năm để xem xét, đánh giá chất lượng đảng viên.

Toàn Đảng bộ thường xuyên quan tâm đúng mức và thực hiện tốt công tác phát triển đảng. Chỉ đạo tốt các khâu xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng rèn luyện nguồn phát triển, kết hợp chặt chẽ giữa tạo nguồn phát triển đảng viên với tạo nguồn cán bộ; tập trung vào các đối tượng là học viên đào tạo dài hạn, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng và thành viên kíp xe tăng.

Hai là, *kết hợp chặt chẽ xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.* Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện phải tập trung xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, do đó, việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh phải được kết hợp chặt chẽ với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Để bảo đảm kết hợp chặt chẽ, có tác động qua lại một cách tích cực giữa xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng đơn vị, cấp ủy và người chỉ huy phải thống nhất về chương trình kế hoạch xây dựng đảng bộ, chi bộ và xây dựng đơn vị. Mục tiêu xây dựng đơn vị chính là mục tiêu lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ. Khi phân loại tổ chức đảng phải gắn với kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các đơn vị. Trong sắp xếp cán bộ chủ trì phải chú ý đủ số lượng và bảo đảm chất lượng, qua đó kiện toàn cấp ủy nhằm nâng cao hiệu lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp ủy, bí thư đảng với người chỉ huy. Người chỉ huy theo chức trách của mình, tổ chức đơn vị thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của đảng ủy, chi ủy định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với đảng ủy, chi ủy và chịu sự kiểm tra của đảng ủy, chi ủy. Ngược lại, cấp ủy phải lãnh đạo đơn vị chấp hành nghiêm nghị quyết của Đảng và mệnh lệnh của người chỉ huy. Trong đó, cán bộ, đảng viên phải là người gương mẫu và vận động quần chúng thực hiện.

Đảng bộ đã căn cứ vào loại hình tổ chức cơ sở đảng mà đề ra nội dung, yêu cầu và giải pháp xây dựng tổ chức đảng cho phù hợp. Tập trung nâng cao chất lượng dạy, học và phục vụ. Không ngừng hoàn thiện mục tiêu đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, gắn đào tạo bồi dưỡng cán bộ với giáo dục, bồi dưỡng

Digitized by Google

phát triển đảng viên. Bảo đảm học viên ra trường vừa là người cán bộ có tri thức, trình độ để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo chức danh, vừa biết làm tốt công tác đảng, công tác chính trị, có đủ điều kiện tham gia cấp ủy và sẵn sàng chuyển loại khi có yêu cầu. Nhờ vậy, những năm qua, tình hình Đảng bộ, nhà trường đã có sự chuyển biến tiến bộ đồng đều và tương đối vững chắc. Hằng năm các đơn vị, cơ quan đều hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tăng. Có nhiều chi bộ, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh liên tục 5 năm liền. Đến nay, Đảng bộ nhà trường không còn tổ chức đảng yếu kém. Nhiều chi bộ, đảng bộ được khen thưởng. Tình hình vi phạm kỷ luật hằng năm ở mức thấp và giảm nhanh.

Ba là, *tích cực cải tiến, đổi mới các hoạt động của chi bộ và cấp ủy*. Thực hiện chủ trương của đảng ủy Binh chủng Tăng thiết giáp nhằm nâng cao chất lượng nghị quyết lãnh đạo của các tổ chức đảng, Thường vụ Đảng ủy nhà trường đã kịp thời chỉ đạo việc đổi mới quy trình ra nghị quyết lãnh đạo. Cụ thể là, đầu năm, đầu quý ra nghị quyết lãnh đạo toàn diện, hằng tháng chỉ tập trung bàn giải quyết dứt điểm một đến hai nhiệm vụ trọng tâm hoặc bàn khắc phục những mặt yếu, khâu yếu của đơn vị. Kiên quyết khắc phục tình trạng nghị quyết chung chung dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, thiếu biện pháp tổ chức thực hiện. Làm tốt khâu phân công tổ chức thực hiện nghị quyết. Phân biệt các hoạt động lãnh đạo có tính định hướng, thông qua các nghị quyết, chủ trương, chỉ tiêu biện pháp lãnh đạo của tổ chức đảng với chức trách quản lý, điều hành của người chỉ huy; không bao biện làm thay hoặc sa vào giải quyết sự vụ. Thường xuyên giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ ở tất cả các cấp, trọng tâm là cấp ủy và thường vụ. Mọi vấn đề của cơ quan đơn vị đều được dân chủ bàn bạc trong tập thể và quyết định theo đa số, phân công tổ chức thực hiện theo chức trách và tăng cường công tác kiểm tra. Do đó, sự lãnh đạo của tổ chức đảng đạt hiệu quả cao, vai trò, uy tín của tổ chức đảng đối với đơn vị từng bước được nâng lên, góp phần quyết định vào việc hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Bốn là, *giữ vững nền nếp, thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chi ủy, đảng ủy*. Để nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, các chi bộ phải xuất phát từ chức năng nhiệm vụ lãnh đạo của mình, nắm chắc tình hình đặc điểm của đơn vị để chuẩn bị tốt nội dung cuộc họp và ra nghị quyết về nhiệm vụ của chi bộ trong thời gian tới. Mỗi cuộc họp chi bộ, có thể đi sâu vào từng chuyên đề, vừa để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đảng viên, vừa để rút kinh nghiệm sâu sắc trong công tác chỉ đạo đối với những vấn đề cần quan tâm, như lãnh đạo nâng cao chất lượng huấn luyện đào tạo, sẵn sàng chiến đấu... nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác ở cơ quan, đơn vị; hoặc phổ biến kinh nghiệm phấn đấu tốt của đảng viên, thực hiện có hiệu quả công tác phát triển đảng viên...Tập trung bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, năng lực điều hành hội nghị của cấp ủy, nhất là của bí thư, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, tính chiến đấu của từng đảng viên. Thực hiện tốt chức năng lãnh đạo bằng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế, quy định, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và cấp mình.

Phát huy truyền thống 40 năm xây dựng và trưởng thành, với sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên, học viên, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân viên trong toàn trường, đảng bộ Trường sĩ quan Tăng thiết giáp nhất định sẽ lãnh đạo có kết quả việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn đảng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng Đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh toàn diện, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Quân đội, Binh chủng trong thời kỳ cách mạng mới. ❑

Digitized by Google

Đạo vị

NHÂN ĐẠNG

NHIỀU năm qua, giới văn nghệ sĩ và cả xã hội đều lên án mạnh mẽ các loại *đạo văn* và *đạo nhạc*. Có người bê nguyên xi một quyển sách dịch của người khác, xóa quẹt một vài chỗ làm phép, rồi đưa đi xuất bản lại dưới tên mình. Có ca sĩ đang lên, ăn cắp hẳn một bài hát nước ngoài, thay bằng lời Việt rồi tự xưng mình là người sáng tác. Gần đây người ta lại nói nhiều về một loại "đạo" khác - đạo bản quyền. Có nhà xuất bản ngang nhiên in lậu sách, băng, đĩa nhạc của nhà xuất bản khác, bất kể là ở trong nước hay từ nước ngoài. Tiếng xấu của những loại đạo như thế không phải là ít.

Duy có một loại đạo nữa, xấu xa không kém, thậm chí còn tệ hại và nguy hiểm hơn, mà ít thấy ai đả động đến. Đó là *đạo vị*, tức là trộm cắp địa vị. Trong tác phẩm "Cần Kiệm Liêm Chính" viết tháng 6-1949, mục chữ LIÊM, Bác viết: "Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm)"(1). Bác viết tiếp: "Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm, là tham vật úy lao". "Gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh úy tử". Bác coi các loại cán bộ "tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon sống yên", "cậy quyền thế mà đục khoét của dân, ăn của đút hoặc trộm của công làm của tư ..." đều là "BẤT LIÊM". Bác nói: "Do Bất Liêm mà đi đến tội ác trộm cắp. Công khai hay bí mật, trực tiếp hay gián tiếp, bất liêm tức là trộm cắp".

Nghe hai chữ "bất liêm", người ta thường nghĩ rằng đó chỉ là sự vi phạm một đạo đức thanh cao. Nhưng như Bác Hồ nói "bất liêm tức là trộm cắp", thì cái thứ vi phạm ấy quả thật là thấp hèn.

"Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị". Chữ giỏi mà Bác dùng trong trường hợp này là bao gồm cả tài và đức. Dìm người tài đức để giữ địa vị và danh tiếng của mình, có thể coi là tội ác. Thời Bác viết "Cần Kiệm Liêm Chính" là lúc cao trào kháng chiến chống Pháp của chúng ta đang lên, cả nước đang trong không khí tổng phản công, mở đường cho thắng lợi giải phóng biên giới vào năm 1950. Lúc ấy, cán bộ đồng cam cộng khổ với nhân dân, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", "bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng", địa vị càng cao trách nhiệm càng lớn, đâu có lắm chuyện mưu toan trộm cắp địa vị. Vậy mà Bác tiên đoán được một xu hướng, từ một số chuyện thật riêng lẻ, đã viết thế để răn dạy và phòng ngừa. Nay thì cái thói "dìm người giỏi để giữ địa vị và danh tiếng của mình" đâu còn là chuyện cá biệt. Đảng ta là đảng cầm quyền. Cán bộ dù lớn hay bé, đã ở trong bộ máy công quyền thì ít nhiều đều có quyền lực trong tay. Quyền lực tự nó không có gì xấu. Danh tiếng và địa vị cá nhân, nếu do tài năng, đức độ, do sự tự rèn luyện của bản thân, hết lòng chăm lo việc nước, việc dân mà có thì chẳng có gì không đáng quý. Nhưng nếu hiểu

(Xem tiếp trang 68)

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t 5, tr 641

Digitized by Google

Mấy nét về CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CÁC CỔ ĐÔNG HIỆN ĐẠI

NGÔ MẠNH LÂN *

NGÀY nay, loài người vẫn đang sống trong bối cảnh thế giới còn đầy rẫy những rủi ro, bất trắc. Đây cũng là thời kỳ mà quá trình toàn cầu hóa đang bị chủ nghĩa tư bản can thiệp, tìm cách lợi dụng để thống trị và lay chuyển kết cấu chính trị, kinh tế và xã hội của các quốc gia, buộc các nước phải đối phó với những thách thức, nguy cơ. Những nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các nước đang phát triển buộc phải nghiên cứu và suy nghĩ lại các chiến lược và chính sách không còn hiệu lực trước đây.

Nguyên nhân của tình hình đó là do các kết cấu, thể chế và sự vận hành của chủ nghĩa tư bản công nghiệp tiên tiến nhất đang đổi mới và đang trải qua những bước ngoặt, có sự bành trướng trên quy mô toàn cầu với những nét chính là:

- Sự thống trị của chủ nghĩa tư bản tài chính;

- Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế ở các nước thấp (không quá 3%);

- Quá trình tư hữu hóa tài sản và doanh nghiệp nhà nước, sự thay đổi những phương thức và quy chế quản lý các tập đoàn doanh nghiệp tạo thuận lợi cho đầu tư của các cổ đông, cá nhân và nhất là của các tập thể cổ đông giàu mạnh nhất (chẳng hạn như các quỹ tập thể lương hưu, các tổ hợp đầu cơ trên những thị trường chứng khoán);

- Vai trò nhà nước đang bị thúc ép phải ngày càng giảm trong việc can thiệp vào quá trình năng động của các hoạt động kinh tế, kinh doanh, thương mại;

- Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp được thể hiện ở chỗ cần phải đạt tới mức lợi tức cao, chịu sức ép của các cổ đông nhất là số cổ đông chi phối;

- Các kết cấu tư bản chủ nghĩa đang đổi mới trong điều kiện khoa học, kỹ thuật và những phương thức sản xuất có những bước nhảy vọt chưa từng thấy.

Chủ nghĩa tư bản đổi mới được gọi là *chủ nghĩa tư bản các cổ đông* có một số đặc điểm đáng lưu ý sau:

- *Được vận hành trên quy mô toàn cầu.* Do đó, các cổ đông lớn nhất và các công ty xuyên quốc gia ngày càng mất dần cơ sở quốc gia, dân tộc (khi các biên giới quốc gia còn là ranh giới vào cuối những năm 60 của thế kỷ XX, quá trình quốc tế hóa kinh tế được thực hiện với những bước đi đầy mâu thuẫn, có sự cạnh tranh giữa các khu vực kinh tế nhà nước và

* GS, TS, Đại học Khoa học Xã hội (Pa-ri, Pháp), Đại học Va-se-đa (Tô-ki-ô, Nhật Bản) gửi đến Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

giữa các công ty đa quốc gia (multinationals)). Quá trình đó hiện nay là sự hình thành các công ty xuyên quốc gia (transnationals) đa độc quyền (oligopoly) nắm trong tay công nghệ cao cấp và vốn tích lũy tư bản trên thị trường thế giới. Đồng thời chủ nghĩa đế quốc trước kia, thời còn có thuộc địa cũ và mới, đang biến dạng thành chủ nghĩa đồng bá quyền (co-hegemony) với các đại cường quốc cạnh tranh kịch liệt với nhau để giành giật quyền thống trị và chi phối định hướng xây dựng nền trật tự chính trị, kinh tế và an ninh thế giới. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhất là một số phương thức di chuyển của nó từ nước này sang nước khác là biểu hiện của chính quá trình đó, làm cho các nước công nghiệp tiên tiến nhất trở thành những nước hầu như "không còn có nhà máy" và chuyển sang sản xuất, cung cấp các mẫu mã (design), sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cấp trong một số lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để hưởng lợi nhuận siêu ngạch độc quyền cao, trong khi đó các nước công nghiệp mới (NICs), các nước đang phát triển khó bắt kịp. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ triển khai trong quỹ đạo của hệ thống tư bản chủ nghĩa toàn cầu với nét đặc trưng là khoảng cách chênh lệch ngày càng mở rộng giữa các nước công nghiệp tiên tiến nhất với các nước đang tiến hành công nghiệp hóa, cũng như các nước còn chưa có được nền tảng của một hệ thống sản xuất tương đối đa dạng và hoàn chỉnh.

- *Các chu kỳ phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại trở nên khó dự báo.* Nếu như trước đây người ta có thể dự đoán các chu kỳ kinh tế suy thoái hay phồn thịnh của chủ nghĩa tư bản theo một quy luật nhất định, thì điều đó ngày nay khó có thể làm được, bởi không còn quy luật về thời gian, nhịp độ phát triển nữa. Thậm chí không ai dự báo được khủng khoảng, phồn thịnh sẽ xảy ra và chấm dứt vào thời điểm nào do có quá nhiều sự can thiệp của chính phủ, sự thao túng của các nhà tài phiệt, nhất là các tập đoàn xuyên quốc gia, đa độc quyền. Tình hình kinh tế, do đó có đầy những rủi ro, bất trắc, kéo theo những hậu quả kinh tế - xã hội khôn lường. Trong đó, chủ yếu là tình trạng vốn đầu tư không được đưa vào sản xuất như trước đây mà chạy theo những tính toán đầu cơ của thị trường tài chính. Điều đó dẫn đến các xí nghiệp phá sản ngày càng nhiều và nạn thất nghiệp tất yếu xảy ra, hầu như không còn giải pháp nào để ngăn chặn được. Mặc dù có thể có một vài nước tư bản phát triển như Anh và Mỹ có thể giảm được tỷ lệ thất nghiệp hay tạo thêm việc làm, thì những nước còn may mắn đó lại phải trả giá cho việc đào sâu thêm những sự bất công trong xã hội và sự chênh lệch giữa các tầng lớp, giai cấp giàu, nghèo, cho việc sử dụng chính sách lao động và nhân công theo hướng trả lương "mềm dẻo" nhằm đạt được tỷ lệ năng suất và thặng dư lao động cao. Vì thế, cuộc sống tinh thần của những người lao động trở nên hết sức căng thẳng, làm cho nhiều căn bệnh nghề nghiệp trước đây không hề có nay đang ngày một trở nên phổ biến và là một thảm họa xã hội, trong khi nhà nước phúc lợi không còn khả năng duy trì chế độ bảo hiểm như trước, mà tìm cách trút một phần chi phí bảo hiểm y tế lên vai những người lao động. Thực tế, chính sự chênh lệch trong xã hội ngày càng nhiều dẫn đến chênh lệch trong việc bảo đảm sự sống còn của con người và tỷ lệ người lao động sinh sống dưới mức lương tối thiểu không chỉ ở hai nước trên đều tăng lên, mà khá phổ biến ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa.

- Trước tình hình đó, *các nhà kinh tế học của chủ nghĩa tư bản đang phải xem xét lại những khái niệm và chiến lược để tìm lối thoát.* Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế đã phải đưa chính sách chuyển dịch, điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tân tự do chủ

Digitized by Google

nghĩa vào một số chương trình xã hội nhằm ổn định tình hình chính trị và kinh tế. Kể từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX hai tổ chức quốc tế này cũng đã buộc phải đề cập đến những vấn đề mà trước đây không được coi thuộc về lĩnh vực kinh tế và không nằm trong khuôn khổ của cái gọi là "Sự đồng thuận Hoa-thịnh-đốn" (Washington Consensus) như: vai trò của nhà nước, vấn đề phân phối kinh tế - xã hội, sự công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo... Một số nhà kinh tế học còn chứng minh rằng, quan niệm và mô hình của nhà lý luận Giôn-ra-sơ (Walras) về con người kinh tế thuần túy (hành động và chạy theo lợi ích cá nhân một cách tuyệt đối, không đếm xỉa đến chính trị, xã hội trong cuộc cạnh tranh "hoàn hảo" giữa các tác nhân kinh doanh, làm xuất hiện "giá thị trường", đưa nền kinh tế đạt được thế "cân bằng tổng thể") - một lý luận kinh tế học đã từng thống trị, nay không còn chiếm vị trí thống soái như trước đây trong bối cảnh kinh tế - xã hội của các nước tư bản chủ nghĩa đang bị đảo lộn một cách toàn diện. Rõ ràng, ngày nay lý luận tân cổ điển khó giải thích sự thay hình đổi dạng của chủ nghĩa tư bản với các chu kỳ "phồn vinh- khủng hoảng" không còn vận hành như cách đây bốn chục năm.

- Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản công nghiệp sang chủ nghĩa tư bản các cổ đông, *chủ nghĩa tư bản tài chính là tác nhân quyết định, trực tiếp trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước ở các nước tư bản phát triển Tây Âu và Mỹ;* nó có tác động ngày càng lớn, mang tính tổ chức và phối hợp đến chiến lược của các tập đoàn kinh doanh đa độc quyền hùng mạnh nhất trên thị trường thế giới. Chúng đang can thiệp, "nhào nặn" quá trình phân công lao động thế giới theo hướng di chuyển tư bản ra nước ngoài (như đã đề cập ở trên), tiếp tục duy trì vị trí thống trị về các dịch vụ phức tạp và các kỹ thuật công nghệ cao cấp.

- *Cạnh tranh về kinh tế, chính trị giữa các nước tư bản ngày càng trở nên gay gắt, quyết liệt trong việc phân phối, phân chia tổng sản phẩm thế giới.* Các cuộc tranh giành, chia nhau quyền lực ắt sẽ dẫn đến những cuộc xung đột không tránh khỏi trong khuôn khổ giữa các khu vực, quốc gia, thậm chí không thể loại trừ một cuộc chiến tranh thế giới lần thứ ba có thể xảy ra. Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản các cổ đông mới đang tìm cách bố trí cục diện thế giới dựa trên so sánh lực lượng ở cả ba mặt chính trị, kinh tế và quân sự, thì có một thực tế là chưa bao giờ ngân sách giành cho quốc phòng của Mỹ và các nước châu Âu lại chiếm phần tỷ lệ cao như hiện nay. Cũng chưa bao giờ sự lãng phí ngân sách quốc gia lại ở mức nghiêm trọng đến thế, khi mà các vũ khí mới vừa được chế tạo xong đã bắt đầu trở nên lỗi thời bởi cuộc chạy đua vũ trang âm thầm, nhưng quyết liệt giữa các đại cường quốc tư bản chủ nghĩa. Nó đang lôi cuốn các nước này vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên, năng lượng, nhân lực thế giới và chiếm lĩnh các vị trí chiến lược ở khắp các khu vực, khai thác tiềm năng của các nước để mở rộng tích lũy tư bản trên quy mô toàn cầu. Ở phương diện này, bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc chưa hề thay đổi. Có chăng là ác liệt hơn và quy mô lớn hơn do có trong tay những phương tiện vật chất và quân sự tối tân nhất. Vì vậy, cũng chưa bao giờ câu phương ngôn của nhà lý luận Giăng Dô-re (Jean Jaurès): "Chủ nghĩa tư bản gieo rắc chiến tranh như mây mang theo gió bão" lại được minh chứng một cách chính xác như ngày nay. Và, cùng với chủ nghĩa tư bản đang đổi mới, chủ nghĩa đế quốc cũng đang đổi mới thành chủ nghĩa "đồng bá quyền", có quá trình triển khai tinh vi chưa từng thấy. Chẳng hạn, chúng kết hợp có hệ thống các tác chiến quân sự với tác chiến "nhân đạo", trong đó chiến lược "chống khủng bố thế giới" của chính

Digitized by Google

quyền Mỹ đóng vai trò đòn bẩy, chủ chốt. Nhân loại đang trải qua giai đoạn đầu của chính quá trình trên với trọng tâm là sự sắp xếp các cơ cấu kinh tế theo định hướng chủ nghĩa tân tự do trên quy mô toàn cầu, trong khi đó trật tự chính trị quốc tế vẫn chưa ngã ngũ về việc nước nào lãnh đạo và cũng chưa có sự phối hợp về chính trị trên quy mô toàn cầu.

- Bối cảnh bất ổn như trên đã dẫn đến hậu quả tất yếu là *những cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh của quần chúng lao động nổ ra ngày một sâu sắc*. Từ đó kéo theo những cuộc tranh luận và đấu tranh tư tưởng sôi nổi giữa chủ nghĩa tân tự do với chủ nghĩa xã hội xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó chủ nghĩa Mác đã từng có lúc bị nhiều nhà lý luận vội vã tìm cách chôn vùi như một thứ chủ nghĩa quá già cỗi thì nay lại được nhiều người quan tâm hơn cả chứng tỏ sự vươn lên, không những báo hiệu sự phục hồi chưa từng thấy trên mặt trận tư tưởng và lý luận mà còn thể hiện sức sống mãnh liệt của hệ tư tưởng mác-xít.

So với trước đây, rõ ràng chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có nhiều nét mới. Nhưng ngay cả điều đó cũng đủ chứng minh cho tính nhất thời của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng là điều mà chính C. Mác và Ph. Ăng-ghen dự báo từ thế kỷ XIX rằng: "Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội" (1). Tuy nhiên, dù phát triển như thế nào điều quan trọng vẫn phải luôn lấy con người làm trọng tâm trong phát triển chính trị, kinh tế, bởi mục đích của sự phát triển không có gì khác là quá trình giải phóng con người khỏi mọi sự tha hóa, áp bức, bóc lột. Đó cũng chính là giá trị cao cả nhất của chủ nghĩa xã hội hiện thực. ❑

(1) C.Mác và Ph.Ăng- ghen: *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 600 - 601

ĐẠO VỊ

(Tiếp theo trang 64)

quyền lực là sở hữu của cá nhân mình, dùng nó để mưu cầu danh lợi cho riêng mình, từ đó mà ghen tức người tài, dìm người giỏi, giành lấy cái địa vị lẽ ra là của người khác, thì đó quả thật là phạm tội trộm cắp. Thủ trưởng thấy người phó tài ba, cáng đáng được nhiều việc, lẽ ra phải bồi dưỡng và đề bạt, lại sợ người đó sẽ hất ghế mình nên tìm cách dìm, thậm chí trù úm. Thủ phó thấy thủ trưởng ngồi lâu ở ghế chính, sợ cản bước đường công danh của mình, đã gieo điều kia tiếng nọ để hạ bệ, hòng phỗng ghế trên. Cán bộ cấp này hay cấp khác, người có thực tài thường chăm lo công việc, ít ham danh vị; kẻ không có thực tài lại lắm mưu mô, sẵn sàng bôi xấu người khác để nhoi lên.

Thủ đoạn của kẻ đạo vị thường thiên biến, vạn hóa. Có khi bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao. Công của người thì tranh cho mình. Tội của mình lại đổ lên đầu người khác. Thiếu tài, thiếu đức mà muốn leo cao, giữ ghế lâu thì không gì bằng dùng thủ đoạn. Đạo vị bằng cách dìm người giỏi là trái với đạo đức cách mạng, trái với chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước nhằm bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Nó là liều thuốc độc cho bộ máy và cho cả bản thân mình.

Nếu như kẻ trộm cắp của công, trộm văn, trộm nhạc, trộm bản quyền đều phải bị trừng trị theo pháp luật, thì kẻ trộm địa vị cũng phải được đối xử như thế. Phải chăng nhẹ thì kiểm điểm phê bình, không cất nhắc, không đề bạt, nặng thì tước bớt quyền lực, thậm chí loại bỏ khỏi bộ máy công quyền. ❑

Digitized by Google

NHÂN LOẠI VÀ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG SỐNG

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM *

MÔI trường sống đã và đang trở thành một trong những vấn đề được quan tâm nhất và cũng là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại. Bởi lẽ, môi trường sống gắn bó hữu cơ với cuộc sống của con người, cũng như với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Trận động đất khủng khiếp, với cường độ mạnh 9 độ rích-te, xảy ra ngày 26-12-2004 ở In-đô-nê-xi-a, gây ra những cơn sóng thần cực mạnh, tàn phá vùng phía tây đảo Xu-ma-tra (In-đô-nê-xi-a) và nhiều nước châu Á khác, cướp đi sinh mạng của hơn 280.000 người, đã cho thấy vấn đề môi trường sống có quan hệ mật thiết với những vấn đề toàn cầu, mà để giải quyết được chúng, cần phải có sự hợp lực của tất cả các dân tộc, các quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

1 - Những vấn đề bức xúc đang đặt ra

Hiện nay, nhân loại đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường rất bức xúc và nan giải, trong đó nổi bật nhất có các nhóm vấn đề như: *1) nạn cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên:* đất, rừng, nước, tài nguyên khoáng sản, động, thực vật, nhiên liệu (dầu mỏ, khí đốt...); *2) nạn ô nhiễm nặng nề môi trường sống:* ô nhiễm nước, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm tiếng ồn...; *3) những tai biến của thiên nhiên:* động đất, núi lửa, bão lũ, hạn hán, các cơn bão từ vũ trụ xuống trái đất, sự va chạm giữa các hành tinh... Ngoài nhóm vấn đề thứ ba con người không thể có khả năng điều chỉnh và phòng tránh, hai nhóm vấn đề thứ nhất và thứ hai chủ yếu là do con người gây ra. Do vậy, con người cần có trách nhiệm trong việc tìm cách khắc phục và ngăn chặn hậu quả, nếu không thảm họa sẽ không chỉ là môi trường tự nhiên bị tàn phá, mà hơn thế, còn xóa sạch những gì mà loài người đã dày công xây dựng trong hằng chục nghìn năm qua, kể cả sự sống của bản thân con người trên trái đất.

Nạn cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nạn ô nhiễm nặng nề môi trường sống gắn bó hữu cơ với nhau, bởi lẽ chúng cùng *có chung một cội nguồn* đó là *sự phát triển của nền sản xuất xã hội.* Nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của mình, con người đã không ngừng khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường để đưa vào sản xuất. Nền sản xuất xã hội là phương thức trao đổi chất giữa con người (xã hội) với tự nhiên, nhằm bảo đảm sự sinh tồn của con người và sự phát triển không ngừng của

* PGS, TS, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Digitized by Google

xã hội. Tuy nhiên, những hậu họa sinh thái mà ngày nay con người đang phải gánh chịu cũng xuất phát chủ yếu chính từ phương thức trao đổi chất này.

Từ nền văn minh nông nghiệp trở về trước, nền sản xuất xã hội phát triển chậm chạp, mức độ khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người để phục vụ cho quá trình sản xuất chủ yếu chỉ có đất đai và động, thực vật. Nguyên nhân chính là do lực lượng sản xuất còn kém phát triển, công cụ sản xuất còn thô sơ. Mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên, nhìn chung, còn ở mức độ hài hòa; sản xuất xã hội và cuộc sống của con người còn phụ thuộc nhiều vào các điều kiện thiên nhiên. Tuy nhiên, ngay trong những giai đoạn phát triển đầu tiên này, một số cuộc khủng hoảng sinh thái cục bộ đã dẫn đến sự ra đi vĩnh viễn của một số nền văn minh đã từng vang bóng một thời như văn minh Mai-a, văn minh Cơ-rét, văn minh Lưỡng Hà v.v..

Sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của nền sản xuất xã hội được bắt đầu từ khi nổ ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và tiếp theo đó là *quá trình công nghiệp hóa* ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trải qua hơn 300 năm, ngày nay, quá trình công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa đã được thực hiện ở rất nhiều nước trên thế giới. Xã hội loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp (văn minh trí tuệ). Song, đồng thời với sự phát triển xã hội là sự suy thoái của môi trường sống, cả về số lượng lẫn chất lượng.

Chỉ trong vòng hơn ba thập niên, kể từ khi các nước thực hiện quá trình công nghiệp hóa, sự suy thoái về số lượng của môi trường tự nhiên đã diễn ra ngày càng gay gắt hơn theo ba cấp độ. Nếu như ở thế kỷ XVIII, Man-tuýt và Tiu-go mới đưa ra cái gọi là *Quy luật về sự giảm dần sự phì nhiêu của đất đai,* tới thế kỷ XIX, Tôm-xơn và Cơ-ru-xơ mới đặt vấn đề về *sự cạn kiệt các nguồn năng lượng trên trái đất,* thì ngày nay (thế kỷ XX và XXI), con người đã phải nói đến *nguy cơ cạn kiệt toàn bộ các nguồn tài nguyên thiên nhiên,* cả tái tạo và không tái tạo trên hành tinh chúng ta, đặc biệt là các nguồn năng lượng (dầu mỏ, khí đốt, than đá), nước ngọt và sạch, rừng... Đi kèm với quá trình cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên là nạn ô nhiễm môi trường sống ngày càng trầm trọng hơn. Bởi vì, tài nguyên càng cạn kiệt, có nghĩa là số tài nguyên bị khai thác để đưa vào sản xuất và chế biến càng lớn - trong điều kiện kỹ thuật và công nghệ chưa hoàn thiện của nền văn minh nông nghiệp và công nghiệp - thì càng có nhiều chất thải độc hại đi vào môi trường, gây nên hiện tượng ô nhiễm, làm cho chất lượng môi trường sống ngày càng xấu hơn.

Sự ô nhiễm của môi trường sống đã dẫn đến những hiểm họa sinh thái tiềm tàng, mà hậu quả của chúng chưa thể nào lường trước được, trong đó, đặc biệt nguy hiểm và nan giải là các hiện tượng như *hiệu ứng nhà kính, lỗ thủng tầng ô-dôn, mưa a-xít, sa mạc hóa, sự giảm dần độ đa dạng sinh học v.v..* làm biến đổi các điều kiện thiên nhiên trên trái đất theo chiều hướng tiêu cực đối với sự sống. Một trong những biến đổi sinh thái nguy hiểm nhất là *sự biến đổi của khí hậu trái đất.* Sự biến đổi này là hậu quả tổng hợp, tất yếu của các hiện tượng ô nhiễm môi trường. Biểu hiện đầu tiên và nguy hiểm nhất là *sự tăng lên nhiệt độ trung bình của trái đất,* theo dự đoán vào giữa thế kỷ XXI là từ 1,5°C đến 4,5°C, và kéo theo nó là biết bao hiểm họa khác. Theo ông G.B. Brôn-tơ-man, nguyên Chủ tịch Ủy ban Môi trường và Phát triển của thế giới, thì trừ chiến tranh hạt nhân ra, sự biến đổi của khí hậu là mối đe dọa lớn nhất đối với loài người. Nó không những đe dọa sự tồn vong của loài người, mà còn uy hiếp cả tương lai của trái đất.

Digitized by Google

2 - Nguyên nhân

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng bức xúc của những vấn đề môi trường sống hiện nay trên thế giới cũng như ở nước ta. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi chỉ tập trung nêu lên những nguyên nhân chủ yếu do con người gây ra ở phạm vi vĩ mô.

Một là, *do sự phát triển xã hội theo quan điểm chiến lược lấy con người làm trung tâm hay quan điểm duy nhân loại* đã từng thống trị ở các nước phương Tây trong suốt giai đoạn duy lý, nhất là từ thế kỷ XVII - XVIII đến nay. Theo quan điểm này, con người có quyền uy tối thượng đối với thế giới; còn giới tự nhiên được coi như một bộ máy cơ giới, vô tri, vô giác, con người có thể tùy tiện tác động lên nó, có thể tước đoạt từ tự nhiên tất cả những gì cần thiết cho cuộc sống của mình. Trong suốt nhiều thế kỷ qua, xã hội phương Tây đã phát triển theo đường hướng này. Kết quả là xã hội phương Tây, đặc biệt là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, từ những gì đã đạt được, nhìn lại, con người không khỏi không băn khoăn, lo lắng, pha trộn cả nỗi sợ hãi về những hậu họa sinh thái do chính mình gây ra.

Hai là, *do sự phát triển xã hội theo quan điểm duy kinh tế.* Để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của mình, con người đã ra sức khai thác tài nguyên thiên nhiên, bất chấp mọi quy luật tồn tại và phát triển của chúng. Ví dụ, từ năm 1876 đến năm 1975, con người đã khai thác từ lòng đất khoảng 137 tỉ tấn than, 46,7 tỉ tấn dầu mỏ, 20 nghìn tỉ mét khối khí thiên nhiên, 24,5 tỉ tấn quặng sắt... Lợi ích kinh tế đã trở thành mục tiêu duy nhất và cao nhất; các chỉ tiêu kinh tế như tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người (GDP), khối lượng tài nguyên thiên nhiên khai thác được... trở thành tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá trình độ phát triển của các quốc gia, dân tộc.

Ba là, *do sự chưa hoàn thiện của kỹ thuật và công nghệ.* Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và cũng để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng, trong điều kiện kỹ thuật và công nghệ cao chưa hoàn thiện và còn nhiều hạn chế, con người buộc phải sử dụng *phương thức khai thác tài nguyên thiên nhiên theo bề rộng,* tức là, đồng thời khai thác nhiều loại tài nguyên, nhưng đối với mỗi loại tài nguyên chỉ sử dụng một vài tính năng chủ yếu của chúng, rồi thải bỏ. Chẳng hạn như than đá và dầu mỏ chỉ được dùng làm nhiên liệu là chủ yếu. Chính vì lý do này mà tài nguyên thiên nhiên càng được khai thác và chế biến nhiều thì môi trường càng bị ô nhiễm nặng nề hơn. Đúng như Ph. Ăng-ghen đã cảnh báo cách đây hơn 100 năm: "Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta"(1).

Bốn là, *do sự nhận thức còn nhiều hạn chế của con người về giới tự nhiên.* Theo một trong những thông báo gần đây, mỗi người bình thường có khoảng hơn 100 tỉ nơ-ron thần kinh, nhưng chỉ có trung bình khoảng từ 2% đến 8% số nơ-ron đó được đưa vào hoạt động nhận thức. Con người đã dành gần trọn số nơ-ron thần kinh được đưa vào hoạt động đó (hơn 99%) cho việc nhận thức thế giới ngoài con người. Tuy nhiên cho đến nay, tự nhiên vẫn còn quá nhiều điều bí hiểm mà con người chưa thể nhận thức được. Hơn nữa, ngay cả với những điều đã nhận thức được, con người cũng không thể thực hiện sự điều chỉnh một cách hài hòa và hợp lý mối quan hệ giữa mình với tự nhiên. Bởi lẽ, còn có

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 654

Digitized by Google

quá nhiều lý do cản trở con người làm điều đó, như vì sự sống còn và lợi ích trước mắt, vì sự cạnh tranh, vì sự hạn chế của khoa học và công nghệ v.v..

3 - Cần thay đổi quan niệm về sự phát triển

Trước hết, *thay quan điểm phát triển lấy con người làm trung tâm (hay duy nhân loại) và chinh phục thiên nhiên bằng bất cứ giá nào bằng quan điểm hài hòa và đồng tiến hóa giữa xã hội và tự nhiên.*

Con người và tự nhiên vốn có cùng bản chất và không đối lập nhau. Bởi vì, con người và xã hội loài người là sản phẩm của một quá trình tiến hóa lâu dài và vô cùng phức tạp. Toàn bộ hoạt động của con người và tự nhiên được thống nhất trong cơ chế vận hành của chu trình sinh học hay chu trình trao đổi vật chất, năng lượng và thông tin của sinh quyển, theo các nguyên tắc cơ bản là tự tổ chức, tự điều khiển, tự làm sạch, tự bảo vệ theo một trật tự liên hoàn chặt chẽ.

Kể từ khi xuất hiện con người và xã hội loài người, sự tiến hóa của giới tự nhiên được chia làm hai nhánh: lịch sử tiến hóa của tự nhiên và lịch sử tiến hóa của xã hội. Có thể coi lịch sử tiến hóa của xã hội là sự tiếp tục và cùng song hành với lịch sử tiến hóa của tự nhiên. C.Mác và Ph. Ăng-ghen đã chỉ rõ: "Có thể xem xét lịch sử dưới hai mặt, có thể chia lịch sử ra thành lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, hai mặt đó không tách rời nhau. Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên quy định lẫn nhau"(2). Do vậy, quan điểm đồng tiến hóa giữa xã hội và tự nhiên là một quan điểm đúng đắn, hoàn toàn phù hợp với một giai đoạn phát triển mới về chất của xã hội loài người - giai đoạn của nền văn minh trí tuệ; đồng thời cũng đánh dấu bước chuyển từ sự tiến hóa của sinh quyển sang sự tiến hóa của trí tuệ quyển.

Tiếp theo, *thay quan điểm phát triển duy kinh tế* (tức là lấy những chỉ tiêu kinh tế làm thước đo cao nhất và duy nhất) *bằng quan điểm phát triển bền vững* với ba mục tiêu cơ bản: tăng trưởng kinh tế nhanh và an toàn, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sống; và lấy *chỉ số phát triển con người* (HDI), bao gồm: bình quân thu nhập quốc dân tính theo đầu người; giáo dục và dân trí; sức khỏe và tuổi thọ... làm thước đo cao nhất cho sự phát triển.

Cuối cùng, *thay quan điểm phát triển cục bộ theo vùng, theo lãnh thổ quốc gia bằng quan điểm phát triển toàn cầu:* liên doanh, liên kết, hội nhập toàn cầu, trước tiên là hội nhập về kinh tế, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền độc lập, tự chủ của các quốc gia và bản sắc văn hóa của các dân tộc.

Trái đất là ngôi nhà chung của nhân loại. Điều này đã được công nhận tại các Hội nghị Thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc, ở Xtốc-khôm (Thụy Điển) năm 1972; Ri-ô đờ Gia-nê-rô (Bra-xin) năm 1992; Giô-han-ne-xbớc (Nam Phi) năm 2002; trong các bản Tuyên bố chung và trong Chương trình hành động cụ thể - Chương trình nghị sự 21 của thế giới về sự phát triển bền vững.

Sự thay đổi quan điểm về sự phát triển xã hội, cùng với những bản "Tuyên bố chung" và "Chương trình nghị sự 21 của thế giới" là cơ sở và luận cứ quan trọng để các quốc gia trên thế giới vạch ra chiến lược phát triển mới, với những giải pháp cụ thể, phù hợp, nhằm chung lòng, chung sức vượt qua một trong những thử thách lớn nhất trên con đường phát triển của nhân loại. Đó là các thử thách về môi trường sống.❑

---

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 3, tr 25

Digitized by Google

50 NĂM
07/5/1955- 07/5/2005

THÀNH LẬP HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM

TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM

**"CHIẾN ĐẤU ANH DŨNG - MƯU TRÍ SÁNG TẠO
LÀM CHỦ VÙNG BIỂN - QUYẾT CHIẾN, QUYẾT THẮNG"**

PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Được tặng thưởng:

+ 01 Huân chương Sao vàng.
+ 01 Huân chương Hồ Chí Minh.
+ 02 Huân chương Độc lập.
+ 03 Huân chương Quân công.
+ 01 Huân chương Lao động.
+ Quân chủng và 50 đơn vị được Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân và Anh hùng Lao động (trong đó Đội 1 thuộc Đoàn 126 được tuyên dương 3 lần; Lữ đoàn 125, Lữ đoàn 101, Đoàn 126, Trung đoàn Công binh 83 và tàu HQ 671 được tuyên dương 2 lần).

+ 31 cán bộ, chiến sỹ được Nhà Nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động.

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY DỰNG 47

CC47

Địa chỉ: 08 Biên Cương - thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056.822 166/ 822 931; Fax: (84.56) 812 316

Hồ Thuận Ninh - Huy chương Vàng Công trình chất lượng cao

Thi công đập bê tông lòng sông

Thi công đập bê tông lòng sông đầm Lăn - Định Bình - Bình Định

Đập bê tông Tân Giang - Ninh Thuận

Hồ A - Công trình Thủy Điện Vĩnh Sơn - Bình Định

Hồ Đồng Tròn - Phú Yên

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Chuyên thi công:
- Các công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống thủy nông.
- Công trình cầu đường giao thông.
- Công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Khai thác đá xuất khẩu.
- Gia công cơ khí, trung đại tu máy móc thiết bị.
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.
- Dịch vụ du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng.

Giám đốc: Kỹ sư NGUYỄN LƯƠNG ÁM

NĂNG LỰC CÔNG TY:

- Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, kỹ sư, chuyên viên nghiệp vụ, công nhân lành nghề có trình độ cao và giầu kinh nghiệm.

-Thiết bị xe máy của công ty gồm nhiều loại mới hiện đại như: Máy đào, máy ủi, máy đầm, máy khoan đá, cẩu các loại, trạm trộn bê tông, trạm nghiền sàng, của các nước công nghiệp phát triển: Mỹ, Đức, Nga, Thụy Điển, Nhật Bản... Phòng thí nghiệm kiểm tra cơ lý đất, đá, bê tông với các thiết bị đồng bộ, chính xác. Xưởng đại tu xe máy 250 đầu xe/năm. Khách sạn Hải Âu với 156 phòng đầy đủ tiện nghi hiện đại.

- Năng lực sản xuất kinh doanh: Đào đắp đất đá 3 triệu m3/năm. Thi công bê tông 400 000m3/năm. Đá xây lát 50 000m3/năm. Sản xuất đá các loại 350.000m^3/năm.

- Các công trình lớn công ty đã và đang thi công:

+ Công trình thủy lợi: Hồ Núi Một (Bình Định), hồ Đá Bàn, hồ Cam Ranh, hồ Suối Dầu (Khánh Hòa). Hệ thống đại thủy nông Thạch Nham (Quảng Ngãi), hồ Thuận Ninh, hồ Mỹ Bình (Bình Định), hồ Đồng Tròn (Phú Yên), hồ Tân Giang (Ninh Thuận), hồ Lòng Sông (Bình Thuận), hồ Bình Định (Bình Định), hồ Sông Trâu (Ninh thuận).

+ Công trình thủy điện: Đập hồ A, tràn hồ C, tuyến đường ống áp lực, trạm biến thế thuộc công trình thủy điện Vĩnh Sơn (Bình Định). Tràn xả lũ công trình thủy điện Sông Hinh (Phú Yên). Đập chính công trình thủy điện Ialy (Gia Lai). Thủy điện Đrây Hlinh (Đắc Lắc). Thủy điện sông Ba Hạ (Phú Yên).

+ Công trình kiến trúc dân dụng công nghiệp: Thư viện khoa học tổng hợp, nhà khách thương nghiệp, khách sạn Hải Âu (Bình Định), khu tái định cư Ialy (Gia Lai), đài dẫn bay Vũng Chua (Quy Nhơn), đài dẫn bay K1, K2 (Phù Cát, Bình Định).

Các công trình đều được đánh giá cao về kỹ thuật, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ. Đặc biệt công trình tháp rada Vũng Chua (Quy Nhơn) thuộc hệ thống FIR Hồ Chí Minh), công trình Thạch Nham, công trình Thuận Ninh được tặng Huy chương Vàng công trình chất lượng cao.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- 2 Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba.
- Cờ luân lưu đơn vị xuất sắc của Chính Phủ năm 1995.
- 9 cờ thi đua và nhiều bằng khen của Bộ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn ngành, UBND và Liên đoàn Lao động các tỉnh.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN IALY

IALY HYDRO POWER PLANT (IHPP)

ĐC: Xã Ialy, huyện Chưpăh, tỉnh Gia Lai
ĐT: 84 59. 845 467-845 479 * FAX: 84 59 845 470 * Email:IALYHPP@.evn.com.vn
Giám đốc:Kỹ sư HUỲNH NỞ

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

* Quản lý vận hành và sản xuất điện năng.
* Sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo nâng cấp các thiết bị và công trình nhà máy.
* Sửa chữa thí nghiệm thiết bị điện và gia công cơ khí cho các đơn có nhu cầu.
* Đầu tư, cải tạo và khai thác các dịch vụ du lịch.
* Làm công tác chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy thuỷ điện trên sông Sê-san.

Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba

Gian máy ngầm NMTĐ Ialy

Hệ thống bậc thang thuỷ điện trên sông Sê-san, có tổng công suất dự kiến là 1.763MW, sản lượng điện trung bình hàng năm là 8 tỉ 226 triệu KWh, chiếm 15% tiềm năng kinh tế về thuỷ điện của cả nước. Trong đó Nhà máy thuỷ điện Ialy có công suất lớn nhất là trung tâm, quản lý toàn hệ thống.

Sau 5 năm quản lý vận hành, nhà máy đã sản xuất được trên 14 tỉ KWh điện, góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Ngoài việc vận hành an toàn, hiệu quả, nhà máy còn có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất làm lợi hàng trăm tỉ đồng cho nhà nước.

Cảnh quan môi trường ở nhà máy được đầu tư và cải tạo thường xuyên bảo đảm giữ gìn sạch đẹp, môi trường phát triển bền vững, là điểm du lịch lý tưởng cho du khách.

Nhà rông Tây nguyên của khu du lịch Thủy điện Ialy

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC CONTAINER VIỆT NAM

VINABRIDGE LTD

Địa chỉ: Số 282 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
Điện thoại: 84-31-826 475 / 826 476 * Fax: 84-31-826477 * Email: Vinabrige@hn.vnn.vn

LĨNH VỰC KINH DOANH

- Vận tải container bằng đường bộ
- Đại lý hãng tàu (đại lý cho hãng tàu K'LINE tại Việt Nam)
- Đại lý giao nhận vận chuyển (Freight Forwader)
- Khai thác Bãi Container (CY)
- Khai thác kho CFS
- Sửa chữa và bảo hành container và các thiết bị chuyên dùng

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI:
Địa chỉ: Tầng 5, số 74 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-4-9 437 707 / 9 437 708 / 9 437 709 * Fax: 84-04 9 437 706 * Email: Klinehn@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:
Địa chỉ: tầng 2, tòa nhà Saigon Riverside Office Center 2A- 4A Tôn Đức Thắng, quận I, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84-8-8 223 756/ 8 251 549 * Fax: 84-8-8 269 802 * Email: Klhcm.mas@hcm.vnn.vn

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG TY XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

Cấn - Ba Đình - Hà Nội * ĐT: (84) 832 7412- 832 7414 ; Fax: (84) 832 9026

Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước hạng I trực thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội.

Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, đường dây- trạm biến thế điện và các công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp.
- Sản xuất vật liệu xây dựng: Gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát, sản xuất cấu kiện bê tông.
- Phá dỡ các công trình kiến trúc, giải tỏa mặt bằng xây dựng.
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện, điện lạnh và trang trí nội ngoại thất.
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà.
- Tư vấn xây dựng các dự án nhà ở khu đô thị, khu công nghiệp và các công trình xây dựng.
- Đầu tư kinh doanh du lịch: Du lịch sinh thái, khách sạn và lữ hành.

Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh là đơn vị giàu truyền thống được thành lập cách đây gần 30 năm, có đội ngũ thợ tay nghề cao, có máy móc, thiết bị hiện đại chuyên ngành dùng cho xây dựng nên các công trình sẽ được thi công bảo đảm chất lượng tốt nhất. Công ty rất hân hạnh được hợp tác với các bạn trong và ngoài nước.

Công trình Artexprt Building 31-33 Ngô Quyền - Nà Nội

Công ty có 17 công trình được tặng Huy chương vàng chất lượng

Digitized by Google

PETROVIETNAM
PVFCCo

ĐẠM PHÚ MỸ ®

CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Trân trọng cám ơn *Người Tiêu Dùng* đã bình chọn sản phẩm ĐẠM PHÚ MỸ ® của chúng tôi là

"HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2005"

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2005

DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCo.

Số 10 Phó Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757

Nhà máy đạm Phú Mỹ

Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477

Digitized by Google

Bí thư Huyện ủy
Đ/C VŨ KIM QUỸ

HUYỆN DUY TIÊN

Duy tiên là một huyện nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Nam tiếp giáp với tỉnh Hưng Yên, Hà Tây. Với diện tích tự nhiên 129,53km²; Diện tích canh tác trên 8000 ha, dân số 131.130 người. Có 21 xã và 1 thị trấn có 149 làng phố cụm dân cư. Tổng số tổ chức Đảng là 69 và có trên 6300 đảng viên. Đảng bộ huyện liên tục đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền và là huyện trọng điểm Công nghiệp của tỉnh Hà Nam.

Năm 2004, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự chỉ đạo của các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Huyện ủy tiếp tục chủ trương chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh phát triển CN-TTCN và dịch vụ, do đó kinh tế của huyện tăng trưởng ở mức cao, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Cụ thể ở các mặt sau:

1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

❖ Huyện ủy triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và của cấp ủy cấp trên; đặc biệt là quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận hội nghị TW8, TW9 và TW10 (khóa IX).

❖ Huyện đã mở 7 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, tìm hiểu về Đảng, kiến thức quản lý Nhà nước, kiến thức quốc phòng, chuyên môn nghiệp vụ cho 508 cán bộ, đảng viên và quần chúng ưu tú.

❖ Huyện ủy đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của chi bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

❖ Công tác phát triển đảng được quan tâm, năm 2004, kết nạp183 quần chúng ưu tú vào Đảng, chuyển chính thức cho 174 đồng chí đảng viên mới, đội ngũ đảng viên mới kết nạp đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

2. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ

❖ Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, bố trí cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ hợp lý, đảm bảo thời vụ gieo trồng, đẩy mạnh sản xuất cây vụ đông, khuyến kích việc ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp; Chú trọng phát triển CN-TTCN. Do đó, các chỉ tiêu kinh tế- xã hội hoàn thành và vượt kế hoạch:

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,67%, so với KH vượt 0,67%.

❖ Thu nhập bình quân đầu người đạt 4.002.000 đồng, so với kế hoạch vượt 2,6%.

❖ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 28.334 triệu đồng, so với dự toán đạt 249,66%. Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện trên 72 tỉ đồng.

❖ Giá trị CN-TTCN ước đạt: 196.500 triệu đồng, đạt 163% kế hoạch.

❖ Các hoạt động dịch vụ, thương mại được duy trì và phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

3. CÔNG TÁC VĂN HÓA- XÃ HỘI

❖ Giáo dục- đào tạo luôn giữ vững quy mô phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương.

❖ Các hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao từng bước nâng cao về chất lượng nội dung, hình thức hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa. Tổ chức các giải thể thao quần chúng nhằm tuyển chọn, bồi dưỡng năng khiếu thể thao tham gia các giải của tỉnh và phát triển phong trào thể thao quần chúng ở cơ sở.

❖ Thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Đến cuối năm 2004 có 93 thôn làng đạt danh hiệu làng văn hóa cấp huyện và cấp tỉnh.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2005

Năm 2005, năm cuối cùng quyết định thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đại hội Đảng các cấp; Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên phát huy những kết quả đã đạt được đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng trong công nghiệp TTCN- xây dựng và dịch vụ; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

ĐC: Thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam * ĐT: 0351.830 352 * 830 020

Digitized by Google

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: 51 Lý Thái Tổ- Hoàn Kiếm- Hà Nội * Điện thoại: (04) 825 4961- 825 4769
Chủ tịch: NGUYỄN THẾ PHÚC

Năm 2004, bám sát nhiệm vụ kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội, sự chỉ đạo của Tổng LĐLĐ Việt Nam và nghị quyết công tác năm 2004 của BCH LĐLĐ thành phố, các cấp công đoàn Thủ đô đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ công tác trọng tâm sau đây:

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN:

Chỉ đạo triển khai tốt công tác tuyên truyền giáo dục, góp phần xây dựng đội ngũ CNVCLĐ Thủ đô vững vàng về chính trị, tư tưởng, tích cực học tập nâng cao trình độ, có ý thức tổ chức học tập và chuyển biến mới về tác phong công nghiệp.

- Tuyên truyền quán triệt trong CNVCLĐ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng như NQTW3, TW4... 03 đề án lớn của Thành ủy Hà Nội.
- Giáo dục truyền thống của Đảng, của dân tộc, giai cấp, truyền thống của Thủ đô, đã cấp công đoàn tập trung chỉ đạo: Thi tìm hiểu về "Lịch sử phong trào công nhân và tổ chức công đoàn Thủ đô", "Thi tìm hiểu về Đảng cộng sản Việt Nam... đã thu hút 139 000 CNVCLĐ của 1 500 cơ sở tham gia.
- Hàng loạt phong trào đã được phát động: "Xây dựng nếp sống văn hóa công nghiệp"; "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở", thực hiện "Kỷ cương giao thông- văn minh đô thị"...
- Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS tiếp tục được các cấp công đoàn tập trung chỉ đạo, có trên 1 800 cơ sở và gần 19 vạn CNVCLĐ đăng ký không vi phạm tệ nạn xã hội.

PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC TRONG CNVCLĐ:

Các phong trào thi đua yêu nước được phát động liên tục, sâu rộng góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế- xã hội của Thủ đô.

- Phối hợp cùng các cơ quan chức năng tổng kết 20 năm phong trào thi đua "Lao động giỏi" trong CNVCLĐ, nhằm đánh giá kết quả đạt được và phát động phong trào thi đua trong giai đoạn tới.
- Tổ chức tốt các hội thi lao động giỏi, thao diễn kỹ thuật... thu hút 57 200 người tham gia, có 23 800 người đạt loại giỏi.
- Phát động phong trào thi đua chào mừng các ngày kỷ niệm lớn được đông đảo CNVCLĐ tham gia.
- Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được nhiều đơn vị cá nhân hưởng ứng tạo ra những sản phẩm mới, mang lại hiệu quả kinh tế- xã hội cao, phát huy 11 900 sáng kiến, làm lợi 48,5 tỉ đồng
- Phong trào thi đua" Xanh- sạch- đẹp", đảm bảo an toàn vệ sinh lao động" được triển khai sâu rộng trong cac cơ quan, trường học.
- LĐLĐ Thành phố đã phối hợp cùng Sở NN&PT NT tổng kết 5 năm thực hiện thi đua phục vụ CNH- HĐH nông thôn và PTNT.

CHĂM LO BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHÍNH ĐÁNG CỦA CNVCLĐ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XH.

- 97% DN, cơ quan trên địa bàn Thành phố tổ chức đại hội CNVC, hội nghị CBCC, trên 90% cơ sở xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh các bộ quy chế, tạo điều kiện cho người lao động phát huy dân chủ trong các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan.
- Thực hiện cho 965 CNVCLĐ được vay vốn từ qũy hỗ trợ việc làm với số tiền 5.563 triệu đồng... Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố và báo Lao độngThủ đô đã có nhiều cố gắng đẩy mạnh việc giới thiệu, tìm việc cho người lao động.
- Trong các hoạt động xã hội, lực lượng CBCNVCLĐ Thành phố luôn là lực lượng nòng cốt và đi đầu: Đóng góp 1.950 triệu đồng ủng hộ Thành phố Điện Biên và tỉnh Lai Châu; Ủng hộ 1,6 tỉ đồng cho quỹ "Vì người nghèo", hơn 3 tỉ đồng cho các quỹ từ thiện xã hội khác; Trên 10 nghìn CNVCLĐ đã được nhận trợ cấp với tổng số tiền 2,4 tỉ đồng từ các quỹ trợ cấp khó khăn đặc biệt...

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

Phường Lĩnh Nam được thành lập trực thuộc quận Hoàng Mai từ tháng 1 - 2004 (tháng 12 - 2003 về trước trực thuộc huyện Thanh Trì).

Diện tích 560,4 héc - ta, trong đó 170 héc - ta đất trồng trọt; Dân số 14 224 người; Đảng bộ hiện có 286 đảng viên (trong đó hơn 70% đảng viên nghỉ chế độ hưu trí và mất sức).

Quận Hoàng Mai

Phường LĨNH NAM

BÍ THƯ VŨ CÔNG KHANH

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2005

* Tổng giá trị sản xuất đạt 34 tỉ đồng trở lên.
* Tăng trưởng kinh tế từ 12% trở lên.
* Giá trị sản lượng bình quân trên 1 héc ta đất nông nghiệp đạt 82 đến 85 triệu đồng.
* Phấn đấu tăng hộ giàu, hộ khá lên 50% trở lên.
* Phấn đấu hoàn thành chương trình xóa nghèo theo chuẩn cũ.
* Phấn đấu 3 nhà trường đạt tiên tiến.
* MTTQ và các đoàn thể nhân dân đạt tiên tiến xuất sắc, Đảng bộ đạt TSVM, 85% chi bộ đạt TSVM, 70% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Đảng ủy đã xác định được cơ cấu kinh tế là nông nghiệp - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Những năm vừa qua Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, đã có Nghị quyết chuyên đề và những chương trình đổi mới cơ cấu cây trồng vật nuôi. Thành tích nổi bật là kế hoạch làm nhà lưới để sản xuất rau an toàn, đã phát huy được nội lực và tinh thần tự chủ của nhân dân, mạnh dạn đầu tư làm nhà lưới, từ năm 2000 đến năm 2004 làm được 8,2 héc ta nhà lưới, đưa năng suất chất lượng rau an toàn ngày càng cao, được người tiêu dùng tín nhiệm.

Đầu năm 2004 Đảng ủy phường Lĩnh Nam đã ra quyết định tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, chỉ đạo và vận động nhân dân gieo trồng hết diện tích trong năm. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng đưa các loại cây con có năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất như: Ngô lai, Lạc, Đậu tương AK06, Cây Cải ngọt, chăn nuôi lợn nạc, bò sữa...

** Kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2000 - 2004 đạt giá trị tổng sản lượng: Năm 2000 đạt 21,3 tỷ đồng, bình quân 57 triệu đồng/héc ta; Năm 2001 đạt 23 tỷ đồng, bình quân 62 triệu đồng/héc ta; Đến năm 2004 đạt 30,5 tỷ đồng, bình quân 80 triệu đồng/héc ta.*

** Công tác xóa đói giảm nghèo: Đảng ủy có Nghị quyết lãnh đạo xây dựng quỹ, biện pháp giúp đỡ các hộ nghèo chủ yếu là bằng giúp giống, vốn, cơ sở vật chất để phát triển sản xuất.*

** Về giải quyết việc làm chủ yếu là giáo dục vận động mọi người tích cực phát triển tham gia các ngành nghề dịch vụ, phục vụ; quan hệ với các cơ quan, doanh nghiệp trong địa bàn tiếp nhận lao động của địa phương.*

** Thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa: có 1 làng được công nhận là Làng văn hóa cấp huyện, đang đề nghị Thành phố xét công nhận năm 2004.*

** Đảng, chính quyền lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ công tác quản lý đô thị, quản lý đất đai, xây dựng; Thường xuyên tuyên truyền giáo dục và động viên nhân dân chấp hành tốt Pháp luật về đất đai, đồng thời tích cực tham gia giám sát kiểm tra và phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm về quản lý đất đai, TTXD, giúp chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý nhằm giữ ổn định tình hình đất đai trên địa bàn.*

** Công tác xây dựng Đảng: đã thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đội ngũ cán bộ đảng viên luôn giữ vững được lập trường quan điểm của Đảng, trung thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được phân công, thường xuyên thực hiện tốt công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đảng viên, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.*

Địa chỉ: tổ 23 P. Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội * ĐT: 04 6442 084

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
NAM ĐỊNH

Công ty xổ số kiến thiết Nam Định thường xuyên phát hành các loại vé:

- Xổ số kiến thiết truyền thống.
- Xổ số lô tô.
- Xổ số biết kết quả ngay.
- Xổ số mục tiêu.

KÍNH MỜI CÁC BẠN THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT NAM ĐỊNH

Chúc các bạn may mắn và hạnh phúc

Giám đốc

LÊ VĂN SƠN

Nhà Văn hóa Thiếu nhi Nam Định
Công trình được xây dựng bằng nguồn vốn XSKT Nam Định

Địa chỉ: 157 Trần Hưng Đạo - TP Nam Định * Điện thoại: 0350. 646 483 - Fax: 0350. 644 914

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6000

HX
H608B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

80 năm Báo chí Cách mạng Việt Nam (1925-2005)

UNIV. OF MICH.
JUL 29 2005
CURRENT SERIALS

"Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén".

12
6-2005

Digitized by Google

Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Lai Châu thăm vườn chè của Công ty

ĐẢNG BỘ CÔNG TY CHÈ Than Uyên

Bí thư đảng ủy: **PHẠM ĐỨC TRUNG**

Đảng bộ Công ty Chè Than Uyên, Lai Châu được thành lập ngày 07/03/1959, tiền thân là Đảng bộ nông trường quân đội Than Uyên. Trên 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Đảng bộ có 8 chi bộ cơ sở ở 8 đơn vị sản xuất với 64 đảng viên.

Liên tục 7 năm liền Đảng bộ công ty chè Than Uyên được công nhận đạt danh hiệu " Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu", được tặng nhiều bằng khen giấy khen, 100% đảng viên hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thành tích: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Công ty Chè Than Uyên đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (1980), Huân chương Lao động hạng Nhì (1998), Huân chương Lao động hạng Nhất (2003).

Công đoàn công ty được tặng cờ Tổng Liên đoàn " Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc nhất".

Các chỉ tiêu kế hoạch 2005:

Chè búp tươi : > 8000 tấn
Chè sau chế biến : > 1660 tấn
Doanh thu bán hàng : > 29 tỉ đồng
Nộp ngân sách: > 1,3 tỉ đồng
Lãi : 370 triệu đồng
Tiền lương bình quân: > 1.200.000 đồng/người/tháng.

Đảng bộ công ty đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu "

Công ty được tặng cờ thi đua xuất sắc nhất

Công đoàn công ty được tặng bằng khen của Tổng Liên đoàn.

Đoàn thanh niên công ty được bằng khen Tỉnh đoàn

Đảng bộ công ty chè Than Uyên quyết tâm xây dựng Công ty phát triển bền vững, góp phần xây dựng địa phương ngày càng giàu đẹp.

Digitized by Google

THÁNG 2 KỲ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 735

12

6-2005

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA

Bìa 1: Bác Hồ với các đại biểu tại Đại hội III Hội Nhà báo Việt Nam
Ảnh: TL

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21-6-1925 - 21-6-2005)

XÃ LUẬN - Sứ mệnh cao cả của báo chí cách mạng nước ta 3

PHẠM QUANG NGHỊ - Tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng trong sự nghiệp đổi mới 7

HỒNG VINH - Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện hiệu quả "Xây đi đôi với chống" trong hoạt động báo chí hiện nay 10

HÀ ĐĂNG - Nhà báo - đức, tài và sự tự rèn luyện 15

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN VĂN QUYỀN - Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 20

LÊ DANH VĨNH - Các vụ kiện thương mại và việc chủ động phòng chống trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 24

VŨ VĂN VIÊN - Cổ phần hóa - một phương tiện quan trọng để thực hiện sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu 29

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN VĂN GIÀU - Ninh Thuận trên con đường đổi mới và phát triển 34

TĂNG HUỆ - Kết quả của một chương trình phối hợp hoạt động 38

NGUYỄN HỮU THẮNG - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Đồng Nai: thực trạng, định hướng và giải pháp 42

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

TRẦN QUANG NHIẾP - Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình 48

NGUYỄN THIỆN TRƯỞNG - Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới 53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TÂY GIANG - Chọn người xếp việc 57

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Phát triển quan hệ với các nước lớn trong chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước ta 59

NGUYỄN HỮU CÁT - Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc: thực trạng và triển vọng 63

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Học giả phương Tây nói về thách thức đối với chủ nghĩa tư bản trong xu thế toàn cầu hóa 68

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• **Передовая:** Благородная миссия вьетнамской революционной прессы. • ФАМ КУАНГ НГИ: Дальнейшее развитие славных традиций революционной прессы в деле обновления. • ХОНГ ВИНЬ: Под светом идей Хо Ши Мина эффективно осуществляется дело «борьба и строительство» в журналистской деятельности в настоящее время. • ХА ДАНГ: Журналист – человек морали, таланта и самообразования. • НГУЕН ВАН КУЕН: Партия руководит судебными органами в условиях строительства правового социалистического государства народа, созданного народом и во имя народа. • ЛЕ ЗАНЬ ВИНЬ: Торговые споры и проявление инициативности в их предотвращении и борьбе с ними в процессе международной экономической интеграции. • ВУ ВАН ВИЕН: Акционирование – важное средство для проведения диверсификации форм собственности. • НГУЕН ВАН ЖАУ: Провинция Ниньтхуан на пути обновления и развития. • НГУЕН ХЫУ ТХАНГ: Индустриализация, модернизация в провинции Донгнай: состояние, направления и меры по их решению. • НГУЕН ХОАНГ ЖАП: Развитие отношений с великими державами в обновляемой внешней политике Компартии и государства СРВ. • НГУЕН ХЫУ КАТ: Отношения между Вьетнамом и Республикой Корея: состояние и потенциалы.

CONTENTS

• **Editorial:** Noble mission of our country's Revolutionary Press. • PHAM QUANG NGHI: Continuing to promote glorious traditions of Revolutionary Press in the renovation cause. • HỒNG VINH: Efficiently fulfilling "building in accompany with struggling" in present-day press activities under the light of Hồ Chí Minh thoughts. • HÀ ĐĂNG: Journalist: his morality, talent and self-training. • NGUYỄN VĂN QUYỀN: The Party leads justice bodies in conditions of building law-governed socialist state of the people, by the people and for the people. • LÊ DANH VĨNH: Trade law suits and initiative prevention and resistance in the process of international economic integration. • VŨ VĂN VIÊN: Equitation – an important tool for implementing multiplication of ownership forms. • NGUYỄN VĂN GIÀU: Ninh Thuân province on the path of renovation and development. • NGUYỄN HỮU THẮNG: Industrialisation, modernisation in Đồng Nai province: reality, orientations and solution. • NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Developing relations with great countries in the renovated foreign policy of our Party and State. • NGUYỄN HỮU CÁT: Vietnam-South Korea relations: Reality and prospects.

SOMMAIRE

• **Editorial :** La noble mission de la presse révolutionnaire vietnamienne. • PHẠM QUANG NGHỊ : Valoriser les traditions illustres de la presse révolutionnaire dans l'œuvre de renouveau. • HỒNG VINH : Réaliser avec efficacité la ligne "L'édification va en pair avec la lutte" dans les activités de presse de l'heure, sous la lumière de la pensée de Hồ Chi Minh. • HÀ ĐĂNG : Le journaliste – vertu, talent et auto-perfectionnement. • NGUYỄN VĂN QUYỀN : La direction du Parti envers les organismes judiciaires dans l'édification de l'Etat de Droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. • LÊ DANH VĨNH : Les procès commerciaux et la prise de l'initiative à leur prévention dans le processus d'intégration à l'économie mondiale. • VŨ VĂN VIÊN : Actionnalisation – un moyen important pour réaliser la diversification des modalités de propriété. • NGUYỄN VĂN GIÀU : Ninh Thuận en voie de renouveau et de développement. • NGUYỄN HỮU THẮNG: L'industrialisation et la modernisation à la provinde de Đồng Nai : rèalités, orientations et solutions. • NGUYỄN HOÀNG GIÁP : Le développement des relations avec les grandes puissances dans la politique des relations extérieures renouvelée du PCV et de l'Etat vietnamien. • NGUYỄN HỮU CÁT : Relations Vietnam – Corée : réalités et perspectives.

SUMARIO

• **Editorial:** La sagrada misión de prensa revolucionaria de nuestro país. • PHẠM QUANG NGHỊ: Continuar desplegando la gloriosa tradición de prensa revolucionaria en la causa de renovación. • HỒNG VINH: A la luz del pensamiento de Hồ Chí Minh cumplimos con eficiencia "la construcción realizada a la par con la lucha" en las actuales actividades de prensa. • HÀ ĐĂNG: El periodista – virtud, talento y autoinstrucción. • NGUYỄN VĂN QUYỀN: La dirección del Partido en los organismos de justicia en condiciones de edificación de un estado constitucional socialista del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. • LÊ DANH VĨNH: Pleitos comerciales y su activa evitación en el proceso de ingreso económico internacional. • VŨ VĂN VIÊN: La capitalización por acciones – un medio importante para cumplir la diversificación de formas de propiedad. • NGUYỄN VĂN GIÀU: Ninh Thuân en camino de renovación y desarrollo. • NGUYỄN HỮU THẮNG: La industrialización y la modernización en la provincia de Đồng Nai: estado real, orientación y resolución. • NGUYỄN HOÀNG GIÁP: El fomento de relaciones con las potencias en la política exterior de renovación de nuestro Partido y Estado. • NGUYỄN HỮU CÁT: Las relaciones Viet Nam-Corea del Sur: estado real y perspectiva.

目录

• 社论：我国革命报刊的崇高使命 • 范光毅：在革新事业中，继续发扬革命报刊的光荣传统 • 红荣：在胡志明思想光辉照耀下，有效地实现目前报刊活动中的“树立与反击并行”的原则 • 何登：记者——德才和自我锤炼 • 阮文权：在建设民有民享民治社会主义法制国家条件下，党领导各司法机关 • 黎名永：贸易诉讼案及国际经济融入过程中的主动防范、反击 • 武文园：股份化——实现所有制形式多样化的一个重要工具 • 阮文饶：宁顺省在革新发展道路上 • 阮友胜：工业化现代化中的同奈省——现状、定向及解决措施 • 阮黄甲：越南党和国家的革新对外政策下与世界各大国发展关系 • 阮友吉：越韩关系——现状及展望。

Digitized by Google

Xã luận

SỨ MỆNH CAO CẢ CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG NƯỚC TA

CÁCH đây vừa tròn 80 năm, một sự kiện quan trọng, một dấu mốc nổi bật nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam là việc xuất bản tờ báo ***Thanh Niên*** *(21-6-1925), đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng nước ta. Bác Hồ, nhà báo cộng sản Việt Nam đầu tiên, sáng lập và chỉ đạo tờ báo* ***Thanh Niên,*** *cũng là người sáng lập ra nền báo chí cách mạng của giai cấp vô sản Việt Nam. Lần đầu tiên tờ báo* ***Thanh Niên*** *ra đời và đảm nhiệm được vai trò là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, tổ chức tập thể, như V.I. Lê-nin đã nói về báo chí.*

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi mở ra kỷ nguyên mới trên thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Sau Cách mạng Tháng Mười, Bác Hồ đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và truyền bá vào nước ta, để lãnh đạo phong trào yêu nước, vận động thành lập Đảng. Ngày 3-2-1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt Nam và lịch sử báo chí cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, những nhà trí thức yêu nước và cách mạng "lấy bút làm đòn xoay chế độ" đã dùng báo chí đấu tranh kiên cường, dũng cảm chống chế độ áp bức thuộc địa trong suốt thời kỳ tiền khởi nghĩa. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, dựa vào sức đấu tranh của quần chúng, báo chí cách mạng xuất bản ở khắp ba kỳ, tạo thành một mặt trận dân chủ rộng rãi, đấu tranh chống phát-xít, chống phản động thuộc địa, chống chiến tranh, đòi hòa bình, dân sinh và dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, tạo điều kiện cho báo chí cách mạng Việt Nam chuyển ra công khai và trở thành báo chí chính thống của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ở miền Bắc, báo chí lần lượt được in và phát hành tại Hà Nội. Ở miền Trung và miền Nam, trong hoàn cảnh kháng chiến ác liệt, các nhà báo đã vượt qua mọi khó khăn, xuất bản được nhiều tờ báo để tuyên truyền cho đường lối kháng chiến của Đảng, cổ vũ đồng bào dũng cảm đánh giặc, cứu nước.

Trong suốt cuộc trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, báo chí cách mạng ngày càng lớn mạnh, góp phần to lớn vào nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, phổ biến những kinh nghiệm chiến đấu và sản xuất, đánh giặc và xây dựng đất nước, cổ vũ quân và dân ta quyết tâm kháng chiến lâu dài, vượt qua mọi khó khăn, chịu đựng mọi gian khổ, kiên quyết đánh thắng quân xâm lược, giải phóng hoàn toàn Tổ quốc.

Từ trong máu lửa, hàng trăm nhà báo - chiến sỹ với ý chí quyết tâm cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với tinh thần yêu nước sâu

Digitized by Google

sắc, lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng, với chế độ đã anh dũng hy sinh như những chiến sỹ cầm súng trên chiến trường. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, qua 30 năm chiến tranh, nước ta đã có hơn 400 nhà báo - liệt sỹ. Vì sự nghiệp cách mạng, các nhà báo đã nêu gương dũng cảm, sẵn sàng xả thân hoàn thành sứ mệnh vẻ vang, cao cả của mình, góp phần cùng quân dân cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Điều này đã được chứng minh qua nhiều thập kỷ.

* *
*

Kế tiếp truyền thống đó, bước vào thời kỳ đổi mới, báo chí cách mạng nước ta luôn luôn là lực lượng đi đầu, là người hướng dẫn, tuyên truyền, tổ chức và vận động công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Báo chí đã góp phần tạo ra bầu không khí dân chủ, công khai, cởi mở trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại. Trong các lĩnh vực đó của đời sống kinh tế - xã hội đất nước đều có sự đóng góp to lớn của báo chí. Trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của các nhà báo đã được thể hiện sâu sắc trong việc truyền bá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sắc bén những sự kiện mới, phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội quan tâm, xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Báo chí cách mạng không chỉ là phương tiện truyền bá, giáo dục, cổ vũ công cuộc đổi mới mà còn là tấm gương thể hiện tính dân chủ, công khai, tính khách quan, chân thật, tính chiến đấu sắc bén trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Trong công cuộc đổi mới, báo chí cách mạng nước ta có nhiều thời cơ và vận hội lớn, đã đóng góp tích cực, hiệu quả cho công cuộc đổi mới đất nước. Và chính trong quá trình đổi mới đó, báo chí đã có bước trưởng thành vượt bậc về mọi mặt. Một thế hệ nhà báo mới, trẻ và đầy năng động, có học vấn và sức sáng tạo đang được rèn luyện, thử thách, phát triển mạnh mẽ trong môi trường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhìn về số lượng, nếu so với trước năm 1975, hiện nay đội ngũ nhà báo nước ta đã tăng lên gấp nhiều lần. Năm 1945, cả nước chỉ có khoảng 100 nhà báo cách mạng, năm 1975 đã tăng lên hơn 1.000 người, năm 2000 có hơn 9.000 người và năm 2005 có hơn 13.000 người.

Hiện nay, nước ta có 553 cơ quan báo chí, với 713 ấn phẩm số lượng bản báo được phát hành mỗi năm khoảng 600 triệu bản. Bình quân có khoảng 7,5 bản báo/người/năm. Hệ thống phát thanh gồm hàng trăm đài phát sóng. Truyền hình có bước phát triển nhanh chóng. Cả nước có khoảng 10 triệu máy thu hình, với gần 85% số hộ gia đình được xem truyền hình; tăng trưởng viễn thông In-tơ-nét cao nhất trong khu vực ASEAN với tốc độ bình quân là 32,5%/năm. Chính sự lớn mạnh đó của báo chí và đội ngũ nhà báo cách mạng đã tạo ra nội dung thông tin đa dạng và phong phú, ngày càng làm tốt hơn vai trò tiếng nói của Đảng, Nhà nước, diễn đàn của nhân dân, đóng góp xứng đáng vào những thắng lợi chung của cách mạng.

* *
*

Đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ phát triển mới, báo chí có sứ mệnh rất quan trọng trong việc tăng cường sự nhất trí tư tưởng của toàn Đảng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần của

Digitized by Google

toàn dân; nâng cao ý chí phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để hoàn thành sứ mệnh nặng nề đó, báo chí cần tập trung thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ cơ bản sau:

Làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. *Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã vạch ra phương hướng, chủ trương, của Đảng, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong sự nghiệp ấy, báo chí có sứ mệnh to lớn trong việc tuyên truyền, giải thích các quan điểm, đường lối, chủ trương của đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, làm cho toàn Đảng, toàn dân quán triệt sâu sắc và nhất trí cao với đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng được thể hiện trong văn kiện Đại hội IX và Nghị quyết của các kỳ Hội nghị Trung ương Đảng, trong các luật, nghị định của Nhà nước, trong các chương trình, nhiệm vụ công tác của Trung ương Đảng, Chính phủ và Quốc hội.*

Phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến *là sứ mệnh của báo chí cách mạng nước ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin đặc biệt coi trọng báo chí trong nhiệm vụ: Phát hiện, khuyến khích tất cả những mầm non của cái mới. Đảng ta cũng đã nhiều lần chỉ rõ: Coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới; khuyến khích các nhà báo tích cực cổ vũ cho cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Biểu dương "người tốt, việc tốt", điển hình tiên tiến. Làm cho cái chân, thiện, mỹ lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội chúng ta.*

Phê phán các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội. *Tiêu cực và tệ nạn xã hội đang là nguy cơ lớn đe dọa mọi thành quả cách mạng, hủy hoại nhân phẩm con người, đặc biệt làm suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tàn phá công cuộc đổi mới đất nước. Chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội là sứ mệnh quan trọng của báo chí nhằm dọn đường cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX và các nghị quyết khác của Đảng, làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Đấu tranh chống tiêu cực cũng góp phần xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tình cảm, tri thức, nhân cách, đạo đức, lối sống, đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Thông qua đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, báo chí sẽ góp phần tích cực vào cuộc vận động làm trong sạch đảng, bộ máy nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. *Từ khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, các thế lực thù địch tăng cường chống phá, ráo riết thực hiện âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Báo chí có sứ mệnh rất quan trọng trong việc tiến hành có hiệu quả đấu tranh tư tưởng lý luận, tuyên truyền, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, làm thất bại mọi âm mưu xóa bỏ Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng lý luận có mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ giáo dục lý tưởng cách mạng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Tăng cường đấu tranh chống những luận điểm sai trái, thù địch cũng là sự góp sức bồi*

Digitized by Google

dưỡng và củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tạo sự nhất trí cao giữa cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ phát triển mới.

Góp phần quan trọng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. *Công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi nhân dân ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền tảng tinh thần của dân tộc ta, coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trách nhiệm của báo chí là tác động vào định hướng giá trị xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa, văn minh và làm cho con người trong xã hội, nhất là thế hệ trẻ, tiếp thu các giá trị của nền văn hóa dân tộc, hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức tốt đẹp. Xây dựng con người có tri thức, văn hóa và lối sống lành mạnh là yếu tố quan trọng để thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đương nhiên, để thực hiện tốt mục tiêu phát triển văn hóa, vấn đề hàng đầu đặt ra cho báo chí là không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm, tăng cường sức hấp dẫn, sinh động và tính tư tưởng cao để thu hút công chúng. Điều này đòi hỏi rất lớn khả năng nhận thức, tư tưởng, tình cảm, trình độ và trách nhiệm của các nhà báo.*

Nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin; khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí. *Khách quan, chân thật là bản chất của báo chí cách mạng. V.I.Lê-nin cho rằng: sự thật là sức mạnh của báo chí chúng ta. Đảng ta nhấn mạnh đến phát triển sự nghiệp báo chí theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Nâng cao tính chiến đấu của thông tin cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hiện nay, nhân dân ta không còn thỏa mãn với cách đưa tin lạnh lùng, giản đơn, không lột tả được bản chất sự kiện. Báo chí đưa tin gắn liền với sự kiện, nhưng sự kiện mới vẫn chưa đủ mà quan trọng hơn là thẩm định, lý giải, phân tích sự kiện, giúp người tiếp nhận thông tin hiểu rõ bản chất của sự kiện và nhận thức đầy đủ, chính xác các hiện tượng của đời sống xã hội. Chọn lọc để viết hay không viết, để công bố hay không công bố một thông tin, mức độ đến đâu là việc làm mà mỗi nhà báo phải cân nhắc, xuất phát từ lợi ích của giai cấp, dân tộc và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cần nhanh chóng khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí. Để khắc phục khuynh hướng này, hoạt động của báo chí phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và trong khuôn khổ pháp luật. Tiếp tục phát triển báo chí, nhưng phát triển phải đi đôi với quản lý tốt. Coi trọng chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, khoa học, nghề nghiệp, từng bước hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu thông tin kịp thời, phong phú của nhân dân trong thời kỳ mới...*

Tám mươi năm qua, chúng ta có đầy đủ lý do và quyền tự hào về báo chí cách mạng nước ta đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân. Thừa hưởng truyền thống tốt đẹp của báo chí cách mạng, lại được sống trong bầu sinh khí mới của thời kỳ phát triển mới, báo chí nước ta nhất định sẽ làm tốt hơn sứ mệnh cao cả của mình là người lính xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

TIẾP TỤC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PHẠM QUANG NGHỊ *

TRONG công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, hệ thống báo chí nước ta có bước phát triển quan trọng cả về loại hình, số lượng và chất lượng.

Hiện nay, ở nước ta đã có đủ 4 loại hình báo chí như các nước phát triển, đó là: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử trên In-tơ-nét.

Báo in, cả nước hiện có 553 cơ quan báo chí, trong đó có 157 báo và 396 tạp chí với hơn 713 ấn phẩm báo chí và khoảng hơn 1.000 bản tin.

Báo hình và báo nói, Trung ương có 1 đài phát thanh, 1 đài truyền hình quốc gia, 4 trung tâm truyền hình khu vực; ở 64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có đài phát thanh - truyền hình.

Báo điện tử, là loại hình báo chí mới ra đời, được pháp luật quy định từ năm 1999. Đến nay đã có trên 50 đơn vị báo điện tử và các nhà cung cấp thông tin, có khoảng 2.500 trang Web đang hoạt động trên toàn quốc.

Bên cạnh các cơ quan báo chí, nước ta còn có một Hãng thông tấn quốc gia (Thông tấn xã Việt Nam), ngoài chức năng là ngân hàng tin, Thông tấn xã Việt Nam cũng là cơ quan chủ quản của nhiều tờ báo.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, báo chí nước ta đã không ngừng đổi mới, vươn lên mạnh mẽ. Nhìn chung báo chí hoạt động đúng định hướng, đúng pháp luật, làm tốt chức năng vừa là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp vừa là diễn đàn của nhân dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Với bốn loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) từ trung ương đến địa phương, với đội ngũ hơn 13.000 nhà báo hoạt động ở cả trong nước và nước ngoài; với điều kiện phương tiện hoạt động, cơ sở vật chất tương đối hiện đại, báo chí nước ta đã tạo thành hệ thống thông tin hùng hậu bảo đảm thông tin phong phú, kịp thời mọi mặt của đời sống xã hội, cả trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân.

* TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

Các cơ quan báo chí có nhiều cố gắng bám sát thực tiễn đời sống của đất nước và nhân dân; nâng cao trách nhiệm và tích cực tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; báo chí nước ta thực sự là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp các cơ quan đảng, nhà nước trong việc lãnh đạo và điều hành đất nước có hiệu quả.

Báo chí, đặc biệt là các tạp chí nghiên cứu đã có những đóng góp đáng kể vào công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận góp phần làm phong phú và sáng tỏ hơn nhiều luận điểm quan trọng, cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần hình thành và từng bước hoàn chỉnh lý luận về sự nghiệp đổi mới, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Báo chí cũng là lực lượng luôn đi tiên phong trong việc đấu tranh, phê phán những quan điểm, nhận thức sai trái, vạch rõ các âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Báo chí là lực lượng quan trọng tham gia giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng; phát hiện và biểu dương kịp thời những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, những thành tựu của đất nước, cổ vũ và động viên các phong trào thi đua hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa - xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường an ninh - quốc phòng, thúc đẩy công cuộc đổi mới và dân chủ hóa đời sống xã hội.

Báo chí là một trong những lực lượng đi đầu trong việc phát hiện và phản ánh nhiều vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội, tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Đặc biệt, trong những năm gần đây, báo chí đã góp phần quan trọng vào việc cổ vũ, động viên và trực tiếp tham gia cùng các lực lượng chức năng đưa ra công luận nhiều vụ án lớn, nhiều cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất.

Trong quá trình triển khai các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, mở rộng giao lưu quốc tế, hoạt động báo chí nước ta đã và đang diễn ra hết sức sôi động, được toàn thể xã hội quan tâm. Những đóng góp của báo chí được Đảng, Nhà nước và nhân dân đánh giá cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích, ưu điểm và tiến bộ nói trên, hoạt động báo chí cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Trong đó có những thiếu sót, khuyết điểm tồn tại kéo dài ở một số cơ quan báo chí gây nên sự lo ngại trong dư luận xã hội.

Nhiều cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ mục đích đã được quy định trong giấy phép hoạt động. Tin, bài phản ánh về ngành, địa phương, tổ chức mà mình chịu trách nhiệm chiếm tỷ lệ nhỏ, trong khi đó lại phản ánh quá nhiều thông tin tiêu cực của các ngành, các địa phương khác nhằm mục đích "câu khách" để bán báo.

Một bộ phận báo chí coi nhẹ việc biểu dương "người tốt, việc tốt", những nhân tố mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đăng tải những chuyện giật gân, tình dục, bạo lực, mê tín dị đoan; đưa quá đậm các thông tin tiêu cực và mặt trái của xã hội, gây nhận thức không đúng về tình hình đất nước.

Không ít thông tin báo chí xâm hại đời tư cá nhân; đi sâu vào khai thác các tình tiết ly kỳ, mô tả tỉ mỉ các hành động tội ác, gây phản cảm cho người đọc, người xem, vi phạm các quy định của pháp luật.

Nhiều quảng cáo trên báo chí đã sử dụng hình ảnh không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam; quảng cáo không trung thực hoặc quảng cáo cả những sản phẩm không được phép quảng cáo.

Digitized by Google

Trong đấu tranh chống tiêu cực, cơ quan báo chí và phóng viên lợi dụng việc chống tiêu cực cho đăng những thông tin với thái độ không khách quan, thông tin đang trong quá trình điều tra, thanh tra, chưa có kết luận chính thức, gây phức tạp, hoài nghi trong dư luận.

Trên truyền hình chiếu quá nhiều phim nước ngoài, phim bạo lực, các chương trình biểu diễn nghệ thuật, ca nhạc không hợp với truyền thống văn hóa, thẩm mỹ của dân tộc.

Báo chí của nhiều đảng bộ địa phương, bộ, ngành chưa quan tâm nâng cao chất lượng, chậm đổi mới, thông tin chưa hấp dẫn, hiệu quả tuyên truyền, giáo dục không cao, chủ yếu phải thông qua cơ chế bao cấp mới phát hành được báo.

Trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà báo còn yếu kém. Có nhà báo với động cơ không trong sáng, lợi dụng chống tiêu cực để làm việc tiêu cực.

Nhiều cơ quan báo chí "cửa quyền" trong thông tin, khi thông tin sai sự thật vẫn không cải chính hoặc chỉ cải chính qua loa, không nghiêm túc, thiếu thành thật, nghiêm khắc đối với những khuyết điểm.

Một số nhà báo và trên một số tờ báo đã làm lộ các thông tin kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của địa phương, các ngành, các doanh nghiệp; khai thác tin tức, tư liệu của báo chí nước ngoài thiếu chọn lọc, nhận xét, bình luận theo quan điểm của báo chí nước ngoài, không có lợi cho công tác tuyên truyền, giáo dục.

Đánh giá nghiêm túc những thành tựu, tiến bộ cũng như những khuyết điểm, yếu kém của nền báo chí nước ta trong thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết để tìm ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng mọi mặt của báo chí, tạo ra sự phát triển đúng hướng, lành mạnh.

Đảng và Nhà nước luôn luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò của hệ thống báo chí và những người làm báo nước ta. Báo chí đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, báo chí đang là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp đổi mới. Thông tin báo chí thực sự là kênh thông tin quan trọng giúp Đảng, Nhà nước trong việc lãnh đạo, điều hành đất nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội. Báo chí là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Hoạt động báo chí ngày nay còn trở thành một động lực để phát triển kinh tế, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hàng vạn nhà báo Việt Nam được Đảng, Nhà nước chăm lo đào tạo để có thể đáp ứng được yêu cầu của nền báo chí cách mạng hiện đại, đang hoạt động trên khắp mọi miền của Tổ quốc và ở ngoài nước, trong những điều kiện hết sức phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải có lòng dũng cảm, tính khoa học và hơn lúc nào hết cần thấy rõ trách nhiệm vinh quang của mình vì lợi ích của dân tộc, của quốc gia trong mỗi tin, bài mà mình phản ánh.

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21-6-1925 - 21-6-2005) trong không khí hào hùng chào mừng những ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước, trong bối cảnh đất nước và quốc tế có những diễn biến sôi động; với sự tin cậy của Đảng, Chính phủ và nhân dân, đội ngũ những người làm báo nước ta có quyền tự hào về những thành tựu đã đạt được, kiên quyết khắc phục khuyết điểm, yếu kém, tiếp tục phấn đấu góp phần tô thắm truyền thống lịch sử của nền báo chí cách mạng Việt Nam. ❑

Digitized by Google

ĐỜI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, THỰC HIỆN HIỆU QUẢ "XÂY ĐI ĐÔI VỚI CHỐNG" TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ HIỆN NAY

HỒNG VINH *

1 - Quan điểm của Hồ Chí Minh về "xây đi đôi với chống"

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác giáo dục đạo đức. Người coi giáo dục và xây dựng đạo đức mới như một điều kiện, một nguồn động lực có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng.

Từ kinh nghiệm của một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, Người vừa nhấn mạnh các yêu cầu cụ thể về phẩm chất đạo đức, vừa phát triển bằng những nội dung mới, hệ giá trị mới theo hướng kết hợp hài hòa những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc với đạo đức của giai cấp công nhân như: "trung với nước, hiếu với dân", "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư"... Trong nhiều trường hợp, Người dùng từ ***hồng*** như một cách gọi độc đáo và hàm súc để chỉ những phẩm chất tượng trưng cho đạo đức cách mạng của người cộng sản.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đạo đức cách mạng, đó chính là **tư cách,** là **"gốc"** của người cán bộ cách mạng, là **điều kiện** để người cán bộ cách mạng hoàn thành sứ mệnh vẻ vang của mình trước Đảng, trước dân tộc. Là một nhà lý luận có kiến thức hết sức sâu rộng, nhưng khi bàn về đạo đức, Người không nói dài dòng mà diễn đạt một cách hàm súc, thuyết phục: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"? (1)

Không chỉ nhấn mạnh vai trò quan trọng của đạo đức người cán bộ cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thường xuyên đề cập tới nhiều hình thức, sinh động về phương pháp xây dựng, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức cách mạng, trong đó nổi bật là phương pháp **"xây đi đôi với chống".** Đây là một luận điểm quan trọng và độc đáo trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Nhìn khái quát, nét nổi bật của tư duy lý luận Hồ Chí Minh là xuất phát từ cơ sở thực tế cụ thể và vững chắc. Theo Người, sự hình thành đạo đức cách mạng là một quá trình lâu dài và rèn luyện hết sức công phu. "Đạo đức

---

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 252

Digitized by Google

cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong" (2). Trong tập thơ "Nhật ký trong tù", Người viết: "Gạo đem vào giã bao đau đớn. Gạo giã xong rồi trắng tựa bông. Sống ở trên đời người cũng vậy. Gian nan rèn luyện mới thành công".

Trong các phương pháp "xây" để hình thành và giáo dục đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và đề cao sức mạnh cảm hóa của các tấm gương đạo đức. Người khẳng định: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền" (3). Quan điểm đó của Người hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của V.I. Lê-nin, khi V.I. Lê-nin kịch liệt chỉ trích và lên án thói sáo rỗng, "hoa mỹ", thói "làm rùm beng về chính trị", thích "nghị luận kiểu trí thức"...

Hồ Chí Minh luôn cảnh báo và "chống" căn bệnh chủ quan, tự mãn, sa sút phẩm chất của cán bộ, đảng viên: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước... Hô hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã" (4).

Người thường xuyên chỉ thị cho giới báo chí và các phương tiện truyền thông chú trọng phát hiện và biểu dương gương "người tốt, việc tốt"; động viên khen thưởng kịp thời các tấm gương ở mọi giới, mọi cấp và mọi ngành. Người khẳng định: "Người tốt, việc tốt nhiều lắm, ở đâu cũng có, ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có". Tư duy và cái nhìn biện chứng giúp Người nhận thức rất rõ các mặt đối lập trong mỗi con người, mỗi tập thể: "Theo nghĩa rộng thì cả thế giới và trong một nước có thiện và có ác. Theo nghĩa hẹp thì trong bản thân mỗi con người cũng có thiện và có ác". Vấn đề là phải ủng hộ, biểu dương cái thiện, cái tốt; tẩy chay, bài trừ cái ác, cái xấu. Từ đó, Người nhấn mạnh: "Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin thiết thực nhất" (5).

Cũng như V.I. Lê-nin, người đã có "ảnh hưởng lớn lao đến các dân tộc châu Á" bằng đạo đức cao đẹp, vĩ đại của người thầy, Hồ Chí Minh bằng tấm gương đạo đức cũng đã thu phục, cảm hóa nhiều nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà tư sản dân tộc... như Trần Đại Nghĩa, Trần Đức Thảo, Đặng Văn Ngữ, Trịnh Văn Bô..., và cả một số người từng làm quan trong chế độ thực dân Pháp như Phạm Khắc Hòe... từ bỏ giàu sang phú quý, chấp nhận cuộc sống gian khổ để đi theo Đảng làm cách mạng.

Trong quá trình đấu tranh với cái xấu, cái phi đạo đức, vấn đề quan trọng là phải chỉ ra được những biểu hiện cụ thể, qua đó nâng cao cảnh giác và có biện pháp ngăn chặn sự lây lan, phát triển của nó. Ngay từ năm 1926, tại Quảng Châu (Trung Quốc), trong bài báo *Người cách mạng mẫu mực* in trên báo *Thanh Niên*, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở lớp cán bộ cách mạng đầu tiên phải: "Xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc, vì chúng là cội nguồn sinh ra đố kỵ và hận thù... Không kiêu ngạo. Kẻ kiêu ngạo thì xa lánh nhân tâm quần chúng và tạo cho mình kẻ thù... Người cách mạng mẫu mực phải khiêm tốn, khoan hòa, lượng thứ..." (6).

Năm 1946, chỉ một năm sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong thư gửi lãnh đạo một số địa phương ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nghệ - Tĩnh, Người nghiêm khắc phê

---

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 293
(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 263
(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 552
(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 554
(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 450

Digitized by Google

phán các biểu hiện quan liêu, lạm dụng chức vụ, vi phạm tư cách, đạo đức người cán bộ cách mạng và yêu cầu phải kiên quyết chấn chỉnh. Năm 1947, trong hoàn cảnh gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người vẫn dành thời gian viết cuốn **Sửa đổi lối làm việc,** vạch rõ những khuyết điểm nghiêm trọng làm tổn hại đến uy tín của Đảng, của cách mạng, lên án những ông "quan cách mạng", xa rời quần chúng, thích xu nịnh, tiêu dùng của công xa xỉ... - cuốn sách mà cho đến tận hôm nay vẫn nóng hổi tính thời sự. Đích thân Người đã chỉ thị xử mức án cao nhất đối với Trần Dụ Châu, một cán bộ cao cấp, vì tội biển thủ, xà xẻo công quỹ, ăn chơi xa hoa trong khi cán bộ, chiến sỹ đang phải chịu đựng gian khổ, thiếu thốn. Những năm sau này, dù bận trăm công nghìn việc, Người vẫn quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục đạo đức cách mạng kết hợp với đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái đạo đức. Người chỉ rõ tính phức tạp, gian khổ và ác liệt của cuộc đấu tranh với cái xấu, cái phi đạo đức trong nội bộ và trong mỗi người bởi nó không có chiến tuyến rõ ràng: "Đấu tranh với kẻ địch ở tiền tuyến bằng súng, bằng gươm còn dễ, nhưng việc đấu tranh với kẻ địch trong lòng người, trong nội bộ tinh thần là một việc khó khăn, đau xót". Người viết hàng loạt bài báo như *Đạo đức cách mạng, Cần kiệm liêm chính...* đề cập nhiều vấn đề về đạo đức cách mạng. Trước lúc đi xa, năm 1969, Người viết bài báo nổi tiếng *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân,* chỉ rõ: Một dân tộc, một đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Trong *Di chúc* lịch sử để lại cho toàn Đảng, toàn dân, nhằm đề cập những công việc cần thiết sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, Người nhấn mạnh: "Việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn Đảng". Người còn căn dặn phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, "đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"?.

Vào lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở thời điểm ác liệt nhất, Người vẫn trực tiếp chỉ đạo xuất bản bộ sách **"Người tốt, việc tốt".** Bộ sách đó ra đời đã có tác dụng động viên, giáo dục đạo đức to lớn trong nhân dân. Đã có hơn 6.000 người thuộc các lứa tuổi, ngành nghề, các địa phương có những việc làm tốt đã được biểu dương và được nhận huy hiệu của Người. Bản thân Bác Hồ đã nêu một tấm gương, một biểu tượng của tinh thần và phẩm chất đạo đức cách mạng vĩ đại trong nhân dân.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, Đảng ta luôn luôn đề cao và coi trọng công tác xây dựng và giáo dục đạo đức cho mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân. Điều đó thể hiện rõ nét trong nhiều văn kiện của Đảng, Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể và địa phương, trong đó nổi bật và tập trung nhất là Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, *Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.* Cùng với việc khẳng định những thành tựu quan trọng trong quá trình đổi mới, Nghị quyết đã chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm, đặc biệt là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; yêu cầu các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ trung ương đến cơ sở phải thực hiện việc chỉnh đốn, sửa chữa khuyết điểm, tự phê bình và phê bình, tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống. Nghị quyết yêu cầu các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tham gia tuyên truyền giáo dục đạo đức trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, với nhiệm vụ cụ thể: "Nêu gương "người tốt, việc tốt", giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến; lên án cái xấu, cái ác; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội; chống những quan điểm sai trái, thù địch".

Digitized by Google

2 - Báo chí tham gia "xây và chống"

Trong gần hai mươi năm đổi mới vừa qua, nhất là từ sau Đại hội VIII của Đảng đến nay, hệ thống thông tin đại chúng nước ta luôn chủ động và tích cực triển khai công tác tuyên truyền, xây dựng đạo đức trong Đảng, trong nhân dân. Điều đáng trân trọng là, trong quá trình tuyên truyền chủ đề này, nhiều cơ quan báo chí, nhiều nhà báo đã quán triệt sâu sắc và vận dụng một cách nhuần nhuyễn, có hiệu quả phương châm giáo dục và xây dựng đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Một là, hầu hết các cơ quan báo chí đều có ý thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân, của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng và ý nghĩa của đạo đức cách mạng của Đảng, của dân tộc. Thông qua quá trình tuyên truyền xây dựng đạo đức, các cơ quan báo chí đã góp phần giúp Đảng xác định rõ thêm những giá trị đạo đức mới phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới của cách mạng, trên cơ sở tiếp tục phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc và những tinh hoa đạo đức nhân loại, từng bước hình thành những tiêu chí về phẩm chất đạo đức cụ thể của người cán bộ cách mạng, người công dân mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hai là, bám sát thực tế đời sống xã hội và thực tiễn sự nghiệp đổi mới; phát hiện, phản ánh, biểu dương và tôn vinh các nhân tố mới, điển hình mới trong lĩnh vực công tác. Từ đó, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, làm theo gương "người tốt, việc tốt", góp phần khơi dậy và hình thành hàng loạt phong trào thi đua yêu nước: "Thanh niên tình nguyện", "Chiến dịch Mùa hè xanh" (các báo Tiền phong, Thanh niên, Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh...); "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" (các báo Sài Gòn tiếp thị, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Doanh nhân Sài Gòn...); "Cánh đồng 50 triệu" (các báo Nhân Dân, Nông nghiệp Việt Nam, Nông thôn ngày nay, Thời báo Kinh tế Việt Nam...), v.v.. Nhiều bài viết biểu dương gương "người tốt, việc tốt" đạt chất lượng cao, thực sự có sức lay động, cổ vũ lớn đối với công chúng và tác động một cách tích cực đến toàn xã hội. Nhiều bài viết khắc họa khá thành công chân dung và những hành động cao cả của nhân vật, đã tạo nên những ấn tượng tích cực trong lòng bạn đọc, đánh thức được lương tâm, khơi dậy những hành động hướng về cái chân, thiện, mỹ; học tập và làm theo cái đẹp sự cao cả của nhân vật.

Ba là, hầu hết các báo, đài đều duy trì thường xuyên các chuyên mục như: Gương đảng viên, "Người tốt, việc tốt" (các báo Nhân Dân, Lao động, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội...), Gương sáng hội viên (báo Phụ nữ Việt Nam), Gương vượt khó (các báo Sinh viên, Thiếu niên tiền phong,...), Rạng danh Đất Việt (các báo Doanh nhân Sài Gòn, Công nghiệp Việt Nam)... cùng nhiều chuyên mục liên quan đến giáo dục đạo đức cho các đối tượng khác nhau trên rất nhiều tờ báo (Công an nhân dân, An ninh Thủ đô, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Tiền phong, Người lao động...).

Bốn là, những năm gần đây, sự đổi mới tư duy báo chí đã làm cho đời sống và hoạt động báo chí không ngừng được mở rộng, có ảnh hưởng mạnh mẽ, rộng lớn tới xã hội. Rất nhiều báo như Lao động, Tiền phong, Thanh niên, Công an nhân dân, An ninh Thủ đô, Người lao động, Đại đoàn kết, Thiếu niên tiền phong... đã chủ động khơi nguồn cho việc hình thành các hoạt động từ thiện xã hội rất có ý nghĩa, như phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", phong trào ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, phong trào thành lập các quỹ từ thiện như Quỹ tấm lòng vàng, Quỹ bầu ơi thương lấy bí cùng, Quỹ vì an ninh Tổ quốc, Quỹ xóa nỗi đau da cam... Những hoạt động đó đã khơi dậy, nuôi dưỡng và phát triển những giá trị đạo đức truyền thống như: nhân hậu, vị tha, tương thân tương ái, tắt lửa tối đèn có nhau; những phẩm chất đạo đức cách mạng như: coi trọng lợi ích tập thể, trung với nước, hiếu với dân, tinh thần quốc tế trong sáng...

Digitized by Google

Năm là, nhiều cơ quan báo chí (báo Hà Nội mới, Lao động, Đại đoàn kết...) cũng như Hội Nhà báo các cấp đã chủ động tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan khác, tổ chức nhiều cuộc thi viết về gương "người tốt, việc tốt". Các cuộc thi nói trên đã tạo cơ hội và động viên được nhiều nhà báo, cộng tác viên tìm về cơ sở, bám sát thực tiễn, phát hiện và viết bài phản ánh, biểu dương nhiều tấm gương cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, học tập và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ trật tự an toàn xã hội...

Sáu là, báo chí đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, quan liêu, lãng phí, cửa quyền; lên án thói kiêu căng, hợm hĩnh, xu nịnh, trục lợi, trái với đạo đức của người công dân thời đại mới và người cán bộ, đảng viên. Tinh thần chủ động trong đấu tranh chống tiêu cực của báo chí ngày càng thể hiện rõ nét hơn qua việc phát hiện và đưa ra ánh sáng hàng loạt vụ việc tiêu cực như: vụ Năm Cam, vụ Lã Thị Kim Oanh, vụ rừng Tánh Linh, vụ Công ty dịch vụ dầu khí Đồng Tháp...; đồng thời, kiên trì theo dõi và phản ánh quá trình xét xử các vụ việc. Quá trình đấu tranh và những kết quả đấu tranh chống tiêu cực do báo chí nêu lên trong những năm đổi mới vừa qua đã chứng tỏ tâm huyết, trí tuệ, phẩm chất, bản lĩnh chính trị của giới báo chí nước ta.

Bảy là, nhiều cơ quan báo chí gần đây đã phát hiện, phản ánh và phê phán những hiện tượng đáng báo động trong đạo đức, lối sống của một số đối tượng, trong đó đa phần là giới trẻ, như sử dụng ma túy, tệ mại dâm, lối sống xa hoa hưởng thụ, tôn thờ đồng tiền, sùng ngoại... Sự phát hiện và phê phán của báo chí đã giúp cho các cơ quan chức năng, xã hội và gia đình nhận rõ hơn mức độ nguy hại và hậu quả của các tệ nạn đó, để từ đó có biện pháp hạn chế, phòng ngừa, uốn nắn, giáo dục kịp thời.

Bên cạnh các ưu điểm là cơ bản nêu trên, việc tuyên truyền giáo dục, xây dựng đạo đức trong thời gian qua trên báo chí, theo chúng tôi, đang bộc lộ một số nhược điểm, thiếu sót dưới đây:

1 - Một số báo, đài chưa coi trọng việc cân nhắc kỹ liều lượng, mức độ giữa bài "xây" và bài "chống". Một số trường hợp, tỷ lệ bài biểu dương nhân tố mới, điển hình mới quá thấp so với các bài phê bình, phản ánh các hiện tượng tiêu cực. Sự mất cân đối đó tái diễn nhiều lần trong một tờ báo, phổ biến trong nhiều tờ báo, làm cho gương mặt báo chí nước ta có lúc trở nên u ám, hiện thực đời sống xã hội và thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước đang trong quá trình vận động tích cực bị phản ánh một cách sai lệch, méo mó, gây tâm lý băn khoăn, hoài nghi trong các tầng lớp nhân dân về bản chất ưu việt của chế độ chính trị và tính đúng đắn của con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng những bài viết một chiều đó để bình luận, kích động bôi xấu chế độ, tấn công vào Đảng, Nhà nước ta, nhằm gây mất ổn định chính trị - xã hội.

2 - Việc lựa chọn nhân vật và sự việc để biểu dương nhiều khi chưa thực sự xứng đáng; cách viết lại có phần thổi phồng, do đó không có tính thuyết phục hoặc sức thuyết phục không cao. Có trường hợp, hoặc do động cơ người viết bài không trong sáng, hoặc do công tác lấy tư liệu không kỹ, nên sau khi bài báo được đăng, phát, đã trở thành phương tiện để nhân vật được nêu trong bài viết, quảng bá, khuyếch trương mình và sản phẩm của mình; thậm chí dùng nó làm phương tiện tạo uy tín giả nhằm dễ bề lừa đảo (như các vụ Công ty Sơn mài Lam Sơn thành phố Hồ Chí Minh, Epco-Minh Phụng, nước hoa Thanh Hương... trước đây). Nhiều trường hợp tập trung tuyên truyền, biểu dương quá mức một người, một tập thể, gây phản cảm trong dư luận xã hội.

3 - Một số tòa soạn đơn giản hóa mảng tin bài biểu dương "người tốt, việc tốt", cho đây là công việc dễ dàng, nên chưa chú ý phân công cán bộ có năng lực phụ trách và thiếu quan tâm trong việc cung cấp phương tiện tác nghiệp phù hợp cho công tác này.

4 - Khi phê phán các tệ nạn xã hội, nhất là viết về ma túy, mại dâm, phim ảnh đồi truỵ,

(Xem tiếp trang 19)

Digitized by Google

NHÀ BÁO - ĐỨC, TÀI VÀ SỰ TỰ RÈN LUYỆN

HÀ ĐĂNG

TÁM mươi năm đã qua kể từ ngày 21-6-1925, ngày tờ báo Thanh Niên do Bác Hồ sáng lập - cơ quan của Trung ương Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí - ra số đầu tiên. Ngày ấy, nay đã trở thành Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam. Thời gian càng tiến về phía trước, càng đẩy lùi các sự kiện về dĩ vãng. Có những điều vốn rất mới, trải qua năm tháng đã trở thành cũ, hoặc chỉ còn có ý nghĩa lịch sử mà thiếu giá trị thời sự trong thời đại mới. Nhưng đối với tất cả các nhà báo cách mạng chúng ta, có hai điều mà Bác Hồ từng nói tám mươi năm về trước, sau đó phát triển thêm, ngày nay vẫn còn nóng hổi giá trị thời sự. Đó là *chức năng và nhiệm vụ của báo chí cách mạng và phẩm chất của nhà báo,* cả phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, nói gọn lại là, đức và tài.

1 - Ước vọng của người làm báo

Đã là người, dù làm việc gì, nghề gì, cũng đều có một ước vọng. Là cán bộ cách mạng, ta thường nói đến lý tưởng. Không có lý tưởng là không có linh hồn sống, không biết mục đích công việc mình làm, làm vì cái gì và làm như thế nào? Như vậy, đối với một người làm báo, có ước vọng là điều dễ hiểu. Lý tưởng của nhà báo cách mạng cũng giống như lý tưởng của mọi cán bộ cách mạng khác, là chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Song ước vọng của người viết báo lại mang tính cụ thể của nghề nghiệp. Đó là viết được những bài báo hay, được bạn đọc và dư luận xã hội ưa thích, có tác dụng phục vụ tốt cho sự nghiệp chung. Có thể ước vọng đó ở mỗi người, mỗi thời gian, mỗi trình độ có khác nhau. Người mới vào nghề, điều đầu tiên mong muốn là bài viết của mình được đăng lên báo, dù đó chỉ là một mẩu tin, một bài thông tấn. Có bài được đăng rồi muốn bài viết dài ra, có chất lượng cao hơn. Viết được một thể loại lại muốn viết thêm thể loại khác và cuối cùng là nhiều thể loại. Thoạt đầu, ước mong đơn sơ là làm sao được công nhận nhà báo, được vào Hội Nhà báo, được phát Thẻ Nhà báo. Tiến lên một bước nữa, muốn trở thành nhà báo giỏi, một cây bút "có uy tín", v.v.. và v.v..

Ước vọng cá nhân chính đáng của người làm báo, về bản chất khác xa tham vọng cá nhân và chủ nghĩa cá nhân trong nghề báo. Chủ nghĩa cá nhân thôi thúc người làm báo bằng mọi cách đạt tới sự lừng danh của riêng mình, sớm trở thành "nhà này", "nhà nọ" mà không quan tâm trước hết đến tác động xã hội tích cực của bài báo. Tinh thần cách mạng, ngược lại, nghiêm khắc phê phán thứ mưu cầu danh vị cá nhân như vậy, nhưng hoàn toàn không phản đối sự cần thiết phải tạo nên những tên tuổi và những phong cách riêng trên báo chí. Một câu hỏi thường được đặt ra đối với những người mới bước vào nghề báo là được hay không được ký tên thật của mình trên

Digitized by Google

mặt báo. Lời khuyên của các nhà báo lớp trước là không, không nên chứ không phải không được. Bởi một lẽ rất giản đơn: Trước khi cách mạng thành công, tất cả cán bộ của Đảng đều hoạt động dưới một bí danh, và đối với nhà báo cách mạng, dù ra báo chí công khai, trừ một số ít, nói chung đều dùng bút danh chứ không dùng tên thật. Sau Cách mạng Tháng Tám truyền thống ấy được kế thừa, cùng với một quan niệm mới được phát triển: Bút danh là một cách thử thách. Có những nhà báo đã nổi danh với tên thật, khi viết cũng dùng nhiều bút danh, tùy thể loại. Sự thật là nhiều cây bút lớn của ta đều trở thành nổi tiếng bởi các bút danh. Bút danh một khi được xã hội công nhận thì trở thành tên thật, còn tên khai sinh lại mất đi, hoặc chẳng mấy ai còn nhớ đến nữa. Ngày nay, việc ký tên thật hay không không thật sự quan trọng, miễn là tên ký trên báo thật sự được xã hội thừa nhận. Một tờ báo lớn, có uy tín phải là tờ báo thể hiện được trí tuệ của tổ chức mà tờ báo là đại diện, phải có những cây bút lớn, trước hết là những cây bút của bản thân tờ báo, những cây bút có sức hấp dẫn và độ tin cậy cao. Điều này có quan hệ đến đức, tài và sự tự rèn luyện của nhà báo.

2 - Đức

Một cán bộ giỏi, theo quan niệm của Bác Hồ, là một cán bộ vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là "gốc". Bác viết: "Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì ?" (1)

Đối với nhà báo cũng vậy, đạo đức của người làm báo phải được đặt lên hàng đầu. Đạo đức ấy không chỉ hạn hẹp trong một số phẩm chất có liên quan đến cách sống, lối sống hay trong mối quan hệ giữa người này với người khác, giữa đồng nghiệp với nhau... Đạo đức ấy trước hết được xem xét ở góc độ quan hệ với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc và nhân dân. Với quan niệm báo chí cách mạng là một mặt trận chiến đấu của cách mạng, Bác chỉ rõ rằng: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sỹ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ". Tại Đại hội lần thứ III của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 8-9-1962, Người nói: "Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng", và "để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng". Có nghĩa là đạo đức số một của người làm báo phải là dùng cây bút, trang giấy làm vũ khí sắc bén chiến đấu cho mục đích vẻ vang của cách mạng chứ không phải làm báo để "lưu danh thiên cổ", "muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn". Sự thiếu đạo đức cách mạng thường dẫn tới nhiều sai lầm, phổ biến nhất là bệnh hiếu danh và tự tư tự lợi. Vì danh và lợi, nhiều khi người viết bất chấp sự thật, thích ai thì tô vẽ, xấu nói thành tốt, tốt một nói thành hai, ba; ghét ai thì bôi bác, tốt nói thành xấu, xấu một, hai nói thành chín, mười. Cũng vì danh lợi mà uốn cong ngòi bút, lấy việc khen chê trên báo để đề cao mình, hạ thấp người, thậm chí "đánh cho một chưởng", "giáng một đòn chết tươi".

Điều đáng mừng là, theo tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, hơn nửa thế kỷ qua, báo chí cách mạng của chúng ta và những nhà báo của nền báo chí cách mạng đều coi trọng rèn luyện đạo đức cách mạng, đạo đức báo chí, cho nên đã phát huy được vị trí, vai trò và tác dụng của báo chí trong sự nghiệp chung. Hơn mười năm qua, Hội Nhà báo Việt Nam xây dựng và thực hiện trong nội bộ Hội một bản "Quy ước về đạo đức báo chí Việt Nam". Tiến tới Đại hội VIII sắp tới, Hội dự định sửa đổi thành "Quy định về đạo đức báo chí

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 5, tr 253

Digitized by Google

Việt Nam". Có lẽ, đã là đạo đức thì nên lập thành quy ước, mang tính tự nguyện, đồng thuận, chứ không nên chế định thành văn bản mang tính pháp quy. Dẫu sao, điều đáng quan tâm nhất là nội dung của quy ước hay quy định ấy. Những nội dung chính được ghi trong các văn bản này là: Báo chí phải phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; người làm báo hành nghề phải trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật, tôn trọng quyền con người, bảo vệ bí mật quốc gia, thực hiện quyền tự do báo chí, tự do hành nghề trong khuôn khổ pháp luật; sống lành mạnh, giữ gìn phẩm chất trong sáng, không lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi, xúc phạm nhân phẩm và lợi ích người khác; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ; khiêm tốn, cầu tiến bộ, gắn bó với nhân dân; giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc, đồng thời tôn trọng các nền văn hóa khác và những giá trị tinh thần phổ biến của loài người, v.v..

Đương nhiên, đối với nhà báo, việc rèn luyện đạo đức không thể chỉ theo quy ước hay quy định đạo đức, mà còn phải tuân thủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về xây dựng đạo đức cách mạng nói chung và đạo đức người làm báo, tuân thủ luật pháp của Nhà nước về báo chí và Điều lệ Hội. Không thể coi một nhà báo là có đạo đức khi nhà báo ấy thường xuyên vi phạm pháp luật hay Điều lệ Hội.

3 - Tài

Nhấn mạnh đạo đức người làm báo là để nói rõ vai trò của đạo đức trong việc hình thành nhân cách người làm báo, chứ không phải là để phủ định tài năng của nhà báo, bởi vì tài năng và đạo đức là hai thành tố hữu cơ, thiếu một thì không thể tạo nên nhà báo giỏi. Giống như con chim có đôi cánh, thiếu một cánh thì không thể bay cao, bay xa.

Tài, hay năng lực của nhà báo, thể hiện chủ yếu trên ba lĩnh vực: năng lực nắm bắt lý luận cách mạng, hiểu biết đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước; năng lực nắm bắt thực tiễn, đi sâu vào cuộc sống, phát hiện những vấn đề của cuộc sống xã hội và con người; năng lực sử dụng nghiệp vụ để viết nên những bài báo hay, hấp dẫn người đọc, có giá trị phản ánh và chỉ đạo thực tiễn. Nếu hiểu năng lực một cách toàn diện như vậy thì chữ "tài" không đối lập với chữ "đức". Ở hai loại năng lực thứ nhất và thứ hai, tài và đức cộng sinh và cộng hưởng với nhau. Nắm bắt được lý luận cách mạng, đường lối và chính sách cách mạng, lại đi sâu vào thực tiễn để phản ánh cuộc sống thì càng có điều kiện nâng cao lòng tận tụy phục vụ cách mạng và không để sa vào chủ nghĩa quan liêu, xa dân. Còn loại năng lực thứ ba, năng lực nghiệp vụ, thì xét về một mặt nào đó lại có ý nghĩa rất quyết định, bởi nếu nhà báo có đạo đức nhưng không hiểu biết nghiệp vụ, có "hồng" mà không có "chuyên" thì làm sao có thể cho ra đời những tác phẩm báo chí có chất lượng? Không phải ngẫu nhiên mà trong nhiều lần nói chuyện khác nhau với các nhà báo về cách làm báo, Bác Hồ trước hết nói về vai trò của báo chí là một mặt trận và nhà báo là chiến sĩ trên mặt trận ấy; về mục đích viết cho ai, viết về cái gì; tiếp đó Bác nói rất kỹ về cách viết như thế nào, cách lấy tài liệu ra sao, cần làm gì và cần tránh gì. Bác còn nói đến cách Bác học tập làm báo những ngày ở Pa-ri. Đó là những bài học sâu sắc về nghiệp vụ. Sự cường điệu năng lực nghiệp vụ, coi đó là năng lực duy nhất thể hiện chữ tài của người làm báo hoặc ngược lại, coi nhẹ nghiệp vụ và sự rèn luyện gian khổ về nghiệp vụ của nhà báo đều là sai lầm.

Hiện nay, trong hệ thống tổ chức đào tạo cán bộ báo chí của chúng ta, dù ở Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ở Khoa Báo chí của Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa Ngữ văn - Báo chí của Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, các chương trình đào tạo đều chú ý cả hai mặt đức và tài

Digitized by Google

của nhà báo, không chỉ bồi dưỡng kiến thức chính trị và tư tưởng, mà còn chú trọng cả kỹ thuật, kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ. Các trường đó đã giảng dạy nhiều thể loại báo chí cho những loại hình báo chí khác nhau và với những đối tượng nhà báo khác nhau. Những năm gần đây, với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng giao lưu, hợp tác về văn hóa và các lĩnh vực khác, ta tiếp xúc ngày càng nhiều hơn với báo chí nước ngoài, đã mở rộng những cuộc thăm và trao đổi nghiệp vụ với các hội nhà báo và với báo chí nhiều nước, cả những nước bạn bè cũ và những nước khác trên thế giới, đã cử nhiều nhà báo ra nước ngoài học tập về nghiệp vụ và mời chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy ở nước ta một số vấn đề về nghiệp vụ; không phải chỉ về báo viết mà cả báo nói, báo hình và báo điện tử. Cách thể hiện trên báo chí, kiểu đưa tin và viết bình luận, kỹ xảo phát thanh, truyền hình... nói chung đã có nhiều sắc thái mới, phong phú và sinh động hơn. Đó là cách đào tạo đúng về nghiệp vụ, một cách giúp đỡ thiết thực cho nhà báo luyện tài. Ta không "tư sản hóa" hay "thương mại hóa" báo chí, phải giữ cốt cách làm báo Việt Nam, bản sắc văn hóa của báo chí Việt Nam, nhưng không vì thế mà từ chối những kinh nghiệm về mặt nghiệp vụ mà nền báo chí thế giới đã đạt được.

Thật vui mừng biết bao khi thấy xuất hiện trên mỗi tờ báo, mỗi tạp chí ngày càng nhiều những cây bút có uy tín, những nhà báo có phong cách riêng. Và cũng thật đáng buồn, nếu trên một tờ báo, một tạp chí, số cây bút có uy tín, có phong cách riêng ngày càng ít đi, ngược lại là sự đơn điệu, xơ cứng về cách viết, lối viết, cách trình bày...

4 - Sự tự rèn luyện

Đào tạo và tự đào tạo, giảng dạy và học tập, học ở các trường, lớp chính quy và việc tự rèn luyện của mỗi người đều là những bộ phận hữu cơ của quá trình giáo dục, thiếu một mặt nào đó thì sẽ xuất hiện một khoảng trống thiếu hụt. Đối với cán bộ nói chung là vậy, đối với một nhà báo càng như vậy. Việc tham dự các lớp đào tạo cho có vốn cơ bản trước khi vào nghề, hay dự những lớp bồi dưỡng trong quá trình làm báo đều có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong số hơn 13.000 nhà báo của nước ta hiện nay, có một số không nhỏ nhà báo được đào tạo qua các trường báo chí. Mỗi năm cả nước có khoảng 300 người tốt nghiệp đại học báo chí, xuất bản chính quy cùng một số lượng xấp xỉ như thế tốt nghiệp đại học báo chí, xuất bản tại chức. Mỗi năm còn có thêm độ vài trăm người được dự các lớp bồi dưỡng. Rõ ràng là không ít. Tuy nhiên, thời gian được đào tạo đại học báo chí cho một người viết báo dài nhất cũng chỉ là 4 đến 5 năm, học lên bậc cao học về báo chí có thể thêm vài năm nữa. Còn thời gian công tác của một nhà báo ít nhất cũng được bốn chục năm, gần gấp mười lần thời gian được đào tạo ở trường. Mà đâu phải tất cả mọi người được đào tạo ở các trường báo chí sau này đều trở thành nhà báo, nhất là nhà báo giỏi. Nói thế không hề có ý phủ nhận vai trò quan trọng của đào tạo mà cốt để làm rõ tác dụng quyết định của việc tự rèn luyện của nhà báo.

Trong các lớp nhà báo cách mạng của chúng ta hình thành từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, có lẽ những lớp đầu tiên ít được đào tạo chính quy về báo chí so với các thế hệ đi sau. Những gương mặt sáng giá nhất của làng báo Việt Nam qua các thời kỳ trước đây phần lớn là do tự rèn luyện. Bác Hồ - người khai sinh ra nền báo chí cách mạng nước ta - cũng không hề trải qua một trường lớp đào tạo báo chí nào. Là người Việt Nam tập viết báo lần đầu tiên trên đất Pháp, bằng tiếng Pháp, cho nên Bác bắt đầu từ những việc rất nhỏ, viết những mẩu tin ba dòng, năm dòng rồi dần dần viết dài ra. Khi đã viết được dài rồi, người ta lại hướng dẫn Bác cách thu gọn lại. Ấy vậy mà

Digitized by Google

chỉ hơn mười năm sau, Bác đã trở thành một cây bút nổi tiếng - một nhà chính luận, một người viết tiểu phẩm, truyện và ký bậc thầy. Tài viết báo của Bác đồng hành với quá trình đấu tranh cho cách mạng, lấy báo chí làm vũ khí của mình. Nhiều nhà báo cách mạng tiền bối của chúng ta, cũng nhờ trải qua quá trình tự rèn luyện gian khổ mà thành tài. Đọc những bài báo rực lửa chiến đấu của Trường Chinh, Phạm Văn Đồng,.. và của các lớp nhà báo kế tiếp, chúng ta không chỉ phục tài viết, mà còn phục hơn nữa nghị lực tự rèn luyện của những nhà báo đó.

Quá trình tự học tập, tự rèn luyện là một quá trình gian khổ. Ai chủ quan, tự mãn, tự cho mình là giỏi rồi, cứ thế mà múa bút, không cần học hành gì nữa thì không thể viết giỏi được, có khi giỏi rồi thì ngòi bút vẫn sẽ cùn dần đi. Học có nhiều cách, học lý luận, học nghiệp vụ, học cách viết, cách thể hiện của người đi trước và của cả bạn mình, của người đi sau mình, học qua kinh nghiệm, qua việc đọc các loại sách, báo. Học suốt đời, còn một ngày làm báo là còn một ngày học. Tri thức cách mạng, tri thức của xã hội là vô tận. Tri thức nghề nghiệp báo chí không ngừng phát triển. Thế giới đương đại, cả nghề báo hiện đại của thế giới không ngừng tác động đến ta. Một ngày không học là một ngày lạc hậu. Trường lớp đào tạo chính quy chỉ có thể tạo ra cái vốn ban đầu, còn có phát triển và làm lớn lên cái vốn ấy hay không phải qua tự đào tạo, tự rèn luyện.

Kết luận tất yếu là: Một nhà báo giỏi là một nhà báo vừa có đức vừa có tài, đức là "gốc", nhưng tài có ý nghĩa quyết định. Đức và tài không tự nhiên mà có, không phải những giá trị bẩm sinh mà là kết quả sự trau dồi, rèn luyện, kết hợp trong quá trình đào tạo và tự đào tạo, mà tự đào tạo, tự rèn luyện là cơ bản nhất. ❑

DƯỚI ÁNH SÁNG...

(Tiếp theo trang 14)

bạo lực... nhiều bài viết khai thác quá sâu, quá tỷ mỷ, thiếu chắt lọc chi tiết... gây phản cảm, không những đã hạn chế tác dụng, cảnh báo, ngăn ngừa, mà còn kích thích sự tò mò, bắt chước, nhất là trong lớp trẻ...

5 - Có trường hợp một số nhà báo, thậm chí cơ quan báo, do động cơ không trong sáng, nhân danh đấu tranh, phê bình, lên án cái xấu để mưu toan lợi ích riêng không chính đáng, đã viết và đăng các tin, bài thiếu trung thực, gây hậu quả xấu, làm tổn hại uy tín của báo chí cách mạng.

Để phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót khi tuyên truyền xây dựng đạo đức trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, cần làm tốt một số yêu cầu, nội dung sau:

Một là: Quan tâm hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chính trị cho đội ngũ nhà báo về nhiệm vụ tuyên truyền "xây đi đôi với chống". Cần nghiên cứu, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và phương pháp xây dựng đạo đức cách mạng của Người để vận dụng vào thực tiễn báo chí một cách hiệu quả.

Hai là: Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, cái tốt nhiều khi mới chỉ là mầm mống, đang trong quá trình hình thành và phát triển, cái xấu nhiều khi được che đậy một cách tinh vi, kín đáo... do đó, công tác tuyên truyền xây dựng đạo đức càng là công việc khó khăn, phức tạp. Bởi vậy, cần hết sức coi trọng việc nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức của mỗi nhà báo.

Cuối cùng: Các cơ quan báo chí, Hội Nhà báo các cấp cần chủ động phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức các cuộc thi viết về gương "người tốt, việc tốt", có hình thức khen thưởng xứng đáng nhằm động viên, khuyến khích hơn nữa các nhà báo, các cộng tác viên hăng hái bám sát cơ sở, phát hiện kịp thời nhân tố điển hình, làm phong phú, sinh động thêm mảng bài viết về đề tài này. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, ĐO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN

NGUYỄN VĂN QUYỀN *

1 - Một số nét về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp

Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp là nội dung rất quan trọng và cần thiết trong công cuộc đổi mới hiện nay, nhằm mục đích: *một là,* bảo đảm hoạt động của các cơ quan tư pháp theo đúng đường lối chính trị, kiên định đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; *hai là,* bảo đảm phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của các cơ quan tư pháp để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo luật định, duy trì và bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, vì sự công bằng, dân chủ và nghiêm minh trong tổ chức thi hành pháp luật.

Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp có nội dung toàn diện: lãnh đạo về chính trị, tư tưởng; về tổ chức, cán bộ; về định hướng công tác. Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp thông qua việc định ra các nguyên tắc, quan điểm lớn làm cơ sở xây dựng tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; vạch ra đường lối, định hướng trong các lĩnh vực hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Lãnh đạo chính trị, tư tưởng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy thường xuyên lãnh đạo cán bộ, đảng viên của các cơ quan tư pháp ổn định tư tưởng, tích cực tham gia công tác xây dựng đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, tăng cường đoàn kết, giữ gìn phẩm chất đạo đức. Do có sự quan tâm làm tốt công tác chính trị, tư tưởng cho nên đội ngũ cán bộ, đảng viên của các cơ quan tư pháp trong những năm qua đã thể hiện rõ ý thức trách nhiệm trong công tác, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nghiêm chỉnh thực hiện kỷ luật phát ngôn, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, thông tin sai lệch về các chủ trương, quan điểm của Đảng, về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp... Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp giúp cho cán bộ tư pháp có nhận thức đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng để đấu tranh với mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù

* TS, Phó trưởng ban Nội chính Trung ương

Digitized by Google

địch, phản động chống phá Đảng và Nhà nước; đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phạm tội; khắc phục những lệch lạc, sai lầm về vai trò lãnh đạo của Đảng.

Lãnh đạo tổ chức, cán bộ. Trong những năm gần đây, Đảng ta rất quan tâm đến công tác xây dựng, củng cố về tổ chức và đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các cơ quan tư pháp. Sau khi có Hiến pháp năm 1992, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Thường vụ Bộ Chính trị khóa VII và VIII) đã quan tâm lãnh đạo xác định chức năng, nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, bộ máy của các cơ quan tư pháp; đề ra mục tiêu và nhiều giải pháp lớn để xây dựng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp đủ sức gánh vác nhiệm vụ trong tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã rất quan tâm chỉ đạo việc ban hành các dự án luật, pháp lệnh về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, về tiêu chuẩn, chế độ của đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp (thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, luật sư...). Các dự án luật và pháp lệnh về lĩnh vực nói trên trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đều được Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến về quan điểm, định hướng chính trị cần thể hiện. Chẳng hạn, về chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân; về thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân; về mô hình tổ chức và công tác quản lý của tòa án nhân dân địa phương; về nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các cơ quan điều tra; về nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các cơ quan bổ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, thi hành án, v.v.); về tiêu chuẩn và cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ tư pháp, đặc biệt là cán bộ có chức danh tư pháp, v.v..

Cùng với việc xây dựng, kiện toàn về tổ chức của các cơ quan tư pháp, Đảng ta rất quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, vững vàng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tư pháp theo đúng pháp luật, giữ vững kỷ cương, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong nhiều nghị quyết, Đảng ta đã đề ra những chủ trương, định hướng, giải pháp cụ thể nhằm đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp. Đảng yêu cầu đội ngũ cán bộ tư pháp phải có quan điểm chính trị đúng đắn, trình độ chuyên môn vững và phẩm chất đạo đức công minh, chính trực, liêm khiết. Dựa trên những quan điểm đó, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật về cán bộ của các cơ quan tư pháp, trước hết là cán bộ có chức danh tư pháp theo hướng bảo đảm về chính trị, phẩm chất đạo đức và chuyên môn.

Lãnh đạo định hướng công tác. Đảng ta rất quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo định hướng công tác của các cơ quan tư pháp. Yêu cầu hàng đầu Đảng ta đặt ra cho các cơ quan tư pháp là phải xây dựng được một nền tư pháp công bằng, dân chủ, nghiêm minh, phục vụ nhân dân. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng đối với công tác của các cơ quan tư pháp được đúc kết và chỉ rõ trong nhiều nghị quyết, chỉ thị gần đây của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, mà thể hiện rõ nhất là trong Nghị quyết số 08 ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới". Trong Nghị quyết này, Bộ Chính trị xác định tám nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là *"Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp"*. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Bộ Chính trị đề ra nhiều biện pháp cụ thể và yêu cầu các cơ quan tư pháp phải quán triệt và thực hiện bằng được, như: các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, kiểm sát, công tố; các biện pháp đề cao dân chủ, tranh tụng bình đẳng tại phiên tòa, v.v.. Trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác chuyên môn của ngành tư pháp, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng được làm rõ hơn và qua đó, vừa khắc phục tình trạng buông lỏng lãnh đạo, vừa khắc phục sự can thiệp

Digitized by Google

không đúng pháp luật vào công việc chuyên môn của các ngành tư pháp.

Một trong những phương thức lãnh đạo rất cần thiết, có hiệu quả của Đảng đối với công tác của các cơ quan tư pháp là kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan tư pháp thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Thông qua kiểm tra, các cấp ủy đánh giá tư tưởng, nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của đảng viên là cán bộ tư pháp, trên cơ sở đó bố trí, sắp xếp, sử dụng đúng đội ngũ cán bộ để hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao. Trong những năm qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy ở các địa phương đã tăng cường kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan tư pháp thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp. Ngoài các cuộc kiểm tra do Trung ương chỉ đạo thực hiện, nhiều cấp ủy địa phương cũng chủ động tiến hành hoặc chỉ đạo tiến hành các cuộc kiểm tra thực hiện nghị quyết của Đảng trong các mặt công tác cụ thể của công tác tư pháp, như công tác thi hành án, công tác xét xử, công tác giam giữ, v.v..

2 - Một số bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp trước hết là tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp; bảo đảm việc lãnh đạo toàn diện, chặt chẽ nhưng không bao biện làm thay; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng và từng đảng viên trong các cơ quan tư pháp.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp tuân theo quy chế cụ thể, trong đó xác định rõ nội dung, biện pháp lãnh đạo, trách nhiệm, quyền hạn của cấp ủy, của mỗi đồng chí cấp ủy viên được phân công phụ trách về từng lĩnh vực. Cấp ủy lãnh đạo các cơ quan tư pháp trước hết là thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan đó, bởi vì các chủ trương, biện pháp của cấp ủy chỉ có thể được thực hiện khi tổ chức đảng và các đảng viên trong ngành chấp hành triệt để. Do vậy, cần xây dựng mối quan hệ giữa cấp ủy địa phương với ban cán sự và tổ chức đảng của các cơ quan tư pháp. Cấp ủy nên giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng của các cơ quan tư pháp, trước hết là trách nhiệm của đồng chí bí thư ban cán sự, chủ động lựa chọn, cân nhắc kỹ những vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy.

Cần phối hợp chặt chẽ giữa ban cán sự đảng của các ngành tư pháp với cơ quan tham mưu của cấp ủy và đồng chí cấp ủy viên được phân công chỉ đạo công tác nội chính; phân loại rõ và cân nhắc kỹ những loại việc nào và những trường hợp nào cần báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy, những loại việc nào, trường hợp nào do đồng chí cấp ủy viên được phân công chỉ đạo công tác nội chính sẽ chủ trì cùng các ngành bàn bạc, giải quyết rồi báo cáo lại để cấp ủy biết.

Hai là, các cấp ủy nắm vững tình hình hoạt động của các cơ quan tư pháp, định kỳ nghe các ngành báo cáo, thường xuyên theo dõi, thu thập ý kiến từ nhiều nguồn thông tin khác đánh giá về ngành tư pháp để phát hiện những vấn đề cần quan tâm lãnh đạo. Đảng kịp thời có chủ trương, biện pháp lãnh đạo các cơ quan tư pháp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ. Trong điều kiện tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Đảng cần quan tâm lãnh đạo đồng bộ việc đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách nền hành chính quốc gia và cải cách tư pháp. Nhiệm vụ lãnh đạo cải cách tư pháp phải được thực hiện trên tất cả các mặt công tác tổ chức, cán bộ, ở mọi khâu của hoạt động tố tụng. Kinh nghiệm và thực tiễn cho thấy, nhiệm vụ cải cách tư pháp liên quan đến rất nhiều vấn đề thuộc trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là trách nhiệm của các cơ quan tư pháp. Chính vì sự đặc thù này cho nên Đảng

Digitized by Google

phải là người lãnh đạo thống nhất công cuộc cải cách tư pháp. Đây cũng là tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với công tác tư pháp trong thời gian tới.

Ba là, thực hiện tốt chế độ kiểm tra các cơ quan tư pháp, kiểm tra cán bộ, đảng viên của các cơ quan tư pháp trong việc chấp hành quan điểm, đường lối của Đảng. Để việc kiểm tra đạt hiệu quả cao, không trùng lặp với việc kiểm tra về công tác chuyên môn của các cơ quan nhà nước, các cấp ủy xác định rõ những nội dung cần kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra một cách cụ thể. Trong khi thực hiện việc kiểm tra, cần dựa vào các tổ chức đảng và đảng viên trong ngành tư pháp; đối với những vấn đề liên quan đến chuyên môn, khi muốn kết luận phải hết sức thận trọng, không can thiệp và làm ảnh hưởng đến quyền hạn, thẩm quyền của các cơ quan tư pháp theo luật định. Kết hợp tốt việc kiểm tra của cấp ủy với việc kiểm tra trong ngành (cấp trên kiểm tra cấp dưới), trên cơ sở đó, kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm của các cơ quan và cán bộ tư pháp để có biện pháp sửa chữa, khắc phục.

Bốn là, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp, cần chú trọng công tác xây dựng đảng trong các cơ quan này. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, khóa VIII nêu rõ vai trò của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước: tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước vừa là hạt nhân lãnh đạo chính trị của các cơ quan đó, vừa làm tham mưu cho Đảng về chủ trương, chính sách đối với những lĩnh vực có liên quan. Vai trò đó của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan tư pháp lại càng có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, các cơ quan tư pháp, cụ thể là các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên, có quyền hạn rất lớn, lại được thực thi trong điều kiện và một phạm vi độc lập tương đối cao. Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp và đội ngũ cán bộ tư pháp, các cấp ủy đảng phải kiện toàn, củng cố vững chắc các chi bộ, đảng ủy, ban cán sự đảng trong các cơ quan tư pháp, trước mắt kiện toàn các tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp cấp huyện; xác định rõ nhiệm vụ của từng tổ chức đảng, giới thiệu những đảng viên có tâm huyết, năng lực, kinh nghiệm để tham gia vào chi ủy, đảng ủy; xây dựng quy chế làm việc trong từng tổ chức đảng, định rõ quan hệ giữa ban cán sự với đảng ủy, chi ủy, giữa tổ chức đảng với thủ trưởng cơ quan để phối hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

3 - Những yêu cầu đặt ra đối với công tác tư pháp

Thực hiện đường lối đổi mới, bên cạnh những thuận lợi, thời cơ, đất nước ta còn gặp không ít khó khăn, thách thức về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Riêng lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội, chúng ta có thể thấy các thế lực thù địch, phản động vẫn tiếp tục chống phá Đảng và Nhà nước ta. Tình hình tranh chấp, vi phạm pháp luật, tội phạm còn diễn biến phức tạp; một số loại tội phạm có thể sẽ tiếp tục gia tăng. Tệ nạn tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đối với nước ta. Hoạt động tội phạm có tổ chức, có sự liên kết giữa các băng, nhóm tội phạm trong và ngoài nước có thể xảy ra nhiều hơn; sẽ xuất hiện một số loại tội phạm mới như đầu cơ chứng khoán, rửa tiền...; các đối tượng phạm tội sẽ tăng cường sử dụng những thành tựu mới nhất của khoa học - kỹ thuật vào những hoạt động tội phạm. Tình hình này đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ hết sức nặng nề, đòi hỏi công tác tư pháp phải có những chuyển biến mạnh mẽ và phấn đấu đạt được mục tiêu xây dựng nền tư pháp công bằng, dân chủ, nghiêm minh.

Trước hết, công tác tư pháp phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Các vụ kiện thương mại và việc chủ động phòng chống trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

LÊ DANH VĨNH *

1 - Về thuật ngữ các biện pháp khắc phục thương mại (trade remedies) và đặc điểm của các vụ kiện thương mại

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại, mục tiêu của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế. Các nước thành viên WTO phải cắt giảm một cách đáng kể hoặc dỡ bỏ hoàn toàn những hàng rào phi thuế truyền thống, như: hạn ngạch, giấy phép, các rào cản kỹ thuật khác. Nhờ đó hàng hóa của các nước đang phát triển tiếp cận thị trường dễ hơn, trước sự cạnh tranh gay gắt của các hàng hóa cùng loại. Để giải quyết những ảnh hưởng thương mại không bình đẳng của các nước khác hay tổn thất do hàng nhập khẩu tăng nhanh gây ra, thuật ngữ *khắc phục thương mại* ra đời đề cập đến các biện pháp chống bán phá giá, thuế đối kháng và tự vệ.

Các biện pháp khắc phục thương mại ra đời xuất phát từ thực tế là do sự điều tiết của thị trường, xu hướng vận động của tư bản ở các nước phát triển tập trung vào những ngành công nghiệp kỹ thuật cao, chuyển những ngành công nghiệp dân dụng ít có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế thấp, sử dụng lao động rẻ và tay nghề không cao (như may mặc, dệt, giầy dép, đồ gỗ gia dụng, nông, lâm sản...) sang các nước nghèo và đang phát triển... đã làm giảm sức cạnh tranh của sản xuất trong nước trước các sản phẩm nhập khẩu. Tại các nước đang phát triển, nhờ có một số lợi thế so sánh, nên có một số sản phẩm có tính cạnh tranh cao so với sản phẩm của những nước phát triển. Bởi vậy, để tự vệ trước những bất lợi, các nước phát triển đưa ra những biện pháp bảo hộ các ngành sản xuất trong nước dưới danh nghĩa "biện pháp bảo đảm công bằng trong thương mại" như chống bán phá giá, chống trợ cấp, thuế đối kháng, tự vệ v.v.. Một số nước đang phát triển cũng áp dụng theo để bảo hộ ngành sản xuất nội địa.

Tuy có những biện pháp như vậy, nhưng các nhà kinh doanh vẫn tìm mọi cách để lách luật. Chẳng hạn, họ lợi dụng chính sách khuyến khích của các nước chậm phát triển trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài tìm cách đưa hàng hóa (đã bị áp dụng thuế) trở lại thị trường cũ dưới hình thức: chuyển sản xuất những mặt hàng đã bị đánh thuế chống bán phá giá sang nước thứ ba; sử dụng giấy chứng nhận xuất xứ của nước khác; phương thức tạm nhập tái xuất... Trong trường hợp này, các thị trường nhập khẩu buộc phải có những biện pháp bảo vệ như áp đặt thuế đối với hàng hóa tương tự của các nước xuất khẩu khác nếu đạt kim ngạch xuất khẩu lớn vào thị trường của mình.

---

* TS. Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

Những năm gần đây đã có tình trạng lạm dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ, nhất là ở các nước có tiềm năng kinh tế lớn, đã gây ra bóp méo thương mại, cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại quốc tế, tuy WTO đã có các hiệp định nhằm điều tiết, hạn chế tình trạng này để bảo đảm tính công bằng trong thương mại quốc tế.

Tuy các vụ kiện nhằm "bảo đảm công bằng trong thương mại quốc tế" đều dựa vào những biện pháp đã được WTO công nhận, cho phép các nước thành viên WTO áp dụng để chủ động giải quyết những tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền lợi của sản xuất trong nước và các doanh nghiệp, nhưng các nước vẫn tìm mọi kẽ hở của luật để lách. Cụ thể: theo tổng kết của WTO, từ năm 1995 đến tháng 6-2004 các nước thành viên của WTO đã tiến hành 2.537 cuộc điều tra về chống bán phá giá, gồm Ấn Độ (383 cuộc), Hoa Kỳ (350 cuộc) và EU (287 cuộc). Có 1.567 vụ, chiếm 61,76% tổng số vụ điều tra trên đã đi đến kết luận là có bán phá giá và bị áp thuế chống bán phá giá. Các lĩnh vực có số vụ kiện chống bán phá giá nhiều nhất là: sắt, thép và các sản phẩm kim loại; hóa chất và các sản phẩm hóa chất; nhựa và các sản phẩm nhựa; máy móc và các sản phẩm cơ khí; thiết bị điện, ti-vi và các thiết bị nghe nhìn; dệt và các sản phẩm dệt; các sản phẩm về gỗ, giấy, xi-măng, gốm sứ, kính...

Thực tế cho thấy, các biện pháp chống bán phá giá được các nước công nghiệp phát triển sử dụng nhiều hơn cả để bảo hộ ngành công nghiệp nội địa của họ bởi một số lý do: dỡ bỏ hạn ngạch dệt may từ ngày 1-1-2005 theo Hiệp định đa sợi (MFA); tăng cường tự do hóa trong lĩnh vực nông nghiệp (cả về tiếp cận thị trường lẫn giảm trợ cấp); có sự thay đổi trong vòng đời kinh tế của ngành công nghiệp thép.

Tuy nhiên, theo quy định của WTO, nước nhập khẩu chỉ được áp dụng các biện pháp chống bán giá trong những trường hợp: hàng nhập khẩu bị bán phá giá; việc bán phá giá hàng nhập khẩu gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến ngành sản xuất trong nước; cuộc điều tra chống bán phá giá phải được tiến hành theo đúng thủ tục luật định.

Việc áp dụng thuế chống trợ cấp ở các nước thành viên WTO cũng diễn biến ngày càng gia tăng theo chiều hướng *nước càng phát triển càng trợ cấp nhiều*. Nước phát triển và các nước đang phát triển sẽ có cuộc "chạy đua" về trợ cấp vì không ai muốn hàng xuất khẩu của mình bị bất lợi trong cạnh tranh quốc tế. Song, một thực tế là trong khi việc đánh thuế chống trợ cấp chỉ chiếm khoảng 15% tổng số vụ đánh thuế, thì các nước đang phát triển lại chịu đến 61% số vụ đánh thuế chống trợ cấp của các nước phát triển.

Thuế chống trợ cấp thường tập trung trong một số ngành nhất định: ngành có công nghệ thấp; ngành sản xuất những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh (hàng nông sản, hàng dệt may, sản phẩm của ngành công nghiệp dựa trên lợi thế tự nhiên...); sản phẩm sắt thép. Các sản phẩm phức tạp, có công nghệ cao, mặc dù được trợ cấp khá nhiều, nhưng hầu như không bị đánh thuế chống trợ cấp. Hàng nông nghiệp thường ít bị đánh thuế hơn so với hàng công nghiệp bởi WTO có một hiệp định riêng về nông nghiệp, theo đó các nước đã đưa ra cam kết ràng buộc và cắt giảm trợ cấp nông nghiệp ở mức đáng kể, khiến ít có tình trạng đánh thuế chống trợ cấp đối với hàng nông sản.

Về mặt nguyên tắc, các vụ kiện chống bán phá giá và tự vệ có thể là loại trừ lẫn nhau nghĩa là nếu gia tăng biện pháp này thì sẽ giảm biện pháp kia. Tuy nhiên, trong thời gian trước mắt cả biện pháp chống bán phá giá và tự vệ vẫn còn được áp dụng khá phổ biến.

2 - Về những vụ nước ngoài kiện sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam

Từ năm 1994 - 2004, đã có 18 vụ nước ngoài kiện Việt Nam về chống bán phá giá và

Digitized by Google

4 vụ tự vệ liên quan đến một số sản phẩm như: giầy dép, hàng nông sản, thủy sản, một số sản phẩm cơ khí, sản phẩm công nghiệp..., trong đó có 15 vụ đã có kết luận cuối cùng. Hiện tại, Việt Nam đang phải đối mặt với 5 vụ kiện chống bán phá giá (đối với sản phẩm xe đạp; ống, tuýp thép hoặc cút thép; chốt, then cửa bằng i-nox và các phụ tùng; đèn huỳnh quang (CFL-i); ván lướt sóng) bán vào thị trường EU và 2 vụ tự vệ đối với bột sắn, tinh bột sắn, tinh bột cao cấp và xe đạp. Sở dĩ thời gian gần đây các vụ kiện hàng xuất khẩu của Việt Nam tăng lên là vì:

- Có tình trạng lạm dụng các biện pháp bảo đảm công bằng trong thương mại quốc tế để bảo hộ những ngành công nghiệp nội địa. Các vụ kiện chống bán phá giá lại thường đem lại cho các nước nhập khẩu khoản thu cao hơn so với các vụ kiện chống trợ cấp nhờ thu mức thuế suất cao.

- Theo Luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ, EU, Ca-na-đa và một số nước thành viên WTO, khi số lượng sản phẩm nào đó của một nước xuất khẩu cao hơn 3% thị phần sẽ là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để ngành công nghiệp nội địa khởi kiện. Các quy định của Luật chống bán phá giá còn cho phép cộng gộp thị phần xuất khẩu của những nước cùng xuất khẩu sản phẩm bị kiện, nên càng giúp cho các ngành công nghiệp nội địa có thêm cơ hội chứng minh hàng nhập khẩu là nguyên nhân gây ra, hoặc đe dọa gây ra, thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa của họ. Thêm nữa, nước nhập khẩu thường có nhiều khả năng điều chỉnh luật lệ chống bán phá giá hơn so với biện pháp tự vệ và chống trợ giá. Vì vậy, biện pháp chống bán phá giá dễ bị lạm dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao của Việt Nam cũng là một nguyên nhân. Hiện nay tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam thường tập trung vào những thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... với những mặt hàng chủ lực và có lợi thế cạnh tranh (thủy sản, nông sản, công nghiệp chế biến, giầy dép, may mặc...). Trong quan hệ thương mại với Hoa Kỳ, khi bất cứ một nước có kim ngạch xuất khẩu một sản phẩm nào đó lớn hơn 6 triệu USD sẽ bị liệt vào danh sách "cần cảnh giác". Do vậy, tốc độ tăng cao của hàng xuất khẩu Việt Nam dễ dẫn đến các vụ kiện trong thương mại.

- Những nguyên nhân khác bao gồm do có phản ứng dây chuyền và tình trạng lẩn tránh thuế chống bán phá giá. Chẳng hạn, trường hợp Hàn Quốc kiện chống bán phá giá bật lửa gas của Việt Nam được thực hiện sau khi EU đã chính thức khởi kiện Việt Nam sản phẩm đó. Hay, việc điều tra bán phá giá hàng Việt Nam thường gắn với hàng hóa xuất khẩu cùng loại của một số nước khác nhưng có kim ngạch lớn hơn Việt Nam. Thực tế trong phần lớn các trường hợp, hàng xuất khẩu của Việt Nam bị đánh thuế chống bán phá giá trong khi kim ngạch xuất khẩu không cao, không gây thiệt hại đến các nhà sản xuất tại nước nhập khẩu. Tuy nhiên, các nước lại thường "nhân tiện" đưa thêm Việt Nam vào danh sách khi xem xét để đánh thuế chống bán phá giá đối với một số nước khác có kim ngạch xuất khẩu lớn hơn. Lượng hàng hóa của Việt Nam quá nhỏ bé nhưng cũng bị kiện để tránh thành tiền lệ. Trong trường hợp nhằm ngăn chặn hành vi lẩn tránh thuế chống bán phá giá, EU cũng áp dụng biện pháp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm ô-xít kẽm, vòng khuyên kim loại, đèn huỳnh quang khi Việt Nam xuất sang thị trường này vì có sự nghi ngờ rằng chúng có xuất xứ tại Trung Quốc.

Qua quá trình xử lý các vụ nước ngoài kiện hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, chúng ta đã thu được một số bài học kinh nghiệm rất quan trọng như:

1. Luôn chủ động kháng kiện. Trong vụ kiện chống bán phá giá, vấn đề quan trọng

Digitized by Google

hàng đầu và có tính quyết định là cần có những bằng chứng, phân tích về mặt kỹ thuật để khẳng định doanh nghiệp nước bị kiện không bán phá giá. Để làm được điều đó doanh nghiệp có một vai trò rất quan trọng: là một bên trong vụ kiện, phải có nghĩa vụ chứng minh không bán phá giá; phải gánh chịu rủi ro nếu không chứng minh được (như bị áp đặt thuế chống bán phá giá "trừng phạt" rất cao, bị mất thị trường, và tạo ra những tiền lệ xấu ảnh hưởng không nhỏ đến các sản phẩm xuất khẩu khác của doanh nghiệp nói riêng và Việt Nam nói chung). Ngược lại, nếu doanh nghiệp nhận thức rõ và tích cực tham gia vụ kiện thì có thể sẽ được hưởng lợi (như hưởng thuế suất bằng không hoặc thuế chống bán phá giá thấp hoặc được hưởng mức hạn ngạch xuất khẩu nhiều hơn, giữ được thị trường hay làm giảm thiểu thiệt hại đến mức nhỏ nhất). Vì thế, doanh nghiệp cần chủ động, tự giác, nghiêm chỉnh và có trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình bằng cách thu thập thông tin đầy đủ và chứng minh tính hợp lý của giá xuất khẩu hàng hóa. Hơn nữa, nên hiểu rằng tham gia vào giải quyết vụ kiện, các doanh nghiệp còn thu được nhiều kinh nghiệm, nâng cao sự hiểu biết về tập quán kinh doanh, cấu trúc thị trường, "luật chơi" của các nước lớn, cũng như tăng khả năng dự báo thị trường của chính mình. Tuy nhiên, trong quá trình đó các doanh nghiệp nên có sự phối hợp, đoàn kết với nhau dưới sự chỉ đạo, điều phối chung của Hiệp hội ngành hàng để có chiến lược, chiến thuật kháng kiện hiệu quả.

2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán. Việc hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán, lưu giữ tài liệu, chương trình máy tính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... nhằm đáp ứng và tương thích với trình độ, yêu cầu quốc tế. Trong các vụ kiện thương mại việc làm này càng cần thiết bởi muốn tránh những trừng phạt đơn phương, các doanh nghiệp phải trung thực. Việc ngụy tạo chứng từ, tài liệu chỉ tạo nên tính thiếu thống nhất, không lô-gíc trong toàn bộ hồ sơ và rất dễ bị phát hiện, bị bác bỏ hoặc bị trừng phạt.

3. Tuân thủ các yêu cầu về nội dung và thời hạn của bên điều tra. Các doanh nghiệp phải tìm hiểu thật kỹ và trả lời tất cả các câu hỏi do cơ quan điều tra nêu ra trong bảng hỏi điều tra một cách hợp lý nhất, trong thời gian mà cơ quan điều tra nước ngoài yêu cầu. Sự minh bạch trong các câu trả lời sẽ tạo được ấn tượng tốt với các cơ quan điều tra. Ngoài ra, phải chuẩn bị chu đáo và tích cực hợp tác trong tất cả cuộc điều tra tại chỗ của cơ quan điều tra nước ngoài.

4. Nắm bắt thời cơ giải quyết vụ kiện. Theo quy định của Luật chống bán phá giá nhiều nước trên thế giới, thời gian điều tra thường hết sức gấp rút và quy định chặt chẽ. Chính vì vậy, thời gian chuẩn bị thu thập hồ sơ để khởi kiện của ngành công nghiệp nội địa của nước nhập khẩu là thời gian rất quan trọng và cần thiết để các doanh nghiệp bị kiện thuê luật sư hướng dẫn, nội dung, trình tự thủ tục của vụ kiện; phân tích những điểm bất lợi cũng như lợi thế khi tham gia giải quyết vụ kiện.

5. Cần liên kết, hợp tác với các đối tác kinh doanh. Các nhà nhập khẩu, các bên có lợi ích liên quan thường có chung quyền lợi với những doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, nên họ sẵn sàng cùng với Việt Nam đối phó với vụ kiện theo cách thức mà họ thấy phù hợp với môi trường pháp lý của nước khởi kiện. Do đó doanh nghiệp Việt Nam phải biết tận dụng điều này, liên kết và hợp tác với những đối tác kinh doanh, thậm chí có thể phối hợp tiến hành thương lượng, đàm phán để ngăn chặn vụ kiện xảy ra.

6. Tăng cường vai trò của các bộ, ngành. Bộ Thương mại đóng vai trò rất lớn trong việc chủ trì và phối hợp nỗ lực của các bộ, ngành khi giải trình để chứng minh Việt Nam có nền kinh

Digitized by Google

tế thị trường, đồng thời hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp xin hưởng quy chế kinh tế thị trường trên cơ sở từng vụ việc. Vận động hành lang và quan hệ với công chúng cũng có vai trò lớn trong việc kháng kiện.

3 - Một số biện pháp chủ động phòng chống các vụ kiện thương mại của nước ngoài

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và các Hiệp hội ngành hàng về các vụ kiện bảo đảm công bằng trong thương mại quốc tế. Nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề, như: pháp lý liên quan trong WTO và luật pháp các nước nhập khẩu chính của Việt Nam; tình hình chính trị, kinh tế của nước khởi kiện; các nguyên đơn, để chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp về chiến lược, sách lược đối phó. Đồng thời, khẳng định vai trò chủ động của doanh nghiệp cùng các Hiệp hội ngành hàng trong việc phòng chống các vụ kiện thương mại của nước ngoài đối với Việt Nam.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam, tạo khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động kinh doanh nhằm phòng ngừa các vụ kiện thương mại. Cần thực thi Pháp lệnh về chống phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại phù hợp với các quy định liên quan của WTO nhằm tạo cơ sở pháp lý để tự vệ, hoặc "trả đũa" khi có đủ cơ hội. Tuy nhiên, cùng với hoàn thiện pháp luật đòi hỏi chúng ta phải trau dồi kinh nghiệm thực thi, củng cố nguồn lực và luôn có sự phối hợp chung giữa các bộ, ngành.

- Gắn thực trạng các vụ tranh chấp thương mại quốc tế với quá trình đàm phán các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Để phòng ngừa, giảm bớt những nguy cơ áp dụng chế tài đơn phương, gây thiệt hại cho sản xuất và xuất khẩu, phải tận dụng thế mạnh của thương mại nước ta, nhất là nên thực hiện biện pháp "có đi có lại, đôi bên cùng có lợi" trong thương mại vì điều này sẽ góp phần giảm nguy cơ bị khiếu nại đơn phương.

- Cần quan hệ tốt với công chúng cả trong và ngoài nước và tăng cường hoạt động vận động hành lang, nhất là trong các vụ kiện nhằm vào những mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn của Việt Nam. Công việc này phải được tiến hành một cách có hệ thống và phải tuân thủ những mục tiêu chiến lược của quốc gia.

- Thực hiện thường xuyên công tác dự phòng và cảnh báo. Theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường nước ngoài, những biến động về số lượng, giá cả xuất khẩu trong từng giai đoạn của các mặt hàng xuất khẩu trọng điểm (chia theo mã số thuế); kịp thời thông báo khi số lượng xuất khẩu tăng nhanh hay giá cả tụt giảm mạnh trên các thị trường xuất khẩu trọng điểm để cảnh báo sớm cho doanh nghiệp về những nguy cơ bị nước ngoài khởi kiện. Đồng thời, giảm thiểu và tiến tới loại trừ các hiện tượng gian lận thương mại, lẩn tránh thuế... Theo sát, nghiên cứu, so sánh giá các mặt hàng xuất khẩu hoặc các sản phẩm cùng loại khi có chênh lệch lớn so với giá thị trường tại nước nhập khẩu và có nguy cơ bị khởi kiện. Hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận thị trường theo chiến lược tổng thể cho những mặt hàng lớn.

- Tăng cường công tác quản lý xuất xứ hàng hóa (C/O). Các cơ quan Việt Nam có chức năng cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tuyên truyền phổ biến các kiến thức pháp luật về C/O theo pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài và các điều ước quốc tế cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

- Khẳng định nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi sang kinh tế thị trường là một nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại với các nước và vùng lãnh thổ có quan hệ thương mại nhạy cảm với Việt Nam, cần sớm hoàn chỉnh việc giải trình về nền kinh tế thị trường của Việt Nam cho EU và Hoa Kỳ.

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA - một phương tiện quan trọng để thực hiện sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu

VŨ VĂN VIÊN *

Sở hữu luôn là một trong những vấn đề trọng tâm của mọi thời kỳ lịch sử. Nó vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời nó cũng tác động trở lại đến mọi quá trình kinh tế - xã hội. Cũng chính vì vậy, vấn đề sở hữu luôn là mối quan tâm của các nhà triết học, chính trị, hoạt động xã hội và việc giải quyết vấn đề này như thế nào luôn là một tiêu chí phân biệt giữa các quan điểm khác nhau và có ảnh hưởng quan trọng đến cách giải quyết nhiều vấn đề khác trong việc xác định đường lối chính trị, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời kỳ trước đổi mới, ở nước ta cũng như các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, chế độ sở hữu dường như đã được giải quyết. Đó là chúng ta đã xây dựng xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể. Cùng với chế độ công hữu, mô hình kế hoạch hóa tập trung ra đời và thống trị trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở công hữu, lúc đầu đã phát huy tương đối tốt trong việc thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần to lớn vào công cuộc bảo vệ an ninh, chủ quyền đất nước. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, chế độ công hữu với mô hình cũ đã tỏ ra không còn phù hợp, gây nên sự khủng hoảng kinh tế - xã hội, nên chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới.

Trong quá trình đổi mới, việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đặt ra nhiều vấn đề về sở hữu. Nếu không có cách nhìn và giải quyết đúng đắn về sở hữu khó có thể thực hiện được những mục tiêu mà công cuộc đổi mới đặt ra. Việc xây dựng nền kinh tế thị trường đòi hỏi chúng ta phải thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu là một chủ trương đúng đắn, song để biến chủ trương đó thành những chính sách cụ thể, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, chúng ta cần phải có sự đầu tư nghiên cứu về lý luận và thực tiễn nhiều hơn nữa.

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã đưa ra chủ trương phải đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Đây là một chủ trương đúng đắn. Từ thực tiễn phát triển của thế giới thời gian qua, có thể khẳng định rằng: *Đa dạng hóa các hình thức sở hữu là một yêu cầu khách quan, là quy luật tất yếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thời đại hiện nay.* Điều này không chỉ đúng với các nước xã hội chủ nghĩa đang tiến hành đổi mới mà cả ở những nước tư bản chủ nghĩa.

* PGS, TS, Phó viện trưởng Viện Triết học

Digitized by Google

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, xu hướng đa dạng hóa các hình thức sở hữu thể hiện ngày càng rõ nét - *do tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất quy định.* Ở những nước này, vào thời điểm đầu tiên của sự phát triển chủ yếu tồn tại hai hình thức sở hữu: sở hữu tư nhân chiếm ưu thế và sở hữu nhà nước. Đến nay, ngoài hình thức sở hữu tư nhân thuần túy, còn có hình thức sở hữu hỗn hợp cổ phần hóa và cũng xuất hiện hình thức sở hữu rất mới - sở hữu tập thể - ESOP. Chẳng hạn, sở hữu tập thể đã xuất hiện ở một loạt nước tư bản phát triển như: Anh, Tây Ban Nha, Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản... Ở Mỹ có trên 500 doanh nghiệp lớn và vừa do các tập thể cổ đông tự quản. Xu hướng chung ở các nước này không phải là phát triển sở hữu tư nhân thuần túy mà là sự phát triển đa dạng hóa các hình thức sở hữu như sở hữu hỗn hợp, sở hữu tập thể. Các hình thức sở hữu này có quan hệ chặt chẽ với hình thức cổ phần mà cổ đông hết sức đa dạng, từ nhà nước, chính quyền các địa phương, các nhà doanh nghiệp đến các cá nhân trong xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành công cuộc đổi mới cải cách, sự kém hiệu quả của sở hữu công cộng khi mà lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, đặt ra yêu cầu *phải thay đổi hình thức công hữu đã có bằng sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu.* Đa dạng hóa các hình thức sở hữu trở thành một quyết sách có hiệu quả để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở những nước này, trong lĩnh vực công nghiệp, tính hiệu quả của kinh tế nhà nước đã đặt ra yêu cầu phải đổi mới các doanh nghiệp nhà nước mà cổ phần hóa là một phương tiện có hiệu quả.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, mô hình hợp tác kiểu cũ đã tỏ ra không có hiệu quả. Từ thực tiễn đổi mới ở những nước này, khoán hộ đã tỏ rõ sức sống so với làm ăn tập thể trước đây. Cũng từ đó kinh tế hộ gia đình, trong các vùng nông thôn đang hình thành các hợp tác xã kiểu mới, kinh tế hợp tác xã cổ phần đang hình thành và phát triển.

Như vậy, đa dạng hóa các hình thức sở hữu không chỉ diễn ra ở các nước xã hội chủ nghĩa đang tiến hành công cuộc đổi mới mà còn diễn ra trên phạm vi thế giới. Xu hướng vận động sự đa dạng hóa này có khác nhau, song nó cùng chung một mục đích là tạo ra sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội hơn nữa ở mỗi nước.

Để thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu có thể có nhiều cách thức khác nhau, với mỗi loại hình kinh tế, mỗi nước lại có những biện pháp khác nhau. Nhìn một cách tổng thể, có thể khẳng định rằng: ***cổ phần hóa là một trong những phương tiện cơ bản để thực hiện sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu.*** Sự phân tích xu hướng hình thành và phát triển của sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu sẽ minh chứng cho tính đúng đắn của khẳng định trên.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu được thực hiện theo hai con đường: *Một là,* cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước; cổ phần hóa các doanh nghiệp tư nhân; *Hai là,* sự liên kết giữa các doanh nghiệp lớn hơn mà các cổ đông chính là các nhà doanh nghiệp tư nhân tham gia liên kết.

Đối với các nước tiến hành công cuộc đổi mới và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu thông qua cổ phần hóa chủ yếu được thực hiện nhờ hình thức cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, sự xây dựng các doanh nghiệp, các hợp tác xã cổ phần.

Ngoài cổ phần hóa là một phương thức để đa dạng hóa các hình thức sở hữu, cũng còn các phương thức khác. Chẳng hạn, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước - chủ yếu diễn ra ở

Digitized by Google

các nước tư bản phát triển; sự hình thành các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ ở các nước tư bản chủ nghĩa và ở các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành đổi mới, cải cách; sự hình thành các hợp tác xã kiểu mới - chủ yếu diễn ra ở các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành đổi mới, cải cách. Tuy nhiên, bài viết này chỉ tập trung xem xét sự đa dạng hóa thông qua hình thức cổ phần hóa như là một trong những phương tiện quan trọng nhất của quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu.

Ở Việt Nam thời gian qua cổ phần hóa là phương tiện có hiệu quả thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu để tiến hành sự nghiệp đổi mới, mà một trong những điểm mấu chốt là phải biến nền kinh tế dựa trên sở hữu công cộng là chính thành nền kinh tế với sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Trong đó, việc cải tổ các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm 100% vốn trở thành các doanh nghiệp cổ phần có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hơn nữa, trong điều kiện chuyển đổi từ chế độ công hữu trước đây sang chế độ đa dạng hóa các hình thức sở hữu hiện nay, cổ phần hóa còn bảo đảm cho sự ổn định về xã hội, không xáo trộn, không tạo nhiều khe hở làm thất thoát tài sản của Nhà nước, đời sống kinh tế của nhân dân được cải thiện.

Chính vì vậy, chúng ta *cần xem cổ phần hóa như một phương tiện hàng đầu trong việc cải tổ các doanh nghiệp nhà nước,* kể cả các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Tuy nhiên, một vấn đề bức xúc đặt ra khi tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là ***làm thế nào để cổ phần hóa không dẫn tới việc đi chệch hướng. Cũng có nghĩa là, làm sao để quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước không ảnh hưởng đến việc giữ vững sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.***

Để tìm lời giải đúng đắn cho vấn đề này, cần phân tích bản chất của quá trình cổ phần hóa, nhất là hậu quả kinh tế - xã hội của quá trình cổ phần hóa.

Ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, trước mắt chủ yếu phải chú ý tới sự chuyển đổi về tính chất sở hữu của các doanh nghiệp sau khi đã được cổ phần hóa. Trên bình diện chung, thế giới hiện có nhiều cách đánh giá khác nhau về loại hình kinh tế của các doanh nghiệp được cổ phần hóa, trong đó có một số quan điểm như sau: 1 - Cổ phần hóa là một hình thức kinh tế theo chế độ sở hữu công cộng. 2 - Cổ phần hóa là một hình thức kinh tế theo chế độ sở hữu tập thể. 3 - Cổ phần hóa là một hình thức kinh tế theo chế độ sở hữu tư nhân. Theo chúng tôi việc xếp các doanh nghiệp đã cổ phần hóa vào loại hình kinh tế nào phụ thuộc vào chính quá trình thực hiện cổ phần hóa, vào sự quản lý các doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước.

Nếu cổ phần hóa chủ yếu được thực hiện ở các doanh nghiệp nhà nước, cổ phần được bán tự do cho tư nhân thì quá trình cổ phần hóa thực chất là quá trình tư nhân hóa. Điều này chủ yếu xảy ra ở các nước tư bản chủ nghĩa. Nếu cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước mà cổ phần của nhà nước chi phối và do Nhà nước điều tiết thì cổ phần hóa vẫn thuộc chế độ công hữu. Nếu cổ phần hóa các doanh nghiệp mà cổ phần được bán cho cán bộ, công nhân và các cá nhân ngoài xã hội thì doanh nghiệp cổ phần hóa theo hình thức sở hữu tập thể.

Ở Việt Nam hiện nay cổ phần hóa chủ yếu được thực hiện theo ba hình thức sau:

Thứ nhất, đối với các doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực then chốt có khả năng điều tiết nền kinh tế quốc dân, chúng ta thường tiến hành phương thức cổ phần hóa mà trên 50% cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước. Trên thực tế, ở các doanh nghiệp này, tồn tại bốn loại cổ phần: cổ phần của Nhà nước đóng vai trò chi phối; cổ phần tập thể của các xí nghiệp; cổ phần của cán bộ, nhân viên trong doanh

Digitized by Google

nghiệp; cổ phần của các cá nhân trong xã hội. Do cổ phần của Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, nên nó đóng vai trò chi phối, định hướng sự phát triển của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này kinh doanh dưới sự quản lý, điều tiết chặt chẽ của Nhà nước.

Như vậy, nhờ vị trí chi phối của mình, cổ phần của Nhà nước lại chi phối một khối lượng lớn tài sản xã hội (cổ phần của các thành phần kinh tế khác) vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý, điều tiết. Chính vì vậy có thể xem các doanh nghiệp loại này là các doanh nghiệp dựa trên cơ sở công hữu và chúng nằm trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, đối với các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp không giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế quốc dân) mà Nhà nước có tham gia cổ phần, nhưng không chiếm tỷ trọng lớn, không giữ vị trí chi phối. Với doanh nghiệp loại này, Nhà nước chỉ tham gia quản lý, điều tiết ở một mức độ nhất định. Về mặt sở hữu, cũng có thể xem như một loại doanh nghiệp dựa trên cơ sở công hữu, nhưng thuộc thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Chúng sẽ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa không có sự tham gia của cổ phần nhà nước. Với những doanh nghiệp loại này ngoài việc quản lý theo pháp luật, Nhà nước khó điều tiết được khuynh hướng phát triển của nó. Về mặt sở hữu có thể xem các doanh nghiệp này dựa trên cơ sở sở hữu tập thể và thuộc thành phần kinh tế tập thể. Các doanh nghiệp loại này, có thể phát triển theo hai khuynh hướng tùy thuộc vào sự điều tiết của Nhà nước. Nếu để việc mua bán cổ phần tự do, chúng có thể biến thành các doanh nghiệp tư nhân đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, nếu điều tiết việc mua bán cổ phần chúng có thể là doanh nghiệp dựa trên sở hữu tập thể và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm cho sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta cần có chính sách quản lý, điều tiết có hiệu quả đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa, nhất là các doanh nghiệp thuộc loại thứ ba.

Từ phân tích trên có thể khẳng định rằng, *nhìn chung cổ phần hóa không hề đồng nghĩa với tư nhân hóa* (như một số người đã nghĩ). *Cổ phần hóa càng không có nghĩa là hướng tới sự phát triển không theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Cổ phần hóa sẽ đi tới đâu chủ yếu phụ thuộc vào việc thực hiện quá trình cổ phần hóa như thế nào, vào sự quản lý, điều tiết của Nhà nước ra sao. Việt Nam và Trung Quốc là những nước lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa chúng ta có đủ khả năng để hướng quá trình cổ phần hóa phát triển một cách lành mạnh, giữ vững được sự phát triển của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cũng từ sự phân tích trên đây, cổ phần hóa đã trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và để không đi chệch hướng, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị sau đây:

1 - Cổ phần hóa là một phương tiện có hiệu quả để thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong điều kiện nước ta hiện nay. Chính vì vậy phải *đẩy mạnh việc thực hiện cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp nhà nước,* nhất là đối với các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Tuy đã có chủ trương cổ phần hóa, song trong thời gian qua, việc thực hiện cổ phần hóa còn chậm. Có nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Song, theo chúng tôi không thể vì các nguyên nhân này mà làm chậm tiến độ cổ phần hóa. Đây phải được xem là *một trong những nhiệm vụ cấp bách trong quá trình đổi mới nền kinh tế* - từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Trong điều kiện mở cửa, hội nhập, chúng ta không thể chậm trễ hơn trong việc phát triển nền kinh tế thị trường. Cổ phần hóa là khâu đột phá trong quá

Digitized by Google

trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Việc thực hiện cổ phần hóa *phải bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Từ việc phân tích các loại hình cổ phần hóa trên đây, có thể nói *cổ phần hóa không đồng nhất với tư nhân hóa.* Tuy nhiên, không có nghĩa nó sẽ không thể dẫn tới tư nhân hóa, sẽ không tự phát đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như đã phân tích tính chất và xu hướng vận động của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa phụ thuộc vào quá trình thực hiện cổ phần hóa và sự quản lý, điều tiết của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Ba loại hình thực hiện cổ phần hóa đã trình bày ở trên bước đầu tạo điều kiện cần thiết để giữ vững sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự vận động của các doanh nghiệp cổ phần hóa là khá phức tạp, nhất là ở loại hình thứ ba - không có cổ phần của Nhà nước trong doanh nghiệp. Không loại trừ khả năng ở loại hình này (và xa hơn cả ở hai loại hình còn lại) vận động tự phát theo hướng tư nhân hóa. Chúng ta cần thông qua các biện pháp quản lý, điều tiết để *chống việc biến quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thành quá trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.* Cho nên sự điều tiết, quản lý của Nhà nước không chỉ dừng lại ở khâu thực hiện cổ phần hóa mà cả ở sự vận động, phát triển tiếp theo của doanh nghiệp đã cổ phần hóa.

3 - *Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước* đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, đối với quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nói riêng.

Quá trình cổ phần hóa không thể tách rời bối cảnh chung của sự phát triển kinh tế - xã hội. Ở nước ta, các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Sự lớn mạnh của các doanh nghiệp này, một mặt sẽ là động lực cho sự phát triển kinh tế đất nước, nhưng cũng là một nhân tố dẫn tới sự phát triển tự phát sang chủ nghĩa tư bản. Chính vì vậy, cùng với sự quản lý, điều tiết các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa, việc quản lý điều tiết các doanh nghiệp này cũng hết sức quan trọng. Song sự quản lý, điều tiết các doanh nghiệp không đơn giản, mà điều quan trọng bậc nhất là phải bảo đảm lợi ích của các chủ doanh nghiệp. Chúng ta cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật vừa làm chỗ dựa cho các doanh nghiệp phát triển, vừa bảo đảm cho sự phát triển các doanh nghiệp không đi chệch con đường mà chúng ta đã lựa chọn.

Quản lý theo pháp luật là yêu cầu và cũng là tiền đề để hướng sự phát triển của các doanh nghiệp với các hình thức sở hữu khác nhau vào mục đích chung phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần đặc biệt tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của mình thông qua hệ thống pháp luật.

Cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên các mặt trận văn hóa, tư tưởng, chính trị... Chính những việc làm này sẽ góp phần quan trọng xây dựng ý thức hệ trong cộng đồng và đó cũng là nhân tố quan trọng, bảo đảm cho sự phát triển theo định hướng đã lựa chọn.

Thực tiễn đã chỉ rằng, đa dạng hóa các hình thức sở hữu là yêu cầu khách quan trong sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cổ phần hóa trong đó cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là phương tiện quan trọng để thực hiện quá trình đa dạng hóa các hình thức sở hữu ở nước ta. Việc đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước với sự quản lý, điều tiết chặt chẽ của Nhà nước sẽ là một trong những động lực cho sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thời gian tới. ❑

Digitized by Google

NINH THUẬN
TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN GIÀU *

NINH Thuận là tỉnh cực Nam Trung Bộ, có 27 dân tộc; dân số 572 nghìn người, trong đó dân tộc Chăm chiếm 12%, Raglai 9,5%; diện tích tự nhiên 3.360 km^2, chủ yếu là núi đá, rừng và đất bị sa mạc hóa. Ninh Thuận nằm trong vùng khí hậu "ít mưa, nhiều nắng". Lượng mưa bình quân hằng năm của tỉnh chỉ bằng 1/3 lượng mưa bình quân cả nước.

Nói đến Ninh Thuận là nhắc đến vùng đất trung kiên, anh dũng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; với địa danh Bác Ái anh hùng và các anh hùng như: Pi Năng Tắc, Pi Năng Thạnh, Chamaléa Châu - dân tộc Raglai; Đồng Dậu - dân tộc Chăm. Ninh Thuận còn là nơi nổi tiếng về trồng nho và trồng bông truyền thống bao đời nay. Trong những năm gần đây, tốc độ phát triển chăn nuôi gia súc, nhất là gia súc có sừng; nuôi tôm trên cát gia tăng nhanh chóng, trở thành ngành kinh tế quan trọng góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tỉnh đạt hiệu quả cao.

Ninh Thuận có 105 km bờ biển thoải, sạch, đẹp. Nước biển ở đây độ mặn cao hơn so với các vùng biển khác và có nguồn thủy, hải sản phong phú có thể khai thác đa dạng các sản phẩm có tính cạnh tranh cao: đánh bắt, chế biến thủy, hải sản; sản xuất muối công nghiệp, xút, thạch cao... Biển Ninh Thuận đẹp và nổi tiếng với các địa danh: bãi biển Ninh Chữ, Bình Sơn; vịnh Vĩnh Hy, Bình Tiên; đồi cát Nam Cương, rất thuận lợi cho phát triển du lịch, phục vụ khách trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Ninh Thuận có đủ điều kiện để xây dựng cảng biển, đầu tư xây dựng nhà máy đóng tàu với quy mô lớn.

Cùng với thế mạnh về biển, tỉnh chúng tôi còn có nguồn tài nguyên khoáng sản như đá gờ-ra-nít, với trữ lượng từ 850 triệu đến 1 tỉ m^3, trong đó có loại chỉ có ở Ninh Thuận.

Đây còn là nơi cung cấp một số giống với chất lượng cao như: tôm sú, bông, lúa, nho...

Ninh Thuận lại có đường quốc lộ 1A, quốc lộ 27 đi qua; có đường sắt Bắc - Nam; là ngã ba đi Nha Trang, Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh rất thuận lợi. Gần đây, Chính phủ cho phép khai thác sân bay quân sự Cam Ranh, nâng cấp cảng Ba Ngòi (Cam Ranh, Khánh Hòa) - chỉ cách thị xã Phan Rang - Tháp Chàm hơn 40 km, đã tạo một lợi thế rất lớn đối với Ninh Thuận trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm gần đây Ninh Thuận đã có sự chuyển biến tương đối toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã được cải thiện đáng kể.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), giai đoạn từ năm 2001 đến 2004 bình quân đạt 9% (năm 2004 tăng 9,5%). Cơ cấu kinh tế đã

* TS, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận

Digitized by Google

chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỉ trọng công nghiệp - dịch vụ. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng trong GDP chung của tỉnh từ 52% năm 2000, xuống còn 44% năm 2004; công nghiệp từ 12,8% năm 2000 tăng lên 19% năm 2004; thương mại - dịch vụ từ 35% năm 2000 lên 37% năm 2004; ngành nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Chăn nuôi gia súc trong những năm gần đây tăng nhanh; đàn trâu, bò của tỉnh đến nay có 112 ngàn con (tăng 17 ngàn con so với năm 2003); dê, cừu 95 ngàn con (tăng 22 ngàn con so với năm 2003); phát triển mới 4 trang trại nuôi thử nghiệm đà điểu bước đầu thành công và có triển vọng trong thời gian tới. Gần đây tỉnh đã phát triển nhiều cây trồng phục vụ công nghiệp chế biến như: điều 5.162 ha; mỳ 1.424 ha; ngô lai 7.029 ha; mía 1.391 ha. Nhiều cây trồng truyền thống được thâm canh và mở rộng diện tích như bông vải 868 ha, thuốc lá 507 ha, nho 1.628 ha, trong đó có cây nem chịu hạn vừa phủ xanh vùng đất sa mạc, vừa có khả năng cung cấp chế biến dược liệu... Các cây trồng trong nông nghiệp đều gắn với công nghiệp chế biến thông qua ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với người sản xuất nên cơ bản không xảy ra rủi ro.

Ngành thủy sản năm 2004 đã khai thác đánh bắt được 37 ngàn tấn, tăng 9 ngàn tấn so với năm 2000 và có khả năng đánh bắt xa bờ. Vừa qua, tỉnh đầu tư xây dựng ba cảng mới: Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ gắn với dịch vụ hậu cần và tiêu thụ sản phẩm phục vụ trong tỉnh và tỉnh bạn.

Đến nay Ninh Thuận có 1.190 trại tôm giống với số lượng 4,4 tỉ con, chiếm 30% tôm giống cả nước. Do điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi, công tác tổ chức sản xuất và quản lý của ngành chủ quản chặt chẽ nên chất lượng tôm giống của Ninh Thuận đạt tỷ lệ sống cao (khoảng 70%), được Bộ Thủy sản và cơ quan kiểm tra chất lượng trung ương đánh giá là địa phương sản xuất tôm giống tốt, được Bộ Thủy sản chọn đầu tư xây dựng Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước.

Nguồn thủy sản đánh bắt ở tỉnh có một số loại có khả năng chế biến và giá trị xuất khẩu mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương. Hiện nay, Ninh Thuận có 127 cơ sở chế biến cá cơm hấp chất lượng cao.

Là địa phương có nhiều diện tích thuận lợi cho nuôi tôm theo dạng công nghiệp. Nhận thấy được lợi thế đó, tỉnh có chủ trương tăng cường đầu tư, tạo điều kiện để người dân phát triển nghề này. Đến nay nuôi tôm ở Ninh Thuận đạt năng suất bình quân 6 - 8 tấn/ha/năm. Việc nuôi tôm trên cát là một sáng tạo của địa phương và đã được lan rộng ra các địa phương khác. Mới đây ngư dân trong tỉnh còn phát triển thêm nghề nuôi tôm hùm lồng, rong sụn, ốc hương...

Muối công nghiệp là thế mạnh ở Ninh Thuận với sản lượng hằng năm 180 ngàn tấn. Dự án muối công nghiệp Quán Thẻ do Tổng Công ty Muối đầu tư với quy mô 2.510 ha, trong đó diện tích đồng muối là 2.030 ha, sản lượng 320.000 tấn muối công nghiệp/năm, có giá trị kinh tế cao không những thay thế muối nhập khẩu mà còn tạo ra một số sản phẩm sau muối như: thạch cao 20.000 tấn/năm, nước ót 185.000 m^3/năm, chế biến muối tinh 100.000 tấn/năm.

Về công nghiệp khai thác đá gờ-ra-nít, đến nay tỉnh có hai dự án đang triển khai với quy mô lớn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Đại Dương, công suất 360.000 m^2/năm; Công ty Địa chất Khoáng sản, công suất giai đoạn 1 là 72.000 m^2/năm.

Công nghiệp chế biến tuy không lớn nhưng đã góp phần chuyển dịch cơ cấu một số cây trồng vừa tạo hiệu quả kinh tế cao vừa bảo đảm tính bền vững thông qua ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm thuốc lá, bông, mía, mỳ... Mới đây, Công ty Vissan (thành phố Hồ Chí Minh) dự kiến sẽ thành lập cơ sở nâng cao chất lượng đàn bò và xí nghiệp giết mổ gia súc tại Ninh Thuận.

Digitized by Google

Sản phẩm nho và chế biến rượu vang nho cũng bắt đầu phục hồi. Nhiều nhà đầu tư có những dự án với quy mô trung bình sẽ triển khai trong tương lai không xa. Những sản phẩm có truyền thống lâu đời như sản xuất nước mắm vẫn duy trì, phát triển.

Công nghiệp ở Ninh Thuận trước đây hầu như không có. Trong thời gian qua, tỉnh đã xây dựng được một số cơ sở như: Nhà máy Xi măng Phương Hải công suất 25.000 tấn/năm; Nhà máy Gạch Tuy-nen cơ sở Du Long công suất 25 triệu viên/năm, cơ sở Phước Nam 10 triệu viên/năm. Gần đây Nhà máy sản xuất phân vi sinh vô cơ công suất 100 tấn/ngày đã được khánh thành, đi vào sản xuất, nguyên liệu lấy từ rác thải, với công nghệ mới, thực hiện được nhiều mục tiêu; Nhà máy chế biến tinh bột mỳ công suất 80 tấn/ngày đã góp phần đáng kể trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền núi của tỉnh; Xí nghiệp May công nghiệp công suất 940.000 sản phẩm/năm, hằng năm giải quyết việc làm cho 700 lao động của địa phương. Hiện nay có một số doanh nghiệp từ Hải Dương, Bình Dương đang đầu tư, xây dựng các khu công nghiệp ở Ninh Thuận và Tổng công ty tàu thủy đang triển khai xây dựng dự án đóng tàu ở đây. Tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ của tỉnh cũng phát triển đa dạng với các cơ sở sản xuất tranh gỗ, tổ hợp tác dệt, các cơ sở mây tre, đồ gỗ xuất khẩu có vốn đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Đài Loan, bước đầu có hiệu quả. Các ngành nghề truyền thống với sản phẩm gốm, dệt thổ cẩm của bà con dân tộc Chăm có lâu đời ở Ninh Thuận đã, đang được gìn giữ và phát triển.

Ninh Thuận có một số lợi thế đặc thù về du lịch biển như: dọc dài bờ biển là Vườn quốc gia núi Chúa rộng 28.000 ha, trong đó 26.000 ha là rừng nguyên sinh có nhiều loại cây, con quý hiếm; san hô đa dạng, phong phú. Đặc biệt biển Ninh Thuận còn được Quỹ Bảo vệ thiên nhiên hoang dã của Liên hợp quốc xác định là vùng trú ngụ thuận lợi của rùa biển - một loại động vật quý hiếm trên thế giới.

Ninh Thuận còn có một số khu vực bình nguyên nằm giữa núi rừng với các lòng hồ nước ngọt lớn như hồ sông Trâu, sông Sắt...; chân đèo sông Pha là những nơi tiềm năng khai thác du lịch sinh thái có triển vọng trong tương lai. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở đây với nền văn hóa phong phú, lâu đời và nhiều lễ hội đa dạng như: lễ hội Katê và nhiều sản phẩm văn hóa phi vật thể có giá trị của đồng bào dân tộc Chăm. Ninh Thuận còn là nơi có những địa danh cách mạng lừng lẫy, có Phan Rang - Ninh Chữ nằm giữa trục tam giác Đà Lạt - Phan Thiết - Nha Trang rất có lợi thế cho phát triển du lịch. Đến nay, Ninh Thuận đã thu hút 24 dự án du lịch, trong đó, có 2 dự án lớn có số vốn dự kiến 2.300 tỉ đồng.

Mặc dù còn nhiều mặt khó khăn, nhưng những năm gần đây, bằng nội lực của mình và sự quan tâm hỗ trợ của trung ương, kết cấu hạ tầng và dịch vụ như hệ thống điện, điện thoại, phát thanh - truyền hình... phát triển tương đối hoàn chỉnh trên khắp địa bàn. Mạng lưới đường giao thông trong tỉnh được cải thiện đáng kể, trong đó có 402/816 km đường giao thông được bê-tông và nhựa hóa (chiếm gần 50%), rất tiện lợi cho việc đi lại của người dân và du khách gần xa, cũng như sự giao lưu, phát triển của tỉnh.

Những gì đạt được vừa qua thể hiện tinh thần tự lực, tực cường, vượt khó vươn lên của toàn Đảng, toàn quân và sự nỗ lực của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, sự quan tâm rất đặc biệt của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương. Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, nhân dịp về thăm và làm việc với tỉnh gần đây đã đánh giá: "Ninh Thuận có sự chuyển biến tương đối toàn diện". Song, so với các tỉnh trong khu vực, Ninh Thuận vẫn còn nhiều khó khăn như: điểm xuất phát của nền kinh tế thấp; thu ngân sách chỉ đáp ứng 1/3 nhu cầu chi hợp lý; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng còn lớn trong GDP; thu nhập bình quân đầu người so bình quân thu nhập đầu người của cả nước mới chỉ bằng 55%; kết cấu hạ tầng yếu kém;

Digitized by Google

còn thiếu và mất cân đối nghiêm trọng về vốn, công nghệ; về nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm quản lý.

Mới đây, các tỉnh duyên hải miền Trung đón nhận Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị với nhiều chủ trương, trong đó xác định Ninh Thuận là nơi tập trung đầu tư sản xuất muối công nghiệp và hóa chất sau muối, du lịch, đánh bắt thủy, hải sản, chăn nuôi gia súc có sừng... Ninh Thuận cũng vừa được Chính phủ hỗ trợ triển khai nhiều dự án lớn mang tính động lực sẽ triển khai trong vài ba năm tới tập trung các công trình thủy lợi quy mô lớn: công trình hồ Tân Giang 13 triệu m^3 nước, tổng vốn đầu tư khoảng 140 tỉ đồng; hồ Sông Trâu 35 triệu m^3 nước, tổng vốn đầu tư 220 tỉ đồng; hồ Sông Sắt 69,9 triệu m^3 nước, tổng vốn đầu tư 290 tỉ đồng. Chính phủ sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng 2 hồ chứa nước lớn. Đó là hồ Tân Mỹ chứa 60 - 80 triệu m^3 nước, tổng vốn đầu tư khoảng 300 tỉ đồng; hồ Sông Than chứa 65 triệu m^3 nước, tổng vốn đầu tư khoảng 250 tỉ đồng, một số hồ vừa và nhỏ khác như: Bầu Zôn, Lanh Ra, Bầu Ngứ..., một số công trình đầu mối với tổng vốn đầu tư lên đến 1.000 tỉ. Về giao thông, sẽ nâng cấp và mở rộng các tuyến đường quan trọng như nâng cấp mở rộng quốc lộ 27, 27B; mở rộng đường tránh, đường vào thị xã, mở đường dọc tuyến biển... Các công trình hạ tầng quan trọng khác đang hoàn thành thủ tục đầu tư như: nâng công suất Nhà máy nước Phan Rang - Tháp Chàm lên 52.000 m^3/ngày, đêm, tổng kinh phí 23,19 triệu USD; Dự án cấp thoát nước thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, tổng vốn đầu tư 7 triệu ơ-rô (vốn ODA). Một số dự án lớn được Thủ tướng Chính phủ đang giải quyết về mặt nguyên tắc như Dự án khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Phan Rang, xây dựng cảng nước sâu Mũi Dinh, xây dựng Nhà máy thuốc lá điếu, thành lập 2 khu công nghiệp và nhiều dự án sự nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa...

Cùng với những nhân tố mới trên, để tạo sự thông thoáng trong đầu tư phát triển, vừa qua Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua một số chính sách quan trọng. Đó là, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010 có tầm nhìn đến năm 2020; chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư, chính sách giá đất mới áp dụng từ 1-1-2005... Ngoài ra, trong thời gian tới Ninh Thuận sẽ ký kết hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực và thành phố Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy cùng nhau khai thác lợi thế và qua đó tranh thủ sự giúp đỡ của các tỉnh, thành phố có điều kiện phát triển về công nghệ, về khoa học quản lý.

Vấn đề đặt ra đối với tỉnh Ninh Thuận là bằng giải pháp, bước đi nào có tính khả thi để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GDP) cao, mang tính bứt phá từ 11% - 12%/năm từ nay đến năm 2010 và đạt cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm 30%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35% và dịch vụ - thương mại chiếm 35% trong GDP. Với tiềm năng và những nhân tố mới như trên việc phấn đấu đạt mục tiêu đó là hoàn toàn khả thi. Song, Ninh Thuận còn nhiều việc phải làm; trước hết là hoàn thiện các chính sách vĩ mô như ổn định quy hoạch, ổn định chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư, nhất là chính sách về đất đai, về thuế, tín dụng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ đào tạo lao động...; công bố danh mục các dự án ưu đãi đầu tư, đặc biệt là đẩy mạnh cải cách hành chính theo mô hình "một cửa, một dấu" với các quy định mang tính môi trường pháp lý rõ ràng, minh bạch.

Vấn đề quan trọng có tính quyết định cho sự phát triển ở Ninh Thuận hiện nay là không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và cơ quan tham mưu các cấp nhất là cán bộ các ngành kinh tế tổng hợp, một số ngành kinh tế - kỹ thuật xây dựng, tài nguyên - môi trường, công nghiệp, thương mại - du lịch. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm việc cần mẫn, tận tâm, tận lực, hết lòng vì công việc, chắc chắn Ninh Thuận sẽ làm được nhiều việc ngày càng lớn hơn và xây dựng quê hương Ninh Thuận ngày càng giàu đẹp hơn. ❑

Digitized by Google

Kết quả của một chương trình phối hợp hoạt động

TĂNG HUỆ *

VIỆC thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, về bảo vệ biên giới đòi hỏi có sự tham gia phối hợp của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trong cả nước. Chính sự phối hợp hoạt động đó đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của thế trận lòng dân vô cùng to lớn. Một trong sự phối hợp có hiệu quả trong lĩnh vực này là hoạt động phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng và Ủy ban Dân tộc. Ngày 22-12-1999, Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã ký chương trình phối hợp hoạt động *"Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới"* với các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của Ủy ban Dân tộc và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác vận động đồng bào các dân tộc tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới.

- Đẩy mạnh công tác vận động, hướng dẫn và giúp đỡ đồng bào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; đoàn kết dân tộc xây dựng thôn, bản, xã, phường biên giới văn minh, vững mạnh.

- Củng cố tình đoàn kết quân dân, phát huy vai trò nòng cốt của Bộ đội Biên phòng tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên các địa bàn biên giới, hải đảo.

Nhận rõ ý nghĩa và tác dụng to lớn của chương trình, nên ngay sau khi ký kết, Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã chỉ đạo, hướng dẫn Ban Dân tộc và Bộ Chỉ huy Biên phòng các tỉnh, thành phố, phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung của chương trình phối hợp đến từng cơ sở và chỉ đạo việc triển khai ký kết chương trình phối hợp ở cấp tỉnh; đồng thời, tăng cường các biện pháp kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã thống nhất phân công cho Vụ chính sách dân tộc và Cục chính trị Bộ đội Biên phòng là cơ quan thường trực, giúp lãnh đạo hai ngành theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở cơ sở. Hằng năm, hai ngành đã duy trì chế độ sơ kết đánh giá kết quả việc thực hiện chương trình phối hợp trong năm và xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động năm sau; thường xuyên phối hợp kiểm tra liên ngành đối với cơ sở. Đồng thời, từng cơ quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình đã gắn việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với việc thực hiện các mục tiêu của chương trình, và chú trọng lồng ghép nội dung của chương trình với các chương trình phối hợp khác của từng bên, với các ngành khác như Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thông tin, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam... nhằm tạo sức mạnh

* Trung tướng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

tổng hợp hướng về đồng bào các dân tộc trên biên giới, hải đảo.

Ở cấp tỉnh, thành phố, căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình phối hợp, đã tổ chức hướng dẫn cho các địa phương cụ thể hóa mục tiêu, nội dung phối hợp ở cấp mình. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố biên giới có đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Dân tộc và Bộ chỉ huy Biên phòng đã ký kết chương trình phối hợp. Nhiều địa phương đã tổ chức thực hiện sớm chương trình như Nghệ An, Quảng Bình, Hà Tĩnh...

Hằng năm, các địa phương cùng các đơn vị Biên phòng đều sơ kết rút kinh nghiệm, bổ sung nội dung, biện pháp hoạt động năm sau và kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; tuyên truyền phổ biến các mô hình hiệu quả thực hiện chương trình phối hợp ở cấp mình. Do đó, các nội dung đã được đề cập trong chương trình phối hợp đạt được kết quả rất khả quan.

1 - Phối hợp tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thực hiện chính sách dân tộc, các hiệp định, hiệp nghị, quy chế khu vực biên giới

Xuất phát từ trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc biên giới, công tác tuyên truyền được xác định là một trong những nội dung quan trọng và xuyên suốt trong các hoạt động phối hợp. Hai ngành đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương để đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc. Hai ngành đã tập trung tuyên truyền các Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX về đại đoàn kết toàn dân tộc; về công tác dân tộc, công tác tôn giáo và tập trung nâng cao nhận thức cho đồng bào về ý thức quốc gia, quốc giới; về chủ quyền lãnh thổ và phổ biến các hiệp định, hiệp nghị, quy chế khu vực biên giới. Qua đó, làm cho mỗi người dân có ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, giải quyết đúng đắn mối quan hệ thân tộc, đồng tộc hai bên biên giới. Các tỉnh Tây Nguyên đã phối hợp tuyên truyền vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta; kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lôi kéo đồng bào các dân tộc biểu tình, bạo loạn, vượt biên trái phép gây mất ổn định chính trị. Các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Cao Bằng, Hà Giang, Nghệ An đã tập trung vạch rõ thủ đoạn lợi dụng mê tín, dị đoan, trình độ dân trí thấp, quan hệ thân tộc, đồng tộc để kích động hoạt động xưng vua, nổi phỉ, truyền đạo trái pháp luật, di dịch dân cư tự do...

2 - Phối hợp vận động, hướng dẫn nhân dân các dân tộc tích cực thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội

Hai ngành đã phối hợp với các ngành, các cấp tập trung làm tốt công tác tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chính sách, đề ra các chủ trương, biện pháp, chương trình, dự án nhằm đẩy mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn ở khu vực biên giới như: Tiếp tục thực hiện các Chương trình 133, 135, Chương trình ổn định dân cư biên giới, Chỉ thị 15 của Thủ tướng Chính phủ về "Tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở các xã, phường biên giới", Quyết định 120 của Thủ tướng Chính phủ về "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010"... Qua đó, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp tăng cường quan tâm đầu tư xây dựng khu vực biên giới, tuyên truyền hướng dẫn đồng bào các dân tộc cách thức tổ chức sản xuất, ổn định cuộc sống. Trong phạm vi của chương trình phối hợp, hai bên đã tập trung chỉ đạo thực hiện có chất lượng Chương trình 135 ở 424 xã đặc biệt khó khăn ở khu vực biên giới

Digitized by Google

với mức đầu tư cho các xã này là 212 tỉ đồng một năm để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu và xây dựng 99 trung tâm cụm xã biên giới.

Các đơn vị Bộ đội Biên phòng trong 5 năm qua đã trực tiếp đảm nhận và tổ chức thực hiện 96 dự án kinh tế - xã hội ở địa bàn biên giới của 35 tỉnh, thành phố với tổng số vốn đầu tư 550 tỉ đồng, đã định canh định cư bền vững cho 3.700 hộ đồng bào.

3 - Trên lĩnh vực tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở các xã, phường biên giới vững mạnh

Xuất phát từ vai trò quan trọng của hệ thống chính trị cấp cơ sở và từ thực trạng tình hình ở các xã, phường biên giới, cùng với việc tích cực tham mưu, hướng dẫn nội dung, phương thức tổ chức và hoạt động cho các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể ở cơ sở, chương trình phối hợp đã tập trung tổ chức có hiệu quả việc tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn phương pháp công tác cho đội ngũ cán bộ xã, phường, thôn, bản. Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã phối hợp tổ chức 2 lớp tập huấn cho 150 cán bộ vận động quần chúng, cán bộ tăng cường xã của Bộ đội Biên phòng ở 10 tỉnh biên giới phía Bắc và 8 tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên những kiến thức cần thiết về quản lý nhà nước, về phát triển kinh tế - xã hội và về công tác vận động đồng bào các dân tộc. Ban Dân tộc và Bộ Chỉ huy Biên phòng các tỉnh, thành phố đã phối hợp tổ chức 147 lớp tập huấn cho gần 3.000 cán bộ cấp xã, phường, thôn, bản và cán bộ vận động quần chúng. Bộ đội Biên phòng đã tăng cường, giúp cho cấp xã những kiến thức về công tác quản lý, về xóa đói giảm nghèo, về phương pháp vận động quần chúng và tổ chức các hoạt động ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc; phối hợp với ngành giáo dục đào tạo tổ chức xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho trên 1.000 cán bộ thôn, bản và các đoàn thể ở cơ sở. Qua kiểm tra, khảo sát cơ sở, Bộ đội Biên phòng đã tham mưu được một số nội dung, phương thức, nền nếp hoạt động cho cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cơ sở theo đúng chức năng, quyền hạn quy định; đồng thời tham mưu phát hiện, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị của địa phương. Những địa phương làm tốt công tác này là Lai Châu, Nghệ An, Bình Phước, Kon Tum... Riêng Nghệ An, hai ngành đã phối hợp xây dựng Đề án "Đào tạo cán bộ các xã miền núi, biên giới" được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai.

Cùng với việc hằng năm duy trì nền nếp sơ kết thực hiện chương trình phối hợp ở các cấp, hai cơ quan thường xuyên trao đổi tình hình liên quan đến công tác dân tộc và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, như tình hình di dịch dân cư tự do, tình hình hoạt động tôn giáo trái pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc, kinh nghiệm tổ chức phong trào quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Vụ Chính sách Dân tộc và Cục chính trị bộ đội Biên phòng phối hợp nghiên cứu thành công 2 đề tài: "Một số giải pháp ổn định dân cư khu vực biên giới Việt - Trung" và "Phối hợp hành động giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong công tác bảo vệ môi trường khu vực biên giới" làm cơ sở để chỉ đạo các địa phương thực hiện. Hai cơ quan còn phối hợp tổ chức các đoàn kiểm tra, khảo sát việc thực hiện chương trình phối hợp ở các địa phương, xây dựng mô hình chỉ đạo điểm, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn để kiến nghị với Đảng, Nhà nước có chủ trương, biện pháp giải quyết.

Có thể nói, chương trình phối hợp hoạt động *"Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới"* đã được cơ quan dân tộc và các đơn vị Bộ đội Biên phòng các cấp nghiêm túc quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện. Trên cơ sở bám sát các mục

Digitized by Google

tiêu, nội dung của chương trình và thực tế tình hình khu vực biên giới, từng địa phương đã xác định rõ nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động phù hợp. Kết quả thực hiện chương trình trong 5 năm qua đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc khu vực biên giới, tạo sự chuyển biến tích cực về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Quá trình thực hiện chương trình phối hợp đã có 66 cán bộ Bộ đội Biên phòng được Ủy ban Dân tộc tặng Huy chương "Vì sự nghiệp công tác dân tộc", 67 tập thể và 65 cán bộ Bộ đội Biên phòng được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tặng bằng khen. Đó là những thành tích rất đáng trân trọng mà cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng đã đạt được. Nhưng, điều rất quan trọng và có ý nghĩa to lớn là từ đây có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện chương trình tốt hơn trong thời gian tới. Đó là:

- Sự ra đời của chương trình phối hợp nhằm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới và xây dựng nền biên phòng toàn dân, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới Tổ quốc. Do đó, các mục tiêu của chương trình phải thật sự mang lại lợi ích thiết thực cho đồng bào các dân tộc biên giới, trên cơ sở đó tập hợp, tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Mỗi bên phải làm tốt công tác giáo dục, tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức và trách nhiệm của hai ngành, của từng cấp và mọi cán bộ, đảng viên về công tác dân tộc, về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới nói chung và Chương trình phối hợp nói riêng, để từ đó, thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp nâng cao dân trí, bảo đảm dân sinh, phát huy dân chủ của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, phải thật sự chủ động, sáng tạo phát huy thế mạnh về tổ chức, con người và chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình phối hợp; đồng thời, tạo điều kiện giúp đỡ nhau thực hiện tốt hơn chức trách nhiệm vụ của mỗi bên.

- Chương trình phối hợp liên quan tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, do đó, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng ngành để có sự hỗ trợ, phối hợp cả trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở từng địa phương.

- Việc thực hiện Chương trình phối hợp ở từng địa phương phải bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; biết lồng ghép việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình phối hợp với việc thực hiện các nhiệm vụ, các phong trào của địa phương và nhiệm vụ của từng ngành.

- Coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, chỉ đạo điểm, xây dựng mô hình. Duy trì chế độ thông tin trao đổi tình hình, xây dựng và thực hiện tốt cơ chế phối hợp ở từng cấp.

Những năm tới, trên cơ sở thành tựu và kinh nghiệm của 20 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, kinh tế - xã hội của nước ta sẽ tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân sẽ tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, tình hình trên các tuyến biên giới vẫn sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch đang bằng mọi cách chống phá cách mạng và sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta; các vấn đề dân tộc, tôn giáo; các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội đang là những vấn đề nhức nhối; đời sống của đồng bào các dân tộc và cán bộ, chiến sỹ nơi biên giới vẫn gặp nhiều khó khăn... Điều đó, đòi hỏi phải có sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ hơn nữa của Đảng, Nhà nước, của các ngành, các cấp để giữ yên biên giới của Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Đồng Nai: thực trạng, định hướng và giải pháp

NGUYỄN HỮU THẮNG *

CÔNG nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình cải biến mang tính cách mạng toàn bộ lực lượng sản xuất, có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và từng địa phương. Trên thế giới, công nghiệp hóa được coi là con đường tất yếu để chuyển nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang nền kinh tế công nghiệp tiên tiến, hiện đại. Ở nước ta hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế (1).

Nhận thức được ý nghĩa to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ, các cấp chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tập trung mọi nguồn lực thực hiện đúng những quan điểm, đường lối của Đảng.

Trước năm 1975, Đồng Nai có 94 nhà máy và một khu công nghiệp được hình thành từ năm 1963 (Khu công nghiệp Biên Hòa). Sau ngày giải phóng miền Nam, có 38/ 94 nhà máy đã được phục hồi và hoạt động trở lại. Trong vòng 10 năm (1976 - 1985) khôi phục và phát triển kinh tế, trên địa bàn tỉnh có 115 xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, 2.101 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 62,2% xuống 57,5%, công nghiệp (không kể xây dựng cơ bản) tăng từ 10,1% lên 14,8%. Dân số nông thôn năm 1985 là 75,6%; lao động nông nghiệp trên 70% tổng số lao động xã hội (2).

Với chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, nền kinh tế chuyển sang kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (từ năm 1986), quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Đồng Nai theo mô hình mới đã được khởi động. Năm 1987, tỉnh xây dựng và thực hiện Chương trình hàng xuất khẩu và Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng. Từ năm 1989, tỉnh đã tranh thủ thời cơ thu hút đầu tư nước ngoài và đến năm 1990 đã có trên 10 dự án đầu tư vào địa bàn. Đây được coi là bước đi tiên phong trong việc thu hút nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm 1991, Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh chủ trương *"phát triển kinh tế toàn diện theo cơ cấu công - nông nghiệp và dịch vụ"* và đề ra một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản như: *tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân sản xuất bình quân hằng năm đạt 10%.* Từ năm 1994, tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết 07/ NQ-TƯ của Ban Chấp hành Trung ương và coi đó là nhiệm vụ trung tâm, hàng đầu

---

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 25

(2) UBND tỉnh Đồng Nai: *Đồng Nai - 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế*, Nxb Đồng Nai, 2000

Digitized by Google

của tỉnh. Đồng thời, tỉnh cũng chủ trương: *"Khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*.

Từ năm 2000 đến nay, với chủ trương tăng tốc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đã xác định các ngành mũi nhọn và các ngành có lợi thế so sánh để tập trung đầu tư phát triển. Trên cơ sở những định hướng quan trọng, nhiều nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa được triển khai thực hiện như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành kinh tế theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp - nông thôn, phát triển khoa học công nghệ...và đã đạt được những thành tích rất cơ bản:

1 - *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế* theo hướng tiến bộ, gồm cả cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu vùng lãnh thổ. *Cơ cấu ngành* chuyển dịch theo hướng phát triển mạnh công nghiệp. Tỉnh đã khai thác các tiềm năng và lợi thế sẵn có, chú trọng thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, tập trung đầu tư phát triển công nghiệp. Giai đoạn 1996 - 2005, số cơ sở công nghiệp ước tăng bình quân hằng năm là 3,1%, lao động tăng: 14,3%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng: 18,9% và giá trị gia tăng công nghiệp tăng: 19,4%. Nhờ đó, tỷ trọng công nghiệp trong GDP đã tăng từ 14,8% năm 1985 lên 36% năm 1995, đạt 52% năm 2000 và 57% năm 2004. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nâng tỷ trọng của ngành này trong giá trị sản lượng công nghiệp toàn tỉnh từ 80,6% năm 1995 sẽ lên 88,7% năm 2005. Cơ cấu thế hệ công nghệ cũng có sự chuyển dịch theo hướng phát triển các ngành công nghệ thế hệ hai như cơ khí chế tạo, hóa chất, điện tử... Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 9 nhóm ngành công nghiệp chủ lực với 24 ngành cấp 2 như cơ khí; dệt may, giày dép; điện - điện tử; vật liệu xây dựng, gốm sứ; chế biến nông sản - thực phẩm; hóa chất, cao su, plastic.

Ngành dịch vụ phát triển mạnh, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 1995 - 2000 là 8,5% và giai đoạn 2001 - 2005 ước là 12,1%. Năm 2005, tổng mức bán lẻ trong nước dự kiến đạt 15.200 tỉ đồng, kim ngạch xuất khẩu 2,45 tỉ USD, mức tăng trưởng xuất - nhập khẩu bình quân giai đoạn 2000 - 2005 là 18,2%/năm, trong đó xuất khẩu tăng 16%/ năm. Sản phẩm xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là dệt may, giày dép chiếm 46,3%; điện, điện tử: 27,4%; hóa chất 8,6%; chế biến nông sản, thực phẩm: 7,3%; cơ khí: 4,6%; chế biến gỗ và hàng mộc xuất khẩu chiếm 4,3%. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP tăng từ 25,6% năm 2000 ước tăng 28,3% năm 2005. Cơ cấu nội bộ ngành cũng có sự thay đổi giữa thương mại, du lịch, dịch vụ khác cũng như giữa thương mại trong nước và quốc tế, giữa các thành phần kinh tế.

Cơ cấu thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng quốc doanh và ngoài quốc doanh trong nước. Tỷ trọng kinh tế quốc doanh trong GDP giảm từ 36% năm 1995 xuống 30% năm 2000 và ước còn 24% năm 2005. Số liệu tương ứng của khu vực ngoài quốc doanh trong nước là 51%, 41% và 39%. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Năm 2004, khu vực này tạo ra 36% GDP, 62% giá trị sản xuất và 70% lao động công nghiệp, 90% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Cơ cấu vùng giữa các đơn vị hành chính và giữa hai vùng theo điều kiện tự nhiên (bắc và nam quốc lộ 1A) cũng có chuyển biến quan trọng theo hướng ngày càng chuyên sâu hơn, phù hợp hơn với điều kiện của địa phương.

2 - *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn* được đẩy mạnh theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, phát triển công nghiệp nông thôn, hình thành các trung tâm thương mại - công nghiệp ở nông thôn. Nhờ đó, nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển theo hướng hiện đại hóa. Tuy tỷ trọng

Digitized by Google

nông nghiệp trong GDP giảm mạnh (từ 22,2% năm 2000 ước còn 15% năm 2005), nhưng trình độ sản xuất - kỹ thuật - công nghệ được nâng cao. Trình độ cơ giới hóa nông nghiệp đạt mức cao nhất trong cả nước: trên 5.500 máy kéo, hàng chục ngàn máy bơm, hơn 200 lò sấy với công suất trên 400 ngàn tấn, bảo đảm sấy trên 85% sản lượng ngô, 80% sản lượng lúa. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực: tỷ trọng ngành chăn nuôi ngày càng cao (từ 18,1% năm 1995 lên 22,76% năm 2000 và ước 26,62% năm 2005). Trong ngành trồng trọt, cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực và tăng tỷ trọng cây lâu năm, cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị cao.

3 - *Phát triển khoa học, công nghệ* trên các mặt: triển khai nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ, tăng cường trang, thiết bị - công nghệ hiện đại trong sản xuất. Đến nay, tỉnh đã tích cực triển khai các đề tài nghiên cứu phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, nghiên cứu và ứng dụng các ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, vật liệu mới, năng lượng mới.

Tiềm lực khoa học và công nghệ mà trước hết là cán bộ khoa học - kỹ thuật được tăng cường. Trên địa bàn tỉnh có 18 cơ sở, trung tâm và viện nghiên cứu. Lực lượng làm khoa học từng bước được tăng cường: năm 1999 có 45 tiến sỹ, 135 thạc sỹ, 16.455 người tốt nghiệp đại học và 7.115 người tốt nghiệp cao đẳng thuộc 245 chuyên ngành; năm 2004, toàn tỉnh có 50 tiến sỹ và 171 thạc sỹ với 7 chuyên ngành.

Trình độ thiết bị, công nghệ trong sản xuất, đặc biệt trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được nâng cao. Thiết bị trong các doanh nghiệp khu vực này với trên 70% tự động hóa và bán tự động. Nhờ đó nâng cao chất lượng hàng hóa: hàng hóa đáp ứng yêu cầu xuất khẩu chiếm 45% và các sản phẩm hiện đại (thế hệ mới như công nghệ sinh học, linh kiện máy tính) chiếm 15% tổng giá trị sản xuất.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Đồng Nai cũng đã bộc lộ một số hạn chế, cụ thể là:

Thứ nhất, phát triển và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp chưa thật hợp lý. Nhiều ngành công nghiệp được coi là mũi nhọn của tỉnh vẫn chủ yếu là những ngành sử dụng nhiều lao động và có nguy cơ gây ô nhiễm cao (giày da, dệt, hóa chất - cao su...). Tỷ trọng các ngành có hàm lượng tri thức, công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới còn khá thấp. Nội lực của công nghiệp chưa mạnh, trong đó đặc biệt là các cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh khu vực vốn trong nước; tỷ trọng của khu vực này khá thấp trong 10 năm gần đây, chỉ chiếm trên 10% trong giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh. Tác động lan tỏa của đầu tư nước ngoài chưa lớn, sự hợp tác - liên kết giữa các doanh nghiệp công nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (vệ tinh, đại lý...) chưa thật tốt. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tuy tỷ lệ lao động được đào tạo cao hơn mức trung bình cả nước, nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc liên kết phát triển công nghiệp của tỉnh với các tỉnh khác trong Vùng kinh tế động lực và các tỉnh khác còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, ngành dịch vụ phát triển chậm, cơ cấu chưa hợp lý. Tỷ trọng của ngành này còn thấp và sự phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, tiêu dùng. Một số dịch vụ chưa khai thác tốt như du lịch, hoặc chưa được chú trọng đúng mức như giao thông công cộng đô thị... Thương mại, dịch vụ vùng nông thôn, vùng sâu còn hạn chế. Đầu tư cho thương mại, dịch vụ còn thấp, các trung tâm thương mại còn ít.

Digitized by Google

Hoạt động xuất khẩu chủ yếu là của khu vực có vốn nước ngoài - chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Tỷ trọng xuất khẩu nông sản thô như cà phê, hạt điều... còn cao.

Thứ ba, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn chậm. Đến nay, nông nghiệp vẫn là ngành chủ yếu trong cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp; giá trị sản xuất thủy sản và lâm nghiệp còn thấp, chưa khai thác hết tiềm năng; tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp còn thấp. Trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Công nghiệp nông thôn phát triển chậm, chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Thứ tư, khoa học - công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Cụ thể là: quy mô và nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống; trình độ công nghệ chưa cao, đặc biệt là ở các doanh nghiệp trong nước - công nghệ thủ công chiếm tỷ trọng còn cao và cao nhất là trong các doanh nghiệp khu vực dân doanh trong nước (gần 42%); tiềm lực khoa học - công nghệ còn mỏng.

Trong xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa kinh tế cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh cần dựa trên hệ thống các quan điểm và giải pháp phù hợp, như ngoài việc phải gắn với kinh tế thị trường, đặt trong xu thế hội nhập, thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh cũng cần dựa trên một số điều kiện cụ thể của địa phương, đặt trong mối quan hệ phối hợp với vùng và quốc gia, nhất là *định hướng phát triển bền vững và đi lên chủ nghĩa xã hội.* Cụ thể là:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải lấy con người làm trung tâm, do con người và vì con người mà trước hết là người dân trên địa bàn tỉnh. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải là sự nghiệp chủ yếu của người dân và thành quả của sự nghiệp này cũng chủ yếu do người dân được hưởng. Như vậy, mức độ đạt được của công nghiệp hóa không chỉ là tỷ trọng công nghiệp trong GDP mà còn là, và *chủ yếu là,* việc nâng cao đời sống của nhân dân địa phương. Do vậy, chỉ tiêu tổng hợp nhất đánh giá mức độ công nghiệp hóa nên chọn là GDP bình quân đầu người.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở phát huy năng lực nội sinh của nền kinh tế. Việc huy động ngoại lực là điều tất yếu trong điều kiện hội nhập và cũng rất quan trọng khi chúng ta còn thiếu vốn, công nghệ. Tuy nhiên, về lâu dài, cần phát huy sự lan tỏa của ngoại lực để thúc đẩy nội lực, nội địa hóa công nghệ (thay vì nội địa hóa sản phẩm).

- Tiến trình công nghiệp hóa cần chú trọng khía cạnh chất lượng và hiện đại hóa. Trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế hội nhập ngày một sâu hơn của đất nước, trong đó có tính đến các bước "đi tắt, đón đầu", mức độ công nghiệp hóa không chỉ đo bằng số lượng mà còn là chất lượng, đó là mức độ hiện đại hóa, hàm lượng khoa học - công nghệ trong từng ngành, từng sản phẩm. Do vậy, trong tiến trình công nghiệp hóa, cần chọn lọc công nghệ ngay từ khâu đầu tư và khuyến khích hiện đại hóa.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của mình; tập trung nguồn lực phát triển những ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có hiệu quả cao, có đóng góp lớn; chú trọng các ngành, lĩnh vực có ưu thế nhưng phát triển còn chậm.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế cần đặt trong sự phân công lao động, hợp tác kinh tế vùng và cả nước. Như vậy, công nghiệp hóa phải trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh từng ngành, từng lĩnh vực, thậm chí từng khâu trong quy trình sản xuất, gắn công nghiệp hóa với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của vùng và cả nước.

Digitized by Google

Từ những quan điểm nêu trên, dựa trên hiện trạng công nghiệp hóa và những lợi thế, tiềm năng hiện có của tỉnh, có thể điều chỉnh các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế tỉnh Đồng Nai đến năm 2015 và hướng tới năm 2020 như sau:

Mục tiêu tổng quát về công nghiệp hóa, hiện đại hóa: *đến năm 2015, Đồng Nai cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp.* Theo đó, các chỉ tiêu cơ bản có thể đạt được vào năm 2015, là:

- GDP bình quân đầu người khoảng 2.500 USD (tính theo hệ số chuyển đổi Atlas nhằm tránh ảnh hưởng của yếu tố lạm phát). Chỉ số này được tính dựa vào dự báo tăng trưởng GDP và tỷ lệ tăng dân số. Trong đó, *tăng trưởng GDP (g) là hàm số của tỷ lệ gia tăng vốn (Δ_k), gia tăng lao động (Δ_L), năng suất các nhân tố tổng hợp TFP và tỷ lệ đóng góp của vốn* ($\propto$) như sau:

$$g = \propto x\ \Delta_k + (1-\propto)\ x\ \Delta_L + TFP \quad (1)$$

Với trình độ phát triển cao hơn mức trung bình cả nước, có thể áp dụng công thức trên cho Đồng Nai với tỷ lệ đóng góp của vốn 60% và hệ số TFP là 2%. Dự kiến mức tăng dân số trung bình giai đoạn 2006 - 2010, 2011 - 2015 và 2016 - 2020 tương ứng là 1,4%; 1,2; 1,15, từ công thức (1) tính được kết quả GDP bình quân đầu người nêu trên (với hệ số Atlas 1994 của Việt Nam e*= 10.849).

- Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP là 6,3%; lao động nông nghiệp chiếm 39,1%; dân cư đô thị chiếm 51%. Các chỉ tiêu này được tính toán với dự kiến mức tăng trưởng nông nghiệp 3 - 3,5%/ năm, tỷ lệ dân số nông nghiệp và dân số nông thôn giảm 2 - 2,5%/ năm. Về cơ bản, các chỉ tiêu này của Đồng Nai tại thời điểm năm 2015 xấp xỉ mức có thể coi là về cơ bản là một tỉnh công nghiệp theo chuẩn quốc tế, và cao hơn mức chung cả nước dự kiến đạt được vào năm 2020.

Để thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu trên, cần có những giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển các ngành, các thành phần và các vùng. Trong đó, cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp. Trong giai đoạn từ 2006 - 2010 và 2015, tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp ở mức 12% - 13%/ năm. Phát triển các ngành có lợi thế của tỉnh như công nghiệp cơ khí, điện - điện tử, chế biến nông sản, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, giày dép, hóa chất... Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp thế hệ hai và công nghiệp thế hệ thứ ba, đặc biệt là từ năm 2010 trở đi.

Hai là, phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa. Chú trọng phát triển cả thương mại trong nước và thương mại quốc tế, hình thành các trung tâm thương mại trên địa bàn, đẩy mạnh các dịch vụ như du lịch, tài chính, bưu chính viễn thông. Từ nay đến năm 2010, tập trung phát triển mạnh một số ngành hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh như may mặc, giày dép, hàng thủ công mỹ nghệ, điện và điện tử. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh dự kiến đạt mức 7 tỉ USD, trong đó giày dép xuất khẩu đạt 1 tỉ USD, sản phẩm cơ khí, điện và điện tử đạt 1,6 tỉ USD. Mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước Bắc Mỹ.

Ba là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đối với sản xuất nông nghiệp, tập trung hiện đại hóa sản xuất ở khâu giống, thủy lợi, chế biến, công nghệ sau thu hoạch. Lựa chọn một số cây trồng chủ lực có lợi thế so sánh nội sinh (DRC) và lợi thế so sánh biểu hiện (RCA) cao, kết hợp với mở rộng thị trường tiêu thụ, có thể tập trung phát triển một số nông sản chủ lực của tỉnh như hạt tiêu, hạt điều, cà phê, cao su (đều có DRC dưới 1 và RCA trên 5). Đối với chăn nuôi, nâng cao năng suất giống vật nuôi, hiện đại hóa chế biến thức ăn gia súc. Phát triển công nghiệp nông thôn,

Digitized by Google

chú trọng phát triển làng nghề, công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển các cụm công nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học và nông nghiệp.

Bốn là, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, từng bước thực hiện nghiên cứu khoa học - công nghệ, sớm hình thành khu công nghệ cao; phát triển nguồn lực khoa học - công nghệ (theo Chương trình đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ đến năm 2020 của tỉnh, dự kiến có 109 tiến sỹ và 415 thạc sỹ vào năm 2010, 238 tiến sỹ và 860 thạc sỹ vào năm 2020).

Ngoài ra, để thực hiện tốt các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh, cần giải quyết một số vấn đề cơ bản và cấp bách như: Tạo lập môi trường, điều kiện để mở rộng và phát triển thị trường, bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Tạo nguồn vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bao gồm nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng, nguồn đầu tư nước ngoài. Phát triển nguồn nhân lực với các biện pháp cụ thể như tăng cường đào tạo cán bộ quản lý, người lao động trên cơ sở tăng cường cơ sở vật chất, hệ thống trường đạo tạo nghề; khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo, nâng cao chất lượng và số lượng lao động, đáp ứng yêu cầu mới. Phát triển kết cấu hạ tầng, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước, thủy lợi; hình thành các khu công nghiệp chuyên ngành.

Năm là, tăng cường chức năng, vai trò quản lý nhà nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên các mặt: tăng cường quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa; xác định rõ các sản phẩm chủ lực và xây dựng các chương trình hỗ trợ sản phẩm chủ lực trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường liên kết hợp tác với các tỉnh trong và ngoài vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. ❑

CÁC VỤ KIỆN...

(Tiếp theo trang 28)

- Gia nhập WTO và vận dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của nó để tự bảo vệ trước những vụ kiện phi lý, thiếu công bằng. Bên cạnh đó, cần cố gắng thiết lập cơ chế hợp tác song phương giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ các nước, đặc biệt với các cơ quan hành chính có chức năng điều tra biên độ phá giá, mức trợ cấp, mức độ gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, công nhận nền kinh tế thị trường,... nhằm trao đổi thông tin, tài liệu và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau để giải quyết trước những vấn đề vướng mắc trong quan hệ thương mại song phương, cố gắng làm dịu và giảm bớt những tranh chấp trong thương mại quốc tế.

- Cần có chiến lược đào tạo cán bộ chuyên trách thông thạo luật pháp và có kinh nghiệm để giải quyết những tranh chấp trong thương mại quốc tế, trước hết là cán bộ cho Bộ Thương mại và Hiệp hội một số ngành hàng trọng điểm.

- Lựa chọn công ty tư vấn quốc tế có uy tín, giàu kinh nghiệm và có thiện chí với Việt Nam trong những vụ kiện lớn. Ngoài việc xây dựng đội ngũ luật sư của Việt Nam được đào tạo và làm việc tại các công ty luật Hoa Kỳ, EU và một số nước khác, giỏi ngoại ngữ, nắm vững luật pháp của những nước này và các định chế của WTO, cần hợp tác với một số công ty luật của những nước kiện Việt Nam để được sự tư vấn và hỗ trợ của họ cho doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ kiện lớn.

- Các bộ, ngành có liên quan cần có sự hỗ trợ, hợp tác tích cực với Bộ Thương mại, Cục quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Thương mại, các doanh nghiệp, Hiệp hội mới có thể đối phó với đối tác khi tìm cách lạm dụng các biện pháp khắc phục thương mại làm hạn chế xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường các nước. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

TRẦN QUANG NHIẾP

DÂN số là vấn đề xã hội rộng lớn có ý nghĩa toàn cầu hiện nay. Giữa số lượng dân số và chất lượng dân số có quan hệ chặt chẽ với nhau, chi phối nhau một cách trực tiếp ở mỗi quốc gia và phạm vi toàn thế giới. Quan hệ này biến đổi một cách khách quan nhưng nó tùy thuộc khá lớn vào nhân tố chủ quan.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, thế giới xuất hiện xu hướng dân số tăng bù, nên chỉ trong 10 năm (1950 - 1960), tăng thêm 512 triệu người, gấp 2,2 lần so với 10 năm trước (1940 - 1950). Từ đó, thuật ngữ "bùng nổ dân số" xuất hiện và được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Thực tế lịch sử cho thấy, loài người để có một tỉ dân thứ nhất vào năm 1820 phải trải qua hàng triệu năm. Nhưng để có tỉ dân thứ hai vào năm 1930 chỉ cần 110 năm. Thế rồi để có tỉ dân thứ ba vào năm 1960 chỉ có 30 năm và nhanh hơn nữa chỉ cần 16 năm để loài người có tỉ dân thứ tư vào năm 1976; rồi 11 năm sau, thế giới có số dân là 5 tỉ và chưa đầy 10 năm tiếp theo, thế giới có tới 6 tỉ người.

Ở Việt Nam, sau hòa bình lập lại (1955) mới có 25 triệu người, nhưng chỉ 10 năm sau (1965) là 35 triệu người và khi thống nhất đất nước (1976) là 48 triệu người; năm 1985 trên 60 triệu người; năm 1992 trên 70 triệu người và hiện nay có trên 80 triệu người, là nước đông dân thứ hai ở Đông - Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a), đứng thứ 13 so với các quốc gia trên thế giới.

Việt Nam là nước không rộng, chịu tác động của quy luật dân số tăng bù sau chiến tranh chống xâm lược, nên ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành chính sách dân số đầu tiên - Quyết định 216/CP ngày 26-12-1961 với mục đích "vì sức khỏe của bà mẹ, vì hạnh phúc và hòa thuận trong gia đình và để nuôi dạy con cái được chu đáo, việc sinh đẻ của nhân dân cần được hướng dẫn chu đáo".

Giai đoạn đầu (1961 - 1975), chính sách dân số mới triển khai ở miền Bắc với tên gọi "hướng dẫn sinh đẻ", sau đó là "sinh đẻ có kế hoạch" với mục tiêu vận động quy mô gia đình 3 con. Kết quả năm 1975 tỷ lệ sinh ở nước ta là 33,2%, so với 1960 giảm 10,7%. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đã được phát động và có vị trí quan trọng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng ở trung ương, địa phương và tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của nhân dân.

Giai đoạn từ 1975 đến trước khi có Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng trên phạm vi cả nước, với mục tiêu hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số.

Digitized by Google

Đến năm 1992, dân số nước ta đã là 69.405.200 người và tỷ lệ sinh vẫn còn rất cao, tới 30,04‰ và số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 3,8. Nếu tốc độ tăng dân số không được hạn chế, thì vào giữa thế kỷ XXI nước ta sẽ có khoảng 160 - 170 triệu người, rồi mới ổn định.

Trước những sức ép gay gắt của sự gia tăng dân số quá nhanh làm ảnh hưởng đến sự phát triển đất nước, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, khóa VII đã ban hành Nghị quyết số 04-Nghị quyết/HNTW ngày 14-1-1993 về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Nghị quyết đã trình bày chủ trương về dân số - kế hoạch hóa gia đình một cách toàn diện, từ tình hình thực hiện trong thời gian qua, đến vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, các quan điểm cơ bản, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và một hệ thống giải pháp đồng bộ, cụ thể đến năm 2000.

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, đất nước đã có những thay đổi nhiều về nhân khẩu học, kinh tế, xã hội và môi trường. Công cuộc đổi mới đã có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đối với mọi mặt đời sống xã hội. Những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội và sự tiến bộ trong việc hạ thấp tỷ lệ sinh, đòi hỏi đẩy nhanh hơn nữa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII và chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Với việc chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhân dân, chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đã thực sự đi vào cuộc sống và đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức của toàn xã hội đã có bước chuyển biến rõ rệt, ý thức tự giác thực hiện quy mô gia đình nhỏ, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con để chăm sóc, nuôi dạy cho tốt là phổ biến. Nhờ vậy, nhịp độ tăng nhanh dân số đã được khống chế, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ giảm từ 3,5 con năm 1992 xuống còn 2,28 con năm 2002; tỷ lệ tăng dân số giảm tương ứng từ 2% xuống còn 1,32%.

Cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới, kết quả của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thu nhập bình quân của đầu người hằng năm tăng lên rõ rệt. Mức sống, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Công tác xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả làm cho hàng chục vạn hộ gia đình thoát nghèo, nhiều hộ vươn lên làm giàu chính đáng. Chất lượng dân số, chỉ số HDI của nước ta ngày một tăng lên. Với những thành tựu của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình như vậy, cho nên năm 1999, Việt Nam đã được nhận Giải thưởng Dân số của Liên hợp quốc trao tặng.

Tuy nhiên, mấy năm lại đây, nhất là từ sau năm 2000 đến nay, kết quả thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình bị chững lại và giảm sút. Năm 2003 và 2004, tỷ lệ phát triển dân số, tỷ lệ sinh con thứ ba tăng mạnh. Điều đáng quan tâm là tình trạng cán bộ, đảng viên sinh con thứ ba trở lên, ngày càng tăng ở hầu hết các địa phương. Tình trạng này gây tác động tiêu cực đến phong trào nhân dân thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, làm mất đi thói quen, nếp nghĩ của nhiều người chỉ nên sinh từ 1 đến 2 con ở mỗi cặp vợ chồng để nuôi dạy cho tốt mà chúng ta đã gây dựng được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII.

Nguyên nhân của tình hình trên có nhiều, song chủ yếu là do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của đất

Digitized by Google

nước, dẫn đến chủ quan, thỏa mãn với những kết quả ban đầu. Các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiên định trong tổ chức thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Trong khi đó, tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở các cấp, các địa phương, cơ sở thiếu ổn định, quá tải. Cơ chế quản lý, điều hành công tác này còn nhiều lúng túng, kém hiệu quả, chậm đổi mới. Nhất là việc nhận thức, thực hiện Pháp lệnh Dân số và một số chính sách có liên quan thiếu chuẩn xác. Nhiều người đã dựa vào cách hiểu thiếu chặt chẽ của Pháp lệnh Dân số để ngụy biện cho việc sinh con thứ ba trở lên.

Đất nước ta trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội còn chưa phát triển, tình trạng nghèo đói còn nhiều; tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp, quy mô dân số hiện nay là khá lớn, với hơn 82 triệu người, mật độ dân số vào hàng cao nhất thế giới, chất lượng dân số lại chưa được cải thiện đáng kể... Trong bối cảnh ấy, việc tăng nhanh dân số sẽ phá vỡ những thành quả về kinh tế - xã hội đã đạt được, cản trở sự phát triển của đất nước và việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, làm chậm quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đặt nước ta trước những nguy cơ tụt hậu xa hơn.

Trước tình hình đó, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình một cách nghiêm túc, thận trọng và có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 47 của Bộ Chính trị ngày 22-3-2005 và coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong thời gian tới.

Chúng ta cần quán triệt sâu sắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân những quan điểm cơ bản của Đảng về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có 1 hoặc 2 con để nuôi dạy cho tốt; phấn đấu sớm đạt mục tiêu về ổn định quy mô dân số, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng dân số nước ta. Mỗi cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình để nhân dân noi theo. Các cấp bộ đảng, chính quyền chỉ đạo nghiêm việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về dân số - kế hoạch hóa gia đình cũng như Pháp lệnh Dân số theo tinh thần nhanh chóng đạt mức sinh thay thế mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có 1 hoặc 2 con, tiến tới ổn định quy mô dân số nước ta ở mức 115 - 120 triệu người vào giữa thế kỷ XXI. Từng bước nâng chất lượng dân số nước ta về thể chất, trí tuệ, tinh thần, có cơ cấu hợp lý đáp ứng được nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình nhằm đạt các mục tiêu trên, chúng ta cần tập trung thực hiện có hiệu quả những việc chính sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp

Các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo kiểm điểm đánh giá tình hình và rút kinh nghiệm sâu sắc nhận thức thiếu đúng đắn về thực hiện Pháp lệnh Dân số, thực hiện không nghiêm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương, đơn vị mình. Từ đó có kế hoạch khắc phục những yếu kém, thiếu sót, sai lệch trong thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong điều kiện hiện nay.

Chủ động đưa nội dung công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình vào chương trình hoạt động của các cấp bộ đảng, chính quyền, xem đây như một tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Những đồng chí chủ chốt gương mẫu thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác này theo mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Digitized by Google

Đổi mới cơ chế và phương thức thực hiện để huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đề cao trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế tích cực tham gia. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để mỗi gia đình, mỗi người dân tự nguyện thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời có chế tài xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên và những người vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình cả bề rộng lẫn chiều sâu

Kế thừa những kinh nghiệm đã có, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục đi vào chiều sâu cho các tầng lớp nhân dân về ý thức tự giác thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong điều kiện nước ta hiện nay. Qua đó làm chuyển biến nhận thức, tâm lý, thay đổi tập quán sinh đẻ của mọi đối tượng trong xã hội. Vận động nhân dân chấp nhận và thực hiện mỗi cặp vợ chồng ở tuổi sinh đẻ có 1 hoặc 2 con để nuôi dạy cho tốt, và coi đây là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi người dân góp phần giảm bớt gánh nặng về dân số cho đất nước. Ngoài việc tuyên truyền, vận động chung với toàn thể xã hội, cần tập trung làm chuyển biến nhận thức những đối tượng cụ thể, nhất là những gia đình đã có hai con để họ không sinh con thứ ba.

Lồng ghép các nội dung, mở rộng các hình thức tuyên truyền giáo dục nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên và thanh niên cả ở trong nhà trường và ngoài xã hội. Đề cao vai trò của người cao tuổi, các bậc phụ huynh trong giáo dục, nhắc nhở con cháu thực hiện chính sách sinh đẻ có kế hoạch và sức khỏe sinh sản.

Xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị, cộng đồng dân cư. Có hình thức động viên, khen thưởng những gia đình, địa phương, đơn vị thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Để làm được những công việc trên, cần huy động các cơ quan tuyên truyền, giáo dục, các phương tiện thông tin đại chúng phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, thường xuyên, liên tục cùng hướng tới mục tiêu làm chuyển biến nhận thức từng gia đình, từng người dân một cách bền vững.

Ba là, củng cố tổ chức, hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở các cấp

Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp từ trung ương đến cơ sở đủ mạnh để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Đặc biệt coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, lòng nhiệt tình cho đội ngũ làm công tác này ở cơ sở. Có chính sách khuyến khích về vật chất, tinh thần để họ yên tâm, phấn khởi, nhiệt tình sáng tạo trong công việc. Bởi lẽ đội ngũ cán bộ này là lực lượng trực tiếp tác động làm chuyển biến nhận thức của từng người dân, tạo nên kết quả thiết thực, vững chắc lâu dài.

Thực hiện quản lý, điều hành công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo chương trình mục tiêu quốc gia, áp dụng cụ thể, phù hợp với từng địa phương, đơn vị, có sự phân cấp quản lý, tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kịp thời.

Nhà nước nghiên cứu ban hành, bổ sung các chính sách, các quy định phù hợp với mục tiêu cuộc vận động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta hiện nay. Tăng mức đầu tư ngân sách, tranh thủ các nguồn kinh phí cho công tác này và thực hiện

Digitized by Google

phân bố công khai, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí đó, có sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Đầu tư mọi hoạt động và kinh phí cho những vùng có mức sinh cao như miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các đối tượng nghèo, các đối tượng nhạy cảm về vấn đề này.

Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao trình độ cán bộ làm công tác cung cấp dịch vụ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Triển khai rộng rãi các loại hình cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tới các vùng khó khăn, ít có điều kiện chăm sóc thường xuyên. Lồng ghép các hoạt động cung cấp dịch vụ này với phòng chống HIV/AIDS.

Cùng với những vấn đề trên, tập trung nâng cao chất lượng dân số cộng đồng nước ta. Thực hiện tốt chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi. Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh, cải thiện môi trường sống tại cộng đồng.

Ưu tiên các chương trình, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống của các dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn, các nhóm đối tượng thiệt thòi.

Đầu tư nghiên cứu về chất lượng dân số nước ta đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa lâu dài kết hợp với thực hiện tốt các vấn đề trước mắt trên đây là việc làm thiết thực tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta hiện nay, góp phần đưa công cuộc đổi mới xây dựng đất nước đạt những thành tựu mới, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

ĐẢNG LÃNH ĐẠO...

(Tiếp theo trang 23)

công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải tiến hành đồng bộ với đổi mới hoạt động lập pháp và hành pháp, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, góp phần giữ vững và phát huy bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thứ hai, công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các tội phạm an ninh quốc gia, tội tham nhũng và các tội hình sự khác; bảo vệ trật tự, kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, công tác tư pháp phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm. Các cơ quan tư pháp phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm và giải quyết tranh chấp. Bảo đảm sự giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân các cấp và của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Thứ tư, xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước. Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo hướng phục vụ kịp thời công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới

NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG *

Từ xưa đến nay, gia đình vẫn được coi là tế bào của xã hội, là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của xã hội thông qua việc thực hiện các chức năng: tái sản xuất ra con người, sức lao động và của cải vật chất, tinh thần đáp ứng nhu cầu cho các thành viên trong gia đình và cho xã hội. Gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy và truyền thụ những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc từ đời này sang đời khác, giữ gìn bản sắc con người Việt Nam một cách bền vững.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội. Mỗi con người trong xã hội đều là thành viên của gia đình, sinh ra và trưởng thành từ một gia đình nhất định. Sự tồn tại và phát triển của xã hội được phản ánh vào sự tồn tại và phát triển của gia đình. Vì vậy, có thể xem gia đình chính là hình ảnh thu nhỏ của xã hội.

Nghiên cứu lịch sử phát triển xã hội loài người chúng ta thấy rõ sự biến đổi về cơ cấu và các chức năng của gia đình luôn gắn liền với sự thay đổi về kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Ở nước ta, sau thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đánh dấu một thời kỳ mới trong quá trình phát triển xã hội của dân tộc ta. Quyền bình đẳng nam, nữ và chế độ hôn nhân một vợ, một chồng được Nhà nước công nhận và quy định tại Hiến pháp đầu tiên của nước ta năm 1946 và trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 thể hiện sự tiến bộ xã hội, góp phần thúc đẩy việc hình thành và từng bước hoàn thiện quyền dân chủ trong quan hệ gia đình Việt Nam.

Sớm nhìn thấy vai trò nền tảng của gia đình và mối liên hệ hữu cơ giữa gia đình và xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Rất quan tâm đến gia đình là đúng vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội. Xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Nhà nước ta từ trước đến nay đã có nhiều chính sách, pháp luật hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đối với gia đình nhằm hỗ trợ các gia đình phát triển sản xuất, tăng thu nhập, bảo đảm đời sống, giữ gìn và củng cố các mối quan hệ trong gia đình như: chính sách về xóa đói, giảm nghèo, chính sách về ruộng đất, nhà ở, chính sách đối với các đối tượng đặc biệt, chính sách về hôn nhân, gia đình... Về cơ bản, đó là những chính sách phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và với truyền thống của dân tộc. Vì vậy nó đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo điều kiện cho sự phát triển gia đình.

Sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, những thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc

* TS. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em

Digitized by Google

làm, dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em và các lĩnh vực khác đã tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi gia đình. Gia đình Việt Nam đang được xây dựng với những giá trị nhân văn tiến bộ theo tiêu chí ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Sự nghiệp đổi mới đã củng cố niềm tin, trách nhiệm của xã hội và mỗi cá nhân đối với gia đình, quan tâm nhiều hơn tới những vấn đề của gia đình. Việc thành lập cơ quan quản lý nhà nước là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em năm 2002 đã đánh dấu một bước chuyển mới nhận thức về gia đình và công tác gia đình. Các hoạt động sôi nổi rộng khắp, đa dạng, phong phú của các cấp, các ngành, đặc biệt là cấp cơ sở nhân Ngày Gia đình Việt Nam trong 4 năm qua thể hiện sự hưởng ứng và quan tâm ngày càng tăng của xã hội đối với gia đình.

Trước những biến đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội, cấu trúc và chức năng của gia đình Việt Nam đã có một số thay đổi tích cực phù hợp với những điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội mới. Quy mô gia đình ít con ngày càng được xã hội chấp nhận như một chuẩn mực. Các loại hình gia đình cùng tồn tại và chung sống trong một xã hội an toàn và tiến bộ. Song song với những bước tiến về kinh tế - xã hội, các mối quan hệ gia đình trở nên dân chủ và cởi mở hơn, quyền và lợi ích của mỗi cá nhân ngày càng được tôn trọng và được luật pháp bảo vệ. Gia đình Việt Nam đang tiếp thu và xây dựng những giá trị nhân văn mới mà tiêu biểu là quyền bình đẳng giới và quyền trẻ em. Trách nhiệm giữa nam và nữ trong việc chăm lo đời sống gia đình được chia sẻ và tôn trọng. Tỷ lệ phụ nữ cùng tham gia quyết định các công việc quan trọng của gia đình như sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, tham gia các hoạt động chính trị, xã hội ngày càng cao. Do đời sống của các gia đình được cải thiện cả về vật chất, văn hóa và tinh thần, trẻ em được gia đình đầu tư ngày càng nhiều hơn trong việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục, vui chơi giải trí, tạo điều kiện tốt cho sự hình thành và phát triển nhân cách.

Tuy nhiên, công tác gia đình hiện nay còn gặp khó khăn và đối mặt với nhiều thách thức. Việc thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình còn nhiều thiếu sót và bất cập. Hiện tượng tảo hôn vẫn còn, tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn, bạo lực trong gia đình, quan hệ tình dục và nạo phá thai trước hôn nhân gia tăng để lại những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt đối với gia đình và xã hội. Những biểu hiện tiêu cực trong hôn nhân với người nước ngoài đang làm cho xã hội lo lắng và quan tâm. Các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình như hiếu nghĩa, thủy chung, kính trên nhường dưới đang có biểu hiện xuống cấp. Nhiều tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, HIV/AIDS đã và đang thâm nhập vào các gia đình. Sự xung đột giữa các thế hệ về lối sống và việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới. Theo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 1999, tỷ lệ góa, ly hôn, ly thân là 2,7% đối với nam và 13% đối với nữ. Mặc dù tỷ lệ ly hôn của Việt Nam thấp hơn nhiều nước trên thế giới, song số lượng các vụ ly hôn tăng lên nhanh chóng qua các năm gần đây. Theo Báo cáo của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, số vụ ly hôn ở Việt Nam đã tăng từ 22.000 vụ năm 1991 lên 44.000 vụ năm 1998.

Ở một số thành phố lớn, ly hôn đã trở thành một vấn đề xã hội rất đáng báo động. Năm 1998, tại thành phố Hồ Chí Minh, số vụ ly hôn chiếm 20% tổng số các vụ kết hôn. Ở các quận 1, 3, 5 tỷ lệ ly hôn chiếm trên dưới 30%. Tình trạng ly dị, ly thân làm cho nhiều gia đình bị ly tán, ảnh hưởng trực tiếp đến sự chăm sóc giáo dục trẻ em trong gia đình. Theo số liệu Chỉ tiêu trẻ em Việt Nam cho thấy: năm 1998, toàn quốc có 57.130 vụ án ly hôn, trong đó có 29.366 vụ đã được giải quyết liên quan đến

Digitized by Google

25.055 trẻ em chưa thành niên; năm 2000 toàn quốc có 51.361 vụ án ly hôn, trong đó có 43.377 vụ đã được giải quyết liên quan đến 31.063 trẻ em dưới 16 tuổi.

Qua nhiều khảo sát, nghiên cứu độc lập cho thấy, trong số trẻ em vi phạm pháp luật có 30% các em ở trong các gia đình có hoàn cảnh bố mẹ nghiện ma túy, ham mê cờ bạc, 21% các em ở trong các gia đình làm ăn phi pháp v.v... Nguyên nhân chủ yếu của những vấn đề trên là sự giảm sút vai trò của gia đình trong việc thực hiện các chức năng của gia đình, từ chức năng sinh sản đến chức năng giáo dục, bảo vệ, chăm sóc lẫn nhau trong gia đình, chức năng phát triển kinh tế và mối quan hệ giữa gia đình với cộng đồng và xã hội v.v..

Nhận thức rõ tính cấp bách của việc giải quyết những bức xúc nêu trên, để phát huy những yếu tố tích cực và chủ động tránh những tác động tiêu cực đối với gia đình trong tương lai, đòi hỏi cần có các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những nỗ lực của toàn xã hội, cộng đồng và từng cá nhân, giúp mọi gia đình Việt Nam có đủ năng lực xây dựng cuộc sống no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện cho gia đình phát triển, đồng thời cũng đặt gia đình và công tác quản lý về gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trái của cơ chế thị trường và lối sống thực dụng tác động mạnh tới các giá trị đạo đức truyền thống và lối sống lành mạnh của mỗi gia đình, xã hội. Sự phân hóa giàu, nghèo tiếp tục tác động vào tâm lý các thành viên gia đình. Các gia đình nếu không được hỗ trợ, không được trang bị những kiến thức đầy đủ sẽ không thể đối phó được với những thay đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội và khó có thể đảm nhiệm được những chức năng vốn có của mình. Xu thế thu nhỏ gia đình trong xã hội công nghiệp nếu không được định hướng sẽ tiếp tục gây sức ép về nhà ở cũng như đặt việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em và người cao tuổi trước những thách thức mới.

Trước thực trạng trên, ngày 21-2-2005, Ban Bí thư đã có Chỉ thị số 49-CT/TW **"Về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"** với mục tiêu chủ yếu của công tác gia đình là: *ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.*

Để thực hiện mục tiêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, các ngành tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, cần nhận thức rõ gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Gia đình có trách nhiệm với các thành viên và xã hội, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình. Xây dựng gia đình phải luôn gắn với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Cán bộ, đảng viên có trách nhiệm gương mẫu chăm lo xây dựng chính gia đình mình và vận động nhân dân cùng thực hiện.

Thứ hai, quan tâm hơn nữa đến công tác gia đình, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên; chủ động rà soát, đánh giá tình hình gia đình tại địa phương, xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án cụ thể giải quyết những khó khăn, thách thức về gia đình. Nhanh chóng xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình, kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, vị kỷ, đồi trụy; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng chống tệ nạn xã hội và bạo hành trong gia đình.

Digitized by Google

Thứ ba, coi trọng công tác giáo dục đời sống gia đình. Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện, tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh. Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, Quy chế Dân chủ ở cơ sở; phát triển các hình thức tổ hòa giải, các câu lạc bộ tại cộng đồng; gìn giữ và phát huy văn hóa gia đình và truyền thống tốt đẹp của dòng họ, xây dựng tình làng, nghĩa xóm, đoàn kết, giúp đỡ nhau, nhắc nhở, động viên nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong giáo dục phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; nhân rộng các mô hình kinh tế hộ tiên tiến; bảo đảm kết quả bền vững của chương trình xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm đặc biệt tới các gia đình có công với cách mạng, gia đình là nạn nhân của chiến tranh.

Thứ năm, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng và gia đình tham gia tích cực xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa, cụm dân cư văn hóa; xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình điển hình, tiêu biểu, tạo ra phong trào xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, biểu dương kịp thời các mô hình gia đình vượt khó vươn lên, gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình hiếu học, gia đình trẻ hạnh phúc, gia đình nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Cần sớm xây dựng và triển khai chiến lược và chương trình mục tiêu về công tác gia đình, xây dựng các đề án cụ thể giải quyết những thách thức hiện nay đối với gia đình.

Thứ sáu, đổi mới và đa dạng hóa công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, đặc biệt là Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Dân số; đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương "người tốt, việc tốt" và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Bảo đảm đủ nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác gia đình. Đưa nội dung công tác này vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch hằng năm của ngành và địa phương. Củng cố và ổn định cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ở các cấp, nhất là cấp huyện và cấp cơ sở, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành về công tác gia đình.

Thứ bảy, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình, quan tâm tới các gia đình đã nhường đất sản xuất cho đô thị hóa, phát triển công nghiệp và các hộ di dân; triển khai và mở rộng các loại hình dịch vụ an sinh xã hội để nâng cao năng lực tự chủ của mỗi gia đình, bảo đảm cho các gia đình có cơ hội tiếp cận sự bảo trợ của Nhà nước, ổn định cuộc sống, chăm lo giáo dục con cái và chăm sóc người cao tuổi.

Tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình, đặc biệt là nghiên cứu các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình cần giữ gìn, phát huy; những giá trị mới, tiên tiến cần tiếp thu; xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; áp dụng các kết quả nghiên cứu để giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới. ❑

Digitized by Google

Chọn người xếp việc

TÂY GIANG

TRONG công tác cán bộ, có một câu đã trở nên quen thuộc với nhiều người: "Vì việc đặt người, chứ không nên vì người đặt việc". Câu nói này hàm ý nhắc nhở những người làm công tác cán bộ, nhất là những người ở cương vị lãnh đạo, cần công tâm, khách quan trong việc bổ nhiệm và đề bạt cán bộ. Có nghĩa là, khi bổ nhiệm hay đề bạt, cất nhắc cán bộ vào một chức vụ nào đó, đặc biệt là lên một cấp cao hơn, phải vì công việc mà chọn người phù hợp, chứ không nên vì tình thân, vì "ê-kíp" mà đề bạt người không thích hợp, hoặc không có đạo đức, chuyên môn; hoặc "vẽ ra vị trí" để đặt người của mình vào.

Tuy nhiên, **chọn** người xếp việc không phải vì người đặt việc mà là để tránh điều nêu trên. Sách *Hàn thi ngoại truyện* có chuyện:

"Dương Hổ làm tướng nước Vệ, phải tội, chạy trốn sang nước Tần, vào yết kiến Triệu Giản Tử, nói rằng: - Từ nay trở đi, ta nhất quyết không gây dựng cho ai nữa!

Triệu Giản Tử hỏi: - Vì cớ gì mà ông lại nói thế?

Dương Hổ nói: - Khi tôi ở nước tôi, các quan hầu cận nhà vua, tôi gây dựng cho quá nửa; các quan ở triều đình, tôi cũng gây dựng cho quá nửa; đến cả các quan ở biên thuỳ, tôi cũng gây dựng cho nữa. Thế mà bây giờ, các quan hầu cận nhà vua thì gièm pha tôi; các quan triều đình thì đem pháp luật trị tôi; các quan biên thùy thì dùng binh khí hiếp tôi. Thế cho nên từ nay trở đi, tôi nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu Giản Tử bảo: - Ông nói câu ấy thì nhầm. Ai trồng cây đào, cây mận, thì mùa hè được bóng mát nghỉ, mùa thu được quả ngon ăn. Ai trồng cây tật lê, thì mùa hè bóng mát không có, mùa thu chỉ được những chông gai. Cứ như vậy, thì có phải là tại do cây mình trồng lúc trước không? Nay ông sở dĩ đến nỗi thế, là vì ông gây dựng toàn cho những kẻ không ra gì cả. Cho nên người quân tử phải chọn người, rồi mới gây dựng.

Qua câu chuyện trên có thể thấy, ngay từ thời xa xưa, người đời đã phê phán những kẻ chức trọng quyền cao, nhưng tham tàn, ưa nịnh, chỉ thích gây dựng cho tiểu nhân để lo kết bè đảng, làm mưa làm gió, gieo tai họa cho dân. Những kẻ đó, không những không được báo ân mà còn hại đến thân và đắc tội với nhân dân, với đất nước.

Ở nước ta có chuyện:

Tô Hiến Thành là vị quan đầu triều nhà Lý. Ông nổi tiếng là người thanh liêm, đức độ. Lúc ông lâm bệnh nặng, Thái hậu tới thăm và hỏi, ai là người có thể thay ông, khi ông qua đời. Lúc bấy giờ, có hai người là Vũ Tán Đường và Trần Trung Tá. Ai cũng biết, Vũ Tán Đường là người thân cận của ông, có tài giúp ông công việc "tề gia"...

Nghe Thái hậu hỏi, không cần suy nghĩ, ông trả lời

Digitized by Google

ngay: - Bẩm Thái hậu, Thành tôi chọn Trần Trung Tá.

Có người hỏi tại sao không tiến cử Vũ Tán Đường? Tô Hiến Thành đáp: - Nếu chọn người giỏi về việc hầu hạ thì tôi chọn Vũ Tán Đường. Nhưng nếu chọn người có tài giúp nước, xứng đáng là bậc lương đống (trụ cột) của triều đình thì tôi chọn và tiến cử Trần Trung Tá (1).

Qua câu chuyện trên có thể thấy, Tô Hiến Thành đã rất chí công, vô tư trong việc đánh giá, lựa chọn người kế nhiệm. Ông đã đặt lợi ích của đất nước lên trên tình cảm cá nhân, không vì tình thân mà tiến cử người không có năng lực.

Vừa qua, ở nước ta có nhiều vụ án hình sự lớn, mà đối tượng là những cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, đã phạm tội do tham nhũng, do cố ý làm trái chính sách, pháp luật, nguyên tắc quản lý, do thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; hoặc dính líu đến bọn "xã hội đen". Nguyên nhân của hiện tượng trên, một phần là do công tác đánh giá cán bộ: đánh giá cán bộ không chuẩn xác, dẫn đến việc bố trí những người không có đạo đức và chuyên môn vào những cương vị quan trọng. Những người này khi có chức, quyền trong tay đã thực hiện mưu đồ cá nhân, gây tác hại lớn cho Đảng, nhân dân và đất nước. Điều này đã được Báo cáo kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ ra: "Đánh giá cán bộ là khâu rất yếu, do chưa xây dựng được phương pháp đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan và đáng tin cậy" (2). Vì vậy, Hội nghị Trung ương 9, khóa IX đã nhấn mạnh: "Cần tập trung đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ" (3).

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác cán bộ. Người nêu lên bốn căn bệnh trong công tác cán bộ thường hay mắc phải: *thứ nhất - tự cao tự đại; thứ hai - ưa người ta nịnh mình; thứ ba - đem lòng yêu ghét của mình đối với người; thứ tư - đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào cho tất cả mọi người.* Người nói: "Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ" (4).

Như vậy, muốn đánh giá đúng người cán bộ phải đánh giá đúng ưu, khuyết điểm của người đó. Để đánh giá đúng phải khách quan, nhất là khi phân tích ưu khuyết điểm, để có sự cân nhắc một cách đúng đắn. Từ đó mới có thể biết, ưu điểm của cán bộ đó là căn bản hay khuyết điểm là căn bản v.v..

Dù khoa học - kỹ thuật có phát triển đến đâu chăng nữa, con người vẫn là yếu tố quyết định sự thành bại của một sự nghiệp. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu đưa nước ta đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại đang tiến triển thuận lợi. Sự nghiệp đó đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ vừa có đạo đức, vừa giỏi chuyên môn, nghĩa là "vừa hồng, vừa chuyên", đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển. Do đó, trong việc đánh giá cán bộ, điều quan trọng là, cần quan tâm kiểm tra, sửa chữa kịp thời những hiện tượng lệch lạc để *chọn người xếp việc* được chính xác, giúp cán bộ phát huy tốt sở trường, đồng thời không bỏ sót người tốt, chọn nhầm kẻ xấu. "Nhất là việc đánh giá để sắp xếp đề bạt, cất nhắc cán bộ lên vị trí công tác cao hơn"(5). ❑

---

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 12 (6 - 2004), tr 9

(2), (3) Văn kiện *Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 65 - 66 và 110

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t 5, tr 278

(5) *Tạp chí Cộng sản*, số 12 (6-2004), tr 11

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC LỚN TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

HƠN một thập niên qua, kể từ khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, nhất là vào những năm đầu thế kỷ XXI, do bị chi phối bởi những lợi ích chiến lược mang ý nghĩa sống còn, các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, và trên một mức độ nhất định, cả Nga, Ấn Độ, các nước lớn thuộc Liên minh châu Âu (EU) đều xúc tiến điều chỉnh mạnh chính sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nội dung bao trùm trong sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn là củng cố và tăng cường quan hệ với khu vực, nhằm mục tiêu phát huy tối đa ảnh hưởng, giành lợi ích cụ thể về nhiều mặt. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã từng bước tỏ rõ sự chủ động và năng động trong việc xử lý linh hoạt mối quan hệ với các nước lớn theo hướng tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi từ mối quan hệ này phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia.

Trước những chuyển biến nhanh chóng về so sánh lực lượng, nhất là giữa các nước lớn, ở châu Á - Thái Bình Dương, khi "chiến tranh lạnh" đang đi đến hồi kết, Việt Nam đã tích cực đổi mới chính sách và hoạt động đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa. Sau Đại hội VI của Đảng, ưu tiên trong đường lối đối ngoại hướng vào nhân tố kinh tế, giữ vững hòa bình và độc lập. Đây có thể coi là bước chuyển cơ bản chiến lược đối ngoại Việt Nam. Sự chuyển biến này tiếp tục được khẳng định trong văn kiện của các Đại hội Đảng sau này.

Xác lập quan hệ với các nước lớn, Việt Nam kiên trì những nguyên tắc nền tảng là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Dựa trên những nguyên tắc này, Việt Nam nhấn mạnh chủ trương phải sáng tạo, năng động và linh hoạt phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với vị trí, điều kiện của đất nước cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực.

Trước những thay đổi của cục diện chính trị thế giới, nhất là trong quan hệ và so sánh lực lượng giữa các nước lớn, ngay từ nửa cuối những năm 80 của thế kỷ XX, các nước lớn như Mỹ, Liên Xô (sau đó là Nga), Nhật Bản,

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Trung Quốc đều giảm mạnh các cam kết quốc tế, tập trung tháo gỡ những vấn đề trong nước, trước hết là vấn đề phát triển kinh tế. Từ bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam càng coi trọng yếu tố quan hệ giữa các nước lớn trong hoạch định chính sách đối ngoại, xúc tiến quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Mỹ; cải thiện quan hệ với Nhật Bản và các nước thuộc Ủy ban châu Âu (EC) - tiền thân của EU, v.v..

Bước sang thế kỷ mới, Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ với các nước phát triển nói chung và các nước lớn nói riêng, và khẳng định: "Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển..."(1). Trên thực tế, các nước lớn, các nước phát triển đóng vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế; đang chi phối quá trình toàn cầu hóa, nhưng cũng có nhu cầu mở rộng quan hệ hợp tác vì chính lợi ích của họ; đồng thời giữa các nước lớn cũng đang có những mâu thuẫn với nhau về lợi ích, chúng ta cần và có thể tranh thủ tình hình đó để phát triển quan hệ với mỗi nước thông qua việc đẩy mạnh quan hệ với nhiều hình thức đa dạng, bao gồm cả quan hệ chính phủ và phi chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ... với các nước đó để thu hút các nguồn lực vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý... cho sự phát triển đất nước, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài.

Một trong những khâu có ý nghĩa đột phá trong việc thực hiện chủ trương của Việt Nam phát triển quan hệ với các nước lớn là những nỗ lực cải thiện và phát triển quan hệ hữu nghị với Trung Quốc. Tuyên bố chung chính thức bình thường hóa quan hệ giữa hai nước (tháng 11-1991) khẳng định phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không xâm phạm lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình. Kể từ sau bình thường hóa, quan hệ Việt - Trung được cải thiện, phát triển nhanh chóng và toàn diện trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, giáo dục và đào tạo, quân sự... Được chỉ đạo bởi phương châm 16 chữ *"Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"* sau đó được bổ sung thêm "4 tốt" là *"láng giềng tốt, đồng chí tốt, bạn bè tốt, đối tác tốt"*, quan hệ hai nước ngày càng phát triển đi vào chiều sâu. Hai bên đã ký kết Hiệp định phân định biên giới trên bộ và Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ, triển khai cắm mốc quốc giới, ký Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ. Ngoài quan hệ ngoại giao nhà nước, quan hệ giữa hai Đảng Cộng sản và giữa các đoàn thể chính trị - xã hội không ngừng phát triển.

Cùng với sự phát triển quan hệ Việt - Trung, Việt Nam tỏ rõ sự chủ động thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Mỹ, coi đây là bước đi cần thiết để thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa. Việt Nam và Mỹ đã tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao, mở ra khả năng phát triển đầy đủ quan hệ giữa hai nước. Năm năm sau, tháng 7-2000, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết và được phê chuẩn vào tháng 12-2001.

Sau gần 10 năm bình thường hóa, quan hệ Việt - Mỹ đã đạt được những bước tiến quan trọng. Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Việt Nam đã tạo lập được quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn. Nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam có khả năng tiếp cận thị trường Mỹ rộng lớn, đồng thời có thể

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 121

Digitized by Google

thu hút được nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của các đối tác Mỹ. Mặt khác, Mỹ cũng có cơ hội thuận lợi thâm nhập thị trường Việt Nam, cạnh tranh với các đối tác nước lớn khác tại đây. Cho đến nay, ở Việt Nam đã có trên 200 văn phòng đại diện của các công ty Mỹ đang hoạt động, trong đó có những công ty nằm trong danh sách 500 công ty lớn nhất của Mỹ. Mỹ trở thành một trong 10 đối tác đầu tư và thương mại lớn nhất của Việt Nam. Bình thường hóa quan hệ với Mỹ tạo điều kiện để Việt Nam tham gia các cơ cấu, thể chế hợp tác quốc tế đa phương rộng lớn của Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) vào năm 1998 và hiện đang xúc tiến gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tuy nhiên, trong khi phát triển quan hệ với Mỹ, Việt Nam luôn coi trọng xử lý những mâu thuẫn, bất đồng nảy sinh từ sự khác biệt về lợi ích, đồng thời không thể không đề cao cảnh giác trước âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch ở Mỹ chống phá Việt Nam. Các thế lực thù địch ở Mỹ vẫn luôn triệt để lợi dụng ưu thế so sánh thực lực nổi trội về nhiều mặt nhằm áp đặt những điều kiện có lợi cho Mỹ trong quan hệ với Việt Nam; thậm chí tăng cường thâm nhập về kinh tế để thực hiện ý đồ chuyển hóa về chính trị. Cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động sau sự kiện ngày 11-9-2001 cùng với những mưu toan của Mỹ áp đặt quan hệ với nhiều nước; sự đối xử bất bình đẳng của Mỹ với Việt Nam xung quanh vấn đề cá da trơn (Basa) và tôm, sự xuyên tạc về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam... là những bằng chứng xác thực nhất cho thấy tính phức tạp của quan hệ Việt - Mỹ. Bởi vậy, hợp tác và đấu tranh sẽ vẫn tiếp tục hiện diện như hai mặt không thể tách rời nhau trong sự vận động phát triển của quan hệ hai nước những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Trong quan hệ với các nước lớn, Việt Nam chú trọng đến việc phát triển quan hệ với Nhật Bản, Nga và EU. Nhật Bản là một nước tư bản phát triển nối lại quan hệ sớm nhất với Việt Nam. Thực hiện điều chỉnh chiến lược "quay trở lại châu Á" một cách mạnh mẽ sau "chiến tranh lạnh", Nhật Bản tích cực xúc tiến hoạt động trên lĩnh vực an ninh, chính trị ở châu Á - Thái Bình Dương nhằm tăng cường vị thế chính trị và đối phó cuộc cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn tại khu vực. Mặt khác, Nhật Bản nhanh chóng chuyển dịch sản nghiệp và đầu tư vào các nước khu vực, chú trọng thâm nhập thị trường ASEAN, đồng thời đề cao hợp tác khu vực để thích ứng với xu thế đa cực hóa đang diễn ra trên thế giới.

Từ năm 1992, khi lệnh cấm vận kinh tế của Mỹ đối với Việt Nam chưa được xóa bỏ, thì Nhật Bản đã cung cấp trở lại nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam với số lượng liên tục tăng. Việt Nam trở thành nước nhận được ODA nhiều nhất của Nhật Bản ở châu Á sau "chiến tranh lạnh". Sự phát triển quan hệ Việt - Nhật từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay diễn tiến khá thuận lợi. Việt Nam nhận được sự ủng hộ từ phía Nhật Bản trong quá trình hội nhập các tổ chức hợp tác khu vực (ASEAN và APEC) cũng như tại các tổ chức quốc tế, các diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) v.v.. Ngược lại, Nhật Bản cũng nhận được sự ủng hộ của Việt Nam trên nhiều vấn đề, chẳng hạn việc tăng cường vị trí của Nhật Bản trong các cơ chế hợp tác Nhật Bản - ASEAN, quá trình tìm kiếm sự hậu thuẫn quốc tế đối với Nhật Bản tại Hội đồng bảo an Liên hợp quốc... Hiện nay, Nhật Bản là một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam về hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Ngoài quan hệ về mặt nhà nước, Đảng

Digitized by Google

Cộng sản Việt Nam đã xác lập quan hệ với Đảng cầm quyền ở Nhật Bản. Những cuộc thăm, tiếp xúc, trao đổi cấp cao giữa hai nước được xúc tiến thường xuyên đã và đang tạo ra những xung lực mới thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển vì lợi ích của mỗi bên, vì hòa bình, hợp tác và phát triển của châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thế giới.

Việt Nam và một số nước lớn thuộc EU vốn có quan hệ truyền thống. Trước những động thái EU điều chỉnh chính sách để tăng cường quan hệ với châu Á - Thái Bình Dương, thực hiện "Chiến lược châu Á mới", Việt Nam tích cực khai thông quan hệ với nhiều nước chủ chốt của EU. Xét trên quan hệ song phương, cải thiện, mở rộng và tăng cường quan hệ với EU sẽ giúp cho Việt Nam khai thác được nguồn vốn, công nghệ, thị trường và phương pháp quản lý hiện đại. EU là một cực quan trọng của thế giới, do đó Việt Nam muốn thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế có kết quả, thì EU chính là một đối tác truyền thống có thể giúp Việt Nam phát triển các quan hệ. Phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam - EU, trong chừng mực nhất định, đang tác động tích cực đến mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn và một số tổ chức quốc tế chủ yếu.

Sau 5 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, tháng 7-1995, Việt Nam và EU đã ký kết *Hiệp định khung*, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hai bên đi vào chiều sâu. Hiện nay, thị trường EU là một trong những thị trường lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch buôn bán hai chiều trên 6 tỉ USD. Các nước EU cũng là những nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam với tổng số đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 6 tỉ USD. Chuyến thăm của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu (tháng 5-2000) đến Pháp, I-ta-li-a (hai thành viên quan trọng của EU và cũng là hai đối tác lớn của Việt Nam trong EU) và EC, chuyến thăm của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang một số nước EU và EC (tháng 3-2004) là những sự kiện quan trọng trong quan hệ hợp tác Việt Nam - EU.

Trên bình diện đa phương, sau khi trở thành thành viên ASEAN, mối quan hệ Việt Nam - EU nói chung và giữa Việt Nam với các thành viên EU nói riêng đã được bổ sung và hỗ trợ thêm thông qua mối quan hệ EU - ASEAN cũng như trong khuôn khổ hợp tác giữa hai châu lục Á - Âu (ASEM). Việc Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEM 5 (tháng 10-2004) tại Hà Nội càng góp phần tăng cường thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác Việt Nam - EU. Mặc dù còn những trở ngại nhất định, song sự phát triển của quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai bên đã đóng góp thiết thực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam triển khai đường lối đối ngoại, độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, củng cố mối quan hệ với các nước lớn trong bối cảnh quốc tế đã thay đổi căn bản sau "chiến tranh lạnh".

Trong quan hệ với Liên bang Nga, chúng ta đánh giá cao vai trò của Nga trên thế giới và ở châu Á - Thái Bình Dương. Sự kiện mang ý nghĩa "cột mốc" đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ Việt - Nga là việc ký kết *Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ hữu nghị* giữa hai nước (tháng 6-1994), tạo nền tảng pháp lý mới và những nguyên tắc chỉ đạo hoạt động đối ngoại của mỗi nước. Tiếp đó, hàng loạt các hoạt động đối ngoại song phương đã diễn ra, trong đó quan trọng nhất là các cuộc thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao Nga và Việt Nam, đặc biệt là chuyến thăm

(Xem tiếp trang 72)

Digitized by Google

QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN HỮU CÁT *

NGÀY 22-12-1992, Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Kể từ đó đến nay, quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước ngày càng phát triển, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của cả hai nước.

Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc sau "chiến tranh lạnh"

Từ năm 1975 đến năm 1982, Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu có quan hệ buôn bán tư nhân qua trung gian; từ năm 1983 đến tháng 4-1992, giữa hai nước có quan hệ buôn bán trực tiếp và một số quan hệ phi chính phủ, ngày 20-4-1992 hai nước ký thoả thuận trao đổi Văn phòng liên lạc. Ngày 22-12-1992, Bộ trưởng Ngoại giao Hàn Quốc Ly Sang Ốc thăm Việt Nam, ký Tuyên bố chung lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ. Sự kiện đáng ghi nhớ này đã mở ra một chương mới trong lịch sử quan hệ hai nước, là kết quả của chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ của Việt Nam và chính sách toàn cầu hóa của Hàn Quốc. Nó bắt nguồn từ những nét tương đồng giữa hai nước về địa lý, lịch sử, văn hóa... Những nét tương đồng đó là cơ sở vững chắc để xây dựng mối quan hệ hợp tác hữu nghị lâu dài giữa hai nước. Ông Pac Na Oan, Đại sứ Hàn Quốc tại Việt Nam cho rằng: "Không có một quốc gia nào có nhiều điểm tương đồng về nhiều mặt với Hàn Quốc như Việt Nam. Việt Nam vẫn mang nguyên vẹn sự thuần khiết và nhiệt tình mà Hàn Quốc đã từng có vào đầu thời kỳ phát triển kinh tế".

Trong lĩnh vực chính trị: Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước phát triển nhanh chóng trên mọi bình diện, ngày càng có chất lượng và nhiều triển vọng tốt đẹp. Mối quan hệ chính trị mật thiết thể hiện qua các chuyến thăm chính thức thường xuyên giữa các nhà lãnh đạo cấp cao hai bên. Về phía Việt Nam, ngay sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, tháng 2-1993, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đã thăm chính thức Hàn Quốc để bàn về phương hướng và biện pháp phát triển quan hệ nhiều mặt giữa hai nước. Tiếp theo là các chuyến thăm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt (5-1993), Tổng Bí thư Đỗ Mười (4-1995), Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (3-1998), Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên (8-2000), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (8-2001), Thủ tướng Phan Văn Khải (9-2003), Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa (6-2004) và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (7-2004). Đặc biệt, trong chuyến thăm của Chủ tịch Trần Đức Lương, hai bên đã ra Tuyên bố chung thiết lập khuôn khổ quan hệ đối tác mới giữa hai nước là "Quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ XXI".

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Về phía Hàn Quốc, đáng chú ý là các chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Hàn Quốc Ly Yung Dac (8-1994), Bộ trưởng Ngoại giao Gông Rô My-ong (7-1996), Chủ tịch Quốc hội Kim Su Han (8-1996), Tổng thống Kim Dâng Sam (11-1996), Bộ trưởng Ngoại giao và Thương mại Pác Chung Su (7-1998), Tổng thống Kim Tê Chung (12-1998), Bộ trưởng Ngoại giao và Thương mại Hong Sung Yung (7-1999), Thủ tướng Ly Han Dong (4-2002), Chủ tịch Quốc hội Pac Quan Yêng (10-2003) và Tổng thống Rô Mu Hiên thăm chính thức và dự Hội nghị ASEM 5... Đặc biệt, chuyến thăm của Tổng thống Kim Tê Chung được dư luận đánh giá là một sự kiện lịch sử bởi nó không chỉ là chuyến thăm của một nguyên thủ quốc gia mà nó còn mang ý nghĩa đánh dấu sự hòa giải chính thức giữa hai nhà nước. Quá khứ được gác lại với thái độ đầy trách nhiệm đối với lịch sử của Hàn Quốc và những tình cảm chân thành mà nhân dân Hàn Quốc dành cho nhân dân Việt Nam.

Từ khi ra Tuyên bố chung "Quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ XXI" (8-2001), hai bên đã dành nhiều nỗ lực nhằm thực hiện những bước cụ thể của Tuyên bố chung thông qua giao lưu nhân sự và chương trình hợp tác giữa hai nước. Qua các cuộc gặp cấp cao song phương, hai bên nhất trí cùng nhau tăng cường trao đổi đoàn các cấp, các ngành, các địa phương; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ các ngành, địa phương và các doanh nghiệp hai nước trong việc đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực như đầu tư, thương mại, lao động, thủy sản, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học - công nghệ, thông tin, dầu khí, điện lực, xây dựng, giao thông - vận tải, luật pháp v.v... Những cuộc tiếp xúc, trao đổi ý kiến của lãnh đạo cấp cao hai nước có tầm quan trọng to lớn và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển.

Bên cạnh quan hệ về mặt nhà nước, các mối quan hệ giữa hai đảng cầm quyền, Quốc hội và các bộ, ngành, địa phương, đoàn thể... cũng không ngừng được mở rộng, tăng cường sự phối hợp, ủng hộ lẫn nhau trong khuôn khổ song phương và đa phương. Việc thành lập hai Hội hữu nghị Việt - Hàn và Hàn - Việt cùng với các chi hội hữu nghị ở các địa phương đã thúc đẩy mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

Về đối ngoại, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, là bạn với tất cả các nước của Việt Nam và chính sách toàn cầu hóa của Hàn Quốc đều góp phần vào xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới, là cơ sở để phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác đôi bên cùng có lợi. Việc Việt Nam là thành viên của ASEAN, tham gia ASEM và Hàn Quốc là một bên đối thoại của ASEAN, là thành viên của WTO và APEC, ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc... đã tạo cho hai nước thêm nhiều cơ hội hợp tác trong khuôn khổ các thể chế đa phương ở khu vực và trên thế giới.

Có thể nói, việc thường xuyên trao đổi các đoàn cấp cao và các cấp, các ngành đã giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tạo ra những mốc phát triển mới cho quan hệ hợp tác song phương, cũng như tăng cường sự phối hợp, ủng hộ lẫn nhau trên trường quốc tế.

Trong lĩnh vực kinh tế: Hợp tác kinh tế song phương chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc. Hiện nay, hai nước đã trở thành đối tác quan trọng của nhau. Hàn Quốc luôn là một trong mười đối tác quan trọng của Việt Nam, cả về đầu tư và thương mại. Việt Nam cũng là đối tác quan trọng của Hàn Quốc ở Đông - Nam Á. Hai chính phủ đã ký nhiều hiệp định quan trọng như: Hiệp định hợp tác kinh tế - khoa học - kỹ thuật (2-1993), Hiệp định Thương mại (5-1993), Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (5-1994), Hiệp định văn hóa (8-1994), Hiệp định về việc sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân, Hiệp định về miễn thị thực đối với hộ chiếu ngoại giao và công vụ và nhiều thoả thuận hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau giữa các bộ, ngành hai nước.

Digitized by Google

Về thương mại, Hàn Quốc đứng thứ 10 trong số các thị trường xuất khẩu của Việt Nam và là bạn hàng lớn thứ 3 của Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước tăng khá nhanh, từ mức vài trăm triệu USD năm 1992 tăng lên hơn một tỉ USD năm 1994 và từ năm 2000 trở lại đây, kim ngạch mậu dịch hai chiều luôn vượt quá 2 tỉ USD; năm 2004 vào khoảng 4 tỉ USD. Một thực tế đáng ghi nhận là hàng hóa của Việt Nam đã khẳng định được chỗ đứng trên thị trường Hàn Quốc. Điều này càng có ý nghĩa hơn trong điều kiện Hàn Quốc đang phải cắt giảm chi tiêu, đặc biệt là chi nhập khẩu để tập trung khắc phục những hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 - 1998.

Tuy nhiên, Việt Nam nhập siêu của Hàn Quốc vẫn còn lớn và ngày càng tăng, chủ yếu ở các mặt hàng như sắt thép, phân bón, hóa chất, xăng dầu, ô tô, máy móc, thiết bị, tơ sợi, hàng điện tử... Nguyên nhân chính trong việc mất cân bằng trong cán cân thương mại giữa hai nước thể hiện trong quan hệ đầu tư. Hầu hết các công ty Hàn Quốc đều đang xây dựng cơ sở sản xuất với mục tiêu không hướng vào thị trường Việt Nam, mà hướng vào thị trường thứ ba, trong đó có thị trường Mỹ. Chính vì vậy, các mặt hàng mà Việt Nam có nhu cầu như phụ tùng, thiết bị và nguyên liệu... chiếm đa số trong các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc vào Việt Nam. Bởi thế, chính phủ và các doanh nghiệp hai nước phải dựa vào sự cân bằng rộng mở của thương mại song phương, nỗ lực hơn nữa để khắc phục sự mất cân bằng này. Thêm nữa, việc tăng cường đầu tư vào Việt Nam của các doanh nghiệp Hàn Quốc để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang thị trường các nước thứ ba trong đó có Mỹ cũng là một phương thức gián tiếp góp phần giải quyết sự mất cân bằng trong cán cân giao dịch thương mại giữa hai nước.

Trước triển vọng hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, Hàn Quốc cũng đang đề nghị thành lập Khu vực mậu dịch tự do Hàn Quốc - ASEAN. Đây sẽ là những thuận lợi lớn cho hàng hóa Việt Nam tiến sâu hơn vào thị trường Hàn Quốc. Các công ty Việt Nam muốn thâm nhập thị trường Hàn Quốc phải tăng cường các hoạt động tiếp thị trực tiếp thông qua tham dự triển lãm, mở các văn phòng thương mại tại Hàn Quốc như Cục xúc tiến thương mại Việt Nam (Vietrade) để thực hiện khảo sát thị trường Hàn Quốc một cách có hệ thống và xúc tiến những hoạt động khai thác thị trường, cung cấp thông tin một cách tích cực tới tất cả các doanh nghiệp Việt Nam.

Về hợp tác đầu tư, Hàn Quốc là một trong những nước đầu tư trực tiếp nhiều nhất vào Việt Nam (đứng thứ tư trong số các nhà đầu tư lớn nhất). Đến cuối năm 2003, Hàn Quốc có 642 dự án đầu tư đang còn giấy phép hoạt động với tổng số vốn đăng ký trên 4,1 tỉ USD và tạo được hơn 200.000 việc làm. Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á (1997 - 1998), đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam giảm sút, nhưng hiện nay đang có dấu hiệu phục hồi trở lại. Các doanh nhân Hàn Quốc đã đầu tư vào nhiều ngành và lĩnh vực quan trọng như công nghiệp chế tạo, điện tử, xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, công nghiệp nhẹ, năng lượng, sản xuất ô tô, đóng tầu... Hầu hết các tập đoàn hàng đầu của Hàn Quốc như Daewoo, Samsung, Huyndai, LG... đã có mặt từ rất sớm và có kế hoạch làm ăn lâu dài tại Việt Nam.

Việt Nam luôn nằm trong danh sách những nước ưu tiên nhận viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Hàn Quốc (khoảng 228 triệu USD). Chính phủ Hàn Quốc dành 148 triệu USD tín dụng ưu đãi từ Quỹ Viện trợ phát triển (EDCF) cho các dự án: nhà máy nước Thiện Tân, nhà máy nhiệt điện Bà Rịa, dây chuyền sản xuất 5 loại vac xin, nhà máy xử lý chất thải rắn Hải Phòng. Bên cạnh đó, Hàn Quốc còn cung cấp 48,5 triệu USD vốn viện trợ không hoàn lại, tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, nghiên cứu đào tạo...Với số tiền này, hằng năm có hàng trăm nghiên cứu sinh, thực tập sinh Việt Nam được gửi sang Hàn Quốc tu nghiệp; nhiều

Digitized by Google

chuyên gia có kinh nghiệm và các thanh niên tình nguyện Hàn Quốc sang Việt Nam giúp đỡ tích cực, hiệu quả trong các ngành, lĩnh vực quan trọng của Việt Nam.

Về hợp tác lao động: Là một thị trường lớn cho lao động nước ngoài với điều kiện lao động tốt, môi trường ổn định và mức lương khá cao, Hàn Quốc đã cam kết nhận thêm lao động Việt Nam và có những chính sách ưu đãi nhất định. Tính đến tháng 8-2003, Việt Nam đã đưa tổng cộng 52 nghìn lượt người lao động sang làm việc tại Hàn Quốc, chiếm 30% tổng số lao động gửi đi nước ngoài. Hiện nay, Việt Nam thường xuyên có khoảng 20 nghìn người làm việc tại Hàn Quốc. Ngoài ra, những lĩnh vực hợp tác khác cũng phát triển mạnh như du lịch, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, xây dựng...

Mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật - công nghệ đã và đang được tăng cường thông qua việc khai trương Trung tâm hợp tác khoa học và công nghệ Hàn Quốc - Việt Nam, Trung tâm hợp tác công nghệ công nghiệp Hàn Quốc - Việt Nam tại Trường đại học Bách khoa Hà Nội...

Về cơ chế hợp tác, năm 1993 chính phủ hai nước đã thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế - khoa học - kỹ thuật giữa hai nước và từ năm 1995 là cơ chế trao đổi ý kiến về chính sách thường niên cấp vụ, cục trưởng giữa hai Bộ Ngoại giao. Cơ chế hợp tác đó đã được duy trì đều đặn hằng năm và có kết quả thiết thực, thể hiện quyết tâm của hai nước muốn tiếp tục phát triển mạnh quan hệ song phương. Từ năm 1991 đến nay, Hàn Quốc đã mời khoảng hơn 1.200 cán bộ thuộc các bộ, ngành của Việt Nam sang làm việc và học tập các vấn đề như kinh nghiệm phát triển đất nước, chính sách giáo dục, phát triển nhân lực, vai trò của chính phủ đối với sự phát triển kinh tế, quá trình công nghiệp hóa và khoa học - kỹ thuật... của Hàn Quốc. Từ đó, nâng cao nhận thức và hiểu biết về lịch sử, văn hóa và con người Hàn Quốc.

Trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục: Sự giao lưu văn hóa giữa hai nước ngày càng phong phú. Hiệp định hợp tác văn hóa giữa hai chính phủ hai nước được ký kết năm 1993 và sau đó một chương trình hợp tác văn hóa 1997 - 1999 để thực thi Hiệp định đó đã được ký kết. Trao đổi văn hóa - giáo dục Việt Nam - Hàn Quốc diễn ra rất sôi động với nhiều thoả thuận hợp tác giao lưu văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, điện ảnh và công diễn... Các hoạt động giao lưu văn hóa - nghệ thuật giữa hai nước thường xuyên diễn ra như các cuộc lưu diễn của các đoàn nghệ thuật Hàn Quốc tại Việt Nam và ngược lại; những tác phẩm văn hóa của các nghệ sĩ Việt Nam đã được trưng bày trong các cuộc triển lãm tại Hàn Quốc...

Dự án xây dựng 20 trường tiểu học tại các tỉnh miền Trung Việt Nam đã hoàn tất với nguồn vốn tài trợ của Chính phủ Hàn Quốc. Chương trình tặng học bổng của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ Hàn Quốc cho học sinh, sinh viên Việt Nam đang được tăng cường. Mối quan hệ hợp tác này là bằng chứng sinh động cho thấy sự ủng hộ tích cực của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ Hàn Quốc đối với chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

Có thể nói, trong suốt hơn 12 năm qua, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển đáng kể trên nhiều lĩnh vực. Hai nước đã trở thành đối tác quan trọng của nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển. Có được những bước phát triển kỳ diệu đó là nhờ sự tương đồng về văn hóa và nền tảng lịch sử giữa hai dân tộc, và những cơ sở này sẽ không ngừng được đẩy mạnh, phát huy hơn nữa trong tương lai.

Triển vọng quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

Mặc dù trong quan hệ hai nước còn tồn tại nhiều vấn đề, nhưng triển vọng quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc là sáng sủa bởi nó được xây dựng trên những cơ sở vững chắc. Trước hết, có sự gặp nhau giữa nhu cầu và lợi ích. Việt Nam có tài nguyên dồi dào,

Digitized by Google

sức lao động phong phú, thị trường rộng lớn và có nhu cầu về vốn, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Trong khi đó, Hàn Quốc hiếm tài nguyên nhưng lại có đủ khả năng đáp ứng những nhu cầu của Việt Nam. Những yếu tố đó bổ sung cho nhau, tạo ra tiềm năng to lớn cho quan hệ hai nước, làm cho mối quan hệ này trở nên vững chắc. Ngoài ra, tiềm năng hợp tác song phương trên các mặt như hàng không, du lịch, dịch vụ, trao đổi và hợp tác lao động là rất lớn. Khi sự hợp tác về các mặt này được mở rộng và khai thác triệt để, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc sẽ lớn mạnh.

Một yếu tố quan trọng đối với triển vọng quan hệ hai nước là ý chí, quyết tâm của lãnh đạo hai nước và chính sách của hai bên. Việc triển khai chiến lược toàn cầu hóa và cải cách cơ cấu kinh tế của Hàn Quốc diễn ra đồng thời với các cố gắng đẩy mạnh cải cách về mọi mặt và tăng cường hội nhập vào khu vực và thế giới của Việt Nam sẽ thúc đẩy mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác song phương, đặc biệt là về kinh tế. Các nhà lãnh đạo của hai nước hiện nay đang tiếp tục theo đuổi các chính sách có ảnh hưởng tích cực đến quan hệ hai nước. Chính phủ của Tổng thống Kim Tê Chung trước kia và Rô Mu Hiên hiện nay đã đề ra nhiệm vụ duy trì hòa bình, giải quyết khó khăn trên bán đảo Triều Tiên, mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại, tham gia tích cực hơn vào chương trình hợp tác với các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực như Liên hợp quốc, EU, APEC, ASEM, ASEAN... Trong quan hệ đối ngoại, một trong những nhiệm vụ của Chính phủ Hàn Quốc là tăng cường ngoại giao kinh tế và thương mại để vượt qua khủng hoảng tài chính. Theo chủ trương mới, các cơ quan đại diện ngoại giao của Hàn Quốc ở nước ngoài sẽ chuyển mạnh theo hướng phục vụ nhiệm vụ kinh tế. Về phía Việt Nam, với mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta chủ trương đưa các quan hệ hợp tác ngày càng đi vào chiều sâu, nhất là với các đối tác quan trọng trong đó có Hàn Quốc.

Những biểu hiện cụ thể đã nói lên quyết tâm của lãnh đạo hai nước. Hàn Quốc sẽ tiếp tục giúp đỡ Việt Nam trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khuyến khích các doanh nghiệp Hàn Quốc mở rộng đầu tư và làm ăn tại Việt Nam với mong muốn được đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế Việt Nam như một đối tác hợp tác toàn diện trong thế kỷ XXI qua việc chia sẻ những kinh nghiệm từ quá trình phát triển kinh tế của Hàn Quốc và hợp tác kỹ thuật cần thiết cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam; phối hợp với Việt Nam tổ chức nhiều cuộc họp kiểm điểm việc thực hiện chương trình viện trợ không hoàn lại của Hàn Quốc cho Việt Nam và đề ra phương hướng cho các chương trình viện trợ tiếp theo; tiếp tục hợp tác tốt trên các diễn đàn quốc tế và khu vực, tăng cường quan hệ hai nước không chỉ trên cơ sở song phương, mà cả trong khuôn khổ Liên hợp quốc, ASEAN, ARF, ASEM... Đồng thời, theo ý kiến của các nhà lãnh đạo Hàn Quốc, Hàn Quốc sẽ tăng mạnh ODA cho Việt Nam để giải quyết vấn đề vốn và kỹ thuật; giải quyết vấn đề mất cân bằng trong cán cân thương mại giữa hai nước; tăng cường hợp tác văn hóa với Việt Nam, bao gồm hỗ trợ vật chất và giáo viên cho các trường đại học giảng dạy tiếng Hàn Quốc và nhận thêm lưu học sinh Việt Nam v.v...

Tiềm năng quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc còn rất lớn. Với những kết quả nổi bật trong quan hệ hai nước thời gian qua, với quyết tâm của các nhà lãnh đạo và nhân dân hai nước, hy vọng rằng mối quan hệ này sẽ tiếp tục phát triển tốt đẹp hơn nữa trong thời gian tới, phù hợp với lợi ích và mong muốn của nhân dân hai nước. Để làm được điều này, hai nước cần thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác kinh tế. Nếu tiềm lực của Việt Nam được kết hợp một cách thích hợp với vốn và công nghệ của Hàn Quốc sẽ góp phần đáng kể vào sự phát triển của hai nước nói riêng và kinh tế khu vực nói chung trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY NÓI VỀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Từ khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, những kẻ chống cộng được dịp tấn công mạnh vào chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học dưới nhiều luận điệu rẻ tiền. Nào là chủ nghĩa Mác đã lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp với thời đại mới. Do đó, chủ nghĩa xã hội sẽ không có tương lai. Có kẻ, thậm chí còn nói rằng Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là một quái thai của lịch sử, nên nó không thể phát triển như bình thường được, chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ là một điều dễ hiểu. Hơn thế nữa, họ còn gán ghép khiên cưỡng, rằng nước Nga đánh đổ được chủ nghĩa cộng sản có nghĩa là giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc chiến tranh lạnh kéo dài gần 1/2 thế kỷ. Người thì cả tin vào xu thế quốc tế hoá các nền kinh tế hiện đang do các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và đa quốc gia "cầm chịch" sẽ lôi kéo toàn bộ xã hội loài người đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, chỉ thấy mỗi nguy cơ và thách thức đối với các quốc gia độc lập và đang phát triển...

Trong khi đó, một thực tế hoàn toàn ngược lại, bằng những cứ liệu lịch sử và thực tiễn của chính thế giới tư bản chủ nghĩa không ít các học giả phương Tây lại phê phán chủ nghĩa tư bản hiện đại, họ coi nó là chủ nghĩa vô nhân đạo, chủ nghĩa dã man và tỏ thái độ tin tưởng hoàn toàn vào tương lai tất yếu của chủ nghĩa xã hội đến với loài người. Một số nhận xét, đánh giá, phê phán chủ nghĩa tư bản hiện đại của hai tác giả người Anh là Tét Gờ-ran (Ted Grant) và Rốp Si-oen (Rob Sewell) với tác phẩm nhan đề *Chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội và Thiên niên kỷ mới* thể hiện khuynh hướng đó. Họ đã đề cập khá đầy đủ về chủ nghĩa tư bản hiện đại và tương lai của chủ nghĩa xã hội trong thiên niên kỷ mới có tính đến yếu tố toàn cầu hóa [1].

Các tác giả cho rằng, bước vào một thiên niên kỷ mới, chủ nghĩa tư bản đã từng phần vượt qua được những khủng khoảng cơ bản của nó. Làm được điều này là do hệ thống tư bản đã phát triển, mở rộng được thị trường thế giới bằng cái gọi là "toàn cầu hóa", nhưng nó phải trả giá bằng sự xuất hiện thêm nhiều mâu thuẫn mới và mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn xung quanh mệnh đề là "toàn cầu hóa có nghĩa là định mệnh của các quốc gia gắn chặt lại với nhau hơn bao giờ hết".

Hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã đạt tới mức độ tích tụ và tập trung tư bản chưa từng thấy. Giá trị tổng tư bản thị trường của chỉ

(1) Xem: *http://www.marxist.com*

Digitized by Google

5 cổ phiếu - Microsoft, Dell, Intel, Cisco và SBC Communication - đã lớn hơn toàn bộ giá trị sản xuất hàng hóa hằng năm của Vương quốc Liên hiệp Anh, một nền kinh tế lớn thứ năm thế giới. Riêng Microsoft có tổng tài sản tương đương nền kinh tế của quốc gia đứng thứ 11 trên thế giới.

Những ngành công nghiệp mới có liên quan đến công nghệ thông tin đang làm gia tăng nạn khủng khoảng thừa và tác động tới mọi khu vực của nền kinh tế: xe hơi, thép, nông nghiệp, chíp máy tính điện tử... Chủ nghĩa tư bản đang lâm vào ngõ cụt thể hiện rõ nét nhất ở sự bất lực của nó trong việc khai thác và sử dụng khả năng sản xuất trong công nghệ thông tin và máy tính. Công nghệ mới không hề làm giảm, trái lại còn làm gia tăng những khó khăn cho hệ thống tư bản thế giới và những mâu thuẫn của nó. Sự bế tắc của chủ nghĩa tư bản được phản ánh ở cuộc khủng khoảng trong bản thân giai cấp lãnh đạo. Chúng bị ám ảnh bởi tình trạng bất ổn định trong hệ thống của chúng. Chúng nói về một cuộc cách mạng công nghệ mới, nhưng lại đang phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp ở tất cả các nước tư bản trọng yếu. Đây không còn là tình trạng thất nghiệp có tính chất "chu kỳ", mà là sự thất nghiệp có tính chất "cơ cấu" đang gặm nhấm vào nền tảng của xã hội. Đó là tình trạng: "Hàng triệu người buộc phải làm việc lâu hơn và cực nhọc hơn và cũng hàng triệu người đang bị các khoản trợ cấp thất nghiệp làm cho chết dần chết mòn".

Tình trạng thả nổi của các thị trường và các trung tâm tài chính thế giới đang làm cho hệ thống tư bản chủ nghĩa càng thêm bất ổn và dễ bay hơi. Bọn tư bản càng trở nên ăn bám hơn khi chúng đầu tư ít hơn vào công nghiệp, đầu tư nhiều hơn vào dịch vụ và giao dịch tài chính. Trò cờ bạc trong thị trường chứng khoán và tiền bạc đã trở thành mối bận tâm chính của chúng. Hiện có tới 25 nghìn tỉ đô la đang luân chuyển khắp các nền kinh tế trên thế giới. Nạn đầu cơ chứng khoán đang tạo ra những bong bóng. Theo đó các tác giả cho rằng: "... nhất định đến một ngày nào đó sẽ vỡ tung. Giai cấp thống trị đã mất hết cảm giác về sự cân đối và đã trở thành cái phanh kìm hãm xã hội với một mãnh lực ghê gớm".

Những nhà chiến lược lo xa nhất cũng đang bị thiêu đốt bởi sự nghi hoặc, thậm chí còn hoảng hốt nữa. Những người như Sô-rốt (Soros Galbraith) - trùm tài phiệt hàng đầu, và thậm chí cả Phờ-rít-man (Friedman) - lý thuyết gia nổi tiếng của chủ nghĩa tư bản, đều đã có những cảnh báo về sự gia tăng khủng khoảng có thể phá hủy cả hệ thống tư bản chủ nghĩa trừ phi phải khẩn trương làm ngay một điều gì đó. Họ cảm nhận được sự bất ổn chung trong hệ thống tư bản và nhìn về tương lai với tâm trạng lo âu ngày một tăng dần.

Sự khủng khoảng kéo dài của chủ nghĩa tư bản phản ánh rõ nét ở sự khủng khoảng ý thức hệ và được thể hiện ở các cuộc khủng khoảng trong các đảng và kết cấu chính trị, trong nhà thờ, đạo đức, gia đình tư sản và thậm chí cả trong khoa học và triết học. Hoạt động chính trị trở nên tham nhũng khủng khiếp. Những vụ bê bối quanh Tổng thống Mỹ, Đảng Bảo thủ Anh, Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo Đức và I-ta-li-a, và ở nhiều nơi khác..., đã tố cáo bản chất thối nát của chủ nghĩa tư bản. Sự thối nát của chủ nghĩa tư bản còn được phản ánh ở sự quay trở lại của chủ nghĩa tư bản thô bạo trong một xã hội tranh giành, cấu xé lẫn nhau. Trong xã hội ấy quan hệ giữa con người với con người bị biến thành quan hệ giữa những đồ vật. Công nhân bị đối xử như những

Digitized by Google

"hàng hóa", bị những ông chủ tư bản vứt bỏ như những hàng hóa khác.(2) Những hàng hóa này là gì các nhà tư bản không bận tâm nhiều lắm, mà chỉ quan tâm tới việc làm sao mau chóng biến chúng thành tiền. Nhà sản xuất xe hơi Lót Xtốc-sơ (Lord Stokes) tuyên bố:" Tôi không quan tâm tới việc sản xuất xe hơi, tôi quan tâm tới việc làm ra tiền". Quan hệ tiền bạc đã ngập sâu vào ý thức đến mức con người được xem đáng giá bao nhiêu đô-la. Ngày nay, quan hệ thị trường và ý thức hệ tư sản lan tràn trong mọi hình thức của đời sống xã hội, tới trường học, tới bệnh viện và tất cả các hình thức dịch vụ công. Tất cả đều được tư nhân hóa và trao cho các công ty lớn. Mọi thứ đều bị quy thành mối giao dịch kinh doanh. Con người bị coi như những đồ vật, trong khi đồ vật, đặc biệt là tiền được nói tới với một nỗi kinh sợ, bởi trong xã hội tư bản chủ nghĩa đồng tiền chứa đựng một sức mạnh "siêu nhiên" to lớn.

Theo các tác giả: Xã hội tư bản là một xã hội vô nhân đạo. Hằng ngày những tờ báo lá cải tràn ngập những câu chuyện ghê rợn về những vụ ngược đãi của kẻ mạnh chống lại kẻ yếu - đó là bộ phận ít có khả năng tự vệ nhất trong cộng đồng - phụ nữ, trẻ em và người già. Đây là thước đo chính xác đạo đức xã hội. Luật pháp đôi lúc cũng trừng phạt những hành vi vi phạm này, nhưng rất khiên cưỡng, còn nhìn chung tội phạm chống lại những kẻ giàu có thường bị cảnh sát săn đuổi hăng hái hơn là những tội ác chống lại những con người bình thường. Nhưng trong mọi hoàn cảnh, gốc rễ xã hội sâu xa của tội phạm nằm ngoài sức mạnh của tòa án và cảnh sát. Thất nghiệp đẻ ra tất cả các loại tội phạm. Nhưng còn có vô số các yếu tố khác nữa, những yếu tố tinh vi hơn nhiều.

Trong xã hội tư bản đang tràn ngập một thứ văn hóa ích kỷ, tham lam và dửng dưng trước những đau khổ của người khác. Đây là bộ mặt thực sự của chủ nghĩa tư bản, chính xác hơn là của tư bản tài chính và độc quyền - tàn nhẫn, thô bạo, tham lam và độc ác. Chủ nghĩa tư bản ăn bám rõ ràng đang giành ưu tiên cho những "xoong thịt" tài chính và đầu cơ tiền tệ, thay vì cho việc sản xuất ra của cải thực sự. Nó thích dịch vụ hơn là công nghiệp. Nó đóng cửa các nhà máy như đóng những hộp diêm, phá hủy một cách nhẫn tâm toàn bộ sở hữu tập thể và các ngành công nghiệp. Chúng yêu cầu công nhân phải chấp nhận những phương pháp làm việc linh hoạt. Họ phải trở thành những công cụ kinh doanh mềm dẻo dưới cái tên "hiện đại hóa", "năng suất", "toàn cầu hóa" và "cạnh tranh". Chúng giải thích cho những người thất nghiệp rằng, việc họ bị thất nghiệp và phải đi tìm việc làm coi như là họ có lỗi cho cảnh khốn khổ của họ. Trợ cấp nhà nước phải được "hiện đại hóa", nghĩa là phải bị cắt giảm đến tận xương tủy. Công nhân càng nghèo thì họ càng có "cơ hội" để chết trước tuổi 65, càng phải chịu đựng bệnh tật, suy nhược và con cái họ chết sớm.

Chủ nghĩa tư bản thế giới đang cướp bóc triền miên thế giới thứ ba, những nước đang và kém phát triển. Sự ra đời của thị trường thế giới cùng với quá trình tập trung tư bản đã tạo ra một thế giới bị thống trị bởi một nhóm các công ty khổng lồ. Chúng giành được nhiều, và thực tế đã có nhiều quyền lực hơn cả một quốc gia. Trong lòng các quốc gia, bọn tư bản nắm quyền kiểm soát quá trình phân cực giàu

(2) Tổ chức Lao động quốc tế (ILD) cho biết, quá trình toàn cầu hóa và nhu cầu về lao động rẻ đã đẩy khoảng 12,3 triệu lao động trên thế giới vào cảnh làm việc như nô lệ và tạo ra tình trạng buôn bán lao động (xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 12-5-2005)

Digitized by Google

nghèo một cách chưa từng thấy, kể từ cuộc khủng hoảng 1929 - 1930 của thế kỷ XX. Trên hành tinh có tới hơn 1 tỉ người sống trong cảnh nghèo đói xác xơ. Tổng thu nhập của họ cộng lại không bằng 400 người giàu nhất trên trái đất này.

Vấn đề không chỉ tồn tại ở chính thế giới của các nước tư bản, mà thế giới thứ ba cũng đã và đang bị hệ thống tư bản thế giới vắt cạn kiệt bằng đủ mọi thủ đoạn rất tinh vi, giả danh cái gọi là "văn minh", như ép buộc họ phải hạ thấp hàng rào thuế quan, mở cửa thị trường, tư hữu hóa các ngành dịch vụ công cộng và tuân theo những mệnh lệnh của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB). Trong lúc những mặt hàng nông sản vốn là lợi thế và sẵn có ở các nước nghèo và kém phát triển thì lại bị các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, chống bán phá giá... và đủ mọi chiêu bài về cái gọi là "trò chơi pháp luật" của các nước tư bản phát triển ngăn lại. Nợ nần của thế giới thứ ba ngày càng chồng chất và quay vòng, lãi mẹ đẻ lãi con, còn phúc lợi thì bị cắt giảm. Cho dù có những lời nói suông về "sự phục hồi", thì trong lòng các thành phố của thế giới thứ ba vẫn là trung tâm của tội phạm, bạo lực, và ma túy, chẳng có tương lai hứa hẹn gì cho những thế hệ mới.

Sự thống trị của các công ty độc quyền chính là thủ phạm chính của sự kìm hãm đối với xã hội, đe dọa đầu độc cả hành tinh trong quá trình chúng mở rộng quyền lực và sự giàu có. Nền kinh tế, môi trường, không khí chúng ta thở, nước chúng ta uống, thực phẩm chúng ta ăn - tất cả đều đang bị đe dọa. Quá trình nóng lên toàn cầu và mức nước biển tăng sẽ tác động nghiêm trọng tới môi trường, đe dọa phá hủy hành tinh này. Tại Anh khi tư bản tìm kiếm lợi nhuận đã cho gia súc ăn xác súc vật, gây nên vụ bê bối bò điên. Rồi mối nguy hiểm của năng lượng hạt nhân khi có liên quan tới lợi ích của bọn tư bản. Vì lợi nhuận chúng sẵn sàng chọn phương pháp rẻ nhất và nguy hiểm nhất - phân hạch hạt nhân. Tổng hợp hạt nhân là phương pháp sạch hơn và an toàn hơn nhiều, nhưng đã bị bỏ qua vì lý do giá thành. Còn nữa, các vụ đắm tàu chở dầu đã làm cho môi trường biển bị ô nhiễm. Dầu có thể được chở bằng tầu thân kép, nhưng nó quá đắt, vì thế mà không được tư bản quan tâm.

Sự phát triển của công nghệ gen mang lại những tiềm năng cực kỳ to lớn cho nhân loại. Nhưng nếu nó nằm trong tay các công ty lớn, trong cuộc chạy đua vì lợi nhuận thì có thể dẫn tới đủ loại thảm họa cho con người.

Các tác giả cho rằng, nhân loại đang đứng trước sự lựa chọn: chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa man rợ? Tiềm năng của nhân loại, với những công nghệ mới đang mở ra, cho phép chúng ta xây dựng một xã hội không có giai cấp dựa trên sự hợp tác, hài hòa và sung túc. Chúng ta đã có thể có một thiên đường thực sự trên trái đất này, một thiên đường mà những thế hệ trước đây chỉ dám mơ ước đến. Với những tiềm năng thừa hưởng từ lực lượng sản xuất đã được tích lũy hơn 300 năm qua, thì điều này không hề là không tưởng hay chỉ là một sự hình dung đầy hoài nghi. Thế nhưng chủ nghĩa tư bản hiện đại đang chặn đứng trước con đường của chúng ta, con đường để cho mọi người được tiếp cận một cách tốt nhất, công bằng nhất tất cả những gì của nhân loại đã có được.

Mặc dù vậy, thế đứng của giai cấp công nhân thế giới không hề tuyệt vọng. Có thể nói giai cấp công nhân hiện nay đang lớn mạnh cả về số lượng và tình đoàn kết. Có một sự cân bằng về lực lượng cho giai cấp vô sản quốc tế. Trong quá khứ không hề diễn ra sự cạn kiệt những cơ hội cách mạng. Và điều này cũng sẽ

Digitized by Google

diễn ra cả trong tương lai. Chuột chũi của cách mạng đang đào sâu vào nền móng của xã hội tư bản, đó là cách nói của C.Mác cách nay hơn 150 năm. Và thực tế, theo các tác giả thì: "Từ những cuộc đấu tranh của những lực lượng xã hội, những tầng lớp tỉnh ngộ nhất của giai cấp công nhân sẽ tìm tới con đường của chủ nghĩa Mác. Tất cả những người thầy vĩ đại của chủ nghĩa Mác đã đặt niềm tin to lớn vào khả năng làm thay đổi xã hội của giai cấp công nhân".

Sự kiện, sự kiện rồi sự kiện sẽ làm chuyển biến toàn bộ tình thế. Giai cấp công nhân sẽ học được từ những kinh nghiệm đau đớn, những bài học mở ra lối thoát. V.I. Lê-nin đã từng nói: "Một gam kinh nghiệm bằng một tấn lý thuyết". Giai cấp công nhân đang gánh vác trên vai sứ mệnh của xã hội và tương lai của nhân loại. Từ quốc gia này tới quốc gia khác giai cấp công nhân, sớm hay muộn, rồi cũng sẽ bước lên vũ đài của con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Được vũ trang với sách lược và chiến lược đúng đắn, khi giai cấp vô sản đã giành được quyền lực ở một số quốc gia quan trọng đến một mức độ nào đó ắt sẽ làm chuyển biến toàn bộ tình hình thế giới. Nó sẽ thắp sáng cả thế giới.

Điều này sẽ mở ra con đường phát triển không có giới hạn cho xã hội, khoa học, kỹ thuật và văn hóa. Khi đó, lần đầu tiên nhân loại có thể bắt đầu làm chủ thiên nhiên. Tiềm năng là vô hạn, nhưng nó chỉ được khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất trên nền tảng của một thế giới có kế hoạch, một thế giới hợp tác, và một chính phủ thế giới. Một hệ thống như vậy, theo các tác giả, chỉ có thể là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trong đó mọi hình thức áp bức, bóc lột, bạo lực và bất công đều bị xóa bỏ.

TS ĐỖ TRỌNG BÁ *(lược thuật)*

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ...

(Tiếp theo trang 62)

Việt Nam của Tổng thống Nga V. Pu-tin (tháng 3-2001). Quan hệ Việt - Nga, với nỗ lực từ hai phía, đã vươn lên trở thành mối quan hệ đối tác chiến lược, lâu dài và ổn định. Nga nối lại và phát triển các quan hệ kinh tế - thương mại, cung cấp vật tư, trang thiết bị kỹ thuật cho các hạng mục, công trình của Việt Nam do Liên Xô giúp xây dựng trước đây, đồng thời xây dựng nhiều công trình hợp tác mới (nhà máy lọc dầu Dung Quất công suất 6,5 triệu tấn/năm). Liên doanh dầu khí Vietsopetro đã khai thác hơn 100 triệu tấn dầu và hàng tỉ m^3 khí đốt, đóng góp đáng kể vào ngân sách hai nước.

Phát triển quan hệ nhiều mặt với Nga, chúng ta có thể tranh thủ tiềm năng to lớn của nước này phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy quá trình thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta.

Với tư duy sáng tạo và sự tỉnh táo, nhạy bén về chính trị, Đảng và Nhà nước ta đã xác lập và thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Thành công của đối ngoại Việt Nam trong gần 20 năm đổi mới, nhất là từ sau Đại hội IX đến nay có sự đóng góp quan trọng của việc xử lý linh hoạt và phát triển quan hệ với tất cả các nước lớn. Trong những năm tới, chủ trương có ý nghĩa chiến lược này cần được tiếp tục thực hiện một cách hiệu quả nhằm tạo môi trường quốc tế hòa bình, thuận lợi cho sự phát triển đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

THỊ XÃ NGHĨA LỘ

Địa chỉ: thị xã Nghĩa Lộ - tỉnh Yên Bái * Điện thoại: 029.870 049

Bí thư Huyện ủy
NGUYỄN CÔNG BÌNH

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Sản phẩm thổ cẩm truyền thống

Sản xuất giống lúa lai F1

Thị xã Nghĩa Lộ nằm ở phía tây tỉnh Yên Bái, trung tâm cánh đồng Mường Lò lớn thứ 2 Tây Bắc Tổ quốc, có hệ thống giao thông trong tỉnh và đến các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Phú Thọ tốt là điều kiện thuận lợi cho khai thác phát huy các tiềm năng thế mạnh của thị xã và các nguồn lực ngoại thị, đặc biệt là phát triển thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái...

Nghĩa Lộ không chỉ là vùng đất có lịch sử văn hóa lâu đời, một trong những "cái nôi" của đồng bào dân tộc Thái với những phong tục tập quán, truyền thống văn hóa đặc sắc của miền núi Tây Bắc mà còn là vùng đất giàu truyền thống yêu nước.

Thị xã Nghĩa Lộ có diện tích tự nhiên 2.966,6 ha; dân số trên 26 ngàn người thuộc 17 dân tộc anh em sinh sống (chủ yếu là người Thái, chiếm56,65%).

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT NĂM 2004:

+ Tăng trưởng kinh tế: 12,4% (là năm có mức tăng cao nhất tính đến nay).
+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp TTCN chiếm 20,5%; TM-DV 53,6%; N-LN 25,9%. Trong đó các lĩnh vực phát triển mạnh là: chế biến chè, khai khoáng, gia công cơ khí ...
+ Kinh doanh dịch vụ thương mại có mức tăng trưởng khá 17- 20% năm.
+ Sản xuất thành công giống lúa lai hạt F1, mở ra hướng tăng hiệu quả sử dụng đất canh tác (hiện tại đạt 33,5 triệu đồng/ha). Năng suất lúa 2 vụ đạt 12 tấn/ha năm.
+ Tổng thu ngân sách: 12,03 tỉ đồng, đạt 129 % KH, vượt 150% so với năm 2003.
+ Thu nhập bình quân: 3,46 triệu đồng tăng 12,6% so với năm 2003.
+ Tích cực đẩy mạnh chương trình xóa đói giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh còn 7,6%.
+ Thị xã Nghĩa Lộ là 1 trong 4 huyện, thị trong cả nước được Bộ Văn hóa Thông tin chọn làm điểm xây dựng Thị xã văn hóa. Nghĩa Lộ đã tổ chức đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn " Thị xã văn hóa" vào năm 2010.
+ Công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả quan trọng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. 100% chính quyền xã, phường vững mạnh.

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ NĂM 2005:

* Tăng trưởng kinh tế đạt trên 12,5%. Trong đó:
+ CN xây dựng tăng 14,5%
+ Thương mại dịch vụ tăng 15%
+ Nông lâm nghiệp tăng 6%
* Giá trị sử dụng đất canh tác đạt trên 35 triệu đồng.
* Thu nhập bình quân 4 triệu đồng/ người/ năm.
* Hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách.
* Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5%.
* Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, không có tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể yếu kém.

Digitized by Google

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH CÀ MAU

CÀ MAU

ĐC: 58 Phan Đình Phùng, F4, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau * Tel: 0781. 824 316

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

1. Giúp UBND tỉnh quản lý về lĩnh vực dân số, gia đình, trẻ em trên địa bàn tỉnh, thực hiện các chính sách và triển khai các chương trình, dự án kế hoạch dân số, gia đình và trẻ em ở tỉnh.

2. Chịu sự lãnh đạo toàn diện của UBND tỉnh và chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban quốc gia Dân số, Gia đình và Trẻ em Việt Nam. Thực hiện dịch vụ tư vấn về dân số, gia đình, trẻ em.

- Đầu năm 2004, tỉnh Cà Mau cùng với cả nước tiếp tục thực hiện Chiến lược dân số quốc gia và Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2001 - 2010. Ngay từ đầu năm, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Cà Mau đã triển khai có hiệu quả các chương trình giáo dục truyền thông dân số với nhiều hình thức phong phú và đa dạng thu hút hàng nghìn đối tượng tham gia. Bên cạnh đó Ủy ban còn tăng cường đưa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản KHHGĐ đến các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa thuộc 9 huyện, thành phố, quan tâm chăm sóc giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em nghèo học giỏi, công tác chăm sóc trẻ em khuyết tật, trẻ em mồ côi tại trung tâm bảo trợ xã hội, làng trẻ SOS, mái ấm tình thương ở phường 9, thành phố Cà Mau.

- Từ những kết quả đã đạt được, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Cà Mau đã đề ra mục tiêu cho năm 2005 trong đó tập trung vào việc thực hiện đề án phát triển bền vững về dân số tỉnh Cà Mau giai đoạn 2005-2010. Để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh trong giai đoạn đổi mới.

Hội nghị triển khai chiến dịch truyền thông vận động lồng ghép dịch vụ KHHGĐ

Lễ trao học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học năm 2004

Cho trẻ uống vitamin A

Hội thi tìm hiểu DS-SKSS trong học sinh PTTH

Tổ chức cho trẻ em đường phố vui tết trung thu

Digitized by Google

VNPT

BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN

ĐỊA CHỈ: 55 TRƯƠNG ĐỊNH - TX. TÂN AN - T. LONG AN * ĐT: 84-72- 826 324 * FAX: 84-72- 825 624

Gọi 171

COD
DỊCH VỤ PHÁT HÀNG THU TIỀN

MEGA VNN

TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN

BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ KHÁCH HÀNG ĐÃ TÍN NHIỆM, LỰA CHỌN SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CHÚNG TÔI.
CHÚNG TÔI PHẤN ĐẤU PHỤC VỤ TỐT HƠN NỮA TRONG THỜI GIAN TỚI.

NỐI LIỀN MỌI KHOẢNG CÁCH

VinaDaily · VinaCard prepaid · PTN PHÁT TRONG NGÀY · EMS · Gọi 1717 ĐIỆN THOẠI VOIP TRẢ TRƯỚC

TRUNG TÂM Y TẾ CÔNG CỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG (CEPHAD)

Địa chỉ: Số 4 khu nhà 33, phố Tân Ấp, phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội * ĐT: 84-4-7 168 808 * Fax: 84-4-7 167 972 * Email: ttgdskd@hn.vnn.vn

Giám đốc: Nguyễn Thị Bích Vân

Trung tâm Y tế Công cộng và Phát triển cộng đồng (CEPHAD), được thành lập năm 1995, là một tổ chức phi chính phủ trực thuộc hội Khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam thuộc Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam.

** Tôn chỉ của CEPHAD: Hỗ trợ người nghèo, đặc biệt phụ nữ và trẻ em sống ở vùng cao, sâu, xa để cải thiện chất lượng cuộc sống và tình trạng sức khỏe của họ.*

** Các lĩnh vực hoạt động chính của CEPHAD:*

- Chăm sóc sức khỏe, HIV/AIDS và sức khỏe sinh sản.

- Phát triển cộng đồng (phát triển nông thôn, phát triển đô thị, nước sạch và vệ sinh môi trường).

- Các nghiên cứu mà liên quan đến các lĩnh vực trên nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và chăm sóc sức khỏe cho người dân thông qua các can thiệp, phát hiện và khuyến nghị thích hợp.

** Phương hướng hoạt động của CEPHAD:*

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu đã đề ra, tuân theo những tiêu chí ban đầu, đặc biệt có sự tham gia của cộng đồng trong tất cả các hoạt động Dự án.

- Tiếp tục thực hiện các Dự án từ năm 2002 tại các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái và Kon Tum nhằm nâng cao năng lực

người dân và cán bộ CEPHAD về chăm sóc sức khỏe và phát triển cộng đồng.

- Luôn mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm về chăm sóc sức khỏe; bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; phát triển cộng đồng.

- Tăng cường năng lực cán bộ CEPHAD thông qua các khóa đào tạo và Hội thảo tại Việt Nam cũng như các nước khác.

Digitized by Google

Tỉnh ủy viên, Bí thư
NGUYỄN HỮU ÁNH

HUYỆN NINH PHƯỚC

Địa chỉ: thị trấn Phước Dân - H.Ninh Phước - T.Ninh Thuận * ĐT: 068 865 083

Ninh Phước là huyện nằm phía nam tỉnh Ninh Thuận có 14 xã và 01 thị trấn. Dân số 177 086 người, trong đó dân tộc Kinh 117 762 người chiếm trên (66%), Chăm 53 657 người (30%), Rắc lây 4 958 người (2,8%) và một số ít người Hoa, Nùng, Tày... Tổng diện tích tự nhiên trên 908 km² chiếm 27% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Là địa bàn khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, lũ lụt, hạn hán. Những lợi thế về môi trường và tiềm năng về đất đai, biển, rừng và nhiều loại tài nguyên khoáng sản như: đá Granit, cát, đất sét... rất phù hợp phát triển các ngành công nghiệp chế biến: Muối công nghiệp xuất khẩu, hóa chất sau muối. Chăn nuôi dê, cừu, bò đàn, phát triển các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: Nho, bông vải, bắp lai, các mặt hàng hải sản xuất khẩu (Tôm, mực, ốc hương) và phát triển ngành du lịch.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, các Nghị quyết hàng năm của Ban chấp hành Đảng bộ huyện. Kết quả thực hiện những năm qua đã tạo ra bộ mặt huyện có được những khởi sắc.

1. VỀ KINH TẾ:

Sản xuất theo cơ cấu kinh tế: Nông, ngư, lâm nghiệp công nghiệp, TTCN, xây dựng dịch vụ, thương mại. Giá trị các ngành sản xuất (giai đoạn 2000-2004) tăng bình quân 9,7%/năm.

** Nông nghiệp: Theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với sản xuất hàng hóa, sản xuất tập trung, tạo vùng nguyên liệu phục vụ chế biến.*

** Công nghiệp TTCN: chủ yếu khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Tuynen, muối công nghiệp, mây, tre) đang xây dựng nhà máy chế biến đá Granit, đông muối công nghiệp xuất khẩu, chế biến nông hải sản, gốm mỹ nghệ Bầu Trúc, dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp.*

** Thương mại, dịch vụ: chủ yếu bưu chính viễn thông, vận chuyển hàng hóa, hành khách, xây dựng trung tâm buôn bán nơi đông dân cư, Phước Dân, Phước Diêm... phát triển khu du lịch biển: Biển Cà Ná, tháp Bô-rô-mê, hồ Tăng Giang.*

** Thu ngân sách hàng năm đạt trên 12,5 tỷ đồng, tăng gấp 1,6 lần năm 2000.*

** Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân: với phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Những năm qua, đã đầu tư trên 1.000 tỷ đồng, từ nhiều nguồn vốn tăng gấp 8,3 lần so với giai đoạn trước.*

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

**Giáo dục: số học sinh năm học 2004-2005: 44.544 em. Tiểu học 24.938 em, trung học cơ sở 13.480 em, mầm non 3.721 em.*

** Y tế: thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia, y tế dự phòng.*

** Văn hóa thông tin: đến nay có 29 cơ quan, khu phố và 25.600 hộ đạt chuẩn văn hóa, 7 bưu cục văn hóa, tổ chức tốt các lễ hội truyền thống ở các vùng biển, vùng đồng bào người Chăm, Katê, Ramuval...*

** Thực hiện chính sách xã hội: thực hiện tốt chương trình mục tiêu lồng ghép, nâng cao mức sống cho nhân dân. Thực hiện chính sách người có công: Phong trào đền ơn đáp nghĩa, có 10/15 xã, thị trấn được công nhận làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ. Quy tập 60 mộ liệt sỹ, giải quyết 3.400 hồ sơ hoạt động kháng chiến, sửa chữa nhà 353 hộ và xây mới 22 nhà tình nghĩa trên 300 triệu đồng.*

Thu hoạch nho

Chăn nuôi dê ở Ninh Phước

Digitized by Google

HUYỆN TỪ LIÊM

XÃ PHÚ DIỄN

Địa chỉ: xã Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội * Bí thư: VŨ XUÂN ĐỘ

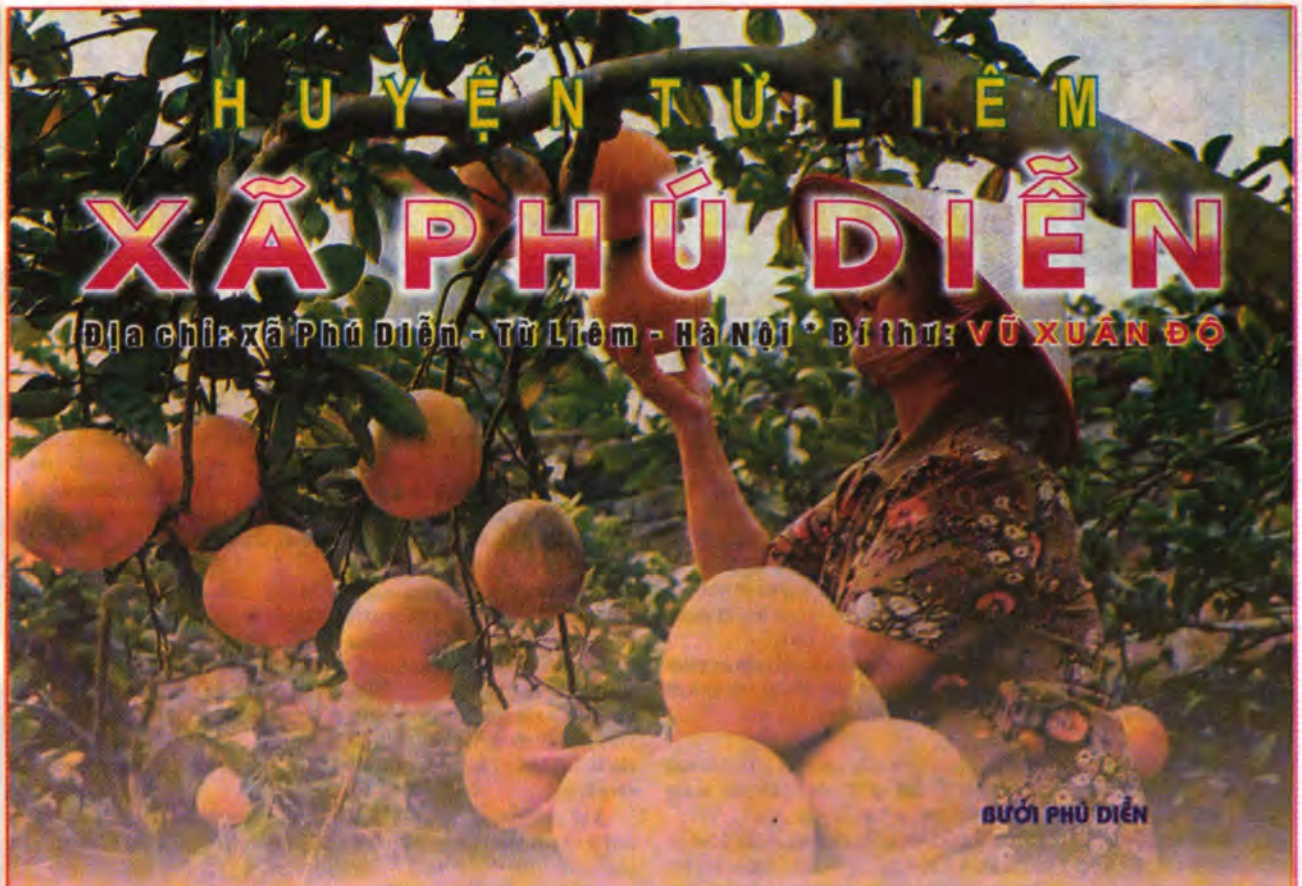

BƯỞI PHÚ DIỄN

Triển khai thực hiện 3 đề án lớn của Thành ủy là: "Tập trung cải cách hành chính"; "Hiệu quả kinh tế"; "Cải thiện môi trường xã hội". Với tinh thần phấn đấu nỗ lực của toàn thể cán bộ và nhân dân trong xã đã phát huy sức mạnh, khắc phục khó khăn trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế xã hội và nhiệm vụ an ninh - quốc phòng được giữ vững, các hoạt động văn hóa - thể thao diễn ra sôi nổi, công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, kỷ cương văn minh đô thị được bảo đảm.

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

1. Sản xuất nông nghiệp:

✷ Năm 2004 tổng diện tích đất canh tác: 193 héc ta. Trong đó, Diện tích lúa: 110 héc ta, diện tích rau: 21 héc ta; diện tích cây ăn quả: 53 héc ta. (Diện tích trồng cây ăn quả, rau, hoa có giá trị thu nhập khá, nhất là Bưởi).

2. Chăn nuôi: Sau dịch cúm gia cầm, hiện nay đàn gia cầm trong xã đã được dần khôi phục lại, với số hiện có: 3.153 con; đàn lợn: 1 .456 con; đàn bò: 34 con...

3. Về phát triển ngành nghề:

✷ Hiện nay có 125 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng 23 hộ so với năm trước.

✷ Số hộ kinh doanh dịch vụ thương mại có 574 hộ, tăng 109 hộ so với năm trước. Bên cạnh đó nhiều lao động đã chuyển sang nghề xây dựng, làm việc các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân nên đời sống nhân dân ổn định.

Về tổng số thu ngân sách: 2.315.168.772 đồng.

Về quản lý đất và trật tự xây dựng: Xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện đã ra quyết định cấp và chuyển về xã 169 giấy chứng nhận, đưa tổng số giấy chứng nhận toàn xã lên 1.281 giấy.

II. CÔNG TÁC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

✷ Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, phong phú chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị xã hội.

✷ Công tác giáo dục và đào tạo được giữ vững, chất lượng giảng dạy của giáo viên được nâng cao.

✷ Công tác y tế: thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện các chương trình y tế cộng đồng, trong năm qua đã tổ chức khám và chữa bệnh cho 1.264 người. Đã tổ chức cho 587 cháu trong độ tuổi uống Vitamin A và uống dự phòng trẻ suy dinh dưỡng.

✷ Hoạt động văn hóa thể thao: thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh.

✷ Thực hiện các chính sách xã hội: UBND đã quan tâm và thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước với từng đối tượng chính sách, hàng tháng chi trả trợ cấp cho các gia đình chính sách và những người hưởng trợ cấp xã hội đầy đủ.

✷ Thực hiện nghĩa vụ lao động công ích, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch Huyện giao.

✷ Công tác lao động thương binh xã hội, được Huyện công nhận là xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

✷ Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đội ngũ cán bộ đảng viên luôn giữ vững được lập trường quan điểm của Đảng, trung thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

✷ Công tác kiểm tra và hoạt động của UBKT các cấp của Đảng có nhiều cố gắng. Những vụ việc vi phạm đều được xem xét đúng quy trình, đúng người tạo được niềm tin trong nhân dân, góp phần giữ vững ổn định tình hình ở xã

Digitized by Google

HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Bí thư Huyện ủy
LỤC ĐĂNG KHOA

Địa chỉ: thị trấn Thường Xuân - H.Thường Xuân - T.Thanh Hóa * ĐT: 037 873 001 * Fax: 037 873 064

Thường Xuân là một huyện miền núi phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, có diện tích tự nhiên 110 505,86 héc ta, lớn nhất trong tỉnh, cách thành phố Thanh Hóa 58km, phía Bắc giáp huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh, phía Đông giáp huyện Thọ Xuân, phía Nam giáp huyện Như Xuân và tỉnh Nghệ An, phía Tây giáp huyện Sầm Tơ (nước CHDCND Lào). Dân số toàn huyện 86 209 người, gồm 3 dân tộc chủ yếu Thái, Kinh, Mường. Cơ cấu kinh tế chính là Lâm - Nông - TTCN và DV. Là địa phương có công trình thủy lợi - thủy điện lớn Cửa Đạt của quốc gia đang khởi công xây dựng, đường Hồ Chí Minh đi qua. Cửa khẩu thông sang nước bạn Lào. khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên và hệ thống Sông Chu, là nơi còn nhiều dấu tích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, quê hương của sĩ phu yêu nước Cầm Bá Thước và địa danh lịch sử của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như đập Bái Thượng, cầu Bến Nhà và Kho E.

Năm 2004, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với sự cố gắng của cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể nhân dân các dân tộc huyện nhà, sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh, các chỉ tiêu cơ bản năm 2004 đều đạt và vượt kế hoạch.

1. VỀ KINH TẾ:

Tổng sản phẩm tăng 8,45%, là năm có mức tăng trưởng cao nhất; giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt trên 70 tỉ đồng, tăng 10,38%; TTCN và DV tăng 37,5%; đầu tư xây dựng cơ bản tăng 117,2% và thu ngân sách vượt kế hoạch tỉnh giao 129,8%.

- Trồng rừng tập trung 1.299,3 héc ta, trồng cây ăn quả theo dự án 501,8 héc ta, trồng phân tán 650.000 cây các loại, khoanh nuôi bảo vệ 53.707,6 héc ta và cung ứng 40.000 cây giống các loại. Tăng diện tích trồng luồng cho nhà máy ván ép luồng.

- Tổng sản lượng lương thực cả năm 22.865 tấn. Là địa phương nằm trong vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến: Mía 2.200 héc ta, Sắn 1.500 héc ta.

- Với diện tích tự nhiên rộng, chăn nuôi được xác định là một ngành còn nhiều thế mạnh, huyện đã đưa vào nuôi lợn hướng nạc, ong mật, dê... có giá trị kinh tế cao.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện: Các hồ đập, kênh mương được xây dựng kiên cố; Hệ thống đường, trường, trạm đang tiếp tục đầu tư xây dựng thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trong tương lai gần sẽ khai thác tiềm năng du lịch sinh thái gắn với du lịch lịch sử tại công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt vào khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên. Nhiều hoạt động dịch vụ và sản xuất hàng thủ công mây tre, đan lát, thêu thùa thổ cẩm được đầu tư phát triển. Hình thành các vùng nguyên liệu chuyên canh cho các nhà máy chế biến trong tỉnh như mía, giấy, ván ép, sắn.

2. VỀ VĂN HÓA - GIÁO DỤC - Y TẾ:

Năm 2004, khai trương xây dựng được 28 làng văn hóa, nâng tổng số làng khai trương lên 72 làng và 100% số xã có làng văn hóa được khai trương xây dựng; có 9 120 gia đình đạt tiêu chuẩn "gia đình văn hóa" chiếm 70,8%. Về giáo dục có 8 trường đạt danh hiệu tiên tiến cấp tỉnh, 20 trường tiên tiến cấp huyện, 45 chiến sỹ thi đua, 475 lao động giỏi, 112 giáo viên giỏi cấp tỉnh và huyện, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt cao (tiểu học 100%, THCS 96,39%, THPT 96,3%, BTTH 98,8%); đầu tư xây dựng 159 phòng học kiên cố trị giá 18 858 triệu đồng. Đã khám phá chữa bệnh cho 46 790, điều trị nội trú cho 4 230 lượt người; thực hiện tốt các chương trình y tế cộng đồng.

3. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH: Giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, nhất là an ninh biên giới, an ninh nội địa, bảo vệ thành công cuộc bầu cử HĐND các cấp.

4.VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

Đã triển khai quán triệt thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân đầy đủ, kịp thời; đổi mới phương thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và các đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị; lãnh đạo thành công cuộc bầu cử HĐND các cấp, bầu cử chức danh chủ chốt đầy đủ, đúng luật định.

NĂM 2005, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN NHÀ TÍCH CỰC PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN ĐẠT MỘT SỐ CHỈ TIÊU:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 9-10%.
* Giá trị sản xuất: lâm - nông tăng 6%; công nghiệp - XDCB tăng 13%; dịch vụ tăng 12%.
* GDP bình quân: 300USD/người.
*Tổng sản lượng lương thực: 22 960 tấn.
* Phấn đấu 90% số xã trở lên đạt phổ cập THCS.
* Khai trương 25 làng văn hóa.
* Đào tạo nghề cho 35% số người đến tuổi lao động.
* Thực hiện tốt các chính sách xã hội.
* 70% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu TSVM.

Trụ sở Huyện ủy

Digitized by Google

Dakai
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN

Sức sống từ thiên nhiên

Hãy để thiên nhiên chăm sóc sức khỏe của bạn!

TỔNG CÔNG TY BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY NƯỚC KHOÁNG DAKAI
187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH · ĐT: 8294083 - 8237921 · FAX: 8296856

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

QUẬN CẦU GIẤY

5 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận Cầu Giấy đã chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ chính trị. Hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu do Đại hội đề ra đều đạt và vượt. Kinh tế phát triển mạnh và liên tục theo đúng cơ cấu; Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; Xây dựng và quản lý đô thị được tập trung chỉ đạo, có nhiều thay đổi về hạ tầng đô thị theo hướng hiện đại văn minh; Chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; Tạo bước phát triển khá toàn diện. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố vững chắc.

1. KINH TẾ PHÁT TRIỂN LIÊN TỤC THEO ĐÚNG CƠ CẤU ĐẠI HỘI ĐỀ RA:

Tốc độ tăng bình quân về kinh tế trong 5 năm là: 34,75%.

* Dịch vụ: Quận đã hình thành cơ bản mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cửa hàng kinh doanh dịch vụ dọc theo các tuyến giao thông. Vì vậy dịch vụ trên địa bàn phát triển mạnh và tương đối bền vững. Tốc độ tăng trưởng hàng năm là 32,8%.

* Sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh được quan tâm về đăng ký kinh doanh, môi trường hoạt động. Tập trung đầu tư khu sản xuất TTCN và CNN của quận. Tăng cường các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn. Sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh trong 5 năm qua tiếp tục tăng trưởng, mở ra hướng phát triển tương đối ổn định. Giá trị sản xuất hàng năm tăng 36,45%. Thu ngân sách tăng gấp 4 lần so với đầu nhiệm kỳ.

* Nông nghiệp: do tốc độ đô thị hóa nhanh nên diện tích đất nông nghiệp đã giảm mạnh từ 394 héc-ta (năm 2000) đến nay chỉ còn 78 héc ta. Số diện tích này nằm trong vùng quy hoạch dự án, quận đã chuyển hoàn toàn từ trồng lúa sang trồng hoa, cây cảnh.

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI CÓ NHIỀU TIẾN BỘ, ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN ĐƯỢC NÂNG LÊN:

* Giáo dục - đào tạo được quan tâm phát triển toàn diện, quy mô đào tạo, chất lượng giáo dục được nâng lên. Quận đã có thêm 7 trường chuẩn quốc gia.

* Công tác văn hóa thông tin - thể dục thể thao được đẩy mạnh, đúng định hướng. Đời sống tinh thần của nhân dân có nhiều tiến bộ. Quận đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao. Quận có quần thể văn hóa thể thao đạt tiêu chuẩn quốc gia. Hầu hết các phường đều có Nhà văn hóa, CLB, sân chơi...

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng, có kết quả. Các phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng quận "Xanh - sạch - đẹp", xây dựng tuyến phố "Văn minh - thương mại", xây dựng chợ "An toàn - văn minh - hiệu quả" được duy trì tốt.

* Công tác lao động - thương binh xã hội và bảo hiểm xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống các tệ nạn XH, trên địa bàn không để hình thành các tụ điểm hức xúc, công khai về ma túy, mại dâm gây nhức nhối trong nhân dân.

3. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ CÓ ĐƯỢC PHÁT TRIỂN MỚI:

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả về công tác quản lý đất đai, chống lấn chiếm đất công và xây dựng nhà trên đất canh tác. Xây dựng mới đi đôi với việc nâng cấp hạ tầng đô thị ở địa bàn dân cư cũ; Kết hợp xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; Tập trung đầu tư phát triển đô thị (thu hút các nguồn vốn để phát triển đô thị, đấu giá quyền sử dụng đất...); Mở rộng, xây mới, nâng cấp nhiều tuyến đường, nút giao thông quan trọng... triển khai có hiệu quả các dự án trên địa bàn.

Tổng số vốn huy động toàn xã hội trong 5 năm qua là 9 724 tỉ đồng tập trung vào các dự án xây dựng khu đô thị mới, đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, văn hóa thể thao...

Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, cụ thể như: Củng cố, kiện toàn lực lượng thanh tra xây dựng; Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục trong nhân dân; Kiểm tra giám sát thường xuyên, kịp thời và kiên quyết xử lý các vi phạm nên về cơ bản công tác quản lý trật tự trong xây dựng có nhiều chuyển biến lích cực, tình trạng lấn chiếm đất công, xây dựng nhà trái phép giảm mạnh; ý thức tuân thủ pháp luật của người dân có nhiều chuyển biến tiến bộ.

4. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

Kết quả nổi bật về công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua là: Cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ nâng cao được nhận thức chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới, thống nhất ý chí và hành động trong tổ chức thực hiện.

Các cấp ủy luôn quan tâm chăm lo công tác xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, có nhiều chuyên đề, nghiên cứu thảo luận nhằm phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội từ quận đến cơ sở có nhiều chuyển biến tốt đi vào chiều sâu, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của quận.

Đường Hoàng Quốc Việt - một trong những tuyến đường được gắn biển "Công trình chào mừng 990 năm Thăng Long - Hà Nội"

Digitized by Google

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.841 323, 841 513 - Fax: 0511. 842 953 * Email: education@dng.vnn.

Hiệu trưởng: PGS. TS **LÊ VĂN SƠN**

Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng là đơn vị thành viên trực thuộc ĐH Đà Nẵng có tổng số 311 CBCNV. Bộ máy tổ chức của trường gồm Ban giám hiệu; 2 phòng chức năng là Phòng hành chính tổng hợp, Phòng đào tạo và công tác sinh viên; 11 khoa đào tạo chuyên ngành; tổ tài vụ; Trường Thực hành Sư Phạm và các trung tâm.

Chức năng, nhiệm vụ và năng lực đào tạo:

**** Chức năng:***

- Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo đại học và sau đại học.

- Giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của ĐH Đà Nẵng;

- Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố miền Trung và cả nước.

**** Năng lực:***

Đào tạo 2 hệ là chính quy tập trung và vừa học vừa làm. Hiện trường đang đào tạo gần 6.000 sinh viên hệ chính quy tập trung và 4000 sinh viên các hệ khác.

+ Hệ chính quy tập trung:

- Đào tạo bậc sau đại học với 5 chuyên ngành: Phương pháp toán sơ cấp; Hoá học hữu cơ; Sinh thái học; Văn học Việt Nam và quản lý giáo dục.

- Đào tạo bậc đại học có 25 chuyên ngành gồm: 13 chuyên ngành cử nhân; 8 chuyên ngành cử nhân khoa học; Đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh và người nước ngoài.

+ Hệ vừa học vừa làm:

- Trường tổ chức liên kết với các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường cao đẳng trong cả nước bồi dưỡng, nâng chuẩn giáo viên các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông. Đào tạo các ngành cử nhân khoa học, trung cấp tin học...

- Đào tạo và cấp chứng chỉ sư phạm cho các sinh viên tốt nghiệp cử nhân khoa học có nguyện vọng làm giáo viên và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc 1, bậc 2 cho giáo viên các trường trung học chuyên nghiệp.

Về cơ sở vật chất:

- Trường có 1 cơ sở khang trang, hiện đại đã và đang phục vụ có hiệu quả công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống các phòng học đầy đủ tiện nghi với tổng diện tích trên 10.000m², 3 phòng Mu-ti-me-đi-a với 300 máy vi tính nối mạng In-tơ-nét, 1 phòng In-tơ-nét, 1 phòng sản xuất giáo trình điện tử và các phòng thí nghiệm với nhiều thiết bị hiện đại, 1 hội trường lớn hơn 600 chỗ, 1 thư viện tổng hợp với hàng vạn sách, báo, tạp chí. Tất cả các đơn vị thuộc nhà trường đều được nối mạng cáp quang nội bộ với Đại học Đà Nẵng và các trường thành viên khác. Đặc biệt, trong khuôn viên nhà trường có thể kết nối In-tơ-nét bằng vô tuyến.

- Ký túc xá sinh viên với 150 phòng khang trang, tiện nghi, 1 câu lạc bộ sinh viên 2 tầng phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho trên 1.000 sinh viên.

Về quan hệ hợp tác:

- Trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với hầu hết các viện khoa học, các trường sư phạm, các trường đại học, các sở giáo dục và đào tạo trong cả nước. Nhà trường còn có quan hệ hợp tác với các trường, các học viện thuộc các nước Đông Âu, Cộng hoà Liên bang Nga và các nước khác như: Pháp, Bỉ, Mỹ, Anh...

- Nhà trường thường xuyên cử cán bộ, công chức và sinh viên đi đào tạo, thực tập, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài.

- Hiện nay có hàng trăm sinh viên các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... đang học tập cao học, đại học tại trường.

Về công tác đảng:

- Từ năm 2000 đến năm 2004, Đảng Bộ nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2003, nhà trường được Thành uỷ Đà Nẵng khen và tặng cờ Đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Các cá nhân, chi bộ đạt thành tích xuất sắc: chi bộ phòng hành chính tổng hợp, phòng đào tạo và công tác chính trị; các khoa: Ngữ văn, Sinh môi trường, Hoá.

Gần 30 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2002, nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục - Đào tạo và của UBND thành phố Đà Nẵng.

Digitized by Google

5730

Nhà sản xuất vật liệu xây dựng đa ngành hàng đầu Việt Nam

VIGLACERA

VIGLACERA

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

3 9015 06205 3544

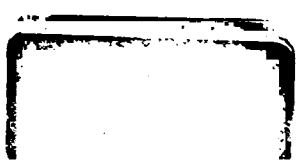

Digitized by Google